LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 176

VÔ MÔN QUAN

SỐ 2005

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2005

TỰA CỦA VÔ MÔN

Phật dạy tâm là gốc, không cửa là cửa pháp. Đã không cửa, làm sao qua? Há chẳng nghe: Từ cửa mà vào thì không là đồ gia bảo, nhờ duyên tạo được tất phải có trước sau, có thành hoại. Nói như vậy, thiệt chẳng khác chi không gió mà dậy sóng, thịt da đang lành đem ra mổ mụt. Huống chi chấp vào văn tự để mong tìm lý giải, quơ đùi đập trăng, gãi ngứa ngoài giày, ăn nhằm chi đâu?

Vào mùa hạ năm Mậu Tý niên hiệu Thiệu Định, Huệ khai tôi thủ chúng tại chùa Long Tường, huyện Đông Gia, nhân tăng chúng tham hỏi, bèn mượn công án của người xưa, làm viên ngói gõ cửa, tuỳ căn cơ dẫn dắt người học mà sao lục, tự nhiên thành tập. Ban đầu chưa có bố cục trước sau, cộng chung được 48 bài, gọi là Vô Môn Quan.

Nếu kẻ gan dạ, không màng nguy vong, một đao vô thẳng thì Na Tra tám tay giữ lại không nổi, dù cho hai mươi tám vị Tổ Tây Thiên, sáu vị Tổ Đông độ cũng chỉ đứng xa nhìn xin tha mạng. Còn cứ chần chờ, khác chi đứng trong nhà nhìn ngựa chạy qua song cửa, vừa chớp mắt, việc đã vù qua.

Đạo lớn không cửa,
Ngàn sai có lối.
Thấu được cửa này,
Đất trời độc bộ.

BÀI THỨ NHẤT
CON CHÓ CỦA TRIỆU CHÂU

**** Công án:***

Một ông Tăng hỏi Hòa thượng Triệu Châu:

- Con chó có Phật tính không?

Sư đáp:

- Không.

**** Lời bàn:***

Tham Thiền phải qua lọt cửa Tổ, diệu ngộ phải dứt tuyệt đường tâm. Cửa Tổ không lọt, đường tâm không dứt thì cũng như bóng ma nương nhờ cây cỏ.

Thử hỏi cửa Tổ là gì? Chỉ một chữ "không" chính là cửa ấy, nên gọi là "Vô Môn Quan của Thiền tông" vậy. Qua được cửa ấy, chẳng những thấy được Triệu Châu mà còn cùng các Tổ xưa, nắm tay chung bước, giao kết thâm sâu, cùng một mắt mà thấy, một tai mà nghe. Há chẳng thú sao? Há chẳng ai muốn qua cửa ấy sao?

Hãy tận dụng ba trăm sáu mươi xương cốt, tám vạn bốn ngàn lỗ chân lông, vận dụng cả thân tâm khởi thành một mối nghi, tham thẳng chữ Không, ngày đêm nghiền ngẫm. Chớ nên cho Không là Không theo nghĩa trống rỗng, chớ nên cho Không là Không theo nghĩa có, không. Như nuốt hòn sắt nóng, nhả ra không được. Bỏ hết cái biết tệ hại trước kia, lâu ngày thành thuần thục, tự nhiên trong ngoài thành một khối. Như kẻ câm nằm mộng chỉ mình mình hay.

Bỗng nhiên bộc phát, trời kinh đất chuyển, như đoạt được vào tay thanh đại đao của Quan vũ, gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ, dửng dưng với bờ sinh tử, rong chơi chốn lục đạo, tứ sinh.

Vậy thử hỏi làm sao nghiền ngẫm? Hãy dùng hết sức lực mà nêu chữ Không ấy. Nếu chẳng gián đoạn, khác nào ngọn đuốc Pháp, mới châm nhẹ đã cháy bừng.

**** Kệ tụng:***

Chó cùng Phật tính,
Nêu toàn chỉ thẳng.
Vừa nói có, không,
Bỏ thân mất mạng.

BÀI THỨ HAI
CON CHỒN HOANG CỦA BÁCH TRƯỢNG.

**** Công án:***

Mỗi khi Hòa thượng Bách Trượng giảng pháp, thường có một lão già theo tăng chúng vào nghe. Một hôm Thiền Sư Bách Trượng thuyết pháp xong, đại chúng đều trở về, chỉ có moat ông già còn ở lại.

Sư hỏi:

Ông là ai?

Ông già đáp: Thưa, con không phải là người. Xưa, thời Phật Ca-diếp, con tu hành ở núi Bách Trượng này, nhân có vị tăng hỏi: “Bậc đại tu hành có rơi vào nhân quả không?”. Con đáp: “Không”. Do lời nói mà con bị đọa làm thân chồn năm trăm đời. Nay xin Hòa thượng nói cho một chuyển ngữ để con thoát khỏi thân chồn.

Ông già thưa: Bậc đại tu hành còn rơi vào nhân quả không?

Sư đáp: Không lầm nhân quả.

Ngay lời nói này ông già đại ngộ, sụp lạy nói:

- Con đã thoát thân chồn nay xác còn ở sau núi, dám xin Hòa thượng xếp đặt cho theo nghi lễ tăng của vị qua đời.

Sư bảo thầy duy-na bạch chùy bảo tăng chúng ăn xong sẽ làm lễ táng tăng.

Tăng chúng đều bàn:

- Mọi người đều an lành. Niết-bàn đường không có ai đau ốm, sao lại có chuyện như vậy?

Dùng ngọ xong, chỉ thấy Sư dẫn tăng chúng đến sau hốc núi, dùng trượng khều ra xác một con chồn hoang rồi đem hỏa táng.

Tối đến Sư thượng đường, kể chuyện lại cho mọi người nghe, Hoàng Bá mới hỏi:

- Người xưa vì đáp sai một chuyển ngữ mà bị đọa làm thân chồn hoang năm trăm kiếp. Giả như câu nào cũng đáp đúng thì sao?

Sư nói: Lại gần đây ta nói cho nghe.

Hoàng Bá lại gần, tát Sư một chưởng. Sư vỗ tay cười nói:

- Tưởng chỉ có ông (chà và râu đỏ, nào hay lại có ông Ấn Độ đỏ râu) vỏ quýt dày gặp móng tay nhọn.

**** Lời bàn:***

Chẳng rơi vào nhân quả, sao lại đọa kiếp chồn hoang? Chẳng lầm nhân quả, sao lại thoát kiếp chồn hoang? Nếu ngó thấy chỗ đó thì hiểu được Bách Trượng xưa, lợi được năm trăm kiếp phong lưu.

**** Kệ tụng:***

Không rời không lầm,
Hai tài ngang nhau
Không lầm không rơi
Ngàn lầm muôn lầm

BÀI THỨ BA
NGÓN TAY CỦA CÂU CHI

**** Công án:***

Hòa thượng Câu Chi hễ có ai tham hỏi, chỉ giơ một ngón tay lên. Có chú tiểu, hễ ai hỏi Sư dạy pháp yếu nào, cũng giơ ngón tay lên. Sư nghe được bèn lấy dao chặt đứt ngón tay chú tiểu. Chú đau đớn la khóc mà chạy. Sư bèn gọi lại, chú vừa quay đầu thì Sư lại giơ ngón tay lên. Chú tiểu bỗng lĩnh ngộ.

Khi sắp tịch, Sư nói với tăng chúng rằng:

–Ta thụ được của Thiên Long chỉ một ngón tay thiền mà cả đời dùng không hết.

Nói xong Sư tịch.

**** Lời bàn:***

Chỗ ngộ của Câu Chi cũng như của chú tiểu không phải ở ngón tay. Nếu thấy được chỗ đó, thì xâu được Thiên Long. Câu Chi, chú tiểu và cả mình nữa vào chung một mối.

**** Kệ tụng:***

Câu Chi dìm mất lão Thiên Long,
Dao bén giơ riêng chặt tiểu đồng.
Thần cự vẫy tay bao mấy sức,
Hoa sơn tan vỡ dẫu trùng trùng.

BÀI THỨ BỐN
TÊN HỒ KHÔNG RÂU

****Công án:***

Ngài Hoặc Am nói: Sao tên Hồ ở Tây Thiên không có râu?

**** Lời bàn:***

Tham thì phải thực tham, ngộ thì phải thực ngộ. Tên Hồ kia, phải tận mắt trông thấy một lần mới được. Nhưng hễ nói thấy tận mắt thì đã có hai đứa rồi.

**** Kệ tụng:***

Trước kẻ còn mơ,
Chẳng nên nói mộng.
Rợ Hồ không râu,
Rõ lại thêm mù.

BÀI THỨ NĂM
HƯƠNG NGHIÊM LEO CÂY

**** Công án:***

Hòa thượng Hương Nghiêm nói: Như người trên cây, miệng cắn vào cành, tay chân lơ lửng. Dưới cây có người hỏi ý Tây lai, không đáp thì phụ câu hỏi, còn đáp lại thì bỏ thân mất mạng. Vậy phải đối đãi làm sao?

**** Lời bàn:***

Dầu có lời biện luận khúc chiết đều không dùng được. Giảng được một tạng Kinh lớn cũng vô ích. Nếu đáp được chỗ ấy thì khơi dậy được con đường chết trước kia, diệt được con dường sống trước kia. Còn nếu chưa đáp được thì chờ sau này hỏi Di-lặc.

**** Kệ tụng:***

Hương Nghiêm thực ngoa ngụy,
Ác độc quả thâm thúy.
Chận nghẹn họng thầy tu,
Cùng mình ló mắt quỷ.

BÀI THỨ SÁU
PHẬT CẦM HOA

**** Công án:***

Thế Tôn xưa tại pháp hội núi Linh Sơn cầm cành hoa giơ lên trước chúng. Bấy giờ mọi người đều làm thinh, chỉ có ngài Ca-diếp mỉm cười. Phật dạy:

- Ta có nhãn tạng chánh pháp, diệu tâm Niết-bàn, tướng thực không tướng, pháp môn vi diệu, chẳng lập thành văn tự, truyền riêng ngoài giáo, nay trao ông Ma-ha Ca-diếp.

**** Lời bàn:***

Lão Cồ-đàm mặt vàng không coi ai ra chi, ép tốt thành xấu, treo đầu heo bán thịt chó, coi bộ cũng tài đó! Giả như bấy giờ cả đám đều cười cả thì nhãn tạng chính pháp làm sao truyền? Lại giả như Ca- diếp không cười thì nhãn tạng chính pháp làm sao truyền được? Nếu nói nhãn tạng chính pháp có truyền thụ, thì lão Mặt Vàng đã lừa gạt bà con lối xóm; còn nếu bảo không truyền thọ, sao lại chỉ truyền cho Ca-diếp?

**** Kệ tụng:***

Hoa vừa đưa lên,
Đuôi kia đã ló.
Ca-diếp mỉm cười,
Trời, người ngơ ngáo.

BÀI THỨ BẢY
TRIỆU CHÂU RỬA BÁT

**** Công án:***

Một ông Tăng hỏi ngài Triệu Châu:

- Tôi mới vào chùa, xin Ngài chỉ dạy.

Sư hỏi: Ăn cháo chưa?

Ông đáp: Ăn cháo rồi.

Sư nói: Rửa bát đi.

Ông Tăng liền ngộ.

****Lời bàn:***

Triệu Châu mở miệng là bày cả ruột gan. Ông Tăng nghe không hiểu, gọi chuông là lu.

**** Kệ tụng:***

Tưởng đã rõ làu làu,
Đâu ngờ thêm chậm chạp.
Sớm biết đèn là lửa,
Cơm chín đã từ lâu

BÀI THỨ TÁM
HỀ TRỌNG CHẾ XE

**** Công án:***

Hòa thượng Nguyệt Am hỏi một ông Tăng:

- Hề Trọng chế bánh xe trăm cây căm. Nắm hai đầu, bỏ trục đi, thế nghĩa là sao?

**** Lời bàn:***

Nếu hiểu rõ được liền, mắt tựa sao băng, cơ như ánh chớp.

**** Kệ tụng:***

Chỗ bánh xe chuyển,
Kẻ ngộ còn mê.
Bốn bề trên dưới,
Nam bắc đông tây.

BÀI THỨ CHÍN
PHẬT ĐẠI THÔNG TRÍ THẮNG

**** Công án:***

Một ông Tăng hỏi Hòa thượng Hưng Dương Nhượng:

- Phật Đại Thông Trí Thắng ngồi tu mười kiếp ở đạo trường, Phật pháp không hiển hiện, không thành được Phật đạo, thế nghĩa là sao?

Sư nói: Hỏi thật hay!

Ông Tăng nói: Đã ngồi tu ở đạo trường, sao lại không thành được Phật đạo?

Sư đáp: Vì ông ấy không thành Phật.

**** Lời bàn:***

Chỉ cho lão Hồ biết, không cho lão Hồ hiểu. Kẻ phàm phu mà biết thì đó là thánh nhân, thánh nhân mà hiểu, đó là phàm phu vậy.

**** Kệ tụng:***

Rõ thân há đọ tâm trong sáng,
Sáng được tâm chừ, thân chẳng sầu.
Ví cả thân tâm đều tỏ sạch,
Thần tiên nào phải đợi phong hầu.

BÀI THỨ MƯỜI
THANH THOÁT NGHÈO KHỔ

**** Công án:***

Một ông Tăng hỏi Hòa thượng Tào Sơn:

-Thanh Thoát này nghèo khổ, xin Ngài cứu giúp.

Sư nói: Thầy Thoát!

Ông Tăng đáp: Dạ.

Sư nói:

- Rượu Thanh Nguyên vốn sẵn của nhà, đã uống xong ba chén sao còn bảo chưa ướt môi?

**** Lời bàn:***

Thanh Thoát trình cơ như vậy là ý làm sao? Tào Sơn lanh mắt, hiểu rõ ngay ý tứ. Tuy vậy, xem vào đâu mà bảo thầy Thanh Thoát uống rượu?

****Kệ tụng:***

Nghèo tợ Phạm Nhiễm,
Oai như Hạng Võ.
Nghề nghiệp trống trơn,
Dám so phú hộ.

BÀI THỨ MƯỜI MỘT
TRIỆU CHÂU KHÁM CHỦ AM

**** Công án:***

Ngài Triệu Châu ghé thăm một chủ am, hỏi:

- Có chăng? Có chăng?

Chủ am giơ nắm tay lên. Sư nói:
- Nước cạn không phải chỗ đậu thuyền.
Bèn bỏ đi.
Lại ghé một am khác, hỏi:
- Có chăng? Có chăng?
Chủ am cũng giơ nắm tay lên. Sư nói:
- Buông được, bắt được, giết được, cứu đuợc.
Bèn bái lễ.

Lời bàn:

Cả hai đều đưa nắm tay lên, sao lại chịu một chê một? Thử hỏi ngoa ngạnh ở đâu? Nếu hạ được chỗ này một câu chuyển ngữ thì thấy ngay Triệu Châu, lưỡi không xương, khen chê mặc sức. Tuy nhiên, ngặt nỗi Triệu Châu lại bị hai ông chủ am khám phá. Nếu bảo hai ông chủ am có hơn có kém thì tỏ ra không có mắt tham học, còn nếu bảo không hơn không kém thì cũng không có mắt tham học.

Kệ tụng:

Mắt sao băng,
Cơ ánh chớp.
Đao giết người,
Kiếm cứu người.

BÀI THỨ MƯỜI HAI
THOẠI NHAM GỌI ÔNG CHỦ

**** Công án:***

Hòa thượng Thoại Nham Ngạn hàng ngày tự kêu: Ông chủ!
Rồi tự đáp: Dạ.
Lại nói: Tỉnh táo nhé!
- Dạ.
- Mai kia mốt nọ đừng để người gạt nhé!
- Dạ, dạ.

**** Lời bàn:***

Lão Thoại Nham tự bán tự mua, bịa ra lắm đầu thần mặt quỷ. Cớ sao vậy? Một lão kêu, một lão dạ, một lão tỉnh táo, một lão không bị người gạt, ngó kỹ té ra vẫn không lão nào là thật lão. Nếu bắt chước lão, thì đó cũng là kiến giải của chồn rừng.

**** Kệ tụng:***

Lẽ thực người tu chẳng biết soi,
Bởi gìn thần Thức đã bao đời.

Từ muôn kiếp sống gốc sanh tử,
Mê muội xưng danh ấy vốn người.

BÀI THỨ MƯỜI BA
ĐỨC SƠN BƯNG BÁT

**** Công án:***

Một hôm ngài Đức Sơn bưng bát ra khỏi thiền đường. Tuyết Phong hỏi:

- Cái lão già, chuông chưa gióng, trống chưa điểm mà bưng bát đi đâu?

Sư liền lui về phương trượng.

Tuyết Phong kể chuyện lại cho Nham Đầu. Nham Đầu nói:

- Đường đường là Hòa thượng Đức Sơn mà chưa hiểu câu nói tối hậu.

Sư nghe được, sai thị giả gọi Nham Đầu vô hỏi:

- Ông chê lão tăng à?

Nham Đầu nói nhỏ ý mình. Sư bèn thôi.

Hôm sau Sư thăng đường, quả nhiên khác vẻ thường. Nham Đầu ra trước chúng, vỗ tay cười lớn nói:

- Cũng may lão già biết câu tối hậu. Mai mốt thiên hạ chẳng ai làm gì nổi lão.

**** Lời bàn:***

Nếu là câu tối hậu, cả Nham Đầu và Đức Sơn trong mộng cũng còn chưa thấy được. Xét kỹ lại, chẳng khác chi một rạp hát tuồng múa rối.

****Kệ tụng:***

Biết được câu khởi đầu,
Hiểu liền câu rốt chót.
Rốt chót với đầu câu,
Phải đâu là câu ấy.

BÀI THỨ MƯỜI BỐN
NAM TUYỀN CHÉM MÈO

**** Công án:***

Tăng chúng hai chái đông tây tranh nhau con mèo.

Hòa thượng Nam Tuyền giơ con mèo lên mà nói:

- Các ông nói được thì tha, không nói được thì chém.

Chẳng ai biết nói sao. Sư bèn chém con mèo.

Đến tối Triệu Châu về, Sư kể chuyện lại cho nghe. Triệu Châu bèn cởi dép, để lên đầu mà đi ra.

Sư nói:

- Nếu lúc ấy có ông thì cứu được con mèo rồi!

Lời bàn:

Thử hỏi Triệu Châu đội dép cỏ như vậy, ý thế nào? Nếu ở đây mà hạ được một câu chuyển ngữ, thì Nam Tuyền hành lệnh không uổng. Còn nếu chưa, hừ!

*** Kệ tụng:***

Ví có Triệu Châu,
Lệnh kia làm ngược.
Đoạt mất con dao,
Nam Tuyền xin mạng.

BÀI THỨ MƯỜI LĂM
BA HÈO CỦA ĐỘNG SƠN

*** Công án:***

Ngài Vân Môn nhân Động Sơn đến tham học.

Sư hỏi: Mới từ đâu đến?

Động Sơn đáp: Tra Độ.

Sư lại hỏi: Hạ an cư ở đâu?

Động Sơn đáp: Chùa Báo Từ ở Hồ Nam.

Sư hỏi tiếp: Rời chùa hôm nào?

Động Sơn đáp: Hai mươi lăm tháng tám.

Sư nói: Tha cho ông ba hèo.

Sáng hôm sao Động Sơn lại lên tham hỏi: Hôm qua đội ơn ngài tha ba hèo, không biết lỗi tôi ở đâu?

Sư nói: Cái túi cơm, cứ thế mà đi Giang Tây, Hồ Nam.

Động Sơn nhân đó bèn ngộ.

*** Lời bàn:***

Vân Môn bấy giờ giở ngón sở trường, khiến Động Sơn mở riêng một con đường sống, tông môn không đến nỗi đìu hiu. Qua một đêm hụp lặn trong biển thị phi, hôm sau trở lại được hóa giải, Động Sơn bèn ngộ, thế cũng chưa mau lẹ chi. Xin hỏi các người, ba hèo của Động Sơn đáng chịu hay không đáng chịu? Nếu bảo là đáng, thì cây cỏ cũng đều đáng chịu? Còn nếu bảo là không, thì té ra Vân Môn chỉ bịa xạo. Hiểu được chỗ này thì có thể hả giận giùm cho Động Sơn được tí.

*** Kệ tụng:***

Sư tử răn con thiệt lạ mầu,
Toan chồm ra trước lại quay sau.
Bỗng dưng lại gõ đầu hai cái,
Trước còn nương nhẹ, cái sau đau.

BÀI THỨ MƯỜI SÁU
NGHE CHUÔNG MẶC ÁO

**** Công án:***

Ngài Vân Môn nói:

- Thế giới rộng lớn như vậy, sao nghe chuông lại mặc áo thất điều?

**** Lời bàn:***

Tham Thiền học đạo, kỵ nhất là việc đuổi theo âm thanh sắc tướng. Dù cho nghe âm thanh mà ngộ đạo, thấy sắc mà sáng tâm, cũng là chuyện thường. Phải biết rằng người tu vốn phải cỡi tiếng, đạp sắc, đâu đâu cũng rõ, chi chi cũng hay. Tuy như thế, thử hỏi tiếng đến bên tai, tai qua bên tiếng, đạt đến chỗ cả không tiếng lẫn có tiếng đều quên thì thế nào? Chỗ này nếu lấy tai mà nghe ắt khó được, còn lấy mắt mà nghe thì mới được.

**** Kệ tụng:***

Hiểu thì vốn chuyện một nhà,
Không hiểu ngàn sai vạn khác.
Không hiểu, vẫn chuyện một nhà,
Hiểu, lại ngàn sai vạn khác.

BÀI THỨ MƯỜI BẢY
QUỐC SƯ GỌI BA LẦN

**** Công án:***

Quốc sư ba lần gọi thị giả, thị giả dạ ba lần.

Sư nói: Tưởng đâu ta phụ ngươi, té ra ngươi phụ ta.

**** Lời bàn:***

Quốc Sư ba lần gọi, lưỡi rụng xuống đất. Thị giả ba lần dạ, tùy duyên tùy thuận. Quốc Sư già nua lẩm cẩm, đè đầu trâu bắt ăn cỏ. Thị giả không chịu. Của ngon không đáng cho người no ăn, thử hỏi thị giả phụ lòng Quốc Sư ở đâu? Nước Yên thì tài tử quý, nhà giàu thì trẻ con nhỏng nhẻo.

**** kệ tụng:***

Gông cùm không lỗ bắt mang vào,

Lụy đến cháu con chuyện dễ sao?
Hễ muốn cửa nhà nguyên nếp cũ,
Chân trần phải cố đạp non đao.

BÀI THỨ MƯỜI TÁM
BA CÂN MÈ CỦA ĐỘNG SƠN

**** Công án:***

Một ông Tăng hỏi Hòa thượng Động Sơn: Phật là gì?

Sư đáp: Ba cân mè.

Lão Động Sơn tham được đôi chút Thiền sò trai, vừa mở miệng là để lộ cả gan ruột. Tuy như vậy, thử hỏi thấy Động Sơn ở đâu?

**** Kệ tụng:***

Chợt đưa mè ba cân,
Lời gần, ý càng gần.
Ai người phân phải quấy,
Thị phi ấy kẻ trần.

BÀI THỨ MƯỜI CHÍN
BÌNH THƯỜNG LÀ ĐẠO

**** Công án:***

Triệu Châu hỏi ngài Nam Tuyền: Đạo là gì?

Sư đáp: Tâm bình thường là đạo.

Triệu Châu lại hỏi: Đến đó được không?

Sư nói: Nghĩ đến đã sai.

Triệu Châu tiếp: Không nghĩ đến, làm sao biết đó là đạo?

Sư nói: Đạo không thuộc chuyện biết hay không biết. Biết là biết sai, không biết thì có ăn thua gì! Nếu quả đến được đạo, bấy giờ cũng như thái hư, trống không khoảng khoát, há có thể gượng cho là phải trái sao?

Triệu Châu liền ngộ.

**** Lời bàn:***

Nam Tuyền bị Triệu Châu phát hỏi, thiệt là ngói bể băng tan, phân biện không được. Triệu Châu dù cho có ngộ rồi, cũng phải tham thêm ba mươi năm nữa mới được.

**** Kệ tụng:***

Xuân có trăm hoa, thu có trăng,
Hạ có gió lành, đông có tuyết.
Nếu lòng thanh thản không lo nghĩ,
Ấy buổi êm đềm chốn thế gian.

BÀI THỨ HAI MƯƠI
KẺ ĐẠI LỰC SĨ

**** Công án:***

Hòa thượng Tùng Nguyên nói:

- Kẻ đại lực sĩ, sao chất chân không nổi?

Lại nói:

- Nói không do miệng.

**** Lời bàn:***

Tùng Nguyên thiệt là dốc cả ruột gan, chỉ hiềm không ai lãnh thọ. Hễ nghe mà lãnh thọ được ngay thì đáng được đến đây chịu đòn của Vô Môn tôi. Cớ sao vậy? Muốn biết thực vàng, phải dùng lửa để thử .

**** Kệ tụng:***

Giơ chân đá bật miền Hương Thủy,
Cúi xuống nhìn xem trời Tứ Thiền.
Sừng sững một thân không chỗ tựa,
Xin tiếp một câu.

BÀI THỨ HAI MƯƠI MỐT
QUE CỨT CỦA VÂN MÔN

**** Công án:***

Một ông Tăng hỏi ngài Vân Môn: Phật là gì?

Sư đáp: Que cứt khô.

**** Lời bàn:***

Vân Môn có thể nói là nghèo đến không dọn nỗi bữa cơm chay, bận việc đến không có thì giờ thảo thư. Tiện tay vơ lấy que cứt, chống cửa đỡ nhà. Xem đó thì thấy ngay lẽ thịnh suy của Phật pháp.

**** Kệ tụng:***

Ánh chớp lóe,
Lửa đá xẹt.
Vừa nháy mắt,
Đã vút vèo.

BÀI THỨ HAI MƯƠI HAI
CÂY SÁT CAN CỦA CA DIẾP

**** Công án:***

Ngài A-nan hỏi ngài Ca-diếp:

- Ngoài bộ y kim lan ra, Thế Tôn còn truyền chi cho ngài nữa?

Ca-diếp gọi: A-nan!

A-nan: Dạ.

Ca-diếp nói: Hãy xô ngã cây sát can trước cửa.

**** Lời bàn:***

Nếu ở đây mà hạ được một câu chuyển ngữ cho chính xác thì thấy được pháp hội Linh Sơn như đang còn tiếp diễn. Còn nếu như chưa, thì quả là Phật Tỳ-bà-thi đã sớm lo toan, mãi đến giờ vẫn chưa xong.

**** Kệ tụng:***

Chỗ hỏi còn xa, đáp mới gần,
Bao người trố mắt nổi đường gân.
Anh kêu em dạ, tuồng gia giáo,
Há phải âm dương mới có xuân.

BÀI THỨ HAI MƯƠI BA
KHÔNG NGHĨ THIỆN ÁC

**** Công án:***

Lục Tổ bị Thượng tọa Huệ Minh đuổi theo đến núi Đại Dữu Lĩnh, Tổ thấy Huệ Minh đến, liền quẳng y bát trên tảng đá mà nói:

- Áo này vốn để làm tin, há tranh đoạt được ư ? Ông cứ việc lấy đi.

Huệ Minh toan lấy áo lên, thấy nặng trịch như núi, tần ngần run sợ nói:

- Tôi đến cầu Pháp, chẳng phải vì áo. Xin hành giả khai thị cho.

Tổ nói:

- Không nghĩ thiện, không nghĩ ác. Ngay lúc ấy, mặt mũi xưa nay của Thượng tọa Huệ Minh là gì?

Huệ Minh liền ngộ, khắp mình đẫm mồ hôi, khóc lóc sụp lạy nói:

- Ngoài mật ý, mật ngữ đó ra, Ngài còn truyền thọ ý chỉ gì nữa chăng?

Tổ nói:

- Điều tôi nói với ông đây không có chi là mật. Nếu ông tự quay nhìn mặt mũi chính mình, thì bí mật chính là ở phía bên ông.

Huệ Minh thưa:

- Tôi tuy theo chúng học với Ngài Hoàng Mai, thực chưa từng xét kỹ mặt mũi mình. Nay đội ơn hành giả trỏ cho lối vào. Tôi như người uống nước, nóng lạnh tự biết. Giờ đây hành giả Ngài là thầy tôi vậy.

Tổ nói:

- Nếu được như thế, thì tôi cùng ông đều là học trò của Hoàng

Mai. Nên khéo tự giữ gìn.

**** Lời bàn:***

Có thể nói Lục Tổ vì việc nhà, quá gấp. Tâm Lão bà tha thiết, như trái vải đầu mùa, lột vỏ bỏ hột nhét vô miệng cho, chỉ việc nuốt một cái là xong.

**** Kệ tụng:***

Vẽ không ra chừ, tả không được,
Khen chẳng đến chừ, đành phải thôi.
Mặt mũi xưa nay không chỗ dấu,
Dù tan thế giới vẫn không phai.

BÀI THỨ HAI MƯƠI BỐN
LÌA KHỎI NÓI NĂNG

**** Công án:***

Một ông Tăng hỏi ngài Phong Huyệt:

- Nói hay nín đều là việc vặt vãnh, làm sao khỏi vướng mắc?

Sư đáp:

- Giang Nam nhớ mãi ngày xuân ấm,
  Hoa lừng trong chốn chá cô kêu.

**** Lời bàn:***

Thiền cơ của Phong Huyệt như ánh chớp, gặp đường là đi, ngặt lại không phá được khuôn sáo của người xưa. Nếu chỗ này mà thấy cho chính xác thì vạch được lối đi cho mình. Bây giờ thử rời bỏ ngôn ngữ tam muội, hãy đáp một câu xem!

**** Kệ tụng:***

Câu kia còn nguyên vẹn,
Chưa thốt đã trao lời.
Chân đi, mồm lẩm bẩm,
Biết ông kẹt lắm rồi.

BÀI THỨ HAI MƯƠI LĂM
TÒA THỨ BA NÓI PHÁP

**** Công án:***

Hòa thượng Ngưỡng Sơn nằm mơ thấy đến chỗ Phật Di-lặc, ngồi tòa thứ ba. Có một tôn giả bạch chùy thưa:

- Hôm nay đến phiên tòa thứ ba thuyết pháp.

Sư liền đứng dậy bạch chùy nói:

- Pháp Ma-ha-diễn rời bốn câu lý luận dứt hết trăm cách phủ

nhận. Nghe cho kỹ, nghe cho kỹ.

**** Lời bàn:***

Thử hỏi đó là nói pháp hay không nói pháp? Mở miệng là sai, ngậm miệng là mất. Không mở không ngậm, mười vạn tám ngàn.

**** Kệ tụng:***

Ban ngày ban mặt,
Trong mộng nói mơ.
Nghĩ bậy, nghĩ bậy,
Lừa bác gạt cô.

BÀI THỨ HAI MƯƠI SÁU
HAI TĂNG CUỐN RÈM

**** Công án:***

Trước giờ trai, các học tăng đến tham hỏi ngài Đại Pháp Nhãn ở chùa Thanh Lương. Sư giơ tay trỏ bức rèm. Bấy giờ có hai ông Tăng cùng ra cuốn rèm.

Sư nói: Một được, một mất.

**** Lời bàn:***

Thử hỏi ai được ai mất? Nếu thấy được chỗ này thì thấy được chỗ lải nhải của Quốc Sư Thanh Lương. Tuy vậy, kỵ nhất là việc so đo chỗ được mất.

**** Kệ tụng:***

Rèm cuốn trông vời chốn thái không,
Thái không vẫn chửa hợp nguồn tông.
Chi bằng gạt hết từ nơi ấy,
Một mạch liền liền gió chẳng thông.

BÀI THỨ HAI MƯƠI BẢY
KHÔNG PHẢI TÂM KHÔNG PHẢI PHẬT

**** Công án:***

Một ông Tăng hỏi Hòa thượng Nam Tuyền:

- Có pháp nào chưa dạy nữa không?

Sư đáp: Có.

Ông Tăng lại hỏi: Pháp chưa dạy là pháp gì vậy?

Sư nói: Không phải tâm, không phải Phật, không phải vật.

**** Lời bàn:***

Nam Tuyền bị hỏi một câu như thế, phải dốc hết vốn liếng, thiệt là lận đận.

**** Kệ tụng:***

Dặn kỹ làm mất đức,
Không lời mới có công.
Dù cho dâu bể đổi,
Đành quyết chẳng khai thông.

BÀI THỨ HAI MƯƠI TÁM
CÂY ĐUỐC CỦA LONG ĐÀM

**** Công án:***

Ngài Đức Sơn tham hỏi Ngài Long Đàm cho đến tối. Sư nói:

- Đã khuya, sao ông chưa về đi?

Đức Sơn vái chào, vén rèm mà ra, thấy bên ngoài trời tối đen liền quay trở vào thưa:

- Bên ngoài tối quá!

Sư thấp một cây đuốc giấy trao cho. Đức Sơn toan cầm lấy, Sư liền thổi tắt mất. Đức Sơn tỉnh ngộ, sụp lạy.

Sư nói:

- Ông thấy được ý nghĩa chi?

Đức Sơn đáp:

- Tôi từ nay trở đi hết nghi hoặc những lời dạy của chư Hòa thượng trong thiên hạ.

Hôm sau Sư thăng đường nói:

- Trong đây có một kẻ răng như rừng gươm, miệng như chậu máu, bị đánh một hèo mà chẳng quay đầu lại, mai kia mốt nọ leo lên đỉnh cao dựng đạo của ta.

Đức Sơn đem mấy bộ sớ sao đến trước pháp đường, cầm một bó đuốc giơ lên nói:

- “Hết thảy sự biện giải cao thâm chỉ như một sợi lông tơ ở trong hư không cả thảy then chốt trên đời giống như một giọt nước trong biển cả mà thôi”.

Đức Sơn bèn đốt hết các bộ sớ sao, rồi vái lạy mà đi.

**** Lời bàn:***

Đức Sơn trước khi ra cửa, tâm hừng hực, miệng hầm hầm, dong ruổi về Nam, quyết tâm dập tắt yếu chỉ Giáo ngoại biệt truyền. Trên đường đến Lễ Châu, Đức Sơn hỏi một bà lão để mua đồ ăn điểm tâm. Bà lão nói: “Trong xe của Đại đức có chở sách vở gì đó?”. Đức Sơn đáp: “Mấy bộ sớ sao Kinh Kim Cương”. Bà lão nói: “Cứ như trong kinh dạy, tâm quá khứ bắt không được, tâm hiện tại bắt không được, tâm vị

lai bắt không được. Vậy Đại đức điểm tâm là điểm cái tâm nào?". Đức Sơn ngậm miệng như hến nhưng vẫn cố hỏi: "Gần đây có Tông sư nào để đến tham học không?". Bà lão đáp: "Cách đây ngoài năm trăm dặm có Hòa thượng Long Đàm". Đức Sơn bèn tới Long Đàm, giở hết trò bê bối, thiệt là cà kê dê ngỗng. Long Đàm thực như người thương con không sợ dơ xấu, thấy kẻ kia có đôi chút lửa, vội lấy nước dơ dập tắt liền. Bình tĩnh xét lại, thực đáng nực cười.

**** Kệ tụng:***

Nghe tên chẳng được như nhìn mặt,
Nhìn mặt sao bằng nghe được tên.
Dẫu đã khai thông đường mũi nọ,
Ngặt rằng mắt ấy lại đui liền.

BÀI THỨ HAI MƯƠI CHÍN
CHẲNG PHẢI GIÓ, CHẲNG PHẢI PHƯỚN

**** Công án:***

Nhân gió lay phướn, có hai ông Tăng tranh luận.

Một ông nói: Phướn động.

Ông kia nói: Gió động.

Cãi qua cãi lại không ra lẽ. Lục Tổ nói:

- Không phải gió động, không phải phướn động, tâm các ông động đấy.

Hai ông Tăng giật mình run sợ.

**** Lời bàn:***

Không phải gió động, không phải phướn động, không phải tâm động, thấy Tổ sư ở đâu? Nếu thấy chỗ này cho được chính xác, mới biết hai ông Tăng đổi sắt được vàng. Lục Tổ nhịn không được, phải một phen lận đận.

**** Kệ tụng:***

Gió, phướn, tâm động,
Nhận liền một hơi.
Chỉ hay mở miệng,
Nào ngờ lời rơi.

BÀI THỨ BA MƯƠI
TỨC TÂM TỨC PHẬT

**** Công án:***

Ngài Đại Mai hỏi ngài Mã Tổ: Phật là gì?

Sư đáp: Tức tâm tức Phật.

**** Lời bàn:***

Nếu thấy liền được như vậy thì mặc áo Phật, ăn cơm Phật, nói lời Phật, làm việc Phật. Tức là Phật vậy. Tuy như thế, Đại Mai đã khiến bao người nhận lầm phương hướng. Đâu biết rằng nói một chữ Phật, phải ba ngày súc miệng. Nếu là người có trí, nghe nói tức tâm tức Phật thì bịt tai mà chạy.

**** Kệ tụng:***

Sự việc vốn rõ ràng,
Đừng tìm kiếm lang bang.
Còn hỏi han này nọ,
Cầm tang vật kêu oan.

BÀI THỨ BA MƯƠI MỐT
TRIỆU CHÂU KHÁM PHÁ BÀ LÃO

**** Công án:***

Có ông Tăng hỏi một bà lão: Đường nào đi núi Đài Sơn?

Bà lão đáp: Cứ đi thẳng.

Ông Tăng mới bước đi năm ba bước, bà lại nói:

- Đường đường một ông thầy tu, cứ thế mà đi kìa!

Sau có người kể lại cùng ngài Triệu Châu. Sư nói:

- Để ta tới xem bà lão này ra sao cho.

Hôm sau Sư bèn đến, cũng hỏi như vậy, bà lão cũng đáp như vậy.

Sư trở về nói với tăng chúng:

- Bà lão ở Đài Sơn, ta đã khám phá cho các ông rồi đó.

**** Lời bàn:***

Bà lão chỉ biết ngồi trong trướng liệu việc binh, bị giặc đến mà không biết. Còn lão Triệu Châu giỏi việc cướp trại, lại không ra người lớn đàng hoàng. Xét kỹ lại, cả hai đều có lỗi. Thử hỏi đâu là chỗ Triệu Châu khám phá bà lão?

**** Kệ tụng:***

Hỏi đã là một,
Đáp cũng không hai.
Trong cơm có sạn,
Trong bùn có gai.

BÀI THỨ BA MƯƠI HAI
NGOẠI ĐẠO HỎI PHẬT

**** Công án:***

Một Kẻ ngoại đạo bạch Phật:

- Không hỏi lẽ hữu ngôn, không hỏi lẽ vô ngôn.

Phật ngồi tòa.

Kẻ ngoại đạo tán thán:

- Đức Thế Tôn đại từ đại bi, vén lớp mây mờ khiến tôi vào được.

Rồi bái lạy mà đi.

Ngài A-nan bèn bạch Phật:

- Kẻ ngoại đạo chứng được điều gì rồi tán thán mà đi như vậy?

Phật dạy:

- Như ngựa hay trên đời, nhìn bóng roi mà chạy.

**** Lời bàn:***

A-nan là đệ tử của Phật mà kiến giải không bằng kẻ ngoại đạo. Thử hỏi kẻ ngoại đạo cùng đệ tử của Phật khác nhau bao nhiêu?

**** Kệ tụng:***

Đi trên lưỡi gươm trần,
Chạy trên bờ dao sắc.
Khỏi phải bận leo trèo,
Thỏng tay mà ngắm vực.

BÀI THỨ BA MƯƠI BA
CHẲNG TÂM, CHẲNG PHẬT

**** Công án:***

Một ông Tăng hỏi ngài Mã Tổ:

- Phật là gì?

Sư đáp:

- Chẳng tâm, chẳng Phật.

**** Lời bàn:***

Nếu thấy được chỗ đó, việc tham học đã xong.

**** Kệ tụng:***

Gặp người chơi kiếm nên khoe kiếm,
Không gặp người thơ chớ nói thơ.
Mới gặp đôi lời thưa ướm đã,
Chớ trình rốt chuyện lúc ban sơ.

BÀI THỨ BA MƯƠI BỐN
TRÍ CHẲNG PHẢI ĐẠO

**** Công án:***

Ngài Nam Tuyền nói:

- Tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo.

**** Lời bàn:***

Lão Nam Tuyền thiệt là già không biết thẹn. Mới mở miệng hôi, thói nhà đã lộ. Tuy như vậy, kẻ biết ơn cũng ít.

**** Kệ tụng:***

Mây quang, vầng nhật rọi,
Mưa về, đất được tưới.
Dốc lòng nói hết ra,
Chỉ e tin không nổi.

BÀI THỨ BA MƯƠI LĂM
CÔ THANH LÌA HỒN

**** Công án:***

Ngài Ngũ Tổ hỏi một ông Tăng:

- Cô Thanh lìa hồn, cô nào là thật?

**** Lời bàn:***

Nếu chỗ này mà hiểu cho xác thiết thì thấy rằng thoát xác, nhập xác như ra vào quán trọ. Còn như chưa, chớ nên chạy bậy. Một mai đất, nước, lửa, gió phân tán, như cua đinh bị thả nước sôi, chân tay luống cuống. Lúc ấy chớ bảo rằng ta không nói trước.

**** Kệ tụng:***

Mây, trăng không khác,
Khe, núi chẳng đồng.
Vạn phước, vạn phước,
Một chăng, hai chăng?

BÀI THỨ BA MƯƠI SÁU
GẶP NGƯỜI ĐẮC ĐẠO

**** Công án:***

Ngài Ngũ Tổ nói:

- Giữa đường gặp người đắc đạo, chớ nói hay im mà đối đãi. Thử hỏi đối đãi ra làm sao?

**** Lời bàn:***

Nếu ở đây mà đối đãi cho được chính xác, há chẳng thú sao? Còn

nếu chưa được như thế thì phải lắm cẩn thận.

Kệ tụng:

Trên đường hễ nhận ra người đạo,
Chớ nói hay im đối đãi người.
Thẳng mặt tống liền cho một đấm,
Hễ mà hiểu được, hiểu liền thôi.

BÀI THỨ BA MƯƠI BẢY
CÂY BÁCH TRƯỚC SÂN

Công án:

Một ông Tăng hỏi ngài Triệu Châu:

- Ý Tổ sư sang Đông là gì?

Sư đáp:

- Cây bách ở trước sân.

Lời bàn:

Nếu thấy rõ được chỗ đáp của Triệu Châu thì trước không có Thích-ca, sau không có Di-lặc.

Kệ tụng:

Lời không tả chuyện,
Tiếng chẳng hợp duyên.
Đeo lời mất mạng,
Vướng câu tối lòng.

BÀI THỨ BA MƯƠI TÁM
TRÂU QUA KHUNG CỬA

Công án:

Ngã Tổ nói:

- Ví như con trâu đi qua khung cửa, đầu, sừng, bốn chân đều đã lọt, sao đuôi lại không lọt được?

Lời bàn:

Nếu thấy được chỗ hiểm hốc này, hạ nổi một câu chuyển ngữ, thì trên báo được bốn ơn, dưới độ được ba cõi. Còn nếu chưa, phải nên lưu ý đến cái đuôi kia.

Kệ tụng:

Bước tới lọt xuống hố,
Lui về lại hoại thân.
Đuôi kia xem chẳng mấy,
Cớ sao kỳ quái vậy?

BÀI THỨ BA MƯƠI CHÍN
VÂN MÔN SẨY LỜI

**** Công án:***

Một ông Tăng hỏi Ngài Vân Môn:

- Quang minh tịch chiếu biến hà sa.

Lời nói chưa dứt, Sư vụt hỏi:

- Chẳng phải thơ của Tú tài Trương Chuyết đó sao?

Ông Tăng đáp: Phải.

Sư nói: Sẩy lời rồi vậy!

Về sau Tử Tâm nhắc chuyện lại, bàn rằng:

- Thử hỏi đâu là chỗ ông Tăng bị sẩy lời?

**** Lời bàn:***

Nếu ở đây mà thấy được chỗ dụng bí hiểm của Vân Môn cùng chỗ sẩy lời của ông Tăng, thì có thể làm thầy ở hai cõi trời, người. Còn nếu chưa rõ thì tự cứu mình cũng không xong.

**** Kệ tụng:***

Nước xiết buông câu,
Tham mồi mắc họa.
Miệng vừa mới há,
Tính mạng còn đâu.

BÀI THỨ BỐN MƯƠI
ĐÁ ĐỔ TỊNH BÌNH

**** Công án:***

Hòa thượng Quy Sơn trước ở với ngài Bách Trượng, giữ chức điển tòa. Bách Trượng sắp chọn người đến núi Đại Quy làm chủ trì, bèn dạy Sư cùng ông thủ tòa ra đối đáp trước chúng, xem ai đối đáp giỏi sẽ được phái đi.

Bách Trượng cầm tịnh bình đặt xuống đất, hỏi:

- Không được gọi là tịnh bình thì gọi là gì?

Ông thủ tòa đáp:

- Không thể gọi là khúc cây.

Bách Trượng quay sang hỏi Sư. Sư bèn đá đổ tịnh bình mà đi. Bách Trượng cười nói:

- Ông đệ nhất tòa thua mất hòn núi rồi vậy!

Bèn phái Sư đi làm Tổ khai sơn.

**** Lời bàn:***

Quy Sơn một phen hăng hái, ngặt rằng vẫn không vượt qua được

cái bẫy của Bách Trượng. Xét lại cho kỹ, té ra bỏ nhẹ lựa nặng. Sao vậy chớ? Tránh khỏi bưng mâm, lại bị mang gong sắt.

**** Kệ tụng:***

Đong đếm, so đo, bỏ hết đi,
Thẳng đường xông phá há hiềm chi.
Cửa ải Tông sư ngăn chẳng được,
Giơ chân đá phắt, Phật ra gì.

BÀI THỨ BỐN MƯƠI MỐT
ĐẠT-MA AN TÂM

**** Công án:***

Sơ Tổ Đạt-ma ngồi ngó vách. Nhị Tổ đứng giữa tuyết, tự chặt tay mà thưa:

- Tâm đệ tử không an, xin Ngài an cho.

Sơ Tổ dạy:

- Đưa tâm đây ta an cho.

Nhị tổ thưa:

- Đệ tử tìm tâm mãi không được.

Sơ Tổ nói:

- Ta an tâm cho ông rồi đó.

**** Lời bàn:***

Lão già Hồ sún răng, mười vạn dặm dong thuyền vượt biển mà đến, thiệt quả là không gió mà nổi sóng. Sau rốt truyền thụ được cho một người, lại sáu căn không đủ. Hỡi ơi, Tạ Tam Lang (Huyền Sa Sư Bị) không biết bốn chữ!

**** Kệ tụng:***

Sang Đông chỉ thẳng,
Bày chuyện trao truyền.
Náo loạn chùa chiềng,
Nguyên do tại lão.

BÀI THỨ BỐN MƯƠI HAI
NỮ NHÂN XUẤT ĐỊNH

**** Công án:***

Một hôm Phật giảng pháp, có chư Phật mười phương tụ hội. Ngài Văn-thù đến đó, gặp lúc chư Phật vị nào đều trở về quốc độ vị đó, chỉ còn lại một nữ nhân đến gần Phật tòa mà nhập định. Văn-thù bạch Phật:

- Nữ nhân nào mà lại đến gần được Phật tòa, còn tôi thì lại không đến gần được?

Phật dạy Văn-thù:

- Ông cứ khiến nàng xuất khỏi tam muội mà tự hỏi lấy.

Văn-thù đi quanh nữ nhân ba vòng, búng tay một cái, rồi nâng lên đến trời Phạm thiên, lại dùng đủ hết các môn thần lực mà không sao thức nàng được.

Phật dạy:

- Dù cho trăm ngàn Văn-thù cũng không thể khiến nàng ra khỏi định được. Ở phương dưới, qua khỏi số quốc độ nhiều bằng số cát của mười hai ức sông Hằng, có Bồ-tát Võng Minh mới có thể thức nàng được.

Liền đó ngài Võng Minh từ dưới đất vọt lên chấp tay bái Phật. Phật sai Võng Minh đến thức nữ nhân. Võng Minh đến bên nàng, búng tay một cái, nàng liền xuất khỏi định.

**** Lời bàn:***

Lão Thích-ca dựng ra tuồng này đâu phải là chuyện chơi? Thử hỏi, Văn-thù là thầy của bảy vị Phật, sao lại không thể làm nàng kia xuất định được? Võng Minh mới chỉ là Bồ-tát Sơ địa sao lại làm được việc ấy? Nếu chỗ này mà thấy cho được chính xác, thì dù nghiệp thức mênh mang, vẫn Na-già đại định.

**** Kệ tụng:***

Thức được, thức không được,
Hai đàng vẫn tự do.
Đầu thần cùng mặt quỷ,
Lận đận mà phong lưu.

BÀI THỨ BỐN MƯƠI BA
GẬY TRÚC CỦA THỦ SƠN

**** Công án:***

Hòa thượng Thủ Sơn giơ gậy trúc trước chúng mà nói:

- Này các ông, nếu gọi là gậy trúc thì xúc phạm, không gọi là gậy trúc thì trái nghịch. Vậy gọi là gì?

**** Lời bàn:***

Gọi là gậy trúc thì xúc phạm, không gọi là gậy trúc thì trái ngịch. Không được có nói, không được không nói, đáp mau, đáp mau!

**** Kệ tụng:***

Gậy trúc giơ ra,

Lệnh ban tha giết.
Xúc nghịch cùng hòa,
Phật, Tổ xin tha.

BÀI THỨ BỐN MƯƠI BỐN
CÂY GẬY CỦA BA TIÊU

**** Công án:***

Hòa thượng Ba Tiêu nói với Tăng chúng:

- Các ông có cây gậy, tôi cho các ông cây gậy. Các ông không có cây gậy, tôi đoạt cây gậy của các ông.

**** Lời bàn:***

Để vịn qua khe khi cầu gãy, để tìm về xóm lúc không trăng. Nếu gọi đó là cây gậy thì vào địa ngục như tên bắn.

**** Kệ tụng:***

Khắp cùng dầu sâu cạn,
Cũng tùy tay nắm thôi.
Chọc trời cùng chống đất,
Nếp nhà rạng nơi nơi.

BÀI THỨ BỐN MƯƠI LĂM
KẺ ẤY LÀ AI?

**** Công án:***

Ngài Pháp Diễn ở Đông Sơn nói:

- Thích-ca, Di-lặc còn là tôi đòi của kẻ ấy. Thử hỏi kẻ ấy là ai?

**** Lời bàn:***

Nếu thấy rõ kẻ ấy, ví như ở giữa ngã tư mà gặp ngay thân phụ mình, chẳng cần phải hỏi người khác xem đó có phải không.

**** Kệ tụng:***

Cung người chớ dang,
Ngựa người chớ cưỡi.
Người lầm chớ vạch,
Người hay chớ màng.

BÀI THỨ BỐN MƯƠI SÁU
ĐẦU SÀO TIẾN THÊM

**** Công án:***

Hòa thượng Thạch Sương nói:

- Đầu sào trăm thước làm sao tiến thêm?

Có vị cổ đức lại nói:

Đầu sào trăm thước đã ngồi lên,
Thấy đạo mà chưa thật nhập chân.
Trăm thước đầu sào, cần bước nữa,
Mười phương thế giới hiện toàn thân.

**** Lời bàn:***

Bước thêm được, nhào thân được, còn ngại chỗ nào mà không xưng tôn? Tuy như vậy, thử hỏi đầu sào trăm thước làm sao tiến thêm? Hừ !

**** Kệ tụng:***

Mù mắt trên chớp trán,
Nhận lầm hướng sao soi.
Liều thân mà bỏ mạng,
Đứa mù dẫn lũ đui.

BÀI THỨ BỐN MƯƠI BẢY
BA CỬA CỦA ĐÂU SUẤT

**** Công án:***

Hòa thượng Đâu Suất Duyệt đặt ra ba cửa để hạch hỏi người học rằng:

- Lặn lội tìm học, chỉ mưu thấy tính, vậy tính ở đâu? Biết được tính mình mới thoát sinh tử, vậy khi nhắm mắt buông tay làm sao thoát? Thoát được sinh tử mới biết chỗ mình đi về, vậy khi tứ đại tan rã, mình đi về đâu?

**** Lời bàn:***

Nếu nơi đây mà hạ được ba câu chuyển ngữ thì ở đâu cũng làm chủ được, nơi nào cũng là nhà được. Còn nếu chưa, đồ ăn dở dễ no, nhai kỹ khó đói.

**** Kệ tụng:***

Một niệm xem cùng vô lượng kiếp,
Chuyện đời vô lượng chính là đây.
Giờ đây một niệm bằng nom thấy,
Là thấy ai kia thấy niệm này.

BÀI THỨ BỐN MƯƠI TÁM
MỘT ĐƯỜNG CỦA CÀN PHONG

**** Công án:***

Một ông Tăng hỏi Hòa thượng Càn Phong:

- Chư Bạc-già-phạm mười phương cũng chỉ một đường Niết-bàn, không biết đầu đường ở đâu?

Sư cầm gậy vạch một đường nói: Đây!

Sau có ông Tăng đem chuyện ấy hỏi ngài Vân Môn. Vân Môn cầm quạt giơ lên bảo:

- Quạt nhảy một cái lên tận tầng trời thứ ba mươi ba, gõ lỗ mũi Đế Thích. Con lý ngư ngoài biển Đông đánh một hèo, trời mưa như trút.

**** Lời bàn:***

Một người đi dưới biển sâu, bụi bay mù mịt; một người đứng trên đỉnh cao, sóng trắng ngất trời. Nắm đứng, buông đi, mỗi bên đều trỏ ngón mà nêu rõ tông phong, thật giống hai con ngựa chạy đụng vào nhau. Trên đời e chẳng ai rõ được lẽ đó. Xét lại cho kỹ, cả hai ông lão đều không biết đầu đường ở đâu.

**** Kệ tụng:***

Chưa bước chân đi đã đến rồi,
Môi chưa hé mở đã nên lời.
Cho dù trăm việc đều như thế,
Còn một đường lên phải biết noi.

LỜI CUỐI SÁCH

Từ xưa, những cơ duyên truyền dạy của Phật và chư Tổ đều là ngay đâu chỉ đó, vốn không có lời thừa, cốt lột sọ mở mắt cho người nghe, chỉ cần người học ngay đó mà nhận lãnh, khỏi tìm kiếm đâu xa. Kẻ linh lợi vừa nghe nêu lời là đã biết ý trỏ vào đâu. Tuyệt chẳng ngõ ngách, cũng không tầng bậc. Vẫy tay qua ải, khỏi hỏi phép quan. Há chẳng nghe Huyền Sa bảo: “Không cửa là cửa giải thoát, không ý là ý người đạo”. Và Bạch Vân bảo: “Biết rõ làu làu rằng chỉ là cái đó, sao qua chẳng lọt?” Nói như vậy lại cũng chỉ như đất đỏ nhồi sữa mà thôi. Qua được cửa “vô môn”, sớm đã là thiệt thòi cho Vô Môn tôi. Còn nếu không qua được, thì lại cô phụ tự mình. Cho nên nói: “Tâm Niết-bàn dễ tỏ, trí sai biệt khó sáng”. Trí sai biệt đã sáng, nhà nước tự bình yên.

Năm hôm trước ngày giải hạ,
Đầu niên hiệu Thiệu Định.
Đệ tử đời thứ tám dòng Dương Kỳ,
Tỳ-kheo Huệ Khai Vô Môn cẩn chí.

----

(299) Thiền Giam, Theo quy giữ cũ, không có giây mà tự ràng buộc, tung hoành vô ngại, ma quân ngoại đạo, giữ tâm lắng trong, thầm soi chiều tà thiền, lung ý vong duyên, đọa lạc vào hầm sâu, tỉnh táo không mê mờ, mang khóa vác xiềng, nghĩ thiện nghĩ ác, địa ngục thiên đường, Phật thấy pháp thấy hai núi Thiết vi, niệm khởi liền giác, đùa giỡn tinh hồn ông, ngớ ngẩn tu tập định, kế sống nhà quỷ, tấn thì mê lý, thối thì trái tông, không tiến không thối, có khí người chết. Lại nói như thế nào giẫm đạp, đời nay nỗ lực phải rõ biết, không có giáo pháp nhiều kiếp chịu các tai ương.

TAM QUAN CỦA NGÀI HUỲNH LONG

Tay ta sao giống tay Phật, sờ mó được đầu gối sau lưng, bất giác cười lớn ha ha, xưa nay toàn thân là tay.

Chân ta sao giống chân lừa, khi chưa cất bước giẫm đạp, một phen mặc tình đi khắp bốn biển, đi ngược nhành dương ba chân.

Mọi người có cái sinh duyên, mỗi mỗi thấu suốt căn cơ, Na Tra chỉ xương lại cha, Ngũ Tổ há nhờ duyên cha.

Tay Phật, chân lừa sinh duyên, chẳng phải Phật chẳng đạo chẳng phải thiền, chớ lấy làm lạ không cửa nẻo nguy hiểm hết hết nạp tử oan sâu

Thụy nham cận ngày có Vô Môn
Một là lượm lặt thắng sàng phán xưa nay
Con đường phàm Thánh đều dứt đoạn
Bao nhiêu sâu bọ khởi lôi âm.

Thỉnh

Thủ tòa Vô Môn
Lập núi tăng vâng theo kệ từ tạ
Mùa xuân Canh dần tiếp nối định.
Sách vô lượng (Tông thọ)

Đức Đạt-ma từ Tây Trúc, bất chấp văn tự, chỉ thẳng tâm người, kiến tánh thành Phật, nói cái trực chỉ, đã là uẩn khúc, lại nói thành Phật, là phải không ít. Đã là Vô Môn nhân rất có liên quan, tâm Phật rất ghét thinh lưu bố. Vô Am muốn thêm một tiếng lại thành bốn mươi chín tắc ngữ, trong ấy vài câu sai lầm, lựa bỏ ra chọn lấy mi mao. Trùng khắc vào mùa hạ Ất tỵ, Thuần Hựu.

Kiểm xét quân Tiết độ sứ Kinh Hồ An vào năm Ninh Võ Thiếu Bảo đưa ra đặt để Đại sứ gồm đền điền Đại sứ kiêm quỳ lộ sách ứng Đại sứ kiên tri Phu Gia Lăng Quận Hán khai quốc công ban ấp có hai ngàn một trăm hộ, bổng lộc phong đất cho trăm họ.

Mạnh Củng làm lời bạt

Lão thiền Vô Môn làm bốn mươi tám tắc ngữ, phán đoán công án cổ đức rất giống bán bánh ráng, khiến người mua về nhà hả miệng ăn vào nuốt nhả không được. Song tuy như vậy, An Vãn muốn đến Từ nhiệt lư ngao, lại đánh một gậy chân thành mấy đại diễn, lại vẫn giống như đưa tiễn trước. Chưa biết Lão sư từ dưới răng chỗ nào, như một miệng nhai được, phóng ra ánh sáng chấn động địa, nếu vẫn chưa được, cũng thường thấy ở bốn mươi tám câu, đều thành đi trên cát nóng, nói mau nói mau.

TẮC NGỮ THỨ BỐN MƯƠI CHÍN

Trong kinh nói: Thôi thôi không cần nói pháp ta nhiệm mầu khó nghĩ bàn. An Vãn nói: "Pháp từ đâu đến, nhiệm mầu từ đâu có, lúc nói lại sinh cái gì, đâu chỉ lắm lời tốt đẹp, vốn là Thích-ca nhiều lời, Lão Tử đây tạo tác yêu quái, khiến trăm ngàn con cháu bị dây sắn trói ngược, chưa được ló đầu ra, giống như câu nói đúng dày đặc đây, muỗng khiêu không lên, nồi đất chưng không chín, có bao nhiêu lầm nhận.

Có người bèn hỏi: Rốt ráo làm thế nào đoạn kết, An Vãn hợp mười móng tay nói thôi thôi không cần nói pháp của ta nhiệm mầu khó nghĩ bàn, lại mau bỏ hai chữ nghĩ bàn, đánh cái tương tư tửu viên, chỉ bày chúng nhân. Đại tạng có năm ngàn quyển, Duy-ma môn bất nhị, đều cho ở trong đó.

Tụng rằng:

Lời lửa là đèn
Quay đầu không đáp lại.
Duy bại thức bại
Một phen hỏi liền lãnh hội.

Sơ kết sách của An Vãn ở Hồ Ngư Trang vào mùa hạ năm Bính ngọ, Thuần Hựu.

Vì bản xưa bị tiêu diệt, công trùng khắc lại đã xong, bản đây để ở chùa Quảng Viên Thiền núi Châu Đâu-suất Võ Tạng.

Ngày mười ba tháng mười Ất dậu Ưng Vĩnh, Tỳ-kheo Cán Duyên thường thâu tập.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 176

NHÂN THIÊN NHÃN MỤC

SỐ 2006
(QUYỂN 1 → 6)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2006

BÀI TỰA NHÂN THIÊN NHÃN MỤC

Lúc du phương, tôi đã hết lòng chí thành, thưa hỏi các bậc tôn túc cương yếu năm tông. Kiện mục trong ấy, thường không đồng có người chưa biết, mà khái niệm, đã căn cứ vị thầy, mà ngữ cú cương tông, còn không biết tên ấy, huống hồ chỉ quyết toan lấy gì mở bày dìu dắt hậu côn, hoặc thấy sót bên lề hoặc ở đoạn bia đá, hoặc nghe bậc tôn túc xưng đề, hoặc được Lão nạp đưa ra bài tụng. Phàm là năm nhà cương yếu, ngay bút viết thành các tụng. Tuy thành pho sách lớn, mà thứ lớp chưa rãnh định rõ. Chiếu đến núi Vạn niên Thiên thai, mới thưởng thức chí thú ấy, phân loại theo thứ tự phân làm năm tông, gọi đó là Nhân Thiên Nhãn Mục, lời ấy đều đồng, y theo các bậc tiền bối đã làm, không dám thêm bớt, song là biên tập. Chính từ trên các bậc đại lão lợi ích chúng sinh ra làm, đã chẳng phải cho bàn luận nội tâm để lưu hành ở đời, nào có chê trách. Nếu chấp vào trái bỏ nên căn cứ vào vị sư, bỏ thì không do đâu nghiệm biện tà chánh, người có hiểu biết nghe nhiều, ắt được ấn khả.

Cuối tháng ở núi Việt mùa đông,
Năm Nhâm Thân, niên hiệu Thuần Hy đời Tống.
Nham Trí Chiêu viết lời tựa.

NHÂN THIÊN NHÃN MỤC

QUYỂN 1

TÔNG LÂM TẾ

Thiền sư tên húy là Nghĩa Huyền, họ Hình người Nam hoa, thuộc quận Tào Châu, còn nhỏ mà đã thông minh khác thường. Lớn lên nổi tiếng là có hiếu, sau khi xuất gia rồi thọ giới cụ túc, được cư trú tại học viện, chuyên tinh nghiên cứu luật, và nghiên cứu nhiều kinh luận. Nhưng một hôm Sư than thở rằng: Tất cả những thứ đây là phương thuốc cứu đời, chẳng phải là ý chỉ giáo ngoại biệt truyền, liền khoát áo du phương. Ban đầu đến học với Thiền sư Hoàng Bá, sau đó lại đi yết kiến Thiền sư Đại Ngu, nhưng cơ duyên ngữ cú này đều có ghi chép ở phần Hành Lục. Sau khi Sư được Thiền sư Hoàng Bá ấn chứng, thiền sư liền tìm đến Hà bắc, cư ngụ tại vùng Đông nam thành Trấn Châu, tiếp cận bờ sông Hô Đà, trụ trì tại một thiền viện nhỏ, tên Lâm Tế là do tên đất mà đặt ra.

Ngày mười tháng giêng năm Đinh hợi, niên hiệu Hàm Thông thứ tám đời Đường, Sư vén y ngồi yên, nói chuyện với đệ tử là Tam Thánh vài câu rồi im lặng qua đời. Môn đồ đem toàn thân Thiền sư nhập tháp ở phía Tây Bắc phủ Đại danh. Vua sắc ban cho Thiền sư tên Thụy là Tuệ Chiếu Thiền sư, tháp hiệu là Trừng Linh.

TỨ LIỆU GIẢN

Sư đầu tiên đến ở viện Hà Bắc, tham kiến với hai vị thượng tòa là Phổ Hóa và Khắc Phù. Sư bèn nói: “Tôi muốn ở đây kiến lập tông chỉ của ngài Hoàng Bá, ông có thể đoạt tông chỉ của ta, hai người trân trọng đi xuống, ba ngày sau ngài Phổ Hóa lại đến hỏi: Hòa thượng ba ngày trước nói thế nào?

Sư liền đánh.

Ba ngày sau Khắc Phù đến hỏi: Hòa thượng hôm qua đánh Phổ Hóa làm gì?

Sư cũng đánh.

Trong một buổi tham vấn chiều. Thiền sư khai thị: "Có lúc đoạt người mà không đoạt cảnh" có lúc "Đoạt cảnh mà không đoạt người" có lúc người cảnh đều đoạt" có lúc "Người cảnh đều không đoạt"

Tăng hỏi: Như thế nào là đoạt người không đoạt cảnh?

Sư nói: "*Nắng dậy gấm thêu đầy mặt đất*
Hài nhi tóc rủ bạc như tơ"

(Đại Huệ nói hai câu đây một câu tồn cảnh, một câu đoạt người).

Tăng hỏi: Như thế nào là "đoạt cảnh không đoạt người?"

Sư nói: *Lệnh vua truyền khắp trong thiên hạ*
Biên thùy tướng sĩ khói mây tan

(Đại Huệ nói câu trên đoạt cảnh, câu dưới tồn nhân).

Tăng hỏi: Thế nào là người cảnh đều đoạt?

Sư nói: *Hai quận Biện Phần không liên lạc*
Dân chúng một mình một cõi riêng

(Đại Huệ nói: Lại có nhân cảnh đều đoạt diện mục).

Lại nói, ta ban đầu đọc các sách thiền, thấy câu: " Biện Phần không liên lạc" rất lấy làm nghi, tuy gạn các lão, đều mơ hồ không rõ. Đã xem lời của Lâm Tế, thì biết chữ không liên lạc. Bởi Biện Phần là tên của hai châu.

Đáp: Riêng ở một phương, ý chỉ ấy rõ ràng, mới ngộ biên tập của các sư đều có sai lầm của Ô Yên).

Tăng hỏi: Như thế nào là người cảnh đều đoạt?

Sư nói: Vua bước lên điện báu. Ông già quê hát ca. (Đại Huệ nói: Đây là nhân cảnh đều không đoạt).

BÀI TỤNG CỦA KHẮC PHÙ

Đoạt nhân không đoạt cảnh
Duyên tự trệ sai lầm
Toan muốn cầu ý chỉ nhiệm mầu
Suy lường lại trách gì?
Ánh sáng ly châu sáng rỡ
Thềm quế ảnh Ta-bà
Gặp mặt không xoay lại
Lại phải mang lưới võng.

(Đại Huệ nói: Bài tụng đây đại khái ánh sáng của ly châu sáng rỡ trên thềm quế ảnh Ta-bà. Bởi hai câu đây là cảnh, người học hỏi đoạt người không đoạt cảnh, "toan muốn cầu ý chỉ nhiệm mầu", suy lường

lại trách gì. Đại ý chỉ là không thể suy lường, toan bàn suy lường, người học sai lầm "gặp mặt không xoay lại, lại phải manh lưới võng" ngôn ngữ).

Đoạt cảnh không đoạt người, tìm nói chỗ nào chân, hỏi thiền thiền là vọng, xét lý lý chẳng phải thân quen, mặt trời chiếu lạnh ánh sáng yên tĩnh, núi xa màu xanh mới, mãi tăng thêm nhiệm mầu khế hội được, cũng là bụi trong mắt (Đại Huệ nói: Muốn hội được mặt trời chiếu ánh sáng lạnh yên tĩnh, núi lay động sắc xanh mới là sao? Hai câu đây là cảnh, gặp được tăng thêm nhiệm mầu khế hội, cũng là bụi trong mắt, lại đoạt rồi).

"Người cảnh cả hai đều đoạt", từ trước đến nay là chánh khiến thực hành, không luận Phật cùng Tổ, sao nói Thánh phàm tình, toan phạm xuy mao kiếm, lại như gặp người mù tiến đến trước cầu giải hội, đặc biệt chém đất linh tinh (Đại Huệ nói: Chánh kiến đã thực hành, không ngại Phật và Tổ, đến đây tiến thối đều ở trong tay sư gia, như xuy mao kiếm, không thể phạm cơ phong ấy).

"Người cảnh đều không đoạt", ý suy lường không thiên lệch, chủ khách nói không khác, lý hỏi đáp đều đủ, đập vỡ trăng đầm trong, xuyên khai bích lạc thiên, không thể hiểu rõ diệu dụng, chìm đắm ở vô duyên (Đại Huệ nói: Nếu muốn phân phân lý hội được ý của ngài Lâm Tế, chỉ một bề đương thời chỉ bày chỗ tham.

Sư dạy chúng: Như người học các phương đến, Sơn Tăng đây hỏi, làm ba loại đoạn căn khí, như căn khí trung hạ, ta lại đoạt cảnh ấy, mà không bỏ pháp ấy, hoặc căn khí trung thượng, ta lại cảnh pháp đều đoạt, như căn khí thượng thượng, ta lại cảnh pháp người đều không đoạt. Như có người đưa ra kiến giải, Sơn Tăng đây, lại tác dụng toàn thể, không trải qua căn khí. Đại đức đến đây, người học chấp chỗ sức lực gió không thông. Nhà lửa điện chớp tức lỗi lầm, người học nếu nhãn mục bất động, tức không giao động (phàm tông năm nhà chủ yếu chỉ bày chỗ xưng thầy, sau đều phỏng theo đây).

Hòa thượng ở Nam Viện hỏi Phong Huyệt Chiểu: Ông nói Tứ liệu giảng, liệu giảng pháp nào?

Phong Huyệt nói: Phàm nói không trệ ở phàm tình, tức rơi vào Thánh giải, là bệnh nặng của người học, bậc Tiên thánh buồn thương họ, vì họ mở bày phương tiện, như ngạch cửa ra khỏi ngạch cửa.

Nam Viện hỏi: Thế nào là đoạt người không đoạt cảnh (Thủ Sơn đáp đều gồm).

Phong Huyệt nói: Mới ra khỏi lò hồng (301) cây đàn vàng, giúp

phá diện môn thiết của Xà-lê.

Thủ Sơn nói: Người trước ra tiễn xa ngàn dặm.

Trong kinh Pháp Hoa ghi: “Bạch cúc vừa nở nhiều ngày ấm, Trăm năm công tử không gặp xuân”.

Từ Minh Viên nói: Thần Hội từng mài bia Phổ Tịch.

Đạo Ngô Chân nói: Trong am nhàn rỗi ngồi đánh, mây trắng nổi đỉnh núi.

Viên Ngộ Cần Khắc nói: Lão tăng có mắt mà không từng thấy.

Đạt Quán Đỉnh nói: Trong nhã đã không tin mặt trời xoay, đường xa luống có mong về bài vị.

Thạch Môn Thông nói: Sơn hà đại địa.

Tại sao “đoạt cảnh không đoạt người?”

Phong Huyệt nói: ?? ?? vừa phân kể đầu não, mây loạn đầy bóng ban đầu vẫn còn.

Thủ Sơn nói: Đánh rồi không từng sân, oan gia khó giải oan.

Kinh Pháp Hoa ghi: “Đại địa tuyệt tiêu tức, Hốt nhiên riêng nhận chân”.

Từ Minh nói: Phải tin trong cái nhất riêng có trời.

Đạo Ngô nói: Ráng đỏ lấp lánh bay, tiên đồng chỉ đường.

Viên Ngộ nói: Xà-lê hỏi được tự nhiên giúp.

Đạt Quán nói: Biển xanh tận giáo khô đến đáy, núi xanh cho đến nghiền thành bụi.

Thạch Môn nói” Xét người mất điệp trướng.

Tạo sao người cảnh đều đoạt?

Phong Huyệt nói: Chen chân đến trước phải mau mau, mau quất kiềng ngựa đừng chậm trễ.

Thủ Sơn nói: Vạn người làm một mộ, bấy giờ người hết bi sầu.

Kinh Pháp Hoa ghi: “Cỏ hoang người biến sắc, Phàm Thánh cảnh đều vong”.

Từ Minh nói: Thiên tử sắc lệnh trong vũ trụ, ngoài ngăn lệnh tướng quân.

Đạo Ngô nói: Xương cứng đều chìm theo bóng hồng, mầm báu đều tiên theo mây trắng.

Viên Ngộ nói: Bắt.

Đạt Quán nói: Trời đất còn hư không, nhật nguyệt Tần, núi sông không thấy Hán quân thần.

Vô Môn nói: Có gì là Phật Tổ.

Thế nào là người cảnh đều không đoạt?

Phong Huyệt nói: Vua nhớ, trong ba tháng Giang nam chim ngói kêu trỗ trăm hoa hương.

Thủ Sơn nói: Hỏi: Chỗ phân minh? Đáp: Chỗ giúp.

Kinh Pháp Hoa ghi:

Gió mát cùng trăng sáng,
Ông già quê cười thân quen.

Từ Minh nói: Gió mát mặc tình qua lại.

Đạo Ngô: Hạn lâu gặp mới mưa, tha hương gặp bạn cũ.

Viên Ngộ nói: Buông bỏ.

Đạt Quán nói: Hoàng oanh hót ngàn rừng hoa khắp nơi khách du phương ba tháng cỏ mọc gần trời.

Vô Môn nói: Hỏi đáp rất phân minh.

BÀI TỤNG CỦA THÚY NHAM

(Tên có thể là Chân Hương Hóa người xứ Bồ điền nối tiếp Từ Minh)

Đoạt người không đoạt cảnh,
Nhật nguyệt tự lưu chuyển,
Sơn hà và đại địa,
Mưa ít nhan hơn trời.
Đoạt cảnh không đoạt người,
Hỏi thiền giúp chỗ nào,
Gặp nhau không cúi chào,
Sớm tối qua bến ải.
Người cảnh cả hai đều đoạt,
Tiếng trống rơi vào hồng lâu,
Tung hoành đi khắp nơi,
Ai dám lập tụng ngay.
Người cảnh đều không đoạt,
Diêm-phù chuyển gần như gặp,
Phía Nam xem Bắc đẩu,
Ngặt vì gặp được y táo.

PHẬT GIÁM (Tên Tuệ Cần)

Vò rượu người quen đều say,
Trên rừng khói đặc hoa đang hồng,
Nửa dêm không hương đèn đều yên tĩnh,
Cái đu ở trong trăng sáng.

Chim oanh gặp nắng xuân xa tiếng trong,
Người gặp thời hình nét mặt nở nụ cười,
Bao nhiêu hoa rơi trôi theo nước,
Một tiếng trúc dài mây theo đến.
Đường đường ý khí luống lôi đình,
Oai phong lẫm liệt lẫy sương tuyết,
Tướng Quân hạ lệnh trảm hình rất nhanh,
Kiếm thần một phen múa ngàn dặm máu.
Thánh triều thiên tử ngồi minh đường,
Bốn biển sinh sinh linh đều yên gối,
Niên thiếu phong lưu đảo kim tôn,
Hoa hồng rụng đầy viện giống như tơ.

TỔNG TỤNG

Ngàn khe muôn hóc về biển cả,
Bốn biển tám man triều đế đô,
Phàm Thánh từ trước đến nay không hai nẻo,
Cho toan cuồng chấp theo nhiều đường.

BA CÂU

Sư nhân vị tăng hỏi: Thế nào là chân Phật chân pháp chân đạo, xin chỉ bày.

Sư nói: Phật là tâm thanh tịnh. Pháp là tâm sáng suốt. Đạo là ánh sáng vô ngại khắp nơi. Ba tức một đều không mà không thật có. Như làm người chân chánh, tâm niệm không gián đoạn.

Đạt-ma Đại sư từ Tây Trúc đến, chỉ tìm người không bị hoặc chướng. Sau gặp hai vị Tổ, được một lời nói liền liễu ngộ, mới biết trước luống dụng công phu. Sơn Tăng ngày nay thấy chỗ cùng Phật tổ không khác. nếu trong câu thứ nhất tiến được, có thể cùng Phật tổ làm thầy. Nếu trong câu thứ hai tiến được, có thể cùng nhân thiên làm thầy. Nếu trong câu thứ ba tiến được tự cứu không được.

Tăng hỏi: Thế nào là câu thứ nhất? (Phong Huyệt lấy câu sau đáp).

Sư nói: Tam yếu ấn khai chu điểm hẹp, chưa cho bàn luận phân chủ khách.

Phong Huyệt nói: Theo tiếng liền hét.

Đạo Ngô Chân nói: Ngay đó chạm bờ mây, núi đông tuyệt vãng lai.

Hải Ân tin nói: Na Tra phẫn nộ.

Vân Phong vui vẻ nói: Đưa tay quá gối.

Thế nào là câu thứ hai?

Sư nói: Giải hay há cho không lời hỏi. Bọt nước ngặt vì chịu đựng ngăn máy nước.

Phong Huyệt nói: Trước khi chưa hỏi đã sai.

Đạo Ngô nói: Khi trước mặt không thấy, sau lưng xưng oan khổ.

Hải Ấn nói: Nạp tăng rơi vào lưới sai lầm.

Vân Phong nói: Muôn dặm ngạn châu.

Thế nào là câu thứ ba?

Sư nói: Chỉ xem đầu trần làm bù nhìn, lôi kéo là trong đầu người.

Phong Huyệt nói: Minh phá tức không thể được.

Đạo Ngô nói: Trên đầu một đống bụi, dưới chân ba thước đất.

Hải Ấn nói: Tây Thiên cõi đây.

Thủy Nham nói: Cái ky cái chổi.

Từ Minh chỉ bày chúng: Tiên bảo ứng Hòa thượng nói: Câu thứ nhất tiến được, có thể cùng Phật tổ làm thầy. Câu thứ hai tiến được, có thể cùng nhân thiên làm thầy. Câu thứ ba tiến được, tự cứu không được. Sơn Tăng không đúng.

Câu thứ nhất tiến được, hòa bùn hợp với nước. Câu thứ hai tiến được, không dây mà tự trói. Câu thứ ba tiến được bốn lăng sát đất. Cho nên nói: Đứng cũng hải yến hà thanh, đi thì người tránh đường, ngồi thì càn khôn tối tăm nhật nguyệt không có ánh sáng. Mọi người các ông, ở chỗ nào trút nổi bực tức, như nay lại có bực tức là sao?

Có bực tức liền đối với chúng bực tức thử. Nếu không Sơn Tăng ngày nay cùng ông trút bực tức đi. Bèn hô một tiếng liền chống gậy xuống tòa.

Thạch Môn thông nói: Câu thứ nhất nói: Tiến được trong đá ra. Câu thứ hai tiến được ép buộc tương lai. Câu thứ ba tiến được tự cứu không nổi.

TAM HUYỀN TAM YẾU

Sư nói: Phàm phu diễn xướng Tam thừa, một câu phải đủ ba huyền môn, một huyền môn phải đủ ba yếu, có quyền có thật, có chiếu có dụng, mọi người các ông làm sao thể hội. Sau Hòa thượng Phân Dương Chiêu, nhân đó nêu câu nói trước: Cái đó là câu cuối của Tam huyền Tam yếu.

Vị tăng hỏi: Thế nào là đệ nhất huyền?

Phần Dương nói: Đích thân phó chúc trước Ẩm Quang.

Đạo Ngô nói: Đích Thích Tôn phóng quang vai A-nan.
Như thế nào là đệ nhị huyền?
Phần Dương nói: Tuyệt tướng lìa ngôn thuyết.
Đạo Ngô nói: Các voi cô luân họp lại.
Thế nào là đệ tam huyền?
Phần Dương nói: Gương sáng chiếu không thiên lệch.
Đạo Ngô nói: Khóc về dâu khô nước mắt đầm đìa.
Thế nào là đệ nhất yếu?
Phần Dương nói: Trong lời nói không tạo tác.
Đạo Ngô nói: Rất tốt chiếu tinh thô.
Thế nào là đệ nhị yếu?
Phần Dương nói: Ngàn bậc Thánh nhập huyền diệu.
Đạo Ngô nói: Lấp lánh càn khôn chói sáng.
Thế nào là đệ tam yếu?
Phần Dương nói: Ngoài từ các bá phi, đều đạp ngăn đường núi.
Đạo Ngô nói: Đường hẹp tùng già xanh.

TỤNG CỦA NGÀI PHẦN DƯƠNG

Đệ nhất huyền:

Chiếu dụng đồng thời đủ,
Bảy ngôi sao ánh sáng chói rạng,
Muôn dặm tuyệt khói trần.

Đệ nhị huyền:

Móc câu dùi bén lại thêm nhọn,
Toan nghĩ xuyên qua má,
Rách mặt dựa hai vai.

Đệ tam huyền:

Diệu dụng đủ vuông tròn,
Tùy cơ rõ sự lý,
Đầy đủ trong thể muôn pháp.

Đệ nhất yếu:

Căn cảnh đều vong tuyệt trẫm triệu,
Núi lở biển cạn gió,
Nước sôi biết trôi lạnh mới là diệu.

Đệ nhị yếu:

Móc câu dùi xét biện trình khảo diệu,
Buông ra đoạt lại kéo máy điện,
Hộp cong bảy ngôi sao chiếu sáng.

Đệ tam yếu:

Không lưỡi câu và thả câu,
Đến mấy một khúc ca tiếng nước Sở,
Người nghe tận giáo chiếu soi trở lại.
(Một phen khởi nghe thảy đều vọng soi chiếu trở lại)
Tam huyền tam yếu việc khó phân.
Được ý vong ngôn đạo dễ gần,
Một câu rõ ràng gồm muôn tượng,
Trùng dương cửu nhật hoa cúc mới.

TỪ MINH

Đệ nhất huyền:

Ba đời chư Phật toan nói gì?
Trong mộng rủ lòng từ sinh khinh bạc,
Ngồi ngay lại thành rơi đoạn biên.

Đệ nhị huyền:

Linh lợi nạp tăng mắt chưa sáng,
Nhà lửa điện sáng cũng là chậm,
Dương mày nháy mắt qua cửa núi.

Đệ tam huyền:

Vạn tượng sum-la vũ trụ rộng,
Mây bay rỗng không núi nhạc tịnh,
Hoa rơi nước chảy đầy sông dài.

Đệ nhất yếu:

Há nói Thánh hiền diệu,
Toàn bàn rảo bước đường dài,
Ngẩng đầu đã điên đảo.

Đệ nhị yếu:

Núi cao ????,
Thần thông tự tại đến,
Đa văn kêu ngoài cửa,

Đệ tam yếu:

Đứng ngược khiến người cười,
Trong tay nắm càn khôn,
Ngàn sai đều một phen chiếu.
Bảo ông thông huyền sĩ
Đánh hét phải kịp thời,
Nếu rõ ý chỉ gần

Nửa đêm thái dương sáng.

Ngài Trúc Am dạy chúng (Tên Sĩ Khuê Thành Đô Sư họ Tử Từ Phật nhãn)

Lâm Tế nói: Trong một câu phải đủ Tam huyền môn, một huyền môn phải đủ Tam yếu, việc của đại chúng nhân lời dặn dò mà phát khởi, lần lựa thấy sai lầm, cho lấy một bài tụng, trong câu khó thấu suốt Tam huyền, một câu gồm thông trước kiếp không. Lâm Tế mạng căn đều đoạn, một sợi chỉ hồng trong tay kéo.

BỐN CÁI HÉT

Sư bảo vị tăng: Có khi một cái hét như Bảo kiếm kim cang vương. Có khi một cái hét như sào dò bóng cỏ, có khi một cái hét không thành dụng của một cái hét, ông làm sao sinh thể hội?.

Vị tăng suy nghĩ: Sư lại hét.

TỤNG CỦA NGÀI TỊCH ÂM TÔN GIẢ

Bảo kiếm kim cang vương gặp đường đường sương móc,
Vừa hợp môi miệng liền phạm vào đầu mũi nhọn,
Xem máy dừng lâu liền thành rò rỉ,
Sào dò bóng cỏ không vào cõi âm.
Một điểm không đến thân giặc tự bại,
Có khi một tiếng hét không thành dụng hét,
Đại hữu của Phật pháp chỉ là nhức răng.
Ngài Thủ Sơn chỉ bày chúng:
Lão tăng tầm thường hỏi ông nói,
Trong đây một tiếng hét không như cái dụng của tiếng hét.
Có khi một tiếng hét làm việc hỏi,
Có khi một tiếng hét như sào dò bóng cỏ,
Có khi một tiếng hét sư tử ngồi xổm trên đất,
Có khi một tiếng hét như bảo kiếm cang vương.
Hoặc khi làm việc hỏi,
Phải để mắt xem mới được,
Nếu khi sào dò bóng cỏ,
Các ông phải làm gì sống.
Nếu như sư tử ngồi xổm trên đất,
Dã can phải té phân tiểu mới được.
Nêu khi làm dụng bảo kiếm kim cang vương,
Thiên Vương cũng phải bể não,

Chỉ cùng với hét ngang hét dọc,
Đồng kêu thành thương lượng đạo lý.

TỤNG CỦA PHẦN DƯƠNG

Bảo kiếm kim cang rất oai hùng,
Một tiếng hét khả năng dẹp muôn mũi nhọn,
Khắp giới càn khôn đều thất sắc,
Tu-di ngã dựa nửa giữa không.
Kim mao ngồi xổm đất các oai đủ,
Một tiếng hét khả năng mất hồn mật,
Đỉnh núi Nhạc cao người không thấy,
Vượn kêu bạch nhật lại hoàng hôn.
Từ Phong thám cỏ biện đương nhân,
Một tiếng hét phải biết ngay cùng chân,
Biển cả trong sâu bao hàm muôn tượng,
Dừng dắt trâu dấu vết sâu trong hơn.
Một tiếng hét ngày dương thế tự hiển bày,
Các phương đều có thương lượng tốt,
Tràn ngập dày đường người ca dao,
Xưa đi nay đến thường không biến.

PHỔ BÌNH TỤNG CỦA NGÀI TRI HẢI

Khi một tiếng hét là dụng Kim cang,
Ánh sáng rét tỏa sáng khắp càn khôn,
Nói năng bàn luận tổn thương mũi nhọn,
Đầu lâu khắp cõi đều biết không biết.
Một tiếng hét sư tử lông vàng ngồi xổm,
Cây đàn hương đột nhiên nổi gió thơm,
Móng lớn không từng thi thiết,
Hồ ly muôn dặm tránh xa.
Một tiếng hét sẽ làm sào dò bóng cỏ,
Nam bắc đông tây đều đến,
Dài ngắn khinh trọng quyết định so bì,
Đất bằng mênh mông phải nương tựa.
Một tiếng hét không thành một cái dụng của một tiếng hét,
Ba đời xưa nay không riêng chung,
Tháng ba hoa rơi ngủ mới tỉnh,
Mắt xanh đầu vàng đều là mộng.

CÂU CỦA TÂM CHỦ (303)

Một hôm, có vị tăng ra lễ bái, Sư liền hét. Tăng nói: "Lão Hòa thượng không ló đầu ra được". Sư nói: "Rơi ở chỗ nào?"

Tăng liền hét, Sư lại hét.

Lại có vị tăng hỏi: Như thế nào là đại ý của Phật pháp?

Sư lại hét, tăng lễ bái.

Sư nói: "Đạo của ông hét cũng không".

Tăng nói: Giặc cỏ đại bại.

Sư nói: Qua ở chỗ nào?

Tăng nói: Lại phạm không cho.

Sư lại hét: Ngày ấy hai vị thủ tòa gặp nhau đồng thời hét.

Tăng hỏi Sư: Có Tân chủ không?

Sư nói: Tân Chủ rõ ràng.

Sư nói: Đại chúng muốn lãnh hội câu Tân Chủ, Lâm Tế hỏi hai vị chủ tòa trong thủ đường.

TỤNG CỦA TỪ MINH

Khạc nhổ nhanh như tên chẻ mũi nhọn,
Thoạt nhiên Tân Chủ phân đường thời,
Tông sư thương muôn vật rủ áo đời,
Đất Bắc sông Huỳnh đục thấu đáy.

TỤNG CỦA TRÚC AM

Làm nhà gặp nhau trọn không lầm,
Cả hai đồng thời xem khạc nhổ,
Hét ra tuy nhiên phần Tân Chủ,
Ngặt vì như Phổ Hóa rung chung nhạc.

TỪ TÂN CHỦ

Sư một hôm dạy chúng rằng:

Người tham học phải để hết tâm ý trong khi tham vấn. Khi chủ khách gặp nhau, thế nào cũng có lời qua tiếng lại, hoặc ứng hiện ra những hình tượng khác nhau, hoặc sử dụng toàn thân mà đối phó với đương sự. Có khi lại sử dụng những phương tiện cơ quyền như mừng giận, hoặc hiện nửa thân, hoặc ngồi trên lưng sư tử hay trên lưng voi chúa ..... Trong trường hợp một học nhân đích thực thì người này có thể hét lên hoặc đưa ra một cái bẩy(bình keo) trước mặt vị tri thức. Nếu vị này không nhận ra được cảnh ấy mà lại rơi vào cái bẩy, cứ nương theo

cảnh ấy đặt ra đủ thứ mô hình, thì vị học nhân lại có thể hét lên nửa. Nếu vị thiện tri thức còn chưa chịu buông bỏ, thì đó thật là trường hợp của bệnh nan y. Trường hợp này gọi là trường hợp "khách khán chủ". Hoặc giả vị không đưa ra cái gì hết mà cứ đòi người học đưa ra cái gì liền đoạt cái đó, người học bị đoạt tới chết vẫn còn chống cự lại, đây là "Chủ khán khách". Hoặc có người học đứng trước thiện tri thức đưa ra đối tượng thanh tịnh. Vị thiện tri thức nhận được đối tượng ấy nắm lấy và ném xuống hầm sâu.

Người học liền nói: "Rất tốt". Vị thiện tri thức liền nói: ối chà, ông không biết cái gì tốt, cái gì xấu. Người học liền lễ bái, đây gọi là "Chủ khán Chủ".

Hoặc có người trình diện trước thiện tri thức như một người có mang gông cùm, vị thiện tri thức thấy thế lại đem tới và đeo thêm cho vài cái nữa. Người học vui mừng quá đổi, đến đổi không phân biệt được ai là chủ, ai là khách. Trường hợp này gọi là "khách khán khách".

Này các Đại đức, những gì tôi vừa nói đó là ma quái và tà đạo, và phân biệt được chính tà.

TÂN CHỦ HỎI ĐÁP

Có vị tăng hỏi ngài Phong Huyệt: Thế nào là tha Tân trong Tân?

Phong Huyệt nói: Mở mắt ngồi mây trắng.

Khắc Phù nói: Dựa cửa bên nhà, cũng như say, phát ra lời nhả khí tỏ lộ xấu hổ.

Phần Dương nói: Trọn ngày chạy theo bụi trần, không biết trân báu nhà mình.

Khắc Phù nói: Chấp tay đứng trước hỏi Thế Tôn.

Từ Minh nói: Lại bái lạy ân cần.

Thạch Môn nói: Lễ bái rất phân minh.

Tuyết Đậu nói: Đầy mắt là bụi trần.

Lại nói: Ối!

Thế nào là Chủ trung Tân?

Phong Huyệt nói: Vào chợ đều là mờ mắt.

Khắc Phù nói: Miệng niệm Di-đà đều là chống gậy, người mắt mù không ló đầu ra được.

Phần Dương nói: Biết được của báu trong áo, ngồi ngay giải phân biệt. Ngài nói tiếp: Đối mặt không bè bạn.

Từ Minh nói: Chống gậy thường ở tay.

Thạch Môn nói: Thấy đất không ngó lại.

Tuyết Đậu nói: Triệu phần thành năm. Ngài nói tiếp.

Thế nào là Tân trung Chủ?

Phong Huyệt nói: Hồi loan đôi bên chiếu sáng.

Khắc Phù nói: Đề cao Tổ ấn dụng đương cơ, lợi vật nên biết nói có từ bi.

Phần Dương nói: Lưỡi câu vàng quăng ném bốn biển, đuốc ngọc đèn thường sáng. Ngài nói tiếp: Trận mây khắp trên biển, rút kiếm khuấy long môn.

Từ Minh nói: Chống gậy bát càn khôn.

Thạch Môn nói: Đến lại hỏi đường trước.

Tuyết Đậu nói: Trăng mang vầng nặng. Ngài lại nói: Gồm thâu.

Thế nào là Chủ trong Chủ?

Phong Huyệt nói: Mài đá ba thước kiếm, đợi chém không bằng người.

Khắc Phù nói: Hoành án ?? ?? ...... vũ trụ thái bình si dốt.

Vị tăng nói: Dã là vũ trụ thái bình, vì sao dứt si dốt?

Khắc Phù nói: Không cho đi đêm vừa cầm lửa, lại phải ngay đạo cùng người xem.

Phân Dương nói: Vũ trụ cao bằng ánh sáng mặt trời mặt trăng xiển dương cùng khắp âm dương bài ca nước Sở. Sư lại nói: Ba đầu vui chấn động trời đất, Na Tra phẫn nộ xông vào cung vua.

Từ Minh nói: Tay người cầm kiếm và nồi đất.

Thạch Môn nói: Muôn dặm tuyệt bạn lữ.

Tuyết Đậu nói: Bóp chặt đại thiên. Sư lại nói kệ.

TỤNG CỦA PHÙ SƠN

Khách trong khách :

Hai mày không mở mắt không gân,
Phục dịch phương khác đến tri kỷ,
Lại mất trân báu vô giá trong áo.

Chủ trong khách :

Hết sức tìm đuổi không nơi chốn,
Năm xưa còn tự thấy đôi chút,
Ngày nay ai biết hai mắt mù.

Khách trong chủ:

Nhà ta rộng lớn thật khó luận,
Mong cầu không sẻn tiếc không cao thấp,
Sang hèn đồng đường một nẻo bằng.

Chủ trong chủ:

Bảy báu không thiếu điện vũ vàng,
Nghìn con thường vây quanh Thánh nhan,
Chủ thiên không thuận nêu vòng bay.

TỤNG CỦA THÚY NHAM

Khách trong khách :

Nói ra không có nhân tướng,
Chưa suy xét kỹ lưỡng,
Cỡi trâu qua Mạnh Tân.

Chủ trong khách :

Dắt nhau dựa giờ ngọ,
Tự triển khai không được,
Lại hiểu rõ nhà cửa họ.

Khách trong chủ :

Nam Việt mong về Tây Tần,
Hàn Sơn gặp Thập Đắc,
Toan bàn Ất Mão Dần.

Chủ trong Chủ:

Đầu ngồi ngay phải sợ,
Muôn dặm lội qua dòng cát,
Ai nói Phật cùng Tổ.

TỤNG CỦA NGÀI TUYẾT ĐẬU

Khách trong khách :

Ít vui nhiều sân,
Trượng phu trang chí,
Phải giao người nào.

Chủ trong khách :

Huyền Sa mãnh hổ,
Nửa hợp nửa khai,
Chỉ có tự tướng thừa nhận.

Tân trong Chủ:

Ôn cũ biết mới,
Soi chiếu lẫn nhau,
Sư tử rên rỉ.

Chủ trong Chủ:

Chánh lệnh toàn đề,

Ỷ thiên trường kiếm,
Ai dám ngăn cản.

Khách chủ phân không phân:

Lờ mờ tuyệt tiếng lạ,
Mở vải nhọc người chưa thạo việc,
Gởi lời đến mây trắng.

HOA NGHIÊM

(Tôn Tư ở Đông Kinh)

Vị tăng hỏi: Thế nào là Tân trong Tân?

Tư nói: Nhà khách như trời xa.

Tăng hỏi: Thế nào là Chủ trong Tân?

Tư nói: Cửa nào giống biển sâu.

Tăng hỏi: Thế nào là Chủ trong Chủ?

Tôn Tư nói: Lệnh Thiên tử trong vũ trụ.

Tăng hỏi Thế nào là Tân trong Chủ?

Tôn Tư nói: Ngoài ngăn lệnh tướng quân.

Tư nói: Trong Tân hỏi Chủ xen nhau đổi, trong Chủ hỏi Tân đồng sinh đồng tử. Trong Chủ hiện Chủ, uống khí nuốt tiếng. Trong Tân tìm Tân, mây trắng muôn dặm, nên trong câu không có ý, ý ở trong câu, ở đây hiểu được, một cặp cô nhạn, bay cao khắp mặt đất, ở đây không hiểu, một đôi uyên ương, một mình đứng bên ao, thiền khách tri âm, cùng nhau chứng minh, ảnh hưởng dòng khác, cần phải xét kỹ, giây lâu mới nói: Nếu là Đào Uyên Minh, mở mắt liền trở về.

TỪ CHIẾU DỤNG

Một hôm Sư dạy chúng: Ta có khi trước chiếu sau dụng, có khi trước dụng sau chiếu, có khi chiếu dụng đồng thời, có khi chiếu dụng không đồng thời. Trước chiếu sau dụng còn có người, trước dụng sau chiếu còn có pháp, chiếu dụng đồng thời, đuổi trâu của nông phu cày ruộng, đoạt thức ăn của người đói, đẽo xương lấy tủy, đau đớn như kèm dùi. Chiếu dụng không đồng thời, có hỏi có đáp, lập chủ lập khách, hợp nước hòa bùn, ứng cơ tiếp vật. Nếu là người quá lượng, một bề chưa nêu về trước, vén lên lại đi, còn so sánh vài điều.

Lúc bấy giờ có vị tăng ra hỏi đại ý Phật pháp.

Sư nói: Ông nói thử xem?.

Tăng liền hét, Sư cũng hét, tăng lại hét, Sư đánh lại.

(Trước chiếu sau dụng)

Tăng hỏi: Như thế nào là Đại ý của Phật pháp?

Sư liền hét, rồi nói: Đạo của ông thích hét sao?

Tăng lại hét, Sư cũng hét, tăng hét lại, Sư liền đánh.

(Trước dụng sau chiếu)

Tăng vào cửa Sư liền hét, tăng cũng hét, Sư liền đánh và nói: "Thích đánh chỉ có trước mũi nhọn lại không có sau điện".

(Chiếu dụng đồng thời)

Tăng đến tham kiến, Sư liền hét, tăng cũng hét, sư lại hét, tăng cũng hét, Sư liền đánh và nói: "Thích đánh vì ông làm chủ không đến đầu không chỗ dụng, gia chủ phải đoạt thành dụng, ngàn người muôn người, đến đây ra tay không được, mãi phải đợi vội để mắt xem mới được.

(Chiếu dụng không đồng thời)

Cổ đức nói: Chủ một phen hét khách chứng nghiệm, khách một phen hét chủ chứng nghiệm, chủ lại hét khách chứng nghiệm, khách lại hét chủ chứng nghiệm, bốn cái hét sau không có khách chủ. Đến trong đây chủ nhà đoạt lại, lại không cho.

Ngài Từ Minh dạy chúng: Có khi trước chiếu sau dụng, có khi trước dụng sau chiếu, có khi chiếu dụng đồng thời, có khi chiếu dụng không đồng thời. Cho nên nói: Có sáng có tối, có đi có đến. Từ Minh bèn hét, một tiếng hét nói, rồi lại nói: "Là chiếu là dụng, lại có thế tục được ra sao?" Nếu có xin ra tình cạn ý ngu. Nếu không Sơn Tăng mất lợi.

CHIẾU DỤNG HỎI ĐÁP

Như thế nào là trước chiếu sau dụng?

Thủ Sơn nói: Mây trên đầu núi Nam nhạc, giặc dưới núi Thái hàng. Phật-đà khiêm tốn rằng: "Cờ hồng mặt trời sáng, bỏ dẹp chinh chiến, tuấn mã hí gió quyện mây trận".

Đạo Ngô Chân nói: Nói đường nói phân minh, quăng kim không tránh né.

Huỳnh Long Tân nói: Gió mát phất trăng sáng.

Ngũ Tổ diễn rằng: Lời vua như tơ.

Như thế nào là trước dụng sau chiếu?

Thú Sơn nói: Giặc dưới núi Thái hàng, mây ở đầu non Nam nhạc.

Phật-đà nói: Chặt được đầu hung nô, về lại doanh Tế Liễu.

Đạo Ngô nói: Kim cang gặp mặt đích thân phân phó, nói đạo phân minh được trình bày tốt.

Huỳnh Long nói: Trăng sang lướt gió mát.

Tổ nói: Trăng ra như vầng kia.

Thế nào là chiếu dụng đồng thời?

Thú Sơn nói: Bắt mây dưới đỉnh non Nam nhạc, bắt được giặc dưới núi Thái hàng.

Phật-đà nói: Thái hàng vẫy tay, Tử Hạ nhướng mày.

Đạo Ngô nói: Trong Phật tổ đi đường khác, trong bóng sum-la không lưu lại thân.

Huỳnh Long nói: Gió mát trăng sáng.

Tổ nói: Đưa ra gương cửa viên môn. Xi Vưu đần độn lại mất oai.

Thế nào là chiếu dụng không thời?

Thú Sơn nói: Hôm qua mưa hôm nay tạnh.

Phật-đà nói: Sau ngọ đánh lầu chuông.

Đạo Ngô nói: Trước chiếu ánh sáng màu vàng trong mát. Ngân giới Nga Mi đồng thời lót.

Huỳnh Long nói: Chẳng phải gió mát mà không có trăng sáng.

Tổ nói: Đem vàng thử lửa.

Phần Dương nói: Phàm một câu nói phải đủ Tam huyền môn, mỗi một huyền môn phải đủ có Tam huyền có Tam yếu, có chiếu có dụng, hoặc trước chiếu có dụng, hoặc trước chiếu sau dụng, hoặc trước dụng sau chiếu, hoặc chiếu dụng đồng thời, hoặc dụng không đồng thời. Trước chiếu sau dụng, phải cùng ông thương lượng. Trước dụng sau chiếu, ông cũng phải là người mới được, chiếu dụng đồng thời, ông làm sao chống lại được.

Lang Da Giác nói: Trước chiếu sau dụng, bày móng răng sư tử. Trước dụng sau chiếu, dù cho oai mãnh của tượng vương, chiếu dụng đồng thời, như rồng được nước nổi mưa đồng mây. Chiếu dụng không đồng thời, ẵm đứa trẻ lên, vỗ về thương yêu như con đỏ. Đây là pháp môn của người xưa kiến lập, thành hợp như vậy, không hợp như vậy. Nếu hợp như vậy, Kỷ Tín nương bậc Cửu long, không hợp như vậy, nếu chim nhạn mất lông ngàn dặm, lại có người Lang Da xuất khí là thế nào? Như không có Sơn Tăng tự nói đi, chống gậy đứng vững xuống tòa.

TỤNG CỦA NGÀI TỪ MINH

(Và tổng tụng)

Chiếu thì đoạn đường càn khôn, kiểm nghiệm bậc hiền phá người ngu rơi mật mất hồn, Chiêu Quân mở đeo ấn Tô Tần cũng phải trở về

thành thật đợi Hoàng Thiên, dụng lại bắt sống đến mạng chung, lại khiến Tô Tần dứt hết tàn hại, trở về thật lòng tỏ bày báo thiên hạ, tha ông năm tháng tháng còn lại cũng không, chiếu dụng đồng thời đánh huyền, không cho nghĩ nghì suy nghiệm ngu hiền, vầng kiếm mãi tung hoành trận rồng hổ, ngựa chết người chết máu đầy ruộng. Chiếu dụng không đồng thời, thời người từng hiếm có, mùa thu không có lá vàng rơi, mùa xuân rụng hết hoa bay, một tiếng hét phân tân chủ, chiếu dụng đồng thời đi, từng được ý trong ấy, giờ ngọ đánh canh ba.

HƯNG HÓA SUY NGHIỆM NGƯỜI

(Tứ uyển tứ thùy tứ hại)

Không có tiếng kêu bát nóng (hai cơ dụng ở giữa và sau) bát ra khỏi gò đất (không có lời nào) bát ra khỏi quanh co (không có lời quyến luyến) bát (về trước nói rõ họ) ngay mặt nhổ trông về hư không khạc nhổ (lời quỷ lời tinh hồn) nhổ phía sau lưng (lời của vọng lượng) nhổ ngay xuống (nói mau diệt) không giống như mù, người mù quyết định ở phần trên trước người, chỗ đến không thấy nói.

PHẦN DƯƠNG THẬP TRÚ ĐỒNG CHÂN

(Phật Hải chấp nhiều lời)

Phần Dương dạy chúng: Phàm người nói pháp phải đủ mười trí đồng chân (305). Nếu không đủ mười trí đồng chân, thì tà chánh không hiện rõ thế tục không có phần không thể làm nhãn mục cho nhân thiên quyết đoán thị phi như chim bay hư không mà chặt cánh, như tên bắn đích mà đứt dây cung, đứt dây cung nên bắn không trúng đích, gãy cánh nên không thể bay lên hư không được. Huyền Tráng ít trông mong đều thấu suốt hư không băng tan ngói vỡ. Làm sao sinh mười trí đồng chân cùng các thượng tòa ra điểm. 1- Đồng một chất, 2- Đồng đại sư, 3- Tổng đồng tham, 4- Đồng chân trí, 5- Đồng biến khắp, 6- Đồng đầy đủ, 7- Đồng được mất, 8- Đồng sinh sát, 9- Đồng tiếng rống, 10- Đồng được nhập.

Lại có điểm sao ra được, không tiếc từ bi, thử nói ra xem. Nếu điểm không đưa ra, chưa có mắt tham học, cần phải biện lấy. Muốn biết thị phi, mặt mũi hiện còn, hét một hét xuống tòa.

Đại Huệ nói: Phần Dương lão tử rốt sau, nếu không có diện mục hiện tại, một trận thua bại, tuy nhiên chưa khỏi chết con cháu của ta, hét một tiếng hét.

Tịch Âm nói: Nay pháp môn đây, tòng lâm khiếp sợ, không muốn

nghe tiếng ấy, lấy đâu mà nói, các phương chỉ cần bình đẳng kiến giải thật, kiến chấp đó không thay đổi, chỉ muốn truyền trao, không tin có ngộ. Giả sử ngài Phần Dương sinh lại, đích thân mổ chặt, cũng cho là quấy. Xưa ngài A-nan đi kinh hành, nghe đồng tử tụng kinh Phật rằng: Nếu người sống trăm tuổi, không khéo già bị nước mưa ngập, chưa bằng sống một ngày mà được quyết liễu.

A-nan đến nói rằng: Không khéo cơ của chư Phật, chẳng phải con hạc đứng trong nước ngập. Đồng tử trở về bạch thầy, thầy cười nói: A-nan già nua, nên lấy lời của ta cho là phải, ở trước người học, nói chỉ thú Tam huyền Tam yếu mười trí đồng chân do đâu khác đây.

HỎI ĐÁP CỦA CỔ TÚC THẬP TRÍ ĐỒNG CHÂN

1. Đồng một chất

Phần Dương nói: Tơ lụa Châu Phủ, Tử Hán Châu Khương. Sư lại nói: Quỷ đập vỡ thùng sơn, đều không ra khỏi sào huyệt, giặc không đánh nhà nghèo, ló đầu ngập đầu trong hang quỷ, trăm đồi cỏ mặc tình dạo chơi, trên đầu một sợi lông quyết định càn khôn, tám chữ đánh khai người không biết, chén ra khỏi gò đất.

2. Đồng đại sự

Phần Dương nói: Lửa trên đâu quan con của xe gió, đại tượng Da Châu trâu sắt phủ Thiểm Tây, sẽ rách đôi giày cỏ, thiếu mua chơi, hai vai vác không nổi, không được nửa phần văn, biết được cây thượng tòa cũng chưa, lồng đèn vào thấy trụ, gậy quơ mặt trời mặt trăng tay nắm càn khôn.

3. Tổng đồng tham

Phần Dương nói: Vạn tượng sum-la đều đảnh lễ, chớ lấy làm lạ không biết nhau, cố chấp biện bày, kêu thần gọi quỷ, buồn bã dựa lan can trông về Giang nam người Hồ trí chú miệng lẩm bẩm.

4. Đồng chân trí

Phần Dương nói: Kế sống nhà quỷ, tám mươi ông lão vào sân nhà, kia đây không chấp phương tiện, trời đất càng khác, Phật nhãn thấy không chấp, nhận chấp y nhiên lại không phải. Hang quỷ Hắc Sơn, sợi lông nuốt biển lớn, hạt cải nhét núi Tu-di, sóng nhỏ đây lỗ mũi dài.

5. Đồng biến khắp

Phần Dương nói: Thạch đầu khối đá, Nam nhạc Thiên Thai Tây Thiên cõi đây, là cảnh giới nào? Cá đi nước đục, đánh chấp bên nam động bên bắc, thật đáng tiếc, ngồi đi ngàn ngàn muôn muôn, làm sao chặt được. Chốn cáo nô tỳ bò trắng phóng hào quang, cười họ núi lúa

mở đánh trống, đạp mở biển sinh tử, nhảy ra cửa thị phi.

6. Đồng môn đầy đủ

Phần Dương nói: Xin thúng trẻ dễ đầy, đồng nhàn thổi vào kèn lá nước Hồ, lạnh thì trọn không nóng, tay mình nắm bắt mình, sư tử hống tượng vương giẫm đạp.

7. Đồng đắc thất

Phần Dương nói: Mang lông đội sừng, hàm thiết đội yên, một lời so sánh Duy-ma gạn, trong vò không có ba ba đi, cũng không thả nói ở, không rơi vào sáng tối, làm sao nói, lão bà bán quạt tay che mặt trời.

8. Đồng sinh sát

Phần Dương nói: Thả mang ông thông khí ông, rắn chết thả ra cũng sống, xin xem làm đầy, sấm chớp nhanh không kịp bịt tai, họa không đi riêng, bảo kiếm giữa mày chùy vàng trong tay áo, tưới nước lúa xe kêu khó khăn.

9. Đồng tiếng hống

Phần Dương nói: Lừa kêu chó sủa mở viên thông, sư tử rên rỉ bầy chồn chạy sau, luống nhọc bên tai, thích nói không ra khỏi cửa, tiểu xuất đại gặp, gió thổi cối đá niệm Ma-ha, dạ-xoa đi giữa hư không.

10. Đồng đắc nhập

Phần Dương nói: Lại ở ngoài cửa, chịu đựng đánh nặng kim cang, sơn môn cỡi điện Phật, cũng gãy nỏ hết cũng chưa, quạ già trong đãy vải, kim cang vây quanh hạt dẻ gia hồng, làm sao nuốt sống được, bao gồm trong điện hỏi Trường An, bánh Hồ nhấm sữa, cá voi uống hết nước biển, lộ ra nhánh san hô, cùng người nào được nhập.

Phần Dương nói: Quỷ dành thùng sơn, sao bày tam mặc bốn mùa.

Cùng ai đồng tiếng rống.

Phần Dương nói: Gió thổi cối đá niệm Ma-ha, người gỗ tuy không nói, thạch nữ dẫn hồi đầu, làm sao sinh đồng sống giết.

Phần Dương nói: Mãnh hổ vào bầy dê, trong đây không có lão tăng.

Tại sao vật đồng được mất?

Phần Dương nói: Đầu trâu mất đầu ngựa quay lại, trước mắt không có Xà-lê, A cái đó đồng đầy đủ.

Phần Dương nói: Thượng tòa lại thiếu cái gì, chú lùn xem người giỡn.

Đây làm sao đồng biến khắp?

Phần Dương nói: Cáo nô tỳ bò trắng phóng hào quang, lại thong

thả bói suy.

Người nào đồng chân trí?

Phần Dương nói: Nhận chấp y nhiên lại không phải, biết nhau khắp thiên hạ, biết tâm được mấy người, ai cùng chung đồng tham.

Phần Dương nói: Biết được trên tòa gỗ cũng chưa, căn cứ đầu hổ bắt đuôi hổ, câu thứ nhất về sau nói rõ tông chỉ.

Cái đó đồng đại sự?

Phần Dương nói: Xuyên qua xương sọ, ít người tri âm.

Vật nào đồng một chất?

Phần Dương nói: Trong điện Hàm Nguyên hỏi Trường An, cây tang heo lau chùi lưng, Trường giang vịt gội đầu.

HỎI ĐÁP TÙNG NGUYÊN NHẠC THẬP TRÍ

Thế nào là Thập Trí Đồng Chân.

1. Đồng một chất.
2. Đồng sự việc.
3. Tổng đồng tham.
4. Đồng chân trí (1- Bất thành, 2- Không phải).
5. Đồng biến khắp.
6. Đồng cụ túc.
7. Đồng được mất.
8. Đồng sinh sát.
9. Đồng tiếng hống.
10. Đồng nhập (Hàn Sơn gặp Thập Đắc) cùng người nào đồng đắc nhập cùng ai đồng tiếng rống. Làm sao sinh đồng sinh sát vật nào đồng được mất. Cái đó đồng đủ. Vật nào đồng biến khắp cỡi đại bàng. Người nào đồng chân trí. Ai có thể cùng đồng tham. Cái đó đồng đại sự. Vật nào đồng một chất.

HOẶC TỤNG CỦA NGÀI PHỔ AM

Trời xuân mây trắng người khó hòa,
Bình phẩm ngõ đi băng tuyết há xem đủ,
Một cành tơ liễu nắm không được,
Khói hòa bắt ngọc ở lan can.

TỊCH ÂM

Thập trí đồng chân mặt mũi đi,
Ở trong một trí là căn nguyên,

Như nay muốn thấy lão Phân Dương,
Đánh phá tam huyền làm lưỡng biên.

TRÚC AM

Thập trí đồng chân chọn khoa Phật,
Phật pháp Phân Dương khổ không nhiều,
Tâm yêu kiệt tận tìm chân trí,
Diện mục phân minh thấy cũng vậy.

ĐẠI HUỆ

Mang lông đội sừng để trong mắt,
Thiết Sơn ngay mặt thế cao lớn,
Đông tây nam bắc không cửa vào,
Nhiều kiếp vô minh ngay dưới tro.

CỔ ĐỨC THẬP THỦ

(Tụng và tổng tụng)

Là vật gì sao đồng một chất,
Trong vạn tượng, đồng ngang nhau,
Thôi đem tâm thức lừa dối tham tầm,
Giúp sương mù gió mạnh thổi biển đứng.
Cái đó cùng ông đồng đại sự,
Trong ấy dám nói họ cùng mình,
Một thân kiên cố thầm hiện các trần,
Trong ánh tịch diệt không có tiện thứ.
Ai có thể cùng ta tổng đồng tham,
Tri thức luống nhọc năm mười ba,
Trước cửa lầu gác ý nào hạn cuộc,
Cố hương vẫn ở cửa Nam của biển.
Người nào đồng với đây một chất trí,
Thấy được phân minh lại không phải,
Núi tự cao sao nước tự sâu,
Một phen sửa đều bằng không dễ.
Là vật thế nào đồng biến khắp,
Nhiều đại kiếp đến nay thấy,
Một sóng vừa động vạn sóng theo,
Nào khác anh nhi được từ mẫu.
A cái đó là đồng đầy đủ,

Cỏ nhỏ bao hàm khói đủ núi xanh,
Tha hương xem giống cố hương,
Thêm được gốc nào hoa quanh nhà.
Vật gì a đồng được mất,
Tròn sáng như hoa hồng như mặt trời,
Tam cá sao con cháu ban đêm rải tiền,
Ngày mai luống hết hư không bậy bạ.
Làm sao sinh thôi đồng sinh sát,
Hoa đào hồng a hoa lý trắng,
Năm nay mất đi đại hoàng chu.
Đến chỗ gặp nhau Lý-bát-bá.
Cùng ai nói pháp đồng tiếng rống,
Ăn uống ngôn ngữ đều dùng miệng,
Yến nói oanh kêu lại không đồng,
Gỗ thơm điêu khắc xà nhà lại biết đó.
Cùng người nào đồng được nhập,
Chồng cày bừa ruộng vợ dệt vải,
Lặng lẽ nhìn việc nhà họ bận.
Từ trước đến nay Thập trí vốn đồng chân,
Nói trực tâm tinh diệu nhập thần,
Nhớ lâu trong ba tháng Giang nam,
Gió xuân nhẹ nước động sinh vây.

CỔ ĐỨC

Mười năm ở Thượng Hải tìm oán thù,
Không được oán thù không chịu thôi,
Hoa thược dược nở diện Bồ-tát,
Lá cây cọ đêm dài ngăn đầu.

■

NHÂN THIÊN NHÃN MỤC

QUYỂN 2

(Đông Lâm đều thêm lời của Từ Minh)

Có vị tăng hỏi như thế nào là câu "Tiếp sơ cơ?"
Phân Dương nói: Ông là tăng hành khước.
Đông Sơn nói: Chày Kim cang đập ngã Thiết sơn.
Đông Lâm nói: Ánh sáng của chín bát không đáy chói sáng.
Từ Minh nói: Một dao đoạn làm hai.
Làm sao suy nghiệm câu của nạp tăng?
Phần Dương nói: Phương Tây mặt trời mọc giờ mẹo.
Từ Minh nói: Con thuyền Nhạc Dương thẳng suốt vào sóng.
Đông Lâm tổng rằng: Ngọn cây đoác Thiên Thai đen nứt nẻ.
Từ Minh nói: Hàn Sơn, Thập Đắc.
Như thế nào là câu chánh linh hạnh?
Phần Dương nói: Ngàn dặm đem đến trình mặt xưa.
Đông Sơn nói: Dạ-xoa eo gối mắt đen trong.
Tổng quát rằng: Đế giày đội bền ba ngàn dặm.
Từ Minh nói: Đến ngàn đi vạn.
Thế nào là câu định càn khôn?
Phần Dương nói:
Bắc Câu-lô châu nhiều gạo tẻ,
Người ăn không tham cũng không sân,
Một phen làm không tham cũng không sân.
Đông Sơn nói: Kinh đến chùa Bạch Mã (307)
Tăng đến năm Xích Ô.
Tổng rằng: Nhân gian thiên thượng đều mùa xuân.
Từ Minh nói: Trời cao biển rộng.

Sư lại nói: Đem bốn câu nói đây, suy nghiệm nạp tăng trong thiên hạ.

(Đại Ngu nói: Xét kỹ suy lường, đem bốn câu đây, suy nghiệm tăng trong thiên hạ, lại bị nạn tăng trong thiên hạ xét phá.

Đại Huệ nói: Các người muốn biết Đại Ngu sao?

Ba năm không đổi đạo của cha, đáng gọi là hiếu).

BA LOẠI SƯ TỬ

Phù Sơn Viên Giám chỉ bày chúng rằng.

Phân Dương có câu sư tử, sư tử ấy có ba loại:

1. Siêu tông dị mục.
2. Tề mi cộng trục.
3. Ảnh hưởng âm văn.

Nếu như “ Siêu tông dị mục”, thấy lỗi ở Sư, có thể là giống có kham nhậm truyền trao.

Nếu như “ Tề mi cộng trục”, thấy bằng cùng với Sư, thì giảm bớt phân nửa đức của Sư.

Nếu như “Ảnh hưởng âm văn”, chồn hoang ỷ thế dị loại nào phân, nên bậc Thánh đức phó chúc rằng: Nếu sẽ thấy tướng, cần phải xét kỹ cùng kiếp, không được lỗ mãng, e lầm ấn khả người sau.

TAM QUYẾT CỦA PHẦN DƯƠNG

Phần Dương dạy chúng rằng: Phần Dương có Tam quyết, nạp tăng khó phân biệt, bàn luận hỏi thế nào? chống gậy bỗng nhiên đầu chống đỡ.

Tăng hỏi: Thế nào là Tam quyết, Sư liền đánh, tăng lễ bái.

Phần Dương nói: Cho ông bài tụng.

Quyết thứ nhất:

Tiếp dẫn không có thời tiết,
Khéo nói không thể nêu bày,
Mây xanh đầy trời trăng.

Quyết thứ hai:

Phóng ánh sáng biện rõ hiền triết,
Tâm hỏi đáp lợi sinh,
Nhổ ra cây đinh trong mắt.

Quyết thứ ba:

Người Hồ Tây Trú nói,
Qua bến nước Tân-la,
Đất Bắc cần Bân Thiết.

TỪ MINH

Quyết thứ nhất:

Sơn hà đại địa tiết ra,
Duy-ma mới điểm đầu,
Văn Thù lại nhiều lời.

Quyết thứ hai:

Mở mắt ra xem thời tiết,
Nói nín há liên can,
Nửa đêm trăng mùa thu.

Quyết thứ ba:

Núi xa đường khó bước,
Đất bằng thuyền dạo chơi,
Trong mắt khinh nhật nguyệt.

TỤNG CÚ PHÁP XƯỚNG

Quyết thứ nhất:

Ba cân tiền trong tay áo,
Bỗng gặp Duy-ma kinh,
Đề khởi ra ngăn đầu chống đỡ.

Quyết thứ hai:

Tháng sáu tuyết đầy trời,
Nắng gắt không chỗ trốn,
Thật là lạnh như sắt.

Quyết thứ ba:

Chữ bát không hai phẩy,
Sao tăng gật đầu cười,
Trong mắt lại đỡ nặng.

TỤNG CỦA NGÀI ĐÔNG SƠN

Quyết thứ nhất:

Thật tuyệt vời,
Tay cầm chùy vàng rồng,
Đánh mặt trăng rơi bên trời.

Quyết thứ hai:

Khó phân biệt,
Lưu ly trũng trên gối,
Mã não lồi trong mâm.

Quyết thứ ba:

Rất siêu tuyệt,
Mùa xuân hoa cỏ bốn mùa.

TỤNG AN TRỤ

Quyết thứ nhất:

Đầu kim gọt mòn,
Xuyên qua tai người Hồ,
Mặt mũi sang thiếu.

Quyết thứ hai:

Giết người thấy máu,
Người câm chịu đau,
Không chỗ phân tuyết.

Quyết thứ ba:

Nắng xuân tuyết trắng,
Nước suốt hoa đào,
Trăng sáng đầu núi.

Như thế nào là quyết thứ nhất?

Cổ đức nói: Mỗi cành san hô nâng đỡ mặt trăng.

Thế nào là quyết thứ hai?

Cổ đức nói: Muôn dặm một miếng sắt.

Thế nào là quyết thứ ba?

Cổ đức nói: Bên trăm đầu cỏ đều tiết lộ.

TAM CÚ CỦA PHẦN DƯƠNG

Phần Dương thượng ra câu hỏi:

Thế nào là người học cầm chỗ dao?

Phần Dương nói: Da Châu đánh bại tượng.

Thế nào là người học chuyển chỗ thân?

Phần Dương nói: Phủ Thiểm tây mọc trâu sắt.

Thế nào là người học chỗ rất gần?

Phần Dương nói: Sư tử dạo chơi Tây hà.

Sư nói tiếp: Nếu người từng được ba câu đây, đã biện được tam huyền, lại còn có ngữ tam yếu, cần phải dâng lấy.

CHÂN CÚ CỦA THÚY NHAM

Tăng hỏi: Thế nào là người học trước tác lực cú?

Thúy Nham nói: Ngàn mặt trời chặt cây khô đốt một ngày.

Thế nào là người học chuyển thân cú?

Thúy Nham nói: Một vách tường trăm vách tường.

Thế nào là người học thân thiết câu?

Thúy Nham nói: Nhà đục đưa lên qua đầu thuyền.

MƯỜI TÁM CÂU HỎI CỦA PHẦN DƯƠNG

Phần Dương nói: Đại ý bỏ thật thầm hỏi hỏi khó hiện, phải biết đến ý, còn bao nhiều thì đều có thời tiết tướng ngôn thuyết cạn sâu chỉ so sánh đúng, không được vọng sinh xuyên tạc, kia đây không lợi ích. Tuy là nhân thiện, mà chiêu lấy quả ác, cần phải xét kỹ.

Thỉnh ích:

Có vị tăng hỏi Mã Tổ: Thế nào là Phật?

Tổ nói: Tức tâm là Phật.

Triệu Châu nói: Trong nên chánh điện.

Trình giải:

Tăng hỏi Long Nha: Trời không thể che chở, đất không thể chở thời gian là thế nào?

Long xuyên nói: Đạo là hợp như vậy.

Xét hiện:

Tăng hỏi Lâm Tế: Người học có một câu hỏi, lúc ở chỗ Hòa thượng như thế nào?

Lâm Tế nói: Nói mau nói mau.

Tăng suy nghĩ.

Lâm Tế liền đánh.

Đậu cơ:

Vị tăng hỏi Thiên Hoàng: Khi tính nghi chưa dứt như thế nào?

Thiên Hoàng đáp: Thủ một chẳng phải chân.

Thiên tịch:

Vị tăng hỏi ngài Ba Tiêu: Tột đại địa là con mắt trong, xin sư chỉ bày.

Ba Tiêu nói: Gặp người nghèo cho ăn.

Tâm hành:

Vị tăng hỏi ngài Hưng Hóa: Người học phải trái chưa phân xin thầy phương tiện.

Hưng hóa theo tiếng liền đánh.

Thám bạt:

Vị tăng hỏi ngài Phong Huyệt: Không hiểu thấu người, vì sao không nghi?

Phong Huyệt nói: Linh quy đi đất bằng, sao khỏi kiệt lực chỉ dạy.

Huyền Sao nói: Ông nghe tiếng khe nước im lặng chăng?

Tăng nói: Nghe.

Huyền Sao nói: Từ trong đây vào.

Kình đảm:

Vị tăng hỏi Lão Túc: Thế trí biện thông, đều không cần đưa ra, trả lại câu thoại đầu của ta. Lão Túc liền đánh.

Trí:

Vị tăng hỏi Vân Môn: Khi trố mắt không thấy biên tế là sao?

Vân Môn nói: Soi xét.

Cố:

Vị tăng hỏi ngài Thủ Sơn: Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh vì sao không biết?

Thủ Sơn nói: Biết.

Tá:

Vị tăng hỏi ngài Phong Huyệt: Biển cả có châu, làm sao lấy được?

Phong Huyệt nói: Lúc võng tượng đến ánh sáng chói rạng, ở Hàng Ly Lâu sáng ngập trời.

Thật:

Vị tăng hỏi Tam Thánh: Người học chỉ thấy Hòa thượng là tăng, thế nào là Phật là pháp?

Thánh nói: Là Phật là pháp, ông biết đó sao?

Giả:

Vị tăng hỏi Kỉnh Sơn: Cái này là ở trong điện, cái đó là Phật sao?

Kỉnh Sơn nói: Cái này là ở trong điện.

Vị tăng hỏi Tổ sư: Tất cả các pháp, xưa nay là có cái đó là không?

Tổ sư đáp: Ông hỏi rất rõ ràng, nhọc gì lại hỏi ta.

Trưng:

Vị tăng hỏi ngài Hiểu Châu: Tổ sư Tây lai làmviệc gì?

Hiểu Châu đáp: Ông nói làm việc gì, tăng không nói, Hiểu Châu liền đánh.

Minh:

Ngoại đạo hỏi Phật: Không luận có nói hay không nói, Thế Tôn giây lâu.

Ngoại đạo nói: Thế Tôn đại từ đại bi, khai mở màng mây mê mờ cho ra khiến ta được nhập.

Mặc:

Ngoại đạo đến chỗ Phật không nói mà đứng.

Đức Phật nói: Rất nhiều ngoại đạo.

Ngoại đạo nói: Thế Tôn đại từ đại bi khiến ta đắc nhập.

Phàm có người học tihên lệch về ngôn cú, hoặc bị ngăn che tương lai, hiện rõ nhãn mục sư gia, hoặc trình tri kiến gánh vác đầu đội sừng, mỗi mỗi thử nghiệm, thảy đều đánh được, chỉ vì trực tiếp biết phá, hoặc chê hoặc khen, gương sáng đến đài, tại sao có thể hiện yêu tinh, sao có yêu quái ẩn hiện hình.

PHÙ SƠN (tên Pháp Viễn)

Sư Phù Sơn một khi chỉ bày chúng, nêu hết ngữ cú tông môn mà người học biên tập, xin tên Sư, Sư nhân đó góp nhặt đại khái, gọi đó là Phật Thiền Tông Giáo Nghĩa Cửu Đời tập, bởi nói phỏng làm cho cửu lưu.

GÁNH VÁC CHÁNH PHÁP NHÃN TẠNG

Luận về lý chân thật, chứng thành Pháp thân, công chiếu dụng, làm thành Báo độ, bổn nhân của chư Phật đã vậy, mô phạm rộng lớn của các Tổ cũng vậy, năm bộ phận tông muôn phái cờ vải tinh màu lam, phần sáng của một ngọn đèn pháp tịch mười phương đông đúc.

Lại trong kinh Hoa Nghiêm nói: Đức Như Lai không xuất thế, cũng không có nhập Niết-bàn. Xưa trên hội Linh sơn, Đức Thế Tôn cầm cành hoa sen xanh nhìn khắp chỉ bày bốn chúng, không có người nào hiểu ý lãnh hội được, duy có ngài Đại Ca-diếp, riêng lãnh hội ý chỉ Phật.

Trong kinh nói: Đức Phật bảo ngài Ca-diếp: "Ta có chánh pháp nhãn tạng Niết-bàn diệu tâm, phó chúc cho ông, ông nên truyền khắp chớ để đoạn tuyệt".

Đức Thế Tôn khi sắp nhập Niết-bàn bảo ngài A-nan rằng: Mười hai bộ kinh, ông phải lưu truyền, Đức Phật bảo ngài Ưu-ba-ly rằng: Tất cả giới luật ông phải phụng trì (một phen làm thon trì) Ngài phó chúc cho ngài Đại Ca-diếp bài kệ rằng:

"Pháp bổn pháp vô pháp,
Vô pháp pháp diệt pháp,
Nay lúc phó chúc vô pháp,
Pháp pháp đâu từng pháp".

Thế là ngài Đại Ca-diếp thọ trì ca-sa của Phật, ở trong núi Kê túc, nhập định tịch diệt, đơi đức Di-lặc hạ sinh, hai tay giao phó (Cổ đức nói lời rằng: Chim đậu không có bóng cây, hoa nở không nẩy mầm, ba đào bốn biển lớn một vầng trời trăng sáng).

TỤNG CỦA ĐẠI VIÊN TRÍ

Phật chánh pháp nhãn,
Đích thân Ca-diếp nghe,
Tổ nễ không hiểu,
Tai họa đến con cháu.

TỤNG CỦA ĐẠI HUỆ

Không kiếp xa xôi không thể tính kể,
Phật nhãn đâu từng biết được to lớn,
Diệu thể xưa nay không có vị thứ,
Chánh nhân đâu được có quy mô.
Thái hư rộng lớn bụi trần sạch,
Trí soi tròn sáng vật tượng khác,
Từ đây núi hoa ngàn muôn đóa,
Mặc tình họ Phan Lan đến cõi lừa.

GÁNH VÁC TẠNG PHẬT PHÁP

Luận về giáo ngoại Tam thừa, chư Tổ biệt truyền, trong vạn tượng bỗng nhiên riêng hiển lộ, mây trần chưa dứt, ngăn cách núi sông, suy tính sai khác, ngàn đời muôn kiếp, tam Hiền chưa hiểu, thập Thánh đâu biết, cắt đứt các dòng, làm sao đạt đến, Thánh nhân uyển chuyển đưa ra phương tiện không thôi, chạm khắc các hình mà không có công lao, thì huống gì là Như Lai Tạng ư? Đó gọi là tạng, bao quát các tạng Phật pháp ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, trong ấy có Đại thừa, Tiểu thừa.

Giáo pháp Tiểu thừa nói về Thanh văn, Duyên giác, giáo pháp Đại thừa nói về Bồ-tát, ở trong chi phần phân làm tám: Nghĩa là ba tạng năm thừa. Ba tạng ấy là Kinh, Luật, Luận. Năm thừa là Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát bao gồm cả nhân thiên. Song thì giáo phân danh số, y căn bản lập ra, mà không lìa Nhất thừa.

Trong kinh Pháp Hoa nói: Đối với đạo Nhất thừa phân biệt với thành ba.

Lại nói: Còn không có hai thừa, hà huống có ba.

Lại nói: Chỉ một sự thật đây, còn hai pháp chẳng phải chân. Đây nói rõ y căn bản lập quyền. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: Như Lai Tạng dùng pháp giới làm thể, Như Lai tạng không có mé trước sau, không có pháp thành hoại, không có ngôi vị tu chứng, dứt nghĩa đối đãi, cho nên Văn Thù có bài kệ rằng:

Một niệm khắp quán,

Vô lượng kiếp không đi, không đến cũng không trụ,
Như vậy rõ biết việc ba đời,
Vượt ra các phương tiện thập lực.
Thánh nhân nói liễu nghĩa, bất liễu nghĩa,
Đều là y căn an lập,
Chư Phật tùy nghi thuyết pháp ý thú khó hiện,
Ba tạng năm thừa đều có tông chỉ.

Đối với Nhất thừa gần đủ, đều là quyền lập. Duy có một bộ kinh Hoa Nghiêm, dùng pháp giới làm thể lượng, Phật cùng chúng sinh đồng một thể tánh, vốn không tu chứng, vốn không có đắc thất, không có phiền não có thể đoạn, không có Bồ-đề có thể cầu, nhân cùng phi nhân tánh tướng bình đẳng. (Cổ đức viết rằng:

"Vốc nước trăng ở tay,
Ngắm hoa hương đầy áo,
Khe xưa suối lạnh vọt,
Tùng xanh sau tuyết héo rụng".)

TỤNG CỦA ĐẠI VIÊN

(309) Tạng Phật pháp của ta,
Cứu với chúng sinh,
Trăm ngàn Tam-muội,
Khảy móng tay viên thành.

TỤNG CỦA ĐẠI HUỆ

Mười phương nhiếp khắp không sót,
Ba đời gồm thâu ở lúc này,
Hiệu Thánh danh phàm đồng một lưỡi,
Hình kém tướng khác không nhiều nẻo.
Ngoài cửa nhà nhà tăng trưởng đạo yên,
Sư tử con trong hang khắp nơi,
Đánh phá bình sạch không một việc,
Chim cuốc hót ở trăm cành hoa.

CHỈ BÀY LÝ QUÁN

Phàm thanh sắc không đến, đường ngôn ngữ khó nêu bày, xưa nay rõ ràng, từ trước đến nay không gián đoạn, dùng lời nói hiển bày đạo, uyển chuyển thành thời nay, dựng phất trần dương mày, ngõ hầu dạy bảo khắp, thượng sĩ thiên nhiên, há nhận nêu bày, căn cơ trung hạ, lấy

quy tắc đầu câu, đậu cơ bất diệu, qua ở người nào, lại nếu do dự, càng thêm đần độn. Lý quán đới: Lý tức chánh vị, trong vị ấy, mà không có một pháp không đồng thật tế, thật tế lý địa kia, không thọ một mảy trần. (Cổ đức viết lời rằng:

Các sừng tuy nhiều mà một chân,
Chuyển động dễ mở bày đường xưa,
Không rơi vào cỏ tiêu nhiên).

TỤNG CỦA ĐẠI VIÊN

Lý quán thâu hết,
Muôn phái đòng dòng,
Hoa tạng Tỳ-lô,
Vật vật đầu đầu.

TỤNG CỦA ĐẠI HUỆ

Chân lý đâu từng lập một trần,
Hô thành chánh vị sớm thân sơ,
Chim gà nửa đêm kêu chỗ nào?
Cây khô hoa nở ngoài kiếp xuân.
Tên thủ thúy từ thường lợi vật,
Đem tâm chấp trước đã trái chân,
Ông xem cây hạt gọi Nê-hoàn,
Từng nêu hai chân chỉ bày chúng.

MỞ BÀY SỰ QUÁN

Luận về mặt trăng chiếu đến hay không đến, trời đất che chở không được, khi kiếp họa nói thường an, khi muôn pháp dứt toàn thể hiển bày, tùy duyên bất biến, chỗ ồn thường vắng, một đạo ân quang ai không có phần.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Chùa nói chúng sinh nói, ba đời cõi nước đồng thời nói. (Cổ đức viết lời:

Tìm lửa hòa khói được,
Gánh suối mang trăng về,
Thạch trường không cây cối,
Núi khép không động mây).

TỤNG CỦA ĐẠI VIÊN

Sự quán vạn cõi,

Mảy trần không lọt,
Vạn tượng sum-la,
Toàn cơ không lỗi.

TỤNG CỦA ĐẠI HUỆ

Chuyển chỗ đều rõ dứt vạn sự,
Tùy duyên được chỉ lại nào cầu,
Quần sinh tạo hóa nương lực đây,
Một đạo linh quang gặp khắp nơi.
Tức sự tức không thừa pháp,
Toàn tâm toàn Phật có lai do,
Lấp ngòi ngăn rạch không người biết,
Thật cưỡi cõi trâu lại tìm trâu.

MỞ BÀY LÝ SỰ TUNG HOÀNH

Phàm chạm mắt là đạo, trong môn Phật sự, tuyệt tích vô tư thông suốt thật tế, viên dung sự lý, vận dụng song hành, khí lượng gánh vác, tùy cơ phó cảm, cửa gió lộ vải, đều ở đương chân, kiếm lập tông thừa, mọc nhiều chi tiết, ra cửa hỏi đường, chỉ đông vẽ tây, nhiều kiếp ngu dốt, làm sao phát khởi. (Cổ đức viết lời rằng:

Trên đầu kim nhọn lại để cao chót vót,
Trong hồng lô cháy sáng nổi sóng xanh,
Vượn ôm con về trong núi xanh,
Chim tha hoa rụng trước bích nham).

ĐẠI VIÊN

Lý sự tung hoành
Chiếu dụng đều hành
Bên này bên kia
Giờ ngọ canh ba.

ĐẠI HUỆ

Trần trần thật tế vốn dung hòa
Nêu thể bao gồm lý sự đồng
Ứng vật hành tạm pháp không nhất định
Tùy duyên lập lý tuyệt lưới lồng.
Đầu sào có đường xe ngựa thông,
Xuống gậy không không chạm tổ ông

Ra vào tung hoành toàn thể dụng
Mặt trời lặn nước chảy về đông.

TÙY DUYÊN CHỈ BÀY

Phàm chỉ bày: Là Thánh nhân chỉ bày ưng cơ tiếp vật.

Khuất Khúc: Cởi bỏ y phục trân báu, mặc y phục thô xấu.

Ngài Đồng An nói: Tạm mặc áo thô xấu nói là Phật, lại y phục trân báu gọi là gì?

Y phục trân báu gọi là không xuất thế. Áo thô xấu gọi là xuất thế.

Có vị tăng hỏi Hòa thượng Thạch Môn Triệt: Pháp sư Vân Quang là thế nào? Lại làm trâu đi.

Môn Triệt nói: Hẹp hòi không cỡi được ngựa màu vàng, về đường lại mặc áo quần rách, sau khi Thánh nhân thành Phật, lại làm Bồ-tát, dẫn dắt lợi ích chúng sinh, đây gọi là không trụ vô vi bất tận hữu vi.

Ngài Văn-thù-sư-lợi hỏi ngài Duy-ma-cật: Bồ-tát làm sao thông suốt Phật đạo?

Duy-ma-cật nói: Bồ-tát thực hành ở phi đạo, đây gọi là thông đạt Phật đạo. (Cổ đức nói rằng:

Mây từ che khắp cõi vô liên,
Cây khô không hoa nào ngại gì,
Uyển chuyển thị phi từ quanh co đến thẳng,
Lúc ấy tiêu tức hiển gió thông).

BÀI TỤNG CỦA ĐẠI VIÊN

Uyển chuyển rủ lòng từ,
Đánh hét đều thi thiết,
Ẩn giấu mật chỉ,
Thiết thật linh chi.

BÀI TỤNG CỦA ĐẠI HUỆ

Không mặc y phục trân báu là chỉ bày hàng sơ cơ,
Hàng xuất thế tạm mặc áo thô xấu,
Đường hẹp nối vòng qua đêm,
Cố hương xa xăm bao nhiêu thời gian trở về.
Tơ rủ ngàn thước câu lại quanh co,
Lợi vật nhiều phương nói có từ bi,
Ngừng luyến tiếc phong cảnh Trường An đẹp,
Được tiện nghi là mất tiện nghi.

KHÉO HÒA HIỆP ĐẦY ĐỦ

Hòa thượng Phong Huyệt dạy chúng: Phàm tham học nhãn mục, căn cơ cần phải đại dụng hiện tiền, đừng tự câu chấp tiểu tiết, giả sử nói tiến đến trước được, cũng là ngăn trệ trong vỏ mê, dù dưới câu nói lợi ích tinh thông chưa khỏi gặp đường cuồng chấp, khuyên mọi người các ông phải là từ trước đến nay y tha tác giải, sáng tối hai nẻo, phàm Thánh tình nghi, nhất thời quét sạch, mỗi mỗi trực giáo như sư tử con rống một tiếng, vách đứng muôn nhận, ai dám nhìn thẳng, nhìn thì mờ mắt. (Cổ đức viết rằng:

Một câu uyển chuyển hợp ngàn vận xưa,
Ngàn lớp mây ngăn trăng đến ban đầu,
Tơ rủ ngàn thước ý ở đầm sâu).

TỤNG CỦA ĐẠI VIÊN

Khéo hợp chân cơ,
Cảnh vật như như,
Là phàm là Thánh,
Không thiếu không đủ.

ĐẠI HUỆ

Cầm nắm đưa ra tác giải biết,
Một chữ trong ấy đưa ra hai đầu,
Đồng sinh đồng tử đầu từng hiểu,
Đều buông đều thâu nêu nghi ở đời.
Chiếu soi mật cóc tía sáng trong kho bích,
Trời vỗ biển xanh ngập Tu-di,
Nghe nhạc Thiều quên vị vui có dư,
Mới biết lúc ấy đứng bên ngoài.

KHÓA VÀNG ĐỀU KHÓA

Phàm sau phân đăng Kê túc, Thiếu Lâm truyền thuốc đến đây, đều xiển dương huyền phong, cùng nhau làm Phật sự. Nếu nương lời nói làm căn cứ, pháp môn đoạn diệt, lại thành công tu tạo tác (một phen làm lại thành công tu trì), Tiên thánh tầm thường, mỗi mỗi hiển lộ mọi vật sáng sáng rõ, không cần do dự, cần phải nói liền. (Cổ đức nói:

Gió thổi liễu bờ Nam,
Hai phen đánh ao sen phía Bắc,
Kên trắng xuống ruộng ngàn điểm tuyết,
Một cành hoa trên cây huỳnh lộc).

TỤNG CỦA ĐẠI VIÊN

Khóa vàng đều khóa
Toàn tâm ấn khả
Có cú không cú
Ngàn hoa vạn đóa.

TỤNG CỦA ĐẠI HUỆ

Đột xuất toàn cơ lý sự huyền
Vương lão thân đồng đêm đốt tiền
Đồng nhàn được đường sáng như ban ngày
Cất bước hồi đầu thẳng như dây đàn.
Huyền yếu đều hành không nói khác
Cơ duyên vừa đến không thể truyền
Từ xưa đến nay đại đạo không câu chấp
Tín thủ đem đến trăm sự đủ.

BÌNH HOÀI THƯỜNG PHẬT

Hòa thượng Lạc Phố chỉ bày chúng: Một câu nói sau cùng mới đến cửa ải hẹp, cần phải đem dứt bến, không thông phàm Thánh, tầm thường đến nói với mọi người, mặc tình từ trời xuống phồn vinh thịnh vượng, chỉ có ta không chịu.

Cớ sao? Linh Quy đội bản đồ, tự chuốc lấy nát thân, phượng hoàng vòng quanh lưới vàng, toan đến trời cao, làm sao trông mong, bình thường bảo các ông, phải đối với minh tông ngoài ý chỉ, chớ đến trong đó nói lấy phép tắc. Cho nên nói: Căn cơ người đá giống như ông, giải xướng bài ca. Ông nếu giống như người đá khúc tuyết cũng nên hóa.

Có vị tăng hỏi ngài Nam Tuyền: Thế nào là đạo?

Tâm bình thường là đạo, như đạt được đạo bình thường. Thấy núi tức là núi, thấy nước tức là nước, tính thủ đem đến, cỏ không được không đâu không được, giả sử gió đến cây động, sóng khởi thuyền cao, xuân sinh hạ lớn, thu thâu đồng giữ, nào có sai khác, nhưng được gió hòa mưa thuận, quốc thái dân an, biên phương yên tịnh, hợp đạo vua tôi, há ở vào thời xuất hiện kỳ lân phượng hoàng đến, mới hiển bày điềm lành, nhưng được lý trở về chân đạo thì sự mới thường thật, không có Thánh đáng cầu không có phàm nào đáng bỏ, trong ngoài lòng được yên ổn, tuyệt nhiên tự hợp, cho nên lời của các bậc Thánh nói, không lìa thế đế, tùy thuận thế gian, khế hội thì giữa đường thọ dụng, không

khế hội thì thế đế lưu truyền. (Cổ đức nói:

Trường nhân tiến chỗ khách,
Thì nhớ được nhà khác).

TỤNG CỦA ĐẠI VIÊN

Trong lòng yên ổn thường thật
Sự đủ lý xong
Hiển bày trụ đèn lồng
Không được không mất.

ĐẠI HUỆ

Lại không thể lại xen nhau vốn viên thành
Gặp mặt vô tư một thể đồng
Núi đông trên nước đi không ở
Ngựa gỗ trong lửa đen hý kếu.
Nhân gian chỉ thấy mây trăng nổi
Ngoài trời thường thấy hàng núi ngang
Chớ cho tâm bình thường là đạo
Tâm nghĩ đã ở thành Thiết vi.

Phù Sơn nói: Nếu pháp môn viên cực, vốn đủ mười số, nay đây có bốn mươi chín, đã vì các người nói rõ. Lại có một, các người lại được gì, nếu cũng thấy được thân thiết phân minh, lại mới ra nói xem, nói được tương ưng, thì thông chín điều trước, đạo nhãn viên minh. Nếu cũng thấy mà không thân thiết thì nói không tương ưng, mà chỉ y ngôn ngữ của ta, do vì đã hiểu thì gọi là báng pháp, không có lẽ đó, các người đến đây như thế nào? Chúng đều mờ mịt, Sư bèn quát mắng giải tán.

TAM QUAN CỦA HUỲNH LONG

Nam Thiền sư hỏi Long Khánh Nhàn Thiền sư rằng: Mỗi người có cái sinh duyên.

Hòa thượng tòa sinh duyên chỗ nào?

Khánh Nhàn đáp: Sáng sớm ăn cháo trắng, đến chiều lại cảm thấy đói.

Nam Thiền sư hỏi: Tay ta sao giống tay Phật?

Khánh Nhàn đáp: Trăng xuống chơi đàn tỳ-bà.

Thiền sư hỏi: Chân ta sao giống chân lừa?

Khánh Nhàn đáp: Con cò trắng đứng tuyết không đồng màu. Ngài Huỳnh Long thường lấy ba chuyển ngữ đây, đưa ra hỏi người học. Phần

nhiều không khế hợp với ý chỉ kia, mà cư sĩ Phan ở Nam châu tiếp nối hưng thạnh lâu dài, lại hỏi lý do kia.

Huỳnh Long nói: Đã qua Tam Quan, dựa vai đi thẳng, đâu biết có Quan lại, từ Quan lại hỏi được chăng? Đây là chưa thấu được Tam Quan, lại tự làm bài tụng rằng:

Tay ta làm sao giống tay Phật,
Thiền nhân ngay đó nắm bắt,
Bất động can qua nói ra,
Ngay đó siêu Phật vượt Tổ.
Chân ta chân lừa đều đi,
Mỗi bước đạp vô sinh,
Hội được mây thâu trăng sáng,
Mới biết tung hoành đạo đây.
Sinh duyên có nói người đều bỏ,
Nước không làm sao lìa được tôm,
Chỉ thấy mặt trời mọc phía Đông,
Ai có thể khế hợp được với trà của Triệu Châu.

(Trong Ngữ Lục Lô Sơn Văn Cơ Phật nói: Xưa thấy thủ tòa Quảng Biện bắt Nam Thiền sư viết tụng Tam Quan, đọc tụng không sót, gần đây thấy Ngữ Lục các phương, không đầy đủ, lại nhiều sai lầm, nên đây chú phá).

VĂN TỤNG CỦA NGÀI CHÂN TỊNH

Tay ta làm sao giống tay Phật
Lại che giấu làm sao hiện tốt xấu
Nếu là con sư tử
Dã can lừa dối mà mở miệng.
Chân ta sao giống chân lừa
Ẩn hiển ngàn muôn sai lầm
Muốn mở nhãn tình Kim cang
Xem lấy thiện ác trước mắt.
Mọi người có cái chỗ sinh duyên
Nhận mặc áo rồi lại mất đường
Hư không rộng lớn mây bay trăng hoa nở
Đông tây nam bắc theo ông đi.

CẢNH PHƯỚC THUẬN

(Người đất Thục, tiếp nối Nam Thiền sư)

Trường giang mây bay nước chảy cuồn cuộn

Bỗng nhiên cuồng phong sóng lại cao
Không biết ngư gia ý huyền diệu
Lại ở trong gió thổi sóng.
Nam Hải Ba Tư vào Đại Đường
Người có của báu riêng lại thương lượng
Hoặc khi gặp nghèo hoặc khi sang
Mặt trời đến phía Tây bóng dần dần dài.

(Lão Hòa thượng Huỳnh Long có nói cái sinh duyên, Sơn Tăng nối tiếp ông, ngày nay vì ông nêu ra, vì ông nêu con mèo, riêng giải bắt lão chuột).

NAM ĐƯỜNG TĨNH

(Tên Đạo Hưng người đất Thục, tiếp nối Ngũ Tổ)

Tay ta sao giống tay Phật
Lò rèn kèm búa cái chổi
Từng nấu kim thân tử ma
Ánh sáng chiếu Thất tinh Ngưu đẩu.
Chân ta sao giống chân lừa
Đánh giáp cờ hồng lấp lánh
Ngồi giữa đoạn trăm chiến trường
Diệu dụng sáu thao ba lược.
Mọi người có cái sinh duyên
Xem nghe cuối ngước xoay vòng
Đầu đội mặt trời mặt giữa vũ trụ
Trong lòng ẩn chứa ngoài biện oai quyền.

TỤNG CỦA VIÊN NGỘ

Tay ta sao giống tay Phật
Tùy phần đưa hoa chặt liễu
Bỗng nhiên rờ đầu rắn
Chưa khỏi gặp một hơi khác.
Chân ta sao giống chân lừa
Triệu Châu lướt qua cầu đá
Bỗng nhiên làm quả cầu da
Ngã đổ ba núi Ngũ nhạc.
Mọi người có cái sinh duyên
Thân ngồi xổm không đi sâu vào đất
Nếu cũng da mắt hé mở

Người khác lo đáy thùng chích xuyên.

TỤNG THUYỀN ĐƯỜNG

Tay ta tay Phật
Mười tám mười chín
Mây tan trăng tròn
Người đi đêm chạy.
Chân ta chân lừa
Bỏ qua một chấp
Vợt tre Bàng Công
Thìa gỗ thanh bình.
Người người sinh duyên
Luật Bắc thiền Nam
Đạo ta Vũ Hốt
Hoa dừng chống thuyền.

HẢI ẤN TÍN

Tay ta tay Phật
Người nào không có
Ngay đó phân minh
Cần gì cuồng chạy.
Chân ta chân lừa
Đạp lướt cao thấp
Qua mưa rêu xanh
Mây tan mặt rời sáng.
Hỏi ông sinh duyên
Khắp nơi không nghi
Nói thẳng tâm không bệnh
Ai luận phải và quấy.

VẠN AM

Tay ta sao giống tay Phật
Không cần nghĩ trước tính sau
Thế gian nhiều ít người si
Chỉ là theo người đi sau.
Chân ta sao giống chân lừa
Toan bàn gặp độc dược khác
Lại thấy tướng áo trắng chạy
Từ trước lại không có quan tước.

Người người có cái sinh duyên
Người vậy cây đầy nhà
Mượn hỏi đông gần nhà tây
Tây Thiên mười muôn tám ngàn.

NAM ĐƯỜNG BIỆN NGHIỆM MƯỜI MÔN

Sư Nam Đường chỉ bày chúng rằng: Phàm tham học chí yếu, không ra ngoài cái tối sơ và câu rốt sau. Người thông suốt được, việc bình sinh xong, kia hoặc chưa như vậy, lại cùng ông phân làm mười môn, mỗi người dùng ấn chứng tự tâm, xem được thỏa đáng cũng chưa.

1. Phải tin có giáo ngoại biệt truyền.
2. Phải biết có giáo ngoại biệt truyền.
3. Phải hiểu vô tình thuyết pháp cùng hữu tình thuyết pháp không hai.
4. Phải thấy tánh như trong bàn tay phân minh rõ ràng, mỗi mỗi ẩn mật của ruộng đất.
5. Phải đủ pháp nhãn lựa chọn,
6. Phải noi theo đạo huyền như chim bay.
7. Văn võ song toàn.
8. Phải dẹp tà hiển chánh.
9. Phải đại cơ đại dụng.
10. Phải đi đến trong dị loại.

Mười môn đây, mọi người cũng chưa được thỏa đáng. Nếu chỉ là đóng cửa lo tính, một mình rõ tự thân, không ở thời hạn đây. Nếu muốn gánh vác tiếp nối giống thách chánh tông, phải rõ mười môn cương yếu đây, mới ngồi được giường cây khúc lục, sẽ được người rong thiên hạ lễ bái, có thể cùng Phật tổ làm thầy. Nếu không được điền địa như thế, chỉ một bề luống uổng, giờ khác ngày khác, vua Diêm-la, chưa thả ông được, có như thế mọi người người mới đưa ra chứng cứ, cho bằng không đâu không lập dụng lâu dài.

MÔN ĐÌNH LÂM TẾ

Tông Lâm Tế, đại cơ đại dụng, ra khỏi lưới lồng, ra khỏi hang ổ, hổ chạy rồng bay, sao băng điện chớp, trời chuyển đất quay, ý khí trời nổi giận, để duy trì khác thường, co duỗi bắt lại buông ra sống chết tự tại, thế nên chỉ bày tam huyền, tam yếu, tứ tân chủ, tứ liệu giản, Kim cang vương bảo kiếm, sư tử cứ địa, tham can ảnh thảo một tiếng hét phân chủ khách, chiếu dụng đồng thời thực hành, người trung hạ căn

đến, đoạt cảnh không đoạt pháp, người trung thượng căn đến, đoạt cảnh đoạt pháp không đoạt nhân (một phen làm đoạt pháp không cảnh là sai), hàng thượng thượng căn đến, nhân cảnh cả hai đều đoạt, hàng xuất cách đến, nhân cảnh đều không đoạt.

Tứ Tân chủ: Nhà sư có lỗ mũi, gọi là chủ trong chủ. Người học có lỗ mũi, gọi là chủ trong khách. Nhà sư không có lỗ mũi, gọi là khách trong chủ. Người học không có lỗ mũi, gọi là khách trong khách. Cùng khách chủ của Tông Tào Động không giống nhau.

Tam huyền: Huyền trong huyền, huyền trong thể, huyền trong câu.

Tam yếu: Trong một huyền đủ tam yếu, tự là trong một cái hét, thể nhiếp tam huyền tam yếu.

Kim cang vương bảo kiếm: Một đao đoạn hết tình giải.

Cứ địa sư tử: Phát lời nhã khí oai thế chấn lập, trăm thú run sợ, các ma vỡ não.

Thám can: Tham dò ông có nương thầy hay không nương thầy, có lỗ mũi hay không có lỗ mũi.

Ảnh thảo: Khinh lờn làm giặc, nhìn ông thấy cũng không thấy.

Một tiếng hét phân khách chủ: Trong một tiếng hét, tự có khách có chủ.

Chiếu dụng đồng thời hành: Trong một tiếng hét, tự có chiếu có dụng.

Một tiếng hét không làm dụng của một tiếng hét. Trong một tiếng hét đủ loại tam huyền tam yếu, Tứ tân chủ, Tứ liệu giản như vậy, đại khái tông phong của Lâm Tế, không quá như thế, muốn biết Lâm Tế như thế, sét đánh ngang tai ầm vang, đất bằng nổi sóng gió. Sơn Đường biện rõ môn tam huyền. Lâm Tế nói: Một câu nói, phải đủ tam yếu, một huyền phải đủ tam yếu, đại cơ đại dụng họ cho dùng câu danh số, bỏ dẹp tà, khắp nơi hỏi đáp huyền yếu, cũng chỉ nói thế nào là đệ nhất, đệ nhị, đệ tam.

Ngài Phần Dương nói kệ:

Tam huyền, Tam yếu sự khó phân,
Được ý quên lời đạo dễ gần,
Một câu rõ ràng gồm muôn vật,
Trùng dương cửu nhật hoa đào mới.
Chủ tháp rất xưa mới phá là.

Huyền trong câu, huyền trong thể, huyền trong huyền,
Mà tam yếu thì nói việc không thực hành,

Giao phó các người lừa dối mà thôi.

Thiên đây nói rõ môn hộ của Lâm Tế, hơn nữa theo đến tam huyền, tam yếu, thì rơi vào vết xe đổ của tháp chủ, không thể không biện rõ.

YẾU QUYẾT (Sơn Đường biện rõ ràng)

Đại hùng đang tiếp nối cương tông Lâm Tế, nhân đó hỏi Hoàng Bá từ Tây Trúc đến, đau xót cùng với ba trận Ô Đằng, bèn đến Đại Ngu đánh phá, đích thân nắm lấy ba cái xương sườn, ngay lời nói thấy tâm lão bà, mới biết Phật pháp không nhiều người, tiếng sét nổ vang, vuốt râu hùm, mổ tung ở bên cục thịt đỏ, đến nơi nắm tay không, sao bay pháo tre nổ, băng tan núi lở, nước càng đi lên, đi trên kiếm nhọn, đều là quyển điện máy, đại dụng xoay vòng, xích thủ giết người, đưa dao thẳng vào, nhân cảnh đều đoạt, chiếu dụng đều hành, sáng đầu đến, tối đầu đến, Phật cũng giết Tổ cũng giết, biện rõ xưa nay ở tam huyền tam yếu, suy nghiệm long và ở một chủ, một khách, vượt ra khỏi lưới lồng, không còn ý giải, cầm kiếm Kim cang bảo vương, quét trừ cây trúc tinh linh, phấn chấn toàn oai sư tử, bầy chồn sợ vỡ mật, cuối cùng chánh pháp nhãn tạng, cuối cùng lại ở bên lừa mù, thấu xương thấu tủy, mà huyết mạch thông suốt, thấu đảnh thấu đáy, mà càn khôn riêng hiển bày, miên mật không tiết lộ, căn khi tương truyền, bởi tông tổ ấy cao minh, từ trên chói sáng. Đó là tông phong của Lâm Tế.

BÀI TỤNG CƯƠNG TÔNG CỦA CỔ ĐỨC

(Đây có sai lầm)

?? ??

Tám phương toàn địch dày mờ mịt
Long xà đều ẩn ra khỏi da vảy
Mưa sấm đồng bày kế lược hoang đường
Điểm Phật tổ là tiếng giọt nước
Giang sơn rốt cuộc đều thơm tho
Hướng trở về đường minh Giao Xa
Thuyền Ba Tư rơi vào làng Sở.

TÔNG VÂN MÔN

Sư húy Văn Yển con họ Trương ở Gia Hưng. Khi thọ giới Cụ túc xong du học khắp nơi. Đầu tiên Sư tham học với Hữu Chân Trần Tôn

Túc phát minh tâm yếu. Ngài Hữu Chân chỉ đến tham kiến Thiền sư Tuyết Phong, lại nhờ Sư ấn khả. Ban đầu đến Linh thọ, khai pháp tiếp nối Tuyết Phong, sau dời đến chùa Quang Thái Vân Môn, đạo ấy khai mở, người học trong thiên hạ, nghe danh mà đến, sau hiệu tông Vân Môn.

TAM CÚ

Sư dạy chúng rằng:
Càn khôn che khắp,
Mắt rất nhanh nhẹn,
Không liên quan đến vạn duyên.
Làm sao sinh thừa đương,
Chúng không đối đáp,
Tự nói thay rằng:
Một vòng phá tam quan.

Sau đến Đức Sơn Viên Minh Mật Thiền sư, bèn lìa lời ấy thành tam cú, nói câu che khắp càn khôn, cắt đứt các dòng cú, tùy sóng theo câu sóng. (Viên Ngộ nói: Vốn chân vốn không, một sắc một vị, chẳng phải không diệu thể, không ở nơi do dự, rỗng suốt rõ ràng, thì bao hàm càn khôn).

Lại nói: Vốn chẳng phải giải hội, sắp xếp tương lai, một chữ không mất, vạn cơ liền dứt, thì cắt đứt các dòng.

Lại nói: Nếu cho họ gặp nhau, từ mầm hiện rõ đất, nhân lời biết người, tức tùy sóng theo sóng.

TỤNG TAM CÚ CỦA PHỔ AN ĐẠO

Càn khôn và vạn tượng
Địa ngục và thiên đường
Mọi vật đều chân hiện
Đầu đầu đều không tổn.
Chất chứa thành núi lớn
Mỗi mỗi đều trần ai
Lại bàn luận huyền diệu
Băng tiêu ngói đổ.
Miệng nói lanh lợi
Cao thấp đều không thiếu
Lại như ứng bệnh cho thuốc
Dự đoán rất kịp thời.

CHÂN THÚY NHAM

Càn khôn cho khắp sự rõ ràng
Cần gì đặc biệt báo động
Người cứng nắm múa chuông ông đến hướng Đông
Không để cành hoa ở chỗ xinh đẹp.
Cắt đứt các dòng vì để bàn luận
Hằng sa chư Phật dám nêu bày
Sao dời đẩu chuyển càn khô đen
Hỏi có mảy may thật không còn.
Tùy theo sóng gió mặc tình cao thấp
Buông ra bắt lại lý sự đồng
Ban chút lòng từ khinh hậu học
Ngặt gì mưa ngập ngăn bùn đất.

HỎI ĐÁP

Quy Tông Thông (tiếp nối sự giúp đỡ của Quy Sơn).
Hội Tam Tổ (tiếp nối bổn hoài Thiên Y).
Vân Cư Khánh (lời nghiêm nghị của Vân Lài).

NIỆM THỦ SƠN

(tiếp nối dòng Phong Huyệt)

THIÊN TRỤ TĨNH

Như thế nào là câu che khắp càn khôn?
Tống nói: Mặt trời mọc phương Đông lặn hướng Tây.
Tổ nói: Hải yến hà thanh.
Vân Cư nói: Đúng.
Thú Sơn nói: Đại địa dày đặc màu đen.
Thú Sơn lại nói: Khắp trời quanh đất.
Sư lại nói: Đáy biển nổi hồng trần.
Thiên Trụ nói: Chỉ nghe âm vang gió, biết là mấy ngàn sào.
Thế nào là cắt đoạn các dòng cú?
Tông Thông nói: Rắn sắt ngang đường xưa.
Tổ nói: Nước rỉ không thông.
Vân Cư nói: Thoạt qua.
Thủ Sơn nói: Không thông phàm Thánh.
Sư lại nói: Đến kịp vừa bỏ qua.
Sư lại nói: Thân khắp ngoài ba cõi.

Thiên Trụ nói: Đêm qua nổi gió lạnh, sáng nay sương đầy đất.

Thế nào là tùy theo câu sóng gió?

Dưới con thuyền Dương Châu.

Tổ nói: Ba Tư Tra rơi xuống nước.

Vân Cư nói:..

Hoát Sơn nói: Muốn nói lại nói.

Sư lại nói: Có hỏi có đáp.

Sư lại nói: Từ đây đi Tây Thiên mười muôn tám ngàn.

Thiên Trụ nói: Nắng xuân ấm áp hoa đẹp lộng lẫy, tiếng oanh vàng hót líu lo cả rừng.

TRỪU CỐ

Sư thường thấy vị tăng, dùng mắt xem xét, tức gọi là (giám), hoặc nói là (di) mà người chép. Mà người ghi chép nói là cố giám di. Sau đến ngài Đức Sơn Viên Minh Mật Thiền sư, san khắc bỏ chữ cố, chỉ gọi là giám di, nên tòng lâm gọi là trừu cố, nhân đó làm bài kệ lưu thông, lại gọi đó là đài tiến thẳng lượng. Bài kệ nói:

Gặp nhau không dương mày
Ông đông tôi cũng tây
Ràng đỏ xuyên biển xanh
Mặt trời quanh núi Tu-di.

TỤNG BẮC THÁP TỘ

Ngài Vân Môn để ý cười đùa,
Suy nghĩ gặp suy nghĩ của họ,
Mặc tình là Trương Lương đa tri khéo léo,
Đến đầu rốt cuộc cũng phải khó thi thiết.

VĂN CHÂN TỊNH

Vân Môn cố để ý,
Tự có lý do,
Một điểm không đến,
Thôi dừng nghỉ thôi.

LẠI QUAN LỆ TỬ

Quan Lệ Tử Vân Môn,
Nghỉ ngơi ít người biết,
Có khi một phen gợi ra,
Đại địa ?? ?? ??.

MỘT CHỮ QUAN

Vị tăng hỏi Sư: Thế nào là kiếm Vân Môn?

Sư nói: Tổ.

Thế nào là trong huyền?

Sư nói: ??

Thế nào là xung mao kiếm?

Sư nói: Xương khô.

Sư lại nói: Thum thủm.

Thế nào là Chánh pháp nhãn?

Sư nói Phổ: Trong ba thân, thân nào nói pháp?

Sư nói yếu: Thế nào là căn cơ khạc nhổ?

Sư nói tiếng vang, giết cha giết mẹ, trước Phật sám hối, giết Phật giết Tổ, đến chỗ nào sám hối?

Sư nói: Phát lồ.

Thế nào là ý của Tổ sư Tây lai?

Sư nói: Sư Linh Thọ một chỗ điểm làm sao trên kia?

Sư đáp, Sư nói: Mưa lâu không tạnh bấy giờ làm sao?

Sư nói: Tráp xuyên tường trộm ánh sáng bấy giờ như thế nào?

Sư nói: Đúng nương xưa nói rồi, tức nghiệp chướng xưa nay không, chưa xong phải lại nợ trước, chưa xét Nhị Tổ là hiểu hay chưa hiểu.

Sư nói chắc chắn.

Một hôm Sư dạy chúng: Người lãnh hội Phật pháp, như cát sông Hằng, trên đầu trăm ngọn cỏ, nói đem một câu đến, tự nói đủ. Sư hễ đối cơ dụng nhiều đáp ứng đây, cho nên tòng lâm xem đó, gọi là một chữ quan.

KỆ CƯƠNG TÔNG (tiếp theo, mới)

Viên Hình Khang thị ngăn ngại không rõ,
Mê sâu hư tán kích phát nước lạnh,
Khi cánh phượng dang ra vượt qua kho bích,
Lên tám ngọn núi lớn sẽ nương chỗ nào?
La cơ hay là đối đối cơ mê,
Thấu suốt cơ trần xa xăm trần dừng lại,
Xế chiều giữa trưa ai có nhớ,
Vì thấu suốt sự cách mê tình.
Hết thời gian nương rừng hoang,
Người luống suy nghĩ ngăn ngại bề ngoài,
Chao ôi mong trái sức lực,

Thiền tử xuyên giữa mày rủ.
Trên không thấy trời dưới không thấy đất,
Lại ngăn yết hầu chỗ nào xuất khí,
Ta cười thì nhiều, ta mỉm cười thì ít.

CƠ DUYÊN (mới thêm)

Có vị tăng hỏi: Trong mười hai giới làm sao không luống qua được?

Sư nói: Ông tại sao chấp một câu hỏi.

Tăng nói: Người học không lãnh hội, xin thầy nêu ra Sư viết thành bài kệ:

Nêu ra không suy nghĩ liền sai lầm lẫn nhau
Toan suy nghĩ kiếp nào ngộ (Truyền Đăng).

Hỏi ngài Tuyết Phong: Thế nào là người tự mình học?

Tuyết Phong nói: Để trong lỗ mũi.

Tăng đưa ra giống Sư.

Sư nói: Ông làm sao lãnh hội.

Tăng ấy suy nghĩ lại.

Sư cũng đưa ra bài tụng chỉ bày như trước (Tuyết Phong Quảng Lục).

Thượng tòa Phước Lãng nhân vị tăng hỏi: Thế nào là thấu suốt câu pháp thân?

Sư nói: Thân ẩn trong Bắc đẩu.

Phước Lãng nhân suy nghĩ ý chỉ ấy, vội đi.

Sư vừa thấy liền giữ lại nói: Phước Lãng suy nghĩ nói mau.

Sư mượn đó khai bài kệ rằng:

Vân Môn cao vót mây trắng thấp
Nước chảy nhanh cá dạo chơi không dám ngừng
Vào cửa rồi hiểu biết
Nhọc gì lại nêu bàn trong nghiền cán.

Phước Lãng đại ngộ (rút ra trong Đăng Lục).

TAM CÚ BA LĂNG

(tiếp nối Vân Môn gọi là Hiệu Giám Tòng Lâm gọi là Giám Đa Khẩu)

Tăng hỏi Ba Lăng: Như thế nào là tông Đề-bà?

Ba Lăng đáp: Tuyết đựng trong chén bạc.

Thế nào là xung mao kiếm?

Ba Lăng đáp: Cầm mỗi cành san hô để mặt trăng.

Tăng hỏi Tổ ý và giáo ý đồng hay khác?.

Ba Lăng nói: Gà lạnh lên cây, vịt lạnh dưới nước (Vân Môn nghe lời đây nói: Ngày sau, khi giỗ lão tăng, các ông chỉ nêu ba chuyển ngữ đây để cúng dường lão tăng đủ).

BÀI TỤNG CỦA TUYẾT ĐẬU TÔNG CỦA ĐỀ-BÀ

Lão tăng mới mở đầu mối khác,
Giải nói tuyết đựng đầy trong bát,
Chín mươi sáu cái phải tự biết,
Không biết lại hỏi trời bên trăng,
Tông Đề-bà tông Đề-bà,
Dưới cờ đỏ nổi gió mát.

LẠI TỤNG XUNG MAO KIẾM

Muốn bằng không bằng
Rất khéo léo nếu ra tay
Hoặc ngón tay hoặc bàn tay
Dựa trời chiếu tuyết.
Rất đẹp mài giũa không được
Thợ giỏi lau chùi chưa hết
Mỗi mỗi nhánh san hô chống đỡ mặt trăng.

TRẠM ĐƯỜNG CHUẨN THEO TỤNG Ý TỔ DẠY Ý

Gà lạnh lên cây
Vịt lạnh dưới nước
Thời tiết không tha thứ nhau
Xưa nay hiển lý tự nhiên
Tùng lạnh mười dặm thổi gió mát
Dòng nước một tiếng khe chưa dứt.

MÔN ĐÌNH VÂN MÔN

Tông chỉ Vân Môn đoạn tuyệt các dòng, không cho suy nghĩ, phàm Thánh không khác, tình giải không thông.

Vị tăng hỏi: Thế nào là Tuyết Phong trâu bùn rống?

Sư nói: Trời đất đen. Thế nào là ngựa gỗ Vân Môn hí?

Sư nói: Núi sông đi! Thế nào là người tự mình học?

Tăng nói: Du sơn ngoạn thủy.

Tăng hỏi: Khi cơ duyên hết, làm sao?

Sư nói cùng ta nắm lấy điện Phật lại, cùng ông thương lượng. Thế nào là thấu suốt câu pháp thân? Sư nói thân ẩn trong Bắc đẩu.

Thế nào là giáo ngoại biệt truyền?

Sư nói đối các câu hỏi sắp đến, đại khái tông phong Vân Môn, nguy hiểm cao vót, người khó với đến, chẳng phải bậc thượng thượng căn, thì ai có thể nhìn núi phảng phất?

Vân Môn nói rõ ngữ cú, tuy có cắt đứt dòng căn cơ, hơn nữa ý không theo sóng, pháp môn tuy khác, mà lý quy về một mối. Muốn thấy Vân Môn chống gậy vọt nhảy lên trời, chư Phật nói pháp trong chén nhỏ.

YẾU QUYẾT

Một phái Thiều Dương, xuất hiện ở nguồn Đức Kiệu, ban đầu thấy Hiểu Châu đưa ra cái khóa thời Tần, nhờ tiếng tượng cốt, thoát ra khỏi gông trên cổ chân, khiến lỗ mũi chuột, ba ba ở núi đến trước mặt, đánh cá chép ở biển Đông, mưa nghiêng bồn, gọi là đề ba câu then chốt, chọn lấy một chữ cơ phong, thân ẩn trong sao Bắc đẩu, dời bước trước nước núi đông, xem xét rõ ràng, không phạm mảy may, bề ngoài bung ra bắt lại, trước nói định đoạt, đúng là tên nhọn có lối, tường sắt không cửa, lật đường giây sắn giăng bủa, lại cắt kiến giải thường tình, mạnh mẽ đâu cho nắm bắt, sấm sét không kịp suy nghĩ, bởi kiến đế ấy thông rộng, tự nhiên thọ dụng rộng lớn, hoa nở linh thọ, kết trái hương lâm Phật tổ chấn tích quyền hành, khai nhân thiên nhãn mục, luận nguồn nào trong dòng nào đục, gốc rậm nhánh khô, vọng lập nhân duyên đạo nhãn, lầm làm thanh sắc sai biệt xuyên tạc lẫn nhau, chấp trước ngôn ngữ, chịu lấy hổ thẹn với tổ tông, có lỗi với hậu học, đây là tông phong Vân Môn.

Sư gặp vị tăng ắt để ý đặc biệt, gọi đó là “giám tăng suy nghĩ thì gọi là “di môn nhân ghi chép là “cố giám di”. Sau ngài Viên Minh lén sang khắc bỏ chữ cố, gọi đó là “trù cố”. Con cháu mất ý chỉ ấy, phải tiếp nhận tông tế của người, do nổi giận gọi đó là đề tư, gọi đó là bất mậu thanh sắc, gọi là cử cứ tiện tiến, tương truyền dùng làm đạo nhãn. Bắc Tháp Tộ thường việc ấy nên làm bài kệ:

“Có trách nhiệm là Trương đa trí giỏi
Đào đầu ở đây lời cũng khó thi thiết”.

Trong thiên đây, gọi là vọng lập đạo nhãn nhân duyên, lầm làm thanh sắc sai biệt, là chỉ đây vậy (tiếp theo).

BÀI TỤNG CƯƠNG TÔNG CỦA CỔ ĐỨC

Cây nêu chống khắp càn khôn
Được chỗ bàng hoàng lại bàng hoàng
Dòng nước khe Đông chảy về khe Tây
Mây nổi núi Nam xuống núi Bắc.
Sinh ở Thiết Vận thêu gấm đất Thục
Xưa lá tùng quỳnh rơi vào mâm châu
Xoay vần chưa tính đã tàn mưa
Chân không trét bùn qua uất đơn.

■

NHÂN THIÊN NHÃN MỤC

QUYỂN 3

TÔNG TÀO ĐỘNG

Hòa thượng Đổng Sơn, húy Lương Giới, họ Du sinh ở Cối kê. Sư đảnh lễ Thiền sư Ngũ Tiết Sơn Mặc xuất gia, đắc pháp với Thiền sư Vân Nham Đàm Thanh. Ban đầu ở Quân Châu Đông Sơn, tạm khai năm ngôi vị khéo tiếp nhân năm căn, xiển dương một âm rộng hoằng muôn phẩm, tung hoành bảo kiếm, đoạn tuyệt các chấp, khéo hoằng truyền hài hòa, cắt đứt xuyên tạc dị đoan, tối được đắc pháp với Thiền sư Tào Sơn Đam Chương, hiểu rõ tông chỉ ấy, khúc xướng kế hoạch hay, đạo hợp với Quân thần, thiên chánh lẫn nhau. Bởi do trên Đổng Sơn cờ huyền phong khắp thiên hạ, nên tông tượng các phương, đều cùng nhau suy tôn tông chỉ ấy, gọi là tông Tào Động.

NGŨ VỊ QUÂN THẦN

Có vị tăng hỏi Tào Sơn: Chỉ quyết của năm vị Quân thần.

Tào Sơn nói: Thánh vị tức thuộc về không giới, xưa nay không có vật. Thiên vị tức sắc giới, có muôn hình tượng.

Thiên trung chánh: Là bỏ sự nhập lý.

Chánh trung thiên: Bỏ lý đến sự.

Kim đới: Thầm ứng hợp với các duyên, tùy theo các cõi, chẳng phải nhiễm chẳng phải tịnh, chẳng phải chánh chẳng phải thiên, nên gọi là “Hư huyền đại đạo vô trước chân tông”. Các bậc tiên đức từ trước, suy tôn một vị đây, tối diệu tối huyền, phải nên xét kỹ biện rõ. Quân là chánh vị. Thần là thiên vị. Thần đến với quân là Thiên trung chánh. Quân thân cận với thần là Chánh trung thiên. Quân thần đạo hợp, là lời Kim đới.

Lúc bấy giờ có vị tăng bước ra hỏi: Thế nào là Quân?

Sư Tào Sơn nói Diệu Đức tôn quý trong vũ trụ, cao sáng trong thái hư.

Thế nào là Thần?

Sư nói: Linh cơ hoằng Thánh đạo, chân trí lợi quần sinh.

Thế nào là Thần đến Quân?

Sư nói: Không rơi vào các dị thú, ngăn tình về Thánh đế.

Thế nào là Quân thân cận Thần?

Sư nói: Diệu dung tuy bất động, đuốc sáng vốn không thiên.

Thế nào là Quân thần đạo hợp?

Sư nói: Rõ ràng không có trong ngoài, dung hòa trên dưới đồng.

Sư lại nói: Do nói Quân thần thiên chánh: Là không muốn phạm với trung, nên Thần xứng với Quân không dám trái lời. Đây là pháp tông yếu của ta, nhân đó Sư làm bài kệ:

Người học trước phải biết tự tông
Không đem chân tế tạp ngoan không
Diệu minh thể tận biết cảm xúc
Lực ở gặp duyên không thừa cơ tốt.
Nói ra trực giáo đốt không chấp
Ẩn tu phải cùng người xưa đồng
Không thân có việc vượt đường rẽ
Không sự không thân rơi vào trước sau.

TỤNG CỦA ĐẠI DƯƠNG

Không lập công huân ngồi miếu đường
Quần thần đâu dám về thanh thiên
Cấm điện thăm thẳm rất tôn nghiêm
Vắng lặng không người đêm chưa sáng (Quân).
Văn kinh võ vĩ định Trung Hoa
Giai cấp khắp nơi giúp quốc gia
Công nghiệp đã thịnh thêm cửu tích
Cùng với thần khí của Quân khế hợp đôi chút (Thần).
Ngôi vị tôn xưng cửu ngũ (45) không từng ở
Thường với quần thần cùng một đường
Ẩn sâu hậu cung trị thiên hạ
Khởi dạy Di Dịch mong tỉnh lại
(Quân thân cận Thần).
Mỗi niệm càng trung không dám khinh
Mỗi mỗi kính trọng con trượng phu
Ông xem ngàn dặm đạo Trường An
Đèn ngọc đều trở về lầu gác
(Thần đến Quân).

Thần chủ quên nhau điện xưa lạnh
Muôn năm cây hòe tuyết dầy đặc
Ngàn cửa ngồi đóng lặng như nước
Chỉ có dương rủ múa khói xanh
(Quân thần đạo hợp).
Trong không có đường suốt Trường An
Linh chi bên ngoài ai dám vịn
Bảo điện rêu mọc rất tôn quý
Canh ba trời hồng đen dày đặc (tổng tụng).

HỎI ĐÁP

Vị tăng hỏi: Thế nào là Chánh trung thiên?

Phần Dương nói: Ngọc thố rất sáng, đầu đêm sau đêm gà vàng phải báo trước canh năm.

Đạo Ngô Chân nói: Các ông đến tham kiến Đại tiên.

Hoằng Trí Giác nói: Mây bay đầy hư không, nhà trống trăng tròn.

Tông Thúy Nham nói: Hoa ấu trước chưa chiếu.

Hoa Nghiêm Giác nói: Thâm canh lại đêm sáng trúc rèm.

Thế nào là Thiên trung chánh?

Phần Dương nói: Mảy may thành đại thọ,
Giọt nước thành sông hồ.

Đạo Ngô nói: Muôn sông ngàn núi sáng như gương.

Hoằng Trí nói: Lão nhi tóc bạc thẹn soi gương.

Thúy Nham nói: Đoàn cây loan không thiếu dư.

Hoằng Giác nói: Trời sáng người giặc nhảy vào giếng xưa.

Thế nào là Chanh trung thiên?

Phần Dương nói: Đất hạn mỗi đóa hoa sen nở.

Người học nói: Sau khi nở như thế nào?

Phần Dương nói: Nhụy vàng tơ bạc nương sương ngọc,
Cao tăng không ngồi đại Phụng hoàng.

Đạo Ngô nói: Càn khôn sáng lạnh đất sấm sét.

Hoằng Trí nói: Mày sương râu tuyết lửa chặn giữa phát ra,
Đường đường trọn không rơi vào thời nay.

Thúy Nham nói: Khắp cõi tuyệt may trần.

Trí Giác nói: Trăm hoa nở nhờ ở mùa xuân.

Thế nào là kiêm trung chí (Tịch Âm nói: Phải làm thiên trung chí, thuyết ấy ở sau).

Ngài Phần Dương nói: Ý khí không từ trời đất mà được,
Anh hùng há nhờ bốn mùa thúc giục.
Đạo Ngô nói: Thi thiết tung hoành không sợ sệt.
Hoằng Trí nói: Đại dụng hiện tiền không giữ phép tắc.
Thúy Nham nói: Công gặm cắn cười trước.
Thúy Nham nói: Mưa tuyết gặp nhau không chỗ tránh.
Thế nào là kim trung đáo?
Ngài Phần Dương nói: Ngọc nữ quăng máy thoi chạm vào nhau,
Người đá đánh trống tiếng thùng thùng.
Đạo Ngô nói: Trắng đen chưa phân trước đã qua.
Hoằng Trí nói: Đêm sáng ngoài rèm sắp xếp lớp học sớm,
Trên điện Không Vương tuyệt tri âm.
Thúy Nham nói: Thập đạo không truyền tin.
Thúy Nham nói: Hai đầu cắt đoạn không nương tựa,
Tâm pháp đều vong mới được huyền.

TỊCH ÂM CHÁNH NĂM VỊ SAI LẦM (tiếp theo)

Đạo càng lăn trì, đối với danh kiện nêu bày ngôi vị, cũng lầm loạn không thứ lớp. Như chánh trung thiên thiên trung chánh, lại chánh trung thiên thiên trung chí.

Sau đó dùng kiêm trung đáo bao gồm thành năm vị. Nay bèn đổi thiên trung chí thành kiêm trung chí, không hiểu nghĩa ấy như thế nào? Mà lão sư đại nạp, cũng vui mừng không biết quái lạ, thật đáng cười (Vân Cả đề văn tự thiền lời của Hoằng Trí).

BÀI TỰA NĂM VỊ (của ngài Đơn Hà)

Phàm trắng đen chưa phân, khó thành kia đây, sau đen vàng, phương vị tự tha, thế là mượn đen quyền chánh, nhờ chánh chỉ bày thiên, chánh bất tọa chánh, nửa đêm rỗng sáng, thiên bất tọa thiên, trời sáng âm u, toàn thể tức dụng, cây khô hoa nở, toàn dụng tức chân, rừng thơm không ham, suy tàn kiêm đới đến tận huyền diệu. Ngọc phụng kim loan phân chia không thấp. Thế nên oai âm na bạn. Làm sao dứt lời?

Uyển chuyển thành thời nay do người thi thiết, nêu bày sơ lược chỗ thấy để chỉ bày phương góc, trông mong các bạn đồng tâm, thường vui sướng vỗ tay.

BÀI TỤNG NĂM VỊ

(Đây y theo Tăng Bảo Truyện làm thiên trung chí)

Chánh trung thiên:

Đêm tối canh ba trăng chưa hiện
Lạ chi cùng gặp cùng không biết
Ẩn ẩn vẫn còn mang hận nhiều.

Thiên trung chánh:

Rạng đông lão bà gặp gương xưa
Rõ ràng đối diện đâu riêng chân
Thôi chớ quên đầu theo nhận bóng.

Chánh trung lai:

Đường cái không cách trần ai
Chớ nên phạm húy vua đương kim
Dã thắng tiền triều cắt lưỡi tài

Thiên trung chí:

Hai kiếm giao nhau cần gì tránh
Tài ba như sen chiếu trong lửa
Nguyên vẹn nơi mình Chí xung thiên.

Kiêm trung đáo:

Không rơi không có ai dám hòa
Mọi người trọn muốn vượt dòng thường
Tan hiệp trở về ngồi trong tro.

BÀI TỤNG CỦA KHẮC PHÙ ĐẠO

Chánh trung thiên:

Nửa đêm đầm trong trăng ngay tròn
Văn Thù trong hộp thanh xà rống
Ngựa tốt được ra khỏi ải Tỳ-lô cũ.

Thiên trung chánh:

Diễn nhừ ngọc dễ mê gương xưa
Đáng cười cưỡi trâu lại tìm trâu
Tịch nhiên bất động ấn Tỳ-lô.

Chánh trung lai:

Trúc phụng tơ rồng ngồi đài câu
Cao tăng không phạm húy đương kim
(315) Che giấu mũ hoa lại cười một hồi.

Kiêm trung chí:

Ba ba nổi giận rộng chạy chín sông sôi
Nêu bày cái thiếu cố tìm được nguồn bốn
Xô đổ Côn lôn không nơi nương dựa.

Kiêm trung đáo:

Cờ rồng sớm bày ra đường phố đón
Lược khai trước lầu Tiên Trượng
Tầm thường lạm chạm huy hiệu đương kim.

TỤNG CỦA PHẦN DƯƠNG

(Sư Phần Dương để Chánh trung lai ở đầu, mà Chánh trung thiên thiếu)

Chánh trung lai:

Kim cang bảo kiếm phất thiên khai
Một chút thần quang khắp thế giới
Mặt trời chiếu sáng tuyệt trần ai.

Thiên trung chánh:

Khán thủ Pháp vương hành chánh lệnh
Thất kim thiên tử đều tùy thân
Tự mình giữa đường tìm gương vàng.

Chánh trung thiên:

Sét đánh thình lình cơ phong để mắt xem
Đá nhá lửa chớp sáng cũng là chậm
Suy nghĩ so lường cách ngàn núi.

Kiêm trung chí:

Ba năm lông vàng răng móng đủ
Ngàn tà trăm quái ló đầu ra
Gào thét một tiếng đều nép phục.

Kiêm trung đáo:

Đại hiển vô công thôi tạo tác
Trâu gỗ mỗi bước đi trong lửa
Bậc chân Pháp vương diệu trong diệu.
Thai cứu năm vị phải nên biết,
Mảy may vừa động liền trái nhau,
Kim cang thấu hợp ai hiểu được,
Chỉ có Na Tra đệ nhất cơ,
Mở mắt lại khiến ba cõi tịnh,
Rung linh lại khiến cửu thiên về,
Suy nghĩ nghĩ mũi nhọn lại oai.

(Tổng tụng)

TỔNG TỤNG CỦA TỪ MINH

Thiên trung quy chánh rất u huyền

Chánh đi thiên đến lý sự toàn
Phải biết chánh vị chẳng phải ngôn thuyết
Triệu chứng lờ mờ thuộc có duyên.
Kim chí đi đến khởi diệu dụng
Đáo kim nào lại theo ngôn thuyên
Ra ra đâu được bao gồm thế giới
Mênh mông không nương tựa chim nói huyền.

PHÙ SƠN VIỄN

Chánh trung thiên:

Kiếp không xa xăm vốn tịch nhiên
Xuống mé Kim cang lại lên nhào
Linh cơ trên tay khắp đại thiên.

Thiên trung chánh:

Trong kiếp trần mênh mông thanh tịnh
Gần đường tẻ buông tay tiện đường về
Không bóng trước đường đề chánh lệnh.

Chánh trung lai:

Sau đỉnh tròn ti sáng đài xưa
Tuy nhiên chiếu thấu nhân thế gian
Không phạm mũi nhọn tuyệt điểm ai.

Kiêm trung chí:

Diệu dụng tung hoành dứt suy nghĩ
Trước sau giao chiến tự huyền huyền
Tướng đứng thần quang đều lanh lợi.

Kiêm trung đáo:

Bên ngoài cơ sáng tiếtt tháo dài
Rõ biết vạn loại không thể hết
Ai có thể lại thủ ở áo huyền.

TỤNG CỦA THẢO ĐƯỜNG

Chánh trung thiên:

Sao Giác ngủ trong nhà Côn lôn
Máy thoi thạch nữ tiếng thùng thùng
Người gỗ ra nhảy múa trước đình.

Thiên trung chánh:

Đầm trong xuất ấn trao vầng bóng
Mọi người đều đến giữa bóng tròn

Bóng mất đầm khô ai biện rõ bóng.

Chánh trung lai:

Mỗi đóa hoa sen nở trong lửa
Mầm gốc đâu phải vật tầm thường
Diệu dụng chẳng phải đồng ứng thế tài.

Kiêm trung chí:

Cơ phong giao nhau tuyệt kỵ húy
Trượng phu kia ấy lộ ra anh hùng
Chỗ điểm không đến thành phân tán.

Kiêm trung đáo:

Trâu sắt ăn hết cỏ lan biên
Lại hỏi trâu nghé ở chỗ nào?
Chỉ điểm đông tây được một báu.

TỤNG CỦA HOẰNG TRÍ

Chánh trung thiên:

Ngân hà hết xanh biết lạnh ngập trời
Nửa đêm nghé gỗ gõ cửa trăng
Trong tối sợ phá người ngọc nữ.

Thiên trung chánh:

Hải vân hẹn đảnh thần tiên
Người về râu tóc bạc như tơ
Thẹn với đài Tần chiếu bóng lạnh.

Chánh trung lai:

Đêm trăng cá côn trường ra khỏi giáp
Lưng lớn chạm trời chấn động cánh mây
Đường chim bay lượn khó bao gồm.

Kiêm trung chí:

Gặp mặt không cần kiêng kỵ nhau
Phong tục không tổn ý huyền
Trong ánh sáng có đường thiên nhiên khác.

Kiêm trung đáo:

Cây chấn ngăn Bắc đẩu trời lệch chưa sáng
Hạc mộng mới tỉnh khí sương lạnh
Ổ xưa bay ra đáo vân tùng.

TỤNG TỰ ĐẮC

Chánh trung thiên:

Hỗn độn mới phân trước nửa đêm
Chuyển động bên người gỗ sợ phá mộng
Tuyết lau đầy mắt ngủ không được.

Thiên trung chánh:

Trăng báu vây quanh kim điện lạnh
Dương sáng không phạm tốt rút thân
Mắt xoay bóng chuyển đỉnh núi tây.

Chánh trung lai:

Bên lệnh vua phân bày hóa tài
Mặt trời sáng mới lên sa giới tĩnh
Linh nhân không từng ngại mảy trần.

Kiêm trung chí:

Đại đạo Trường An nhàn dạo chơi
Khắp nơi vô tư không hợp không
Pháp pháp đồng quy về nước vào nước.

Kiêm trung đáo:

Mây trắng ngừng ở núi nhà đẹp
Đập nát châu ly long minh nguyệt
Côn lôn vào biển không tiêu hao.

NGŨ VỊ TÂN CHỦ CỦA MINH AN

(Ngài Minh An ghi chép có sai khác)

Minh An nói: Chánh trung thiên, chính là rủ lòng từ tiếp vật, tức tân trong chủ. Câu thứ nhất đoạt nhân.

Thiên trung chánh, có chiếu có dụng, tức chủ trong tân. Câu thứ hai đoạt cảnh.

Chánh trung lai, chính là thọ dụng đặc biệt, tức chủ trong chủ. Câu thứ ba nhân cảnh đều đoạt.

Kiêm trung chí, chính là phi hữu phi vô, tức tân trong tân. Câu thứ tư nhân cảnh đều không đoạt.

Kiêm trung đáo, xuất cách tự tại. Lý tứ cú tuyệt ba phi, diệu của diệu tân vốn không.

NGŨ VỊ CÔNG HUÂN CỦA ĐỘNG SƠN

(Bài tụng)

Hướng phụng công cộng công công công

Vị tăng hỏi Sư: Như thế nào Hướng?

Sư nói: Lúc ăn cơm làm sao?

Sư lại nói: Đắc lực phải quên no, dứt hết lương thực lại không đói.

(Đại Huệ nói: Lúc hướng làm thế nào?

Hướng nghĩa là thú hướng việc đây, nói lúc ăn cơm làm sao sinh?

Nghĩa là việc đây không phải lúc ăn cơm không có công huân mà có gián đoạn)

Chánh chủ đến từ vua Nghiêu, người đón dùng lễ cong lưng rồng, có khi ồn ào qua bên đầu, đến chỗ văn minh đón Thánh triều.

Thế nào là phụng?

Sư nói: Lúc trái làm sao?

Sư lại nói: Chỉ biết quý của Chu Tử, cô phụ người bản lai.

Đại Huệ nói: Phụng chính là phụng của thờ phụng. Như người thờ phụng bậc Trưởng thượng, trước hết phải cung kính, rồi sau mới thừa phụng.

Hướng chính là sở lập của công huân, vừa hướng đến liền có ý thừa sự.

Nói lúc trái làm sao?

Nghĩa là việc đây không gián đoạn, lúc phụng đã vậy, mà lúc trái cũng vậy. Nói trái tức như nghĩa phụng. Bởi phụng trái đều là công huân.

Giặt sạch đồ trang sức vì ai
Trong tiếng chim cu khuyên người trở về
Trăm cỏ rụng hết khóc vô tận
Lại đến phụng thờ ở núi sâu.

Thế nào là công?

Sư nói: Lúc buông bỏ cái bừa làm sao?

Sư nói: Buông tay ngôi đoan nhiên

Mây trắng lượn ở núi sâu.

Đại Huệ nói: Công tức dụng.

Đáp câu: Lúc buông bỏ cái bừa làm sao sinh?

Đem cái bừa nói dụng, buông bỏ cái bừa là vô dụng. Ý của Sư dụng cùng vô dụng đều là công huân.

Mùa xuân bên ngoài cây khô hoa nở
Ngược lại cỡi ngọc tượng kỳ lân quý
Mà nay ẩn ngoài ngàn ngọn núi cao
Trăng sáng gió mát công của mặt trời đẹp.

Thế nào là cộng công?

Sư nói: Sắc không được.

Sư lại nói: Phấn trắng khó dấu vết sâu,

Trường An không ở lâu.

(Đại Huệ nói: Cộng công: nghĩa là pháp cùng cảnh địch nhau).

Đáp câu: Sắc không được. Chính là pháp cùng cảnh không được thành một sắc khi chánh dụng lag hiển rõ vô dụng, vô dụng tức dụng. Nếu lầm một sắc là thành mười lời chết. Tông chỉ của Đổng Sơn nói tránh mười cái thành, nên nói sắc không, chính là lời sống.

Chúng sinh chư Phật không xâm phạm nhau
Núi tự cao hề nước tự sâu
Muôn ngàn sai khác rõ hết việc
Chim ngói khóc ở trăm hoa mới.

Thế nào là công công?

Sư nói: Bất công.

Sư lại nói: Rõ ràng không có chỗ trái

Ngoài đây lại cầu ở đâu.

Đại Huệ nói: Công công: nghĩa là pháp cùng cảnh đều không, là vô công dụng đại giải thoát.

Cho nên bất cộng chính là không có pháp có thể chung. Nghĩa của bất cộng, hoàn toàn quy về bên công huân. Như pháp giới sự sự vô ngại đây vậy, trước mặt ông vô ngã, trước mặt ta không có ông, nên đường núi hẹp, trong đây không có lão tăng, trước mắt không có Xà-lê vậy. Nói như vậy, đều là hướng đến nương theo, hằng ngày ở trong bốn oai nghi, thành tựu thế xuất thế gian, không đâu không đầy đủ, gọi đó là "công huân ngũ vị").

Đầu sừng vừa mọc đã không thể kham,
Đem tâm cầu Phật rất hổ thẹn,
Từ kiếp không xa xăm không người biết,
Chịu đến phương Nam theo năm mươi công công.

(Lại nói: Đã nói năm vị công huân, đó là đạo vậy. Người xưa kia ý quả như vậy sao? Nếu chỉ như thế, thì rất có kỳ đặc, chỉ là miệng truyền tâm trao rất hợp ý. đã không như vậy, làm sao nói ý người xưa).

CÔNG HUÂN HỎI ĐÁP

(Công của ngài Thúy Nham)

Có vị tăng hỏi ngài Thúy Nham: Thế nào là chuyển công tựu vị?

Thúy Nham nói: Buông tay không nương toàn thể hiện, lên thuyền nhỏ có người đánh ngủ ở Hoa lư?

Thế nào là chuyển vị tựu công?
Thúy Nham nói: Nửa đêm đầu non tăng gió lặng,
Một tiếng lão vượn kêu ở cây cao.
Thế nào là công vị đồng bày?
Thúy Nham nói: Lúc ra cửa không đến đường,
Bụi bay đầy mắt tuyệt điểm trần.
Thế nào là công vị đều ẩn?
Thúy Nham nói: Trâu bùn uống hết trăng đầm trong,
Ngựa đá thêm roi không xoay đầu.

NGŨ VỊ QUÂN THẦN CỦA TÀO SƠN

(Tụng và tựa)

Luận về chánh: Thì trắng đen chưa phân, điềm báo chưa phát sinh không rơi vào các Thánh vị.

Thiên: Điềm báo đã đến, nên có sum-la vạn tượng ẩn hiển diệu môn.

** Bạch y tuy lạy nhau,*
Việc đây không phải kỳ đặc,
Nhiều đời trâm anh,
Khi nói dứt lời mất hồn.
** Giờ tý đúng chánh vị,*
Minh chánh ở quân thần,
Chưa lìa cõi Đâu-xuất,
Quạ gà đi trên tuyết.
** Kết băng lạnh trong lửa*
Hoa dương tháng chín bay
Trâu bùn kêu mặt nước
Ngựa gỗ hí theo gió.
** Vương cung mặt trời mới lặng*
Ngọc thố không thể lìa
Chưa được ý chỉ vô công
Nhân thiên sao quá chậm.
** Rõ ràng cắt giấu việc*
Điềm báo mất khó rõ
Oai âm vương chưa rõ
Di-lặc há hoang mang.

BẢN ĐỒ NGŨ VỊ CÔNG HUÂN

* Chánh trung thiên (đản sinh nội viện).

Quân vị hướng, khi trắng đen chưa phân (một phen làm chưa phân).

* Thiên trung chánh (triều sinh ngoại viện).

Thần vị phụng lồ.

* Chánh trung lai (chưa sinh nương ẩn).

Vua nhìn thần. Công vô ác hữu ác.

* Kiêm trung chí (hóa sinh thần dụng)

Thần hướng vua cộng công đều không quan hệ nhau.

* Kiêm trung đáo (nội sinh bất xuất)

Quân thần hợp công công không đương đầu.

THẠCH CHỦ ĐÁP NGŨ VỊ VƯƠNG TỬ

Thế nào là vương tử đản sinh?

Thạch Chủ đáp: Quý Duệ loại phi thường

Trời sinh vị chí tôn.

Thế nào là triều sinh vương tử?

Thạch Chủ đáp: Bạch y là túc phục

Thẳng chí cấm trong đình.

Thế nào là chưa sinh vương tử?

Thạch Chủ đáp: Đường tu mới biết quý

Lần tiến không biết tôn.

Thế nào là hóa sinh vương tử?

Thạch Chủ đáp: Thánh oai không so sánh

Thần dụng không thể tính.

Thế nào là nội sinh vương tử?

Thạch Chủ đáp: Trọng vi dứt hơn thua

Điện vàng nằm gió mát.

Đại Huệ nói: Dùng vòng tròn một phần đen một phần trắng, làm chánh trung thiên trở lại chỗ trắng nói đen, cũng không được chạm vào chữ đen, phạm tức là phạm húy. Ngài Đổng Sơn nói: Chánh trung thiên đầu đêm canh ba trước trắng sáng, gọi canh ba là hắc, đầu đêm là hắc, trước trắng sáng là hắc, đây có thể xoay vầng không xúc phạm húy.

Lại nói: Dùng vòng tròn một phần trắng một phần đen, làm thiên trung chánh, trở lại chỗ đen nói trắng, không được xúc phạm chữ trắng.

Bài tụng của ngài Đổng Sơn:

Lão bà mất ánh sáng gặp đường xưa.

Không nói minh cùng với bạch, mà nói mất ánh sáng cùng gương xưa, đây có thể xoay vần chữ minh cùng chữ bạch mà không chạm húy. Bởi mất ánh sáng là sáng trong tối, gương cưa cũng là sáng trong tối lão bà đầu bạc. Nghĩa là nói xoay vần chữ bạch.

Lại nói: Chánh trung lai không có con đường chặn giữa, ra khỏi trần ai. Nghĩa là phàm có ngôn cú, đều không có xướng chặn giữa, liền tự hợp nhiệm mầu, không đâu mà không từ chánh vị trung lai, hoặc sang hoặc tối, hoặc đi hoặc đến, đều là nhiệm mầu hợp với thông tông.

Phàm một vị đều đủ năm việc đây. Như bàn tay có năm ngón, không thiếu không thừa.

Đại Huệ nói: Kiêm trung chí, nghĩa là bao gồm trắng và đen, bao gồm thiên chánh mà đến.

Sao gọi là chí?

Như người về nhà chưa đến mà đến, biệt nghiệp chính là ở nơi đường làm việc bên người, cũng có thể xoay vần, diệu ở trước thể.

Lại nói: Kiêm trung đáo, là bao gồm bốn vị trước, đều hợp với diệu mà về chánh vị, gọi đó là tích hợp trọn quy về ngôi trong tro, cũng là nói chỗ đen xoay vầng với chữ hắc, nên nói "khôi".

Đại Huệ nêu ra ngài Tào Sơn hiểu liền nói: Nói lý nói sự giáo lý cóvăn hiểu rõ, đạo giáo ngoại đơn truyền trực chỉ, quả nc chăng?

Nếu quả như vậy, bài thơ của Tào Sơn rất hay.

BÀI TỤNG NGŨ VỊ VƯƠNG TỬ

(Thạch Chủ ra đề tụng ngộ bổn)

Đản sinh (nội thiệu ngài Đại Huệ nói: Chánh vị căn bản trí, chính sinh ra các ông Thái tử).

Thiên nhiên quý đời sau vốn chẳng phải công.
(Không nhờ tu chứng vốn tự viên thành)
Đức hợp càn khô nuôi thế long.
(Vốn tự có trong tôn quý)
(317) Trước sau một ngày không nhiều thứ.
(Vốn không tạp niệm)
Cung nhân sáu nhà không tông khác.
(Sáu căn chỉ một cơ)
Trên hòa dưới hợp thuận âm dương.
(Trước sau một mé)
Cùng khí liền cành đồng một món đồ.

(Chỉ chung không hai)
Muốn biết đản sinh cha Vương tử.
(Phải biết trên hết lại còn có một người)
Người cỡi lưng hạc ra khỏi lồng bạc.
(Ngàn bậc Thánh bất truyền)

TRIỀU SINH

(Độ sinh con tể tướng đã rơi vào thiên vị liên quan đến đại công huân, cũng nói là ngoại thiệu thần chủng)

Khổ học luận về tình thế chớ đông nhiều (có tu có chứng)
Đưa ra việc phàm đã vượt luân thường.
(Tuy có tu có chứng vốn có tựu trọng tôn quý)
Thơ thành năm chữ tam đông tuyết.
(Nhiễm ô không được)
Hạ bút phân hào bốn biển mây.
(Không thủ chấp)
Tích công vạn quyển rõ Thánh đại.
(Đại công tu chứng)
Nhất tâm trung hiếu giúp minh quân.
(Biết có người hướng thượng mới được trọng phụng)
Mơ muối không phải sống biết được.
(Tu chứng lại đồng)
Bảng vàng nào nhọc hiển đến huân.
(Không nhờ tu chứng không đợi công huân)

VỊ SINH

(Có tu có chứng vị quần thần)
Ở lâu hang núi dụng công phu.
(Có tu có chứng)
Giường cỏ cửa phên giữ chí cô.
(Chẳng nhận không đợi công huân một trần không nhiễm)
Mười năm thấy nghe tâm tư bỏ.
(Mới hoàn toàn chịu trọng)
Một thân đông hạ không áo lụa.
(Quả thật tưới vẩy bóc lột khô)
Lắng trong buồn xem suy nghĩ tam thu.
(Một trần không nhiễm)
Bậc thanh nhã cao danh thượng triết.

(Người học có thể lấy việc làm vương tôn quý)
Nghiệp đến khoa cao báo đáp chí cực.
(Bổn nghiệp thành tựu)
Gần đây thần tướng không đúng đường.
(Tuy nhiên như vậy công huân không phạm)

HÓA SINH

(Mượn vị minh công, vị tướng quân)
Sắp nhân vị vua làm truyền bá duy trì.
(Phân Phật liệt tổ)
Vạn dặm sơn hà khắp oai chánh.
(Chánh lệnh phải thi hành)
Vầng trời hồng ngưng cõi dưới.
(Có từ trong tôn quý)
Xanh mởn gió lạnh khi lửa nóng.
(Khi oai chánh khắp ai dám phạm lệnh)
Cao thấp há bỏ vâng theo tôn ti.
(Biết có cao thấp mới hiểu kính trọng)
Đường năm khố mới xa gần đều biết.
(Vì cho là dính tro)
Diệu ấn thủ trì mây khói lặng.
(Ai dám đương đầu)
Phái Dương Na chịu tiết lộ chút thiên cơ.
(Trước sau công huân không phạm)

NỘI SINH

(Cũng là nội thiệu, căn bản đồng đưa ra, đông đản sinh)
Cửu trùng thâm sâu lại nào tuyên nói.
(Không ngôn không thuyết chánh lệnh phải thi hành)
Đưa ra tệ hại từ trước đến nay hiển bày diệu truyền.
(Uyển chuyển vì thời nay)
Kính phụng một người trời đất quý.
(Phụng trọng nội sinh cha Vương tử)
Từ các đạo khác tự phân quyền.
(tuy nhiên nói sáu chỗ, cốt yếu ở một loại căn cơ)
Tử La Trương hợp quân thần phân chia.
(Vào nước khác không có tướng lạ thể đồng một nước)
Rèm cửa vàng rủ xuống đều ngăn cấm.

(Thiên hạ đều thành chánh lệnh phải thi hành)
Vì phương hóc ông quan còn luyến tiếc.
(Chánh là huyễn sinh con)
Bèn đem tiền lá vàng ngưng khóc.
(Không khỏi tạm câu hỏi đây)

BÀI TỤNG TRÍ KHÉO QUYỀN TẠM ĐẢN SINH

Lúc quý đời sau lần lượt luống không
Ngọc bội leng keng ở Đông cung
Trăng chiếu sáng ở phủ triều quân
Mãi khấu đầu bệ vua Nghiêu lại nhờ công.

TRIỀU SINH

Học vấn sách thư đức hạnh toàn
Kim môn bỏ lớp văn sách tử vi
Đài tinh không tự lìa áo câu
Đâu được phụng thờ Thánh nhan.

VỊ SINH

Nghèo đến ngày nay rất thanh nhàn
Vui buồn quạnh hiu một vật không
Lại muốn lên làm Cửu Bao Phụng
Mây lờ mờ che một vầng trăng.

HÓA SINH

Lệnh vua truyền xuống cửu thiên
Trong ngoài cấm Thánh hóa thân tuyên
Về đường lại giữ kim ấn đẹp
Chánh khiến từng không một chữ truyền.

NỘI SINH

Thế phụng ngựa rồng đại trượng phu
Thiên nhiên rất tôn quý lục cung
Điện xưa rêu phong không người đến
Thứ lớp mắt phàm biết không được.

VĨNH GIA HÂM MỘ NGŨ VỊ CÔNG HUÂN

Đến chỗ gặp nhau vốn không biết,
Có lúc không biết lại gặp nhau,

Sứ Tương không mắt lại nhìn thấy,
Sư Khoáng sư Khoáng thính giác giống như điếc (hướng).
Kim vàng thêu uyên ương khắng khít,
May gấm lụa dài dằng dặc,
Đến treo vườn xuân người không biết,
Họ dẫn ong bướm qua đến nhiều (phụng).
Nhan sinh ngõ hẹp không thể lo,
Trọn ngày như ngu thích tự do,
Lời dối quên hết được lợi ích,
Nhiều người ni phụ một tràng buồn (công).
Đạo sĩ Hoài Nam mặc áo chân hồng,
Chớ cho rằng tình vong sắc là không,
Ngọc đàn cúng tế ban cho quyền bính suy lường,
Bước nhẹ một khúc đối gió xuân (cộng công).
Cao Hán mới lập trong sung túc,
Ba thước suối rồng đế nghiệp an,
Đợi được con cháu thành lễ nhạc,
Xưa nay không cùng ông làm bạn (công công).

THUYẾT TỊCH ÂM VƯƠNG CHỦNG NỘI THIỆU NGOẠI THIỆU

Tịch Âm nói: Đây như trong Đường Quách khiến cho bốn mùa bình thường, đều xưng là Vương, song chẳng phải hữu chủng, là do ân cần lao nhọc mà có, như cung kính Tần Vương Minh Hoàng Cao Tổ, thì do nhà sinh Đế Vương đều là hữu chủng, chẳng phải do ân cần lao nhọc mà có, gọi đó là "nội thiệu", không của công. Tiên thánh tôn quý gọi đó là "ngoại thiệu", là mượn công nghiệp mà thôi, nên lại gọi đó là "tá cú".

Thiền sư Tào Sơn Chương lược nói bài kệ:

Diệu minh thể tận biết xúc phạm
Xúc ở trong gặp duyên không mượn.

Thiền sư Vân Cư Hoằng Giác nói:

Trên mỗi đều rõ thông trên mỗi vật
Chỉ kêu làm xong việc người

Trọn không kêu làm tôn quý
Toan biết một đường tôn quý tự sai biệt.

BA LOẠI ĐỌA CỦA TÀO SƠN

Tào sơn nói: Phàm tình Thánh thấy là đường huyền kim tỏa, cần phải xoay chuyển.

Luận về thủ chánh mạng thực. Phải đủ ba món đọa:

1. Mang lông đội sừng.

2. Không đoạn sắc thanh.

3. Không thọ thức ăn.

Có Bố Nạp hỏi: Mang lông đội sừng là đọa thế nào?

Tào Chương đáp: Là loại đọa.

Hỏi: Không đoạn sắc thanh là đọa thế nào?

Tào Chương đáp: Là tùy đọa.

Hỏi: Không thọ thức ăn là đọa thế nào?

Tào Chương đáp: Là tôn quý đọa.

Tào Chương lại nói: Phàm thầm hợp với tâm ban đầu mà biết có là loại đọa.

Biết có mà không ngại sáu trần, là tùy đọa.

Ngài Duy-ma-cật nói: Lục sư ngoại đạo là thấy của ông, thầy của ông đọa ông cũng đọa theo.

Mới có thể lấy thức ăn. Thực: Là chánh mạng thực. Thực là căn cứ sáu căn môn đầu kiến văn giác tri, chỉ không bị cái khác nhiễm ô sẽ bị đọa, lại không phải đồng.

Ngài Minh An nói: Ba loại đây phải hiểu chuyển vị mới được.

1. Là làm con trâu tơ là loại đọa.

Nói Sa-môn chuyển thân ngữ, là việc trong dị loại, nếu không hiểu ý đây, tức có ngăn trệ, đây là muốn ông một niệm vô tư, tức có đường xuất thân.

Hòa thượng Đại Châu nhân tọa chủ Duy-ma hỏi: Trong kinh nói: Lục sư ngoại đạo kia là thầy của ông, thầy của ông bị đọa, cũng đọa theo, việc ấy cho ông không gọi là phước điền, cúng dường ông là đọa ba đường ác, chê bai Phật hủy pháp, không vào số chúng, trọn không được diệt độ, ông nếu như vậy mới có thể thọ thức ăn, nay xin Thiền sư chứng minh vì tôi giải nói.

Ngài Đại Châu nói: Mê theo sáu căn gọi là lục sư, tâm mong cầu bên ngoài Phật gọi là ngoại đạo. Hữu tình được bố thí không gọi là phước điền, sinh tâm thọ cúng dường đọa trong ba đường ác. Ông nếu

chê bai Phật, là không chấp cầu Phật. Hủy pháp là không chấp cầu pháp. không vào số chúng là không châp cầu tăng. Trọn không được diệt độ, là trí dụng hiện tiền. Nếu hiểu như vậy, thì được ngay thực ăn pháp hỷ thiền duyệt.

2. Không đọa vào sắc thanh là đọa theo, do không rõ sắc thanh nên theo đó mà đọa, phải đến với thanh sắc mới có đường xuất thân. Thế nào là một câu ngoài sắc thanh?

Đáp: Thanh không phải là thanh, sắc không phải là sắc, nên nói không đoạn, bàn tay phải bàn tay nào của ngón tay.

3. Không thọ thức là tôn quý, phải biết bên đó, thi hành bên đây, nếu rỗng không vị đây, tức đọa vào tôn quý.

CHÁNH MẠNG THỰC (tiếp theo)

Ngài Tịch Âm nói: Trong Du-già Sư Luận nói: Chết có ba loại: Nghĩa là thọ mệnh hết, phước hết, bất tỵ bất bình đẳng, phải biết cũng là chết phải thời phi thời, hoặc do tâm thiện, hoặc do tâm bất thiện, hoặc tâm vô ký.

Thế nào là thọ mệnh hết?

Cũng như có một tùy cảm, thọ lượng mãn hết nên chết đây gọi là thời tử.

Thế nào là phước hết nên chết?

Cũng như có thiếu một của cải nên chết.

Tại sao bất tỵ bình đẳng nên chết?

Như Đức Thế Tôn nói: Chín nhân chín duyên, chưa hết thọ mạng mà chết.

Những gì là chín?

Nghĩa là ăn không có chừng mực, ăn đã không đúng, không tiêu ăn lại, sống không nhã ra, chín không giữ lại, không cần thuốc men, không biết về mình, hoặc tổn giảm hoặc lợi ích, trái thời trái chừng mực, làm việc phi phạm hạnh, đây gọi là chết phi thời, phải lấy đây quán sát mới biết giờ mà ăn, tức không chết uổng gọi là chánh mạng thực.

Ngài Hoàng Bá nói: Thời nay vừa ra khỏi chúng, chỉ muốn biết nhiều hiểu nhiều, rộng cầu văn nghĩa, nói là tu hành, không biết biết nhiều hiểu nhiều trở thành ngăn trệ, như cho trẻ uống nhiều sữa, tiêu cùng không tiêu, thảy đều không biết. Hàng Tam thừa học đạo đều giống như đây, đều gọi là ăn không tiêu.

Ăn không tiêu, đó gọi là hiểu biết không thông, đều là độc dược, bỏ hết bờ mé sinh diệt, ở trong chân như, vì không có việc đây, lấy đây

nên biết, ngài Tào Sơn tôn quý chánh mạng thực, lập ba món đọa.

BẤT ĐOẠN SẮC THANH ĐỌA, TÙY ĐỌA, TÔN QUÝ ĐỌA

Ngài Tịch Âm nói: Trong kinh Duy-ma nói vì hoại tướng hòa hợp, nên lấy giấu ăn, vì không thọ nên lấy thức ăn ấy, do tưởng không tụ, vào nơi tụ lạc chỗ thấy sắc cùng với mù v.v... chỗ nghe tiếng cùng với tiếng vang v.v... chỗ ngửi mùi hương cùng với gió v.v... nếm thức ăn không phân biệt được, thọ các xúc chạm như trí chứng, biết các pháp như huyễn tướng, không có tự tánh, không có tha tánh, vốn tự không sinh, nay thì không diệt. Đây là lập lý do không đoạn sắc thanh đọa.

Lại nói: Ngài Tu-bồ-đề không gặp Phật không nghe pháp, ngoại đạo lục sư kia, là thầy của ông, nhân đó ngài xuất gia, thầy ông bị đọa ông cũng đọa theo, mới có thể lấy thức ăn, đây là lập lý do tùy đọa.

Lại nói: Chê bai Phật hủy pháp, không vào số chúng, trọn không được diệt độ. Ông nếu như vậy, mới có thể nhận thức ăn, đây là lập lý do tôn quý đọa. Ông từng xem xét ngài Tào Sơn, ông tự so sánh Lục Tổ không biết hổ thẹn. Do họ buông lung tình của Thánh phàm có đại phương tiện.

Ngài Nam Tuyền nói: Ba đời chư Phật không biết có ly nô bạch cổ lại biết có, bèn nói không bằng Tào Sơn dựng lập một chữ đọa.

BÀI TỤNG BA MÓN ĐỌA CỦA NGÀI TỊCH ÂM

Xôn xao nhưng làm việc nghỉ ngơi đồng

Trong chén bạc đựng đầy tuyết
Nếu muốn bò đực khác
Cùng với bò đực nào khác.
Có nghe đều không nghe
Có thấy vốn không vật
Nếu đoạn cầu sắc thanh
Gỗ cây bỗng nhiên sẽ thành Phật.
Sinh ở nhà đế vương
Nào lại có tôn quý
Tự phải mặc trân bảo
Xem thấy kinh lạ gì? (tôn quý)

VÀI ĐIỀU CỦA BÁ TRƯỢNG

(Ba loại tụng và tổng)

Mặc quần áo rách đứng dậy

Cỏ bỏ khố nương sinh
Đi dạo vào cỏ hoang
Quên đi đường Trường An.
Lầu Tần ca dạ nguyệt
Ngụy thiếu say gió xuân
Sau nước nhà mất ngã nghiêng
Tin tức làng xóm không biết.
Một mình ngồi non đỉnh
Quanh lưới tuyệt đường về
Đáng thương một đôi chân
Không từng đến nhân gian (tôn quý).
Mây không luyến tiếc núi xanh
Gương không thích xấu xí
Chưa thấu suốt cửa quan của quỷ
Tùy chỗ thành khuôn sáo cũ (tổng).

1. Mang lông đội sừng tùy loại tự tại:

Đầu sừng dính bùn đất
Hiện rõ ràng thân đây
Bờ dương xanh cỏ thơm
Chỗ nào không xưng tôn.

2. Thấy sắc nghe tiếng tùy chỗ tự tại:

Vượn kêu trăng đêm sương
Hoa cười xuân vườn tâm
Mênh mông trong hồng trần
Mọi người là cố nhân.

3. Lễ tuyệt bách liêu tôn quý tự tại:

Họa đường không xiềng khóa
Ai dam vượt qua cửa
Không ngạc nhiên không khách khứa
Trước nay không thấy người.

TỔNG TỤNG

(319) Đêm qua ngủ thân hoang
Sáng nay đi dạo vườn
Xưa nay không thứ lớp
Chỗ nào tìm tung tích.

BA LOẠI SẤM LẬU

Sư nói với ngài Tào Sơn rằng: “Ta ở chỗ tiên sư Vân Nham đích

thân in ấn Bảo Cảnh Tam-muội Sự, gạn cùng pháp yếu, nay đem trao cho ông, ông khéo hộ trì, không để đoạn tuyệt, gặp bậc chân pháp khí, mới có thể truyền trao, cần phải bí mật, không được hiển bày, e đem lưu truyền, diệt mất tông ta. Đời mạt pháp người phàm nhiều trí kém, nếu muốn hiện rõ chân ngay của bậc thượng nhân, có ba loại:

1. *Kiến sấm lậu:* Căn cơ không lìa ngôi vị đọa ở biển độc, khéo ở chuyển vị.

Ngài Minh An nói: Vì chấp ngăn ngại ở sở tri. Nếu không chuyển vị, tức còn ở trong một sắc. Đã nói tham lậu, chỉ có thể ở trong chưa hết thiện, phải hiện rõ tung tích mới được tiếp nối huyền cơ diệu dụng.

2. *Tích sấm lậu*: Trí thường trái bỏ, chấp nơi thiên khô.

Ngài Minh An nói: Vì tình cảnh không đủ ngăn trệ ở thủ xả, trước sau đều thiên khô xem xét không khắp, là biết lưu chuyển cùng khắp. Việc giữa đường bên bờ cần trong mỗi câu lìa nhị biên không ngăn trệ tình cảnh (1- Làm việc giữa đường chưa đến bên bờ).

3. *Nói sấm lậu:* cho rằng khéo mất tông căn cơ mê mờ trước sau trí kém cỏi không ra ngoài ba loại đây.

Ngài Minh An nói: Thể diệu thất tông, là ngăn trệ ở con đường ngôn ngữ mất tông chỉ, căn cơ mê mờ trước sau. Nghĩa là căn cơ ám muội, chỉ ở trong ngôn ngữ tông chỉ không đầy đủ. Trong mỗi câu phải là có trong ngôn ngữ không ngôn ngữ, mới được diệu chỉ mật viên.

BÀI TỤNG TAM SẤM LẬU CỦA ?? ĐÀM CHIẾU

Thiên hạ núi khe u tịch chân hẳn
Ai có thể đưa tay cùng dạo chơi
Quay đầu bỗng nghe tiếng đỗ quyên
Cười chỉ mây trắng đi về nghỉ (kiến).
Năm xưa từng làm khách tham huyền
Khắp nơi thăm hỏi huyền cơ cùng yếu mạch
Canh tàn mực đen dính áo đen
Nói đến người khác cửa miệng hẹp (tình).
Trên đảnh người gỗ nhẹ mở miệng
Thạch nữ bên khe thầm điểm đầu
Có thể cười vào năm Lý Thái Bạch
Đêm đến lại ngủ thuyền câu cá (ngữ).

BA CÁCH TIẾP NGƯỜI CỦA NGÀI ĐỘNG SƠN

Có vị tăng đến ngài Thiểm Sơn, Thiểm Sơn hỏi: Chỗ rất gần lìa.

Tăng nói: Ngài Động Sơn.

Thiểm Sơn nói: Động Sơn có câu nói gì?

Tăng nói: Hòa thượng nói: Ta có ba cách tiếp người.

Ngài Thiểm Sơn nói: Có ba cách gì?

Tăng nói: Cách chim nói khó hiểu giang tay.

Thiểm Sơn nói: Thật có ba cách đây sao?

Tăng nói: Hay Thiểm Sơn nói: Cầm giữ ngàn dặm dưới rừng cướp bóc người nói buồn.

Sai đó ngài Phù Sơn Viên Giám nói: Không nhờ lá vàng rụng, sao biết là mùa thu (hoặc nói: Tôn túc nêu luận mà nói, cầm giữ thiên lý sao, một mình đạo nhân dưới rừng, hoặc nói chấp trì thiên lý bát một mình đạo nhân dưới rừng).

BÀI TỤNG BA LOẠI CƯƠNG YẾU CỦA TÀO SƠN

Khóa vàng đều khóa đủ
Đường hẹp đều ẩn hết
Bảo ân ngay diệu không
Trùng trùng đều thêu gấm.
Xen nhau sáng trong tối
Công đều chuyển khó biết
Sức hết quên tấn thối
Khóa vàng mạng lưới giày
(khóa vàng đường huyền)
Lý sự đều không liên quan
Chiếu lại tuyệt u vi
Trái gió không khéo vụng
Lửa chớp sáng khó tìm.

(Ba phen không đọa phàm Thánh lại nói lý sự không liên quan).

TAM CÚ CỦA MINH AN

Bình thường không sinh câu
Diệu huyền không câu riêng
Thể sáng không hết câu.

Lúc bấy giờ có vị tăng hỏi:

Thế nào là bình thường không sinh câu?

Ngài Minh An nói:

Mây trắng che núi xanh
Núi xanh không lộ đỉnh.

Như thế nào là diệu không câu riêng?
Ngài Minh An nói:
Bảo điện không người đứng hầu
Không trồng ngô đồng không phương đến.
Thế nào là thể minh vô bận cú?
Minh An nói:
Lúc tay chỉ hư không trời đất chuyển
Đường về Thạch mã ra khỏi váy quần.

LANG DA BIẾT ĐÁP TAM CÚ

Lang Da nhân vị tăng tu thỉnh ích thứ lớp bèn nói: Sơn Tăng cũng có ba câu báo đáp Đại Dương.

Vị tăng hỏi: Thế nào là bình thường không sinh câu?
Lang Da nói: Trước nói không có ý chỉ
Câu sau dứt đuổi tìm.
Hải Ấn nói: "Ễnh ương ba chân bỏ ba ba lớn".
Thế nào là diệu huyền không có câu riêng?
Lang Da nói: Điểu phụng không dừng lại không bóng cây
Ngọc thố đâu từng xuống trời xanh.
Hải Ấn nói: Mây trắng che núi xanh.
Thế nào là thể diệu không chết câu?
Lang Da nói: Ba đông cây khô trổ
Chín hạ hoa tuyết bay.
Hải Ấn nói: Trên đỉnh Tu-di sóng ngập trời.

Lang Da nói: Đem ba câu nói đây cúng dường Hòa thượng Đại Dương dần xuống tòa.

BỐN CẤM NGỮ CỦA TÀO SƠN

(Hoặc nói đầu từ ngữ)

Chớ đi chỗ đường tâm
Không quảy bát đến y
Cần gì đúng như thế
Rất kỵ lúc chưa sinh.

KỆ CỦA MÔN PHONG

(Gỗ phù dung tự được sáng)

XƯỚNG HAY KHÔNG LIÊN QUAN ĐẾN LƯỠI

(1) Sát sát trần tràn khắp nơi bàn
Không khảy tay Thiện Tài tham
Không sinh cũng hiểu thông tiêu tức
Mưa hoa trước đảnh chim không hót
(Phù dung).
(Đại) Như như tịch diệt tợ vô tình
Một câu xưa nay vốn hiện thành
Lưỡi vận rộng dài vốn không gián đoạn
Tuyết Phong gặp nhau mong về Châu hưởng
(tự được).
Phật xưa vòi vọi thể rộng dài
Lưỡi tơ xen nhau sáng sát trần bày
Cũng biết không phí mẹ sinh lưỡi
Trên đảnh sân quế hoa khéo bày
(Cổ đức).

RẮN CHẾT SỢ RA CỎ

(2) Mặt trời nóng gió thổi cỏ trong đất
Chạm độc khí kia lại quay về
Đất tối bỗng mở miệng chết
Trường An y cũ tuyệt người đến (Phù dung).
(7) Roi vàng xa chỉ ngọc đường lạnh
Sợ tướng quân đêm ra quan ải
Kiếm báu bốn biển trong
Dựng cờ một phen quét tuyệt ngoan si (tự được).
Rắn chết đánh giết Lộ Sương Nha
Không roi đáy đầy hôi chớ thêm
Đã là khéo gọi phải khéo để
Chạm độc kia mất vợ nhà (Cổ đức).

GIẢI CHÂM KHÔ CỐT NGÂM

(3) Trong cái chết được sống là phi thường
Mật dụng lại khác biệt có tăng trưởng
Nửa đêm đầu lâu ngâm một khúc
Sông băng phát lửa lại trong mát (Phù dung).
(8) Cung lậu trầm trầm màu đêm đậm
Đèn tắt lửa hết tuyệt tri âm
Người gỗ chuyển vị dây ngọc sáng

Thạch nữ nằm mộng sương đầy áo (tự đắc).
(4) Công tề công hóa ý chỉ nào sâu
Đâu để trọng yếu lại thâm trầm
Cha con không truyền chân bí quyết
Giải kim cốt khô làm rồng ngâm (Cổ đức).

THIẾT CƯ MÚA TAM ĐÀI

(6) Không lạc điệu cung thương
Ai biết hòa một trận
Bá Nha bỏ chỗ nào
Khúc đây xưa nay dài.
(9) Trâu sắt không sừng nằm vách núi
Roi đi như bay thấy cũng thế
Phố náo nhiệt người đi khắp không gặp
Diều hâu mở mắt qua Tân La (tự đắc).
Càn-thát-bà vương trống như sấm
Linh sơn hiến nhạc chưa không hồi
Sóng biển cuồn cuộn động Tu-di
Nào ngại của sắc múa tam đài (Cổ đức).

XƯA NAY KHÔNG GIÁN ĐOẠN

(Ngài Hoằng Trí ghi chép lời của chủ gia không thấy có đề cổ kim không gián đoạn, riêng Phù dung có bài tụng đây)

(5) Một pháp vốn muôn pháp không
Trong ấy sao được ngộ viên thông
Toan cho rằng Thiếu Lâm đoạn tiêu đức
Hoa đào xưa vẫn cười gió xuân.
(Cổ đức lập đề được bài tụng rõ ràng)

NĂM CHUYỂN VỊ TRONG HÒM THANH XÀ HỐNG

Bảo kiếm xiên ngang trời sắp sáng
Rửa sạch ma Phật ép người lạnh
Trong hòm thầm ẩn chỗ phát sáng
Nạp tử luống đem chánh nhãn xem.

KIM VÀNG ĐI LẠI ĐẾN

(11) Đại đạo trong sáng đường Trường An
Qua lại đâu từng có gián đoạn

Tối đi sáng đến cơ phong không lộ bày
Ông ấy ban đầu không rơi vào trung biên.

TẦN CUNG CHIẾU SÁNG LẠNH

(12) Phòng nham xem vắng lạnh như băng
Khéo được chân phù linh khắp nơi
Chuyển đổi không nương công tựu vị
Hồi đầu lại mất Sở vương thành.

NGŨ THIÊN NGÂN SÁNG CHÓI

(13) Ngũ thiên sáng chói riêng vòng ngọc
Một điểm sáng phân minh soi hồ
Rồi bước lại đi dạo biển huyễn
Mười phương sa giới đại tỳ-lô.

NÚI SÂU ẨN BẠCH NGẠCH

(14) Bạch Ngạch ẩn sâu khói mù mờ
Trong cái lạ đến cũng tự kinh sợ bầy
Cỏ sâu thẳng xuống không chỗ tìm
Xúc chạm nhẹ nhàng họa đến cửa.

CƠ PHONG CỦA TÀO ĐỘNG (Phần Dương)

(15) Lầu gác trăng ngàn nhà
Sông hồ thu muôn dặm
Hoa lư không khác màu
Bạch điểu xuống các bồi.

(16) TÔNG CHỈ (Cổ đức)

Tào động xuống môn đính lý sự toàn
Bạch vân nham xuống đâu ngủ yên
Mặc dầu cây khô nở hoa
Chiếu lại đồng hoa không gặp tiền.
Cổ đức phân ba loại công huân (thêm mới)

MỘT SẮC CHÁNH VỊ

Không bóng trong cây chim không đậu
Thềm không thầm thầm đến bên đợi
Núi lạnh cỏ hoang đâu từng xanh

Ngồi ngay vòi vọi mất đường mê.

MỘT SẮC ĐẠI CÔNG

Trâu trắng trong tuyết tìm không dấu vết
Công hết siêu nhiên thể chứa mênh mông
Bóng trăng hoa lư trời chưa sáng
Linh miêu nhậm vận cắt gió xuân.

MỘT SẮC THỜI NAY

Đầu lâu thức hết chớ nhiều điều
Miệng chó vừa mở rơi hai ba
Trong ánh sáng hằng ngày phải tiến gấp
Núi xanh chỉ ở trong mây trắng.

BÀI TỤNG CỦA HOẰNG TRÍ MƯỢN BỐN ĐIỀU

* Mượn công nói rõ vị

(17) Cây Tần gió chưa dừng đêm chưa sáng
Nước trời trong xanh cùng thu sáng
Thuyền không phạm bờ đông tây
Phải tin cây sào người dùng ý tốt.

* Mượn vị rõ công

(18) Sáu hộ thông suốt đường không mê
Trong bóng thái dương không đương cơ
Tung hoành khéo mở vô tư hóa
Chính xác đi từ đường chim trở về.

VAY MƯỢN KHÔNG VAY MƯỢN

(19) Biết tận ngọt đắng trăm đầu cỏ
Mũi không dây cột cuộc sống an nhàn
Không biết có lại thành biết có
Mới tin Nam Tuyền kêu làm trâu.

TOÀN SIÊU VIỆT KHÔNG VAY MƯỢN

(20) Sương nặng gió im cảnh tịch liêu
Ngọc quan kim tỏa tay lưỡi gõ
Tùng lạnh đêm hết không tiếng kêu
Hạc già dời nghỉ ở không trăng.

MÔN ĐÌNH CỦA TÀO ĐỘNG

Tông Tào Động, gia phong cặn kẽ ngôn hạnh tương ưng, tùy cơ lợi vật, đến nói tiếp người, xem chỗ họ đến, bỗng có thiên trung nhận chánh, bỗng đồng bỗng dị, chỉ bày các việc dùng năm vị thiên chánh, năm vị công huân của bốn tân chủ, năm vị quân thần, năm vị Vương tử, nội ngoại thiệu. Năm vị thiên chánh, chánh trung thiên, là thể khởi dụng. Thiên trung chánh, là dụng quy về thể. Kiêm trung chí, là thể dụng đều đến. Kiêm trung đáo, thể dụng đều dứt.

Tứ tân chủ, không đồng với ngài Lâm Tế. Chủ trong tân, thể trong dụng. Tân trong tân, dụng trong dụng, trên đầu để trán. Chủ trong chủ, vật và ta đều vong, nhân pháp đều hết, không liên quan đến chánh thiên.

Năm vị công huân, là nói rõ tham học công vị cho đến phi công vị.

Năm vị quân thần, là nói rõ hữu vi vô vi.

Năm vị Vương tử, là nói rõ nội thiệu vốn tự viên thành. Ngoại thiệu có chung có thủy. Đại khái gia phong của Tào Động chẳng qua là thể dụng, thiên chánh, tân chủ, để rõ một đường từ trước, phải thấy Tào động như thế, Phật tổ chưa sinh ngoài kiếp không, chánh thiên không rơi vào cơ có không.

YẾU QUYẾT (Sơn Đường)

Một phái tân phong hà ngọc phân dòng, mới nhờ qua nước gặp khe, khéo thấy vô tình thuyết pháp. Ngày nay không chạm, dang tay thông huyền, nêu bày năm vị chánh thiên, phân ba món tham lậu, đêm sáng ngoài rèm, thần thối vị do triều quân, trước đài gương xưa, ông chuyển thân mà đến cha tuyết phủ muôn năm cánh tùng, nửa đêm đang sáng, mây ngăn một dải núi cao, trời sáng không lộ bày, nẻo đường dày đặc, vực trí hố sâu, lặng chiếu kiếp không về trước, lặng yên một bình gió trăng, ngồi thấu trước Phật Oai Âm Vương, lặng trong đầy mắt khói sáng, không hoa nở trên mầm cành, không phượng múa trên đầu bóng cây, mây tơ không treo, trong ấy hai khóa kim vàng (320), thêu vẽ trong tung hoành cho tối xâu chuỗi ngọc, đều khởi minh xướng, giao phong chỗ biết có thiên nhiên, đều mang bỗng đến trên cây khô, ai có thể làm chủ không cần chánh vị, nào thủ đại công, đến hết thời nay, đâu để tôn quý, cắt đứt lưới chấp tình trần, nắm mở khóa vàng huyền quang, khéo hiệp đầy đủ, rõ ràng trong giống xen dấu vết, bình thường lòng thường thật, rõ ràng ẩn thân trong tro, co duỗi không rơi vào công huân, qua lại

không biến đổi, muốn để mầm khác sum sê, quý ở sâu vốn gốc tốt, nếu không phải củi đá dã nhân, sao thấy Tân Phong khúc tử (củi đá dã nhân là hiệu riêng của Phù Sơn Viên Giám).

BÀI TỤNG CƯƠNG TÔNG CỦA CỔ ĐỨC

Khói mây che đường ai có thể tìm,
Gà đen đi mưa xông dương diệm,
Cầu vồng đỏ xuyên lầu cười hòa,
Ách đúng là ngay là tiếng nói cười.

Kinh dịch nói tiếng sằng sặc, cầu vồng đỏ xuyên lầu hòa theo tiếng cười, đây là trong không ngôn ngữ có ngôn ngữ, nhiều người làm ách của âm ách là sai, đầm rộng hoa lư ẩn trong tuyết, thuyền dạo chơi dừng chỗ sâu thả dây câu cá, ngay cửa buồn rầu không soi gương thả tóc xiên dưới mày núi xanh.

TAM-MUỘI BẢO KÍNH

Pháp như thế,
Phật tổ thầm trao,
Nay ông được đó,
Nên khéo giữ gìn,
Như chén bạc đựng tuyết,
Trăng sáng che cò,
Loại đó chẳng đồng,
Lẫn thì biết chỗ,
Ý không ở lời,
Cơ đến cũng đến,
Động thành hang ổ,
Sai rơi đoái giữ,
Xúc chạm đều sai,
Như đống lửa lớn,
Chỉ bày màu vẽ,
Tức thuộc nhiễm ô,
Nửa đêm sáng tỏ,
Trời sáng chẳng bày,
Vì vật làm phép,
Dùng nhổ các khổ,
Tuy chẳng hữu vi,
Chẳng phải không nói,

Như đến gương báu,
Hình bóng thấy nhau,
Ông chẳng phải y,
Y chính là ông,
Như trẻ trong nôi,
Năm tướng đầy đủ,
Chẳng đi chẳng lại,
Không dậy không đứng,
Tu oa! tu oa!
Câu có câu không,
Trọn chẳng được vật,
Vì lời chưa rõ,
Lại lìa sáu hào,
Thiên chánh xoay vần,
Chồng chất thành ba,
Biến hết thành năm,
Đến như vị cô trị,
Như chày Kim cang,
Chánh trung khéo gộp,
Gõ xướng đồng cử,
Thông tông thông độ,
Gộp hẹp gộp rộng,
Yên lặng thì tốt,
Chẳng nên phạm nghịch,
Thiên chánh hồi hổ,
Không thuộc mê ngộ,
Thời tiết nhân duyên,
Lặng lẽ rành rõ,
Nhỏ vào chẳng hở,
Dứt hết phương sở,
Sai không mảy may,
Chẳng hợp luật lữ,
Nay có đốn tiệm,
Duyên lập tông thú,
Tông thú phân minh,
Tức là quy cũ,
Tông thông thú cực,
Chân thường lưu chú,

Ngoài yên trong loạn,
Cột ngựa dẹp chuột,
Tiên thánh thương họ,
Vì làm đàn độ,
Tùy kia điên đảo,
Lấy đen thành trắng,
Tưởng điên đảo diệt,
Để tâm tự hứa,
Hợp dấu vết xưa,
Xin xem trước xưa,
Phật đạo đã thành,
Mười kiếp quán cây,
Như hang của cọp,
Như trạm của ngựa,
Do có thấp kém,
Bàn báu xe quỷ,
Do có sợ hải,
Mèo nhà bò trắng,
Nghĩ do sức kéo,
Trăm bước bắn trúng,
Tên nhọn sắp chạm,
Sức khéo làm gì,
Người gỗ vừa ca,
Ghi đá đứng múa,
Tình chẳng thức đến,
Đâu cho suy nghĩ,
Thần phụng nơi vua,
Con thuận nơi cha,
Không thuận bất hiếu,
Không phụng chẳng phụ,
Làm thầm kín dụng,
Như ngu như dại,
Chỉ hay tiếp nối,
Gọi chủ trong chủ.

■

NHÂN THIÊN NHÃN MỤC

QUYỂN 4

TÔNG QUY NGƯỠNG

Sư húy Linh Hựu, ngài họ Triệu ở Trường khê Phước châu, đắc pháp giới với ngài Bá Trượng Hoài Hải. Ban đầu Ngài đến Đại Quy ăn trái, uống nước khe, hơn mười năm mới được cùng ngài Ngưỡng Sơn Tuệ Tịch Thiền sư, chấn hưng tông đạo, nên các phương gọi Ngài là tông Quy Ngưỡng.

BA LOẠI SINH

Sư nói với Ngưỡng Sơn rằng: Ta dùng gương trí làm tông yếu, đưa ra ba loại sinh. Đó là:

- Tưởng sinh.
- Tướng sinh.
- Lưu chú sinh.

Trong kinh Lăng-nghiêm nói: Tưởng sinh là trần, bị thức tình làm cấu uế, cả hai đều lìa, thì pháp nhãn của ông ứng thời trong sáng, ại sao không thành Vô thượng tri giác.

Tưởng sinh tức tâm hay suy nghĩ tạp loạn.

Tướng sinh tức cảnh bị suy nghĩ rõ ràng.

Lưu chú vi tế đều bị trần cấu, nếu có thể sạch hết mới được tự tại.

Sau có vị tăng hỏi ngài Thanh Phật Trung Thiền sư:

Thế nào là Tưởng sinh?

Trung Thiền sư nói: Thỏ ngắm trăng.

Thế nào là Tướng sinh?

Trung Thiền sư nói: Sơn hà đại địa.

Thế nào là lưu chú sinh?

Trung Thiền sư nói: Vô gián đoạn.

BÀI TỤNG TƯỞNG SINH (của Thạch Phật)

Âm thầm đi người đời không biết
Trong ấy đã đi nhiều nẻo
Như ngọn đèn cháy lung linh giữa hư không
Vội vàng về đến sớm là chậm.

TƯỚNG SINH

Pháp không một mình sinh mà nương cảnh sinh
Mảy may chưa hết bèn trội hơn
Hồi quang một tiếng động lại trở về
Thanh vắng nằm mộng bỗng nghe hai mắt sáng.

LƯU CHÚ SINH

Trần trần thanh sắc rõ không cùng
Không lìa ngày nay trong nhật dụng
Kim tỏa huyền quang có thể cắt đoạn
Trở về cố hương mau như gió.

KHỞI NHÂN VIÊN TƯỚNG

Làm viên tướng: Ban đầu ở Nam dương Trung Quốc Sư đem trao cho thị giả Đam Nguyên, Nguyên vâng theo sấm ký truyền đến Ngưỡng Sơn, bèn gọi là tông phong Quy Ngưỡng.

Ngũ Phong Lương Hòa thượng ở Minh châu, thường chia ra năm mươi công án.

Minh Giáo tung Thiền sư, là bài tựa khen cái đẹp của đạo Lương Hòa thượng nói, tổng cộng có sáu tên. Nghĩa là: Viên tướng, ám cơ, nghĩa hải, tự hải, ý ngữ và mặc luận. Đam Nguyên nói với Ngưỡng Sơn: Quốc Sư truyền viên tướng cho sau đời Tổ sư, chín mươi bảy câu, trao cho lão tăng Quốc sư lúc thị tịch, lại nói tôi rằng: Sau khi ta diệt độ ba mươi năm, ở phương Nam có một Sa-di, đến xiển dương đạo đây, truyền trao thứ lớp, không để đoạn tuyệt, ta biết rõ sấm ký đây là ở nơi ông, ta nay giao phó cho ông, ông phải phụng trì. Ngài Ngưỡng Sơn được rồi bèn đốt sấm ký.

Đam Nguyên một hôm nói với Ngưỡng Sơn rằng: Đến chỗ truyền viên tướng, phải bí mật thâm sâu.

Ngưỡng Sơn nói: Đốt rồi.

Đam Nguyên nói: Đây là chủ Tổ truyền nhau đến đây, sao đốt đi.

Ngưỡng Sơn nói: Ông vừa xem rồi biết ý kia, nhưng dụng mới

được không chấp bổn vậy.

Đam Nguyên nói: Trao cho ông liền được, người đến như thế nào?

Ngưỡng Sơn đáp: Hòa thượng muốn chép lại một bổn.

Ngưỡng Sơn bèn chép lại trình lên, không sai khác một chút.

Đam Nguyên một hôm thượng đường, ngài Ngưỡng Sơn ra giữa chúng làm tướng tròn, lấy tay nhấc lên làm trình thế, lại chấp tay đứng. Đam Nguyên dùng hai tay giao nhau làm chỉ bày. Ngưỡng Sơn đến trước ba bước, làm thế người nữ lạy, Đam Nguyên gật đầu, Ngưỡng Sơn liền lễ bái, đây chính là viên tướng đã tự khởi.

ÁM CƠ

Ngài Ngưỡng Sơn đích thân đến chỗ Đam Nguyên, trao chín mươi bảy món viên tướng, sau ở chỗ Quy Sơn, nhân tướng tròn đây đốn ngộ, sau có người nói: Chư Phật mật ấn đâu dễ nói sao?

Lại nói: Ta ở chỗ Đam Nguyên đắc thể, ở chỗ Quy Sơn đắc dụng nói: Cha con hợp cơ, nên có viên tướng đây, so sánh biện rõ vài điều, hoặc họa tướng ?? Mới biết ý, hoặc tướng ?? Mới đoạt ý, hoặc họa tướng ?? Mới bằng lòng, hoặc họa tướng tròn mới chấp nhận người khác thấy ý, hoặc họa tướng tròn ??, hoặc chấm hoặc phá, hoặc ném đi, hoặc nâng lên, đều là thời tiết nhân duyên vừa có viên tướng, liền có khách chủ, chủ sinh sát tung đoạt cơ quan nhãn mục ẩn hiện quyền thật, bèn vào đất Lịch nghỉ ngơi, hoặc lúc rảnh rỗi Sư làm việc, biện cái khó thay đổi cơ phong, chỉ quý đương nhân đại dụng hiện tiền.

Một hôm có phạm tăng đến tham kiến Ngưỡng Sơn vẽ lên đất tướng tròn đây chỉ bày, vị tăng đến trước làm thêm tướng tròn ?? Rồi lấy chân xóa đi, Ngưỡng Sơn dang hai tay, vị tăng phất tay áo đi liền.

Ngưỡng Sơn nhắm mắt ngồi, có vị tăng lén đến đứng bên Sư, Ngưỡng Sơn mở mắt thấy, bèn vẽ trên đất tướng tròn ?? Cố ý chỉ bày vị tăng ấy, vị tăng không nói.

NGHĨA HẢI

Ngưỡng Sơn ở chùa Quán Âm Hồng Châu, sau bữa ăn cháo đến ngồi thiền, có vị tăng đến lễ bái, Ngưỡng Sơn không ngó.

Tăng hỏi Ngưỡng Sơn: Biết chữ chăng?

Ngưỡng Sơn nói: Tùy phần.

Vị tăng đi quanh bên phải một vòng, là chữ gì?

Ngưỡng Sơn vẽ trên đất chữ thập.

Vị tăng lại đi quanh một vòng bên trái, là chữ gì?

Ngưỡng Sơn bèn đổi thành mười chữ vạn ??.

Vị tăng lại vẽ tướng tròn dùng hai tay nâng lên, như thế Tu-la đỡ mặt trời mặt trăng rồi nói là chữ gì?

Ngưỡng Sơn vẽ tướng ?? Để đối.

Vị tăng bèn làm thế rất yếu.

Ngưỡng Sơn nói: Đúng vậy! đúng vậy! đây là chư Phật đã hộ niệm, ông đã như vậy, ta cũng như vậy, khéo tự hộ trì.

Lành thay! lành thay! vị tăng lễ tạ rồi nương hư không mà đi.

Lúc bấy giờ có một người nói: Trải qua năm ngày sau hỏi Ngưỡng Sơn.

Ngưỡng Sơn nói: Ông lại thấy chăng?

Người nói: Thấy ra khỏi cửa nương hư không mà đi.

Ngưỡng Sơn nói: Đây là La-hán Tây Thiên, đặc biệt đến thăm dò tông chỉ của ta.

Người nói: Mỗ giáp tuy thấy các thứ Tam-muội đây, không biện rõ được lý ấy.

Ngưỡng Sơn nói: Ta lấy nghĩa giải thích cho ông, đây là tám thứ Tam-muội, giác hải biến thành nghĩa hải, thể đồng tên khác. Nhưng nghĩa đây hợp lại có nhân, có quả, tức thời, khác thời, tổng biệt không lìa ẩn thân Tam-muội.

Hòa thượng Ngũ Quan Liễu Ngộ cùng với Ngưỡng Sơn lập huyền hỏi huyền đáng tướng ?? Đây cả hòm rương ngăn che, cũng gọi là nửa tháng đợi tướng tròn. Nếu đem tướng đây hỏi việc đó, lại đem nửa tháng để đối đáp.

Ngưỡng Sơn bèn nói: Cả hòm ngăn che.

Đáp do ngăn che hòm, nên nói hòm ngăn che tương xứng, do hiện tướng trăng tròn. ?? Đây gọi là ôm ngọc cầu soi tướng, nếu đem tướng đây đến hỏi, tức ở trong ấy viết chữ gì để đáp, tướng đây gọi đó tìm gương tốt.

Đáp là biết ngọc xuống tay, ?? Đây gọi là dẫn vào, tương tục. Lại đem tướng đây đến hỏi, chỉ ở bốn chữ ?? (khư) thêm chữ nhân (??) Để đáp, bèn hỏi dẫn vào. Đáp dắt tiếp.

Người nói: Tiếp tục thành tướng đồ báu. ?? Đây gọi là đã thành tướng đồ báu. Nếu đem tướng đây đến hỏi, chỉ ở trong viết chữ ?? (thổ hoặc độ) để đáp. ?? Đây gọi là tướng chỉ của huyền ấn, riêng vượt qua các tướng, không chấp ý giáo sở nhiếp. Nếu là rất lanh lợi, thì đối diện phần họ suy nghĩ, thì không thấy.

Tam Tổ nói: Sai một hào ly cách xa trời đất, nếu không đủ chánh nhãn, đâu có thể hiện rõ đây được, như ông trông mong nghe đàn cầm của Bá Nha, như Đề-bà hiểu tướng ngài Long Thọ, dụ như gà ấp trứng thốt trác giống nhau, trí độn nông cạn, hết khó liền sáng, như mù thấy sắc mà chuyển lầm.

BIỆN RÕ ĐỆ BÁT THỨC

?? Đây là chúng sinh, đều có sáu thức, thêm một thức không gọi là bảy thức, thức không được gọi là đệ bát thức, cũng gọi là tám vị vương tử, cũng gọi là bát giải thoát, cũng gọi là bát trượng phu, tổng cộng có ba mươi hai tướng, đây là quả tướng nhân trí báo đáp, cũng gọi là bát thức, thức thứ bảy thứ tám không lìa nhau, nên đến làm tiên phong, đi là rốt sau, cho đến suy tìm quá khứ, phan duyên hiện tại, suy nghĩ vị lai, ba tế sáu thô, năm ý, sáu nhiễm, bảy thức, phân kia phân đây phân phải phân trái, bát A-lại-da thức gọi là Bạch tịnh thức, vốn không có tì vết, không Phật không chúng sinh, không nhân cũng không ngã.

Cổ đức nói: Lại-da Bạch tịnh vốn không ngu, ba tế phân thời có sáu thô.

Nói Ba tế, Sáu thô thấy ở tông môn sau trong tạp lục sau bốn trí đệ thất mạt-na. Tám muôn bốn ngàn từ đây mà có, đại thiên sa giới làm phàm phu, tâm mộng ràng buộc vốn chẳng phải có, mắt bệnh hoa đốm hư không biết là không, trở bàn tay thành mười điều thiện, y nhiên xích thủy được huyền ngộ, trong nhân thứ sáu thứ bảy chuyển, thứ năm thứ tám quả vị viên mãn, thức thứ sáu chuyển thành Diệu quán sát trí. Trái lại quán thức thứ tám thành Bất động trí, rỗng không không có trong ngoài gọi là Đại viên cảnh trí (323), tức một thể. Bình đẳng tánh trí là hiệu chung. Dùng Diệu quán sát trí thâu nhiếp sáu căn, sáu trần, sáu thức, mười tám giới nhẫn đến tám muôn bốn ngàn trần lao, chuyển thành Sở tác trí, chung quy về Đại viên cảnh trí, tức một thể. Đệ ngũ thức chính là ký trí thức chuyển Thành sở tác trí, Thành sở tác trí chuyển nhập Diệu quán sát trí, Diệu quán sát trí chuyển nhập Bình đẳng tánh trí, Bình đẳng tánh trí chuyển nhập Đại viên cảnh trí, tức một thể, là tôn sư của ông.

Nếu có người vấn nạn năng chuyển, tức chuyển thức ở đâu. Trong kinh Lăng-già nói: Phật răn ngài Đại Huệ: Đầu đêm giữa đêm sau đêm, thường dùng Diệu quán sát trí, phải sạch hiện dòng, thức chuyển sáu căn Thành sở tác trí, như khi ngửa tay không nên úp tay ở đâu, cũng như băng khi thành nước bất tức có khác, nên nói: Phiền não tức Bồ-đề. Căn

cứ hai bộ luận Bách pháp duy thức, chỉ lấy nghĩa kia, không chấp ngôn cú. Lục Tổ Đại sư nói kệ rằng:

Đại viên cảnh trí tánh thanh tịnh
Bình đẳng tánh trí tánh vô vô
Diệu quán sát trí chấp không công
Thành sở tác trí đồng viên cảnh.

Thức thứ năm thứ sáu thứ bảy quả nhân chuyển, nhưng chuyển tên thức không thật tánh. Nếu ở chỗ chuyển không lưu tịnh, phồn hưng hằng ở na-dà định (sâu diệu bảy bình nhân địa chuyển năm thành tám trong đại quả viên).

NGƯỠNG SƠN LÂM CHUNG PHÓ PHÁP KỆ

Một hai hai ba ông
Bình thường mắt lại ngước xem
Hai miệng không có một lưỡi
Đây là tông chỉ của ta.

LONG ĐÀM TRÍ DIỄN LÀM BỐN BÀI TỤNG

Một hai hai ba ông
Chữ ngưu gió mát mát thổi
Phật đến có thể không đến
Người bèn tranh kỷ cương.
Bình thường mắt lại ngước xem
Con cháu lại có khác
Chưa biện rõ đầu môi
Ra cửa đều mất lợi.
Hai miệng không một lưỡi
Thôi thôi không cần nói
Tăng Tây Thiên lại đến
Chim rùa kêu làm ba ba.
Đây là tông chỉ của ta,
Cất tiếng lải nhải
Cảnh trí xuất hiện ba đời
Thổi đến đại phong dừng.

TAM NHIÊN ĐĂNG

Tam Nhiên Đăng trong lục của Tào Sơn, chẳng phải Ngưỡng Sơn nói, mà Tào Sơn nói.

Trước nhiên đăng có hai loại:

1. Chưa biết có là đồng với loại sữa của máu huyết.

2. Biết có cũng như lúc ý chưa nẩy mầm, mới được bổn vật, đây gọi là trước nhiên đăng.

Một loại biết có, qua lại nói năng, thị phi thanh sinh, cũng không thuộc về chánh chiếu dụng, cũng không được ghi nhớ, đồng loại với sữa của máu huyết, là tiết lộ bên sự, đây gọi là sau nhiên đăng, chính là việc ba đời hết, trong ngoài tình vong, được vô gián đoạn, đây mới được chánh nhân nhiên đăng, bèn nói được ghi nhớ (đây nói thấy sự uyển tổ đình đã thâu ở tông Quy Ngưỡng trước không muốn thay đổi).

BÀI TỤNG CỔ ĐỨC

Giải hạnh phân minh châu đi vòng quanh
Chưa thể thoát hết bao nhiêu nạn
Như bình rót nước không rơi rớt
Cách biển gió ánh sáng lạnh ngủ nhìn
(Trước nhiên đăng).
Không thấy minh châu thấy đi vòng quanh
Trời đẹp yên tĩnh đêm tối dày đặc
Xưa nay mười đời không thêm bớt
Đưa lên đầu trâu để trên đuôi
(Chánh nhiên đăng).
Hỏi chỗ phân minh đáp chỗ thân
Trần trần sát sát đều gặp ông
Một tiếng ngoài chim vàng núi xanh
Chiếm đoạt phong quang làm chủ người
(sau nhiên đăng).

NGỮ TAM CHIẾU (Hương Nghiêm)

Tâm nghĩ miệng mở cách núi sông
Tịch nhiên không nói cũng bị trách
Co duỗi không cùng lại không hết
Cuốn lại tuyệt tích đã thành nhiều
(Chiếu bổn lai).
Bất động như như muôn sự dứt
Đầm trong suốt đáy chưa từng chảy
Trong ấy chánh niệm thường tương tục
Thiên tâm trăng sáng thâu hết mây mù

(Tịch chiếu)
Trong bốn oai không từng thiếu
Xưa nay lúc ban đầu không gián đoạn
Địa ngục thiên đường không biến đổi
Xuân đến dương liễu xanh như bỏ
(Thường chiếu).

MÔN ĐÌNH QUY NGƯỠNG

Tông Quy Ngưỡng, cha từ con hiếu, lệnh trên dưới nghe theo, ông muốn ăn cơm ta lại cho canh, ông muốn qua sông, ta lại chống thuyền, cách núi thấy khói, lại biết là lửa, cách tướng thấy sừng, lại biết là trâu.

Quy Sơn một hôm mời khắp hái trà, kế tiếp nói với Ngưỡng Sơn rằng: "Suốt ngày chỉ nghe tiếng ông không thấy hình ông"

Ngưỡng Sơn: Rung cây trà.

Quy Sơn nói: Ông chỉ được dụng mà không được thể.

Ngưỡng Sơn nói: Hòa thượng nhe thế nào?

Sư im lặng hồi lâu.

Ngưỡng Sơn nói: Hòa thượng chỉ được thể mà không được dụng.

Quy Sơn nói: Tha ông ba mươi gậy, nhẫn đến Ngưỡng Sơn qua nước. Hương Nghiêm điểm trà, đẩy tà vẹt gỗ ra làm tọa cụ, cầm cái xẻng đứng đưa xẻng đi, đại khái tông phong của Quy Ngưỡng, nêu duyên rõ dụng bỏ cơ đắc thể, không qua được đây, muốn thấy Quy Ngưỡng như thế, trăng lặn đầm không in bóng, mây ra khỏi núi có áo.

YẾU QUYẾT (Sơn Đường Thuần)

Ngài Quy Ngưỡng ở Giang tây tham cứu tông đây, chỉ nhân bươi tro lửa mà khai ngộ, lại thấy phát hiện đầu củi khô, đá ngược tịnh bình, phần nhiều được ở Quy Sơn, khiến được đất lúc ra ở giếng, đại cơ phấn chấn rung ở mé cửa, cầm cái xẻng xuống, không ngại số người phân minh, đẩy gối đầu ra, chính là việc trên dùng mũi kiếm, đủ câu bờ nguy hiểm, có cơ hổ sa vào hố, đại thiền Phật, cùng với bốn giềng mối khiến thực hành có căn cứ.

Kinh Niết-bàn gọi chung là mà thuyết, quý ông mắt sáng, thầm hợp với căn cơ, dung hòa cảnh trí, trong viên tướng, quý đại gia xướng hòa, vốn ở mộng hơn thần thông Thu Tử, đặt hông viết chữ, mà đầu sừng chót vót, suy nghiệm người trong nhà, mà lưng sư tử bẻ lìa từ cú tuyệt bách phi, một dùi đập nát, có hai miệng không có một lưỡi, chín

khúc châu thông, đương cơ phải hiện tông kế hoạch, vì rất nhiều người nông cạn, đạo truyền ngàn xưa gọi là chấn động hai núi. Tuy nhiên nhánh phái nguồn dòng xa lìa, ai thấy chân quy nghiễm nhiên, đây là tông phong của Quy Ngưỡng.

BÀI TỤNG CƯƠNG TÔNG CỦA CỔ ĐỨC

Bán vàng phải gặp người mua vàng,
Trả giá có cao thấp đều không liên quan,
Chỉ hồng hai sợi xuyên biển núi,
Hồ trong vạn khoảnh chấm sao.
Trong vòng ẩn hiện bỏ gối ngọc,
Trên chiếu vuông tròn phủi bụi trần,
Thiên quan xoay chuyển dời đổi nhà cửa,
Ai chịu nuốt tiếng phát ra Tần to lớn.

TÔNG PHÁP NHÃN

Sư húy Văn Ích con họ Lỗ ở Dư Hàng, đắc pháp với Chương Châu La-hán Sâm Thiền sư, ban đầu ở Sùng Thọ Vũ Châu, kế đến ở Thanh Lương Kiến Khang, chấn hưng đạo Tuyết Phong huyền sa, lý sau chủ sau, Thụy là Đại Pháp Nhãn Thiền sư.

Một giọt nước Tào Nguyên, không như vậy y vị thứ trụ thì tông ta kỳ đặc hưng thạnh, chuông vàng dưới hàm nào, người hiểu được, ba cõi duy tâm, muôn pháp duy thức Pháp Nhãn đây đã lập cương tông vậy.

SÁU NGHĨA TƯỚNG HOA NGHIÊM

Sáu nghĩa tướng đây, nên một mà gồm thâu, trên mỗi mỗi pháp, có sáu nghĩa đây. trong kinh là hàng Sơ địa Bồ-tát nói.

BÀI TỤNG SÁU NGHĨA TƯỚNG

Sáu nghĩa tướng Hoa Nghiêm,
Trong cái đòng lại có khác,
Khác hoặc khác với đồng,
Hoàn toàn chẳng phải ý của chư Phật.
Ý của chư Phật tổng biệt,
Đâu từng có đồng dị,
Trong thân năm tử lúc nhập định,
Trong thân người nữ không để ý,
Không để ý vạn tượng,
Rõ ràng không có lý sự.

LUẬN SÁU NGHĨA TƯỚNG HOA NGHIÊM

Nếu muốn rốt ráo khỏi đoạn chấp thường kiến biên kiến tà kiến, phải rõ sáu môn nghĩa tướng Hoa Nghiêm, thì mới có thể trụ pháp ra làm, tự vong năng sở, tùy duyên động tịnh không ngại có không, đủ đại tổng trì, rốt ráo không lỗi.

Sáu nghĩa tướng đây là biện rõ pháp thế gian, tự tại vô ngại, chánh duyên hiển khởi, lý vô phân biệt. Nếu chấp thiện, được biết môn tổng trì, không rơi vào các chấp, không thể bỏ một lấy một, song lập song vong, tuy tổng đồng thời rườm rà phát khởi không có, mặc dù đầy đủ sai biệt, vắng lặng chẳng phải không, không thể dùng tâm biết pháp giới, không có văn tổng biệt, căn cứ trong biển quả, tuyệt ý chỉ thành hoại, nay y nhân môn trí chiếu, cổ đức đại khái dùng dụ.

Sáu tướng:

1. Tổng
2. Biệt
3. Đồng
4. Dị
5. Thành
6. Hoại.

Tổng tướng: Thí như một nhà là tổng tướng, rui v.v... là biệt tướng, rui v.v... là các duyên hòa hợp làm nhà, đều không trái nhau, chẳng phải làm vật khác, nên gọi là tướng đồng, rui v.v... các duyên, qua lại lẫn nhau, mỗi mỗi không đồng gọi là dị tướng, rui v.v... các duyên, một và nhiều tướng thành gọi là thành tướng, rui v.v... các duyên đều trụ tự pháp vốn không khởi, nên gọi là tướng hoại, thì biết chân như xuất thế gian bao gồm các pháp được được tên chung, hay sinh các duyên thành hiệu riêng, mỗi pháp đều đồng là đồng tướng, tùy tướng không đồng xưng là dị môn, kiến lập cảnh giới cho nên xưng thành, tự vị bất động mà thành hoại.

Lại nói:

1. Tổng tướng, một hợp nhiều đức.
2. Biệt tướng, vì nhiều đức chẳng phải một.
3. Đồng tướng, vì nhiều nghĩa không trái nhau.
4. Dị tướng, vì nhiều nghĩa không giống nhau.
5. Thành tướng, vì do các nghĩa duyên khởi đây thành.
6. Hoại tướng, các duyên đều trụ tự tánh không lay động.

Sáu tướng nghĩa trên đây, là trong hàng Sơ địa Bồ-tát, quán thông tất cả pháp môn thế gian, hay nhập vào tông pháp giới, không rơi vào

chấp đoạn thường. Nếu một bề riêng theo hạnh vị mà trái tông, hoặc một bề đồng, mất tiến tu mà trầm tịnh, cho nên mỗi vị tức ngôi vị Phật rõ ràng, lớp lớp rèn luyện bổn vị bất động, đây thì đồng dị đều đồng, lý sự không sai, nhân quả không thiếu, mê ngộ hoàn toàn sai khác, muốn luận về đại chỉ, sáu tướng lại đồng trong mộng qua sông. Nếu ước về chánh tông, hàng thập địa cũng như dấu chim bay giữa hư không. Nếu ước về viên tu, thì đoạn hoặc đối trị tập khí, chẳng phải không có lý hạnh giúp nhau, thiếu một không thể được. Thế nên ngài Phổ Hiền dùng hạnh hội lý, môn căn bản không bỏ, thấy trong tông cảnh lục.

TỨC VẬT KHẾ THẦN

Cần cầu công thắng tích,
Lý khế hợp với người xưa đồng,
Đồng đắc diệu chỗ nào?
Khe tùng gió Tây bắc.

CHỈ BÀY CĂN CƠ

Ta có một lời,
Thiên thượng nhân gian,
Nếu cũng không hiểu,
Duyên xanh núi xanh.

TRÊN ĐẢNH TỲ-LƯ

Nhất chân gồm thâu không được,
Muôn loại không thể bao gồm,
Con muỗi mọc sừng,
Cá chạch lên Ngũ Đài.

TRƯỚC CỬA CA-DIẾP

Thấy mặt hiện rõ ràng
Toàn cơ không che giấu
Chùa dựng ngược đầu sào
Phù Tang trên mặt trời hồng.

BA CÕI DUY TÂM

Ba cõi duy tâm muôn pháp lắng trong
Mâm vòng trâm xuyến một đồng vàng
Thềm sáng cỏ xanh tự sắc xuân
Bờ cách vàng anh hót hay giữa hư không.

VẠN PHÁP DUY THỨC

Không từng lập công huân xuất thế
Vạn nước văn minh cỏ cây tốt tươi
Dã Lão không biết lực Nghiêu Thuấn
?? ?? Đánh trống tế thần sông.

TẠNG

Không dời tất bước vượt Hằng sa
Địa ngục thiên đường đều một nhà
Trong vị Phật tổ đoạn tiêu tức
Nào ngại thưởng hết hoa Lạc Dương.

TÔNG PHONG CỦA THIỀU QUỐC SƯ

Đỉnh núi Thông huyền không phải nhân gian
Ngoài tâm không pháp đầy mắt núi xanh.
Từ liệu giản của Thiều Quốc Sư
(Cổ đức, Bá Trượng)

NGHE NGHE (Phóng)

Lén nhà mở khóa vàng
Nhàn bước dưới cửa tùng
Dày đặc toan không có lỗ sáo
Thổi sáo Phượng hoàng dạo mây (Cổ đức).
Khi sông thu cạn trong
Trăm cò hòa theo đảo khói
Lành thay Quán Thế Âm
Toàn thân vào cỏ hoang (Bá Trượng).

NGHE KHÔNG NGHE (thâu)

Tùng xưa bàn Bát-nhã
U tịch chim gọi chân như
Huống chi có chỗ trở về chân
Trường An há ở lâu.
Hiểu lời chẳng phải ngàn lưỡi
Có thể nói há là tiếng
Không biết thường hiển lộ
Đạo vừa có thiếu đủ.

KHÔNG NGHE NGHE (minh)

Dương điểu kêu tiếng nghen
Hoa đào nở tươi cười
Giày có gậy trúc xanh
Trọn ngày tự bồi hồi.
Sóng sinh vốn là nước
Tánh không theo vuông tròn
Trừ khi đồ vuông tròn
Đêm hồ tôn vóc tiền.

KHÔNG NGHE KHÔNG NGHE (ám)

Đêm trăng sáng gan mật
Gió tùng xuyên xương sọ
Thoát nhiên ngoài thanh sắc
Rất kỵ phạm nguy đầu.
Lý sự cả hai đều vong
Người nào dám suy lường
Lôn Côn nước đục không gặp khe hở
Khắp cõi không từng ẩn.

(325) PHÁP NHÃN MÔN ĐÌNH

Tông Pháp Nhãn, lấy tướng tên nhọn để câu ý hợp cơ , ban đầu thì thật hạnh hạnh như vậy, sau thì kích phát, lần phục nhân tâm, trừ bỏ tình giải, điều cơ thuận vật, gạt bỏ phai mờ ngăn trệ, các thứ cơ duyên, không nêu rõ hết, quán xét đại khái ấy, gia phong Pháp Nhãn, đối bệnh cho thuốc, xét định thân ông, tùy theo căn khí ấy quét trừ tình giải. Muốn thấy Pháp Nhãn, nhân tình dứt hết chỗ lưu dấu tích, phá nhà theo giáo bốn tướng không.

YẾU QUYẾT (Sơn Đường Thuần)

Đại Pháp Nhãn của ngài Thanh Lương, thành Vương Hóa Thạch Đầu, Thú Minh Địa Tạng chỉ, liền thấy nhà thờ tổ Huyền Sa, bỏ muôn tượng mà không bỏ muôn tượng, trước nói riêng hiển bày toàn thân, có đầu sơ tơ không có đầu sơ tơ, trong câu đã thầm truyền tự mình, tâm không pháp liễu, tình hết chấp trừ, ngay mảy trần hiểu rõ ràng, bao gồm biển cả, sáng suốt đại địa, đầu lâu thường liên quan đến thế giới, lỗ mũi xúc chạm gia phong, lớp lớp Hoa tạng xen nhau, mỗi mỗi lưới châu tròn sáng, cho đến phong kha nguyệt thử, hiển lộ chân tâm, suốt xưa nay mà hiện thành, tức Thánh phàm thành một mối, tiếng truyền ngoài biển,

đạo đầy trong vũ trụ, suy nghiệm rõ ràng trước mắt rõ ràng thành nhĩ thạch vẫn còn, là tông phong Pháp Nhãn đây.

TỤNG CƯƠNG TÔNG CỦA CỔ ĐỨC

Một điểm linh đài sáng xưa nay,
Sừng sững to lớn không trầm ngâm,
Trong bóng sum lá xen nhau hiện,
Trước cửa thánh sắc qua rất sâu.
Áo hạ mây hiện ngàn núi xanh,
Thu tàn gió đông chạy muôn nhà,
Pháp nhĩ miên mật không thiếu sót,
Thổi ra các nơi hiệp bâu ao.

■

NHÂN THIÊN NHÃN MỤC

QUYỂN 5

TÔNG MÔN TẠP LỤC

NIÊM HOA

Vương Kinh Công hỏi ngài Phật Tuệ Tuyền Thiền sư rằng: Trong nhà thiền nói Đức Thế Tôn niêm hoa, vậy rút ra ở kinh nào?

Tuyền Thiền sư nói: Trong tạng kinh cũng không chép.

Kinh Công nói: Tôi bỗng ở Hàn uyển, thấy ba quyển kinh Thiên Vương Vấn Phật Quyết Nghi, nhân đó xem, trong văn kinh đã chép rất rõ. Phạm Vương đến Linh sơn, lấy hoa kim sắc Ba-la dâng lên Phật, xả thân làm giường tòa, thỉnh Phật vì chúng thuyết pháp, Đức Thế Tôn đăng tòa niêm hoa (đưa cành hoa) chỉ bày chúng, trăm vạn nhân thiên, thảy đều mờ mịt, chỉ có Kim Sắc Đầu-đà, phá nhan vi tiếu.

Đức Thế Tôn nói: "Ta có chánh pháp nhãn tạng Niết-bàn diệu tâm thật tướng vô tướng, giao phó cho ngài Ma-ha Đại Ca-diếp". Kinh đây phần nhiều bàn việc đế vương thỉnh Phật hỏi, cho nên bí mật mà người đời không biết được.

BA THÂN

Ba thân nghĩa là Pháp báo, Hóa thân, Pháp thân Tỳ-lô-giá-na, Tàu dịch là Biến nhất thiết xứ.

Báo thân Lô-xá-na, Tàu dịch là Tịnh mãn.

Hóa thân là Thích-ca Mâu-ni, Tàu dịch là Năng nhân tịch mặc, ở trong thân của chúng sinh, tức tịch trí dụng. Tịc tức Pháp thân, trí tức báo thân, dụng tức hóa thân.

Trong kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương nói: Tất cả Như Lai có ba loại thân, nhiếp thọ đầy đủ Vô thượng Bồ-đề.

Hóa thân: Đức Như Lai xưa ở trong Tu hành địa, vì các chúng sinh, tu các món pháp, được sức tự tại tùy ý chúng sinh, tùy cõi chúng sinh, hiện các món thân, đây gọi là hóa thân.

Ứng thân: nghĩa là các Đức Như Lai, vì các Bồ-tát nói pháp chân đế, khiến họ hiểu rõ sinh tử Niết-bàn là một vị, vì trừ thân chấp chúng sinh sợ sệt vui tạm, vô biên Phật pháp mà làm gốc, như thật tương ưng, như như sức trí bổn nguyện, đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, bóng dáng viên quang, đây gọi là ứng thân.

Pháp thân: Vì trừ các chướng phiền não, thân thứ ba là chân thật có. Vì hai thân trước, làm căn bản, vì sở sao?

Vì lìa pháp như như, lìa trí vô phân biệt, tất cả chư Phật không có pháp khác. Lại nữa, chư Phật lợi ích tự tha.

Tự lợi ích, là pháp như như.

Lợi ích tha, là như như trí.

Lại trong kinh An Lạc nói: Ngũ phần pháp thân, do pháp tánh phân biệt, giới hương nhiếp thân, định hương nhiếp ý, tuệ hương nhiếp loạn, giải tuệ nhiếp đảo kiến, độ tri nhiếp vô minh, đây là năm phần hương, anh lạc thân kia.

BỐN TRÍ

Đại viên cảnh trí (như gương tròn lớn hiện các sắc tượng).

Bình đẳng tánh trí (quán tất cả pháp thảy đều bình đẳng).

Diệu quán sát trí (khéo quán các pháp vô ngại mà chuyển đổi).

Thành sở tác trí (thành bổn nguyện lực ứng hiện làm việc chuyển tám thức mà thành bốn trí).

Bí tàng thuyên chú nói: Phật chuyển tám thức mà thành bốn trí, thức thứ tám thành Đại viên cảnh trí, thức thứ bảy thành Bình đẳng tánh trí, thức thứ sáu thành Diệu quán sát trí, thức thứ năm trước Thành sở tác trí. Thức chỉ có phân biệt, trí hay quyết đoán.

Trong Đại thừa trang nghiêm luận nói: Chuyển tám thức thành bốn trí, gom bốn trí đủ ba thân.

Cổ đức nói: Nhãn v.v... năm thức là Thành sở tác trí. Ý là Diệu quán sát trí, thuộc về Hóa thân, Mạt-na là Bình đẳng tánh trí, thuộc về Báo thân, A-lại-da là Đại viên cảnh trí, thuộc về Pháp thân.

Ngài Trí Thông Thiền sư, đọc kinh Lăng-già, đến chỗ “thiên dư biến” mà không hiểu ba thân bốn trí, Ngài đến Tào Khê hỏi Lục Tổ. Tổ nói: Ba thân: Thanh tịnh pháp thân là tánh của ông, viên nằm trong báo thân là trí của ông, thiên bá ức hóa thân là hạnh của ông.

Nếu lìa bổn tánh nói ba thân, tức gọi là hữu thân vô trí, nếu ngộ ba thân không có tự tánh, tức gọi bốn trí Bồ-đề, nghe bài kệ của ta:

Tự tánh đủ ba thân

Phát minh thành bốn trí
Không lìa duyên thấy nghe
Siêu nhiên lên Phật địa
Ta nay vì ông nói
Tin chắc hằng không mê.

Chớ học tìm cầu trọn ngày nói Bồ-đề, ngài Trí Thông nói nghĩa của y trí có thể được nghe chăng?

Tổ nói: Đã khế hội ba thân, lại nói rõ bốn trí. Nếu lìa ba thân, lại bàn bốn trí, đây gọi là có trí không thân, tức đây có trí lại thành vô trí, lại nói kệ rằng:

Đại viên cảnh trí tánh thanh tịnh (8)
Bình đẳng tánh trí tâm không bệnh (7)
Diệu quán sát trí chấp không công (6)
Thành sở tác trí đồng viên cảnh (5).

Năm tám (quả) sáu bảy (nhân) quả nhân chuyển, chỉ dùng danh ngôn không có thật tánh (chuyển tên không chuyển thể). Nếu ở chỗ chuyển không lưu tình, hưng thịnh thường ở Na Dà Định (truyền đăng).

Nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý sáu căn sáu trần sáu thức.

NĂM THỨC CHUYỂN THÀNH SỞ TÁC TRÍ

Kinh Bát-nhã nói: Sáu căn sáu trần thành mười hai xứ, thêm sáu thức hòa hợp thành mười tám giới. trong Khởi tín luận nói: Do bốn loại nghĩa pháp huân tập.

1. Tịnh nghĩa là chân như.

2. Nhiễm nghĩa là vô minh.

3. Vọng tâm nghĩa là nghiệp thức.

Bốn vọng trần nghĩa là sáu trần, trong kinh Lăng-nghiêm nói: Sáu thức tạo nghiệp, bị chiêu cảm theo ác báo từ sáu căn mà ra.

Trong kinh Hoa Nghiêm nói: Nhãn nhĩ tỷ thiệt thân tâm ý các tình căn, do đây thường lưu chuyển, mà không có năng chuyển. Trong Khởi tín lại nói: Ba cõi hư ngụy, duy tâm sở tác, lìa tâm thì không có sáu tràn cảnh giới. Trong luận Tỳ-bà-sa hỏi: Tâm ý thức có gì sai khác? Đáp: Không có sai khác, tức tâm là ý, ý tức là thức, đều đồng một nghĩa, như lửa cháy, cũng gọi là diễn cũng gọi là sí.

Kinh Bát-nhã lại nói: Nếu như thật biết tự tánh đều không, đây là người có thể học sáu căn sáu trần sáu thức vậy.

Tổ sư nói: Hiện khắp đều bao gồm sa giới, thâu nhiếp ở một vi trần. Thức gọi đó là Phật tánh, không biết kêu làm tinh hồn. Song tuy

như vậy, sai lầm rất nhiều, hiểu lầm không ít.

ĐỆ THẤT MẠT-NA CHUYỂN THÀNH BÌNH ĐẲNG TÁNH TRÍ

Trong kinh Lăng-già nói: Mạt-na nói: Tàu dịch là nhiễm ô ý, hằng thẩm tư lương, nên cũng gọi là truyền tống thức.

Đức Phật cùng Đại Huệ nói: Nói rộng có tám, lược nói có hai, trong hiện thức chấp làm ngữ thuộc về Lại-da, ngoài phân biệt sự thức chấp làm ngã thuộc về tiền lục thức. Chân tức thức thật tánh, cũng thuộc phần tịnh Lại-da, nên có thô tế: Nghĩa là tam tế lục thô. Thô tế hai thức, đều y vô minh trụ địa mà khởi, do căn bổn vô minh, động tịnh tâm kia, mà khởi thức tế, y thức tế đây, chuyển khởi tâm thô, dùng vô minh làm gốc y vô minh làm nhân, sinh tam tế bất tương ưng tâm, y cảnh giới làm duyên, sinh ba thô tương ưng tâm, cho nên nói: Thô tế hai thức, đều đủ hai nhân, mới được sinh trụ. Hiện thức: Trong Khởi tín nói: Bất tương ưng tâm, y bất tư nghì huân nên được trụ, hiện thức đây là chỗ hiện cảnh giới, động hiển tâm kia, khởi các việc sóng thức.

Phân biệt sự thức: Trong Khởi tín nói: Là tương ưng tâm, y cảnh giới nên được sinh, y bổn tâm nên được trụ, một thức đây, đều là vô minh, huân tập chân như, thành nhiễm duyên khởi. Trong luận nói: Phải biết vô minh hay sinh tất cả pháp nhiễm, tất cả pháp nhiễm đều là tướng bất giác. Trong Chủ kinh yếu tập nói: Thức từ dưới lên đến rốn sắp lên diệt sinh trong loài người, lên đến tâm diệt, không mất thân người, lên đến đầu mặt diệt sinh cõi trời, đến đỉnh diệt hằng đoạn luân hồi. Từ trên xuống đến lưng diệt vào đường quỷ, xuống đến chân diệt, sinh vào địa ngục.

Trong luân nói nếu lìa vọng niệm, thì có tướng của tất cả cảnh giới, duy có một chân tâm.

A-LẠI-DA THỨC CHUYỂN THÀNH ĐẠI VIÊN CẢNH TRÍ

Trong bộ Tông Cảnh nói: Đệ bát thức phần nhiều dị thục tánh, cũng gọi là Hàm tàng thức, cũng gọi là bát Vương tử, cũng gọi là bát Giải thoát, cũng gọi là bát Trượng phụ, tổng cộng có ba mươi hai tướng, đây là quả tướng nhân trí báo đức. Thứ bảy thứ tám không lìa nhau.

Kinh Giải Thâm Mật nói: Bát thức đây hay phát khởi ở tiền lục thức chuyển thức, đệ bát thức cho rằng trong đời trước do thiện, bất thiện nghiệp làm nhân, chiêu cảm sinh đệ bát dị thục tâm là quả. A-lại-da đây, tức chân tâm, không thủ tự tánh, tùy theo duyên nhiễm tịnh

không hợp mà hợp, hay hàm chứa tất cả cảnh giới chân tục, gọi là Hàm tàng thức. Như gương sáng không cùng ảnh tượng hợp nhau, mà hợp ảnh tượng, cũng gọi là Như Lai tàng thức.

Trong Dà-đà nói: Các pháp ở tàng thức, thức ở pháp cũng vậy, lại xen làm nhân tướng, cũng xen làm quả tướng.

Kinh Lăng-già nói: Nếu không chấp các chấp của Nhị thừa ngoại đạo, mới có thể như thật tu hành, kẻ phá luận ác kiến của họ, và xả ngã chấp v.v... có thể dùng diệu tuệ.

Sở y thức, tức bốn trí chuyển thành tám thức, vào ngôi vị Như Lai tự chứng, là nói cùng chư Phật đồng đắc đồng chứng. Trong kinh Lăng-già Đức Phật bảo Đại Huệ rằng: Song các thức kia không khởi niệm đây, chúng ta đồng thời triển chuyển làm nhân, mà đối với tự tâm sở hiện cảnh giới, phân biệt chấp trước, đồng thời khởi đó, không có tướng sai biệt, đều rõ tự cảnh.

Chú giải rằng: Các thức v.v... kia, đều rõ tự cảnh, đây gọi là bát thức đều có thể phân biệt tự phân cảnh, không biết chỉ là tự tâm vọng hiện. Nói sắc là cảnh của nhãn thức, nhẫn đến Kiến phần của A-lại-da, là cảnh của thức thứ bảy, chủng tử căn thân khí giới, là cảnh của Tàng thức. Nhưng tám thức đây, lìa Như Lai tàng, không khác tự thể, do vì chúng sinh không biết, chấp thành tên của tám thức, chư Phật chứng đắc, hành thành dụng bốn trí. Nếu mê mờ thì bát thức có tên là Chấp tàng, thất thức có tên Nhiễm ô, lục thức khởi tình biến kế, ngũ thức theo tướng căn trần. Nếu rõ biết Lại-da, thành thể viên cảnh, trì môn công đức, mạt-na thành nguồn bình đẳng, một tự tánh của mình, đệ lục khởi diệu quán sát, chuyển chánh pháp luân, năm thức khác khởi công sở tác, đưa ra tích Ứng hóa, đây thời nhất tâm không động, thức trí tự phân, không chuyển thể kia, mà chỉ chuyển tên thức, không phân lý thức, mà phân sự thức, chỉ phục sáu thức, không thủ cảnh trần nên gọi là thức diệt, thế nên lìa tâm cảnh, văn lý đều rỗng không, tức trần thức nêu bày lượng có căn cứ, cuồng tâm không biết, hết thì Bồ-đề, cấu tịnh tâm sáng, xưa nay là Phật.

ĐỆ CỬU A-ĐÀ-NA THỨC

Cũng gọi là thuần tịnh thức. Trong Hợp luận nói: Mượn nói A-dà-na thức (hán dịch là chấp trì) là đệ cửu thuần tịnh thức, như các thức thứ năm sáu bảy tám v.v... thường dấy cửu thức làm chổ nương tựa, phàm ngu không hiểu, vọng chấp làm ngã, như dòng sóng nước không lìa thể nước, các sóng ngòi lấy nước để nương, cho nên thức thứ năm sáu bảy

tám thường dùng tịnh thức để nương. Sao gọi thức thứ chín là Tịnh thức? Vì hàng Nhị thừa trụ lâu trong sinh tử nghiệp chủng thức thứ sáu, thứ bảy, thứ tám có sợ sệt, sợ họ khó tin, phương tiện ở ngoài chủng sinh tử, riêng lập tịnh thức, khiến bi trí dần dần được sinh, đạt thức thành trí (327).

Trong kinh Thâm Mật có bài tụng:

"A-dà-na thức rất vi tế
Tất cả chủng tử như bộc lưu
Ta ở phàm ngu không khai diễn
Sợ họ phân biệt chấp thành ngã".

Xét các thuyết nói về ba thân bốn trí, chọn lựa trong các kinh luận dẫn chứng rõ ràng, cùng với Quy Ngưỡng hiện chỗ thức liên quan đến đại tướng, có thể giúp tham cứu thiền chánh tu, không đi lên đường nhỏ mà đi đường chánh, nên tôi có chọn lấy, thường thường những bậc đồng dòng phái ắt cho rằng, tôi riêng truyền tông trực chỉ, sao mượn đây làm, đâu không biết, người học đạo, là chỗ rất khốn khổ của tâm ý thức, rỗng sáng tự chiếu, vốn tự không nhà, phong cảnh lung lay bỗng nhiên luống làm, bậc nhân sĩ thông hiểu cũng chưa tránh khỏi, huống gì người hạ căn? Có thể không sức phương tiện quán chiếu, chuộng nhân kia mà lột bỏ thuyết kia, phá hư vọng kia, đập hang ổ kia, tức chỗ ta thọ dụng, đều là Đại viên cảnh trí, vàng ròng muôn lần luyện, không trở lại quặng.

THẠCH ĐẦU THAM ĐỒNG KHẾ

(Tuyết Đậu viết lời)

Tâm phật ở Ấn Độ
Cõi Trúc tâm Đại tiên
Đông Tây thầm truyền trao
Căn tánh có lợi độn
Tổ đạo không phân nam bắc
Nguồn linh thật trong sáng
Như sông có nhiều nhánh
Chấp sự vốn là mê
Khế lý cũng không ngộ
Mỗi vật bày cảnh giới
Hòa lẫn chẳng hòa lẫn
Hòa lẫn nên có quan hệ
Hòa lẫn nên không phải một thể
Sắc giới vốn khác chất tượng

Như âm thanh có vui buồn
Sắc hợp với chí đạo và trung đạo
Rõ ràng như câu thơ trong đục
Tự đại xoay về tự tánh
Như con tìm được mẹ
Lửa nóng gió lay động
Nước ướt đất cứng chắc
Mắt đối sắc, tai đối âm thanh
Mũi đối mùi, lưỡi đối vị
Mỗi mỗi nương pháp tánh
Như nhánh lá nương cội cây
Gốc ngọn đều về tông
Cao thấp thảy dùng lời nói này
Ngay trong "Minh" có "Ám"
Ngay trong "Ám" có "Minh"
Chớ đem tướng "Minh" để tìm tướng "Ám"
Minh, Ám đều tương đối
Ví như bước trước sau
Vạn vật tự có tác dụng
Nên nói chỗ tác dụng và nơi chốn
Sự tồn tại như hộp với nắp
Lý ứng hợp như tên chỏi nhau
Tiếp thu nên lãnh hội tông chỉ
Chẳng cần tự lập quy cũ
Chạm mắt không lãnh hội đạo lý
Như chẳng thể dùng chân bước đi
Bước đi không dính dáng đường xa gần
Kẻ mê, với đạo cách xa như sông núi
Kính thưa các bậc tham thiền
Thời gian chớ để luống qua.

Ngài Tịch Âm nói: Tôi thường tham khảo sách đây, tổng cộng hơn bốn mươi câu, mà dùng sáng tối bàn luận phân nửa, thiên đầu nói: Linh nguyên trong sạch sáng suốt chi phái thầm lưu chú, mới biết căn y của sáng tối ở nơi đây. Lại nói: Tối hợp với lời nói thượng trung. Câu sáng suốt trong đục là Điều-đạt khai phát vậy, cho đến chỉ về tông ấy mà chỉ bày tông thú chia rằng: Bổn mạt phải quy tông, tôn tuy dùng lời nói: Cho nên dưới câu sáng tối của bài tựa rộng, liên kết to lớn không thôi, chẳng phải thiếu sắc pháp hư dối, chính là rõ lời kia vậy. Ngài Động

Sơn ngộ được ý chỉ đây, có thuyết ngũ vị thiên chánh, đến trong câu Lâm Tế và môn của Huyền Vân tùy theo sóng ngòi, mà không khác vị, mà trái bỏ vâng lời, lại trong tưởng tượng sáng tối có chỗ tướng ẩn hiển, cũng không lầm sao?

NĂM LỜI HỎI

Đây bởi người đương thời luống uổng nghĩa học, tướng cùng thuyết, luống dối tiên thánh, chẳng phải hủy thiền tông, mà Tự Thông Thiền sư hỏi Đạt Quán Đĩnh Hòa thượng, tổng cộng có năm lời hỏi muốn kẻ sai lầm, nên biện rõ ràng.

Vị tăng Tự Thông hỏi Đạt Quán Đĩnh Hòa thượng: Trong các kinh luận nhiều nhà nói: Tây Thiên từ Thích-ca đến Tôn giả Sư Tử, Tổ sư truyền nhau đến đây đoạn tuyệt, kỳ thật như thế nào?

Đạt Quán đáp: Ôi nói như thế là tâm sinh diệt vậy, đâu không biết là pháp quý trọng người, như đom đóm đấu chọi với ánh sáng mặt trời, chim tước lấp đầy biển xanh thì luống nhọc hình hài, vả lại hai mươi bốn Tôn giả Tổ sư, độ Bà-xá-tư-đa, gồm rút ra ở Đạt-ma-đạt, duyên ấy chép đủ ở bài tựa Linh Triệt của Sa-môn Cối Kê đời Đường, Sa-môn Chu Lăng Pháp Cự đã biên trong truyện Bảo Lâm, và căn cứ Tam Tạng Chi Cương Lương Lâu bên Thiên Trúc tiến ngay tiếp nối pháp yếu, nói rõ Tôn giả Sư Tử gặp nạn do việc trước truyền y phó pháp, bắt đầu từ ngài Ca-diếp, huyết mạch thẳng xuống, tổ Bà-xá-tư-đa thứ hai mươi lăm, tổ hai mươi sáu không bằng Mật-đa, tổ hai mươi bảy Bát-nhã Đa-la phó chúc Bồ-đề-đa-ma, tức Sơ tổ đời Đường. Nguyên Chi Cương Lương Lâu Tam Tạng đến Trung Hoa, đến chùa Bạch Mã Lạc Dương, lúc bấy giờ tức nhằm vua Tiền Ngụy nói vào năm Tân tỵ thứ hai Cảnh Nguyên khanh công.

Tôn giả nhập diệt mới hai năm, từ đây rõ biết, kinh luận của các sư, mờ mịt cho hậu côn. Than ôi ngại vì?

Hỏi rằng: Đại sư Đạt-ma, từ Thiên Trúc mang bốn quyển kinh Lăng-già đến phải chăng?

Đáp là không, việc tốt đó vậy.

Vả lại Đạt-ma đơn truyền tâm ấn, không lập văn tự, thẳng chỉ tâm người thấy tánh thành Phật, há có bốn quyển kinh Lăng-già sao?

Thiền sư Tự Thông nói: Trong Bảo Lâm Truyện cũng nói như vậy. Quán Đĩnh Hòa thượng nói: Nói về tu không rảnh để thảo luận rõ, thử vì ông nói rõ.

Kinh Lăng-già có ba nhà dịch, mà dịch bốn quyển đầu, chính là

Tam Tạng Cầu-na-bạt-đà, bên Thiên Trúc đời Tống dịch, mười quyển kế thời Nguyên Ngụy Bồ-đề Lưu-chi dịch, Lưu-chi cùng Đạt-ma đồng thời, về sau Độc Dược Đạt-ma vậy, bảy quyển sau, đời Hậu Thiên đời Đường ở Điền Tam Tạng Thật Xoa-na-đà dịch, lấy đây căn cứ, trước sau hư thật nên biết. Ngưỡng Sơn Huệ Tịch Thiền sư, cũng từng biện rõ việc ấy.

Hỏi rằng: Truyền pháp hệ không phiên dịch, trong việc truyền trao pháp tạng không có bài kệ đây, cho đến các nhà phần nhiều nói không căn cứ, xin chỉ dạy.

Đáp rằng: Ôi con cháu chi phần phải quấy phát khởi, không thể căn cứ, chi bằng Đạt-ma chưa vào cõi đây đã hiểu đời Đường nói: Vì sao biết, ban đầu gặp vua Lương Võ đáp hỏi, việc ấy liền có thể biết. Sau lại Nhị tổ Tuệ Khả Đại sư mười năm phụng trì, cho đến đứng ngoài tuyết chặt cánh tay, chí cầu nghiệp Tổ chí cầu thành khẩn. Sau Đạt-ma bảo rằng: Ta có một ca-sa giao cho làm tin, ở đời ắt có người nghi rằng: Ta người Tây Thiên, ông ở cõi đây, được pháp thật tin ông phải dùng lời Ta làm chứng cứ.

Lại nói: Từ Thích-ca Thích Sư đến Bát-nhã Đa-la, cho đến với Ta, đều truyền y tiêu pháp, truyền pháp để lưu lại bài kệ.

Ta nay giao phó cho ông, kệ nói:

Ta xưa nay ở cõi Quy Tư
Truyền pháp cứu mê tình
Một hoa nở năm lá
Kết quả tự nhiên thành.

Nhân dẫn bài kệ từ trên các tổ mỗi mỗi truyền trao, trong truyền pháp ấn để khế hợp chứng tâm, ngoài giao phó ca-sa do định tông chỉ, lấy đây thì biết, Đạt-ma giao phó quyết nghi cho Nhị Tổ. Đây chính là đơn truyền miệng trao, đâu rảnh phiên dịch?

Hỏi rằng: Pháp môn nhất tâm tam quán của Tôn giả Thiên Thai cùng với ý Tổ sư như thế nào?

Đáp rằng: Ông nếu không hỏi ta khó quán xét lời, ta từng thấy trong giáo pháp nói: "Ta có chánh pháp nhãn tàng, giao phó cho Đại Ca-diếp".

Hơn nữa không ở trong Tam thừa ngũ giáo, vốn là giáo pháp của Phật tổ, đều có truyền trao. Xưa nghe Đại sư ở trong tạng được ngài Long Thọ tạo Trung luận, xem đến quyển thứ tư, phá các việc của các pháp tánh có định tánh thì không có nhân quả, như trong bài tụng nói:

"Nhân duyên sở sinh pháp

Ta nói tức là không
Cũng gọi là giả danh
Cũng gọi là nghĩa trung đạo".

Bài tụng kế rằng:

Chưa từng có một pháp,
Không từ nhân duyên sinh,
Thế nên tất cả pháp,
Đều là không giả.

Từ đây thuật nhất tâm tam quan nói không, giả, trung. Nếu căn cứ ý giáo, đại khái một bài kệ đều thành bốn câu, để thành ý kia, người trí lìa thành tam quan giống như nhanhsum sê, lại chưa rõ truyền trao, nhân đây lại nói: Xa bẩm thọ ngài Long Thọ, do Long Thọ là Tổ, gần bẩm thọ tư đại thì nên biết. Nếu ở thế gian vâng theo bẩm thọ, ta e đời sau ắt có người thông minh lanh lợi, không xem kinh Phật, tự bẩm thọ Thích-ca, há như vậy sao bởi do người trí đầy đủ phước đức trí tuệ biện tài, nhiều đời làm đế sư, thành thuyết một nhà, lời nhiều lý hay, mà con cháu đời sau, xưng truyền giáo Tổ, chính là hủy bỏ tư tư Tôn giả. Đích thân phó pháp cùng Bà-xá-tư-đa cho đến cõi đây Lục Tổ truyền y phó pháp, dùng làm tà giải, than ôi ta nếu luận đủ, tức thành thị phi, ông tự hiểu rõ.

Hỏi: Từ Đạt-ma đến cõi đây nhân đâu mà các Tổ sư nói giáo, cùng chư Tổ Tây Thiên đến Lục Tổ sấp lên không đồng. Đầu trâu một tông Bắc tú hà trạch, Nam Nhạc Nhượng thanh nguyên tư, ngôn cú lần khác, kiến giải sai khác, các đảng sư môn xen nhau hủy thạnh.

Như thế nào được dứt tranh cãi?

Đáp: Lạ thay lời hỏi đây, vả lại Tổ sư đến cõi đây, như một cây con đem trồng dưới đất, nhân duyên hòa hợp nẩy mầm, trồng từ Đạt-ma và Nhị Tổ, nhánh lá tức phó cho môn đồ tổng trì giáo dục, đến hai vị Tổ là trồng, ba vị Tổ là mầm, nhẫn đến Lục Tổ là giống, Nam Nhạc Nhượng là mầm, Ngưu Đầu Thần Tú Hà Trạch v.v... đều là nhánh lá, san hô, sinh con cũng nhiều, giống ấy lại theo gió đất, hái lấy là quý lá, được nhánh quý nhánh, cũng như cây ở Nam sao là cây quít, ở Bắc là cây chanh, tuy hình vị có biến đổi, mà cội gốc có biến đổi sao? Giống như mặt trời ở phía Đông là sớm mai, ở phía Tây là buổi chiều, mặt trời cũng theo phương hướng mà xoay chuyển, thì bóng cũng xoay. Mà hư không thì không chuyển, lại quái lạ gì, ông chỉ rõ được nội tâm, mà không tùy theo ngoại pháp kia. Nội tâm là thoát khỏi sinh tử. Ngoại pháp: Là theo ái ố, ái ố sinh thì cách xa Phật tổ, vì ông rảnh rỗi, then

chốt phát ra từ chánh tông và ngôn cú thẳng tắc, đều thuật ở sau bài tựa, khiến người học hiểu rõ chính gốc nó.

BÀI TỰA CỦA NHÀ TỈNH MỘNG SO SÁNH LẠI TÔNG PHÁI NĂM NHÀ

Tăng Đạo Nguyên ở Cảnh Đức Giang Ngô thời Hoàng Triều, tập Truyền Đăng ba mươi quyển, từ Tào Khê sắp xuống phân thành hai dòng.

1. Nam Nhạc Nhượng, Nhạc Nhượng truyền Mã Đại sư.

2. Thanh Nguyên Tư, Tư truyền đến Thạch Đầu Thiên.

Từ hai phái sắp xuống lại thành năm tông. Mã Đại sư truyền đến tám mươi bốn vị thiện tri thức. Trong có Bá Trượng Hoài Hải truyền đến hai người Huỳnh Bá, Vân Đại Quy Hựu, Vân Đại Quy Hựu sắp xuống truyền đến Lâm Tế Huyền, nên gọi là tông Quy Ngưỡng, tám mươi bốn người, lại có Thiên Vương Ngộ, Ngộ đắc pháp với Long Đàm Tín, Tín đắc pháp với Đức Sơn Giám, Giám đắc pháp với Tuyết Phong Tồn, Tồn truyền đến tông Vân Môn, tông Pháp Nhãn, Thạch Đầu truyền đến Dược Sơn Nghiễm Thiên Hoàng Ngộ hai người. Ngộ đắc pháp với Vân Nham Thịnh, Thịnh đắc pháp với Đổng Sơn Giới, giới đắc pháp với Tào Sơn Tịch, đây là tông Tào Động. Nay truyền đăng lại gồm thâu hai môn Pháp Nhãn, Vân Môn, quy về Thạch Đầu sắp xuống bị sai lầm. Duyên đồng thời ngộ đạo có hai người.

1. Một người ngộ đạo ở chùa Tây Thiên Vương thành Giang Lăng là người Chử Cang, sau Thôi Tử Ngọc, tiếp nối Mã Tổ, vào ngày mười ba tháng tư năm mười ba niên hiệu Nguyên Hòa, Chánh Nghị Đại Phu Khâu Huyền Tố soạn Tháp Minh, văn mấy ngàn lời, tóm lược rằng: Mã Tổ truyền chú:

Ngày khác không lìa chỗ xưa,
Nên trở lại Chử Cang.

2. Một người nữa ngộ đạo ở chùa Đông Thiên Hoàng thành Giang Lăng, người ở Đông Dương Vụ Châu, họ Trương, tiếp nối dòng Thạch Đầu, vào năm Đinh hợi thứ hai niên hiệu Nguyên Hòa ông thị tịch. Luật sư ghi chép soạn văn bia, hai văn bia chép xong, sinh duyên xuất rất rõ ràng, nhưng duyên đạo vốn lượm lặt ở tận Truyền Đăng Lục, chẳng phải đích thân đến tham khảo, chẳng qua uyển chuyển nhờ người thu nhặt mà được, việc ấy sai lầm có thể biết, từ Cảnh Đức đến nay, bốn biển trong thiên hạ, lấy truyền đăng làm căn cứ, tuy nêu bày căn cứ ngôi vị lập tông, không thể lược thêm, nghiên cứu biện rõ, chỉ có hai

người thừa tướng Vô Tận cư sĩ và Lữ Hạ Khanh thượng hội nghị trong việc tông môn. Họ thường nói: Thạch Đầu đắc pháp với Dược Sơn, Dược Sơn đắc pháp với Tào động một tông, giáo lý hạnh quả ngôn thuyết uyển chuyển. Hơn nữa Thiên Vương Đạo Ngộ sắp xuống, truyền đến Châu Kim Cang, trách gió mắng mưa, tuy Phật tổ, không dám thêm vào cơ phong kia, sợ tự Thiên Hoàng hoặc có sai lầm.

Tịch Âm Tôn giả cũng từng nghi rằng: Đạo Ngộ giống như có hai người, xa ngài Vô Tận ở chỗ Đạt Quán Đĩnh, được ghi chép soạn bia tháp Đạo Ngộ Thiên Hoàng vào đời Đường, lại tham khảo đắc pháp với Khâu Huyền Tố làm kỳ tháp Đạo Ngộ Thiên Vương, đem ra chỉ bày khắp các phương rằng: Ta thường nghi Đức Sơn, Đổng Sơn, đồng từ Thạch Đầu sắp xuống, nhân đó đưa ra thủ đoạn sống chết không đồng, nay do Khâu Phù hợp hai lần ghi chép chứng cứ, rõ ràng, mới biết, ta chọn pháp suy nghiệm người không lầm.

Tịch Âm nói: Ngài Khuê Phong đáp với Bùi Tướng Quốc, tướng trạng tông thú nêu bày sáu người tiếp nối Mã Tổ.

Thú Sơn nói: Đạo Ngộ ở Giang Lăng, ở sau chú giải rằng: Bao gồm bẩm thọ ở Kỉnh Sơn, nay vọng đem hai tông Vân Môn, Lâm Tế cạnh tranh, có thể phát ra một tiếng cười, viết sơ lược đại khái để truyền rõ ràng, ngõ hầu biết chánh phái của năm nhà như vậy mà thôi.

■

NHÂN THIÊN NHÃN MỤC

QUYỂN 6

TÔNG MÔN TẠP LỤC

TAM CÚ CỦA NHAM ĐẦU

Cắn đi cắn đứng
Muốn đi không đi
Muốn ở không ở
Hoặc khi một bề không đi
Hoặc khi một bề không ở.

(329) Sư thượng đường nói: Đại phàm xướng giáo, từ trong vô dục lưu xuất ba câu, chỉ là lý luận, cắn đi cắn ở, muốn đi không đi, muốn ở không ở, hoặc khi một bề không đi, hoặc khi một bề không ở, đều không biết phương sở, mắt sáng khe suối đất đột nhiên không có hang ổ. Nếu luận về chiến, mỗi mỗi phải là thủ đoạn cắn heo chó, nếu chưa thấu chưa rõ, cũng phải được bảy tám phần mới có thể nhập lập. Nếu từ trước đến nay nhãn mục di-lê-ma-la, hơn nữa không làm loạn lộ ra túi hồ đồ, lầm đánh gãy lưng ông, chớ nói không đạo. Xét ba câu của Thạch Đầu, cắn đi cắn ở là một, muốn đi không đi, muốn ở không ở là một, hoặc khi một bề không đi, hoặc khi một bề không ở là một, xưa vốn vốn dùng cắn đi là một, mà càng không để ý, hoặc khi câu một bề không đi, hoặc khi một bề không ở là sai, nay đã đúng, lược nêu thượng đường làm căn cứ.

NĂM CÂU HỎI CỦA PHẦN DƯƠNG

(Trong Thạch môn lục chưa thấy có lời đáp đây)
Vị tăng hỏi: Thế nào là câu nhập môn?
Phần Dương nói: Khách xa biết mình,
Tạm ngồi cười ngâm nga.
Thạch Môn Thông nói: Lục thân không biết nhau,
Trong miệng nói xa đến.

Vị tăng nói: Mù.
Thế nào là câu trong môn?
Phần Dương nói: Sắp xếp bốn tướng đứng,
Tình ngưng vọng Thánh dung.
Thạch Môn nói: Mật thất không thông gió,
Một về nhà ngồi.
Vị tăng nói: Nắm bắt.
Rồi lại nói: Chủ trong tân.
Thế nào là câu đương môn?
Phần Dương nói: Tọa đoạn ngàn đường sai,
Hào quang phát chiếu muôn cơ.
Môn Thông nói: Cửa mở không cửa sổ,
Để kiếm xem bốn phương.
Lại nói: Trảm.
Rồi lại nói: Chủ trong chủ.
Thế nào là câu ra cửa?
Phần Dương nói: Mở mắt nhìn giang sơn,
Khắp cõi không biết nhau.
Môn Thông nói: Oai nghi không ngay nhìn về Trường An.
Lại nói: Giáng xuống.
Thế nào là câu ngoài cửa?
Phần Dương nói: Tiều phu đến đồng hoang,
Cưỡi trâu thường gõ sừng.
Môn Thông nói: Oai nghi ngay thẳng đến Trường An.
Lại nói: Tân trong tân.

ĐẦU TIÊN LUẬN BỐN MÓN BẤT BIẾN

(Lời viết của cổ đức)

Sương mù khắp núi Nhạc mà thường vắng lặng (cùng với trong mà không giao thiệp).

Sông suối tranh nhau chảy mà không dòng (rảy nước mà không dính).

Ngựa đồng trống phất phới mà không động (gió thổi không vào)

Mặt trời mặt trăng rõ ràng mà không khắp (ánh sáng không trái).

BỐN TẠNG CƠ PHONG CỦA NHÂM ĐẦU

Bốn tạng phong: Sư đã lập vậy nghĩa là căn cứ sự là toàn sự. Căn cứ lý là toàn lý. Vào đến là lý sự đủ. Đưa ra là lý sự hết. Người đời sau

học, không căn cứ ý của người trước đã lập, vội đổi tựu thành tụ, khiến bần tăng đời sau nghi trong dòng tôn sư có vật, xuất nhập mà có thể chỉ bày, nên phải xét rõ.

CỔ ĐỨC THÊM BÀI TỤNG CHO QUÁN ĐẠT ĐĨNH

Gánh nước bửa củi không phải là trần
Đầu đầu toàn hiện thân Pháp vương
Thuyền nhỏ ngoài biển cả gợn sóng xanh
Sóng to như núi phun bạch ngân (tựu sự).
Căn cứ sự tạng phong sự riêng đủ
Không ở trên lý mà thủ ngôn thuyên
Vảy đẹp nếu không nuốt hương bánh
Vẫy đuôi lay đầu giỡn sông xanh biếc (tựu sự).
Ngay toàn thân hiển lộ đường đường
Diệu thể trước nay không che giấu
Gặp chỗ hiện thành khó hiện rõ
Trần trần đều phóng hào quang trắng (tựu lý).
Tựu lý tạng phong lý rất nhỏ
Há từ trên sự lập hào ly
Diều hâu bay ngoài trời rộng lớn
Chịu cầm chim tước chết trong rừng (tựu lý).
Toàn quyển điện cơ mấy người biết
Chê lông mày trên đã là chậm
Gặp mặt không biết mở kho báu
Do dự xa lìa cỏ ngoài cửa (nhập tựu).
Vào đến tạng phong lý sự bao gồm
Đầm xanh gió thổi động mây sấm
Vũ môn tháng ba hoa đào nổi sóng
Đội sừng nâng đầu khỏi phơi má (nhập tựu).
Oai quang lẫm liệt đầy thế gian
Hiệu lệnh Pháp vương hợp đương nhiên
Trước cửa đạo Trường An vạn cổ
Một phen chim bằng đánh vạn dặm trời (xuất tựu).
Ra đến tạng phong lý sự vong
Trời cao mặt trời đỏ càng không ngại.
Ông sấm bà sét nói phân minh
Trong tiếng sét đánh lửa đá sáng (xuất tựu).

TAM ẤN CỦA TÔNG MÔN

(Thạch Môn Thông, Ngọc Tuyền Đạt)

Một ấn ấn không

Thạch Môn nói: Răng đứng lưỡi.

Ngọc Tuyền nói: Vạn tượng thâu về ngàn gương xương.

Một ấn ấn nước.

Thạch Môn nói: Nói chuyện với người điếc.

Ngọc Tuyền nói: Cóc tía nhảy bóng rơi trong ngàn sông.

Một ấn ấn bùn.

Thạch Môn nói: Trên đầu cắn gậy lẩm bẩm trong miệng.

Ngọc Tuyền nói: Xem kỹ khi màn văn chưa phát.

BÀI TỤNG CỦA TUYẾT ĐẬU

Ấn không ấn nước ấn bùn
Chữ nghĩa rõ ràng lại mê
Đại sĩ Huỳnh Đầu không biết
Dám hỏi ai được đích thân đề.
Ấn bùn ấn không ấn nước
Vòng đất sóng lạnh tranh nhau khởi
Trong ấy lân rồng vô hạn
Mấy chỗ tranh cầu ra miệng.
Ấn nước ấn bùn ấn không
Nạp tử không biện rõ đông tây
Khai mở một lỗ phía trên
Ngàn bậc Thánh đồng đứng dưới gió.

BÀI TỤNG CỦA HOÀNG BÁ

Ấn bùn ấn nước ấn không
Bốn phương khéo léo đủ điều
Biển cả rồng ngâm mây nổi
Núi cao hổ gầm thành gió.
Ấn không ấn nước ấn bùn
Vật vật cao thấp đều đồng
Nếu biết rõ ràng sắc văn
Không ngại nam bắc đông tây.
Ấn bùn ấn không ấn nước
Bốn thứ sấm sét gió mây khởi
Nhân lúc thẳng đến long môn
Rất kỵ phơi má đốt đuôi.

BÀI TỤNG CỦA VÂN PHONG

Một phen ấn ấn bùn
Hiền ngu cùng biết
Vặn chuyển lỗ mũi
Chùy vàng trên đầu.
Một ấn ấn nước
Luống há môi miệng
Chưa qua dòng cát
Sóng ngòi tranh khởi.
Một ấn ấn không
Mắt Thước-ca-la
Đều chuông sau.

VƯƠNG TỬ BA TRIỀU

(Phần Dương Thiều Ngũ Tổ diễn Thúy Nham Phong)

Tăng hỏi: Khi Vương tử chưa đăng triều như thế nào?

Phần Dương nói: Lục cung ca khúc tuyết, tám nước nghe tiếng sáo, gặp nhiều người hỏi đường.

Thúy Nham nói: Thâm cung tuy không xuất,
Bên ngoài giáo hóa truyền khắp nơi.

Lúc Vương tử chánh đương triều như thế nào?

Phần Dương nói: Ngọc nhĩ không có văn chương
Bạn bang cầu đầu cuối.

Tổ nói: Thiên hạ thái bình

Thạch Nham nói: Lương ban nương điện ngọc
Mười đường đều đến triều.

Sau khi Vương tử đăng triều như thế nào?

Phần Dương nói: Y phục trắng hỏi điền ông
Khắp cõi không biết nhau.

Tổ nói: Ai luận tốt xấu.

Thạch Nham nói:
Ngư tiều ca chật đường
Đã lão xướng được mùa.

TỤNG CỦA PHẦN DƯƠNG

Vương tử ba triều quý gồm tôn
Xưa nay truyền nghe ai có thể phân
Tám nước sáu cung toàn mỹ hóa
Ấn của Phần Dương không rõ ràng.

CHUYỆN SƯ TỬ CỦA HÒA THƯỢNG CHÂN MINH

(Báo Ân phụ theo)
Vị tăng hỏi: Lúc sư tử chưa ra khỏi hang như thế nào?
Nam Minh nói: Gió mát đầy đất.
Báo Ân nói: Mũi nhọn rườm rà.
Sau khi ra khỏi hang như thế nào?
Nam Minh nói: Bầy chồn bể não.
Báo Ân nói: Ẩn thân không hiển lộ.
Lúc muốn ra chưa ra như thế nào?
Nam Minh nói: Sao thế?
Mạng như tơ treo.

BÀI TỤNG CỦA NAM MINH

Ngồi cao chót vót như si giống không thể
Bỗng nhiên chuyển đổi lại nương tựa
Trăm năm yêu quái đều tiền phục
Ẩn sâu ngàn vạn tầng trong núi mây.
Một tiếng rống chấn động càn khôn
Trong trăm bầy thú vỡ hồn mật
Nước khe ngược dòng bóng núi chuyển
Mắt tột không hoa loạn lang xăng.
Muốn ra chưa ra ai có thể biết
Ngồi xổm dưới đất chuyển thân cũng đại kỳ
Thiên thủ đại bi khó dò dẫm
Từ giáo ngàn xưa mọi người nghi.

CHUYỆN KIẾM BÁU CỦA TRƯỜNG LÔ TỔ ẤN PHƯỚC

(Thiên Trụ Tịnh, Thúy Nham Chi nương Thiên Tông)
Vị tăng hỏi: Khi bảo kiếm chưa ra khỏi vỏ như thế nào?
Tổ Ấn nói: Rít.
Thiên Trụ nói: Như nay triều đại không người hỏi.
Thúy Nham nói: Rất kỵ chấp đạo.
Thiên Tông nói: Ánh sáng lạnh xuyên qua sao đẩu sao ngưu.
Sau khi ra khỏi kiếm như thế nào?
Tổ Ấn nói: Lội.
Thiên Trụ nói: Vạn dặm núi sôngđạo thái bình.
Thúy Nham nói: Thiên ma vỡ mạch.

Thiên Tông nói: Ngàn binh dễ được
Một tướng khó tìm.

CHUYỆN LIÊN HOA
(Thiên Trụ Tĩnh, Từ Minh Viên, Viên Giám Viễn)
Vị tăng hỏi: Lúc hoa sen chưa ra khỏi bùn như thế nào?
Trí Môn Tộ nói: Hoa sen.
Thiên Trụ nói: Gốc sâu cành liền qua mưa tàn.
Nam Minh nói: Nước sâu có lẽ không được.
Viên Giám nói: Gạch cháy đập bể dính mắc rất lạnh.
Sau khi ra khỏi nước như thế nào?
Trí Minh Tộ nói: Gánh lá.
Thiên Trụ nói: Nước trên đầu tiên thật hiếm có.
Nam Minh nói: Không ngại qua lại xem.
Thiên Trụ nói: Trong lòng phía Đông biển cả không nổi sóng gió.
Sau khi nở như thế nào?
Nam Minh nói: Hương phảng phất nam bắc.
Sau khi kết hột như thế nào?
Nam Minh nói: Nuôi cá nuôi ba ba.

TỤNG CỦA TUYẾT ĐẬU
Lá hoa sen báo ông biết
Lúc ra khỏi nước chưa ra khỏi nước như thế nào?
Giang bắc Giang nam hỏi Vương Lão
Một hồ nghi rõ một hồ nghi.

CHUYỆN PHONG HUYỆT CHIẾU GƯƠNG XƯA
(Từ Minh Viên, Thúy Nham Chi, Đổng Sơn Thông)
Tăng hỏi: Lúc gương xưa chưa lau chùi như thế nào?
Phong Huyệt nói: Thiên mà vỗ mạch.
Nam Minh nói: Tân La đánh trống.
Thúy Nham nói: Chiếu phá đầu lâu thiên hạ.
Động Sơn nói: Đây đến Hán Dương không xa
Sau khi lau chùi như thế nào?
Phong Huyệt nói: Cổ xe không đường.
Nam Minh nói: Tây Thiên ca múa.
Thúy Nham nói: Đen giống như sơn.
Động Sơn nói: Bãi oanh võ trước lầu Huỳnh Hạc.

CHUYỆN DIỄN TIÊN ĐÀ BÀ CỦA NGŨ TỔ

Vị tăng hỏi: Lúc vua đòi Tiên dà bà như thế nào?
Tổ nói: Thấu triệt
Như thế nào là vua đòi tiên dà bà?
Tổ nói: Loan giá chưa sắp xếp đồng hiệu lệnh.
Thế nào là tiên đà bà?
Tổ nói: Mắt dò nóng tai.
Tăng lễ bái.
Tổ nói: Diễn.

CẢNH THANH HỎI PHONG HUYỆT VỀ SÁU PHÁP CẠO GỌT

(Biệt Phong đáp thêm)
Thế nào căn cứ lông cạo trần?
Phong Huyệt đáp: Lá rơi không phiền người quét bỏ
Tự có gió mát thành đến quét.
Thúy Nham nói: Lông lạnh đứng cao.
Thế nào là đến cạo da lông?
Phong Huyệt nói: Hơi thở dù cho đầy đủ tiếng vang trong hang cốc thẳm.
Tìm chân đâu được gặp phải người.
Thúy Nham nói: Lạc chỗ không dừng ai giải xem.
Thế nào là thịt cạo da?
Phong Huyệt nói: Tháo xuống thẳng dạy Thiên Đế chịu.
Na Tra thái tử không tha cho ông.
Biệt Phong nói: Đạt Đĩnh xem chỗ hồng sang
Sướng thích sát ông bình sinh.
Thế nào là đến cốt cạo thịt?
Phong Huyệt nói: Đề hồ đã tiêu thân hình lành
Tánh hiển đường huyền không nhờ thuyền.
Nham Phong nói: Phá cũng đọa.
Thế nào là đến tủy cạo cốt?
Phong Huyệt nói: Thích-ca đích thân gặp Phật Nhiên Đăng
Thọ ký không nghe nói pháp âm.
Biệt Phong nói: Tay không đến chỗ sức tranh chấp
Chỉ như tủy lại như thế nào cạo?
Phong Huyệt nói: Giả sử không hoa kết không quả
Ngựa gỗ khó dạy người trời đuổi.

Thuyết Phong nói: Giặc vào thành không.

HỎI ĐÁP NĂM TÔNG

Vị tăng hỏi: Thế nào là dưới sự Lâm Tế?
Ngũ Tổ Diễn rằng: Ngũ nghịch nghe sấm.
Hòa Sơn nói: Chiếu dụng đồng hành.
Chánh Đường biện rằng:
Ta trọn không đến ông nói.
Hộ Quốc Nguyên nói: Giết người không chớp mắt.
Tuyết Đường Hành nói: Lục hợp gặp bùn lầy.
Tông Vân Môn, Tổ nói: Cờ hồng lấp lánh.
Động Sơn nói: Lý sự đều đủ.
Chánh Đường nói: Thang vàng trên ngựa gỗ.
Hộ Quốc nói: Đảnh môn ba mắt chiếu sáng càn khôn.
Tuyết Đường nói: Cờ hồng cao trong bóng sóng.
Tông Quy Ngưỡng, Tổ nói: Đoạn bia ngang khắp đường xưa.
Động Sơn nói: Ám cơ viên hợp.
Tuyết Đường nói: Trước mắt không đường khác.
Hộ Quốc nói: Xô đẩy không đến trước
Ước khoảng không lui sau.
Tuyết Đường nói: Trâu không sừng sắt ít ngủ nhà.
Tông Tào Động, Tổ nói: Đem sách không đến nhà.
Động Sơn nói: Thiên chánh hiệp đồng.
Tuyết Đường nói: Hạc ngủ cành khô.
Hộ Quốc nói: Tay cầm dạ minh phù
Bao nhiêu cái biết trời sáng.
Tuyết Đường nói: Đụng đầu không phạm.
Tông Pháp Nhãn, Tổ nói: Người đi tuần suốt đêm.
Động Sơn nói: Sao chỉ duy tâm. (331)
Tuyết Đường nói: Rất kỵ trái giờ mất đợi.
Hộ Quốc nói: Tên nhọn gặp nhau không biết nhau.
Tuyết Đường nói: Tự bẻ gãy được lấy.

TỤNG CỦA BẢO PHONG TỪ GIÁM

Đầu đồng trán sắt oan trăm nhà,
Một tiếng hét đều phân chiếu dụng,
Thổi lông ba thước định vũ trụ,
Sắp đi đến bên lừa mù (Lâm Tế).

Ba câu đều đem xâu một chuỗi,
Đồng nhàn giải, đến trước ngự lầu,
Bao nhiêu hành khách chớp mắt,
Cá chép biển Đông bay lên trời
(Vân Môn).
Một cái buông ra ngàn cái,
Cái ky giải nói chuyện vô sinh,
Thảo Đường ngủ há miệng lư đô,
Tịch tử cần phải phá nguyên mộng
(Quy Ngưỡng).
Sân tía cửa vàng thêm xuân ấm,
Điện ngủ không người hầu chí tôn,
Trưởng ái trăm quan phân chỗ chức,
Rộng gõ đèn ra kim môn (Tào Động).
Khe quang dã sắc ngâm lầu đài,
Một tiếng trúc xa nghe thấu đến mai rơi,
Gió đưa đoạn mây về đỉnh núi,
Trăng hòa dòng nước qua đến cầu (Pháp Nhãn).

TÔNG YẾU CỦA NĂM NHÀ VIÊN NGỘ

Toàn cơ đại dụng
Đánh hét đuổi nhau
Tìm người trên kiếm dao
Trong điện sáng buông tay (Lâm Tế).
Bắc đẩu ẩn thân
Kim phong lộ thể, ba câu có thể biện rõ
Một toàn liêu không (Vân Môn).
Quân thần hợp đạo
Thiên chánh giúp nhau
Minh đạo đường huyền
Kim vàng chỉ ngọc (Tào Động).
Sư giúp xướng hòa
Cha con một nhà
Tối sáng theo nhau (Quy Ngưỡng).
Nghe tiếng ngộ đạo
Thấy sắc minh tâm
Trong câu ẩn mũi nhọn
Trong lời nói có tiếng vang (Pháp Nhãn).

Năm nhà đổi tiếng thay điệu
Khai mở diệu môn
Thay đổi phong tục
Trăm phương ngàn phía.

Đều hướng về không trung xướng lên, khúc xướng là cơ ban đầu, nếu là dòng tuấn kiệt, không lưu lại dấu tích của trẫm, chuyển đổi hiển bày, cắt đoạn dây sắn, thế thì ngàn binh dễ được, một tướng khó tìm, vào cỏ tìm người, tạm thông một sợi chỉ phiưa trước có đường, toan đến thì trái, câu sau không riêng tư, động thành hang ở.

Bảo kiếm của Linh Nham
Thấy mắt đường đường
Ngăn trệ trong vỏ mê
Không không loại cỏ.

NÊU BÀY BÀI TỤNG VÔ VI (năm tông)

Chánh pháp nhãn tàng diệt bên con lừa mù, lão bà Hoàng Bá Đại ngu lắm lời (Lâm Tế).

Thang vàng trên ngựa ngọc
Sao người mê ban ngày
Gặp đủ căn cơ giữ lại sấm sét
Cũng là sư độn căn (Vân Môn).
Một dài chia ngắn một ngăn chia dài
Khúc thẳng vuông tròn
Thấu hợp cung thương
Khay bánh bên sông
Khiến hồ tăng cười một tràng (Quy Ngưỡng).
Núi Dan loan phụng đến a các
Diện mật sáo gọi tân cửu thành
Dã lão không biết quý huỳnh ốc
Sáu đường còn nghe tiếng roi tịnh
(Tào Động).
Ngày ấm hoa tranh nhau nở
Rừng sâu chim không sợ
Thuyền đánh cá qua bờ nam
Thủy triều rơi vào vào đầu thành đá
(Pháp Nhãn).

BA LOẠI PHÁP GIỚI (Cổ đức)
Lúc Phật chưa ra đời như thế nào?
Thiên hạ thái bình.
Sau khi Phật ra đời như thế nào?
Đặc biệt một tràng buồn.
Lúc ra đời cùng với chưa ra đời như thế nào?
Biết ân thì ít, phụ ân thì nhiều.

Thế nào là thể của pháp thân? Núi hoa nở giống như tơ, khe nước trong xanh như màu lam.

Thế nào là dụng của pháp thân?
Suốt đêm ngồi mây đá, cây xuân mang theo tùng mưa.
Thế nào là pháp thân?
Cây liễu màu huỳnh kinh nhạt,
Hoa lê hương trắng tuyết.

NGŨ NHÃN
Thế nào là Nhục nhãn?
Thương ghét đâu từng đủ việc quý tham sân càng nhiều.
Thế nào là Thiên nhãn?
Lồng lộng không lọt,
Rất rõ ràng phân minh.
Thế nào là Tuệ nhãn?
Đất vàng xa vẫy tay,
Giang lăng thầm điểm đầu.
Thế nào là Pháp nhãn?
Núi xanh thường không hiển lộ,
Khắp cõi không từng che ẩn.
Thế nào là Phật nhãn?
Từ bi lợi tất cả,
Phương tiện có nhiều một.

TAM BẢO (Cổ đức)
Như thế nào là Phật?
Chỗ nào không xưng tôn?
Thế nào là pháp?
Xe không xô đẩy ngang.
Lý không đoạn khúc.
Thế nào là tăng?

Nhàn rỗi cầm quyển kinh đứng dựa tùng.
Cười hỏi khách từ đâu đến.

CHUYỆN DỰNG GẬY
Thế nào là ông có dựng cây gậy?
Cờ gặp địch thủ khó ẩn núp.
Thế nào là ông không có dựng cây gậy?
Đàn cầm gặp tri âm mới biết đàn hay.
Thế nào là dựng cây gậy?
Dẫn qua đoạn sông cầu.
Bạn trở về thôn trăng sang.

Ý CÂU (Cổ đức)

Câu đến y không đến
Khe xưa nước suối vọt
Tùng xanh mang sương lạnh
Ý đến câu không đến.
Đá dài không có gốc cây
Núi ẩn không động mây
Ý câu đều đến
Trời cùng mây trắng xa.
Nước hòa dòng trăng sáng
Ý câu đều không đến
Trời xanh không chút mây
Nước xanh sóng gió nổi.

HỎI ĐÁP CỦA LỤC TỔ
Đạt-ma một chiếc giày
Chín năm ngồi lạnh không người biết
Hoa ngũ diệp nở thơm khắp cõi
Tổ nói: đập phá núi Thiết vi.
Nhị Tổ một tay
Xem thử ba thước tuyết
Khiến người lạnh lông cốt
Tổ nói: dẫn dắt thiên hạ.
Tam Tổ tội một đời
Tìm mà không thể được
Vốn tự không tì vết

Tổ nói: bóp mắt cùng sinh hoa.
Tứ Tổ một tay
Hổ oai hùng chấn động mười phương
Thanh quang động vũ trụ
Tổ nói: mắt sáng trăm bước oai.
Ngũ Tổ một gốc tùng
Không tính nêu cảnh trí
Lại phải trang gia phong
Ngũ Tổ một cây chày ?? ?? ?? ?? ??
Mới biết có cùng không.

HỎI ĐÁP MƯỜI VÔ

Nước vô vi,
Hoàng thượng phục hay nằm cao
Lúc đi ca Đế Vũ
Không có hai cân chuẩn mực rất rõ ràng.
Không có cội gốc,
Không nhờ sức điểm sáng phía Đông
Hoa ưu-bát thường nở.
Không có đáy bát,
Nhờ đến ẩn mặt trời mặt trăng
Buông bỏ chứa trong vũ trụ.
Không có tơ đàn,
Không phải tri âm chớ cùng khảy đàn
Thuyền không đáy
Rỗng không chở trăng sáng về.
Khúc vô sinh,
Một khúc, hai khúc không người hiểu
Mưa đêm qua buồn bờ đê nước sâu.
Sáo không lỗ,
Đồng rãnh thổi một khúc
Cùng hưởng thời thái bình.
Không có chim khóa,
Mở tháo khó động tay.
Gương không đáy,
Có thể thâu bốn biển cả
Nhét vào ngũ Tu-di.

MỘT TIẾNG HÉT PHÂN NĂM GIÁO (thêm mới)

Tịnh Nhân đến Thiền sư Am Thành, đồng với Pháp Chân Viên Ngộ Từ Thọ và mười tám Đại Pháp sư, đều ở phủ của Lương Bật Thái úy Trần Công. Lúc bấy giờ, Tư Hạnh Huy Tông, xem pháp hội kia, người giỏi về Hoa Nghiêm, ở trong chúng hỏi các Thiền sư. Đức Phật ta lập giáo, từ Tiểu thừa đến Viên đốn, quét trừ có không, riêng chứng chân thường, rồi sau trung nghiêm muôn đức, nổi tiếng là Phật. Thiền gia một tiếng hét, chuyển phàm thành Thánh, cùng các kinh luận, trái bỏ tương tợ, nay một tiếng hét nếu có thể nhập năm giáo, đây là chánh thuyết, nếu không thể nhập, đây là tà thuyết, các Thiền sư nhìn Am Thành. Am Thành nói, như Pháp sư đã hỏi, không đủ lời đáp ứng của các Thiền sư.

Tịnh Nhân tiểu trưởng lão, có thể để Pháp sư không mê hoặc, Am Thành kêu Thiện, Thiện đáp dạ!

Thành nói: Pháp sư đã nói Phật pháp Tiểu thừa giáo, chính là nghĩa hữu vậy. Đại thừa Thỉ giáo, chính là nghĩa không, thừa Chung giáo, chính là nghĩa hữu bất không. Đại thừa Đốn giáo, chính là nghĩa tức có tức không, Nhất thừa Viên giáo, chính là bất không mà bất hữu, chính là bất hữu mà không. Như ta một tiếng hét, không chỉ có thể nhập ngũ giáo, cho đến trăm công kỹ nghệ chủ tử bá gia thảy đều có thể nhập.

Am Thành bèn hét, một tiếng hét hỏi Thiện rằng: Lại nghe cái gì?

Thiện nói: Nghe.

Thành nói: Ông đã nghe, thì một tiếng hét đây là có, có thể nhập Tiểu thừa giáo. Thành trong chốc lát lại kêu Thiện: Lại nghe gì?

Thiện nói: Không nghe.

Thành nói: Ông đã không nghe, thì vừa đến một tiếng hét là không, có thể nhập Thỉ giáo.

Am Thành ngó Thiện nói: Ta mới hét một tiếng, ông đã nói có, hét lâu tiếng tiêu mất, ông lại nói không, nói không vốn ban đầu thật có, nói có thì nay thật không, không có chẳng không, có thể nhập Chung giáo.

Am Thành lại nói: Khi ta có một tiếng hét, chẳng chẳng phải là có, nhân không mà có, lúc không có một tiếng hét, không chẳng phải là không, nhân có cho nên không, tức có tức không, có thể nhập Đốn giáo.

Am Thành lại nói: Ta có một tiếng hét đây, không làm dụng của một tiếng hét, có không không bì kịp, tình giải đều vong, lúc nói có mảy

trần không lập, lúc nói không, cùng khắp hư không, tức một tiếng hét đây vào trăm ngàn muôn ức tiếng hét, trăm ngàn muôn ức tiếng hét vào một tiếng hét, là có thể nhập Viên giáo. Thiện Hoa Nghiêm không biết, khởi thân ở tòa đến trước bái lạy Am Thành. Thành lại nói với Thiện, không chỉ một tiếng hét là xong, nhẫn đến nói mới động tĩnh, tất cả thời tất cả chỗ, tất cả vật tất cả sự, khế lý cơ, cùng khắp không dư, thế là bốn chúng vui mừng, nghe những điều chỗ chưa nghe, long nhan rất vui, bảo tả hữu cận thần. Thiền sư có huyền đàm diệu luận như thế.

Đại Úy thưa: Đây chính là dư luận của Thiền sư.

PHƯƠNG NGỮ CỦA THIỀN LÂM

Người thắp đèn nến
Đại tượng qua sông
Nhân cho vượt tường
Đức Sơn La-hán.
Phong hầu tiên sinh
Tức sáu mái hiên
Thành bình qua sông
Đem nhục kế đem bỏ nha môn.
Nửa đêm giáo hóa
Núi vàng bờ gạch
Xe chất kinh Đại thừa
Thợ mộc mái hiên.
Thạch tượng Gia châu
Trưởng lão Hồ nam
Diêm già qua trạng
Người lùn tường đất.
Thường châu đánh da
Trâu người sừng rộng
Tóc trong chùa ni
Mua dầu thái bình.
Cây quạt tháng chạp
Nước gấp đánh cầu
Treo chặt bình trà
Cá canh Phong châu.
Nước ngập Kim sơn
Nước đá đeo lưng
Hải đường Xương châu

Thạch tượng Giản châu.
Vân Cư La-hán
Tiếng kêu rừng Phụng
Ngựa giấy vào lửa
Trương Lương nhân sách.
Thái Công câu cá
Bài tụng Lương Sơn
Mèo con mang chùy
Lý Tình tam huynh.
Chống gậy xin con
Chó gặm xương khô
Ba Tư trì chú
Phật đá mới xướng.
Ngựa ăn rau cải
Người lùn xem kịch
Chó vàng qua sông
Con thỏ ngắm trăng.
La công soi gương
Ba Tư lạc thủy
Sáo nào chế luật
Lư thân tiên sinh.
Giày cỏ Tân La
Người lùn qua sông
Thổ địa Lữu Sơn
Thổ địa Vân Cư.
Đạo sĩ đánh chày
Tú tài đánh trâu
Mâm khay trên tường
Quả châu phạn bố.
Lửa đốt thuyền hương
Rắn vào ống trúc
Bỏ con theo đạo
Vân Môn đạo tột.
Hưng hóa đạo tột
Đạo tột Phân Dương
Quy Ngưỡng đạo tột
Tuyết Phong đạo tột.
Ngưỡng Sơn đạo tột

Huyền Diệu đạo tột
Triệu Châu đạo tột
Kim Ngư đạo tột.
Phổ Hóa lắc linh
Giang thêm chiều tuyết
Đổng đình thu nguyệt
Chùa khói chuông chiều.
Mây tạch trên núi
Cát bằng nhạn lạc
Ngư thôn tối chiếu
Bến xa thuyền về.
Sông Tiêu sông Tương đêm mưa,
Tiên Đà-bà
Tinh tinh mang hài cỏ
Xỏ kim trong đất đen.
Một ngựa sinh ba dần
Bạch trưởng lão Nga Mi
Chưa rõ ba tam chín
Thổ địa trong núi sâu.
Trâu sắt trên con muỗi
Đại tùng trong ồn ào
Chuột già trừ diệt cây gừng
Thấy Đại Thánh ở Tây châu.
Lừa chọn chỗ ẩm tiểu
Chim rùa đi đất bằng
Không qua người thiết trai
Tạ tam nương cân bạc.
Quách Đại sĩ mài mực
Sao cháu ngược lên cây
Đất đỏ phết sữa bò
Đại vương trong quân doanh.
Muỗng đũa trong tiệm cơm
Đất đỏ vỏ cái ky
Hồ tôn ăn lông trùng
Lão quạ trong túi vải.
Ngã tư đường trước bia
Vẽ phong xa trên vách
Hồ tôn cưỡi lưng ba ba

Hồ tôn vào trong túi vải.
Bốn tám ông quan đánh cờ
Trịnh Châu ra cửa gặp
Người trên cầu Thiên môn
Biện tài gặp Tiêu Diệu.
Chuột già trong ồn ào
Vương đại tỷ đông thôn
Ngó sen trên đá gồ ghề
Ba Tư ăn hồ tiêu.
Con mèo ăn thải phụng
Cho cơm nhừ ló trà
Tơ sen béo đại tượng
Đại trùng xem xay bột.
Ngựa nói người mua mực
Mười tám mẫu ruộng tốt
Đồng cốt nhờ gặp đồng cốt lớn
Vương tiểu phá giày cỏ.
Tám túi giá
Tiểu từ thăm đại từ
Ba Tư vào ồn ào
Nửa đêm thả gà quạ.
Thỏ uống sữa bò
Chuông lầu mười hai trượng
Chuột già ăn củ gừng
Bào lão đưa đài đèn.
Học đường bộ Hàm Đan
Hàn Tín đi đến triều (333)
Sư tử trong miếu xưa
Đến bờ xem mí mắt.
Ba Tư chiếu gương xưa
Minh Công Tú trên biển
Đưa Châu bán dưa Hán
Người Phổ chẩu tiễn giặc.
Từ trước đến nay huệ dưới liễu
Lâu ngày cây hoa đến sớm
Vỏ não trong Tô Lang
Phan Giang đến cưỡi lừa.
Thời Tần xe chui qua

Mũ giấy trong đại trùng
Trước nhà mua trái cây
Quân tử có thể tàm.
Người giữ công đức trời tối tăm
Đầu sào trăm thước năm lần duỗi
Xích Hồng nhai đánh bạch Hồng nhai
Tạ Tam nương không biết chữ xả.
Thừa nhận chị dâu không táo đỏ
Chặt xe gió trên đầu sào
Kịp hợp đánh phá Thái châu
Đầy dầu trong lưỡi cát đồng.
Giấy bạc trong núi Thái
Ba Tư chân đỏ vào Đại Đường
Đá tầm thường đầu ngã tư đường
Khổng Minh khảy đàn trong miếu.
Người Phước châu ăn quả vải
Tạ Tam nương không biết chữ tứ
Đất đây không có hai lạng vàng
Người đời mua rượu ba thăng.

KỆ CHÂN TÁNH

Đạt-ma Tây lai chín năm diện bích, riêng Thần Quang đứng ngoài tuyết chặt cánh tay tự chứng, khéo nói không được, chỉ được nói tâm truyền, thượng căn đã khế hợp, lại muốn về Tây, còn thương căn cơ trung hạ, gượng để lại hai mươi chữ, gọi là kệ chân tánh trở lại đọc đó, thành bốn mươi vận, đều có chỉ thú, bởi vì lão bà tâm tha thiết, bậy bạ không ít, ngõ hầu con cháu đời sau, nhân ngón tay thấy mặt trăng, thảng như có một người đến trước chữ tánh chưa hiểu đại ý, sắc văn tự bày, không từ người khác được, lại cười lão Hồ rất tốt, hết sức cùng chủ trượng.

Linh Ẩn Tuệ Chiêu Đại sư Khả Quang thuật

■

DIÊN HỰU ĐẠI NGUYÊN TRÙNG KHẮC HẬU TỰA NHÂN THIÊN NHÃN MỤC

Xưa Thiền sư Nham Chiếu ở Việt Sơn Hối ở trong thời Tống Thuần Huy, biên tập tông chỉ của năm nhà, gọi là "Nhân Thiên Nhãn Mục", lưu hành trong tòng lâm, sự truyền chép đã lâu, không tránh khỏi sai lầm, bản chép tay kia cũng có nhiều chỗ khác nhau, lời này lời kia xen vào được mất, Lúc rãnh rỗi tham khảo chỗ đồng và dị, sai thì sửa lại cho đúng, thiếu thì thêm vào cho đủ, không thích đáng thì bỏ bớt đi, còn sợ chưa hay thì sắp xếp nguyên bổn. Năm tông cũng mất sự truyền thừa theo thứ lớp, nay sửa lại cho đúng. Đầu tiên sắp xếp Lâm Tế, Quy Ngưỡng. Bởi hai tông đây, đồng phát xuất từ Nam Nhạc, Mã Tổ trở xuống. Kế nêu bày Tào Động, Vân Môn, Pháp Nhãn, bởi ba tông đây đồng phát xuất từ Thanh Nguyên Thạch Đầu. Lại gần đây có người, mượn tên của Khâu Huyền Tố, ngụy soạn văn bia của Thiền sư Đạo Ngộ ở chùa Tây Thiên Vương thành Giang Lăng, ghi chép Thiên Vương tiếp nối dòng Mã Tổ rồi tiếp nối Long Đàm, Đức Sơn, Tuyết Phong, bèn thay đổi hai tông Vân Môn, Pháp Nhãn qua Mã Tổ sắp xuống thật đáng cười, xét đồ sấm Tâu Cựu ở Kinh châu, đều không có chùa Tứ Thiên Vương ở thành Giang Lăng, họ ngụy biện ra bia vọng lập nhân duyên ngữ cú ở Thiên Vương, sự thật là của Đàm Chiếu Thiền sư ở chùa Bạch Mã ở thành Tây. Sự thật Đàm Chiếu đây thuật đủ đồ sấm xưa ở Kinh châu, và Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, được khảo sát, huống hà Thiên Hoàng tiếp nối dòng Thạch Đầu và Long Đàm, chép đủ trong Truyền Đăng Lục và Cao Tăng Truyện. Ngữ lục các sư là văn bia của Đức Sơn và Vân Môn, Pháp Nhãn sắp xuống, cùng kệ tông yếu của năm tông triều đại trước, có vài mươi chỗ, sáng như mặt trời ngôi sao, có thể xóa đi mê hoặc cho đời sau, có thể chứng cứ dối lầm biên tập trước sau, xưa nay An Lộ Phước Châu Đại Minh Lan Nhã, bèn khắc bản khác, cùng chung với thiền học. Người xem tập đây, trình bày cắt bớt dài dòng, mở miệng rõ ràng, không ở trên đầu lưỡi. Nếu họ chưa rõ, thì bỏ kiếm đã lâu rồi.

LONG ĐÀM KHẢO XÉT

Cảnh Đức Truyền Đăng Lục đời Tống, chép Đạo Ngộ Thạch Đầu thời Thiên Hoàng, mà không biết đồng thời có hai Đạo Ngộ:

1. Từ Mã Tổ, ở chùa Thiên Vương thành Tây, Kinh châu.
2. Từ Thạch Đầu, ở chùa Thiên Vương thành Đông, Kinh châu.

Trải qua khảo sát Quy Đăng đời Đường, soạn biên của Nam Nhạc lời đáp của Khuê Phong, tông thú trạng giám được của Bùi Tướng Quốc và soạn bài minh tháp của Mã Tổ, đều có thể căn cứ, đến sau Đạt Quán Đĩnh dẫn phù sấm của Khâu Huyền Tôn chép vào của hai tháp minh bài, chép rất rõ ràng, đây không có thể nghi được. Nhưng trong Khâu Minh, do Long Đàm tin tiếp nối ngộ của Thiên Vương, đây thời không thể không nghi.

Tôi từng khảo sát Ngữ Lục của Tuyết Phong, Tuyết Phong nói với Mân Vương, tự xưng được đạo trước Đức Sơn, Thạch Đầu, lại trong bài tựa Ngữ Lục của Cổ Sơn Yên Quốc sư, cũng xưng là Yến Vi Thạch Đầu năm dòng con cháu, hai sách đây ở vào thời ngũ đại, cách Long Đàm không xa, há phải quên ngay sở tự kia sao? Căn cứ theo đây thì biết, Long Đàm Tín là người đã tiếp nối, thì Thiên Hoàng ngộ chẳng phải Thiên Vương Ngộ, sở chứng kia đồng. Lại Long Đàm Tín, nhà ở hẽm Thiên Hoàng thành Đông, Kinh châu, lấy bán bánh làm sự nghiệp, hàng ngày đem mười cái bánh tặng cho Hòa thượng Thiên Hoàng, Thiên Hoàng mỗi khi ăn bánh xong, để lại một cái bánh nói: Ta cho bánh ông để con cháu ông hưởng âm đức.

Đàm Tín một hôm tự nghĩ: Bánh là đem đi, sao để lại cho ta, chắc có tà ý, bèn đến hỏi.

Thiên Hoàng nói: Là ông đem đến lại ông nào có lỗi, Tín nghe việc ấy, rất hiểu ý chỉ nhiệm mầu, nhân đó theo xuất gia.

Thiên Hoàng nói: Ông xưa tôn sùng phước thiện, nay tin ta nói có thể gọi là Sùng Tín, do đó ân cần làm thị giả. Căn cứ theo đây thì biết, Long Đàm Tín đã tiếp nối, Thiên Hoàng chẳng phải Thiên Vương Ngộ, là chứng cứ thứ hai.

Lại Sùng Tín một hôm hỏi Thiên Hoàng: Con tự đến không nhờ chỉ bày tông yếu.

Thiên Hoàng nói: Ông tự đến, ta chưa từng chỉ bày tâm yếu cho ông.

Sùng Tín nói: Chỉ bày chỗ nào?

Thiên Hoàng nói: Ông nâng trà lên, ta tiếp đón ông, ông đi ăn ta vì ông nhận, lúc ông hòa nam, ta vì ông mà cúi đầu, có chỗ nào không chỉ bày tông yếu cho ông. Sư cúi đầu giây lâu. Thiên Hoàng nói, thấy thì ngay đó liền thấy, suy nghĩ liền sai, Sư ngay đó khai mở.

Sư lại hỏi: Thế nào là bảo nhận?

Thiên Hoàng nói: Mặc tình tiêu diêu, tùy duyên phóng khoáng, chỉ cần hết tâm phàm, riêng không làm tánh giải.

Một hôm Sư lại hỏi: Từ trên thượng tướng truyền xuống việc thấp nhất như thế nào?

Thiên Hoàng nói: Không phải ông hiểu đến chỗ không được.

Sùng Tín nói: Cái đây mất người nhãn mục được đủ?

Thiên Hoàng nói: Dễ hiểu ở Trường Lô, căn cứ đây thì biết, Long Đàm Tín đã tiếp nối: Là Thiên Hoàng Ngộ chẳng phải Thiên Vương Ngộ, đây là chứng cứ thứ ba.

Nay ba đoạn sở chứng đây giới thiệu rõ như vậy, mà trong tháp minh của Khâu Huyền Tố, do Long Đàm nối tiếp Thiên Vương, sao được riêng khác. Xét biết, hiểu rõ người sau, vọng đem Sùng Tín, đổi vào trong tháp minh Thiên Vương, để tranh luận đầu mối, nhưng như vậy ắt đem ba đoạn văn sở chứng trước, một phen bút xóa đi, rồi sau có thể thành thuyết ấy.

Hơn nữa, Trương Vô Tận thường nói: Cơ phong của Vân Môn giống Lâm Tế, phải là sau Mã Tổ, đây thời lời nói của người nhà quê ở Tề dông, xưa nay đồng bẩm thọ một thầy, mà cơ phong mỗi mỗi sai khác thì nhiều, sao đồng hết được.

Như Vân Môn Pháp Nhãn, đồng phát xuất từ Vân Môn phải trở về Mã Tổ, thì Pháp Nhãn lại phải trở về Thạch đầu, như Đơn Hà theo cơ phong, không kém Lâm Tế, ?? ?? Cùng Tam Thánh, đều thất cơ ở Thạch thất, thì Đơn Hà theo Thạch Thất, lại phải đổi vào Mã Tổ sắp xuống? Lại như cha con Nam Tuyền, đều tiếp nối Mã Tổ, mà không dùng đánh hét, cha con Quy Sơn, đều tiếp nối Bá Trượng, mà không thời Cô Tuấn, lại phải đổi vào Thạch Đầu sắp xuống.

Hơn nữa, tôi từng khảo sát toàn lục của Tuyết Phong, thiền ấy đủ các cách, Ba Lan rộng lớn, nên lời ấy, có khi giống Lâm Tế, có khi giống Tào Động, luống như Huyền Sa, Trường Lô, Khánh Bảo Phước Cổ Sơn An Quốc Thanh Cảnh v.v... đều như vậy. Tức Vân Môn tuy riêng dùng cơ phong vòi vọi mà thật ngữ không đầy đủ, cơ phong không xúc phạm, hơn nữa trải qua tham cứu Tào Sơn Sơ Sơn, Cửu Phong Càng Phong, lời ấy còn đầy đủ, như các lời ba loại bệnh hai loại ánh sáng, thì toàn vản Càng Phong, đây rất rõ ràng. Há có thể nói các việc ấy đồng với Lâm Tế đương tiếp nối Mã Tổ sắp xuống, môn đồ không biết, vốn khó biện rõ, những bậc cao minh, có thể khảo sát mà biết, nên làm là để bảo trí giả trong thiên hạ, xin xét kỹ rõ vậy (thấy trong Vĩnh Giác Vãng Lục).

TRÙNG TU HẬU TỰA TẬP NHÂN THIÊN NHÃN MỤC

Một chi pháp là năm tông, tông mỗi mỗi có ý chỉ thấu suốt chỗ quy về của ý chỉ, thì một pháp năm tông nêu ra không được dối, nay bèn không như vậy, đuổi bắt bóng dáng dấu tích của năm tông, lượm lặt dư thừa của lời trước, tông chỉ quả nhiên còn ở đây sao? Câu của người xưa là câu chết, mà đủ là của người sống, câu không có sống chết, không thì câu chết của người chết.

Trong niên hiệu Thuần Hy, Việt Sơn có giới thiệu Hối Nham, bớt loại cốt yếu của cơ ngữ năm tông, nói là Nhân Thiên Nhãn Mục.

Nạp tử đến nay truyền sao, người có sách ấy, luống như kho báu như chứng cứ, không có lý sai khác của Ngư Lỗ, mà xen nhau có các loại thêm bớt, riêng chưa biết bổn quả ban đầu phát xuất như thế nào, bênh tôi như vậy, kết lại những rườm rà để ứng đáp, gom góp lại làm cho đúng, tạm được điều cốt yếu, giúp người đời sau biết tiến đến tận cùng từ trên tông môn. Bở như thế đã tự ?? Nói hang ở ngôn cú, thời nay bệnh nặng của người học, trộm dùng lời dạy bảo luống không nghiên cứu kỹ, mà cho là lợi ích, đây là bệnh ngăn che, song đã bệnh, ngay đây mà uống thuốc, xem kỹ dùng như thế nào? Vả lại, tông chỉ không ở nơi đây vậy. Nếu chúngta từ đây mà càng luận rõ kế hoạch của tông, không bỏ xưa, há không phải dùng nhãn mục luận nhân thiên sao? Nhân sau khi viết sách, vào lúc Mậu ngọ năm kế Bảo Hậu, dừng lại sau hạ năm ngày, Từ Vân ở núi.

BÀI TỰA CỦA VẬT SƠ ĐẠI QUÁN

Đây là lý do viết sách, đủ thấy tựa bạt của ông Hối Nham Vật Sơ. Tuy nhiên, thời Triệu Tống hoàn toàn thạnh hành, nạp tử Nam Tuân truyền viết mà chẳng không có sai lầm ô yên thành mã bởi thế có thiền nhân ở nước Cáo, ý thông minh khắc chính, mới tự truyền đăng sắp xuống, đến tông phải năm nhà các bậc tôn túc chép riêng, không đâu không có chê bai, nghiên cứu kỹ để đối chiếu và sửa chữa, bè thành chân bổn, đó gọi là công của Mảnh Thị, không ở nơi Vỏ sắp xuống. Đạo nhân Tịnh Trí Hy Nhan Mộ Lận, vâng theo khắc bản, để truyền lâu dài, dụng tâm ấy cũng có thể cho rằng ân cần, người học thẳng như suy nghĩ lý do nói Nhân Thiên Nhãn Mục, thì công không mất thi thiết.

Mùng tám tháng giêng Quý mão Càn Nguyên, Quải Đường Tầu Quỳnh Lâm ghi.

SƠ TỔ

Lão Hồ nhiều việc đến Tây lai,
Hoa ưu-bát-la nở trong lửa,
Lại là Lương Võ đãi một bữa,
Trường Lô nước gấp thả thuyền về.

NHỊ TỔ

Thiếu Lâm diện bích quá nhiều lời,
Tiếp được môn nhân một tay đủ,
Kinh Lạc đến nay ba thước tuyết,
Trời lạnh nào ngừng suốt năm.

TAM TỔ

Nước suối Tiềm xanh biếc,
Thiên Trụ phong cao,
Rõ ràng minh bạch,
Không cách tơ hào.
Trước nay kế sống bình thường như bàn tay,
Đời sau con cháu dạo hải triều.

TỨ TỔ

Tháp Từ Vân, thầy thuốc giỏi
Ngửa mặt trông ngửa mắt nhìn
Đôi phong vòi vọi
Biếng nhác chứa không được bát Tây Thiên
Gặp trên đường thôn Huỳnh Mai.

NGŨ TỔ

Tài công nào già
Truyền y nào thiếu
Trước thân sau thân
Một mộng hai tỉnh.
Hoa bạch ngọc nở phong đỉnh đầu
Trăng sáng ngàn năm soi tướng lạnh.

LỤC TỔ

Đá mang lưng trong tiếng chày giã
Lão Sư năng thêm không nhẹ
Y bát Huỳnh Mai tuy đích thân được
Còn so sánh Tào Khê vài mươi dặm.

BẮC TÔNG (335)

Soi gương thường thường phủi sẹo xưa
Chim kêu hoa nở mấy xuân về

Sen trắng phong đỉnh không tiêu tức,
Bát sắc thâu người giả đạp.

ĐẠO GIẢ TÀI CÔNG

Trời mọc rồi làm,
Chặt tùng làm vui,
Xưa chặt bao lâu,
Nay đầy hóc núi,
Người đầu bạc đi trẻ nhỏ về,
Cười đổ ngọn cây hạt ngàn năm.

NGƯU ĐẦU

Khi trời mờ mịt thấu mây trắng,
Nhân gặp tông tượng chỉ bến mê,
Ngậm hoa râm chim không buồn rầu,
Không thấy người chủ xưa trong am.

VĨNH GIA

Rõ biết sinh tử không liên quan đến nhau
Không đến Tào Khê cũng là nhàn
Vừa bị Lão Lư dài một đêm
Trọng giáo ngôn cú lạc nhân gian.

VÂN MÔN

Trục xuất cầu gỗ mê liễu nhãn
Mược cái váy bà già bái bà già
Một bầu tại sao còn chê nước ít
Mắc nợ giây lát giá tiền xưa.

TUYẾT ĐẬU

Bốn ngày Ma-hê
Hơn độn vào hang
Thước ngắn tấc dài
Một nhiều hai ít.
Mây đi mây đến
Mặt trời mặt trăng soi nhau
Niêm hoa liễu ngộ
Không nhọc mỉm cười.

THIÊN Y

Hết tuổi bảy mươi
Chín tọa đạo tràng
Khúc gai đường tùng
Núi cao nước sâu.

Nón là khó thuốc áo tơi người không biết.
Một tiếng trúc thu là rơi vào sông Tiêu sông Tương.

ĐẠI DƯƠNG

Ly nô trâu trắng hỏi Côn Luân
Khóa vàng không râu lén đóng cửa
Như ý bảo châu chìm đáy biển
Nhà gần lượm được giao con cháu.

ĐẦU TỬ

Một đôi hài hai da trâu
Chim vàng kêu chỗ gà gỗ bay
Nửa đêm mua dầu ông phát cười
Đầu bạc mọc được đầu đen.

VÂN NHAM

Chân không che giấu dối
Quanh có không che giấu thẳng
Ma oán Tổ sư
Túc đức nhân thiên.
Hai ngàn tám trăm quả minh châu.
Ba đời che giấu người trong ai biết.

HUỲNH LONG

Tay Phật chân lừa
Sinh duyên ràng buộc
Trong mây lão hạc lâu ba tiếng
Đáy biển cá chép mọc hai sừng.

BẠCH VÂN

Đương kỳ trâu đá
Tiên sinh một bò nghé
Hoặc chạm thanh phong
Hoặc kêu u cốc.
Chuyển vuông thành tròn
Phân ba thành sáu
Mây trắng dưới núi cỏ dày đặc
Một độ xuân đến một độ duyên.

BÀI TỤNG MƯỜI CHỮ VÔ CỦA CỔ SƠN KHUÊ

Cây không bóng.

Đẹp phát xuân ánh sáng lay động bên ngoài
Gốc mầm không từng nhiễm bụi trần
Rậm rạp xanh biếc mây biên treo dài
Thầm thầm cành lạnh chim không đậu.
Trời chiều không rõ hoa ông rậm rạp
Gió thu khó xếp đặt vận dài thảm thiết
Vun trồng chịu đến không đâu có
Không rơi vào xanh vàng trấn giữ bốn mùa.

Chùy không lỗ.

Trước Phật Oai âm từng nắm được
Trong tay áo thầm che giấu không rõ ràng
Tam quan đập nát sóng ngòi bằng
Muôn pháp khai mở trời đất hẹp.
Hình tròn thấy mặt lộ quy mô
Rõ ràng viên thành cảm phục không sánh bằng
Đề cao Tổ ấn phát quanh lạnh
Gặp được Tỳ-đa miệng treo tường.

Sáo không lỗ.

Một khúc trước gió cảm phục điệu cao
Ống tiêu vàng ống quản ngọc rườm rà luống nhọc
Người gỗ tấu được bích vân hợp
Thạch nữ thổi lại ấm hơn nhiều.
Âm vận bỗng nhiên vượt thế giới
Diệu âm quên nghe rõ thu hào
Gặp nhau hoặc gặp người tri âm
Thổi lên nhà Nùng bên ngoài cao.

Tháp Vô phùng.

Phật nhãn tròn xoe không thể thiếu
Tột sự vòi vọi Thánh không biết
Sương hương mấy lớp ẩn không được
Một điểm sáng lạnh chiếu không giờ.
Đầu lâu biết hết phương trở về
Sắc tướng tình vong mới đến ông
Thấy mặt đường đường khó biện rõ
Long Liêu gọi ngược khó đề.

Giỏ không đáy.

Không nhớ công phu tạo tác thành
Công thành làm đại khái tự tung hoành
Rắn chết nếu gặp phải lấy đầy
Vườn trà đều dẫn dắt đi liền.
Bên ngoài thích đêm đề cao mặt trời mặt trăng
Thời Võ môn nhặt được cá côn cá kình
Treo cao trên đầu cây không bóng
Chớ cùng người mù đánh dây sắn.

Khóa không râu.

Cầm đến rất kỵ lay hai đầu
Thấy mặt cơ quan chớ thả đủ
Buông tay ẩn mặt nhà bên đó
Đợi nghi chỉ đường xa xôi.
Trời xanh ngoài mây không có chốt khóa
Nhiều kiếp xuân về mầm lạ lớn
Phật tổ mở miệng đều chặt khóa
Không liên quan môi mép mới toàn siêu.

Không có chốt cân.

Cân lạng không để lại phân mua bán
Thương lượng không đến không cho ông
Mâm định sắc sáng chốt cân khó biện
Bình đẳng quyền hành thường tự biết.
Người điếc thờ ơ mới có thể luận đúng
Người mù mới hiểu sửa cao thấp
Rảnh đến nắm bắt ngoài càn khôn
Không chừng hạn Thiên long thầm nhíu mày.

Bát không đáy.

Dữu Lĩnh toàn đề chung dối truyền
Lưới bắt muôn pháp chưa phải Hồn côn
Vác đến cung ưng không liên quan đến tay
No rồi rong ruổi không dính môi.
Cho cơm tiền canh ai chịu nhận
Nay bay lên chiếu xưa vượt hẳn
Lãn Hán Triệu Châu nào thi thiết
Phân phó tòng lâm biết mấy xuân.

Đàn không dây.

Không nhọc rìu búa điều khắc được
Chịu sai Tiều Phu Ngô Đồng giả hợp thành

Dứt hẳn sợi tơ niên luật mới
Rõ không tiếng vang tấu âm huyền.
Có khi đàn đến ngoài trời xanh
Mấy độ nhàn càng xanh biếc hang sâu
Buồn bã ít gặp khách xỏ tai
Dòng nước khe yên âm vận trầm trầm.

Thuyền không đáy.

Nhàn rỗi đi khắp cỏ thơm vượt qua thấm thía
Chỉ gần giữa đường đến dòng sông Thương
Không phạm sóng trong lại đến bờ
Về cưỡi trăng sáng nghỉ thả câu.
Hoa lư ở sâu và mây đậu
Lúc sóng gió cao mặc tình tánh bơi lội
Tưởng nhớ hoa đình khói mưa khách
Bao nhiêu tiếng xe qua thong thả.

BAO QUÁT YẾU CHỈ CỦA NĂM NHÀ

Lâm Tế:

Năm Nhạc Mã Tổ Bá Trượng xoay chuyển, Lâm Hưng Nam Huyệt Thú Sơn Phân Từ Minh Nam Hội khai ra thành hai nối dõi. Tâm Xuất Tân Thanh Đoan Diễn Cần.

Quy Ngưỡng:

Bá Trượng phát từ Đại Quy Hựu. Hương Nghiêm Ngưỡng Sơn dích thân đắc tiếp nối, tháp Ba Tiêu Thanh ở phía Nam nối truyền con cháu chưa thấy tiếp nối đời sau.

Tào Động:

Thanh Thạch Dược Sơn Động Tổ, Vân Ưng Đồng An Phi Chi Phủ, Lương Sơn đích thân đắc với Đại Dương Huyền Đầu Tử Phù Dung Thuần Độc Bộ.

Vân Môn:

Thanh Thạch Thiên Long An Đức Sơn, Tuyết Phong Vân Môn Hương Lâm Viễn tháp Tuyết Đậu phía Bắc giao phó cho Thiên Y, hai bổn từ Tư Môn rất rõ.

Pháp Nhãn:

Tuyết Phong Bàng Xuất Huyền Sa Dị, Địa Tạng Pháp Nhãn Ích Tôn Quý, Thiệu Quốc Sư, Truyện Thọ Dữ Tân, Phật pháp mới sưu tập mà thôi.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 176

NAM TÔNG ĐỐN GIÁO TỐI THƯỢNG ĐẠI THỪA MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT KINH

SỐ 2007

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2007

NAM TÔNG ĐỐN GIÁO TỐI THƯỢNG ĐẠI THỪA MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT KINH

Tuệ Năng Đại sư ở chùa Đại Phạm tại Thiều châu giảng Pháp Đàn Kinh.
Đệ tử Hoằng pháp thọ Vô tướng giới hiệu Pháp Hải gom góp ghi lại.

Đại sư Tuệ Năng trong giảng đường chùa Đại Phạm lên tòa thuyết Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật và truyền vô tướng giới. Bấy giờ dưới pháp tòa tăng ni đạo tục hơn một vạn người, thứ sử Thiều châu và hơn 30 quan liêu cùng các nho sĩ đồng thỉnh Đại sư thuyết pháp. Thứ sử còn nói môn nhân đệ tử là ngài pháp hải gom góp ghi lại để lưu hành đời sau và người học đạo nương theo tông chỉ này truyền thọ lẫn nhau.

Đại sư Tuệ Năng dạy:

Này Thiên tri thức! Hãy tịnh tâm Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật!

Lát sau Đại sư nói tiếp:

Các thiện tri thức năng lắng nghe! Phụ thân Tuệ Năng vốn làm quan ở Phạm dương, sau khi giáng chức làm thường dân về Tân Châu phương nam. Ta sớm mồ côi cha, còn lại mẹ già sống vất vả nghèo thiếu với nghề bán củi ở chợ. Một hôm, bỗng có người khách mua củi bảo ta đem đến cửa quan mới nhận củi giao tiền. Lúc lui ra cửa, bỗng nghe có người tụng kinh Kim Cang. Tuệ Năng vừa nghe tâm liền khai ngộ mới hỏi người ấy:

- Làm sao mà ngài biết trí kinh này

- Tôi ở núi Bằng Mộ phía đông huyện Huỳnh Mai, Tân Châu đến lễ bái ngũ Tổ Hoằng nhẫn. Tại đó có hơn một ngàn môn nhân nghe Đại sư bảo hàng tăng tục chỉ cần trí một quyển kinh Kim Cang sẽ được kiến

tánh thẳng đến thành Phật.

Tuệ Năng ta nhờ có túc duyên nên vừa nghe xong liền trở về giả thân mẫu, đi đến núi bằng Mộ huyện Huỳnh mai lễ Ngũ tổ Hoằng Nhẫn. Tổ hỏi:

- Người từ đâu đến đây lễ bái ta, cầu cái gì?

Tuệ Năng đáp:

- Đệ tử là thường dân ở Tân Châu, Lãnh Nam từ xa đến lễ bái Hòa thượng không cần gì khác chỉ cầu làm Phật.

Đại sư liền hỏi vặn lại:

Ngươi là giống sợ ở lãnh Nam, sao làm Phật được?

Người thì có Nam Bắc chớ Phật tánh đâu có Bắc Nam, thân mọi sợ của con cùng thân Hòa Thượng tuy khác nhau nhưng Phật tánh nào có khác biệt.

Đại sư còn muốn nói nữa nhưng thấy mọi người tu lại nghe nên thôi và bảo ta theo chúng ta làm việc. Có một hành giả sai ta đạp chày giã gạo trải qua tám tháng. Một hôm ngũ tổ bỗng gọi tất cả môn nhân đệ tử lại dạy.

- Này các ông! Đời người sinh tử là việc lớn, các ông ngày làm việc chỉ cầu phước điền, chớ không cầu ra khỏi biển khổ sinh tử. Tự tánh các ông nếu mê nơi phước, thì ai có thể cứu được? Các ông hãy trở về tự xét lại trí tuệ của mình từ bổn tánh Bát-nhã mỗi người làm một bài kệ trình lên ta, nếu đúng đại ý ta sẽ trao cho y bát làm tổ sư đời thứ sáu. Hãy mau lên!

Môn nhân trở về đều nói với nhau: "chúng ta không cần làm kệ trình lên Hòa Thượng, thượng tọa Thần tú là giáo thọ sư của chúng ta, sau khi thượng tọa đắc pháp, chúng ta sẽ y chỉ nơi Ngài? Vì thế mọi người đều không làm kệ.

Bấy giờ trước nhà Đại sư có hành lang ba gian, Đại sư muốn vẻ cúng dường Lăng Già biến tướng và Tổ Đại sư truyền trao y pháp, để lưu truyền đời sau làm tin. Họa nhân là lư Trân đến quan sát vách phòng rồi, hẹn ngày mai sẽ bắt đầu vẽ. Vào hôm ấy, thượng tọa thân ta suy nghĩ: "Mọi người không trình tâm kệ vì nghĩ rằng ta là giáo thọ sư. Còn ta nếu không làm kệ, thì làm sao Ngũ Tổ biết được kiến giải cạn sâu của ta. Ta làm kệ để trình bày pháp lên Hòa Thượng là thiện, còn nếu để cầu làm tổ là bất thiện, lại còn đồng thời với tâm phàm mà mong được thánh vị, nếu không trình bày kệ thì ta mãi không đắc pháp suy nghĩ hồi lâu rồi thốt than thở:

- Khó thay, khó thay! Nếu Ngũ Tổ thấy kệ mà cho tìm ta, thì đó là

chướng nghiệp đời trước quá nặng nên không đúng pháp, thánh ý thật khó lường!

Canh 3 đêm đó, thượng tọa Thần Tú đến vách phía nam đốt đuốc viết kệ:

Thân là cội Bồ-đề
Tâm như đài gương sáng
Thường thường siêng lau chùi
Chớ để bám bụi trần.

Thượng tọa Thần Tú viết kệ xong trở về phòng, mọi người không ai hay biết. Sáng sớm, Ngũ Tổ cho gọi Lư cung phụng đến vách phía nam vẽ Lăng Già biến tướng, bỗng thấy bài kệ trên vách bèn nói với quan Cung Phụng.

- Tôi xin gởi Ngài 30000 tiền công lao từ xa đến nay, thôi không vẽ biến tướng nữa, vì kinh Kim Cang có nói: “Phàm cái gì có tướng đều là hư vọng”. Chi bằng giữ lại bài kệ này để người còn si mê đọc tụng, y theo đây tu hành sẽ không đọa vào 3 đường ác, y theo các pháp tu hành có lợi ích lớn.

Đại sư cho gọi nhân đến thắp hương trước bài kệ, rồi dạy:

- Các ngươi đều nên đọc tụng bài kệ này mới được kiến tánh, tu hành theo đây sẽ không đọa lạc.

Môn nhân tụng bài kệ đều khởi tâm cung kính và khen ngợi: hay thay!

Ngũ Tổ cho gọi Thượng Tọa Thần tú vào phòng hỏi:

- Bài Kệ đó phải ông làm không?

Thượng tọa đáp:

- Quả thiệt là con làm nhưng con không dám mong làm Tổ chỉ nguyện Hòa Thượng từ bi xem xét coi đệ tử có được chút trí nào không.

Ngũ Tổ nói:

- Ông làm kệ này chỉ đến trước cửa chớ chưa vào trong, kẻ phàm phu tu hành theo bài kệ của ông sẽ không bị đọa lạc. Với kiến giải như vậy mà muốn cầu vô thượng Bồ-đề thì chưa thể được. Phải vào được cửa mới thấy được tự tánh. Ông về đi, suy nghĩ thêm vài ngày nữa rồi làm một bài kệ khác đến trình ta, nếu vào được cửa thấy được tự tánh ta sẽ trao y bát cho.

Ngài Thân Tú trở về, qua mấy ngày sau vẫn không làm kệ khác được. Lúc ấy có một đồng tử đi ngang qua nhà giã gạo miệng tụng bài kệ Tuệ Năng vừa nghe liền biết bài kệ chưa thấy tánh, liền hỏi đồng

tử:

- Xin hỏi đó là bài kệ gì?

Đồng tử đáp:

- Ngươi không biết Đại sư có dạy: "Sinh tử là việc lớn", nên bảo môn nhân mỗi làm 1 bài kệ trình lên nếu hiểu đại ý, Đại sư sẽ truyền y bát làm Tổ thứ sáu. Thượng tọa Thần Tú đã viết bài kệ vô tướng lên vách phía nam, Ngũ Tổ dạy tất cả môn nhân đều phải đọc tụng, nếu hiểu được kệ này sẽ được thấy tánh, theo đây tu hành sẽ thoát ly sinh tử.

- Tôi ở đây giã gạo đã hơn tám tháng, nhưng chưa từng đến đó, vậy mong thượng nhân dẫn tôi đến vách phía nam để lễ bái bài kệ, cũng mong được kết duyên đời sau, được sinh về cõi Phật.

Đồng tử dẫn Tuệ Năng đến vách phía nam, ta liền lễ bái bài kệ. Vì không biết chữ, ta nhờ một người đọc giùm vừa nghe biết đại ý ta liền nói:

- Tuệ Năng cũng có một bài kệ.

Ta lại thỉnh được một người biết viết, trên vách phía tây đề kệ trình bỗn tâm không biết bổn tâm thì học đạo vô ích, biết tâm thấy tánh al2 đại ý của ta. Tuệ Năng đọc kệ:

Bồ-đề vốn không đài
Gương sáng cũng chẳng đài
Phật tánh thường thanh tịnh
Chỗ nào nhuốm bụi trần.

Lại làm thêm bài kệ:

Tâm là cội Bồ-đề
Thân là đài gương sáng
Gương sáng vốn thanh tịnh
Chỗ nào nhiễm bụi trần.

Đại chúng trong viện thấy Tuệ Năng làm bài kệ này đều lấy làm lạ, ta lui về chỗ giã gạo. Ngũ Tổ đọc bài kệ biết Tuệ Năng đã hiểu đại ý nhưng sợ mọi người biết nên vẫn bảo:

- Bài kệ này cũng chưa được!

Đêm ấy canh ba, Ngũ Tổ gọi Tuệ Năng vào phương trượng giảng kinh Kim Cang ta vừa nghe liền ngộ. Ngay đêm ấy được truyền đến pháp và ý bát rồi mà mọi người không ai hay biết Ngũ Tổ dặn dò:

- Từ nay ông là Tổ thứ sáu, y tổ ta trao lại cho ông để làm tín vật còn đốn pháp hãy đời đời truyền nhau, lấy tâm truyền tâm để tự ngộ. Từ xưa đến nay việc truyền pháp khí như treo tơ, nên nếu ông ở lại đây

sẽ bị hại, vậy hãy mau đi đi!

Ngay đêm đắc pháp, Tuệ Năng ra đi, Ngũ Tổ đưa ta đến Dịch Đăng ở Cửu giang bảo:

- Ông nên nỗ lực đem pháp về Nam, trong 3 năm chớ hoằng pháp đợi sau hết nạn rồi hãy giáo pháp hóa người mê, nếu ai được tam giải đều đồng với sở ngộ của ông.

Sau khi từ biệt, Tuệ Năng đi về nam, sau hai tháng đến ngọn Đại Dũ, không biết phía sau có mấy trăm người đuổi theo muốn đoạt y pháp nhưng chỉ được nửa đường thì đều thoái lui, chỉ có tăng họ Trần tên Tuệ Thuận trước kia làm tướng quân bậc tam phẩm, tánh tình thô ác là đuổi theo đến Đại Lãnh. Tuệ Năng liền trao pháp y, nhưng Tuệ Thuận không dám nhận mà thưa:

- Con theo đến đây là vì cầu pháp chớ không phải vì y!

Tuệ Năng liền giảng pháp cho Tuệ Thuận ngay trên Đại Lãnh, tâm ý khai ngộ rồi, ta sai Tuệ Thuận đi về hướng bắc để giáo hóa mọi người.

Này thiện tri thức! Giáo pháp là từ chư Tổ truyền, không phải Tuệ Năng ta tự biết. Ai muốn nghe thánh giáo đều phải tịnh tâm, nghe rồi nguyện phải trừ mê. Trí Bát-nhã Bồ-đề mọi người đề sẵn có, nhưng do tâm mê nên không thể tự pháp tánh kiến. Thiện tri thức! Pháp môn của ta lấy định tuệ làm gốc. Chớ có mê nói định Tuệ khác nhau, định Tuệ là 1 thể chớ không hai. Định là thể của Tuệ, Tuệ là dụng của định. Khi Tuệ thì có định, khi định thì có Tuệ, nghĩa này chính là Tuệ vậy. Người học đạo chớ cho rằng: trước định sau phát Tuệ, hoặc trước tuệ sau đó có định; Định Tuệ khác nhau. Thấy như vậy là pháp có hai, thế thì miệng nói thiện mà tâm không thiện, trong ngoài hợp nhất đó là Định-Tuệ đồng nhau. Phải hiểu rằng tu hành không phải ở chỗ tranh cải, nếu còn tranh cải trước sau thì người này chưa dứt tâm hơn thua còn khởi ngã pháp là chưa lìa bốn tướng. Nhất hạnh tam muội là ở trong tất cả thời đi đứng ngồi nằm vẫn thường chơn. Kinh tịnh danh nói “Chân tâm là đạo tràng, chân tâm là tịnh độ” chẳng phải tâm hạnh trái ngược. Miệng nói pháp, nói nhất hạnh tam muội mà không hành chân tâm thì chẳng phải đệ tử Phật. Nhưng thực hành chân tâm mà đối với pháp vô thượng có chấp trước, thì đó là người mê còn chấp pháp tướng chấp nhất hạnh tam muội.

Thiện tri thức! Đạo thuận thì thông suốt vì sao còn ngăn kệ? Tâm không trụ là thông suốt, trụ thì trói buộc. Nếu cứ chấp phải ngồi yên bất động, thì ngài Duy Ma cật đã không quở trách ngài Xá Lợi Phất ngồi

yên quán tịnh, không động đậy không khởi, công phu khởi chấp trước thành điên đảo, dạy đạo như vậy là sai lầm lớn! Này thiện tri thức! Định Tuệ còn như cái gì? Như ánh sáng ngọn đèn. Có đèn thì có sáng, không đèn thì không ánh sáng. Đèm là thể của ánh sáng, ánh sáng là dụng của đèn, đó là có hai nhưng thể không hai. Định Tuệ cũng vậy. Pháp không có đốn tiệm, còn căn cơ của người thì có lợi độn, người sáng thì dần dần khuyên, người ngộ thì liền tu. Ngộ thấy không sai khác, không ngộ muôn kiếp luân hồi.

Này thiện tri thức! Pháp môn của ta từ trước đến nay độn tiệm đều lập, vô niệm, vô tông, vô tướng, vô thể, vô trụ, vô vi. Thế nào là vô tướng. Là ở nơi tướng mà lìa tướng. Vô niệm là ở nơi niệm mà không niệm. Vô trụ là bản tánh của người vốn niệm niệm vô trụ. Niệm trước niệm hiện tại, niệm sau, niệm niệm niệm nối với pháp thân, đó là lìa sắc thân, nếu một niệm trụ thì niệm niệm liền trụ, gọi là cội trụ là không cột trói nên lấy vô trụ làm gốc. Ngoài lìa tất cả tướng là vô tướng, lìa tướng nên tánh thể thường thanh tịnh, vì thé lấy vô tướng làm thể. Đối với tất cả cảnh không nhiễm gọi là vô niệm, niệm đã lìa cảnh nên không khởi niệm đối với pháp, chẳng phải trăm việc không suy nghĩ không còn thọ sinh. Người học đạo dụng tâm phải dứt ý. Tự mình lầm còn khả dĩ lại còn đem khuyên người khác hành theo mới là tai hại lớn. Vì mê nên không tự thấy mê, lại còn chê bai kinh pháp, vì thế lập vô niệm làm tông. người mê còn khởi niệm trên cảnh, từ niệm khởi lên tà kiến nên tất cả trần lao vọng niệm từ đây sinh ra, vì thế giáo môn này lập vô niệm làm tông. vô là không việc gì, niệm là vật gì. Vô là lìa hai tướng và các trần lao, chân như là thể của niệm, niệm là dụng của chân như. Tánh khởi niệm tuy chính là thấy nghe biết nhưng không nhiễm vẹn cảnh mà thường tự tại.

Kinh Duy Ma nói: "ngoài hay phân biệt các pháp tướng, trong bất động với đệ tử nhất nghĩa". Pháp môn này ngồi thiền không chấp tâm không chấp tịnh cũng không nói động. Nếu nói quán tâm, thì tâm vốn vọng mà vọng lại như huyễn nên không chỗ quán. Nếu nói quán tịnh thì tánh người vốn tịnh, chỉ vì vọng niệm che lấp chân như, nếu lìa vọng niệm thì bản tính sẽ tịnh. Không thấy tự tánh vốn tịnh, mà đi khởi tâm quán tịnh, sinh ra có tịnh vọng mà vọng không nơi chốn, cho nên biết quán là còn vọng. Tịnh không hình tướng lại lập ra tướng tịnh, rồi nói đó là công phu. Người thấy như vậy là còn chương ngại. Tự tánh còn bị tịnh ràng buộc nếu được không động sẽ thấy lỗi lầm của tất cả mọi người là tánh bất động, người còn mê mở miệng là nói phải trái của người đó

là trái ngược với đạo, thì dù có quán tâm quán tịnh cũng vẫn là nhân duyên chướng đạo. Nay pháp môn này sao gọi là tọa thiền? Pháp môn này đối với tất cả không ngăn ngại, không khởi niệm đối với mọi cảnh giới là tọa, thấy bổn tánh không bạn là thiền. Sao gọi là thiền định? Ngoài lìa tướng là thiền, trong không loạn là định. Nếu ngoài thấy có tướng mà trong tánh không loạn là đã tự tịnh tự định. Chỉ duyên cảnh có xúc có xúc thì loạn lìa tướng không còn loạn thì định. Nên kinh Duy Ma nói: "đó là hoát nhiên trở về bổn tâm". Bồ-tát giới nói: "vốn phải tự tánh thanh tịnh".

Thiện tri thức! Ta sẽ trao vô tướng giới cho tất cả, hãy nói theo Tuệ Năng để thấy ba thân của mình.

Tự sắc thân quy y Thanh Tịnh Pháp Thân Phật

Tự sắc thân quy y Thiên Bách Ức Hóa Thân Phật

Tự sắc thân quy y Đương Lai Viên Mãn Báo Thân Phật. Pháp thân là xá trạch không thể nói quy, ba thân Phật ở ngay pháp tánh, người đời đều có vì sao không thấy? Vì cứ tìm kiếm ba như lai bên ngoài nên không thấy ba tánh Phật trong sắc thân mình. Này thiện tri thức! Ta sẽ nói cho các ông thấy ngay sắc thân này có tự pháp thân Phật? Người đời tánh vốn đã thanh tịnh, muôn pháp ở nơi tự tánh, khi suy nghĩ pháp ác sẽ làm việc ác, suy nghĩ thiện ác sẽ làm việc thiện. Khi biết tất cả pháp đều ở tự tánh mà tự tánh thường thanh tịnh, như mặt trời mặt trăng vẫn thường sáng, chỉ vì mây che nên gọi là tối, nay bỗng trận gió thổi tan hết mây mù thì vạn tượng sum la đồng thời hiện rõ. Cũng vậy tánh thanh tịnh như bầu trời trong, trí như mặt trăng tuệ như mặt trời, trí tuệ thường sáng vọng niệm như mây che lấp tự tánh, cho nên khi gặp được thiện tri thức khai mở chân pháp, như thổi mây mê vọng, khiến trong ngoài sáng suốt, thấy hết vạn pháp trong tự tánh, tất cả pháp từ nơi tánh gọi là thanh tịnh pháp thân.

Từ tánh biến hóa ra rất nhiều mà người mê không biết, thấy 1 niệm thiện thì biết tuệ vừa sinh, một ngọn đèn có thể trừ được tối tăm ngàn năm, một trí tuệ đã qua mà hãy nghĩ việc sắp làm, niệm sau gọi là báo thân, một niệm ác quả báo đến tâm thiện ngàn năm, một niệm thiện ảnh hưởng đến tâm ác ngàn năm. Diệt được vô thường rồi, niệm sau gọi là báo thân từ pháp thân suy nghĩ là hóa thân, niệm niệm thiện là báo thân, tự ngộ tự tu gọi là quy y. da thật là sắc thân là nhà cửa, không phải là chỗ quy y, chỉ ngộ được ba thân là biết được đại ý. Nay đã tự quy y ba thân Phật ta sẽ cùng các thiện tri thức phát bốn đại thệ nguyện. Tất cả hãy nói theo Tuệ Năng.

Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ
Phiền não vô biên thệ nguyện đoạn
Pháp môn vô biên thệ nguyện học
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ, không phải là Tuệ Năng độ chúng sinh trong tâm đều là tự tánh tự độ. Sao gọi là tự tánh tự độ? Tà kiến phiền não ngu si trong sắc thân gọi là vọng, tự có bổn tánh giác đem chánh kiến mà độ, đã ngộ chánh kiến trí Bát-nhã trừ được ngu si mê vọng đó là mỗi mỗi chúng sinh tự độ lấy. Khi tà kiến thì lấy chánh kiến độ mê lấy ngộ độ ngu lấy trí độ ác lấy thiện độ, phiền não lấy Bồ-đề độ, độ như vậy gọi là chân thật độ.

Phiền não vô biên thệ nguyện đoạn, tự thân đoạn trừ hư vọng.

Pháp môn vô biên thệ nguyện học, học theo chánh pháp vô thượng.

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành: tâm thường thực hành cung kính với tất cả mọi người, xa rời mê chấp bát nhã trừ hết mê vọng tự giác ngộ để học Phật đạo thành.

Phát bốn hoằng thệ nguyện rồi, ta sẽ cho thiện tri thức sám hối vô tướng những tội chướng của ba đời. Này thiện tri thức! Niệm trước niệm sau, niệm hiện đại, mỗi niệm mỗi niệm không bị nhiễm ngu mê, trừ sạch những ác hạnh trước đây đó là sám hối. Niệm trước, niệm sau, niệm hiện tại, mỗi mỗi niệm không bị nhiễm nghĩa si, trừ sạch tâm kiêu căng lừa dối gọi là sám hối tự tánh. Niệm trước, niệm sau niệm hiện tại, không bị nhiễm tột đố, trừ sạch tật đố trước đây sám hối.

Thiện tri thức! Sao gọi là sám hối? Trọn đời không làm, mãi mãi không làm ác nghiệp nữa gọi là sám hối. Sám hối rồi, giờ đây ta sẽ trao tam quy y vô tướng cho các thiện tri thức.

Quy y giác lưỡng túc tôn
Quy y chánh ly dục tôn
Quy y tịnh chúng trung tôn.

Từ nay về sau gọi là Phật là thầy, không quy y các ngoại đạo tà mạng khác, nguyện đi theo ngọn đèn từ bi của tam bảo. Này thiện tri thức! Quy y tam bảo là gì? Giác là Phật, chánh là pháp, tịnh là tăng. Tự tâm quy y giác thì không tà mạng, thiểu dục tri túc, xa lìa tài sắc nên gọi là lưỡng túc tôn. Tự tâm quy y chánh niệm niệm không là vậy không ái trước nên gọi là ly dục tôn. Tự tâm quy y tịnh, tất cả niệm trần lao tuy ở tự tánh, nhưng tự tánh không nhiễm trước nên gọi là chúng trung tôn. Hàng phàm phu từ hôm nay đã thọ tam quy y giới, nếu nói quy y

Phật thì Phật ở đâu? Nếu không thấy Phật là không chỗ quy hướng, đã không nơi quy hướng mà nói quy hướng là nói dối. Mỗi người hãy tự quán chiếu lại, chớ hiểu lầm dụng ý của ta, vì trong kinh chỉ nói quy y tự Phật chớ không nói quy y tha Phật.

Tu hành các pháp này không phải chỉ nói suông nơi cửa miệng miệng nói mà tâm không hành, chẳng khác gì chuyển hóa, còn người có tu hành pháp thân đồng thời với Phật. Sao gọi là "ma ha"? "Ma-ha là đại" tâm lượng quảng đại như hư không. Tâm chẳng an định mà ngồi thiền sẽ lạc vào không vô ký, có thể bao hàm tất cả mặt trời, mặt trăng, sao, đại địa, núi sông, cỏ cây, người ác, người thiện, pháp ác pháp thiện, thiên đường địa ngục ở trong hư không. Tánh của người đời cũng cũng lại như vậy bao hàm vạn pháp đại, vạn pháp đều là tự tánh, tâhý tất cả nhân và phi nhân, pháp thiện và pháp ác đều không xả cũng không nhiễm trước vì như hư không nên gọi là đại. Đây là hạnh Ma ha, người mê miệng niệm người trí tâm hành. Lại có người mê tâm trống rỗng không suy nghĩ cho đó là đại, như vậy không đúng, tâm lượng đại mà không hành là thiếu, miệng nói mà không tu hành này cũng chẳng phải đệ tử ta.

Sao gọi là Bát-nhã? Niệm niệm không ngu mê thường hành trí tuệ gọi là Bát-nhã, một niệm ngu là mất Bát-nhã một niệm trí là Bát-nhã sinh.

Thế nào là Ba-la-mật? Ba-la-mật là tiếng lìa sinh diệt. Như nước có sóng mới là bờ bên này, lìa cảnh không còn sinh diệt như nước xuôi dòng là đến bờ kia, gọi là Ba-la-mật. Người mê niệm suông, người trí tâm hành theo. Niệm vọng thì chẳng phải chơn hữu, niệm niệm nếu hành theo gọi là chơn hữu, người ngộ pháp này là ngộ pháp Bát-nhã, tu hạnh Bát-nhã một niệm tu hành thì pháp thân đồng với Phật. Thiện tri thức! Phiền não là Bồ-đề, niệm trước mê là phàm, niệm sau ngộ là Phật, Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật là tối tôn tối thượng, là không trụ không đến không đi, ba đời chư Phật từ đây sinh ra, đại trí tuệ đáo bỉ ngạn phá vỡ phiền não trần lao năm ấm, tu theo pháp tối thượng thừa này nhất định thành Phật, không trụ không đến không đi là định tuệ, đồng với không nhiễm tất cả pháp, biến ba đôc thành giới, định, tuệ. Pháp môn này của ta là từ 84000 trí tuệ. Vì sao? Vì thế gian có 84000 trần lao, nếu không có trần lao thì Bát-nhã thượng trụ không lìa tự tánh. Ngộ được pháp này thì không nghĩ không nhớ không dính mắc, trí tuệ quán chiếu tất cả pháp không thủ không xả, là kiến tánh thành Phật.

Thiện tri thức! Nếu muốn vào pháp giới thậm thâm, chỉ nên tu

hạnh, Bát-nhã Ba-la-mật, chỉ cần trì mọt kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật là được kiến tánh, là nhập Bát-nhã tam muội, nên biết người này có công đức vô thượng, trong kinh đã khen ngợi rõ ràng rất nhiều không thể nói hết. Đây là pháp tối thượng thừa, nói cho người thượng căn đại trí, còn người hạ căn thiểu trí nghe pháp này tâm không kính tín. Vì sao? Ví như long vương tuôn mưa lớn xuống Diêm phù đề thì cả cây nghiêng ngã còn mưa xuống biển thì không thêm bớt, nếu hàng Đại thừa nghe kinh Kim Cang sẽ tâm khai ngộ giải, đó là bổn tánh tự có trí Bát-nhã, dùng trí tuệ quán chiếu, không cần nhờ văn tự, như nước mưa không phải tự nhiêm có mà do long vương mưa xuống, khiến cho tất cả chúng sinh cây cỏ, vô tình hữu tình đều được nhuần thấm. Các dòng sông đều chảy vào biển, rồi dung hợp lại thành một thể mặn, trí Bát-nhã của chúng sinh cũng lại như thế, người tiểu căn nghe đến giáo này thì như cỏ cây gốc rễ yếu nếu gặp mưa tao gió lớn ắt sẽ ngã đổ không thể tăng trưởng được. Trí Bát-nhã của người tiểu căn cùng người đại trí vốn chẳng khác nhau, vì sao nghe pháp không ngộ? Vì tà kiến chướng nặng phiền não sâu dày, như đám mây lớn che khuất mặt trời nếu không có gió thổi tan mây cũng không có thể hiện ra. Trí Bát-nhã cũng không có lớn nhỏ vì tất cả đều có sẳn người mê thì ngoài tâm tính Phật nên chưa ngộ tự tánh đó là người tiểu căn nghe đốn giáo không tín. Chỉ cần tự tâm bản tánh thường khởi chánh kiến thì trần lao phiền não đều tiêu trừ, như biển lớn thu nạp các dòng sông hợp lại thành một thể đó là kiến tánh không trụ trong ngoài, tới lui tự do trừ được tâm chấp, thông đạt không ngnă ngại. Tu theo hạnh này là đúng với kinh Bát-nhã ba-la-mật, tất cả văn tự kinh sách, Đại thừa tiểu thừa, 12 bộ kinh đều do trí tuệ người sắp bày, cố nhiên có thể kiến lập ngã, nế là người vô trí thì tất cả vạn pháp không phải không có. Cho nên vạn pháp vốn từ người mà có, tất cả kinh sách do người nói ra, vì trong loài người có kẻ ngu, ngu là tiểu nhân trí là đại nhân người trí thuyết pháp người ngu nghe để khai mở tâm ý, khai ngộ rồi thì người ngu không khác người trí. Cho nên biết chưa ngộ thì Phật là chúng sinh đến khi ngộ chúng sinh là Phật tất cả vạn pháp đều ở trong thân tâm ta, vậy sao không từ tự tâm mà hiển hiện chân như bản tánh. Bồ-tát giới kinh nói: "ta vốn lập nguyện: từ tánh thanh tịnh thấy được tâm tánh thành tựu Phật đạo" là tức thời hoát nhiên hoàn đắc bổn tâm. Này thiện tri thức, ta ở chỗ hòa thượng Hoằng Nhẫn vừa nghe qua chỗ này liền dại ngộ, thấy ngay chân như bản tánh. Nay người học đạo muốn đốn giáo Bồ-đề, mỗi người hãy tự ngộ hãy mau tìm đại thiện tri thức chỉ bày pháp kiến tánh. Vì sao gọi là

đại tri thức? Đó là bậc thấu suốt pháp tối thượng thừalà đường chánh là đại nhân duyên, thì những pháp đại thiện tri thức giáo hóa sẽ đưa đến kiến tánh tất cả thiện pháp đều nhờ thiện tri thức mà được phát khởi, chư Phật ba đời và 12 bộ kinh đều có sẳn đủ trong bản tánh mọi người nếu không ngộ tự tánh thì cần có thiện tri thức bày đạo kiến tánh, nếu tự ngộ được thì không cần thiện tri thức bên ngoài, nếu chỉ cậy thiện tri thức bên ngoài để mong được giải thoát thì không thể có, mà phải biết được thiện tri thức trong tâm mới được giải thoát, nếu tâm là bên ngoài có giáo hóa cũng không ngộ được, phải khởi trí tuệ quán chiếu, trong sát na vọng niệm tiêu diệt đó mới là thiện trí thức chân chánh vừa ngộ liền biết Phật. Dùng trí tuệ quán chiếu trong ngoài thấu suốt biết được được tự tâm là giải thoát đó là Bát-nhã tam muội, ngộ Bát-nhã tam muội đó chính là vô niệm. Sao gọi là vô niệm? Là thấy tất cả pháp mà không dính mắc trùm khắp nhát thiết xứ mà không chấp trước thiết xứ, thường tịnh tự tánh khiến lục tặc ra ngoài 6 cửa ở trong 6 trần mà bất ly bất nhiễm, tới lui tự do, là Bát-nhã tam muội tự tại giải thoát, là hạnh vô niệm. Nếu trăm việc không suy nghĩ để cho dứt niệm đó là bị pháp trói buộc là biên kiến. Ngộ được pháp vô niệm thì thông suốt vạn pháp, thấy cảnh giới chư Phật là đến Phật vị.

Này thiện tri thức! Đời sau người đắc pháp của ta, thường thấy pháp thân ta không rời người ấy. Các ông hãy đem pháp đốn giáo này đến người đồng kiến đồng hạnh, cùng phát nguyện suốt đời thọ trì quyết không lui sụt đạo Bồ-đề, nếu gặp người không đồng kiến giải không có chí nguyện thì bất cứ nơi nào cũng chớ vọng tuyên truyền làm tổn hại tiền nhân cuối cùng v6 ích, có khi gặp người không hiểu còn khinh mạn pháp môn này, thì trăm kiếp ngàn đời đoạn trừ chủng tánh Phật. Hãy nghe ta nói bài tụng vô tướng, để những người mê diệt được tội, nên cũng gọi là tụng Diệt tội:

Người ngu tu phước không tu đạo
Cho rằng tu phước ấy là đạo
Bố thí cúng dường phước vô biên
Ba nghiệp trung tâm vẫn còn nguyên
Nếu làm việc phước mong hết tội
Đời sau hưởng phước, tội vẫn còn
Nếu biết hồi tâm trừ nhân tội
Mỗi người khởi tâm chân sám hối
Trừ hết tà hạnh là vô tội
Người học đạo phải thường tự quán

Mới được ngang đồng người đã ngộ
Đại sư truyền bá đốn giáo này
Nếu muốn tìm được bản tâm mình
Ba độc, ác duyên phải tẩy sạch
Nổ lực tu đạo chớ dần dà
Hớt nhiên rỗng rang trong đời này
Gặp được pháp Đại thừa đốn giáo
Chắp ta kiến thành chí tâm nguyện.

Đại sư thuyết pháp xong, vi thứ sử và các quan liêu tăng tục khen ngợi vô cùng từ xưa đến nay chưa từng được nghe thứ sử đãnh lễ bạch.

- Hòa Thượng thuyết pháp thật bất tư nghì, nay đệ tử có chút nghi, mong hòa thượng đại từ bi giảng giải.

Đại sư nói:

- Có nghi cứ hỏi, không cần rườm rà.

- Pháp này có phải là tông chỉ của đệ tử nhất Tổ Sư Đạt-ma ở Tây Vức không?

- Đại sư đáp: "Đúng"!

- Đệ tử được nghe "Tổ sư Đạt-ma giáo hóa Lương Vũ đế, Đế hỏi: "trẫm một đời dựng chùa bố thí cúng dường vậy có công đức không?" Sư Tổ đáp: "hoàn toàn không có công đức!" Vũ đế thất vọng nản lòng, Tổ sư bèn qua nước khác giáo hóa". Con chưa rõ chỗ này, thỉnh Hòa Thượng giảng dạy.

Lục Tổ đáp:

- Quả thật không có công đức, sứ quân chớ nghi ngờ lời của Đại sư Đạt-ma, vì Vũ đế chấp trước tà đạo, không biết chánh pháp.

- Thưa vì sao không có công đức?

- Xây chùa bố thí cúng dường chỉ là tu phước, không thể đem phước đó cho là công đức, công đức ở pháp thân chớ chẳng phải ở phước điền. Bình trực là đức, nếu khinh mọi người còn chấp ngã nhân thì không công đức, phải niệm niệm chân tâm bình đẳng, cung kính tất cả mọi người. Tự tu thân là công, tu tâm là đức, cho nên phước đức và công đức khác nhau. Lương Vũ đế không biết chánh lý chớ chẳng phải Sư Tổ nói sai.

Thứ sử lại lễ bái hỏi tiếp:

- Đệ tử thấy hàng tăng-tục thường niệm A di Đà Phật, nguyện vãng sinh tây phương. Xin Hòa thượng giảng dạy, niệm như vậy có được vãng sinh không?

- Thứ sử hãy nghe đây: đức Thế Tôn nói ở nước Xá Vệ chỉ bày

cõi tây phương, điều này văn kinh đã nói rõ ràng. Kinh nói: "cách đây không xa" là nói cho hàng hạ văn, còn người đã ngộ đâu thấy xa gần. Người mê niệm Phật cầu sinh tây phương, người ngộ tự tịnh tâm mình. Cho nên nói: "Tùy tâm tịnh thì cõi Phật tịnh". Này sứ quân ! người ở đông phương chỉ cần tịnh tâm là không tội, còn về Tây Phương mà tâm không tịnh là có tội, chỉ cần tịnh tâm thì tây Phương cách đây không xa, nếu tâm không tịnh dù niệm Phật cầu vãng sinh cũng khó đến chỉ cần hành thập thiện, đâu cần nguyện vãng sinh, tâm không đoạn thập ác thì Phật nào đến nghinh tiếp, nếu ngộ đốn pháp vô sinh sẽ thấy Tây Phương trong sát na, còn không ngộ Đại thừa đốn giáo, thì đường niệm Phật cũng vãng sinh rất xa, làm sao đến được. Ngay bây giờ ta sẽ dời tây Phương đến đây, sứ quân muốn thấy không?

Sứ quân lễ bái thưa:

- Nếu ở đây mà được thấy thì đâu cần vãng sinh nữa. Xin hòa thượng từ bi thị hiện cõi tây phương cho chúng con.

- Đại chúng lắng tâm nghe đây: sắc thân người là thành quách, mắt tai mũi lưỡi là cửa thành, ngoài có sáu cửa, trong có cửa ý, tâm là đất, tánh là vua, tánh trụ thì vua còn tánh mất thì thân hoại. Phật là tự tánh nên chẳng thể tìm ngoài thân tự tánh nếu mê thì Phật là chúng sinh, tự tánh ngộ thì chúng sinh là Phật, từ bi là quán âm, hỉ xả là thế chí, thanh tịnh là Thích ca, chân chánh là di lặc nhân ngã là tu di, tà tâm là biển lớn, phiền não là sóng mòi, tâm độc là ác long, trần lao là cá rùa, hư vọng là quỷ thần. Không ngã nhân thí tu di dỗ, trừ tâm là thì nước biển khô, không phiền não thì sóng mòi lặng, trừ độc hại thì cá rồng tuyệt, trên đất tự tâm giác thánh Như Lai hiển bày đại trí tuệ quang minh chiếu diệu sáu căn thanh tịnh chiếu phá sáu dục, ba độc trừ sạch thì địa ngục tức khắc tiêu diệt, trong ngoài sáng suốt không khác tây phương. Không tu như vậy làm sao đến cõi tây được?

Sứ quân hỏi:

- Tại gia tu thế nào, xin hòa thượng chỉ dạy.

- Ta sẽ nói bài tụng vô tướng cho các ông, ai y theo đây tu hành, sẽ thường cùng ta ở một chỗ. Tụng rằng:

Thuyết thông và tâm thông
Như mặt trời tới hư không
Chỉ cần pháp đốn giáo
Ra đời phá tà tông
Pháp không có đốn tiệm
Vì mê ngộ có chậm mau

Nếu học pháp đốn giáo
Người ngu không còn mê
Thuyết pháp có muôn cách
Hợp ly trở về một
Trong nhà tối phiền não
Thường phải có tuệ nhật
Tà đến, do phiền não
Chánh đến phiền não trừ
Tà chánh đều không màng
Thanh tịnh đến vô sư
Bồ-đề vốn thanh tịnh
Khởi tâm chính là vọng
Tánh tịnh ở trong vọng
Chỉ cần trừ ba chướng
Thế gian nếu tu tập
Tất cả đều không màng
Thường tương ưng với đạo
Lìa đạo riêng tìm đạo
Đáo đầu lại tự não
Làm chánh ấy là đạo
Hạnh tối không thấy đạo
Không thấy người khác ngu
Chính mình cũng có quấy
Phá tan hết phiền não
Cần phải có phương tiện
Đó là giác ngộ hiện
Không lìa thế gian giác
Tìm cầu xuất thế gian
Chánh kiến xuất thế gian
Đây là pháp đốn giáo
Mê trải qua nhiều kiếp
Với hiện tại, quá khứ
Sắc tướng tự có đạo
Tìm đạo không thấy đạo
Nếu muốn tìm kiếm đạo
Nếu người không chánh tâm
Nếu người thật tu đạo
Nếu thấy lỗi thế gian

Chỉ tự trừ tâm quấy
Nếu muốn dạy người ngu
Chớ khiến người nghi ngờ
Phật pháp ở thế gian
Chớ lìa ngoài thế gian
Tàa kiến là thế gian
Tà chánh đều phá trừ
Cũng gọi là Đại thừa
Ngộ chỉ trong sát na.

Thiện tri thức! Các ngươi đều nên thuộc bài kệ này, y theo đây tu hành dù cách ta ngàn dặm cũng thường ở bên ta, còn không theo đây tu hành, dù ở trước mặt cũng cách ta ngàn dặm. Mỗi người hãy tự lo tu chớ chần chờ ta sẽ về tào khê. Nếu ai có nghi ngờ, hãy lên núi tìm ta sẽ phá nghi cho, để cùng thấy Phật tại thế gian.

Tất cả quan liêu đạo tục đều lễ bái Đại sư và tiếc nuối than thở.

- Lành thay bậc đại ngộ, từ xưa đến nay chưa được nghe. Đất lãnh Nam có phước sinh được Phật.

Thế rồi mọi người giải tán Đại sư về Tào Khê hành hóa ở Thiều Châu Quảng Châu hơn bốn mươi năm, độ được 15000 người cả xuất gia lẫn tại gia, người không học đàn kinh thì chẳng phải đệ tử của Nam Tông thí dù có nói pháp đốn giáo cũng chưa biết cội gốc không tránh khỏi sự tranh cãi còn người học được pháp này chỉ lo tu hành, vì tranh cải là tâm thắng bại, trái ngược với đạo.

Người đời thường truyền miệng câu "Nam Năng Bắc Tú" mà chẳng rõ nguyên do. Vốn là thiền sư Thần Tú ở chùa Ngọc Tuyền huyện Đường Dương Phú Nam Kinh còn Đại sư Tuệ Năng núi Tào Khê cách thành Thiều Châu về phía đông ba mươi lăm dặm, pháp chỉ một mà truềyn có Nam bắc, do đây mới lập ra hai tông. pháp mào đốn tiệm? Pháp chỉ có một thể, nhưng thấy có chậm mau thấy chậm là tiệm, thấy mau là đốn. Pháp không đốn tiệm, nhưng căn cơ có lợi độn nên gọi là đốn tiệm. Đại sư Thần Tú nghe người ta thường truyền nhau pháp của Tổ Tuệ Năng là pháp trực chỉ, bèn bảo đệ tử là chí Thành:

- Ngươi thông minh đa trí, vậy hãy đến núi Tào Khê chỗ Tuệ Năng lễ bái nhưng chớ nói ta sai đi nghe ý chỉ xong trở về nói lại ta nghe xem kiến giải ai cao hơn. Hãy đi mau rồi trở về chớ để ta trông đợi.

Chí Thành vâng mệnh ra đi, trong vòng nửa tháng đến Tào Khê lễ bái Hòa Thượng mà chẳng nói từ đâu đến. Nơi pháp hội vừa nghe pháp, chí Thanh liền có chỗ ngộ Khế hợp bản tâm bèn lễ bái tự thưa:

- Bạch hòa thượng! Đệ tử ở chùa Ngọc Tuyền chỗ Đại sư Thần Tú nghe pháp không ngộ, nay đến đây nghe pháp của Hòa thượng liền hợp với bản tâm, cúi xin Hòa thượng từ bi khai thị.

Đại sư nói:

- Ông từ đó đến đây ắt là kẻ dọ thám!

- Thưa Hòa thượng lúc chưa nói thì đúng nói ra thì không đúng.

- Phiền não là Bồ-đề cũng lại như vậy, ta nghe nói Tú Đại sư chuyên dạy người giới định tuệ, so với giới định tuệ của ta có gì khác?

Chí thành thưa:

- Các việc ác không làm, là giới việc thiện vâng làm là tuệ tự tịnh tâm ý là định, đây là giới định tuệ của ngài Thần Tú, còn giới định tuệ của hòa thượng thì con chưa biết.

- Thật là pháp bất tư nghì, nhưng sở kiến của ta lại khác.

- Thỉnh hòa thượng nói chỗ khác đó.

Đại sư đáp:

- Tâm không nghĩ quấy là tự tánh giới, tâm không tán loạn là tự tánh định, tâm không si mê là tự tánh tuệ. Giới định tuệ của hòa thượng Tú chỉ để dạy kẻ tiểu căn, di định tuệ của ta là dạy hàng thượng nhân nhưng ngộ được tánh rồi cũng không cần lập giới định tuệ nữa.

- Xin hòa thượng giảng không cần lập như thế nào?

- Tự tánh không nghĩ quấy, không tán loạn, không si mê, mỗi niệm đều quán chiếu Bát-nhã xa lìa các pháp tướng thì còn gì để lập. Tự tánh còn phải tu nên lập thứ lớp, Khế ngộ rồi không cần lập nữa.

Chí Thành cung kính lễ bái rồi ở lại làm đệ tử Tào Khê, không rời Đại sư nữa bước.

Có vị tăng tên Pháp Đạt tụng kinh Pháp Hoa suốt bảy năm nhưng không có sử ngộ, nghi ngờ văn kinh có chỗ sai lầm đến thỉnh Đại sư Khai Thị. Đại sư nói:

- Ông tên Pháp Đạt nghĩa là thâm đạt giáo pháp, thế mà ông không đạt lại còn nghi ngờ văn kinh vì ông đem tâm tà đi cầu chánh pháp tâm phải chánh định mới là trì kinh. Ta vốn không biết chữ, ông hãy đem kinh Pháp Hoa đến đây đọc ta sẽ nói cho ông.

Pháp Đạt đem kinh đến đọc, Đại sư nghe qua một lần liền biết ngay ý Phật bèn dạy:

- Này Pháp Đạt! Kinh Pháp Hoa không dạy gì nhiều, cả bảy quyển đều là nhân duyên thí dụ. Văn kinh rất sáng tỏ không có thừa nào khác, chỉ có một Phật thừa thôi, không có hai cũng không ba. Trong kinh chỗ nào nói chỉ một Phật thừa? Đó là đoạn kinh: "Chư Phật Thế Tôn chỉ vì

Đại sư nhân duyên nên xuất hiện ra đời". Vậy phải hiểu thế nào phải tu thế nào? Bản nguyên tịch tịnh xa lìa tà kiến, trong ngoài không mê là lìa nhị biên. Ngoài mê thấy có tướng trong mê chấp không. Nay tướng lìa tướng nơi không lìa không đó là bất không nay pháp này một niệm tâm khai, tâm khai gì? Khai tri kiến Phật, Phật chính là giác, khai ra bốn: khai tri kiến Phật chỉ bày tri kiến Phật, ngộ tri kiến Phật, nhập tri kiến Phật. Khai-thị-ngộ-nhập hợp lại làm một là tri kiến Phật, thấy được bản tánh ra khỏi thế gian. Pháp Đạt! Ta thường thấy tất cả mọi người khai được tri kiến Phật, đừng khai tri kiến chúng sinh. Người đời ngu mê tạo ác nên khai tri kiến chúng sinh, nếu tâm chánh khởi quán chiếu trí tuệ là khai tri kiến Phật. Đây là pháp Nhất thừa của kinh Pháp Hoa, sau đó chia làm ba thừa là vì người còn mê. Nếu ông hành theo pháp Nhất thừa là chuyển Pháp Hoa nếu không hành theo là Pháp Hoa chuyển, tâm chính là chuyển Pháp Hoa, tâm tà là Pháp Hoa chuyển. Khai tri kiến Phật là chuyển Pháp Hoa, khai tri kiến chúng sinh là Pháp Hoa chuyển. Hãy nổ lực tu hành theo chánh pháp là chuyển được kinh.

Pháp Đạt nghe xong liền đại ngộ cảm thán rơi lệ thưa:

- Bạch Hòa thượng quả thật con đã bị Pháp Hoa chuyển bảy năm từ nay về sau sẽ chuyển Pháp Hoa, mỗi niệm tu Phật hạnh.

Lại có vị tăng lên trí thường đến Tào Khê lễ Đại sư hỏi:

- Phật nói Tam Thừa rồi lại nói tối thượng thừa, chỗ này đệ tử không hiểu, xin hòa thượng giảng dạy.

Đại sư Tuệ Năng đáp:

- Nhìn lại Tâm mình chớ chấp pháp tướng bên ngoài. Thật ra không có pháp tứ thừa, chỉ vì tâm người có sai biệt nên có pháp có tứ thừa. Thấy nghe đọc tụng là tiểu thừa, ngộ rồi hiểu nghĩa là trung thừa, y theo pháp tu hành là Đại thừa, thông suốt vạn pháp đầy đủ vạn hạnh, không lìa tất cả chỉ lìa pháp tướng được vô sở đắc là đối tượng thừa là tối thượng hạnh. Nghĩa này không ở nơi cửa miệng ông nên tự tu chớ hỏi ta nữa.

Lại có tăng tên Thần Hội người Nam Dương đến Tào Khê lễ bái sư hỏi:

- Hòa Thượng tọa thiền, thấy hay không thấy?

Đại sư đứng dậy cầm gậy đánh Thần Hội ba cái rồi hỏi:

- Ta đánh ngươi đau hay không đau?

Đáp: cũng đau, cũng không đau?

- Thế thì ta cũng thấy cũng không thấy.

Thần hội lại hỏi:

- Đại sư cũng thấy cũng không thấy thế nào?

- Ta thấy lỗi lầm của mình, không thấy lỗi lầm người khác, nên nói cũng thấy cũng không thấy. Còn ngươi cũng đau không đau như thế nào?

Thần hội: Nếu nói không đau là đồng với gỗ đá vô tình, nếu nói đau là đồng với phàm phu khởi sân giận?

- Cũng không cũng không thấy là còn chấp nhị biên, cũng đau không đau là còn sinh diệt. Ông chưa thấy tánh mà dám đến đây thử ta à? Tâm ông còn mê sao không tự tu mà đế đây hỏi ta thấy hay không thấy?

Thần Hội lễ bái ở lại làm đệ tử Tào Khê

Một hôm, Lục Tổ cho gọi các ngài Pháp Hải, chí thành, pháp Đạt, Trí Thường, Chí Thông, Chí Triệt, Chí Đạo, Pháp Trân, Pháp Như, Thần hội đến dạy:

- Các ông là đệ tử thân cận của ta, vậy sau khi ta diệt độ hãy chia nhau đi giáo hóa các nơi. Ta sẽ dạy cách thuyết pháp để không làm mất đi tông chỉ. Khi dạy pháp môn nào cũng không rời 36 pháp đối để không rơi vào nhị biên, mà vẫn không ngoài pháp tướng. Có người hỏi pháp, điều này lấy pháp đối để trở thành cuối cùng hai pháp đều trừ cho đến không có chỗ để trừ.

Ba khoa pháp môn là ấm, giới, nhập. Ấm có 5 là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, giới có 18 giới bên ngòai và cửa 6 thức, từ pháp tánh khởi ra 6 thức là: nhân thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, nhĩ thức. Sáu cửa 6 trần từ tánh bao hàm vạn pháp nên gọi là hàm tàng thức, tư lương là chuyển thức sinh ra sáu thức phát ra ở cửa và sáu trần, ba lần sáu là mười tám giới từ tánh ác khởi lên 18 tà, từ tánh thiện khởi lên 18 chánh, ác thì thành chúng sinh thiện trì thành Phật.

Ngoại cảnh vô tình có năm pháp đối: trời đối đất, mặt trời đối mặt trăng tối đối sáng, âm đối dương nước đôi lứa.

Pháp tướng có mười hai đối: hữu vi vi đối vô vi, hữu sắc đối vô sắc, hữu tướng đối vô tướng, hữu lậu đối vô lậu, sắc đối không tăng đối tịnh, thanh đối trược phàm đối thánh tăng đối tục già đối trẻ, lớn đối nhỏ, dài đối ngắn, cao đối thấp.

Tự tánh khởi dụng có 19 đối: là đối chánh si đối tuệ, ngu đối trí, loạn đối trị giới đối phá giới thẳng đối cong, thật đối hư, hiển đối bằng, phiền não đối Bồ-đề, từ đối không hỉ đối thường đối vô thường, pháp thân đối sắc thân, hóa thân đối với thân.

Ba mươi sáu pháp đối này suốt tất cả kinh điển khi giảng nói cho

người, ngoài đối với tướng mà lìa tướng, trong đối với không mà lìa không vì nếu chấp không thì tăng trưởng vô minh, nếu chấp tướng thì chỉ tà kiến báng pháp. Nói thẳng thì chẳng dùng văn tự, đã nói "chẳng dùng văn tự: thì người cũng không nên nói năng, vì nói năng cũng là bản văn tự, trên tự tánh nói không ngay nói năng bản tánh không phải không, vì mê nên sai lầm, phải dẹp bỏ ngôn ngữ đi. Như nói tối không tự tối, vì sáng cho n6n có tối tối không tự tối, đem sáng để hiển tối, dùng tối để hiển bày sáng qua lại làm nhân cho nhau, 36 pháp đối cũng lại như vậy. Các ông từ nay về sau truyền pháp nên y theo Đàn Kinh này sẽ không mất bản tông nếu không y theo thì chẳng phải tông chỉ của ta. Ai đã được rồi nên lựu hành đời đời sau, người nào nghe pháp Bảo Đàn Kinh sẽ như được chính ta giảng dạy sẽ được Kiến Tánh.

Đại chúng đồng lễ bái thỉnh Đại sư kệ Đại sư nói:

Tất cả không có chân
Nếu thấy y vào chân
Nếu hay tự có chân
Tự tâm không lìa giả
Hữu tình thì biết động
Nếu tu hạnh bất động
Không động là không động
Nếu khéo phân biệt tướng
Nếu ngộ chỗ thấy này
Bảo những người học đạo
Chớ ở pháp Đại thừa
Nếu gặp người tương ưng
Pháp này không tranh cải
Tranh cải chấp pháp môn
Không do thấy nơi chân
Thấy đó trọn chẳng chân
Lìa giả tâm là chân
Không chân chỗ nào chân
Không chân chỗ nào chân
Vô tình không biết động
Trên động có không động
Vô tình không Phật tánh
Đệ nhất nghĩa bất động
Là dụng của chân như
Nổ lực phải có ý

Lại khởi trí sinh tử
Hãy luận bàn nghĩa Phật
Chấp ta khiến hoan hỷ
Tranh cải mất ý đạo
Tự tánh vào sinh tử.

Chúng tăng nghe xong hiểu ý Đại sư đồng thời lễ bái nguyện y pháp tu hành, không dám thỉnh Đại sư ở lại thế gian, cũng không còn tranh cải nữa. Thượng tọa Pháp Hải bước ra thưa hỏi:

- Sau khi Đại sư ra đi, y pháp sẽ phó chúc cho ai?

- Pháp trì ta đã phó truyền rồi không cần hỏi nữa. Hơn 20 năm sau khi ta diệt độ, tà pháp sẽ nhiễu loạn nghi ngờ tông chỉ của ta. Sẽ có người xuất hiện xả thân mạng để xác lập lại Phật giáo, dựng lên tông chỉ đó là chánh pháp pháp của sơ Tổ Đạt-ma thì không nên truyền nữa. Hãy nghe ta nói về bài tụng ấy:

Ta đến vào đời đường
Một hoa nở năm cánh
Truyền pháp cứu mê tình
Kết quả tự nhiên thành.

Bài tụng của Nhị Tổ Tuệ Khả:

Xưa nay nhờ có đất
Bản nguyên nếu không đất
Gieo trồng mới nở hoa
Hoa tâm từ đậu nở?

Bài tụng của Tứ Tổ Đạo tín:

Hoa thuộc loại hữu sinh
Các duyên không hòa hợp
Từ đất trồng ra hoa
Trồng trọt không kết quả.

Bài tụng của Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn:

Hữu tình gieo giống xuống
Vô tình không gieo xuống
Vô tình không ra hoa
Tân địa cũng không sinh.

Bài tụng của Lục Tổ Tuệ Năng:

Đất tâm chứa hữu tình
Ngộ được hoa hữu tình
Mưa pháp liền ra hoa
Quả Bồ-đề tự thành.

Đại sư nói tiếp:

- Lấy ý bài tụng của Sơ tổ Đạt-ma ta sẽ nói hai bài tụng nữa, ai vẫn mê mờ y theo tụng này tu hành sẽ được kiến tánh. Tụng thứ nhất:

Tâm địa chánh gieo hoa
Cùng tu Bát-nhã tuệ
Năm cành theo gốc mọc
Đương lai Phật Bồ-đề.

Lục Tổ nói tụng xong, chúng tăng giải tán suy nghĩ biệt Đại sư trụ thế chẳng còn lâu. Đến ngày mùng ba tháng tám sau buổi thọ trai Đại sư nói:

Các ông ngồi yên chỗ, ta từ biệt các ông.

Ngài Pháp Hải liền hỏi.

Bạch hòa thượng! Sự truyền thọ pháp đốn giáo này từ trước đến nay để bao nhiêu đời?

Đầu tiên truyền thọ qua bảy Đức Phật đến Phật Thích-ca Mâu-ni là thứ bảy.

Thứ 8: Tôn giả Ca-diếp
Thứ 9: Ngài A-nan
Thứ 10: Mạt Điền Địa
Thứ 11: Thương Na hòa tu
Thứ 12: Ưu ba Cúc Đa
Thứ 13: Đề Đa Ca
Thứ 14: Phật-đà Nan-đề
Thứ 15: Phật-đà Mật-đa
Thứ 16: Hiếp Tôn giả
Thứ 17: Phú Na Dạ Xa
Thứ 18: Mã Minh
Thứ 19: Trưởng giả Tỳ la
Thứ 20: Long thọ
Thứ 21: Ca Na đề La
Thứ 22: La hầu la đa
Thứ 23: Tăng già na đề
Thứ 24: Tăng già na xá
Thứ 25: Cửu ma la đa
Thứ 26: Xà da đa
Thứ 27: Bà tu bàn đa
Thứ 28: Ma noa la
Thứ 29: Hạc lặc na

Thứ 30: Tôn giả sư tử
Thứ 31: Bà xá tư na
Thứ 32: Ưu là quật
Thứ 33: Tăng già la
Thứ 34: Tu bà mật đa
Thứ 35: Bồ-đề Đạt-ma
Thứ 36: Tuệ Khả: Cao tăng đời thường
Thứ 37: Tăng Xán
Thứ 38: Đạo tín
Thứ 39: Hoằng Nhẫn
Thứ 40: Tuệ Năng

Từ nay về sau truyền dạy lẫn nhau phải có chỗ y cứ, chớ để mất tông chỉ.

Ngài pháp hải lại hỏi:

Nay Đại sư ra đi sẽ lưu lại pháp gì, để người mê đời sau được thấy Phật tánh.

Các ông lắng nghe, người mê đời sau chỉ cần biết chúng sinh thì có thể Phật tánh còn không biết chúng sinh mà cứ đi tìm Phật tánh thì muôn kiếp không thấy được. Nay ta dạy các ông: biết chúng sinh là thấy được Phật tánh. Người đời sau nếu muốn tìm Phật chỉ cần biết Phật tâm chúng sinh thì sẽ tìm Phật nếu lìa chúng sinh hòan toàn không thấy Phật tâm:

Khi mê Phật là chúng sinh
Khi ngộ chúng sinh là Phật
Ngục si Phật là chúng sinh
Trí tuệ chúng sinh là Phật
Tâm hiểm Phật là chúng sinh
Bình đẳng chúng sinh là Phật
Vừa khởi sinh tâm khởi
Phật ẩn trong chúng sinh
Tâm niệm luôn bình đẳng
Chúng sinh liền có Phật
Tâm ta tự có Phật
Phật đây là chân Phật
Nếu tâm không có Phật
Tìm Phật ở nơi đâu?

Đại sư nói tiếp:

Ta sẽ nói thêm bài tụng “Tự tánh chân Phật giải thoát: Người đời

sau nếu hiểu ý sẽ thấy chân Phật trong tâm tánh mình.

Chân như Tịnh tánh là chân Phật
Tà kiến ba độc là ma vương
Người tà kiến ma ở trong nhà
Người chánh kiến Phật đến trong nhà
Tà kiến trong tâm ba độc sinh
Tức là ma vương đến nhà ở
Chánh kiến đến ba độc tự trừ
Ma kiến thành Phật thật không giả
Hóa thân báo thân và tịnh thân
Ba thân bản lai là một thân
Nếu hướng trong thân mong tự thấy
Là nhân Bồ-đề sẽ thành Phật
Vốn từ háo thân sinh tánh tịnh
Tánh tịnh thườn ở trong hóa thân
Tánh kiến hóa thân thành chánh đạo
Về sau viên mãn đến tối chân
Tánh khiến hóa thân hành thanh tịnh
Trừ dâm vốn là thân tịnh tánh
Trong tánh chỉ tự lìa ngũ dục
Kiến tánh sát na chính là chân
Đời này nếu ngộ pháp đốn giáo
Ngộ rồi trước mắt thấy Thế Tôn
Nếu muốn tu hành tìm Phật tánh
Không biết nơi nào để cầu chân
Nếu ở trong thân tự có chân
Có chân tức là nhân thành Phật
Không tìm cầu Phật ở ngoài chân
Tìm kiếm đều là người dại si
Pháp môn đốn giáo từ tây truyền
Muốn độ người đời phải tự tu
Nay bảo người học đạo trên đời
Không thể dần dà nơi thế gian.

Nói kệ xong đai sư bảo môn nhân:

Sau khi ta đi rồi các ông chớ khóc than như phàm tình, chớ mặc trang phục và nhận lễ điếu vì đó chẳng phải là thánh pháp, chẳng phải là đệ tử của ta. Tất cả hãy ngồi lại, không khởi động tĩnh, sinh diệt, khứ lai, phải trái chỉ có tịch tĩnh mới là đại đạo. Nếu ta ở đời mà các ông làm

trái giáo pháp thì ta sống cũng vô ích.

Đến canh ba Đại sư yên lặng thi tịch, lúc đó có hương thơm lạ lan khắp chùa kéo dài đến mấy ngày mới hết, rừng cây biến thành màu trắng.

Đến tháng 11, cung nghinh nhục thân Đại sư về Tào Khê táng trong long Khám, lúc đó có luồng bạch quang xông thẳng lên trời mấy ngày mới tan. Thứ sử Thiều Châu lập bia cúng dường Pháp Bảo Đàn Kinh được thượng tọa pháp Hải ghi chép lại để lưu truyền, khi thượng tọa vô thượng truyền lại cho đồng học là đạo đế, đạo đế vô thường trao lại cho đệ tử là ngộ chơn.

Đại sư vốn là người huyện Khúc Giang. Thiều Châu sau khi Thế Tôn Niết-bàn giáo pháp truyền về đông độ đến Trung Hoa ngài là bậc chân Bồ-tát thuyết chân pháp, thị hiện chân hạnh, để dụ cho bậc đại trí tu hành gặp nguy nan không thoái lui gặp gian khổ Kham nhẫn thì phước đức mới sâu dày, mới thọ không nên truyền dạy pháp Bảo Đàn Kinh đây chính là mật ý của kinh.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 176

BÀI TÁN PHÁP BẢO ĐÀN KINH CỦA LỤC TỔ TUỆ NĂNG

SỐ 2008

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2008

BÀI TÁN PHÁP BẢO ĐÀN KINH CỦA LỤC TỔ TUỆ NĂNG

Đời Tống Đại sư Minh Giáo hiệu Khế Tung soạn.

Tán là cáo, giảng kinh để phổ cáo. Đàn kinh là nói về tâm của bậc chí nhân. Đó là tâm nào? là diệu tâm Phật đã truyền. Lớn lao thay! tâm tuy hay biến đổi mà vẫn thanh tịnh thường như. Phàm thế, thánh cũng thế; ẩn thế mà hiển cũng thế, không chỗ nào không đắc. Bậc thánh đã sáng tỏ, kẻ phàm phu hãy còn mờ mịt, sáng tối tuy khác nhưng diệu âm vẫn là một. Đầu tiên đức Thích Ca văn truyền tâm này đến nước Đại Quy nước Đại Quy truyền được 33 đời cuối cùng đến thiền sư Đại Giám, ngài Đại Giám càng truyền nhiều rộng rãi. Nói về tâm lại có nhiều cách nên có khi tên giống nhau mà thật ra thì khác có khi nhiều nghĩa mà chỉ một tâm. Như nói tâm (tim) máu thịt, tâm duyên lự, tâm tập khởi, tâm kiên thật còn nói về tâm sở thì càng nhiều, đây là tên tâm giống mà thật ra thì khác.

Vì thế lúc Niết-bàn Phật dạy: "Ta có chánh pháp vô thượng phó chúc cho Ma-ha Ca-diếp". Trời tồn tại là do có sự biến dịch, đất tồn tại là nhờ sự dễ dãi, Thánh nhân tồn tại là do chí diệu, sự chí diệu của Thánh nhân chính là then chốt của Pháp giới môn là chỗ tập hợp của vô thượng nghĩa là nòng cốt của Đại thừa. Kinh Pháp Hoa nói "phải biết diệu pháp này là bí yếu của chư Phật". Kinh Hoa Nghiêm há không nói: "cho rằng với chút ít phương tiện mà mong mau thành Bồ-đề ư! "Bố yếu là đạo của Thánh nhân nên tông chỉ của Bảo Đàn Kinh là tâm yếu. Tâm này vừa sáng vừa tối vừa không vừa linh, lại vừa tịch vừa tỏ là vật hay chẳng phải vật. Gọi đó là một vật mà lại đầy khắp vạn vật,

gọi là vạn vật, mà lại gom vào vật một vật cũng là có thể nghĩ bàn và không thể nghĩ bàn thiên hạ gọi là huyền giải. Là thần hội là tuyệt đãi là mặc thể, là thầm thông tất cả đều lìa cũng đâu thể đến chỗ chí triệt, quả nhiên được tương tợ với bậc chí triệt, quả nhiên được tương tợ với bậc chí nhân ái có thể lường xét? Suy rộng ra thì không thể không tư đạt đến, dò xét để thuyết đoán thì đâu không phù hợp. Nói về chứng tánh thì chỗ đạt rất chánh nói về sùng dức biện sai thì chỗ đạt đến rất chánh dễ hiển bày. Nói về pháp xuất thế thì Phật giáo chóng thành nói về đạo cứu thế thì trần lạo dễ cắt đứt, đây là tôn chỉ của Đàn Kinh vì thế hòa đồng với chúng sinh mà không mỏi mệt gọi là tức tâm tức Phật, người cạn cợt không thể lường biết được. Nếu dùng dùi cùn để dò thì đất cạn, nhìn qua nhà dột thì bầu trời hẹp, trời đất há cạn hẹp như thế sao? Cho nên khi hiển thuyết thì có luận có nghĩa còn khi mật thuyết thì không đầu không đuôi, nếu căn cơ sắc bén thì đạt được chỗ đậu xa còn căn cơ chậm lụt thì chỉ biết cạn cợt. Có thể nghĩ có thể đốn giáo, là đối tượng thừa là như lai thanh tịnh thiền, là chánh tông Bồ tát tạng, luận gọi là huyền học, không phải cũng rõ ràng sao! Thiên hạ gọi là tông môn, không phải cũng đúng sao? Đàn kinh nói: "Định Tuệ làm gốc là nẻo đầu tiên vào đạo". Định thì tĩnh tuệ thì sáng, sáng mới có thể quán, tĩnh mới có thể an, an được tâm mới hiểu tâm, quán được đạo mới nói đạo. Nhất hạnh tam muội còn gọi là nhất tướng pháp giới, nghĩa là vạn thiện tuy khác nhưng cũng đều để chánh đại hạnh, vô tướng làm thể là để chánh đại hạnh, vô tướng làm thể là để nêu cao đại giới vô niệm làm tông là để nêu cao đại định. Vô trụ làm gốc là để nêu cao đại tuệ, giới định tuệ là đạo tu của hàng tam thừa, còn diệu tâm là trợ duyên của giới định tuệ, chỉ một diệu tâm mà thâu nhiếp cả ba pháp học cho nên nói là "đại".

Trong tứ hoằng nguyện, nguyện độ là độ khổ, nguyện đoạn là đoạn tập, nguyện học là học đạo, nguyện thành là thành tịch diệt. Diệt mà không chỗ diệt, nên không chỗ nào không đoan, đạo mà không chỗ đạo nên không chỗ nào không đạo, sám hối vô tướng là sám chẳng chỗ sám, tam quy giới là quy về một, một là chỗ xuất sinh Tam Bảo. Ma-ha Bát-nhã là chí trung của tâm, Bát-nhã là phương tiện của Thánh nhân là đại trí của Thánh nhân nên có thể tịch có thể minh,chẳng ó thể quyền có thể thật, tịch là có thể dứt các việc ác minh là có thể gom góp các việc thiện, quyền là có thể tạo nhiều pháp hữu vi thật là có thể hiển hiện pháp vô vi, lớn lao thay Bát-nhã! Đạo Thánh nhân mà không có Bát-nhã thì không sáng, không thành tựu, việc trong thiên hạ mà chẳng

có Bát-nhã thì không hợp, không gánh vác nổi, chí nhân nhờ Bát-nhã để chấn chỉnh, không phải cũng sâu xa ư! Pháp của ta vì hàng thượng thượng căn âm nói là Thích hợp vật tầm thường mà trọng dụng thì có lỗi xưa nay âm thầm truyền trao gọi là mật thuyêt, một chẳng phải là không nói mà là thầm chứng, chân thật mà kín mật.

Người không hiểu pháp này mà vội hủy báng thì trăm kiếp ngàn đời đoạn chủng tánh Phật. Khi bổn tánh thì tích cũng chính nhân dân thì quá không xấu tiền thánh hậu thánh đã khởi như thế, đã thị hiện như thế đã tiềm phục như thế lớn lao thay! Trút vào như sông rộng thông suốt như hư không sáng soi như nhật nguyệt, vô ngại như hình bóng thứ tự như đàn chim hồng diệu và đắc được gọi là bổn. Suy và dụng được đắc gọi là tích. Chẳng phải bắt đầu mà bắt đầu gọi là nhân chẳng phải thành tựu mà thành tựu, gọi la qủa, quả không khác nhân thì gọi là chánh quả, nhân không khác quả thì gọi là chánh nhân tích tùy bổn gọi là đại dụng, bổn liên quan đến tích gọi là Đại thừa, thừa là pháp dụ của Thánh nhân, dụng là khởi giáo của Thánh nhân. Đạo của Thánh nhân chẳng gì bằng tâm, giáo của Thánh nhân chẳng gì bằng tu, điều thần vào đạo chẳng gì bằng nhất tướng, chỉ quán hướng thiện thành đức chẳng gì bằng nhất hạnh tam muội, trợ giúp tất cả định chẳng gì bằng vô niệm, thông suốt tất cả trí chẳng gì bằng vô trụ, sinh thiện diệt ác chẳng gì bằng vô tướng giới, đạo cao đức lớn hơn chẳng gì bằng tứ hoằng thệ nguyện, khéo xét lỗi lầm chẳng gì, bằng vô tướng sám, thú hướng chân chnáh chẳng gì bằng tam quy giới chánh đại Bát-nhã phát đại tín hành đại đạo chẳng gì bằng chí lớn. Cùng lý tận tánh trong thiên hạ chẳng gì bằng mật truyền, muội tâm không lỗi chẳng gì bằng không phỉ báng, định tuệ là nền tảng của đạo nhất hạnh tam muội là đầu mối của đức, tông của vô niệm là giải thoát, gốc của vô trụ là Bát-nhã, thể của vô tướng là pháp thân, vô tướng giới là giới cao nhất. Từ hoằng nguyện là nguyện cùng tột, vô tướng sám là sám chí thành, tám quý giới là quy hướng chân chánh, đại trí tuệ là mẫu mực lớn của Thánh phàm. Nói pháp cho hàng thượng thượng căn nghe là nói thẳng; Diệu tâm chẳng phải tu mà thành, chẳng phải chứng mới sáng mà vốn đã có, đã sáng; do mê nơi sáng muốn sáng lại vì thế phải chứng, do trái với thành muốn thành lại vì thế phải tu, chẳng phải thành mà lại thành nên gọi là chánh chứng; chí nhân ẩn thân không để người thấy được oai nghi, mà giới đức lại thanh cao; chí nhân Thị hiện tầm thường như không tu trì, mà đạo nghiệp lại hiển bày trong thiên hạ, bởi vì tu nơi chánh tu, chứng chỗ chánh chứng, thế mới nói: “không tu không chứng, chẳng nhân chẳng quả”, mà những lời xuyên

tạc vụn vặt làm sai lầm thâm ý của chí nhân. Ôi! Buông bỏ giới định tuệ thì chắc chắn sẽ rơi vào cái ra sao. Hơn thế nữa, loài hàm thức tâm mê đắm nông nổi, mà thức và nghiệp ảnh hưởng lẫn nhau chưa bao giờ tạm dứt, thế thì người và vật sống chen chút nhau giữa khoảng trời đất, ai có thể vượt qua nghiệp phận? Số được làm thân người chỉ là một trong vạn vạn, mà người tỉnh giác càng ít hơn nữa; Thánh nhân lo lắng về điều này nên giảng thuyết nhiều người lý, thế mà thiên hạ còn có chỗ chưa tỏ; Thánh nhân muốn cứu ướt điều này, nên dung nhiều cách để đối trị thế mà thiên hạ còn có chỗ chưa tĩnh; người hiền thì trí tuệ mê loạn kẻ bất tiếu thì bị ngu si che lấp còn người bình thường thì bị vô ký làm mờ tối, nên họ có các cảm giác khi mừng khi giận, khi buồn khi vui muôn thứ làm khuất lấp mập mờ như đi đêm mà chẳng biết về đâu. Còn đối với lời dạy của Thánh nhân thì hoặc phán đoán hoặc suy rộng như sương mù dày đặc mà lại trông xa thì người bảo có kẻ nói không hay chẳng có phải không có, hoặc cũng có cũng không vì bị che lấp mù mịt không thấy rõ nên suốt đời không hiểu biết đúng. Như biển là do nơi nước cá rồng sống chết trong biển là do nơi nước cá rồng sống chết trong biển mà lại không có nước; đạo là do nơi tâm con người suốt ngày nói đạo mà lại không thấy tâm, thương thay! Tâm chắc chắn vi diệu sâu mầu khó tỏ khó thấu, vì vậy Thánh nhân đã vắng bóng, tuy có kinh sách lưu truyền nhưng thiên hạ chẳng ai minh nghiệm được. Cho nên mới nêu tông chỉ của Đàn Kinh để chỉ thẳng tâm này, để thiên hạ biết được bản tánh như vẹt mấy mù liền thấy ngay trời xanh, như lên ngọn Tần Lĩnh là trông xa thấy rộng. Kinh Niết-bàn nói: “Đầu tiên từ ườn bạt đề trong khoảng 50 năm đó, chưa từng nói một chữ”. Là chỉ bày pháp không văn tự, là để ngăn ngừa đời sau chỉ cầu pháp văn tự, khi nói “y pháp không y nhân” y ngữ không y, ngữ “là vì nghĩa thật mà giữ giả; khi nói “y trí không y thức là vì trí thấu đạt còn thức thì vọng; nói “y kinh liễu nghĩa nói lý kinh bất liễu nghĩa” là vì kinh liễu nghĩa nói lý còn kinh bất liễu nghĩa nói sự, mà bồ tát nói đại Niết-bàn là tự thuyết đồng với kinh. Thánh nhân nói tứ y ra đời là để hộ trí chánh pháp nên cần phải chứng tri, vì cần phải chứng tri nên cần phải chứng tri vì cần phải chứng tri nên cần phải chứng tri nhân trụy gốc để chánh gọn vì tự thuyết đồng với kinh nên chí nhân nói kinh như kinh; vì y nghĩa y kinh liễu nghĩa nên chí nhân hiển thuyết thì hợp nghĩa hợp kinh; vì y pháp y trí nên trí nhân hợp kinh, vì để chỉ bày pháp không văn tự nân chí nhân âm thầm truyền pháp Thánh nhân như thế nên chí nhân cũng như thế.

Bậc chí nhân đầu tiên làm người tầm thường tự nói không biết chữ

đến khi thành Tổ thuyết pháp để hiển đạo cứu thé lại rất phù hợp với những lời dạy của đại Thánh nhân. Tuy đã nói thị tịch 400 năm mà giáo pháp của tổ lưu truyền khắp nơi vẫn không dứt mất, từ thánh hiền đến đế vương trải qua 30 đời cầu đạo càng thêm cung kinh ôi! Tổ Tuệ Năng đã đạt như thế, ta làm sao thấu hết được đạo, chỉ mong như loài muỗi móng dù uống chút mà biển cũng biết được vị mặn của biển mà thôi. Xin cúi đầu cung kính tuyên bày để lưu lại cho hàng hậu học. (347)

PHÁP LƯỢC TỰ

Nguyên văn chữ Hán của sa môn thích Pháp Hải
đời nhà Đường soạn

Đại sư tên Huệ Năng, cha họ Lư, tên huý là Hành Thao. Người mẹ họ Lý, sanh ra Sư nhằm giờ Tý, ngày mùng tám, tháng hai, năm Mậu Tuất, niên hiệu Trinh Quán thứ 12. khi ấy, hào quang chiếu sáng lên không trung, mì hương lạ toat lan đầy nhà. Đến tảng sáng, có hai vị tăng lạ mặt đến viếng, nói với người cha rằng: “Khuya nay ông vừa sanh quý tử, chúng tôi đến đây là để đặt tên cho cháu bé. Ông nên đặt trước là chữ Huệ (?), sau là chữ Năng (?).” Người cha hỏi: “Vì sao đặt tên là Huệ Năng?” Hai vị tăng đáp: “Huệ, nghĩa là đem Pháp mà bố thí cho chúng sanh; Năng, nghĩa là đủ sức làm nên Phật sự.”

Hai người nói rồi ra đi, chẳng biết đi đâu.

Sư không dùng sữa mẹ, đêm đêm có thần nhân nuôi bằng nước cam lộ.

Khi lớn lên, tuổi vừa hai mươi bốn. Ngài nghe kinh Kim Cang mà ngộ đạo, mới đến núi Hoàng Mai cầu đạo, được Ngũ Tổ trọng tài của Sư, trao y bát và truyền pháp, cho nối ngôi Tổ. Lúc ấy là năm đầu niên hiệu Long Sóc.

Ngài về phương Nam ẩn náu trong 16 năm, mang hình tướng của người thế tục. Qua năm đầu niên hiệu Nghi Phụng, nhằm ngày mùng tám tháng giêng. Ngài gặp pháp Sư Ấn Tông cùng luận bàn những ý nghĩa cao siêu huyền diệu. Ấn Tông tỉnh ngộ, hợp với ý Ngài, ngày rằm tháng ấy, pháp sư Ấn Tông nhóm hợp bốn chúng làm lễ xuống tóc cho Ngài. Ngày mùng tám tháng hai, pháp Sư lại nhóm họp các vị danh đức, làm lễ truyền giới cụ túc. Các vị truyền giới có ngài Trí Quang Luật Sư ở Tây Kinh (Trường An) làm thọ giới sư, ngài Huệ Tĩnh Luật sư ở Tô Châu làm Yết ma, ngài Thông Ứng Luật sư ở Kinh Châu làm Giáo Thọ, ngài kỳ đa la Luật sư ở Trung Thiên Trúc “làm Thuyết Giới, ngài Mật đa Tam Tạng ở nước Tây Trúc làm Chứng Giới. Giới đàn này là do ngài Cầu na Bạt đà la Tam Tạng hồi triều Lưu Tống sáng lập, có dựng bia đề rằng: “Sau này sẽ có vị Bồ tát hiện thân người phàm” mà thọ giới

nơi đây”. Lại nữa, năm đầu niên hiệu Thiên giám nhà Lương, Trí Dược pháp sư từ nước Tây trúc vượt biển sang đây, mang theo một cây Bồ-đề bên xứ ấy mà trồng kế bên đàn này, cũng có nói rằng: “về sau, khoảng 170 năm nữa, sẽ có vị Bồ tát hiện thân người phàm mà khai diễn pháp Thượng thừa dưới cội cây này, độ cho vô số chúng sanh, là vị Pháp chủ chân truyền tâm ấn của Phật vậy”.

Trong pháp hội này. Ngài chính thức cạo bỏ râu tóc, thọ giới Tỳ kheo, và vì bốn chúng mà khai thị pháp đại thừa Đốn giáo, mọi việc đều y như những lời dự báo từ trước.

Mùa xuân năm sau. Ngài từ giã bốn chúng mà về chùa Bảo Lâm ở Tào Khê. Ấn tống pháp sư và cả hai giới tăng tục theo tiễn chân có tới trên ngàn người, thẳng đến tận Tào Khê. Khi ấy, Thông Ứng Luật sư ở Kinh Châu với vài trăm người tu học cùng về nương theo Ngài. Ngài đến Bảo Lâm, Tào Khê, thấy nhà cửa thấp hẹp, chẳng đủ cho bốn chúng ăn ở. Muốn mở rộng ra, Ngài liền đến gặp một người trong làng là Trần Á Tiên mà nói rằng: “Lão tăng muốn đến thí chủ, cầu xin một chỗ đất để trải cái toạ cụ, không biết có được chăng?” Á Tiên hỏi: “Toạ cụ của Hoà thượng rộng chừng nào?” Tổ sư đưa toạ cụ ra cho xem. Á Tiên đồng ý. Tổ sư lấy toạ cụ giũ ra một cái, toả rộng phủ hết cả vùng Tào Khê, có bốn vị thiên vương hiện thân ngồi nơi gốc cây. Ngày nay, ở cảnh chùa ấy có núi Thiên Vương, là nhân chuyện này mà đặt tên. Á tiên nhìn thấy liền nói: “Nay tôi được biết pháp lực của hoà thượng thật là rộng lớn; có điều, mồ mả tổ tiên nhà tôi từ trước đến nay đều ở tại đất này. Nếu về sao có cất chùa dựng tháp, xin đừng huỷ hoại, còn ngoài ra xin cúng dường cả để mãi mãi dùng làm ngôi Tam Bảo, nhưng đất này là mạch đến của sanh long, bạch tượng, chỉ có thể làm bằng bên trên, chứ không nên làm bằng phía dưới.” Theo lời Á Tiên, mọi sự kiến thiết, xây dựng về sau đều tuân thủ như vậy.

Một hôm Tổ sư đi dạo chơi đến một chỗ cảnh vật tốt tươi, có suối nước, non cao, liền dừng nghĩ lại đó, bèn thành một nơi lan nhã, có cả thảy 13 cảnh như vậy, ngày nay gọi là Hoa Quả Viện. Còn tên gọi đạo tràng Bảo Lâm, là do trước đây ngài Trí Dược Tam Tạng nước Tây Trúc, khi từ Nam hải qua cửa Tào Khê, lấy tay vốc nước mà uống thấy thơm và ngon, lấy làm lạ mà bảo môm đồ của mình rằng: “Nước này với nước bên Tây Thiên không khác gì. Trên nguồn suối này ắt có thắng địa, cất chùa lên rất tốt”. Liền lần theo dòng suối mà đi lên nguồn, thấy bốn bề non nước quanh co, đèo rộng tốt lạ, khen rằng: “Thật không khác gì núi Bảo Lâm bên Tây Thiên!” Liền nói với cư dân thôn Tào Hầu rằng:

"Nơi đây nên cất một ngôi chùa. Sau này chừng một trăm bảy chục năm nữa, sẽ có pháp bảo vô thượng được diễn giảng ở đây, kẻ đắc đạo nhiều vô kể, nên đặt hiệu là Bảo Lâm."

Quan Mục Thiều Châu thuở ấy là Hầu Kính Trung đem lời ấy soạn biểu tâu lên triều đình, nhà vua chuẩn lời xin, ban cho tấm biển đề là Bảo Lâm, bởi đó mà thành một ngôi chùa to lớn. Việc ấy bắt đầu từ năm thứ 3 niên hiệu Thiên Giám.

Trước chùa có một cái hồ lớn, thường có một con rồng nổi lên, thân hình to lớn quấn quanh, làm hại cây cối trong rừng. Một ngày kia, nó hiện hình rất lớn, quẫy đạp sóng dậy tràn lên, mây mưa mù mịt, khiến tăng chúng đều sợ hãi. Tổ sư ra nạt con rồng rằng: "Ngươi chỉ hiện được hình lớn, chẳng hiện được hình nhỏ. Nếu là rồng thần biến hoá được, lẽ ra nên từ nhỏ thành lớn, từ lớn thành nhỏ được mới phải." Ngài nói xong, con rồng ấy liền lặn ngay xuống, giây lâu hiện lên thân hình rất nhỏ bé, nhảy nhót trên mặt hồ. Tổ sư mở bình bát ra, hỏi rằng: "Ngươi có dám nhảy vào cái bát của lão tăng đây không?"

Con rồng bèn lượn quanh, rồi chập chờn đến trước Tổ Sư, Ngài lấy cái bát úp lại, con rồng chẳng cựa quậy gì được nữa. Sư liền mang bát trở lên chùa, thuyết pháp với rồng. Rồng bèn thoát xác mà đi, bỏ lại bộ xương dài chừng bảy tấc; đầu, đuôi, sừng, chân đều đủ cả, tương truyền là vẫn để ở cửa chùa. Sau này, Tổ sư sai lấy đất đá lấp cái hồ ấy, ngày nay ở trước đền, phía bên trái có cây tháp sắc, tức là chỗ đó vậy.

Bài Tựa Kinh Pháp Bảo Đàn

(Bài tựa này phân làm năm đoạn: đoạn thứ nhất thuật việc Phật tổ truyền thừa Chánh pháp cho tới Tổ Đạt ma, sang làm sơ Tổ bên Trung Hoa. Đoạn thứ nhì thuật từ Nhị Tổ truyền xuống tới Lục Tổ để nêu rõ duyên khởi của Kinh Pháp Bảo Đàn. Đoạn thứ ba thuậtviệc môn đệ nối pháp của Đại sư đều do Kinh này mà ra. đoạn thứ ta, thuật chỗ huyền diệu chánh trực của Kinh này. Đoạn thứ năm, thuật cái duyên do truyền rộng Kinh này ra khắp nơi.)

Cổ Duân Tỳ Kheo Đức Dị soạn:

1. Đạo mầu nhiệm huyền diệu chẳng thể nghĩ bàn chỉ kẻ quên lời, được ý, mới hiểu được rõ ràng. Cho nên Thế Tôn phân hai chỗ ngồi ở trước tháp Đa Tử mà mời đức Ca Diếp ngồi. Ngài cầm đoá hoa ở hội Linh Sơn đưa ra, duy chỉ có Ca Diếp hiểu ý Ngài, đó cũng là lửa tiếp nối lửa, đem tâm ấn vào tâm. Đạo Thiền từ phương Tây truyền thừa 28 đời tới Bồ-đề Đạt ma qua phương Đông làm sơ Tổ, chỉ thẳng vào tâm người, thấy tánh thành Phật.

2. Có ngài Huệ Khả Đại sư, nghe pháp của Đạt ma thời ngộ nhập, sụp lạy ba lạy, đắc đạo thâm sâu như đến tận xương tuỷ, nhận y bát nối dòng làm Tổ thứ hai, truyền lại mối đạo của Sơ Tổ, mở rộng chánh tông, dần xuống Tổ thứ ba là Tăng Xán, Tổ thứ tư là Đạo Tín, Tổ thứ năm là Hoằng Nhẫn. Trong chúng hội theo Ngũ Tổ, số cao tăng cả thảy là bảy trăm, duy có vị cư sĩ Phụ Thung nhân một bài kệ mà được trao y bát làm Tổ đời thứ sáu. Về miền Nam ẩn dật trong mười mấy năm, một ngày kia Tổ Sư gặp pháp sư Ấn Tông, nhân thuyết lý "chẳng phải gió làm chuyển động lá phướn" Tổ sư mới khai mở chánh kiến cho Ấn Tông. Từ đó, Ngài cắt tóc, lên đàn, ứng lời huyền ký của Bạt đà la, khai mở pháp môn tại chùa Đông Sơn. Vi sứ quân nhờ Hải Thiền sao lục những lời của ngài, lấy tên là Pháp Bảo Đàn Kinh.

3. Đại sư bắt đầu giảng pháp ở thành Ngũ Dương, sau đến Tào Khê, ở đó thuyết pháp trong 37 năm. Những kẻ thấm mùi cam lộ, nhập thánh siêu phàm chẳng biết nhiêu mà kể. Những kẻ ngộ Phật tâm tông, việc làm và chỗ hiểu phù hợp với nhau, làm người đại tri thức, tên tuổi được đưa vào Truyền Đăng Lục thời có Nam Nhạc, Thanh Nguyên, truyền lại cho các ngài Mã Tổ, Thạch Đầu, cơ trí viên minh, huyền phong dậy động, lại truyền xuống các vị Lâm Tế, Quy Ngưỡng, Tào Sơn, Động Sơn, Vân Môn, Pháp Nhãn, hiển hiện cao vọi, đạo đức tốt vời, môn đinh cao hiển, mở dẫn anh linh nạp tử, phấn chí xung động cửa huyền, một cửa vào sâu, năm phái đồng nguồn, trải khắp lò đe, quy mô rộng lớn. Nguyên cái cương yếu của năm nhà kể trên đây đều do ở Đàn Kinh mà ra.

4. Đàn Kinh là lời giản yếu mà nghĩa rộng trải, lý rõ ràng, việc tường tận, đủ cả vô lượng pháp môn chư Phật; mỗi pháp môn lại đủ cả vô lượng diệu nghĩa; mỗi diệu nghĩa lại phát huy vô lượng diệu lý của chư Phật. Tức là lầu các của đức Di Lặc, tức là lỗ chân lông của ngài Phổ Hiền. Ai khéo vào, liền đồng với Thiện Tài, trong một giây nghĩ mà có trọn đủ công đức, ngang với Bồ tát Phổ Hiền, đồng với chư Phật.

5. Tiếc một điều là Đàn Kinh bị người sau lược bỏ quá nhiều, chẳng nêu được ý đại toàn của Lục Tổ. Đức Dị này khi tuổi nhỏ thường được thầy bán văn xưa, từ đó về sau tìm kiếm khắp nơi hơn ba mươi năm mà chẳng được. Gần đây, nhờ ngài Thông Thượng nhân tìm thấy toàn văn bèn khắc bản in lại tại Hưu Hưu Thiền am bên nước Ngô, với các vị thắng sĩ cùng nhau sử dụng.

Chỉ ước mong chư vị mở sách này ra, đưa mắt xem liền thẳng đến biển trí tuệ Đại Viên giác, nối với tuệ mạng vô cùng của chư Phật, Tổ.

Như vậy là chí nguyện của tôi được viên mãn.

Tháng hai năm Canh Dần Niên hiệu Chí Nguyên thứ 27 Tỳ Kheo Đức Dị

Kính cẩn đề tựa.

PHẨM THỨ NHẤT
NGUYÊN DO HÀNH TRẠNG

Thuở ấy đại sư đến chùa Bảo Lâm, quan Thứ sử họ Vi ở Thiều Châu cùng các thuộc viên vào núi thỉnh. Sư liền khai duyên thuyết pháp ở giảng đường nơi Chùa Đại Phạm trong thành. Sư lên toà, quan Thứ sử và thuộc viên hơn ba mươi người; tăng ni cư sĩ, đạo sĩ, hơn ngàn người đồng làm lễ, xin nghe điều cốt yếu của pháp Phật. Đại sứ nói với chúng rằng:

“Chư thiện tri thức! Tự tánh Bồ-đề vốn thanh tịnh chỉ dùng tâm này là đủ thành Phật.

“Chư thiện tri thức! Hãy nghe nguyên do đắc pháp của Huệ Năng này. Cha Huệ Năng quê ở Phạm Dương, làm quan bị giáng, đày ra xứ Lãnh Nam làm dân thường ở Tân Châu. Thân phận không may, cha lại mất sớm, mẹ già côi cút. Mẹ con dời qua xứ Nam Hải, đắng cay nghèo thiếu, bán củi ở chợ.

“Khi ấy có một người khách mua củi, bảo mang đến nhà. Khách nhận củi, Huệ Năng được tiền, lui ra ngoài cửa, chợt nghe một người tụng kinh. Huệ Năng thoáng nghe lời kinh, tâm liền khai ngộ, bèn hỏi xem khách tụng kinh gì. Khách đáp: “Kinh Kim Cang” lại hỏi: “Ngài học kinh ấy ở đâu?” Khách đáp rằng: “Tôi từ chùa Đông Thiền huyện Hoàng Mai, Kỳ Châu lại đây. Chùa ấy là nơi Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn Đại sư đang giáo hoá, môn đồ hơn ngàn người. Tôi đến đó lễ bái, nghe giảng và thọ trì Kinh này. Đại sư vẫn thường khuyên người xuất gia, tại gia thọ trì Kinh này, sẽ tự thấy tánh thành Phật.” Huệ Năng nghe lời ấy, lại cũng nhờ đời trước có duyên, nên được người giúp cho mười lượng bạc, bảo dùng cấp dưỡng cho mẹ già lại khuyên nên qua huyện Hoàng Mai tham lễ Ngũ Tổ. Huệ Năng sắp đặt cho mẹ xong, liền từ giã mà đi. Chưa đầy một tháng đã đến Hoàng Mai, lễ bái Ngũ Tổ. Tổ hỏi rằng: “Nhà ngươi là người phương nào? Muốn cầu việc chi?” Huệ Năng thưa: “Đệ tử là dân Tân Châu, Lãnh Nam Đường xa đến đây lễ Tổ, chỉ cầu làm Phật chớ chẳng cầu chi khác.”

“Tổ nói: “Ngươi dân Lãnh Nam, lại là thiểu số mường mán, làm Phật sao được?” Huệ Năng thưa: “Người có kẻ Nam người Bắc, Phật tánh vốn không Nam Bắc. Thân mường mán này với thân Hoà thượng tuy có khác, nhưng Phật tánh có chi khác biệt?”

“Ngũ Tổ còn muốn nói với nữa, nhưng thấy đồ chúng vây quanh, liền bảo Huệ Năng theo chúng mà làm phận sự. Huệ Năng thưa: “đệ tử

tự tâm thường sanh trí tuệ, chẳng rời tự tánh, tức là phước điền, chẳng hay Hoà thượng dạy làm việc chi?” Tổ nói: “Tên mọi này căn tánh lanh lợi quá! Thôi đừng nói nữa, hãy đi xuống chỗ làm việc đi.”

“Huệ năng lui ra nhà sau, có người sai bửa củi giả gạo, trải qua hơn tám tháng. Ngày kia. Tổ chợt thấy Huệ Năng, bảo rằng: “Ta thấy chỗ biết của ngươi có thể dùng được, nhưng e có kẻ ác hại ngươi, cho nên chẳng nói với ngươi, ngươi có biết không?” Huệ Năng bạch rằng: “Đệ tử biết ý Tổ, nên chẳng dám ra phía trước, để người đừng hay biết.”

“Một ngày kia, Tổ gọi các môn đồ lại đông đủ mà dạy rằng: Các ngươi nghe ta bảo đây. Người đời sanh tử là việc lớn, các ngươi suốt ngày chỉ lo cầu việc phước mà chẳng cầu ra khỏi biển khổ sanh tử. Tánh mình nếu mê, phước nào cứu đặng? Các ngươi hãy lui ra, tự quan sát trí tuệ, lấy tánh Bát-nhã nơi bản tâm mình, mỗi người làm một bài kệ đem trình ta xem. Nếu ai ngộ đạo, ta sẽ truyền pháp và y cho làm Tổ thứ sáu. Phải nhanh chóng lên, chẳng được chậm trễ. Nếu còn phải suy nghĩ là chẳng phải chỗ dùng được. Nếu thật người thấy tánh, vừa nghe lời nói liền phải thấy ngay. Người như vậy, cho dù có vung đao ra trận cũng vẫn thấy biết.”

“Đồ chúng nghe lời, lui ra, bảo nhau rằng: Bọn ta chẳng cần phải lắng lòng dụng ý viết kệ trình Hoà thượng làm chi. Thượng toạ Thần Tú hiện là Giáo thọ, ắt là sẽ được. Bọn ta có làm kệ cũng chỉ uổng tâm lực mà thôi!” Rồi tất cả đều buông xuôi, tự nghĩ rằng: “Từ đây về sau, chũng ta chỉ cần nương theo Sư Thần Tú, còn phải phiền lòng làm kệ mà chi?”

“Thần Tú thì lại suy nghĩ: Mọi người chẳng làm kệ, vì ta đây đối với họ là thầy Giáo thọ. Còn như ta lại cần phải làm kệ trình Hoà thượng. Vì nếu chẳng trình kệ Hoà thượng làm sao biết chỗ hiểu biết trong lòng ta sâu cạn thế nào? Ý ta trình kệ, vì cầu pháp tức là việc tốt, nếu vì cầu ngôi Tổ tức là việc xấu, cũng như tâm phàm phu muốn đoạt ngôi Thánh, có khác gì nhau? Mà nếu chẳng trình kệ, rốt cuộc lại chẳng được Pháp. Thật là khó lắm, khó lắm!”

“Trước phòng Ngũ Tổ có ba gian mái hiên, ngài định mời quan Cung phụng là Lư Trân vẽ biến tướng Kinh Lăng già và biểu đồ truyền thừa năm vị Tổ để lưu truyền cúng dường. Thần Tú làm kệ xong, mấy phen muốn đem trình, cứ lên đến trước thềm thì trong lòng hoảng hốt, mồ hôi ra khắp mình, muốn trình mà chẳng được. Trải qua bốn ngày, đến mười ba lần như vậy, chẳng trình kệ được! Tú bèn suy nghĩ: “Chi

bằng viết vào vách dưới mái hiên, khiến cho Hoà thượng xem thấy. Nếu Ngài bảo là hay, thì ta ra lễ bái, nhận là mình làm. Còn nếu Ngài bảo là chẳng được, thì thật uổng công bao năm ở núi, nhận sự lễ bái của người, còn tu hành gì nữa?"

"Nghĩ vậy canh ba đêm ấy chẳng cho ai biết, tự mình cầm đèn đến viết bài kệ lên vách mái hiên phía nam trình chỗ hiểu biết trong tâm mình. Kệ rằng:

Thân là cây Bồ-đề
Tâm như đài gương sáng.
Thường siêng lau siêng rửa
Chớ để bám bụi nhơ.

"Thần Tú viết kệ rồi, lui về phòng, không ai hay biết. Lại suy nghĩ rằng: "Ngày mai, Ngũ Tổ thấy kệ mà vui mừng, tức là ta có duyên với Pháp. Còn nếu Ngài bảo chẳng được, tức là ta ngu mê, nghiệp chướng còn nặng chẳng thể đắc Pháp. Ý Thánh thật khó lường!" Ở trong phòng suy tưởng mãi, nằm ngồi chẳng yên, cho đến tận canh năm.

"Tổ vốn đã biết là Thần Tú chưa được đạo, chẳng thấy tự tánh.

"Sáng ra, Tổ mời quan Cung phụng họ Lư đến chỗ vách tường mái hiên phía Nam để vẽ biểu đồ. Chợt thấy bài kệ ấy, liền bảo rằng: " Quan Cung phụng chẳng cần vẽ nữa. Thật đã làm nhọc ngài từ xa đến đây! Kinh nói: "Những gì có hình tướng đều là hư vọng". Chỉ cần lưu lại bài kệ này cho người trì tụng. Y theo kệ này tu khỏi đoạ nẻo ác, y theo kệ này tu, được lợi ích lớn. Nói rồi sai môn nhân đốt hương lễ kính, bảo mọi người đều nên tụng kệ này. Môn nhân tụng kệ đều khen: "Hay lắm thay!"

"Khoảng canh ba, Tổ gọi Thần Tú vào phòng, hỏi rằng: "Kệ của ngươi làm phải không?" Thần Tú nói: "Thật là Tú này làm, chẳng phải dám vọng cầu ngôi Tổ, chỉ mong Hoà thượng từ bi xem coi có chút trí tuệ nào hay không?"

"Tổ nói: "Ngươi làm kệ này chưa thấy được bản tánh chỉ như đến ngoài cửa, chưa vào được trong. Như đem chỗ hiểu biết ấy mà cầu đạo Vô thượng Bồ-đề thì quyết chẳng thể được. Vô thượng Bồ-đề vốn tự bản tâm thấy tự bản tánh, chẳng sanh chẳng diệt. Bất cứ lúc nào, niệm tưởng nào cũng đều tự thấy biết, muôn pháp không ngăn ngại, một pháp chân thật thì hết thảy pháp đều chân thật muôn cảnh tự như như. Tâm như như đó tức là chân thật. Nếu thấy biết được như vậy, tức là tự tánh Vô thượng Bồ-đề. Ngươi nên lui về suy nghĩ trong một hai ngày nữa, làm một bài khác trình ta xem. Nếu kệ của ngươi vào được trong cửa,

ta sẽ truyền pháp và y."

"Thần Tú làm lễ lui ra. lại qua dài ngày, làm kệ chẳng được. Trong lòng hoảng hốt, tâm thần chẳng yên, mơ màng như trong mộng, lúc đi lúc ngồi đều chẳng được vui.

"Hai hôm sau, có một chú tiểu đi ngang qua chỗ giả gạo, tụng bài kệ của Thần Tú. Huệ Năng vừa nghe qua, biết ngay bài kệ ấy chưa thấy được bản tánh. Tuy chưa được dạy dỗ giáo pháp, nhưng đã sớm biết đại ý. Liền hỏi chú tiểu rằng: "Người tụng kệ gì vậy?"

"Chú tiểu nói: Gã mường mán này, thật không biết gì sao? Đại sư có nói: Người đời sanh tử là việc lớn. Ngài muốn truyền pháp và y, nên dạy môn đồ làm kệ trình. Nếu ai ngộ được đại ý. Ngài sẽ trao y và pháp, cho làm Tổ thứ sáu. Thượng toạ Thần Tú viết bài kệ Vô tướng trên vách tường hiên phía Nam. Đại sư bảo mọi người đều nên tụng, tu theo kệ ấy khỏi doạ nẻo ác, tu theo kệ ấy, có lợi ích lớn."

"Huệ Năng nói: Này thượng nhân! Tôi giả gạo nơi đây hơn tám tháng rồi, chưa hề lên tới trước chùa. Mong được thượng nhân dẫn tôi tới trước bài kệ đó để lễ bái.

"Chú tiểu dẫn đến lễ bái trước bài kệ. Huệ Năng nói: "Huệ Năng không biết chữ, xin thượng nhân đọc giùm cho nghe."

"Khi ấy, có quan Biệt giá! Giang Châu họ Trương, tên Nhật Dụng cao giọng đọc lên. Huệ Năng nghe rồi liền nói: "Tôi cũng có một bài kệ, mong được quan Biệt giá viết giùm tôi."

"Biệt giá nói: "Ngươi cũng làm kệ, thật là việc ít có!"

"Huệ Năng nói với quan Biệt giá: "Muốn học đạo Vô thượng Bồ-đề, chẳng nên khinh người mới học. Người thấp hèn có khi có trí tuệ cao thượng, người cao thượng có khi không trí tuệ. Nếu khinh người mắc tội không kể xiết!"

"Biệt giá nói: "Người chỉ việc đọc kệ đi, ta viết giùm cho. Nếu người đắc Pháp, nên tiếp độ ta trước, chớ quên lời. Huệ Năng đọc kệ rằng:

Bồ-đề vốn chẳng phải cây
Gương sáng cũng chẳng phải đài.
Xưa nay vốn không một vật,
Chỗ nào bám được bụi nhơ?

"Viết bài kệ xong, đồ chúng đều kinh hãi, ai nấy sửng sốt bảo nhau rằng: "Lạ thay! Thật là không thể lấy vẻ ngoài để xét đoán người! Sao lâu nay chúng ta lại dám sai khiến vị Bồ tát xác phàm này?"

"Tổ thấy mọi người kinh động, e có kẻ làm hại Huệ Năng, bèn lấy

chiếc dép chà xoá bài kệ ngay đi và nói rằng: “Cũng chưa thấy tánh, Đồ chúng đều nghe vậy.

“Hôm sau, Tổ đến chỗ giả gạo, thấy Huệ Năng lưng đeo đá, giả gạo, bảo rằng: “Người cầu đạo, vì pháp quên mình đến thế sao?” Lại hỏi: “Gạo đã trắng chưa?” Huệ Năng thưa: “Gạo trắng đã lâu, còn thiếu cái sàng gạo.” Tổ liền dùng gậy gõ lên thành cối ba cái rồi đi.”

“Huệ Năng hiểu ý Tổ, trống canh ba vào thất. Tổ lấy áo cà sa che quanh, chẳng cho ai trong thấy, rồi giảng kinh kim cang cho nghe. Đến câu “Nên sanh tâm từ nơi chỗ chẳng trụ vào đâu cả. Huệ Năng vừa nghe liền đại ngộ, hiểu rằng hết thảy muôn pháp chẳng rời tự tánh Liền bạch Tổ rằng: “Ngờ đâu tự tánh vốn tự thanh tịnh. Ngờ đâu tự tánh vốn chẳng sanh diệt. Ngờ đâu tự tánh vốn tự đầy đủ. Ngờ đâu tự tánh vốn chẳng lay động. Ngờ đâu tự tánh sanh ra muôn pháp.”

“Tổ biết là đã ngộ bản tánh, nên bảo Huệ Năng rằng: “Chẳng biết bản tâm, học pháp vô ích. Nếu tự biết bản tâm, tự thấy bản tánh, tức là bậc Trượng phu; là thầy của hàng trời, người, là Phật.”

“Thọ pháp vào canh ba, chẳng ai hay biết. Tổ truyền pháp Đốn giáo và y bát, bảo rằng: “Nhà ngươi làm Tổ đời thứ sáu, khéo tự giữ gìn, rộng độ chúng sanh,lưu truyền đạo lý cho đời sau, đừng để tuyệt mất. Hãy nghe kệ ta đây:

Tình khởi nên gieo giống,
Vòng nhân quả loanh quanh.
Không tình cũng không giống
Không tánh cũng không sanh.

“Tổ lại nói: Thuở xưa, Đại sư Đạt ma mới đến đất này, lòng người chưa tin, nên truyền y này như vật làm tin, đời đời truyền nối. Còn truyền pháp tất phải lấy tâm truyền tâm, khiến cho tự ngộ, tự chứng. Từ xưa, chư Phật chỉ truyền bản thể, chư Tổ ngầm nối bản tâm. Y là đầu mối sanh ra tranh đoạt, đến ngươi không nên truyền nữa. Nếu truyền y này thì nguy đến tánh mạng. Ngươi nên đi mau đi, kẻo có người làm hại. Huệ Năng thưa hỏi: “Giờ biết đi đâu?” Tổ đáp: “Gặp Hoài thì ngừng; gặp Hội thì ẩn”.

“Huệ Năng nhận y bát đang lúc canh ba, thưa với Tổ rằng: “Huệ Năng người miền Nam, không thông thạo đường đi ở núi này, làm sao ra được đến cửa sông?” Tổ đáp: Ngươi chẳng phải lo, ta tự đưa ngươi đi.

“Tổ đưa ra đến bến Cửu Giang, bảo Huệ Năng lên thuyền. Ngài tự cầm chèo mà chèo đi. Huệ Năng thưa: Xin Hoà thượng ngồi, để đệ tử chèo. Tổ nói: “Ta nên độ ngươi sang sông.” Huệ Năng thưa: khi mê

thầy độ, ngộ rồi thì tự độ. Độ tuy là một tiếng, mà chỗ dùng chẳng giống nhau. Huệ Năng sanh nơi biên địa, giọng nói không chuẩn, được nhờ Thầy truyền pháp, nay đã ngộ rồi, chỉ nên tự độ."

"Tổ nói: "Đúng vậy, đúng vậy! Pháp Phật từ nay về sau do ngươi mà rộng truyền. Ngươi đi rồi, ba năm sau ta sẽ bỏ cõi thế. Ngươi đi may mắn, gắng sức về phương Nam. Nên ẩn nhẫn, chớ vội vàng giảng pháp, pháp Phật sẽ khó mà sanh khởi."

"Huệ Năng từ biệt Tổ, hướng phương Nam mà đi. Ngũ Tổ quay về, luôn mấy ngày chẳng lên giảng đường. Môn đồ nghi hoặc, gặn hỏi Ngài: "Chẳng hay Hoà thượng có bệnh hoạn sầu não vì chăng?"

"Ngài đáp: Ta không bệnh, nhưng y pháp đã về phương Nam rồi."

"Chúng đệ tử lại hỏi: Ai được truyền thọ?"

"Ngài đáp: Huệ Năng được"

"Lúc ấy đồ chúng mới biết. Liền có vài trăm người đuổi theo, muốn cướp y bát. Trong số đó có một vị tăng tên Huệ Minh, họ Trần, trước đây từng giữ chức quan võ hàng tứ phẩm, tánh tình thô bạo, hết sức đuổi tìm. Ông này cầm đầu cả bọn, đuổi riết trong hai tháng, tới núi Đại Sưu thì bắt kịp.

"Huệ Năng đặt y bát trên một hong đá mà nói rằng: Áo này là vật làm tin, há dùng sức mà tranh được sao?"

"Huệ Năng ẩn vào cỏ rậm. Huệ Minh đuổi tới, đưa tay nhận lấy y bát, nhấc lên không được, liền kêu lên rằng: "Hành giả, hành giả! Tôi thật vì pháp, chẳng phải vì y mà đến đây."

"Huệ Năng bước ra, lên ngồi trên hòn đá. Huệ Minh lễ bái, nói: Mong được ngài vì tôi mà thuyết pháp. Huệ Năng nói: Nếu ông đã vì pháp mà đến đây, vậy nên dứt bỏ hết các duyên, chớ sanh niệm tưởng, ta sẽ vì ông mà giảng rõ, một lúc lâu sau. Huệ Năng mới nói: Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, ngay trong lúc ấy, mặt mũi xưa nay của Thượng toạ Minh là gì?"

"Huệ Minh nghe qua đại ngộ, lại hỏi: Ngoài lời kín đáo, ý bí mật đó, còn có bí mật nào khác nữa chăng?. Huệ Năng đáp: Đã nói ra với ông, tức chẳng phải bí mật. Nếu ông tự soi xét lại mình, thì chỗ bí mật chính ở nơi ông. Huệ Minh nói: "Tôi tuy ở chỗ Hoàng Mai nhưng thật chưa tự nhận ra mặt mũi của mình. Nay nhờ ngài chỉ dạy cho, như người uống nước, nóng lạnh tự nhận ra. nay ngài chính là thầy của Huệ Minh này vậy. Huệ Năng nói: Nếu ông được như vậy, thì ta với ông cùng một thầy là Tổ Hoàng Mai, nên khéo tự giữ gìn. Huệ Minh lại hỏi: Từ nay

Huệ Minh biết đi đâu? Huệ Năng nói: Đến Viên thì dừng, gặp Mông thì ở. Huệ Minh lễ bái từ biệt.

"Huệ Năng sau đến Tào Khê, lại bị kẻ ác đuổi tìm, bèn lánh nạn trong đoàn thợ săn nơi huyện Tứ Hội, trải qua mười lăm năm, thường khi tuỳ nghi thuyết pháp với bọn thợ săn. Thợ săn thường sai giữ lưới, mỗi khi có thú vướng vào thì lén thả ra hết. Đến bửa cơm, chỉ ăn rau luộc chung trong nồi thịt. Hoặc có kẻ hỏi, liền đáp rằng: Chỉ ăn rau luộc bên thịt được rồi."

"Một ngày kia, tự nghĩ đã đến lúc hoằng pháp, không nên ẩn lánh nữa. Liền đi qua Quảng Châu, đến chùa Pháp Tánh, gặp lúc Ấn Tông Pháp sư đang giảng Kinh Niết Bàn. Khi ấy, trong chúng có hai vị tăng bàn cãi chuyện gió và phướn. Một vị nói: "Gió động". Vị kia nói "Phướn động". Bàn cãi hồi lâu chẳng dứt, Huệ Năng bước đến nói rằng: "Chẳng phải gió động, chẳng phải phướn động, ấy là tâm các ông động". Cả chúng nghe đều kinh hãi.

"Ấn Tông liền thỉnh ngồi trên, hỏi nghĩa sâu kín Thấy Huệ Năng nói lời giảng dị mà lý chánh đáng, chẳng theo văn tự, Ấn Tông mới nói: "Ngài chắc chắn không phải người thường! Từ lâu vẫn nghe y pháp của Tổ Hoàng Mai đã về phương Nam, chắc là ngài đây chăng?"

"Huệ Năng nói không dám".

"Ấn Tông liền làm lễ, xin đưa y bát ra cho đại chúng xem. Ấn Tông lại hỏi: Ý chỉ truyền trao của Ngài Hoàng Mai như thế nào?" Huệ Năng đáp: "Trao nhận tức là không, chỉ luận việc thấy tánh, không luận bàn thiền định giải thoát."

"Tông hỏi: "Sao chẳng luận bàn thiền định giải thoát?"

"Huệ Năng đáp: Vì là pháp phân biệt đối đãi, chẳng phải pháp Phật. Pháp Phật là pháp không phân biệt đối đãi".

"Tông lại hỏi: "Thế nào là pháp Phật không phân biệt đối đãi?" Huệ Năng đáp: "Pháp sư giảng kinh Niết bàn, làm rõ Phật tánh, ấy là pháp Phật không phân biệt đối đãi. Như khi Cao Quý Đức Vương Bồ tát hỏi Phật rằng: "Những kẻ phạm bốn giới cấm nặng, làm năm tội nghịch và bọn nhất xiển đề có dứt mất thiện căn, tánh Phật hay không?" Phật đáp: "Thiện căn có hai: một là thường, hai là vô thường. Tánh Phật chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, nên không thể dứt mất." Đó là không phân biệt đối đãi. Lại nữa, một là thiện, hai là bất thiện, tánh Phật chẳng phải thiện, chẳng phải bất thiện, như vậy là không phân biệt đối đãi. Các uẩn và giới, phàm phu thấy có phân biệt, kẻ trí hiểu rõ tánh thật không phân biệt. Tánh thật không phân biệt ấy là tánh Phật. Ấn

Tông nghe giảng giải, vui mừng chắp tay nói rằng: Lũ chúng tôi giảng kinh dường như ngói, sỏi, còn Ngài luận nghĩa thật như vàng rồng!”

“Liền đó, Ấn Tông cạo tóc cho Huệ Năng, nguyện thờ làm thầy. Huệ Năng dưới cây Bồ-đề nơi ấy mà khai mở Pháp môn Đông Sơn.

“Huệ Năng này đắc pháp ở Đông Sơn, từng chịu đủ mùi cay đắng, tánh mạng mong manh như sợi tơ treo. Ngày nay cùng sứ quân và các quan viên, tăng, ni, đạo, tục đồng trong hội này. Nếu các vị chẳng nhờ duyên lành, từ nhiều kiếp xa xưa, từng trong quá khứ cúng dường chư Phật, gieo trồng căn lành, làm sao lại được nghe nhân duyên đắc pháp Đốn giáo như ta vừa kể?

“Giáo pháp là do các vị Thánh trước đây truyền lại chẳng phải tự do trí Huệ Năng biết được. Nguyện cho những ai nghe giáo pháp này, đều được thanh tịnh trong tâm. Nghe rồi đều tự dứt lòng nghi, đồng như Thánh nhân không khác”.

Hết thảy chúng hội nghe Pháp, thảy đều vui mừng làm lễ lui ra.

PHẨM THỨ HAI
BÁT- NHÃ

Hôm sau, Vi sứ quân lại thỉnh thuyết pháp nữa. Sư lên toà, bảo đại chúng: "Mọi người nên định tâm niệm câu: Ma Ha Bát-nhã Ba-la-mật đa."

Rồi sư dạy rằng: "Các vị thiện tri thức! Trí Bát-nhã Bồ-đề, người đời vốn tự có. Chỉ bởi tâm mê, không thể tự thấy, nên phải nhờ bậc đại thiện tri thức chỉ ra mới thấy tánh. Nên biết rằng, người ngu kẻ trí đều sẵn có tánh Phật, chẳng khác chi nhau. Chỉ bởi mê, ngộ chẳng đồng nhau, cho nên mới có người ngu, kẻ trí. Nay ta vì chư vị nói pháp Ma ha Bát-nhã Ba-la-mật, khiến cho mọi người đều được trí tuệ. Hãy chú tâm nghe cho kỹ!

"Các vị thiện tri thức! Người đời cả ngày miệng niệm Bát-nhã mà chẳng biết Bát-nhã là tự tánh của mình, cũng như chỉ nói ăn, thật chẳng được no. miệng chỉ nói lẽ không, muôn kiếp chẳng được thấy tánh, rốt cuộc chẳng ích lợi gì.

"Các vị thiện tri thức! Ma ha Bát-nhã Ba-la-mật là tiếng Phạn, nghĩa là Trí tuệ lớn tới bờ bên kia. Việc ấy do nơi thực hành ở tâm, chẳng do miệng niệm. Miệng niệm mà tâm chẳng thực hành, cũng như huyễn hoá, như sương móc, điện chớp. Miệng niệm tâm thực hành, tất tâm với miệng hợp nhau; bản tánh là Phật, lìa tánh ra không có Phật nào khác.

"Sao gọi là Ma ha? Ma ha nghĩa là lớn. Tâm lượng rộng lớn như hư không, không bờ bến, cũng không vuông tròn, lớn nhỏ, xanh vàng đỏ trắng. Cũng không trên dưới ngắn dài. Cũng không giận, mừng, phải, quấy; không lành dữ, không đầu đuôi, cho đến các cõi thế giới chư Phật đều là hư không. Tánh linh diệu của người đời vốn là không, không một pháp nào có thể đắc. Tự tánh của chân không, lại cũng như vậy.

"Các vị thiện tri thức! Cũng đừng nghe ta thuyết không mà liền chấp lấy lẽ không. Đây là đều quan trọng nhất. Nếu lấy tâm không mà ngồi thiền, tức vướng mắc vào chỗ tâm không không nghĩ nhớ.

"Các vị thiện tri thức! Cõi thế giới hư không bao hàm thể sắc, hình tượng muôn vật: mặt trời, mặt trăng, tinh tú, núi sông, đất đai, suối nguồn, khe rạch, cỏ cây, rừng rậm, kẻ ác, người hiền, pháp lành, pháp dữ, thiên đường, địa ngục, hết thảy biển cả, núi non... thảy đều nằm trong hư không. Tánh không của người đời lại cũng như vậy.

"Các thiện tri thức! Tự tánh bao hàm muôn pháp, nên gọi là lớn.

Muôn pháp ở trong tánh người. Nếu thấy hết thảy kẻ ác người hiền mà lòng không vướng mắc, cũng chẳng chê bỏ, cũng chẳng đắm nhiễm, tâm như hư không, như vậy là lớn, nên nói là Ma ha.

"Các vị thiện tri thức! Người mê chỉ nói miệng, người trí tâm thực hành. Lại có người mê giữ tâm mà ngồi thiền, đối với trăm việc đều không nghĩ đến, tự xưng là lớn. Những người như thế, chẳng thể cùng luận bàn, vì họ đã rơi vào tà kiến.

"Các vị thiện tri thức! Tâm lượng rộng lớn, biến khắp Pháp giới. Dùng đến thì rành rẽ phân minh, ứng dụng liền biết hết thảy. Hết thảy là một, một là hết thảy. Đến đi tự do. Tâm không ngăn ngại, tức là Bát-nhã.

"Các vị thiện tri thức! Hết thảy trí Bát-nhã đều do tự tánh sanh ra, chẳng từ ngoài vào, chớ nên hiểu sai. Như vậy gọi là tự ứng dụng chân tánh. Một lẽ chân thật, hết thảy mọi lẽ đều chân thật. Tâm lượng rộng lớn chẳng làm việc nhỏ nhen. Dừng nên suốt ngày miệng nói lẽ không mà trong tâm chẳng tu hạnh này, khác nào dân thường tự xưng mình là vua, rốt cùng chẳng thể được. Người như vậy chẳng phải đệ tử ta.

"Các vị thiện tri thức! Sao gọi là Bát-nhã? Bát-nhã nghĩa là trí tuệ. Ở mọi nơi, mọi lúc trong mọi niệm tưởng đều chẳng ngu mê, thường sáng trí tuệ, tức là hạnh Bát-nhã. Một niệm ngu mê thì Bát-nhã dứt mất, một niệm trí tuệ tức Bát-nhã sanh. Người đời ngu mê, chẳng hiểu Bát-nhã. Miệng nói Bát-nhã mà trong tâm thường ngu mê. Miệng thường nói: "Ta tu Bát-nhã." Mỗi niệm đều nói lẽ không, mà chẳng thật hiểu chân không, Bát-nhã không có hình tướng, chính là tâm trí tuệ. Nếu hiểu được như vậy tức là trí Bát-nhã.

"Sao gọi là Ba-la-mật? Đó là tiếng Phạn, nghĩa là đến bờ bên kia, phải nên hiểu là lìa khỏi sanh diệt. Tâm vướng mắc nơi cảnh thì sanh diệt khởi, như nước cuộn nổi sóng, tức là bờ bên này. Tâm lìa khỏi cảnh thì không sanh diệt, như nước thường chảy thông, tức là bờ bên kia, nên gọi là Ba-la-mật.

"Các vị thiện tri thức! Người mê miệng niệm, mà ngay trong lúc niệm vẫn có điều hư vọng, sai trái. Mỗi niệm đều thực hành, gọi là chân tánh. Người ngộ được pháp này chính là pháp Bát-nhã, người tu theo hạnh này, chính là hạnh Bát-nhã. Chẳng tu tức là kẻ phàm, một niệm tu hành liền tự mình không thua kém Phật.

"Các vị thiện tri thức! Phàm phu chính là Phật, phiền não chính là Bồ-đề. Niệm trước còn mê là phàm phu, niệm sau thức tỉnh là Phật. Niệm trước còn vướng mắc nơi cảnh là phiền não, niệm sau lìa cảnh là

Bồ-đề.

"Này thiện tri thức!

Ma ha Bát-nhã Ba-la-mật,
Cao nhất, quý nhất, pháp đệ nhất
Không trụ, không qua cũng không lại,
Ba đời chư Phật từ đó sanh.

"Phải dùng trí tuệ sáng suốt mà phá vỡ khối phiền não trần lao năm uẩn. Tu hành như vậy chắc chắn thành Phật. Chuyển hoá ba độc thành Giới, Định, Tuệ.

"Các vị thiện tri thức! Pháp môn này từ một Bát-nhã sanh ra tám muôn bốn ngàn trí tuệ. Vì sao vậy? Vì người đời có tám muôn bốn ngàn trần lao.

"Nếu không trần lao, trí tuệ thường hiển hiện, chẳng lìa tự tánh. Người ngộ Pháp này, tức không niệm tưởng, không nghĩ nhớ, không vướng mắc. Chẳng phải tâm lầm lẫn, hư vọng, ứng dụng tự tánh chân như. Dùng trí tuệ quán xét các pháp, chẳng lấy, chẳng bỏ, tức là thấy tánh, thành Phật đạo.

"Các vị thiện tri thức! Nếu người nào muốn vào sâu tận cội nguồn Pháp giới, cùng là Bát-nhã tam muội, thì nên tu hạnh Bát-nhã. Trì tụng Kinh Kim Cang Bát-nhã tất sẽ thấy tánh. Phải biết rằng công đức của kinh này vô lượng vô biên. Trong kinh có tán thán rõ ràng, thật chẳng thể nói hết. Pháp môn này là Tối thượng thừa, vì người đại trí mà thuyết, vì người thiện căn mà thuyết. Người trí thô, căn thấp nghe rồi sanh lòng nghi ngờ. Vì sao vậy? Như khi mưa lũ lớn, thành ấp, xóm làng đều trôi dạt hết, như lá táo trôi. Nhưng nếu mưa xuống biển cả, thì nước ở đó chẳng thêm chẳng bớt. Bậc đại thừa, tối thượng thừa nghe giảng Kinh Kim Cang, tâm liền khai ngộ, hiểu rõ rằng bản tánh tự có trí Bát-nhã, nhờ tự dùng trí tuệ thường quán xét, chẳng do văn tự.

"Ví như nước mưa, chẳng phải tự nhiên mà có, chính là để làm cho hết thảy cỏ cây, giống hữu tình, giống vô tình đều được thấm nhuần. Trăm sông, muôn dòng đều chảy vào biển cả, hợp làm một thể. Trí Bát-nhã của tự tánh chúng sanh lại cũng như vậy.

"Các vị thiện tri thức! Những người căn cơ thấp, nghe pháp đốn ngộ này, cũng như cỏ cây nhỏ bé ít rễ, nếu bị mưa lớn đều nghiêng ngã hết, không thể lớn lên. Nhưng người căn cơ dù thấp, vốn cũng có trí Bát-nhã như bậc đại trí không khác, vậy vì sao nghe pháp lại chẳng tự khai ngộ? Đó là do tà kiến nặng nề che lấp, gốc phiền não sâu. Như đám mây lớn che khuất mặt trời, nếu không có cơn gió mạnh thổi tan đi,

ánh sáng mặt trời tất không hiện ra được. Trí Bát-nhã lại cũng không, có lớn nhỏ sai khác, chỉ vì tất cả chúng sanh tự tâm mê ngộ chẳng đồng. Tâm mê hướng chỗ thấy biết ra bên ngoài mà tu hành cầu tìm Phật, chưa thấy được tự tánh, tức là hàng căn cơ thấp. Nếu ngộ rõ pháp Đốn giáo này, chẳng vướng mắc việc tu hành ngoài tâm, chỉ tự trong tâm thường khởi thấy biết chân chánh, phiền não trần lao chẳng thể làm cho ô nhiễm, đó tức là thấy tánh.

"Các vị thiện tri thức! Trong ngoài chẳng trụ, qua lại tự do, trừ được tâm chấp trước, thông đạt không ngại, tu được hạnh ấy, so với Kinh Bát-nhã không sai khác gì nhau.

"Các vị thiện tri thức! Hết thảy kinh sách, văn tự hai thừa Đại, Tiểu, mười hai bộ kinh điều do trí người đặt ra, nhân tánh trí tuệ mà kiến lập. Nếu không có người đời, hết thảy muôn pháp vốn tự chẳng có. Cho nên biết rằng muôn pháp vốn do người mà khởi lên, hết thảy kinh sách vốn do người thuyết mà có. Bởi người có ngu, có trí, nên kẻ ngu làm thân thấp hèn, người trí làm bậc cao quý. Kẻ ngu hỏi nơi người trí; người trí thuyết pháp với kẻ ngu. Kẻ ngu chợt ngộ, hiểu rõ, tâm trí khai mở liền không khác gì người trí.

"Các vị thiện tri thức! Không ngộ thì Phật là chúng sanh, một niệm ngộ rồi chúng sanh là Phật. Cho nên biết rằng muôn pháp đều ở nơi tự tâm. Vậy sao chẳng tự trong tâm mình trực nhận ra bản tánh chân như? Bồ tát Giới Kinh nói: "Tự tánh của ta vốn tự thanh tịnh. Nếu biết tự tâm, thấy bản tánh, hết thảy đều thành Phật đạo." Tịnh Danh kinh nói: "Hoát nhiên chợt nhận lại được bản tâm."

"Các vị thiện tri thức! Ta ở nơi Hoà thượng Hoằng Nhẫn, vừa nghe pháp liền ngộ, nhìn thẳng ra bản tánh chân như. Bởi vậy nên mang giáo pháp này lưu hành, giúp cho kẻ học đạo trực nhận Bồ-đề. Mọi người nên tự quán xét tâm, tự thấy bản tánh. Nếu tự mình chẳng ngộ, nên tìm cầu bậc đại thiện tri thức giảng pháp Tối thượng thừa, chỉ thẳng đường ngay cho. Phải là bậc thiện tri thức có nhân duyên lớn, dạy dỗ, dắt dẫn, khiến cho được thấy tánh. Tất cả pháp lành nhờ nơi thiện tri thức mà phát khởi. Chư Phật ba đời, mười hai bộ kinh, vốn sẵn có đủ trong tánh người. Nếu không tự ngộ được nên cầu thiện tri thức chỉ ra cho thấy. Nếu tự ngộ được, chẳng cần tìm cầu bên ngoài. Nếu cứ cố chấp rằng không người khai ngộ thì không giải thoát, thật không đúng lẽ. Vì sao vậy? Tự trong tâm có tri thức tự ngộ. Nếu khởi tà mê, vọng niệm điên đảo, dù có thiện tri thức bên ngoài dạy dỗ, cũng chẳng cứu được. Nếu khởi trí Bát-nhã chân chánh quán xét, tức thời các vọng niệm đều diệt

mất. Nếu biết tự tánh, một khi ngộ rồi liền đến ngay cõi Phật.

"Các vị thiện tri thức! Trí tuệ quán xét, trong ngoài sáng rõ, biết tự bản tâm. Nếu biết bản tâm tức là gốc giải thoát. Nếu được giải thoát, tức là Bát-nhã Tam muội. Bát-nhã Tam muội, tức là không niệm.

"Sao gọi là không niệm? Nếu thấy tất cả các pháp mà tâm không đắm nhiễm, đó là không niệm. Ứng dụng liền biến khắp hết mọi nơi, cũng chẳng vướng mắc hết thảy mọi nơi. Chỉ giữ tâm thanh tịnh, khiến sáu thức ra khỏi sáu cửa, ở giữa sáu trần mà không nhiễm tạp. Đến đi tự tại, ứng dụng lưu thông không ngăn ngại, tức là Bát-nhã Tam muội. Tự tại giải thoát, gọi là hạnh không niệm. Nếu trăm việc đều thôi không nghĩ đến, dứt mọi tâm niệm, tức bị pháp trói buộc, gọi là kiến giải sai lệch.

"Các vị thiện tri thức! Người ngộ pháp không niệm, muôn pháp đều thông hiểu, nhìn thấy cảnh giới chư Phật, đến được địa vị của Phật.

"Các vị thiện tri thức! Về sau có ai hiểu được pháp Đốn giáo này, lại cùng với người đồng kiến giải, đạo hạnh phát nguyện thọ trì như phụng thờ Phật, người ấy suốt đời chẳng còn thối chuyển, quyết chứng thánh quả. Vậy nên cần phải truyền trao nối tiếp pháp giáo xưa nay chẳng được giấu giếm chánh pháp. Nếu gặp người chẳng đồng kiến giải, đạo hạnh, riêng pháp này chẳng được truyền trao, chỉ làm tổn hại, rốt cùng vô ích. Vì e rằng kẻ ngu chẳng hiểu, chê bai pháp môn này, rồi trăm kiếp ngàn đời phải đoạn dứt hạt giống tánh Phật.

"Các vị thiện tri thức! Ta có một bài tụng Vô tướng, mọi người đều nên tụng. Người tại gia, xuất gia cũng chỉ cần y theo đây mà tu. Nếu chẳng tự tu, chỉ nhớ lời ta nói cũng chẳng ích gì. Hãy nghe bài tụng đây:

Thuyết thông tâm cũng thông
Như mặt nhật trên không.
Chỉ truyền pháp thấy Tánh,
Ra đời phá tà tông.
Pháp vốn không đốn tiệm,
Mê ngộ có chậm mau
Chỉ pháp thấy Tánh này,
Người ngu không thể hiểu,
Giảng thuyết tuy muôn đường,
Lý hợp lại thành một,
Trong nhà tối phiền não,

Mặt trời tuệ nên soi.
Tà đến phiền não đến
Chánh khởi, phiền não trừ.
Chánh tà đều chẳng dụng.
Thanh tịnh đến Vô dư.
Bồ-đề vốn tự tánh,
Khởi tâm tức là vọng
Tâm tịnh trong chỗ vọng,
Chân chánh, trừ ba chướng.
Người đời nếu tu đạo,
Hết thảy chẳng gây hại,
Thường tự xét lỗi mình,
Là với đạo hợp nhau.
Sắc loài tự có đạo,
Chớ làm não hại nhau.
Lìa đạo, riêng tìm đạo,
Trọn đời chẳng thấy đạo.
Lao đao trọn một đời,
Rốt cùng vẫn phiền não!
Muốn thấy Đạo chân chánh,
Làm việc đúng là Đạo,
Tự mình không tâm Đạo,
Ám muội sao thấy Đạo?
Nếu người thật tu hành,
Chẳng nói lỗi thế gian,
Nếu bàn lỗi người khác,
Tự mình lỗi không khác,
Người quấy, ta không quấy,
Ta quấy, lỗi tại ta,
Chỉ tự trừ tâm quấy,
Trừ sạch hết phiền não.
Ghét yêu chẳng bận lòng.
Duỗi chân dài thanh thản.
Lòng muốn độ kẻ khác,
Nên tự biết phương tiện.
Khéo trừ sạch nghi ngờ.
Tự tánh tự hiển hiện,
Pháp Phật từ cõi thế,

Không lìa thế tỉnh giác.
Bỏ thế tìm Bồ-đề,
Như kẻ tìm sừng thỏ!
Chánh kiến là thoát tục,
Tà kiến là thế gian.
Chánh tà đều dứt sạch,
Tánh Bồ-đề hiển lộ.
Tụng này là Đốn giáo,
Cũng gọi: Đại Pháp Thuyền.
Mê nghe kinh nhiều kiếp,
Ngộ chỉ sát na thành."

Sư lại nói: "Nay tại chùa Đại Phạm giảng pháp Đốn giáo này, nguyện cho tất cả chúng sanh vừa nghe liền được thấy Tánh, thành Phật.

Khi ấy, Vi Sứ quân cùng các vị quan liêu và người đạo, kẻ tục nghe lời thuyết giảng của Sư rồi, hết thảy đều tỉnh ngộ, đồng thời làm lễ, xưng tán rằng: "Hay thay! Ngờ đâu xứ Lãnh Nam này có Phật ra đời!"

PHẨM THỨ BA
NGHI VẤN

Một ngày kia, Vi Thứ sử thiết lập hội trai cúng dường Sư. Thọ trai xong, Thứ Sử thỉnh Sư lên toà, rồi cùng các vị quan liêu và sĩ thứ nghiêm trang lễ bái mà thưa hỏi rằng: "Đệ tử nghe Hoà thượng thuyết pháp, thật chẳng thể nghĩ bàn. Nay có chút lòng nghi, xin Hoà thượng đại từ bi vì chúng đệ tử mà giảng giải."

Sư nói: "Có điều nghi cứ hỏi, ta sẽ giảng thuyết cho."

Vi công thưa: "Giáo thuyết của Hoà thượng có phải là tông chỉ của đạt ma Đại sư chăng?" Sư đáp: "đúng vậy."

Vi công nói: "Đệ tử nghe chuyện Đạt ma thuở xưa giáo hoá cho Lương Võ Đế. Vua hỏi: Một đời trẫm cất chùa, cúng dường tăng, bố thí, làm chay, có công đức gì không?" Đạt ma đáp: "Thật không công đức gì" Đệ tử chưa hiểu lẽ ấy, xin Hoà thượng giảng giải cho".

Sư đáp: "Thật không có công đức. Đừng nghi ngờ lời của bậc Thánh đời trước. Võ đế lòng mê, chẳng rõ pháp chánh. Cất chùa, cúng dường tăng, bố thí, làm chay, gọi là cầu phước. Không thể lấy phước ấy mà xem là công đức. Công đức ở nơi Pháp thân, chẳng phải ở sự tu phước."

Sư lại nói: "Thấy tánh là công, bình đẳng là đức. Mỗi niệm tưởng không ngăn ngại, thường thấy bản tánh, chân thật diệu dụng, gọi là công đức. Trong lòng khiêm nhượng là công, việc làm theo lễ là đức. Tự tánh sanh ra muôn pháp là công, tâm lìa vọng niệm là đức. Chẳng rời tự tánh là công, ứng dụng mà không đấm nhiễm là đức. Muốn tìm Pháp thân công đức, cứ nương theo đó mà làm, ấy là công đức chân thật. Nếu người tu công đức thì lòng chẳng khinh mạn, thường cung kính hết thảy. Lòng hay khinh người, tánh tự tôn chẳng dứt là tự mình không có công, tánh hư vọng chẳng thật là tự mình không có đức. Vì tánh tự đại tự tôn, nên thường khinh hết thảy.

"Các vị thiện tri thức! Chánh niệm không gián đoạn là công; trong tâm công bình, chánh trực là đức. Tự tu tánh mình là công, tự tu thân là đức.

"Các vị thiện tri thức! Công đức nên nhìn từ trong tự tánh, không phải do bố thí, cúng dường mà cầu được, bởi vậy, phước đức với công đức khác nhau. Võ Đế chẳng biết chân lý, không phải lỗi nơi Tổ Sư ta."

Quan Thứ sử lại hỏi: "Đệ tử thường thấy người xuất gia, tại gia

niệm Phật A Di đà, cầu sanh Tây phương Xin Hoà thượng vì trừ chỗ nghi ngờ mà giảng cho việc có được sanh về nơi ấy hay không."

Sư nói: "Sứ quân hãy lắng nghe Huệ Năng giảng giải việc ấy. Đức Thế Tôn nơi thành Xá vệ thuyết việc sanh về Tây phương. Kinh nói rõ ràng đến đó không xa. Nếu theo cách nói về hình tướng, thì số dặm là qua mười muôn ức cõi, chính là nói mười điều ác ngăn trở trong thân người, nên nói là xa. Nói xa, là nói những kẻ căn cơ thấp kém. Nói gần, là những bậc thượng trí.

"Người có hai loại, pháp không hai đường. Mê, ngộ khác nhau, chỗ hiểu biết có mau, chậm,. Người mê niệm Phật cầu sanh Tây phương, người ngộ chỉ tự làm tâm tịnh. Cho nên Phật nói: "Tuỳ tâm mình tịnh, tức cõi Phật tịnh."

Sứ quân! Người phương Đông, chỉ cần tâm tịnh tức là không có tội. Dù là người phương Tây mà tâm chẳng tịnh cũng có lỗi. Người phương Đông tạo tội, niệm Phật cầu sanh phương Tây. Người phương Tây tạo tội, biết niệm Phật cầu sanh cõi nào? Người ngu chẳng hiểu tự tánh, không biết có cõi Tịnh độ trong thân, mới nguyện Đông nguyện Tây. Người ngộ dù ở đâu cũng vậy. Cho nên Phật nói: "Tuỳ chỗ mình ở mà thường an vui". Sứ quân! Chỉ cần tâm thiện thì Tây phương chẳng xa. Nếu giữ hoài tâm bất thiện, niệm Phật cũng khó vãng sanh.

"Nay khuyên các vị thiện tri thức: Trước trừ mười điều ác, tức là qua được mười muôn cõi nước, trừ được mười sự ác chướng ngăn che. Mỗi niệm thường thấy tánh, thường làm chuyện công bằng, chánh trực, thì đến nơi như búng móng tay, liền thấy Phật Di đà. Sứ quân! Chỉ cần làm mười điều lành, cần gì phải nguyện vãng sanh? Nếu tâm chẳng dứt mười điều ác, Phật nào đến rước? Nếu ngộ pháp Vô sanh Đốn giáo, thì thấy Tây phương ngay trong giây lát. Chẳng ngộ, niệm Phật cầu sanh, đường xa làm sao mà đến? Huệ Năng sẽ vì chư vị, dời Tây phương về trước mắt trong giây lát. Mọi người muốn thấy hay chăng?"

Mọi người điều đảnh lễ, bạch rằng: "Nếu tại đây được thấy, cần chi phải nguyện vãng sanh. Xin Hoà thượng từ bi hiện cõi Tây phương cho chúng tôi được thấy."

Sư nói: "Này đại chúng! Người đời, sắc thân là thành quách, mắt, tai, mũi, lưỡi đều là cửa. Ngoài có năm cửa, trong có cửa ý. Tâm là cõi đất, tánh là vua. Vua ở trên đất tâm. Tánh còn thì vua còn, tánh đi thì vua mất. Tánh còn thì thân tâm còn, tánh đi thì thân tâm hoại. Phật do trong tánh khởi lên, đừng cầu tìm ở bên ngoài.

"Tự tánh ngu mê là chúng sanh, tự tánh giác ngộ là Phật. Từ bi

là Quán Âm. Hỷ xả là Thế Chí. Thường tịnh tức Thích ca. bình trực là Di đà. Tâm chấp ngã là núi Tu di, tâm tà là biển cả. Phiền não là sóng cuộn. Độc hại là rồng dữ. Hư vọng là quỉ thần. Trần lao là cá trạch. Tham sân là địa ngục, ngu si là súc sanh.

"Các vị thiện tri thức! Thường làm mười điều lành thì thiên đường tự đến. Trừ tâm chấp ngã thì làm đổ núi Tu di. Bỏ tâm tà thì biển cả khô cạn. Phiền não không còn thì sóng cuộn phải yên, độc hại quên đi thì cá, rồng phải diệt. Tự trong tâm địa là tánh giác Như Lai, phóng ánh đại quang minh, chiếu ra sáu cửa đều thanh tịnh, phá được các cõi trời Lục dục. Tự tánh soi chiếu bên trong, ba độc liền trừ, các tội địa ngục đồng thời tiêu diệt. Trong ngoài sáng rỡ chẳng khác Tây phương. Còn nếu không tu hành như vậy, làm sao tới được nơi đó?"

Đại chúng nghe giảng thuyết, rõ ràng thấy tánh, cùng nhau lễ bái, xưng tán, nguyện rằng: "Lành thay! Nguyện cho hết thảy chúng sanh nghe được pháp này đều tức thời tỏ ngộ."

Sư nói: "Các vị thiện tri thức! Nếu muốn tu hành, tại gia cũng tu được, không nhất thiết phải đến ở chùa. Tại gia thường tu hành, như người phương Đông mà tâm thiện Ở chùa chẳng tu hành, như người phương Tây mà tâm ác. Chỉ giữ tâm thanh tịnh, tức là tự tánh Tây phương."

Vi công lại hỏi: "Tại gia tu hành như thế nào? Xin Đại sư chỉ dạy cho biết."

Sư đáp: "Ta thuyết với đại chúng bài tụng "Vô tướng" Chỉ theo đó mà tu, như thường ở bên ta. Nếu chẳng theo đó mà tu, dầu cạo tóc xuất gia, có ích gì cho đạo?"

Tụng rằng:

Tâm bình đẳng cần chi trì giới?
Hạnh chánh trực há đợi tu thiền?
Ân thời hiếu dưỡng mẹ cha,
Nghĩa thời kính trên, nhường dưới,
Nhường nhịn, trên dưới thuận hoà,
Nhẫn nhục, chuyện dữ lắng yên.
Nếu biết lấy lửa ở cây,
Bùn nhơ nở đoá sen hồng.
Đắng miệng mới là thuốc tốt,
Lời ngay ắt phải chướng tai,
Sửa lỗi, trí tuệ tất sanh,
Điều xấu giấu che chẳng tốt.

Hằng ngày làm việc lợi ích,
Đạo thành chẳng do thí tiền
Bồ-đề chỉ tự trong tâm
Nhọc chi hướng ngoại cầu tìm?
Nghe thuyết, y vậy tu hành,
Thiên đường hiện ngay trước mắt.

Sư lại nói: "Các vị thiện tri thức! Mọi người nên y theo kệ ấy mà tu, sẽ thấy được tự tánh, thẳng đến quả Phật. Các pháp chẳng chờ đợi nhau. Các ngươi nên giải tán đi, ta về Tào Khê. Nếu có điều chi nghi ngờ, cứ đến đó hỏi."

Khi ấy, Thứ sử và quan liêu, thiện nam, tín nữ tại hội đều được khai ngộ, tin lãnh giáo thuyết, kính cẩn theo đó thực hành.

PHẨM THỨ TƯ
ĐỊNH VÀ HUỆ

Sư dạy chúng rằng: "Các vị thiện tri thức! Pháp môn này của ta lấy định và tuệ làm gốc. Đại chúng đừng mê lầm cho rằng định và tuệ khác nhau. Định và tuệ là một thể, chẳng hai. Định là thể tánh của tuệ. Tuệ là chỗ dụng của định. Trong lúc có tuệ thì định ở nơi tuệ. Trong lúc có định thì tuệ ở nơi định. Rõ được nghĩa ấy, tức là việc tu tập định tuệ đều như nhau. Người học đạo chớ nói có tu thiền định trước rồi mới phát ra trí tuệ, hoặc trước có trí tuệ rồi sau mới tu được thiền định, cho là hai thứ khác nhau. Hiểu theo cách đó thì pháp có hai tướng, miệng nói thiện, trong tâm bất thiện, không có định tuệ, hoặc định tuệ chẳng bình đẳng nhau. Còn nếu tâm và miệng đều thiện, trong ngoài như một, thì định tuệ tức thì bình đẳng như nhau. Tự hiểu đạo mà tu hành, chẳng ở chỗ tranh biện. Nếu tranh biện trước sau là đồng với người mê, chẳng thể quyết đoán hơn thua, chỉ tăng thêm ngã chấp, chẳng rời khỏi bốn tướng.

"Các vị thiện tri thức! Lấy gì so sánh tương quan giữa định và tuệ? Có thể so sánh như ngọn đèn và ánh sáng vậy, có đèn thì sáng, không đèn thì tối. Đèn là thể tánh của sáng, sáng là chỗ dụng của đèn. Tên gọi tuy hai mà thể vốn là một. Nói về pháp định tuệ cũng giống như vậy."

Sư dạy chúng rằng: "Các vị thiện tri thức! Nhất hạnh Tam muội nghĩa là bất kỳ ở nơi đâu, đi đứng nằm ngồi đều thường hành tâm chuyên nhất chánh trực. Kinh tịnh Danh nói: "Lòng ngay thẳng là đạo tràng, lòng ngay thẳng là Tịnh độ." Chớ nên cho lòng tà vạy mà ngoài miệng nói lời chánh trực, hoặc miệng nói Nhất hạnh Tam muội mà lòng không chánh trực. Chỉ chuyên giữ một lòng ngay thẳng đối với các pháp đừng nên chấp trước. Người mê chấp trước pháp tướng, chấp cả Nhất hạnh Tam muội, nên nói: "Ngồi yên chẳng động, hư vọng chẳng khởi trong tâm là Nhất hạnh Tam muội. Kẻ hiểu như vậy cũng đồng như vật vô tình, chính là nguyên do chướng đạo.

"Các vị thiện tri thức! Đạo nên lưu thông, vì sao lại ngăn trệ? Tâm chẳng trụ nơi pháp, đạo liền lưu thông. Tâm trụ nơi pháp, ấy là tự trói lấy mình.

"Nếu nói ngồi yên chẳng động là đúng, ấy chỉ như Xá lỵ phất ngồi yên trong rừng bị Duy ma cật chê trách!

"Các vị thiện tri thức! Lại có người dạy ngồi xem tâm quán tĩnh, chẳng động, chẳng khởi, coi đó là công phu. Người mê chẳng hiểu,

thực hành theo mà thành điên đảo. Nhiều người bắt chước như vậy, rồi truyền dạy nhau, thật là lầm to."

Sư dạy chúng rằng: "Các vị thiện tri thức! Chánh giáo xưa nay vốn không đốn, tiệm. Tánh người tự có lanh lợi, khờ khạo. Người mê tu theo pháp tiệm, người tỉnh hợp với pháp đốn. Tự biết được bản thân, thấy được bản tánh, tức không sai khác chi nhau. Vì thế, lập ra đốn, tiệm chỉ là tên gọi giả tạm.

"Các vị thiện tri thức! Pháp môn này xưa nay trước lập không niệm làm tông, không tướng làm thể, không trụ làm gốc. Không tướng là ở nơi tướng mà lìa tướng. Không niệm là trong chỗ nghĩ tưởng mà không nghĩ tưởng. Không trụ là bản tánh của người đối với những điều lành dữ, tốt xấu ở thế gian, cho đến với kẻ oán, người thân những lúc nói năng, đụng chạm, châm chọc, khinh khi, tranh giành đều xem như không, chẳng nghĩ chuyện thù hại.

"Trong mọi niệm tưởng, chẳng suy nghĩ chuyện qua rồi. Nếu như niệm tưởng đã qua, niệm tưởng bây giờ và niệm tưởng sắp đến cứ nối nhau chẳng dứt, ấy gọi là trói buộc. Đối với các pháp, niệm tưởng chẳng trụ vào đâu cả, tức là không trói buộc. Đó là lấy không trụ làm gốc.

"Các vị thiện tri thức! Lìa hết thảy hình tướng, gọi là không tướng. Lìa được hình tướng. Pháp thể tất nhiên thanh tịnh. Đó là lấy không tướng làm thể.

"Các vị thiện tri thức! Đối với cảnh tâm không đắm nhiễm là không niệm. Trong mọi niệm tưởng thường lìa khỏi cảnh, không đối cảnh mà sanh tâm. Nếu chỉ dứt nghĩ tưởng đến muôn vật, trừ cho tận hết tư tưởng, tư tưởng vừa dứt tức thời mạng dứt, thọ sanh nơi khác, ấy là lầm to. Kẻ học đạo nên suy xét chỗ đó. Nếu chẳng rõ ý pháp đã tự mình sai lầm, sau lại còn dắt dẫn người khác. Tự mình ngu mê chẳng thấy, lại chê bai kinh Phật. Đó là lập không niệm làm tông.

"Các vị thiện tri thức! Vì sao lập không niệm làm tông? Chỉ bởi người mê miệng nói thấy tánh, mà khi đối cảnh liền khởi niệm, từ niệm ấy khởi ra tà kiến. Hết thảy trần lao vọng tưởng đều do vậy mà sanh. Tự tánh vốn không một pháp có thể đắc. Nếu có chỗ đắc, hư dối luận chuyện hoạ phước, chính là trần lao tà kiến. Vì vậy nên lập không niệm làm tông.

"Các vị thiện tri thức! Nói không đó, là không những gì? Niệm, là niệm việc gì? Không là không có hai tướng, không có tâm trần lao. Niệm là niệm bản tánh chân như. Chân như là thể của niệm. Niệm là dụng của chân như. Tự tánh chân như khởi ra niệm, chẳng phải mắt, tai,

mũi, lưỡi có thể niệm được. Chân như có tánh nên khởi ra niệm. Nếu không có chân như, thì tai mắt, màu sắc, âm thanh tức thời hoại mất.

"Các vị thiện tri thức! Tự tánh chân như khởi ra niệm. Sáu căn tuy có thấy, nghe nhận biết, mà không đắm nhiễm nơi cảnh, chân tánh thường tự tại. Cho nên kinh nói: "Khéo biết phân biệt tất cả các pháp, với nghĩa chân thật chẳng hề lay động."

PHẨM THỨ NĂM
NGỒI THIỀN

Sư dạy chúng rằng: "Môn ngồi thiền này, nguyên chẳng chấp trước nơi tâm, cũng chẳng sự chấp trước sự yên tịnh, cũng chẳng phải chẳng động. Nếu nói là chấp trước tâm, thì tâm nguyên là vọng. Biết tâm huyễn hoá, nên không có gì để chấp trước. Nếu nói là chấp trước tịnh, thì tánh người vốn tịnh. Chỉ do vọng niệm che lấp chân như. Chỉ trong vọng niệm thì tánh tự thanh tịnh. Khởi tâm chấp trước tịnh, chỉ sanh chỗ tịnh không thật. Hư vọng không xứ sở, chấp trước cũng là vọng. Tịnh không có hình tướng, lại lập ra tướng yên tịnh, bảo là công phu. Hiểu biết như thế, tự che lấp bản tánh của mình, bị sự yên tịnh trói buộc.

"Các vị thiện tri thức! Người tu phép chẳng động, trong khi nhìn người, chẳng nhìn những sự phải quấy, lành dữ, lầm lỗi của người. Đó là tự tánh chẳng động.

"Các vị thiện tri thức! Người mê tuy thân chẳng động mà miệng thường nói những điều phải quấy, dài ngắn, tốt xấu của người khác, trái ngược với Đạo. Nếu chấp trước nơi tâm, nơi tịnh, tức là che lấp mối Đạo vậy."

Sư dạy chúng rằng: "Các vị thiện tri thức! Sao gọi là ngồi thiền? Trong pháp môn này, không có sự che lấp, ngăn trở. Đối với hết thảy các việc lành dữ, tâm chẳng khởi ra điều nghĩ, gọi là ngồi. Trong tâm thấy tánh của mình chẳng động, gọi là thiền.

"Các vị thiện tri thức! Sao gọi là thiền định? Lìa khỏi tướng là thiền. Trong tâm chẳng loạn là định. Nếu vướng mắc nơi tướng, tâm tất rối loạn. Nếu lìa khỏi tướng, tâm liền chẳng loạn. Tánh vốn tự tịnh, tự định chỉ vì thấy cảnh rồi nghĩ đến cảnh mà rối loạn. Nếu người thấy cảnh mà tâm chẳng loạn, đó mới thật là định.

"Các vị thiện tri thức! Lìa khỏi tướng, tức là thiền. Trong tâm chẳng loạn tức là định. Ngoài thiền, trong định, đó là thiền định. Kinh Bồ tát Giới nói: "Bản tánh của ta vốn tự thanh tịnh."

"Các vị thiện tri thức! Trong mọi niệm tưởng tự thấy bản tánh thanh tịnh. Tự mình tu hành, tự mình thành Phật đạo."

PHẨM THỨ SÁU
SÁM HỐI

Lúc ấy, đại sư thấy các vị nhân sĩ, dân chúng Quảng Châu, Thiều Châu và tất cả bốn phương đều tụ hội về để nghe pháp. Ngài bèn lên toà, nói với mọi người rằng: “Hãy đến đây,”Các vị thiện tri thức! Điều ta thuyết đây cần phải từ trong tự tánh khởi lên. Luôn luôn trong mỗi niệm tưởng, đều phải tịnh lấy tâm mình, tự mình tu hành, tự thấy pháp thân mình, thấy Phật ở tự tâm; tự cứu lấy mình, răn giữ lấy mình mới được, chẳng cần phải đến đây. Nhưng đã từng phương xa đến, đống hội nơi đây, đều là có duyên. Vậy nay mọi người hãy quì xuống. Trước tiên, ta vì chư vị mà truyền cho năm phần hương pháp thân của tự tánh. Kế đó, sẽ truyền pháp Sám hối Vô tướng.”

Mọi người đều quì mọp. Sư nói: “Một là Giới hương. Trong tâm mình không chê bỏ, không ganh ghét, không tham giận, không cướp hại, gọi là Giới hương.

“Hai là Định hương. Nhìn thấy các cảnh lành dữ, tâm mình chẳng loạn, gọi là Định hương.

“Ba là Tuệ hương. Tự tâm không ngăn ngại, thường dùng trí tuệ quán xét tánh mình, không làm việc ác; tuy tu các việc lành, mà tâm không chấp trước; kính người trên, thương kẻ dưới, thương xót kẻ coi cút, nghèo khó, gọi là Tuệ hương.

“Bốn là Giải thoát hương. Tâm không vướng mắc, nương theo bất cứ điều gì; chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, tự tại, không ngăn ngại, gọi là Giải thoát hương.

“Năm là Giải thoát tri kiến hương. Tâm đã không vướng mắc, chạy theo những điều lành, điều dữ, cũng không thể chìm vào chỗ trống không chấp lấy sự vắng lặng, nghĩa là nên học rộng, nghe nhiều, tự biết rõ bản tâm, đạt tới lý lẽ của chư Phật; lấy sự hoà đồng mà tiếp cận cùng muôn vật, không vướng mắc chuyện có mình, có người; thẳng đạt Bồ-đề, chân tánh vẫn không đổi, gọi là giải thoát tri kiến hương.

“Các vị thiện tri thức! Những thứ hương ấy đều toả lên tự trong tâm mình, đừng tìm kiếm ở ngoài.

“Bây giờ ta sẽ cùng chư vị thọ phép Sám hối Vô tướng, diệt hết tội ba đời, khiến cho ba nghiệp đều thanh tịnh.

“Các vị thiện tri thức! Chư vị hãy cùng lập lại theo như lời ta:

“Đệ tử chúng con, từ bao niệm trước, đến niệm bây giờ, cho đến những niệm về sau, mỗi niệm chẳng bị ngu mê làm ô nhiễm. Từ trước

đến nay, những tội ác do ngu mê thảy đều xin sám hối, nguyện đồng thời diệt hết, mãi mãi chẳng còn khởi lại nữa.

"Đệ tử chúng con, từ bao niệm trước, đến niệm bây giờ, cho đến những niệm về sau, mỗi niệm chẳng bị kiêu căng, dối trá làm ô nhiễm. Từ trước đến nay, những tội ác do kiêu căng, dối trá thảy đều xin sám hối, nguyện đồng thời diệt hết, mãi mãi chẳng còn khởi lại nữa.

"Đệ tử chúng con, từ bao niệm trước, đến niệm bây giờ, cho đến những niệm về sau, mỗi niệm chẳng bị sự ganh ghét làm ô nhiễm. Từ trước đến nay, những tội ác do ganh ghét thảy đều xin sám hối, nguyện đồng thời diệt hết, mãi mãi chẳng còn khởi lại nữa.

"Các vị thiện tri thức! Trên đây là phép Sám hối Vô tướng. Sao gọi là sám? Sao gọi là hối? Sám là ăn năn những lỗi đã qua. Từ trước, có những tội ác do ngu mê, kiêu căng, dối trá, ganh ghét, thảy đều ăn năn hết, mãi mãi về sau chẳng còn khởi ra nữa; đó gọi là sám. Hối là tự ngăn ngừa những lỗi về sau của mình. Từ nay về sau, có những tội ác do ngu mê, kiêu căn, dối trá, ganh ghét nay đã giác ngộ, tất nhiên vĩnh viễn dứt hết, chẳng mắc phải nữa; đó gọi là hối. Vì thế cho nên gọi là sám hối. Kẻ phàm phu ngu mê chỉ biết ăn năn những lỗi đã qua, mà chẳng biết ngăn ngừa những lỗi về sau. Bởi không biết hối, nên tội trước chẳng diệt, lỗi sau lại sanh. Tội trước đã chẳng diệt, lỗi sau lại tiếp sanh ra, làm sao gọi là sám hối?

"Các vị thiện tri thức? Nay đã sám hối rồi, ta sẽ cùng chư thiện tri thức phát khởi Bốn huệ nguyện rộng lớn. Chư vị hãy lắng tai, dùng tâm chân chánh mà nghe đây:

Vô biên chúng sanh nơi tự tâm, thệ nguyện cứu độ.
Vô biên phiền não nơi tự tâm, thệ nguyện dứt bỏ.
Vô tận pháp môn trong tự tánh, thệ nguyện học hỏi.
Phật đạo vô thượng trong tự tánh, thệ nguyện tu thành.

"Các vị thiện tri thức! Mọi người ai cũng nói: vô biên chúng sanh thệ nguyện cứu độ. Nhưng ấy ai biết được nghĩa: thật chẳng phải Huệ Năng này độ."

"Các vị thiện tri thức! Chúng sanh ở trong tâm, ấy là: tâm tà mê, tâm cuống vọng, tâm bất thiện, tâm ganh ghét, tâm ác độc. Những tâm niệm như thế, đều là chúng sanh. Mọi người nên từ tự tánh tự độ lấy mình. Đó gọi là cứu độ chân thật. Sao gọi là từ tự tánh tự độ lấy mình? Tự trong tâm mình có những chúng sanh tà kiến, phiền não, ngu si, hãy dùng chánh kiến mà cứu độ. Có chánh kiến rồi, liền dùng trí Bát-nhã chống phá chúng sanh ngu si, mê vọng. Cứ như vậy mà ai ai cũng đều

tự độ lấy mình. Với tà vạy, dùng chân chánh mà độ, với mê muội, dùng giác ngộ độ, với ngu si, dùng trí tuệ độ; với ác độc, dùng tâm thiện độ. Cứu độ được như vậy, gọi là cứu độ chân thật.

"Vô biên phiền não thệ nguyện dứt bỏ, nghĩa là dùng trí Bát-nhã nơi tự tánh phá trừ đi tâm dối trá hư vọng.

"Vô tận pháp môn thệ nguyện học hỏi, là nên tự mình thấy tánh, thường hành chánh pháp, đó gọi là học hỏi chân chánh.

"Phật đạo vô thượng thệ nguyện tu hành, là thường hay nhún nhường, làm theo lẽ chân chánh, lìa mê lìa giác, thường sanh Bát-nhã, trừ chân trừ vọng, liền thấy tánh Phật. Vừa được nghe qua liền thành Phật đạo, tâm thường nghĩ việc tu hành, chính là pháp nguyện lực.

"Các vị thiện tri thức! Nay đã phát Bốn nguyện rộng lớn rồi, ta cùng chư vị thọ Ba giới quy y vô tướng.

"Các vị thiện tri thức! Quy y với giác ngộ là bậc phước huệ đầy đủ; Quy y với chân chánh là bậc lìa xa các dục, Quy y với thanh tịnh là bậc cao quý trong chúng hội. Từ nay nhận giác ngộ là thầy, chẳng còn quy y theo tà ma, ngoại đạo. Cầu Tam Bảo trong tự tánh mình thường chứng minh. Nay khuyên các vị thiện tri thức quy y với Tam Bảo trong tự tánh mình: giác ngộ, đó là Phật; chân chánh, đó là Pháp; thanh tịnh, đó là Tăng.

"Tự tâm quy y giác ngộ, tà mê chẳng sanh, ít ham muốn, biết đủ, có thể lìa bỏ của cải, nhan sắc, gọi là Lưỡng túc Tôn.

"Tự tâm quy y chân chánh, mỗi niệm chẳng có tà kiến, chẳng có tà kiến, nên chẳng chấp việc có ta, có người, không cống cao, tham ái, chấp trước, gọi là Ly dục Tôn.

"Tự tâm quy y thanh tịnh, tự tánh chẳng ô nhiễm nơi hết thảy các cảnh trần lao, ái dục, gọi là Chúng trung Tôn.

"Nếu tu hạnh này là tự quy y chính mình, kẻ phàm phu chẳng hiểu, ngày đêm thọ giới Tam Quy. Nếu nói Quy y Phật, hỏi Phật ở đâu? Nếu chẳng thấy Phật, thì nương vào đâu mà quy? Nói vậy thành ra hư vọng.

"Các vị thiện tri thức! Mọi người nên sự suy xét, đừng dụng tâm sai lầm. Trong kinh nói rõ là "Tự quy y Phật", chẳng nói "Quy y với Phật khác". Phật nơi tự tâm mà chẳng quy y, không còn có chỗ nào khác mà nương dựa.

Nay đã tự tỉnh ngộ, mọi người nên quy y với Tam Bảo nơi tự tâm mình. Trong thì điều phục tâm tánh, ngoài thì kính trọng người khác, đó chính là tự quy y.

"Các vị thiện tri thức! Đã quy y với tự tâm Tam Bảo rồi, mọi người hãy chí tâm, ta sẽ giảng giải về một thể ba thân của tự tánh Phật, khiến cho chư vị đều được thấy ba thân, tự mình tỏ rõ tự tánh. Mọi người hãy lập lại theo như lời ta:

"Với thân xác thịt này, xin quy y với Thanh tịnh Pháp thân Phật.

"Với thân xác thịt này, xin quy y với Viên mãn Báo thân Phật.

"Các vị thiện tri thức! Thân xác thịt này là nhà trọ, chẳng thể nói là quy y nó được. Ba thân Phật, tự trong tự tánh, ai ai cũng sẵn có. Chỉ vì tâm mê, chẳng thấy tự tánh bên trong, mãi tìm cầu Ba thân Phật ở ngoài, chẳng thấy tự mình có Ba thân Phật. Mọi người hãy lắng nghe ta sẽ giúp cho ai nấy tự trong thân mình thấy được tự tánh có Ba thân Phật. Ba thân Phật ấy từ nơi tự tánh sanh, chẳng phải từ bên ngoài mà có được.

"Sao gọi là Thanh tịnh Pháp thân Phật? Người đời tánh vốn thanh tịnh, muôn pháp đều do nơi tự tánh sanh. Tâm nghĩ các điều ác, liền sanh ra hạnh ác; tâm nghĩ các việc lành, liền sanh ra hạnh lành. Như vậy, các pháp đều ở trong tự tánh. Như bầu trời trong, mặt trời mặt trăng thường sáng, có đám mây che phủ thành ra trên sáng dưới tối. Bỗng gặp gió thổi tan mây, trên dưới đều sáng, muôn cảnh hiện ra. ngoài đời tánh thường trôi nổi, cũng giống như đám mây trên trời đó vậy.

"Các vị thiện tri thức! Trí như mặt trời, tuệ như mặt trăng. Trí tuệ thường sáng suốt, do vướng mắc nơi ngoại cảnh mà bị đám mây vọng niệm lấp che tự tánh, nên chẳng được sáng suốt. Nếu gặp được bậc thiện tri thức, nghe pháp chân chánh, trừ đều mê vọng nơi mình, thì trong ngoài sáng suốt, trong tự tánh muôn pháp đều hiện ra. người ấy tánh lại cũng như vậy. Đó gọi là Thanh tịnh Pháp thân Phật.

"Các vị thiện tri thức! Tự tâm quy y với tự tánh, ấy là quy y với đức Phật chân thật. Người tự quy y thì trừ dứt đi những tâm bất thiện, ganh ghét, tà vạy, chấp ngã, dối trá, khinh người, ngạo mạn, tà kiến, cống cao, và hết thảy những hạnh chẳng lành trong mọi lúc. Thường tự thấy lỗi mình, chẳng nói đều tốt xấu của kẻ khác. Như vậy gọi là tự quy y. thường nên nhún nhường, cung kính hết thảy, tức nhiên thấy tánh thông đạt, không còn ngăn ngại. Như vậy gọi là tự quy y.

"Sao gọi là Viên mãn Báo thân? Ví như một ngọn đèn, trừ được sự tối ngàn năm, một niệm trí khởi diệt được sự ngu muội muôn năm. Đừng nghĩ tới lỗi lầm đã qua, vì chẳng thay đổi được. Thường nghĩ việc sắp đến, mỗi niệm tưởng đều tròn đầy, sáng rỡ, tự thấy bản tánh, Thiện, ác tuy khác, bản tánh vốn không phân biệt. Tánh không phân

biệt ấy gọi là thật tánh. Từ trong thật tánh, chẳng đắm nhiễm các việc thiện ác. Đó gọi là Viên mãn Báo thân Phật. Tự tánh khởi một niệm ác, diệt mất nhân duyên lành muôn kiếp. Tự tánh khởi một niệm thiện, dứt được việc ác nhiều như cát sông Hằng, thẳng đến quả Vô thượng Bồ-đề. Trong mỗi niệm tưởng đều tự thấy biết, chẳng mất đi bản niệm, gọi là Báo thân.

"Sao gọi là Thiên bá ức Hoá thân? Nếu chẳng nghĩ đến muôn pháp, tánh vốn như không. Một niệm suy nghĩ gọi là biến hoá. Suy nghĩ việc ác, hoá ra địa ngục. Suy nghĩ việc thiện, hoá ra thiên đường. Tâm độc hại hoá ra rồng, rắn. Tâm từ bi hoá ra Bồ tát. Trí tuệ hoá ra thượng giới, ngu si hoá làm cõi dưới. Tự Tánh biến hoá rất nhiều, người mê chẳng thể biết được. Mỗi niệm sanh lòng ác, thường làm theo đường ác. Quay về một niệm lành, trí tuệ liền sanh ra. đó gọi là Tự tánh Hoá thân Phật.

"Các vị thiện tri thức! Pháp thân vốn tự đầy đủ. Lúc nào tự tánh cũng tự thấy biết, tức là Báo thân Phật. Từ nơi Báo thân khởi nên suy nghĩ, tức là Hoá thân Phật. Tự mình giác ngộ, tu công đức nơi tự tánh, ấy là quy y chân chánh. Da thịt này là sắc thân, sắc thân là nhà trọ, chẳng nói là quy y nơi đó được. Chỉ cần nhận rõ Ba thân nơi tự tánh, liền biết được Phật trong tự tánh.

"Ta có một bài tụng Vô tướng. Nếu trì tụng được có thể khiến cho tội mê trong nhiều kiếp đều diệt sạch."

Tụng rằng:

Người mê tu phước, chẳng tu đạo.
Tưởng rằng tu phước tức là Đạo.
Bố thí cúng dường, dẫu nhiều phước.
Trong tâm ba ác như trước tạo
Đem lòng tu phước muốn diệt tội,
Đời sau được phước vẫn còn tội,
Chỉ tự trong tâm trừ tội duyên,
Đều trong tự tánh thật sám hối.
Gặp pháp đại thừa chân sám hối,
Bỏ tà, làm chánh, liền dứt tội,
Học đạo thường xem nơi tự tánh,
Liền cùng chư Phật không sai khác.
Tổ ta chỉ truyền pháp thẳng tắt,
Nguyện khắp thấy tánh đồng một thể,
Nếu muốn về sau tìm pháp thân,

Lìa các pháp tướng, tâm trong sạch.
Gắng sức tự thấy, chớ núng nao,
Chỉ một niệm dứt, mạng còn đâu?
Nếu ngộ đại thừa, được thấy tánh,
Chắp tay cung kính chí tâm cầu!

Sư nói: “Các vị thiện tri thức! Mọi người nên trì tụng, theo đó mà tu hành. Nghe qua rồi thấy tánh, thì dù cách ta ngàn dặm, cũng như thường ở bên ta! Còn nếu nghe rồi mà chẳng tỉnh ra, thì dù đối mặt nhau cũng như ngoài ngàn dặm. Đâu cần lặn lội từ xa đến đây? Thôi nên trân trọng mà giải tán.”

Đại chúng nghe Pháp, ai ai cũng tỏ ngộ, vui mừng kính cẩn làm theo.

PHẨM THỨ BẢY
CƠ DUYÊN

Từ khi Sư đắc pháp tại Hoàng Mai, đến sau về thôn Tào Hầu nơi Thiều Châu, không ai hay biết. Khi ấy, có người nho sĩ là Lưu Chí Lược lấy lễ nghi mà đãi ngộ rất hậu. Chí Lược có người cô xuất gia, tên Vô Tận Tạng, thường tụng kinh đại Niết bàn. Sư nghe qua, liền biết nghĩa mầu nhiệm, bèn giải thuyết cho nghe. Vị ni sư này mới cầm quyển kinh mà hỏi chữ.

Sư nói: "Chữ thì không biết, nhưng nghĩa xin cứ hỏi."

Ni sư nói: "Chữ còn chẳng biết, sao hiểu được nghĩa?"

Sư nói: "Lý mầu nhiệm của chư Phật chẳng quan hệ với văn tự."

Ni sư lấy làm lạ lắm, mới nói các vị kỳ đức trong thôn rằng: "Ấy quả là bậc có đạo, nên thỉnh mà cúng dường."

Có người cháu năm đời của Ngụy Võ Hầu là Tào Thúc Lương cùng với cư dân nhau đến lễ bái. Khi ấy, ngôi chùa cổ Bảo Lâm vì nạn binh lửa từ cuối đời Tuỳ đã hư đổ, người ta bèn cất lại trên nền cũ ngôi chùa mới, thỉnh sư ở đó, không bao lâu thành một ngôi chùa lớn. Sư ở đó được hơn chín tháng, lại bị đảng hung ác tìm đến. Sư mới lánh vào vùng núi phía trước. Bọn ác đảng liền phóng hỏa đốt cỏ cây, Sư ẩn mình trong một hòn đá mà thoát nạn. Hòn đá đó ngày nay còn có dấu gối ngồi kiết già lóm vào và những lằn áo vải của Sư. Nhân đó gọi là Tỵ nạn thạch. Sư nhớ lại lời dặn xưa của Ngũ Tổ, bèn đến ẩn ở hai nơi ấy.

Có vị tăng hiệu Pháp Hải, người Khúc Giang Thiều Châu, lần đầu tham bái Tổ Sư, hỏi rằng: "Thế nào là nghĩa Tức tâm tức Phật? Xin ngài chỉ dạy."

Sư đáp: "Niệm trước chẳng sanh là tâm niệm sau chẳng diệt là Phật." Thành tựu hết thảy các tướng tức là tâm, lìa hết thảy các tướng tức là Phật. Nếu nói ra cho đủ, trọn kiếp cũng không hết được. Hãy nghe bài kệ này:

Tức Tâm là tuệ,
Tức Phật ấy định,
Định, Tuệ cùng trì
Ý định thanh tịnh
Ngộ Pháp môn này
Do tập tánh ngươi
Dụng vốn không sanh
Song tu là đúng.

Pháp Hải nghe xong tỉnh ngộ, đọc kệ khen rằng:

Tức tâm nguyện là Phật
Chẳng ngộ mà tự khuất
Hiểu ra nhờ định tuệ,
Song tu lìa muôn vật.

Pháp đạt, người Hồng Châu, bảy tuổi xuất gia, thường tụng kinh Pháp Hoa. Khi đến lễ Tổ Sư, đầu chẳng sát đất. Tổ quở rằng: "Làm lễ mà đầu không sát đất, chi bằng đừng lễ. Trong tâm ngươi hẳn có điều gì chất chứa, nói ra xem?"

Thưa rằng: "Tôi niệm kinh Pháp Hoa đã tới ba ngàn bộ."

Sư nói: "Nếu nhà ngươi tụng đến muôn bộ, hiểu được ý kinh, nhưng chẳng cho đó là hơn người, thì cùng đi một đường với ta. Nay nhà ngươi ỷ vào việc tụng kinh, nên chẳng biết lỗi. Hãy nghe kệ đây:

Lễ vốn diệt kiêu mạn,
Sao đầu chẳng sát đất?
Chấp ngã, tội liền sanh,
Quên công, phước cao ngất."

Sư lại hỏi: "Ngươi tên chi?" Thưa: "Pháp Đạt." Sư nói: "Ngươi tên Pháp Đạt, đã đạt pháp bao giờ?" Ngài liền thuyết kệ rằng:

Ngươi nay tên Pháp Đạt,
Siêng tụng chưa ngừng nghỉ,
Chỉ theo âm thanh tụng,
Tâm sáng mới Bồ tát.
Ngươi nay thật có duyên,
Ta vì ngươi giảng thuyết:
Chỉ tin Phật không nói,
Hoa sen từ miệng nở.

Pháp đạt nghe kệ, hối lỗi mà tạ rằng: "Từ nay về sau xin khiêm cung với tất cả. Đệ tử này tụng kinh Pháp Hoa, chưa hiểu nghĩa kinh, lòng thường có chỗ nghi. Hoà thượng trí tuệ quảng đại, xin lược thuyết ý nghĩa trong kinh."

Sư nói: "Pháp Đạt! Pháp tự nhiên thông đạt, chỉ tâm ngươi chẳng đạt. Kinh vốn không nghi, tâm ngươi tự nghi. Ngươi niệm kinh này, lấy chi làm tông?

Pháp Đạt thưa: "Đệ tử này căn tánh tối tăm ngu dốt, xưa nay chỉ cứ y theo văn mà tụng, đâu biết được tông thú của kinh."

Sư nói: "Ta không biết chữ, ngươi cứ theo kinh tụng qua một lần, ta sẽ giảng giải cho nghe."

Pháp đạt lớn tiếng niệm kinh, đến phẩm Thí Dụ.

Sư bảo: "Thôi kinh này nguyên lai lấy nhân duyên xuất thế làm công. Dù thuyết bao nhiêu thí dụ, cũng không ra ngoài lẽ ấy.

"Thế nào là nhân duyên? Kinh nói: "Chư Phật Thế Tôn chỉ vì nhân duyên một việc lớn mà xuất hiện ở đời."

Một việc lớn, đó là tri kiến Phật vậy. Người đời mê chấp mắc nơi tướng, trong mê chấp mắc lẽ không. Nếu có thể ở nơi tướng lìa được tướng, ở nơi không lìa được không, tức là trong ngoài chẳng mê. Nếu ngộ pháp ấy, một niệm tâm liền khai mở. Đó là khai ngộ tri kiến Phật.

"Phật nghĩa là giác. Phân ra bốn môn: Khai mở tri kiến giác, chỉ rõ tri kiến giác, nhận ra tri kiến giác, và nhập vào tri kiến giác. Nếu nghe lời khai mở, chỉ rõ, liền được nhận ra, nhập vào, chính là tri kiến giác, chân tánh xưa nay liền được xuất hiện. Ngươi phải cẩn thận đừng hiểu sai ý kinh: Nghe giảng những cách khai mở, chỉ rõ, nhận ra, nhập vào mà cho đó chỉ là tri kiến của Phật, còn mình không có phần.

"Nếu hiểu như vậy, tức là báng bổ kinh, chê bai Phật. Nếu đã là Phật, có đủ tri kiến, cần gì khai mở? Ngươi nên tin tri kiến Phật chỉ là tự tâm ngươi, không có Phật nào khác nữa. Chỉ vì hết thảy chúng sanh tự mình che khuất sự quang minh, tham đắm cảnh trần, gặp duyên bên ngoài thì trong tâm rối loạn, cam chịu sự xô đẩy trôi lăn, mới phải nhọc công đức Thế Tôn từ chánh định khởi lên, dùng không biết bao nhiêu phương tiện dẫn dụ giải thuyết mà khuyên bảo cho tự lắng dịu đi. Chỉ thôi cầu tìm ở bên ngoài là đồng với Phật. Cho nên nói: khai mở tri kiến Phật. Ta cũng khuyên hết thảy mọi người, tự trong tâm mình thường khai mở tri kiến Phật.

"Người đời tâm tà, ngu mê tạo tội. Miệng lành, tâm dữ, tham giận, ganh ghét, tà vạy, cao ngạo, hại người tổn vật, tự khai mở tri kiến chúng sanh. Nếu biết chánh tâm, thường sanh trí tuệ, quán xét tự tâm, thôi việc ác, làm việc lành, ấy là tự mình khai mở tri kiến Phật. Ngươi nên mỗi niệm thường khai mở tri kiến Phật, đừng khai mở tri kiến chúng sanh. Khai mở tri kiến Phật tức là xuất thế. Khai mở tri kiến chúng sanh tức là thế gian. Nếu ngươi chỉ khổ công theo việc niệm kinh, lấy riêng đó làm chỗ công phu, có khác chi con bò đen quý cái đuôi mình?"

Pháp Đạt thưa: "Nếu vậy thì chỉ cần hiểu nghĩa, chẳng cần tụng kinh sao?"

Sư nói: "Kinh có lỗi gì mà ngăn cản ngươi niệm? Chỉ vì mê hay ngộ, lợi hay hại cũng do nơi ngươi. Miệng tụng tâm thực hành, tức chuyển được kinh. Miệng tụng tâm chẳng thực hành, tức là bị kinh

chuyển. Hãy nghe bài kệ này:

Tâm mê, Pháp Hoa chuyển,
Tâm ngộ, chuyển Pháp Hoa
Tụng kinh lâu chẳng rõ
Với nghĩa thành oan gia
Không niệm, niệm là chánh,
Có niệm, niệm thành tà.
Có, không đều quên sạch,
Bò trắng cõi chơi xa.

Pháp đạt nghe kệ, bất giác ứa lệ, đại ngộ, bạch với Sư rằng: "Pháp đạt này từ trước đến nay thật chưa từng chuyển được kinh Pháp Hoa, chỉ bị kinh Pháp Hoa chuyển."

Lại hỏi rằng: "Trong kinh nói. Các vị đại Thanh văn cho đến chư vị Bồ tát, dầu có tận lực cùng nhau suy nghĩ, cũng chẳng đo lường nổi trí tuệ của Phật. Nay dạy cho phàm phu chỉ cần tỉnh ngộ tự tâm, liền gọi là tri kiến Phật, tự mình chẳng phải bậc thượng căn, sợ chưa khỏi tội hoài nghi, báng bỏ? Lại nữa, trong kinh nói đến ba thứ xe: xe dê, xe nai, xe trâu, với xe bò trắng phân biệt khác nhau thế nào? Xin Hoà thượng chỉ dạy thêm cho."

Sư dạy rằng: "Ý kinh vẫn rõ, chỉ tự ngươi mê cho nên trái đi. Người trong ba thừa chẳng lường được Phật trí. Là do nơi trí đo lường vậy. Cho dù có tận lực cùng nhau mà suy lường, lại chỉ càng thêm xa cách. Phật vốn vì phàm phu mà thuyết, chẳng phải vì Phật mà thuyết. Lẽ ấy nếu ai chẳng tin được, thì đánh theo kẻ khác mà thối lui. Không tự biết mình đang ngồi trên xe bò trắng, lại ra ngoài cửa tìm kiếm ba thứ xe khác! Huống chi trong kinh nói rõ với ngươi rằng: Chỉ có một Phật thừa, chớ không có thừa nào khác. Nếu nói hai thừa, ba thừa, cho đến vô số phương tiện, nhân duyên, thí dụ cũng đều là vì có một Phật thừa. Sao nhà ngươi chẳng suy xét? Ba loại xe là giả tạm, vì chuyện thuở xưa. Nhất thừa là chân thật, vì chuyện bây giờ. Chỉ dạy ngươi bỏ vật giả tạm, quay về chân thật. Về chân thật rồi, chân thật cũng không có tên.

"Phải biết rằng những của báu ngươi có, đều thuộc về ngươi, do ngươi thọ dụng, chẳng tưởng là của cha, chẳng tưởng là của con, cũng chẳng tưởng đến việc sử dụng. Ấy gọi là trì kinh Pháp Hoa, kiếp này sang kiếp khác, tay chẳng rời kinh, ngày đêm không lúc nào chẳng niệm vậy."

Pháp Đạt đội ơn khai ngộ, vui mừng khôn xiết, đọc kệ xưng tán rằng:

Tụng ba ngàn bộ kinh,
Tào Khê một câu quên
Chưa rõ lẽ xuất thế
Qua bao kiếp mê cuồng
Dê, nai, trâu giả lập
Trước sau, khéo giải bày
Ai hay trong nhà lửa,
Vốn thật Pháp trung vương.

Sư nói: "Từ nay có thể gọi ngươi là vị tăng niệm kinh."

Pháp Đạt từ đó lãnh được ý huyền diệu, nhưng cũng không thôi tụng kinh.

Có vị tăng hiệu Trí Thông, người huyện An Phong, Thọ Châu, trước xem kinh Lăng già có hơn ngàn lượt mà chẳng hiểu nghĩa Ba thân, Bốn trí đến lễ bái Sư cầu giải nghĩa.

Sư dạy rằng: "Một là thanh tịnh Pháp thân, tức là tánh của ngươi. Hai là viên mãn Báo thân, tức là trí của ngươi. Ba là Thiên bá ức Hoá thân, tức là hạnh của ngươi. Nếu lìa bản tánh riêng thuyết Ba thân, tức là có thân mà không có trí. Nếu nhận được Ba thân không có tự tánh, tức là Bốn trí Bồ-đề. Hãy nghe bài kệ này:

Tự tánh đủ Ba thân,
Phát minh thành Bốn trí.
Chẳng lìa duyên thấy nghe
Vượt lên quả vị Phật,
Nay ta vì ngươi thuyết,
Khéo tin, dứt lòng mê,
Chớ học kẻ tìm cầu,
Suốt ngày luận Bồ-đề.

Trí Thông lại hỏi: "Còn nghĩa Bốn trí có thể được nghe chăng?"

Sư dạy: "Đã hiểu Ba thân, tức rõ nghĩa Bốn trí, sao còn phải hỏi? Nếu lìa Ba thân riêng bàn Bốn trí, ấy gọi là có trí không thân. Cho dù có trí cũng thành vô trí." Liền thuyết kệ rằng:

Đại viên kính trí: tánh thanh tịnh
Bình đẳng tánh trí: tâm không bệnh.
Diệu quan sát trí: chẳng thấy công,
Thành sở tác trí: như gương tròn.
Năm, tám, sáu, bảy chuyển quả, nhân.
Chỉ là tên gọi, không tánh thật.
Nếu trong luân chuyển, tình chẳng vướng,

Khởi từ phiền não, Na già định.

Trí Thông bừng ngộ tánh trí, trình kệ rằng:

Ba thân nguyên bản thể,
Bốn trí tâm sáng soi
Thân trí, không ngăn ngại,
Tuỳ vật hiện theo hình.
Khởi tu là vọng động
Chấp trụ chẳng phải chân,
Lý mầu nhờ Thầy dạy,
Quên sạch danh nhiễm ô.

Có vị tăng hiệu Trí Thường, người huyện Quý Khê, Tín Châu, xuất gia từ thuở nhỏ, lập chí cầu thấy tánh. Một ngày kia đến tham lễ, Sư hỏi: “Ngươi từ đâu đến? Muốn cầu việc chi?” Đáp rằng: “Kẻ học đạo này gần đây qua Hồng Châu, đến núi Bạch Phong, lễ đại Thông Hoà thượng, mong được nghe giảng nghĩa thấy tánh thành Phật, nhưng vẫn chưa dứt lòng nghi. Nay lặn lội đường xa đến đây lễ bái, cúi xin Hoà thượng từ bi chỉ bảo.”

Sư hỏi: “Hoà thượng Đại Thông nói những gì, ngươi thử nhắc ta nghe xem.”

Trí Thường thưa: “Đệ tử đến đó, trải qua ba tháng, chưa được chỉ dạy điều chi. Bởi quá thiết tha cầu pháp, nên đêm kia mới một mình vào phương trượng, thưa hỏi rằng: “Thế nào là bản tâm, bản tánh của Trí Thường?” Sư Đại Thông hỏi lại: “Ngươi có thấy hư không hay chăng?” Đáp rằng: “Có thấy” Sư hỏi: “Ngươi thấy hư không có tướng mạo gì chăng?” Thưa rằng: “Hư không không có hình dạng, sao có tướng mạo?” Sư nói: “Bản tánh của ngươi cũng như hư không vậy, thảy không một vật gì có thể thấy, gọi là chánh kiến, không một vật gì có thể nhận biết, gọi là chân trí. Không có xanh vàng, dài ngắn, chỉ thấy gốc nguồn trong sạch, thể giác tròn sáng, gọi là thấy tánh thành Phật, cũng gọi là tri kiến Như Lai; kẻ học đạo này tuy nghe giảng vậy, vẫn còn chưa rõ hết. Xin Hoà thượng chỉ bảo cho.”

Sư nói: “Hoà thượng ấy thuyết vẫn còn giữ lấy chỗ thấy biết, cho nên khiến ngươi chưa hiểu. Nay ta cho ngươi bài kệ này:

Chẳng pháp nào thấy, còn không thấy,
Như mây u ám che mặt trời,
Chẳng pháp nào biết, giữ không biết
Lại như tia chớp sanh lưng trời.
Chỗ thấy biết ấy, bỗng dưng hiện,

Nhận lầm rồi, phương tiện hiểu đâu?
Ngươi nên mỗi niệm, tự biết quấy,
Tự thân linh quang thường chiếu rọi.

Trí thường nghe kệ, tâm ý sáng rõ, thuật kệ rằng:

Không dưng khởi thấy biết,
Chấp tướng cầu Bồ-đề
Còn giữ một niệm ngộ
Chưa vượt nhiều kiếp mê
Tự tánh giác nguyên thể,
Ứng hiện uổng trôi lăn.
Chẳng vào thất Tổ Sư,
Ngu mê theo hai đầu.

Một ngày kia, Trí Thường hỏi Sư rằng: "Phật thuyết Ba thừa, lại nói Tối thượng thừa. Đệ tử này chưa hiểu, xin Thầy dạy cho."

Sư nói: "Ngươi tự quán xét bản tâm, đừng vướng mắc pháp tướng bên ngoài. Pháp không có bốn thừa, chỉ tâm người tự có sai biệt: thấy nghe, chuyển tụng, ấy là bậc Tiểu thừa. Ngộ pháp, hiểu nghĩa, ấy là bậc Trung thừa. Y pháp tu hành, ấy là bậc Đại thừa. Muôn pháp đều thông hết, muôn pháp đủ cả, đối với hết thảy đều chẳng đắm nhiễm, lìa các pháp tướng, không có chỗ sở đắc, gọi là Tối thượng thừa. Thừa là nghĩa thực hành, chẳng phải tranh biện ở miệng. Ngươi nên tự tu hành, đừng hỏi ta vậy. Bất cứ lúc nào tự tánh vẫn tự như như."

Trí Thường lễ tạ, theo hầu Sư đến trọn đời.

Có vị tăng hiệu Trí Đạo, người huyện Nam Hải, Quảng Châu, thưa hỏi rằng: "Kẻ học đạo này từ khi xuất gia, xem Kinh Niết bàn có hơn mười năm nhưng chưa rõ đại ý. Xin Hoà thượng dạy cho."

Sư hỏi: "Ngươi chưa rõ chỗ nào?" Chí Đạo thưa: "Các hành vô thường, là pháp sanh diệt. Sanh diệt diệt rồi tịch diệt là vui. Đệ tử còn nghi hoặc chỗ ấy."

Sư hỏi: "Ngươi nghi hoặc thế nào?" Thưa rằng: "Chúng sanh đều có hai thân: Sắc thân và pháp thân. Sắc thân là vô thường, có sanh, có diệt. Pháp thân là thường: không tri, không giác. Trong kinh nói rằng: Sanh diệt, diệt rồi tịch diệt là vui. Chẳng rõ thân nào là tịch diệt? Thân nào hưởng vui? Nếu là sắc thân,thời lúc sắc thân diệt đi, tứ đại phân tán, toàn là khổ cả. Khổ, chẳng thể nói là vui. Nếu là pháp thân tịch diệt, liền đồng với cỏ cây, gạch đá, vậy cái gì sẽ hưởng sự vui? Lại nữa, Pháp tánh là thể của sanh diệt, năm uẩn là dụng của sanh diệt. Một thể, năm dụng sanh diệt là thường. Sanh tức do thể khởi dụng, diệt tức thâu

dụng về thể. Nếu cho nó sanh, tức là loài hữu tình, chẳng đoạn, chẳng diệt. Nếu chẳng cho nó sanh tức theo về tịch diệt, đồng với loài vô tình. Như vậy, hết thảy các pháp đều bị Niết bàn ngăn chặn, còn chẳng đặng sanh, có vui gì đâu?

Sư nói: "Ngươi là con nhà họ Thích, sao tập lấy cái tà kiến đoạn, thường của ngoại đạo mà bàn Pháp Tối thượng thừa?

"Cứ như thuyết của ngươi, tức là ngoài sắc thân, riêng có pháp thân, rời khỏi sanh diệt, cầu nơi tịch diệt. Lại suy rằng cảnh Niết bàn là thường tồn và vui, nên nói có thân thọ dụng. Đó tức là bám lấy cái ý tham tiết chuyện sống chết, say đắm cuộc vui ở đời. Nay ngươi nên biết rằng: Phật vì hết thảy người mê nhận năm uẩn hoà hiệp làm tướng tự thể, phân biệt hết thể các pháp làm tướng ngoại trần, tham sống sợ chết, niệm niệm trôi lăn, chẳng biết vốn là mộng huyễn hư dối, uổng chịu kiếp luân hồi, lấy cảnh Niết bàn thường, vui hoá làm tướng khổ suốt ngày rong ruổi tìm kiếm. Vì Phật thương những chúng sanh ấy mới chỉ ra cho cảnh vui chân thật của Niết bàn không một sát na nào có tướng sanh, không một sát na nào có tướng diệt, lại cũng không có sự sanh diệt có thể diệt ấy. Ấy là cảnh tịch diệt hiện tiền. Đương lúc hiện ra nơi hiện tiền, cũng không có cái hạn lượng nơi hiện tiền, mới gọi là cảnh thường, vui. Cảnh vui ấy không có người thọ lấy, cũng không có ai không thọ cả, làm sao lại có tên gọi là một thể năng dụng? Huống chi lại nói rằng Niết bàn ngăn chặn các pháp khiến cho mãi mãi chẳng sanh? Đó tức là báng bổ Phật, chê bai Pháp. Hãy nghe bài kệ này:

Đại Niết bàn trên hết,
Tròn sáng thường lặng chiếu.
Phàm ngu cho là chết
Ngoại đạo chấp dứt đoạn.
Những người cầu Nhị thừa,
Cho là không tạo tác.
Thảy đều thuộc tình si.
Hốc ở sáu hai kiến
Hư vọng giá lập tên,
Nào có nghĩa chân thật?
Chỉ có người cao vượt,
Thông đạt chẳng thấy bỏ.
Rõ biết pháp ngũ uẩn,
Với thân ta trong đó,
Ngoài hiện bao sắc tượng,

Mỗi mỗi tướng âm thanh.
Bình đẳng như mộng huyễn.
Chẳng khởi thấy thánh phàm.
Không luận giải Niết bàn,
Hai bên, ba thuở dứt.
Thường ứng dụng các căn,
Nhưng chẳng khởi dụng tưởng,
Phân biệt hết thảy pháp,
Chẳng khởi phân biệt tưởng,
Kiếp hoả thiêu đáy biển,
Gió chuyển núi đổ non.
Chân thường, vui, tịch diệt,
Niết bàn tướng vẫn vậy.
Nay ta gượng giải thuyết,
Khiến người bỏ tà kiến,
Chớ chạy theo lời nói,
May biết được đôi chút.

Chí Đạo nghe rồi đại ngộ, vui mừng làm lễ lui ra.

Hạnh Tư Thiền sư, họ Lưu, người huyện An Thành, Cát Châu, nghe danh Tào Khê giới pháp thạnh hoá, đi đường tắt đến tham lễ, hỏi rằng: "Nên làm việc gì để không rơi vào giai cấp?"

Sư hỏi: "Xưa nay ngươi đã từng làm gì?"

Thưa rằng: "Thánh đế cũng chẳng làm."

Sư hỏi: "Vậy thì rơi vào giai cấp nào?"

Thưa rằng: "Đến như Thánh đế còn chẳng làm, làm sao có giai cấp?"

Sư rất trân trọng, bảo Hành Tư: "Ngươi nên đi giảng hoá ở một phương, chớ để đoạn tuyệt."

Hành Tư đã đắc pháp, bèn về núi Thanh Nguyên nơi Cát Châu, mở rộng Phật pháp, nối bề giáo hoá. Sau được vua ban thuỵ hiệu là Hoằng Tế Thiền sư.

Hoài Nhượng Thiền sư, họ Đỗ, người Kim Châu. Thoạt tiên ra mắt An Quốc sư tại Tung Sơn. Quốc sư sai tới Tào Khê tham lễ học hỏi học hỏi. Hoài Nhượng liền đến lễ bái.

Sư hỏi rằng: "Từ đâu đến đây?"

Thưa rằng: "Từ Tung Sơn đến."

Sư hỏi: "Mang vật gì đến đó?"

Đáp: "Nói tợ như một vật tức là chẳng trúng rồi."

Sư hỏi: “Vậy có thể tu chứng chăng?”

Đáp: “Tu chứng tức chẳng không, ô nhiễm tức chẳng được.”

Sư nói: “Chỉ một đều chẳng ô nhiễm ấy, là chỗ chư Phật hộ niệm. Ngươi đã như vậy, ta cũng như vậy. Ngài Bát-nhã Ba la bên Tây Thiên có lời đoán trước rằng: “Dưới chân ngươi nhảy ra con ngựa con, đá giết người trong thiên hạ. Lời ấy ứng ở tâm nhà ngươi, chẳng nên vội nói.

Hoài Nhượng thoạt nhiên có chỗ khế hợp, bèn giữ lễ hầu hạ bên Sư đến mười lăm năm, ngày càng đi sâu vào chỗ huyền diệu, thâm áo. Sau về Nam Nhạc mở rộng Thiền tông, được sắc phong thụy hiệu là Đại Huệ Thiền sư.

Thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác, họ Đái, người Ôn Châu. Thuở nhỏ, học tập kinh luận, tinh thông pháp môn. Chi quán của phái Thiên Thai. Nhân đọc kinh Duy ma, tâm địa bừng sáng. Tình cờ có đệ tử của Lục Tổ là Huyền Sách, cùng nhau đàm luận nhiều lẽ. Huyền Giác nói ra mọi điều đều ngầm hợp với ý Tổ. Huyền Sách mới hỏi: “Chẳng hay nhân giả đắc pháp với ai?”

Đáp rằng: “Tôi học theo kinh luận Phương đẳng, đều là có truyền thừa. Sau do nơi Kinh Duy ma ngộ được tông chỉ nơi tâm Phật, nhưng chưa có ai chứng minh.”

Huyền Sách nói: “Từ đời Phật Oai Âm Vương trở về trước thì được, còn từ đời Phật Oai Âm vương về sau, nếu không có thầy mà tự ngộ, hầu hết đều là ngoại đạo.”

Huyền Giác nói: “Nguyện nhân giả chứng minh cho tôi.”

Huyền Sách đáp: “Lời của tôi chẳng xứng đáng. Nay tại Tào Khê có Lục Tổ Đại sư, bốn phương đều nhóm về thọ Pháp. Nếu ngài muốn đi thì tôi sẽ cùng đi.”

Huyền Giác bèn theo Huyền Sách đến tham lễ. Đến nơi, đi quanh Sư ba vòng, chống cây tích trượng mà đứng.

Sư nói: “Phàm bậc sa môn phải đủ ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh. Đại đức từ phương nào lại mà cao ngạo đến thế?”

Huyền Giác nói: “Sanh tử là việc lớn, vô thường mau chóng lắm.”

Sư nói: “Sao chẳng nhận lấy lý có sanh, hiểu chỗ không mau chóng?”

Đáp: “Thể tức vô sanh, hiểu vốn là không mau chóng.”

Sư nói: “Đúng vậy, đúng vậy.”

Huyền Giác bấy giờ mới chính đốn oai nghi mà lễ bái. Giây lát cáo từ.

Sư nói: "Về chóng thế sao?"

Thưa rằng: "Tự mình chẳng phải động, lại có mau chóng sao?"

Sư nói: "Ai biết chẳng phải động?"

Đáp: "Nhân giả tự sanh phân biệt."

Sư nói: "Ngươi thật hiểu sâu ý vô sanh."

Thưa: "Vô sanh lại có ý sao?"

Sư nói: "Không có ý thì ai phân biệt?"

Thưa rằng: "Phân biệt cũng chẳng phải là ý."

Sư nói: "Hay lắm thay!"

Sư Lưu Huyền Giác lại một đêm. Hồi ấy, người ta nhân đó mà gọi Huyền Giác là Nhất túc giác (một đêm giác ngộ). Sau Huyền Giác có viết Chứng đạo ca lưu hành rộng rãi trong đời. Thụy hiệu là Vô tướng Đại sư, người đương thời xưng là Chân Giác.

Thiền sư Trí Hoàng, trước tham lễ Ngũ Tổ, tự cho là mình đã được chánh thọ, ngồi luôn trong am đến hai mươi năm. Đệ tử của Lục Tổ là Huyền Sách đi du phương đến đất Hà Sóc, nghe danh Trí Hoàng, tìm đến am hỏi rằng: "Ngài ở đây làm gì?"

Trí Hoàng đáp: "Nhập định."

Huyền Sách hỏi: "Ngài nói nhập định là hữu tâm mà nhập hay vô tâm mà nhập? Nếu mà vô tâm mà nhập, thì hết thảy những vật vô tình như cỏ cây, gạch đá, lẽ ra cũng được định. Còn nếu là hữu tâm mà nhập, thì hết thảy những loài hữu tình có tâm thức cũng đều được định."

Trí Hoàng nói: "Ta đang lúc nhập định chẳng thấy có tâm hữu, vô."

Huyền Sách nói: "Chẳng thấy có tâm hữu vô, đó là thường định, sao còn có xuất nhập? Nếu là xuất nhập, tức chẳng phải đại định."

Trí Hoàng không đáp lại được. Hồi lâu mới hỏi rằng: "Thầy của ngươi là ai?"

Huyền Sách đáp: "Thầy tôi là Lục Tổ ở Tào Khê."

Trí Hoàng hỏi: "Lục Tổ lấy chi làm thiền định?"

Huyền Sách đáp: "Thầy tôi dạy chỗ mầu nhiệm, rỗng rang, tròn đầy, vắng lặng, thể là dụng như như. Năm ấm vốn không, sáu trần chẳng có, chẳng xuất chẳng nhập, chẳng định chẳng loạn. Tánh thiền không trụ, lìa chỗ nơi thiền vắng lặng. Tánh thiền không sanh, lìa tư tưởng sanh nơi cõi thiền. Tâm như hư không, cũng không có cả cái hạn lượng của hư không."

Trí Hoàng nghe thuyết vậy, liền theo đường tắt đến ra mắt Tổ Sư. Sư hỏi: "Nhân giả từ đâu đến đây?" Trí Hoàng thuật lại lời Huyền

Sách.

Sư nói: “Đúng như lời ấy. Ngươi chỉ cần tâm như hư không, cũng chẳng mắc vào chỗ thấy cái không, ứng dụng không ngăn ngại, động tĩnh đều vô tâm, chỗ tinh tưởng phàm thánh đều quên cả, năng sở đều mất, tánh tướng như như, thì không lúc nào là chẳng định.”

Trí Hoàng nghe xong đại ngộ, chỗ sở đắc của tâm trong hai mươi năm qua thật chẳng có ảnh hưởng gì. Đêm hôm ấy, sĩ thứ đất Hà Bắc nghe trên không trung có tiếng nói rằng: “Hôm nay, Hoàng Thiền sư đắc đạo.”

Sau đó Trí Hoàng làm lễ từ biệt, trở về Hà Bắc khai hoá bốn chúng.

Một vị tăng hỏi Sư rằng: “Ý chỉ của ngài Hoàng Mai người nào được?”

Sư đáp: “Người hiểu pháp Phật thì được.”

Vị tăng lại hỏi: “Hoà thượng có được chăng?”

Sư đáp: “Ta chẳng hiểu pháp Phật.”

Một ngày kia Sư muốn giặt tấm y của Ngũ Tổ truyền cho mà không gặp chỗ nước suối trong. Nhân đến phía sau chùa chừng năm dặm, thấy núi rừng rậm rạp đẹp đẽ, khí lành bao quanh. Sư liền cắm tích trượng xuống đất, suối liền theo đó chảy ra, đọng lại thành ao, bèn quì gối giặt y trên một hòn đá. Chợt có một vị tăng đến lễ bái nói rằng: “Phương Biện này là người Tây Tục. Trước ở miền Nam nước Thiên Trúc gặp Đạt ma Đại sư, bảo rằng: “Mau qua đất Đường, Chánh pháp nhãn tạng của ngài Đại Ca diếp và tấm y Tăng già lê do ta truyền, đã qua sáu đời, giờ đang ở Tào khê nơi Thiều Châu. Ngươi tới đó mà chiêm lễ, vậy nên Phương Biện từ xa đến đây, nguyện được thấy y bát Tổ truyền.”

Sư bèn lấy ra cho xem, rồi hỏi: “Thượng nhân chuyên nghề nghiệp gì?” Thưa rằng: “Khéo đắp tượng.”

Sư nghiêm sắc mặt, nói: “Ngươi thử đắp tượng ta đây xem.”

Phương Biện không từ chối. Qua mấy hôm sau đắp xong chân tướng, cao chừng bảy tấc, khéo léo tuyệt xảo. Sư cười nói: “Người chỉ đắp được hình tướng, chẳng đắp chẳng đắp được tánh Phật.”

Sư đưa tay xoa đầu Phương Biện, nói rằng: “Mãi mãi là ruộng phước cho cõi người và cõi trời.” Sư nhân đó lấy một tấm y mà đền công. Phương Biện nhận y chia làm ba phần: một phần đắp lên tượng, một phần để lại cho mình, một phần dùng cây gỗ tông bao lại, chôn xuống đất, lập lời thề rằng: “Về sau nếu có người được y này, chính là

ta lúc đó ra đời, trụ trì ở đây.”

Về sau, khi xây cất lại chùa vào năm Gia Hựu thứ tám đời nhà Tống, có vị tăng tên là Duy Tiên khi đào đất được mảnh y này, vẫn còn mới nguyên, liền mang về thờ nơi chùa Cao Tuyền, mỗi khi có cầu khẩn điều chi đều được linh ứng.

Có vị tăng đọc bài kệ của Thiền sư Ngọa Luân rằng:

Ngọa Luân rất hay khéo,
Dứt được trăm tư tưởng,
Đối cảnh, tâm chẳng khởi,
Bồ-đề ngày thêm lớn.

Sư nghe, dạy rằng: “Bài kệ ấy chưa rõ tâm địa, nếu y theo đó mà làm càng thêm trói buộc.” Nhân đó, Sư khai thị bằng bài kệ này:

Huệ Năng chẳng hay khéo,
Chẳng dứt trăm tư tưởng,
Đối cảnh, tâm thường khởi,
Bồ-đề nuôi lớn gì?

PHẨM THỨ TÁM
PHÁP ĐỐN VÀ TIỆM

Bấy giờ, Tổ sư ở chùa Bảo Lâm nơi Tào Khê, Thần Tú đại sư ở chùa Ngọc Tuyền nơi Kinh Nam. Lúc ấy, hai tông đều thạnh hoá. Người đời gọi là "Nam Năng, Bắc Tú", cho nên có sự phân ra hai pháp Đốn và Tiệm của hai tông Nam Bắc, làm cho người đọc chẳng biết theo về đâu. Sư vì mọi người mà nói rằng:

"Pháp vốn chỉ một tông, người có Nam Bắc. Pháp tức là một loại, chỗ thấy biết có chậm mau. Sao gọi là Đốn, Tiệm? Pháp không có Đốn Tiệm, chỉ vì người ta có lanh lợi, chậm lụt khác nhau, cho nên gọi là Đốn Tiệm đó thôi."

Nhưng môn đồ của Sư Thần Tú thường chê Tổ sư phía Nam rằng: Chẳng biết một chữ, có chi là giỏi?

Sư Thần Tú nói rằng: "Vị ấy được trí vô sư, ngộ sâu phép Thượng thừa, ta chẳng bằng được. Vả lại, thầy ta là Ngũ Tổ đích thân truyền pháp và y, nào phải vô cớ sao? Ta vẫn ân hận rằng chẳng thể vượt đường xa đến đó thân cận được với vị ấy, ở đây luống thọ ơn nước. Các ngươi đừng trì trệ mãi ở đây, nên tới Tào Khê tham yết mà học hỏi."

Ngày kia, sư Thần Tú bảo môn đồ là Chí Thành rằng: "Nhà ngươi thông minh tài trí, nên vì ta đến Tào Khê nghe Pháp. Nếu nghe được điều chi, hết lòng nhớ lấy, trở về nói cho ta nghe."

Chí Thành vâng lời đến Tào Khê, theo chúng tham học, nhưng chẳng nói là từ đâu đến. Khi ấy. Tổ Sư bảo chúng rằng: "Nay có kẻ trộm pháp lẩn trong Hội này."

Chí Thành liền bước ra lễ bái, nói rõ chuyện mình.

Sư nói: "Ngươi từ chùa Ngọc Tuyền đến đây để lén lút dò xét, phải không?" Đáp rằng: "Không phải." Sư nói: "Sao không phải được?" Thưa rằng: "Chưa nói ra là phải, đã nói ra rồi nên không phải."

Sư hỏi: "Thầy ngươi dạy chúng thế nào?"

Đáp: "Thầy tôi thường dạy chúng rằng: Trụ tâm quán sự yên tĩnh, ngồi hoài chẳng nằm."

Sư nói: "Trụ tâm quán sự yên tĩnh, đó là bệnh chứ chẳng phải thiền. Ngồi mãi là giam mình, theo lý có ích gì? Hãy nghe bài kệ này:

Lúc sống ngồi chẳng nằm;
Chết đi nằm chẳng ngồi.
Một bộ xương hôi thối.
Sao lấy đó lập công?"

Chí Thành lại làm lễ, thưa rằng: "Đệ tử này ở nơi đại sư Thần Tú, học đạo chín năm, chẳng được tỉnh ngộ. Nay vừa nghe Hoà thượng thuyết qua liền khế hợp bản tâm. Sanh tử là việc lớn, xin Hoà thượng đại từ bi chỉ dạy."

Sư nói: "Ta nghe thầy ngươi dạy pháp Giới Định Tuệ, chưa rõ thầy ngươi giảng thuyết hạnh, tướng Giới Định Tuệ thế nào? Ngươi tự nói ta xem."

Chí Thành nói: "Đại sư Thần Tú nói: "Mọi điều dữ đừng khởi lên, gọi là Giới. Mọi điều lành vâng làm theo, gọi là Tuệ. Tịnh lấy ý của mình, gọi là Định. Chưa rõ ở đây Hoà thượng dùng pháp gì dạy người?"

Sư nói: "Nếu ta nói có pháp dạy người, hoá ra nói dối ngươi. Chỉ tuỳ phương tiện mà mở trói, tạm gọi là Tam muội. Như nghĩa Giới Định Tuệ của thầy ngươi thuyết, thật chẳng thể nghĩ bàn được. Chỗ kiến giải của ta về Giới Định Tuệ lại khác."

Chí Thành hỏi: "Giới Định Tuệ lẽ ra chỉ một, sao lại có khác?"

Sư nói: "Giới Định Tuệ của thầy ngươi dạy người đại thừa. Giới Định Tuệ của ta dạy người Tối thượng thừa. Chỗ ngộ, giải chẳng đồng nhau; chỗ thấy biết có mau, có chậm. Ngươi hãy nghe ta thuyết, xem có giống thầy ngươi chăng? Chỗ thuyết pháp của ta chẳng rời khỏi tự tánh. Nếu rời khỏi thể tự tánh mà thuyết pháp, gọi là tướng thuyết, tự tánh thường mê. Nên biết rằng hết thảy muôn pháp đều tự tánh khởi dụng, ấy là pháp Giới Định Tuệ chân thật. Hãy nghe bài kệ này:

Tâm không sai quấy, tự tánh Giới,
Tâm không ngu si, tự tánh Tuệ,
Tâm không tán loạn, tự tánh Định.
Chẳng thêm chẳng bớt, như kim cang,
Thân dù qua lại, thường trong định."

Thành nghe kệ, ăn năn cảm tạ, liền trình kệ rằng:

Năm uẩn huyễn hình,
Huyễn sao cứu cánh?
Quày đuổi chân như,
Pháp thành chẳng tịnh.

Sư nhận cho là được. Lại nói với Chí Thành: "Giới Định Tuệ của thầy ngươi khuyên người trí nhỏ căn thấp, Giới Định Tuệ của ta khuyên người trí tuệ đại căn. Nếu ngộ tự tánh, lại chẳng lập Bồ-đề Niết bàn, cũng chẳng lập Giải thoát tri kiến."

"Không một pháp có thể đắc, mới kiến lập được muôn pháp. Nếu

hiểu rõ ý ấy, cũng gọi là Phật thân, cũng gọi là Bồ-đề Niết bàn, cũng gọi là Giải thoát tri kiến. Người thấy tánh, lập cũng được, chẳng lập cũng được, qua lại tự do, không trì trệ, ngăn ngại. Ứng dụng tuỳ việc làm, theo lời mà đáp, thấy khắp hoá thân, chẳng lìa tự tánh, tức được thần thông tự tại du hý Tam-muội, đó gọi là thấy tánh."

Chí Thành lại hỏi Sư rằng: "Thế nào là nghĩa chẳng lập?"

Sư đáp: "Tự tánh không sai quấy, ngu si, tán loạn, Tánh Bát-nhã thường luôn quán chiếu, lìa khỏi pháp tướng, tự do tự tại, dọc ngang đều được, có chi lập được? Tánh mình tự ngộ, tức thời giác ngộ, tức thời tu trì, chẳng có lần lượt thứ lớp, vậy nên chẳng lập pháp nào hết thảy. Các pháp đều tịch diệt, có thứ lớp gì đâu?"

Chí Thành lễ bái, nguyện theo làm kẻ hầu hạ sớm chiều.

Có vị tăng hiệu Chí Triệt, người Giang Tây, vốn trước là họ Trương, tên Hành Xương. Thuở nhỏ tánh tình hung hăng.

Từ khi Nam tông, Bắc tông phân nhau mà hoá độ, hai vị tông chủ tuy chẳng đố kỵ nhau, mà môn đồ thường khởi lòng yêu ghét.

Thuở ấy, môn nhân Bắc tông tự lập đại sư Thần Tú làm Tổ thứ sáu, lại sợ việc Tổ Sư được truyền y thiên hạ đều nghe, bèn cậy Hành Xương đến hành thích. Tâm Sư thông tuệ, biết trước việc ấy, liền sắp đặt mười lượng vàng nơi chỗ ngồi. Đêm tối Hành Xương vào thất Tổ Sư, muốn ra tay làm hại. Sư vươn cổ đưa ra cho chém, mà Hành Xương vung đao ba lần đều không tổn hại đến ngài.

Sư nói: "Gươm chánh chẳng tà, gươm tà chẳng chánh. Chỉ nợ ngươi vàng, chẳng nợ ngươi mạng."

Hành Xương hoảng vía, lăn ra bất tỉnh. Hồi lâu hoàn hồn, cầu xin sám hối, nguyện xuất gia tức thời. Sư đưa vàng cho mà bảo rằng: "Ngươi nên đi nhanh, kẻo đồ chúng hay được sẽ hại ngươi. Ngày sao cải dạng đến đây, ta sẽ thâu nhận."

Hành Xương vâng lời trốn đi. Về sau xuất gia, thọ đủ giới luật tinh tấn. Ngày kia nhớ lời Sư dặn mới từ xa đến lễ. Sư nói: "Ta nghĩ đến ngươi đã lâu, sao đến trễ vậy?"

Thưa rằng: "Ngày trước đội ơn Hoà thượng xá tội, nay tuy xuất gia khổ hạnh, rốt lại cũng khó đáp đền. Chỉ biết cố gắng truyền pháp độ sanh thôi. Đệ tử thường xem Kinh Niết bàn, chưa hiểu nghĩa thường, vô thường. Xin Hoà thượng từ bi lược thuyết cho."

Sư đáp: "Vô thường tức là Phật tánh, hữu thường tức tâm phân biệt hết thảy các pháp thiện ác."

Thưa rằng: "Hoà thượng thuyết như vậy trái hẳn với kinh văn."

Sư nói: "Ta truyền tâm ấn Phật, sao dám trái với kinh Phật?"

Thưa rằng: "Trong kinh nói Phật tánh là thường. Hoà thượng lại nói vô thường. Các pháp thiện ác, cho đến cả tâm Bồ-đề đều là vô thường. Hoà thượng lại nói là thường. Đó là trái nhau, khiến đệ tử càng thêm nghi hoặc."

Sư nói: "Kinh Niết bàn, trước đây ta có nghe ni sư Vô Tạn Tạng tụng qua một lượt, liền vì bà ấy mà giảng thuyết, không một chữ, một nghĩa nào chẳng hợp kinh. Đến nay vì người mà thuyết, vẫn không sai khác."

Thưa rằng: "Kẻ học đạo này kiến thức nông cạn, tối tâm. Nguyện Hoà thượng chỉ dạy cho cặn kẽ."

Sư nói: "Ngươi nên biết, Phật tánh nếu thường, thì thuyết làm gì các pháp thiện ác, cho tới cùng kiếp cũng không có lấy một người phát tâm Bồ-đề. Cho nên ta nói vô thường chính là cái đạo chân thường của Phật thuyết vậy. Lại nữa, hết thảy các pháp nếu như vô thường, tức nhiên mọi vật đều riêng có một tánh, dung nạp và thọ lấy sự sống chết, vậy là tánh chân thường còn có chỗ chưa bap quát. Cho nên ta nói thường, là cái nghĩa chân vô thường của Phật thuyết. Phật vì kẻ phàm phu ngoại đạo chấp lẽ tà thường, vì hàng Nhị thừa chấp thường là vô thường, hợp thành tám thứ điên đảo, cho nên trong giáo pháp Niết bàn rốt ráo mới phá bỏ những chỗ kiến giải thiên lệch đó mà nói rõ nghĩa chân thường, chân lạc, chân ngã, chân tịnh. Nay ngươi lại chấp theo lời, hiểu trái với nghĩa, lấy chỗ vô thường có đoạn diệt và chỗ thường chắc chắn dứt mất mà giải lầm lời viên diệu sau cùng của Phật, dù xem kinh đến ngàn lượt phỏng có ích gì?"

Hành Xương bỗng nhiên đại ngộ, thuyết kệ rằng:

Người chấp tâm vô thường,
Phật thuyết tánh hữu thường,
Không hiểu rõ phương tiện,
Như ao xuân nhặt sỏi.
Ta nay chẳng tốn công,
Mà Phật tánh hiện tiền,
Chẳng phải thầy truyền trao,
Cũng chẳng có chỗ đắc.

Sư nói: "Nay ngươi thật đã thật thấu triệt, nên lấy tên là Chí Triệt." Chí Triệt lễ tạ mà lui ra.

Có một đồng tử mười ba tuổi, tên Thần Hội, con nhà họ Cao tại huyện Tương Dương, từ chùa Ngọc Tuyền đến tham lễ Sư.

Sư hỏi: "Bậc tri thức từ xa khó nhọc đến, vậy đã được chỗ cội gốc ban sơ hay chưa? Nếu được hẳn phải biết chủ. Thử nói ra xem."

Thần Hội nói: "Lấy vô trụ làm gốc, thấy tức là chủ."

Sư nói: "Chú sa di nhỏ này tranh giữ lấy câu thứ yếu."

Thần Hội bèn hỏi: "Hoà thượng ngồi thiền, thấy hay chẳng thấy?"

Sư lấy gậy đánh ba cái, hỏi rằng: "Ta đánh nhà ngươi, đau hay không đau?"

Thưa rằng: "Cũng đau, cũng không đau."

Sư nói: "Ta cũng thấy, cũng chẳng thấy."

Thần Hội hỏi: "Thế nào là cũng thấy, cũng chẳng thấy?"

Sư nói: "Chỗ ta thấy, thường thấy đều lầm lỗi trong tâm mình, chẳng thấy điều phải quấy, tốt xấu của người khác. Bởi vậy cho nên cũng thấy, cũng chẳng thấy. Còn ngươi nói "Cũng đau, cũng chẳng đau." Là thế nào? Ngươi nói chẳng đau, tức đồng với cây đá. Nếu đau, tức đồng với kẻ phàm phu, liền khởi oán giận. Ngươi từ trước thấy và chẳng thấy là hai bên; đau và chẳng đau là sanh diệt. Tự tánh của ngươi, ngươi còn chẳng thấy, sao dám đùa người?"

Thần Hội lễ bái, ăn năng tạ lỗi. Sư lại nói: "Ngươi nếu tâm mê chẳng thấy, nên hỏi bậc thiện tri thức chỉ đường cho. Nếu tâm ngộ, tức tự thấy tánh, liền y theo pháp mà tu hành. Nay ngươi mê chẳng thấy tự tâm, lại đến đây hỏi ta thấy với chẳng thấy. Ta thấy, ta tự biết, lẽ đâu mê thay cho ngươi? Ngươi nếu tự thấy, cũng chẳng mê thay cho ta. Sao chẳng tự biết tự thấy, lại hỏi ta thấy với chẳng thấy?"

Thần Hội lại lạy hơn trăm lạy, cầu tạ lỗi lầm. Từ đó siêng năng hầu hạ bên Sư chẳng rời.

Một ngày kia. Sư bảo chúng rằng: "Ta có một vật không đầu không đuôi, không danh không tự, không lưng không mặt. Các người có biết gì chăng?"

Thần Hội bước ra nói: "Đó là nguồn gốc của chư Phật, Phật tánh của Thần Hội."

Sư nói: "Vừa nói với ngươi không danh không tự, ngươi lại đặt ngay ra nguồn gốc, Phật tánh. Ngươi về sau có ở chốn am tranh, cũng chỉ thành tông đồ của bọn tri giải."

Sau khi Tổ Sư diệt độ, Thần Hội vào Kinh Lạc, mở rộng Đốn giáo Tào Khê, soạn bộ sách Hiển Tông Ký lưu hành rộng rãi trong đời, lấy hiệu là Hà Trạch Thiền sư.

Sư thấy các tông phái vấn nạn, thảy điều khởi tâm ác, Ngài thương

tình mới nhóm đồ chúng lại mà dạy rằng: "Người học đạo, hết thảy tâm thiện ác đều nên dứt sạch, không tên nào có thể gọi, tên ở tự tánh. Tánh không phân biệt, gọi là thật tánh. Từ trên thật tánh, kiến lập ra hết thảy giáo môn: vừa nghe qua liền tu hành tự tánh."

Mọi người nghe giảng, thảy đều lễ bái, nguyện thờ làm thầy.

PHẨM THỨ CHÍN
ỦNG HỘ PHẬT PHÁP

Ngày tiết thượng nguyên trong năm đầu niên hiệu, Thần Long, Tắc Thiên Thái Hậu và Trung Tâm Hoàng đế ban chiếu rằng:

"Trẫm thỉnh hai vị sư Huệ An và Thần Tú vào cung cúng dường, để khi việc nước rảnh rang có thể tham học giáo pháp Nhất thừa. Hai sư từ chối, nói rằng: "Phương Nam có Huệ Năng Thiền sư được Hoằng Nhẫn đại sư mật truyền y pháp, hiện truyền tâm ấn Phật, nên thỉnh vị ấy mà hỏi. Nay sai nội thị là Tiết Giản mang chiếu chỉ đến thỉnh rước. Mong sư mở niệm từ, mau đến kinh thành."

Sư dâng biểu cáo là có bịnh, xin được trọn đời ở nơi rừng núi. Tiết Giản thưa rằng:

"Các vị thiền đức tại kinh thành nói rằng: "Muốn được hiểu đạo, phải ngồi thiền tập định. Như chẳng nhờ thiền định mà được giải thoát, thật là chưa có. Chẳng hay ý thuyết pháp của Ngài như thế nào?"

Sư đáp: "đạo do tâm ngộ, có phải ở chỗ tập ngồi đó sao? Kinh nói: "Nếu bảo Như Lai ngồi hoặc nằm, ấy là hành đạo tà. Cớ sao vậy? Vì không do chỗ nào mà lại, cũng không đi đến chỗ nào, không sanh không diệt, ấy là phép thiền thanh tịnh của Như Lai. Các pháp đều như hư không tịch tĩnh, ấy là phép ngồi thanh tịnh của Như Lai. Rốt cuộc còn không có chỗ chứng đắc, huống lại phải ngồi sao?"

Tiết Giản thưa rằng: "Đệ tử về kinh. Chúa thượng ắt phải hỏi. Nguyện sư từ bi, chỉ bảo cho chỗ tâm yếu để tâu lên hai cung và truyền lại với những người học đạo nơi kinh thành. Ví như một ngọn đèn nối qua trăm ngàn ngọn đèn, các chỗ tối đều sáng, sáng hoài không dứt."

Sư nói: "Đạo không có sáng tối. Sáng tối là nghĩa thay đổi nối tiếp nhau. Sáng hoài không hết, cũng nghĩa là có hết. Đối đãi nhau mà thành tên cho nên kinh Tịnh Danh nói: Pháp không có so sánh, không có đối đãi."

Tiết Giản nói: "Sáng trí cho trí tuệ, tối ví cho phiền não. Người tu hành nếu chẳng đem trí tuệ chiếu phá phiền não thì vòng sanh tử từ vô thủy đến nay nhờ đâu mà ra khỏi?"

Sư nói: "Phiền não tức Bồ-đề, không hai, không khác. Nếu đem trí tuệ chiếu phá phiền não, đó là kiến giải của hàng Nhị thừa, là căn cơ của hạng xe dê, xe hươu. Hàng đại căn, thượng trí chẳng phải như vậy."

Tiết Giản hỏi: "Thế nào là kiến giải của đại thừa?"

Sư đáp: "Sáng với không sáng, kẻ phàm phu thấy là hai. Người trí giả liễu đạt thấy tánh của sáng tối vốn chẳng có hai. Tánh không hai đó là tánh thật. Tánh thật ở người phàm phu chẳng bớt, chỗ bậc hiền thánh cũng chẳng thêm; trụ nơi phiền não mà chẳng tán loạn; ở nơi thiền định cũng chẳng vắng lặng, chẳng dứt mất, chẳng thường còn, chẳng lại, chẳng qua; chẳng ở khoảng giữa, cùng là trong ngoài, chẳng sanh ra, chẳng diệt mất, tánh tướng đều như như, thường trụ chẳng chuyển dời, đó gọi là Đạo."

Tiết Giản hỏi: "Sư nói chẳng sanh chẳng diệt, có khác gì ngoại đạo?"

Sư đáp: "Ngoại đạo nói chẳng sanh chẳng diệt, đó là lấy chỗ diệt mà dừng chỗ sanh; lấy chỗ sanh mà bày rõ chỗ diệt. Chỗ diệt, họ nói thành chẳng diệt; chỗ sanh họ nói là chẳng sanh. Ta nói chẳng sanh chẳng diệt đây là vốn xưa không sanh, nay cũng chẳng diệt, cho nên chẳng đồng với ngoại đạo. Ngươi nếu muốn biết chỗ tâm yếu, chỉ cần đối với hết thảy việc thiện ác đều không suy lường, tự nhiên sẽ được tâm thể thanh tịnh, sáng tỏ thường tịch, chỗ diệu dụng nhiều như cát sông Hằng."

Tiết Giản nhờ ơn chỉ dạy, thoát nhiên đại ngộ. Lễ bái từ biệt về triều, dâng biểu tâu lên lời nói của Sư. Ngày mùng ba tháng chín năm ấy, có chiếu dụ ban khen Sư rằng: "Sư lấy cớ già yếu, vì trẫm mà lo tu đạo, ấy là ruộng phước của cả nước. Sư cũng như ngài Tịnh Danh cáo bịnh ở thành Tỳ da, xiển dương đại thừa, truyền tâm của chư Phật, luận pháp bất nhị. Tiết Giản có truyền lại lời Sư chỉ rõ tri kiến Như Lai, Trẫm nhờ chất chứa nhân lành, trồng sẵn thiện căn, nên mới gặp lúc Sư ra đời, đốn ngộ pháp thượng thừa, cảm đội ơn Sư mãi mãi không hết! Nay xin dâng tấm áo cà sa Ma nạp và bình bát thuỷ tinh. Lệnh cho quan Thứ sử Thiều Châu sửa sang lại cảnh chùa, và ban hiệu cho chỗ ở cũ của Sư là Chùa Quốc Ân."

PHẨM THỨ MƯỜI
DẶN DÒ

Một ngày kia, Sư gọi hết môn đồ như các vị Pháp Hải, Chí Thành, Pháp Đạt, Thần Hội, Trí Thường, Trí Thông, Chí Triệt, Chí Đạo, Pháp Trân, Pháp Như... mà dạy rằng:

"Các ngươi chẳng giống như người khác, sau khi ta diệt độ mỗi người đều làm thầy một phương. Vậy ta dạy các ngươi cách thuyết pháp chẳng mất bản tông.

"Trước hết nên đưa ra Pháp môn ba khoa, chỗ rộng chỗ dụng gồm ba mươi sáu pháp đối. Ra vào lìa cả hai bên, thuyết tất cả pháp chẳng lìa tự tánh. Chợt có người đến hỏi pháp, nói ra lời nào đều nêu thành cặp, đều lấy pháp đối, chỗ đến chỗ đi làm nhân cho nhau. Cứu cánh thì hai pháp đều trừ hết, không có cả nơi đi nữa.

"Pháp môn ba khoa đó là: ấm, giới, nhập. Ấm là năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nhập là mười hai nhập, gồm có bên ngoài và sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; bên trong sáu cửa: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Giới là mười tám giới, gồm sáu trần, sáu cửa và sáu thức. Tự tánh hàm chứa được muôn pháp, gọi là Hàm tàng thức. Nếu khởi sự suy lường, tức liền chuyển thức, sanh sáu thức, ra sáu cửa, thấy sáu trần, như vậy tất cả mười tám giới đều do tự tánh khởi dụng. Tự tánh nếu tà, khởi nên mười tám pháp tà; tự tánh nếu chánh, khởi nên mười tám pháp chánh. Nếu chỗ dụng ác, tức chỗ dụng của chúng sanh; nếu chỗ dụng thiện, tức là chỗ dụng của Phật.

"Chỗ dụng đó do nơi đâu? Do tự tánh mà có các pháp đối nơi ngoại cảnh. Vô tình có năm cặp đối: trời đối với đất, mặt trời đối với mặt trăng, sáng đối với tối, âm đối với dương, nước đối với lửa. Đó là năm cặp đối nhau.

"Pháp tướng là ngôn ngữ có mười hai cặp đối nhau: lời nói đối với pháp, có đối với không, sắc đối với không sắc, tướng đối với không tướng, hữu lậu đối với vô lậu, sắc đối với không, động đối với tĩnh, trong đối với đục, phàm đối với thánh, tăng đối với tục, già đối với trẻ, lớn đối với nhỏ. Đó là mười hai cặp đối nhau.

"Tự tánh khởi dụng mười chín cặp đối nhau: dài đối với ngắn, tà đối với chánh, si đối với tuệ, ngu đối với trí, loạn đối với định, từ đối với độc, trì giới đối với sai quấy, chánh trực đối với tà vạy, thật đối với hư, hiểm đối với bình, phiền não đối với Bồ-đề, thường đối với vô thường, bi đối với hại, mừng đối với giận, bố thí đối với bủn xỉn, tới đối với lui,

sanh đối với diệt, pháp thân đối với sắc thân, hoá thân đối với báo thân. Đó là mười chín cặp đối nhau.

"Ba mươi sáu pháp đối ấy, nếu hiểu cách dùng, tức nói được thông suốt hết thảy kinh phpá, ra vào lìa khỏi hai bên. Tự tánh động dụng, cùng người nói năng. Bên ngoài ở nơi tướng lìa khỏi tướng, bên trong ở nơi không lìa khỏi không. Nếu trọn vướng mắc vào tướng, tức là tăng thêm tà kiến. Nếu trọn chấp lấy không, tức là tăng thêm vô minh. Những người chấp không huỷ báng kinh điển, liền nói thẳng là chẳng dùng văn tự. Nếu đã nói chẳng dùng văn tự, người ta lẽ ra chẳng cần đến ngôn ngữ. Chỉ lời nói ấy, cũng là tướng văn tự. Lại nói rằng, chỉ thẳng chẳng lập văn tự. Tức nhiên hai chữ chẳng lập cũng là văn tự rồi. Thấy người thuyết pháp liền chê bai, bảo là mắc vào văn tự. Các ngươi nên biết rằng, tự mình ngu mê còn nhẹ, lại đi huỷ báng kinh Phật! Chẳng suy xét rằng huỷ báng kinh điển, tội chướng không nói hết!

"Nếu vướng mắc lấy tướng ở ngoài làm pháp cầu chân, hoặc rộng mở đạo tràng thuyết những lẽ có không lầm lạc, những người như vậy dẫu qua nhiều kiếp cũng chẳng thể thấy tánh. Chỉ nghe rồi y theo pháp mà tu hành, đừng nên cố dứt cho hết trăm mối nghĩ mà đối với đạo phải bị che chướng. Nếu nghe thuyết mà chẳng tu, khiến cho người ngược lại sanh ra tà niệm. Chỉ y như pháp mà tu hành, là bố thí pháp không trụ nơi tướng.

"Các ngươi nếu mà ngộ đạo, hãy y theo đó mà thuyết, y theo đó mà dùng, y theo đó mà hành, y theo đó mà làm, tức là chẳng mất bản tông. Nếu có người hỏi nghĩa, khi hỏi có mà dùng không mà đáp; hỏi không dùng có mà đáp; hỏi thánh dùng phàm mà đáp; hỏi phàm dùng thánh mà đáp. Hai bên làm nhân cho nhau, sanh ra nghĩa trung đạo. Cứ thế, một hỏi thì một đáp, dù có hỏi nhiều câu khác, cũng cứ y theo cách ấy mà đáp, tức không thất lý. Giả như có người hỏi rằng: "Thế nào gọi là tối?" Đáp rằng: "Sáng là nhân, tối là duyên. Sáng hết thời tối". Đem lẽ sáng làm rõ lẽ tối, đem lẽ tối làm rõ lẽ sáng. Qua lại làm nhân cho nhau, thành nghĩa trung đạo. Dù hỏi thêm nữa, cũng đều như thế mà đáp. Các ngươi về sau này truyền pháp, y theo cách ấy mà truyền trao dạy dỗ, đừng bỏ mất tông chỉ."

Tháng bảy năm Nhâm Tý! Sư bảo môn đồ qua chùa Quốc Ân tại Tân Châu xây tháp, hối thúc thợ làm nhanh, qua cuối mùa hạ năm sau làm lễ khánh thành.

Mùng một tháng bảy, Sư nhóm đồ chúng, dạy rằng: "Đến tháng tám này, ta muốn lìa khỏi thế gian. Các ngươi có đều nghi nên hỏi sớm

đi, ta phá nghi cho, khiến các ngươi hết mê. Sau khi ta đi rồi, không có người dạy các ngươi.”

Pháp Hải cùng các môn đồ nghe lời này thảy đều sa nước mắt khóc. Duy chỉ có Thần Hội là thần sắc không thay đổi, chẳng khóc, Sư nói: “Tiểu sư Thần Hội đạt được chỗ thiện, bất thiện như nhau, chê khen chẳng động, buồn vui chẳng sanh; còn những người khác chẳng được gì cả. Vậy bao năm nay ở chùa, các ngươi tu pháp chi? Nay các ngươi bi lụy, ấy là vì ai mà lo? Nếu lo vì ta chẳng biết nơi đi, thì ta tự biết nơi đi. Nếu ta chẳng biết nơi đi, thì đã chẳng báo trước với các ngươi. Các ngươi bi lụy, thật là vì chẳng biết chỗ ta đi. Nếu biết chỗ ta đi, ắt chẳng nên bi lụy. Pháp tánh vốn không có sanh diệt, đến đi. Tất cả hãy ngồi lại đây nghe ta thuyết một bài kệ, gọi là kệ Chân Giả Động Tĩnh. Tụng bài kệ này là với ta cùng một ý. Y theo đó mà tu hành, sẽ chẳng mất tông chỉ.”

Chúng tăng làm lễ, thỉnh Sư nói kệ:

Hết thảy không có chân,
Đừng xem đó là chân.
Nếu thấy lẽ chân thật,
Thấy tất cả không chân.
Nếu tự mình có chân.
Lìa giả tức tâm chân.
Tự tâm chẳng lìa giả,
Không chân, chốn nào chân?
Có tình liền biết động.
Nếu tu theo chẳng động.
Đồng vô tình chẳng động.
Nếu tìm thật chẳng động.
Nơi động có chẳng động.
Chẳng động là chẳng động.
Vô tình không mầm Phật.
Khéo phân biệt được tướng,
Nghĩa đệ nhất chẳng động.
Chỉ nhìn theo cách ấy.
Tức là chân như dụng.
Khuyên những người học đạo.
Gắng sức nên dụng ý.
Đừng đến chỗ Đại thừa,
Lại chấp lấy trí sanh tử.

Nếu nghe qua tương ứng.
Liền cùng bàn nghĩa Phật.
Nếu thật chẳng tương ứng,
Chắp tay, tuỳ hoan hỷ.
Tông này vốn không tranh,
Tranh liền mất đạo ý.
Vướng mắc chỗ nghịch tranh,
Tự tánh vào sanh, tử.

Khi ấy, đồ chúng nghe thuyết kệ rồi, tất cả đều làm lễ. Thể theo ý Sư, thảy đều thâu nhiếp tâm, y theo pháp mà tu hành, chẳng tranh luận nữa. Biết là đại sư chẳng còn trụ lâu ở đời, Pháp Hải liền lên toà, lạy hai lạy, thưa hỏi rằng:

"Sau khi Hoà thượng nhập diệt, y pháp nên truyền cho người nào?"

Sư đáp rằng: "Những điều ta thuyết giảng từ khi ở chùa Đại Phạm cho tới nay, hãy ghi chép lại mà cho lưu hành, đề tựa là Kinh Pháp Bảo Đàn. Các ngươi hãy giữ gìn, truyền trao cho nhau, độ khắp quần sanh. Chỉ y theo đó, gọi là chánh pháp. Nay ta vì mọi người mà thuyết pháp, chứ chẳng truyền y. Vì lòng tin của các ngươi đã thuần thục, quyết định không còn nghi ngờ, có thể nhận nổi việc lớn. Lại theo ý Tổ Đạt ma truyền kệ, thì y chẳng nên truyền. Kệ như thế này:

Ta vốn đến nơi này,
Truyền pháp cứu người mê.
Một hoa nở năm cánh,
Kết quả tự nhiên thành.

Sư lại dạy rằng: ""Các vị thiện tri thức! Hãy tịnh tâm nghe ta thuyết pháp: Nếu muốn thành tựu trí tuệ, phải đạt được Nhất tướng Tam-muội và Nhất hạnh Tam-muội.

"Như ở khắp mọi nơi mà chẳng trụ nơi tướng, ở trong tướng ấy chẳng sanh lòng yêu ghét, cũng không lấy bỏ, chẳng nghĩ những sự lợi ích, thành hoại, trong tâm an nhàn, điềm tĩnh, rỗng rang, đạm bạc, đó gọi là Nhất tướng Tam-muội.

"Như ở khắp mọi nơi, trong khi đi đứng nằm ngồi, thuần một lòng ngay thẳng, chẳng động đạo tràng, thật thành tựu Tịnh độ, đó gọi là Nhất hạnh Tam-muội.

"Nếu người nào đủ hai loại Tam-muội ấy, như đất có sẵn mầm giống, hàm chứa, nuôi dưỡng cho lớn để thành thục kết quả. Nhất tướng Tam-muội, Nhất hạnh Tam-muội cũng giống như vậy. Nay ta thuyết

pháp như mưa đúng mùa, thấm nhuần khắp mặt đất. Phật tánh của các ngươi như những hạt giống gặp mưa, thảy đều phát sanh. Theo lời chỉ bảo của ta, quyết sẽ được Bồ-đề; theo như hạnh của ta, nhất định chứng hiệu quả. Hãy nghe bài kệ này:

Đất tâm sẵn giống lành,
Gặp mưa, nảy mầm sanh.
Bừng ngộ tình hoa rồi,
Quả Bồ-đề tự thành."

Sư thuyết kệ rồi, lại nói rằng: "Pháp chẳng phân hai, tâm cũng như vậy. Đạo vốn thanh tịnh, cũng không có các tướng. Các ngươi cẩn thận, chớ rơi vào chỗ quán tịnh hoặc cố làm trống không tâm mình. Tâm này vốn tịnh, không thể lấy, không thể bỏ. Mỗi người nên tự mình gắng sức, khéo tuỳ duyên mà đi đi."

Khi ấy, đồ chúng đều làm lễ mà lui ra.

Ngày mùng tám tháng bảy, Đại sư thình lình bảo chúng môn đồ rằng: "Ta muốn về Tân Châu, các ngươi mau chuẩn bị thuyền."

Đại chúng buồn thảm, thiết tha cầm lại. Sư nói:

"Chư Phật ra đời còn thị hiện nhập Niết bàn. Có đến tất có đi, cũng là lẽ đương nhiên. Hình hài này của ta ắt có chỗ về."

Đại chúng thưa hỏi: "Từ đây Sư đi, sớm muộn rồi có trở về chăng?"

Sư nói: "Lá rụng về cội."

Ngày về không nói.

Chúng lại hỏi rằng: "Chánh pháp nhãn tạng, truyền cho ai?"

Sư đáp: "Ai có đạo thì được, ai vô tâm thì không hiểu."

Chúng lại hỏi: "Về sau không có nạn gì chăng?"

Sư đáp rằng: "Sau khi ta tịnh diệt chừng năm, sáu năm, sẽ có một người đến lấy đầu ta. Hãy nghe lời sấm này:

Đầu thờ cha mẹ,
Miệng cần miếng ăn.
Gặp nạn tên Mãn,
Dương, Liễu làm quan.

Sư lại nói: "Sau khi ta đi bảy mươi năm, có hai vị Bồ tát từ phương Đông lại, một vị xuất gia, một vị tại gia, đồng thời chấn hưng, giáo hoá, gây dựng lại tông phái, xây dựng lại cảnh chùa, làm cho thạnh vượng đạo pháp."

Chúng lại hỏi: "Từ Phật tổ ứng hiện đến nay truyền trao đã mấy đời, xin chỉ bảo cho biết."

Sư đáp: "Phật xưa ứng thế nhiều vô số, không thể tính đếm, kể hết. Nay chỉ lấy bảy vị làm đầu. Đời quá khứ Trang nghiêm Kiếp có Phật Tỳ bà thi, Phật Thi khí, Phật Tỳ xá phù. Về Hiền Kiếp này có Phật Câu lưu tôn, Phật Câu na hàm Mâu ni, Phật Ca diếp và Phật Thích ca. Đó là bảy vị Phật.

"Phật Thích ca bắt đầu truyền cho Tôn giả Ma ha Ca diếp là Tổ thứ nhất.

"Tổ thứ hai là Tổ A nan, Tổ thứ ba là Tôn giả Thương na Hoà tu, Tổ thứ tư là Ưu ba cúc đa, Tổ thứ năm là Tôn giả Đề đa ca, Tổ thứ sáu là Tôn giả Di giá ca, Tổ thứ bảy là Tôn giả Bà tu mật đa, Tổ thứ tám là Tôn giả Phật đà Nan đề, Tổ thứ chín là Tôn giả Phục đà Mật đa, Tổ thứ mười là Tôn giả Hiếp, Tổ thứ mười một là Tôn giả Phú na Dạ xoa, Tổ thứ mười hai là Đại sĩ Ma minh, Tổ thứ mười ba là Tôn giả Ca tỳ Ma la, Tổ thứ mười bốn là Đại sĩ Long thọ, Tổ thứ mười lăm là Tôn giả Ca na đề bà, Tổ thứ mười sáu là Tôn giả La hầu la đa, Tổ thứ mười bảy là Tôn giả Tăng già Nan đề, Tổ thứ mười tám là Tôn giả Già da xá đa, Tổ thứ mười chín là Tôn giả Cưu ma la đa, Tổ thứ hai mươi là Tôn giả Xà da đa, Tổ thứ hai mươi mốt là Tôn giả bà tu Bàn đầu, Tổ thứ hai mươi hai là Tôn giả Ma nô la, Tổ thứ hai mươi ba là Tôn giả Hạc lặc na, Tổ thứ hai mươi bốn là Tôn giả Sư Tử, Tổ thứ hai mươi lăm là Tôn giả Bà xá Tư đa, Tổ thứ hai mươi sáu là Tôn giả Bất như Mật đa, Tổ thứ hai mươi bảy là Tôn giả Bát-nhã Đa la, Tổ thứ hai mươi tám là Tôn giả Bồ-đề Đạt ma, Tổ thứ hai mươi chín là Đại sư Huệ Khả, Tổ thứ ba mươi là đại sư Tăng Xán, Tổ thứ ba mươi mốt là Đại sư Đạo Tín, Tổ thứ ba mươi hai là Đại sư Hoằng Nhẫn. Huệ Năng này là Tổ thứ ba mươi ba.

"Các vị Tổ trên đây đều có sự truyền nối rõ ràng." Các ngươi về sau, đời này lưu truyền đời kia, cũng đừng để cho lầm lạc."

Đại chúng nghe xong, tin nhận lời Tổ, làm lễ lui ra.

Ngày mùng 3 tháng 8 năm Quí Sửu. Đại sư dùng bữa ở chùa Quốc Ân xong, bảo đồ chúng rằng:

"Các ngươi theo thứ tự mà ngồi, ta từ biệt các ngươi."

Pháp Hải bạch rằng: "Hoà thượng lưu lại giáo pháp chi, khiến cho người mê đời sau thấy được Phật tánh?"

Sư nói: "Các ngươi hãy lắng nghe đây. Người mê đời sau nếu nhận biết chúng sanh, tức là Phật tánh. Nếu chẳng nhận biết chúng sanh, dù muôn kiếp tìm Phật cũng khó gặp. Nay ta dạy các ngươi nhận biết chúng sanh nơi tự tâm, thấy tánh Phật nơi tự tâm. Muốn cầu thấy Phật, chỉ cần nhận biết chúng sanh. Chỉ vì chúng sanh làm mê tánh Phật,

chẳng phải tánh Phật làm mê chúng sanh. Tự tánh giác ngộ, chúng sanh là Phật; tự tánh ngu mê, Phật là chúng sanh. Tự tánh bình đẳng, chúng sanh là Phật; tự tánh là hiểm, Phật là chúng sanh. Các ngươi nếu trong tâm hiểm sâu tà vạy, tức là Phật che lấp trong chúng sanh. Một niệm công bằng chánh trực, tức chúng sanh thành Phật. Trong tâm ta tự có Phật. Phật tự tâm mới thật là Phật. Nếu tự mình không có tâm Phật, thì cầu Phật ở đâu? Tự tâm của các ngươi là Phật, đừng hồ nghi nữa. Bên ngoài không một vật gì có thể kiến lập được, chỉ đều là tự bản tâm sanh ra muôn pháp. Cho nên kinh nói rằng: "Tâm sanh, các pháp đều sanh; tâm diệt các pháp đều diệt. Nay ta lưu lại một bài kệ để từ biệt các ngươi, gọi là Kệ Tự tánh chân Phật. Người đời sau hiểu được ý kệ thì tự thấy bản tâm, tự thành Phật đạo." Kệ rằng:

Chân như tự tánh là chân Phật,
Ba độc tà kiến ấy vua ma.
Trong lúc tà mê, ma đến cửa.
Những khi chánh kiến, Phật trong nhà,
Trong tánh tà kiến, ba độc sanh.
Ấy là vua ma lại đến viếng.
Chánh kiến trong tâm trừ ba độc,
Ma hoá làm Phật, thật không giả.
Pháp thân, Báo thân và Hoá thân,
Ba năm xưa nay là Một thân.
Quay nhìn trong tánh, tự thấy được,
Chính là nhân thành Phật Bồ-đề.
Vốn từ Hoá thân sanh tánh tịnh,
Tánh tịnh lại thường trong Hoá thân.
Da tánh, Hoá thân hành đạo chánh,
Ngày sau viên mãn thật vô cùng.
Tánh dâm vốn là nhân tánh tịnh,
Trừ dâm, tức là sạch tánh thân.
Trong tánh đều tự bỏ năm dục,
Ngay khi thấy tánh, tức là chân,
Đời này nếu gặp pháp Đốn giáo,
Chợt ngộ tự tánh, thấy Như Lai.
Nếu muốn tu hành cầu làm Phật.
Chẳng biết nơi đâu cầu được chân.
Nếu tự trong tâm thấy được chân.
Chân ấy chính là nhân thành Phật.

Chẳng thấy tự tánh, ngoài tìm Phật,
Sanh tâm đều là hạng ngu đần.
Pháp môn Đốn giáo nay đã truyền,
Cứu độ người đời, nên tự tu,
Những người học đạo về sau này,
Không chỗ thấy ấy, thấy thênh thang.

Sư thuyết kệ rồi, bảo rằng: “Các ngươi nên khéo giữ gìn. Sau khi ta diệt độ, chớ theo thường tình thế tục bi lụy khóc lóc, mặc đồ tang, bày chuyện điếu văn. Làm như vậy chẳng phải đệ tử ta, cũng chẳng hợp chánh pháp. Chỉ tự nhận biết bản tâm, tự thấy bản tánh, không động không tĩnh, không sanh không diệt, không qua không lại, không phải không quấy, không trụ không đi. Sợ rằng các ngươi tâm mê chẳng hiểu ý ta, nay dặn dò lại các ngươi lần nữa, khiến cho được thấy tánh. Sau khi ta diệt độ, y như vậy tu hành, như ta vẫn còn. Nếu trái lời dạy của ta, thì dầu ta còn tại thế cũng chẳng ích gì.” Lại thuyết kệ rằng:

Sừng sững chẳng tu lành,
Trơ trơ không tạo ác,
Lặng lặng dứt thấy nghe,
Làu làu tâm vô trước.

Sư thuyết kệ rồi, ngồi ngay ngắn cho tới canh ba, thình lình bảo môn nhân rằng: “Ta đi đây”. Rồi an nhiên mà tịch. Lúc đó, mùi hương lạ đầy nhà, cầu vồng màu trắng nối từ trời xuống đất, cây rừng biến ra màu trắng, chim muông kêu tiếng thảm thương.

Đến tháng mười một, quan lại và môn nhân, kẻ tăng, người tục ở ba quận Quảng Châu, Thiều Châu và Tân Châu đều tranh nhau rước chân thân, không giải quyết được. Mọi người bèn đốt hương mà khấn rằng: “Khói hương bay hướng nào là Sư về nơi đó.” Khấn xong, khói hương bay về hướng Tào Khê.

Ngày mười ba tháng mười một, dời linh cửu và y bát của Tổ truyền lại, rước về Tào Khê. Ngày hai mươi lăm tháng bảy năm sau, mở áo quan ra. Đệ tử là Phương Biện dùng bột hương nhão phết lên cúng dường. Môn nhân nhớ lại lời sấm “lấy đầu”, bèn dùng lá sắt, vải sơn bao quanh cổ Sư, rồi mới rước vào tháp. Thình lình, trong tháp có hào quang màu trắng hiện ra, xông thẳng lên trời, ba ngày sau mới tan. Quan Thiều Châu tâu việc ấy lên triều đình. Vua ban chiếu sai lập bia ghi đạo hạnh của Sư.

Sư thọ 76 tuổi, năm 24 tuổi được truyền y, 39 tuổi xuống tóc. Thuyết pháp làm lợi cho chúng sanh 37 năm. Kẻ nắm được tông chỉ

nối pháp Sư có 43 người, còn kẻ ngộ đạo siêu phàm thì chẳng biết bao nhiêu mà kể. Tấm y làm tin từ Tổ Đạt ma truyền lại, áo cà sa ma nạp với bình bát quý của vua Trung Tông dâng cúng, và tượng của Sư do Phương Biện đắp, cùng các đồ đạo cụ khác, đều giao cho vị thị giả chủ tháp trông coi, giữ hoài ở đạo tràng Bảo Lâm. Lại lưu truyền bộ Đàn Kinh này để nói rõ tông chỉ. Hết thảy mọi việc trong đời Sư đều là để làm cho hưng long Tam Bảo, lợi ích khắp quần sanh vậy.

PHỤ LỤC:

** CHUYỆN KỂ CỦA NGƯỜI GIỮ THÁP*

Sau khi Sư nhập tháp, tới năm Khai Nguyên thứ 10 nhằm nữa đêm ngày mùng ba tháng tám, thình lình nghe trong tháp như có tiếng kéo dây sắt. Chúng tăng giựt mình thức dậy, ngó thấy một người mặc đồ tang từ trong tháp chạy ra. Tìm thấy có vết thương nơi cổ Sư. Liền đem chuyện kẻ trộm trình lên châu, huyện. Quan huyện lệnh là Dương Khản, quan thứ sử là Liễu Vô Thiểm nhận được tin, sai quân đi tầm nả rất khẩn. Ngày thứ năm, bắt được tội phạm tại thôn Thạch Giác, giải về Thiều Châu tra hỏi. Lời khai rằng: “Họ Trương tên Tịnh Mãn, người huyện Lương thuộc Nhữ Châu. Tại chùa Khai Nguyên nơi Hồng Châu có nhận hai chục ngàn quan tiền của một vị tăng xứ Tân La là Kim Đại Bi để lấy đầu của Lục Tổ Đại sư, đưa cho vị ấy đem về xứ Hải Đông cúng dường.” Quan Thú họ Liễu nghe lời khai, chưa dội gia hình. Bèn đích thân đến Tào Khê, hỏi môn đồ của bậc cao của Sư là Lịnh Thao rằng: “Việc này xử đoán thế nào?”

Thao đáp: “Nếu luận theo phép nước, thời lẽ nên giết. Nhưng lấy nghĩa từ bi của Phật giáo, thì coi oán thù với thân thích như nhau. Huống chi kẻ kia muốn cầu để cúng dường, nên thứ tội đi.”

Quan Thú họ Liễu khen rằng: “Mới hay cửa Phật quảng đại!” Liền tha tội cho.

Năm đầu niên hiệu Thượng Nguyên, vua Túc Tông sai sứ tới thỉnh y bát của Sư đem về nội cung cúng dường.

Qua năm đầu niên hiệu Vĩnh Thái, ngày mùng năm tháng năm, vua Đại Tông nằm mộng thấy Lục Tổ Đại sư đến thỉnh y bát. Ngày mùng bảy, vua giáng sắc cho viên Thứ sử Dương Giam rằng: “Trẫm mộng thấy Năng Thiền sư xin đem truyền y, cà sa trở về Tào Khê. Nay

sai Trấn quốc Đại tướng quân Lưu Sùng Cảnh đội đầu mà đưa đến Trẫm xem là đồ quốc bảo. Nhà ngươi nên theo như phép tắc, đặt yên tại chùa ấy, chuyên khiến cho tăng chúng thân thừa tông chỉ, thủ hộ nghiêm nhặt, đừng để mất đi."

Về sau, cũng có khi bị người lấy trộm, đều tìm kiếm chẳng xa mà bắt lại được. Như vậy có đến ba bốn lần.

Vua Hiến Tông ban thụy hiệu là Đại Giám Thiền sư, đề tên tháp là Nguyên Hoà Linh Chiếu. Còn những sự tích khác, hiện chép tại các bài văn bia của quan Thượng thư Vương Duy, quan thứ sử Liễu Tông Nguyên, quan thứ sử Lưu Vũ Tích đời nhà Đường.

Kẻ giữ tháp Sa môn Lịnh Thao ghi.

BÀI TỰA CUỐI

Sau khi Lục Tổ Thị Tịch, có tảng đá khắc tám chữ: "Long Sóc nguyên niên Lư sự sĩ chí" tảng đá này vẫn còn ở Đông Thiền Huỳnh Mai.

Đời Đường Thừa tướng Vương Duy Hữu làm lời ký về lục Tổ cho Đại sư thần hội rằng: "Sự sống lẫn lộn vất vả với bọn thợ săn trải qua 16 năm đến khi gặp hội giảng kinh của Ngài Ấn Tông mới được xuống tóc.

Thứ sử Liễu tông Nguyên làm bia về việc ban thụy hiệu cửa Tổ sư: "sư được trao y bát sầu ẩn lánh ở Nam Hải 16 năm, khi đoán biết thời cơ thuận hợp mới đến Tào Khê làm thầy người".

Thừa tướng Trương Thương Anh có làm Ngũ Tổ Ký rằng: Ngũ Tổ hoằng đạo tại Đông Thiền viện huyện Huỳnh Mai đến mãn đầu niên hiệu Long Sóc truyền y pháp cho Lục Tổ, rồi giải tán đại chúng vào núi Đông Kết am, có người tên bằng Mậu cúng sư ngọn núi để làm đạo tràng.

Qua những bia ký này, thì Lục Tổ đến Huỳnh Mai được Ngũ Tổ truyền y pháp đúng vào năm tân Dậu của Long Sóc nguyên niên, đến nmă Bính Tý niên hiệu Nghi Phụng là 16 năm Sư mới đến chùa Pháp Tánh xuống tóc thọ túc xong mới đến Huỳnh Mai, e rằng không đúng.

Sự việc các triều đại sùng phụng Lục Tổ-Hoàng Đế Đường Hiến Tông ban thụy cho Đại sư là Thiền Sư Đại Giám.

Hoàng đến tống ban thụy cho Đại sư là Thiền sư Đại Giám.

Hoàng đế tống thái Tông thêm vào tên Thụy là Đại Giám chân không chiếu cho tháp mới của tổ là tháp thái bình Hưng Quốc.

Hoàng đế Tống Nhân niên hiệu Thiên Thánh Thư 10 cung nghinh

chán thân và y bát của Lục Tổ vào nội cung cúng dường, thêm vào tên thụy là Đai Giám chân không Phổ Giác

Hoàng đế tống thần Tông thêm vào tên thụy là Đại Giám chân không Phổ Giác Viên minh

Tất cả có đủ trong bia ký của Nguyên Hiến Công.

BIA BAN THỤY CHO ĐẠI GIÁM THIỀN SƯ

Phù phong Tông hỏi: Lĩnh Nam năm thứ ba do Tổ thứ sáu của đạo Phật chưa có hiệu, làm số tâu lên vua xuống chiếu bạn cho hiệu là đại giám Thiền sư tháp hiệu Linh Chiếu.

Ngày 13 tháng 10 năm Nguyên Hòa thứ 10, sau Thượng Tho Ty Bộ phù hiệu đến đô phủ, Công ra lịnh quan phó ty sử bộ ở châu kịp bảo ở trên núi đầyhang, muôn người đều hội đến nghe quỷ thần, lúc bấy giờ học có hơn ngàn người mà thảy đều vui mừng hơn người như thấy vừa sống lại, lại có cảm động buồn thượng xơi nước mắt như thầy mới chết. Nhơn đó nói rằng: “từ khi có sinh vật thì ưa thích nhau, cướp đoạt, giết chóc tán mất bổn chất, trái ngược dâm dật, đâu khắc được nơi ban đầu.

Khổng tử chẳng có vị lớn, không dư lời để giữ đời. Lại Dương, Mặc, Huỳnh Lão càng lộn thuật kia, chia cắt mà cho tháp chùa của ta bà xuất phát sau. Suy ra lìa trở lại nguồn cội, chỗ gọi là sống mà tịnh ấy, họ Lương ưa làm công đức hữu vi Tổ Đạt-ma chê đó, thuật không càng hiển. Lục Tổ truyền đến Đại Giám Đại giám mới do công phục dịch cực khổ, một phen nghe lời nói mong đến rốt ráo. Sư do cảm động bèn nhận đủ lòng tin, xa ẩn trên biển Nam mọi người không hay biết đến sáu mươi tuổi ở kia có thể làm, bèn ở Tào Khê là thấy người kẻ đến học thường có mấy ngàn, đạo dùng vô vi làm có, dùng rỗng không làm thật, lấy rộng lớn mênh mông làm chỗ quy về, sau cùng tánh thiện không nhờ cày cuốc vốn tịnh kia vậy. Chặng giữa tông tiếng tăm khiến may mắn quan lại gan không thể đến lấy lời kia để làm tâm thuật.

Thuyết kia đủ tồn tại, nay khắp cả thiên hạ phàm phu nói thiền đều vốn Tào Khê. Cách đời Đại Giám có trăm lẻ sáu năm, phàm trị Quảng Bộ mà dùng tiếng tăm là đến mười mấy, đâu có thể vạch bày hiệu kia. Bèn này mới thưa Thiên Tử được hiệu lớn đầy đủ giúp đỡ đạo ta, kia có thể không lời. Công ban đầu lập triều do Nho trọng trái ngược chí thánh châu quận được an phía nam. Do trong biển mọi rợ lớn chở thân độc phía tây, thuyền nổi nghe lệnh đều giúp đức công, nhận cờ mao tuyết kích đi đến Nam Hải, cõi nước như rừng không giết không giận, người sợ không bị kinh hãi, đầy khắc ánh sáng nơi có lòng nhơn,

chiếu bày Đại Giám đâu bằng công, nên tín đồ kia già bèn đổi đá ở dưới nhà, khiến đến có lời thừa bạch, lời kia rằng:

Đạt-ma càng càng truyền lời tâm của Phật, sáu đời trưyen trao đến Đại Giám, là cuối nhọc nhằn siêng năng chuyên thầm trọn ôm ập nơi sâu, ôm lòng tin kia làm âm đức của biển. Đạo kia dựng cờ ở Tào khê, lẫn lộn tạp nhạp không bằng tao kia, truyền bảo đều bày chỉ khen nơi đạo, sống tánh thiện ở vật đầy đủ, bôn ba trôi nổi bên kia muôn đường, chẳng suy nghĩ thì rối loạn, chẳng hiểu biết thì lầm lộn. Do thầy soi bên trong đều được trong sạch, không trồng nơi gốc, không làm cỏ nơi mầm mộng. Trong một ngoài dung có lỗ nhỏ soi chiếu, ở trong đế kinh tông lễ sính nói ở triều, thầm gúp vua vụ dân tiêu diêu vượt trăm lẽ sáu năm, hiệu thụy không nguyên kỷ, do Phù Phong Công thưa với Thiên Tử, Thiện Thơ đã lại làm văn ban tước ở Nam Độ, pháp kia lại khởi, tín đồ cả muôn ức đồng thương tiếc cùng vui mừng, chỉ có sư giáo hóa giúp đỡ, đến Phù Phong Công chỗ che chở đều mang ơn Thiên Tử, Thiên Tử qua đời, gia công đức tốt, đầy noi biển di, chùa tháp là thầy, sư dùng nhơn truyền, công dùng làm nhơn làm lý, rồi tâu bốn hằng nối không thôi.

BIA ĐẠI GIÁM THIỀN SƯ

Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 10, chiếu thơ đến Năng Công Tổ thứ sáu ở Tào Khê ban hiệu thụy là Đại Giám, là Châu Mã quảng châu gồm dâng số lên vua là có thể đến kia, cn2 đạo dùng tôn danh, đồng quy về thiện hiện không cách ngại khác giáo, bao gồm một chữ Hoa Di Khổng Hoài được lý do kia. Mã Công kinh sự kia lại kính cẩn ban đầu đến sau theo học hỏi văn hùng.

Nay thứ sử Châu Liễu là Hà Đông Liễu Quân làm bia trước sau ba năm có vị Tăng tên Đạo lâm dân đô chung đến Tào Khê, lại nói rằng “Xin lập bia thứ hai là chí của học giả”. Sau khi Như Lai nhập diệt khoảng năm trăm năm ma Đằng, Trúc Pháp Lan đem kinh đến Trung Hoa thí người mới được nghe lời Phật dạy, dụ như trong tăm tối thấy được chút ánh sáng. Sau năm trăm năm Đạt-ma đem pháp đến Trung Hoa người mới được truyền Phật tâm, dụ như đang tờ mờ sáng liền thấy mặt trời. Từ Đạt-ma sáu đời truyền đến Đại Giám như xỏ châu như ý, có trước sau mà không đồng khác. Đời đó nói chơn tông chính chỗ gọi là đốn môn. Ban đầu Đạt-ma đem y bát Phật đến, đắc đạo truyền trao dùng làm chơn ấn, đến Đại Giám để lại mà không truyền, há cho đây là nom bẩy tà, cho rom tà toan người người chớ thôi, như mà không như

gặp đặt tà đó ta không biết được.

Xét Đại giám sinh ở Tân Châu ba mươi tuổi xuất gia, bốn mươi bảy tuổi nhập diệt, đến trăm lẻ sáu năm mới ban thụy, ban đầu từ cầu núi đông theo thứ tự năm Sư đượcthọ ký quy nhơn, quy nhơn trong tông sử lại gan không phụng chiếu, thứ lớp dùng lời cống dâng, kỉnh hạnh đế chép rằng:

Bậc chí nhơn sinh không có chủng loại đồng người mà hình vượt ngoài kẻ trí. Giồng thấp kém phương nam giáng sinh người tuấn kiệt lạ kỳ, cha mất sớm, mẹ già yếu, một mình tự sống một lời đốn nhộ không bước nơi sơ địa. Thầy truyền nhau dùng bảo khí ngồi yêu nơi Tào Khê đời người là nam tông, người học theo đến như nước về biển đông. Uống dùng thuốc hay trị người đui điếc, triệu gọi không thể đến cho là pháp mạnh, cách Phật ngày càng xa, nhiều lời nhóm ức, đấm không chấp có đều luống cõi kia ta lập phương tiện chơn thật đề khởi ở nước nam, không tu mà tu không chứng mà chứng, có thể khiến người học trở về thiên thức của mình như tối mà mê ngước nhìn mặt trời, được điều tự nhiên rốt cuộc không thể truyền. Miệng truyền tay giữ thì ngại nơi có lưu y nhà trống người được trời trao.

KHẮC CỦA PHẬT

Tôi đã vì Tăng Lâm soạn bia thứ hai ở Tào Khê, lại suy nghĩ lý do làm ý hỉ để y không truyền của Lục Tổ, làm Phật chỉ để y không truyền của Lục Tổ, làm phật y minh rằng:

Lời Phật không thật hành, áo Phật lại đi giành, quên gần quý xa xưa nay chuyện thường tình. Chúng sinh mẹ sinh ra không có một dặm đất,sau khi chết rồi giữ lại cúng ngàn năm. Chỉ như xưa có Lương như voi cuồng Đạt-ma vì cứu đời đến là y vương, dùng lời l lành bệnh nhân vật bèn đổi dời như chấp ấn tín hành nơi cửa quan, dân không biết quan tâm mà sợ, kẻ tục không biết Phật được y làm quán, y hoại sắc đạo không ở trong y này, do đó lý do tin đạo là báu quý, Lục Tổ chưa bày điềm xuất sắc kia. Đã nói trở về sói hoang sợ, ngộ đời tục ngu đần không lòng tin chúng sinh bao giờ qyau về, đây mở môn phương tiện chẳng phải chỉ truyền y, ban đầu quyết có trọn truyên đâu không thôi, vật hnả quy tận áo Hồ lâu nương trước sau biết tột dụng bên kia không cùng, đạo ta không hư áo ở đâu có, dụng kia đã bày ai chẳng phải là chó rơm.

LỜI BẠT

Lục Tổ Đại sư khi xưa thuyết pháp đều là ý chỉ của Đại thừa viên đốn cho nên gọi là kinh kia lời gần ý chỉ xa, lời thẳng thắn nên nghĩa sáng rõ, người tụng đều có chỗ được, ngài Minh Giám tụng thường khn rằng: "người thiên cơ lanh lợi được chỗ sâu xa, người thiên cơ ám độn được chỗ cạn" thành thật hay thay lời nói này!

Tôi ban đầu vào đạo có cảm giác nơi đây liền thấy ba bổn không đồng xen có một được mất, bản kia cũng đã lần mất, nhơn lấy bổn kia mà so sánh, người sai lầm được chánh đó, kẻ được rõ đó lại thêm vào đệ tử thăm hỏi cơ duyên ngỏ hầu người học được trọn ý chỉ của Tào Khê. Xem xét khiến mây theo rồng, sâu tạo đạo đây một ngày nọ, qu phòng núi thấy điều tôi biến chép cho là đạt được Đàn Kinh, đại khái đã nghe người thợ khắc bản thận trọng làm lưu thông, khiến một phái Tào Khê không đến nổi đoạn tuyệt.

Kẻ hoặc nói: Đạt-ma không lập văn tự thẳng chỉ tâm người thấy tánh thành Phật Tổ Sư Sơn sáu là chánh truyền bá đâu được dùng là văn tự ư?

Tôi đáp: kinh đây chẳng phải văn tự mà là ý chỉ riêng truyền thẳng chỉ của Đạt-ma. Các đại lão Nam Nhạc, Thnah Nguyên thường nhơn ý chỉ đây để rõ tâm tình mình, lại dùng đó để rõ tâm các đệ tử Mã Cổ, Thạch Đầu. Nay thiền tông rộng truyền khắp thiên hạ đều vốn là ý chỉ đây, ngày nay và ngày sau đâu không do ý chỉ này mà rõ tâm thấy tánh ư?

Người hỏi vâng vâng dạ dạ, lại lạy tạ rằng: "Con ngu muội, xin đều chép kinh để mang tốt đẹp đến".

Đến đầu hạ năm Tân Mão, Thích Tôn Bảo ở Nam Hải mới làm lời bạt.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 176

SÁU CỬA VÀO ĐỘNG THIẾU THẤT

SỐ 2009

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2009

SÁU CỬA VÀO ĐỘNG THIẾU THẤT

TÂM KINH TỤNG

1. Ma Ha Bát-nhã Ba-la-mật Đa Tâm Kinh:

Trí huệ biển thanh tịnh
Lí mật nghĩa u thâm
Ba la qua bờ ấy
Soi đường chỉ do tâm
Nghe nhiều ngổn ngang ý
Chẳng lìa chỉ vì kim
Hoa kinh một mối đạo
Muôn kiếp thánh hiền vâng.

2.Quán Tự Tại Bồ Tát:

Bồ tát vượt thánh trí
Sáu xứ rốt chung đồng
Tâm không quán tự tại
Vô ngại đại thần thông
Cửa thiền vào chánh thọ
Tam muội mặc tây đông
Mười phương trải chơi khắp
Nào thấy Phật hành tung

3. Hành Thâm Bát-nhã Ba-la-mật Đa Thời:

Sáu năm cầu đạo lớn
Hành sâu chẳng lìa thân
Trí huệ tâm giải thoát
Đến bờ kia tột cùng
Thánh đạo không và lặng

"Như thị ngã kim văn"
Phật hành ý bình đẳng
Thời đến vượt thường nhân.

4. Chiếu Kiến Ngũ Uẩn Giai Không:

Ham mến thành năm uẩn
Giả dối kết làm thân
Máu thịt liền gân cốt
Trong da một đống trần
Nẻo mê vui chấp dính
Bậc trí chẳng vì thân
Bốn tướng đều dứt bặt
Mới được gọi là chân.

5. Độ Nhất Thiết Khổ Ách:

Vọng buộc hoá thân khổ
Nhân ngã tâm tự mê
Niết bàn đường thanh tịnh
Sao chấp được tâm y
Ấm giới sáu trần vậy
Ách nạn nghiệp theo kề
Ví rõ tâm không khổ
Sớm nghe ngộ Bồ-đề.

6. Xá Lợi Tử:

Đạo đạo tâm là gốc
Tâm lặng lợi bao là...
Như sen nhô mặt nước
Thoắt rõ gốc đạo hoà
Luôn ở nơi tịnh diệt
Trí huệ mấy ai qua
Một mình siêu ba cõi
Hết tiếc cảnh ta bà.

7. Sắc Bất Dị Không Không Bất Dị Sắc:

Sắc với không một giống
Chưa rõ thấy hai đàng
Hai thừa đâm phân biệt
Chấp tướng tự dối gian
Ngoài không không có sắc
Chẳng sắc mới năng khoan
Vô sanh tánh thanh tịnh

Ngộ ấy tức niết bàn.

8. Sắc Tức Thị Không Không Tức Thị Sắc:

Chẳng phải không, không chẳng có
Chẳng phải sắc, sắc không hình
Sắc không hề một mối
Đất tịnh được yên lành
Chẳng phải không, không vi diệu
Chẳng phải sắc, sắc phân minh
Sắc không chẳng phải tướng
Nơi đâu dựng thân hình.

9. Thọ Tưởng Hành Thức Diệc Phục Như Thị:

Thọ tưởng nạp muôn duyên
Hành thức rộng dung khoan
Biến kế tâm nên dứt
Bệnh "ta" chẳng tương can
Giải thoát tâm vô ngại
Phá chấp ngộ tâm nguyên
Nên nói "cũng vậy đó"
Tánh tướng thực một ban.

10. Xá Lợi Tử:

Nói "xá" nhằm thân tướng
Còn "lợi" nhắm một tâm
Bồ tát vận trí huệ
Bốn tướng chắn đường xâm
Đạt đạo lìa nhân chấp
Thấy tánh pháp không âm
Chư lậu đều dứt trọn
Toàn thể ấy vàng ròng.

11. Thị Chư Pháp Không Tướng:

Chư Phật nói không pháp
Thanh văn chấp tướng cầu
Tìm kinh kiếm lẽ đạo
Bao giờ học tâm thôi
Viên thành tướng chân thực
Chợt rõ bỏ ý tu
Thênh thang vượt pháp giới
Tự tại hết lo âu.

12. Bất Sanh Bất Diệt:

Lô xá thể thanh tịnh
Không tướng tự nhiên chân
Như hư không rộng khắp
Muôn kiếp vẫn trường tồn
Chẳng chung chẳng riêng rẽ
Không cựu cũng không tân
Lẫn lộn mà không nhiễm
Ba cõi một mình tôn.

13. Bất Cấu Bất Tịnh:

Chân như vượt ba cõi
Dơ sạch vốn không ngơ
Vì thương phương tiện mở
Nói nhặt cùng nói thưa
Cõi không không "vô hữu"
Hiện xuống bánh xe đưa
Xưa nay không một vật
Huống hai thứ lọc lừa.

14. Bất Tăng Bất Giảm:

Thể như lai không tướng
Đầy dẫy mười phương không
Trên "không" khôn lập "có"
Trong "có" chẳng thấy "không"
Nghe như tay gió thoảng
Xem như nguyệt trên sông
Pháp thân nào thêm bớt
Ba cõi gọi chân dung.

15. Thị Cố Không Trung:

Bồ-đề ngoài chẳng có
Cũng chẳng ở trung gian
Chẳng tướng chẳng chẳng tướng
Cân nhắc mất cơ quan
Thế giới chẳng thế giới
Bốn trời sáng ba quang
Bốn lai không chướng ngại
Đâu là chỗ chắn ngang.

16. Vô Sắc Vô Thọ Tưởng Hành Thức:

Không sắc bổn lai không
Thọ tưởng vẫn chung đồng

Hành thức cũng như vậy
Có hết lại về không
Chấp có đâu thực có
Theo không lại lạc không
Sắc không tâm lìa hết
Chừng ấy mới thần thông.

17. Vô Nhãn Nhĩ Tị Thiệt Thân ý:

Sáu căn không tự tánh
Theo tướng đặt bày thôi
Sắc duyên theo tiếng vọng
Nhân ngã lưỡi đùa chơi
Mũi dối phân mùi ngửi
Thân ý đắm tình đời
Sáu nơi ham mến dứt
Muôn kiếp chẳng luân hồi.

18. Vô Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp:

Chứng trí không thanh sắc
Hương vị xúc khác gì
Sáu trần theo vọng dấy
Tâm phàm tự dối nghi
Sanh tử thôi sanh tử
Bồ-đề chứng một khi
Pháp tánh không vô trụ
Chỉ sợ ngộ chầy chầy.

19. Vô Nhãn Giới Nãi Chí Vô Ý Thức Giới:

Sáu thức theo vọng dậy
"y tha" mở dối sai
Mắt tai luôn thân ý
So tính được sao ai
Lưỡi mũi gây điên đảo
Tâm vương lạc hướng quay
Đợi gì trong sáu thức
Quày lại hướng như lai.

20. Vô Vô Minh Diệc Vô Vô Minh Tận Nãi Chí Vô Lão Tử Diệc Vô Lão Tử Tận:

Vì mười hai duyên có
Sanh lão mới tương tuỳ
Thân có, vô minh đến

Hai tướng hiện liền khi
Thân hết vô minh hết
Thọ báo hết hẹn kì
Rõ thân như mộng mị
Gấp gấp ngộ vô vi.

21. Vô Khổ Tập Diệt đạo:

Bốn đế hưng ba cõi
Đốn giáo nghĩa phân minh
Khổ dứt, tập đã diệt
Đạo thánh tự nhiên thành
Thanh văn thôi tưởng dối
Duyên giác ý an lành
Muốn biết nơi thành phật
Trên tâm đừng trệ quanh.

22. Vô Trí Diệt Vô Đắc:

Pháp vốn chẳng không có
Trí huệ dễ đâu lường
Hoan hỉ tâm lìa bợn
Phát sáng ngập mười phương
Có gì hơn trước mắt
Tìm đâu xa đạo trường
Chẳng động qua bờ giác
Cõi thiện huệ pháp vương.

23. Dĩ Vô Sở Đắc Cố:

Niết bàn có gì chứng
Chân không bặt níu quàng
Xưa nay không tướng mạo
Quyền biến dựng ba đàn
Bốn trí mở pháp dụ
Sáu độ ví ải quan
Mười địa ba thừa pháp
Hàng thánh khó luận bàn.

24. Bồ-đề Tát Đoả:

Phật đạo thật khó thấu
Tát đoả là phàm trần
Cháng sanh cốt thấy tánh
Kính phật chớ phụ tâm
Trong đời thiện trí thức

Luận pháp nói sâu nông
Đốn ngộ tâm bình đẳng
Dứt hết hai bên lầm.

25. Y Bát-nhã Ba-la-mật Đa Cố:

Bát-nhã, ấy trí huệ
Ba la, không sở y
Tâm không rộng lớn khắp
Trong ngoài thảy vô vi
Tánh "không" không ngại biện
Ba cõi ít ai bì
Thấy lớn sáng pháp lớn
Tán tụng biết bàn chi.

26. Tâm Vô Quái Ngại:

Giải thoát tâm vô ngại
Ý tựa thái hư không
Bốn phương không một vật
Trên dưới rốt chung đồng
Tới lui tâm tự tại
Nhân pháp chẳng gặp chung
Hỏi đạo chẳng thấy vật
Thong dong thoát chậu lồng.

27. Vô Quái Ngại Cố Vô Hữu Khủng Bố:

Sanh tử tâm lo sợ
Vô vi tánh tự an
Cảnh quên tâm cũng diệt
Biển tánh lặng dung khoan
Ba thân về đất tịnh
Tám thức lìa nhân duyên
Sáu đường theo tướng thực
Quày đầu lại bổn nguyên.

28. Viễn Li Nhất Thiết Điên Đảo Mộng Tưởng:

Hai bên toàn chớ lập
Ở giữa chớ lầm tu
Thấy tánh sanh tử hết
Bồ-đề chẳng phải cầu
Ngoài thân tìm phật thực
Điên đảo bỏ đi thôi
Ngồi tịnh thân vui lặng

Vô vi trái đến hồi.

29. Cứu Cánh Niết Bàn:

Không sanh tức cứu cánh
Thanh tịnh ấy niết bàn
Phàm phu đừng luận thánh
Chưa đến biết chi bàn
Có học cùng không học
Trí phật chuyển sâu huyền
Lí vô tâm cốt rõ
Đừng chấp lặng tâm nguyên.

30. Tam Thế Chư Phật:

Quá khứ lời chẳng thật
Vị lai cũng chẳng chân
Hiện tại Bồ-đề tử
Không pháp gọi huyền môn
Ba thân cùng về một
Một tánh gọi nhuần thân
Đạt lí thời gian mất
Chứng pháp "một" không nhân.

31. Y Bát-nhã Ba-la-mật Đa Cố Đắc:

A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ-đề
Trí phật sâu khôn lượng
Huệ giải rộng vô biên
Vô thượng tâm chánh biến
Ánh từ ngập đại thiên
Tịch diệt tâm thiện xảo
Dựng lên vạn pháp thiền
Bồ tát nhiều phương tiện
Cứu khắp vì nhân thiên.

32. Cố Tri Bát-nhã Ba-la-mật Đa Thị Đại :

Thần Chú Thị Đại Minh Chú
Bát-nhã làm thần chú
Trừ dứt năm uẩn nghi
Phiền não cũng mất trọn
Thanh tịnh tự phân li
Bốn trí cuồn cuộn sóng
Tám thức lộ thần uy
Đèn tâm soi pháp giới

Đó tức là Bồ-đề.

33. Thị Vô Thượng Chú:

Vô thượng xưng tối thắng
Cứu vớt đám ngu si
Giáo chủ ba ngàn cõi
Rộng mở nguyện từ bi
Thuận lòng chúng sanh muốn
Tuỳ cảnh dẫn qua mê
Người người lên bờ giác
Do mình chẳng do ai.

34. Thị Vô Đẳng Đẳng Chú:

Đường phật con đường thánh
Pháp lực chẳng gì qua
Chân không dứt mọi có
Hoá thân hiện hằng sa
Đến vì chúng sanh khổ
Đi vì thế gian ma
Kiếp thạch thảy về hết
Mình ta tại ta bà.

35. Năng Trừ Nhất Thiết Khổ Chân Thực Bất Hư:

Phật từ tâm rộng lớn
Đời đời nguyện độ sanh
Hoằng pháp nêu lẽ thực
Khắp khuyên gấp tu hành
Quày đầu thấy tướng thực
Khổ hết thấy vô sanh
Dứt hẳn ba đường ác
Thanh thản lòng vui thành.

36. Cố Thuyêt Bát-nhã Ba-la-mật Chú:

Nên nói lí chân như
Chưa ngộ gấp tâm hồi
Sáu giặc thôi gieo ác
Thùng sơn đáy lủng rồi
Thần chú trừ ba độc
Hoa tâm nẩy năm chồi
Trái chín căn nguồn đứt
Bước bước thấy như lai.

37. Tức Thuyết Chú Viết: Yết Đế Yết Đế Ba La Yết Đế Ba La

Tăng Yết Đế Bồ-đề Tát Bà Ha:

Yết đế giềng mối đạo
Đưa duyên phướn nêu đường
Như lai tối tôn thắng
Phàm tâm biết đâu lường
Không bờ không ở giữa
Dài ngắn cũng không luôn
Bát-nhã Ba-la-mật
Suốt kim cổ hằng thường.

PHÁ TƯỚNG LUẬN:

Hỏi: Nếu có người dốc lòng cầu đạo thì nên tu theo pháp nào mới thực là cực kì tỉnh yếu?

Đáp: Chỉ một pháp quán tâm thâu nhiếp trọn các pháp mới thực là cực kì tỉnh yếu.

Hỏi: Sao một pháp thâu nhiếp trọn các pháp được?

Đáp: Vì tâm là cõi rễ của muôn pháp. Tất cả các pháp, duy một tâm sanh ra. Nếu hiểu được tâm ắt muôn pháp đều sẵn đủ trong đó, cũng ví như cây lớn có đủ thứ cành nhánh trái bông, nhưng tất cả đều do nơi cội rễ mà nẩy sanh, nếu nhỗ rễ ắt cây chết.

Nếu hiểu tâm mà tu đạo ắt được tỉnh lực nên dễ thành.

Nếu không hiểu tâm mà tu đạo ắt nhọc công mà vô ích.

Nên biết tất cả việc lành dữ đều do ở tâm mình. Cầu gì khác ở ngoài tâm, rốt cuộc không đâu có được.

Hỏi: Sao gọi quán tâm là rõ hết?

Đáp: Bậc bồ tát khi thực hành rốt ráo pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa thấy rõ bốn đại năm ấm vốn là không, không tự ngã; thấy rõ do sự khởi dụng của tự tâm bày ra hai giống khác nhau.

Sao gọi là hai?

Một là tịnh tâm: tâm trong sạch

Hai là nhiễm tâm: tâm nhuốm bợn.

Hai thứ tâm ấy, xưa nay pháp giới đều tự nhiên có, kết hợp bằng những nhân duyên giả, trong cái thế đối đãi nương vịn vào nhau.

Tâm tịnh bằng vui nhân lành.

Tâm nhiễm mảng lo nghiệp dữ.

Nếu không có gì nhiễm phải, tức xưng là thánh, lìa hết các khổ đau, chứn cái vui niết bàn.

Bằng cứ buông theo tâm nhiễm mà tạo nghiệp ắt bị khuất lấp,

ràng buộc, tức gọi là phàm, chìm nổi trong ba cõi, chịu mọi thứ khổ. Tại sao vậy? Vì cái tâm nhiễm ấy gây chướng ngại cho bổn thể chân như vậy.

Kinh Thập Địa nói: Trong thân chúng sanh có tánh phật kim cương ví như vừng nhật tròn đầy, rộng lớn, sáng bao la, chỉ vì lớp lớp mây ngũ ấm che lấp nên không lộ được, cũng ví như ánh sáng ngọn đèn bị nhốt giữa bình đất không chiếu hiện được.

Kinh Niết Bàn còn nói: Tất cả chúng sanh đều có tánh phật, chỉ vì vô minh che lấp nên không được giải thoát.

"Tánh Phật" ấy, tức "tánh giác" ấy vậy.

Chỉ "tự giác giác tha", trí giác sáng tỏ, tức gọi là giải thoát.

Nên biết mọi điều lành đều là giác làm gốc. Nhân gốc giác ấy mới kết được đủ thứ trái niết bàn của cây công đức, đạo nhân đó mà thành.

Nói quán tâm tức rõ hết là như vậy đó.

Hỏi: Trên nói tất cả công đức của tánh chân như phật đều lấy giác làm gốc, còn tâm vô minh, chẳng hay lấy gì làm gốc?

Đáp: Tâm vô minh, tuy có tám vạn bốn ngàn phiền não, tình dục, với vô số điều dữ, đều do ba độc nên lấy đó làm gốc.

Ba độc ấy, tức tham sân si ấy vậy.

Cái tâm ba độc ấy tự nó có đủ tất cả giống ác, ví như cây lớn, gốc tuy chỉ một mà lá sanh ra thì số lượng không cùng. Ở ba độc ấy từ mỗi gốc sanh ra các nghiệp dữ, trăm ngàn vạn ức, gấp mấy cái trước, không thể ví với cái gì được. Từ trong bổn thể của cái tâm ba độc ấy ứng hiện ra sáu căn, cũng gọi là sáu tên giặc, tức là sáu thức vậy. Sáu thức ấy ra vào sáu căn, nhân đó có tham trước muôn cảnh, tạo thành nghiệp dữ, che khuất bổn thể chân như, nên gọi là sáu tên giặc. Do ba độc sáu giặc ấy chúng sanh bị mê hoặc và rối loạn thân tâm, trôi giạt trong sanh tử, lăn lóc trong sáu đường, chịu mọi nỗi khổ. Cũng như sông ngòi có tiếp nguồn thông mạch dòng nước mới chảy mãi không dứt, và sóng mới muôn dặm cuộn giăng; nếu có ai bít mạch lấp nguồn thì mọi dòng nước ắt đứt theo.

Người cầu giải thoát có thể chuyển được ba độc thành ba giới tụ tịnh, chuyển sáu tên giặc thành sáu Ba-la-mật, tức tự nhiên lìa hẳn tất cả biển khổ.

Hỏi: Sáu đường ba cõi rộng lớn bao la nếu chỉ quán tâm thôi thì làm sao thoát được những khổ đau không cùng tận?

Đáp: Nghiệp báo trong ba cõi chỉ do một tâm sanh ra. Nếu từ gốc

đã vô tâm thì ở trong ba cõi mà như xa lìa ba cõi.

Ba cõi ấy, tức ba độc vậy.

Tham làm ra cõi dục

Sân làm ra cõi sắc

Si làm ra cõi vô sắc.

Nên gọi là ba cõi.

Do ba độc ấy gây nghiệp nhẹ nặng, quả báo chẳng đồng, chia ra làm sáu xứ, nên gọi là sáu nẻo.

Hỏi: Thế nào là nhẹ nặng chia làm sáu nẻo?

Đáp: Chúng sanh chẳng rõ nguyên nhân chánh, dốc lòng mê tu lành, chưa thoát khỏi ba cõi, thác sanh vào ba nẻo tội nhẹ.

Thế nào là ba nẻo tội nhẹ?

- Ấy là mê tu theo mười điều thiện, vọng cầu vui sướng, chưa thoát khỏi cõi tham, thì sanh ở nẻo vui trời.

- Mê giữ năm giới, vọng nổi lòng thương ghét, chưa thoát khỏi cõi sân, thì sanh ở nẻo loài người.

- Mê chấp hữu vi, tin tà mong phước, chưa thoát khỏi cõi si, thì sanh ở nẻo thần A-tu-la.

Đó là ba loại chúng sanh, gọi là ba nẻo tội nhẹ vậy.

Thế nào là ba nẻo tội nặng?

- Ấy là buông lung theo cái tâm ba độc, toàn gây nghiệp dữ, rơi vào ba nẻo tội nặng?

Nếu nghiệp tham nặng thì rơi vào nẻo quỉ đói.

Nếu nghiệp sân nặng thì rơi vào nẻo địa ngục.

Nếu nghiệp si nặng thì rơi vào nẻo súc sanh.

Vậy ba nẻo tội nặng ấy hiệp với ba nẻo tội nhẹ trên thành sáu nẻo luân hồi.

Mới biết tất cả nghiệp khổ đều do tâm mình sanh, nên cần nhiếp tâm, lìa hết đều tà và ác là mọi nổi khổ của ba cõi sáu đường luân hồi đều tự nhiên tiêu mất, tức được giải thoát.

Hỏi: Như lời phật dạy: "Ta đã trải qua ba đại A tăng-kỳ kiếp cần cù chịu vô số khổ đau mới thành được phật đạo", sao nay nói chỉ quán xét tâm, điều chế ba độc là được giải thoát?

Đáp: Lời phật nói ra không hề dối trá, A tăng-kỳ kiếp ấy, tức tâm ba độc vậy. Người Hồ (1) nói "A tăng-kỳ" (2) người Hán nói "bất khả sổ", nghĩa là đếm không xuể.

Tự nơi tâm ba độc ấy, có đủ thứ niệm ác nhiều như cát sông Hằng. Ở mỗi niệm ấy là một kiếp, vậy là có hằng sa số kiếp đếm không xuể,

nên nói ba đại A tăng-kỳ.

Tánh chân như bị ba độc ấy che khuất. Nếu chẳng vượt lên được cái tâm của ba đại hằng sa độc ác ấy thì làm sao giải thoát được?

Nếu nay chuyển được ba món độc tham sân si làm ba món giải thoát, đó gọi là vượt qua ba đại A tăng-kỳ kiếp.

Chúng sanh ở thời đại cùng mạt này vốn căn trí ngu si, cùn lụt, không nhận được ý sâu kín của Như Lai trong câu nói "ba đại A tăng-kỳ" nên nói Như Lai phải qua vô số kiếp nhiều như cát bụi mới thành phật, điều ấy há chỉ khiến cho người tu nghi ngờ mà lùi bước Bồ-đề sao?

Hỏi: Các bậc Bồ tát nhờ giữ ba giới tụ tịnh, thực hành sáu độ, mới thành phật được. Sao nay nói người học chỉ cần quán tâm, chẳng tu giới hạnh, thì thành phật thế nào được?

Đáp: Ba giới tụ tịnh ấy, tức cái tâm chế phục ba độc vậy: chế phục tâm ba độc thành vô lượng thiện tụ.

Nói "tụ" là nói "hội" vậy.

Pháp lành vô lượng hội khắp ở tâm, nên gọi là ba giới tụ tịnh.

Nói sáu độ Ba-la-mật, tức nói tịnh sáu căn vậy.

Người Hồ nói "Ba-la-mật" người Hán nói "đạt bỉ ngạn", tức đến bờ bên kia.

Sáu căn đã thanh tịnh, chẳng nhuốm sáu trần, tức qua sông phiền não, đến bờ Bồ-đề, nên nói là sáu Ba-la-mật.

Hỏi: Như kinh nói, ba giới tụ tịnh tức là "nguyện thề đoạn tất cả đều dữ, thề tu tất cả đều lành, thề độ tất cả chúng sanh" nay nói chỉ cần chế ngự cái tâm ba độc, há chẳng trái với nghĩa văn sao?

Đáp: Lời phật nói kinh là lời chân thực. Nhân đối với ba độc chư bồ tát tu hành trong thời quá khứ phát ba điều thệ nguyện là:

- Nguyện đoạn tất cả điều dữ, nên luôn dữ giới, đối xử với tham độc.
- Nguyện tu tất cả điều lành, nên luôn tập định, đối xử với sân độc.
- Nguyện độ tất cả chúng sanh, nên luôn tu huệ, đối xử với si độc.

Do gì giữ ba thứ pháp thanh tịnh giới định huệ ấy nên vượt được lên ba độc mà thành phật đạo vậy.

Điều dữ dứt mất, đó gọi là "đoạn".

Điều lành sẵn đủ, đó gọi là "tu".

Đã đoạn dữ tu lành, ắt muôn hạnh đều thành tựu, lợi ta lợi người,

cứu khắp muôn sanh, đó gọi là “độ”.

Mới biết phép tu giới hạnh không thể lìa tâm. Nếu tâm mình thanh tịnh, ắt tất cả nước phật đều thanh tịnh. Nên kinh nói:

Tâm đục ắt chúng sanh đục.
Tâm tịnh ắt chúng sanh tịnh.
Muốn được tịnh độ, trước cần tịnh tâm
Tuỳ tâm mình tịnh, xứ phật tịnh theo.
Ba giới tụ tịnh tự nhiên thành tựu.

Hỏi: Như kinh nói, sáu Ba-la-mật ấy, cũng gọi là sáu độ, tức là: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, và trí huệ. Nay nói sáu căn thanh tịnh gọi là Ba-la-mật thì hiểu sao cho xuôi được? Còn phép sáu độ, nghĩa là thế nào?

Đáp: Muốn tu sáu độ, nên tịnh sáu thứ căn, hàng sáu tên giặc.

- Xả được tên giặc mắt, lìa hết cảnh sắc, gọi là bố thí;
- Cầm được tên giặc tai, không buông lòng theo thanh trần, gọi là trì giới;
- Cầm được tên giặc mũi, tự tại giữa hương thơm, gọi là nhẫn nhục;
- Ngăn được tên giặc lưỡi, không ham mùi vị, ngâm vịnh giảng văn, gọi là tinh tiến;
- Hàng được tên giặc thân, lặng im chẳng động giữa điều cảm xúc, gọi là thiền định;
- Phục được tên giặc ý, chẳng buông theo vô minh, thường tu theo giác huệ, gọi là trí huệ.

Nói “độ”, đưa qua, tức nói “vận”, chuyển vần vậy. Thuyền Bát-nhã sáu Ba-la-mật có khả năng chuyển vần chúng sanh đến tận bờ bên kia, nên gọi là “sáu độ”.

Hỏi: Kinh nói: Khi còn là bồ tát, Thích Ca Như Lai từng uống ba đáu sáu thăng nhũ mi mới thành được phật đạo. Vậy trước nhờ uống sữa, sau chứng quả phật, há phải nhờ quán tâm mà được giải thoát ru?

Đáp: Nên thành thực mà nhận rằng lời xưa nói “nhân vì uống sữa mới thành phật” chẳng luống dối chút nào, nói phật uống sữa cần phân biệt hai thứ sữa. Sữa phật uống chẳng phải là sữa vẩn đục của thế gian, mà chính là sữa của pháp chân như thanh tịnh vậy.

Nói ba đấu, tức ba giới tụ tịnh.

Nói sáu thăng, tức sáu Ba-la-mật.

Thành phật là do uống sữa của pháp thanh tịnh ấy, mới chứng được quả phật.

Nếu nói Như Lai uống thứ sữa bò lềnh mỡ ươn hôi vẫn đục của thế gian, há chẳng chê bai một cách lầm lẫn lắm ru?

Tánh chân như tợ như chất kim cương bất diệt; còn pháp thân thì không tì vít vĩnh viễn lìa tất cả nỗi khổ đau của thế gian, há dùng thứ sữa vẫn đục ấy để đỡ đói khát được sao?

Như lời kinh nói, bò ấy chẳng ở vùng cao, chẳng ở vũng thấp, chẳng ăn lúa thóc tạp nhạp, chẳng cùng bầy với các loại bò khác.

...Nói bò ấy, tức là phật Tì Lô Xá Na vậy, đem lòng đại từ đại bi mà thương xót tất cả; nên từ nơi pháp thể thanh tịnh ứng ra thứ sữa pháp vi diệu của ba giới tụ tịnh sáu Ba-la-mật hầu nuôi nấng tất cả những người cầu đạo giải thoát. Như vậy, loại bò chân tịnh ấy, loại sữa thanh tịnh ấy, không những riêng Như Lai uống xong là thành đạo, mà tất cả chúng sanh ai cũng uống được, vẫn được quả chánh đẳng chánh giác như thường.

Hỏi: Như kinh nói, phật khiến chúng sanh xây dựng già lam, đúc tạc hình tượng, đốt hương rắc hoa, chong đèn sáng mãi, đêm ngày sáu cữ, nhiễu tháp hành đạo, lễ bái chay lạt, đủ thứ công đức mới thành phật đạo. Nếu chỉ lấy phép quán tâm thâu nhiếp lại các hạnh, nói như vậy e có ngoa chăng?

Đáp: Phật nói kinh dùng vô số phương tiện, nhắm vào tất cả chúng sanh căn trí cùng lụt, ươn hèn, không đủ sức lãnh hội được nghĩa sâu, nên nêu giả pháp hữu vi làm tỉ dụ cho pháp vô vi.

Nếu lại vẫn không tu nội hạnh mà chỉ cầu ở ngoài, mong làm thánh, cầu được phước, không đâu có được.

Nói "già lam" ấy là người Tây Thiên Trúc nói, ở đây dịch là "thanh tịnh địa", tức là đất trong sạch, chùa chiền vậy.

Nếu vĩnh viễn trừ ba độc, tịnh được sáu căn, thân tâm vắng không, trong ngoài lặng im, đó gọi là xây dựng già lam.

Nói "đúc tạc hình tượng", tức đó là tất cả chúng sanh cầu phật đạo cần tu các giác hạnh, phỏng theo chân dung diệu tướng của Như Lai, há chỉ đâu phải là việc đúc vàng tạc đồng tầm thường vậy thôi ru! Bởi vậy người cầu đạo giải thoát phải lấy thân mình làm lò, lấy pháp làm lửa, lấy trí huệ làm tai thợ khéo, lấy ba giới tụ tịnh, sáu Ba-la-mật làm khuôn phép, nấu chảy, và rèn đúc chất chân như phật tánh ở trong thân cho thấm nhập khắp tất cả hình thức giới luật; y lời dạy đó mà vâng làm, mỗi mỗi không hở sót, thì tự nhiên thành tựu được hình tướng của chân dung. Hình tướng đó đích thực là cái pháp thân thường trụ vi diệu và cùng tột, há phải đâu là pháp hữu vi hư đốn sao?

Người cầu đạo mà không hiểu nghĩa việc đúc tạc chân dung như vậy thì còn bằng vào đâu mở miệng nói công đức?

Công việc đốt hương ấy, nào phải hương có hình tướng của thế gian, mà chính là hương của pháp vô vi vậy, xông lên các thứ dơ xấu khiến cho nghiệp dữ vô minh thảy đều tiêu mất.

Hương chánh pháp ấy kể có năm thứ:

- Một là hương giới: gọi thế vì nó có thể dứt mọi đều dữ, tu mọi điều lành;

- Hai là hương định: gọi thế vì nó tin sâu phép đại thừa, lòng không chùn nản;

- Ba là hương huệ: gọi thế vì lúc nào ở bên trong cũng tự tâm quán xét;

- Bốn là hương giải thoát: gọi thế vì nó có thể dứt tất cả mê mờ trói buộc;

Năm là hương giải thoát tri kiến: gọi thế vì lúc nào nó cũng quán chiếu sáng soi, suốt thông không ngại.

Đó là năm thứ hương, gọi là hương tối thượng, thế gian không gì sánh được.

Khi còn tại thế, Phật khiến các đại tử lấy lửa trí huệ đốt thứ hương báu không giá ấy để dưng cúng chư Phật mười phương. Chúng sanh ngày nay không rõ nghĩa chân thực của Như Lai, chỉ đem lửa ngoài đốt gỗ trầm của thế tục, xông thứ hương vật chất lên mong phước cầu thánh, thì làm sao mà được ru?

Còn việc rắc hoa ấy, nghĩa cũng như vậy, ấy là viễn nói pháp chánh. Hoa công đức ấy gây lợi ích nhiều cho giống hữu tình, gieo rắc thấm nhuần tất cả, tự nơi tánh chân như bố thí khắp cùng khiến cho tất cả trang nghiêm. Thứ hoa công đức mà Phật từng xưng tán ấy không có thời héo rụng, rốt ráo là thường trụ.

Ai rắc thứ hoa ấy được phước không cùng. Bằng nói Như Lai bảo chúng sanh chặt cành bứt nhánh lấy hoa cúng Phật, làm thương tổn đến cỏ cây, điều ấy không đâu có vậy. Vì lẽ sao vậy?

Vì đã giữ tịnh giới thì muôn tượng um tùm trong trời đất chẳng nên đụng chạm đến. Nếu lầm chạm phải, đã mắc tội nặng rồi, huống nữa nay lại còn cố ý huỷ phá tịnh giới, gây hại cho muôn vật để cầu phước báu muốn được thêm cho mình lại hoá thành mất bớt đi, há có thể như vậy được sao?

Nói đèn chong sáng mãi, đó là tâm chánh giác vậy.

Sức sáng tỏ của tánh giác dụ như ngọn đèn. Cho nên người cầu

đạo giải thoát phải lấy thân mình làm thân đèn, lấy tâm làm tim đèn, thêm vào giới hạnh làm dầu đốt đèn.

Trí huệ sáng tỏ dụ như ngọn đèn thường cháy. Đó là đèn chánh giác vậy, chiếu phá tất cả mờ tối si mê, có thể chuyển được vành xe chánh pháp mà trao chuyền mở sáng cho nhau. Tức đó một đèn mồi qua trăm ngàn đèn, đèn đèn không cùng tận, nên gọi là chong đèn sáng mãi.

Trong quá khứ có Phật tên là Nhiên Đăng cũng theo nghĩa "đốt đèn" ấy vậy.

Chúng sanh ngu si không hiểu được lời nói phương tiện của Như Lai, chuyên làm điều luống dối mê chấp hữu vi, đốt lên ngọn đèn dầu của thế gian đem soi vào căn nhà không, lại xưng là y theo lời Phật dạy, há chẳng quấy lắm ru?

Bởi cớ sao vậy?

Phật phóng một đạo hào quang giữa đôi mi chiếu suốt tám vạn bốn ngàn thế giới, há là đèn dầu hư giả mà được ích lợi đến như vậy sao? Xét kĩ lẽ ấy, tự nhiên không thể được vậy!

Còn sáu giờ hành đạo là nói tự nơi sáu căn, bất cứ lúc nào cũng đi con đường Phật, cũng tu các giác hạnh, cũng ngăn phòng sáu căn, không lúc nào buông, đó gọi là sáu giờ hành đạo.

Phàm nói nhiễu tháp hành đạo thì "tháp" tức là "thân" vậy, vậy cần tu giác hạnh. Xét quanh thân tâm, niệm niệm chẳng dừng, đó gọi là "nhiễu tháp", tức đi quanh tháp vậy.

Thánh nhân thuở trước đều đi theo đường ấy kì cho tới niết bàn. Người đời nay chẳng rõ lẽ ấy, trong chẳng tự hành, ngoài lại chấp cầu, đem thân chất ra nhiễu tháp thế gian, đêm ngày loanh quanh, chuốc nỗi nhọc nhằn vô lối, không ích gì cho chân tánh cả.

Còn trì trai ấy, cần hiểu rõ, nếu không thông đạt ắt uổng công tu.

Nói "trai" là chay, tức nói "tề", là sắp xếp vậy: sắp xếp thân tâm cho thẳng (tề chánh) đừng cho công rối.

Nói "trì" là giữ, tức nói "hộ" là giúp vậy: ở nơi giới hạnh, cứ theo pháp mà hộ trì, nhất định ngoài cấm sáu tình, trong ngăn ba độc, siêng sáng tỉnh xét, thân tâm thanh tịnh. Có hiểu như vậy mới là chay lạt.

Còn ăn cũng có năm thứ ăn:

- Một là ăn thức vui của pháp- pháp hỉ thực-đó tức là y giữ chánh pháp, vui mừng vâng làm;

- Hai là ăn thức ngon của thiền- thiền duyệt thực- đó tức là trong ngoài lọc sạch thân và tâm vui đẹp;

- Ba là ăn thức ăn của niệm- niệm thực- đó tức là thường niệm chư Phật, tâm và miệng hợp nhau;

- Bốn là ăn thức ăn của nguyện- nguyện thực- đó tức là trong lúc đi đứng nằm ngồi luôn phát nguyện lành;

- Năm là ăn thức ăn của giải thoát- giải thoát thực- đó tức là tâm thường thanh tịnh, chẳng nhuốm bụi tục. Ăn năm món ấy gọi là giữ giới chay lạt.

Nếu người nào không ăn năm món ăn thanh tịnh như trên mà cứ rêu rao là trai giới, thì không đâu có được... Đó chỉ là phá chay. Mà đã phá thì sao rằng phước được?

Kẻ mê trong đời không ngộ được lẽ ấy, thả lỏng thân tâm, làm đủ việc dữ, ham muốn bốn tình, chẳng chút thẹn thùng. Chỉ dứt có món ăn ngoài mà tự coi là chay lạt, thật không đâu có được.

Còn việc lễ bái thì nên biết pháp, như thế này: trong là lí, phải sáng tỏ; ngoài là sự, biết quyền nghi. Có hiểu được vậy mới gọi là y pháp.

Phàm nói "lễ" tức nói "kính" nghĩa là coi nặng vậy.

Phàm nói "bái" tức nói "phục", nghĩa là cúi xuống vậy.

Sở dĩ thế vì có cung kính chân tánh, khuất phục vô minh, mới gọi là lễ bái.

Nếu dứt hẳn được ác tình, hằng gìn thiện niệm, tuy chẳng xứng tướng, ấy gọi là lễ bái.

Tướng ấy, tức pháp tướng vậy.

Thế tôn muốn khiến cho thế tục tỏ lóng nhún thấp mới dạy lễ bái, tức là ngoài thì thân sụp xuống, trong thì lòng kính thêm, giác ngoài sáng trong, tánh và tướng hợp nhau.

Nếu không làm theo lí pháp ấy mà chỉ chấp trước cầu ngoài, trong ắt buông lung theo tham si, mãi gây nghiệp dữ, ngoài ắt nhọc nhằn thân tướng mà chẳng ích gì, đội lốt uy nghi, không thẹn với thánh, dối gạt với phàm, chẳng khỏi luân hồi, há thành công đức được sao?

Hỏi: Như lời kinh nói "dốc lòng niệm phật chắc được vãng sanh qua cõi tịnh độ phương tây, chỉ cần theo một cửa ấy tức được thành Phật", sao còn nói quán tâm để cầu giải thoát là gì?

Đáp: Phàm nói niệm Phật, cốt cần niệm chánh. Rõ nghĩa là chánh, không rõ nghĩa là tà. Niệm chánh chắc được vãng sanh. Còn niệm tà thì sao qua đó được?

Nói "Phật" là nói "giác", tức tỉnh biết vậy: tỉnh biết để thấy rõ thân tâm mình, đừng khiến niệm dữ lừng lên vậy.

Nói "niệm" là nói "ức", tức gìn nhớ vậy: gìn nhớ giữ giới hạnh, chẳng quên tinh tiến, có hiểu như vậy, mới gọi là niệm. Cho nên niệm cốt ở tâm, chẳng phải ở lời nói.

Mượn nơm đơm cá, được cá cần quên nơm,
Mượn lời cầu ý, được ý cần quên lời.
Đã xưng niệm Phật trên danh từ,
Nên biết niệm Phật trong đạo lí.

Nếu tâm không thực, thì miệng tụng tiếng suông, ba độc chất chồng, nhân ngã chèn lấp.

Đem tâm vô minh hướng ngoài cầu Phật, nhọc sức ích gì.

Vả, tụng với niệm, nghĩa lí còn khác nhau xa.

Tại miệng, gọi là tụng.

Tại tâm, gọi là niệm.

Thế mới biết:

Niệm theo tâm mà khởi, đó là giác hạnh- cửa huyền.

Tụng theo miệng mà ra, đó là âm thanh tướng dối.

Nên biết chư thánh ngày xưa tu niệm Phật, phải đâu nói ngoài miệng, chính là tìm xét trong tâm.

Tâm là nguồn của mọi pháp lành.
Tâm là chủ của muôn công đức.
Niết bàn thường vui do tâm mà ra.
Ba cõi lăn lóc cũng theo tâm mà dậy.
Tâm là cửa, là ngõ của đạo xuất thế.
Tâm là bến, là ải của đạo giải thoát.
Cửa ngõ đã biết, há lo khó vào?
Bến ải đã rõ, há ngại chẳng thông?

Cho nên nhiếp tâm được thì trong chiếu soi; giác quán được thì ngoài tỏ sáng;

Dứt ba độc khiến ngàn thuở tiêu tan,
Nhốt sáu giặc khiến bặt đường phá rối,
Tự nhiên hằng sa công đức, thảy thảy trang nghiêm,
Vô số pháp môn, mỗi mỗi thành tựu.
Vượt lên phàm, chứng vào thánh, mắt chẳng động xao,
Ngộ lại chốc liền, đợi gì lâu lắt.

Cửa chân sâu kín, thuật đủ được sao, đây chỉ trình bày sơ phép quán tâm đôi phần thôi vậy.

Và nói kệ rằng:

I- Ngã bổn cầu tâm tâm tự trì:

Cầu tâm bất đắc đãi tâm tri
Phật tánh bất tòng tâm ngoại đắc
Tâm sanh tiện thị tội sanh thì.
Ta vốn cầu tâm tâm tự trì
Cầu tâm chớ khá đợi tâm tri
Tánh Phật ngoài tâm không chứng được
Tâm sanh thì tội phát liền khi.

II- Ngã bổn cầu tâm bất cầu Phật:

Liễu tri tam giới không vô vật
Nhược dục cầu Phật đản cầu tâm
Chỉ giá tâm tâm tâm thị Phật
Ta vốn cầu tâm chẳng cầu Phật
Rõ ra ba cõi không một vật
Ví muốn cầu Phật mà cầu tâm
Chỉ tâm tâm ấy tức là Phật.

NHỊ CHỦNG NHẬP

Phàm vào đạo có nhiều đường, nhưng nói cho cùng thì không ngoài hai đường này:

Một là lí nhập.

Hai là hạnh nhập.

Lí nhập là mượn "giáo" để ngộ vào "tông", tin sâu vào tất cả sanh linh đều chung đồng một chân tánh, chỉ vì khách trần bên ngoài và vọng tưởng bên trong che lấp nên chân tánh không hiển lộ được.

Nếu bỏ vọng mà về chân, tinh thần ngưng trụ như vánh đá thì không thấy có ta có người, thánh phàm một bực như nhau; nếu một bực kiên cố không lay chuyển, lại cũng không lệ thuộc vào văn giáo, được như thế tức là ngầm hợp với lí, không chút sai biệt.

Vô vi một cách vắng lặng và hồn nhiên gọi là lí nhập.

Hạnh Nhập là nói về bốn hạnh, ngoài ra các hạnh khác đều bao gồm trong ấy.

Bốn hạnh là gì?

Một là báo quán hạnh.

Hai là tuỳ duyên hạnh.

Ba là vô sở cầu hạnh.

Bốn là xứng pháp hạnh.

1. Sao gọi là Báo Oán Hạnh?

Người tu hành khi gặp cảnh khổ nên tự nghĩ như vầy:

"Ta từ bao kiếp trước buông lung không học, bỏ gốc theo ngọn, trôi giạt khắp nơi, nặng lòng thương nghét, gây hại không cùng. Đời nay tuy ta không phạm lỗi, nhưng nghiệp dữ gieo trừ từ trước nay đến mùa kết trái chín muồi, điều ấy nào phải do trời hoặc người nào tạo ra đâu, vậy ta đành lòng nhẫn nhục chịu khổ, đừng nên oán trách".

Kinh nói: "Gặp khổ không buồn".

Vì sao vậy? Vì thấu suốt lí do của sự khổ vậy.

Khi tâm niệm ấy phát sanh, ấy là cùng với lí ứng hợp nhau.

Nương theo oán mà vào đạo nên nói là hạnh trả oán.

2. Hai là Tuỳ Duyên Hạnh:

Chúng sanh đều do duyên nghiệp mà chuyển thành, chẳng có cái tôi. Mọi nỗi khổ vui đều do nhân duyên phát sanh. Nếu nay được quả báo tốt, hưởng đủ vinh dự, ấy là do nhân lành thuở trước cảm nên, nay mới được vậy. Hễ duyên hết thì lại hoàn không, mừng vui nỗi gì? Được mất gì tuỳ theo duyên, nhưng tâm người không vì vậy mà được thêm hoặc bớt mất gì.

Nếu thấu đáo được vậy thì gió vui chẳng động, lặng lẽ mà thuận đạo, nên nói là hạnh tuỳ thuận theo duyên nghiệp vậy.

3. Ba là Vô Sở Cầu Hạnh:

Người đời mãi đắm mê, việc gì cũng tham trước, thế gọi là cầu.

Bậc trí ngộ được lẽ chân, chuyển ngược thế tục, nên tâm an trụ ở vô vi, thân hình tuỳ nghi mà vận chuyển.

Muôn vật đều là không, nên không có gì cầu vui được.

Công đức và sự cầu phước mù quáng lúc nào cũng đuổi nhau.

Ở lâu trong ba cõi khác nào ở trong nhà lửa.

Có thân ắt khổ, được gì mà vui?

Thông suốt được lẽ ấy ắt buông bỏ hết sự vật, dứt tưởng, chẳng cầu.

Kinh nói: "Còn cầu còn khổ. Hết cầu mới được vui".

Xét biết không cầu mới thực là đạo hạnh nên nói là hạnh không cầu mong.

4. Bốn là Xứng Pháp Hạnh:

Cái lí thanh tịnh của tự tánh gọi là pháp.

Tin hiểu được lẽ ấy thì mọi hình tướng hoá thành không, hết bị nhiễm trước, hết chấp hai bên.

Kinh nói: Pháp không có chúng sanh, vậy hãy lìa chúng sanh cấu. Pháp không có tướng ngã, vậy hãy lìa ngã cấu.

Bậc trí vì tin hiểu được vậy thì tuỳ xứng theo pháp mà hành

động.

Bổn thể của pháp vốn không tham lận, cho nên dầu đem thân mạng và của cải ra mà bố thí vẫn không hối tiếc. Thấu rõ được ba cái không thì không còn ỷ lại và chấp trước. Chỉ cần gạn trừ trần cấu, tuỳ nghi mà giáo hoá chúng sanh, nhưng không mắc phải hình tướng, thế tức là tự hành, đã lợi cho người lại thêm làm trang nghiêm đạo Bồ-đề. Bố thí đã vậy thì năm độ khác cũng thế. Vì dứt trừ vọng tưởng mà hành phép tu sáu độ, nhưng thật ra không có gì gọi là hành cả nên nói là hạnh tuỳ xứng theo pháp.

Kệ rằng:

Ngoại tức chư duyên
Nội tâm vô đoan
Tâm như tường bích
Khả dĩ nhập đạo
Minh Phật tâm tông
Đẳng vô sai ngộ
Hành giải tương ưng
Danh chi viết tổ.

Nghĩa:

Ngoài dứt muôn duyên
Trong bặt nghĩ tưởng
Tâm như vách tường
Mới là vào đạo
Sáng Phật tâm tông
Thảy không sai ngộ
Làm hiểu hợp nhau
Ấy gọi là tổ.
An Tâm Pháp Môn
Khi mê, người đuổi theo pháp
Lúc tỉnh, pháp đuổi theo người
Tỉnh, ấy tâm thức thâu nhiếp vật sắc
Mê, ấy vật sắc thâu nhiếp tâm thức.

Chỉ một chút phân biệt cân nhắc của tâm là tự nơi mình mọi hiện lượng đều là mộng cả.

Nếu nhận biết tâm mình vốn tịch diệt, không đâu là chỗ niệm cả, đó gọi là chánh giác.

Hỏi: Sao gọi là hiện lượng của tâm mình?

Đáp: Khi thấy các pháp là "có": có, nhưng chẳng phải tự nó có,

mà nhân suy lường nên cho là có.

Khi thấy các pháp là “không”: không nhưng chẳng phải tự nó không, mà nhân suy lường nên cho là không.

Nói rộng ra thì tất tất đều như vậy cả, toàn do tâm mình suy lường ra mà cho là có, mà cho là không.

Còn người nào trót gây đủ thứ tội mà tự thấy được vị Pháp vương của chính mình, tức được giải thoát.

Tự trên sự vật vươn lên mà tỏ suốt, đó là hàng khí lực mạnh.

Tự trong sự vật thấy đúng pháp, đó tức là người đâu đâu vẫn chẳng mất niệm.

Theo chữ nghĩa mà thông rõ, đó là người khí lực kém.

Sự tức là pháp, pháp tức là sự, ai rõ sâu lẽ ấy tự nhiên thuận theo mọi động tác của thân mình, thế tất người ấy chẳng ra pháp giới mà cũng chẳng vào pháp giới.

Nếu đem pháp giới vào pháp giới, đó là người si.

Hễ thấy còn có thi vi, ắt không khi nào ra được tâm pháp giới.

Tại sao vậy? Vì bổn thể của tâm tức là pháp giới đó.

Hỏi: Người đời học hỏi đủ thứ, tại sao không được đạo?

Đáp: Vì người ấy không tự thấy mình nên không được đạo. “Mình” ấy, tức “ta” ấy vậy.

Bậc chí nhân nhập khổ chẳng lo, gặp vui chẳng mừng, ấy vì không thấy có mình đó. Sở dĩ không biết khổ vui, vì quên mất mình đi trong trạng thái hư vô đó.

Chính mình mình còn quên, thì còn cái gì nữa mà chẳng quên được?

Hỏi: Các pháp đã là không thì dựa vào gì mà tu đạo?

Đáp: Nếu có dựa vào gì thì cần tu đạo.

Nếu không có gì để dựa, tức chẳng cần tu đạo.

“Cái gì” ấy, tức “cái ta” đó vậy. Nếu không có cái ta thì đối với sự vật chẳng sanh lòng phải quấy.

Phải, chính là tự “ta” phải, mà vật thì chẳng phải vậy.

Quấy, chính là tự “ta” quấy, mà vật thì chẳng quấy vậy.

Đối tâm mà không tâm mới thông đạt đạo Phật.

Đối vật mà không dấy lên cái thấy, mới là đạt đạo.

Đứng trước vật, người nào đạt thẳng biết suốt đến căn nguyên, tức người ấy mở thông mắt huệ.

Người trí tuỳ vật chẳng tuỳ mình, nên không có giữ bỏ thuận nghịch.

Chẳng thấy gì hết, gọi là thấy đạo.

Chẳng làm gì hết, gọi là làm đạo.

Cho nên bất cứ đâu đâu cũng như không đâu, bất cứ làm gì cũng như không làm, đó tức là thấy Phật.

Bằng thấy tướng ở đâu tức thấy quỉ ở đó.

Vì giữ tướng nên đoạ địa ngục.

Vì xét pháp nên được giải thoát.

Nếu thấy tướng, nhớ tướng, rồi phân biệt, tức chịu mọi cảnh khổ lửa phỏng nước sôi, thấy hiện trước mắt tướng sanh tử.

Nếu thấy tánh của pháp giới, tức thấy tánh niết bàn.

Không có tưởng nhớ phân biệt, tức đó là tánh pháp giới.

Tâm chẳng phải sắc nên chẳng phải có.

Dùng mấy vẫn không hết nên chẳng phải không.

Dùng mà vẫn thường không nên chẳng phải có.

Không mà vẫn dùng hoài nên chẳng phải không.

Tức nói kệ rằng:

I. Tâm tâm tâm:

Nan khả tầm.
Khoan thời biến pháp giới
Trách giã bất dung châm
Tâm tâm tâm.
Khó nỗi tầm
Tung ra bao trùm pháp giới
Thâu lại chẳng đầy mũi kim.

II. Diệc bất đổ ác nhi sanh hiềm:

Diệc bất quán thiện nhi cần thố.
Diệc bất xả trí nhi cận ngu
Diệc bất phao mê nhi tựu ngộ
Đạt đại đạo hề quá lượng
Thông Phật tâm hề xuất độ
Bất dữ phàm thánh đồng triền
Siêu nhiên danh chi viết Tổ.
Cũng đừng thấy dữ mà sanh ghét
Cũng đừng ham lành mà đâm mộ
Cũng đừng bỏ trí mà gần ngu
Cũng đừng buông mê mà cầu ngộ.

Được vậy thì:

Chứng đạo lớn hề rộng vô lượng

Sáng tâm Phật hề lớn vô biên
Chẳng cùng phàm thánh mãi quàng xiên
Vượt lên tất cả gọi là Tổ.

Ngộ Tánh Luận

Phàm là đạo, phải lấy sự tịch diệt làm thể,

Còn tu, lấy sự lìa hình tướng làm tông.

Nên kinh nói: Tịch diệt là Bồ-đề.

Diệt hết hình tướng đó.

Là Phật, nghĩa là Giác vậy.

Người có giác tâm, được đạo Bồ-đề, nên gọi là Phật.

Kinh nói: Lìa tất cả hình tướng tức gọi là chư Phật.

Mới biết có tướng là tướng của không tướng, cho nên không thể thấy bằng mắt mà chỉ biết được bằng trí.

Ai nghe pháp ấy mà chợt phát lòng tin, là người ấy đang nương pháp đại thừa siêu lên ba cõi.

Ba cõi ấy, tham sân si ấy vậy.

Chuyển ngược tham sân si làm giới định huệ tức gọi siêu lên ba cõi.

Tuy nhiên, tham sân si chẳng có thực tính, chỉ bằng vào chúng sanh mà đặt tên. Nếu có thể soi ngược trở lại thì sẽ thấy tỏ rõ:

Tánh của tham sân si tức là tánh Phật.

Ngoài tham sân si tuyệt không có tánh Phật nào khác.

Kinh nói: Từ vô thỉ đến nay, chư Phật luôn luôn cư xử ở nơi ba độc, nuôi lớn ở trong bạch pháp, mà thành tựu ở quả Thế Tôn.

Ba độc ấy, tham sân si ấy vậy.

Nói đại thừa tối thượng thừa là nói chỗ sở hành của hàng Bồ tát.

Không gì là chẳng thừa mà cũng không gì gọi được là thừa, suốt ngày thừa mà chưa hề thừa, đó gọi là Phật thừa.

Kinh nói: Lấy vô thừa làm Phật thừa vậy.

Nếu người biết sáu căn vốn không thực, năm uẩn chỉ giả danh, không thể dựa vào đâu mà cầu cạnh gì được, người ấy quả thông suốt lời Phật.

Kinh nói: Hang ổ của năm uẩn là tên gọi của thiền viện.

Chiếu sáng bên trong mà mở thông suốt tức là cửa đại thừa.

Chẳng nhớ tưởng một pháp nào mới gọi là thiền định.

Ví hiểu rõ lời ấy thì đi đứng nằm ngồi thảy đều thiền định cả.

Biết tâm vốn là không, đó gọi là thấy Phật.

Tại sao vậy?

Vì mười phương chư Phật đều nhân vì vô tâm chẳng thấy ở tâm, đó gọi là thấy Phật.

Xả tâm không nuối tiếc gọi là đại bố thí.

Lìa hết động và định gọi là đại toạ thiền.

Tại sao vậy?

Kẻ phàm mỗi mỗi đều hướng về động.

Hàng Tiểu thừa mỗi mỗi đều hướng về định.

Vượt lên cả cái lầm hiếu động của phàm phu và hiếu định ngồi thiền của Tiểu thừa mới gọi là đại toạ thiền.

Nếu có được sức lãnh hội ấy thì chẳng cần lìa mà tướng tướng tự cởi bỏ, chẳng cần trị mà bệnh bệnh tự trừ, ấy đều là định lực của phép đại thiền.

Phàm đem tâm cầu pháp, ấy là mê.

Chẳng đem tâm cầu pháp, ấy là ngộ.

Chẳng mắc vào chữ nghĩa gọi là giải thoát.

Chẳng nhiễm sáu trần gọi là hộ pháp.

Xuất lìa sanh tử gọi là xuất gia.

Chẳng chịu hậu hữu gọi là được đạo.

Chẳng nổi vọng tưởng gọi là niết bàn.

Chẳng đối xử với vô minh gọi là trí huệ lớn.

Chỗ không phiền não gọi là bát niết bàn.

Chỗ không tướng gọi là bờ bên kia.

Khi mê thì có bờ bên này.

Khi ngộ thì không bờ bên này.

Tại sao vậy?

Vì kẻ phàm phu mỗi mỗi đều xu hướng trụ ở bên này.

Vì giác được phép tối thượng thừa thì tâm chẳng trụ bên này cũng chẳng trụ bên kia, nên lìa được cả hai bờ bên này và bên kia vậy.

Nếu thấy bờ kia khác với bờ này, ắt người ấy tâm chưa có thiền định.

Phiền não gọi là chúng sanh.

Tỏ ngộ gọi là Bồ-đề.

Đó chẳng phải là giống nhau mà cũng chẳng phải khác nhau, chỉ nhân vì mê ngộ mà cách biệt nhau.

Khi mê thì thấy có thế gian cần thoát ra.

Khi ngộ thì không có thế gian nào để mà thoát ra cả.

Trong pháp bình đẳng chẳng thấy phàm khác với thánh.

Kinh nói: Pháp bình đẳng ấy, người phàm không thể vào, mà bậc

thánh cũng không thể hành được.

Pháp bình đẳng ấy, chỉ có hàng Bồ tát lớn cùng chư Phật Như Lai mới hành được vậy.

Nếu thấy sống khác với chết, động khác với tịnh, đó gọi là chẳng bình đẳng.

Chẳng thấy phiền não khác với niết bàn, ấy gọi là bình đẳng.

Tại sao vậy?

Vì phiền não với niết bàn đều chung đồng một tánh không vậy.

Do đó, hàng Tiểu thừa vọng dứt phiền não, vọng vào niết bàn, nên trệ ở niết bàn.

Hàng Bồ tát, trái lại, biết rõ tánh không của phiền não, tức chẳng lìa bỏ cái không, nên lúc nào cũng ở lại niết bàn.

Phàm nói niết bàn: Niết là không sanh, bàn là không tử.

Lìa ngoài sanh tử gọi là bát niết bàn.

Tâm không lại qua tức vào niết bàn.

Nên biết niết bàn tức là tâm không.

Chư Phật vào niết bàn ấy, tức vào cõi không vọng tưởng. Bồ tát vào đạo trường ấy, tức vào cõi không phiền não.

Cõi vắng không ấy, tức cõi không tham sân si vậy.

Tham là cõi Dục.

Sân là cõi Sắc

Si là cõi Vô sắc.

Nếu bỗng chốc thoắt sanh tâm, tức đi vào ba cõi.

Mới hay ba cõi sanh diệt, muôn pháp có không, đều do một tâm.

Hễ nói một tâm tựa hồ như phá vào cái thế giới vật chất vô tình của ngói cây gỗ đá.

Nếu biết tâm chỉ là một tiếng gọi suông, không thực thể, tức biết cái tâm tự tịch ấy chẳng phải có mà cũng chẳng phải không.

Tại sao vậy?

Vì phàm phu mỗi mỗi đều có xu hướng sanh tâm nên gọi là "có".

Hàng Tiểu thừa mỗi mỗi đều có xu hướng diệt tâm nên gọi là "không".

Hàng Bồ tát và Phật chưa từng sanh tâm, chưa từng diệt tâm nên gọi là "chẳng phải có tâm chẳng phải không tâm".

Cái tâm chẳng có chẳng không ấy gọi là trung đạo.

Bởi vậy đem tâm học pháp thì tâm pháp thảy đều mê.

Chẳng đem tâm học pháp ắt tâm pháp thảy đều ngộ.

Phàm mê là mê ở ngộ.

Còn ngộ là ngộ ở mê.

Bậc chánh kiến hiểu tâm vốn “không vô”, tức vượt lên mê ngộ.

Không có mê ngộ mới gọi là chánh giác chánh kiến.

Sắc không thể tự nó là sắc, do tâm nên có sắc.

Tâm không thể tự nó là tâm, do sắc nên có tâm.

Cho nên hai tướng tâm và sắc đều có sanh diệt.

Nói “có” là có do ở “không”

Nói “không” là không do ở “có”

Đó mới là thấy chân thực.

Phàm thấy thực thì không gì là chẳng thấy mà cũng không gì mà không chẳng thấy, thấy khắp mười phương mà vẫn chưa từng có thấy.

Tại sao vậy?

Vì không có gì để thấy vậy, vì thấy cái không thấy vậy, vì thấy cái chẳng phải là thấy vậy.

Cái thấy của kẻ phàm đều là vọng tưởng.

Nếu tịch diệt không có thấy mới là thấy thực.

Tâm và cảnh đối nhau, cái thấy phát sanh từ cái thế đối đãi ấy.

Nếu trong chẳng khởi tâm thì ngoài chẳng sanh cảnh.

Cho nên tâm và cảnh có lắng hết cả hai thì mới gọi là chân kiến.

Và cái hiểu trong lúc ấy mới gọi là chánh kiến.

Chẳng thấy một pháp nào mới gọi là được đạo.

Chẳng hiểu một pháp nào mới gọi là hiểu pháp.

Tại sao vậy?

Vì thấy cùng chẳng thấy, đều chẳng thấy vậy.

Hiểu cùng chẳng hiểu, đều chẳng hiểu vậy.

Thấy cái chẳng thấy, mới gọi là thấy thực.

Hiểu cái chẳng hiểu, mới gọi là hiểu thực.

... Phàm có cái hiểu đều là chẳng hiểu.

Không có cái hiểu mới là thực hiểu.

Hiểu cùng chẳng hiểu đều chẳng phải hiểu vậy.

Kinh nói: Chẳng xả trí huệ gọi là ngu si.

Lấy tâm làm không thì hiểu cùng chẳng hiểu đều là chân cả.

Chấp tâm là có thì hiểu cùng chẳng hiểu đều là vọng cả.

Khi hiểu rồi thì pháp đuổi theo người.

Khi chưa hiểu thì người đuổi theo pháp.

Nếu pháp đuổi theo người, ắt cái chẳng phải là pháp hoá thành pháp.

Nếu người đuổi theo pháp, pháp hoá thành cái chẳng phải là pháp.

Nếu người đuổi theo pháp thì pháp pháp đều là vọng.

Nếu pháp đuổi theo người thì pháp pháp đều là chân.

Cho nên bậc thánh

Cũng chẳng đem tâm cầu pháp

Cũng chẳng đem pháp cầu tâm

Cũng chẳng đem tâm cầu tâm

Cũng chẳng đem pháp cầu pháp.

Vì thế tâm chẳng sanh pháp, pháp chẳng sanh tâm, tâm và pháp tịch cả hai nên lúc nào cũng ở trong định.

Tâm của chúng sanh sanh ắt pháp Phật diệt.

Tâm của chúng sanh diệt ắt pháp Phật sanh.

Tâm sanh ắt chân pháp diệt.

Tâm diệt ắt chân pháp sanh.

...Khi mê thì (thấy) có tội.

Khi hiểu thì (thấy) không có tội.

Tại sao vậy?

Vì tội tánh vốn là không vậy

Khi mê thì không tội thấy có tội.

Nếu hiểu rồi thì đối tội thấy không tội.

Tại sao vậy?

Vì tội không có gốc gác đâu cả.

Kinh nói: Muôn pháp đều không tự tánh, cứ dùng nó đừng ngờ, ngờ tức thành tội.

Tại sao vậy?

Vì tội do nghi ngờ mà sanh ra.

Nếu thấu suốt được lẽ ấy thì bao nhiêu tội nghiệp đời trước đều tiêu tan hết.

Khi mê thì sáu thức năm ấm đều là pháp phiền não sanh tử.

Khi ngộ thì sáu thức năm ấm đều là pháp niết bàn không sanh tử.

Người dốc lòng tu chớ cầu đạo ở bên ngoài.

Tại sao vậy?

Vì tâm tức là đạo vậy.

Khi được tâm rồi, mới hay không tâm nào có thể được.

Khi được đạo rồi, mới hay không đạo nào có thể được.

Nếu nói đem tâm ra cầu mà được đạo, đó gọi là tà kiến.

Khi mê thì có Phật có pháp

Ngộ rồi thì không Phật không pháp.

Tại sao vậy?

Vì ngộ tức là Phật pháp.

... Khi mắt thấy sắc chẳng nhiễm nơi sắc.

Khi tai nghe tiếng chẳng nhiễm nơi tiếng, thế đều là giải thoát cả.

Mắt không dính sắc thì mắt là cửa thiền.

Tai không dính tiếng thì tai là cửa thiền.

Nói gom lại hết thì thấy được tánh của sắc là lúc nào cũng giải thoát.

Thấy tướng của sắc thì lúc nào cũng là trói buộc.

Không vì phiền não mà bị trói buộc, tức gọi là giải thoát, ngoài ra không có sự giải thoát nào khác.

Khéo quán xét sắc thì rõ ràng sắc chẳng sanh nơi tâm, tâm chẳng sanh nơi sắc, tức cả sắc và tâm đều thanh tịnh cả hai.

Khi không vọng tưởng thì một tâm là một nước Phật.

Khi có vọng tưởng thì một tâm là một địa ngục.

Chúng sanh xây dựng vọng tưởng, đem tâm sanh tâm, nên lúc nào cũng ở nước Phật.

Nếu đem tâm sanh thì tâm tâm chẳng tịnh, tâm quay về không, niệm niệm trở về tịnh, vào đủ nước Phật, đến đủ nước Phật.

Nếu đem tâm sanh thì tâm chẳng tịnh, niệm niệm hướng động, vào đủ địa ngục, qua đủ địa ngục.

Nếu một thoáng tâm dấy lên, ắt có thiện ác hai nghiệp, có thiên đường địa ngục.

Nếu một thoáng tâm không dấy lên, ắt không thiện ác hai nghiệp, cũng không thiên đường địa ngục.

... Thánh nhân vốn không tâm, nên trong thì trống rỗng bao la, cùng với hư không chẳng khác.

Khi tâm được niết bàn tức chẳng thấy có niết bàn.

Tại sao vậy?

Vì tâm là niết bàn.

Nếu ngoài tâm lại thấy có niết bàn, đó là mắc phải tà kiến vậy.

Tất cả phiền não là hột giống của Như Lai, vì nhân có phiền não mới được trí huệ.

Ta chỉ nên nói phiền não "sanh" Như Lai, không thể nói phiền não "là" Như Lai.

Cho nên cần lấy thân tâm làm ruộng rẫy, phiền não làm hột giống, trí huệ làm mầm mộng, còn Như Lai thì ví như lúa thóc vậy.

Phật ở trong tâm như (trầm) hương ở trong cây.

Phiền não nếu hết thì Phật theo tâm ra.

Vỏ mục nếu hết thì hương theo cây ra.

Mới biết ngoài cây không có hương, ngoài tâm không có Phật.

Nếu ngoài cây có hương, ấy tức là hương ngoài của cây khác.

Nếu ngoài tâm có phật, ấy tức là Phật ngoài của ai khác.

Trong tâm có ba độc, đó gọi là quốc độ dơ xấu.

Trong tâm không có ba độc, đó gọi là quốc độ thanh tịnh.

Kinh nói: Nếu khiến cho quốc độ đục vẫn dơ xấu cứ dẫy đầy lên, rồi chư Phật Thế Tôn sẽ từ trong đó xuất hiện ra, điều ấy không có được.

Cái vẫn đục dơ xấu ấy, tức là ba độc vô minh vậy.

Chư Phật Thế Tôn ấy, tức là tâm thanh tịnh giác ngộ vậy.

Tất cả sự nói năng, không gì chẳng là pháp Phật.

Nếu tự nơi mình không có lời nói thì nói suốt ngày vẫn là đạo.

Nếu tự nơi mình có lời nói thì im suốt ngày vẫn chẳng là đạo.

Cho nên ở Như Lai, lời nói không nương theo im lặng, im lặng không nương theo lời nói, lời nói không lìa im lặng, nói và im đều ở nơi tam muội cả.

Nếu khi biết mà nói thì lời nói cũng giải thoát.

Nếu khi không biết mà im lặng thì im lặng cũng trói buộc.

Cho nên nói mà lìa tướng thì lời nói cũng gọi là giải thoát.

Còn im lặng mà dính tướng thì im lặng cũng là trói buộc.

...Lìa tâm không Phật.

Lìa Phật không tâm.

Cũng như lìa nước không băng.

Cũng như lìa băng không nước.

Nói "lìa tâm không Phật" chẳng phải là xa lìa tâm, mà chỉ khiến đừng chấp vào hình tướng của tâm.

Kinh nói: "không tướng gọi là thấy Phật", tức là lìa hình tướng của tâm vậy.

"Lìa phật không tâm" là nói Phật từ tâm ra. tâm có thể sanh ra Phật, nên Phật theo tâm mà sanh, nhưng Phật chưa hề sanh ra tâm bao giờ.

Cũng như cá sanh ở nước, nhưng nước không thể sanh ở cá.

Cho nên muốn xem cá, cá chưa thấy mà trước hết đã thấy nước.

Cũng vậy muốn xem Phật, Phật chưa thấy mà trước hết đã thấy tâm.

Mới biết cá thấy rồi cần quên nước.

Phật thấy rồi cần quên tâm.

Nếu không quên được tâm thì sẽ vì tâm mà lầm nữa.

Nếu không quên được nước thì sẽ vì nước mà mê nữa.

Chúng sanh với Bồ-đề cũng như nước với băng.

Vì ba độc nung đốt nên gọi là chúng sanh.

Vì ba giải thoát gột sạch nên gọi là Bồ-đề.

Vì đông lạnh trong tiết đông nên gọi là băng.

Vì tan chảy trong lửa hè nên gọi là nước.

Nếu bỏ băng đi, ắt không có Bồ-đề nào khác.

Đủ rõ tánh của băng tức là tánh của nước.

Tánh của nước tức là tánh của băng.

Cũng vậy, tánh của chúng sanh tức là tánh của Bồ-đề vậy.

Chúng sanh cùng với Bồ-đề đều chung nhau một tánh.

Cũng như hai vị thuốc ô đầu và phụ tử, đều chung một gốc, chỉ vì thời tiết mà khác nhau, cũng vậy, vì mê và ngộ hai cảnh khác nhau nên có hai tên gọi chúng sanh và Bồ-đề.

Rắn hoá thành rồng vẫn không đổi vảy.

Phàm biến thành thánh vẫn không đổi mặt.

Mới hay tâm ấy, trong trí huệ chiếu, thân ấy, ngoài giới luật vững.

Chúng sanh độ Phật

Phật độ chúng sanh

Vậy gọi là bình đẳng.

Chúng sanh độ Phật ấy: phiền não nẩy sanh tỏ ngộ.

Phật độ chúng sanh ấy: tỏ ngộ phá trừ phiền não.

... Khi mê thì Phật độ chúng sanh.

Khi ngộ thì chúng sanh độ Phật.

Tại sao vậy?

Vì Phật không thể tự nhiên thành, mà đều do chúng sanh độ nên vậy.

Chư Phật lấy vô minh làm cha, lấy tham ái làm mẹ.

Vô minh và tham ái đều là tên gọi khác của chúng sanh vậy.

Chúng sanh với vô minh cũng như tay trái với tay mặt, rốt cùng chẳng khác nhau vậy.

Khi mê thì ở bờ bên này.

Khi ngộ thì ở bờ bên kia.

Vì biết tâm vốn là không thì chẳng thấy tướng, ắt lìa cả mê và ngộ.

Mê ngộ đã lìa, ắt không bờ bên kia.

Như Lai không ở bờ bên này, cũng không ở bờ bên kia, không ở giữa dòng.

Ở giữa dòng: hàng tiểu thừa vậy.

Ở bờ bên này: phàm phu vậy

Ở bờ bên kia: Bồ tát vậy.

Phật có ba thân: hoá thân, báo thân, và pháp thân.

Nếu chúng sanh luôn luôn làm theo căn lành: tức hoá thân hiện.

Tu trí tuệ: tức báo thân hiện.

Giác vô vi: tức pháp thân hiện.

Bay lướt mười phương, tuỳ nghi mà cứu độ: Phật hoá thân vậy.

Dứt mê hoặc, tu thiện pháp, thành đạo trên núi tuyết: Phật báo thân vậy.

Không lời không nói, vắng lặng thường trụ: Phật pháp thân vậy.

Bằng luận cùng lẽ thì một Phật còn chẳng có, huống nữa là ba.

Nói ba thân đó là dựa theo căn trí con người có thượng, trung và hạ.

Người hạ trí bôn chôn vọng cầu phước vọng thấy hoá thân Phật.

Người trung trí vọng dứt phiền não, vọng thấy báo thân phật.

Người thượng trí vọng chứng Bồ-đề, vọng thấy pháp thân Phật.

Người thượng thượng trí vắng lặng tròn đầy soi chiếu bên trong, sáng tâm tức là Phật, chẳng đợi tâm mà được Phật.

Thế mới ba thân cùng muôn pháp đều không giữ được, không nói được đó tức là tâm tự nhiên giải thoát, thành tựu đạo lớn.

Kinh nói: "Phật chẳng nói pháp, chẳng độ chúng sanh, chẳng chứng Bồ-đề" là như vậy đó.

Chúng sanh tạo nghiệp

Nghiệp tạo chúng sanh

Đời nay tạo nghiệp

Đời sau chịu báo, thuở nào thoát khỏi.

Chỉ bậc chí nhân, ở trong thân này, không tạo các nghiệp nên chẳng chịu báo.

Kinh nói: "Các nghiệp chẳng tạo, tự nhiên được đạo", há lời nói suông ru!

Người tạo ra nghiệp

Nghiệp không thể tạo ra người.

Người nếu tạo nghiệp thì nghiệp với người cùng sanh.

Người nếu không tạo nghiệp thì nghiệp với người cùng diệt.

Mới biết nghiệp do người tạo, người do nghiệp sanh.

Nếu người không tạo nghiệp, tức nghiệp chẳng do người sanh vậy.

Cũng như người có thể nâng đạo, đạo không thể nâng người.

Kẻ phàm phu ngày nay luôn luôn tạo nghiệp, lại nói bừa là không có quả báo, há chẳng khó nghe sao?

Bằng luận cho cùng lẽ: tâm trước tạo, tâm sau báo, đời nào thoát được?

Nếu tâm trước không tạo, tức tâm sao không báo, vậy còn vọng thấy nghiệp báo được sao?

Kinh nói: Tuy tin có Phật, lại nói Phật bị quả báo đói ăn lúa ngựa, gươm vàng đâm chân, đó gọi là lòng tin chưa trọn đủ, là nhất xiển đề.

Người hiểu pháp thánh gọi là thánh nhân.

Người hiểu pháp phàm gọi là phàm phu.

Chỉ cần xả pháp phàm là thành pháp thánh, tức phàm phu thành thánh nhân vậy.

Kẻ ngu trong đời chỉ mong cầu thánh viễn vông, chẳng tin rằng chính cái tâm huệ giải là thánh nhân vậy.

Kinh nói: Đối với người vô trí, đừng nói kinh này.

Kinh này, là tâm vậy, là pháp vậy.

Người vô trí không tin chính cái tâm sáng tỏ được pháp này làm thành bậc thánh. Họ chỉ mảng cầu xa, học ngoài, mến chuộng hình tượng Phật ngoài trời cùng ánh sáng hương sắc đủ thứ, toàn là việc làm đoạ tà kiến, mất tâm, cùn trí.

Kinh nói: Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng, tức thấy Như Lai.

Tám vạn bốn ngàn pháp môn thảy do một tâm mà mống vậy

Nếu trong lắng hết tâm tướng, giống như hư không, tức tự trong thân tâm xa lìa hết tám vạn bốn ngàn căn bệnh phiền não vậy.

Phàm phu đang sống sợ chết, vừa no lo đói, thật quá đổi mê hoặc. Cho nên bậc chí nhân chẳng tính việc đã qua, chẳng lo việc chưa đến, không xáo động việc bây giờ, niệm niệm trở về đạo.

Kệ đêm ngồi tịnh rằng:

Nhất canh đoan toạ kiết già phu.
Di thần tịch chiếu hung đồng hư

Khoáng kiếp do lai bất sanh diệt
Hà tu sanh diệt diệt sanh cừ?
Nhất thiết chư pháp giai như huyễn
Bổn tánh tự không na dụng trừ!
Nhược thức tâm tánh ohi hình tượng
Trạm nhiên bất động tự như như.
Đoan trang Canh Một tịnh ngồi tu
Tịch chiếu tinh thần tựa thái hư
Muôn kiếp vốn không sanh với diệt
Học đòi sanh diệt diệt gì ư?
Gẫm xem các pháp trò ma ảo
Tánh vốn là không uổng sức trừ!
Ví biết tâm mình không tướng mạo
Lặng im chẳng động tự như như.
Nhị Canh ngưng thần chuyển minh tịnh
Bất khởi ức tướng chân như tính
Sum la vạn tượng tịnh qui không
Cánh pháp hữu không hoàn thị bệnh
Chư pháp bổn tự phi không hữu
Phàm phu vọng tưởng luận tà chính
Nhược năng bất nhị kì cư hoài
Thuỳ đạo tức phàm phi thị thánh.
Canh Hai ngưng thần chuyển minh tịnh
Chẳng tưởng chẳng nhớ chân như tính
Um tùm muôn tượng trở về không
Chấp có chấp không lại vẫn bệnh
Các pháp như nhiên chẳng có không
Phàm phu tưởng quấy bàn tà chính
Ví biết gìn lòng lẽ “chẳng hai”
Ai nói tức phàm chẳng phải thánh.
Tam Canh tâm tịnh đẳng hư không
Biến mãn thập phương vô bất không
Sơn hà thạch bích vô năng chướng
Hằng sa thế giới tại kì trung
Thế giới bổn tánh chân như tánh
Diệc vô bổn tánh tức hàm dung
Phi đản chư Phật năng như thử
Hữu tình chi loại phổ giai đồng.

Canh Ba tâm tịnh sáng hư không
Rộng khắp mười phương đâu chẳng thông
Tường vách núi sông không cản ngại
Bao là vũ trụ tự nơi trong
Tánh của càn khôn là Phật tánh
Cũng không bổn tánh tức hàm dung
Nào phải riêng đâu chư Phật được
Hữu tình muôn loại vẫn chung đồng.
Tứ Canh vô diệt diệt vô sanh
Lượng dữ hư không pháp giới bình
Vô lai vô khứ vô khởi diệt
Phi hữu phi vô phi ám minh
Vô khởi tri kiến Như Lai kiến
Vô danh khả danh chân Phật danh
Duy hữu ngộ giả ưng năng thức
Vị hội chúng sanh do nhược manh
Canh Tư không diệt cũng không sinh
Rộng ví hư không pháp giới bình
Không qua không lại không còn mất
Chẳng có chẳng không chẳng ám minh
Không vọng thấy gì: Như Lai thấy
Không gọi được danh: chân Phật danh
Ai có ngộ qua rồi mới hiểu
Chúng sanh chưa rõ bởi thong manh.
Ngũ Canh Bát-nhã chiếu vô biên
Bất khởi nhất niệm lịch tam thiên
Dục kiến chân như bình đẳng tánh
Thận vật sanh tâm tức mục tiền
Diệu lí huyền ảo phi tâm trắc
Bất dụng tầm trục linh bì cực
Nhược năng vô niệm tức chân cầu
Cách nhược hữu cầu hoàn bất thức.
Canh Năm Bát-nhã chiếu vô biên
Chẳng khởi một niệm trải tam thiên
Muốn thấy chân như tánh bình đẳng
Khéo chớ sanh tâm: trước mắt liền
Lẽ ấy diệu huyền không lượng được
Dụng công đuổi bắt thêm nhọc sức

Nếu không một niệm khéo chân cầu
Còn có tâm cầu chưa tỉnh thức

Tụng chân tánh rằng:

Huyết Mạch Luận.

Ba cõi dấy lên cùng về một tâm.

Phật trước Phật sau đều lấy tâm truyền qua tâm, chẳng lập văn tự.

Hỏi: Nếu chẳng lập văn tự thì lấy gì làm tâm?

Đáp: Ngươi hỏi ta, tức đó là tâm ngươi.

Ta đáp ngươi, tức đó là tâm ta.

Nếu ta không tâm, nhân đâu mà giải đáp cho ngươi.

Nếu ngươi không tâm, nhân đâu mà thưa hỏi ta.

Hỏi ta, tức là tâm ngươi đó.

Từ vô số kiếp âm u đến nay, tất cả hành vi động tác nào, bất cứ thời nào, bất cứ nơi đâu, đều do nơi bổn tâm của ngươi, đều do nơi bổn Phật của ngươi. Nói tâm là Phật thì cũng như vậy đó.

Trừ tâm ấy ra, quyết không có Phật nào khác chứng được.

Lìa tâm ấy ra mà tìm Bồ-đề niết bàn, không đâu có được.

Cái chân thực của tự tánh chẳng phải nhân chẳng phải quả.

Pháp tức là ý nghĩa của tâm

Tự tâm là Bồ-đề.

Tự tâm là niết bàn.

Nếu nói ngoài tâm có thể chứng được Phật cùng Bồ-đề niết bàn, điều ấy không đâu có được.

Phật và Bồ-đề ở tại đâu chứ?

Ví như có người dang tay đón bắt hư không, có thể nắm được không? Hư không chỉ là một tên gọi, tuyệt không tướng mạo, nên nắm chẳng được, buông chẳng được: không thể bắt cái không vậy.

Cũng vậy, trừ tâm ấy ra mà tìm Phật, rốt chẳng tìm được vậy.

Phật là tự tâm tạo nên, sao lại lìa tâm ấy mà tìm Phật? Cho nên Phật trước Phật sao chỉ nói đến tâm.

Tâm tức là Phật

Phật tức là tâm

Ngoài tâm không Phật

Ngoài Phật không tâm.

Nếu nói ngoài tâm có Phật, Phật ở nơi nào?

Ngoài tâm vốn đã không Phật, sao còn vọng thấy Phật, lại lần lược phỉnh gạt nhau, đã không rõ suốt được tâm mình lại còn bị ngoại

vật vô tình thâu nhiếp đến không còn chút tự do phân biệt nữa.

Nếu ngươi vẫn không tin điều ấy, ấy là tự ngươi phỉnh gạt ngươi chớ có ít gì.

Phật không lầm lỗi.

Chỉ vì chúng sanh điên đảo nên không tự giác tự tri được chính tâm mình là Phật.

Nếu biết tâm mình là Phật ắt chẳng nên tìm Phật ngoài tâm như vậy.

Phật chẳng độ Phật.

Đem tâm mà tìm Phật tức không hiểu Phật.

Kẻ nào tìm Phật ở ngoài, kẻ ấy hoàn toàn chẳng biết tâm mình là Phật.

Mà cũng đừng đem Phật ra lạy Phật

Đừng đem tâm ra niệm phật

Phật chẳng tụng kinh

Phật chẳng giữ giới.

Phật chẳng phạm giới.

Phật chẳng giữ chẳng phạm, cũng chẳng tạo lành tạo dữ.

Nếu muốn tìm Phật, hãy cần thấy tánh.

Tánh tức là Phật.

Nếu chẳng thấy tánh thì chay lạt giữ giới đều vô ích cả.

Niệm Phật thì được nhân tốt.

Tụng kinh thì được thông minh.

Giữ giới thì được sanh lên cõi trời.

Bố thí thì được phước báu.

Nhưng tìm Phật bằng những cách ấy quyết chẳng được vậy.

Nếu tự mình không sáng tỏ được, cần tham vấn các bậc thiện tri thức để thấu rõ nguồn gốc sanh tử.

Nếu không thấy tánh thì chẳng gọi được là thiện tri thức.

Nếu chẳng được vậy thì phỏng có giảng nói được mười hai bộ kinh vẫn không thoát khỏi vòng sanh tử, vẫn chịu khổ trong ba cõi không hẹn ngày ra.

Xưa có tì khưu Thiện Tinh tụng làu làu mười hai bộ kinh, nhưng vẫn không thoát khỏi sanh tử luân hồi, ấy chỉ vì không thấy tánh. Thiện tinh kia còn vậy, huống nữa người đời nay mới giảng được năm ba bộ kinh đã coi đó là pháp Phật thì quả là kẻ ngu vậy.

Nếu không thấu rõ được tự tâm thì tụng kinh sách gì cũng chỉ là hư văn, không dùng vào đâu được hết.

Nếu cốt tìm Phật, trực tiếp cần thấy tánh.

Tánh tức là Phật.

Phật là người tự tại, là người vô tác.

Nếu không thấy tánh thì suốt ngày lăng xăng cầu cạnh, tìm kiếm Phật ở ngoài, đời nào được gặp, mặc dầu rốt cuộc vẫn không một vật nào có thể có được.

Nếu cầu thông hiểu nên tham vấn bậc thiện tri thức, nên thiết tha mà tu công khó mà cầu, đem tâm ra hội giải vấn đề lớn về sanh tử, đừng bỏ trôi suông, tự phỉnh mình vô ích.

Ví châu báu chất cao như núi, bà con nhiều như cát sông Hằng, mở mắt thấy đó, nhắm mắt thấy gì đâu? Mới hay mọi pháp hữu vi đều là mộng mị. Nếu chẳng gấp tìm thầy, ắt uổng kiếp sống buông xuôi trong khi tánh Phật mình vẫn sẵn có đó.

Nếu không nhờ thầy, quyết chẳng sáng tỏ được.

Không thầy mà ngộ, điều ấy hiếm lắm.

Nếu tự mình nhờ cơ duyên tốt mà thông suốt được thánh ý, đó là hàng thắng học, sanh ra đã biết.

Nếu chưa thông rõ nên siêng năng chịu khổ học, nương theo giáo phương để chứng ngộ.

Nếu tự mình sáng tỏ được thì chẳng cần học, khác với kẻ mê trắng đen không phân rõ lại còn lếu láo tuyên lời Phật dạy, báng Phật chê pháp. Các vị ấy nói pháp như mưa: quả đó là ma nói, chẳng phải Phật nói. Thầy là vua ma, học trò là dân ma.

Kẻ mê mặc sức múa máy theo người, phút chốc đoạ vòng sanh tử. Đó là những người không thấy tánh xưng càn là Phật. Hạng chúng sanh ấy phạm tội lớn, phỉnh gạt chúng sanh đưa vào vòng ma giới.

Nếu không thấy tánh thì dầu giỏi nói mười hai bộ kinh vẫn là ma nói. Đó là hàng bà con của nhà ma, chẳng phải học trò của nhà Phật.

Đã chẳng phân rõ trắng đen, bằng nào đâu mà thoát khỏi sanh tử?

Nếu thấy tánh tức là Phật.

Không thấy tánh tức là chúng sanh.

Nếu lìa tánh chúng sanh thì không thể có tánh Phật nào khác chứng được.

Phật nay tại nơi đâu?

Tánh chúng sanh tức là tánh Phật vậy.

Ngoài tánh không Phật.

Phật tức là tánh

Trừ tánh ấy ra, không Phật nào có được.

Ngoài Phật, không tánh nào có được.

Hỏi: Nếu không thấy tánh thì niệm Phật, tụng kinh bố thí, giữ giới, tinh tiến, rộng ban điều phước lợi, có thành Phật được không?

Đáp: Không được.

Lại Hỏi: Sao không được?

Đáp: Nếu có chút pháp nào chứng được thì đó là pháp hữu vi, pháp nhân quả, pháp thọ báo, pháp luân hồi. Không sáng tỏ lẽ sống chết, đời thuở nào thành được Phật đạo?

Thành Phật, cần thấy tánh.

Nếu không thấy tánh thì nói gì về nhân quả vẫn chỉ là pháp ngoại đạo.

Nếu là Phật, chớ tập pháp ngoại đạo.

Phật là người không nghiệp, không nhân quả.

Nói có chút pháp nào đó có thể thành được, quyết là phỉ báng Phật, dựa vào đâu mà thành được chứ? Đó là sự chấp trước ở một "tâm" một "năng", một "giải" một "kiến", điều ấy, Phật có hứa bao giờ đâu?

Phật không giữ không phạm giới.

Tâm tánh vốn không, cũng chẳng dơ sạch.

Các pháp đều không tu, không chứng, không nhân, không quả.

Phật chẳng giữ giới

Phật chẳng tu hành

Phật chẳng tạo dữ

Phật chẳng tinh tiến

Phật chẳng biếng lười

Phật là người vô tác.

Cho nên đem tâm trụ trước ra mà thấy Phật, không đâu hứa có vậy.

Phật chẳng là Phật.

Đừng đặt bày kiến giải của Phật.

Nếu không thấy được nghĩa ấy thì bất cứ lúc nào, bất cứ đâu đâu, đều không tỏ được bổn tâm.

Nếu không thấy tánh thì bất cứ lúc nào, bất cứ nghĩ gì hoặc không nghĩ gì, đều là kẻ đại tội, là người si đắm giữa cái không vô kí, ngẩy ngật như người say, chẳng rõ phân tốt xấu.

Nếu muốn tu pháp vô tác, trước cần thấy tánh, sau đó tự nhiên dứt lo.

Nếu không thấy tánh mà thành được Phật đạo, không đâu có

được.

Có người phá bỏ lẽ nhân quả, thẳng tay tạo nghiệp dữ, nói càn tất cả là không, tạo ác không gì hơn,hạng người ấy đoạ địa ngục vô gián, mãi mãi không hẹn ngày ra.

Nếu là người trí, chớ có lối kiến giải như vậy.

Hỏi: Nếu trong bất cứ lúc nào, bất cứ cử chỉ hành động nào cũng đều là tự tâm cả, sao trong khi mang sắc thân vô thường này tôi không thấy được bổn tâm?

Đáp: Bổn tâm luôn ở trước mắt, tại ngươi không chịu thấy.

Hỏi: Tâm ở trước mắt, sao tôi không thấy?

Sư Hỏi: Ngươi thường nằm mộng chứ?

Đáp: Thường nằm mộng.

Hỏi: Trong khi ngươi nằm mộng thì đó là bổn thân ngươi chứ?

Đáp: Đúng là bổn thân tôi.

Lại Hỏi: Lời nói và việc làm của ngươi trong lúc ấy có khác, hay chẳng khác với chính ngươi?

Đáp: Chẳng khác.

Sư Nói: Nếu đã chẳng khác thì thân ấy tức là pháp thân ngươi, pháp thân ấy tức là bổn tâm ngươi.

Tâm ấy từ vô số kiếp đến nay vẫn y như hiện giờ, chẳng sai khác, chưa từng có sống chết, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng thêm chẳng bớt, chẳng sạch chẳng dơ, chẳng tốt chẳng xấu, chẳng lại chẳng qua, cũng không phải trái, cũng không tướng nam tướng nữ, cũng không tăng tục, già trẻ, không thánh không phàm, cũng không Phật cũng không chúng sanh, cũng không tu chứng, cũng không nhân quả, cũng không gân cốt, cũng không tướng mạo, giống như hư không, nắm chẳng được bỏ chẳng được, núi sông tường đá không ngăn nổi, ẩn hiện lại qua thần thông tự tại, vượt núi ngũ uẩn, qua dòng sanh tử, không một nghiệp nào trói buộc được pháp thân ấy.

Tâm ấy vi diệu khó thấy.

Tâm ấy chẳng giống sắc tâm.

Chính từ trong ánh sáng của tâm ấy ứng dụng lên tất cả hành động, tay đưa chân bước.

Cũng như hỏi về số cát sông Hằng thì ai mà trả lời được, đành trơ như người gỗ, cũng vậy, tâm là thọ dụng của chính ngươi, sao ngươi không biết lại đi hỏi người khác?

Phật nói: Tất cả chúng sanh đều là người mê, do đó tạo nghiệp, đoạ dòng sanh tử, muốn thoát ra lại chìm xuống, ấy chỉ vì không thấy

tánh.

Ví chúng sanh không mê sao lại thắc mắc hỏi làm gì chuyện ấy không một ai giải đáp được? Tự tay mình đưa, chân mình bước, sao mình không biết?

Mới hay thánh nhân chẳng sai lầm, chỉ tại người mê không tự sáng tỏ được.

Mới hay lẽ khó tường ấy, chỉ mình Phật mới hiểu nổi, ngoài ra tất cả người, trời và các loại chúng sanh đều không sáng tỏ được.

Nếu trí huệ chiếu sáng tâm ấy, cũng gọi là pháp tánh, cũng gọi là giải thoát, mới hay tâm ấy không bị sanh tử buộc ràng, không một pháp nào trói mắc được, nên gọi là Đại Tự Tại Vương Như Lai, cũng gọi là Bất Tư Nghị, cũng gọi là Thánh Thể, cũng gọi là Trường Sanh Bất Tử, cũng gọi là Đại Tiên: tên gọi tuy khác nhau, bổn thể vẫn là một.

Thánh nhân phân biệt tất cả mà vẫn không lìa tự tâm.

Sức chứa rộng lớn của tâm ứng dụng không cùng: ứng vào mắt thì thấy màu, ứng vào tai thì nghe tiếng, ứng vào mũi thì ngửi mùi, ứng vào lưỡi thì biết vị cho nên bất cứ cử động nào cũng đều là tự tâm cả.

... Cái sắc thân bốn đại tức là phiền não. Phàm là sắc thân phải chịu sanh diệt.

Pháp thân thì thường trụ, nhưng không chỗ trụ. Cái pháp thân Như Lai hằng còn không đổi khác, nên kinh nói: Chúng sanh nên biết tánh Phật vốn sẵn tự đủ đó.

Ca Diếp chính là người ngộ được bổn tánh ấy.

Bổn tánh tức là tâm.

Tâm tức là tánh.

Tức chung đồng với tâm chư Phật.

Phật trước Phật sau chỉ truyền tâm ấy.

Trừ tâm ấy ra, không Phật nào có thể được.

Chúng sanh điên đảo không biết tự tâm là Phật, cứ hướng ngoài mà gìn giữ cầu cạnh, suốt ngày lăng xăng niệm Phật lạy phật. Phật tại nơi đâu? Đừng nên có những lối thấy ấy.

Chỉ cần biết tự tâm.

Ngoài ra, rốt không có Phật nào khác.

Kinh nói: Phàm cái gì có tướng đều là dối trá.

Lại nói: Chính tại nơi đây mới là có Phật.

Tự tâm là Phật.

Đừng nên đem Phật lễ Phật như vậy.

Ví bỗng dưng hiện ra trước mắt tướng mạo Phật cùng Bồ tát, quyết

cũng đừng nên kính lạy.

Tâm mình vốn không tịch, không hề có những thứ tướng mạo ấy.

Nếu giữ tướng tức là ma, rơi hẳn vào nẻo tà. Chẳng qua đó là những bóng dáng do tâm dấy lên, nên đừng lễ lạy.

Người lạy ắt không biết.

Người biết ắt không lạy.

Lạy ắt bị ma hớp. Sợ người học không hiểu nên ta giải rõ như vậy.

Trên thể tánh của chư Phật Như Lai đều không đâu có thứ tướng mạo ấy.

...Tâm mình vốn thanh tịnh: không đâu có thể có những tướng mạo như trên. Cho đến các loại tướng của Thiên long. Dạ xoa, quỉ thần, Đế thích, Phạm vương, cũng chớ nên đem lòng kính trọng, cũng chớ sợ sệt.

Tâm mình vốn không tịch. Tất cả tướng mạo đều là vọng tướng.

Nếu mống lòng thấy Phật thấy pháp, cùng các thứ tướng mạo của Phật, Bồ tát mà sanh lòng kính trọng, đó là tự mình đoạ vào địa vị của chúng sanh.

Hỏi: Tại sao không nên bái lạy chư Phật và Bồ tát?

Đáp: Các loài Thiên ma Ba tuần, A tu la cũng có thể dùng phép thần thông tạo ra tướng mạo Bồ tát, biến hoá đủ cách, mà toàn là ngoại đạo, nào phải là Phật đâu.

Phật là tự tâm, chớ lầm bái lạy.

Phật là tiếng của nước Tây Thiên Trúc (Ấn Độ), tại đây (Trung Quốc) gọi là Giác tánh.

Giác tức là Linh giác: ứng đối với cơ duyên, tiếp xúc với sự vật (ứng cơ tiếp vật). Ngẩng mày nheo mắt, cử động chân tay, đều là do tánh linh giác của chính mình.

Tánh tức là tâm.

Tâm tức là Phật.

Phật tức là đạo.

Đạo tức là thiền.

Chỉ một chữ thiền, thánh và phàm chẳng suy lường nổi.

Thấy thẳng tánh mình thì gọi là thiền.

Nếu chẳng thấy tánh mình tức không phải thiền vậy.

Dầu có giỏi nói được ngàn kinh muôn luận mà không thấy tánh thì vẫn là phàm phu, chẳng phải là pháp Phật.

Đạo lớn kính sâu, không thể nói cho hiểu.

Kinh điển dựa vào đâu mà với tới?

Chỉ cần thấy tánh thì dầu không biết một chữ vẫn được đạo.

Thấy tánh tức là Phật.

Thánh thể xưa nay vốn thanh tịnh, chẳng có sạch dơ.

Sở dĩ có lời nói là vì thánh nhân nương theo tâm mà khởi dụng.

Dụng chỉ là một danh từ trống không. Lời nói kia còn chưa đạt tới được thì mười hai bộ kinh bằng vào đâu mà đạt tới?

Đạo tự có viên thành, chẳng dùng tu chứng.

Đạo chẳng phải là thanh sắc, nên vi diệu khó thấy.

Cũng như người nào uống nước thì lạnh nóng tự mình biết, cũng vậy ta không thể hướng về người khác mà nói ra được.

Chỉ mình Như Lai là thông suốt, ngoài ra các bậc người và trười đều không hiểu thấu.

Trí óc của phàm phu nói không đến, do đó mới chấp tướng, chẳng biết tâm mình xưa nay vốn không tịch.

Vọng chấp tướng cùng mọi pháp tức rơi vào ngoại đạo ví biết muôn pháp đều theo tâm mà sanh, ắt không nên chấp như thế. Chấp tức chẳng biết.

Nếu thấy được bổn tánh thì mười hai bộ kinh hoá thành chữ nghĩa suông.

Ngàn kinh muôn luận cốt mở sáng tâm.

Nếu thoát nghe đã hợp nhau rồi thì "giáo" còn dùng làm gì?

Nói cho cùng lí: giáo là lời nói, thật chẳng phải đạo.

Đạo vốn không lời.

Lời nói là vọng.

... Nếu thấy được tánh mình thì chẳng cần đọc kinh niệm Phật.

Học rộng biết nhiều nào có ích gì.

Vì lẽ để chuyển hôn mê cho thần thức nên mới có "giáo" lập ra cốt tiêu biểu cho tâm.

Nếu ý thức được tâm, thì coi giáo làm gì?

Thánh nhân sống tự tại ngay giữa lòng sanh tử, ẩn hiện vào ra không định trước, không nghiệp nào trói buộc được.

Thánh nhân phá tà ma. Tất cả chúng sanh chỉ cần thấy tánh thì mọi dư tập đều tiêu diệt tức thì, thần thức hết mờ, chỉ cần tiếp nhận thẳng là lãnh hội ngay; muốn thực lãnh hội đạo, chỉ cần tại đây, như bây giờ đây, đừng chấp vào một pháp nào, cần dứt nghiệp dưỡng thần, thì dư tập cũng hết theo, và tự nhiên trắng rõ, chẳng cần dụng công phu gì.

Ngoại đạo không lãnh hội được ý Phật, dụng công nhiều quá, trái với thánh ý, suốt ngày lững đững niệm phật chuyển kinh, làm cho thần tánh mê mờ, chẳng khỏi luân hồi.

Phật là người an nhàn.

Ích gì bôn ba khắp nơi cầu danh cầu lợi, để sau này dùng gì chứ? Chỉ những người không thấy tánh mới khư khư lo tụng kinh niệm Phật, tinh tiến học hoài, đêm ngày hành đạo, ngồi mãi không nằm, học rộng nghe nhiều, lấy đó làm pháp Phật: đó là hạng người chê Phật chê pháp.

Phật trước Phật sau chỉ nói thấy tánh.

Muôn vật đều vô thường.

Nếu không thấy tánh lại nói càn rằng "ta được quả chánh đẳng chánh giác", ấy là kẻ đại tội.

Trong hàng mười đệ tử lớn của Phật, ngài A Nan là "đệ nhất đa văn", ở với Phật mà không thông hiểu gì hết chỉ cốt học nhiều.

Hạng Thanh Văn và Duyên giác, cùng ngoại đạo cũng không hiểu Phật, chỉ chấp vào mấy từng tu chứng, đoạ vào nhân quả, chịu báo chúng sanh, không tỏ sanh tử, đi ngược ý Phật, đó là chê bai Phật, tội không gì hơn.

Kinh nói: Người xiển đề không phát sanh tín tâm tội không gì hơn.

Ai có tín tâm, tức kẻ ấy là Phật ở địa vị người.

Lành dữ tự nhiên, nhân quả phân rõ, thiên đường địa ngục chỉ ở trước mắt.

Người ngu không tin, hiện tại mắc giữa địa ngục tối đen, mà vẫn không hay biết gì hết, ấy vì duyên nghiệp nặng vậy, bởi lẽ không có tín tâm. Tỉ như người không mắt, không tin có ánh sáng. Ví có ai đến nói cho nghe vẫn không tin, chỉ vì mù mắt vậy, nên còn biết bằng vào đâu mà nhận có ánh sáng mặt trời? Kẻ ngu cũng y như vậy đó. Hiện tại, họ đoạ làm thân súc sanh đủ loại, sanh ở nơi nghèo cùng, hèn thấp, cầu sống không sống được, cầu chết không chết được. Mặc dầu chịu khổ như vậy mà hỏi đến lại nói là ta nay rất vui khoái lắm, khác gì ở thiên đường. Mới biết tất cả chúng sanh đều lấy cái sống khổ làm vui mà không hay biết gì hết, ấy chỉ vì nghiệp chướng nặng nề vậy, nên không thể phát tín tâm, không thể tự mình mà chỉ do người vậy.

Nếu thấy tâm mình là Phật thì không cần cắt tóc cạo râu.

Hàng áo trắng vẫn là Phật.

Nếu không thấy tánh, cắt tóc cạo râu vẫn là ngoại đạo.

Hỏi: Hàng áo trắng có vợ con, dâm dục không trừ, bằng vào đâu mà thành Phật được?

Đáp: Tôi chỉ nói thấy tánh, chẳng nói dâm dục. Chỉ cần thấy được tánh mới vỡ lẽ rằng từ vô thỉ dâm dục vẫn là không tịch, chẳng có gì phải giả dối dứt trừ, mà cũng chẳng mắc vào dục lạc. Tại sao vậy? Vì tánh mình vốn là thanh tịnh vậy, dầu nó trụ ở trong sắc thân năm uẩn. Tánh ấy bổn lai là thanh tịnh, không gì có thể nhuốm dơ được. Pháp thân bổn lai vẫn tự nó có, không do ai ban cho, không đói không khát, không lạnh không nóng, không bệnh, không ân ái, không bà con, không khổ vui không xấu tốt, không dài ngắn, không mạnh yếu. Bổn lai không một vật nào khá được, chỉ vì chấp có sắc thân này nên mới có tướng nóng lạnh, đói khát chướng bệnh, đủ thứ. Nếu chẳng chấp thì mặc tình đi đứng, được tự tại ngay giữa dòng sống chết, chuyển vận tất cả pháp cùng với thánh nhân tự tại vô ngại như nhau, không đâu mà chẳng an.

... Nếu thấy tánh, chiên đà la cũng thành phật.

Hỏi: Chiên đà la gây nghiệp giết chóc, sao gọi là thành Phật được?

Đáp: Tôi nói thấy tánh, chẳng nói gây nghiệp. Tuy nghiệp gây ra chẳng đồng nhau, nhưng dầu sao vẫn không một nghiệp nào ràng buộc được "nó". Từ vô lượng kiếp đến nay, chỉ vì không thấy tánh nên đoạ vào địa ngục, bởi gây nghiệp sanh tử luân hồi.

Nếu ngộ được bổn tánh, rốt cùng vẫn không có gì gọi là gây nghiệp cả.

Nếu không thấy tánh thì niệm Phật, tỏ báo kia còn chẳng được, huống nữa luận về chuyện giết mạng sống.

Nếu thấy được tánh thì mọi ngờ vực trong tâm phút chốc trừ ngay, thì việc giết mạng sống còn đặt lên làm sao được chứ?

Trời Tây, hăm tám Tổ sư Thiền đều lần lượt truyền tâm ấn cho nhau.

Ta nay đến xứ này cũng chỉ truyền một tâm ấy, không luận về giới thí, tinh tiến, khổ hạnh, cả đến việc vào nước lửa, lên vòng gươm, chay lạt ngày một lần, ngồi hoài không nằm, thảy thảy chỉ là pháp hữu vi của ngoại đạo.

Ví ý thức của tánh linh giác của chính mình trong mọi cử động hành vi, tức ý thức được tâm Phật.

Phật trước Phật sau chỉ nói pháp truyền tâm, ngoài ra không pháp nào khác. Nếu thấu rõ pháp ấy thì phàm phu ngu dốt không biết một chữ cũng vẫn là Phật.

Nếu không thấu rõ tánh linh giác của chính mình thì dầu đem thân đây nghiền nát ra thành vô số bụi bặm để cầu tìm Phật rốt cuộc vẫn chẳng được vậy.

Phật ấy cũng gọi là pháp thân, cũng gọi là bổn tâm.

Tâm ấy không có hình tướng, không nhân quả, không gân cốt, tựa như hư không không thể nắm được, không chung đồng với vật chất, với ngoại đạo.

Tâm ấy chỉ mình Như Lai lãnh hội được, kì dư không ai sáng tỏ nổi.

Tâm ấy không lìa ngoài các sắc thân bốn đại.

Nếu lìa tâm ấy, tức không còn vận động gì được, vì đó là thân vô tri, khác gì cây cỏ ngói gạch.

Thân đã là vô tình, làm sao vận động được?

Nếu tự tâm động thì cả đến mọi ngôn ngữ, mọi hành vi cử động, mọi điều thấy nghe cảm biết đều là tâm động.

Tâm động dụng động.
Động tức là dụng
Ngoài động không tâm
Ngoài tâm không động
Động chẳng là tâm
Tâm chẳng là động
Động vốn không tâm
Tâm vốn không động
Động chẳng lìa tâm
Tâm chẳng lìa động
Động không tâm lìa
Tâm không động lìa
Động là tâm dụng
Dụng là tâm động
Tức động tức dụng
Chẳng động chẳng dụng
Dụng thể vốn không
Không vốn không động
Động dụng đồng tâm
Tâm vốn không động.

Nên kinh nói: Động mà không có sở động.

Bởi vậy.

Suốt ngày thấy mà vẫn chưa từng thấy.

Suốt ngày nghe mà vẫn chưa từng nghe
Suốt ngày cảm mà vẫn chưa từng cảm
Suốt ngày biết mà vẫn chưa từng biết
Suốt ngày đi, ngồi mà vẫn chưa từng đi ngồi,
Suốt ngày hờn vui mà vẫn chưa từng hờn vui.

Nên kinh nói: Lời nói làm cho đạo dứt, tâm động làm cho giác ngộ tiêu (ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt)

Thấy nghe cảm biết vốn tự nó viên tịch, cho đến mọi niềm giận vui... cũng vậy.

...Nếu biết giận vui vẫn là tánh không thì chỉ cần đừng chấp tức thoát khỏi mọi nghiệp.

Nếu tụng kinh mà không thấy tánh, điều ấy quyết không bằng vào đâu cả, mà nói mấy vẫn không cùng.

Nêu sơ lẽ chánh tà như trên, chẳng qua chỉ một đôi phần thôi vậy.

Xin nói bài tụng vầy:

I. Ngô bổn lai tư thổ:

Truyền pháp cứu mê tình
Nhất hoa khai ngũ diệp
Kết quả tự nhiên thành
Ta cốt qua trung thổ
Truyền pháp cứu mê tình
Một hoa năm cánh trổ
Tự nhiên trái kết thành.

II.Giang tra phân ngọc lãng:

Quản cự khai kim toả
Ngũ khẩu tương cộng hành
Cửu thập vô bỉ ngã.
Bè lau rẽ sóng ngọc
Đuốc sáp mở khoá vàng
Năm miệng cùng nhau bước
Chín mười không ta người.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 176

TÍN TÂM MINH

SỐ 2010

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2010

TÍN TÂM MINH

Chí đạo không khó
Xin hãy chọn lựa
Nhưng chớ yêu ghét
Thấu suốt rõ ràng
Hào ly có sai
Trời đất cách biệt
Muốn được hiện tiền
Chớ giữ thuận nghịch
Trái thuận tương tranh
Đó là tâm bệnh.
Không biết huyền chỉ
Uổng công niệm tịnh
Tròn đồng hư không
Không thiếu không dư
Khéo do lấy bỏ
Sở dĩ bất như
Chớ theo hữu duyên
Chớ trụ không nhẫn
Một loại yên lòng
Tự nhiên mất hết
Dứt động về chỉ
Chỉ càng thêm động
Kẹt vào lưỡng biên
Nên biết một loại.
Một loại không thông

Hai nơi mất công
Được hữu mất hữu
Từ không bội không
Đa ngôn đa lự
Chuyển không tương ưng
Dứt nói dứt nghĩ
Chỗ nào cũng thông
Quy căn được chỉ
Tùy chiếu mất tông
Chốc lát phản chiếu
Thắng thua không trước
Không trước chuyển biến
Đều do vọng kiến

Không cần cầu chân
Chỉ cầu dứt kiến
Không trụ nhị kiến
Cẩn thận chớ tìm
Vừa có đúng sai
Rõ ràng mất tâm
Hai do một hữu
Một cũng chớ giữ
Một tâm không sanh
Vạn pháp không lỗi.
Không lỗi không pháp
Không sanh không tâm
Hay tùy cảnh diệt
Cảnh theo năng trầm
Cảnh do năng cảnh
Năng do cảnh năng
Muốn biết hai đoạn
Vốn là nhất không
Nhất không đồng hai
Bao hàm vạn tượng
Không thấy tinh thô
Nên có biến khắp
Đại đạo thể rộng
Không dễ không khó

Nhỏ thấy hoài nghi
Chuyển chậm chuyển nhanh
Chấp nó sai hướng
Tâm vào đường tà
Thả nó tự nhiên
Thể không đi ở
Nhận tánh hợp đạo
Ung dung dứt não
Buộc niệm trái chân
Hôn trầm không thích
Không thích nhọc lòng
Sao dùng thân sơ?
Muốn đến Nhất thừa
Chớ chế lục trần

Lục trần không chê
Đồng về Chánh giác.
Trí giả không làm
Người ngu tự buộc
Pháp vô dị pháp
Vọng tự đắm trước
Đem tâm dụng tâm
Há không lầm to
Mê sanh tịch loạn
Ngộ không tốt xấu
Tất cả nhị biên
Vọng tự châm chước
Mộng huyễn không hoa
Sao nhọc nắm bắt
Được mất thị phi
Một lúc bỏ hết.
Mắt nếu không ngủ
Các mộng tự trừ
Tâm nếu không khác
Vạn pháp nhất như
Nhất như thể huyền
Ngớ ngẫn quyên duyên
Vạn pháp đồng quán

Quy phục tự nhiên
Mất đi nguyên do
Không thể lường được
Dứt động không động
Động dứt không dứt
Hai đã không dứt
Một sao có hai
Rốt cuộc cùng cực
Chớ chấp quy tắc
Hợp tâm bình đẳng
Chỗ làm đều dứt
Hồ nghi đều tịnh
Chánh tín điều trực
Tất cả không giữ
Không thể nhớ hết
Không minh tự nhiên

Không nhọc tâm lực
Chỗ suy lường sai
(377) Thức tình khó lường
Chân như pháp giới
Không người không ta
Phải gấp tương ưng
Chỉ nói không hai
Không hai đều đồng
Đều bao dung cả
Mười phương trí giả
Đều nhập tông này
Tâm không vội mời
Không tại mà tại
Mười phương trước mắt
Cực nhỏ đồng lớn
Quên hẳn cảnh giới
Cực đại đồng nhỏ
Không bày kiến biên
Có tức là không
Không tức là có
Nếu không như vậy

Ắt không cần giữ
Một là tất cả
Chỉ hay như vậy
Không kể nghĩ gì
Tín tâm không hai
Không hai tín tâm
Lời nói đạo đoạn
Trái xưa hợp nay.

Tín tâm minh đến đây là hết.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 176

LUẬN
TỐI THƯỢNG THỪA

SỐ 2011

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2011

LUẬN TỐI THƯỢNG THỪA

Thiền sư Hoằng Nhẫn đệ ngũ Tổ trước tác. Phàm hướng đến Thánh đạo liễu ngộ chân tông cần tu yếu luận nếu luận không hộ trì tịnh giả thì tất cả hành không do thủ kiến. Xin thiện tri thức nếu có chỗ viết phải dụng tâm chớ khiến sai lầm để người sau khỏi nhầm.

Bổ thể tu đạo cần phải biết. Thân tâm bổ lai thanh tịnh không sanh không diệt không có phân biệt. Tâm tự tánh viên mãn thanh tịnh. Đây là Bổn sư cho đến thắng niệm thập phương chư Phật.

Hỏi: Sao biết tự tâm bổn lai thanh tịnh?

Đáp: Kinh Thập Địa nói: Trong thân chúng sanh có tánh Kim cang Phật. Giống như mặt trời thể sáng viên mãn quảng đại vô biên, do bị ngũ ấm mây đen che lấp. Như ánh sáng ở trong cái bình không thể soi sáng. Vì sao không có ánh sáng? Ánh sáng vốn không mất chỉ vì bị sương mù che. Tâm của tất cả chúng sanh thanh tịnh cũng lại như vậy. Chỉ vì bị phồn duyên, vọng niệm phiền não các kiến che lấp chỉ có thể ngưng vọng giữ tâm, vọng niệm không sanh pháp Niết-bàn tự nhiên hiển hiện, cho nên biết tự tâm bổn lai thanh tịnh.

Hỏi: Sao biết tự tâm bổn lai không sanh không diệt?

Đáp: Kinh Duy-ma nói: Nếu không sanh thì không diệt. như vậy tự tánh chân như Phật tánh thanh tịnh. Thanh tịnh là gốc của tâm. Chân như vốn có không từ duyên sanh. Lại nói: Tất cả chúng sanh đều như vậy. chúng Hiền thánh cũng như vậy. Tất cả chúng sanh tức chúng ta đây. Tất cả Hiền thánh tức chư Phật vậy. Gọi tướng tuy khác nhưng pháp tánh chân như trong thân đều đồng. Vì không sanh không diệt cho nên đều nói như vậy. Cho nên biết tự tâm bổn lai không sanh không diệt.

Hỏi rằng: Sao gọi là tự tâm là bổn sư?

Đáp: Tâm chân như đây tự nhiên à có không từ bên ngoài mà được. Không câu thúc tu hành ở trong ba đời. Sở hữu chí thân không có tâm bảo thủ lỗi. Như người biết tâm, giữ tâm thì đến được bờ bên kia. Tâm mê bỏ nó thì đọa ba đường. Cho nên biết ba đời chư Phật dùng tự tâm làm bổn sư. Cho nên luận nói: Liễu nhiên giữ tâm thì vọng niệm không khởi. Do không sanh cho nên biết tâm là bổn sư.

Hỏi rằng: Sao gọi là tự tâm thắng niệm bỉ Phật?

Đáp: Thường niệm Phật kia không miễn sanh tử giữ bổn tâm của ta thì đến được bờ bên kia. Kinh Kim Cang nói: Nếu dùng sắc thấy ta, dùng âm thanh tìm ta, người này hành tà đạo không thể thấy Như Lai. Cho nên nói: Giữ tâm bổn chân vượt trội niệm Phật kia. Lại nói: Thắng chỉ là theo lời nói của người quán hành. Kỳ thật rốt ráo quả thể bình đẳng không hai.

Hỏi: Chúng sanh và Phật chân thể đã đồng vì sao chư Phật không sanh không diệt thọ vô lượng khoái lạc tự tại vô ngại còn chúng sanh ta đọa trong sanh tử nhận các khổ não?

Đáp: Mười phương chư Phật ngộ đạt pháp tánh đều tự nhiên chiếu sáng nơi nguồn tâm. Vọng tưởng không sanh chánh niệm không mất. Tâm ta diệt cho nên không thọ sanh tử. Không sanh tử cho nên rốt ráo tịch diệt. Cho nên biết vạn lạc tự qui. Tất cả chúng sanh mê nơi chân tánh, không biết bổn tâm. Chất chồng vọng duyên không tu chánh niệm cho nên tâm khởi thương ghét. Do thương ghét cho nên tâm khí phá lậu, tâm khí phá lậu cho nên có sanh tử. Có sanh tử cho nên các khổ tự hiện. Kinh Tâm Vương nói: Chân như Phật tánh mất trong biển tri kiến lục thức, trầm luân sanh tử không được giải thoát. Nỗ lực biết đúng. Giữ tâm bổn chân vọng niệm không sanh. Tâm ta diệt tự nhiên cùng Phật bình đẳng không hai.

Hỏi: Chân như pháp tánh đồng nhất vô nhị. Mê nên câu mê ngộ nên câu ngộ vì sao Phật tánh giác, chúng sanh hôn mê là nhân cớ gì?

Đáp: Từ đây lên trên là phần nhập bất tư nghì là chỗ của phi phàm. Thức tâm nên ngộ, mất tánh nên mê. Duyên hợp tức hợp thuyết bất khả định, chỉ tin chân đế giữ tự bổn tâm. Cho nên kinh Duy-ma nói: Không có tự tánh không có tha tánh, pháp vốn không sanh nay tức không diệt. Đây ngộ tức lìa nhị biên nhập vô phân biệt trí. Nếu hiểu nghĩa này đối với hành tri pháp yếu giữ tâm đệ nhất. Giữ tâm này cho đến căn bản Niết-bàn, yếu môn nhập đạo. Tông hai mươi hai bộ kinh là Tổ của ba đời chư Phật.

Hỏi: Sao biết giữ tâm bổn chân là căn bản Niết-bàn?

Đáp: Niết-bàn thể là tịch diệt vô vi an lạc. Tâm ta đã là chân tâm, vọng tưởng tức đoạn. Vọng tưởng đoạn nên đầy đủ chánh niệm. Đầy đủ chánh niệm nên trí tịch chiếu sanh. Trí tịch chiếu sanh cho nên đạt được pháp tánh, đạt được pháp tánh nên được Niết-bàn. Cho nên biết giữ tâm bổn chân là căn bản Niết-bàn.

Hỏi: Sao biết giữ chân tâm là yếu môn nhập đạo?

Đáp: Cho đến đưa móng tay vẽ hình tượng Phật hoặc tạo hằng sa công đức, chỉ là Phật vì giáo đạo vô trí tuệ chúng sanh tạo nghiệp báo thù thắng trong đương lai và nhân thấy Phật. Hoặc nguyện tự sớm thành Phật biết là giữ tâm bổn chân. Ba đời chư Phật vô lượng vô biên. Nếu có người nào không giữ chân tâm mà được thành Phật điều đó không có. Cho nên kinh nói: Buộc tâm một chỗ không việc gì không thành. Cho nên biết giữ tâm chân là yếu môn nhập đạo.

Hỏi: Sao biết giữ tâm bổn chân là tông của mười hai bộ kinh?

Đáp: Như Lai đối với trong tất cả kinh nói tất cả tội phước tất cả nhân duyên quả báo. Dẫn ra tất cả sơn hà đại địa cỏ cây v.v... tất cả tạp vật kgởi ra vô lượng vô biên thí dụ. Hoặc hiện vô lượng thần thông các loại biến hóa. (378) Chỉ là Phật vì giáo đạo vô trí tuệ chúng sanh có các loại dục tâm tâm hành vạn sai. Cho nên Như Lai tùy cửa tâm của họ mà dẫn vào Nhất thừa. Ta đã thể tri Phật tánh của chúng sanh bổn lai thanh tịnh như mây cuối ngày. Chỉ liễu nhiên giữ tâm bổn chân, vọng niệm mây tận mặt trời trí tuệ liền hiện. Sao trong chốc lát đã học biết thấy chỗ sanh tử, nghĩa lý tất cả khổ và việc của ba đời chư Phật? Giống như chùi gương bụi hết ánh sáng tự nhiên hiện. Nay đối với trong tâm vô minh học được rốt cuộc không kham nổi. Nếu có thể liễu nhiên không mất chánh niệm trong tâm vô vi học được đây là chân học. Tuy nói chân học rốt cuộc vô sở học. Vì sao? vì ta và Niết-bàn cả hai đều không. lại không hai không một, cho nên vô sở học. Pháp tánh tuy không yếu cần liễu nhiên giữ tâm bổn chân. Vọng niệm bất sanh vì tâm ta diệt. Kinh Niết-bàn nói: Biết Phật không nói pháp đây gọi là Cụ túc đa văn. Cho nên biết giữ tâm bổn chân là tông của mười hai bộ kinh.

Hỏi: Sao biết giữ tâm bổn chân là Tổ của ba đời chư Phật?

Đáp: Ba đời chư Phật đều từ trong tâm tánh sanh. Trước giữ chân tâm vọng niệm không sanh. Sau khi tâm ta diệt sẽ được thành Phật. Cho nên biết giữ tâm bổn chân là Tổ của ba đời chư Phật. Bốn loại hỏi đáp trên nếu muốn nói rộng làm sao nói cho cùng? Ta nay vọng được ngươi tự biết bổn tâm là Phật cho nên ân cần khuyên ông ngàn kinh vạn luận

không qua giữ tâm bổn chân. Đây là quan trọng vậy. Ta nay nỗ lực theo kinh Pháp Hoa chỉ bày cho ngươi. Vật xe lớn bảo tàng minh châu diệu lạc ngươi tự không lấy không phục, rốt cuộc khỏ sao biết đây. Vọng niệm không sanh tâm ta diệt tất cả công đức tự nhiên viên mãn. Không mượn bên ngoài để câu qua về khổ sanh tử. Đối với tất cả chỗ quan sát tâm chánh niệm chớ thích vui hiện tại gieo khổ vị lai. Tự dối gạt người khác không thoát sanh tử, phải gắng nỗ lực. Nay tuy vô thường cùng làm nhân thành Phật đương lai. Chớ để hoang phí ba đời đánh mất công đức một cách oan uổng. Kinh nói: Thường chỗ địa ngục như xem công viên, ở đường ác khác như bỏ nhà mình. Chúng ta và chúng sanh hiện nay như đây. Bất giác bất tri kinh sợ giết người biết không xuất phát từ tâm. Lạ thay, khổ thay. Nếu có người sơ tâm học tọa thiền theo kinh Quán Vô Lượng Thọ ngồi thẳng chánh niệm, nhắm mắt ngậm miệng. Nhìn thẳng tâm trước tùy ý gần xa, suốt ngày ước ao nắm giữ chân tâm, niệm niệm chớ trụ, tức khéo điều hòa hơi thở chớ khiến chợt thô chợt tế, thì khiến người thành bệnh khổ. Ban đêm lúc ngồi thiền hoặc thấy tất cả cảnh giới thiện ác, hoặc nhập vào các Tam-muội xanh, vàng, đỏ, trắng, hoặc thấy thân phát ra ánh sáng lớn, hoặc thấy thân tướng của Như Lai, hoặc thấy các loại biến hóa. Chỉ biết nhiếp tâm chớ đắm trước tất cả là không, vọng tưởng mà thấy vậy. Kinh nói: Mười phương quốc độ đều như hư không, tam giới hư huyễn chỉ là nhất tâm làm. Nếu không Đức định không thấy tất cả cảnh giới cũng không cần trách. Chỉ đối với trong hành trụ tọa ngọa thường liễu nhiên giữ tâm bổn chân. Biết là vọng niệm không sanh. Tâm ta diệt tất cả vạn pháp không xuất từ tâm. Sở dĩ chư Phật rộng nói như chấp nhận đa ngôn thí dụ. Chỉ vì chúng sanh hành hạnh bất đồng, chạy theo giáo môn sai biệt, kỳ thực tám vạn bốn ngàn pháp môn, tam thừa bát đạo thể vị bảy mươi hai tông hiền hạnh, chớ lỗi tự tâm là gốc. Nếu có thể tự biết bổn tâm, niệm niệm mài luyện, chớ trụ tức tự thấy Phật tánh. Đối với trong mỗi niệm thường cúng dường mười phương hằng sa chư Phật. Mười hai bộ kinh niệm niệm thường chuyển. Nếu hiểu được tâm này thì tất cả tâm nghĩa tự hiện. Tất cả nguyện đầy đủ tất cả hạnh tròn đầy, tất cả giai biện không thọ thân sau. Biết là vọng niệm không sanh, chỗ tâm của ta diệt xả thân này rồi nhập định được vô sanh bất khả tư nghì. Nỗ lực chớ tạo nghiệp lớn. Như đây chân thật không vọng ngữ khó có thể được nghe. nghe mà có thể hành trong hằng sa chúng không có một lỗi. Hành mà có thể đến trong ức xoa kiếp hy vọng có một người, ưa thích tự an, tự tịnh khéo điều phục các căn chính là thấy nguồn tâm, hằng khiến chiếu sáng thanh tịnh, chớ khiến sanh

tâm vô ký.

Hỏi rằng: Sao gọi là vô ký tâm?

Đáp: Các nhiếp tâm nhập làm duyên ngoại cảnh thô tâm tiểu tức. Bên trong luyện chân tâm lúc tâm chưa thanh tịnh đối với trong hành trụ tọa ngọa thường răn ý xem tâm. Do chưa liễu, liễu thanh tịnh chỉ soi nguồn tâm. Đây gọi là vô ký tâm. Cũng là lậu tâm do không thoát đại bệnh sanh tử, huống lại mại không giữ chân tâm. Người này lặn hụp trong biển khổ sanh tử, ngày nào được ra? Thật đáng thương! Nỗ lực, nỗ lực. Kinh nói: Nếu tinh thần chúng sanh bên trong không phát đối với ba đời thẳng đến hằng sa chư Phật không chỗ nào có thể làm.

Kinh nói: Chúng sanh thức tâm tự độ, Phật không thể độ chúng sanh. Nếu Phật có thể độ chúng sanh thì quá khứ chư Phật hằng sa vô lượng vì sao chúng ta không thành Phật. Chỉ vì tình thức không tự bên trong phát cho nên trầm một trong biển khổ. Nỗ lực nỗ lực, gắng cầu bổn tâm, chớ khiến vọng lậu, quá khứ không biết, đã qua cũng không kịp. Nay thân này gặp được diệu pháp, phân minh tương khuyến quyết giải ngộ này, liễu tri thủ tâm. Đây là đệ nhất đạo. Không chịu phát tâm chí thành cầu nguyện thành Phật thọ vô lượng tự tại khoái lạc. Bắt đầu ồ ạt theo tục tham cầu danh lợi, đương lai đọa vào đại địa ngục, chịu các loại khổ não, không thể tính được, làm sao được làm sao được phải gắng nỗ lực. Chỉ có thể pháp chấp trước vào y thực thô thực. Liễu nhiên giữ tâm bổn chân. Giả si không giải ngộ, bớt khí lực mà có hiệu quả cao, đây là người đại tinh tấn vậy. Người mê ở trong thế gian không hiểu lý này, đối với trong tâm vô minh nhiều bước gian nan rộng tu tướng thiện, mong được giải thoát bèn quay về sanh tử. Nếu liễu nhiên không mất chánh niệm mà độ chúng sanh đây là có năng lực Bồ-tát. Lời nói phân minh các ông giữ tâm đệ nhất. Nếu không gắng giữ là người rất ngu vậy. Hiện tại một đời không chịu nhẫn khổ muốn đương lai vạn kiếp chịu tai ương, thuận theo ông lại càng không biết phó chúc cho ai? Người bát phong xuy bất động thật là núi trân bảo. Nếu biết quả thể chỉ đối với vạn cảnh, khởi lên hành sa tác dụng xảo biện như dòng nước, ứng bệnh cho thuốc mà có thể vọng niệm không sanh. Tâm ta diệt thật là trượng phu xuất thế. Như Lai trong một ngày làm sao tán thán hết. Ta nói lời này chí thành khuyên ông không sanh vọng niệm. Tâm ta diệt tức là bậc sĩ xuất thế.

Hỏi: Thế mà gọi là tâm ta diệt?

Đáp: Vì có tâm tiểu hứa vượt người khác. Tự nghĩ ta có thể như vậy. Trong tâm Niết-bàn ta đây vì bệnh. Kinh Niết-bàn nói: Giống như

hư không có thể dụng chứa vạn vật, mà hư không đây không tự nghĩ rằng ta có thể hàm chứa như vậy. Đây dụ cho tâm ta diệt hướng đến Kim Cang Tam-muội.

Hỏi: Các hành nhân cầu chân thường tịch diệt, chỉ vui thế gian vô thường thô thiện, không phải niềm vui của Đệ nhất nghĩa đế. Chân thường diệu thiện lý đó chưa thấy. Chỉ muốn phát tâm nhờ nghĩa theo suy nghĩ. Giác tâm khởi gọi là lậu tâm. Chỉ muốn quên tâm (379) gọi là vô minh tối tăm, lại không đúng lý. Chỉ muốn không dừng tâm không duyên nghĩa tức ác thủ không. Tuy thọ thân người mà làm việc súc sanh làm. Bấy giờ không có phương tiện định tuệ, không hiểu rõ ràng thấy tánh Phật thì chỉ là hành nhân trôi nổi trong các xứ. Nếu là vượt được đến Vô dư Niết-bàn thì nguyện hiển bày chân tâm.

Đáp: Biết là tính tâm đầy đủ chí nguyện thánh tựu thong thả tịnh tâm, lại càng dạy ông tốt tự nhàn tĩnh thân tâm, tất cả không có phồn duyên, đoan tọa chánh niệm khéo điều hòa hơi thở. Bày tâm mình ra không tại bên trong không tại bên ngoài, không ở chặng giữa. Hảo hảo như như yên ổn thấy thuần thục thấy tâm này biết là lưu động. Giống như nước chảy về biển không dừng. Khi đã thấy tâm thức này chỉ là không phải bên trong không phải bên ngoài. Thong thả như như an ổn thấy thuần thục rồi thì ngược lại tiêu dung hư ngưng tạm trụ. Điều lưu đông đây thức bỗng nhiên tự diệt. diệt thức này cho đến diệt chướng hoặc ở trong chúng Thập địa Bồ-tát. Thức này đã diệt tâm này tức tức hư ngưng tịch bạc sáng sủa thái nhiên. Tại lại không thể nói hình trạng của nó. Ngươi muốn được phải nắm quyển thứ ba trong kinh Bát-nhã, phẩm Thân trong kinh Kim Cang và phẩm Kiến A-xà-phật trong quyển thứ ba kinh Duy-ma, thong thả tìm tòi tư duy cho thuần thục. Nếu thật sự thuần thục kinh này rồi có thể ở nơi hành trụ tọa ngọa và đối với ngũ dục bát phong không mất tâm này. Đây là người phạm hạnh đã lập việc làm đã làm xong rốt ráo không thọ thân sanh tử. Ngũ dục sắc, thân, hương, vị, xúc. Bát phong: lợi, suy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ, lạc, đây là người ma luyện Phật tánh xứ. Thật không lạ gì thân này không được tự tại. Kinh nói: Thế gian không có Phật, Bồ-tát không được hiện dụng, phải cởi bỏ thân này. Chúng sanh quá khứ căn cơ lợi độn không thể phán xét. Thời gian một niệm trược vô lượng kiếp ở đời sau. Nếu lúc có sức tùy tánh của chúng sanh khởi thiện căn của Bồ-tát, tự lợi lợi tha trang nghiêm Phật độ phải cần rõ từ y cho đến cùng tột của thật tướng. Nếu chấp theo văn thì mất chân tông. Tỳ-kheo các ông học xuất gia tu đạo. Đây là ra khỏi nhà sanh tử, gọi là xuất gia. Chánh niệm đầy đủ tu

đạo được thành, cho đến giải rõ ràng từng chi phần của thân, đến lúc lâm chung không mất chánh niệm tức được thành Phật. Đệ tử tập hợp luận này, lấy tín tâm theo văn mượn nghĩa nói ra như vầy. Thật chẳng phải liễu, liễu chứng tri nhưng nương vào Thánh lý. Nguyện sám hối trừ diệt, nếu được thành đạo hồi hướng cho chúng sanh, nguyện đều biết bổn tâm, một thời thành Phật người nghe nỗ lực sẽ được thành Phật xin ở trước độ ta và người.

Hỏi: Luận này từ đầu chí cuối đều nguyện trị tâm là đạo, chưa biết quả hành nhị môn thuộc vào môn nào.

Đáp: Luận này hiển bày Nhất thừa làm tông nhưng chí ý đạo mê đường, hiểu tự thoát sanh tử cho đến độ người thẳng nói tự lợi không nói lợi tha. Theo hành môn nhiếp. Nếu có người dối ngươi sẽ đọa vào mười tám tầng địa ngục chỉ trời đất mà thề. Nếu không tin ta đời đời sẽ bị hổ lang ăn thịt.

Luận Tối Thượng quyển thứ nhất (hết).

Đây là chỗ mong mỏi.

Thánh thọ vạn tuế Thập phương pháp giới hàm kinh đồng nhập biển quả của Như Lai..

Sửa chữa ngài Tuyết Sơn, khắc bản gồm hai mươi trong đó có Nhất Huấn, v.v.... Những vị hóa chủ như ngài Ấn Châu, Tuệ Trừng, Đạo Hy.

Giữa mùa xuân canh ngọ nhằm năm thứ tư niên hiệu Long Khánh. Khai bản tại chùa Toàn-la Đạo Đồng phước địa an tâm.

Khâm bỏ ra chút tịnh tài in khắc hiện bổn để lưu truyền mong rằng mọi người giữ được chân tâm mau chóng quả thể.

Vào tiết lâm chung cốc đán năm Bính thân nhằm năm thứ sáu niên hiệu Chánh Đức. Ni Diệu Nghiêm Cẩn bạch.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 176

HOÀNG BÁ SƠN ĐOẠN TẾ THIỀN SƯ TRUYỀN TÂM YẾU & UYỂN LĂNG LỤC

SỐ 2012

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC

LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2012

ĐOẠN TẾ TÂM YẾU

Tể tướng Bùi Hưu ở Hà Đông biên tập và viết bài tựa

Có đại Thiền sư pháp húy là Hy Vận ở Thứu phong núi Hoàng bích, huyện Cao an, Hồng châu. Ngài là người được truyền thừa thiều pháp đời thứ ba của phái Thiền lục Tổ ở Tào khê, là pháp điệt của Thiền sư Bách Trượng ở Tây Đường. Chỉ riêng mình Ngài khâm phục pháp tối thượng thừa được ấn khả lìa văn tự, chỉ truyền một tâm không có pháp khác. Tâm thể cũng không, vạn duyên đều bặt. Như mặt trời mọc trong hư không, ánh sáng chiếu soi khắp nơi. Người chứng điều đó không có mới cũ, cạn sâu. Người nói điều đó không lập giải nghĩa, không lập tông chủ, không mở pháp môn, ngay đó ngộ được bổn tâm, động tâm tức sai trái. Người được như thế sau mới thành bổn Phật. Cho nên, lời nói thì đơn giản mà lý thì tại đoa. Nghe đạo cao đức lớn của Ngài, người đến núi này rất đông, số người vãng lai thường hơn cả ngàn người.

Tôi vào niên hiệu Hội Xương thứ hai (842) làm liêm trấn ở Chung lăng, cung thỉnh Ngài từ núi này đến Kinh châu, dừng ở chùa Long Hưng sớm chiều thưa hỏi đạo mầu. Vào niên hiệu Đại Trung thứ hai (848), tôi dời về liêm trấn ở Uyển nguyên sớm đảnh lễ chiều học giáo pháp. Sau đó tôi trở về ghi lại lời dạy của Ngài. Nhưng mười phần chỉ được một, hai phần, tôi rất khâm phục Ngài, song vì tâm ấn không dám xiển dương. Nay sợ người đời sau nghiên cứu tinh nghĩa của Thiền không hiểu, tôi liền đưa những điều ghi chép cho môn hạ Tăng Đại Chu pháp kiến, lại trở về chùa Quảng Đường ở núi xưa, thưa hỏi các bậc trưởng lão trong chúng xem những điều đó khác nhau, giống nhau như thế nào với những điều tôi thường được thấy nghe ngày xưa.

Ngày mồng tám tháng mười một niên hiệu Đại Trung thứ mười một (857) đời Đường.

HOÀNG BÁ SƠN ĐOẠN TẾ THIỀN SƯ TRUYỀN TÂM YẾU

Sư nói với Bùi Hưu: Chư Phật và tất cả chúng sanh chỉ là một tâm lại không có pháp khác. Tâm này từ xưa đến nay, chưa từng sanh chưa từng diệt, không xanh không vàng, không hình không tướng, không thuộc có không, không tính mới cũ, không dài không ngắn, không lớn không nhỏ; vượt qua tất cả giới hạn, danh ngôn, tung tích, đối đãi; ngay đó ngộ được bản tâm, động niệm tức sai trái. Giống như hư không không có bờ mé không thể đo lường. Chỉ một tâm này là Phật. Phật và chúng sanh không có sai khác, chỉ vì chúng sanh chấp tướng tìm cầu bên ngoài, tìm cầu như vậy dần dần mất bản tâm, khiến Phật tìm Phật, đem tâm nắm tâm, suốt đời muôn kiếp trọn không thể được. Không biết dừng niệm, quên nghĩ, Phật tự hiện tiền. Tâm này tức là Phật, Phật tức là chúng sanh. Vì lúc làm chúng sanh tâm này không giảm, lúc làm Phật tâm này không tăng, cho đến công đức như cát sông Hằng của lục độ vạn hạnh, vốn tự đầy đủ không nhờ tu tập mà tăng thêm. Gặp duyên thì thi hành, dứt duyên thì vắng lặng. Nếu không nhất định tin tâm này là Phật, mà muốn (380) chấp tướng tu hành để cầu công đức. Đó đều là vọng tưởng, trái với đạo. Tâm này tức là Phật, không có Phật khác, cũng không có tâm khác. Tâm này sáng suốt vắng lặng, giống như hư không không có một chút hình dáng. Khởi tâm động niệm tức trái với pháp thể, chính là chấp tướng. Từ xưa đến nay không chấp tướng Phật, tu lục độ vạn hạnh muốn cầu thành Phật tức là theo thứ tự. Từ xưa đến nay không có thứ tự thành Phật, chỉ ngộ một tâm, không có một chút pháp có thể đắc. Đây là như hư không không tạp nhiễm không hư hoại, như mặt trời chiếu khắp thiên hạ. Lúc mặt trời lên chiếu khắp thiên hạ, hư không cũng không từng sáng. Lúc mặt trời lặn khắp thiên hạ tối tăm thì hư không cũng chưa từng tối. Cảnh sáng tối tự nó xâm chiếm nhau. Tánh hư không rộng lớn bất biến. Phật và tâm chúng sanh cũng như thế. nếu quán Phật là tướng sanh tử mê mờ, dơ uế thì sự hiểu biết như thế trải qua kiếp số như hằng sa vẫn không đắc Bồ-đề vì chấp tướng. Chỉ một tâm này, không có một pháp nhỏ bằng hạt bụi có thể đắc. Ngay tâm

là Phật, nếu người học đạo không hiểu rõ tâm thể này thì ở trên tâm lại chồng thêm tâm, cầu Phật ở bên ngoài, chấp tướng tu hành đều là ác pháp, chẳng phải đạo Bồ-đề. Cúng dường mười phương chư Phật không bằng cúng dường một đạo nhân vô tâm. Vì sao? Vô tâm là không có tất cả tâm. Thể của như như, bên trong như cây, đá không động không loạn, bên ngoài như hư không không ngăn không ngại, không năng sở, không nơi chốn, không hình dáng, không được mất. Người theo thời không dám thâm nhập pháp môn này, vì sợ rơi vào không, không có chỗ ghé vào, nhìn bờ mà thối lui. Lệ thường đều là tìm cầu tri kiến, bởi thế người tìm cầu tri kiến như lông (nhiều), người ngộ đạo như sừng (ít). Ngài Văn Thù biểu hiện lý, ngài Phổ Hiền biểu hiện hạnh. Lý: là lý chân không vô ngại. Hạnh: là hạnh lìa tướng vô tập. Ngài Quán Thế Âm biểu hiện Đại bi, ngài Thế Chí biểu hiện Đại từ. Duy-ma là tịnh danh. Tịnh là tánh, danh là tướng. Tánh tướng giống nhau, nên gọi là tịnh danh. Các bậc Bồ-tát đều biểu hiện mỗi ý riêng, nhưng không lìa một tâm, ngộ điều đó tức là bản tánh. Người học đạo ngày nay, không hướng đến ngộ tự tâm, mà hướng ngoại, chấp tướng, chấp cảnh đều trái với đạo. Hằng hà sa: Phật nói sa (cát) này, chư Phật, Bồ-tát, Phạm thiên, Đế Thích, chư Thiên đi qua cát cũng không vui; trâu, dê, trùng, kiến bò qua cát cũng không giận; của báu, hương thơm cát cũng không tham; phân dãi dơ uế các cũng chê. Tâm này tức là tâm của vô tâm, lìa tất cả tướng, chúng sanh và chư Phật không có sai biệt. Chỉ có thể vô tâm, mới là cứu cánh. Người học đạo nếu không chứng được vô tâm thì muôn kiếp tu hành không thành đạo, bị công đức ba thừa bó buộc không được giải thoát. Song chứng được tâm này có nhanh có chậm. Có người nghe pháp nhất niệm liền được vô tâm, có người đến địa vị thập Tín, thập Trụ, thập Hạnh, thập Hồi hướng mới được vô tâm. Dù lâu hay mau được vô tâm mới trụ. Lại không thể tu không thể chứng, thật không có chỗ đắc, chân thật không hư; người nhất niệm liền đắc và người chứng thập Địa mà đắc thì công dụng đều như nhau, không có sâu cạn, chỉ là trải qua nhiều kiếp chịu cần mẫn mà thôi. Tạo ác hành thiện đều là chấp tướng. Chấp tướng tạo ác chịu thọ luân hồi. Chấp tướng hành thiện chịu thọ cần khổ. Tất cả không bằng ngay lời nói liền nhận được bổn pháp. pháp này tức là tâm, ngoài tâm không có pháp. Tâm này tức là pháp, ngoài pháp không có tâm. Tâm tự nói vô tâm cũng không có không tâm. Đem tâm vô tâm, tâm lại thành có. Chỉ trầm khế hợp mà thôi, tuyệt không có nghĩ bàn. Cho nên nói: Ngôn ngữ vắng bặt thì tâm hành cũng diệt. Tâm này là bổn nguyện thanh tịnh. Chư Phật và chúng

sanh đều có. Tất cả chúng sanh, bò bay máy cựa và chư Phật, Bồ-tát một thể không khác khác, chỉ vì vọng tưởng phân biệt mà tạo thành nhiều nghiệp. Trên Phật thật không có một vật chỉ có rỗng không, tịch tĩnh sáng suốt an lạc mà thôi. Tin sâu tự ngộ nhập, liền ngộ được bản tánh, đầy đủ trọn vẹn không có chỗ thiếu thốn. Cho dù trải qua ba tăng-kỳ kiếp tinh tấn tu hành, trải qua các địa vị; lúc một niệm chứng đắc, chỉ chứng cái xưa nay sẵn có. Từ địa vị Phật trở lên không đắc thêm một vật gì. Lại quan sát công dụng của nhiều kiếp đều là giả dối như trong mộng. Cho nên Như Lai nói: Ta đối với Vô thượng Bồ-đề thật không có chỗ đắc. Nếu có chỗ đắc thì Phật Nhiên Đăng không thọ ký cho ta. Lại nói: Pháp này bình đẳng không có cao thấp. Đó gọi là Bồ-đề. Tức tâm bổn nguyện thanh tịnh của chúng sanh chư Phật, núi sông thế giới, có tướng vô tướng biến khắp mười phương thế giới. tất cả đều bình đẳng không có ngã tướng kia. Tâm bổn nguyện thanh tịnh này thường tròn đầy chiếu sáng khắp nơi. Người đời không ngộ, chỉ tiếp nhận kiến, văn, giác, tri làm tâm, bị kiến, văn, giác, tri ngăn che, cho nên không thấy bản thể trong sáng. Chỉ có ngay chỗ vô tâm bản thể mới tự hiện ra. Như mặt trời mọc lên trong hư không chiếu khắp mười phương không có gì chướng ngại. cho nên người học đạo chỉ nhận biết kiến, văn, giác, tri thực hành tạo tác. Rỗng không lại có kiến, văn, giác, tri tức dòng tâm dứt tuyệt không có chỗ vào, chỉ ngay chỗ kiến, văn, giác, tri tiếp nhận bổn tâm. Nhưng bổn tâm không thuộc kiến, văn, giác, tri cũng không lìa kiến, văn, giác, tri. Song không nên đối với kiến, văn, giác, tri mà khởi lên kiến giải, cũng nên không nên đối với kiến, văn, giác, tri mà động niệm, cũng chớ lìa kiến, văn, giác, tri mà tìm tâm, cũng chớ bỏ kiến, văn, giác, tri mà chấp pháp. Không nắm không lìa, không trụ không chấp, thong dong tự tại, mọi nơi đều là đạo tràng. Người đời nghe nói, chư Phật đều truyền tâm yếu, nếu cho rằng trên tâm riêng có một pháp có thể chứng được, liền nương tâm cầu pháp mà không biết tâm tức là pháp, pháp tức là tâm, không thể nương vào tâm lại tìm tâm thì trải qua ngàn vạn kiếp trọn không thể được. Không bằng ngay vô tâm liền được bổn pháp, như lực sĩ không biết viên châu trên trán lại tìm kiếm ở bên ngoài, đi khắp mười phương trọn không thể được. Người trí chỉ cho, lúc đó mới thấy bổn chân như cũ. Cho nên người học đạo không biết bổn tâm, không nhận nó là Phật, liền dụng công hạnh tìm kiếm bên ngoài, y theo chứng đắc thứ tự, trải qua nhiều kiếp khổ nhọc tìm kiếm, trọn đời không thành đạo không bằng ngay vô tâm, nhất định biết tất cả pháp vốn không có sở hữu cũng không có sở đắc, không nương không trụ,

không năng không sở, vọng động không khởi liền chứng Bồ-đề. Đến lúc chứng đạo chỉ chứng bổn tâm. Phật trải qua công hạnh nhiều kiếp đều là không tu hành gì cả. Như lúc lực sĩ được chân chỉ được viên châu trên trán của mình, không liên quan gì đến sức tìm kiếm bên ngoài. Cho nên Đức Phật nói: Ta đối với Vô thượng Bồ-đề thật không có chỗ đắc. Sợ người đời không tin nên dẫn chỗ thấy của ngũ nhãn, chỗ nói của ngũ ngôn, chân thật không hư, đó là Đệ nhất nghĩa đế.

Người học đạo chớ nghi Tứ đại là thân, Tứ đại vô ngã, ngã cũng vô chủ. Nên biết thân này vô ngã cũng vô chủ. Ngũ ấm là tâm, ngũ ấm vô ngã cũng vô chủ, nên biết tâm này vô ngã cũng vô chủ. Sáu căn, sáu trần, sáu thức hòa hợp sanh diệt cũng như vậy. Mười tám giới đã không thì tất cả đều không, chỉ có bổn tâm rộng lớn thanh tịnh. Có thức thực, có trí thực. Thân tứ đại đói khát, thương tích, bị hoạn thì theo đó mà cấp dưỡng không sanh tham đắm, gọi đó là trí thực. Mặc tình chấp vào hương vị vọng sanh phân biệt, chỉ mong cầu hợp với khẩu vị của mình, không sanh nhàm chán, gọi đó là thức thực. Hàng Thanh văn nhờ nghe mà ngộ đạo, cho nên gọi đó là Thanh văn. Nhưng họ không hiểu rõ tự tâm, đối với giáo nghĩa được nghe sanh khởi kiến giải. Hoặc nhân thần thông, (381) hoặc nhân tướng hảo, ngôn ngữ hành động, nghe có Bồ-đề, Niết-bàn, trải qua ba tăng-kỳ kiếp tu thành Phật đạo, tất cả đều thuộc đạo của Thanh văn, nên gọi đó là Thanh văn. Đức Phật chỉ ngộ ngay tự tâm, xưa nay là Phật, không một pháp có thể đắc, không một hạnh có thể tu. Đây là đạo vô thượng, đây là chân như Phật. Người học đạo chỉ lo một niệm có tức cách xa với đạo. Niệm niệm vô tướng, niệm niệm vô vi tức là Phật. Người học đạo nếu muốn thành Phật thì đối với tất cả Phật pháp trọn không cần học, chỉ học không cầu không chấp không cầu thì tâm không sanh, không chấp thì tâm không diệt. không sanh không diệt tức là Phật. Tám mươi bốn ngàn (84.000) pháp môn đối trị tám mươi bốn ngàn (84.000) phiền não. Đó chỉ là pháp môn dẫn dắt giáo hóa chúng sanh, vốn không phải là tất cả pháp. xa lìa tức là pháp, người biết xa lìa Phật. Nhưng xa lìa tất cả phiền não thì không có pháp có thể đắc. Người học đạo nếu muốn biết được bí quyết, Phật dạy đối với tâm chớ chấp một vật. Chân pháp thân giống như hư không. Đây là dụ pháp thân tức là hư không, hư không tức là pháp thân. Người thường cho rằng pháp thân biến khắp hư không, trong hư không bao gồm pháp thân. Họ không biết pháp thân tức là không, hư không tức là pháp thân. Hoặc xác định rằng có hư không, hư không không phải là pháp thân. Hoặc xác định rằng có pháp thân, pháp thân không phải là hư không. Nhưng

chớ giải thích hư không vì hư không tức là pháp thân chớ giải thích pháp thân vì pháp thân tức là hư không. Hư không và pháp thân không có tướng khác nhau. Tướng Phật và chúng sanh không khác, tướng sanh tử và Niết-bàn không khác, tướng phiền não và Bồ-đề không khác. Lìa tất cả tướng chính là Phật. Phàm phu chấp cảnh, đạo nhân chấp tâm, tâm cảnh đều quên chính là chân pháp. Quên cảnh còn dễ quên tâm lại khó. Người không dám quên tâm sợ rơi vào không, không có chỗ vớt vát. Mà họ không biết không vốn không phải là không, chỉ là nhất chân pháp giới mà thôi. Tánh linh giác này từ xưa đến nay cùng thọ mạng với hư không, chưa từng sanh, chưa từng diệt; chưa từng có, chưa từng không; chưa từng dơ, chưa từng sạch; chưa từng ồn náo, chưa từng vắng lặng; chưa từng trẻ, chưa từng già; không nơi chỗ, không trong ngoài; không số lượng, không hình tướng; không sắc tượng, không âm thanh; không thể kiến, không thể tìm. Không thể dùng trí tuệ để biết, không thể dùng ngôn ngữ để phân biệt, không thể nhờ cảnh vật để hiểu, không thể dùng công đức để đến. Chư Phật, Bồ-tát và tất cả loài bò bay máy cựa đều cùng một tánh Đại Niết-bàn này. Tánh tức là tâm, tâm tức là Phật, Phật tức là pháp. Một niệm lìa chân đều là vọng tưởng. Không thể lấy tâm cầu tâm, lấy Phật cầu Phật, lấy pháp cầu pháp. Cho nên người học đạo ngay nơi vô tâm thầm khế hợp mà thôi. Tâm nghĩ ngợi là sai biệt, vì tâm truyền tâm đó là chánh kiến, cẩn thận chớ chạy theo cảnh bên ngoài, nhận cảnh làm tâm. Đó là nhận giặc làm con. Vì có tham, sân, si nên lập giới, định, tuệ. Vốn không có phiền não làm sao có Bồ-đề. Cho nên Tổ sư nói: Đức Phật nói tất cả pháp, vì để trừ tất cả tâm. Ta không có tất cả tâm cần gì tất cả pháp. trên bổn nguyên thanh tịnh Phật lại không chấp một vật. Thí như hư không tuy dùng vô lượng trân bảo để trang nghiêm nhưng rốt cuộc không tồn tại. Phật tánh giống như hư không, tuy dùng vô lượng công đức trí tuệ trang nghiêm, cuối cùng vẫn không tồn tại, chỉ vì không biết được bản tánh nên lưu chuyển mà thôi. Điều gọi là tâm địa pháp môn, vạn pháp đều nương vào tâm này mà kiến lập. Gặp cảnh thì có, không có cảnh thì không. Không thể ở trong tánh thanh tịnh chuyển thành kiến giải cảnh. Đã nói định, tuệ, xem xét rõ ràng, tịch tịch tịnh tịnh, kiến, văn, giác, tri, đều là kiến giải trên cảnh, tạm thời nói cho hạng người trung căn, hạ căn thì được. Nếu muốn thân chứng thì không thể kiến giải như thế. hết thảy là cảnh pháp có không, không đối với có. Chỉ có đối với tất cả pháp mà không có kiến giải có, không tức là thấy pháp.

Ngày mồng một tháng chín Sư nói với Bùi Hưu: Từ khi tổ Đạt-

ma đến Trung Quốc chỉ nói một tâm, chỉ truyền một pháp, lấy Phật truyền Phật không nói Phật khác, dùng pháp truyền pháp không nói pháp khác. Pháp là pháp bất khả thuyết. Phật là Phật không thể chấp, đó chính là tâm bổn nguyên thanh tịnh. Chỉ có một sự thật này, ngoài ra là chẳng phải chân. Bát-nhã là tuệ, tuệ này là bổn tâm vô tướng. Phàm phu không hướng đến đạo, chỉ buông thả theo lục tình trôi lăn trong sáu đường. Người học đạo một niệm nghĩ đến sanh tử tức rơi vào đường ma. Một niệm khởi lên các kiến giải tức rơi vào ngoại đạo. Thấy có sanh đến diệt tức rơi vào Thanh văn. Không thấy có sanh chỉ thấy có diệt tức rơi vào Duyên giác. Pháp xưa không sanh nay cũng không diệt, không khởi nhị kiến, không chán ghét không vui mừng, tất cả các pháp chỉ là một niệm, sau mới là Phật thừa. Phàm phu đều theo cảnh sanh tâm, vì thế tâm có chán ghét, vui mừng. Nếu muốn cảnh không, phải quên tâm mình, tâm quên tức cảnh không, cảnh không tức tâm diệt. Nếu không quên tâm mà chỉ trừ cảnh thì cảnh không thể trừ, chỉ rối bời thêm mà thôi. Cho nên nói vạn pháp chỉ do tâm; tâm cũng không thể đắc thì tìm cầu gì đây? Người học Bát-nhã không thấy có một pháp có thể đắc, dứt ý Tam thừa, chỉ một việc chân thật, không thể chứng đắc; cho rằng ta có thể chứng có thể đắc, đó đều là những người Tăng thượng mạn. Trong hội Pháp Hoa những người đứng dậy phất y mà đi đều là những người này. Cho nên Đức Phật nói: Ta đối với Bồ-đề thật không có chỗ đắc, chỉ thầm khế hợp mà thôi. Phàm phu lúc lâm chung, chỉ quán ngũ uẩn đều không, tứ đại vô ngã, chân tâm vô tướng không đi không đến, lúc sanh tánh cũng không đến, lúc chết tánh cũng không đi, vắng lặng tròn đầy, tâm cảnh nhất như; chỉ có thể như vậy, ngay đó đốn ngộ, không bị ba đời trói buộc, liền thành người xuất thế. Nhất thiết không được có một xu hướng mảy may nào. Nếu thấy tướng lành chư Phật đến đón và các thứ khác hiện tiền, cũng không có tâm đi theo. Nếu thấy các tướng ác hiện tiền cũng không có tâm sợ hãi. Chỉ cần tự mình quên tâm thì đồng với pháp giới, liền được tự tại. Đây chính là điều cốt yếu.

Ngày mồng tám tháng mười Sư nói với Bùi Hưu: Nói hóa thành: Nhị thừa và mười địa, Đẳng giác, Diệu giác đều là phương tiện lập ra giáo nghĩa để dẫn dắt chúng sanh. Nói bảo sở: Chính là nói của báu chân tâm tự tánh bổn Phật. Của báu này không thuộc đo lường của chúng hữu tình, không thể kiến lập; không Phật không chúng sanh, không năng không sở, chỗ nào có thành. Nếu nói đây là hóa thành, chỗ nào là bảo sở. Bảo sở, không thể chỉ bày, chỉ bày tức có nơi chỗ, chẳng phải là chân bảo sở. Cho nên nói: Ở ngay đó mà thôi, không thể định lượng mà

nói, chỉ ngay thể khế hợp với bổn tánh. Nói xiển-đề: Nghĩa là không có niềm tin; tất cả chúng sanh trong lục đạo, cho đến Nhị thừa không tin có quả Phật, đều gọi là xiển-đề đoạn thiện căn. Bồ-tát: Tin sâu có Phật pháp, không thấy có Đại thừa Tiểu thừa. Phật và chúng sanh cùng một pháp tánh, gọi đó là thiện căn xiển-đề. Nói chung, người nhờ nghe giáo pháp mà ngộ gọi đó là Thanh văn; người quán nhân duyên mà ngộ gọi là Duyên giác. Nếu không ngộ được tự tâm, tuy đến khi thành Phật cũng gọi là Phật Thanh văn. Người học đạo phần nhiều đối với giáo pháp mà ngộ, không ngộ được bản tâm; tuy trải qua nhiều kiếp tu hành cũng không thành bổn Phật. Nếu không ngộ bổn tâm, cho đến nhờ giáo pháp mà ngộ tức khinh tâm trọgn giáo, liền thành chạy theo gốc mà quên bổn tâm. Cho nên chỉ cần khế hợp với bổn tâm không cần cầu pháp. Tâm tức là pháp vậy. Phàm phu phần nhiều bị cảnh ngăn ngại tâm, sự ngăn ngại lý, (382) thường muốn bỏ cảnh để an tâm, ngăn sự để còn lý, mà không biết đó chính là tâm ngại cảnh, lý ngại sự chỉ cần khiến tâm không thì cảnh tự không, lý tịch tĩnh thì sự tự nó tịch tĩnh, chớ dụng tâm điên đảo. Phàm phu phần nhiều không chấp nhận tâm không, sợ lạc vào không; mà họ không biết tự tâm vốn không. Người ngu trừ sự không trừ tâm; người tríứ tâm không trừ sự. Tâm Bồ-tát như hư không, xả bỏ tất cả, việc làm phước đức đều không tham đắm. Nhưng xả có ba hạng: Thân tâm trong ngoài tất cả đều xả, giống như hư không không có chỗ vướng mắc, sau đó tùy theo cách thức cứu độ chúng sanh, năng sở đều quên. Đây là đại xả. Nếu vừa hành đạo ban bố công đức, vừa xả tất cả, không có tâm hy vọng. Đây là trung xả. Nếu tu nhiều việc thiện có hy vọng, nghe pháp hiểu về không, liền không chấp trước. Đây là tiểu xả. Đại xả như ngọn đèn ở trước mặt không còn mê ngộ. Trung xả như ngọn đèn bên cạnh hoặc là sáng hoặc là tối. Tiểu xả như ngọn đèn ở sau lưng không nhìn thấy hầm hố. Cho nên tâm Bồ-tát như hư không, tất cả đều xả. Tâm quá khứ không thể đắc, quá khứ này xả. Tâm hiện tại không thể đắc, hiện tại này xả. Tâm vị lai không thể đắc, vị lai này xả. Đó gọi là ba đời đều xả. Từ Như Lai phó pháp cho ngài Ca-diếp về sau đều dùng tâm ấn tâm, tâm tâm không khác. Ấn khả chấp không tức không thành văn; ấn khả chấp vật tức không thành pháp. Cho nên dùng tâm ấn tâm, tâm tâm không khác, năng ấn sở ấn đều khó khế hợp. Vì thế người đắc rất ít. Nhưng tâm tức là vô tâm, đắc tức vố đắc. Đức Phật có ba thân. Pháp thân: Nói về ?? tự tánh thông suốt. Báo thân: Nói tất cả pháp. Hóa thân: Nói pháp lục độ vạn hạnh. Pháp thân thuyết pháp không thể dùng ngôn ngữ, âm thanh, hình tướng, văn tự để tìm cầu; không có chỗ nói,

không có chỗ chứng, chỉ có tự tánh thông suốt mà thôi. Cho nên nói: Không có pháp có thể nói, đó gọi là thuyết pháp. Báo thân, hóa thân đều tùy căn cơ chúng sanh mà ứng hiện ra. Pháp được nói ra cũng tùy sự việc ứng với căn cơ để nhiếp hóa, đó đều là chẳng phải chân pháp. Cho nên nói: Báo thân, hóa thân chẳng phải chân Phật, cũng chẳng phải thuyết pháp. Điều nói cùng là một tinh minh chia làm sáu hòa hợp. Minh tinh: là một tâm; sáu hòa hợp: là sáu căn; sáu căn này, mỗi căn đều hợp với trần. Nhãn căn hợp với sắc trần. Nhĩ căn hợp với thanh. Tỷ căn hợp với mùi. Thiệt căn hợp với vị. Thân hợp với xúc. Ý hợp với pháp. Trung gian sanh lục thức thành mười tám giới (sáu căn, sáu trần, sáu thức). Nếu hiểu rõ mười tám giới không có sở hữu, buộc sáu căn thành một tinh minh. Một tinh minh tức là tâm. Người học đạo đều biết như thế, nhưng không thể tránh khỏi kiến giải về một tinh minh và sáu hòa hợp. Vì thế bị pháp trói buộc không khế hợp với bổn tâm. Đức Phật xuất hiện ở đời muốn nói Nhất thừa chân pháp thì chúng sanh không tin lại hủy báng, vì thế chìm vào biển khổ. Nếu Ta hoàn toàn không nói thì đọa san tham, không ban một chút diệu đạo cho chúng sanh. Vì vậy Ta lập nên phương tiện nói có ba thừa. Thừa có Đại thừa và Tiểu thừa, đắc có cạn sâu, đều chẳng phải bổn pháp. Cho nên Ta nói: Chỉ có một đạo Nhất thừa, ngoài ra chẳng phải là chân. Nhưng rốt cuộc chưa có thể hiển bày pháp nhất tâm. Nên Đức Phật gọi Ca-diếp đến cùng pháp tòa giao phó riêng cho Ca-diếp về nhất tâm. Lìa ngôn ngữ thuyết pháp, một pháp này khiến thực hành riêng. Nếu người có thể khế hợp chứng ngộ thì đến được cõi Phật.

Có người hỏi: Thế nào là đạo? Thế nào là tu hành?

Sư đáp: Đạo là vật gì mà ông muốn tu hành.

Hỏi: Sự tương thừa tham thiền học đạo của tôn sư các phương như thế nào?

Đáp: Lời nói dẫn dắt người độn căn, không thể nương tựa.

Hỏi: Lời nói dẫn dắt kẻ độn căn như vậy, không biết dẫn dắt bậc thượng căn lại nói pháp gì?

Đáp: Nếu là bậc thượng căn, chỗ nào lại ngay mình tìm người. Tự mình còn không thể đắc, hà huống riêng có pháp cứu mê tình không thấy trong giáo.

Hỏi: Trạng thái của pháp pháp là gì? Nếu nói như thế thì hoàn toàn không yêu cầu tìm kiếm?

Đáp: Nếu cùng với sự tinh tế thì bớt hao tâm lực.

Hỏi: Thế nào là hồn thành đoạn tuyệt không thể là không?

Đáp: Không có ai dạy nó, nó là ai mà ông định tìm nó.

Hỏi: đã không biết tìm nơi nào, vì sao lại nói chớ đoạn nó?

Đáp: Nếu không tìm thì thôi, ai dạy ông đoạn. Ông thấy hư không trước mắt đoạn nó thế nào?

Hỏi: Pháp này có thể đắc, thì đồng với hư không không?

Đáp: Hư không sớm chiều nói có với ông, cùng có khác ta. Tạm nói như vậy, ông liền theo đó mà sanh kiến giải.

Hỏi: Phải là không sanh kiến giải với người sao?

Đáp: Ta chưa từng ngăn ông. Kiến giải thuộc về tình, tình sanh thì trí cách xa.

Hỏi: Hướng đến chỗ này chớ sanh tình phải không?

Đáp: Nếu không sanh tình thì ai nói đúng.

Hỏi: Mới nói với Hòa thượng, vì sao liền nói đọa vào lời nói.

Đáp: Ông tự mình không hiểu người nói, vì sao nói đọa.

Hỏi: Lúc nãy nói nhiều như thế đều là lời chống đối, hoàn toàn chưa từng có thật pháo chỉ bày cho người?

Đáp: Thật pháp không điên đảo, nay điều ông hỏi tự nó sanh điên đảo, vậy tìm thật pháp gì?

Hỏi: Điều hỏi đã tự nó sanh điên đảo, vậy điều Hòa thượng đáp thế nào?

Đáp: Ông lấy gương soi mặt mà xem, chớ nhìn người khác bằng tầm mắt hẹp hòi.

Lại hỏi: Chỉ giống như một con chó ngu, thấy nơi nào đông là sủa, gió thổi cây cỏ cũng không phân biệt được?

Lại đáp: Thiền tông này của ta, tương truyền từ xưa đến nay chưa từng dạy người cầu tri cầu giải. Chỉ nói học đạo trước hết là những lời dẫn dắt. Nhưng đạo cũng không thể học, khi tình chấp còn mà học vì giải đạo thì thành mê đạo. Đạo không nơi chỗ gọi là tâm Đại thừa. Tâm này không ở trong, ngoài và khoảng giữa, thật không có nơi chỗ. Điều thứ nhất là không được tri giải, chỉ nói với ông, như nay tất cả nơi chỗ là đạo, hết thảy tâm đều không có nơi chỗ. Đạo này là thiên chân vốn không có danh tự, chỉ vì người đời không biết, mê muội trong tình chấp. Cho nên chư Phật xuất hiện ở đời để thuyết pháp phá tan việc này. Sợ ông và mọi người không hiểu, dùng phương tiện đặt tên đạo, không nên chấp tên mà sanh kiến giải. Cho nên nói: Được cá quên nơm, thân tâm tự nhiên hiểu đạo biết tâm, thấu rõ cội nguồn, nên gọi là sm. Quả sm từ thiền định mà thành không từ học mà có. Nay nếu ông đem tâm cầu tâm, chạy theo bên ngoài, chỉ nghĩ ngợi học hỏi, chấp có thì lúc nào mới

đắc. Người xưa tâm nhạy bén nghe một lời nói liền tuyệt hẳn sự học. Cho nên nói tuyệt học là đạo nhân thanh nhàn vô vi. Người đời nay chỉ muốn nhiều hiểu biết, lắm kiến giải, luôn tìm văn nghĩa, gọi là tu hành; mà họ không biết nhiều hiểu biết, lắm kiến giải trở thành ngưng trệ. Chỉ biết cho con uống nhiều sữa, còn tiêu hóa hay không thì chẳng hề hay biết. Người học đạo của Tam thừa đều giống như vậy, hết thảy đều gọi là ăn không tiêu. Cái gọi là hiểu biết và kiến giải không tiêu đó đều là thuốc độc, đều đi đến chấp sanh diệt. trong chân như hoàn toàn không có việc này. Cho nên nói: Trong kho vua của ta không có dao búa như thế. Tất cả những kiến giải có từ trước, nếu bỏ hết đi, khiến cho rỗng không, càng không phân biệt, tức là không Như Lai Tạng. Như Lai Tạng: Không có một chút mảy may có thể có. Cho nên Đấng Pháp vương xuất hiện ở thế gian để phá chấp có. Cũng nói: Ta ở chỗ Phật Nhiên Đăng, không có một chút pháp có thể đắc. Lời nói này chỉ là không. Ông so lường kiến giải chỉ tiêu tan mà thôi; tình, lý hết thảy đều không chấp. Đó là người vô sự. Hệ thống giáo nghĩa của Tam thừa chỉ là thuốc ứng hợp với bệnh chúng sanh. Tùy theo chỗ đáng nói, đến lúc trình bày, mỗi mỗi đều khác nhau, chỉ có thể hiểu rõ mới không bị mê hoặc. Không được đối với một căn cơ một giáo nghĩa mà chấp vào văn tự, đưa ra kiến giải. Vì sao như vậy? Vì ...

(383) Thật không có một pháp nào nhất định mà Như Lai nói, ta đối với tông môn này không luận bàn việc này, chỉ biết dứt tâm liền thôi, bèn không biết suy trước nghĩ sau.

Hỏi: Xưa nay đều nói: Tức tâm là Phật, không rõ tâm nào là Phật?

Sư nói: Ông có mất tâm?

- Phàm tâm là Phật, tức tâm thánh là Phật.

Sư nói: Ông có tâm phàm thánh ở đâu?

- Trong ba thừa nói có phàm Thánh, Hòa thượng đâu được nói không có.

Sư nói: Trong ba thừa phân minh nói với ông. Tâm phàm Thánh là vọng, ông nay không hiểu, trở lại chấp là có, lấy không mà làm có, há không phải là vọng. Vì vọng nên tâm mê, ông chỉ bỏ đi cảnh phàm Thánh, ngoài tâm không có Phật khác. Tổ sư Tây lai chỉ thẳng tất cả người toàn thể là Phật. Nay ông không biết, chấp Thánh chấp phàm chạy theo bên ngoài, lại tự mê tâm. Cho nên nói với ông tức tâm là Phật, một niệm tình sanh khởi thì đọa vào cõi khác. Từ vô thỉ đến nay không khác ngày nay, vì không có pháp khác cho nên thành Chánh

giác.

Hỏi: Hòa thượng nói tức là đạo lý gì?

Sư nói: Tìm đạo lý gì mới có đạo lý tức là tâm khác.

Hỏi: Trước nói từ xưa đến nay không khác ngày nay lý này thế nào?

Sư nói: Chỉ vì tâm cầu nên ông tự khác người. Nếu ông không tìm kiếm thì chỗ nào có khác.

- Đã là không khác sao lại nói tức?

Sư nói: Ông nếu không tin phàm thánh, ai nói với ông là tức, tức nếu không tức, tâm cũng không phải tâm, có thể trong tâm tức đều vọng thì ông định tìm chỗ nào?

Hỏi: Vọng làm chướng ngại tự tâm không rõ nay lấy gì để ngăn vọng?

Sư nói: Khởi vọng ngăn vọng thành vọng. Vọng vốn không có gốc, do phân biệt mà có. Ông đối với hai chữ phàm Thánh đều tận, tự nhiên không có vọng mà nghi. Nếu chạy theo người đều không được có mảy may chỗ nương để chấp, gọi là ta bỏ hai tay ắt sẽ làm Phật.

Hỏi: Đã không có chỗ nương để chấp lấy gì gánh vác đảm đương?

Sư nói: Lấy tâm truyền tâm.

- Nếu tâm truyền nhau tại sao nói tâm không có?

Sư nói: Không đắc một pháp nào gọi là truyền tâm. nếu hiểu rõ tâm này tức là không có tâm, không có pháp.

- Nếu không có tâm không có pháp thì sao gọi là truyền?

- Ông nghe nói truyền tâm cho là có thể đắc. Cho nên Tổ sư nói: Khi nhận được tâm tánh, có thể nói bất tư nghì liễu rõ vô sở đắc, khi đắc không nói là biết. Việc này nếu dạy ông thì hội làm sao kham.

Hỏi: Như hư không trước mặt, không phải là cảnh, há không chỉ cảnh thấy tâm?

Sư nói: Tâm nào dạy ông thấy cảnh, nếu ông thấy được, chỉ là cái tâm chiếu cảnh. Như người lấy gương soi mặt, dù thấy mặt mày rõ ràng, xưa nay chỉ là hình bóng, đâu liên quan đến việc của ông.

Hỏi: Nếu không có cái nhân soi thì lúc nào thấy được?

Sư nói: Nếu liên quan đến nhân phải nhờ vào vật, lúc nào liễu rõ. Ông không thấy người nói với ông, buông tay giống như anh không có một vật, dối lừa nói mấy ngàn loại.

Hỏi: Ông ta nếu biết rõ chiếu soi cũng không có một vật?

Sư nói: Nếu là không có vật thì cần gì soi, ông chớ mở mắt nói

mớ.

Thượng Đường nói: Trăm thứ biết nhiều, chi bằng không cầu, tối đệ nhất, nói người là người vô sự; thật không có nhiều loại tâm; cũng không có đạo lý để nói, vô sự giải tán đi.

Hỏi: Thế nào là thế đế?

Sư nói: Nói lằng nhằng làm gì? Xưa nay thanh tịnh đâu nhờ vào lời để hỏi đáp, nhưng không có tất cả tâm tức là trí vô lậu. Ông mỗi ngày đi đứng nằm ngồi, tất cả lời nói chớ có đắm trước vào pháp hữu vi, nói ra lời trong nháy mắt đều đồng trí vô lậu. Nay thời mạt pháp, phần nhiều là học thiền đạo đều đắm vào thanh sắc, sao cùng với tâm ông đồng hư không, như cây khô, cục đá. Như lửa tàm tro lạnh mới có chút phần công đức. Nếu không như thế, thì một ngày nọ sẽ bị Diêm-la dẫn dắt ông. Ông chỉ lìa các pháp có không, tâm như mặt trời thường ở trên hư không, ánh sáng tự nhiên không chiếu mà chiếu, không phải là việc tiết kiệm sức lực. Lúc đến đây không có chỗ đậu dừng tức là hành hạnh của chư Phật chính là “phải không có chỗ trụ mà sanh tâm mình”. Đây là pháp thân thanh tịnh của ông gọi là Vô thượng Bồ-đề. Nếu không hội được ý này dù ông học rộng biết nhiều, tu hành khổ hạnh mặc cỏ ăn cây, không biết tự tâm đều là tà hạnh, nhất định làm quyến thuộc của ma.

Tu hành như thế, đâu có ích gì?

Chí Công nói: Phật vốn là tự tâm, đâu được tìm cầu văn tự. Dù ông học được tam hiền, tứ quả, thập địa cũng chỉ là ngồi trong phàm Thánh, không thấy nói, các vô thường, là pháp sanh diệt, thế lực tận thì đọa, vơi được đời sau không như ý; đâu giống môn thật tướng vô vi, thẳng vào đất Như Lai là ông không phải là người như thế, cần phải hướng đến môn của người xưa học rộng tri giải.

Chí Công nói: Không gặp bậc minh sư ra đời, uổng uống pháp dược của Đại thừa. Ông ngày nay trong tất cả thời đi đứng ngồi nằm chỉ học vô tâm, lâu ngày phải thật đắc. Vì sức ông kém không thể siêu nhập, chỉ được ba năm, năm năm hay mười năm phải được chỗ vào tự nhiên hội. Vì ông không thể như vậy, cần phải dụng tâm học thiền học đạo, Phật pháp có liên can gì. Cho nên nói: Lời Như Lai nói là để chuyển hóa người như lấy lá vàng làm tiền để dụ trẻ con nín khóc, nhất định không thật. Nếu có thật đắc thì chẳng phải khách tông mông ta.

Lại bổn thể đâu có liên quan với ông. Cho nên kinh nói: Thật không có một pháp nào để đắc, gọi là Vô thượng Bồ-đề. Nếu hội được ý này mới biết Phật đạo, ma đạo đều sai lầm. Xưa nay thanh tịnh sáng

suốt, không có tướng vuông tròn, lớn nhỏ, dài ngắn, vô lậi vô vi, không mê không ngộ, rõ ràng không thấy một vật, cũng không có người, không có Phật, bọt nước trong biển đại thiên sa giới, tất cả Hiền thánh như điện xẹt, tất cả không bằng pháp thân chân thật. Từ xưa đến nay giống với Phật, Tổ, thì chỗ nào thiếu một mảy lông. Đã hội được ý như thế, cần phải nỗ lực trọn đời nay; hơi thở ra không bảo đảm hơi thở vào.

Hỏi: Lục Tổ không biết kinh thư tại sao được truyền y làm Tổ, Thượng tọa Thần Tú làm giáo thọ sư cho năm trăm thủ tòa, giảng được ba mươi hai bản kinh luận tại sao không được truyền y bát?

Sư nói: Vì lục Tổ cho là có cái tâm là có pháp, sở tu sở chứng của Ngài đúng cho nên ngũ Tổ phó pháp cho lục Tổ.

Lục Tổ lúc ấy chỉ là mặc khế, được thần trao ý rất thâm thậm của Như Lai, cho nên phó pháp cho lục Tổ. Ông không nghe nói:

Pháp bổn pháp vô pháp
Vô pháp pháp cũng pháp
Nay chính phí vô pháp
Pháp pháp đâu từng pháp.

Nếu lãnh hội ý này mới gọi là người xuất gia, mới đáng hành. Nếu không tin tại sao Thượng tọa Minh đuổi theo tìm lục Tổ ở núi Đại dữu. Lục Tổ liền hỏi: Ông đến tìm cầu việc gì? Cầu y hay cầu pháp?

Thượng tọa Minh đáp: Không phải vì y chỉ vì pháp.

Lục Tổ nói: Ông hãy dứt niệm, thiện ác chớ nghĩ. Thượng tọa Minh liền thọ lãnh lời của lục Tổ.

(384) Lục Tổ nói: Không nghĩ thiện, không nghi ác, ngay lúc đó là bản lai diện mục khi cha mẹ chưa sanh của Thượng tọa Minh. Thượng tọa Minh ngay đó khế ngộ, bèn lễ bái nói: Như người uống nước nóng lạnh tự biết. Con lúc ở trong hội của ngũ Tổ uổng phí công phu ba mươi năm. Ngày nay mới biết trước đây mình đã dụng công sai lầm.

Lục Tổ nói: Đúng vậy, lúc đến đây mới biết trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật không lập ngôn ngữ của Tổ sư Tây lai, há không thấy ngài A-nan hỏi ngài Ca-diếp: Thế Tôn truyền y Kim lan ra ngoài còn truyền riêng vật gì không.

Ca-diếp gọi: A-nan! A-nan đáp: Dạ.

Ca-diếp nói: Cây phướn trước chùa ngã. đây chính là tiêu chí của Tổ sư. Vì sao A-nan làm thị giả ba mươi năm, chỉ là đa văn trí tuệ, bị Đức Phật trách:

Ông một ngàn ngày học tuệ không bằng một ngày học đạo.

Nếu không học đạo như giọt mực khó tan.

Hỏi: Thế nào là không rơi vào giai cấp?

Sư nói: Suốt ngày ăn cơm mà chưa từng ăn một hạt gạo, suốt ngày đi mà chưa từng đụng đến một hạt đất cát, lúc cùng với mà đồng với, không ngã không nhân. Suốt ngày không lìa tất cả việc, không bị các cảnh mê hoặc mới gọi là người tự tại. Lại thời thời niệm niệm không thấy tất cả tướng, chớ có nhận ba đời trước sau, đời trước không đi, đời nay không trụ, đời sau không đến, an nhiên tĩnh tọa không câu nệ mới gọi là giải thoát. Nỗ lực, nỗ lực. Trong môn này ngàn người vạn người, chỉ được ba người, năm người. Nếu không cho là việc thì có ngày chịu ương lụy. Cho nên nói: đủ công lực đời nay cần liễu rõ thì làm sao chịu ương lụy nhiều kiếp.

HOÀNG BÁ SƠN ĐOẠN TẾ THIỀN SƯ UYỂN LĂNG LỤC

Bùi Hưu Công hỏi Sư: Bốn, năm trăm người trong núi, mà mấy người đắc pháp nơi Hòa thượng?

- Người đắc vô số kể.

Vì sao? Đạo do tâm ngộ, đâu phải nơi lời nói, lời nói chỉ là dẫn dắt trẻ con không biết chữ.

Hỏi: Phật là gì?

- Tức tâm là Phật, vô tâm là đạo, chỉ không sanh tâm động niệm, có không, ưu khuyết của mình, người, tâm vốn là Phật, Phật vốn là tâm; tâm như hư không. Cho nên nói: Pháp thân chân thật của Phật giống như hư không, không cần tìm đâu khác. Có cầu tìm đều là khổ. Giả sử hằng hà sa kiếp hành lục độ vạn hạnh đắc Bồ-đề Phật cũng không phải là cứu cánh. Vì sao? Vì nó thuộc về nhân duyên tạo tác, nhân duyên nếu hết thì quy về vô thường. Cho nên nói: Báo thân, hóa thân chẳng phải là chân Phật; cũng không phải là người thuyết pháp, chỉ biết tâm mình, vô ngã vô nhân xưa nay là Phật.

Hỏi: Thánh nhân vô tâm tức là Phật. Phàm phu vô tâm có chìm vào không tịch không?

Sư nói: Pháp không có phàm thánh, cũng không chìm vào không tịch. pháp vốn không có, không làm thì không thấy, pháp vốn không phải không? Không làm mà có thấy. Có và không đều là cái thấy của phàm tình, giống như nhậm mắt. Cho nên nói: Thấy nghe như huyễn hóa, biết thấy chính là chúng sanh. Trong môn Tổ sư chỉ luận về dứt cơ bặt cái thấy. Cho nên quên thì Phật đạo hiện tiền, phân biệt thì ma quân thạnh.

Hỏi: Tâm vốn là Phật, vậy có cần tu lục độ vạn hạnh không?

Sư nói: Ngộ nơi tâm, không liên quan đến lục độ vạn hạnh, lục độ vạn hạnh đều là việc phụ của hóa môn tiếp vật độ sanh. Giả sử pháp thân Bồ-đề chân như thực tế giải thoát thẳng đến mười địa bốn quả Thánh vị, đều là cánh cửa hóa độ không liên quan đến Phật tâm. Tâm tức là Phật. Cho nên tất cả Phật tâm đệ nhất trong các môn hóa độ

nhưng không có tâm sanh tử phiền não, tức là không dùng pháp về Bồ-đề. Cho nên nói: Phật nói tất cả pháp độ tất cả tâm ta, ta không có tất cả tâm thì đâu cần tất cả pháp. Từ Phật đến Tổ đều không luận bàn việc gì khác; chỉ luận bàn một tâm, cũng nói Nhất thừa. Cho nên tìm cầu mười phương không có thừa nào khác. chúng đây không có cành lá, chỉ có các hạt chắc. Cho nên ý này khó tin. Đạt-ma đến xứ này qua hai nước Lương, Ngụy, chỉ có một người Đại sư tin sâu vào tự tâm, ngay lời nói mà lãnh hội. Tức tâm là Phật, thân tâm đều không, gọi là đại đạo. Đại đạo vốn bình đẳng, cho nên tin sâu tất cả chúng sanh có đồng một chân tánh, tâm tánh không khác, tức tánh tức tâm, tâm không khác tánh gọi ấy là Tổ. Cho nên nói khi nhận được tâm tánh đáng nói là bất tư nghì.

Hỏi: Phật có độ chúng sanh không?

Sư nói: Thật không có một chúng sanh nào mà Như Lai độ cả. Ngã còn bất khả đắc, phi ngã đâu thể đắc. Phật và chúng sanh đều bất khả đắc.

Nói hiện có ba mươi hai tướng độ chúng sanh đâu được nói không?

Sư nói: Phàm vật có tướng đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng là phi tướng tức thấy Như Lai. Phật và chúng sanh đều là ông vọng thấy. Chỉ là không biết bổn tâm dối làm kiến giải, mới làm cái thấy của Phật liền bị Phật ngăn, làm cái thấy chúng sanh bị chúng sanh ngại, làm các thấy phàm Thánh, tịnh uế đều thành chướng ngại. vì thấy chướng ngại tâm ông nên thành lưu chuyển. Giống như con khỉ chuyền cành không lúc nào thôi. Cùng là hữu học cần phải vô học, không phàm không thánh, không tịnh không cấu, không lớn không nhỏ, vô lậu vô vi. Trong một tâm như thế cần phương tiện trang nghiêm. Nghe ông học được ba thừa mười hai phần giáo, tất cả kiến giải đều phải xả bỏ, cho nên loại bỏ tất cả, chỉ đặt một cái giường mà nằm, chỉ là không khởi các kiến chấp, không có một pháp nào có thể đắc, không bị pháp chướng ngại, siêu thoát cảnh giới phám thánh trong ba cõi mới được gọi là xuất thế Phật. Cho nên nói: Cúi đầu như hư không, không sở y vượt qua ngoại đạo. Tâm đã không khác, pháp cũng không khác, tâm đã vô vi pháp cũng vô vi, vạn pháp đều do tâm biến. Cho nên tâm ta không có, các pháp cũng không; ngàn thứ vạn loại đều đồng, khắp mười phương hư không đồng một tâm thể. Tâm vốn không khác pháp cũng không khác. Tâm vốn không khác pháp cũng không khác. Chỉ vì kiến giải của ông không đồng nên thành sai biệt. Thí như chư Thiên cùng ăn trong bình báu tùy theo phước đức của mỗi người mà có khác, mười phương chư

Phật không có một pháp nào có thể đắc gọi là Vô thượng Bồ-đề, chỉ là nhất tâm thật không có tướng khác, cũng không có rực rỡ, cũng không có hơn thua. Vì không có hơn nên không có tướng Phật. Vì không có thua nên không có tướng chúng sanh.

Hỏi: Tâm đã vô tướng đâu được hoàn toàn không có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp hóa độ chúng sanh?

Sư nói: Ba mươi hai tướng thuộc về tướng, phàm vật có tướng đều là hư vọng. Tám mươi vẻ đẹp thuộc về sắc. Nếu lấy sắc tìm ta, là người hành tà đạo, không thể thấy Như Lai.

Hỏi: Tánh Phật và tánh chúng sanh đồng hay khác?

Đáp: Tánh không có đồng dị. Nếu căn cứ vào ba thừa giáo tức nói có tánh Phật có tánh chúng sanh, bèn có nhân quả Tam thừa tức có đồng dị. Nếu theo Phật thừa và tương truyền của Tổ (385) tức không nói việc như thế. Chỉ có nhất tâm, không đồng chẳng dị, không nhân không quả. Cho nên nói chỉ Nhất thừa đạo này, không hai cũng không ba, trừ Đức Phật phương tiện nói.

Hỏi: Bồ-tát vô biên thân, vì sao không thấy đảnh tướng của Như Lai?

Sư nói: Thật không thể thấy. Vì sao? Bồ-tát vô biên thân chính là Như Lai, không ứng lại thấy, chỉ dạy ông không làm cái thấy chúng sanh không rơi vào chúng sanh, không có cái thấy của phàm phu thì không rơi vào phàm phu, không có cái thấy của thánh thì không rơi vào Thánh. Nhưng không có các kiến chấp tức là vô biên thân. Nếu có chỗ thấy tức rơi vào ngoại đạo. Ngoại đạo vui nơi kiến chấp, Bồ-tát đối với các kiến chấp mà bất động. Như Lai tức là các pháp nghĩa như thật. Cho nên nói: Di-lặc cũng như thế; Thánh hiền cũng như thế. Như tức là vô sanh, như tức là không diệt, như tức là không thấy, như tức là không nghe. Đảnh Như Lai tức là cái thấy tròn đầy, cũng không có cái thấy tròn đầy cho nên không rơi vào tròn đầy, cho nên thân Phật vô vi không rơi vào các số, phương tiện lấy hư không làm dụ, tròn đầy đồng thái hư, không thiếu không thừa; giống như lúc nhàn vô sự, chớ manh biện cảnh khác biện thì thanh thức. Cho nên nói: Tròn đầy thành chìm vào biển thức, lưu chuyển như phiêu bồng. Chỉ nói ta biết cũng học được cũng khế ngộ, cũng giải thoát cũng có đạo lý. Chỗ mạnh tức như ý, chỗ yếu thì không như ý, giống như người này kiến giải có chỗ dụng gì; ta nói với ông, giống như nhàn vô sự chớ dối dụng tâm, không cần cầu chân, chỉ thấy cần dứt kiến chấp, cho nên kiến chấp trong ngoài đều lầm sai, Phật đạo, ma đạo đều ác. Bởi vậy Văn-thù khởi hai kiến chấp chê bai

hai núi Thiết vi. Văn-thù tức là thật trí, Phổ Hiền tức là quyền trí, quyền thật đối trị nhau, cuối cùng cũng không có quyền thật, chỉ là nhất tâm, tâm lại không có Phật, không có chúng sanh có kiến chấp khác, mới có kiến chấp về Phật tức là cái thấy chúng sanh, hữu kiến vô kiến, thường kiến đoạn kiến liền thành hai núi Thiết vi. Vì bị kiến chấp ngăn ngại, cho nên Tổ sư chỉ thẳng bổn tâm của tất cả chúng sanh, bản thể vốn là Phật, không nhờ tu mà thành tựu, không thuộc về tiệm thứ, không phải sáng tối, vì không phải sáng cho nên không sáng, vì không phải tối cho nên không tối. Bởi thế không có vô minh cũng không có vô minh tận. Vào tông môn của ta tất cả phải là ý như thế. Thấy đắc gọi là pháp vì thấy pháp cho nên gọi là Phật. Phật pháp đều không gọi ấy là tăng, gọi là tăng vô vi cũng gọi là nhất thể Tam bảo.

Phàm người cầu pháp không đắm vào cầu Phật, không đắm vào cầu pháp, không đắm vào cầu chúng, phải là không có chỗ cầu, vì không đắm vào cầu Phật cho nên không có Phật, vì không đắm vào cầu pháp nên không có pháp, vì không đắm vào cầu tăng nên không có tăng.

Hỏi: Hòa thượng nay nghe nói pháp đâu được nói không tăng cũng không pháp?

Sư nói: Ông nếu thấy có pháp đáng nói tức là dùng âm thanh cầu ngã; nếu thấy có ngã tức là xứ sở; pháp cũng không có pháp, pháp tức là tâm. Bởi vậy Tổ sư nói: Lúc phó tâm pháp này, pháp pháp đâu từng pháp, vô pháp không bổn tâm, mới rõ tâm tâm pháp. Thật không có một pháp nào có thể đắc gọi là đạo tràng. Đạo tràng chỉ là không khởi các kiến chấp, ngộ pháp vốn không gọi là không Như Lai Tạng, xưa nay không một vật, nơi nào có bụi trần. Nếu được ý trong đây, tiêu diêu luận nơi nào.

Hỏi: Xưa nay không một vật, có phải là không có vật không?

Sư nói: Không cũng không phải, Bồ-đề không có chỗ, cũng không không tri giải.

Hỏi: Thế nào là Phật?

Sư nói: Tâm ông là Phật, Phật tức là tâm, tâm và Phật không khác. Cho nên tức tâm là Phật. Nếu lìa tâm thì không có Phật.

Hỏi: Nếu tự tâm là Phật, thì Tổ sư Tây lai làm sao trao huyền?

Sư nói: Tổ sư Tây lai chỉ truyền tâm Phật, chỉ thẳng ông vốn là Phật. Vì tâm tâm không khác nên gọi là Tổ. Nếu thấy ý này tức là vượt qua tất cả các giai vị Tam thừa xưa nay là Phật không nhờ tu hành mà thành.

Hỏi: Nếu như thế mười phương chư Phật ra đời nói pháp gì?

Sư nói: Mười phương chư Phật ra đời chỉ cùng nói pháp nhất tâm. Cho nên Phật thầm phó chúc cho Ma-ha Ca-diếp, pháp thể nhất tâm này, tận hư không khắp pháp giới, gọi là lý luận của chư Phật. Pháp này đâu phải là ông trên ngôn cú giải được, cũng không phải là không phải một cơ một cảnh thấy được, ý này chỉ là mặc khế được. Một môn này gọi là pháp môn vô vi, nếu muốn hội được chỉ biết vô tâm, bỗng ngộ tức đắc. Nếu dụng tâm tìm học tức càng xa đạo. Nếu không có tâm ngã rẽ thì tất cả tâm thủ xả, tâm như cây đá mới có sức học đạo.

Hỏi: Như nay hiện có nhiều vọng niệm tại sao nói là không?

Sư nói: Vọng vốn vô thể, tức là chỗ của tâm ông khởi. Nếu ông biết được tâm là Phật, tâm vốn không vọng, đâu được khởi tâm lại nhận vọng. Nếu tâm ông không sanh động niệm, tự nhiên không có vọng. Cho nên nói: Tâm sanh thì các pháp sanh, tâm diệt thì các pháp diệt.

Hỏi: Lúc vọng niệm khởi lên thì Phật ở nơi nào?

Sư nói: Ông nay khi biết vọng niệm khởi lên, giác chính là Phật. Như không có vọng niệm là Phật cũng không có. Tại sao vậy? Vì tâm ông khởi lên là thấy Phật rồi cho là có Phật để thành tựu; khởi thấy chúng sanh rồi cho là có chúng sanh để độ; khởi tâm động niệm đều là chỗ thấy của ông.

Nếu không có tất cả kiến chấp thì Phật ở nơi nào?

Như Văn-thù mới khởi thấy Phật liền chê hai núi Thiết vi.

Nói: Nay khi chánh ngộ thì Phật ở đâu?

Sư nói: Cái hỏi từ đâu đến, cái biết từ đâu khởi; nói năng im lặng, động tĩnh, tất cả sắc thanh đều là Phật sự thì tìm Phật nơi nào? Không thể trên đầu lại gắn thêm một đầu nữa, trên miệng thêm một miệng nữa. Nhưng chớ có sanh kiến chấp khác. Núi là núi, sông là sông, tăng là tăng, tục là tục, núi sông đại địa trời trăng sao đều không ra ngoài tâm ông, tam thiên thế giới đều là chính ông.

Nơi nào có nhiều loại, ngoài tâm không có pháp, trước mắt là núi xanh. Hư không thế giới bao la, không có một mảy may đồng với kiến giả của ông. Cho nên tất cả thanh sắc là mắt tuệ của Phật, pháp không có khởi riêng nương vào cảnh mới sanh. Vì vật cho nên có đa trí, suốt ngày nói đâu từng nói, suốt ngày nghe đâu từng nghe. Bởi thế, Thích-ca Như Lai bốn mươi chín năm thuyết pháp mà chưa từng nói một chữ.

Hỏi: Nếu như thế thì chỗ nào là Bồ-đề?

Sư nói: Bồ-đề không có chỗ này, Phật cũng không đắc Bồ-đề, chúng sanh cũng không mất Bồ-đề, không thể dùng thân để đắc, không thể dùng tâm để cầu, tất cả chúng sanh tức là tướng Bồ-đề.

Nói: Thế nào là phát tâm Bồ-đề?

Đáp: Bồ-đề không sở đắc, ông nay chỉ phát tâm vô sở đắc, quyết định không đắc một pháp nào; tức là tâm Bồ-đề. Bồ-đề không chỗ trụ, cho nên không có người đắc. Bởi thế nói: Lúc ta ở nơi Phật Nhiên Đăng không có một pháp nào để đắc. Phật Nhiên Đăng liền thọ ký cho ta biết rõ tất cả chúng sanh vốn là Bồ-đề, không nên đắc Bồ-đề. Ông nay nghe phát tâm Bồ-đề cho là một tâm học nơi Phật. Chỉ bỏ Phật đạo, dù ông tu ba kỳ kiếp cũng chỉ được báo thân, hóa thân Phật, (386) đâu có liên can đến bổn nguyên chân tánh của ông. Cho nên nói: Ngoài cầu có tướng Phật không giống với ông.

Hỏi: Vốn đã là Phật thì đâu có bốn loại chúng sanh trong sáu đường và các hình thể không đồng?

Sư nói: Thể của chư Phật tròn đầy, không tăng không giảm, lưu nhập sáu nhập, khắp nơi đều tròn đầy.

Trong vạn loài, mỗi loài đều là Phật, giống một cục thủy ngân phân tán các nơi, mỗi hạt đều tròn đầy. Nếu không phân tán thì chỉ là một khối. Đây chính là một là tất cả, tất cả là một, các thứ hình để giống như ngôi nhà, bỏ nhà lừa vào nhà người, bỏ thân người đến thân trời. Và đến nhà Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật đều là chỗ ông thủ xả, cho nên có tánh bổn nguyên khác, đâu được có riêng biệt.

Hỏi: Chư Phật thế nào thực hành đại từ bi để thuyết pháp cho chúng sanh?

Sư nói: Từ bi của Phật là vô duyên. Cho nên nói là đại từ bi. Từ là không thấy có Phật để thành. Bi là không thấy có chúng sanh để độ. Sự thuyết pháp của Ngài là vô thuyết, không chỉ dạy. Người nghe pháp không nghe không đắc. Thí như kẻ huyễn thuyết pháp cho người huyễn. Pháp này nếu là đạo ta lãnh hội ngay lời nói của thiện tri thức. Hội cũng là ngộ cũng là lòng từ bi này.

Nếu là ông khởi tâm động niệm học được kiến giải nơi khác nhau, không phải là tự ngộ bổn tâm, rốt ráo không có ích lợi.

Hỏi: Thế nào là tinh tấn?

Sư nói: Thân tâm không khởi gọi là đệ nhất tinh tấn. Người mới khởi tâm mong cầu bên ngoài gọi là Ca lợi vương thích dạo săn bắn. Tâm không hướng bên ngoài, tức là nhẫn nhục, thân tâm tiên nhân đều không có, tức là Phật đạo.

Hỏi: Nếu vô tâm mà hành đạo này được không?

Sư nói: Vô tâm chính là hành đạo này, lại nói thế nào được và không được. Lại như móng khởi một niệm bèn là cảnh. Nếu không có

một niệm lại là cảnh. Vọng tâm tự diệt, không thể truy tìm.

Hỏi: Thế nào là ra khỏi ba cõi?

Sư đáp: Thiện ác chớ suy lường, ngay đó liền ra khỏi ba cõi. Như Lai ra đời là phá ba cõi. Nếu không có tất cả tâm, ba cõi cũng không có. Như một vi trần chia ra trăm phần; chín mươi chín phần là không, một phần là có. Ma-ha-diễn không thể thắng xuất, trăm phần đều không có ma-ha-diễn mới có thể thắng xuất.

Thượng Đường nói: Tức tâm là Phật, trên đến chư Phật, dưới đến bò bay, cựa máy đều có Phật tánh, đồng một tâm thể. Cho nên Đạt-ma từ Tây lai đến chỉ truyền pháp nhất tâm. chỉ thẳng tất cả chúng sanh xưa nay là Phật, không nhờ tu hành, chỉ như nay biết thủ chấp vào tự tâm thấy bổn tánh mình, lại chớ có tìm gì khác.

Hỏi: Thế nào là biết tự tâm?

Như nay lời nói chính là tâm ông, nếu không có ngôn ngữ lại không có tác dụng đến tâm thể, giống như hư không, không có tướng trạng, cũng không có phương sở, cũng không phải một tế là không có mà không thể thấy. Cho nên Tổ sư nói: Chân tánh tâm địa tàng không đầu cũng không đuôi, ứng duyên mà hóa vật, phương tiện gọi là trí. Nếu khi không ứng duyên thì không thể nói nó là có hay không. Nay lúc ứng cũng không có dấu vết, đã biết như thế như nay chỉ hướng đến không có trong, tức là đi theo con đường của chư Phật.

Kinh nói: Ứng vô sở trụ mà sanh tâm mình. Tất cả chúng sanh luân hồi sanh tử, ý duyên chạy theo tâm, ở trong lục đạo không bao giờ dừng, làm cho thọ các thứ khổ.

Ngài Tịnh Danh nói: Người khó chuyển hóa vì tâm họ như vượn khỉ. Cho nên dùng bao nhiêu thứ pháp chế ngự tâm mình. Sau đó mới điều phục. Sở dĩ tâm sanh nên các pháp sanh, tâm diệt các pháp diệt. Nên biết tất cả các pháp đều do tâm tạo, cho đến trời, người, địa ngục, lục đạo tu-la đều do tâm tạo. Như nay chỉ học vô tâm dứt bặt các duyên chớ có sanh vọng tưởng phân biệt. Vô nhân vô ngã, không tham không sân, không thương không ghét, không hơn không thua, chỉ trừ đi nhiều thứ vọng tưởng thì tự tánh bổn lai thanh tịnh tức là Bồ-tát tu hành pháp Phật. Nếu không lãnh hội ý này dù ông có học rộng tu khổ hạnh ăn cây mặc cỏ, không biết tự tâm đều gọi là tà hạnh, đều là thiên ma ngoại đạo, thủy lục các thần. Tu hành như thế thì đâu có ích gì.

Ngài Chí Công nói: Bổn thể là tự tâm thì đâu thể tìm cầu trong văn tự được. Như nay chỉ biết tự tâm, dứt bặt tư duy, vọng tưởng trần lai tự nhiên không sanh.

Ngài Tịnh Danh nói: Chỉ đặt một cái giường để lúc bệnh mà nằm, tâm không khởi. Như nay đau bệnh nằm, phan duyên đều dứt, vọng tưởng diệt tức là Bồ-đề. Như nay trong tâm tán loạn không định, dù ông học đến các địa vị bốn quả mười địa của ba thừa. Hợp sát chỉ ngồi trong phàm thánh, các hành đều vô thường, thế lực đều có lúc tàn. Giống như mũi tên bắn vào hư không, sức hết thì dọa trở lại sanh tử luân hồi. Như tu hành mà không hiểu ý của Đức Phật thì luống thọ khổ đau đâu không lầm lớn.

Chí Công nói: Chưa gặp bậc minh sư xuất thế luống uổng uổng pháp dược Đại thừa. Như nay trong tất cả thời đi đứng nằm ngồi chỉ học vô tâm, cũng không phân biệt, cũng không nương tựa, cũng không trụ trước, suốt ngày mặc ngông cuồng, giống như người si, người đời cũng đều không biết ông, ông cũng không cần dạy người biết hay không biết, tâm như khối đá không có rạn nứt, tất cả các pháp thấu vào tâm ông không đắm trước. Như thế mới có một phần nhỏ tương ưng. Thấu được cảnh của ba cõi gọi là Phật xuất thế; không có tướng lậu tâm gọi là trí vô vi; không tạo nghiệp trời, người, không tạo nghiệp địa ngục, không khởi tất cả tâm. Các duyên không sanh khởi thì thân tâm này là người tự do, không phải xưa nay không sanh, chỉ là tùy ý mà sanh.

Kinh nói: Bồ-tát có ý sanh thân là vậy. Nếu chưa lãnh hội vô tâm mà chấp trước tướng thì thuộc về nghiệp ma, cho đến làm Phật sự Tịnh độ đều thành nghiệp, gọi là Phật chướng, vì chướng ngại tâm ông, nên bị nhân quả quản thúc, đi đứng không có tự do. Cho nên pháp của Bồ-tát vốn không phải là có. Lời Như Lai nói đều là chuyển hóa người, giống như lá vàng làm tiền để dụ trẻ nín khóc. Cho nên thật không có một pháp gọi là Vô thượng Bồ-đề. Như nay đã lãnh hội ý này, đâu cần bôn tẩu. Chỉ theo duyên dứt nghiệp cũ, lại chớ tạo ương mới, tâm sáng suốt. Cho nên kiến giải lúc xưa đều phải xả.

Ngài Tịnh Danh nói: Trừ bỏ tất cả.

Kinh Pháp Hoa nói: Trong hai mươi năm thường theo nghề hốt phân chỉ là bỏ đi kiến giải ở trong tâm. Lại nói: Trừ bỏ phân hý luận, cho nên Như Lai Tạng vốn tự không tịch và không lưu giữ một pháp nào. Cho nên kinh nói: Quốc độ chư Phật cũng đều không. Nếu nói Phật đạo là tu học mà được. Kiến giải như thế hoàn toàn không liên can. Hoặc làm một cơ một cảnh dương mày động mắt, chỉ đối tương đương bèn nói khế hội; đắc chứng ngộ thiền lý, bỗng gặp một người không hiểu bèn nói, đều không có chỗ biết để đối đáp với người. Nếu đắc đạo lý tâm liền vui mừng, nếu bị người chiết phục, không bằng người thì

tâm buồn bã. Như tâm ý học thiền này đâu can hệ gì, dù ông hội được một chút đạo lý chỉ được pháp nơi tâm (387), thiền đạo không liên can gì. Bởi thế Đạt-ma xoay mặt vào vách đều không làm cho người có chỗ thấy. Cho nên nói: Vọng cơ là Phật đạo, phân biệt là cảnh ma. Dù ông mê cũng không mất tánh này; khi ngộ cũng không đắc, tự tánh thiên chân vốn không mê ngộ, khắp mười phương hư không giới vốn là một tâm thể của ta. Dù ông động dụng tạo tác há lìa hư không, hư không vốn không có lớn nhỏ; vô lại vô vi, không mê không ngộ, thấy rõ không có một vật, cũng không có người, không có Phật, tuyệt lường mảy may, là không nương tựa, không dính mắc, một dòng đạo xanh là tự tánh. Vô sanh pháp nhẫn, đâu có nghĩ bàn; chân Phật không có miệng, không biết thuyết pháp; cái nghe chân chánh không có tai thì ai nghe. Trân trọng.

Ngày nọ Sư thượng đường khai thị cho đại chúng: Dự trước nếu pháp không thông, đêm ba mươi tháng chạp đến, quản chủ nhiệt loạn của ông, có kẻ ngoại đạo mới thấy người nói công phu, ông ta liền cười nhạt, giống như có người ở đây, ta hỏi ông bỗng nhiên sắp lúc lâm chung ông lấy gì chống đỡ sanh tử. Ông hãy nghĩ xem, lại có đạo lý, đâu được Di-lặc Thiên Sanh, Thích-ca tự nhiên. Có một loại quỷ hoang dã thần nhàn, mới thấy người có một chút bệnh liền nói với người nói, ông chỉ buông hết, cho đến người có bệnh, lại có lý hội không; tay bận chân rộn, đâu ngại thịt ông, như dao bén cắt đứt, chủ tể không được. Vạn thứ việc phải là lúc nhàn làm được không. Khi bận rộn dùng được, nhiều ít tiết kiệm được sức lực, chớ đợi khát nước đào giếng, chân làm tay không làm, nơi đây ngổn ngang, làm sao trách được đường trước mịt mù, tín biện đâu tán loạn. Khổ thay! Khổ thay! Hằng ngày miệng đọc Tam-muội, nói thiền nói đạo, chửi Phật mắng Tổ, đến đây đều dùng không được, hằng ngày chỉ dối gạt người, đâu biết ngày nay tự dối mình, A-tỳ địa ngục quyết định không tha ông, mà nay thời mạt pháp sắp chìm mất, hoàn toàn nương kệ có thế lực, nhà huynh đệ gánh vác tuệ mạng của Phật chớ để đoạn tuyệt. Thời nay mới có một người, nửa người hành cước, chỉ đi xem núi ngắm cảnh, không biết thời gian dài ngắn, một hơi thở ra không trở vào lại thì sang đời khác, chưa biết mặt mũi thế nào, ta khuyên nhà huynh đệ nhà ông, lúc thân thể mạnh mẽ, bản tính lanh lợi, không bị người dối lừa một đoạn đại sự, cái then chốt thiền cơ này thật là dễ dàng, tự là ông không chịu, chí đến càng luôn công phu, cho dù nói khó hiểu, là khó tốt lành, dạy ông biết làm sao dây leo tự sống trên cây, ông cũng cần tự đi làm không chuyển biến mới

được, nếu là kẻ trượng phu, xem cái công án.

Tăng hỏi Triệu Châu: Con chó có Phật tánh không?

Châu nói: Không, chỉ trong mười hai thời xem, chữ không, đêm ngày tham cứu, đi đứng nằm ngồi, chỗ mặc áo ăn cơm, chỗ phân buông nước tiểu, tâm tâm chiếu nhau, tinh thần mãnh liệt, sáng suốt, chỉ giữ một chữ vô, lâu ngày nhiều tháng nhồi thành một khối, bỗng nhiên hoa tâm khai phát, ngộ cơ của Phật Tổ, bèn không thoại đầu của lão Hòa thượng trong thiên hạ dối lừa, mới biết mở miệng lớn; Đạt-ma Tây lai không gió mà khởi sóng. Thế Tôn đưa cành hoa, trường bại hoại, đến đây nói gì Diêm-la, Lão Tử, ngàn Thánh còn không làm gì được ông, không tin đạo, lại có loại kỳ đặc, vì sao như thế, việc sợ bận lòng người.

Tụng rằng:

Trần lao thoát khỏi việc phi thường
Buộc chặt đầu dây làm một trường
Không phải một phen lạnh đến xương
Đâu được hoa mai bay qua mũi.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 176

THIỀN TÔNG VĨNH GIA TẬP

SỐ 2013

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2013

TỰA THIỀN TÔNG VĨNH GIA TẬP

Từng nghe! Cửa trí huệ mở toang mà diệu lý bặt nguồn sắc tướng: đường giác ngộ lên cao nhưng dấu vết bặt ngoài ngôn ngữ. Từ bi thay đức Thế tôn thị hiện, tùy thời cơ giáo hoá lợi sanh, mở bày kinh điển thâm diệu nơi ba thừa, tuyên dương giáo nghiã chân thật cho tám bộ. Do đó, ngài phát huy yếu chỉ sâu sa mà treo mặt trời tịnh nơi đường mê. làm rạng rỡ đạo màu, nên gợn sóng thiền nơi biển dục. Từ khi kim quang bao phủ thân vàng, bạch hào tắt luồng ánh sáng, hẳn chỉ có Đại sư, một mình nêu cao tinh túy của Linh sơn, đơn độc gánh vác sự nghiệp làm thánh đó ư.

Đại sư họ Đới, người huyện Vĩnh Gia, bẩm tánh thông minh thiên phú, vừa xem đọc liền lãnh hội, chẳng nhọc sức suy nghĩ. Lúc nhỏ Ngài chú tâm vào tam tạng, lớn lên dốc chí nơi đại thừa, ba nghiệp đều siêng năng, chỉ hoằng truyền thiền quán. Nơi Ngài, cảnh trí đều vắng lặng, định huệ đã dung thông. Khiến cho, đường mê bụi lắng, biển thẳm sóng yên. Hơn nữa, hạt châu tâm hàm giống đạo, rạng Thất tịnh sáng soi nhau; vầng trăng giới thêm hoa bi, chiếu Tam không hiển bày rực rỡ. Lại còn phẩm hạnh thuần khiết như tùng xanh, “Tâm không” thanh tịnh như trăng sáng. Ngày ngày, Đại sư chỉ mặc vải thô, ăn rau quả, quên thân vì pháp; thương xót mọi loài, muôn vật nhờ đó mà đươc an; hằng thường xét nghĩ, niệm niệm tiếp nối không gián đoạn. Chí tiết trước sau vững bền như vàng đá, lòng dù nông sâu vẫn thanh khiết hơn hoa trời. Lại nữa, tâm thì vượt danh ngôn, lý lại hợp vũ trụ, hạ mình tôn người, thuận kẻ phàm hợp bậc thánh. Vì thế, không nhập diệt định mà vẫn giữ bốn oai nghi, tiếng tăm hiển hách đương thời, đạo đức lan cùng khắp chốn. Do đó hàng thạc học vùng Tam ngô rầm rập tụ đến thềm Thiền,

bậc cao nhân ở tám phương ùn ùn kéo về hang Lý.

Nhớ xưa! Khi Tĩnh tôi còn làm một chức quan nhỏ, đã đích thân được Đại Sư chỉ dạy, nhưng hận mình chưa dốc lòng, bỗng đâu phải chuyển đến Kinh Kỳ, từ ấy đến nay, mịt mù xa cách. Vì thế, mãi cảm thương cho mắt mù đã lâu, nay bổng mất kim châm vàng; biển dục nổi ba đào mà chợt chìm mái chèo trí. Lời Đại sư vẫn còn đó mà am thất đã vắng tanh. Ô hô! Xót thay! Quặng thắt tim gan! Ôi! Con mắt của một phương đã tắt, bốn chúng biết nương tựa vào đâu? Giọng bậc Cao đức chẳng còn vang, khiến mãi mãi càng thêm thương cảm.

Tất cả những lời giảng dạy và ghi chép của Đại sư lúc còn tại thế gồm có mười thiên, nay gom thành một quyển, ngõ hầu quy về một mối, người hiểu thì nên được ý quên lời. Nay tôi lược chép lại tác phẩm này, hẳn có nhiều sai sót, mong các bậc minh triết chấn chỉnh cho.

BẢN KINH ĐƯỢC CHIA THÀNH MƯỜI MÔN

Chương thứ nhất: Chí mộ đạo.

Phàm muốn tu đạo, trước tiên ta cần phải lập chí và hiểu rõ phép tắc thờ thầy, để nguyên tắc được rõ ràng, môn này được nêu đầu tiên.

Chương thứ hai: Răn tâm hoang phí, tâm cống cao.

Dù trước đã lập chí tu, hiểu rõ phép tắc. Nếu như 3 nghiệp kiêu xa khởi, tâm bị vọng động, thì làm sao đạt được định. Nên môn tâm Kiêu Xa thứ hai được nêu kế tiếp.

Chương thứ ba: Tịnh tu 3 nghiệp.

Răn tâm ở môn thứ hai đã nêu, phần này chỉ nêu sơ lược giềng mối ý chính. Nay cần phải kiểm soát kỹ khiến cho lời thô ác không sanh. Môn Tịnh tu 3 nghiệp này được nêu kế tiếp để ngăn ngừa thân khẩu ý. (588)

Chương thứ tư: Bài tụng Xa Ma Tha.

Phần trước kiểm soát thân khẩu ý khiến tội lỗi không sanh. Vì vậy nhập vào môn này thứ tự tu tập, không ra ngoài định huệ, năm thứ khởi ra trong tâm và sáu điều cân nhắc. Cho nên được nêu trong môn Xa Ma Tha trong bài thứ tư.

Chương thứ năm: Bài Tụng Tỳ Bà xá Na.

Không có giới thì không định, không định thì không phát sanh trí huệ. Phần trên đã tu định, định càng sâu thì huệ càng sáng tỏ, môn này nêu trong bài tụng Tỳ Xá Na thứ 5.

Chương thứ sáu: Bài Tụng Ưu Tất Xoa.

Chuyên tâm tu định, thì đắm nơi định. Chuyên tu huệ, huệ nhiều

thì khiến tâm dao động. Định huệ song tu, chìm đắm mà không động tâm, giả sử định huệ quân bình, thì lìa trần và động.

Chương thứ bảy: Thứ lớp tu tập Tam Thừa.

Định huệ được đều hòa, tịch tĩnh mà thường chiếu, ba phép quán đầy đủ trong một tâm, thì nghi nào không. Sự chiếu soi nào không tròn khắp, sự hiểu biết mình đã được sáng tỏ, nhưng thương người khác chưa được ngộ, vì ngộ có cạn có sâu, môn này được nêu trong bài Tam thừa thứ 7.

Chương thứ tám: Lý và sự không có hai.

Ngộ được lý Tam Thừa. Nghiã lý vô cùng, lý thì không thể không liễu ngộ ngay nơi sự, hiểu rõ sự tức là lý. Môn thứ tám nói rõ lý sự không có hai. Ngay nơi sự là Chơn thể, dùng để trừ được cái thấy biết điên đảo.

Chương thứ chín: Lá thư khuyên bạn

Lý sự đã dung thông, trong tâm được sáng tỏ. Lại thương người bạn ở xa, luống uổng tháng ngày. Vì vậy, kế tiếp là bài khuyên bạn thứ 9.

Chương thứ mười : Văn phát nguyện

Khuyên bạn dù có lòng từ bi, để chỉ một lòng nơi người bạn. Tâm chưa thể ban khắp, nên văn phát nguyện bài thứ 10 là thệ nguyện độ tất cả.

CHƯƠNG THỨ NHẤT: CHÍ CẦU MỘ ĐẠO

Trước tiên quán sát ba cõi, để sanh tâm xa lìa nhàm chán, kế đến quyến thuộc và thân tình bạn hữu, để mong cầu ra khỏi ba cõi, sớm chiều thăm hỏi để giữ gìn lễ nghĩa phép tắc. Thứ ba xét thử thầy thích hợp những gì, để hầu hạ phụng dưỡng. Thứ tư hỏi thầu nay cần làm những gì, để biết gần gũi việc mình cần nên làm. Thứ năm hầu hạ thầy không biếng trễ, để sanh tâm khẩn khiết đối với đạo. Thứ sáu luôn luôn quyết đoán tâm nơi thầy, để tu tập. Thứ bảy theo kiến giải trình lên thầy để phân biệt biết được chính tà, suy xét kỉ khí lực tu, và căn cơ tu tập của mình, có thuần thục chưa, xét mình có bệnh, sanh nghi, tùy bệnh đưa thuốc tốt. Phải xét kỹ chính xác để tìm cầu cái chân thật, ngày đêm tinh cần, sợ duyên lành mất đi, mà chuyên tâm nơi một hạnh. Lòng tha thiết đến sự nghiệp tu hành, vì phật pháp quên, để báo ân vậy. Nếu lòng tin còn nhẹ, cạn mỏng, tâm ý không chuyên nhất, phẩm hạnh còn thô thiển cạn cợt, mà trôi theo cảnh, thuận theo dòng, vì thế gặp việc sanh tâm. Nhân tâm mà bặt ý, nhận không mà bặt lời, đã không bình đẳng

quán xét động tỉnh, thuận theo việc có không được mất. Đường bước lên đạo không thể không có giai vị, chỉ thuận theo công sức tu hành lần lần bước lên.

CHƯƠNG THỨ HAI: GIỚI KIÊU XA

Nguồn gốc việc ăn mặc, do nuôi dưỡng trồng trọt, đào đất khai hoang, ươm tằm nấu kén, những công việc sinh kế thuần thục, làm tổn thương đến thân mạng. Xót thay! Thật đáng thương, bao gồm dùng cả sức nông phu, tích chứa sức lực lâu dài, như vậy, đâu chỉ riêng làm chết hàm linh, đến nhân mạng, thì tín thí cũng khó tiêu. Tuy được sống trong hàng xuất gia, thì đâu có đạo đức gì. Vì vậy muốn vượt ra khỏi tam giới, nhưng chưa có hạnh xuất trần; huống làm thân nam tử, nhưng lại không có chí; chỉ vì ngày ngày rong ruổi vui chơi, đêm đêm tâm trí tối tăm mù mịt; đạo đức không tu, chỉ uổng phí cơm áo, trên trái với đạo đức, dưới không làm lợi sanh; trong thì phụ tứ ân, thật lấy làm xấu hổ. Cho nên người trí cần phải suy nghĩ: "Thân này chết vì đạo pháp, còn hơn sống không có đạo pháp". Tâm trí ngu si mờ mịt chỉ biết quí trọng thân mà xem thường giáo pháp.

CHƯƠNG THỨ BA: TỊNH TU TAM NGHIỆP

Ý nghiệp là tham, sân si, tà kiến.

- Khẩu nghiệp là vọng ngôn, ỷ ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu
- Thân nghiệp là sát, đạo, dâm.

Phàm muốn tu giáo pháp, trước tiên là phải tu ba nghiệp cho thanh tịnh, sau đó là trong sinh hoạt hằng ngày, dần dần mới có thể nhập vào đạo, cho đến khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần, tùy duyên mà liễu đạt. Cảnh và trí thanh tịnh thì mới thấu suốt được diệu chỉ. Thế tại sao? Tu ba nghiệp thanh tịnh, phải lắng tâm, trong bốn oai nghi như đi, đứng, nằm, ngồi ấy, thúc liễm ba nghiệp, không cho nó sai sót, phải nuôi dưỡng lòng từ bi, không làm tổn thương sinh mạng của muôn loài, hết thảy đều có linh thức,trên bờ hay dưới nước, dù lớn hay nhỏ, đều phải có lòng thương yêu, hộ mạng nó. Các côn trùng bò hay bay, ta cũng không được giết hại. Khi gặp nạn nước trôi, phải ân cần giúp đỡ, dùng phương tiện cứu giúp để được giải thoát.

Đối với tiền tài hay vật chất của người khác, người ta không cho thì không được lấy, cho đến vật của quỷ thần. Hễ vật đều có chủ, một cây kim, một cộng cỏ trọn cũng không được phạm. Người nghèo khổ đến xin, tùy theo mình có vật gì, phải có lòng tôn trọng tha thiết bố thí,

giúp họ được an ổn, thi ân mà không cầu báo. Lại suy nghĩ, chư Phật trong đời quá khứ, trãi qua vô lượng kiếp, tu hạnh Ba-la-mật, như bố thí voi, ngựa, bảy báu, đầu, mắt, óc, tủy, cho đến cả thân mạng, xả bỏ tất cả không thương tiếc. Chúng ta ngày nay cũng như thế, tùy theo sự bố thí, tâm hoan hỷ cúng dường, tâm không luyến tiếc.

Đối với nữ sắc, tâm cũng không bị đắm nhiễm. Hạng phàm phu điên đảo, bị lòng ái dục làm say, cho nên đam mê cuồng loạn, không biết tội lỗi. Như người hái nhánh hoa mà không biết có rắn độc. Còn người có trí thì quán sát điều đó, như miệng rắn độc, móng vuốt của gấu báo, sắt nóng, không thể nào đem dụ việc đó được. Cột đồng cháy ruột, giường sắt đốt lưng, cháy thân người, đau đớn cả tim gan, xương tủy, quan sát như thế thì chỉ thấy khổ, không vui.

Túi da chứa đầy phân lẫn máu mủ. Bên ngoài mượn mùi hương thơm thoa ướp, nhưng bên trong lại đầy mùi tanh hôi, bất tịnh chảy tràn, trùng giòi đều ở đó, chợ cá, cầu xí, cũng không bằng. Người trí quán sát thân người, chỉ là thấy tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, máu, mồ hôi, lệ, nước mũi, mủ, bắp thịt, gân máu, màng óc, đờm vàng đờm trắng, gan mật, cốt tuỷ, phổi, lá lách, thận, dạ dày, tim, mỡ, bàng quang, ruột già ruột non, sanh tạng, thục tạng, phân, nước tiểu, nơi chứa chỗ hôi thúi. Phân ra mỗi thứ như thế, tất cả đều không phải là người, do dao động ý thức mà vọng sanh ra ngôn ngữ, trá làm bạn thân, kỳ thật là oan gia tật đố, làm bại đức ngăn đạo, vì lỗi quá nặng nên phải xa lìa như tránh giặc oán.

Thế nên người trí phải quán sát điều đó, tưởng như rắn độc. Thà gần gũi rắn độc, chứ không gần nữ sắc. Vì sao? Vì rắn độc chỉ giết một mạng người mà thôi, một là còn sống, hai là chết. Còn nữ sắc ràng buộc trăm ngàn vạn kiếp, các thứ khổ độc hại vô cùng. Phải nên quán sát kỹ, suy nghĩ cho thật sâu, những điều khó nên gần gũi.

Vì vậy người trí phải tha thiết kiểm soát nghiệp ba thân, sữa đổi việc lỗi lầm đã qua, tu điều sắp tới, quay lưng với điều ác, mà làm theo việc thiện. Không sát sanh, không trộm cắp, mà còn phóng sanh, bố thí, không những không làm việc dâm dục, mà còn thường tu phạm hạnh, ngày đêm chuyên cần, tu hành lễ bái, quy y tam bảo, dốc chí cầu nơi giải thoát.

Đối với thân mạng và tài, biết thân như huyễn, không có tự tánh. Sắc tức là không, thì cái gì là ngã. Tất cả các pháp chỉ là giả danh, hoàn toàn không có thật, như thân ta, bốn đại năm ấm, mỗi mỗi chẳng có ngã, hoà hợp cũng không phải là ngã, tìm ở bên ngoài thân, thân như bong

bóng nổi trên mặt nước, như cây chuối, như huyễn, như hóa. Cảnh vật như trăng với nước, rốt ráo không bóng người, vì vô minh nên không biết, vọng chấp cho đó là ngã, bên trong đã không thật, lại sanh tham đắm, sát sanh, trộm cắp, dâm dục, hoang loạn. Suốt ngày đêm, chỉ lo tạo nghiệp, tuy không thật, nhưng thiện ác báo ứng như bóng theo hình. Khi quán như thế thì không làm ác, để nuôi dưỡng thân mạng. Quán thân tưởng như rắn độc, vì trị bệnh nên nhận bốn phẩm vật cúng dường. Thân mặc y phục như bọc ghẻ nhọt. Miệng ăn những thức ăn ngon, như bị bệnh phải uống thuốc, biết điều tiết thân, miệng không tham, không xa xỉ, đến pháp thiểu dục mà vui trong sự tu hành.

Kinh nói: "Hạnh đầu đà là tu pháp thiểu dục, nên biết dừng đủ. Người này có thể vào đạo của bậc Thánh hiền".

Vì sao? Chúng sanh sống trong cõi ác, trãi qua vô lượng kiếp, thiếu thốn cơm ăn áo mặc, nên kêu gào đói lạnh rất thảm thiết, thân như da bọc xương. Nay tạm thời thiếu thốn, chưa được đầy đủ, chưa đáng cho là khổ. Thế nên người trí, quý giáo pháp, mà xem nhẹ thân, để cầu đạo, không đoái hoài đến thân mạng. Đây gọi là Tịnh tu ba nghiệp.

Suy nghĩ cho thật sâu xa bốn lỗi của miệng, vì là nguồn gốc của sanh tử, tăng trưởng các tội ác, mất đi muôn hạnh, việc khen chê, phải quấy của thế gian. Thế nên người trí, muốn ra khỏi cội nguồn sinh tử, phải đoạn trừ hư vọng, nên tu bốn thật ngữ là chính trực, nhu nhuyến, hòa hợp và chân thật. Tứ chánh ngữ đây là việc làm của người trí, phải như thế nào?

Vì sao? Người có lời nói ngay thẳng có thể đoạn trừ lời nói thêu dệt. Lời nói nhu hòa có thể trừ lời nói ác. Lời nói hòa hợp có thể trừ được lời nói hai chiều. Lời nói như thật ngữ có thể trừ được lời nói dối.

Lời ngay thẳng có hai:

1. Lời nói đúng pháp khiến mọi người nghe có lòng tin hiểu rõ ràng.

2. Khi nói nghĩa lý khiến mọi người nghe trừ hết lòng nghi hoặc.

Lời nói dịu dàng cũng có hai:

1. Người có lời nói an ủi khuyên giải, khiến người nghe hoan hỉ thích gần gũi.

2. Tiếng cung thương thanh nhã, khiến người nghe đều yêu thích học tập.

Lời nói hòa hợp có hai:

1. Sự việc cần phải có sự hòa hợp, nên khi thấy người tranh đấu, nên khuyên bảo, khiến họ xả bỏ, không tự khen ngợi, hạ thấp mình mà

tôn trọng người.

2. Người hoà hợp về lý, nên khi thấy người thoái tâm Bồ-đề, thì ân cần khuyên giải phải chuyên cần tinh tấn. Lại phân biệt Bồ-đề hay phiền não, là một tướng bình đẳng.

Lời nói đúng như thật có hai:

1. Sự việc thật, như có thì nói có, không thì nói không, đúng thì nói đúng, quấy thì nói quấy.

2. Lý thật, nghĩa là chúng sanh đều có Phật tánh. Niết Bàn Như Lai thường trụ không thay đổi.

Cho nên người trí hành được bốn thật ngữ này và quán các chúng sanh kia trãi qua nhiều kiếp xa xưa đến nay, vì bốn lỗi này làm cho điên đảo trầm luân trong sanh tử khó ra khỏi. Vì vậy chúng ta nay muốn nhổ nguồn gốc đó, nên quán sát khẩu nghiệp được phát ra từ miệng, răng, lưỡi, yết hầu, rốn là do gió thức dao động, nên âm thanh phát ra tiếng nói. Do tâm làm nhân duyên, nên lời nói dối thật khác nhau, điều thật có lợi ích, còn hư vọng chỉ hao tổn thân mạng. Thật thì khởi ra thiện căn, hư thì sanh ra các điều ác". Vì vậy, căn bản thiện ác, do nơi miệng nói thiện. Miệng nói toàn lời chân thiện, gồm có tứ chánh. Miệng nói lời ác gồm có tứ tà. Tà dẫn đến đau khổ, thiện trở về an vui. Thiện giúp duyên cho đạo, ác chỉ làm bại đạo. Cho nên người trí điều quan trọng là tâm phải nói lời chân thật, nói ra cho đúng, tụng kinh và niệm Phật, quán sát thật tướng của lời nói, vì lời nói không tồn tại, nói năng im lặng đều bình đẳng. Thế nên gọi là "Tịnh tu nghiệp khẩu thanh tịnh".

Sao gọi tu ý nghiệp thanh tịnh?

Do niệm tà làm nhân duyên hay sanh ra muôn điều ác. Nhờ chánh quán làm nhân duyên hay khởi lên vạn điều thiện.

Kinh nói: "Trong ba cõi không có pháp riêng, chỉ do tâm tạo ra, nên biết tâm là nguồn gốc của vạn pháp.

Thế nào là tà niệm? Vô minh chẳng rõ, lại còn chấp lầm lấy nó làm ngã. Ngã kiến kiên cố, tham đắm, sân hận, tà kiến, chấp càn ngoại cảnh, nên sanh ra các nhiễm đắm".

Kinh nói: "Vì có ngã nên có ngã sở, nhân có ngã sở sinh ra 62 tà kiến, 62 kiến chấp đoạn thường, 98 Kiến chấp. Kiến hoặc và Tư hoặc nối tiếp nhau, có 98 Kiết sử, sinh tử trong ba cõi luân hồi không dứt. Tà niệm là căn bản các điều ác. Thế nên người trí chế ngự không được theo.

Thế nào là người và ta không có khác nhau, sắc và tâm cũng không có khác. Tính Bồ-đề và Phiền não cũng không khác, nên Sinh tử

và Niết bàn bình đẳng nhất như.

Kinh nói: "Lìa ngã và ngã sở, quán tướng bình đẳng thì thấy ta và Niết bàn cả hai thảy đều không. Nên biết các pháp chỉ là danh tự mà thôi".

Kinh nói: "Cho dù là Niết bàn chỉ có tên gọi mà thôi". Lại nói:

- "tánh văn tự vốn không, nên danh tự cũng không có. Vì sao vậy? Các pháp tự nó không có tên gọi, chỉ mượn tên gọi để giải thích các pháp, các pháp đã chẳng phải pháp, nên danh tự cũng chẳng phải danh tự. Danh tự chẳng hợp với pháp, các pháp đều chẳng hợp với danh tự, nên tên gọi không có, vì tất cả thảy đều không tịch vậy".

Kinh nói: "Các pháp đã không có danh tự, ngôn ngữ thảy đều dứt hết, vì thế tướng vi diệu tuyệt nhiên không có tên gọi, danh tự của chân như cũng không có danh tự, vì sao vậy? Vô vi tịch diệt, cùng tột vi diệu thì không còn tướng, tuyệt cả danh tự, tâm và ngôn tự thảy đều dứt. Phải biết đó là điểm quan yếu của sự về nguồn chánh quán. Vì thế người trí dùng chánh quán làm nhân duyên để tình hoặc trên thế gian thảy đều dứt, cảnh và trí cả hai thảy đều quên, nguồn tâm được thanh tịnh, nên gọi tu nghiệp thanh tịnh".

Bốn điều luận bàn ở trên, nêu trong bốn Oai nghi, đồng thời lục căn đối cảnh tùy duyên liễu đạt, chính là tu tập theo thứ bậc mà vào đạo là như thế.

CHƯƠNG THỨ TƯ: BÀI TỤNG XA MA THA

Khéo léo lúc dụng tâm
Khéo léo không tâm dụng
Không tâm khéo léo dụng
Thường dụng khéo léo không.

Niệm chẳng bặt thì trần chẳng dứt, trần chẳng dứt thì niệm chẳng bặt. Trần quên là do dứt niệm, niệm dứt là do quyên trần mà dứt. Do dứt trần mà bặt niệm, nên dứt mà không có chủ thể dứt; do bặt niệm mà dứt trần, nên dứt mà không có đối tượng để dứt. Dứt mà không có đối tượng để dứt thì trần tiêu, chẳng còn đối cảnh; dứt mà không có chủ thể dứt thì niệm diệt, chẳng còn chủ thể hay biết. Biết đã diệt, đối cảnh cũng không, thì hiển bày diệu tánh tự nhiên, hoàn toàn vắng lặng, rỗng rang không nương gá. Như lửa gặp khoảng không thì lửa tự tắt. Khoảng không dụ cho diệu tánh chẳng phải tướng, lửa tắt dụ cho vọng niệm không sanh. Có lời ghi:

Quên duyên rồi thì lặng lặng.

Tánh linh tri hiện rõ ràng.
Vô ký tối tăm tỏ rõ.
Hợp chơn vốn không rành rành.
Tỉnh tỉnh mà lặng lặng thì phải
Lặng lặng mà vô ký thì sai.
Lặng lặng mà tỉnh tỉnh thì phải.
Tỉnh tỉnh mà loạn tưởng thì sai.

Nếu dùng cái biết để biết cảnh giới lặng lặng, thì biết đó chẳng phải cái biết không duyên. Như tay cầm hạt châu như ý thì chẳng phải trên tay không có cây như ý. Nếu cái tự biết để biết được cảnh giới lặng lặng, thì cũng chẳng phải cái không duyên. Như bàn tay nắm lại chẳng phải là không có nắm tay. Như vậy, cũng chẳng phải dùng cái biết để biết lặng, cũng chẳng tự biết cái biết, thì không thể nói là không biết, vì tự tánh hiển nhiên như thế, nên nói chẳng đồng với gỗ đá. Như tay chẳng cầm châu như ý, cũng chẳng tự nắm lại thành cái nắm tay, nhưng cũng thể nói không có tay, vì rõ ràng có tay nên chẳng đồng với lông rùa, sừng thỏ.

Thứ tự tu tâm: Hễ dùng cái biết để biết vật thì vật và cái biết cùng tồn tại. Nếu dùng cái biết để biết cái biết, đã biết cái biết thì lìa được vật, vật tuy lìa được, nhưng cái biết hãy còn. Khởi cái biết để biết cái biết, lúc cái biết sau vừa sanh thì cái biết trước diệt. Hai cái biết không đồng thời tồn tại, chỉ vì cái biết trước diệt, ngay nơi chỗ diệt lại là cảnh được biết, nên năng sở đều chẳng chân thật. Cái biết trước diệt để dẫn sanh cái biết sau, cái biết sau sanh lại tiếp tục diệt. Đó chính là đạo lý luân hồi.

Nay nói đến biết thì không cần biết cái biết (năng tri), chỉ cần biết mà thôi. Biết trước nó không diệt, biết sau không dẫn khởi cái trên, niệm trước sau tiếp nối sinh diệt, giữa tự cô lập. Đương Thể không thấy chỗ nương gá, tức thời tiêu diệt. Biết Thể đã diệt, hoát nhiên như nắm bắt hư không, phút chốc vắng lặng, chỉ có giác vô sở đắc, tức là giác mà không giác, Giác mà không Giác, khác gì gỗ, đá. Đây là chỗ bắt đầu dụng tâm cần phải dứt bặt tư lự, đồng như người chết, năng sở liền quyên, hết sạch thức duyên, tịch tĩnh vắng không. Vắng lặng tợ như không biết mà biết, tính của cái không biết mà biết, khác với gỗ đá. Đây là cảnh giới sơ tâm, rất khó thể lãnh hội. Khi mới nhập sơ tâm, không nên có ba việc.

1. Ác: Nghĩa là suy nghĩ về nhân duyên ngũ dục ở thế gian.

2. Thiện: Nghĩa là suy nghĩ các việc thiện của thế gian

3. Vô ký: Nghĩa là không suy nghĩ việc thiện ác, không trụ vào chỗ u mê

Trong giới cũng cần phải đầy đủ ba pháp:

1- Nhiếp luật nghi giới: Nghĩa là đoạn trừ tất cả các việc ác.

2- Nhiếp thiện pháp giới: Nghĩa là tất cả các việc thiện.

3- Nhiêu ích hữu tình giới: Nghĩa là thệ nguyện độ hết thảy chúng sanh.

Trong Định cũng cần phải có ba việc cần biết:

1- An trụ định: Nghĩa là diệu tánh tự nhiên vốn không dao động.

2- Dẫn khởi định: Nghĩa là lắng tâm tịch tĩnh, dứt vọng, trí tuệ phát sáng.

3- Biện sự định: Nghĩa là khi định đã được lắng trong, soi tỏ muôn trượng.

Trong Huệ phải đầy đủ ba thứ phân biệt:

1- Nhân không huệ: Biết ngũ ấm không phải ngã, tức trong ngũ ấm cũng không có ngã như lông rùa sừng thỏ.

2- Pháp không huệ: Biết rõ ngũ ấm bằng các pháp duyên giả không thật, như cảnh tượng trăng trong nước.

3- Không không huệ: Biết rõ được cảnh và trí thảy đều không, không này cũng là không.

Kiến cũng phải đầy đủ ba thứ:

1- Không kiến: Thấy không nhưng cái thấy không phải là không.

2- Bất không kiến: Thấy có nhưng cái thấy chẳng phải không.

3- Tánh không kiến: Thấy tự tánh mà cái thấy chẳng phải tánh.

Trong Thiên cũng có ba điều phải chọn:

1- Có pháp thân không có Bát-nhã và giải thoát.

2- Có Bát-nhã không có giải thoát và Pháp thân

3- Có giải thoát, không Pháp thân và Bát-nhã.

Có một thiếu hai, nên không tròn đầy, không tròn đầy nên chẳng phải tánh.

Lại có ba điều cần phải chọn:

1- Có Pháp thân và Bát-nhã, không có giải thoát.

2- Có Bát-nhã và giải thoát, không có Pháp thân.

3- Có giải thoát và Pháp thân, không có Bát-nhã.

Có hai thiếu một nên không tròn đầy, không tròn đầy nên không phải tánh.

Trong Viên này cũng có ba điều cần phải xem:

1- Pháp thân không si tức Bát-nhã. Bát-nhã không chấp tức giải

thoát. Giải thoát tịch diệt tức pháp thân.

2- Bát-nhã không chấp tức giải thoát: Giải thoát tịch diệt tức pháp thân, pháp thân không si tức Bát-nhã.

3- Giải thoát tịch diệt tức pháp thân: Pháp thân bất si tức Bát-nhã. Bát-nhã không chấp tức giải thoát.

Nêu lên một tức đủ cả ba: Nói ba Thể tức là một. Ba đức trong nhân đây không phải ba đức trên quả, muốn biết ba đức trên quả: Pháp thân có đoạn đức, nhờ dứt hoặc để bày đức, nên gọi là đoạn đức. Tự thọ dụng thân có trí đức, vì đầy đủ công đức chân thật của bốn trí. Tha thọ dụng thân và Hóa thân có đại ân đức vì tha thọ dụng thân ban ân đức cho hàng Thập địa Bồ tát, vì ba thứ hoá thân đối với hàng Bồ tát, Nhị thừa và loài dị sanh có ân đức.

Ba Đế bốn trí, ngoại trừ Thành sở tác trí duyên Tục đế. Nhưng pháp không có sâu cạn, nhưng chiếu soi thì có sáng có tối. Tâm không có dơ sạch, nhưng vì hiển bày nên có mê có ngộ. Kẻ sơ tâm mê đâu chẳng phải cạn, cuối cùng khế hợp lý mới biết đâu chẳng phải sâu. Mê tâm mất lý tự nó sai lầm, tâm ngộ thì hết sai mà tức lý. Mê và ngộ đồng lý ấy, nên có tên gọi Tiệm thứ.

Lại nữa người mới nhập sơ tâm, sau khi vào cửa phải biết 5 niệm:

1- Khởi niệm

2- Xuyên suốt học tập

3- Tiếp nối

4- Biệt sanh

5- Tức tịnh.

Khởi niệm: Nghĩa là khởi tâm tư duy về ngũ dục ở thế gian và mọi việc.

Xuyên suốt học tập: Nghĩa là khi vô tâm là thường nghĩ nhớ và suy tư về các việc thiện ác.

Tâm niệm luôn tiếp nối: Nghĩa là khi học tập bổng nhiên tâm trí muốn dong ruỗi tán loạn, không chế ngự được mình, nên tiếp tục như trước, tư duy không được định.

Niệm biệt sanh: Nghĩa là phần niệm trước bị tán loạn, nên sanh ra hổ thẹn muốn sữa đổi.

Niệm thanh tịnh: Nghĩa là lúc đầu ngồi không phát sinh việc thiện ác thế gian, không ghi nhớ các việc, tức là mọi việc thành công trong đời. Cho nên là ngay nơi ấy liền được tịch tĩnh.

Người sơ tâm phần nhiều có một niệm biệt sanh. Người giải đãi

có hai niệm tiếp tục và cố khởi. Người hay hổ thẹn phần nhiều có một niệm biệt sanh. Người tinh tấn thường có một niệm tức tịnh. Bốn niệm quán tập, tiếp tục, cố khời và biệt sanh là bệnh. Một niệm tức tịnh là thuốc. Tuy thuốc và bệnh có khác nhau nhưng đều gọi chung là niệm. Lúc năm niệm này ngừng dứt gọi là nhất niệm tương ưng. Nhất niệm nghiã là tự tánh linh tri, nhưng năm niệm này là một trong năm niệm. Nhất niệm là căn bản của năm niệm ấy.

Lại nữa, nếu như lúc nhất niệm tương ưng cho nên phải biết sáu điều sau đây cần cân nhắc:

Một là biết bệnh.

Hai là biết thuốc.

Ba là biết cách đối trị.

Bốn là biết phát sinh ra lỗi.

Năm là biết thị phi.

Thứ sáu việc chánh trợ.

1 - *Bệnh có hai thứ:* Một là duyên lự. Hai là vô ký.

Duyên lự nghĩa là có hai niệm thiện và niệm ác, tuy khác nhau, nhưng đều không được giải thoát, nên gom chung lại là duyên lự.

Vô ký nghĩa là không có duyên theo việc thiện ác, nhưng cả hai đều không phải là chơn tâm, chỉ là hôn trầm, hai thứ này đều gọi là bệnh.

2- *Thuốc cũng có hai thứ:* Một là tịch tịnh. Hai là tĩnh tĩnh.

- Tịch tịch: Nghĩa là không có nghĩ đến việc thiện ác cảnh bên ngoài.

- Tĩnh tĩnh: Nghĩa là không sanh các tướng hôn trầm vô ký. Hai thứ này đều gọi là thuốc.

3- *Đối trị:* Nghĩa là dùng tịch tịch để đối trị duyên lự. Dùng tĩnh tĩnh để đối trị hôn trầm. Dùng hai thuốc này để đối trị hai cái bệnh kia. Cho nên gọi là Đối trị.

4- *Quá sinh:* Nghĩa là tịch tịch lâu sinh ra hôn trầm, còn tĩnh tĩnh lâu sinh ra duyên lự, vì thuốc phát sinh ra bệnh, nên gọi là lỗi sinh.

5- *Biết thị phi:* Nghĩa là tịch tịch không tĩnh tĩnh, đây là hôn trầm, còn tĩnh tĩnh không tịch tịch, đây duyên theo lự. Không tĩnh tĩnh, không tịch tịch, ở đây không chỉ duyên lự, mà còn hôn trầm, vừa tịch tịch, vừa tĩnh tĩnh, chẳng những sáng suốt mà còn yên lặng, đây trở về cội nguồn diệu tính vậy. Bốn câu đây, có ba câu trước là sai, câu sau đúng, cho nên nói biết thị phi.

6 - *Chánh trợ:* Lấy tĩnh tĩnh là chính. Tịch tịch là trợ. Hai hạnh

này, thể không lìa nhau, như người bệnh phải cầm gậy mà đi, việc đi là chính, còn gậy là trợ giúp. Người bệnh muốn đi trước hết nắm gậy, sau đó mới đi. Người tu tâm cũng như thế, trước tiên phải dứt hết tâm phan duyên để cho tâm tịch tịch, (không nghĩ đến việc thiện ác của ngoại cảnh) kế là phải tĩnh tĩnh (không sanh các tướng hôn trầm, vô ký), không đưa đến hôn trầm, khiến cho tâm sáng tỏ vừa lặng lặng. Sáng tỏ, lặng lặng, tuy có hai tên gọi nhưng cùng một bản thể [390c], lại không đồng thời. Ví như người bệnh muốn đi, thiếu gậy thì không đi được, lúc đi phải mượn gậy mới có thể đi được. Người công phu tu tập cũng như thế. Sáng tỏ, lặng lặng cả hai phải cùng lúc, lại có hai tên gọi, nhưng Thể nó không khác. Lại nói loạn tưởng là bệnh, còn vô ký cũng là bệnh. Tịch tịch là thuốc, tịch tịch phá loạn tưởng, tĩnh tĩnh, nhưng tỉnh giác thì trị bệnh vô ký, rồi sanh loạn tưởng, tuy tịch tịch có thể trị loạn tưởng, nhưng rồi trở lại sinh vô ký. Tĩnh tĩnh có thể trị bệnh vô ký, nên nói tĩnh tĩnh, tịch tịch là vô ký. Tịch tịch không phải tịch tịch, thì tĩnh tĩnh đúng, loạn tưởng tĩnh tĩnh là sai, tịch tịch là trợ giúp, tĩnh tĩnh là chính, xét kỹ những điều ấy, sau đó liệu giản (sáu thứ liệu giản: thức bệnh, thức dược, thức đối trị, thức quá sanh, thức thị phi, thức chánh trợ) phải biết rõ năm ấm trong một niệm, nghiã là phải phân biệt rõ ràng, biết rõ tâm tương ưng, tức là thức ấm, lãnh nạp trong tâm tức là thọ ấm. Tâm duyên theo lý tức là tưởng ấm, thực hành theo lý này tức là hành ấm. Chân tính ô nhiễm tức là sắc ấm. Năm ấm này chỉ nêu lên tâm thể năm ấm ấy, tức là một niệm. Một niệm đây thể thì toàn thể là ngũ ấm, thấy rõ ràng trong một niệm này, không có chủ tể tức là Nhân không huệ, thấy huyễn hóa tức là Pháp không huệ. Thế nên phải biết năm ấm và sáu thứ phân biệt chọn lựa, xin đừng nghi ngờ nó, như muốn lấy vàng thật, chỉ cần chọn lựa riêng đá sỏi và vàng giả, dầu không biết là vàng thật, nhưng bản chất tự nó thể hiện ra, lo gì mà không được.

CHƯƠNG THỨ NĂM: BÀI TỤNG TỲ BÀ XÁ NA

Cảnh vật không có trí làm sao hiểu rõ, trí không do cảnh thì trí cũng không sanh. Trí sanh ra mới biết cảnh, là sinh. Còn biết cảnh là do trí mới sanh mà biết. Trí sinh mà biết, thì biết không có cái để biết, biết cảnh mà sinh, nên sinh không thể không sinh, tuy có trí mà chẳng phải có, biết mà không có bị biết, tuy cảnh mà chẳng phải không. Không tức không, có tức chẳng có, có và không, cả hai so ra, có sự diệu ngộ hiển nhiên, như lửa gặp củi càng tăng thêm sức cháy mạnh, củi dụ cho nhiều cảnh thì phát sinh trí. Lửa dụ cho diệu trí biết cảnh. Lại nói:

Đạt "Tính không" thì không bị trói buộc.
Tuy mượn cái giả nhưng không chấp vào.
Cảnh có và không cả hai cùng chiếu soi.
Tâm trung quán theo thứ bậc dừng lại.

Nếu như trí biết cảnh tức là "Cảnh không". Trí biết cảnh không, như mắt thấy hoa không, là mắt biết hoa không. Nếu trí biết được trí, tức là trí biết trí không, như mắt thấy con mắt không là biết mắt không. Trí biết cảnh không và biết trí không, nhưng chẳng phải không trí [391a] biết cảnh, cảnh không trí, vẫn có. Trí biết cảnh không và trí không, nên không có cảnh nào trí không biết rõ, như mắt thấy hoa là không và cho cái thấy không này thấy rõ được hoa, hoa thấy là không giống như có. Mắt biết hoa không và mắt không, nên có hoa nào mà mắt chẳng biết.

Tất cả các pháp đều do nhân duyên, đều do vay mượn. Nhân duyên sanh ra nên đều không có tự tánh. Một pháp đã vậy, muôn pháp cũng như vậy. Cảnh và trí đi theo nhau, làm sao được tịch tĩnh. Vì sao ? Vì pháp nhân duyên tánh không sai biệt. Ngay trong tam giới luân hồi, trong sáu nẻo lên xuống, cõi tịnh hay uế, khổ hay vui, phàm và thánh thảy đều khác nhau đều do ba nghiệp, lục căn đối cảnh. Do tình tạo nghiệp, quả báo không đồng, thiện thì quả báo an vui, ác thì nghiệp báo đau khổ.

Kinh nói: "Thiện ác là nhân, khổ vui là quả, phải biết các pháp không có tướng nhất định, tùy duyên tập hợp cầu thành, duyên không do ngã, nên gọi là tánh không, vì không nên chẳng phải khác, do đó muôn pháp cũng đều như vậy".

Kinh nói: "Sắc tức là không, bốn ấm cũng đều như thế, như vậy không riêng gì loài phàm tục có duyên sanh mà hàng tam thừa thánh quả, cũng đều do nhân duyên mà có".

Kinh nói: "Chủng tử Phật do nhân duyên khởi, do nhiều cơ hội tụ lại mới thành được, do vậy muốn đạt được đâu chẳng phải đạo tràng, nhưng hình sắc thì không giới hạn, khi ngộ rồi đâu chẳng phải gì là Bát-nhã".

Kinh nói: "Sắc không có giới hạn, nên biết Bát-nhã cũng không có giới hạn. Vì sao vậy? Vì cảnh không có trí thì không biết, trí mà không cảnh thì trí không sanh. Trí sanh thì biết cảnh nên sanh, biết cảnh thì trí sanh mà biết. Trí sanh mà biết, biết không có cái để biết. Biết cảnh mà sanh, sanh không có cái hay sanh, sanh không có cái hay sanh thì trí bên trong mới tịch tĩnh. Biết không có cảnh bị biết, thì ngoại cảnh như như. Như như tịch tĩnh không khác nhau, thì cảnh và trí đều sáng tỏ, vạn pháp

thảy đều tiêu tan, chỉ tồn tại phần “Diệu chỉ” mà thôi.

Kinh nói: “Bát-nhã không biết, mà không có cái không biết”. Như thế thì diệu chỉ cũng không biết, không biết mà biết vậy”.

CHƯƠNG THỨ SÁU: BÀI TỤNG ƯU TẤT XOA.

Định và loạn có sự phân biệt rõ ràng. Động và tịnh vốn không có hai. Ngu và huệ lý trái nghịch, nhưng gốc sáng tối không có gì khác. Bởi vì người mê thì theo hướng tối tăm đi ngược lại ánh sáng, như bỏ tịch tĩnh mà đi tìm cái động. Ngộ thì bỏ cái động đi tìm cái tĩnh, bỏ sự u mê ám chướng đi tìm ánh sáng. Vậy ánh sáng thì chuyển ngu thành huệ, tịnh sinh ra thì dứt loạn mà thành định. Định có là do lìa bỏ động, huệ phát sinh là do bỏ đi sự u mê ám chướng. Si mê và huệ trong lồng phiền não. Tướng tịnh và ánh sáng hướng về nơi vật làm tiêu biểu. Vật thì không có ngu là do công của huệ, phiền não không có loạn chỉ do công sức nơi định [391b]. Định huệ lại giúp cho sự yên lặng sáng suốt, ngu si và não loạn thuộc tối tăm và dao động. Động có thể tịnh, loạn có thể định, tối tăm có thể sáng, ngu vẫn có huệ. Như vậy tối tăm và động tịnh không khác nhau. Tịch tĩnh và sáng suốt hợp với đạo, còn ngu si và loạn tưởng chẳng khác, định huệ do đó đồng một tông chỉ. Tông đồng này không do duyên. Định huệ thì tịch mà thường chiếu, tịch mà thường chiếu thì cả hai cùng khởi, không do duyên mà cả hai cùng mất, cùng mất thì gọi Ưu Tất Xoa, cả hai cùng khởi thì gọi Tỳ Bà (quán) Xá Ma (chỉ), do Xa Ma tha (chỉ), tuy tịch tĩnh thường chiếu, vì Tỳ Bà Xá Na (quán), tuy chiếu mà thường tich, vì Ưu tất Xoa (thiền) chẳng phải thường chiếu chẳng phải thường tịch. Vì thường chiếu, thường tịch cho nên nói chơn đế tức tục đế, chẳng phải tịch chẳng phải chiếu biết dừng lại ở Tỳ da (pháp môn bất nhị “im lặng”trong kinh Duy ma cật)

Lại nữa còn có mười môn Tâm quán.

1- Nói về các pháp nhĩ.

2- Nêu ra “Quán thể”.

3- Nói về sự tương ưng.

4- Răn bảo tâm tăng thượng.

5- khuyên bảo sự lười nhác, xao lãng.

6- Nêu lại “Quán thể”.

7- Nói về việc đúng sai.

8- chọn lựa thuyên chỉ.

9- Tiếp xúc cảnh thành quán.

10- Khế hợp với huyền cơ.

1- *Nói về các pháp nhĩ:* Phàm tâm rỗng thì được thông suốt. Nguồn động tĩnh không có hai. Chơn như dứt sự suy lường, nếu niệm lo toan thì niệm không dứt, vì thấy còn nhiều nghi ngờ, sự rốt ráo là tịch tĩnh. Nguồn chơn tâm không hình thái, nhưng xét ra có ngàn muôn sai khác, sự khác nhau không đồng, nên lập ra tên gọi pháp nhãn. Tịch tĩnh không khác nên huệ nhãn tồn tại. Cả hai lý và lượng đều mất, Phật nhãn công hạnh tròn đầy. Vì thế ba cõi chỉ một cảnh, lý pháp thân thường thanh tịnh. Tam trí mà chỉ cần nhất tâm, thì Bát-nhã chiếu soi. Cảnh và trí sâu xa được dung hợp, nên pháp giải thoát tùy cơ, chẳng dọc ngang mà giáo pháp tròn đầy thì sự lĩnh hội được huyền diệu. Cho nên biết diệu tánh của tam đức sâu xa dung hợp, vì thế tâm sâu rộng khó suy lường, thì đâu có cái gì chẳng phải là đường giải thoát. Do đó tâm tức đạo, có thể lần theo dòng mà tìm được về nguồn chơn lý vậy.

2- *Nêu ra quán thể:* Nghĩa là chỉ nhất tâm tức không mà chẳng không, chẳng không mà chẳng phải không

3- *Nói về sự tương ưng:* Tâm cùng với không tương ưng thì được khen chê, đâu có vui buồn. Thân cùng với không tương ưng, khi bị dao cắt hay xoa hương thơm, thì có gì khổ có gì vui. Y báo cùng với không tương ưng, khi được bố thí hay bị cướp đoạt, thì đâu có được mất.

Tâm cùng với không tương ưng, thì ái kiến thảy đều bỏ hết, lòng từ bi được ban khắp tất cả. Thân cùng không mà chẳng không tương ưng, thì trong lòng như cây khô, bên ngoài thì hiện tướng oai nghi [391c]. Y báo cùng không mà chẳng không tương ưng, thì vĩnh viễn dứt được sự tham cầu, đem tiền của giúp người.

Tâm cùng không mà chẳng không, chẳng không mà chẳng phải không tương ưng, thì thật tướng mới rõ ràng, được khai mở tri kiến Phật. Thân cùng không mà chẳng không, chẳng không mà chẳng phải chẳng không tương ưng, thì một trần thảy đều khởi. Y báo cùng không mà chẳng không, chẳng không mà chẳng phải chẳng không tương ưng, thì hương đài bảo cát cõi Tịnh độ trang nghiêm được hóa sanh ra.

4- *Khuyên bảo người tăng thượng mạn:*

Nếu chưa được như trên thì chưa được tương ưng.

5- *Khuyên bảo sự biếng lười xao lãng:*

Qua sông cần phải lên thuyền, không có thuyền làm sao qua sông. Vì vậy tu cần phải nhập vào chánh quán, không có thiền quán thì tâm không sáng, tâm chưa sáng làm sao tương ưng như phần trước. Suy nghĩ kỹ những điều ấy chớ có ỷ lại.

6- *Nêu lại quán thể:*

Nhất niệm tức là không bất không, phi hữu phi vô, chẳng biết tức niệm, tức không bất không, phi phi hữu vô phi phi vô.

7- *Nói về thị phi:*

Tâm không phải có, tâm không phải không. Tâm không phải phi hữu, tâm không phải phi vô. Là có là không tức rơi vào cái thị. Phi hữu, phi vô tức rơi vào cái phi. Như vậy chỉ là cái phi (sai) của thị và phi, chưa phải là cái thị (phải) của phi thị và phi phi. Nay dùng cái phi để phá trừ hai cái thị, thị phá trừ phivẫn còn là phi. Lại dùng hai cái phi để phá trừ hai cái phi, phi phá phi phi tức là thị. Như vậy, chỉ có cái thị của phi thị và phi phi, chưa hải là bất phi bất bất phi, bất thị bất bất thị. Cái lầm về thị phi tinh vi không rõ, phải để tinh thần sáng suốt tịch tĩnh nghiên cứu kỹ những điều ấy.

8- *Chọn lựa thuyên chỉ:*

Tìm đến chân lý thì không dùng ngôn từ, chỉ mượn văn tự để nói về ý chỉ đó. Ý nghĩa ý chỉ và tông thú không phải do quán, trong kinh nói tu về quán là để lĩnh hội tông thú. Nếu như ý nghĩa chưa rõ, thì lời nói chưa có xác thực; nếu như tông chỉ chưa lĩnh hội được thì quán chưa sâu. Quán sâu mới lĩnh hội được tông thú ấy, lời nói có xác thực thì mình mới rõ được ý chỉ. Ý chỉ và tông thú được rõ ràng dễ lĩnh hội, thì lời nói và quán đâu còn tồn tại nữa.

9- *Tiếp xúc cảnh thành quán:*

Diễn bày bằng ngôn ngữ là để nêu lại quán thể là muốn nói rõ về tông thú và ý chỉ không có sự khác nhau. Lời nói và quán tùy nơi thay đổi. Tuy nói thay đổi nhưng ngôn và lý không sai, thay đổi quán thì quán và ý chỉ không thay đổi. Ý chỉ không sai tức là lý, lý không sai khác tức là tông. Tôn thú và ý là một nhưng hai tên gọi, mà lời nói và quán là để làm rõ sự dẫn giải ra đây.

10- *Khế hợp với huyền cơ:*

Khi hành giả tâm đã ngộ rồi, nhưng còn chấp vào quán và mê lý. Người đạt được giáo lý mà còn vướng mắc vào lời nói, mà lầm lý. Khi đã hiểu lý thì không dùng ngôn ngữ, còn gì để bàn luận, ý chỉ lĩnh hội nơi tâm nên hành cũng diệt, quán đâu có tâm suy luận, tâm ngôn không cần bàn luận, thì đâu còn gọi diệu lý khế hợp trong cõi này.

CHƯƠNG THỨ BẢY: THEO THỨ BẬC TAM THỪA

Đạo vi diệu thì lý nhứt nơi danh tướng, đến chân như tịch tĩnh, siêu vượt ra bên ngoài, năng không duyên nơi từ, tuỳ thao căn cơ mà cảm hoá. Tôn chỉ không có hai, chỉ duyên theo căn tính để phân biệt ,thuận

theo chúng sanh là còn vọng chấp, suốt ngày nói giống như là không nói giáo điều thì nhiều đường

CẤP BẬC CỦA TAM THỪA:

Phàm đạt đạo mầu nhiệm thì vi tế sâu xa, lý bặt sự biểu hiện của danh tướng. Chí chân rỗng rang vắng lặng, lượng vượt ra ngoài các số, mà có thể khởi lòng từ vô vô duyên tùy cơ cảm ứng. Chỉ thú bất nhị tùy theo căn tánh để phân chia. Thuận vật quyên mình, nên làm mà không làm, suốt ngày dạy bảo mà chẳng khác gì không nói, lập giáo nhiều đường mà chẳng trái một đạo. Vì vậy, Đại thánh từ bi ứng cơ lợi vật, gom về chỗ sâu kín, thì muôn kinh chẳng khác. Hàng trung hạ quán Tứ đế, Thập nhị nhân duyên mà tự thành tiểu, bậc cao thượng tu lục độ mà thành đại.

Do đó, hàng ngu mê không thể tự hiểu, hoặc nhân nghe nói mà ngộ giải nên hiệu là Thanh văn, nhân vì chỗ tu lấy tứ đế làm bản hạnh. Quán vô thường mà sanh sợ, nghĩ không tịch mà cầu an, sợ luân hồi trong lục đạo, ghét sanh tử của tam giới. Thấy khổ thường ôm lòng chán lìa, dứt tập hẳn sợ nó phát sanh, chứng diệt riêng khế hợp với vô vi, tu đạo chỉ luận đến tự độ. Tâm đại thệ chưa khắp, đạo nhiếp hoá không thực hành. Lục hòa kính rỗng không, lòng thương ba cõi chẳng vận dụng, nhân trái vạn hạnh, quả thiếu viên thường, lục độ chưa tu, chẳng phải tiểu thừ là gì ? Đó là đạo Thanh văn vậy.

Hoặc có người chẳng nhân người khác nói mà tự ngộ vô thường, ngẫu nhiên duyên tán mà thể hội được chân lý, nên gọi là Duyên giác, nguyên chỗ tu tập của các Ngài lấy thập nhị nhân duyên làm bản hạnh. Quán vô minh tức mà không, đạt các hành mà vô tác. Hai nhân đã chẳng phải nghiệp thì năm quả đâu còn báo. Ái thủ hữu không còn tỳ vết thì lão tử cũng đâu còn ràng buộc, nên có thể tức thì một mình giải thoát. Ở yên chỗ vắng vẻ, yên lặng quán vạn vật biến hóa mà ngộ lý vô thường, thấy thu tàn mà vào chân đạo. Bốn oai nghi trang nghiêm, nhiếp tâm lự để an vui, tánh thích ở một mình, ưa nghĩ nơi rừng vắng. Chẳng ưa thuyết pháp, chỉ hiện sức thần thông để hóa độ người. Vào lúc không có Phật xuất thế, các Ngài làm ngọn lửa tiếp nối Phật đăng. Thân chỉ ưa vắng lặng, ý thích trong sạch rỗng rang, ở một mình trên đỉnh núi hoang liêu, quán các duyên tan mất. Chẳng làm lợi ích khắp mọi người, tự lợi cũng chưa viên mãn. Đối với các bậc hạ thì có phần hơn, còn so với các bậc thượng thì chưa đủ, cả hai đều chẳng phải phẩm loại của các ngài, mà địa vị ở trung thừa, đấy là đạo của Bích Chi Phật vậy.

Như người căn tánh vốn sáng, công đức chứ nhóm nhiều đời, học

chẳng bà thiệp mà vẫn tự sanh được sự hiểu biết. Tâm không duyên bất cứ chỗ nào mà hay lợi vật; từ bi rất lới, chẳng bị ái kiến câu thúc, suốt ngày cứu độ. Nhất và dị đều đồng diệu, giải và hoặc đồng nguyên, nhân và pháp đều không, cho nên gọi là Bố tát. Nguyên vì hạnh tu của các Ngài lấy lục độ làm chánh nhân. Thực hành bố thí thì bỏ thân hết của trì giới thì kiết la (giới nhỏ) cũng không phạm; nhẫn hục thì thấu rõ vô ngã, cắt thân nào hại gì, an nhẫn sự khen chê, bát phong chẳng động; tinh tấn thì siêng năng cầu pháp, chí đạo như lửa cứu lửa cháy đầu, sự tu hành và giáo hóa người trong khoảng sát na cũng không gián đoạn; thiền na thì thân tâm yên lặng an ban vi tế, ở trong tịch định để tự nuôi thân, dùng bốn oai nghi để lợi vật; trí tuệ thì biết rõ duyên khởi tự tánh vô sanh, muôn pháp đều Như, nguồn tâm vắng lặng. Tuy phiền não không thể xã bỏ, Bồ-đề không thể nắm lấy mà có thể chẳng chứng vô vi, độ chúng sanh trong nhiều kiếp, rộng tu vạn hạnh, bình đẳng quan sát các loài, dưới đến tứ đế, thập nhị nhân duyên, trên gồm cả pháp bất cộng. Tâm đại thệ trùm khắp, đạo tứ nhiếp gồm thâu, lấy ba cõi làm nhà, bốn loài sanh làm con. Vận dụng hai thứ bi trí, hai thứ phước huệ trang nghiêm siêu việt Nhị thừa, riêng ở các bậc thượng, đó là đạo Đại thừa vậy.

Vì vậy, lý nhất chân theo căn tánh mà có thứ bậc sai khác, như được sự lợi ích tùy cơ, nên nói đủ cả ba thừa. Nhưng mà chí lý hư huyễn cùng tận đến chỗ vi diệu thì một chẳng còn có, huống là nói đến ba. Ba mà chẳng ba nên nói là ba, một mà chẳng một nên nói là một. Chẳng phải ba mà một, ba còn chẳng ba thì một mà ba, một cũng đâu có một. Một chẳng một tự chẳng phải ba, ba chẳng ba tự phải một. Chẳng phải một, một chẳng phải thì ba không còn. Chẳng phải ba, ba chẳng thì một chẳng lập. Một chẳng lập vốn chẳng phải ba, ba không còn vốn không có một. Một ba vốn không, cái không này cũng không, cái không không đó không có gốc nên diệu tuyệt. Như vậy thì một đâu bị phân, ba đâu được hợp, hợp phân là từ nơi người vậy, lý nào có khác với lời ư! Ví như có ba con thú qua sông, con sông vốn một, đâu có vì ba con thú mà hợp. Lại đâu vì riêng gì con sông chẳng phải vì thú mà hợp, mà thú cũng chẳng phải do sông mà phân. Sông còn chẳng thành ba con sông, đâu được lấy sông để hợp ba con thú. Thú còn chẳng thành một con thú, há được lấy thú mà thành sông. Sông chẳng phải thú nên đâu thể ba, thú chẳng phải sông nên âu thể một. Chỉ một con sông bao cả ba con thú mà sông chưa từng ba, ba con thú qua một con sông mà thú chưa từng một. Thú chẳng một con để biết chân của chúng có ngắn dài, sông chẳng phải ba để rõ nước kia không có cạn sâu. Nước không có sau cạn

ví như pháp không có sai khác, chân có dài ngắn là dụ cho trí của mỗi bậc có sáng tối khác nhau. Như vậy, pháp vốn không có ba mà người tự có ba hạng vậy.

Nay đây điểm khởi đầu của ba thừa thì tứđế được nêu lên trước hết. Pháp vốn đã không có sai khác, thì tứ đế thì đâu chẳng phải đại, mà nói rằng hàng Thanh văn quán nó địa vị lại ở bậc tiểu. Thế mới biết tứ đế tợ như sông, người ví như thú. Hàng Thanh văn kém nhất dụ như thỏ tuy ội qua sông mà chân không đến đáy, nên chưa có thể biết được chỗ sâu tột, địa vị các Ngài còn ở bậc thấp, đâu phải tất cả những người quán tứ đế đều thành tiểu. Như người người trí chiếu cao minh, lượng bằng voi lớn thì có thể tận nguồn cùng mé, hiển nhiên thành đại, cho nên biết kẻ hạ trí quán được quả Thanh văn, người trung trí quán thì được quả Duyên giác, bậc thượng trí quán thì được quả Bồ tát. Biết tông rõ ràng lẽ nào còn toan tính ư !

Vì thế, thanh văn thấy khổ mà dứt tập, Duyên giác ngộ tập tan rã mà quán ly, Bồ tát thấy rõ nguồn chân biết tập vốn không hòa hợp. Ba người cùng quán tứ đế nhưng chứng quả có khác nhau, bởi do quán có cạn sâu, đối chiếu hẳn có cao thấp. Vì vậy hạ thừa tu bậc hạ, chưa tu điều của bậc trung và thượng. Thượng thừa tu bậc thượng mà gồm tu cả trung hạ. Bậc trung tu trung hạ, chẳng tu được bậc thượng. Thượng trung hạ do người, chẳng phải tứ đế khiến người có có đại tiểu. Nhưng ba thừa dù khác mà cùng một điểm trọng yếu là thoát khổ. Thanh văn tuy tiểu, hoặc ái kiến đã trừ nên đối với ba cõi không còn lo âu, thân phần đoạn diệt vậy. Ba minh chiếu sáng tỏ tường nên việc trong tám vạn kiếp hiện tiền, sáu thông, mặc ý vô vi nên có thể đi xuyên quavách núi. Có lúc đi đứng trên không, hoặc an nhiên ngồi nằm, đi trên nước nhẹ như lông hồng, bước trên đất như đi trên nước, công năng cửu định đầy đủ, mười tám thứ biến hóa tùy tâm. Nhưng trong ba tạng nói Phật là nhìn trên địa vị sáu căn thanh tịnh, nên có bằng có kém. Phật còn là kém, Nhị thừa khá biết. Nhìn lên đoạn và phục tuy khác, ở dưới có sự cách biệt ngộ và mê. Như vậy, Nhị thừa có lỗi gì mà chẳng muốn tu.! Đức Như Lai vì đối với hàng đại căn muốn dẫn họ về bảo sơ, khiến tu chủng trí đồng khế hợp với chữ y viên mãn, đương thời hoặc có khen hay chê, đề cao hay hạ thấp. Hàng phàm phu chẳng biết, rồi lại sợ bị quở, nhưng họ đâu biết mình ái kiến hãy còn, nên còn cách hàng Nhị thừa xa lắm. Tuy cũng nói đến tu đạo nhưng các hoặc sử chưa bỏ, chẳng những thân và miệng chưa đoan chánh cũng là do tâm siểm khúc. Kiến sanh từ nơi ý nên giải trái với chân thuyên, chẳng y theo Thánh giáo, chưa từng học

hỏi bậc minh sư. Căn duyên chẳng phải chỉ huân tập từ đời trước, kiến giải chưa dự vào hàng sanh tri, mà có khả năng thế trí biện thông đàm luận suốt ngày, có lúc ấy lời trong kinh bẻ cong theo cái hiểu của mình, luông tuồng nói bậy để dối kẻ ngu, bài bác nhân quả tội phước. Thuận tình thỏa thích sanh yêu, nghịch ý bực bội ôm giận, hình trạng của ba thọ còn nguyên mà tự xưng địa vị đồng hàng Bồ tát. Các lỗi đã trình bày ở chương đầu chưa dứt thì chúng hãy còn trói buộc người. Pháp đại thừa chưa tu mà dám chê bậc tiểu học, nói cho sướng mồm một lúc, cái họa chê bai đành rành, ba đường khổ luân chịu báo nhiều kiếp. Ôi! Thật đáng thương thay ! Nói đến lòng thêm chua xót.

Nhưng mà người đạt tánh đối cảnh, cảnh càng thêm soi chiếu, bậc quyên tâm cùng với điều thiện chẳng có bận lòng, huống chi lỗi lầm sai quấy của ba nghiệp đâu để trong tâm một điểm trần. Vì vậy bậc đã soi thấy đạo huyền thì ba thọ (khổ thọ, lạc thọ, xả thọ) đã sạch ở nguồn tâm, hàng tẩy uế đã tảo trừ, bảy chi của thân miệng. Đối với loài vô tình thì không phạm hạt bụi chiếc lá, đối với loài hữu thức thì không phiền đến bọ đến sâu, khe sâu chưa đủ trong để sánh vời các Ngài, tuyết bay chẳng đủ sạch để so với các bậc ấy. Mến đức như chim tung cánh muốn bay cao tột đến trăng sao, bỏ ác như cá sợ câu lặn sâu đến tận đáy sông biển. Ánh sáng huyền diệu của mặt trời cũng hổ với sự chiếu xa của trí, thượng thẹn cùng ba cõi duyên tiêu. Cảnh trí hợp để rỗng không tròn đầy, định tuệ quân bình để ngang nhau một caách mầu nhiệm. Ruộng dâu dầu đổi nhưng tâm vẫn không dời, núi biển có dời nhưng chì vẫn không đổi, mà có thể ở chỗ huyên náo ngưng thần soi chiếu, nguồn tâm sáng sạch tuệ giải vô cùng. Quán pháp tánh để được chân như, xem lời Phật để y theo liễu nghĩa. Như vậy, trong nhất niệm pháp môn nào chẳng đủ. Bằng như người diệu tuệ chưa bày, tâm không chuẩn đích, giải chẳng hợp lý, hạnh thiếu siêu trần, trái pháp tánh mà thuận phàm tình, bỏ viên thuyên mà chấp quyền thuyết. Thế nên theo thứ lớp tùy cơ, đối căn mà lập giáo.

Chương này chỉ nói đến giềng mối, còn những chi tiết khác bỏ qua chưa bàn đến. Đường lối tông môn có cạn có sâu, nay chỉ nói sơ lược về chỉ thú của nó, cái học của ba thừa có ảnh hưởng là cho biết được phần vị của nó vậy.

CHƯƠNG THỨ TÁM: SỰ LÝ KHÔNG HAI

Phàm diệu ngộ thông đường thì núi sông chẳng lấp, mê danh trệ tướng thì mảy lông cũng thành cách ngăn. Nhưng bổn nguyên của vạn

pháp từ nơi thật tướng mà ra, trần sa hoặc đến nguồn là chân tông. Cho nên vạn tượng không bờ, Bát-nhã không bến, vì pháp tánh ấy vốn chân, liễu đạt thành trí. Ví nhưngười biết đường thì muôn dặm có thể đến nơi. Như người chạm vật, thông ngòi thì suốt ngày bị giam trong giới hạn, vì họ chẳng biết vật có cái bờ vô hình, ngòi có cái mé rỗng không cùng tột. Vì vậy học trung đạo mới hy vọng được thật tướng, như người chấp hữu trệ vô thì rốt cuộc quy về biên kiến, vì họ chẳng biết cái tướng có, có chẳng phải có, cái thật không có, chẳng phải không. Nay đây sắc tượng lăng xăng, xét đến cùng thì nó chẳng phải tướng, âm thanh gầm thét xem cho kỹ thì không tiếng. Mê thì nói có hình có tiếng, ngộ thì biết vắng lặng. Như vậy thì chân đế chẳng trái với sự lý, tức thể của sự lý vốn là chân, diệu trí chẳng khác với liễu tri, tức tánh của liễu tri vốn là rí. Nhưng mà diệu chỉ bặt lời nhờ văn ngôn thuyên chỉ, chân tông chẳng phải tướng, mượn danh tướng để nêu tông. Như voi chẳng phải là núi tuyết mà mượn núi tuyết để ví cho voi. Đây là lấy cái có thể so ánh với nó, lẽ nào cho rằng núi tuyết là voi sao.

Nay đây pháp chẳng phải thường mà chấp là hữu, nên nhờ phi hữu để phá thường. Tánh chẳng phải đoạn mà chấp là vô, nên dùng phi vô để phá đoạn. Cũng như sạch sẽ chẳng phải là nước tro mà nhờ nước tro nên rửa sạch. Đây là lấy cái công năng hay rửa, lẽ nào lấy nước tro mà làm sạch sao? Do đó biết trung đạo chẳng thiên, nhờ nhị biên mà biện chánh, đoạn thường chẳng phải dựa vào vô và hữu để rõ chỗ sai. Hoặc hữu hoặc vô nói đã sai, chẳng phải hữu chẳng phải vô cũng đâu là phải. Tin biết người diệu đạt nguồn huyền chẳng phải hạng thường tình có thể lường được. Vì sao? Phàm vọng chẳng phải do ngu sanh ra, chân chẳng phải do trí được, đạt vọng gọi là chân, mê chân gọi là vọng, lẽ nào vọng tùy theo ngu mà mất, chân theo trí trở về, chân vọng chẳng sai, ngu trí tự khác. Hễ muốn thấu tỏ huyền tông trước tiên cần phải xét kỹ về ngu trí phải kheó rõ biết về chân vọng. Nếu muốn rõ biết về chân vọng lại cần phải nghiên cứu đến danh thể, danh thể nếu phân thì chân vọng tự biện. Chân vọng đã biện thì ngu trí rõ ràng. Vì vậy kẻ ngu không có khả năng liễu trí, người trí có thật chất đạt ngu. Nên biết chẳng thì không do đâu để rõ chân vọng, chẳng phải trí thì đâu thể phân biệt danh thể. Vì sao ? Hoặc có danh mà không thể, hoặc nhân thể mà lập danh, danh thể xen lẫn thật khó nghiên cứu đến cùng được. Thế nên, thể chẳng phải danh thì chẳng biện, danh chẳng phải thể thì chẳng lập. Nói thể cần phải nhờ đến danh, nói danh cần phải dựa vào thể.

Nay đây ngoài thể lập danh, đó chỉ là danh mà không có thể, lẽ

nào lại thích ứn với danh saao ? Ví như không có sừng mà đặt ra danh từ sừng thỏ, đây là có tên gọi mà thật không sừng, lẽ nào có sừng để thích ứng với tên sao ? không có tên mà lập danh thì danh không thật danh, danh không thật danh thì cái được gọi tên là không vậy. Cái được gọi tên là không vậy. Cái được gọi tên đã không thì cái hay gọi cũng không. Vì sao ? Vì đặt danh để gọi cái thể của nó, không có thể thì lấy gì để thích ứng với danh. Nói thể là thể cốt để thích ứng với danh, không danh lấy gì để thích ứng với danh, không danh lấy gì để thích ứng với thể, thể không thích ứng thì không phải thể, danh không danh thì chẳng phải danh. Vậy thì đâu riêng gì thể mới nguyên hư mà danh cũng là bản tịch, nhưng mà không có thể thích ứng với danh nguyên do như thế. Danh thể thích ứng thì gọi là gì?

Thể thì không tự có danh, mượn cái danh khác để gọi ngã thể, danh chẳng phải tự thành lập mà nhờ cái thể khác để đặt ngã danh. Nếu thể chưa có hình thì danh đâu được gọi. Nếu danh chưa lập thì thể đâu được rõ. Nhưng rõ được thể tuy nhờ danh, chẳng phải vì không có danh mà không có thể. Lập danh vốn cần phải do thể, không thể thì danh đó vốn không. Như vậy thể không phải do danh sanh ra mà danh sanh ra ở nơi thể vậy. Nay đây thể ở trước danh, danh theo sau thể để phân biệt. Nhế thì lập danh để gọi tên cái thể, cho nên biết thể là nguồn của danh thì nguyên do của danh là duyên khởi từ nơi thể, vậy mồi của thể y cứ vào đâu.

Thể không có hình dạng của ngã, nhờ duyên hội hợp mà thành thể. Duyên chẳng phải từ ngã hội, nhân hội thể mà thành duyên. Nếu thể chưa có hình thì hội ở chỗ nào ? Nếu duyên chưa hội thì thể thành hình ở nơi đâu ? Thể thành hình là duyên hội để thành hình, duyên hội là thể thành hình để mà hội. Thể thành hình mà hội thì rõ hình không riêng hội, hình không riêng hội thì hội vốn không vậy. Duyên hội mà thành hình thì biết hội không có riêng hình, hội không có riêng hình thì hình vốn không vậy. Do đó, vạn pháp từ duyên sanh không tự thể. Không tự thể nên gọi là tánh không. Tánh đã không tuy duyên hội mà chẳng phải có, duyên đã hội tuy tánh không mà chẳng phải không. Vì vậy, có của duyên hội, có chẳng phải có. Không của tánh không, không mà chẳng phải không. Vì sao ? Hội tức tánh không, nên nói chẳng phải có; không tức duyên hội nên gọi chẳng phải không. Y nói chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải ngoài cái có riêng có một cái không, cũng chẳng phải lìa cái không riêng có một cái có. Như vậy thì rõ pháp chẳng phải có không, nên lấy tên là chẳng phải có chẳng phải không.

Chẳng những chẳng phải có chẳng phải không, đã chẳng phải có không, lại chẳng phải chẳng có không chẳng phải chẳng không. Như vậy đâu-riêng gì đường ngôn ngữ dứt mà cũng là chỗ tâm hành diệt vậy.

CHƯƠNG THỨ CHÍN: THƯ KHUYÊN BẠN HỮU

Thư mời Đại sư về núi Thiền sư Huyền Lãng ởi núi Tú Khê, huyện Phổ Dương, Vụ Châu.

Từ buổi đến Linh khê, tâm ý thảnh thơi, thường chống gậy rong chơi trên đỉnh non cao thấp, phủi sạch thất đá hang núi ngồi yên. Trông ra muôn dặm tùng xanh hồ biếc, trăng sáng tự sanh gió đùa mây trắng. Hoa đẹp cỏ thơm chim rừng tha ngậm, xa gần đều nghe vượn hú từng hồi, lấy cuốc gối đầu, cỏ êm làm nệm. Đường đời lao xao tranh giành nhân ngã, tâm địa chưa đạt nên mới như thế. Như có thời gian mong đượcgặp nhau.

Thư đáp của đại sư Huyền Giác

Từ lúc từ biệt đến nay đã mấy năm trường, trong lòng đau đáu nhớ nhung, bổng nhận được thư của bạn thật thỏa lòng mong đợi. Sao lá thư chẳng thấy nói đến đạo thể như thế nào, nhưng pháp vị nuôi dưỡng tinh thần cho nên chắc được tịnh lạc.

Huyền giác tôi từ lâu khâm phục đức âm, chẳng phải dùng lời có thể thuật được. Gìn lòng tiết tháo, một mình ở nơi vắng vẻ bặt dấu con người, ẩn mình rong hang núi, bạn thân không tới lui, chỉ có chim thú qua lại. Suốt đêm miên miên, cả ngày yên lặng, thấy nghe đều dứt, tâm thật vắng lặng. Một mình trên đỉnh núi, ở dưới cội cây, lánh sự đông đúc, hưởng thức ăn đạo, thật hợp với bạn.

Nhưng mà chánh đạo tịch liêu, tuy có tu mà khó hội. Bọn tà huyên náo không tập mà dễ thân. Nếu chưa phải bậc giải khế huyền tông, hạnh hợp với chân thú thì chưa nên ở nơi vắng vẻ, ôm ấp sự vụng về suốt một đời mình. Phải nên rộng hỏi bậc tiên tri, thành khẩn khâm phục chấp tay quỳ gối, chỉnh ý đoan dung, ngày đêm quên nhọc, trước sau hết lòng ngưỡng mộ, khắc phục thân miệng, trừ sạch biếng lười cống cao, chẳng quản hình hài, chuyên tinh chí đạo, mới có thể gọi là lóng thần nơi vuông tấc (tâm). Phàm muốn đạt lý diệu huyền chẳng phải là dễ, kế đến quyết trạch như đi trên băng mỏng, cần phải nghiêng tai mà vâng theo huyền chỉ. Thu thúc tình trần để thưởng thức chỗ thấu đáo sâu xa, quyên lời mà vui với yếu chỉ, rửa sạch lụy phiền để ăn vị đạo mầu, đêm lo lắng ngày hỏi han chẳng lạm tóc tơ, được như thế mới có thể dấu mình trong hang núi, lặng lòng lo toan không tiếp xúc với mọi người. Hoặc có người tâm

chưa thông thấy vật thành ra bị ngăn gại, muốn tránh nơi huyên náo, cầu chỗ yên lặng thì suốt cả đời cũng chưa được yên. Huống hồ rừng xanh bát ngát núi đá chập chùng, thú gầm chim hót, tùng trúc um tùm, đá nước chênh vênh, ngọn gió rung cây, bìm sằn vương vấn, mây mù hòa hợp, vạn vật héo tàn tươi tốt theo tiết trời, sớm chiều bị những thứ ấy làm hoa mắt, lẽ nào chẳng phải là huyên náo rộn ràng sao ? Cho nên biết kiến hoặc còn vấn thì chạm vào đâu cũng vương mắc. Do đó, trước cần phải biết đạo rồi sau mới ở núi. Nếu người chưa biết đạo mà ở núi trước thì chỉ thấy núi ắt quên đạo. Nếu người chưa ở núi mà trước đã biết đạo thì chỉ thấy đạo quên núi. Quên núi thì đạo tánh làm vui vẻ tinh thần, quên đạo thì bị núi non làm hoa mắt. Do đó, người thấy đạo quên núi ở chốn dân gian vẫn lặng, người thấy núi quên đạo ở trong núi vẫn thấy ồn ào. Cần phải rõ ấm vô ngã, vô ngã thì ai ở nhân gian ? Nếu biết ấm nhập (năm ấm, 12 nhập) như hư không thì xóm làng sẽ hoang vắng có khác gì hang núi. Như người ba độc chưa bỏ, sáu trần còn nhiễu loạn, thân tâm tự mâu thuẫn thì có gì quan hệ đến sự huyên náo hay yên lặng của nhân gian hay hang núi đâu !

Vả lại, đạo tánh chan hòa cùng khắp như hư không, vạn vật vốn chẳng hệ lụy, lòng chân từ bình đẳng thì thanh sắc nào chẳng phải đạo ư ? Do vì kiến đảo hoặc sanh bèn thành luân chuyển vậy. Nếu như biết rõ cảnh chẳng phải có thì trước mắt không gì chẳng phải đạo tràng. Biết rõ vốn không, do đó chẳng duyên mà chiếu, viên dung pháp giới giải và hoặc nào khác, lấy hàm linh để biện lòng bi, dứt tưởng niệm để mà rõ trí. Trí sanh thì pháp sẽ viên chiếu, lìa cảnh lấy gì quán bi? Bi trí lý hợp nhau gồm thâu, trái chúng sanh thì lấy gì làm năng độ? Lòng bi rộng lớn độ hết chúng sanh, chiếu tột cùng cảnh để trí viên mãn. Trí viên mãn thì lặng yên hay huyên náo thì đồng như nhau, lòng bi rộng lớn thì oán hay thân đều cứu. Như vậy, đâu cần ở lâu trong hang núi mà theo chỗ tùy duyên. Huống chi pháp pháp rỗng rang dung hợp, tâm tâm tịch diệt vốn chẳng tự có, ai gượng gọi là không thì có sự huyên náo gì đáng gọi là huyên náo, có sự yên lặng nào đáng gọi là yên lặng. Nếu biết vật và ngã hợp nhất thì kia đây chẳng gì không phải là đạo tràng, đâu còn thuận theo sự huyên náo củ nhân gian hay nhàn rỗi ở nơi hang núi. Do đó, bỏ động cầu tịnh là gông ghét cùm yêu, lìa oán cầu thân là cũi chán lồng ưa. Nếu có thể ở nơi huyên náo thì chợ búa không đâu chẳng phải là chỗ ngồi yên. cầu chỉ lỗi lầm, nhận lãnh lời dạy, oan trái do từ thiện hữu. Như vậy, cướp đoạ hay hủy nhục đau từng chẳng phải ổn sư ta, kêu la huyên náo không có gì đáng phải tịch diệt. Cho nên biết diệu

đạo không có hình mà vạn tượng chẳng trái với nó; chân như tịch diệt, các âm vang chẳng khác với tiếng. Mê thì kiến đảo hoặc sanh, ngộ thì không có trái thuận. Vắng lặng chẳng phải có, duyên hội thì sanh, núi Nga Nghi (ngọn núi Cửu Nghi) chẳng phải khôn, do duyên tan mà có thể diệt, lấy gì để diệt cái diệt; sanh đã chẳng phải sanh, lấy gì để sanh cái sanh. Sanh diệt đã không thì thật tướng thường trụ. Vì vậy, nước định mệnh mênh mông niệm trần mà chẳng tẩy sạch, đèn trí sáng ngời hoặc nào không bị trừ khử. Trái đó thì nẻo tuần hoàn, hội đó thì ba đường ra khỏi. Như vậy, sao chẳng đi thuyền tuệ rong chơi trên biển pháp, mà lại muốn đi xe gãy trục vào hang núi ư! Cho nên biết vật loại lăng xăng, nhưng tánh chúng tự là một, nguồn linh tỉnh lặng chẳng chiếu lại biết! Thật tướng thiên chân, linh tri chẳng phải tạo, đối với người mê thì gọi là mất, đối với người ngộ thì gọi là được. Được mất tại người đâu có quan hệ gì đến động tịnh, ví như người chưa biết đi thuyền mà muốn oán ghét dòng nước quanh co kia. Nếu có thể khéo biết huyền tông, tâm rỗng rang thầm khế hợp, động tịnh nói nín luôn là quy củ, lặng lẽ có chỗ quy về, điềm nhiên không gián cách. Như vậy, mới có thể tiêu dao nơi hang núi, phóng khoáng chốn thôn trang, thong thả hình nghi, vắng lặng tâm phủ, điềm đạm bên trong, thâm trầm bên ngoài. Với thân thì như bị câu thúc mà tâm thì tự tại thong dong, hiện hình dung chốn hoàng vũ, giấu u linh nơi pháp giới. Như vậy thì ứng cơ có cảm, thích nghi, không tiêu chuẩn nhất định. Thư viết sơ lược, ngoài ra làm sao trình bày cho hết được, nếu chẳng phải bạn đồng chí, đâu dám xúc phạm, lúc rảnh rỗi ngồi yên xin tạm suy nghĩ. Nếu tôi nói dối hay sai xem xong rồi đốt.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI: VĂN PHÁT NGUYỆN

Cúi lạy bậc viên mãn giác tri.
Tịch tịnh bình đẳng bản chân nguyên.
Tướng tốt trang nghiêm phi hữu vô.
Tuệ sáng soi khắp vi trần sát.
Cúi lạy trạm nhiên chân diệu giác.
Mười hai phần giáo rất sâu xa.
Phi văn, phi tự, phi ngôn thuyên.
Một âm tùy loại đều hiểu rõ.
Cúi lạy thanh tịnh chư hiền thánh.
Mười phương hòa hợp thật chân tăng.
Giữ gìn giới cấm không trái phạm.
Cầm tích ôm bình lợi hàm linh.

Noãn sanh, thai sanh, thấp hoá sanh.
Hữu sắc, vô sắc, tưởng, phi tưởng.
Phi hữu phi vô tưởng, tạp loại.
Sáu nẻo luân hồi chẳng tạm dừng.
Nay con đảnh lễ quy y Tam bảo.
Vì khắp chúng sanh phát đạo tâm.
Quần sanh trầm luân trong biển khổ.
Nguyện nhờ từ lực Phật Pháp Tăng.
Từ bi phương tiện trừ các khổ.
Chẳng bỏ nguyện rộng cứu hàm thức.
Hóa lực tự tại độ vô cùng.
Hằng sa chúng sanh thành chánh giác.

Nói kệ xong, con đảnh lễ quy y trước mười phương ba đời tất cả chư Phật Pháp Tăng, cho con được nương nhờ sức tam bảo, chí tâm phát nguyện tu Vô thượng Bồ-đề, kể từ nay cho đến khi thành chánh giác, khoảng giữa quyết định cần cầu không hề lui sụt. Khi chưa đắc đạo, thân không tật bệnh, thọ không yểu mạng, đến lúc lâm chung chẳng thấy tướng ác, không sự lo sợ, chẳng sanh điên đảo, thân không đau khổ, tâm chẳng tán loạn, chánh tuệ tỏ tường, chẳng qua trung ấm, chẳng vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, thủy lục không hành, thiên ma ngoại đạo, u minh quỷ thần, các thứ tạp hình thảy đều chẳng thọ. Thường được thân người thông minh chánh trực, không sanh vào nước ác, chẳng gặp vua dữ, chẳng sanh biên địa, chẳng bị nghèo khổ, tôi trai tớ gái, thân hình người nữ, huỳnh môn hai căn, tóc vàng răng đen, ngu si tăm tối, xấu xí tật nguyền, đui mù câm điếc, hễ là các điều đáng chán thảy đều chẳng sanh. Sanh ở trung quốc, trong nhà chánh tín, thường được thân nam, sáu căn đầy đủ, đoan chánh thơm tho, không các dơ uế, ý chí hòa nhã, thân tâm an tịnh, không tham sân si, ba độc dứt hẳn, chẳng tạo điều ác, hằng nghĩ việc lành. Chẳng làm vương thần, không làm sứ giả, không nguyện giàu sang, sống an cảnh nghèo, ít muốn biết đủ, chẳng tham cất chứa, cơm áo nuôi thân, chẳng trộm của người, chẳng giết chúng sanh, chẳng ăn thịt cá, yêu kính hàm thức như mình không khác. Tánh hạnh dịu dàng, chẳng vạch lỗi người, chẳng ca ngợi mình, chẳng tranh cùng người, oán thân bình đẳng, chẳng khởi phân biệt, chẳng sanh yêu ghét, chẳng muốn của người, của mình chẳng tiếc, chẳng thích xâm phạm, lòng luôn ngay thẳng, tâm không hung bạo, thường ưa nhún nhường, miệng không nói ác, tâm không dua dối, ba nghiệp trong sạch, ở chỗ an ổn, không ác chướng nạn. Trộm cắp giặc cướp, pháp vua tù ngục,

gông cùm xiềng xích, đao thương tên giáo, thú dữ độc trùng, té núi té sông, lửa cháy gió cuốn, sấm sét hãi hùng, cây gãy núi lỡ, rui mục nhà sập, giặc giả đáng sợ, đến gần vây quanh, bắt bớ trói buộc, vu oan hủy báng, ngang ngược câu thúc, phàm các tai nạn thảy đều chẳng thọ. Ác quỷ tai bay, thiên hành độc lệ, tà ma vọng lượng ở biển ở sông, non cao núi lớn, các thần ở cây có linh thiên hoặc nghe tên tôi hoặc thấy hình tôi phát tâm Bồ-đề, che chở cho nhau, chẳng não hại nhau, ngày đêm an ổn, không sự kinh sợ. Bốn đại mạnh khỏe, sáu căn thanh tịnh, chẳng nhiễm sáu trần, tâm không loạn tưởng cũng không hôn trầm, chẳng sanh đoạn kiến, chẳng chấp có không, xa lìa các tướng, phụng thờ đức Phật, chẳng theo kiến chấp, giải ngộ rõ ràng, đời đời tu tập, chánh tuệ kiên cố, chẳng bị ma hiếp. Đến lúc mạng chung an nhiên vui sướng, bỏ thân thọ thân, không có oán đối, tất cả chúng sanh đồng làm bạn tốt. Sanh ra chỗ nào gặp Phật nghe Pháp, ấu niên xuất gia, làm tăng hòa hợp, thân luôn mặc áo cà sa, thường ăn thứ đựng trong bát, đạo tâm kiên cố, chẳng sanh kiêu mạn. Kính trọng Tam bảo, thường tu phạm hạnh, gần gũi minh sư, theo thiện tri thức, tin sâu chánh pháp, siêng hành lục độ, đọc tụng đại thừa, hành đạo lễ bái. Hoa thơm cỏ ngọt, âm thanh tán tụng, đen đuốc đền đài, non biển suối rừng, trên không dưới đất của thế gian này từ hạt bụi nhỏ đều đem cúng dường, gom góp công đức hồi hướng Bồ-đề. Suy tư liễu nghĩa, chỉ ưa nhàn tịnh, thanh tịnh lặng yên, chẳng thích huyên náo, chẳng ưa chỗ đông thường sống một mình, tất cả không cầu, chuyên tâm định tuệ, sáu thông đầy đủ, hóa độ chúng sanh tùy theo ý nguyện tự tại vô quái ngại, vạn hạnh thành tựu tinh diệu vô cùng, chánh trực viên minh, chí thành Phật đạo.

Nguyện đem thiện căn này chan rãi khắp mười phương, trên tột hữu đảnh, dưới đến phong luân, trên trời trong người, thân trong sáu đường của tất cả hàm thức, tôi có công đức nào nguyện thí cho tất cả chúng sanh, tận vi trần kiếp chẳng bỏ một chúng sanh nào, tôi có bao nhiêu thiện căn đều xông ướp tất cả. Khổ não trong địa ngục, nam mô Phật Pháp Tăng, xưng danh Phật Pháp Tăng, nguyện đều được giải thoát. Khổ não trong ngạ quỷ, nam mô Phật Pháp Tăng, xưng danh Phật Pháp Tăng, nguyện đều được giải thoát. Khổ não trong súc sanh, xưng danh Phật Pháp Tăng, nguyện đều được giải thoát. Thiên nhân A tu-la hằng hà sa loài hàm thức, tám khổ thường thiêu đốt, nam mô Phật Pháp Tăng, do thiện căn của tôi đều thoát khỏi ràng buộc.

Nam mô tam thế Phật.
Nam mô Tu-đa-la.

Bố tát, Thanh văn tăng.
Thánh chúng như vi trần.
Chẳng bỏ lòng từ bi.
Nhiếp thọ loài quần sanh.
Hàm thức khắp hư không.
Quy y Phật Pháp Tăng.
Lià thoát khổ tam đồ.
Mau được siêu tam giới.
Đều phát tâm Bồ-đề.
Ngày đêm hành Bát-nhã.
Đời đời siêng tinh tấn.
Như cứu lửa cháy đầu.
Lúc đắc đạo Bồ-đề.
Thệ nguyện độ tất cả.
Tôi hành đạo lễ bái.
Tôi tụng kinh niệm Phật.
Tôi tu giới định tuệ.
Nam mô Phật Pháp Tăng.
Nguyện khắp các chúng sanh.
Thảy đều thành Phật đạo.
Tôi cùng các hàm thức.
Kiên cố cầu Bồ-đề.
Đảnh lễ Phật Pháp Tăng.
Nguyện sớm thành chánh giác.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 176

KHÚC CA CHỨNG ĐẠO

SỐ 2014

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2014

KHÚC CA CHỨNG ĐẠO

I. Như Lai Vô Thượng Thiền.

Anh thấy chăng:
Dứt học, vô vi, ấy đạo nhân.
Không trừ vọng tưởng chẳng cầu chân?
Tánh thực vô minh tức Phật tánh,
Thân không ảo hoá tức Pháp thân.
Pháp thân giác rồi không một vật
Vốn nguồn tự tánh thiên chân Phật.
Năm ấm: ảo như mây lại qua,
Ba độc: huyễn hoặc bọt còn mất.
Chứng thực tướng, không nhân pháp,
Sát na rũ sạch a tì nghiệp.
Bằng đem lời vọng dối chúng sanh,
Tội rút lưỡi nguyện mang cùng kiếp.

II. Cảnh Giới Tư Chứng:

Thoát giác rồi Như Lai thiền,
Sáu độ muôn hạnh thể tròn nguyên.
Trong mộng lao xao bày sáu nẻo,
Tỉnh ra bằn bặt chẳng ba nghìn.
Không tội phước, không thêm bớt,
Tánh mình vắng lặng đừng hỏi bắt.
Bay lâu gương bụi chữa từng lau,
Này lúc rõ phân can dứt khoát.
Ai không niệm? Ai không sanh.

Gọi người gỗ hỏi nguồn cơn ấy:
Cầu Phật ra công mấy thuở thành?
Buông bốn đại, đừng nắm bắt,
Tánh mình vắng lặng tuỳ ẩm trác.
Muôn vật vô thường thảy thảy không,
Đấy chính Như Lai thật viên giác.

III. Đại Ý Chí:

Dám nói quyết, rõ chân Tăng,
Ví còn thắc mắc xin thưa rằng:
Thẳng tận đầu nguồn phăng dấu Phật,
Chọn lá tìm cành ta chẳng đương!
Ngọc ma ni, người có biết,
Như Lai kho ấy thâu trọn hết:
Sáu ban thần dụng không chẳng không,
Một điểm viên quang sắc chẳng sắc.
Tịnh năm mắt, được năm lực,
Có chứng mới hay không lượng được,
Trong gương ngắm ảnh dễ thấy hình,
Đáy nước mò trăng không nắm nguyệt.

IV. Con Đường Niết Bàn:

Thường một mình, thường tản bộ,
Đạt giả lại qua Niết bàn lộ,
Điệu xưa thần nhẹ dáng thanh thanh,
Xương cứng thân gầy ai chiếu cố?
Hèn con Phật, miệng xưng nghèo,
Rõ thực thân nghèo đạo chẳng nghèo,
Nghèo ắt thân thường manh áo chắp,
Đạo ắt tâm hằng châu báu đeo.
Châu báu đeo dùng chẳng hết,
Tuỳ duyên rải khắp thèm keo kiết,
Ba thân, bốn trí thể tròn nguyên,
Tám giải, sáu thông tâm ấn hiệp.
Bậc cao một quyết là xong hẳn,
Kẻ thấp càng nghe lại lắm ngờ.
Hãy vứt trong lòng manh áo bẩn,
Xá vì tinh tiến hướng ngoài khoe?

V. Chuyển Phẩm Chướng đạo Thành Phẩm Trở Đạo:

Mặc ai biếm, mặc ai gièm.

Châm lửa đốt trời nhọc xác thêm,
Ta nghe như uống cam lồ vậy,
Tan hết vào trong chẳng nghĩ bàn.
Xét lời ác, ấy công đức,
Đó mới chính là thầy ta thực.
Chớ vì báng bổ nỗi oan thân,
Sao tỏ vô sanh, nêu nhẫn lực?

VI. Tông Thông Thuyết Thông:

Tông cũng thông, thuyết cũng thông,
Định huệ sáng tròn chẳng trệ không,
Nào phải mình ta riêng đạt đấy,
Hằng sa chư Phật thể chung đồng.
Sư tử hống thuyết vô uý,
Trăm thú nghe qua xé óc tuỷ.
Hương tượng chạy dài hết liệt uy,
Thiên long lặng ngóng lòng hoan hỷ.

VII. Tâm Ấn Tào Khê:

Chơi biển cả, dạo rừng thiêng,
Tìm thầy hỏi lấy đạo tham thiền.
Tự ngày rõ nẽo Tào Khê ấy,
Mới hay sống chết chẳng tương can.
Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền,
Nói im động tịnh thảy an nhiên.
Phỏng gặp gươm đao thường nhẹ hững,
Ví nhằm thuốc độc vẫn bồng tênh.

VIII. Tự Giác:

Thầy ta được thấy Nhiên Đăng Phật,
Bao kiếp từng làm tiên nhẫn nhục.
Mấy hồi tử? Mấy hồi sinh?
Sanh tử mơ màng không định dứt!
Tự thời thoắt ngộ pháp vô sanh,
Cơn vinh nhục mừng lo gì ta?
Vào rừng sâu, ở lan nhã,
Núi doing, tùng già ôm bóng cả,
Thong dong ngồi tịnh mái chùa tranh,
Cảnh lặng lòng yên thanh thoát lạ!
Biết là xong tất, chẳng cần công,
Thảy thảy hữu vi pháp chẳng đồng,

Của cho trụ tướng phước trời hưởng,
Ví như tên nhắm bắn hư không.
Đà bắn hết, mũi tên rơi,
Kiếp sau hận cũ lại bời bời,
Sao bằng tự cửa vô vi ấy,
Một nhảy vào liền đất Như Lai.

IX. Giác Tha:

Cốt ở gốc, lo chi cành,
Như ngọc lưu ly ngậm ánh trăng.
Đã hay thấu được châu như ý,
Lợi ta lợi người không biết mấy,
Trăng sông tỏ, gió tùng lay,
Đêm trường thanh vắng- để chi đây?
Ngọc giới hạnh, tâm in, tánh tỏ,
Trên mình mây ráng khoác làm y,
Bát thâu rồng, gậy giải cọp,
Hai dãy khoen vàng khua lảnh lót.
Phải đâu hư sự giữ làm gì.
Gậy báu Như Lai đấu tự nghi.

X. Đất Như Lai:

Không cầu chân, chẳng dứt vọng,
Mới hay chân vọng không chẳng tướng.
Chẳng tướng chẳng không không chẳng không,
Ấy mới Như Lai chân thực tướng.
Gương tâm sáng, soi chẳng ngại,
Suốt thông chiếu khắp hằng sa giới.
Muôn tượng um tùm ảnh hiện trong,
Một điểm viên quang không nội ngoại.
Đắm ngoan không, phá nhân quả,
Bừa bãi, rối ren càng thêm hoạ.
Bỏ có, níu không, bịnh vẫn nguyên,
Khác nào trốn nước sa vào lửa.
Buông vọng tâm, giữ chân lý,
Buông giữ tâm hoàn tâm xảo ngụy,
Đạo nhân chẳng rõ dốc lòng tu,
Chân thành nhận giặc làm con quí.
Tốn pháp tài, dứt công đức,
Chỉ vì điên đảo, theo vọng thức.

Cho nên thiền pháp dạy thông tâm,
Thoắt chứng vô sanh, sáng trí Phật.

XI. Hành Như Lai Sự:

Đại trượng phu cầm kiếm huệ,
Ánh Bát-nhã hề kim cương loé,
Đã hay ngoại đạo bạt tâm mê,
Lại khiến thiên ma lùi khiếp vía.
Nổi pháp lôi, đánh pháp cổ,
Bủa mây từ hề, rưới cam lộ
Voi rồng dẫm bước nhuận ân sâu,
Năm tánh ba thừa đều tỉnh ngộ.

XII- Vô Trụ Niết Bàn:

Cỏ phì nhị đơm ròng đỉnh tuyết,
Vị đề hồ ta từng nếm biết.
Một tánh viên thông muôn tánh hệt,
Một pháp bao gồm muôn pháp hết,
Một trăng hiện khắp tất cả nước,
Tất cả trăng nước một trăng nhiếp,
Chư pháp thân Phật vào tánh ta,
Tánh ta cùng với Như Lai hiệp.
Một địa gồm đủ tất cả địa,
Chẳng sắc chẳng tâm chẳng hạnh nghiệp,
Búng tay, tám vạn pháp môn thành
Nháy mắt, rũ xong ba kỳ kiếp,
Tất cả văn tự chẳng văn tự,
Cùng linh giác ấy nào cang dự?
Không thể chê, không thể khen,
Như hư không ấy vốn vô biên.
Tìm kiếm đã hay không thấy được,
Mà luôn trước mắt vẫn thường nhiên.
Lấy chẳng được, bỏ chẳng được,
Trong cái chẳng được là cái được,
Im thời nói, nói thời im,
Cửa đại thí mở thông thông suốt.
Có người hỏi ta giải tông nào,
Xin thưa: Ma ha Bát-nhã lực.
Làm ngược làm xuôi trời biết đâu,
Rằng phải rằng trái ai rõ được.

XIII- Truyền Tâm Pháp Yếu:

Ta sớm từng qua bao kiếp tu,
Nào dám sai ngoa lời dối mị,
Dựng pháp tràng, lập tông chỉ,
Rỡ ràng tâm Phật ứng Tào Khe.
Thoạt tiên Ca Diếp đèn tâm truyền,
Hăm tám đời Tổ sư Tây Thiên.
Pháp sang đông, vào Trung Thổ,
Bồ-đề Đạt Ma là sư tổ.
Sáu đời y bát thiên hạ nghe,
Người sau được đạo nhiều vô số.
Chân chẳng lập, vọng vốn không,
Hữu vô dứt trọn chẳng không không.
Hai chục cửa không nguyên chẳng chấp,
Một tánh Như Lai vốn thể đồng.
Tâm là căn, pháp là trần,
Thảy đều ngấn bụi ám gương trong,
Bao giờ ngấn hết gương trong lại,
Tâm pháp cùng quên tánh rõ chân.

XIV- Ma Chướng Thời Mạt Pháp:

Ôi mạt pháp! Ác thời thế!
Chúng sanh phước mỏng không cầm chế.
Hiền thánh xa rồi, tà vạy sâu.
Ma mạnh pháp yếu nhiều ác tệ,
Nghe nói Như Lai phép đốn tu,
Hận chẳng nghiền tan như ngói bể.
Tại tâm làm, tại thân chịu,
Đừng có kêu oan chớ trách người.
Muốn khỏi nghiệp vương muôn kiếp lụy,
Vành xe chánh pháp chớ chê cười.

XV- Khí Tượng Phật Thừa:

Rừng chiên đàn không tạp thụ,
Sâu kín um tùm sư tử trú.
Cảnh vắng rừng im một mình chơi,
Cao chạy xa bay chim cùng thú.
Sư tử con, chúng theo mẹ,
Tuổi mới lên ba đà rống khoẻ.
Chó rừng dầu bén gót Pháp Vương,

Trăm năm yêu quái há mồm suông!

XVI- Pháp Viên Đốn:

Pháp viên đốn vượt tình thường,
Mọi niềm ngời vực quyết không vương.
Sãi tôi đâu sính bàn nhân ngã,
Sợ lạc đường tu bố đoạn thường.
Thị chẳng thị, phi chẳng phi,
Sai lạc đường tơ ngàn dặm đi,
Thị: đấy Long Nữ thoắt thành Phật,
Phi: đấy Thiện Tinh rơi địa ngục,

XVII- Chứng Tích Cá Nhân:

Ta sớm bao năm chuyên học vấn,
Từng viết sớ sao tìm kinh luận,
Phân biệt danh tướng mãi không thôi,
Vào biển đếm cát tự chuốc hận,
Quả đáng bị Như Lai quở trách,
Châu báo của người có gì ích?
Lâu nay đắng đót rõ công suông,
Uổng bấy làm thân phong trần khách!
Tánh tà vạy, giải lạc lầm,
Chẳng được pháp Như Lai đốn chế,
Hai thừa tinh tiến thiếu đạo tâm,
Ngoại đạo thông minh không trí huệ,
Như trẻ dại, như ngu si,
Thấy nắm tay không quyền tưởng thiệt,
Chấp lấy ngón tay làm mặt nguyệt,
Bóng ma căn cảnh uổng công ghì!
Chẳng thấy một pháp tức Như Lai.
Nên cũng kêu là Quán Tự Tại.
Tỏ rồi, nghiệp chướng hoá thành không,
Chưa tỏ, nợ xưa đành trang trải,
Đói gặp tiệc vua không thể ăn,
Bệnh tránh Y Vương sao mạnh được?
Thiền trong biển dục rõ kiến lực,
Sen trong lửa đỏ muôn đời rực.
Dõng Thi phạm giới chứng vô sanh,
Sớm vẫn viên thành trong cõi tục.

XVIII- Duy Ma Sư Tử Hống:

Sư tử hống thuyết vô uý,
Thương thay ai vẫn mê mờ rối,
Mảng e tội chướng lấp Bồ-đề,
Chẳng được Như Lai mở kho bí!
Có hai Tỳ khưu phạm dâm sát,
Đóm huỳnh Ba Ly thêm buộc siết,
Bồ-tát Duy Ma chốc giải ngờ,
Như vừng vương hực tiêu sương tuyết,
Bàn nghĩ chi sức giải thoát,
Diệu dụng hằng hà như số cát.
Bốn sự cúng dường dẫu nhọc bao,
Muôn lượng vàng ròng dầu tiêu hết,
Thịt tan xương nát chữa đền xong,
Một câu thấu suốt siêu ngàn ức.

XIX- Pháp Vương Vương Pháp:

Đấng Pháp Vương, bậc Tối Thắng,
Hằng sa Như Lai cùng chung chứng,
Ta nay giải vậy như ý châu,
Người người tin nhận đều tương ứng.
Suốt suốt thấy không một vật,
Cũng không người, cũng không Phật
Thế giới ba ngàn bọt nước xao,
Mỗi mỗi Thánh Hiền như điện phất.
Ví phỏng thiết luân trên đầu chuyển,
Định huệ sáng tròn luôn chẳng biến.
Nguyệt dầu thành lửa nhật thành băng,
Ma nào phá được chân thuyết hiện?
Xe voi dốc ngược vững đường lên,
Sức mấy bọ trời ngăn bước tiến?
Voi lớn đâu thèm đi dấu thỏ,
Ngộ lớn sá gì chút tiết nhỏ.
Đừng dòm trong ống biếm trời xanh,
Chưa tỏ, vì anh mở rõ.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 176

THIỀN NGUYÊN CHƯ THUYÊN TẬP ĐÔ TỰ

SỐ 2015
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2015

HÀNH TRẠNG CỦA ĐẠI SƯ VÔ TƯỚNG

Thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác ở Ôn Châu. Sư người Vĩnh Gia, họ Đới. Sư xuất gia thuở nhỏ, đọc hết Tam Tạng, tinh thông ý chỉ Thiên Thai. Quán pháp môn viên diệu, đi đứng nằm ngồi thường thiền quán, về sau nhờ Thiền sư Tư Cốc Lãng khích lệ và Thiền sư Đông Dương Sách cùng đến Tào Khê. Buổi đầu đến Tào Khê chống gậy cầm bình, đi nhiễu quanh Lục Tổ ba vòng. Tổ nói: "Phàm làm Sa-môn phải đủ ba ngàn uy nghi, tám muôn tế hạnh, Đại đức từ pháp nào đến mà lại đại ngã mạn vậy?" Sư thưa: "Sanh tử là việc lớn, vô thường nhanh chóng". Tổ nói: "Sao không thể nhận vô sanh, liễu được không mau chóng đi?" Sư thưa: "Thể tức vô sanh, liễu vốn không nhanh". Tổ nói: "Đúng vậy, đúng vậy". Bấy giờ đại chúng đều ngạc nhiên, sư mới đầy đủ uy nghi tham lễ, sau đó xin cáo từ. Tổ nói: "Sao trở về mau vậy?" Sư thưa: "Vốn tự chẳng động, há có mau chăng?" Tổ nói: "Ai biết chẳng động". Sư thưa: "Nhân giả tự sanh phân biệt". Tổ nói: "Ông đã đạt được ý vô sanh". Sư thưa: "Vô sanh há có ý sao?" Tổ nói: "Không ý thì ai phân biệt". Sư thưa: "Phân biệt cũng không có ý". Tổ khen: "Rất tốt, rất tốt". Sư ở lại Tào Khê một đêm, bấy giờ thường gọi Sư là "Nhất túc giác" Huyền Sách ở lại với Lục Tổ sáng mai xuống núi trở về Ôn Giang, Học giả từ xa kéo đến rất đông. Sư hiệu là Đại sư Chân Giác, Sư có viết bộ Thiền Tông Ngộ Tu Viên Chỉ, nói lên ý chỉ từ cạn đến sâu. Ngụy Tĩnh Thứ sử Quảng Châu gom lại thành mười quyển đề tựa là Vĩnh Gia Tập và Chứng Đạo Ca một quyển được lưu hành ở đời.

KHẮC LẠI BÀI TỰA THIỀN NGUYÊN CHƯ THIÊN

Đạo không thể tự nói phải nhờ người mới nói lên được. Dù nói khác nhau, nhưng đạo chưa từng khác, nếu không giống nhau thì không tu thể cho là đạo. Như Nhất Quán của Trọng Ni, vô vi của Lão Nhiễm, Không Tích của Thích-ca, người có khác nhưng đạo thì giống nhau, đây là nói về sở chứng của nó. Huống nữa hai tông Thiền và giáo xuất phát từ Đức Phật. Thiền là tâm Phật, giáo là miệng Phật, há là tâm miệng có mâu thuẫn nhau ư? Cớ sao cách chư Thánh xa, mỗi người kế thừa thầy khác nhau, giáo chỉ trích Thiền là ám chứng, Thiền xem giáo là tiệm tu. Sáng hay tối là vì chưa đạt được điểm chung của nó, không biết đốn tiệm chỉ là tạm đặt, nhưng họ cứ gièm pha lẫn nhau dần dần đưa đến oán thù. Không chỉ cổ xúy nói suông mà còn viết lên thành sách. Đạo ở đời ngày càng đi xuống, tệ hại như vậy thì làm sao? Khi xưa Thiền sư Khuê Phong âu lo điều này, nên đem những điều Thiền và Giáo của chư Tổ biên chép văn cú ý chỉ hợp nhau viết thành một quyển gọi là "Thiền Nguyên Chư Thuyên" để chỉ dạy cho đời, để làm cho học giả hai tông biết một Phật không có hai đạo, nước bốn công vị không khác nhau, tất cả lời nói đều trở về điều tốt đẹp, mãi mãi không hoại mầm giống, công của Thiền Nguyên Chư Thuyên há lường được sao? Mỗi lần tôi thấy phương Nam có tệ hại này, mong có một người gạch một gạch xóa sạch tập khí cũ, cùng nhau duy trì tư tưởng mới đạt đến điều này, lúc nào cũng bỏ ăn mà than những điều này. Nay Đại sư Tổng Thống Tuyết Đường như có được chỗ khế hội, chỉ bỏ bớt làm theo sở trường viết lại tư tưởng mới để in thành sách lưu truyền rộng. Sách đi xa ngàn dặm chốt để làm tựa dẫn, Tướng quốc Bùi Hưu đã thuật ở trước. Tự thấy người nào lấn lướt điều này dùng lời chê trách để lại cho thức giả, nhưng sách này bình sanh đã được người ưa chuộng, may sao được ghi tên thời gian này, cho nên không để lại. Tháng bảy năm thứ bảy niên hiệu Đại Đức ở con Sơn Tiên Nghiêm Vô Ngại Duy Đại làm tựa.

TỰ THIỀN NGUYÊN THUYÊN KHẮC IN LẠI

Thiền Nguyên Thuyên là tác phẩm của Thiền sư Khuê Phong viết vào thời Đường. Đạo của Phật rộng khắp pháp giới, nhưng thu nhỏ đưa vào vi trần chẳng phải có chẳng phải không suông, không trong, không ngoài. Người học thiền đời sau, ý chí muốn đạt đến thật tướng, cho rằng ngôn ngữ rườm rà nhỏ nhen. Người lập giáo là để nghiên cứu

chân thuyên, cho rằng không tịch là rộng lớn, bỏ các pháp môn khác, nói giáo không được thống nhất há là đạo của Đức Phật vốn như vậy sao? Do đó dùng ba thứ giáo chứng được ba tông của thiền; nghĩa là nương tánh nói tướng, thì dừng vọng tu tâm, phá tướng hiển tánh, thì dứt bặt không còn nương tựa. Bày tỏ chân tâm thì nói thẳng tâm tánh. Sông Giang và sông Hán khác dòng nhưng cùng trở về biển trí, chùa mặn khác điệu nhưng cùng về thiền vị, cho đến khác nhau về không tông, tánh tông, khác nhau về đốn tu, tiệp tu nhưng đều hội tụ về một ý chỉ khai thị Chánh giác, nhưng lại lo dễ bị mê hoặc học theo ngọn mà khó ngộ được, thì lại những hành vi bên cạnh mờ ám dùng chí hướng này. Từ khi đốn giác đến ngày thành Phật, Thập trọng là tịnh. Từ bất giác đến chịu quả báo Thập trọng là nhiễm. Nguồn gốc của tịnh, nhiễm nguyên nhân do phàm Thánh. Tâm pháp đều có chân và vọng, gọi là tàng thức. Bất giác mê, chân thành vọng nhiều kiếp chịu kinh hãi. Đốn giác thì bỏ vọng về chân theo giải thoát. Tuy nhiên, học giả phải biết chân như xiển giáo như ngón tay là mục tiêu chỉ mặt trăng. Nếu thấy mặt trăng, thì biết ngón tay hoàn toàn chẳng phải mặt trăng, thì thuyên và đồ cả hai đều quên, ngu trí đều là Bát-nhã, cấu tịnh đều chứng được Bồ-đề, Nam Nhạc, Thiên Thai, Nam Tiên, Bắc Tú và tông chỉ Đạt-ma từ Đông sang không có khác nhau, đâu còn phân biệt Thiền và Giáo ư? Khoảng giữa thời Đường, Tướng quốc Bùi Hưu làm bài tựa này và đích thân vẽ họa đồ này giao cho chùa Diên Xương Kim Châu, về sau truyền cho sư Duy Cảnh, sư Huyền Khế, nhưng bản đồ đi đến giữa Mân, Tương, Ngô Việt. Năm mươi hai niên hiệu Chí Nguyên Quốc Triều, Thế tổ ngự ở điện Quảng Hàn hỏi yếu nghĩa thiền giáo. Đế Sư và các kỳ đức dùng Thiền Nguyên Thuyên để đáp lời vua. Vua rất hài lòng và ra lệnh khắc bản để lưu hành ở đời. Hai mươi chín năm sau là năm Quý mão niên hiệu Đại Đức Thiền sư Đại Nhân nối pháp Tuyết Đường. Thiền sư Nhân phụng chỉ lên núi Ngũ Đài, trên đường về qua Đại Đồng gặp Thiền sư Giác Công Tiệm Am đã vẽ bản đồ, Sư khảo cứu và hiệu đính thêm, và vẽ bằng lụa tốt để truyền đi các nơi xa, để cho Thiền sư Khuê Phong nghiên cứu chân, hiển bày chánh ý chính là giáo hóa chúng sanh mãi không mất, trong đó là vì lợi ích đâu thể lường được. Văn Nguyên và Sư là nơi ngoại đạo, họ tùy hỷ tán thán để làm tựa, lời của Ngài viết thành nhiều quyển. Năm đó nhuần tháng giêng, ưng phụng Hàn lâm học tướng sĩ tả lang đồng tri chế cáo và Quốc sử viện soạn, Tu Quan Ba Tây Đặng Văn Nguyên viết.

TỰA THIỀN NGUYÊN THUYÊN KHẮC LẠI

Thiền sư Tuyết Đường, trí thức rộng hiểu muôn hạnh viên thông. Thích tu những điều này và ưa thi hành những điều này. Một hôm nói với Tôi: "Tôi từng lo cho người học Phật ở đời, không nghiên cứu nguyên nhân Như Lai thành lập giáo vọng chấp không, nên có cạnh tranh phân chia Đại, Tiểu; Nói đốn, nói tiệm, nói thiền, nói luật, rối ren om sòm đến ngàn mấy trăm năm. Như bảo vệ chân chân mà làm cho cha thọ bệnh. Tuy gặp hai, một đồng chí có chí khải phát điều này. Đáng tiếc chưa biết nhà mà đã biết cửa. May thay được ngài Khuê Phong đã biên soạn "Thiền Nguyên Thuyên". Văn của Ngài uyên thâm tao nhã, ý chí thiết thực, xác đáng, đều như bài tựa trước đã lo, đó là lý do đạo này vậy. Hơn nữa tạo bản đồ là để bày tỏ tâm Nhất chân thật để bao hàm ba đại nghĩa. Vô minh duyên với nhiễm các tướng do vọng khởi, nương tu đoạn pháp chứng được nhập lý. Đề cương đưa ra yếu chỉ như ngón tay trong bàn tay.

Khi xưa, tháng giêng năm thứ mười hai niên hiệu Chí Nguyên, Thế tổ Hoàng đế khi việc triều chính xong đến đảo Quỳnh Sa và cho người đi thỉnh Đế Sư; Thái Bảo Văn Trinh Lê Công cũng có ở đó và mời các bậc Kỳ đức ở Kinh đô thưa hỏi nghĩa khác nhau về Thiền và Giáo. Tiên sư Tây Mân Công v.v... cũng tám người đem văn Thiền Nguyên Thuyên của ngài Khuê Phong ra trả lời vua và vua rất hài lòng. Bấy giờ Thiền sư giao cho đệ tử Song Tuyền Thái Công ghi lại điều này và ra lệnh cho ngài Tuyết Đường khắc bản lưu hành ở đời và Tôi đem thưa hỏi các nơi, chưa rãnh đến đây, đến hai chùa Khổ Ân, Hưng Quốc ở Vân Trung mỗi nơi được một bản. Về sau ở phương trượng Vạn thọ kinh đô. Năm thứ tám niên hiệu Thanh Minh, Hoàng Thái Hậu Sùng Thiên Triều Liêu khắc in và ban hành định bản trong thiên hạ. Cùng với những văn sĩ hiệu đính và định khắc bản để lưu truyền lâu dài, thỉnh làm bài tựa. Lời giản dị, trình bày di ý của Tiên sư. Tôi nghe điều này rất vui nói: "Nay tâm của tôi chính là lòng của Khuê Phong từng âu lo cho đời. Nhưng không có văn này thì không giải quyết được những nghi hoặc, không làm tăng thêm sự truyền thừa này để lợi ích chúng sanh đời sau. Người học thấy điều này nhưng tình thức chưa dứt kiến giải chưa sanh, cũng đâu có ích gì?

Người xưa nói có bốn điều khó. Nay hai điều khó không có được một, thì ở các nơi người tham học có thể không phụ ý niệm lợi người hoằng pháp của Nhị sư, hết lòng bài trừ nghiên cứu, tình sạch kiến giải sanh. Như Vương Lương đủ sáu dây cương ngựa đi ngã tư đường. A Sư

lái thuyền Bát-nhã lên bờ kia, há có người nào khác nhau đạt được. Hàng Lâm Đãi Chế Triều Liệt Đại Phu đồng đính chính. Sử Quốc Giá Nhữ Chu làm tựa.

TỰA THIỀN NGUYÊN CHƯ THUYÊN TẬP ĐÔ TỰ

Thích Sử Bùi Hưu ở Miên Châu đời Đường thuật

Thiền sư Khuê Phong biên soạn Thiền Nguyên Chư Thuyên thành Thiền Tạng và Đô Tự. Bùi Hưu ở Hà Đông nói: "Chưa từng có, từ khi Đức Như Lai xuất hiện ở đời lập giáo tùy theo căn cơ, Bồ-tát giáng sanh theo bệnh cho thuốc, cho nên chỉ dạy một thời, mở ra ba môn có sâu cạn". Tâm nhất chân thanh tịnh, diễn bày pháp khác nhau của tánh tướng. Hai bậc Đại sĩ Mã Minh Long Thọ đều hoằng dương thuyết của Đức Phật. Nhưng tánh không khác tông. Hai sư Tuệ Năng, Thần Tú đều truyền tâm của Tổ Đạt-ma, nhưng lãnh thọ đốn tiệm khác nhau. Hà Trạch chỉ thẳng tri kiến, Giang Tây tất cả đều chân, Thiên Thai chỉ nương Tam quán, Ngưu Đầu không có một pháp. Họ phá hữu tướng rỗng không, thâu nhận tướng chân vọng, cướp ngược lấy xuôi, thân chỉ hiển bày thuyết, cho nên Thiên Trúc, Trung Hoa tông này thật nhiều, lý do bệnh có ngàn nguồn nên thuốc sanh ra nhiều loại. Vào cơ tùy theo căn khí không được đồng nhất, tuy đều là môn chứng ngộ, nhưng vào tận cùng đạo chánh chân, thì môn hạ của các tông y ít thông nên phân ra nhiều ban. Nên mấy mươi năm nay pháp của sư càng hoại thêm. Vì kế thừa cửa nhỏ nhưng mỗi mỗi tự mở toan, dùng kinh luận làm can qua, công kích lẫn nhau. Tình theo Hàm, Thỉ mà có thay đổi[1]. Pháp theo nhân ngã cho nên cao thấp, thị phi rối ren không thể phân tích. Thì người hướng giáo tông Bồ-tát Thế Tôn các phương vừa đủ để nổi lên tranh luận. Người sau tăng thêm bệnh phiền não, đâu có lợi ích gì. Đại sư Khuê Phong từ đâu đã than rằng: "Ta gặp thời này không thể im được"[2], do đó phải dùng ba thứ giáo nghĩa của Như Lai, để ấn khả ba

(1) Mạnh Tử nói: Người nước Thỉ đâu không nhân nghĩa với người nước Hàm? Người nước Hàm chỉ sợ làm tổn thương người. Người nước Thỉ chỉ sợ không hại được người bởi vì họ học theo nghệ thuật vậy. Nay học giả chỉ tùy theo tông đồ, mình, người trái nhau. Chữ Hàm là theo vận đời Đường. Từ kìm hàm là khải giáp. Chu Lễ thì người Hàm là giáp, tức là do người của giáp tạo ra. Chữ xưa phần nhiều chỉ viết như vậy, cho nên Mạnh Tử cũng viết thế

(2) Thi, thư, chánh, lễ, nhạc cực Trọng Ni bất đắc dĩ làm như vậy cho nên thuật lại mà không sáng tác. Thánh nhân quý đạo không quý vết tích. Ý đạo ta tu từ lâu phải có Phật, pháp, tông. Nay bỗng hòa hội các tông, há muốn lập dấu tích? Cũng là bất đắc dĩ thôi, đây là đương thời vậy, đúng là lúc hòa hội

pháp môn của Thiền tông để dung hợp bình, mâm, trâm, xuyến thành một thứ vàng và chấp nhận tô, lạc, đề hồ là một vị. Chấn hưng giềng mối đưa ra những điều đều thuận theo[3], làm căn cứ thể hội được yếu chỉ mọi người đồng hướng đến, còn sợ học giả không rõ. Lại trình bày thẳng gốc ngọn của Tông Nguyên hòa hợp chân vọng, ẩn hiện tánh không, sai khác của pháp nghĩa, đồng dị của đốn tiệm, hồi hổ của giá biểu, sâu cạn của huyền thật, thị phi của thông bít, đều nhắc nhở bên tai chỉ cho họ biết điều đó. Ngón tay, bàn tay đều chỉ bày bản tâm, dùng tiếng hống Sư tử, dùng những thư đoạn mềm nhuyễn để tiếp độ người, sữa và thuốc để hướng dẫn họ, sợ hại chết yểu hạt giống Phật. Trong lòng ôm ấp nhờ nước trôi lửa cháy, nắm tay và dẫn họ sợ họ rơi vào đường tà. Táo tác và tan rã, đau buồn phải cố gắng tranh đấu. Ánh sáng lớn không thể soi phá được những đêm dài tăm tối. Như cha mẹ không thể bảo bọc người con sau thân. Hoặc thầy ta nâng cao mặt trời Phật và hồi chiếu sâu sắc, một điều nghi cũng trừ hết. Thuận theo tâm Phật mở rộng đại bi, cùng kiếp mong được lợi ích. Vì Đức Thế Tôn là chủ xiển giáo, Thầy ta là người thể hội được giáo, gốc ngọn phù hợp nhau, xa gần chiếu sáng nhau, có thể mọi việc đã dạy xong thời giáo. Hoặc nói, từ Như Lai chưa từng có Đại Đô và thông hiểu điều này. Nay một sớm trái với tông thú và không giữ gìn được. Bỏ cửa phòng ngừa và không còn điểm tựa, không trái với đạo bí tạng mật khế sao?

- Phật ở trong hội Pháp Hoa và Niết-bàn cũng đã dung hội thành một vị; Nhưng người mê không biết, cho nên kinh Niết-bàn Bồ-tát Ca-diếp nói: "Chư Phật có mật ngữ không có mật tàng". Thế nên khen Ca-diếp nói: "Lời của Như Lai khai phát hiển lộ thanh tịnh không che giấu, người ngu không hiểu cho là bí tạng, người trí hiểu được cho là không che giấu. Để chứng minh điều này, cho nên vương đạo hưng thịnh thì cửa ngoài không đóng nhưng vẫn phòng giữ được giặc Nhung Di. Đạo của Phật đầy đủ các pháp tổng trì nhưng vẫn phòng ngừa với ngoại đạo, không nên cố tình chấp chặt tay ở đây.

Than ôi! Người học đời sau phải tin Phật không nên tin vào người. Phải chứng được pháp gốc, không nên học điều ngọn được như vậy thì không cô phụ đức cù lao của ngài Khuê Phong.

----

(3) Tuân Tử nói

THIỀN NGUYÊN CHƯ THUYÊN TẬP ĐÔ TỰ

QUYỂN THƯỢNG

Cũng gọi là Thiền-na Lý Hạnh Chư Thuyên tập. Sa-môn Tông Mật ở núi Khuê Phong Đường.

Thiền Nguyên Chư Thiên tập là viết những ngữ lục của các nhà sáng tác. Thuyên là biểu hiện đạo lý căn nguyên của Thiền môn, văn tự cú kệ gom lại biên thành một tạng để lại cho đời sau, cho nên đề hồ là tên này. Thiền là lời của Thiên Trúc, gọi đủ là Thiền-na, Trung Hoa dịch là tư duy tu, cũng gọi là tĩnh lự đều là tên chung của định tuệ. Nguồn là chân tánh bản giác bản giác của tất cả chúng sanh, cũng gọi là Phật tánh, cũng gọi là tâm địa. Ngộ gọi là tuệ tu gọi là định. Định tuệ gọi chung là Thiền-na. Tánh này là bản nguyên của thiền, cũng gọi là lý hạnh của Thiền-na. Bản nguyên này là lý thiền, quên tình là khế hợp với hạnh thiền, cho nên gọi là lý hạnh. Nhưng nay gom lại những trước tác của các nhà, bàn nhiều về lý thiền ít luận về hạnh thiền, cho nên mới dùng Thiền Nguyên để đề tựa. Thời nay có người thấy được chân tánh là thiền, nhưng không thông ý chỉ lý hạnh, lại không phân biệt được âm hoa và Thiên Trúc. Nhưng cũng chẳng phải là chân tánh riêng có thể thiền. Chỉ vì chúng sanh mê chân hiệp với trần, thì gọi là tán loạn, bối trần hiệp chân mới gọi là thiền định. Nếu luận thắng bản tánh thì không có chân không có vọng, không bối không hiệp, không định không loạn, ai nói thiền ư? Huống nữa chân tánh này chỉ là cội nguồn của thiền môn, cũng là nguồn của vạn pháp, cho nên gọi là pháp tánh, cũng là cội nguồn mê ngộ của chúng sanh, cho nên gọi là Tạng thức Như Lai Tạng; cũng là nguồn của vạn đức chư Phật, cho nên gọi là Phật tánh; cũng là nguồn của vạn hạnh Bồ-tát, cho nên gọi là tâm địa. Vạn hạnh không ra ngoài Lục độ Ba-la-mật, thiền môn chỉ là một trong sáu độ ấy. Nên biết nó là thứ năm, đâu thể đều thấy chân tánh là một thiện hạnh ư? Nhưng một hạnh thiền định là thần diệu nhất, có thể phát khởi tánh trí tuệ vô lậu trên. Tất cả diệu dụng vạn đức vạn hạnh, cho đến thần thông quang minh đều từ định phát, cho nên hàng học Tam thừa muốn cầu Thánh

đạo phải tu thiền. Lìa không môn này và lìa không đường này, cho đến niệm Phật cầu sanh Tịnh độ cũng phải tu Thập Lục Quán Thiền đạt đến Niệm Phật Tam-muội, Ban Chu Tam-muội. Hơn nữa chân tánh này không cấu không tịnh phàm thánh không khác nhau. Thiền thì có cạn có sâu, thứ lớp khác nhau. Nghĩa là mang tư tưởng chấp khác nên ưa trên chán dưới để tu, đây là thiền ngoại đạo. Người tin đúng nhân quả cũng tu theo ưa và chán đây là thiền phàm phu. Thiền Tiểu thừa thì hành giả tu theo phương pháp biết được ngã không nghiêng về lý chân. Tu theo Đại thừa là hành giả ngộ được ngã pháp cả hai đều không hiển bày được lý chân. Đốn ngộ tự tâm xưa nay thanh tịnh vốn không phiền não; Tánh trí vô lậu sẵn có đầy đủ, tâm này là Phật hoàn toàn không khác, người nương vào đây tu gọi là thiền Tối thượng thừa, cũng gọi là thiền Thanh tịnh của Như Lai, cũng gọi là Nhất hạnh Tam-muội, cũng gọi là Chân như Tam-muội. Đây là cội nguồn của tất cả Tam-muội, nếu hay niệm và nhờ tu tập, tự nhiên dần đạt được trăm ngàn Tam-muội. Môn hạ của Tổ Đạt-ma lần lượt truyền nhau là Thiền-này. Khi Tổ Đạt-ma chưa đến, xưa nay các nhà đã giải thích đều là Tứ thiền bát định trước. Các cao tăng tu đều đạt được công dụng. Nam Nhạc, Thiên Thai đều dạy nương vào lý Tam đồ tu Tam chỉ, Tam quán. Giáo nghĩa dù viên diệu nhất, nhưng vào cửa phải có thứ tự, cũng chỉ là hành tướng các thiền trước. Chỉ có pháp môn Tổ Đạt-ma đã truyền, đốn ngộ đồng thể Phật, khác hẳn với các môn, cho nên người tu tập trong tông môn khó đạt được ý chí này. Đạt được tức thành Thánh mau chứng Bồ-đề. Quên mất thì thành tà, liền vào đường hiểm. Tiên Tổ vén được mờ ngăn tội lỗi, cho nên chỉ truyền một người, đời sau đã có bằng chứng, cho nên tin ngàn đèn ngàn chiếu. Đến pháp lâu thành tệ người sai lầm nhiều, cho nên người học kinh luận nghi phỉ báng cũng lắm. Hơn nữa Phật nói đốn giáo, tiệm giáo, thiền mở đốn môn tiệm một môn. Hai giáo hai môn mỗi môn đều khế hợp nhau. Nay người giảng thiên về nghĩa tiệm. Người thiền thì thiên về đốn tông. Thiền giảng gặp nhau đâu cách biệt. Tông Mật không biết Túc Sanh làm sao huân được tâm này. Mình chưa giải thoát mà muốn mở trói cho người. Quên mình vì đạo, thương cho người tha thiết với thần tình. Mỗi lần than người cùng pháp khác nhau, pháp là vì người bệnh, cho nên soạn kinh luật, luận sớ khác nhau, để mở rộng môn giới định tuệ, hiển bày tính chất đốn ngộ trong tu tiệm, để chứng minh lời dạy của Sư hợp ý Phật. Ý thì có ngọn gốc nên trình bày quanh co, văn mênh mông nên khó tìm. Người học rộng tuy nhiều nhưng người có ý chí thì ít, huống nữa vết tích danh ngôn, ai biết được vàng thau.

Luống nhọc mình chưa thấy được cơ cảm. Tuy Phật nói bi để tăng thêm hạnh này, nhưng tự nghĩ di kiến khó phòng ngừa, liền thâu thập những điều vào núi tập định quân tuệ, khoảng mười năm dứt vọng tưởng chấp tướng. Những tập tình vi tế khởi diệt thấy rõ trong tỉnh tuệ. Nghĩa pháp khác nhau thấy la liệt ở trong tâm không. Mảy bụi lăng tăng trong ánh sáng mặt trời xuyên qua khe hở. Đầm trong thấy rõ những hình ảnh dưới nước, há sánh với kẻ si thiền giữ yên ngan không. Chỉ là kẻ cuồng tuệ tìm văn chương, nhưng xưa rõ được tự tâm nên biết rõ các giáo, cho nên tha thiết với tâm tông. Lại nhờ biết được các giáo nên hiểu tu tâm, cho nên chí thành với giáo nghĩa. Giáo là kinh luận của chư Bồ-tát và Phật để lại. Thiền là cú kệ của thiện tri thức đã trước tác. Chỉ có kinh Phật mở rộng cho cả chúng Đại Thiên Bát Bộ. Kệ thiền toát yếu, thành tựu được một cơ của phương này. Lưới nhiều thì mênh mông khó nương thành tựu cơ thì dụng dễ chỉ, nay biên tập là ở ý này.

Nói toát yếu thì văn phải giản lược, nghĩa một đầy đủ. Lý cô đọng nhiều nghĩa nhưng văn ít. Vả lại kinh chư Phật nói đều đủ nghĩa pháp nhân, quả, tín, tu, chứng, tuy mỗi thế giới khác nhau nhưng hóa nghi không khác. Nhưng đều lập giáo đầy đủ, hội Hoa Nghiêm mỗi vị, đều kết hợp mười phương thế giới đều đồng thuyết này. Nay xem tập chư gia thiền thuật, phần nhiều là tùy theo hỏi ngược lại với bản chất toàn lập toàn phá, không thấy được đầu mối thứ tự này thì không thấy được trước sau, há được tên toát yếu Phật giáo sao?

- Phật ra đời Thập giáo là tùy theo xứ sở đệ người. Mỗi sự thể khác nhau, nhưng Phật giáo muôn đời đều có bằng chứng. Lý phải trình bày khúc chiếc, Thầy dạy ngay đó độ thoát. Ý khiến huyền thông, huyền thông thì quên lời, cho nên ngay lời không để lại vết tích. Dấu tích dứt ở ý, lý hiện ở nguồn tâm thì tin hiểu tu chứng, không bị trở ngại tự nhiên thành tựu. Kinh luật sớ luận, không học mà tự nhiên thông suốt sâu xa. Cho nên có hỏi tu đạo, thì đáp vì không tu đạo. Có cầu giải thoát thì nói ai trói. Có hỏi đường thành đạo thì nói vốn không phàm phu. Có người hỏi lâm chung an tâm thì nói xưa nay không việc, hoặc cũng nói đây là vọng, đây là chân. Dụng tâm như thế thì dừng nghiệp cũng như vậy. Nói tóm lại, tùy theo việc đương thời mà ứng có lúc đó, đâu có tháp nhất định tên là A-nậu-bồ-đề, đâu có hạnh nhất định tên là Ma-ha-bát-nhã, chỉ đạt được tình kcó sở niệm. Ý không tạo tác, tâm không chỗ sanh, tuệ không chỗ trụ tức là chân tín, chân giải, chân tu, chân chứng. Nếu người không liễu được tâm mình chỉ chấp danh giáo muốn cầu Phật đạo. Há không thấy chữ thức xem kinh vốn không chứng ngộ. Bỏ văn

giải thích nghĩa chỉ lẫy lừng tham sân ư? Huống nữa A-nan đa văn tổng trì nhiều năm không chứng Thánh quả. Dứt duyên phản chiếu tạm thời liền chứng vô sanh thì biết được sự lợi ích của Thừa giáo, mới độ được người. Mỗi thứ đều có nguyên nhân, không nên quở trách văn tự.

- Đã trọng ý không quý văn, thì tại sao biên tập các câu kệ này?

- Biên tập có hai ý: 1/ Dù có kinh Thầy truyền mà ngộ thì không rõ được cứu cánh, lại không gặp được các bậc thiện tri thức khắp nơi khám nghiệm được sở ngộ của mình, nay phải xem lại lời ý thiên kiến của chư Sư, để thông tâm này và dứt những niệm sót lại; 2/ Để cho người ngộ hiểu rõ muốn làm Thầy người, khiến họ kiến văn rộng và tăng thêm thiện xảo kia, nương vào kiến giải truyền trao và đáp câu hỏi. Tức là ở trên nói: "Lưới Thiên giới mênh mông khó nương, thành tựu một phương thì dụng dễ chỉ". Nhưng lại chẳng phải là chỉ tính chất của môn quên lời, cũng kiêm luôn sự giáo hóa lợi ích của Thiền giáo. Chẳng những chỉ khiến cho ý hợp với Phật, cũng muốn khiến văn hợp với kinh. Văn đã giống hay trái mà khiến cho hợp với sự thật. Vì không dễ phán xét một tạng kinh, Đại thừa, Tiểu thừa, lý quyền thật liễu nghĩa hay không liễu nghĩa, mới ấn định được các tông thiền môn mỗi tông có chỉ thú không trái với ý Phật. Nghĩa là một tạng kinh luận thống nhất chỉ có ba. Thiền môn nói giáo cũng thống nhất ba tông, phối hợp hợp nhau mới thấy viên thành.

Nay học thiền tại sao nói liên quan đến kinh luận?

- Có mười nguyên nhân phải biết kinh luận dùng quyền thật mới biện luận được các tông phái thiền đúng hay sai. Lại phải biết tánh tướng tâm, thiền mới hiểu được sự lý kinh luận: 1. Sư phải có gốc ngọn bằng chứng để lấy gốc ấn khả cho ngọn; 2. Thiền phải có các tông hỗ tương những chiều trái nhau; 3. Kinh như giấy mực mặc định tà chánh; 4. Kinh có quyền thật tu nương liễu nghĩa; 5. Lượng có ba thứ để khám nghiệm khế hợp phải đồng; 6. Nghi có nhiều ban để giải quyết không; 7. Nghĩa pháp không đồng phải khéo biết rõ; 8. Tâm không tánh tướng tên đồng nghĩa khác; 9. Ngộ tu đốn tiệm nhưng giống trái nhau; 10. Sư trao phương tiện phải biết đây là thuốc bệnh.

- Sư có gốc ngọn: Nghĩa là Thỉ Tổ các tông là Thích-ca. Kinh là lời Phật, thiền là tâm Phật. Tâm ý chư Phật hoàn toàn không trái nhau. Chư Tổ kế thừa căn bản là Phật, đích thân trao cho Bồ-tát là ngọn. Chỉ cần hoằng truyền kinh Phật. Huống nữa Ca-diếp cho đến Cúc-đa hoằng truyền đều kiêm luôn Tam Tạng. Đề-đa-ca về sau, nhân Tăng tranh luật giáo biệt hành. Đến nay nước Kế Tân, nhờ vua gạn hỏi kinh luận

phân hóa, giữa đó Mã Minh Long Thọ là Tổ sư, tạo luận giải thích kinh mấy ngàn vạn kệ. Thấy phong hóa chúng sanh không nhất định vào sự nghi, chưa thấy có người giảng hủy báng thiền, người phái thiền hủy báng giảng. Đạt-ma thọ pháp Thiên Trúc đích thân sang Trung Hoa, thấy người học phương này phần nhiều chưa đắc pháp, chỉ dùng danh số làm giải, sự tướng làm hạnh. Muốn cho họ biết mặt trăng không phải ngón tay pháp là tâm ta, cho nên chỉ dùng tâm truyền tâm, không lập văn tự; hiển tông phá chấp nên nói lời này. Chẳng lìa văn tự nói giải thoát cho người truyền giáo được ý thì từng khen kinh Lăng-già và Lăng Nghiêm rằng: "Hai kinh này là tâm yếu của ta". Thời nay đệ tử kia đây mê nguồn. Người tu tâm cho kinh luận làm biệt tông. Người thuyết giảng chi thiền môn là biệt pháp. Họ nghe bàng nhân quả tu chứng thì thuộc vào những kinh luận, không biết tu chứng chính là việc chính của thiền môn. Nghe nói tức tâm tức Phật, thì thuộc hoài bão nhà thiền, không biết tâm và Phật chính là bản ý của kinh luận (1). Nếu nay không dùng quyền thật của kinh luận để phối hợp sâu cạn của Thiền tông, thì đâu thể dùng giáo chiếu sáng tâm, dùng tâm giải thích giáo.

- Thiền có các tông phải trái hỗ tương nhau: Nay biên tập tác phẩm của trăm nhà, tông nghĩa khác vẫn còn ở trăm nhà. Nghĩa là Giang Tây, Hà Trạch, Bắc Tú, Nam Năng, Ngưu Đầu, Thạch Đầu, Bảo Đường, Tuyên Thập và Trù Na, Thiên Thai... lập tông trắc trở hỗ tương nhau, có dùng không làm gốc, có dùng tri là nguồn, có nói tịch lặng mới chân, có nói hành, tọa đều phải, có nói ngày nay thấy sớm phân biệt tạo tác tất cả đều vọng, có nói phân biệt tạo tác tất cả đều chân, có vạn hạnh đều còn, có cả Phật cũng mất, còn buông thả chí này, còn câu thúc tâm kia, còn dùng kinh luận làm chỗ nương, chẳng những nói rộng còn nói chính xác. Chính xác hoằng truyền tông này, hủy đúng loại kia, tranh được hòa hội. Hỏi là liền thâu nhận, chẳng phải điều đó thì lựa chọn, tại sao phải hòa hội sâu xa?

- Hoặc không, hoặc có, hoặc tánh, hoặc tướng đều không kỵ tà, nhưng mỗi duyên đều chỉ có mình là phải, bài xích kia là sai. Xác định mình người cho nên phải hòa hội.

Đều chẳng phải tà, thì mỗi thứ tin và xác định, tại sao phải hội họp.

- Chí đạo chỉ đưa về một mối không hai, không nên còn hai thứ. Chí đạo chẳng phải một bên phải rõ không thiên lệch, không chấp một, cho nên phải hội thành một khiến cho đều viên diệu. Đem băng trộn với lửa thế không còn cả hai, đem mâu đâm thuẫn thì cả hai không thành

công. Các tông đã cùng trái nhau. Một điều đúng thì phải có một điều sai, làm sao hội hợp lại làm cho đều nhiệm mầu.

- Đều còn pháp này đều đuổi bệnh kia thì đều viên diệu. Nghĩa là dùng pháp thành tựu người thì khó, dùng người thành tựu pháp thì dễ. Người phần nhiều theo tình cùng chấp, chấp thì trái nhau, dễ như băng lửa hòa nhau, khó như mâu và thuẫn kích nhau. Pháp vốn gọi lý cùng thông, thông thì thuận nhau tự nhiên. Đọng hay chảy đều là nước, vòng và xuyến đều là vàng chỉ khác hình thức. Nói tóm lại, hạn cuộc thi sai, hội họp thì phải. Nếu không dùng lời Phật mỗi mỗi chỉ dạy ý này và mỗi thâu nhận sở trường kia để thống nhất ba tông đối với Tam giáo, thì làm sao để hội lại thành một thời thiện xảo đều thành pháp môn diệu yếu. Mỗi mỗi quên tình này đồng về biển trí(2). Ba kinh như thước dây mặc định tà chánh, dây mực không khéo, công xảo như dây mực làm chứng cứ. Kinh luận chẳng phải thiền, người truyền thiền đem kinh luận làm chuẩn. Những người trung căn hạ căn chỉ nương vào Thầy, Thầy xem căn cơ của mình theo đó chỉ dạy truyền trao. Hạng thượng căn ngộ được Viên thông, chưa nghiên cứu lời Phật thì đâu đồng với Phật.

Hiện tại đều có kinh Phật, người tu học thường đọc nghiên cứu thể hội. Nay biên tập thiên tại sao phân tích kinh?

- Ý này thì phải thứ tự văn của nó để đáp câu hỏi này. Tứ kinh có quyền thật phải nương ý nghĩa. Nghĩa là Phật nói các kinh có theo lời ý của mình, có theo lời ý của người khác, có khi nói lý cứu cánh, có khi tùy theo căn cơ đương thời. Có khi nói tánh tướng, có khi nói đốn tiệm Đại thừa Tiểu thừa, có khi nói liễu nghĩa và bất liễu nghĩa. Văn nhiều khi nghịch với thể tướng, trái nghĩa nhưng đều viên thông vô ngại. Long Tạng tan vỡ đâu thấy được ý chỉ quay về, cho nên nay lấy mười điều còn lại chỉ Đô để lựa chọn điều này, để cho một thời thấy trọn vẹn ý Phật. Sau khi thấy được ý Phật thì nghiên cứu đủ một tạng, thì câu câu biết tông. Ngũ Lượng có ba điều để nghiệm xét khế ngộ phải đồng. Các bậc Hiền thánh ở Tây Vức đã giải thích nghĩa pháp đều dùng Tam lượng để ấn định: 1/ Tỷ lượng. 2/ Hiện lượng. 3/ Phật ngôn lượng. Lượng như độ lượng thăng đấu đo lường đồ vật biết được chính xác. Tỷ lượng, dùng nhân duyên thí dụ để so sánh. Như thấy lửa ở đằng xa thì biết đó có lửa. Tuy không thấy lửa cũng chẳng phải là hư vọng. Hiện lượng là tự thân thấy, không mượn vật bên ngoài suy lường, tự nhiên vẫn xác định được. Phật ngôn lượng là dùng các kinh làm xác định. Khám nghiệm khế ngộ phải đồng, nếu chỉ nương lời Phật không tự do lường chứng ngộ tâm mình, chỉ là tin mông lung, không có ích lợi cho mình.

Nếu chỉ chấp vào hiện lượng tự thấy là đúng, thì không khám nghiệm được lời Phật, đâu biết được đúng hay sai. Lục sư ngoại đạo đích thân thấy được lý sở chấp, tu cũng đạt được công dụng tự cho là đúng, đâu biết là tà. Nếu người chỉ dùng Tỷ lượng đã không có Thánh giáo và tự thấy, thì đâu có so sánh, so sánh pháp nào, cho nên phải có Tam lượng để trắc nghiệm đồng mới là quyết định Thiền tông phần lớn có tỷ lượng và hiện lượng. Nay lại dùng kinh luận để ấn chứng thì đủ Tam lượng. Lục nghi có nhiều ban phải thông tất cả trong mấy mươi năm từng có Đại Đức kinh luận. Tôi nói: "Tứ Thiền Bát Định đều ở thượng giới, cõi này không thiền". Hễ người tu thiền thì phải nương vào kinh luận để hướng dẫn thiền định thượng giới, nhưng tu tập ở cõi này, người tu tập thành tựu đều là thiền kia, các giáo có nói không vượt ra điều này, tại sao bỏ Tứ thiền bát định nói thiền môn. Đã không nương kinh tức là tà đạo. Lại có người hỏi, kinh nói: "Tiệm tu nhiều kiếp mới chứng Bồ-đề. Thiền nói đốn ngộ sát-na liền thành Chánh giác. Kinh là lời Phật, thiền là lời Tăng, trái Phật tuân theo Tăng, thầm nghi chưa được". Lại có người hỏi: "Yếu chỉ thiền môn không thị không phi, hại oán thân không sân, không hỷ, cớ sao Nam Năng Bắc Tú hiềm khích nhau như lửa, nước và vết rạng nứt giữa Hà Trạch Hồng Châu, Tham Thương". Lại có người hỏi: "Sáu đời Thiền tông Thầy trò truyền trao thiền pháp đều nói rằng: "Nội truyền một ngữ ngoại truyền y làm biểu tín". Y pháp là tinh thần và vật chất dùng để ấn khả, về sau Tào Khê không nghe điều này, chưa biết thời nay giáo hóa người có nói mật ngữ không?"

- Người không nói thì đã truyền chẳng phải pháp của Tổ Đạt-ma, người nói và nghe hợp lại hết tất cả được y.

Lại có Thiền Đức hỏi rằng: "Đạt-ma truyền tâm không lập văn tự, những người nào trái với Tiên Tổ giảng luận truyền kinh?" Gần đây lại hỏi: "Tịnh Danh đã quở ngồi yên. Hà Trạch mỗi lần quở trách lắng tâm. Tào Khê mỗi lần thấy người ngồi kiết già từng lấy gậy đánh". Nay lại hỏi: "Mỗi các ông nhân giáo giới khuyên tọa thiền, am thiền la liệt khắp nơi ở núi cao hang động, trái với tông khác với tổ, tôi thầm nghi điều này. Tôi tuy tùy thời đối đối mỗi thứ, nhưng người nghi thì có ngàn vạn, lo cho họ chưa được nghe. Huống nữa gạn hỏi những điều tình đều thiên chấp. Đã chấp nên mỗi thứ khác nhau, đây kia trái ngược, nhờ trình bày rõ nghi càng tăng thêm bệnh, cho nên phải mở ba nghĩa môn bình luận một tạng kinh, đáp hết nghi trước đều thông suốt. (3) Bảy pháp nghĩa không đồng phải khéo phân biệt để biết. Hễ muốn giải thích rõ các pháp tánh tướng, trước phải phân biệt được pháp nghĩa. Nương

pháp giải thích nghĩa, thì nghĩa rõ ràng, dùng nghĩa nói pháp, pháp liền hiển rõ. Nay theo thế nhân nói điều này, như vàng thiệt theo người thợ đủ duyên làm vòng trâm chén mâm các vật dụng, tính chất vàng không đổi thành đồng thiết. Vàng tức là pháp, không biến đổi tùy theo duyên là nghĩa. Giả sử có người hỏi, nói vật gì không biến đổi, vật gì tùy duyên? Chỉ đáp chung là vàng. Để dụ cho một tạng kinh luận về nghĩa lý, chỉ là nói về tâm. Tâm tức là pháp, tất cả là nghĩa. Thế nên kinh nói: "Vô lượng nghĩa sanh từ một pháp, nhưng vô lượng nghĩa thống nhất chỉ có hai thứ: 1/ Bất biến. 2/ Tùy duyên. Các kinh chỉ nói tâm này tùy theo duyên mê ngộ thành cấu tịnh, phàm Thánh, phiền não, Bồ-đề, hữu lậu, vô lậu v.v... cũng chỉ nói tâm này cấu tịnh... Từ xưa đến nay chưa từng biến đổi, thường tự vắng lặng chân thật như như. Giả sử có người hỏi: "Nói pháp nào không biến đổi, chỉ đáp chung là tâm không biến là tánh, tùy duyên là tướng. Xiên biết tánh tướng đều là thượng nghĩa Nhất thừa. Nay hai tông tánh tướng đều sai lý do không biết chân tâm. Mỗi mỗi lần nghe nói đến chữ tâm thì ám chỉ là thức thứ tám là nghĩa chân tâm tùy duyên trên. Cho nên Bồ-tát Mã Minh lấy một tâm làm pháp, lấy hai môn chân như sanh diệt làm nghe. Luận rằng: "Nương tâm này hiển bày nghĩa Ma-ha-diễn. Tâm chân như là thể, tâm sanh diệt là tướng dụng, chỉ nói tâm này không hư vọng cho nên nói là chân, không biến đổi cho nên nói là như". Do đó, trong luận mỗi mỗi nói tâm chân như, tâm sanh diệt. Thời nay người học thiền phần nhiều không biết nghĩa này, cho nên chỉ nói tâm là thiền. Người giảng phần nhiều không biết pháp, cho nên chỉ theo tên nói nghĩa. Tùy theo tên sanh kiến chấp khó có thể hội được. Nghe nói về tâm cho là cạn, nghe tánh thì nói sâu, hoặc bỏ dùng tánh làm pháp, dùng tâm làm nghĩa cho nên phải theo ba Tông luận tướng đối chiếu pháp nghĩa là đã hiển bày, chỉ về nhất tâm, tự nhiên không còn tranh luận. Tám tâm thông tánh tướng tên đồng nhưng nghĩa khác. Các kinh hoặc quở tâm là giặc, chế phục để đoạn trừ tâm vọng, hoặc ca ngợi tâm là Phật, khuyên họ tu tập. Hoặc nói tâm thiện, tâm ác, tâm tịnh, tâm cấu, tâm tham, tâm sân, tâm từ, tâm bi. Hoặc nói gá cảnh tâm sanh, hoặc nói tâm sanh do cảnh. Hoặc nói tịch diệt là tâm, hoặc nói duyên lự là tâm, cho đến các thứ trái nhau. Nếu không dùng các tông tương đối hiểu biết, thì người xem kinh đâu thể biết được, có nhiều thứ tâm, hay là chỉ một tâm? Nay trình bày sơ danh thể, nói rộng về tâm, lược có bốn thứ. Phạm ngữ mỗi nơi khác nên dịch ra cũng khác. 1/ Ngật-lợi-đà-da, Trung Hoa dịch là nhục đoàn tâm, đây là tâm ngũ tạng trong thân (4). 2/ Duyên lự tâm, đây là tám thức

đều có thể duyên lự vào phần cảnh của mình (5). Tám thức này mỗi thức đều có tâm sở thiện, ác khác nhau. Trong các kinh các tâm sở đều gọi là tâm, nghĩa là tâm thiện, tâm ác... 3/ Chất-đa-la Trung Hoa dịch là tập khởi tâm, chỉ có thức thứ tám tích tập chủng tử rồi sanh hiện hành (6). 4/ Càn-lật-đà-la, Trung Hoa dịch là kiên thật tâm cũng gọi là trinh thật tâm, đây là chân tâm. Nhưng thức thứ tám tự thể không khác, chỉ là chân tâm nhưng vì bất giác, cùng với các vọng tưởng có hòa hợp hay không hòa hợp, hàm chức nhiễm tịnh làm tàng thức không hòa hợp. Thể thường không biến đổi là chân như, đều là Như Lai Tạng, cho nên kinh Lăng-già nói: "Tịch diệt gọi là nhất tâm, nhất tâm tức là Như Lai Tạng. Như Lai tạng cũng là thuộc pháp thân". Như kinh Thắng Man nói: "Nên biết bốn tâm vốn đồng một thể". Cho nên kinh Mật Nghiêm nói: "Phật nói Như Lai Tạng là A-lại-da. Ác tuệ không thể biết tạng tức là thức lay-da(7)" Như Lai thanh tịnh tạng, thế gian A-lại-da như vàng và vòng đeo tay lần lượt không khác nhau. Nhưng tuy đồng thể, nghĩa chân vọng khác, gốc ngọn cũng khác, ba thứ trước là tướng, một thứ sau là tánh. Nương tánh khởi tưởng bởi vì có nguyên nhân. Hội tướng về tánh đều có lý do. Tánh tướng không ngại đều là nhất tâm. Mê nó thì gặp việc xoay mặt vào vách. Ngộ nó thì vạn pháp rõ như gương. Nếu không tìm văn cú, hoặc tin hoài bảo trong mình, đối với nhất tâm tánh tướng này làm sao liễu hội, chín ngộ tu đốn tiệm giống nhưng ngược lại phù hợp. Nghĩa là các kinh luận và chư thiền môn hoặc nói trước nhờ tiệm tu thành công hoát nhiên đốn ngộ, hoặc nói trước tu đốn ngộ sau mới tiệm tu. Hoặc nói do đốn ngộ cho nên tiệm ngộ, hoặc nói ngộ tu đều tiệm, hoặc nói đều đốn, hoặc nói pháp không đốn tiệm, đốn tiệm tại căn cơ. Như trên nói, mỗi thứ đều có ý nghĩa. Nói ngược lại nghĩa là đã ngộ thì thành Phật vốn không phiền não gọi là đốn tức là không phải tu đoạn. Tại sao nói là tiệm tu? Tiệm tu tức là phiền não chưa hết, nhân hạnh chưa viên mãn, quả đức chưa đầy đủ, thì làm sao gọi là đốn. Đốn tức là không phải tiệm, tiệm thì không phải đốn thế nên nói là trái nhau. Như trả lời ở hội dưới, tức là đốn tiệm không phải không trái nhau, ngược lại có bản chất hỗ tương cho nhau. Mười thầy trò truyền nhau phải biết bệnh thuộc. Nghĩa là tiếp nhận sự truyền trao ở trên phương tiện đều chỉ bày bản tánh, mới khiến nương tánh tu thiền. Tánh không dễ ngộ phần nhiều do chấp tướng, cho nên muốn hiển bày tánh trước phải phá chấp. Phương tiện phá chấp thì phàm thánh đều dứt, công lỗi đều tiêu. Giới thì không phạm không trì, thiền thì không định không loạn. Ba mươi hai tướng là không hoa, ba mươi hai phẩm trợ đạo đều là mộng huyễn, ý

khiến cho tâm không chấp trước mới tu thiền được. Hậu học hiểu cạn, liền chấp lời này cho là đạo cứu cánh, lại hướng dẫn môn nhân tu tập phần nhiều là buông lung, cho nên phải nói rộng ưa, ghét, hủy trách, tham sân, ca ngợi siêng thúc liễm thân, điều hòa hơi thở có thứ bậc. Người sau nghe điều này dùng lầm bản giác, một bề chấp tướng. Chỉ có những hạng người lợi căn vững chí, trước sau thờ thầy mới được ngộ ý chỉ tu; còn những hạng người tánh nông cạn, vừa nghe một ý vội cho là đủ, nhưng nương vào tiểu tuệ muốn làm Thầy người, chưa thẩm thấu được gốc ngọn phần nhiều thành thiên chấp, cho nên môn họ đốn tiệm thấy nhau như kẻ thù. Trong tông Nam Bắc đã kích nhau như Hán Sở. Dạy người rửa chân như mò tượng. Để chứng nghiệm điều này, nay trước thuật. Há muốn khác thánh một gốc nên sưu tập thành một hội, cốt phải tròn thành ba điểm, mỗi tông khác đều không thành. Ba tông nếu trái nhau thì đâu thể thành Phật. Cho nên biết muốn hiểu sự truyền trao thuốc và bệnh, phải thấy được ba tông không trái nhau, phải hiểu ba lời dạy của Phật.

Từ trước đến nay mười lý đã trình bày rõ ràng, nhưng đáp kỹ về ba tông Thiền và ba tông Giáo, như đem kinh để cân xứng đủ để định sâu cạn. Trước hết trình bày về thiền môn, sau là dùng giáo để chứng minh.

Ba tông thiền: 1/ Tông dứt vọng tu tâm; 2/ Tông dứt bặt không còn chỗ nương; 3/ Tông chỉ thắng tâm tánh.

Ba giáo: 1/ Nương vào tánh nói tướng. 2/ Mật ý phá tướng hiển tánh. 3/ Hiển bày chân tâm tức tánh. Chính yếu của ba giáo này như đồng với ba tông trước, đối nhau nhưng mỗi bên đều chứng minh cho nhau, về sau hội chung thành một vị. Nay trình bày Thiền tông trước.

1. *Dứt vọng tu tâm:* Nói chúng sanh tuy vốn có Phật tánh, nhưng do vô minh từ vô thủy che mất không thấy cho nên chịu luân hồi sanh tử. Chư Phật đã đoạn vọng tưởng, cho nên thấy tánh rõ ràng; Ngài ra khỏi sanh tử được thần thông tự tại. Nên biết công dụng của phàm thánh khác nhau, ngoại cảnh nội tâm mỗi thứ đều có giới hạn, cho nên phải nương lời sư dạy bối cảnh quán tâm, dừng diệt vọng niệm, niệm hết thì giác ngộ biết tất cả. Như gương bị dính bụi phải siêng lau chùi, trần hết thì ánh sáng hiện không vật gì không chiếu. Lại nữa, phải hiểu rõ phương tiện để vào cảnh giới thiền, xa lìa chỗ ồn ào ở nơi vắng vẻ, ngồi yên điều thân, điều hơi thở, lưỡi trụ trên vòm miệng, tâm trụ một cảnh. Các môn hạ của Nam Năng, Bắc Tú, Bảo Đường, Tuyên Thập... đều thuộc loại này. Ngưu Đầu, Thiên Thai. Tuệ vui, Cầu-na... tiến vào

phương tiện dấu tích rất giống nhau, kiến giải thì khác.

2. *Dứt bặt không còn chỗ nương:* Nói pháp phàm thánh bằng nhau đều là như huyễn như mộng không có. Xưa nay không tịch chẳng phải nay mới không, thì đạt được vô trí cũng không thể được. Pháp giới bình đẳng không có Phật, không chúng sanh. Pháp giới cũng là giả danh, tâm thì không có, ai nói pháp giới không tu + vô tu, vô Phật không Phật. Giả sử có một pháp hơn Niết-bàn thì ta nói cũng như mộng huyễn, không có một pháp để bó buộc, không có Phật để làm, hễ có chỗ làm đều là mê vọng. Rõ biết như thế thì xưa nay không có vật gì. Tâm không chỗ nương mới thoát được điên đảo, mới gọi là giải thoát. Thạch Đầu, Ngưu Đầu về sau đến Kinh Sơn đều chỉ dạy lý này, liền khiến cho tâm hạnh tương ưng với điều này, không để ngưng trệ trong một pháp, lâu ngày công đến trần nhóm tự quên, thì đối với oán thân khổ lạc tất cả không ngại. Nhân đây liền có một loại Đạo sĩ Nho sinh nhân tăng đi tham thiền lý đều nói lời này, cho là cùng tột không biết được tông này. Không chỉ dùng lời này làm pháp, Hà Trạch, Giang Tây, Thiên Thai các môn hạ của họ đều nói lời này, nhưng chẳng phải là Sở tông.

3. *Hiển bày thẳng tâm tánh:* Nói tất cả các pháp hoặc có, hoặc không đều chỉ là chân tánh. Chân tánh không tướng vô vi, thể chẳng phải tất cả. Nghĩa là chẳng phải phàm, chẳng phải thánh, chẳng chân, chẳng quả, chẳng thiện, chẳng ác... Nhưng dụng của thể thì hay tạo tác các thứ. Nghĩa là phàm, làm Thánh hiện sắc, hiện tướng... Ở trong chỉ bày tâm tánh, lại có hai loại:

1) Là nay có thể là ngôn ngữ, động tác, tham sân, từ nhẫn tạo thiện ác chịu những khổ vui, thì thật tánh của ông thì xưa nay là Phật, ngoài đây ra không có Phật nào khác. Liễu thì Thiên chân tự nhiên, cho nên không thể khởi tâm tu đạo. Đạo tức là tâm, không thể đem tâm lại tu tâm. Ác cũng là tâm, không thể đem tâm đoạn tâm. Không đoạn không tu thản nhiên tự tại, mới gọi là giải thoát. Tánh như hư không, không thêm không bớt. Mượn gì để tu bổ thêm, chỉ tùy thời tùy chốn dừng nghiệp, dưỡng thai thánh lớn mạnh, hiển phát tự nhiên thần diệu, đây tức là chân ngộ, chân tu, chân chứng.

2) Các pháp như mộng, chư Thánh đồng nói, cho nên vọng niệm vốn lặng, trần cảnh vốn không. Tâm không lặng linh tri không mê mờ, thì đây là biết lặng lẽ, là chân tánh của ông. Mặc tình mê, ngộ tâm vốn tự biết, không mượn duyên sanh không nhờ cảnh khởi. Một chữ biết các môn nhiệm mầu. Do vì từ vô thủy đến mê, vọng chấp thân tâm là ngã khởi lên những niệm tham sân, nếu được bạn lành chỉ dạy, đốn ngộ

biết không tịch. Hơn nữa cái hằng biết không niệm không hình, thì ai là ngã tướng, nhân tướng. Biết các tướng không, tâm tự không niệm. Niệm khởi lìa giác, tỉnh giác được thì không cần tu hành diệu môn chỉ ở đây. Cho nên tu đủ muôn hạnh, chỉ dùng vô niệm làm tông. Nhưng khi đạt được vô niệm tri kiến, thì yêu, ghét tự nhiên lạnh nhạt, bi trí tự nhiên sáng dần, tội và nghiệp tự nhiên đoạn trừ, công hạnh tự nhiên thăng tiến. Đã biết các tướng chẳng phải tướng, tự nhiên tu mà không tu, phiền não hết thì sanh tử liền dứt, sanh diệt diệt rồi, tịch diệt hiện tiền và ứng dụng không cùng. Tên này là Phật, nhưng ở đây hai nhà đều hội tướng về tánh, cho nên đồng một tông. Nhưng trong ba tông trên lại có tôn giáo mạn giáo, theo tướng phỉ báng tướng, chống cự bên ngoài khó thành một môn, khéo léo để tiếp chúng sanh bên ngoài. Khuôn phép dạy đệ tử các môn không đồng, đều là nhị lợi hành mỗi môn đều tùy theo phương tiện này, cũng không mất. Nhưng lý của tông thì không hợp chia thành hai mươi mốt cho nên phải theo sự hòa hội của Phật. Thứ nữa lại chia Phật giáo gồm ba thứ:

Mật ý nương nói tướng giáo. Trong một giáo này có ba hạng:

- Là dạy nhân quả người trời, nói nghiệp bao thiện ác để cho biết nhân quả không lầm. Sợ khổ Tam đồ cầu vui nhân thiên. Tu tất cả hạnh lành như bố thí, trì giới, thiền định được sanh vào nhân đạo Thiên đạo cho đến sắc giới vô sắc giới, đây gọi là dạy nhân quả người trời.

- Nói đoạn hoặc diệt khổ an vui: Nói ba cõi không an đều như khổ nhà lửa, dạy họ đoạn tập của nghiệp hoặc, tu đạo chứng diệt tùy theo căn cơ. Đã nói pháp số luôn sai khác để chọn lựa tà chánh, để phân biệt Thánh phàm, để phân tích nhàm chán để rõ nhân quả. Nói chúng sanh ngũ uẩn đều không có ngã chủ, tâm suy nghĩ từ xưa đến nay đều là sức nhân duyên, niệm niệm sanh diệt không cùng, như nước chảy lờ đờ, như ánh đèn cháy, thân tâm giả hợp giống như thường; phàm ngu không biết chấp là ngã, báu này là ta nên khởi lên ba độc tham, sân, si. Ba độc thuộc ý thức phát động ra thân khẩu ý tạo thành tất cả nghiệp; khi thành nghiệp thì khó tránh, cho nên thân chịu khổ vui trong năm đường. Ba cõi có những nơi hơn kém, nên thì thọ thân lại chấp làm ngã, lại khởi tham... tạo nghiệp thọ báo. Thân thì sanh, lão, bịnh, tử, chết rồi thọ sanh. Cõi nước thì thành trụ, hoại không, rỗng không rồi lại thành, đời đời, kiếp kiếp luân hồi không ngừng, vô thủy vô chung như miệng giếng, đều do không biết thân này vốn không là ngã.

- Không phải ngã, vì thân này vốn nhờ sắc tâm hòa hợp làm tướng. Nay suy tìm phân tích, sắc có bốn thứ: địa, thủy, hỏa, phong, tâm có thọ

tưởng hành thức. Nếu đều là ngã, thì thành tám ngã. Huống nữa trong ngã có ba trăm sáu mươi phân đoạn. Mỗi phần đoạn khác nhau như da, lông, gân, thịt, gan, tim, phổi các thứ ấy không giống nhau. Các tâm sở này mỗi thứ cũng không đồng, thấy không phải là nghe, vui chẳng phải là buồn. Đã có nhiều loại như thế không biết xác định thứ nào là ta. Nếu đều là ngã, thì một ngã có trong thân trăm ngàn ngã nhiều chủ phân loạn, lìa đây ra lại không có pháp khác, suy xét ngược lại thì ngã không được. Ngộ được thân tâm này đều là các duyên dường như tướng hòa hợp vốn chẳng phải một thể, giống như tướng ngã nhân nhưng chẳng phải là tướng ngã nhân. Vì ai tham sân, ai sát đạo, ai tu bố thí, trì giới, ai sanh nhân thiên. Không kẹt tâm trong ba cõi hữu lậu thiện ác, chỉ tu vô ngã quán trí, dùng đó đoạn tham... dừng các nghiệp, chứng được ngã không chân như, đạt được quả Tu-đà-hoàn, cho đến diệt hết lỗi chứng được quả A-la-hán thân tiêu, trí diệt xa lìa các khổ.

- Đem thức phá cảnh: Trên nói sanh diệt... là pháp không có liên quan đến chân như, nhưng đều do chúng sanh từ vô thủy đến nay, pháp như vậy có tám thức. Ở trong tạng thức thứ tám, nó là căn bản, đốn ngộ thì biến đổi chủng tử căn thân khí thế giới, chuyển sanh bảy thức, mỗi thức có khả năng biến hiện phân ra sở duyên. Ngoài tám thức này đều không có pháp thật.

Biến thế nào?

- Ngã pháp phân biệt huân tập thành sức mạnh. Khi các thức sanh biến giống như ngã pháp. Mai thúc sáu chảy do vô minh che, duyên vào đây chấp thật ngã, thật pháp. Như người có tội nằm mộng, khi tội thành sức mạnh nên nằm mộng, dường như tất cả đều hiện cảnh tướng bên ngoài. Khi mộng chấp có thật cảnh bên ngoài, khi tỉnh thức mới biết do mộng biến ra. Ngã thân tướng này với cảnh bên ngoài cũng lại như vậy chỉ là thức biết. Mê nên chấp có ngã và các cảnh, đã ngộ vốn không ngã pháp, chỉ có tâm thức. Nương vào hai trí không này, tu các hạnh như Duy thức quán và Lục độ, Tứ nhiếp pháp, dần dần đoạn phiền não và hai chướng sở tri, chứng được nhị không hiển bày chân như, Thập địa viên mãn, chuyển tám thức thành bốn trí Bồ-đề. Chân như chướng hết, thân thành pháp tánh Đại Niết-bàn. Giải Thâm Mật Đẳng Số Thập Bản Kinh, Du-già Duy Thức mấy trăm quyển luận, lý những quyển luận không ngoài ý này. Ba loại trên đây là đệ nhất mật ý nương tánh nói tướng giáo, nhưng chỉ có thứ ba nương thức phá cảnh giáo và thiền môn dứt vọng tu tâm và dung hòa hỗ trợ lẫn nhau, cho cái biết cảnh bên ngoài đều không, cho nên không tu ngoài cảnh sự, tướng, chỉ dừng vọng

tu tâm. Ngừng vọng là dừng vọng của ngã pháp. Tu tâm là tu tâm Duy thức cho nên đồng với giáo Duy thức. Đã giống Phật, thì làm sao lại phỉ báng tông tiệm của người dừng vọng khán tịnh luôn luôn lau chùi tâm trụ, tâm chuyên chú vào một cảnh và kiết già điều thân điều hơi thở. Những phương tiện này thì nhất định Đức Phật đều khen ngợi. Kinh Tịnh Danh nói: "Không nên ngồi không phải là không nên ngồi. Ngồi và không ngồi đều là tùy duyên thích hợp cơ nghi. Ngưng tâm hay hoạt động tâm mỗi thứ đều lường cho tánh quen. Đương thời Cao Tông, Đại Đế cho triều Huyền Tông, bản Tông viên đốn khi chưa sang phương Bắc, chỉ có Thiền sư Thần Tú xiển dương khắp nơi pháp môn tiệm giáo, làm Thầy pháp chư Tam đế ở hai kinh, đều nói tông của Tổ Đạt-ma, lại không hiển bày ý chỉ của Phật. Tào Khê, Hà Trạch sợ tông viên đốn bị mai một, liền quở những việc trụ tâm điều phục tâm chỉ là trừ bệnh, chẳng phải trừ pháp. Huống nữa phương tiện này là truyền giáo của Đại sư Ngũ Tổ, mỗi người được ấn khả làm Thầy một phương. Đạt-ma xoay mặt vào vách dạy người an tâm. Ngoài dừng các duyên trong tâm không suy nghĩ, tâm như tường vách mới vào đạo được, há không đúng pháp tọa thiền sao? Hơn nữa Đại sư Viễn Công ở Lô Sơn và Phật-đà Da-xá hai phạm Tăng đã dịch hai quyển Thiền và kinh của Tổ Đạt-ma có nói pháp môn tọa thiền theo phương tiện thứ tự cùng với môn đồ Thiên Thai và Dật Tú, ý thú không khác, cho nên Tứ Tổ mấy mươi năm hông không bén chiếu. Thì là tông Liễu tri và không liễu tri, do mỗi tông kiến giải sâu cạn, không dùng hạnh điều thân và không điều thân mà xác định nghĩa của pháp. Thiên hay viên chỉ mình tùy bệnh cho thuốc không nên khen đây chê kia (chú này thông cả bài tựa trước. Có người hỏi Tôi rằng: "Tại sao dạy người tọa thiền, thì tôi đều đáp thép đây"). Mai một ý phá tướng hiển bày hiển bày tánh giáo (căn cứ vào liễu nghĩa chân thật, thì vọng chấp vốn không lại không thể phá. Pháp vốn là chân tánh, tùy duyên diệu dụng mãi mãi không đoạn dứt. Hơn nữa không nên phá, chỉ vì một loại chúng sanh chấp tướng hư vọng, che mờ tánh chân thật khó đạt được huyền ngộ, cho nên Phật không giản trạch thiện, ác, cấu, tịnh tất cả tánh tướng và quở phá. Vì chân tánh và diệu dụng chẳng phải không, vả lại nói không, cho nên nói mật ý. Hơn nữa, ý là chỗ hiển tánh. Nói phá tướng. Trong lời ý không hình, cho nên nói Mật). Nói cảnh sở duyên trong giáo trước đều là hư vọng, thì thức năng biến đâu thể chân thật. Tâm cảnh nương nhau nên không nhưng dường như có. Vả lại tâm không thể khởi một mình, phải nương cảnh mới sanh; cảnh không tự sanh do tâm nên hiện. Tâm không thì cảnh lặng, cảnh diệt thì

tâm không. Chưa có tâm không cảnh, cũng chưa từng có cảnh không tâm. Thấy vật như mộng, dường như khác nhau của năng và sở kiến. Thật ra đồng một hư không không có tất cả, các thức các cảnh cũng lại như vậy. Vì đều tạm mượn các duyên không có tự tánh. Chưa từng có một pháp không sanh từ nhân duyên, thế nên tất cả pháp đều không. Hễ đã có tướng đều là hư vọng, thế nên trong hư không không có sắc, không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, không có mười tám giới, không có mười hai nhân duyên, không có Tứ đế, vô trí, cũng không có đắc, không nghiệp, không báo ứng, không tu, chứng, sanh tử Niết-bàn bình đẳng như huyễn; chỉ cần không trụ tất cả, không chấp không dính mắc đó là hành đạo. Các bộ Bát-nhã có hơn ngàn quyển và Bách Môn... Tam Luận, Quảng Bách Luận... đều nói điều này (trăm quyển Trí Độ Luận cũng nói lý này, nhưng luận chủ thông đạt không chấp, cho nên thâu nhận cả pháp tướng Đại thừa Tiểu thừa dung thông, sau thành một tông chân tánh). Giáo này và Tông thiền dứt bặt không chỗ nương đều đồng. Đã đồng điểm giảng dạy của Đức Phật và quan điểm hướng dẫn của Bồ-tát, tại sao Thiền chủ tiệm môn và môn đồ học giáo, mỗi lần họ nghe thuyết này thì hủy báng bát không nhân quả. Phật tự nói: “Không nghiệp, không báo, đâu có tà kiến? Nếu nói Phật nói lời này, thì họ tự có thâm ý, đâu phải thiền môn nói lời này có thâm ý? Nếu nói tôi từng đưa ra giáo không có thân ý, thì mình đã gặp những hàng không hiểu, thì nên hiềm khích người. Đâu nên bài xích pháp. Giáo theo Phật bản ý tuy không trái nhau. Nhưng truyền cho hàng hậu học phần nhiều chấp vào văn không hiểu được ý chí, hoặc phần nhiều chấp vào một bên thấy kia khác nhau với mình, hoặc cả hai đều tin bông lung lẫn lộn không rõ ràng. Cho nên Bồ-tát Long Thọ, Đề-bà, nương giáo phá tướng nói rộng nghĩa không, phá chấp hữu này để họ được rỗng rang hiểu được chân như. Chân không là không trái không của nó. Bồ-tát Thiên Thân Vô Trước nương giáo Duy thức nói rộng danh tướng, phân tích tánh tướng không đồng, tịnh nhiễm khác nhau. Phá chấp không này để họ rỗng rang hiểu được diệu hữu. Diệu hữu là có không trái với không. Tuy mỗi thứ thuật lại một nghĩa nhưng thể đầy đủ, cho nên không trái. Nếu như vậy, thì tại sao về sau có các Luận sư Thanh Biện Hộ Pháp cùng nhau phá?

- Đây là vì muốn thành tướng, không phải phá tướng. Vì sao? Vì người học sau căn khí ám độn dần cùng nhau chấp có và không. Ngài Thanh Biện phá tướng có nhất định, khiến họ thấu triệt đạt đến chân không hoàn hảo, mới thành tựu được duyên khởi diệu hữu khai. Ngài

hộ pháp phá đoạn diệt, thiên không nhưng ý vẫn còn diệu hữu, vì diệu hữu còn, chính là vô tánh chân không kia. Văn thì phá tướng nhưng ý thì làm thành tướng (trình bày nghi trước, thiền môn Nam Năng Bắc Tú cạnh tranh nhau, nay muốn giải nghi điều này, vì diệu hữu chân không có hai nghĩa: 1/ Nghĩa cực tướng trái nhau. Nghĩa là hại lẫn nhau nhưng hoàn toàn đều diệt; 2/ Cực tướng thuận. Nghĩa là thầm hợp một tướng đưa ra thể hoàn toàn nhiếp vào nhau. Nếu không đoạt nhau hoàn toàn không, để đưa ra thể thâu hết, cho nên trái nhau mới thuận nhau. Ngài Long Thọ Vô Trước thì thuận theo môn nên thành tựu tướng. Ngài Thanh Biện Hộ Pháp trái môn nên phá tướng. Trái thuận tự tại, thành phá không ngại, thì đối với các pháp đều hòa hội. Đáng thương thay! Phương này hàng hậu học kinh luận hai tông, tướng và không tướng bài xích nhau không khác kẻ thù, khi nào mới chứng được vô sanh pháp nhẫn. Nay thiền đốn, tiệm cũng lại như thế, nổ lực xem thông suốt không nên nghiêng vào một bên hạn cuộc.

Bậc Tiên hiền ở Tây Vức phá tướng, đã làm thành tựu tướng, há phương này chẳng phải tướng thành tướng tỵ hiềm?

- Như người uống nước nóng lạnh tự biết, mỗi mỗi nhìn tâm, mỗi mỗi quán sát niệm, để lại thuốc ngừa bệnh không cho người dũng mãnh. Lập pháp lừa kẻ gian, không cho người hiền sĩ. Ba thứ hiển bày chân tâm tức là tánh giáo (chỉ thẳng tự tâm tức là chân tánh, không chỉ dạy theo sự tướng, cũng không chỉ dạy theo tâm tướng, cho nên nói tức tánh, không phải ý sâu kín của phương tiện, cho nên nói là hiển bày). Giáo này nói tất cả chúng sanh đều có tâm chân không tịch, từ xưa đến nay tánh tự thanh tịnh (không nhờ đoạn hoặc thành tịnh, cho nên nói là tánh tịnh. Bảo Tánh Luận nói: "Thanh tịnh có hai: 1/ Tự tánh thanh tịnh, 2/ Ly cấu thanh tịnh". Thắng Man nói: "Tự tánh thanh tịnh tâm khó biết. Tâm này là bị nhiếp phiền não, cũng khó biết". Giải thích: "Tâm nay vượt ra khỏi lý hai tông "không" và "hữu" trước, cho nên khó biết được), sáng ngời không mờ rõ ràng hằng biết; Tận mé vị lai thường trụ không diệt, gọi là Phật tánh, cũng gọi là Như Lai Tạng, cũng gọi là tâm địa (Đạt-ma đã truyền tâm này). Từ mé vô thủy vọng tưởng che mờ nó, không tự chứng được, chìm đắm trong sanh tử. Phật thương họ nên xuất hiện ở đời nói các pháp sanh tử tất cả đều không, khai thị tâm này hoàn toàn giống chư Phật. Như kinh Hoa Nghiêm Phẩm Xuất Hiện nói: "Này Phật tử! Không có một chúng sanh nào không có đủ trí tuệ của Như Lai; đều do vọng tưởng chấp trước mà không chứng được. Nếu lìa vọng tưởng thì Nhất thiết trí, tự nhiên trí, vô ngại trí liền hiện. Thí như có một

quyển kinh lớn (dụ cho trí tuệ Phật) lượng bằng tam thiên đại thiên thế giới (trí thể vô biên rộng như pháp giới) viết tất cả việc trong tam thiên đại thiên thế giới (dụ cho thể sẵn có hằng sa công đức, hằng sa diệu dụng). Quyển kinh lớn này tuy lượng bằng đại thiên thế giới nhưng đều ở hết trong một vi trần. (Dụ cho Phật trí đều ở trong thân chúng sanh viên mãn đầy đủ). Như một vi trần (nêu một chúng sanh làm ví dụ) tất cả vi trần đều như vậy. Lúc đó có một người, trí tuệ thông đạt (dụ cho Phật) đạt được thiên nhãn thanh tịnh thấy trong vi trần có quyển kinh này (sức thiên nhãn vượt ra ngoài chướng ngại vật dụ cho mắt Phật vượt qua phiền não thấy Phật trí), làm lợi ích lớn cho chúng sanh (dụ cho lúc mê không được dụng này và đều khác nhau), liền tạo phương tiện đập phá vi trần kia (dụ cho nói pháp trừ chướng) xuất hiện quyển kinh lớn này, làm cho chúng sanh đều được lợi ích. Trí tuệ của Như Lai cũng lại như thế, vô lượng vô ngại làm lợi ích khắp tất cả chúng sanh (là quyển sách viết việc tam thiên đại thiên thế giới), đầy đủ ở trong thân chúng sanh. Nhưng những người phàm ngu vọng tưởng chấp trước, không hay, không biết không được lợi ích. Bấy giờ Như Lai dùng trí nhãn thanh tịnh vô chướng ngại, quan sát tất cả chúng sanh trong pháp giới nói: "Lạ thay! Lạ thay! Tất cả chúng sanh này, vì sao có trí tuệ của Như Lai, ngu si mê hoặc không biết không thấy; Ta nay dạy Thánh đạo cho họ, làm cho họ xa lìa chấp trước vọng tưởng, ngay thân này được thấy trí tuệ rộng lớn của Như Lai giống Phật. Liền dạy chúng sanh kia tu tập Thánh đạo (Lục Ba-la-mật, Tam thập thất phẩm trợ đạo để họ bỏ vọng tưởng. Bỏ vọng tưởng rồi chứng được trí tuệ vô lượng của Như Lai làm lợi ích an lạc cho tất cả chúng sanh).

Trên đã nói tánh tự rõ ràng thường tri, tại sao phải nhờ chư Phật khai thị.

- Người biết nói lời này thì không phải là chứng tri. Ý nói chân tánh không đồng hư không, gỗ, đá, cho nên nói là tri. Chẳng phải như duyên cảnh thức phân biệt, chẳng phải như trí chiếu soi thể rõ ràng; chỉ là tánh nhất chân như, tự nhiên thường biết. Thế nên Bồ-tát Mã Minh nói: "Chân như tự thể chân thật hiểu biết" Hoa Nghiêm Phẩm Hồi Hướng cũng nói: "Chân như chiếu sáng làm tánh". Lại theo hỏi nói Phẩm Minh, trí và tri khác nhau. Trí giới hạn ở Thánh không thông với phàm, tri thì phàm thánh đều có, thông ở lý trí. Thế nên Bồ-tát Giác Thủ Đẳng Cửu hỏi ngài Văn Thù Sư Lợi: "Thế nào là cảnh giới trí của Phật? (chứng ngộ trí) Thế nào là cảnh giới tri của Phật (sẵn có chân tâm). Văn Thù đáp: "Trí là trí của chư Phật tự tại trong ba đời chẳng

ngại (đều biết được việc quá khứ, hiện tại, vị lai, cho nên tự tại không ngại). Tri là không biết được sở năng thức (không thể biết được thức, dùng thức là thuộc phân biệt; Phân biệt thì chẳng phải chân tri, chân tri chỉ có vô niệm mới thấy) cũng chẳng phải là cảnh giới của tâm (không thể dùng trí để biết. Nghĩa là dùng trí chứng được nó thì thuộc cảnh giới sở chứng, nhưng chân tri chẳng phải là cảnh giới, cho nên không thể dùng trí để chứng, thoát khỏi tâm chiếu thì chẳng phải chân tri. Thế nên kinh nói: "Tự tâm chấp nhận tự tâm, chẳng phải huyễn thành huyễn pháp. Luận nói: "Tâm không thấy tâm". Hà Trạch Đại sư nói: "Tâm định suy nghĩ liền sai", cho nên Bắc tông khán tâm là mất chân chỉ. Tâm nếu nhìn được, thì thành cảnh giới, thế nên nói là chẳng phải cảnh giới của tâm). Tánh này xưa nay thanh tịnh (không đợi lìa cấu hoặc mới tịnh, không đợi đoạn nghi trọc mới thanh, thế nên nói vốn là thanh tịnh. Bảo Tánh Luận nói: "Chọn tịnh thì không thể bỏ cấu, tức là tánh tịnh kia, thế nên nói tánh này vốn thanh tịnh"), khai thị cho chúng sanh (đã nói vốn tự thanh tịnh, không đợi đoạn chướng, thì biết rõ chúng sanh xưa nay đều có, chỉ vì bị hoặc che mờ không tự ngộ được, cho nên Phật khai thị khiến cho họ đều ngộ nhập. Thì trong Pháp Hoa khai thị ngộ nhập tri kiến Phật, như trên đã dẫn ra. Phật xưa xuất hiện ở đời chỉ vì việc này, kia nói khiến được thanh tịnh, tức là trong bảo tánh lìa cấu tịnh. Tâm này tuy là tự tánh thanh tịnh, hoàn toàn phải ngộ tu mới được tánh tướng viên tịnh. Thế nên mấy mươi bản kinh luận đều nói hai thứ thanh tịnh và hai thứ giải thoát. Thời nay người học hiểu cạn, hoặc chỉ biết ly cấu thanh tịnh, ly cấu giải thoát, cho nên hủy báng thiền tức tâm tức Phật. Hoặc chỉ biết tự tánh thanh tịnh, tánh tịnh giải thoát, cho nên xem nhẹ giáo tướng, bài xích trì luật, ngồi thiền điều phục, không biết các hạnh phải đốn ngộ tự tánh thanh tịnh, tánh tự giải thoát. Tiệm tu khiến được ly cấu thanh tịnh, lìa chướng giải thoát, thành tựu viên mãn thanh tịnh, giải thoát cứu cánh, hoặc thân hoặc tâm không bị ngưng trệ, thì đồng với Phật Thích-ca). Bảo Tạng Luận nói: "Biết có là còn hoại, biết không là không bại hoại (đây đều là trí năng tri hữu, vô), biết được chân tri thì không còn chấp vào có không (đã không chấp có không, thì tự tánh không còn biết phân biệt). Khai thị tâm linh tri như thế thì chân tánh và Phật không khác, cho nên hiển bày chân tâm tức là tánh giáo. Hoa Nghiêm, Mật Nghiêm, Viên giác, Phật Đảnh, Thắng Man, Như Lai Tạng, Pháp Hoa, Niết-bàn, còn lại bốn mươi mấy bộ kinh. Bảo Tánh, Phật tánh, Khởi Tín, Thập Địa, pháp giới, Niết-bàn... năm mươi bộ luận hoặc đốn hoặc tiệm khác nhau, căn cứ vào chỗ hiển pháp thể đều thuộc

giáo này, hoàn toàn đồng với thiền môn đệ tam tông hiển bày tâm tánh. Ngài Mã Minh nêu tông làm bản nguyên, Văn Thù chọn "tri" làm chân thể, tại sao chỉ phá tướng. Nhưng nói tịch diệt không chấp nhận chân tri, nhà nói tướng, chấp phàm phu khác Thánh nhân không chấp nhận tức Phật, nay theo Phật giáo phán định chính là người này. Thế nên trước trình bày Tây Vức truyền tâm phần nhiều có cả kinh luận không hai đường; Nhưng phương này tâm mê chấp văn dùng danh làm thể. Đạt-ma thiện xảo chọn văn truyền tâm, nêu tâm này (tâm là tên) thần chỉ thể kia (biết là tâm), dụ xoay mặt vào vách (như trên đã trình bày) làm cho dứt các duyên.

Khi các duyên dứt có rơi vào đoạn diệt không?

- Tuy dứt các niệm vẫn không đoạn diệt.

Làm sao chứng nghiệm nói không đoạn diệt?

- Rõ rõ tự biết nói không đến được. Sư liền ấn khả rằng, đây là tâm tự tánh thanh tịnh, càng không nên nghi. Nếu đã đáp không khế hợp, thì chỉ ngăn những điều sai lại khiến quan sát, hoàn toàn không cùng với những lời trước nói về chư tri, chỉ đợi tự ngộ mới nhận ra thật, là đích thân chứng được thể này, sau đó ấn khả khiến dứt nghi kia. Thế nên nói: "Thầm truyền tâm ấn. Đã nói thầm, chỉ thầm chữ tri, chẳng phải đều không nói sáu đời truyền nhau đều như vậy. Đến khi Hà Trạch các tông khác tranh nhau truyền bá, muốn cầu thầm hợp không gặp cơ duyên. Hơn nữa lại tư duy đến lời thọ ký "Huyền Tri" của Tổ Đạt-ma (Đạt-ma nói: "Pháp ta đến sau đời thứ sáu, mạng như sợi tơ"), sợ tông chỉ diệt mất, liền nói một chữ "tri" là môn các nhiệm mầu. Người học tin ngộ sâu cạn, vả lại làm cho giáo Tông đồ không đoạn, cũng là vận mạng pháp nước này đã đến. Một nhóm đạo tục phải được nghe cả cho nên mới cảm ứng như vậy. Sự thầm truyền này còn có người chưa biết, cho nên truyền ca sa làm tin, hiển truyền cho hàng học giả dễ phân biệt, nhưng dùng ngôn thuyết trừ nghi. Huống nữa có hình thức ngôn từ đủ để dẫn kinh luận làm chứng (trước trình bày khó bên ngoài làm chứng. Thời nay người truyền pháp có mật ngữ không? Nay dùng điều này để trả lời. Phát là pháp của ngài Đạt-ma, cho nên người nghe hiểu sâu cạn đều được lợi ích, nhưng khi xưa mật hay hiển, cho nên không gọi là mật ngữ, đâu thể gọi pháp khác cũng là khác.

Ngộ được tâm này làm sao tu, lại nương vào nói tướng giáo ban đầu khiến tọa thiền chăng?

- Có hai ý: Một là hôn trầm nặng khó sách tấn, trạo cử mạnh không thể hàng phục được tham, sân lẫy lừng tiếp xúc cảnh khó điều

chế, thì dùng giáo trước trong các thứ phương tiện tùy bệnh điều phục. Nếu phiền não mỏng, tuệ giải lanh lợi, thì nương bản tông Nhất hạnh, Nhất giáo, Tam-muội. Như Khởi Tín Luận nói: "Nếu người tu chỉ ở nơi thanh vắng thân ngồi ngay chánh ý không theo hơi thở, hình sắc, cho đến chỉ có tâm không có cảnh bên ngoài". Kinh Kim Cang Tam-muội nói: "Thiên Trúc là động, không động không phải thiền vô sanh". Kinh Pháp Cú nói: "Nếu học các môn Tam-muội, là động chẳng phải tọa thiền, tâm theo cảnh chuyển, thì làm sao gọi là định". Kinh Tịnh Danh nói: "Không khỏi diệt định thị hiện các uy nghi (đi, đứng, ngồi, nằm), không ở trong cõi hiện thân ý, đó là ngồi yên. Phật đã ấn khả, theo đây mà dùng?

- Ba cõi không hoa, tứ sanh mộng mị, nương thể khởi hạnh tu nhưng không tu, còn không trụ Phật, không trụ tâm, ai luận thượng giới, hạ giới (bài tựa trước nạn hỏi rằng: "Theo giáo tu phải dẫn thượng giới để xác định, chỉ nhìn lên trời, chỉ nói chấp quyền tông, thấy được liễu giáo này phải có lòng hổ thẹn thối lui). Nhưng trong giáo này dùng tâm tánh nhất chân đối lại với các pháp nhiễm và tịnh, chọn hết lấy hết.

Chọn hết: Như trên đã nói đều đạt được thể chỉ thẳng linh tri, tức là tâm tánh, còn lại đều là hư vọng. Thế nên nói: "Không phải thức là sở thức, chẳng phải tâm là cảnh, cho đến phi tánh phi tướng, phi Phật, phi chúng sanh, lìa tứ cú dứt bách phi".

Nhận hết: Các pháp nhiễm tịnh đều là tâm. Tâm mê nên vọn khởi hoặc nghiệp, cho đến tứ sanh lục đạo, cõi nước tạp uế. Tâm ngộ nên từ thể khởi dụng, tứ đẳng tâm, lục độ, cho đến Tứ biện tài thập lực diệu thân, cõi tịnh, đều hiện tất cả. Tâm này đã hiện khởi các pháp, các pháp đều là chân tâm. Như người nằm mộng thấy việc, việc việc đều là người. Như vàng thành dụng cụ, mỗi dụng cụ đều là vàng. Như gương hiện ảnh, mỗi hình ảnh đều là gương. (Người nằm mộng chống đối vọng tưởng nghiệp báo. Đồ vật dụ cho tu hành, hình ảnh dụ cho ứng hóa). Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói: "Biết tất cả pháp tức là tự tánh của tâm, thành tựu tuệ thân không phải người khác ngộ". Luận Khởi Tín nói: "Tam giới hư ngụy đều do tâm tạo tác, lìa tâm thì không có cảnh giới lục trần, cho đến tất cả phân biệt, tức là tự tâm phân biệt. Tâm không thấy tâm, không tướng mới được, cho nên tất cả pháp như tướng trong gương. Kinh Lăng-nghiêm nói: "Tịch diệt gọi là nhất tâm, nhất tâm gọi là Như Lai Tạng, hay biến tạo tất cả thú sanh, tạo thiện tạo ác, chịu khổ hưởng vui, cùng với nhân nên biết tất cả đều là tâm. Chọn môn nhiếp để phá tướng giáo thứ hai trước. Nhận môn nhiếp nói

tướng giáo thứ nhất trước. Đem những điều trước nhìn điều này, thì điều này rõ ràng khác trước. Đem điều này để nhiếp thứ trước, trước thì hoàn toàn đồng với điều này, sâu thì phải cạn, cạn không đến được sâu. Sâu trình bày thẳng vượt khỏi thể chân tâm, mới ở trong đó chọn tất cả, thâu tất cả. Như thế thâu chọn tự tại tánh không ngại, mới có thể ở trong tất cả pháp đều không chỗ trụ. Chỉ tên này liễu tri, lại có tâm tánh đồng, dị đốn tiệm ngăn ngại, cho đến trình bày ngôn giáo của các nhà thứ tự từng bộ, đại ý trước tác đều ở quyển sau.

■

THIỀN NGUYÊN CHƯ THUYÊN TẬP ĐÔ TỰ

Sa-môn Tông Mật núi Khuê Phong đời Đường thuật

QUYỂN HẠ

Ba giáo trên bao gồm hết kinh cả một đời Phật đã nói là luận của Bồ-tát tạo. Nghiên cứu kỹ về pháp nghĩa, thì thấy ba nghĩa hoàn toàn khác nhau. Một pháp không khác, nên trong ba nghĩa, tướng không và hữu thứ nhất, thứ hai đối lập nhau. Tánh tướng thứ ba và nhất tương đối, đều rõ ràng dễ thấy. Chỉ có phá tướng thứ ba và hai cùng với hiển tánh tương đối. Người giảng và thiền đồng mê đều nói đồng là một tông một giáo, đều dùng phá tướng để làm chân tánh, cho nên nay bàn rộng về không tông, tánh tông có mười thứ khác nhau: 1. Pháp nghĩa chân tục khác nhau. 2. Tâm tánh hai tên khác nhau. 3. Chữ tánh hai thể khác nhau. 4. Chân trí chân tri khác nhau. 5. Hữu ngã vô ngã khác nhau. 6. Giá thuyên biểu thuyên khác nhau. 7. Nhận danh, nhận thể khác nhau. 8. Nhị đế Tam đế khác nhau. 9. Tam tánh không hữu khác nhau. 10. Phật đức không hữu khác nhau.

Pháp nghĩa chân tục khác nhau: Chân tông duyên chưa hiển bày tánh chân linh, chỉ dùng tất cả tướng sai khác làm pháp. Pháp là tục đế, chiếu soi các pháp này, vô vi, vô tướng, vô sinh, vô diệt, vô tăng, vô giảm làm nghĩa. Nghĩa chân đế này, cho nên Trí Độ Luận dùng tục đế làm pháp biện luận không ngại, dùng chân đế làm nghĩa biện luận không ngại. Tánh tông thì dùng tính chất chân làm pháp, không, hữu... các thứ sai khác làm nghĩa. Thế nên kinh nói: "Vô lượng nghĩa từ một pháp sanh". Kinh Hoa Nghiêm Thập Địa cũng nói: "Pháp là tự tánh biết, nghĩa là biết sanh diệt, pháp biết chân đế. Nghĩa biết tục đế pháp biết Nhất thừa. Nghĩa biết các thừa. Như thế mười thứ giải thích hai: Pháp và nghĩa không có nghĩa nào ngại, đều dùng pháp thân chân đế, dùng nghĩa làm tục đế.

Tâm tánh hai tên khác nhau: Không tông một bề thấy nguồn gốc các pháp làm tánh. Tánh tông phần nhiều lấy cội nguồn các pháp làm tâm. Lấy làm tánh phần nhiều giống các luận, không nhất định dùng

làm tâm. Thắng Man nói: “Tự tánh thanh tịnh” Khởi Tín Luận nói: “Tất cả pháp từ xưa đến nay lìa ngôn ngữ, danh tự, tâm duyên... cho đến chỉ là nhất tâm”. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Tâm kiên thật, đây là nguyên nhân tông này đã nói bản tánh, không chỉ không tịch mà còn tự nhiên thường tri, cho nên dùng làm tâm.

Chữ tánh hai thể khác nhau: Không tông lấy các pháp vô tánh làm tánh. Tánh tông lấy thể linh minh thường trụ bất không làm tánh, cho nên chữ tánh tùy đồng nhưng thể khác.

Chân trí, chân tri khác nhau: Không tông lấy phân biệt làm tri, vô phân biệt làm trí, trí sâu tri cạn. Tánh tông lấy năng chứng diệu tuệ của Thánh lý làm trí, phải dùng lý. Linh trí thông cả phàm thánh, tánh làm tri. Tri thông tất cả, trí hạn cuộc. Trên hỏi Phẩm Minh tự phân biệt rồi. Huống nữa phẩm Hồi Hướng nói chân như, chiếu sáng làm tánh. Khởi Tín nói: “Chân như tự thể chân thật hiểu biết.

Có ngã không ngã khác nhau: Không tông cho hữu ngã là vọng, vô ngã là chân. Tánh tông cho vô ngã là vọng, hữu ngã là chân. Thế nên kinh Niết-bàn nói: “Vô ngã gọi là sanh tử, hữu ngã gọi là Như Lai”. Lại nói: “Ngã chấp vô ngã là pháp điên đảo, cho đến phá tất cả hàng Nhị thừa thấy vô thường, vô ngã. Như ao xuân chấp gạch là quý, khen thường, lạc, ngã, tịnh cho là cứu cánh, cho đến nói trong pháp vô ngã có chân ngã (nguyên nhân chúng sanh mê tự chân ngã) vọng chấp năm uẩn là ngã, cho nên Phật đối với pháp tướng Đại thừa Tiểu thừa và phá tướng giáo nói là không. Nay đối với Tánh Tông nói thẳng thật thể, cho nên hiển bày nói có”.

Giá Thuyên Biểu Thuyên khác nhau: Giá nghĩa là bỏ những điều trái, Biểu nghĩa là hiển bày những điều phải. Lại nữa, giá là chọn bỏ các điều dư. Biểu là chỉ thẳng đương thể. Như các kinh đã nói: “Tánh chân diệu lý, mỗi lần nói, không sanh, không diệt, không cấu, không tịnh. Không nhân, không quả, vô tướng, vô vi, không phàm không thánh, không tánh, không tướng... đều là giá thuyên”. (Trong các kinh luận, mỗi thứ dùng chữ phi để bỏ các pháp. Động có ba mươi - năm mươi chữ phi, chữ biết chữ vô cũng như vậy. Thế nên nói dứt bách phi).

Nếu nói biết được tri kiến, gương chiếu sáng, sáng sủa rõ ràng, tĩnh tĩnh lặng lẽ đều là biểu thuyên. Nếu thể không rõ biết, hiển bày pháp nào làm tánh, nói pháp nào bất sanh bất diệt... cần phải thấy được nay rõ ràng. Nhưng biết tức là tâm tánh, mới nói biết này không sanh không diệt. Như nói muối không lạt là “giá” nói mặn là “biểu”. Nói nước không khô là “giá”, nói ước là “biểu”. Các giáo mỗi thứ dứt bách

phi, đều là từ giá để hiển bày thẳng nhất chân, mới là biểu ngữ. Nói không Tông chỉ là giá thuyên, nói tánh tông có giá có biểu. Nhưng giá thì chưa rõ, gồm cả biểu mới rõ ràng. Thời nay người học đều nói, giá là sâu, biểu là cạn, cho nên chỉ chú trọng phi tâm phi Phật, vô vi, vô tướng, cho đến tất cả nói không được. Lý do dùng giá chẳng phải từ làm diệu, không muốn mình chứng nhận pháp thể, cho nên như thế.

Nhận danh nhận thể khác nhau: Nghĩa là Phật pháp, thế pháp đều có danh thể. Hơn nữa thế gian gọi đại nhưng chẳng qua là bốn vật. Như Trí Luận nói: "Đất, nước, lửa, gió gọi là bốn vật. Cứng, ướt, nóng, động là bốn vật thể. Nay nói nước, giả sử có người hỏi, mỗi lần nghe trừng tức là thanh, hỗn tạp tức là dục, yên tức là dừng, quyết tức là lưu, nhưng tưới được vạn vật, rửa được vạn điều dơ, đây là vật gì (đưa ra công năng nghĩa dụng để hỏi).

- Như nước, người ngu nhận tên liền nói đã hiểu, người trí phải hỏi thế nào là nước? (Hỏi thể của nó) Đáp: Ướt tức là nước (chỉ ra được thể. Một lời này định không có chữ khác có thể thay được. Nếu nói sóng nước trong, đục, đọng, chảy là nước, thì đâu khác với lời đã hỏi). Phật pháp cũng vậy giả sử có người hỏi, mỗi khi nghe các kinh nói: "Mê tức là cấu, ngộ tức là tịnh. Buông lung là phàm, tu là Thánh, có thể sanh thế gian, xuất thế gian tất cả các pháp, đây là vật gì? (Đưa công năng, nghĩa dụng để hỏi).

- Tâm này, người ngu nhận danh nói là đã biết. Người trí phải hỏi lại: Tâm là sao? Đáp: biết tức là tâm (chỉ thể này, đây là lời tố cáo, còn chữ thì không bằng. Nếu nói phi tánh, phi tướng, hay ngôn ngữ hoạt động là tâm, tại sao khác để hỏi những từ). Từ đây suy ra nước gọi là thể, mỗi thứ chỉ một chữ, ngoài ra đều là nghĩa và dụng tên của tâm và thể cũng như vậy. Một chữ "ướt" xuyên suốt cả trong và đục... trong vạn dụng vạn nghĩa. Một chữ biết cũng xuyên suốt cả tham, sân, từ, nhẫn, thiện, ác, khổ, lạc, vạn dụng, vạn nghĩa. Người học thiền thời nay phần nhiều nghi nói: "Tổ Đạt-ma chỉ nói "tâm", Hà Trạch vì sao nói "tri". Người nghi như vậy, đâu không giống nghi rằng ví như nghe nói trong giếng có nước, tại sao ngày này nghe nói trong iếng có ướt? Hãy suy nghĩ kỹ điều này, phải ngộ được nước là tên không phải là ướt, ướt là nước không phải là tên, thì trong, đục, nước, sóng, đọng, chảy, không nghĩa nào không được. Ví như tâm là tên không phải biết, biết là tâm không phải tên, thì chân, vọng, cấu, tịnh nghĩa nào cũng được. Không tông, tướng tông vì chống đối nhau, người mới học căn cơ thấp. Sợ họ theo ngôn ngữ sanh kiến chấp, cho nên chỉ nêu danh mà ngăn che điều

này nói là phi, chỉ dùng nghĩa, dụng mà dẫn ý ấy. Tánh tông phản đối người học lâu và những hàng thượng căn khiến họ quên lời nhận thể, cho nên một lời chỉ thẳng (Đạt-ma nói: "Chỉ một lời dùng chỉ thẳng, người sau không hiểu ý tìm xét suy tư. Thế nào là một lời? Nếu nói tức tâm là Phật, là một lời, thì bốn lời này tên gì), đã nhận thể rồi, mới ở trong thể chiếu soi thể dụng, cho nên đều được.

Nhị đế, Tam đế khác nhau: Không tông đã nói thế xuất thế gian tất cả các pháp không ra ngoài Nhị đế, người học đều biết, không cần dẫn, giải thích. Tánh tông thì thâu nhiếp tất cả tánh tướng và tự thể đều thành Tam đế. Do duyên khởi sắc... các pháp là tục đế. Tự tánh duyên không các pháp liền không, thì là Chân đế (đây cùng với không tông, tướng tông một đế không khác), tâm thể nhất chân, chẳng không, chẳng sắc. Năng không năng sắc là trung đạo Đệ nhất nghĩa đế. Ví như gương sáng này cũng có ba nghĩa: Những hình ảnh trong gương không thể nói xanh hay vàng, xấu đẹp mỗi thứ khác nhau. Như hình ảnh tục đế không tự tánh, mỗi mỗi hoàn toàn không. Như chân đế thể kia thường sáng, chẳng rỗng không, chẳng xanh, vàng hay rỗng không, hay xanh vàng. Như Đệ nhất nghĩa đế, đầy đủ như Đại phẩm Anh Lạc Bản Nghiệp... kinh đã nói. Thế nên Tông Thiên Thai nương vào Tam đế này tu Tam chỉ, Tam quán, thành tựu Tam đức.

Ba tánh không, hữu khác nhau: Ba tánh nghĩa Biến kế sở chấp tánh (vọng tình còn trong ngã so sánh biến khắp, mỗi mỗi thứ chấp làm thật có. Như đứa trẻ ngu si thấy hình ảnh mặt người trong gương chấp là có mạng và tính chất xương thịt làm chướng ngại), nương kia khởi tánh (đã chấp vào pháp này, nương vào tướng các duyên kia khởi, đều không tự tánh, chỉ là tướng hư vọng, như những hình tượng trong gương). Tánh viên thành thật (chân tâm bản giác, thỉ giác hiển hiện, viên mãn thành tựu, chân thật thường trụ, như ánh sáng của gương). Không tông nói: "Các kinh mỗi mỗi đều nói có, thì thu biến kế y tha, còn mỗi mỗi nói không là theo viên thành thật. Ba pháp đều không tánh. Tánh tông chính là ba pháp đều có nghĩa không hữu, nghĩa là biến kế tình có lý không, tướng y tha không có tánh. Viên thành tình không lý có, tướng không tánh có.

Đức của Phật không hữu khác nhau: Không tông nói Phật dùng không làm đức, không có một chút pháp gọi là Bồ-đề, thấy sắc cầu tiếng đều hành tà đạo. Trung Luận nói: "Chẳng phải ấm không lìa ấm, kia đây không có tướng. Như Lai không có ấm, nơi nào có Như Lai. Lìa tất cả tướng tức gọi là chư Phật. Tánh tông thì tất cả tự thể chư Phật đều

có thường, lạc, ngã, tịnh. Mười nhân, mười trí công đức chân thật, tướng hảo thông quang mỗi mỗi vô tận, tánh tự sẵn có không đợi cơ duyên.

Sai khác rõ ràng hai môn đổi nhau: Tuy phân giáo tướng nhưng cũng không kẹt vào tình. Tam giáo Tam tông là một vị pháp, cho nên trước phải theo ba thứ Phật giáo chứng ba tông tâm thiền. Sau đó thiền giáo đều quên tâm Phật đều lặng. Đều lặng tức là niệm niệm đều Phật, không một niệm nào mà không có tâm Phật. Đều quên tức là câu câu đều thiền, không một câu nào mà không có thiền, giáo, như thế thì tự nhiên nghe dứt bặt không còn nương lời. Biết là phá ngã chấp tình, nghe ngôn ngữ dứt vọng tu tâm. Biết là đoạn tập khí của ngã, tình chấp phá nhưng chân tánh hiện, thì dứt bặt là tông hiể tánh, tập khí hết thì Phật đạo thành. Tu tâm là hạnh thành Phật. Đốn tiệm không hữu thì không trái nhau. Hà Trạch, Giang Tây, Thần Tú, Tuệ Năng há không hợp nhau; Nếu thông đạt như thế, thì người khác nói đều là phương hay. Nghe người khác nói đều là thuốc diệu. Thuốc và bệnh chỉ là ở điểm chấp và thông. Thế nên Tiên Đức nói: "Chấp thì chữ chữ đều thành ung nhọt, không thì văn văn đều thành thuốc hay. Người thông liễu hạ tông không trái nhau".

Trước nói: "Phật nói đốn giáo, tiệm giáo, thiền mở đốn môn, tiệm môn, chưa biết trong ba giáo, thứ nào đốn, thứ nào tiệm."

- Pháp nghĩa sâu cạn đã đầy đủ trong ba thứ, chỉ vì Thế Tôn khi nói nghi thúc khác nhau, có nói lý đốn, có tùy theo căn cơ nói tiệm cho nên gọi là đốn giáo tiệm giáo, chẳng phải ngoài Tam giáo riêng có đốn, tiệm. Tiệm thì căn cơ trung, hạ thì lúc đó họ chưa tin ngộ Viên giác diệu lý. Vả lại trước nói nhân thiên, Tiểu thừa, cho đến pháp tướng (trên đều là đệ nhất giáo), phá tướng (đệ nhị giáo) đợi căn khí họ được thành thục, nói nói liễu nghĩa, tức là các kinh Pháp Hoa Niết-bàn (từ đây về sau liền có cơ đến giáo hợp thành đệ Tam giáo, hóa nghi đốn này tức là thâu nhiếp hết ba ban. Xưa nay các Đại đức Ấn Độ phương này đã chia giáo thành ba thời, năm thời. Nhưng tiệm giáo một loại, không thuộc kinh Hoa Nghiêm). Đốn lại có hai: 1/ Cơ đốn. 2/ Hóa nghi đốn.

Cơ đốn: Gặp hàng phàm phu thượng căn lợi trí, chỉ thẳng chân pháp, nghe liền đốn ngộ hoàn toàn giống quả Phật. Như trong kinh Hoa Nghiêm khi mới phát tâm liền được Bồ-đề A-nậu. Trong kinh Viên Giác khi quán hạnh thành tức thành Phật đạo, thì mới giống hạnh môn trong hai giáo trước. Tiệm thì trừ phàm học tiệm hiển đức Thánh. Như gió thổi động biển cả không thể hiện hình tượng, nếu đốn dứt thì sóng lăng tăng dần dừng, những hình ảnh dần dần hiện (gió dụ cho mê tình,

biển dụ cho tâm tánh, sóng dụ cho phiền não, hình ảnh dụ cho công dụng. Khởi Tín Luận đều phối hợp), thì một phần Hoa Nghiêm và Viên giác. Phật Đảnh, Mật Nghiêm, Thắng Man. Như Lai hơn hai mươi bộ kinh đều như vậy, gặp duyên thì nói không nhất định, trước sau cùng thiền môn ba thứ hiển bày tâm tánh hoàn toàn giống nhau.

Hóa nghi đốn, nghĩa là Phật mới thành đạo, những hàng thượng căn duyên đời trước thành thục, nhất thời liền đốn thuyết tánh tướng lý sự, chúng sanh vạn hoặc Bồ-tát vạn hạnh, địa vị Thánh hiền, vạn đức chư Phật, nhờ vào biển quả, sơ tâm liền được Bồ-đề, quả thấu triệt nguồn hơn, vị đầy đủ gọi là Bồ-tát, đây chỉ có một kinh Hoa Nghiêm và Thập Địa Luận gọi là Viên Đốn giáo, còn lại đều không đầy đủ (trước trình bày nạn ở ngoài, đốn ngộ thành Phật là trái kinh. Tôi nay biết rõ điều này) trong này đã nói các pháp là chứng pháp nhất tâm. Nhất tâm là nhất tâm của các pháp, tánh tướng viên dung một nhiều tự tại, cho nên chư Phật và chúng sanh dung thông nhau, cõi tịnh và cõi uế dung thông nhau, các pháp kia đây đều thâu nhận nhau, trần trần đều bao hàm thế giới, tướng nhập tướng tức vô ngại dung hòa đầy đủ thập huyền môn trùng trùng vô tận, tên là pháp giới không chướng ngại, đây là đốn tiệm Phật nói theo giáo. Nếu nói theo căn cơ ngộ tu, ý lại không đồng, như trước đã trình bày các nhà có nói: “Nhân trước tiệm tu thành công mà hoát nhiên đốn ngộ (giống như chặt cây từng miếng rồi dần dần ngã xuống, cũng như ở xa đến đô thành đi từng bước, một ngày nào đó đến liền). Có người nói: “Nhân đốn tu mà tiệm ngộ (như người học bắn tên người bắn nhanh bắn một phát liền trúng đích. Người bắn chậm bắn lâu từ từ mới đến đích. Thuyết hoạt động tâm đốn tu này, không nói công hạnh đến mau). Có người nói: “Nhân tiệm tu mà tiệm ngộ (như lên lầu chín tầng, chân biết dần lên cao, đã thấy dần xa, cho nên có người nói: “Muốn thấy tận cùng ngàn dặm phải lên lầu cao tột), đều nói chứng ngộ”. Lại có người nói: “Trước tu đốn ngộ rồi mới tiệm tu, đây là theo giải ngộ”. (Theo thuyết đoạn chướng, như mặt trời lên tan dần sương mù, nói theo thành đức. Như trẻ thơ mới sanh thấy đủ bốn chi, sáu căn, lớn dần chí khí và công nghiệp thành tựu). Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói: “Khi mới phát tâm liền thành Chánh giác, về sau Tam Hiền Thập Thánh chứng theo thứ tự. Nếu chưa ngộ mà tu thì chẳng phải chân tu (lý do là chẳng thực hành theo dòng chân nên chẳng được gọi là chân. Tại sao có tu hạnh chân không khởi chân. Thế nên kinh kia nói: “Nếu chưa nghe nói pháp này, nhiều kiếp tu Lục độ vạn hạnh, hoàn toàn không thể chứng chân”). Có người nói đốn ngộ đốn tu đây là nói bậc căn khí

thượng th thực hành tánh ưa thích đều thù thắng (căn thù thắng cho nên ngộ muốn hơn, cho nên tu). Nhất nghe ngàn ngộ được đại Tổng trì, một niệm nhất sanh méu trước sau đều đoạn (đoạn chướng giống như cắt tơ, vạn thứ đều đoạn mau, tu đức cũng như đoạn tơ, vạn dây tơ đều một màu. Hà Trạch nói: "Thấy thể vô niệm không theo sanh vật". Lại nói: "Một niệm là bản tánh tương ưng thì có được hà sa công đức, tám vạn bốn ngàn Ba-la-mật, nhất thời đều dùng được), người này ba nghiệp tự biết rõ, còn lại những hạng người khác không thấy được. (Kinh Kim Cang Tam-muội nói: "Tâm không không động đầy đủ sáu Ba-la-mật". Kinh Pháp Hoa cũng nói: "Cha mẹ sanh ra mắt tai thấy thông cả Tam thiên giới"). Hơn nữa đem những sự tích nói điều này, như Đại sư Ngưu Đầu Dung, môn này có hai ý. Nếu nhờ ngộ mà tu tức là giải ngộ, nếu nhờ tu mà ngộ thì là chứng ngộ. Nhưng ở trên chỉ luận theo đời này, nếu suy luận sâu xa từ đời trước thì chỉ có tiệm không đến. Nay người thấy đốn, đã là nhiều đời huân tiệm mà nay phát hiện được. Còn nói: Pháp không có đốn tiệm, đốn tiệm là do căn cơ. Đúng thay! Lý này, chắc chắn không phải ở văn tự, vốn chỉ luận về căn cơ, ai nói pháp thể đốn tiệm nghĩa ý có nhiều môn, mỗi môn đều có ý, chẳng phải gượng ép xuyên tạc. Huống nữa Lăng-già bốn tiệm, bốn đốn. (Nghĩa là tiệm tu đốn ngộ giống nhau), ở đây không dám nói nhiều, ví như khi thấy người luận bàn chỉ nói đốn tiệm đều không phân tích, thì giáo có đốn, tiệm hóa nghi, đốn tiệm đều không phân tích, thì giáo có đốn, tiệm hóa nghi, đốn tiệm ứng cơ, thì người đều có phương tiện đốn tiệm chỉ dạy, căn tánh ngộ nhập đốn tiệm, phát ý đốn, tiệm tu hành. Ở trong đó chỉ nói trước đốn ngộ sau tiệm tu, dường như trái nhau. Muốn dứt nghi cho người, há không thấy khí ánh nắng mặt trời lên sương tan dần, con mới sanh (tứ chi sáu căn đầy đủ) chí khí dần dần thành. Luồng gió mạnh dừng sóng dần tan. Người tài thành lập lễ, nhạc dần học (như con cao quý thì tuổi nhỏ loạn lạc vào làm tôi tớ, khi sống lại không biết mình quý, cha mẹ hỏi lúc đó mới biết toàn thân là quý. Nhưng thành tích quá khứ không thay đổi liền được, cho nên phải tập từ từ) là nghĩa biết đốn tiệm, rất là quan trọng. Nhưng bản ý của văn này tuy chỉ trình bày một tông Tổ Đạt-ma Thiền Thuyên là Phật pháp không cả thể, các nhà trước tác mỗi nhà khác nhau. Nay gom lại thành một tạng lý sự đều đầy đủ, cho đến môn ngộ giải tu chứng cũng trước sau trùm khắp, cho nên đã trình bày đốn tiệm đầy đủ ý này, để cho huyết mạch kế thừa liên tục trước sau có thứ tự. Muốn thấy được gốc ngọn có thứ tự, trước phải suy tìm cùng tận. Ba thứ trên đây trong đốn nói tiệm nói giáo pháp đã nói,

vốn từ đâu đến, thấy ở nơi nào, lại phải kính ngưỡng quán giáo ý này và thuyết chư Phật, vốn là việc gì, tức là một Đại Tạng Kinh trước sau gốc ngọn, một thời thông suốt rõ ràng. Vả lại nghiên cứu tận cùng giáo pháp từ đâu đến. Vốn từ tâm thể nhất chân của Thế Tôn lưu xuất, dần dần truyền đến người đương thời. Người thời nay thấy chung là nghĩa đã nói, cũng chỉ là chỗ nương của phàm thánh tâm thể nhấn chân tùy duyên lưu xuất, dần dần truyền khắp cả nơi, khắp cả chúng sanh. Nhưng mỗi chúng sanh tự tâm thanh tịnh niệm tư duy như lý, tức là như thế, như thế mà hiển hiện (kinh Hoa Nghiêm nói: "Như thế, như thế mà tư duy. Như thế như thế mà hiển hiện"). Kế đến quán bản ý như kinh Phật đã nói. Thế Tôn tự nói: "Bản ý của ta chỉ một đại sự nhân duyên ứng hiện ở đời". Một đại sự nhân duyên muốn chúng sanh khai tri kiến Phật, cho đến vào đạo tri kiến Phật. Tất cả các việc làm điều chỉ là một việc, chỉ dùng tri kiến Phật chỉ cho chúng sanh ngộ, không có thừa nào khác hoặc hai, hoặc ba. Ba đời mười phương chư Phật pháp cũng như vậy, tuy dùng vô lượng phương tiện các thứ nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, nhưng đều diễn nói pháp cho chúng sanh. Pháp này đều là Nhất Phật Thừa, cho nên ta ở dưới cội cây Bồ-đề buổi đầu thành tựu Chánh giác, thấy tất cả chúng sanh đều thành Chánh giác, cho đến thấy tất cả chúng sanh đều được Niết-bàn, (kinh Hoa Nghiêm Phẩm Diệu Nghiêm nói: "Phật ở trong đạo tràng Bồ-đề nước Ma-kiệt-đà ban đầu thành Chánh giác, vùng đất kiên cố này đã thành kim cương. Cây Bồ-đề kia cao rộng trang nghiêm". Phẩm xuất hiện nói: "Khi Như Lai thành Chánh giác, thấy tất cả chúng sanh, mỗi mỗi đều như văn"), thấy tất cả phiền não tham sân si của tất cả chúng sanh, thấy thân trí của Như Lai thường không nhiễm ô, đầy đủ đức tướng (trong kinh văn Như Lai Tạng), không một chúng sanh nào không có trí tuệ Như Lai, nhưng chấp vào vọng tưởng mà không chứng được. Ta muốn dạy Thánh đạo để họ lìa vọng tưởng, thấy được trong thân mình trí tuệ rộng lớn của Như Lai như ta không khác. (Kinh Hoa Nghiêm văn phẩm xuất hiện, chỉ đổi chữ đương thành chữ lục, để thuận theo thế văn. Kinh Pháp Hoa cũng nói: "Ta từng lập thệ nguyện, muốn khiến cho tất cả chúng sanh giống như ta không khác. Làm những điều này để cho chúng sanh ở trong đạo tràng Bồ-đề, gọi là pháp giới Đại Phương Quảng diễn nói vạn đức nhờ bản tánh của hoa dùng trang nghiêm để thành Phật quả vạn đức. Họ nhiều kiếp cùng ta đồng trồng thiện căn, từng được ta ở trong nhiều kiếp nhiếp độ họ bằng Tứ nhiếp pháp (cũng văn trong phẩm Diệu Nghiêm), tức họ đều tin thọ nhập vào trí tuệ của Như Lai, cho đến ở rừng Thệ-đa tu nhập định Sư Tử, đại chúng đều chứng pháp giới, trừ

những người tu học pháp Tiểu thừa trước (Phật nói trong hội Pháp Hoa, khi xưa ở trong hội Hoa Nghiêm năm trăm Thanh văn như điếc, như mù, không thấy cảnh giới Phật, không xem pháp viên dung. Thứ nữa lại nói: "Ta nay khiến họ được nghe kinh này vào trí tuệ Phật. Mãi đến bốn mươi năm sau trong hội Pháp Hoa đều được thọ ký"), chìm đắm trong nước tham ái (cũng nói trong phẩm xuất hiện: "Trí tuệ Như Lai ở hai chỗ không thể sanh trưởng lợi ích, cho nên nói là Nhị thừa rơi vào vô vi hầm sâu rộng lớn, và hoại mất căn lành không phải căn khí chúng sanh, chìm sâu vào nước tà kiến tham ái, nhưng cũng từng ở kia không nhàm bỏ". Giải thích rằng: "Kinh Hoa Nghiêm nói người học Tiểu thừa trong hội Pháp Hoa lại được thọ ký, và cũng không ở trong hội này dần dần khiến cho được thọ ký, đây là nói không nhàm chán"). Hàng chúng sanh như vậy, các căn đắm trước dục lạc, si mê mù lòa khó độ thoát được. Ta ở trong ba mươi bảy ngày, suy nghĩ về điều này. Ta nếu chỉ ca ngợi Phật thừa, thì chúng sanh chìm trong bể khổ, hủy báng không tin pháp, thì họ mau vào đường ác. Nếu giáo hóa Tiểu thừa, cho đến một người thì ta rơi vào hàng bủn xỉn tham lam, điều này không được, tiến thối đều khó liền quán về quá khứ Phật đã hành sức phương tiện, mới biết chư Phật quá khứ dẫn hóa chúng sanh bằng pháp Tiểu thừa, nhưng sau đó làm cho họ được Nhất thừa cứu cánh. Thế nên ta nay đắc đạo cũng nên nói ba thừa. Khi ta suy nghĩ những điều này rồi, mười phương chư Phật đều hiện phạm âm nói: "Lành thay Thích-ca Văn, bậc Thầy giáo hóa đệ nhất, được pháp Vô thượng này, tùy theo tất cả chư Phật mà dùng sức phương tiện. Ta nghe lời an ủi tùy thuận chư Phật, mới đến nước Ba-la-nại chuyển pháp luân Tứ đế độ năm người Kiều-trần-như, dần đến các nơi đến ngàn vạn (như xe dê) cũng nói mười hai nhân duyên cho người cầu Duyên giác (như xe nai), cũng nói pháp Ba-la-mật cho người cầu Đại thừa (như xe trâu, trên đây đều là một ý đệ nhất nương vào tánh nói tướng giáo. Ba xe trên đây đều ở trong nhà, chỉ nói ngoài môn, dùng ví dụ ba thừa quyền giáo) ở giữa lại nói pháp Ba-la-mật, đào thải hàng Thanh văn trên tiến đến các Bồ-tát nhỏ (đây là một ý thứ hai phá tướng hiển tánh giáo) dần dần thấy họ căn cơ thuần thục ở tại Linh Thứu, Ngài khai thị tri kiến Như Lai đều được thọ ký Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (cứu cánh Nhất thừa, như xe trâu trắng ở ngã tư đường. Xe trâu quyền giáo sáu thừa và xe trâu trắng thật giáo Nhất thừa không đồng). Hiển bày pháp thân Tam thừa bình đẳng vào đạo Nhất thừa, cho đến khi ta sắp Niết-bàn ở thành Câu-thi-na giữa hai cây song thọ, rống lên tiếng sư tử, hiển bày pháp thường trụ, quyết

định nói: "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh", hễ có tâm thì nhất định thành Phật, Niết-bàn cứu cánh thường, lạc, ngã, tịnh đều khiến họ an trụ trong Bí Mật Tạng (Pháp Hoa chỉ nhận hai thừa, đến kinh Niết-bàn mới nhận lục đạo, hội quyền nhập thật, phải dần tiến lên tjhứ bậc). Liền cùng hội hai Hoa Nghiêm Sư Tử nhập định cùng đại chúng đốn chứng, không có sai khác. (Pháp Hoa, Niết-bàn là chung cực trong tiệm giáo và Hoa Nghiêm... đốn giáo, sâu cạn không khác đều là hiển bày chân tâm thứ ba tức là tánh giáo). Những người đáng độ ta đã độ xong, người chưa độ ta tạo nhân duyên để độ, cho nên giữa hai hàng cây ta vào đại định Niết-bàn, trở về cội nguồn và mười phương ba đời tất cả chư Phật, thường trụ pháp giới thường lặng, thường chiếu. Binh rằng: "từ trước đến nay ba điều hoàn toàn ở trong các kinh ghi lời Phật nói nhưng dùng sao chép, thì liên tục xuyên suốt, hoặc thêm hoặc đổi ba chữ hai chữ, chỉ trình bày Hoa Nghiêm một hàng rưỡi. Do đó, đề kinh hiển bày ý Phật, chẳng phải bản ngữ của Phật. Liền thỉnh đem bản ý của Phật tự thuật chia thành ba tông giáo như trước, đâu nói quyền thật một ban? Há nói trước sau hai pháp. Thiền tông ví dụ giáo, ai nói không đúng, thầm muốn hòa thành một hội, đây là nguyên nhân. Ai nghe thuyết này mà không trừ nghi. Nếu còn mê chấp thì tôi không nói lại. Nhưng trên đã dẫn Phật tự nói: "Ta thấy chúng sanh đều có khả năng thành Chánh giác". Lại nói: "Độn căn, si, đui lời như trái nhau, nhưng trong đó giải thích theo thứ tự, sợ lẫn với lời Phật nên văn thêm lẫn nhau. Nay ở sau mới bắt đầu nương vào Bồ-tát Mã Minh Đại Tổ sư ở trước, nói đủ một tâm mê ngộ đầu đuôi gốc ngọn đều khiến hiển hiện, tự nhiên thấy chúng sanh toàn là Phật. Sanh tử nhiễu loạn toàn là Phật của chúng, Niết-bàn vắng lặng được tập khí, tâm tâm lặng lẽ tức là điểm Phật ngữ trái nhau, tự thấy không trái nhau. Nghĩa là lục đạo phàm phu, Tam thừa Hiền thánh căn bản đều là linh minh thanh tịnh, một pháp giới giác được tâm tánh, giác sáng mỗi mỗi viên mãn, vốn không gọi là chư Phật, cũng không gọi là chúng sanh. Nhưng tâm này linh diệu, tự tại không chấp tự tánh, cho nên tùy vào duyên mê ngộ, tạo nghiệp thọ báo, gọi là chúng sanh, tu đạo chứng chân gọi là chư Phật. Hơn nữa tùy duyên nhưng không mất chân tánh, cho nên thường không hư vọng, thường không biến đổi không thể phá hoại, chỉ là nhất tâm gọi là chân như. Cho nên nhất tâm này thường có chân như và sanh diệt, chưa từng mất. Nhưng tùy trong môn tùy duyên phàm thánh không nhất định. Nghĩa là xưa nay chưa giác ngộ, cho nên nói phiền não từ vô thỉ. Nếu ngộ tu chứng đoạn hết phiền não liền, cho nên nói có chung. Nhưng thật không

khác thỉ giác cũng không phải là bất giác, cứu cánh bình đẳng, cho nên một tâm pháp này pháp nó có hai nghĩa chân và vọng. Hai nghĩa này mỗi nghĩa lại có hai, cho nên thường có hai môn chân như và sanh diệt. Mỗi hai nghĩa này, chân có hai nghĩa bất biến và tùy duyên, vọng có hai nghĩa thể không và thành sự. Nghĩa là do chân bất biến cho nên vọng thể không là chân như môn. Do chân tùy duyên nên vọng thành sự là sanh diệt môn, vì sanh diệt tức chân như. Cho nên các kinh nói: "Không Phật không chúng sanh, xưa nay Niết-bàn thường là tướng tịch diệt. Vì chân như tức là sanh diệt thế nên kinh nói: "Pháp thân lưu chuyển trong năm đường gọi là chúng sanh. Đã biết mê ngộ phàm thánh ở trong sanh diệt môn. Nay trong môn này trình bày rõ hai tướng phàm thánh, tức là chân vọng hòa hợp không khác gọi là thức A-lại-da. Thức này trong phàm thánh xưa nay có hai nghĩa giác và bất giác. Giác là gốc của Thánh hiền Tam thừa, bất giác là gốc phàm phu lục đạo. Nay trình bày gốc ngọn của phàm phu, tổng cộng mười thứ (Nay mỗi thứ đều dùng mộng để ví dụ và chú một bên mỗi mỗi hợp lại).

1. Nghĩa là tất cả chúng sanh tuy đều có chân tâm bản giác (như một người giàu có đoan chánh thông minh ở trong nhà).

2. Chưa gặp bậc thiện tri thức chỉ dạy, pháp ấy xưa này thành bất giác (như người ngủ mê trong nhà không biết. Luận nói: "Nương vào bản giác nên nói bất giác").

3. Bất giác nên pháp tánh khởi niệm (như ngủ tánh ấy có mộng. Luận nói: "Nương vào bất giác nên sanh ba tướng đây là thứ nhất").

4. Niệm khởi nên thấy bốn tướng (như tướng trong mộng).

5. Vì có thấy nên căn thân, thế giới vọng hiện (trong mộng trong thân thấy có khác nghèo khổ tha hương và thấy những sự cảnh tốt xấu).

6. Không biết, nên những thứ này tự khởi niệm, chấp có nhất định, gọi là pháp chấp (lúc đang mộng pháp tánh chấp thấy có vật, cho là thật có).

7. Chấp pháp cố định nên thấy mình người khác nhau, gọi là ngã chấp (đang mộng nhận thân nghèo khổ tha phương, là bản thân mình).

8. Chấp bốn đại này là thân ta. Pháp ấy tham ái, thuận tình, các cảnh huân vào ngã. Sân hiềm nghi trái với tình sợ các cảnh làm tổn não ta, so sánh tình nhiều thứ ngu si (đây là ba độc, như mộng tha hướng thấy nhưng điều thuận, nghịch cũng nổi tham sân).

9. Do đó, nên tạo nghiệp thiện, ác (trong mộng hoặc trộm cướp đánh, mắng, hoặc thi ân, bố đức).

10. Nghiệp thành khó tránh, như vang theo tiếng, bóng theo hình, cho nên chịu nghiệp khổ vui trong sáu đường (như mộng bị trộm cướp đánh mắng, họ bắt trói lại đem hành hình. Hoặc nhờ thi ân được tiến cử bái quan thăng chức).

Mười thứ trên đây sanh khởi thứ tự, huyết mạch liên tiếp hành tướng rõ ràng, nhưng quán tâm theo lý suy xét, thì rõ ràng thấy được. Kế đến nói về sau khi ngộ tu chứng. Lại có mười thứ đổi vọng thành chân, pháp không sai khác, nhưng nghĩa mê, ngộ thuận nghịch thứ tự khác nhau. Trước là mê chân thành vọng, từ thuận vi tế kế đến sanh khởi, dần dần thành thô. Sau ngộ vọng về chân, từ thô nặng ngược lại kế đến đoạn trừ, dần dần đến tế, dùng trí để chuyển hóa từ cạn đến sâu. Chướng thô dễ thấy, thiểu trí cũng chuyển hóa được. Hoặc tế khó trừ, bậc đại trí mới đoạn được. Cho nên mười thứ sau từ cuối đi ngược lại thứ tự, chuyển phá mười thứ trước. Chỉ có một điều sau và hai điều trước hơi khác nhau. Ở sau sẽ trình bày mười thứ.

- Sa-môn Tông Mật ở núi Khuê Phong đời Đường thuật:

1. Hễ có chúng sanh nào gặp thiện tri thức khai thị bản giác chân tâm thuyết trên, đời trước từng được nghe nên nay giác ngộ (hoặc đời trước chưa nghe, nay nghe không tin, hoặc tin mà không hiểu, tuy mọi người đều có Phật tánh, nay có không tin không ngộ là loại này), bốn đại chẳng phải ngã năm uẩn đều không, tin chân như của minh và đức Tam bảo (tin tự tâm không phải gốc hư vọng, không thay đổi nên gọi là chân như. Thế nên luận nói: "Tin tánh mình biết tâm hoạt động không phải cảnh giới khác". Lại nói tin tâm có bốn: 1/ Là tín căn, vốn ưa niệm chân như; 2/ Tin thật, có vô lượng công đức, thường niệm và gần gũi cúng dường; 3/ Tín pháp có lợi ích lớn thường nhờ tu hành; 4/ Tin Tăng, hay tu hành chân chánh lợi mình, lợi người, thường ưa gần gũi. Ngộ được điều trước đổi thành hai điều sau đây là điều một.

2. Phát thệ nguyện bi trí chứng Bồ-đề (người phát tâm bi muốn độ chúng sanh, phát tâm trí muốn liễu đạt thanh tịnh cúng dường pháp, phát tâm muốn nguyện tu vạn hạnh dùng bản chất bi trí.

3. Tùy theo phần tu tập bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn và chỉ, quán lớn mạnh tín căn. (Luận nói: Tu hành có năm thì mới thành tựu được tín này. Chỉ quán hợp lại thành một hạnh, cho nên lục độ thành năm).

4. Tâm Đại Bồ-đề từ đây hiển bày (dùng ba tâm khai phát trên. Luận nói: Thành tựu tín phát tâm có ba thứ: 1/ Trực tâm, chánh niệm vào pháp chân như; 2/ Thâm tâm, ưa tích chứa các hạnh lành; 3/ Phát

tâm đại bi, muốn cứu tất cả khổ cho chúng sanh).

5. Biết được pháp tánh không có tâm bủn xỉn (những người tham, dục. Sân nhuế, giải đãi, tán loạn, ngu si).

6. Tùy thuận tu hành lục Ba-la-mật dùng sức định tuệ (ban đầu tu chỉ quán, thành tựu định tuệ). Ngã pháp đều quên (ban đầu khi phát tâm đã tu giáo lý quán chấp không, nay dùng sức định tuệ quán tự giác không), không mình không người (chứng ngã không có năm), thường không thường huyễn (chứng pháp không, sáu sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, cho nên thường không thường huyễn).

7. Đối với sắc tự tại đều dung thông tất cả (khi mê không biết đều tự tâm biết cho nên không tự tại, nay nhờ nhị không nên đạt được trí dung thông tất cả).

8. Đối với tâm được tự tại đều chiếu khắp (đã không thấy ngoài tâm có cảnh, cảnh giới chỉ có tâm nên được tự tại).

9. Đầy đủ phương tiện, một niệm tương ưng. Biết tâm ban đầu khởi, tâm không có tướng ban đầu, lìa niệm vi tế thì tâm thường trụ, giác ngộ ngay nguồn mê, gọi là cứu cánh giác (từ khi mới phát tâm đã tu vô niệm, đến nay mới được thành tựu cho nên vào địa vị Phật).

10. Tâm không một niệm, thì không khác và khác về thỉ giác, xưa nay bình đẳng đồng nhất giác, thầm ở căn bản nguồn tâm thanh tịnh, ứng dụng hằng sa, tận mé vị lai thường trụ pháp giới, có cảm thì liền thông gọi là Phật. Phật không khác Phật là bản Phật, không khác nên mới thành tựu. Ngài thấy khắp tất cả chúng sanh đều đồng thành Đẳng chánh giác. Cho nên mê và ngộ có mười thứ thuận nghịch thay nhau, hành tướng rất rõ. Thứ nhất này đối lại với một và hai trước, mười điều này hợp lại thành mười điều trước, còn lại tám thứ từ sau đảo ngược thứ tự phá tám tướng trước: 1/ Trong ngộ bản giác trước, đổi thành bất giác thứ hai trước. Từ trước bất giác trái với bản giác, chân vọng trái nhau nên chia thành hai. Từ nay ngộ thầm hợp, thầm hợp thuận nhau không khác buổi ngộ ban đầu, cho nên hợp lại thành một. Nếu căn cứ vào thứ tự thuận và nghịch, thì hợp thứ nhất đổi thành mười trước. Từ nay trong môn đốn ngộ lý phải nhận thẳng bản thể, đổi mê trong bản trước đối lại trong hai của hai thứ nhất. Lý do sở khổ sanh tử nên phát ba tâm độ mình độ người, đối lại với lục đạo sanh tử thứ mười trước; 3/ Tu năm hạnh để chuyển tạo nghiệp thứ chín trước; 4/ Phát nguyện ba tâm để chuyển ba độc trong thứ tám trước (tâm bi chuyển sân, tâm trí chuyển si, tâm nguyện chuyển tham); 5/ Chứng ngã không chuyển ngã chấp thứ bảy trước; 6/ Chứng pháp không chuyển pháp chấp thứ sáu trước; 7/ Sắc

tự tại chuyển cảnh giới thứ năm trước; 8/ Tâm tự tại chuyển năng kiến thứ tư trước; 9/ Ly niệm chuyển khởi niệm thứ ba trước. Cho nên mười điều kiện thành Phật, Phật không khác thể, chỉ là thỉ giác đổi bất giác thứ hai trước, hợp với bản giác thứ nhất trước. Thỉ bản không hai, chỉ là chân như hiển bày gọi là pháp thân đại giác, cho nên cùng với ngộ ban đầu thể không hai. Thứ tự thuận nghịch sai khác đều ở lý do này. Một là nhờ vào biển quả, mười là nhờ thấu triệt nguồn nhân. Kinh Niết-bàn nói: "Phát tâm và cứu cánh cả hai không khác". Kinh Hoa Nghiêm nói: "Lúc mới phát tâm Bồ-đề A-nậu, chính là ý này". Nhưng tuy thuận nghịch khác nhau đối với trước sau chiếu nhau rõ ràng, vẫn lo văn không thuận với ý sách không cùng hiển bày, đầu đuôi cách nhau không được đều nhau. Nay lại họa bản đồ, khiến cho gốc ngọn phàm Thánh đại tạng kinh thành một tông hiển bày trong gương tâm. Bản đồ này phần đầu, giữa gọi là chúng sanh tâm và Tam học. Từ ba chữ này đọc nó, chia thành hai bên, vẽ màu đỏ là biểu tượng pháp tịnh diệu vẽ màu đen biểu hiện pháp cấu nhiễm. Mỗi mỗi tìm ra huyết mạch rõ ràng. Đỏ là ký hiệu ○ này, để nghi thứ tự mười thứ pháp tịnh. Đen là ký hiệu vòng ● này, đây là ký hiệu của mười thứ pháp nhiễm. Ký hiệu này là văn của bản luận, điểm này là nghĩa thuyết luận văn.

O BẢN GIÁC	Nghĩa là tất cả chúng sanh đều có bản giác chân tâm O như người giàu đoan chánh đa trí tự do ở trong nhà.
0 BẤT GIÁC	Chư gặp bạn lành khai thị pháp ấy, xưa nay bất giác, bất giác mê chân. Luận nói: "Không biết đúng về pháp chân như, như người ngủ say trong nhà không biết gì.
µ NIỆM KHỞI	Bất giác nên pháp ấy niệm khởi. Như ngủ pháp ấy có mộng. Luận nói: "Nương bất giác nên tâm hoạt động nói là ba nghiệp, tướng tế này là thứ nhất.
❍ KIẾN KHỞI	Niệm khởi nên có năng kiến tướng, như tưởng trong mộng. Luận nói: "Vì nương động nên hay thấy, không động thì không thấy".
❍ CẢNH HIỆN	Vì thấy nên căn thân khí thế giới vọng hiện. Như trong mộng thấy có thân khác chịu đau khổ tha hương, thấy những cảnh và ở việc thiện ác.

Mê có mười thứ: Đây là mê chân theo vọng theo vi tế sanh khởi đến tướng thô:

Nghiên cứu kỹ để quán thuật trước trong bản đồ này, đối với sự kiểm nghiệm lại mình và người nghĩ đến Thánh hiền, là đồng là khác, là chân là vọng, ngã ở môn nào, Phật ở địa vì nào, đương nhiên là thể khác nhưng lại đồng nguồn, tức là tự nhiên không chấp trước phàm phu, không lạm dụng Thánh vị, không đam mê ái kiến, không suy tôn tâm Phật. Nhưng mười điều đầu là một tạng kinh đã chỉnh lý trong pháp thân. (Thứ nhất) Bệnh phiền não sanh khởi đều có nguyên nhân (thứ thứ) dần dần tăng thêm (hai thứ chấp ngã và pháp), cho đến thô nặng (ba độc tạo nghiệp) trạng thái diệt (thọ báo). Mười thứ sau là pháp thân tin phương uống thuốc (ba thứ trước toát mồ hôi) toát mồ hôi bệnh lành (tâm Bồ-đề khai mở) đem lý phương pháp (lục Ba-la-mật) dần dần giảm (thành Phật) cho đến trạng thái bình phục (thành Phật). Như có một người (ở

pháp thân) các căn đầy đủ (hằng sa công đức) khỏe mạnh (thường trụ không thay đổi, vọng không thể nhiễm) nhiều nghệ thuật (hằng sa diệu dụng) bỗng nhiên bị bệnh (vô thủy vô minh) dần dần bệnh tăng, cho đến kiệt lực (thứ mười) chỉ còn ấm ở đầu và tim (trong thức A-lại-da vô lậu trí), gặp được Thầy thuốc hay (Đại thiện tri thức) biết được sanh mạng, cho thuốc thần dược (ban đầu nghe không tin nhiều lần không bỏ) chợt tỉnh lại (ngộ hiểu). Ban đầu chưa nói được (người mới ngộ chưa thể trả lời những câu nạn vấn của người thảy đều chưa được) cho đến dần dần nói (hay nói pháp), dần dần đi (Thập địa Thập Ba-la-mật) mãi đến kinh bình phục, (thành Phật) đã biết được ngành nghề không nghề gì không làm được (Thần không ánh sáng, Nhất thiết chủng trí), đối đáp mỗi pháp đều thích hợp, nghi nào cũng giải quyết được, thì biết tất cả chúng sanh không thể thần biết tác dụng, nhưng để cho hoặc thức nghiệp bệnh lôi kéo, không có pháp thân thì không có diệu đức. Nay người ngu nạn rằng: "Ông đã đốn ngộ tức Phật tại sao không phóng quang, tại sao không khiến cho bệnh người được lành, liền tạo thân trên nghề nghiệp. Nhưng thầy thuốc đời cho toa thuốc đều phải bắt mạch, nếu không bắt đối với bệnh trạng nặng hay nhẹ, làm sao biết toa thuốc đúng hay sai. Nếu không theo toa bệnh lành càng thêm nặng, đâu luận là dùng lý và phép tắc. Thầy và pháp cũng như vậy, cho nên nay thuật cả mê và ngộ cả thày mười thứ, đem kinh luận trước hệ thống lại sau cạn có mười thứ, tương đối rõ ràng như trong lòng bàn tay. Khuyên những người học, phải khéo tự thực hành an tâm, tức tin theo và nương vào môn để hiểu, thì được thông suốt vô ngại. Lại không được suy tư thiên lệch thì mênh mông không điển trở về. Phải thông suốt tất cả như nước nguồn chảy thông phân chia đậu mì, khiến cho ở trong đồng thấy được dị, trong dị thấy được đồng. Cảnh trong gương thấy ngàn sai, nhưng không chấp tốt xấu. Gương soi một tướng, không kỵ xanh đỏ. Ngàn đồ vật chỉ một loại vàng nhưng vẫn không chướng ngại nhau. Một hạt châu có ngàn bóng nhưng nguyện vẹn không lẫn lộn, xây dựng chí hoạt động tâm bằng cõi hư không. Phòng ngừa không quan sát niệm trong mảy may, thấy sắc nghe tiếng, tự nghĩ xem như bóng và âm vang được sao? Động thân khởi ý tự biết được Phật pháp chăng? Món ăn ngon với cơm gạo lức tự nghĩ không ưa chán sao? Ấm mát nóng lạnh, tự thấy tránh khỏi được sao? Cho đến lợi, suy, hủy, dự, xưng, có, khổ lạc, mỗi mỗi đều nhiều lại mình đạt được một ý sao? Nếu biết mình không đạt được như vậy, tức là sắc chưa thấy như bóng và tiếng vang, giả sử thật đốn ngộ cuối cùng cũng phải tiệm tu. Nếu như người nghèo cùng cả ngày đêm của báu cho

người mình không được nửa xa.

Đại sư Lục Tổ nói: "Phật nói tất cả pháp để độ tất cả tâm, Ta không tất cả tâm, đâu cần tất cả pháp. Người thời nay đem lời này xem nhẹ đối với điều nghe và học, đều không nhìn lại thật không tâm chăng? Bát phong không thể động, giả sử tập khí chưa hết, niệm sân tha hồ khởi, không đánh mắng nó còn có tâm thù người khác. Niệm tham tha hồ khởi, không có tâm mong cầu khiến đạt được. Thấy người thành công, không có tâm đạt được tốt đẹp mà lại tật đố. Trong tất cả thời mình không có tâm lo đói lạnh, không có tâm khinh chê người, cho đến tất cả những thứ này cũng gọi là không tất cả tâm, đây gọi là tu đạo, nếu được đối với những cảnh thuận nghịch đều không tham sân ái ố, đây gọi là đắc đạo. Mỗi mỗi đều phản chiếu, có bệnh liền trị, không bệnh thì không cần thuốc.

Tham, sân... đã không thì gọi không tất cả tâm, tại sao phải đối trị?

- Nếu các ông nay gặp bệnh nặng đau khổ, thì đau khổ liền không, thì gọi là không bệnh, đâu cần thuốc gì để trị. Khải biết tham sân không những cũng có thể tạo nghiệp. Nghiệp cũng không nhưng cũng chiêu cảm quả khổ, khổ cũng không cái gì khổ nhẫn. Thế nên trong bản đồ trước nói: "Thể không những thành việc" (Như trên cây không ngọn quỷ không có, tại sao người sợ phải chạy té, đầu vỡ trán tét). Nếu cho là nghiệp không, không thì cái gì tạo nghiệp? Tức là phải biết địa ngục thiêu đốt khổ sở cũng không, không thì cái gì khổ sở. Nếu nói người chịu khổ sở thì hiện tại giả sử có người dùng lửa đốt dao rìu, tại sao các ông không chịu khổ sở. Nay thấy người học đạo, nghe một câu trái với thường tình không chịu được, há là chịu đốt như rìu ư? (Như thế trong mười thứ có chín. Từ trước đến nay đã trình bày Tam giáo ba tông thiền, mười nguyên nhân và mười thứ biệt dị luân hồi và tu chứng. Lại mười thứ lý đều cùng tận, sự đều đầy đủ, nghiên cứu đều đầy đủ để tu tâm, tại sao phải tụng tạng kinh và học các kệ thiền hơn mấy trăm quyển.

- Chúng sanh hoặc bệnh mỗi mỗi khác nhau, đếm bằng cát bụi đâu chỉ tám vạn. Phương tiện chư Thánh vô lượng môn, một tâm tánh tướng vô lượng nghĩa, từ trước đến giờ chỉ thuật lại đề cương, tuy hệ thống lại, nhưng người chú đều đầy đủ, văn tự lặp lại nhiều, chú và phân tích. Nhưng mỗi một nhà đầu tiên đại ý là chú giải phê bình, đề cương ý được mở rộng ở đề cương, không thể bỏ đề cương lấy giềng mối (kinh Hoa Nghiêm nói: "Mở rộng giềng mối của đại giáo, bắt cá nhân thiên, để vào bờ Niết-bàn). Lãnh hội ý trong mặc áo, có thể bỏ mặc

áo mà lãnh hội. Nếu chỉ sưu tập mà không biên soạn, như lưới không giềng. Nếu chỉ trình mà không biên soạn, như giềng không lưới. Suy nghĩ và trình bày không phiền thiết lập khó, nhưng chỉ làm cho mình, thì không cần phải tìm nhiều. Nếu muốn làm Thầy người thì phải thông tất cả. Người học giỏi thì phải xem rộng mỗi mỗi đều tường tận. Nghĩa của tông nào, giáo nào, dùng nó không sai đều thành thuốc hay, dùng lầm nó thì phản tác dụng. Nhưng kết tập thứ tự không dễ trình bày theo thứ lớp. Căn cứ nhập phương tiện đạo thì được, trước phải khai mở bản tâm, thứ nữa thông lý sự, lại khen ngợi pháp thù thắng quở trách tội lỗi thế nhân, khuyên dạy tu tập, về sau dạy môn phương tiện tiệm thứ để đối trị. Nay muốn nương vào đây để soạn, mới biết Thầy trò chiêu mục văn lẫn lộn không được ổn. Hơn nữa sáu đời này, phần nhiều trình bày nhất chân, Đại sư Đạt-ma bỏ Tứ Hạnh giáo không thể đứng đầu hội Tổ ghi vào phần cuối. Trong mấy ngày suy nghĩ việc này, muốn đem chi nhánh bên ngoài của Tổ Đạt-ma làm đầu, lại dùng thiền giáo của các tác gia kia, đã thuật lại lý, không thể làm Thầy đời đời, đạo thường lưu truyền khắp nơi, hoặc nhờ dùng tu luyện công kia đến chứng đắc, liền đem những điều này dạy người (thuộc ngọa luân tuệ chu của Cầu-na); hoặc nhờ nghe lời dạy của Thánh giáo phát sanh kiến giải và dùng điều đó nhiếp hóa người (thuộc Thiền sư Tuệ Văn), hoặc độ bằng giáo tích này và thích hợp tâm tánh, một thời sách tấn người mê (thuộc Phạm chí Chí Công Phó Đại Sĩ Vương) hoặc vâng cáo thuyết này và giữ gìn pháp làm Tăng lữ mô phạm cả nước (Lư Sơn Viễn Công). Người đã chế tác hoặc ca ngâm chí đạo, hoặc than thở mê phàm, hoặc chỉ giải thích nghĩa, hoặc chỉ khuyên thực hành, hoặc bao hết các giáo, cuối cùng không chỉ nam, hoặc chỉ tán thán một môn. Sự không thông tất cả, tuy đều ảnh hưởng thiền môn ca nhạc.

(e) BẤT GIÁC

@ A-LẠI-DA THỨC: (VẼ HÌNH TR.15)

⊙ GIÁC → Đốn ngộ :

Nghĩa là có chúng sanh gặp bậc thiện tri thức khai thị bản giác chân tâm đời trước từng nghe. Nay được ngộ hiểu bốn đại chẳng phải ngã, năm uẩn đều không, phát khởi bốn tín tâm: 1/ Tin căn bản ưa niệm chân như; 2/ Tin Phật có vô lượng công đức thường niệm, cúng dường; 3/ Tin pháp có lợi ích lớn thường nhỏ tu hành; 4/ Tin Tăng tu hành chân chánh thường ưa gần gũi tu hành tinh tấn không giải đãi.

Đây là giác ngộ về chân từ thô đoạn dần còn tế. Ngộ có mười thứ:

O.1. Đốn ngộ bản giác	Ngộ thứ nhất trước chuyển thành thứ hai là thứ nhất
O.10. THÀNH PHẬT	Chứng và thật không khác thỉ giác, xưa nay bình đẳng không khác giác. Thầm ở trong căn bản chân tịnh, nguồn tâm ứng dụng hằng sa tận mé vị lai, thường trụ pháp giới, có cảm thì thông. Gọi là đại giác Thế Tôn.
O.9. LÌA NIỆM	Đầy đủ phương tiện, một niệm tương ưng giác tâm. Tâm mới khởi tương ưng với tướng ban đầu, lìa niệm vi tế thì tâm thường trụ giác, đối với nguồn mê gọi là cứu cánh giác. Từ khi mới phát tâm liền tu vô niệm, cho đến phương này được thành tựu.
O.8. TÂM TỰ TẠI	Tâm tự tại địa không thấy ngoài cảnh có định thật, cho nên tất cả đều chiếu khắp tự tại.
O.7. SẮC TỰ TẠI	Sắc tự tại địa, đã chứng cảnh là tâm sở của mình, cho nên đối với sắc dung thông tự tại, dùng sức định tuệ ngã pháp đều quên.
O.6. PHÁP KHÔNG	Tánh pháp không, cho nên thường không, thường huyễn, ngộ sắc khi không khác.
O. 5. NGÃ KHÔNG	Lìa ngã chấp cho nên không mình không người, đối với chân như hiểu sâu, hiện tại đã tu lìa tướng, vì biết thể tánh không xan, không nhiễm, lìa sân, lìa giải đãi, Thường tịch chiếu, cho nên tùy thuận tu hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ.

O.4. KHAI PHÁT	Tức là tâm nguyện trí tuệ trước nay được khai phát. Luận nói: Tín thành tựu phát lên ba tâm: 1/ Trực tâm, chánh niệm chân như; 2/ Thâm tâm ưa tu các hạnh lành; 3/ Tâm bi muốn cứu khổ chúng sanh.
O.3. TU NĂM HẠNH BIẾT VỌNG NIỆM	Trong năm hạnh: Một là tùy theo phần bố thí. Hai là mười điều ác, nếu xuất gia thì tu tập đầu đà. Ba là nhẫn khổ não của người khác. Bốn là tinh tấn không giải đãi. Năm là chỉ quán trụ tịnh dừng tất cả cảnh, chánh niệm chỉ có tâm, quán sát thế gian không đáng ưa thích, biết niệm trước khởi ác dừng niệm sau không cho khởi.
O.2. SƠ KHỔ PHÁT TÂM	Phát khởi bi trí, thệ nguyện chứng Đại Bồ-đề, tu dần đạt đến hạnh giải Bồ-tát. Luận nói: Người phát tâm bi muốn độ chúng sanh, người phát tâm trí muốn liễu đạt tất cả tâm phát nguyện, muốn tu vạn hạnh để nuôi dưỡng bi, trí.

CHÚNG SANH TÂM	VỌNG	⊙THÀNH SỰ: Vì không đạt được pháp giới, cho nên chợt khởi niệm gọi là vô minh. Vô minh đã nhiễm nên có tâm nhiễm này để xác định căn trần cảnh, duyên lự phân biệt rối ren. Như người nằm mộng thấy mình bị nghèo khổ và những hình trạng vui buồn khác nhau. Lại như lúc mê thấy cây cho là thân người, quỷ thần khác nhau, thân không ngủ thì không thấy sai về cây. OTHỂ KHÔNG: Kinh nói: Cảnh giới nhất chân là tâm chúng sanh, cho nên tâm có hai: Một là chân; Hai là vọng. Đã nói pháp là tâm chúng sanh. Tâm này bao hết cả pháp thế và xuất thế, nương vào tâm này hiển bày nghĩa Đại thừa.	SANH DIỆT MÔN
	CHƠN	⊙TÙY DUYÊN: Luận nói tâm này từ xưa đến nay, tự tánh thanh tịnh, lặng lẽ thênh thang, hiểu biết rõ ràng. Như người có tướng phước tự trang nghiêm, giàu sang ngủ nghỉ trong nhà tự do, cũng như cây ở đồng nội. OBẤT BIẾN	CHÂN NHƯ MÔN

Do từ chân như không biến đổi, cho nên thể vọng vốn không làm chân như.

<table>
<tr><td colspan="4">Trên đây là nêu địa vị (nêu địa vị trong bản đồ này, nói tâm chúng sanh là ở trong tánh Phật, bản luận và kinh đều từ Như Lai tạng) và nghĩa môn (trong chân vọng mỗi thứ có hai nghĩa là chân như môn và nghĩa lý căn bản của Lại-da thức). Hai bên đã nêu pháp thể nhiễm (các pháp trong vị bất giác), tịnh (các pháp trong giác) tánh (chân như) tướng (lại-da). Khi mê dụng diệu đắc thanh tịnh vô lậu ẩn nhưng không diệt, cho nên bản giác chân như ở thức hữu lậu (tất cả chúng sanh đều có Phật tánh là nghĩa này). Khi ngộ tướng nhiễm hữu lậu không, cho nên thức tướng vọng niệm nghiệp quả... không thuộc chân như môn, chỉ có dụng diệu đức thanh tịnh ở trong tâm chân như, nên gọi tâm ấy là Phật.</td></tr>
<tr><td>CHÂN NHƯ</td><td>O TÂM CHÂN NHƯ: tâm chân như là pháp giới tướng chung thể pháp môn, cho nên nói tâm tánh bất sanh bất diệt, còn gọi là tâm tánh thường vô niệm, nên gọi là bất diệt.
OVỌNG THỨC KHÔNG: Tất cả pháp chỉ nương vào vọng niệm nên có sai khác. Nếu lìa vọng niệm, thì không có tướng của tất cả cảnh giới.</td><td>LY NGÔN</td><td>BẤT KHÔNG: Vì có đầy đủ đối đãi tánh vô lậu, cho nên hiển bày pháp thể không. Không vọng nên đầy đủ pháp thanh tịnh, chân tâm thường hằng bất biến.
- Thế nên tất cả pháp từ xưa đến nay, lìa tướng ngôn thuyết, tướng danh tự, tướng tâm duyên, cứu cánh bình đẳng, không biến đổi không phá hoại được, chỉ là nhất tâm nên gọi là chân như.
KHÔNG: Từ xưa đến nay không tương ưng với tất cả pháp nhiễm, cho nên nói là lìa tướng sai biệt. Vì không có tâm niệm hư vọng cho nên đều không tương ưng với tâm vọng sai biệt.</td></tr>
</table>

PHẬT	ĐẠI THỂ ĐẠI TƯỚNG	PHÁP THÂN	Tướng tự thể của chân như có ánh sáng trí tuệ tuệ chiếu khắp pháp giới, hiểu biết chân thật thường lạc ngã tịnh, cho nên đầy đủ hằng sa pháp Phật không thể nghĩ bàn, gọi là pháp thân Như Lai.
	DỤNG ĐẠI	Dụng của chân như là gốc của chư Phật ở trong bản địa hạnh, Lục Ba-la-mật giáo hóa chúng sanh, dùng trí phương tiện trừ diệt vô minh thấy được pháp thân tự nhiên, có được dụng nghiệp biến khắp không thể nghĩ bàn, tùy theo nghiệp chúng sanh thấy nghe được lợi ích.	ỨNG THÂN: Căn cứ vào quan điểm hàng Nhị thừa và phàm phu thì gọi là ứng thân. Vì không biết chuyển thức, cho nên thấy sắc theo bên ngoài nên không thấy trùm khắp. BÁO THÂN: Theo chư Bồ-tát từ hàng sơ phát tâm cho đến Thập địa gọi là báo thân. Thân có vô lượng sắc, sắc có vô lượng tướng, tướng có vô lượng tướng tốt đẹp. Cho nên trụ vào cảnh giới cũng có vô lượng tướng trang nghiêm hiện ra không giới hạn tướng nào, đều là do huân hạnh vô lậu vào bản giác, thành tựu đầy đủ vô lượng lạc tướng, cho nên gọi là vô lượng báo thân.

Phật giáo. Nếu trước sau nương vào đây xiển dương giáo pháp của Phật thì không thể được (Thiên Thai nói giáo rộng tuy đầy đủ có trước sau, nhưngh không ở trong nội dung này). Dùng tâm truyền thừa, chỉ có tông Tổ Đạt-ma. Tâm là nguồn pháp, pháp nào không đủ. Đã tu hạnh thiền dường như một môn. Đã truyền tâm tông thông suốt Tam học.

Huống nữa tìm về khởi đầu này (Thỉ là Ca-diếp và A-nan) đích thân lãnh thọ ở Phật, đời đời truyền nhau ba mươi bảy đời (có thuyết nói: "Thiên Trúc đã có hai mươi tám vị Tổ. Trong tựa Tổ truyện có phân tích đầy đủ"), cho đến Thầy ta (nghĩ mãi đâu có vận may nào được làm cháu chính thống ba mươi tám đời của Phật), cho nên nay biên tập thứ tự này trước là ghi lại Đạt-ma nhất tông, kế đến biên soạn sự thuật lại lẫn lộn của các bậc tác gia, về sau viết in Thánh giáo một tông. Thánh giáo ở sau, như án văn của Thượng Quan Ty ở đời được phán xét làm đầu, Tôn Quan được phán để ở sau (chỉ viết văn hơn mười quyển) thì trong tông đương thời, dùng tông ty chiêu mục truyền thừa xoay vần làm thứ tự. Trong đó đốn, tiệm cách khoảng nhau, lý hạnh xen lẫn nhau, mở và trói lẫn lộn nhau, tự nhiên tâm và sở trụ (Tịnh Danh gọi là tham đắm thiền vị. Là Bồ-tát bị trói buộc, dùng phương tiện phát sanh là Bồ-tát được nở trói. Lại Du-già nói: Bi tăng, trí thêm, trói mở hỗ tương nhau). Đạo tục ngộ đã đầy đủ do đó, giải hạnh viên thông, kế đến nhìn bên cạnh các nhà kiến văn rộng, nhưng sau đó đọc lời Thánh, dùng ấn khả trước sau, há không dùng đây chánh pháp được trụ đời al6u. Ý chí tôi tuy không có sở cầu, nhưng tâm ủng hộ pháp thần lý không ngừng. Công kế thừa của ta, Tổ tiên không bỏ ta. Ân pháp thí, hậu học không cô phụ ta. Nếu không cô phụ, không mai một, không bỏ, thì nguyện cùng với mọi người đồng duyên, thì mau lãnh hội hội của chư Phật.

1-Bản giác. 2-Bất giác.	3-Niệm khởi. 4- Kiến khởi.	5-Cảnh hiện. 6-Chấp pháp.	7- Chấp ngã. 8- Ba độc.	9-Tạo nghiệp. 10- Thọ báo lục đạo

A-LẠI-DA THỨC BẤT GIÁC: Gốc phàm phu trong sáu đường
GIÁC: Gốc Hiền thánh Tam thừa.

2- Sợ khổ phá tâm.	4- Phát ba tâm	6-Pháp không	8- Tâm tự tại	10- Thành Phật
3-Tu năm hạnh	5-Ngã không	7- Sắc tự tại	9- Ly niệm	1- Ngộ bản giác chuyển bất giác

		⊙ THÀNH SỰ	
	● VỌNG		SANH MÔN DIỆT
	luận nói: đã	O THỂ KHÔNG	
CHÚNG SANH TÂM	nói pháp là tâm chúng sanh		
		⊙ TÙY DUYÊN	
	⊙ CHÂN		CHÂN NHƯ MÔN
		O BẤT BIẾN	

CHÂN NHƯ	LY NGÔN NGÔN THUYẾT	Luận nói: Tâm chân như là thể pháp môn tướng chung của nhất pháp giới, gọi là tâm tánh bất sanh bất diệt. Tất cả các pháp chỉ dựa vào vọng niệm nên có sai khác, nếu lìa vọng niệm thì không có cảnh giới sai khác. Thế nên tất cả pháp từ xưa đến nay lìa tướng ngôn thuyết, tướng danh tự, tướng tâm duyên cứu cánh bình đẳng, không có đổi khác, không phải phá hoại chỉ là nhất tâm nên gọi là chân như.	Không: Nương vào ngôn thuyết có hai. Một như thật không, dùng cứu cánh hiển bày chân như. Hai như thật bất không, dùng tự thể công bất không: Đức tánh vô lậu

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 176

TÔNG CẢNH LỤC

SỐ 2016

(QUYỂN 1 → 20)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

TÔNG CẢNH LỤC

LỜI TỰA

Tả triều thỉnh lang thượng thư lễ bộ
Viên ngoại lang Hộ Quân Dương Kiệt soạn.

Chư Phật nói thật lấy tâm làm tông. Chúng sanh tin đạo lấy tông làm gương. Cảnh giới của chúng sanh tức là cảnh giới của chư Phật, nhân vì mê mà làm chúng sanh. Tâm của chư Phật tức là tâm chúng sanh, nhân ngộ mà thành chư Phật. Tâm như gương sáng, muôn hình tượng trải qua rõ ràng, Phật và chúng sanh đó như ảnh tượng. Sanh tử Niết-bàn chỉ là cưỡng danh. Thể gương tịch mà thường chiếu, ánh sáng gương chiếu mà thường tịch. Tâm, Phật và chúng sanh cả ba không sai biệt.

Mới đầu, Thiền sư Trí Giác - Diên Thọ ở Vĩnh Minh tại Ngô Việt chứng tối thượng thừa, thấu rõ Đệ nhất nghĩa, thông suốt giáo điển, thâm đạt Thiền tông, nghiêm trì luật nghi, rộng làm lợi ích. Nhân đọc kinh Lăng-già nói: "Phật nói lấy tâm làm tông", mới chế thuật "Tông Kính Lục", từ trong chỗ không nghi mà khởi nghi, từ chẳng phải hỏi mà đặt bày hỏi. Làm bạn không thỉnh mời, thật là bậc Đại đạo sư, ném bỏ vật báu của cung Rồng, bình đẳng bố thí cho quần sanh, thấu suốt then chốt của Tổ, khắp dung mọi người cùng lại, đưa mắt trông nhìn đó, có điều gì ưa muốn thảy đều đầy đủ, thuận tay mà nhón lấy, có bệnh đều lành. Gột rửa tà kiến, chỉ về nguồn diệu. Điều gọi là nêu một tâm làm tông, soi chiếu muôn pháp làm gương vậy. Như người lấy Phật làm gương thì biết Giới, Định, Tuệ là tông của các Thiện pháp. Người, trời, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Như Lai do đó mà ra, hết thảy các loại thiện không gì chẳng tin nhận, nếu lấy chúng sanh làm gương thì biết tham, sân, si là tông của các ác pháp, các loài A-tu-la, bàng sanh, địa

ngục, quỷ thú đều do đó mà ra, hết thảy loại ác không gì chẳng khiếp sợ. Thiện ác tuy khác, mà tông đó thì đồng, trở lại soi sáng tâm đó thì biết linh minh trạm nhiên rộng lớn dung thông, vô vi vô trú vô tu vô chứng, không mảy trần có thể nhiễm, không cấu bẩn có thể diệt, làm tông của hết thảy các pháp vậy.

Mới đầu, Ngô Việt Trung Ý Vương chế thuật lời tựa đó, cất nơi giáo tạng. Đến trong khoảng niên hiệu Nguyên Phong (1078 - 1086) thời Bắc Tống, Hoàng đệ Ngụy Đoan Hiếu Vương khắc bản in phân thí ở các danh lam. Các học giả ở bốn phương ít gặp bản đó. Đến mùa Hạ năm Nguyên Hựu thứ sáu (1091) thời Bắc Tống, nhân đến Đạo tràng Pháp Vân ở Đông đô, mới thấy tâm bản Tiền Đường rất rõ ràng, do Từ Tư, người xứ Ngô thỉnh cầu Thiền sư Pháp Dõng cùng Vĩnh Lạc, Pháp Chân vài ba vị lão túc gom nhặt khắp các bản lục, dùng điển tịch Tam thừa, giáo ngữ của chư Thánh hiền so đọc thành tựu để rộng lưu bố. Lợi ích đó rất rộng lớn. Thiền sư Pháp Dõng biết tôi ưa thích bản lục đó, nhân mời, làm lời tựa vậy.

LỜI TỰA TÔNG CẢNH LỤC

Ngô Việt Vương Tiền Thục chế thuật.

Rõ ràng giáo của trong nước (Trung quốc) có ba, đó là chánh vua tôi thân cha con và nồng hậu nhân luân là thầy của Nho tôi vậy. vắng vậy lặng vậy nhìn nghe không thể được, từ vi diệu lên hư vô để dừng ở cưỡi gió ngự cảnh. Quân vương được đó thì khéo dựng lập không lay động. Con người được đó thì lâu dài đầy đủ không cùng, là thầy của đạo Nho vậy. Tứ đế, Thập nhị nhân duyên, Tam minh, Bát giải thoát, thường luôn hành tập chẳng quên, mỗi ngày tu trì để được, một lúc đã lên được quả vị, trọn thấu đạt chân thường, là tông của Thích đạo vậy. Chỉ ba giáo ấy đều tự tâm tu, “Tâm Kính Lục”(1) là do Thiền sư Trí Giác soạn thuật gồm một trăm quyển, bao quát tất cả vi ngôn. Những lời từ kim khẩu Đức Phật tuyên giảng chứa đầy nơi Hải tạng, bởi cũng vì dắt dụ hàng hậu học, trí tuệ biện tài của Thiền sư diễn xướng muôn pháp, minh liễu nhất tâm, chốn thiền mưa dạo chơi tuôn, khoảng tuệ mây bủa, tính mà xưng gọi đó, chẳng thể biên ghi cùng tận, tạm làm lời tựa nhỏ để đọc tụng tuyên hành ấy vậy!

LỜI TỰA TÔNG KÍNH LỤC

Thời Bắc Tống, Thiền sư Trí Giác -
Diên Thọ viện chủ chùa Tuệ Nhật,
Vĩnh Minh tại Ngô Việt soạn tập.

Phục dĩ: Nguồn vắng lặng, biển giác lắng trong, tuyệt đầu mối của danh tự, không vết tích của năng sở. Do đầu tiên, bất giác chợt động tâm, thành nguyên do của nghiệp thức, làm sai quấy của giác minh. Nhân minh khởi chiếu kiến phần chờ nổi, theo chiếu lập trần, tướng phần an bài như gương hiện ảnh tượng, chóng khởi thân căn, tiếp tùy theo tưởng mà thế giới thành sai khác, sau đó thì nhân trí mà thương ghét chẳng đồng, từ đó bỏ chân mất tánh, chấp tướng theo danh, tích chứa đắm trệ ở tình trần, kết sóng thức tương tục, khóa trùm chân giác ở giấc mộng dài trầm mê trong ba cõi, mù mắt trí giữa đường tối, lăn lóc trong chín thú, bèn mới quấn nghiệp khổ buộc, mất cửa giải thoát. Ở trong không thân mà thọ thân, đến trong không thú mà lập thú, nếu y theo nhập thì phân có hai mươi lăm hữu, luận về chánh báo thì có mười hai loại sanh, đều từ tình tưởng làm căn do, bèn khiến y báo chánh báo có sai biệt, hướng đến cảnh không chuyển đổi, luống nhận chịu luân hồi, ở trong khuôn pháp giải thoát tự sanh ràng buộc, như tằm mùa Xuân làm kén, tự trùng mùa Thu lao đầu vào lửa, dùng tơ của Nhị kiến vọng tưởng, trói buộc nghiệp chất khổ tụ, dùng cánh vô minh tham ái, đánh quay xe lửa sanh tử, dùng ngôn từ của hang cốc vang vọng, luận gian xấu bốn loài, dùng gương tâm vọng tưởng, hiện hình nghi ba cõi. Sau đó, trái thuận gió tưởng, lay động biển giác, nước tham si ái giúp đượm mầm khổ, mãi theo trần, không biết trở lại gốc, phát tri kiến cuồng loạn, ngăn che tự tâm, lập sắc thanh huyễn hóa nhận làm pháp khác. Từ đó, một mảy mún qua cảnh dần thành núi cao của Hạ Hán, giọt nước dấy gợn cuối cùng nổi sóng lớn chìm nuốt thuyền. Sau đó, gần như muốn quay trở lại gốc ban đầu, nói theo căn lợi độn bất đồng mà từ trong Nhất chân pháp giới, khai mở Tam thừa ngũ tánh, hoặc thấy không mà chứng quả, hoặc rõ duyên mà vào chân, hoặc qua A tăng-kỳ huân luyện, dần đủ hạnh môn, hoặc một niệm viên tu chóng thành Phật đạo. Đó thì khắc chứng có khác mà một tánh chẳng khác. Nhân thành tên của phàm Thánh, tợ phân tướng của chân tục. Như muốn tận cùng tinh vi, thấu suốt cội gốc, rốt ráo yếu chỉ, thông rành tận tông thì lìa tánh căn bản, rốt cùng tịch diệt, tuyệt khác dị của thăng trầm, không sai khác của buộc mở. Đã không người ở tại thế, cũng không kẻ diệt độ, hai ngằn mé bình đẳng, một đạo thanh hư, thức trí đều không, danh thể đều lắng, chóng không chỗ có, chỉ một chân

tâm. Thấu đạt đó gọi là người kiến đạo, mê mờ đó thì gọi là mở đầu của sanh tử. Lại có tà căn ngoại chủng tiểu trí quyền có, chẳng rõ nguồn bệnh của sanh tử, không biết gốc kiến của nhân ngã, chỉ muốn nhàm chán huyên náo, bài xính khua động phá tướng chia chẻ trần. Tuy nói mờ tỉnh mê không không biết chôn chân chống giác. Như không biết trong mắt có màng đỏ, chỉ diệt vòng sáng trên đèn, không thấu huyễn thân của nội thức, đứng giữa không mà trốn lánh hư ảnh của mặt trời soi chiếu. Đó thì nhọc hình mệt tư mất sức tổn công, chẳng khác nước đủ giúp băng, ném củi thêm lửa, đâu biết vòng sáng tự tiêu, dứt huyễn chất mà hư ảnh liền diệt. Nếu hay xoay chiếu lại chính mình, phản cảnh quán tâm, thì Phật nhãn tỏa sáng mà ảnh nghiệp không, pháp thân hiện mà vết trần tuyệt, dùng trí nhọn của tự giác tách mở tâm châu trong buộc ràng, dùng tuệ bén trong một niệm, chém đứt lưới kiến ở trong trần. Đó là thấu cùng yếu chỉ của tâm,hiểu đạt thuyên giải của thức, ngôn từ ước lược, nghĩa lý đủ đầy, văn chất lý thấu, vạch bày giỏi nghi ngờ nơi cửa nhà chánh trí, phác dọn cỏ vọng trên cánh đồng chân giác, trầm kha càng vào tủy, tiệt cố chấp bàn căn, thì vật ngã gặp cháy rực của lửa trí, dung thành lò duy tâm người chưa nghe vào nghe viên mãn của chẳng nghe, người chưa biết, nói th. Danh tướng gặp ánh sáng của tuệ nhật, tiêu tan nơi biển nhất chân. Đó mới là pháp nội chứng, đâu tại văn thuyên, tri giải không thể cùng tận, thấy nghe không thể kịp. Nay vì người chưa thấy mà diễn bày diệu thấy của không thấy. Người thật biết của không biết, người chưa hiểu thành hiểu lớn của không hiểu. Chỗ khác, là, nhân ngón tay thấy vầng nguyệt, được thỏ quên lưới. Ôm một minh tông, bỏ thuyên kiểm lý. Rõ muôn vật do ngã, suốt Diệu giác tại thân. Có thể gọi là tìm móc huyền căn, mài giã hang lý, dọn nhặt cốt tủy của Thiền tông, nêu bày giềng mối của giáo võng. Còn lại những lầm hoặc, các tỳ vết khác, ứng tay tròn sáng, huyền tông diệu chỉ, nêu ý toàn chương, hay gạt núi bảy mạn, trọn bít lấp đường sáu suy. Trần lao ngoại đạo, đều đến ở chỉ gội. Sống chết quân ma, toàn tiêu ảnh hưởng, hiện sức tự tại mỡ mang đại oai quang, bày châu ngọc chân thật, lợi dụng không cùng tận, dốc kho tàng bí mật, khắp cứu tế nào cùng. Có thể gọi là: Trong hương đốt ngưu đầu đó, trong vật báu sưu tầm dưới cổ con ly, trong hoa hái nhặt linh thụy, trong tỏa chiếu ánh diệu thần quang, trong thức ăn dùng lấy cháo sữa, trong nước uống chất cam lồ, trong thuốc uống dùng cửu chuyển, trong chủ gặp được Thánh vương, nên được núi cao pháp tánh, chóng rơi lại chót vót của các núi, biển rộng đề- hồ, giăng nuốt sóng của các nguồn, tợ vọt sáng của phách đêm,

đoạt muôn sao của Tiểu thừa, như mang sắc thể của triều dương, phá mờ tối của ngoại đạo. Như người nghèo khổ pháp tài gặp được của báu lớn, như kẻ khô khát cam lồ gặp ao trong mát. Làm trời chỗ kính của chúng sanh, làm cha chân từ Bồ-tát, ôm bệnh tật nặng dữ gặp Dược Vương khéo thăm, mê lầm đường hiểm nạn gặp được người dẫn dắt tốt sáng suốt. Lâu ở trong phòng tối chợt đến nơi ánh sáng của đuốc báu. Thường chịu mình mẩy trần truồng, chóng nhận diệu phục cõi trời, chẳng mong cầu mà tự được, không công mà chóng thành. Nên biết, trong vô lượng cõi nước, khó nghe danh tự, trong số kiếp như bụi trần hiếm gặp truyền trì. Dùng nhân duyên như trên, mắt làm gương tâm, hiện một đạo mà Thanh hư có thể soi chiếu, dẹp hết các tà mà mảy lông chẳng dung. Diệu thể không riêng tư, viên quang chẳng phải ngoài, vô biên biển nghĩa đều kết quy trong trông nhìn. Hình dung muôn tượng đều vào trong soi chiếu. Đó mới là yếu chỉ nhất vị của Tào Khê, chư Tổ đồng truyền, chánh tông bất nhị của rừng chim hộc, các kinh đều thuật. Có thể gọi là tích chứa sâu xa của muôn thiện, huyền nguyên của các triết. Bảo Vương của một chữ, nguyên tổ của các linh, bèn khiến lìa cảnh ở tâm, văn lý đều hư rỗng, tức trần của thức, thuyên lường có chứng cứ. Hải Ấn của Nhất tâm, khải định viên tông. Đèn trí tám thức, chiếu phá tà ám. Thật có nghĩa là ngôi nhà tâm linh của hàm sanh, nghĩa tông muôn pháp. chuyển biến vô phương, cuộn buông tự tại. Ứng duyên hiện vết, mặc vật thành danh. Chư Phật thấu suốt đó, gọi là Tam-bồ-đề, Bồ-tát tu hành đó, gọi là Lục độ hạnh. Biển tuệ biến đó làm nhân duyên, Long nữ hiến dâng đó làm châu báu. Thiên nữ rải đó làm hoa Vô trước, bạn lành cầu đó làm vật báu như ý, Duyên giác tỏ ngộ đó làm mười hai duyên khởi, Thanh văn chứng đó làm bốn đế nhân không, ngoại đạo chấp thủ đó làm sông tà kiến, loài dị sanh chấp đó làm biển sanh tử. Luận về thể thì phù hợp mầu nhiệm chí lý, ước về sự thì sâu hợp với chánh duyên. Nhưng, tuy nêu tổng môn của pháp giới, phải biện biệt chỉ của Nhất thừa, nghĩa của các thứ tánh tướng tại Đại giác vì viên thông, môn của lớp lớp tức nhập, chỉ chủng trí mà diệu đạt. Chỉ bởi căn gầy mà chẳng soi xét, học ít khó cùng khắp. Không biết hai môn tánh tướng là thể dụng của tự tâm. Nếu đủ Dụng mà mất Thể thường hằng thì như không nước mà có sóng, nhưng được Thể mà khuyết môn của Diệu dụng, tợ không sóng mà có nước. Vả lại, chưa có nước không sóng, từng không sóng chẳng ướt, vì sóng triệt nguồn nước, nước cùng ngọn sóng, như tánh cùng tướng, bày tướng đạt nguồn tánh. Phải biết thể dụng cùng thành, tánh tướng hỗ tương hiển bày. Nay thì nhỏ nhiệm

tỏ rõ tổng biệt, rộng biện giải dị đồng, nghiên tầm căn nguyên của một pháp, sưu tầm gốc ngọn của các duyên, thì có thể xưng là Tông Kính để soi xét sâu xa nhỏ nhiệm. Không một pháp nào để trốn lánh hình thì ngàn sai mà đều hội, bèn học đòi bao gồm nghĩa rộng, tóm lược văn cốt yếu, phô bày rộng trong trăm quyển, quyển nhiếp ở trong nhất tâm, hay khiến biển giáo khó nghĩ bàn, như chỉ trong lòng bàn tay mà niệm niệm tròn sáng. Chân tông vô tận, mắt thấy mà tâm tâm khế hợp, như thần châu tại trong tay, trọn dứt việc mong cầu. Như giác thọ rủ che toàn tiêu vết bóng. Được báu thật ở trong ao Xuân, nhặt sỏi vụn lẫn chẳng phải, được gốc đầu ở trước gương xưa, tâm cuồng chóng hết, có thể sâu chọn thấy trái, trọn dứt rễ nghi, chẳng vận công một mảy may, toàn mở kho báu, chẳng phải dùng sức trong sát-na, chóng được huyền châu. Gọi tên là nơi Nhất thừa Đại tịch diệt, thật là nơi A-lan-nhã chánh tu hành đó là cảnh giới tự đến của Như Lai, là pháp môn vốn trụ của chư phật,do đó. Đó là khuyên khắp các hàng hậu Hiền tinh tế soi xét, bèn được trí cùng biển tánh, học suốt nguồn chân. Tâm ấy thức ấy, chỉ tôn chỉ thắng. Thức ấy là sở chứng của chư Phật mười phương, tâm ấy là sở thuyết của giáo pháp một đời Đức Phật giảng tuyên. Chỉ tôn là chỗ kết quy của giáo lý hạnh quả. Chỉ thắng là chỗ hướng đến của tin hiểu chứng nhập. Chư Hiền y cứ đó mà giải thích luận khởi ngàn chương. Chư Thánh thấu rõ đó, để hoằng tuyên đàm nói thành bốn biện. Do đó, nhặt kỳ nêu dị, nghiên tinh thấu suốt, riêng nêu cương rộng, bày lớn cương chánh, lặn lội nơi đất cơ ngũ thừa, nhảy vọt lên trời nghĩa đệ nhất. Nói rộng tông ấy, lợi ích vô tận, bèn được chánh pháp trú lâu nơi đời, xô dẹp rừng tà ngoại đạo, hay khiến rộng cứu tế hàm sanh. Bít lấp vết loạn của Tiểu thừa, thì không tà nào chẳng chánh, có ngụy đều không. Do tự lợi nên phát nguyện của trí đức, do lợi tha nên lập sự ân đức. Do thành trí đức thì từ khởi hóa vô duyên, thành ân đức thì bi hợp tâm đồng thể. Do đồng thể thì tâm khởi vô tâm. Do vô duyên thì hóa thành đại hóa. Tâm khởi vô tâm thì vui nào mà chẳng cho. Hóa thành đại hóa thì khổ nào chẳng lấy. Vui nào mà chẳng cho, thì lợi độn đều xem ngang bằng, khổ nào mà chẳng lấy thì oán thân thảy đều cứu. Bèn khiến ba cỏ hai cây đều kết quy nơi một đất tươi tốt. Giống tà tiêu mầm đồng thấm đượm một cơn mưa. Đó là tận thiện tận mỹ, không sánh không đồng. Có thể gọi là bao gồm môn nhân tìm cùng biển quả. Nên được khai mở bậc sĩ Bồ-đề người mới cầu Bát-nhã, rõ biết nguyên do thành Phật, chóng viên mãn không ngưng trệ, suốt biết đường lối trở về nhà thẳng đến nào còn nghi. Hoặc lìa đây riêng tu, theo lầm hiểu khác, như vắt sừng lấy sữa, leo cây

bắt cá, nhọc trải qua ba A tăng-kỳ kiếp không được một tí gì. Nếu y cứ yếu chỉ đây, tin nhận hoằng trì, như thuyền nhẹ theo dòng không các chướng ngại ngăn trệ, lại gặp thế gió tiện, lại thêm công sức của mái chèo, thì nhanh đến thành báu, chợt đến bờ giác. Có thể gọi là tư lương dễ làm, đạo quả trước thành, đắp mặc pháp y thượng hạnh của Tôn giả Ca-diếp, ngồi tòa pháp không của Đức Phật Thích-ca, lên gácTỳ-lô của Đức Di-lặc, vào thân pháp giới của Bồ-tát Phổ Hiền. Hay khiến khách làm người nghèo hèn hết lãnh gia nghiệp của trưởng giả. Chợt khiến các hàng trầm không tiểu quả chóng nhận thọ ghi danh của Đức Như Lai, chưa có một môn nào chẳng thông đạo đây, hẳn không một pháp chẳng khế hợp tông đây. Các bậc Giác vương ở thời quá khứ nhân đó mà thành Phật, những bậc Đại sĩ ở tương lai nương cậy đó mà chứng chân, thì một pháp môn nào mà không mở, một nghĩa lý nào mà không hiện, không một sắc nào chẳng phải Tam-ma-bát-địa, không một thanh nào chẳng phải Đà-la-ni môn, thưởng thức một vị mà đều biến thành đề-hồ, nghe một hương mà đều vào pháp giới. gió cây bãi trăng đều có thể truyền tâm, đảo khói rừng mây đều bày nêu diệu chỉ, bước bước giẩm lên trải cảnh giới kim sắc, niệm niệm ngửi mùi hương chiêm-bặc, vốc nước biển cả mà đã được trăm sông, đến núi Tu-di mà đều đồng một sắc, rực rỡ vậy mở mắt quán tượng, hết thảy trở lại tự tông, vắng lặng vậy dẫn dắt tâm tìm cầu châu ngọc đều về lại bản pháp, bèn khiến núi tà rơi lạc mũi nhọn, biển khổ lặn sóng, mái chèo trí vì đó mà an dòng, Diệu phong nhân đó mà vút cao. Nay rõ ràng đại ý của Phật Tổ, chánh tông của kinh luận, chuốc bỏ văn rườm rà, chỉ tìm rút yếu chỉ, mượn bày vấn đáp, rộng nêu dẫn chứng minh. Nêu cao Nhất tâm làm tông, chiếu muôn pháp làm kính, đan ken các nghĩa sâu sắc của Khế định xưa, gom lược viên thuyên trong các Tạng, báo đồng hiển bày đây, xưng gọi là Lục phân làm thành trăm quyển. Đại khái chia thành ba chương: Một là, lập chánh tông, để làm quy thú; hai là, nêu bày vấn đáp, dùng để dứt trừ tình nghi; và ba là, nêu dẫn chân thuyên, để hoàn thành tin tròn đủ đó, đem diệu thiện này, thí khắp hàm linh, đồng báo ân Phật, cùng truyền yếu chỉ đây vậy.

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 1

CHƯƠNG I: NÊU TÔNG

Rõ ràng, phàm Tổ nêu Thiền lý, truyền chánh tông mặc khế; Phật diễn pháp môn, lập đại chỉ thuyên giãi, thì là điều bẩm nhận của các tiền Hiền, và hàng hậu học có chỗ quy thú. Vì thế, trước niêu liệt bày chương Nêu tông. Vì có nghi nên hỏi, vì dứt nghi nên đáp, nhân hỏi mà nghi tình được mở, nhân đáp mà diệu giải ngầm sanh. Nghĩa là viên tông đây khó tin hiểu là thuyết của đệ nhất. Đầy đủ cơ tối thượng, nếu chẳng giả lập ngôn từ thuyên giải thì không do đâu để nhổ dứt tình chấp đó. Nhân ngón tay mà được thấy vầng nguyệt, không thể không có môn Phương tiện. Được thỏ quên lưới, tự hợp với đạo thuyên chân. Tiếp đến là lập chương hỏi đáp, chỉ vì hiện nay đang là đời mạt pháp hiếm gặp được hàng đại cơ, hàng quán cạn tâm trôi nổi nơi căn nhỏ trí kém tuy biết có chỗ kết quy của tông chỉ, hỏi đáp dứt nghi dần tiêu hoặc chướng. Muốn sức tin bền chắc phải mượn chứng minh rộng nêu dẫn lời chân thật của Phật Tổ, kín khế hợp với đại đạo viên thường, khắp gom nhặt yếu chỉ của kinh luận, viên thành chân tâm quyết định. Sau cùng nêu bày chương Dẫn chứng. Đem ba chương này thông làm nhất quán, sưu tìm bao gồm đầy đủ cả ở đây vậy.

Hỏi rằng: Tiên đức nói: Nếu giáo ta mà lập tông định chỉ như trên lương rùa mà tìm lông, bên mình thỏ mà kiếm sừng. Kinh Lăng- già có lời kệ nói: "Hết thảy pháp chẳng sanh, không nên lập tông đó". Cớ sao nêu tên chương đây?

Đáp rằng: Lời nói đó dứt ngăn. Nếu không tông của tông thì tông thuyết đó gồm nêu. Xưa kia, Phật đều dùng môn phương tiện, Thiền tông cũng mở một con đường, hẳn không thể chấp ở phương tiện mà mê lầm đại chỉ. Lại không thể phế bỏ phương tiện mà dứt tuyệt trình bày sau. Nhưng trước cơ không giáo, sau giáo không thật. Giả sử có một giải một ngộ, đều là việc rơi lạc lui sau vậy, thuộc đầu thứ hai. Do

đó, trong luận Đại Trí Độ nói: Dùng Phật nhãn mà quán sát hết thảy mọi vật trong tất cả các cõi nước mười phương, còn chẳng thấy không, huống gì có pháp, rốt cùng không pháp hay phá điên đảo, khiến Bồ-tát thành Phật, việc ấy còn không thể được, huống gì phàm phu điên đảo có pháp". Nay y theo trong ngôn giáo của Phật Tổ, nói theo người học hiện nay, tùy chỗ thấy tâm tánh mà phát minh. Lập tâm làm tông. Cho nên Đức Phật Thích-ca Văn ở Tây phương nói là: "Phật nói tâm làm tông, vô môn làm pháp môn". Còn xứ này Sơ tổ Đại sư Đạt-ma nói: "Dùng tâm truyền tâm, chẳng lập văn tự". Thì Phật phật trao tay trao yếu chỉ đó. Tổ tổ truyền nhau truyền tâm đó vậy. Trên đây là nói về chỗ lập tông chỉ của Phật Tổ. Lại nữa, tông thể do các Hiền thánh lập thì Hòa thượng Đỗ Thuận y cứ kinh Hoa Nghiêm lập "Tự tánh thanh tịnh viên minh thể". Đó tức là thể pháp tánh trong Như Lai Tạng,từ xưa đến nay tánh tự đầy đủ,ở nhiễm không nhơ,sữa sang không sạch nên nói là tự tánh thanh tịnh. Tánh thể chiếu khắp, không tối không soi, nên gọi là viên minh. Lại tùy dòng thêm nhiễm mà chẳng dơ bẩn, trái ngược dòng trừ nhiễm mà chẳng sạch. Cũng có thể ở tại Thánh thể không thêm, ở phàm thân không bớt, tuy có ẩn hiển sai khác, mà không sai biệt khác nhau. Phiền não che lại thì ẩn, trí tuệ tỏ rõ thì hiển. Chẳng phải chỗ sanh của nhân sanh. Chỉ chỗ liễu của nhân liễu. Đó tức là thể tự tâm của hết thảy chúng sanh. Linh tri không mờ tối, tịch chiếu không bỏ sót, chẳng phải tông của Hoa Nghiêm, cũng là thể của hết thảy giáo. Luận "Phật Địa" lập "Nhất thanh tịnh pháp giới thể". Luận nói: "Thanh tịnh pháp giới là tự thể chân thật của hết thảy Như Lai, từ vô thỉ đến nay tự tánh thanh tịnh, đầy đủ các thứ tánh tướng công đức quá hơn số vi trần cùng cực cõi ở mười phương. Không sanh không diệt giống như hư không, khắp hết thảy hữu tình đều bình đẳng cùng có, cùng với hết thảy pháp. Chẳng phải một chẳng phải khác, chẳng phải có chẳng phải không, lìa hết thảy tướng, hết thảy phân biệt, hết thảy danh ngôn, đều không thể đắc, chỉ là sở chứng của Thánh trí thanh tịnh. Chỗ hiển bày Nhị không vô ngã, chân như làm tự tánh đó. Chư Thánh chứng từng phần, chư Phật chứng viên mãn. Thanh tịnh pháp giới đó tức là Diệu tâm chân như, làm nguồn của biển quả chư Phật, làm địa vị thực tế của quần sanh. Đó đều là tên khác của lập tông, chẳng phải có thể riêng khác. Hoặc nói tông là tôn vậy. Dùng tâm làm tông, nên nói: "Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn". Hoặc nói thể là tánh vậy, dùng tâm làm thể, nên nói: "Biết hết thảy pháp tức là tự tánh tâm"hoặc nói về trí,lấy tâm làm trí tức là dụng tịch chiếu của bản tánh, do đó nói: Tự giác thánh trí", "Phổ

quang minh trí", v.v... nếu nói theo nghĩa dụng mà phân thì thể tông dụng khác. Nếu quy về bình đẳng thì một đạo không sai. Do đó, trong "Hoa Nghiêm Ký" có lời hỏi rằng: "Hai địa vị Đẳng giác và Diệu giác toàn đồng Phổ quang minh trí của Như Lai, kết thành vào khắp", do đó hội đây thuyết Đẳng giác Diệu giác, hai giác toàn đồng Phổ quang minh trí tức là nghĩa Hội quy vậy.

Hỏi rằng: Đẳng giác đồng với Diệu giác ở lý có thể được vậy. Nhưng ngoài Diệu giác còn có Phổ quang minh trí của chư Như Lai nào làm chỗ đồng chăng?

Đáp rằng: Nói Đẳng giác hay nói Diệu giác tức là nói theo địa vị, Phổ quang minh trí chẳng thuộc nhân quả gồm thông nhân quả. Do đó thánh trí tự giác siêu tuyệt nhân quả, nên trong kinh Lăng Nghiêm nói: "Ngoài địa vị Diệu giác lại còn địa vị thánh trí tự giác". Cũng như Phật tánh có nhân có quả, có nhân nhân có quả, dùng nhân mà chấp lấy đó, nhân đó là Phật tánh, dùng quả mà chấp lấy đó, quả đó là Phật tánh. Nhưng mà Phật tánh chẳng phải nhân chẳng phải quả, Phổ quang minh trí cũng lại như vậy. Thể tuyệt nhân quả, làm nhân quả nương tựa, quả mới cứu cánh, nên nói Phổ quang minh trí của chư Như Lai hoặc xưng là bản là lấy tâm làm gốc vậy. Nên Niết-bàn sớ nói: "Tông Niết-bàn là bản, các hành đều lấy tâm Đại Niết-bàn làm gốc. Gốc lập thì đạo sanh, như không mắt lưới chẳng lập không lông da chẳng phụ, tâm làm gốc nên tông đó được lập.

Hỏi rằng: Nếu muốn sáng tông chỉ hợp thuần nêu bày ý Tổ, đâu cần gồm dẫn ngôn giáo của chư Phật, Bồ-tát lấy làm chỉ nam? Nên trong tông môn nói: "Mượn tâm làm mắt không có phần của chính mình, chỉ thành văn tự, Thánh nhân chẳng vào Tổ vị".

Đáp rằng: Từ trước chẳng phải thuần chỉ một mực chẳng chấp nhận xem giáo, sợ tư lự chẳng rõ ràng lời Phật, tùy theo văn sanh giải hiểu làm mất ý Phật. Vì để gìn giữ tâm ban đầu, hoặc nếu nhân thuyên giải mà được yếu chỉ chẳng làm tâm cảnh đối trị, rõ thẳng tâm Phật, đâu có gì lỗi Chỉ như Hòa thượng Dược Sơn một đời đọc xem kinh Niết-bàn, tay chẳng buông rời quyển, bấy giờ có người học vào hỏi: "Bình thường Hòa thượng chẳng cho người học đọc xem kinh, cớ sao Hòa thượng tự xem kinh?" Hòa thượng đáp: "Chỉ như vì che mắt". Lại hỏi: "Người học đọc xem có được không?" Hòa thượng bảo: "Ngươi nếu trông xem da trâu cần phải xuyên thủng". Vả lại, như đệ nhất Tổ sư ở Tây Thiên là do Đức Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật mới đầu truyền cho Đại Ca-diếp làm Sơ tổ, rồi lần lượt tương truyền mãi đến Tổ thứ sáu ở xứ này đều

là đệ tử của Phật. Nay dẫn lời của Đức Bổn sư dạy răn chỉ bày cho đệ tử, khiến nhân lời nói tiến đạo thấy pháp, biết tông chẳng ngoài mong cầu thân gần rõ được ý Phật, được yếu chỉ tức vào ngôi vị Tổ, ai luận môn Đốn tiệm, thấy tánh hiện chứng viên thông đâu nêu ngôi vị trước sau. Nếu là như vậy đâu có trái nghịch. Vả lại, như đời trước, hai mươi tám vị Tổ ở Tây Thiên, sáu vị Tổ ở xứ này, cho đến Đại sư Mã Tổ ở Hồng châu, quốc sư Trung ở Nam Dương, Thiền sư Đại Nghĩa ở Nga hồ, Thiền sư Bản Tịnh ở núi Tư không v.v..., đều thông rành kinh luận, viên ngộ tự tâm. Như chỗ chỉ bày cho học trò đều dẫn chứng chân thật, trọn chẳng xuất phát từ ức đoán vọng có chỉ bày. Do đó trải qua thời gian năm tháng lâu dài, chân phong chẳng rơi lạc. Lấy Thánh ngôn làm định lượng, tà ngụy khó đổi thay, dùng chí giáo làm chỉ năm, nương tựa có chứng cứ. Nên Hòa thượng Khuê Phong nói: “Cho rằng thủy tổ của các tông tức là Đức Phật Thích-ca. Kinh là lời Phật nói, Thiền là ý của Phật, tâm và khẩu của chư Phật hẳn chẳng trái nhau. Chư Tổ nói nhau căn bản là Phật đích thân giao phó, Bồ-tát tạo luận trước sau, chỉ hoằng dương kinh Phật. Huống gì Tôn giả Đại Ca-diếp cho đến Ưu-ba-cúc-đa hoằng truyền đều gồm cả Tam Tạng. Mãi đến chư vị Mã Minh, Long Thọ đều là Tổ sư, tạo luận giải thích kinh có đến vài mươi vạn kệ tụng. Quán sát phong cảm hóa vật không định sự nghi. Do đó, phàm xưng là tri thức pháp ấy, phải rõ lời Phật ấn khả tự tâm, nếu chẳng cùng Viên giáo Nhất thừa liễu nghĩa tương ứng, giả sử có chứng Thánh quả cũng chẳng phải cứu cánh. Nay tạm nêu cử một vài điểm để chứng minh văn đó.

Đại sư Mã Tổ ở Hồng châu nói: “Đại sư Đạt-ma từ nước xứ Nam Thiên Trúc đến, chỉ truyền pháp Nhất tâm của Đại thừa, dùng kinh Lăng-già để ấn tâm chúng sanh, sợ không tin pháp Nhất tâm đó. Kinh Lăng-già nói: “Phật nói tâm làm tông, vô môn làm pháp môn”. Cớ sao Phật nói tâm làm tông? Phật nói tâm là tức tâm tức Phật. Nay nói tức là tâm nói, nên nói “Phật nói tâm làm tông”. Vô môn làm pháp môn là thấu đạt bản tánh không, lại không một pháp. Tánh tự môn đó, tánh không có tướng cũng không có môn, nên nói “Vô môn làm pháp môn”. Cùng còn gọi là “không môn”, cũng gọi là “sắc môn”. Cớ sao? Không là pháp tánh không, sắc là pháp tánh sắc. Không hình tướng nên gọi đó là không. Tri kiến vô tận nên gọi đó là sắc, nên nói: “Như Lai sắc vô tận, trí tuệ cũng như vậy”, tùy chỗ sanh các pháp, lại có vô lượng môn Tam-muội, xa lìa tri kiến tình chấp trong ngoài, cũng gọi là Tổng trì môn, cũng gọi là Thí môn. Nghĩa là chẳng nhớ nghĩ các pháp thiện ác

trong ngoài. Cho đến đều là các Ba-la-mật môn. Sắc thân Như Lai là thật tướng gia dụng của Phật. Trong kinh nói: "Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp đều từ tâm tưởng sanh". Cũng còn gọi là Pháp tánh ngọn lửa trong nhà, cũng là pháp tánh công huân. Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã lửa thiêu đốt trong ngoài ba cõi các vật đều tiêu hết, ở trong đây chẳng tổn hại một lá cỏ. Vì các pháp như tướng vậy. Nên trong kinh nói: "Chẳng tổn hại nơi thân mà tùy một tướng". Nay biết tự tánh là Phật, ở trong tất cả mọi lúc đi đứng ngồi nằm, lại không một pháp khả đắc. Cho đến chân như chẳng thuộc hết thảy tên gọi, cũng không không tên gọi. Nên trong kinh nói: "Trí chẳng được có không, trong ngoài không mong cầu, mặc tình bản tánh đó, cũng không tâm nhậm tánh, kinh nói: "Các thứ ý sanh thân, ta nói là tâm lượng", tức tâm của vô tâm, lượng của vô lượng. không tên gọi là tên gọi chân thật. Không cầu là cầu chân thật. Kinh nói: "Phàm người cầu pháp nên không chỗ cầu". Ngoài tâm không riêng có Phật, ngoài Phật không riêng có tâm. Chẳng chấp thủ thiện, chẳng tạo ác, dơ sạch hai bên đều chẳng y theo pháp, không tự tánh ba cõi chỉ tâm. Kinh nói: "Sum-la cho đến muôn tượng, chỗ ấn của một pháp". Phàm chỗ thấy sắc đều là thấy tâm, tâm chẳng phải tự tâm, nhân sắc nên tâm, sắc chẳng phải tự sắc, nhân tâm nên sắc. Nên kinh nói: "Thấy sắc tức là thấy tâm".

Quốc sư Trung ở Nam Dương nói: "Pháp của Thiền tông là nên y theo Phật nói Nhất thừa liễu nghĩa, khế hợp lấy bản nguyên tâm địa, chuyển tướng truyền trao cùng Phật đạo đồng. Chẳng được y cứ nơi vọng tình và giáo điển Bất liễu nghĩa ngang làm kiến giải, nghi lầm người học sau đều không ích lợi gì. Giả sử nương tựa theo bật thầy lãnh thọ tông chỉ, nếu cùng với giáo điển liễu nghĩa tương ưng tức có thể y cứ thực hành. Còn nếu tương ưng với giáo điển Bất liễu nghĩa, thí như trùng ở trong thân sư tử ăn thịt trong thân sư tử, chẳng phải thiên ma ngoại đạo mà có thể phá diệt Phật pháp vậy". Bấy giờ có một Thiền khách vào hỏi: "Cái nào là tâm Phật?" Quốc sư đáp: "Tường vách ngói sỏi các vật vô tình đều là tâm Phật". Thiền khách nói: "So với kinh rất trái ngược vậy. Trong kinh nói: Lìa tường vách ngói sỏi các vật vô tình thì gọi đó là tánh Phật". Nay nói hết thảy vật vô tình đều là tâm Phật. Không biết tâm đó cùng với tánh là đồng dạng hay khác biệt?" Quốc sư bảo: "Người mê tức khác biệt, người ngộ tức không khác biệt". Thiền khách nói: "So với kinh lại còn chống trái vậy. Kinh nói: "Này thiện nam! Tâm chẳng phải tánh Phật. Tánh Phật là thường, tâm là vô thường". Nay nói chẳng khác biệt, không biết ý như thế nào?" Quốc

sư bảo: "Ông tự y theo ngữ mà chẳng y theo nghĩa. Thí như tháng lạnh nước đóng thành băng, đến lúc nóng ấm, băng tan thành nước. Chúng sanh lúc mê buộc tánh thành tâm, lúc ngộ mở tâm thành tánh. Ông định chấp các vật vô tình chẳng phải tâm, thì trong kinh không nên nói ba cõi chỉ tâm. Nên trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Nên quán tánh pháp giới, thảy đều do tâm tạo". Nay thử hỏi ông: Các vật vô tình là ở trong ba cõi hay ngoài ba cõi? Nói là tâm hay chẳng phải tâm? Nếu chẳng phải tâm, thì kinh không nên nói ba cõi chỉ tâm. Nếu nó là tâm, thì lại không nên nói là không tánh. Ông tự trái với kinh, chẳng phải tôi trái vậy".

Thiền sư Đại Nghĩa ở Nga hồ, nhân có sắc chiếu mời vào nội, bèn hỏi chư vị Đại đức ở kinh đô rằng: "Chư Đại đức! Lấy gì làm đạo?" Có vị đáp rằng: "Dùng thấy biết làm đạo". Thiền sư bảo: "Trong kinh Duy-ma nói: "Pháp lìa thấy nghe hay biết" thì sao lại dùng thấy biết làm đạo?" Có vị khác trả lời: "Dùng không phân biệt làm đạo." Thiền sư bảo: "Trong kinh nói: "Khéo hay phân biệt tướng của các pháp, đối với Đệ nhất nghĩa mà không lay động". Cớ sao nói dùng không phân biệt làm đạo?" Lại, gặp Hoàng đế hỏi: "Thế nào là Phật tánh?" Thiền sư đáp: "Chẳng lìa điều hỏi của bệ hạ". Do đó, hoặc là chỉ thẳng minh tâm, hoặc là phá chấp vào đạo, dùng biện tài vô phương, dứt bỏ chấp nhất định, vận trí tuệ không đắc, khuất nhiếp tâm có lượng.

Thiền sư Bản Tịnh ở núi Tư không nói cùng chư vị Đại đức ở chốn kinh đô rằng: "Chư vị chớ chấp tâm. Tâm đó đều nhân tiền trần mà có, như ảnh tượng trong gương, không thực thể khả đắc. Nếu người chấp thật có, thì mất bản nguyên, thường không tự tánh. Kinh Viên Giác nói: "Vọng nhận tứ đại làm tướng tự thân, sáu trần duyên ảnh làm tướng tự tâm". Kinh Lăng-già nói: "Chẳng rõ tâm và duyên thì sanh hai thứ vọng tưởng. Rõ tâm và cảnh giới thì vọng tưởng chẳng sanh". Kinh Duy-ma nói: "Pháp chẳng phải thấy nghe hay biết". Tạm dẫn ba kinh để chứng minh chân thật.

Đại sư Trang Nghiêm ở dưới chùa Ngũ Tổ, suốt một đời chỉ dạy đồ chúng, chỉ nêu cử bốn câu kệ cuối bài tụng tán Phật của trưởng giả Bảo Tích ở trong kinh Duy-ma rằng:

"Chẳng đắm thế gian như hoa sen,
Thường khéo vào nơi hạnh không tịch,
Thấu đạt pháp tướng không quái ngại,
Kính lạy như không không chỗ nương".

Có người học hỏi rằng: "Đó là lời Phật, muốn được nghe lời Hòa thượng tự nói". Đại sư bảo: "Lời Phật tức là lời ta, ta nói tức là Phật

nói”.

Cho nên Sơ tổ Bồ-đề Đạt-ma từ Tây vức đến khai sáng thực hành Thiền đạo, muốn truyền tâm ấn, phải mượn kinh Phật, dùng kinh Lăng-già làm chứng minh. Biết chỗ tự của giáo môn, bèn được người ngoài chấm dứt phỉ báng, người trong tập học nhận lãnh, nối dõi Tổ hưng thạnh, huyền phong tỏa khắp. Do đó người sơ tâm học đạo, trước khi tự tỉnh phát, nếu chẳng phải chánh tông Thánh giáo, thì nương cậy vào đâu để tu hành tấn đạo? Giả sử chẳng tự sanh vọng kiến, cũng là gặp phải thầy tà. Nên nói: “Mắt ta vốn chánh, nhân thầy nên tà”. Ở Tây Thiên có chín mươi sáu thứ chấp kiến, đều thuộc loại đó. Nên biết gỗ chẳng có dây mực thì không thẳng, lý chẳng phải giáo thì không viên. Như trên lược nêu dẫn vài ba điểm đều là Đại thiện tri thức, Tông sư ngoài vật, lân ròng của vườn Thiền gương rùa của Tổ môn, bày một giáo mà gió thổi sấm cuốn, duỗi một lời mà núi đổ biển khô. Các bậc Đế vương thân gần tôn xưng thầy, từ triều đình đến thôn dã mọi người thảy quy mạng. Tùng lâm lấy làm khuôn phép, hậu học bẩm thừa trọn chẳng theo từ lòng ngực trái lời Phật nói. Phàm có giải thích nghi dứt ngụy, hiển tánh minh tông, không gì chẳng mỗi mỗi rộng dẫn kinh văn, bày đủ ý Phật, do đó mãi truyền đời sau nối dõi chẳng rơi lạc gia phong. Nếu không như vậy, sao được đến nay tiếp nối kế thừa hưng thạnh. Pháp lực như thế, chứng nghiệm chẳng phải hư dối. Lại nếu muốn nghiên cứu Phật thừa, mở tìm kho báu, mỗi mỗi phải tiêu về tự mình, lời lời khiến ngầm hợp chân tâm. Chỉ chớ chấp văn trên nghĩa, tùy lời sanh thấy, cứ phải tham cứu yếu chỉ dưới thuyên giải, khế hội Bản tông, thì trí vô sư hiện tiền, đạo thiên chân không mờ tối. Như kinh Hoa Nghiêm nói: “Biết hết thảy pháp tức tự tánh của tâm, thành tựu tuệ thân chẳng do đâu khác tỏ ngộ”. Nên biết giáo có sức trợ đạo, hàng sơ tâm sao có thể tạm quên, tinh tế rõ ràng pháp lợi vô biên. Đó là sưu tầm nêu cử tóm lược. Vả lại, phàm luận về Tông chỉ chỉ hợp Đốn cơ, như mặt nhật vừa ló dạng soi chiếu núi cao, ngựa giỏi thấy bóng roi. Do đó, Hòa thượng Đơn Hà nói: “Cùng gặp chẳng nêu ra, khởi ý bèn biết có”. Như nay Tông Kính còn chẳng đợi khởi ý bèn tự biết có. Nên kinh Thủ Lăng- nghiêm nói: “Viên minh rõ biết chẳng nhân tâm nghĩ. Dương mày động mắt sớm đã ngăn khắp”. Như Tiên đức có lời tụng rằng:

“Bèn là do bội câu
Động mắt tức sai trái,
Nếu hỏi ý Tào khê,
Chẳng lại đợi nhướng mày”.

Nay vì người vui thích Phật thừa thật chưa tiến cử, mượn dùng Tông Kính giúp hiển bày chân tâm, tuy treo văn ngôn diệu chỉ tại đây, phụ gom trung hạ đủ cả các cơ, chỉ mặc tình ngay tự thân người đó mỗi đều giúp tự lợi. Trăm sông tuy thấm đượm, nào ngại biển lớn rộng ngậm chứa, Ngũ nhạc tự cao, chẳng ngại thái dương chiếu khắp, căn cơ chẳng bằng, lạc dục chẳng đồng, ở nơi bốn cửa vào tuy khác, tại một cái thấy thật thời gian không biệt. Như bắt được chim là ở nơi một mắt của lưới, chẳng thể dùng một mắt làm lưới. việc trị nước̀ là công của một người không thể dùng một người làm nước nhà được. Như luận Nội Đức nói: "Phàm, một giọt nước không thể dùng hòa làm canh, một cây gỗ không thể dựng nên nhà, một chiếc áo không thể vừa các thân hình, một loại thuốc không thể trị các bệnh khác nhau, một sắc màu không thể làm nên văn vẻ đẹp, một tiếng không thể hài hòa cầm sắc, một lời không thể khuyên các thiện, một giới không thể ngăn nhiều lỗi". Sao được lấy làm quái lạ cái khác Đốn tiệm, khiến pháp môn chỉ chuyên nhất? Nên nói: "Như khi vì một người, lúc chúng đông cũng vậy, như lúc vì chúng đông lúc một người cũng vậy". Đâu đồng phàm tình kém hiểu mà sanh nhận biết hạn cục. Pháp môn rộng lớn vô ngại của ta đây, như hư không chẳng hình tướng đâu ngại các tướng phát huy, tự như pháp tánh không thân, chẳng ngại các thân chóng hiện, phải dùng nghĩa sáu tướng gồm nhiếp, các kiến chấp đoạn thường mới tiêu, dùng mười huyền môn dung thông các tình lấy bỏ mới tuyệt. Lại nữa, nếu được nghe một hiểu ngàn ngộ được Đại tổng trì, do đó luống mượn không nhọc giải thích. Thuyền bè vì đưa người qua bến mê, Đạo sư nhân dẫn kẻ mất lối, phàm then chốt tất cả ngôn thuyên nêu bày ở Viên tông đều là chưa rõ tánh văn tự, xa lìa tức là giải thoát, mê mờ tánh chân thật của các pháp hướng tâm bên ngoài chấp thủ pháp ,mà khởi chấp văn tự, nay lại đem văn tự đối trị chỉ bày chân thật đó. Nếu ngộ bản nguyên của các pháp tức không thấy có văn tự và cả mảy lông phát hiện, mới biết tất cả các pháp tức tự tánh của tâm, thì cảnh trí dung thông, sắc không đều hết, ngay đó thân chứng ngằn mé viên minh, lúc vào một pháp bình đẳng đó lại có pháp nào là giáo mà có thể lìa? Pháp nào là Tổ mà có thể trọng? Pháp nào là Đốn mà có thể thủ? Pháp nào là Tiệm mà có thể quấy? Thì biết đều là thức tâm trở ngược sanh giăng phân biệt. Do đó, Phật Tổ khéo dùng phương tiện kín bày quyền môn, rộng đủ giáo thừa phương tiện hợp hiểu mới được kiến tánh. Ngay đó không tâm, thì thuốc bệnh đều tiêu, giáo quán đều dứt. Như kinh Lăng-già có kệ tụng rằng:

"Các trời và Phạm thừa,

Thanh văn, Duyên giác thừa,
Chư Phật Như Lai thừa,
Ta nói các thừa đó.
Cho đến có tâm chuyển,
Các thừa chẳng cứu cánh,
Nếu tâm kia diệt hết,
Không thừa và thừa đó.
Không có thừa kiến lập,
Ta nói là Nhất thừa,
Vì dẫn dắt chúng sanh,
Phân biệt nói các thừa.”

Nên các bậc Tiên đức nói:

“Một màng che ở mắt,
Ngàn hoa loạn giữa không,
Một vọng khởi tại tâm,
Có hằng sa sanh diệt”.
Màng trừ hoa hết,
Vọng diệt chứng chân,
Bệnh lành thuốc bỏ,
Băng tan tại nước.
Thần đón cửu chuyển,
Chấm sắt thành vàng,
Một lời chí lý,
Chuyển phàm thành Thánh.
Tâm cuồng chẳng dứt,
Dứt tức Bồ-đề,
Gương sạch tâm sáng,
Xưa nay là Phật.

CHƯƠNG II: HỎI ĐÁP

Hỏi: Như điểm nêu trên đã biết đại ý, sao lại phải mở rộng giải thích phần sau?

Đáp: Bậc thượng căn lợi trí tập khí đời trước làm sanh ra tri kiến. Mới xem một chữ Tông của đề mục đã toàn vào trong biển trí Phật, vĩnh viễn dứt trừ mảy may nghi ngờ, chóng tỏ yếu chỉ lớn, thì một lời không gì chẳng lược hết, nhiếp đó không có sót thừa. Nếu xem ngay đến trọn trăm quyển cho đến vô số nghĩa thú, Bảo tạng ở Long cung, kim văn ở Thứu lãnh, thì khác thuyết mà không đường. Buông đó khắp cùng pháp

giới, vì trước lược sau rộng chỉ là nhất tâm, gốc cuốn ngọn buông đều đồng một ngằn mé, trọn không có yếu chỉ khác có cách biệt tông trước, đều gọi là mê tình vọng khởi lấy bỏ, chỉ thấy văn tự giấy mực, ghét sách vở nhiều, chỉ chấp vắng lặng không ngôn từ nói năng, mừng cho là lược yếu, đều là mê tâm theo cảnh, trái giác hợp trần, chẳng tận cùng bản nguyên của động tĩnh, chẳng thấu đạt chỗ khởi của một nhiều, lệch sanh cái thấy ham cuộc chỉ sợ nghe nhiều. Như nhiếp sợ pháp không của hàng Tiểu thừa, tợ sự căn vặn các thiện của ma Ba-tuần, vì không thấu đạt tánh chân thật của các pháp, nên tùy các tướng chuyển rơi lạc vào Hữu vô, như kinh Đại Niết-bàn nói: "Nếu người nghe nói một chữ một câu Đại Niết-bàn, chẳng làm tướng chữ, chẳng chấp tướng câu, chẳng chấp tướng nghe, chẳng chấp tướng Phật, chẳng chấp tướng nói. Nghĩa như vậy gọi là tướng của không tướng". Giải thích rằng: Nếu nói tức văn tự không tướng là Thường kiến, nếu nói lìa văn tự không tướng là Đoạn kiến, lại như chấp có tướng tướng cũng là Thường kiến, nếu chấp không tướng tướng cũng là Đoạn kiến. Chỉ mất các thứ tức, lìa, đoạn, thường, tứ cú, bách phi hết thảy các kiến, yếu chỉ đó tự hiện, ngay lúc đích thân hiện vào Tông Kính, có lời văn ,trí biết nào có thể giải thích nêu bài? Do đó, các bậc Tiên đức nói: "Nếu tìm kinh rõ tánh chân như không thể nghe. Nếu tìm pháp ở chân núi Kê túc thì hỏi Ca-diếp. Đại sĩ gìn giữ pháp y ở núi đó, vô tình chẳng cần cầu chuyên giáp đó thì đâu có thể vận tâm thấy nghe hay biết để giải văn tự câu nghĩa. Nếu người minh tông đạt tánh tuy rộng mở tìm còn chẳng thấy tướng của một chữ, trọn chẳng làm giải của ngôn thuyên. Vì người mê tâm làm vật, sanh kiến chấp của giấy mực đó vậy. Nên trong "Tín tâm minh" nói: "Sáu trần chẳng ác, lại đồng Chánh giác, người trí không làm, kẻ ngu tự buộc". Thấu đạt như vậy thì sáu trần đều là chân tông, muôn pháp không gì chẳng là lý diệu Sao hạn cục, ếch ngồi đáy giếng mà mê đối với đại chỉ ư? Đâu biết cảnh giới rộng lớn của chư Phật là môn tác dụng của Bồ-tát. Do đó Long vương ở biển lớn đặt hỏi mười ngàn câu, Đức Phật Thích-ca văn mở tám vạn môn an ủi chúng sanh. Bồ-tát Phổ Tuệ bày hai trăm điều nghi. Đại sĩ Phổ Hiền đáp biện giải hai ngàn nhạo thuyết. Như pháp môn trong chương Phổ Nhãn trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Giả sử có người dùng lượng mực như biển lớn, đống bút như núi Tu-di biên ghi một môn trong một phẩm, một pháp trong một môn, một nghĩa trong một pháp, một câu trong một nghĩa của pháp môn Phổ Nhãn còn chẳng được phần ít huống gì có thể hết cả". Lại như trong kinh Đại Niết-bàn, Phật dạy: "Hết thảy các pháp Ta đã rõ biết, như nhân mặt đất

sanh ra các thứ cỏ cây v.v.... Còn các thứ đều vì chúng sanh mà giảng nói thì như nắm lá trong lòng bàn tay”. Chỉ như giáo pháp Phật đã giảng thuyết đầy cả Long cung, Bồ-tát Long Thọ tạm xem có một trăm- lạc xoa xuất hiện ở nhân gian, ở Tây Thiên còn trăm phần chưa kịp một, phiên dịch đến trung hoa, nên chẳng đủ nói, huống gì pháp chưa thuyết ư? Đó là vô tận diệu chỉ, chẳng phải chỗ hàng trí cạn biết được. Tánh khởi pháp môn, sao hàng giải kém có thể trông xem. Chim yến chim sẻ sao lường nỗi chí chim hồng hộc, ếch ở đáy giếng sao biết sâu thẳm của biển cả. Như sư tử rống kêu, chồn đâu làm được, như hương tượng mang vác, lừa không thể hơn, như vật báu của Tỳ-sa-môn, kẻ bần khổ sao sánh bằng, như kim sí điểu bay các loài chim khác sao có thể kịp? Chỉ y theo tình mà khởi kiến, chỉ đuổi theo vật mà ý đổi thay, hoặc nói có mà chẳng can thiệp đến không, hoặc nói không mà chẳng gồm có, hoặc bàn nói sơ lược làm một của nhiều ngoài, hoặc lập rộng lớn làm nhiều của một ngoài, hoặc lìa im lặng mà chấp nói năng ngôn từ, hoặc lìa ngôn từ nói năng mà cầu im lặng. Hoặc y cứ lý ở ngoài sự, hoặc đắm trước sự ở ngoài lý, rất không thể tỏ ngộ viên tông tự tại đây. Diễn bày rộng chẳng phải nhiều, đó là nhiều của trong một, nêu bày lược chẳng phải một, đó là một của trong nhiều, đàm nói không chẳng đoạn đó tức là không của hữu, luận hữu chẳng thường, tức là hữu của không. Hoặc có nói cũng được, đó tức là nói năng trong tức im lặng, hoặc không nói cũng được, im lặng trong tức nói năng, hoặc lý sự tương tức cũng được, lýđó là của lý thành sự, đó là sự hiển lý. Hoặc lý lý tương tức cũng được, vì một như không hai như chân tánh thường dung hội. Hoặc sự sự tương tức cũng được, đó là sự của toàn lý, mỗi một vô ngại. Hoặc lý sự chẳng tức cũng được, vì lý của toàn sự chẳng phải sự sở y chẳng phải năng y do không ẩn chân đế, vì sự của toàn lý chẳng phải lý năng y do chẳng phải sở y không hoại tục đế. Đó thì còn hết trong một ngằn mé, ẩn hiện đồng thời. Như xiển dương pháp môn của Phổ Nhãn đều là nghĩa của trong lý, tợ như buông đại thiện quyển kinh, chẳng phải nêu văn ở ngoài tâm. Nên trong kinh nói: “Một pháp hay sanh vô lượng nghĩa”. Chẳng phải chỗ Thanh văn, Duyên giác biết được, chẳng đồng với thuyên đản không, đơn điệu và kiến quyết định, thiện khô. Nay diệu chỉ vô tận này nêu một pháp mà quyến thuộc theo sanh, tánh tông viên mãn cử một môn mà các môn đều hợp lại. Chẳng phải thuần, chẳng phải tạp, chẳng phải một chẳng phải nhiều, như năm vị cùng hòa trong canh, các lụa tạp thành sắc màu đó, các vật báu thành kho tàng đó, trăm thứ thuốc thành viên đó, bên cạnh phô bày dung thông nghĩa vị khắp đủ, tìm vi

chọn diệu đều trong Tông Kính, y báo chánh báo lẫn lộn dung hòa nhân quả vô ngại, nhân pháp không hai, trước sau đồng thời. Phàm, cử một môn đều hay viên nhiếp vô tận pháp giới, chẳng phải trong chẳng phải ngoài, chẳng phải nhiều chẳng phải một, buông đó thì giăm vào lớp lớp, cuộn đó thì chân môn tịch tịch. Như trong kinh Hoa Nghiêm, trong tòa sư tử trang nghiêm đủ ở trong, mỗi tòa xuất hiện một thế giới Phật, có vô số thân Bồ-tát ,vân tập, đó là y báo chánh báo nhân pháp vô ngại. Lại như giữa khoảng chặng mày Đức Phật phát ra âm thanh thù thắng ngang bằng thế giới Phật có vô số Bồ-tát. đó là nhân quả trước sau vô ngại, cho đến cõi nước như vi trần, mỗi mỗi đầy đủ vô biên trí đức,lỗ chân lông và thân phần mỗi mỗi dung nhiếp pháp môn rộng lớn, cớ sao lỳ lạ khó nghĩ như vậy? Bởi nhất tâm dung tức nên vậy. Lấy điểm cốt yếu mà nói đó, chỉ hết thảy vô biên Phật sự sai biệt đều chẳng lìa vô tướng chân tâm mà có. Như trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng:

“Phật trú chân pháp tánh thậm thâm,
Vắng lặng không tướng đồng hư không,
Nhưng ở trong thật nghĩa đệ nhất,
Bày hiện các thứ việc thực hành.
Các việc làm vì lợi ích quần sanh,
Đều nương pháp tánh mà được có,
Tướng và vô tướng không sai biệt,
Vào trong cứu cánh đều vô tướng”.

Lại nữa, luận Nhiếp Đại thừa có kệ tụng rằng:

”Ngay các Tam-ma-địa,
Đại sư nói là tâm,
Vì do tâm vẽ vời,
Như các sự nghiệp”đã làm

Nên biết việc làm của phàm hay Thánh, chân hay tục duyên sanh, ngay trong một niệm tâm sanh khởi trong sát-na, tức đầy đủ sáu nghĩa của ba tánh và ba vô tánh. Nghĩa là tâm của trong một niệm là pháp duyên khởi, là y tha khởi, tình chấp có thật tức là thể của biến kế sở chấp, vốn không tịch tức là viên thành, tức y cứ ba tánh giảng nói ba vô tánh nên sáu nghĩa đầy đủ vậy. Nếu một niệm tâm khởi đầy đủ sáu nghĩa đó tức đầy đủ hết thảy pháp. Vì tất cả muôn pháp chân hay tục đều không vượt ngoài ba tánh và ba vô tánh. Trong luận Pháp Tánh nói: “Phàm tại khởi diệt đều chẳng phải tánh,vì khởi tánh không khởi nên tuy khởi mà chẳng thường, diệt không tánh diệt, tuy diệt mà chẳng đoạn. Nếu đó có tánh thì vùi lấp nơi lưới của tứ kiến”. Lại nói: “Tầm

tướng để suy tánh, thấy vô tánh của các pháp, tầm tánh để cầu tướng, thấy vô tướng của các pháp. Do đó, tánh tướng hỗ tương suy tầm thảy đều vô tánh. Do đó, nếu chấp có tánh thì rơi lạc rừng tà của tứ kiến, nếu rõ tánh không quy về chánh đạo của nhất tâm". Nên trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Tự vào sâu pháp chân thật không tự tánh, cũng khiến kẻ khác vào không tự tánh chân thật. Tâm đó được an ổn", dùng diệu đạt đó mới vào tông đây, thì mỗi mỗi vật đều ngầm chân, mỗi mỗi ngôn từ đều khế hợp yếu chỉ. Nếu chưa xác thực chẳng phát viên cơ, nói đó thì trái với tông, im đó thì khiến mất hẳn, đâu có thể dùng bốn cú mà chấp thủ chỗ biết của sáu tình ư? Chỉ Tổ giáo đều thí định tuệ song chiếu, tự lợi lợi tha thì không lỗi vậy. Giả sử có chấp chặt mình hiểu, không tin lời Phật, khởi tự chướng tâm, tuyệt đường học khác. Nay có mười câu hỏi để định về kỹ cương lại được rõ ràng kiến tánh, như ban ngày trông thấy sắc, tợ Văn-thù v.v... chăng? Lại gặp duyên đối cảnh thấy sắc nghe tiếng, giở chân đặt chân mở mắt nhắm mắt đều được minh tông, cùng đạo tương ưng chăng? Lại xem thấy giáo điển một đời Đức Phật giảng nói và ngôn cú của chư Tổ sư từ xưa trước, nghe sâu chẳng khiếp sợ, đều được chắc thật rõ ràng không nghi ngờ chăng? Lại nhân sai biệt hỏi nạn các thứ cật vấn nhỏ nhiệm có thể đầy đủ bốn biện, đều dứt tâm nghi ngờ khác chăng? Lại ở trong tất cả thời tất cả chỗ, trí chiếu không ngưng trệ, niệm niệm viên thông, không thấy một pháp có thể làm chướng ngại, chưa từng trong một sát-na tạm khiến gián đoạn chăng? Lại đối với hết thảy cảnh giới thuận nghịch tốt xấu ngay lúc hiện tiền chẳng bị gián cách hết thảy thức được phá chăng? Lại đối với Bách pháp minh môn trong tâm và cảnh, mỗi mỗi được thấy thể tánh vi tế nơi căn nguyên khởi, chẳng bị chỗ sanh tử căn trần làm hoặc loạn chăng? Lại đối với trong bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi, cung kính vân đáp đối mặc áo ăn cơm làm việc, lúc hành xử mỗi mỗi đều làm, được chân thật chăng? Lại nghe nói có Phật không Phật, có chúng sanh không chúng sanh, hoặc tán thán hoặc hủy hoại, hoặc phải hoặc quấy, có được nhất tâm bất động chăng? Lại nghe trí sai biệt đều hay hiểu rõ, tánh tướng đều thông, lý sự không ngưng trệ, không có một pháp chẳng soi xét căn nguyên đó, cho đến ngàn Thánh xuất hiện nơi đời, có được không nghi ngờ chăng? Nếu thật chưa được công như vậy, thì không đượckhởi tâm khi dôi quá độ , sanh ý tự biết đủ. cần phải rộng mở chí giáo, thông hỏi các bậc tiên tri, thấu triệt căn nguyên tự tánh Phật Tổ, đạt đến chỗ tuyệt học không nghi ngờ. Lúc đó mới có thể thôi học, hết dứt tâm dạo chơi. Hoặc tự phân biệt thì Thiền quán tương ưng, hoặc vì người khác

thì phương tiện chỉ bày. Nếu chẳng thể tham tầm khắp pháp giới, rộng nghiên cứu các kinh, chỉ xem kỹ trong Tông Kính, tự nhiên được vào, đó là cốt yếu của các pháp, là cửa đến đạo, như giữ mẹ để biết con, được gốc mà biết ngọn, giở lưới mà lỗ lỗ đều ngay kéo áo mà sợi sợi đều lại. Lại như dùng gân sư tử làm dây đàn, một khi đánh trổi âm thanh thì hết thảy các dây đàn khác đều đứt hư. Sức của Tông Kính đây cũng lại như vậy. Nêu đó mà muôn loại ngầm sáng, hiển bày đó mà các môn hết vết tích. Dùng một tấc đó thì phá cả ngàn đường, đâu cần khổ cực trải qua bến ải riêng sanh đường gập ghềnh? Do đó, Hòa thượng Chí công có lời ca rằng:

"Sáu giặc hòa quang đồng trần,
Không sức đại nạn xô đẩy,
Trong phát giải không vô tướng,
Sức Đại thừa có thể lật lại".

Chỉ tại lúc cao xét được yếu chỉ, mới có thể nghiệm văn đó cứu cánh chân thật.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 2

Hỏi: Phàm, cảnh của chư Phật tĩnh lặng, cõi của chúng sanh vốn không. Vậy, có nhân duyên gì mà dấy khởi giáo tích?

Đáp: Trong nhất thật đế tuy không khởi tận, mà trong môn phương tiện có đại nhân duyên. Nên trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng rằng:

"Các pháp thường không tánh,
Phật chủng theo duyên sanh".

Vì muôn pháp thường không tánh, lúc không gì chẳng tánh không, pháp đó hay tùy duyên, tùy duyên chẳng mất tánh. Vả lại, nguyên do khởi giáo có vô lượng nhân duyên, các bậc cổ đức lược nêu có mười thứ: Một là, vì pháp như thế; hai là,vì nguyện lực; ba là, vì cơ cảm; bốn là vì làm gốc; năm là vì hiển đức; sáu là vì hiện vị; bảy là vì khai phát; tám là vì thấy nghe; chín là vì thành hạnh; mười là vì đắc quả. Nay các Đại Bồ-tát nhóm tập luận Duy thức v.v... đại ý có hai thứ: Một là; vì thấu đạt chánh tông của muôn pháp, phá tà chấp của Nhị không; hai là, vì đoạn chướng của phiền não sở tri, chứng môn giải thoát Bồ-đề. Đó thì tự chứng pháp Nguyên Chân Địa Bản Giác, chẳng ở văn tự câu nghĩa xiển dương, nay vì người học sau mến mộ đạo nên phương tiện nhóm tập, lại tự có hai ý dùng phô bày bản hoài: Một là: vì người ưa thích lược mà nhón rút then chốt cốt yếu đó, tinh thông yếu chỉ khỏi, phải xem đọc văn nhiều; hai là, vì người chấp tổng chẳng rõ biệt lý, vi tế mở bày tánh tướng viên thông, chuyển tải hai thứ căn của sanh tử, nối theo đạo Bồ-đề nhất vị, kính ngưỡng đại chỉ của các kinh, rõ thẳng tự tâm, tuân theo vi ngôn của chư Thánh, chóng mở giác tạng, bỏ kiến y thông kia, phá tình tà chấp đó, tin sâu vào chánh tông, khiến biết mặt nguyệt chẳng tại ngón tay, soi chiếu trở lại, khiến thấy tánh chẳng theo văn, chỉ chứng tương ưng. Đó là bản ý, không thể trở lại sanh hiểu biết đắm chìm sông kiến, ở trong vô đắc quán, ôm ấp ý thú hướng, ngay trên lý chân không dấy khởi tâm thủ xả, dẫn từ lòng ngực, nghi ngộ người học sau, phải đích thân thấy tánh mới hiểu tông này.

Hỏi: Đã lo chấp ngón tay đắm theo văn, sao lại phiền rối nhóm tập giáo điển?

Đáp: Vì người trái với chính mình hợp với trần, hiểu từ lời văn, sợ bít giáo trệ tình, nên có thuyết này. Nếu người theo thuyên giải mà thấu rõ yếu chỉ,ngay giáo minh, thì có gì lấy bỏ. Do đó, pháp sư Tạng nói rằng: "Tự có chúng sanh tầm giáo được chân hiểu lý giáo không ngại, thường quán lý mà chẳng ngại trì giáo, luôn tụng tập mà chẳng ngại quán không, thì lý giáo đều dung hợp thành nhất quán, mới là cứu cánh truyền thông vậy. Đó là giáo quán nhất như, thuyên chỉ đồng nguyên vậy.

Hỏi: Các kinh luận lớn tự thành mảnh đoạn, khoa tiết tuần tự, câu nghĩa rõ ràng, sao giả mượn nhón lược văn rộng làm thành yếu lược đó?

Đáp: Chỉ vì biển giáo rộng sâu, nghiên cùng đó không biết được ngằn mé, trời nghĩa cao lớn rộng, ngưỡng trông đó chẳng được lằn biên. Nay thì dùng ống nhỏ nhìn trời, lấy vỏ nghêu múc nước biển, như vốc từng giọt của biển cả, tợ nhặt một mảy trần của hoa đốm hư không, vốn vì nghĩa rộng khó khắp tình còn nhàm biếng, cũng vì chẳng nương theo chánh lý của Nhất thừa giáo, chỉ theo nhân duyên Bất liễu nghĩa, ít thấu cùng môn ngang dọc, chẳng biết nơi khởi tận, do đó lược bỏ rườm rà chọn bớt khác lạ, tham tầm huyền diệu, tuy văn chẳng đủ, mà đại nghĩa chu toàn, duyên chẳng đầy mà chánh lý hiển bày, sưu tầm hết yếu chỉ của Nhất thừa, chon lựa mở căn nguyên của muôn pháp. Làm chất nhiệm mầu của Bát-nhã, làm đường cốt yếu của Bồ-đề, thì tư lương dễ biện chóng đến Đại thừa, chứng nhập vô ngại, khỏi quanh co đường nhỏ. Do đó, Bồ-tát Mã Minh tạo luận Khởi Tín, nói: "Hoặc có người tự mình không có sức trí, nhân người khác luận rộng mà được hiểu nghĩa, vui thích nghe lược luận nhiếp nghĩa rộng lớn mà chánh tu hành. Ta nay vì hạng người sau cùng đó mà lược nhiếp nghĩa tối thắng thậm thâm vô biên của Đức Như Lai mà tạo luận này". Trong luận Du-già nói: "Có hai duyên nên nói luận này: Một là, vì pháp giáo của Đức Như Lai trụ lâu nơi đời; hai là, vì bình đẳng lợi ích an lạc các hữu tình. Lại vì Thánh giáo cam lộ của Đức Như Lai đã ẩn một, nên nghĩ nhớ nhóm nhặt mở bày lại. Vì chưa ẩn một thì hỏi đáp quyết trạch tô bồi hưng thạnh. Lại vì nhiếp người vui thích sơ lược ngôn luận chuyên cần tu hành. Chọn nhóm pháp nghĩa quảng yếu của các kinh mà lược phân biệt". Nay bộ Lục này, tuy không có công chế tạo rộng lớn, chỉ có một việc mong cầu thuật thành, cũng biết sao lục trước sau sức văn chẳng

chu toàn, chỉ mong lấy ngay cốt yếu thuyên giải và làm sáng tỏ tông chỉ. Như từ đá mà chọn ngọc, tợ vạch cát mà lượm vàng, ở trong các thứ thuốc chỉ lấy tinh diệu của A-đà, đến trong vật báu chỉ chọn lấy châu như ý. Nêu một mà che cùng, dùng gốc nhiếp ngọn, thì một lời không gì chẳng lược hết. Khác thuyết mà lại không khác đường, cũng mong các bậc hậu Hiền chưa bày than trách chê cười, vì mong dứt nghi sanh tin, chỉ lấy kiến đạo làm điểm nghĩ nhớ, chẳng vì theo hư danh để chuốc lấy danh dự ở đời. Mong suốt tận đời vị lai, khắp cùng trong pháp giới, trải qua các đời kiếp thường hoằng dương đạo đó. Phàm, người có tâm đều vào tông đây, bỏ chấp trừ nghi, thấy nghe được lợi ích, nhờ sức Tam bảo gia bị hộ trì. Thề nguyện báo đáp ân đức của Phật, rộng làm lợi ích quần sanh. Hư không có thể cùng tận, nguyện đây chẳng đổi thay, pháp giới có thể cùng tận, văn đây chẳng rơi lạc.

Hỏi: Đại thừa liễu nghĩa rộng lược đều khắp đủ, giải một nghĩa đủ cái thấy viên mãi thông suốt, nghe một kệ có công thành Phật. Sao mượn thuật thành bèn phiền giải thích?

Đáp: Với người thượng thượng căn, một nghe ngàn ngộ, tánh tướng đều viên mãn. Còn đối với hàng trung căn hạ căn, phải nhờ mở bày đạo trang nghiêm, môn tán thán nghiêm sức so lường công đó không thể thí dụ, nên trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng rằng:

"Thí như hoa ưu-đàm,
Tất cả đều ưa thích,
Hiếm có trong trời, người,
Lâu xa mới xuất hiện.
nghe pháp vui tán thán,
Cho đến phát một lời,
Thì là đã cúng dường,
Chư Phật trong ba đời,
Người đó rất hiếm có,
Quá hơn hoa ưu-đàm."

Trong kinh Bát-nhã có kệ tụng rằng:

"Bát-nhã không hoại tướng,
Hơn tất cả ngôn ngữ,
hợp không nơi y chỉ,
Ai hay tán đức đó?
Bát-nhã tuy không tán,
Nay ta hay được tán,
Tuy chưa thoát chỗ chết,

Thì là đã được ra”.

Lại như các bậc Thánh xưa nói: Như Bồ-tát tạo luận gọi là Trang Nghiêm kinh, như hoa sen chưa nở, thấy tuy sanh vui mừng, chẳng bằng đã nở rộ, mùi hương thơm tỏa ngát. Lại như vàng chưa dùng, thấy tuy sanh vui thích, chẳng như dùng đó làm vật trang nghiêm”. Nên biết khéo một niệm hoằng giáo, có khả năng báo đáp ân đức chư Phật ở mười phương. Luận hiếm có thì như hoa có tên ưu-đàm, thuyết tỏa sáng thì tợ vàng dùng làm vật trang nghiêm. Vì vậy, Bồ-tát khai mở yếu chỉ vi mật của Đại thừa, nghe điều chưa từng nghe, hay đoạn nghi ngờ sâu xa, thành tựu kính tin đầy đủ, pháp lợi nào cùng tận, công đức vô biên.

Như trong kinh Đại Bát-nhã nói: “Lại nữa, Kiều-thi-ca! Ngay như các loài hữu tình ở Thiệm bộ châu, như các loài hữu tình ở bốn Đại châu, như các loài hữu tình trong Tiểu thiên giới, như các loài hữu tình trong Trung thiên giới, như các loài hữu tình trong Đại thiên giới. Lại như các loài hữu tình ở các thế giới trong mười phương mỗi mỗi số nhiều như cát sông Hằng v.v... đều đối với đạo Vô thượng chánh đẳng Bồ-đề được không thối chuyển, đồng nói lời rằng: “Nay ta vui thích mau chứng Vô thượng chánh đẳng Bồ-đề cứu giúp các khổ của loài hữu tình, khiến được an lạc thù thắng rốt ráo”. Có thiện nam, tín nữ nào vì thành việc ấy, biên ghi Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng các vật báu trang nghiêm cúng dường cung kính, tôn trọng tán thán, thí khắp các hữu tình kia thọ trì đọc tụng, khiến khéo thông lợi, đúng như lý mà tư duy. Ý ông nghĩ thế nào? Người thiện nam, tín nữ đó do nhân duyên ấy được phước nhiều chăng?” Thiên Đế Thích đáp: “Rất nhiều, bạch Đức Thế Tôn! Rất nhiều, bạch Đấng Thiện Thệ”. Khi ấy, Phật bảo Thiên Đế thích rằng: “Như người thiện nam, tín nữ biên ghi Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng các vật báu trang nghiêm cúng dường cung kính tôn trọng tán thán, đối với trong chúng hữu tình kia tùy thí cho một người thọ trì đọc tụng, khiến khéo thông lợi, đúng như lý mà tư duy, dùng vô lượng môn văn nghĩa xảo diệu rộng vì giải thích, phân biệt nghĩa thú, khiến đó hiểu rõ, dạy răn trao truyền khiến chuyên cần tu học. Người thiện nam, tín nữ đó có được phước đức rất nhiều so với người trước vô lượng vô biên không thể tính kể”.

Trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Phật bảo: Này thiện nam! Trừ hành Nhất-xiển-đề, còn các chúng sanh khác nghe kinh đây rồi thảy đều hay làm nhân duyên Bồ-đề, tiếng pháp tỏa sáng vào trong lỗ chân lông, hẳn nhất định sẽ đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Tại sao? Nếu có người hay cúng dường cung kính vô lượng chư Phật mới là được

nghe kinh Đại Niết-bàn. Người phước mỏng thì không thể được nghe". Nên biết nếu được nghe thật tướng nhất tâm pháp môn thường trú ghi Tông Kính, đều là xưa trước đã từng kết nhân sâu xa, từng thân gần dự nơi pháp hội chư Phật, rất là đại sự, chẳng thuộc tiểu duyên, như chưa nghe và huân tập, thì do đâu mà được gặp. Lại như cũng trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp!! Nếu có người thiện nam, tín nữ nên biết người đó theo chỗ Ta thực hành đến nơi Ta đến", do đó, tin pháp nhân đây tức phàm tức Thánh, tu trì khế hội, trụ trong nơi Phật trụ, đi đứng oai nghi, thực hành, theo vết tích sở hành của Phật.

Trong luận Thích Ma-ha-diễn nói: Một là: hiển bày lìa môn nghi ngờ tin vào công đức. Nghĩa là có chúng sanh nghe pháp môn thậm thâm cực diệu quảng đại của Ma-ha-diễn đây ngay trong tâm họ cũng chẳng nghi sợ, cũng chẳng khiếp nhược, cũng chẳng khinh tiện, cũng chẳng phỉ báng. Phát tâm quyết định, pháp tâm kiên cố, phát tâm tôn trọng, phát tâm mến tin, nên biết người đó là Phật tử chân chánh. Chẳng đoạn giếng pháp, chẳng đoạn giếng tăng, chẳng đoạn giếng Phật, thường luôn tương tục triển chuyển tăng trưởng đến tận tương lai. Cũng là chỗ được chư Phật xác thực thọ ký, cũng là chỗ được hết thảy vô lượng Bồ-tát hộ niệm. Nên như luận nói: Nếu người nghe pháp này rồi, chẳng sanh khiếp sợ, nên biết người đó nhất định tiếp nối làm ngời sáng giếng Phật, nhất định được chư phật thọ ký. Hai là, so sánh loại đối trị chỉ bày môn ưu thắng, nghĩa là nếu có người hay khéo nhiếp hóa chúng sanh khắp đầy trong ba ngàn Đại thiên thế giới thảy đều không dư, khiến thực hành Thập thiện. Hoặc có chúng sanh chỉ chừng trong khoảng bữa ăn đối với pháp thậm thâm đây, quán sát tư lương. Nếu so sánh công đức của hai người đó, thì người thứ nhất có được công đức rất là bé, thí như hạt cải nghiền nát thành trăm phần. Còn người thứ hai có được công đức rất là rộng lớn, thí như nghiền nát số vi trần trong mười phương thế giới làm lượng. Nên như luận nói: Giả sử có người hay chuyển hóa chúng sanh đầy trong ba ngàn Đại thiên thế giới, khiến thực hành Thập thiện, chẳng bằng có người chỉ trong khoảng bữa ăn tư duy chân chánh pháp này, công đức có được quá hơn người trước không thể thí dụ. Ba là, nêu môn thọ trì công tán thán, nghĩa là có người thọ trì luận đây, quán sát nghĩa lý, hoặc một ngày một đêm, trong thời gian đó có được công đức vô lượng vô biên, không thể nói năng, không thể nghĩ lường. Giả sử như hết thảy chư Phật trong mười phương ba đời, hết thảy Bồ-tát trong mười phương ba đời dùng số lưỡi nhiều như vi trần trong các thế giới khắp mười phương. mỗi mỗi thảy đều nơi vô số kiếp không thể tính kể trong

các thế giới khắp mười phương để tán dương công đức của người đó có được cũng không thể cùng tận. Tại sao? Công đức của pháp thân chân như ngang bằng Hư không giới, không có ngằn mé, huống gì hạng người phàm phu Nhị thừa hay xưng tán đó, một ngày một đêm chẳng hơn trong thời gian đó, người thọ trì có được công đức còn không thể nghĩ bàn, huống gì hai ngày, ba ngày, bốn ngày, cho đến trăm ngày thọ trì đọc tụng tư duy quán sát không thể nghĩ bàn, không thể bàn nói trong không thể bàn nói, nên như luận nói: Lại nữa, nếu người thọ trì luận này, quán sát tu hành hoặc một ngày một đêm, có được công đức vô lượng vô biên, nói bàn không thể được. Giả sử chư Phật trong mười phương mỗi mỗi đều ở trong vô lượng vô biên A tăng-kỳ kiếp tán thán công đức đó, cũng không thể cùng tận. Tại sao? Nghĩa là công đức pháp tánh không có cùng tận, công đức người đó cũng lại như vậy, không có ngằn mé”. Nên biết tin tâm tông đây thành Ma-ha-diễn, đồng sở chủng của chư Phật trong ba đời, nghĩa lý nào cùng ngang bằng như sở thừa của chư Bồ-tát ở mười phương, công đức không cùng tận. Chợt gặp huyền hóa đây thì niềm vui và sự may mắn càng sâu, thuận theo yếu chỉ Phật mà báo đáp ân Đức Phật, không gì trước bằng hoằng pháp, xiển dương mặt trời Phật mà mở bày Phật nhãn, chỉ tại sáng tâm. Đối với trong Tông Kính đây, nếu được một câu nhập thần trải qua nhiều đời kiếp làm hạt giống, huống gì chánh tín sâu sắc gồm trong các kinh. Một người đây là một trong vô lượng người, nếu nhiễm pháp này tức là hạt giống của Viên đốn, có thể gọi là cam lồ rót vào đỉnh đầu, đề hồ rưới đượm tâm đèn, tuệ tỏa sáng không hai, phá lầm hoặc mờ tối của tình căn, rót rước trí một mùi vị, tẩy rửa vọng trần của ý địa. Hay khiến chướng dày ngăn sau, như gió dữ thổi cuốn lá sắp rụng, nghi buộc trệ chứa, như mặt nhật nóng đốt tan băng. Như trong các vương làm Kim luân vương, ở trong các soi chiếu làm soi chiếu của mặt trời mới mọc, ở trong các vật báu làm báu ma-ni, ở trong các hoa làm hoa sen xanh, ở trong các đế làm môn chân không, ở trong các pháp làm vườn nhà Niết-bàn.

Nên trong kinh Kim Cang Tam-muội có kệ tụng rằng:

“Pháp ấn của một vị,
Sở thành của Nhất thừa,
Hay ở trong tất cả chúng sanh,
Đứng đầu, làm bậc thầy,
Làm minh làm dẫn dắt”.

Như kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã nói: “Trong hết thảy pháp, tâm làm thượng thủ”. Trong luận Đại Trí Độ nói: “Chư Phật ba đời đều

dùng các pháp thật tướng làm thầy". Tổ sư nói: "Trong các thứ sáng tỏ, tâm sáng là trên hết". Trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng rằng:

"Đấng đạo sư thứ nhất,
Được pháp vô thượng đó".

Lại nếu chưa vào Tông Kính, chẳng phải chỉ không được kiến đạo, thật là lý tuyệt tu hành, ngay gốc lập nói sanh, trở về căn mới cứu cánh. Như quán xét bản chất, biết tượng họa chẳng phải thật. Nếu rõ tạng tánh, thấy cảnh trần mà chẳng vọng. Nên trong kinh có kệ tụng rằng:

"Phải chứng được chân như,
Mới hay rõ các hành,
Giống như các việc huyễn v.v...
Tợ có mà chẳng chân".

Do đó, nếu được gốc tức được ngọn. Nên trong kinh Hoa Nghiêm, Hải Hội Bồ-tát dùng pháp giới vi trần lấy làm Tam-muội. Lại trong phẩm Xuất hiện nói: "Pháp môn này gọi là nơi bí mật của Như Lai, cho đến gọi là diễn thuyết pháp thật tánh căn bản cứu cánh không thể nghĩ bàn của Như Lai". Nên các bậc Tiên đức nói: "Vạch mở kinh quyển của vi trần thì niệm niệm quả thành. Cùng tận nguyện môn của chúng sanh thì trần trần hạnh mãn". Chưa ngộ Tông Kính sao có thể tin được văn đó? nếu tạm tin đó, công sức hẳn ngang bằng, chẳng đổi thay điều hành tập, tận cùng đầy đủ pháp môn, tức bít tức thông, tức tà tức chánh. Do đó, người xưa nói: "Người gặp được giáo đây, nên phải tự vui mừng, đó như đắm trong biển lớn mà được gặp thuyền tốt, tợ rơi rớt giữa không trung mà được cưỡi hạc linh vậy".

Hỏi: Phàm, tỏ bày hoằng giáo, khai thị cảm hóa người, cần phải tự thực hành, công hạnh viên mãn, trải qua các địa vị thân chứng, mới báo đáp bản nguyện mở bày môn phương tiện, thì điều lợi ích chẳng phải hư rỗng, chẳng trái với chánh giáo. Còn nay ghi chép đây, có gì để chứng minh?

Đáp: Đây chỉ là gom tập giáo ngôn của Phật Tổ và chư Bồ-tát, nên gọi là "Lục"ghi chép. Bày có hỏi đáp giải thích, đều y theo đại ý của cổ đức, tựa nương tán thán khuyên tu, thuật thành chí giáo. Đâu dám liền xưng là khai thị, dối có chỉ bày. Vả lại, phàm chánh tông của Phật Tổ, thì thật chỉ thức tánh mới có chỗ tin, đều có thể vì người. Nếu luận về môn tu chứng, các phương đều nói: "Công chưa ngang bằng so với các Thánh". Vả lại, trong giáo có cho phép Bồ-tát sơ tâm đều có thể so sánh biết, cũng cho phép giáo mà hội, trước dùng nghe hiểu tin vào,

sau dùng không suy tư khế đồng. Nên vào cửa tin bèn lên Tổ vị. Nay tập Tông Kính này, chứng nghiệm vô cùng, theo nghĩ đều thông, ghé mắt đều phải. Nay tạm hiện theo việc của thế gian, ở trong cõi chúng sanh Một là so sánh biết, hai là, hiện biết, ba là, từ giáo mà biết. Thứ nhất so sánh biết, như hiện nay với thân hữu lậu, đêm ngủ đều có mộng, cảnh giới tốt xấu thấy trong mộng, hẳn rõ ràng có lo mừng, lúc tỉnh giấc nằm yên trên giường nào từng là thật? Đều là chỗ làm của ý thức tư tưởng ở trong mộng đều có thể so sánh biết, việc thấy trong lúc thức tỉnh đều không thật như trong mộng. Phàm cảnh giới của ba đời quá khứ, hiện tại và tương lai, nguyên là thức thứ tám A-lại-da thân gần tướng phần. Chỉ sở biến của bản thức, như cảnh của hiện tại là ý thức minh liễu phân biệt. Còn cảnh của quá khứ và tương lai là ý thức tư duy riêng tan mờ tối. Cảnh của mộng tỉnh tuy khác nhưng đều chẳng vượt ngoài ý thức, thì yếu chỉ của duy tâm so sánh tình huống rõ ràng. Thứ hai hiện biết, tức là đối với sự rõ ràng chẳng đợi phải lập, huống lại, như lúc hiện thấy vật xanh trắng, vật vốn tự hư dối, chẳng nói ta là xanh ta là trắng, đều là kiến phần nhãn thức tự tánh nhậm vận phân biệt cùng đồng thời với ý thức minh liễu tính lường phân biệt làm xanh làm trắng, vì ý thức làm xanh, vì nói năng làm xanh, đều là ý thức và nói năng tự vọng đặt bày. Vả lại, như sáu trần kém chậm nên thể chẳng tự lập, danh chẳng tự gọi, một sắc đã vậy muôn pháp cũng vậy, đều không tự tánh đều là ý thức nói năng. Nên nói muôn pháp vốn nhàn tỉnh mà người tự ồn náo. Do đó, nếu lúc có tâm khởi muôn cảnh đều có, nếu nơi tâm không khởi muôn cảnh đều không, thì không chẳng tự không, nhân tâm nên không, có chẳng tự có nhân tâm nên có. Đã chẳng phải không chẳng phải có thì duy thức, duy tâm. Nếu không ở tâm, muôn pháp sao nương gá? Lại như cảnh của quá khứ nào từng là có, tùy nơi niệm khởi, chợt nhiên hiện tiền, nếu tưởng chẳng sanh, cảnh trọn chẳng hiện. Đó đều là chúng sanh thường dùng hằng ngày có thể hiện biết, chẳng đợi công thành, đâu nhờ tu đắc, phàm là có tâm, đều có thể chứng biết. Nên các bậc Tiên đức nói: Như người đại căn biết duy thức là thường quán tự tâm, ý thức nói năng làm cảnh người, đó lúc mới quán tuy chưa thành Thánh, phần biết ý thức nói năng thì là Bồ-tát. Thứ ba ước giáo mà biết là, kinh nói: “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức”. Đây là bản lý sở chứng, chánh tông năng thuyên. Nói rộng văn sau thật để chứng minh chẳng phải chỉ một. Như luận Thành Thật nói: “Phật giảng nói lời trong ngoài và khoảng giữa, bèn liền nhập định, bấy giờ có năm trăm vị A-la-hán, mỗi tự giải thích lời đó, sau khi Đức Phật xuất định, đồng thưa hỏi:

"Thế Tôn! Ai là người giải đúng ý Phật?" Phật bảo: "Chẳng phải ý Ta". Lại bạch Phật rằng: "Đã chẳng đúng ý Phật, sao không mắc tội?" Phật bảo: "Tuy chẳng phải ý Ta, nhưng mỗi mỗi đều thuận chánh lý đáng làm Thánh giáo, nên chỉ có phước không tội". Vả lại, như thuyết pháp môn tự chứng của Tiểu thừa còn thuận chánh lý, huống gì thuần dẫn Nhất thừa, chỉ đàm nói yếu chỉ của Phật ư? Lục Hạnh Pháp nói: "Những người trí lớn muốn học đạo chớ hỏi là Đại hay Tiểu, đều y cứ lý giáo. Nếu thấy Quyền giáo, tuy là Phật giảng nói nhưng biết đó chẳng phải thật ngữ, tức chẳng y cứ theo. Nếu thấy người phàm giảng nói có lý, tuy chẳng phải Phật ngữ cũng nên y cứ thực hành". Vì người có trí học Phật pháp khéo hiểu giáo của Như Lai có quyền có thật. Y cứ Phật thật giáo tuyên thuyết đạo lý, thì là người quá phàm ngu sai lầm chấp quyền. Do đó, người trí nếu có điều giảng nói, người tuy là phàm, mà pháp đồng như Phật, như bình chuyền nước rót vào các bình khác, bình tuy có khác nhưng nước rót chỉ có một. Do đó, phàm phu kết nghiệp tuy chưa hết nhưng chẳng ngăn ngại có giải hiểu hay nói thật nghĩa, chỉ khiến giải lý. Tâm số tư lương. Hàng mới đầu quán lý đó thì khác với các phàm phu khác, nghĩa là, tư duy nhân không tức là Nhị thừa, nếu quán pháp không tức là Bồ-tát. Nên trong luận Nhiếp Đại thừa nói: "Mới đầu tu quán thì là phàm phu Bồ-tát". Dùng văn đó để chứng minh thì người mới học quán, tuy chưa đoạn kết nghiệp, tức là Bồ-tát, vì hay giải lý đồng với Đại thánh. Giảng thuyết thì hợp lý, mỗi mỗi đều đáng y cứ. Trong kinh Bảo Khiếp nói: "Giống như chim Ca-lăng-tần-già, chim con đang nằm trong trứng, mỏ nó chưa xuất hiện, bèn đã phát ra âm thanh vi diệu của chim Ca-lăng-tần-già. Các Bồ-tát v.v... tuy ở trong trứng Phật pháp, chưa hoại diệt ngã kiến, chưa vượt ra ba cõi, nhưng hay giảng nói Phật pháp với âm thanh vi diệu. Nghĩa là các pháp không vô tướng vô tác, thực hành âm thanh Ca-lăng-tần-già đến trong đàn chim khổng tước trọn chẳng kêu hót ư? Lại đến trong đàn chim Ca-lăng-tần-già mới phải kêu hót ư? Bồ-tát nếu đến trong tất cả chúng Thanh văn, Duyên giác, trọn chẳng diễn nói pháp của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn, đến trong chúng Bồ-tát đó mới diễn nói vậy". Lấy đoạn văn này để chứng minh, trong phàm phu địa, tội lỗi tuy chưa hết nhưng chẳng ngăn ngại giải hiểu sâu sắc. Với người giảng nói có lý, đều đáng tin nhận. Các phàm phu giảng nói có lý đều là xưa trước đã học tập thực hành chẳng phải ngày nay mới học. Nếu chẳng phải xưa trước đã học tập thực hành, ngày nay mới học đến già chỉ gọi là người khác nói, còn tự mình vẫn mê lý, vì mê lý, tuy được giảng nói nhiều vẫn chưa giải hiểu quyền hay

thật. Giảng nói thì trái với lý. Nếu người giải hiểu lý, chẳng phân chọn già trẻ, chỉ cầu đạo, chẳng cần sự, chỉ y cứ pháp, chẳng y cứ người. Như Tôn giả A-thấp-bà-thị nhân Xá-lợi-phất thầy gặp cần cầu giáo pháp, liền nói kệ đáp rằng:

"Tôi tuổi còn trẻ nhỏ,
Thường ngày học cạn cợt,
Đâu thể nói chí chân,
Giảng rộng nghĩa Như Lai".

Xá-lợi-phất nói: "Có thể lược vì nói cốt yếu đó". Tôn giả A-thấp-bà-thị bèn nói kệ tụng rằng:

"Các pháp nhân duyên sanh,
Pháp đó nói nhân duyên,
Pháp đó nhân duyên hết,
Đại sư giảng như vậy".

Chỉ một lần nghe qua, Xá-lợi-phất liền chứng đắc sơ quả, chuyển dạy lại cho Mục-kiền-liên, lại giảng nói mà đắc đạo. Lấy đó mà chứng biết, người trí cầu pháp, chỉ trọng đức người khác, chẳng xấu hổ mình thấp kém, chẳng đồng như phàm ngu ngã mạn tự cao, tuy biết người khác hơn mình nhưng xấu hổ chẳng chịu học. Phàm phu từ vô thỉ chẳng thể nhập đạo, phần nhiều đều do đó mà không thể cầu pháp nên các người ngu mê mờ thật giáo, chưa thể tự ngộ, chỉ nên phỏng tìm ở đức, vì người mê lý tuy có trí thế gian, nếu không có bạn ưu thắng nên thường mê lầm đạo. Như kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã nói: "Như người vừa mới sanh đã bị mù không thể thấy màu sắc, phiền não cũng như vậy khiến mù tối các chúng sanh, không thể thấy pháp. Như người có mắt, mà không có ánh sáng bên ngoài cũng không thể thấy màu sắc. Hành nhân cũng như vậy, tuy có trí tuệ, nếu không có thiện tri thức thì không thể thấy pháp". Lấy đó mà chứng biết người tuy có trí mà chưa thể tự ngộ, cần phải nhờ bạn tốt lành. Nên trong kinh Phú Pháp Tạng nói: "Thiện tri thức tức là nhân duyên toàn phần của sự đắc đạo". Phật tự khuyên người nương theo thiện tri thức, chẳng nên cố giữ ngu dốt luống qua một đời. Cho nên chư Phật có để lại yếu chỉ, chỉ khiến y cứ pháp chẳng y cứ ở người, chỉ y cứ ở nghĩa không y cứ ở ngữ, Bồ-tát còn biến thân làm súc sanh, vì người giảng nói pháp, hiển bày sự khác lạ đó khiến người nghe tin nhận, đều khiến ngộ đạo vào pháp bình đẳng, đâu khiến tâm sanh cao thấp ư? Nên trong Hoa Nghiêm Diễn Nghĩa có cật nạn rằng: "Yếu chỉ đó vi mật, chứng đắc địa vị cùng cực mới biết. Sao dùng phàm tình mà lén trông đại giáo?" Giải thích rằng: "Vì y cứ giáo

lý nên Thánh giáo chấp thuận đó". Kinh Niết-bàn nói: "Hàng phàm phu có đủ thứ buộc ràng, hay biết tạng bí mật của Đức Như Lai". Trong phẩm Tỳ-lô-giá-na có bài tụng rằng:

"Như nhờ ánh sáng mặt trời chiếu,
Lại thấy nơi vầng mặt trời,
Dùng ánh sáng trí tuệ của Phật,
Thấy đạo đã làm Phật".

Tức nhân giáo của Phật mà hay rõ giáo vậy. Nay trong Tông Kính thủy chung dẫn ánh sáng giáo của trí tuệ Phật, hiển bày vết đạo sở hành của Phật, nếu người tin sâu chắc thì là dùng ánh sáng tâm chúng sanh thấy hành tích của chúng sanh. Như cật nạn nói: "Phàm phu không thể biết", đó là tà kiến không tin người vậy. Nên trong kinh Đại Tập nói: "Nếu có người nói ta khác Phật khác, nên biết người đó tức là đệ tử của ma". Lại nói: "Người rõ ràng thấy, biết hết thảy pháp không hai tướng vậy". Lại nói: "Quán các pháp bình đẳng, gọi đó là Phật". Do đó, có người học, hỏi quốc sư Trung rằng: "Như Lai nói Bát-nhã, tức chẳng phải Bát-nhã, đó gọi là Bát-nhã, đã hết phải quấy, sao còn gọi là Bát-nhã?" Quốc sư đáp: "Hay thấy quấy, gọi đó là Bát-nhã". Người học lại hỏi: "Phật cũng nói như vậy ư?" Quốc sư đáp: "Xưa nay chẳng khác. Đắc thì ngàn Phật ngang bằng tâm, muôn Thánh đồng vết".

Hỏi: Giáo môn Phương tiện của chư Phật, đều y cứ căn tánh chúng sanh mà khởi. Căn tánh chẳng đồng, pháp mới nhiều như cát bụi. Môn Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đường năm mươi hai quả vị tu hành. Cớ sao chỉ lập Nhất tâm lấy làm Tông Kính?

Đáp: Nhất tâm đây lý sự đều viên mãn đầy đủ. Đại bi đó là cha, Bát-nhã đó là mẹ, pháp bảo chứa cội gốc muôn hạnh, vì hết thảy pháp giới, chư Phật ở mười phương, chư Đại Bồ-tát, các hàng Thanh văn, Duyên giác, hết thảy chúng sanh đều đồng tâm dây. Chư Phật đã giác ngộ, chúng sanh chẳng rõ biết. Nay vì người chưa rõ biết mà dùng phương tiện chỉ thẳng, vì vốn có đầy đủ nên chẳng hư dối, vì đáng được nên chẳng sai lầm. Nên trong kinh Hoa Nghiêm có bài tụng rằng:

"Thí như người thế gian,
Nghe nói có kho báu,
Vì họ có thể được,
Tâm sanh rất vui mừng".

Nơi kho báu đó tức là tâm chúng sanh, mới vào cửa tín, tự nhiên hiển hiện, mới tỏ ngộ từ trước đến nay vốn đầy đủ, đâu gá công thành, mới bắt đầu biết bản tánh không sai, chẳng phải nhân thực hành mà

được. Có thể gọi là vật của tối linh, cội nguồn của chí đạo, môn của tuyệt diệu, nghĩa của tinh thật, làm căn bản của phàm và Thánh, làm * nguyên do của mê và ngộ. Như muôn vật có được đất mà phát sanh, các đức vụt quay về, làm nền tảng của ngàn Thánh hướng đến đạo, làm mắt mũi của chư Phật xuất thế. Do đó, nếu rõ tự tâm, chóng thành Phật tuệ, có thể gọi là hợp muôn sông làm một ẩm ướt, vốc các bụi làm thành một viên, dung hợp vòng xuyến làm thành một vàng, biến tô lạc làm thành một vị. Như kinh Hoa Nghiêm có bài tụng rằng:

"Chẳng hay rõ tự tâm,
Sao biết được Phật tuệ".

Kinh A-sai-mạt nói: "Chỉ chánh tự tâm chẳng còn các học khác". Kinh Thiền Yếu nói: "Nội chiếu mở hiểu tức môn Đại thừa, thấy tự tâm tánh, gọi đó là chiếu, nơi các Thánh dạo chơi gọi đó là môn". Kinh Nhập Lăng-già có kệ tụng rằng:

"Tâm đủ nơi pháp tạng,
Lìa vô ngã kiến dơ,
Thế Tôn nói các hạnh,
Chỗ trong tâm biết pháp".

Kinh Nguyệt Đăng Tam-muội có kệ tụng rằng:

"Nếu ai nhận giữ một pháp đó,
Hay thuận Bồ-tát chánh tu hành,
Nhân một pháp đây làm công đức,
Chóng được thành ở đạo Vô thượng".

Kinh Thắng-man nói: "Thế Tôn! Con thấy nhiếp thọ chánh pháp có sức lực lớn này . Như Lai lấy đó làm mắt, làm pháp căn bản, làm pháp dẫn đạo, làm pháp thông đạt". Giải thích rằng: Điều gọi là chánh pháp tức Đệ nhất nghĩa tâm vậy, ngoài tâm dối tính lường, ngoài lý riêng mong cầu, đều rơi lạc một bên, mê lầm ở chánh kiến. Do đó được làm mắt chánh của Như Lai, nhiếp cả tận cùng ngằn mé *muôn hạnh chủng lý mà thành tựu, các môn tranh nào, của mười phương, chiếu suốt biên bờ của pháp giới. Như luận Khởi Tín nói: "Lại nữa, tự thể tướng chân như là ở nơi hết thảy phàm phu Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, chư Phật không có thêm bớt, chẳng phải khoảng trước sanh, chẳng phải khoảng sau diệt, thường hằng rốt ráo, từ vô thỉ lại, bản tánh đầy đủ hết thảy công đức. Gọi đó nghĩa là Đại trí tuệ quang minh, nghĩa là biến chiếu pháp giới, nghĩa là như thật rõ biết, nghĩa là bản tánh thanh tịnh tâm, nghĩa là thường lạc ngã tịnh, nghĩa là tịch tĩnh bất biến tự tại, v.v..., như vậy quá hơn số cát sông Hằng, chẳng động chẳng dị. Phật pháp

không thể nghĩa bàn, không có đoạn tuyệt, y cứ nghĩa đó nên gọi là Như Lai Tạng, cũng gọi là Pháp thân".

Hỏi: Trước nói chân như lìa hết thảy tướng, cớ sao nay nói đầy đủ hết thảy tướng công đức?

Đáp: Tuy thật đầy đủ có hết thảy công đức nhưng không tướng sai biệt. Hết thảy pháp kia đều đồng một vị một chân, vì lìa tướng phân biệt không có hai tánh, vì y cứ nghiệp thức v.v... các tướng sanh diệt mà lập hết thảy tướng sai biệt kia. Đó làm sao lập? Vì hết thảy pháp xưa nay chỉ tâm, thật không phân biệt, chỉ bởi bất giác tâm phân biệt khởi thấy có cảnh giới, gọi đó là vô minh, tâm tánh vốn tịnh, vô minh chẳng khởi, tức ở nói chân như lập nghĩa Đại trí tuệ quang minh. Nếu tâm thấy cảnh thì có tướng chẳng thấy, tâm tánh không thấy thì không chẳng thấy, tức ở nơi chân như lập nghĩa biến chiếu pháp giới. Nếu tâm có động thì chẳng phải thật rõ biết, chẳng phải bản tánh thanh tịnh, chẳng phải thường lạc ngã tịnh, chẳng phải tịch tĩnh, là biến dị chẳng tự tại, do đó khởi đủ hư vọng tạp nhiễm quá hơn số cát sông Hằng. Vì tâm tánh không động nên lập nghĩa chân thật rõ biết. Cho đến nghĩa tướng công đức thanh tịnh quá hơn số cát sông Hằng. Nếu tâm có khởi thấy có các cảnh khác có thể phân biệt mong cầu, thì ở nội pháp có chỗ chẳng đủ, vì vô biên công đức tức tự tánh của nhất tâm, chẳng thấy có các pháp khác mà có thể mong cầu. Cho nên đầy đủ pháp của chư Phật không thể nghĩ bàn, chẳng phải một chẳng phải khác quá hơn số cát sông Hằng, không có đoạn tuyệt. Nên nói chân như gọi là Như Lai Tạng, cũng gọi là Pháp thân Như Lai. Nhưng nhất tâm đó chẳng đồng phàm phu, dối nhận tâm lo nghỉ dính mắc hay đổi dời quyết định chấp ở bên trong sắc thân. Nay khắp pháp giới đều là chân tâm diệu minh, như trong "Phẩm Nhập Pháp Giới" nói: "Trong biển pháp giới Hoa tạng, bất kể các nơi hoặc núi hoặc sông, hoặc đất liền hoặc hư không, cây cối lùm rừng, sợi lông mảy trần v.v... không gì chẳng xưng là cõi chân như đầy đủ vô biên đức. Nên các bậc Tiên đức nói: "Nguyên hưởng lợi trinh là đức của càn, mới đầu ở một khí, thường lạc ngã tịnh là đức của Phật vốn ở nhất tâm, chuyên một khí mà khiến mềm dịu, tu nhất tâm mà thành đạo. Tâm ấy là tinh túy mầu nhiệm cao vọt, rực rỡ minh linh, đến khứ không đi, ngầm thông ba mé, chẳng trong chẳng ngoài suốt cùng mười phương, chẳng diệt chẳng sanh, há bốn núi có thể hại, lìa tánh lìa tướng, há năm sắc có thể làm mù tối, ở nơi dòng sanh tử, ly châu riêng tỏa sáng, ở giữa biển rộng ngồi nơi bờ Niết-bàn, vầng quế riêng tỏa giữa trời xanh. Lớn vậy thay! Muôn pháp vốn bắt đầu từ đó. Muôn pháp

rổng giã, bởi duyên hợp mà sanh, sanh pháp vốn không tất cả chỉ thức. Thức như huyễn mộng, chỉ là nhất tâm. Tâm vắng lặng mà biết, gọi đó là Viên giác, tràn đầy trong thanh tịnh chẳng dung gì khác, nên đức dụng vô biên đều đồng một tánh, tánh khởi làm tướng. Cảnh trí rõ ràng, tướng được tánh dung, thân tâm rỗng lặng, sánh đó như Hải ấn vượt thái hư kia, lồng lộng vậy, sáng rỡ vậy, chóng vượt ngoài nghĩ bàn vậy". Lại nữa, các bậc Tiên đức nói: "Như Lai Tạng tức là tên khác của nhất tâm. Sao gọi là nhất tâm? Nghĩa là chân vọng nhiễm tịnh hết thảy các pháp tánh vốn không hai, nên gọi là nhất. Nơi không hai đây, sự thật trong các pháp, chẳng đồng hư không, tánh tự hiểu cách mầu nhiệm, nên gọi là tâm. Do đó, nếu ở ngoài riêng cầu, theo nơi khác dối học, như là dùi băng tìm lửa, ép cát mong ra dầu, vì băng và cát chẳng phải chánh nhân của lửa và dầu, muốn cầu để giúp dùng, chỉ luống nhọc công sức. Lại như chỉ tu Tiệm hạnh không trú ở Quyền thừa, thì tợ như bức họa vẽ mà không keo dán, chén bát chưa qua nung luyện. Vì chén bát và bức họa vẽ chẳng phải là vật bền chắc, muốn mong cầu được cứu cánh, trọn không thể có. Nếu hay thật rõ tự tâm, chẳng dối mong cầu bên ngoài, như từ cây gỗ mà ra lửa, từ vừng mè mà ra dầu, chẳng hoại chánh nhân, chóng được thành tựu biện tài. Lại như bức họa vẽ có được keo dán, chén bát đã trải qua lửa nung, có thể thành vật dụng, sử dụng chẳng luống mất, phàm có hành động, thảy đều cứu cánh. Nếu chưa tin vào, lấy bỏ muôn mối, tùy cảnh sanh mê làm chỗ hại pháp, chẳng quán không để dứt lụy, chỉ chấp lấy không mà phế bỏ thiện, chẳng thấu đạt hữu để dấy khởi lòng từ, chỉ đắm trước hữu mà khởi tội, đều vì chẳng rõ không và hữu chỉ là nhất tâm, nên khiến được mất đó. Nếu vào Tông Kính, lúc mới phát tâm, chẳng chỉ hạnh thành lý tức chóng đủ, bèn đồng Phật xưa trước một ngằn mé không sai khác. Như kinh Đại Niết-bàn nói: "Ở thành Câu-thi-na có người Chiên-đà-la, tên là Hoan Hỷ, Đức Phật dự ghi người đó do một lần phát tâm sẽ ở nơi cõi này trong số ngàn Đức Phật chóng thành đạo Vô thượng chánh chân". Trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa nói: "Tâm pháp là pháp trước đã làm rõ, đâu được khác tâm, chỉ vì chúng sanh pháp quá rộng nhiều, Phật pháp rất cao sâu, đối với hàng sơ học rất khó, nhưng tâm, Phật và chúng sanh cả ba không riêng biệt, chỉ tự quán ở tâm mình thì là dễ. Kinh Niết-bàn nói: "Hết thảy chúng sanh đều đủ ba bậc định. Định bậc thượng là Phật tánh. Hay quán tâm tánh, gọi là thượng định, thượng hay gồm hạ, tức nhiếp được chúng sanh pháp". Kinh Hoa Nghiêm nói: "Tâm rảo khắp pháp giới như hư không, thì biết cảnh giới của chư phật. pháp giới tức

là trung, hư không tức là không, tâm Phật tức là giả. Ba thứ tức là cảnh giới Phật vậy. Do vì quán tâm bèn đủ Phật pháp. Lại nữa, tâm rảo khắp pháp giới là quán căn trần tương đối, một niệm tâm khởi ở trong mười giới hẳn thuộc một giới. Nếu thuộc một giới tức đủ trăm giới ngàn pháp ở trong một niệm hết thảy đầy đủ. Tâm đó là huyễn sư thầy phù thủy, ở trong một ngày đêm thường tạo các thứ chúng sanh, các thứ năm ấn, các thứ cõi nước. Chỗ gọi là địa ngục giới, cõi nước thật giả, cho đến Phật giới, cõi nước thật giả, hành nhân phải tự chọn lựa, đạo nào có thể theo. Lại như hư không là quán tâm tự sanh tâm, chẳng phải gá mượn duyên, có tâm lưc, tâm không sanh lực, tâm không sanh, duyên cũng không sanh. Tâm và duyên mỗi tự không, hợp thế nào có? Hợp còn chẳng thể được, lìa tức chẳng sanh, còn không một sanh, huống có trăm giới ngàn pháp ư? Vì tâm không nên từ chỗ tâm sanh, hết thảy đều không, không đây cũng không. Nếu không chẳng phải không, điểm không bày giả, giả cũng chẳng phải giả, không giả không không, rốt cùng thanh tịnh, đâu chỉ tam quán, muôn hạnh cho đến mười phương hư không, còn theo tâm biến, huống gì hư không, nơi sanh ra các vật tượng?" Như kinh Thủ Lăng Nghiêm có bài tụng rằng:

"Không sanh trong Đại giác,
Như biển một bọt nổi".

Do đó, trong Hoa Nghiêm sớ nói: "Hai pháp không và hữu đều xứng với lý chân, thì hữu và không đều là tánh không vậy". Sao Thích nói: "Không và hữu xứng với lý chân, không đây là không ngoài, nếu đem không lý đối cùng không ngoài, thì không ngoài lìa pháp, là không đoạn diệt, lý không tức gọi là chân không. Nếu vì không ngoài cũng tâm hiện, cũng do đối sắc, diệt sắc mới hiển bày, thì đây là đoạn không, theo duyên không tánh, tức là tánh không vậy. Nên nói về sự lớn lao trong mười tám không, nghĩa là mười phương không, tức mười phương hư không cũng là tánh không vậy. Do đó, ngàn Thánh phó chúc khó gặp cơ duyên, nếu đối với bậc thượng căn, chợt nhiên có thể nghiệm, như Hàn Sơn Tử có lời thơ rằng:

"Từ xưa ít nhiều Thánh,
Nói đường khổ đinh ninh,
Căn tánh người chẳng đồng,
Cao thấp có nhanh chậm.
Phật thật chẳng chịu tin,
Đặt công uổng chịu khổ,
Chẳng như tâm sáng sạch,

Bèn là Ấn tâm vương".

Các bậc Tiên đức cũng nói: "Muốn biết pháp yếu, tâm là căn bản của mười hai bộ loại kinh giáo. Cửa cốt yếu vào đạo, tâm đây là cửa, Phật Tổ trong ba đời, chỉ một việc này thật, hai khác tức chẳng chân, chỉ có pháp Nhất thừa, không hai cũng không ba". Pháp Nhất thừa đó là nhất tâm, chỉ giữ nhất tâm tức tâm chân như môn, hết thảy các pháp không có khuyết thiếu, hết thảy pháp hạnh chẳng vượt ngoài tự tâm, chỉ tâm tự biết, lại không riêng khác tâm, tâm không hình sắc, không căn không trú, không sanh không diệt, cũng không giác quán có thể hành. Nếu có thể quán hạnh tức là thọ, tưởng, hành, thức, chẳng phải bản tâm, đều là công dụng hữu vi, chư Tổ chỉ là dùng tâm truyền tâm, thấu đạt thì có thể ấn chứng, ngoài ra không pháp gì khác. Như trong kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát Văn-thù cảm hóa năm trăm đồng tử phát tâm Bồ-đề, chỉ có một người là Thiện Tài Đồng tử thấu đạt bản tâm, vân du khắp một trăm mười thành quách, phỏng hỏi muôn hạnh Bồ-đề, học môn Tam-muội, đều như huyễn hóa mà không thật thể. Nên biết từ tâm sanh khởi đều đồng huyễn hóa, chỉ rõ ngay chân tâm, tự nhiên chân thật. Như trong Duy Thức Khu Yếu nói: "Y cứ năm thứ cảnh, giáo, lý, hạnh quả trong duy thức. Luận đây, có nghĩa chỉ nói rõ cảnh duy thức, lìa bỏ cảnh chấp thủ ngoài tâm, vì hết thảy cảnh chẳng lìa khỏi tâm. Có nghĩa chỉ nói giáo duy thức, thành bản giáo của luận, vì giải thích thuyết kia. Có nghĩa chỉ giữ lấy lý duy thức, thành lập lý sở thuyết của bản giáo, vì phân biệt tánh tướng duy thức. Có nghĩa chỉ giữ lấy hạnh duy thức, vì nói rõ năm vị tu hạnh duy thức. Có nghĩa chỉ giữ lấy quả duy thức, vì cầu quả lớn, an lạc thân giải thoát, tên pháp Đại Mâu-ni". Cho đến nay, giải thích thuyết ấy, chỉ giữ lấy thuyết giáo lý, y cứ giáo lý, thành tánh tướng kia. Tánh tướng tức nhiếp cùng tận tất cả nên tất cả đều giữ lấy ở lý làm ưu thắng. Vậy biết lý của duy thức là chánh tông thành Phật, chỉ vì lý gồm tất cả, không pháp nào chẳng phải, nên nói vạn pháp Duy thức. Ý chánh của soạn thuật Tông Kính, cùng bản hoài của Phật Tổ, chỉ dùng một pháp hợp với một cơ, không yếu chỉ nào riêng khác. Nên trong kinh Pháp Hoa nói: "Trong cõi Phật mười phương, chỉ có pháp Nhất thừa". Kinh Đại Niết-bàn nói: "Sư tử hống là quyết định giảng nói hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh". Lại nói: "Chúng sanh cũng vậy, thảy đều có tâm, phàm kẻ có tâm, thảy đều sẽ chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Hỏi: Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức. Đây gồm vạn pháp, nên riêng lập chân như làm tông ư?

Đáp: Chân như là thức tánh. Thức đã bao gồm muôn pháp, tức là tánh của hết thảy các pháp hữu vi vô vi thảy đều bình đẳng. Nên kinh nói: "Chưa từng có một pháp nào mà vượt ngoài pháp tánh". Tư Mã Bưu nói: "Tánh là gốc của người". Thái Ung nói: "Tánh là gốc của tâm". Nên chư sư xưa trước nói: "Luận Duy thức là chi cao kiến pháp tràng trong mười chi, pháp nào mà chẳng gồm, tông nào mà chẳng lập?" Duy lấy giản chọn làm nghĩa, thức lấy rõ ràng làm nghĩa. Lìa thức ra không riêng duy thể tức thức, có dụng ngăn che ngoài tâm, nên gọi là duy. Tên duy đó riêng tánh tướng đều gồm, chân như là thức tánh nương sắc, tướng phần, v.v..., là thức tướng. Tâm sở dùng thức làm chủ, đều chẳng lìa thức, nên gọi chung là Duy thức.

Lại hỏi: Tam giới, là pháp Hữu lậu, do thuộc ái kết của ba cõi ràng buộc nên gọi là Tam giới. còn các pháp vô vi vô lậu chẳng bị ái kết của ba cõi ràng buộc, tức chẳng gọi là pháp của Tam giới, sao kinh chỉ nói Tam giới duy tâm, tức chẳng bao gồm các pháp vô vi vô lậu v.v.... đó há chẳng phải duy thức mà chỉ nói Tam giới ư?

Đáp: Tam giới, pháp sở trị mê loạn còn gọi là duy thức. Pháp tánh vô vi vô lậu là năng trị thể chẳng mê loạn, chẳng nói tự thành nên chỉ nói là Tam giới duy thức. Lại các bộ (phái) gồm chung có câu Hữu vi vô vi nhiễm tịnh các pháp đều lấy tâm làm gốc. Như Tát-bà-đa-bộ v.v..., nói: "Vô vi do tâm nên hiển hiện, Hữu vi do tâm nên khởi". Do tâm khởi pháp nhiễm tịnh, lực dụng duyên mạnh nên nói tâm là gốc.

Hỏi: Lập tâm làm tông, đủ bao nhiêu môn công đức hay khởi lòng tin thấy nghe?

Đáp: Tự thể chân tâm chẳng phải ngôn ngữ có thể thuyên giải, lắng như hư không không ngằn mé, sáng ngời như gương sạch tròn sáng, hủy hoại, tán thán chẳng kịp, nghĩa lý khó thông, vì hai môn công đức và quá hoạn tuyệt sự đối đãi. Nay ý cứ theo các bậc Tiên đức theo tướng mà phân biệt tâm, lược có năm nghĩa: Một là, tướng xa lìa sở thủ sai biệt; hai là, tướng giải thoát năng thủ phân biệt; ba là, khắp tam tế không chỗ chẳng ngang bằng; bốn là, ngang bằng hư không giới không chỗ chẳng khắp; năm là, chẳng rơi lạc các bên có, không, một, khác v.v.... Vượt chỗ tâm hành quá đường ngôn ngữ. Lại nữa, tâm không chấp trước đây hết sạch Nhị đế, nên không có sự khác lạ của ra tục vào chân, đã chẳng ra vào, chẳng ở không hữu, nên kinh nói: Tâm không ở tại đâu, nơi không tại đâu, chỉ là nhất tâm, thể của nhất tâm xưa nay tịch diệt, chẳng thể dùng nơi chốn có không để tận cùng vết tích sâu xa đó, không thể dùng thức trí chú kính so lường bàn nói diệu thể đó, chỉ có người

vào, chỉ tại tâm biết, như vốc muôn thứ mà làm thành viên hương, đốt một mảy trần mà đủ cả các mùi thơm, tợ như vào tắm trong nước biển lớn, vốc một giọt nhỏ mà đã dùng của cả trăm sông, nắm một mạt vụn mà đều thành vàng thật, bứt cỏ lá mà không gì chẳng là diệu dược, chén bát rỗng không thảy đều đầy mùi vị cam lồ, khắp phòng nhà chỉ nghe mùi hương chiêm-bặc. Các nghĩa quy tựu quy, như thái hư bao gồm cả muôn tượng, ngàn đường đua tranh vào, như lắm ảnh chẳng ngăn ngại nơi đầm lắng. Nếu luận về nhất tâm, tánh khởi công đức vô tận vô biên, há dùng tâm hữu lượng mà tán thán đức vô vi, dùng hết thần lực chưa thuật được mảy may. Vì người tin vào, thảy đều hiện chứng, tức phàm tức Thánh, cảm ứng chẳng hư dối, tin chắc chẳng đổi thay, tiếng rỗng của pháp không tự dứt, sáng tỏ chân thật có thể nghiệm, lửa đồng linh nhuận chợt dừng, đâu nhờ thần thông, tâm ma chóng tuyệt, chẳng cậy thuật khác, lửa thức tự tiêu. Trừ người ngu dốt, sao có thể rõ yếu chỉ đó? như người xưa nói: Y cứ trí chẳng y cứ thức, nghĩa là thức hiện hành tùy theo trần phân biệt, mắt sắc tai tiếng, đam mê chẳng hay biết. Đấng Đại thánh chỉ bày giáo, cảnh là tự tâm. Hàng hạ ngu trọn chấp trần là ngoài thức. Nay, ngoài miệng tuy nói không đó mà tâm chưa mất có. Vọt bay lên không chẳng được, vào lửa càng khó, đều là tâm tướng mê bít nên vậy, sau được thông đạt, tùy tâm chuyển dùng, há chẳng đồng như chim bay giữa hư không tự thường như vậy, vãi dùng lửa giặt chẳng đáng quái lạ, chỉ vì thức tánh của quần sanh chẳng đồng, đến nỗi khiến đấng Đại thánh tùy theo tình mà giảng nói riêng, nhưng căn cứ theo chí đạo chỉ là tự tâm. Nên kinh nói: “Trên dưới ba cõi, pháp nghĩa duy tâm”. Đó là căn cứ thế giới y báo để nói rõ về tâm. Lại nói: “Như như cùng chân tế, Niết-bàn và pháp giới, các thứ ý sanh thân, ta nói là tâm lượng”, đó là căn cứ pháp thể xuất thế để nói rõ về tâm. Chung cùng đến thật rốt ráo thấu đạt nguồn đó, theo dòng cảm quả, trở lại Tông liễu nghĩa.

Hỏi: Nhất tâm làm tông, có thể xưng là cương yếu, cớ sao trong giáo rộng bàn nói các đạo, mỗi tự lập Tông kinh?

Đáp: Chủng loại các pháp tuy lắm nhiều, nhưng chỉ là chỗ làm của nhất tâm, ở nơi một Thánh đạo lập vô lượng tên gọi, như một đóm lửa nhân đốt cháy mà được gọi là lửa cỏ, lửa cây v.v..., như một thứ nước căn cứ chỗ dùng hoặc gọi là canh là rượu v.v..., tên gọi có nhiều, môn nhất tâm đây cũng lại như vậy, đối với hàng cơ nhỏ mà xưng là tiểu pháp, với hàng lượng lớn mà gọi là Đại thừa. Đại tiểu tuy phân, nhưng chân tánh không cách. Nếu quyết định chấp Phật giảng nói có nhiều môn, tức phỉ báng pháp luân, thành tội lỗi của hai lưỡi. Nên kinh nói:

"Tâm chẳng lìa đạo, đạo chẳng lìa tâm". Như kinh Đại Niết-bàn nói: "Bấy giờ, Đức Thế Tôn ngợi khen Bồ-tát Ca-diếp rằng: Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Nay ông muốn biết kinh điển vi diệu của Đại thừa Bồ-tát có những bí mật gì nên mới hỏi như vậy. Này thiện nam! Các kinh như vậy đều vào đạo đế. Này thiện nam! Như trước kia Ta nói nếu có người tin đạo, tin đạo như vậy là tin căn bản, là hay giúp đỡ đạo của Bồ-đề, cho nên Ta nói không có sai lầm. Này thiện nam! Đức Như Lai khéo biết vô lượng phương tiện, muốn chuyển hóa chúng sanh nên làm các thứ thuyết pháp như vậy. Này thiện nam! Thí như vị lương y khéo biết các thứ căn bệnh của các chúng sanh, tùy chỗ bệnh đó mà cho đúng thuốc. Và điều cấm của thuốc, chỉ một thứ nước chẳng thuộc trong loại cấm, hoặc uống nước gừng, hoặc nước cam thảo, hoặc nước tế tân, hoặc nước đường phèn đen, hoặc nước A-ma-lặc, hoặc nước Ni-bà-la, hoặc nước Bát-trú-la, hoặc uống nước lạnh, hoặc uống nước nóng, hoặc nước bồ- đào, hoặc nước An-thạch-lựu. Này thiện nam! Vị lương y như vậy khéo biết chỗ bệnh của chúng sanh, các thứ thuốc tuy nhiều cấm kỵ chỉ nước không thuộc lệ đó. Như Lai cũng lại như vậy, khéo biết phương tiện, ở nơi một pháp tướng tùy các chúng sanh phân biệt nói rộng các thứ danh tướng. Các chúng sanh kia tùy chỗ giảng nói mà nhận thọ, nhận thọ rồi tu tập, đoạn trừ phiền não. Như người bệnh kia theo sự chỉ bảo của vị lương y, mà chỗ bệnh được trừ. Lại nữa, này thiện nam! Như có một người khéo hiểu biết nhiều thứ tiếng, ở chỗ đông người, mọi người trong đám đông đó đang bị nóng khát bức bách, đều nói lời rằng: "Tôi muốn uống nước! Tôi muốn uống nước!" Khi ấy, người đó dùng nước sạch mát, tùy các chủng loại đó mà nói là nước, hoặc nói là Ba-ni, hoặc nói là Uất-trì, hoặc nói là Sa-lợi-lam, hoặc nói là Bà-lợi, hoặc nói là Ba-da, hoặc nói là Cam lồ, hoặc nói là sữa bò. Dùng vô lượng tên gọi về nước v.v..., như vậy vì đại chúng nói. Này thiện nam! Đức Như Lai cũng lại như vậy, dùng một Thánh đạo vì các Thanh văn mà diễn nói các thứ, từ tín căn v.v... cho đến Bát thánh đạo. Lại nữa, này thiện nam! Thí như kim sư (người thợ khéo giỏi làm vàng) dùng một thứ vàng, tùy ý mà tạo ra các thứ anh lạc, chỗ gọi là kềm, khóa, vòng, xuyến, xoa, đang, thiên quan, tý ấn v.v... tuy có sai biệt chẳng đồng như vậy, nhưng chẳng lìa khỏi vàng. Này thiện nam! Như Lai cũng lại như vậy. Dùng một Phật đạo tùy các chúng sanh, phân biệt các thứ mà vì giảng nói , hoặc nói một thứ; được gọi là chư Phật một đạo không hai. Lại nói hai thứ; tức là định và tuệ. Lại nói ba thứ; nghĩa là kiến, tuệ và trí. Lại nói bốn thứ; tức là kiến đạo, tu đạo, vô học đạo và Phật đạo. Cho đến, lại nói hai mươi

đạo, tức nghĩa là mười lực, bốn vô úy, đại từ, đại bi, niệm Phật Tam-muội, ba chánh niệm xứ. Này thiện nam! Đạo đó một thể. Ngày xưa, Đức Như Lai vì chúng sanh nên phân biệt các thứ. Lại nữa, này thiện nam! Thí như một thứ lửa, nhân sự đốt cháy mà có các thứ tên gọi như lửa cây gỗ, lửa lá cỏ, lửa vỏ trấu, lửa phân trâu ngựa. Này thiện nam! Phật đạo cũng như vậy, một mà không hai, vì chúng sanh nên phân biệt các thứ. Lại nữa, này thiện nam! Thí như một thức, phân biệt nói thành sáu, như đến nơi mắt thì gọi là nhãn thức v.v... cho đến ý thức, cũng lại như vậy. Này thiện nam! Đạo cũng như vậy, một mà không hai, Đức Như Lai vì giáo hóa chúng sanh, nên phân biệt các thứ. Lại nữa, này thiện nam! Thí như một sắc; chỗ thấy của mắt thì gọi đó là sắc, chỗ nghe của tai thì gọi là tiếng, chỗ ngửi của mũi thì gọi là hương, chỗ nếm của lưỡi thì gọi là vị, chỗ nhận biết của thân thì gọi là xúc. Này thiện nam! Đạo cũng như vậy, một mà không hai, Đức Như Lai vì muốn giáo hóa chúng sanh nên phân biệt các thứ. Này thiện nam! Do nghĩa như thế nên đem Bát thánh đạo phân tên là Đạo thánh đế. Này thiện nam! Bốn thánh đế đó, chư Phật Thế Tôn theo thứ lớp giảng nói đó. vì nhân duyên đó, vô lượng chúng sanh được qua khỏi sanh tử". Lại nói: "Nếu nói Thập thiện Thập ác có thể làm, không thể làm Thiện đạo, Ác đạo, Bạch pháp, Hắc pháp. Phàm phu gọi là hai, người trí thấu rõ tánh đó không hai, tánh của không hai, tức là thật tánh". Kinh Đà-la-ni nói: "Không có hết thảy các pháp, đó gọi là Nhất tự pháp môn". Lại nữa, kinh nói: "Phật bảo: Giáo pháp của chư Phật trong ba đời giảng nói, nay Ta suốt bốn mươi chín năm không thêm một chữ". Nên biết môn nhất tâm này hay thành chí đạo. Nếu bậc thượng căn vào thẳng, trọn không lập nên môn nào khác, vì hàng trung hạ căn chưa vào thì quyền xảo phân làm các đạo, do đó, Phật Tổ đồng chỉ, Hiền thánh ngầm quy về, tuy tên có khác mà thể ấy đồng, là duyên phân mà tánh hợp, Bát-nhã chỉ nói không hai, Pháp Hoa chỉ nói Nhất thừa. Tịnh danh không gì chẳng là Đạo tràng, Niết-bàn đều quy tụ về Mật tạng. Thiên thai chuyên cần Tam quán, Giang tây khắp thể toàn chân, Mã Tổ tức tâm là Phật, Hà Trạch chỉ thẳng thấy biết. Lại nữa, giáo có hai thứ thuyết: Một là Hiển liễu thuyết; hai là, Bí mật thuyết. Hiển liễu thuyết thì như các kinh Lăng-già, Mật Nghiêm v.v... các luận Khởi Tín, Duy Thức v.v.... Bí mật thuyết là mỗi y cứ Tông kinh lập ra tên khác, như kinh Duy-ma lấy Bất tư nghì làm tông, kinh Kim Cang lấy Vô trú làm tông, kinh Hoa Nghiêm lấy Pháp giới làm tông, kinh Niết-bàn lấy Phật tánh làm tông. Mặc tình lập có ngàn đường nhưng đều là nghĩa khác của nhất tâm. Tại sao? Vì

chân tâm diệu thể chẳng ở có không, trí chẳng thể biết, nói không thể kịp, chẳng phải cảnh giới của tình thức nghĩ lường, nên gọi là Bất tư nghì. Thể rỗng tướng lắng, tuyệt đãi linh thông, hiện pháp giới mà không sanh, vượt ba đời mà tuyệt vết, nên gọi là Vô trú. Dọc suốt tam tế, ngang cùng mười phương, không có giới lượng, ngoài biên không thể được nên gọi pháp giới là gốc rễ muôn vật. Do làm nguyên thủy của quần sanh, ở phàm không bớt ở Thánh không thêm, linh giác chiếu sáng thường như thể đó, nên gọi là Phật tánh, cho đến đều gọi là Diệu tánh linh đài, Thần châu bảo tạng, đều là nhất tâm tùy duyên mà xưng riêng. Kinh nói: "Ba A tăng-kỳ trăm ngàn danh hiệu đều là tên khác của Như Lai, chỉ vì không biết chư Phật dùng phương tiện, rồi mê danh đắm tướng, theo hiểu biết thành sai lầm". Chỉ cần rõ tông đây, chợt nhiên không tịch, làm gì có danh tướng có thể được mở bày, như Long vương phun mưa chỉ một vị, tùy theo nghiệp thiện ác của người, trời mà chỗ mưa chẳng đồng, mỗi thấy sai biệt. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Thí như vua rồng Ta-kiệt-la muốn hiện sức Đại tự tại của vua rồng để làm lợi ích quần sanh đều khiến vui mừng, từ Tứ thiên hạ cho đến cõi trời Tha hóa tự tại, khắp cùng trên mặt đất, ở tất cả mọi nơi có mưa chẳng đồng, có nghĩa là ở trong biển lớn mưa nước sạch mát, gọi là Vô đoạn tuyệt. Ở cõi trời Tha hóa tự tại mưa ra các thứ âm nhạc như tiêu địch v.v..., gọi là mỹ diệu. Ở trời Hóa lạc mưa đại Ma-ni bảo, gọi là phóng Đại quang minh. Ở cõi trời Đâu-suất, mưa Đại trang nghiêm cụ, gọi là thùy kế. Ở cõi trời Dạ-ma mưa hoa Đại diệu, gọi là các thứ trang nghiêm cụ. Ở cõi Tam thập tam mưa các Diệu hương, gọi là Duyệt ý. Ở cõi trời Tứ thiên vương, mưa y báu cõi trời, gọi là phúc cái. Ở nơi cung vua Rồng, mưa xích trân châu, gọi là Dõng xuất quang minh. Ở nơi cung A-tu-la, mưa các thứ binh trượng, gọi là hàng phục oán địch. Ở Bắc Uất-đơn-việt mưa các thứ hoa, gọi là khai phu. Ngoài ra, ở ba thiên hạ thảy đều như vậy. Nhưng mỗi mỗi tùy nơi đó mưa chẳng đồng, tuy vua Rồng kia tâm luôn bình đẳng không có đây kia, chỉ vì căn lành của chúng sanh có khác nên mưa có sai biệt. Do đó, vua Rồng phun mưa chỉ một vị, tùy các trời chỗ cảm chẳng đồng, giống như pháp môn nhất tâm của chư Phật, theo chúng sanh lúc thấy có sai biệt.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 3

Hỏi: Phàm, giáo nói rõ hết thảy muôn pháp, chí lý hư huyễn, chẳng phải chứng của có không, tuyệt tánh của tự tha. Nếu không một pháp làm tự thể, vậy làm sao lập tông?

Đáp: Nếu chẳng lập tông, học sao quy thú? Nếu luận bàn về tự tha có không, đều là thức tâm của chúng sanh phân biệt, là môn đối trị, theo tướng đợi có. Tự thể pháp thân trong tâm thật lý đâu đồng huyễn có, chẳng theo huyễn không. Kinh Lăng-già nói: "Phật dạy: Đại Tuệ! Thí như chẳng phải tánh trâu ngựa, tánh trâu ngựa kỳ thật chẳng phải có chẳng phải không, kia chẳng phải không tự tướng" giải thích xưa rằng: Trên thân thể của ngựa chẳng thể nói tánh trâu là có hay là không, nhưng. Xưa chẳng phải không có tự thể của ngựa. Thí như trên pháp thân chẳng được nói tánh của ấm giới nhập là có hay là không, nhưng chẳng phải không có tự tướng của pháp thân. Lý pháp không đây vượt quá có không, tức tánh của pháp thân, nhưng có thú có hướng trí trái với Thiên chân. Không đắc không quy tình sanh đoạn diệt. Chỉ có đó chẳng cần mong cầu, khuôn chân rõ ràng như vậy, không đó tự nhiên đủ, diệu chỉ sâu mầu, thì lắng vậy có kết quy, điềm nhiên không gián đoạn, chóng vượt năng sở, chẳng ở nơi có không, có thể gọi là chân thật kết quy năng thông chí đạo vậy.

Hỏi: Dùng tâm làm tông. Thế nào là tướng của tông thông?

Đáp: Nội chứng tự tâm, Đệ nhất nghĩa lý, trú ở địa vị tự giác, vào môn Thánh trí, vì tương ưng đó, gọi là tướng tông thông. Đó là lúc hành chẳng phải lúc giải. Nhân giải thành hành, hành thành giải tuyệt, thì nói năng dứt tuyệt, chỗ tâm hành diệt. Như kinh Lăng-già nói: "Phật bảo: Đại Tuệ! Tông thông nghĩa là duyên tự được tướng thắng tấn, xa lìa ngôn thuyết văn tự vọng tưởng khống đến tự tướng cõi vô lậu địa vị tự giác,xa lìa tất cả giác tưởng hư vọng nhiếp phục hết thảy chúng ma, ngoại đạo. Duyên tự giác thú hướng quang minh phát huy, đó gọi là tướng tông thông". Do đó, ngộ tâm thành Tổ thánh trước tương truyền,

nên Đại sư đạt-ma nói: "Rõ Phật tâm tông, trọn không sai lầm, hành giải tương ưng, gọi đó là Tổ". Lại nói lời kệ tụng rằng: "cũng chẳng nhìn ác mà ganh ghét,cũng chẳng nhìn thiện mà riêng. Cũng chẳng bỏ ngu mà gần hiền, cũng chẳng vất mê mà đến ngộ, đạt đại đạo vậy quá lượng, thông tâm Phật vậy vượt qua. Chẳng cùng phám Thánh đồng giẫm siêu nhiên, gọi đó là Tổ".

Hỏi: Ngộ đạo sáng tông như người uống nước nóng lạnh tự biết. Làm sao nói được hành tướng đó?

Đáp: Trước đã nói: Chư Phật dùng phương tiện chẳng đoạn thời nay, kín trải tâm từ sâu chẳng khiến riêng bỏ. Người đời sáng tỏ trọn chẳng mở lời, chỉ vì nhân nghi ngờ nên hỏi, nhân hỏi nên đáp. Đó là Đức Bổn sư ở trên pháp hội Lăng-già vì chư vị Đại Bồ-tát ở mười phương đến cầu pháp, nên đích thân giảng nói hai thứ thông đó: Một là tông thông; hai là thuyết thông. Tông thông làm Bồ-tát, thuyết thông làm ngu dại, Phật Tổ lại vì kẻ sơ cơ, ngu dại ít rủ lòng mở bày. Đó là nói về thuyết thông, chỉ vì theo người tìm pháp từ ngôn ngữ sanh giải hiểu. Sợ chấp phương tiện lấy làm chân thật, mê lầm ở tông thông, do đó, phân mở nghĩa của hai thông. Tông thông nghĩa là duyên tự được tướng thắng tấn, xa lìa ngôn thuyết văn tự vọng tưởng, cho đến duyên tự giác thú hướng quang minh phát huy, nếu đích thân đạt đến địa vị tự giác, lúc quang minh tỏa phát, được gọi là như người uống nước, nóng lạnh tự biết. Như một đoàn người mù mắt, cảnh chiếu phân minh, nghiệm hình thể thật của voi, trọn chẳng mò đuôi ngà voi, thấy chánh sắc sữa, đâu ở đàm nói hộc tuyết. Ngay trước người đầy đủ mắt sáng, nếu lại nói bày thì chẳng được xưng là biết thời, gọi là Đại pháp sư. Người thấy vầng nguyệt, trọn không nhìn ngón tay, người đích thân về đến nhà tức tự dứt hỏi lộ trình, chỉ chứng tương ưng, chẳng đợi nói bày, trọn chẳng chấp ngón tay là vầng nguyệt, cũng chẳng lìa ngón tay mà thấy vầng nguyệt. Như trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Thí như có vị vua bảo một quan đại thần rằng: "Ông dẫn một con voi ra chỉ bày cho các người mù". Khi ấy quan đại thần vâng nhận lời vua bảo rồi, nhóm tập đông nhiều người mù, mà dẫn voi ra chỉ bày. Bấy giờ các người mù mỗi tự đưa tay xúc chạm vào voi. Quan đại thần liền trở về tấu với vua rằng: "Thần đã chỉ bày xong". Khi ấy, vua bèn gọi các người mù lại, theo thứ tự từng người mà hỏi: "Ông có thấy voi chăng?" Các người mù đều nói: "Tôi đã được thấy". Vua hỏi: "Voi là loại như thế nào?" Trong đó, người xúc chạm ngà voi thì nói hình voi như củ cải. Người xúc chạm tai voi thì nói voi như chiếc ky, người xúc chạm đầu voi thì nói voi như tảng đá, người xúc

chạm mũi voi thì nói voi như chày, người xúc chạm chân voi thì nói voi như cối gỗ, người xúc chạm lưng voi thì nói voi như sàn giường, người xúc chạm bụng voi thì nói voi như chiếc bình, người xúc chạm đuôi voi thì nói voi như sợi dây. Này thiện nam! Như các người mù kia, chẳng nói hình thể voi cũng không phải chẳng nói. Như các tướng đó hẳn chẳng phải voi, nhưng lìa các tướng đó ra lại không có voi riêng khác. Này thiện nam! Vua đó dụ như Đức Như Lai, bậc Ứng Chánh biến tri, quan đại thần dụ như kinh Phương Đẳng, đại Niết-bàn, voi dụ như Phật tánh, người mù dụ như chúng sanh vô minh. Các chúng sanh đó nghe Phật giảng nói pháp rồi, hoặc nói lời rằng: "Sắc là Phật tánh tại sao? Sắc đó tuy diệt nhưng lần lượt tương tục, cho nên chứng đắc vô thượng, Như Lai có ba mươi hai tướng, Như Lai là sắc thường, sắc của Như Lai thường chẳng đoạn dứt, nên nói sắc đó là Phật tánh. Thí như vàng thật, chất tuy biến đổi mà sắc màu thường chẳng khác, hoặc có lúc làm xuyến, làm mâm, nhưng màu vàng như mới đầu không đổi khác. Chúng sanh, Phật tánh cũng lại như vậy. Chất tuy vô thường, mà sắc là thường, do đó nên nói sắc là Phật tánh. Cho đến nói thọ, tưởng, hành, thức v.v... là Phật tánh. Lại có người nói rằng: Lìa Ấm có Ngã. Ngã là Phật tánh. Như các người mù kia, mỗi tự nói về voi, tuy chẳng được thật, chẳng phải không nói về voi. Nói về Phật tánh cũng lại như vậy. Chẳng phải tức sáu pháp, chẳng lìa sáu pháp. Này thiện nam! Cho nên Ta nói chúng sanh, Phật tánh chẳng phải sắc chẳng phải lìa sắc, cho đến chẳng phải Ngã chẳng phải lìa Ngã. Này thiện nam! Có các ngoại đạo tuy nói có ngã mà thật là không ngã. Chúng sanh ngã tức là ngũ ấm. Lìa Ấm ngoài ra không có Ngã nào riêng khác. Này thiện nam! Thí như cành lá tua đài hợp lại làm hoa sen, lìa các thứ đó ra lại không có hoa nào riêng khác". Phật lại bảo: "Này thiện nam! Các ngoại đạo ngu si như là trẻ con, không trí tuệ phương tiện, không khả năng thấu hiểu thường và vô thường, khổ và vui, tịnh và không tịnh, ngã và vô ngã, thọ mạng và chẳng phải thọ mạng, chúng sanh và chẳng phải chúng sanh, thật và chẳng phải thật, hữu và chẳng phải hữu, đối với trong Phật pháp chấp lấy một phần ít, hư vọng chấp có thường lạc ngã tịnh mà thật chẳng biết thường lạc ngã tịnh. Như người vừa mới sanh đã mù, không biết sắc màu của sữa, bèn hỏi người khác: "Sắc màu của sữa tương tợ gì?" Người ấy đáp: "Sắc màu sữa trắng như võ sò". Người mù lại hỏi: "Sắc màu của sữa như bối ngang ư?" Người ấy đáp: "Không phải vậy". Người mù lại hỏi: "Sắc màu của võ sò tợ gì?" Người ấy đáp: "Tợ như cháo gạo". Người mù lại hỏi: "Sắc màu của sữa mềm mại như cháo gạo ư? Cháo gạo sao tương tợ

được?" Người ấy đáp: "Giống như mưa tuyết". Người mù lại hỏi: "Cháo gạo kia lạnh như tuyết ư? Tuyết sao tương tợ được?" Người ấy bèn đáp: "Giống như bạch hộc". Người mới sanh ra mà mù đó tuy nghe bốn thứ thí dụ như vậy nhưng trọn không biết sắc màu chân thật của sữa. Các ngoại đạo đó cũng lại như vậy, trọn không thể biết thường lạc ngã tịnh. Này thiện nam! Với ý nghĩa như vậy, trong Phật pháp ta có chân thật đế chẳng phải như của ngoại đạo".

Phàm, chân thật đế là chỗ kết quy của Tông Kính, lúc chưa nghe ngộ chẳng tin hiểu những pháp nói xa và tự tu hành, đều thành môn sanh diệt chiết phục, chẳng vào đạo Vô sanh cứu cánh. Như trong kinh Yêm-đề-già-nữ nói: "Bấy giờ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại hỏi rằng: "Lại có người sáng suốt biết sanh mà tướng chẳng sanh, có bị sanh lưu lại không??" Đáp: "Có. Tuy tự thấy rõ, nhưng sức lực đó chưa sung mãn mà bị sanh lưu lại ấy vậy". Lại hỏi: "Lại có người vô tri không biết tánh sanh thì rốt cùng có bị sanh lưu lại chăng?" Đáp: "Không. Tại sao vậy? Nếu chẳng thấy tánh sanh, tuy nhân điều phục mà ít được nơi an, tướng chẳng an đó thường làm đối trị. Nếu người hay thấy sanh tánh, tuy ở nơi chẳng an, mà tướng an thường hiện tiền. Nếu người chẳng biết như thế, tuy có các thứ thắng biện, bàn nói điển tịch sâu mầu, mà tức là tâm sanh diệt nói lời bí yếu của thật tướng kia, như người mù phân biệt về sắc màu, nhân người khác nói nên nói được xanh vàng đỏ trắng đen mà chẳng thể thấy được tướng chánh của sắc màu. Nay người không thể thấy các pháp cũng lại như vậy, chỉ nay làm chỗ sanh của sanh làm chỗ tử của tử mà có chỗ giảng nói, mới đối với người đó, tức không có nghĩa của sanh tử ư? Nếu làm chỗ buộc của thường và vô thường cũng lại như vậy. Phải biết người đại đắc không cũng chẳng tự đắc không, nên nói nghĩa có và không ư? Nên biết hay rõ biết tánh của muôn pháp Vô sanh, đó là đắc đạo". Trong kinh Đại Bát-nhã nói: "Phật bảo: Này Thiện Hiện! Vì hết thảy pháp không; không chỗ có, đều chẳng tự tại, hư dối không bền chắc, nên hết thảy pháp không sanh, không khởi, không biết, không thấy. Lại nữa, này Thiện Hiện! Hết thảy pháp tánh không chỗ nương dừng, không chỗ lệ thuộc, do nhân duyên đó, không sanh, không khởi, không biết, không thấy". Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Pháp ấn như thật in các nghiệp môn, được pháp Vô sanh, trú nơi Phật trú, quán tánh vô sanh in các cảnh giới, chư Phật hộ niệm phát tâm hồi hướng, cùng các pháp tánh tương ưng hồi hướng, vào pháp vô tác, thành tựu phương tiện sở tác". Do đó, chưa rõ yếu chỉ của duy tâm, người chưa vào Tông Kính, hướng đến trong vô sanh khởi dơ bẩn

của tham si, ở trong chân không đắm duyên cảnh giới, lấy làm đối trị, thành luân chuyển đó. Nếu hay soi chiếu trở lại, tâm cảnh đều lắng. Như kinh Chư Pháp Vô Hành nói: "Nếu Bồ-tát thấy tham dục tế tức là chân tế, thấy sân nhuế tế tức là chân tế, thấy ngu si tế tức là chân tế, thì hay diệt hết tội của nghiệp chướng. Cho đến người ngu phàm phu không biết các pháp rốt cùng là diệt tướng, nên tự thấy ở thân đó, cũng thấy người khác. Do vì thấy đó bèn khởi thân, khẩu, ý nghiệp, cho đến không thấy Phật, không thấy Pháp, không thấy Tăng. Đó là không thấy hết thảy pháp. Nếu chẳng thấy hết thảy pháp,ở trong các pháp thì chẳng sanh nghi ngờ Vì chẳng sanh nghi ngờ thì chẳng nhận chịu hết thảy pháp. Vì chẳng nhận chịu hết thảy pháp thì tự tịch diệt". Trong kinh Bất Khả Tư Nghì Phật Cảnh Giới nói: "Bấy giờ Đức Thế Tôn lại bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi rằng: "Đồng tử! Ông có thể rõ biết chỗ trụ của Đức Như Lai là pháp Bình đẳng chăng?" Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa: "Bạch Thế Tôn! Con đã rõ biết". Phật hỏi: "Đồng tử! Thế nào là chỗ trụ của Đức Như Lai là pháp Bình đẳng?" Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa: "Bạch Đức Thế Tôn! Nơi hết thảy phàm phu khởi tham sân si, là nơi trụ của Đức Như Lai là pháp Bình đẳng?" Phật hỏi: "Đồng tử! Thế nào là nơi hết thảy phàm phu khởi tham sân si, là nơi trụ của Đức Như Lai là pháp Bình đẳng?" Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa: "Bạch Đức Thế Tôn! Hết thảy phàm phu ở trong pháp không, vô tướng, vô nguyện khởi tham sân si, cho nên nơi hết thảy phàm phu khởi tham sân si, tức là nơi trú của Đức Như Lai, là pháp Bình đẳng". Phật hỏi: "Đồng tử! Không há là pháp có mà nói ở trong tham sân si?" Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa: "Bạch Đức Thế Tôn! Không là có, cho nên tham sân si cũng là có". Phật hỏi: "Đồng tử! Không, thế nào là có? Tham sân si lại thế nào là có?" Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa: "Bạch Đức Thế Tôn! Không, do vì nói năng nên có. Tham sân si cũng vì nói năng nên có. Như Đức Phật nói : Tỳ-kheo có pháp không sanh không khởi, vô tác vô vi, chẳng phải các hành đây chẳng phải không có. Nếu không có thì đối với các pháp sanh khởi, tác, vi, các hành, phải không xa lìa, vì có nên nói xa lìa vậy. Đây cũng như vậy, nếu không có không thì ở nơi tham sân si không có xa lìa. Vì có, nên nói xa lìa tham v.v... các thứ phiền não vậy". Trong luận Trung Quán có kệ tụng rằng:

"Từ pháp chẳng sanh pháp,
Cũng chẳng sanh phi pháp,
Từ phi pháp chẳng sanh pháp,
Và cùng với phi pháp".

Giải thích thẳng ý bài kệ rằng: Pháp tức là có, như sắc tâm v.v.... Phi pháp là không, như sừng thỏ v.v.... Nếu từ pháp sanh pháp, như mẹ sanh con, pháp sanh phi pháp, như người sanh gái đá. Từ phi pháp mà sanh pháp, như sừng thỏ mà sanh người, từ phi pháp mà sanh phi pháp, như lông rùa sanh sừng thỏ. Nên luận Bát-nhã Giả Danh nói: "Lại có ý nghĩ rằng: Nếu Như Lai chỉ chứng vô sở đắc, Phật pháp tức một, chẳng phải vô biên. Cho nên kinh nói: Như Lai nói hết thảy pháp đều là Phật pháp. Phật pháp nghĩa là gì? Tức vô sở đắc, cho nên hết thảy không gì chẳng là Phật pháp. Thế nào là hết thảy đều vô sở đắc? Kinh nói hết thảy pháp tức chẳng phải hết thảy pháp. Thế nào là chẳng phải ư? Vì tánh vô sanh. Nếu vô sanh tức là vô tánh. Thế nào gọi là hết thảy pháp? Vì ở trong vô tánh giả mượn nói năng. Hết thảy pháp không có tánh, tức là chúng sanh, Như Lai Tạng tánh". Cư sĩ Bàng Uẩn có bài kệ tụng rằng:

"Kiếp lửa thiêu đốt trời, trời chẳng nóng,
Gió chướng thổi động chẳng nghe tiếng.
Trăm sông đua nhau trút vào biển chẳng đầy tràn,
Ngũ nhạc danh sơn chẳng thấy hình.
Lắng trong tĩnh lự không dấu vết,
Ngàn đường đều gồm vào vô sanh".

Nên biết các pháp theo ý thành hình, ngàn đường nhân tâm mà có tượng. Một niệm lắng tịch, muôn cảnh rỗng rang. Nguyên đồng môn không hai, đều vào yếu chỉ vô sanh. Do đó, trong Hành Lộ Nan, Phó Đại Sĩ nói: "Ông chẳng thấy, các pháp chỉ giả không thi thiết Tịch tĩnh vô môn làm pháp môn, trong tất cả pháp tâm làm chủ. Nay ta lại chẳng được nguồn tâm, tầm tìm xét nguồn đã không được, nên biết các pháp đều không căn".

Lại nữa, vô sanh có hai. Như luận Thông Tâm nói: "Một là, Pháp tánh vô sanh, diệu lý nói pháp, cực rỗng nói tánh, xưa nay tự vậy, gọi là vô sanh. Hai là, Duyên khởi vô sanh, phàm cảnh do tâm hiện, nên chẳng từ tha sanh, tâm gá cảnh khởi, nên chẳng tự sanh. Tâm cảnh mỗi khác, nên chẳng cùng sanh, cùng nhân mà có, nên chẳng không nhân sanh". Cũng nói, một là lý vô sanh, vì viên thành thật tánh vốn chẳng sanh. Hai là, sự vô sanh, tướng của duyên sanh, tức là vô sanh. Luận Chỉ Quán nói: "Nếu giải thích kinh Kim Cang tức chuyển ý vô sanh vào trong môn không trú. Không trú sắc bố thí. Không trú thanh hương v.v..., bố thí, tuy các pháp không trú, vì không trú pháp, trú trong Bát-nhã tức là vào không. Vì không trú pháp, trú ở Thế đế tức là vào giả. Vì không

trú pháp, trú ở thật tướng tức là vào trung, tuệ không trú đây tức là Kim cang Tam-muội, có khả năng phá hết đá tảng, cát sỏi vụn vặt, suốt cùng cả Bản tế”. Lại như Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nhập Đại tịch định Kim cang Tam-muội, luận của Thiên Thân, Vô Trước khai mở thiện, rộng giải thích, há vượt ngoài ý vô sanh vô trú ư? Nếu đắc ý đó, ngàn kinh muôn luận rỗng rang không nghi ngại. Đó là chương mới đầu của học quán, căn bản của nghĩ bàn, diệu tuệ của giải thích khác lạ, chỉ quy của vào đạo, giềng mối rộng lớn sự lý đầy đủ. Một giải ngàn theo, pháp môn tự tại. Nên biết hết thảy các pháp đều từ vô sanh tánh không mà có. Có mà chẳng phải có, chẳng lìa tục mà thường chân, chẳng phải có mà có, chẳng lìa chân mà thường tục, thì huyễn có lập mà vô sanh hiển bày, không và hữu rõ ràng. Hai tướng hết mà hai sự còn, chân tục rõ ràng thì vô sanh mà không gì chẳng sanh, chẳng trú ở hai bên vậy. Như cổ đức có lời tụng rằng:

“Vô sanh trọn chẳng trú,
Muôn tượng không bày trải,
Nếu làm giải vô sanh,
Lại bị vô sanh buộc”.

Hỏi: Dùng tâm làm tông, lý phải cứu cánh, nói về hữu tình giới, chân ngụy tợ phân, chẳng thể sấm đồng có lạm viên giác, như vàng thau cùng đốt nóng, giả thật chợt phân, cát gạo đồng nấu, sống chín có khác. Vậy không biết dùng tâm nào làm tông?

Đáp: Thật như điều hỏi phải kín nhiệm nhận biết tâm. Diệu này khó biết, chỉ Phật mới hay hiện rõ, chỉ vì hàng Tam thừa kính đạo, thấy có sai biệt, lầm chỉ vọng tâm lấy làm chân thật, nhận giặc hư vọng mà làm con thật, bỏ hết của báu trong nhà, nhặt lấy mắt cá mà cho là ly châu. Không mê mất trí, bèn khiến đứa con ngu si, vùi lấp vào nhiều lớp của ngục hữu, người tà đảo đắm chìm sóng lớn của sông kiến, đùa lửa bừng nói nhà mục nát, quên khổ quên nhọc nằm mộng lớn suốt đêm dài, mê tâm mê tánh, đều vì chấp duyên lự đó làm thân của chính mình, bỏ sót chân tâm đây, nhận thanh sắc khác, đó là chỗ mất của hàng ngoại đạo xuất tục và hàng phàm phu tại gia. Cho đến hàng Tam thừa kính đạo học pháp. Thiền tông cũng mê mờ tâm đây, chấp phương tiện của Phật, đến nỗi khiến giáo mở tám lưới, thừa đối bốn cơ, vượt một niệm mà xa chợt ba kỳ, công rỗng cả Đại kiếp. Lìa bảo sở mà lâu đắm trong hóa thành, vết tích khốn nhọc giữa đường dài, đó là quyền cơ quả nhỏ, cho đến chỗ mất của Thiền tông không được ý vậy. Do đó, trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đức Phật bảo A-nan rằng: “Hết thảy chúng

sanh từ vô thỉ đến nay, bởi các thứ điên đảo, giống nghiệp tự nhiên như ác xoa tụ. Các người tu hành không thể được thành Vô thượng Bồ-đề, cho đến riêng thành Thanh văn, Duyên giác, và thành ngoại đạo, chư thiên, ma vương và quyến thuộc của ma, đều do không biết hai thứ lầm loạn tu tập, tợ như nấu cát mà muốn thành thức ăn ngon, giả sử trải qua kiếp số như vi trần trọn không thể được. Thế nào là hai thứ? A-nan! Một là, căn bản sanh tử từ vô thỉ, thì như ông nay cùng các chúng sanh dùng tâm phan duyên lấy làm tự tánh. Hai là, Bồ-đề Niết-bàn từ vô thỉ nguyên thể thanh tịnh, thì như ông nay, thức tinh nguyên minh hay sanh các duyên, chỗ duyên bỏ sót là do các chúng sanh bỏ sót bản minh đây. Tuy trọn ngày thực hành mà không tự biết, uổng vào trong các thú". Giải thích rằng: Hai thứ căn bản ấy tức là hai tâm chân vọng. Một là, căn bản sanh tử từ vô thỉ tức là căn bản vô minh, đó là vọng tâm, mới đầu mê lầm nhất pháp giới, bất giác chợt khởi mà có niệm đó. Chợt khởi tức là vô thỉ, như tròng mắt mệt nhọc thì hoa đốm hiện, ngủ say thì mộng sanh. Vốn không nguyên có lý do của khởi nguyên, chẳng phải có nơi định sanh, đều từ vọng niệm, chẳng phải duyên ngoài khác, từ đó thành nghiệp thức vi tế, thì khởi chuyển thức, chuyển làm năng tâm. Sau đó khởi hiện thức, hiện ngoài cảnh giới, hết thảy chúng sanh đồng dùng nghiệp đó chuyển hiện đều cả ba thức, khởi phan duyên trong ngoài làm tự tánh của tâm, nhân sanh tử tương tục đó lấy làm căn bản. Hai là, Bồ-đề Niết-bàn từ vô thỉ nguyên thể thanh tịnh. Đó tức là chân tâm, cũng gọi là tự tánh thanh tịnh tâm, cũng gọi là bản giác thanh tịnh. Vì không khởi không sanh, tự tánh bất động, chẳng bị sanh tử làm nhiễm, chẳng bị Niết-bàn làm tịnh, đặt là thanh tịnh. Thể thanh tịnh đó là tinh nguyên của tám thức vốn tự viên minh, vì tùy theo nhiễm bất giác, chẳng giữ tánh, như hang rỗng, mặc tình âm vang theo duyên phát tiếng. Đây cũng như vậy, hay sanh các pháp thì lập hai phần kiến tướng, tâm cảnh hỗ tương sanh, chỉ tùy theo duyên của nhiễm tịnh, bỏ sót tánh viên thường đây, như nước tùy theo gió khởi các gợn sóng. Như chúng sanh ấy mất gốc theo ngọn, cứ mãi chìm đắm đều không nhận biết, uổng chịu dối khổ, tuy chịu khổ dối, mà vui thật thường còn, mặc tình giẫm trải qua lên xuống, bản giác vẫn chẳng động, như nước làm sóng mà chẳng mất tánh ướt. Chỉ biết biến tâm làm cảnh, lấy ngộ làm mê, từ mê tích chứa mê, rỗng luống trải qua số kiếp như vi trần, nhân mộng sanh mộng, trọn mê mờ trong đêm dài. Nên kinh nói: "Phải biết hết thảy chúng sanh từ vô thỉ lại sanh tử tương tục, đều do không biết chân tâm thường trú tánh tịnh minh thể, dùng các vọng tưởng, tưởng đó chẳng phải chân, nên có luân chuyển.

Vì không rõ chân tâm bất động mà theo vọng thức luân hồi. Thức đó không thể, chẳng lìa chân tâm. Nguyên ở vô tướng chân nguyên, chuyển làm hữu tình vọng tưởng, như gió dấy khởi sóng trong đầm lắng, sóng tuy động mà thường ở nguồn chẳng động. Tợ như màng mắt sanh hoa đốm giữa khoảng không, hoa tuy hiện mà chẳng lìa tánh của hư không, màng mắt tiêu hư không sạch, bóng dứt đầm lắng sạch. Chỉ một chân tâm cùng khắp pháp giới. Lại nữa, tâm ấy chẳng phải từ khoảng trước sanh, chẳng ở khoảng giữa trú, chẳng đến khoảng sau diệt, thăng giáng chẳng động, tánh tướng chỉ nhất như, thì từ trước bẩm thọ dùng chân tâm đây làm tông, lìa đây mà tu hành, đều là ràng buộc trong lưới ma, riêng có sở đắc, đều vùi lấp trong rừng tà. Do đó, hay động tâm từ sâu sắc, gấp bội sanh khởi xót thương". Nên Nhị tổ mong cầu vọng tâm đó không được, sơ tổ khi ấy bèn truyền y pháp. A-nan chấp vọng tâm ấy, Đức Như Lai do đó mà chê trách. Như trong kinh nói: "Phật bảo: A-nan! Ông nay muốn biết đường Xa-ma-tha, mong ra ngoài sanh tử. Ta nay lại hỏi ông: "Khi ấy Đức Như Lai bèn đưa cánh tay sắc vàng co năm ngón lại mà bảo A-nan rằng: "Nay ông có thấy gì chăng?" A-nan thưa: "Dạ thấy". Phật bảo: "Ông thấy chỗ nào?" A-nan thưa: "Con thấy Như Lai đưa cánh tay co quắp ngón lại làm nên ánh sáng đánh lóa vào trong tim mắt con". Phật hỏi: "Ông cùng ai thấy?" A-nan thưa: "Con cùng đại chúng đồng dùng mắt thấy". Phật bảo: "A-nan! Nay ông trả lời Ta, Như Lai co ngón tay làm ánh sáng đánh lóa vào tim mắt ông. Mắt ông có thể thấy. Vậy lấy gì làm tâm, ngay lúc Ta đánh lóa sáng?" A-nan thưa: "Hiện nay Như Lai nêu bày chỗ ở của tâm, mà con dùng tâm tìm tòi đến cùng, tức cái năng tìm tòi thôi, con lấy làm tâm". Phật bảo: "Ôi! A-nan! Đó chẳng phải tâm ông". A-nan chợt nhiên rời khỏi tòa, đứng dậy chấp tay bạch Phật rằng: "Đó chẳng phải tâm con, thì phải gọi như thế nào?" Phật bảo: "A-nan! Đó là tướng tưởng tiền trần hư vọng tưởng tướng làm mê hoặc chân tánh của ông. Do ông từ vô thỉ đến nay nhận giặc làm con, đánh mất nguyên thường nơi ông nên nhận chịu lưu chuyển". A-nan thưa rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Con là người con mến thương của Phật, tâm mến kính Phật nên nay con phát tâm xuất gia. Tâm con đâu riêng cúng dường Như Lai, cho đến khắp các cõi nước như số cát sông Hằng mà phụng sự chư Phật và các thiện tri thức, phát đại dõng mãnh, thực hành hết thảy các pháp sự khó làm, đều dùng bằng tâm đó. Nếu nay phát minh chẳng phải là tâm, thì con là không tâm, đồng như thổ mộc. Lìa giác tri đây lại không có gì khác, cớ sao Như Lai nói đó không phải tâm? Con thật kinh sợ, và tất cả đại chúng đây không ai chẳng nghi

ngờ lầm hoặc, cúi mong Như Lai rủ lòng đại bi, thương vì chỉ bày!" Khi ấy, Đức Thế Tôn chỉ dạy cho A-nan và cả đại chúng, muốn khiến tâm vào Vô sanh pháp nhẫn, nên từ tòa sư tử, Đức Phật đưa tay xoa đỉnh đầu A-nan mà bảo rằng: "Đức Như Lai thường nói chỗ sanh các pháp chỉ do tâm hiện, hết thảy nhân quả trong thế giới vi trần đều nhân tâm mà thành thể. A-nan! Như các thế giới tất cả chỗ có, trong đó cho đến cỏ lá nút thắt tơ hỏi đến căn nguyên đều có thể tánh, đến như hư không cũng có danh mạo, huống gì tâm tánh diệu minh thanh tịnh hết thảy tâm mà tự không thể? Nếu ông chấp giác quán dối phân biệt chỗ rõ biết tánh hẳn làm tâm. Tâm đó tức nên lìa tất cả sắc, thanh, hương, vị, xúc, các trần sự nghiệp riêng có toàn tánh. Như nay ông nhân nghe pháp Ta, đó là nhân âm thanh mà có phân biệt. Giả sử diệt tất cả thấy nghe hay biết, trong giữ u nhàn, vẫn là pháp trần phân biệt ảnh sự. Ta chẳng bảo ông chấp làm chẳng phải tâm. Chỉ vì ông đối với tâm nhỏ nhiệm thăm dò, nếu lìa tiền trần có tánh phân biệt, tức thật là tâm ông. Nếu tánh phân biệt lìa trần không thể, đó tức là tiền trần phân biệt ảnh sự, trần chẳng phải thường trú. Nếu lúc biến diệt tâm đó thì đồng như lông rùa sừng thỏ, thì pháp thân ông đồng với đoạn diệt,thì ai tu chứng Vô sanh pháp nhẫn ư?" Xưa trước giải thích rằng: Năng tìm tòi tức là vọng tâm, đều có dụng của suy nghĩ chấp trước, cũng được gọi là tâm, nhưng chẳng phải chân tâm. Vọng tâm là ảnh tượng của trên chân tâm. Nên nói thân ông tâm ông đều là vật được hiện trong tâm diệu minh chân tinh diệu. Nếu chấp ảnh tượng đó làm thật, thì lúc ảnh tượng diệt, tâm đó tức đoạn, nên nói nếu chấp duyên trần tức đồng đoạn diệt. Dùng vọng tâm quậy trần thành, thể như tượng trong gương tợ bọt trên nước, mê nước chấp sóng, sóng lắng tâm diệt, mê gương chấp tượng, tượng diệt tâm mất. Như lúc tâm diệt tức thành đoạn kiến, nếu biết tánh ướt chẳng hoại, thể gương thường sáng, thì gợn sóng vốn không, ảnh tượng nguyên lắng. Nên biết cảnh trí chư Phật khắp cùng không giới, thân tâm phàm phu như ảnh như tượng, nếu chấp ngọn làm gốc, lấy vọng làm chân, lúc sanh tử hiện mới nghiệm chẳng thật, nên các bậc Thánh xưa trước nói rằng: "Thấy khoáng không biết vàng, vào lò mới biết lầm".

Hỏi: Hai tâm chân vọng, mỗi dùng nghĩa gì làm tâm, lấy gì làm thể, lấy gì làm tướng?

Đáp: Chân tâm lấy linh tri tịch chiếu làm tâm, lấy chẳng không vô trú làm thể, lấy thật tướng làm tướng. Vọng tâm lấy sáu trần duyên ảnh làm tâm, lấy vô tánh làm thể, phan duyên tư lự làm tướng. Duyên lự đó rõ ràng là vọng tâm hay biết mà không tự thể, chỉ là tiền trần tùy

theo cảnh có không, cảnh đến tức sanh, cảnh đi tức diệt. Nhân cảnh mà khởi, toàn cảnh là tâm. Lại nhân tâm chiếu cảnh, toàn tâm là cảnh. Mỗi mỗi đều không tự tánh, chỉ là nhân duyên. Nên trong kinh Pháp Cú nói: "Bóng nắng không có nước chỉ là hơi mặt trời, trong bóng râm không có sắc chỉ duyên khí vậy. Vì lúc nóng, khí đốt nhân ánh sáng mặt nhật thiêu cháy, từ xa trông nhìn tựa như nước, đó chỉ là tưởng sanh, chỉ là dương khí vậy". Sắc tâm hư vọng đây cũng là như vậy. Lấy nghiệp tự bản thân làm nhân, lấy cha mẹ ngoại trần làm duyên, hòa hợp tợ hiện sắc tâm, mà chỉ là duyên khí vậy. Nên trong kinh Viên Giác nói: "Vọng nhân sáu trần duyên ảnh làm tướng tự tâm", nên biết đó là tâm năng tìm tòi, nếu không nhân duyên tức chẳng sanh khởi. Chỉ theo duyên sanh, pháp duyên sanh đều là vô thường, như hình trong gương không thể mà toàn nhân cảnh ngoài, tợ trăng trong nước chẳng thật mà hư hiện không luân, nhận đó làm thật, ngu thật quá lắm vậy. Dó đó, A-nan chấp mà không có căn cứ, bảy chỗ mịt mờ, Nhị tổ thấu rõ mà chẳng sanh. Một lời khế hợp đạo, thì Nhị tổ cầu tâm duyên lự chẳng an đó không được, tức biết chân tâm khắp cùng tất cả xứ, ngộ đó làm tông, bèn mới đầu tiên tiếp nối Tổ vị, A-nan nhân Như Lai dẹp phá vọng tâm. Cho đến ở nơi năm Ấm, sáu nhập, mười hai xứ, mười tám giới, bảy đại tánh, mỗi mỗi nhỏ nhiệm thảy đều thấu triệt, chỉ không đều không tự tánh. Đá chẳng phải nhân duyên, tự tha hòa hợp mà có. Lại chẳng phải tự nhiên, không nhân mà sanh, đều là lời lẽ ý nghĩ thức tưởng phân biệt, nhân đó chợt ngộ chân tâm diệu minh rộng lớn hàm dung khắp tất cả xứ. Liền cùng đại chúng đều đạt tâm đó, đồng tiếng tán thán Đức Phật. Nên trong kinh nói: "Khi ấy A-nan và cả đại chúng được Phật Như Lai chỉ bày vi diệu. Thân tâm rỗng rang được không quái ngại. Đại chúng đó, mỗi mỗi tự biết tâm khắp mười phương, thấy mười phương hư không, như nhìn lá vật cầm nắm trong lòng bàn tay. Hết thảy các vật có trong thế gian đều tức là Bồ-đề nguyên tâm diệu minh. Tâm tinh khắp đủ chứa trong mười phương. Quán sát trở lại thân của cha mẹ sanh ra, tợ như một mảy trần thổi trong mười phương hư không kia, hoặc còn hoặc mất, như một bọt bóng nổi giữa biển cả mênh mông, nổi tan chẳng theo rõ ràng tự biết, được tâm bản diệu thường trú chẳng diệt. Nên chấp tay lễ Phật, được chưa từng có, đối trước Đức Như Lai, nói kệ tán thán rằng:

"Kính lạy Đấng Diệu Trạm tổng trì bất động,
Pháp Thủ Lăng Nghiêm Vương ở đời hiếm có,
Dứt trừ ý tưởng điên đảo của con trong ức kiếp,
Chẳng trải qua kiếp số mà chứng đắc pháp thân".

Tức đồng như Sơ tổ chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật.

Hỏi: Hành tướng chân tâm có văn nào làm chứng?

Đáp: Trong kinh Trì Thế nói: “Bồ-tát quán tâm, trong tâm không có tướng tâm, tâm đó xưa nay không sanh không diệt, tánh thường thanh tịnh, do khách trần phiền não nhiễm vào có phân biệt, tâm không biết tâm, cũng không thấy tâm. Tại sao? Tâm đó không, tánh tự không, nên căn v.v... không chỗ có, tâm đó không có một định pháp, vì định pháp không thể được. Tâm đó không pháp, hoặc hợp hoặc tan. Tâm đó khoảng trước khoảng sau không thể được. Tâm đó không hình, không năng kiến tâm, tâm chẳng tự thấy, không biết tự tánh. Cho đến người đó khi ấy không phân biệt là tâm hay chẳng phải tâm. Chỉ khéo biết tướng tâm vô sanh, thông đạt là tánh tâm vô sanh. Tại sao? Tâm không tánh quyết định cũng không tướng quyết định, cho đến không được tướng tâm dơ, không được tướng tâm sạch, chỉ biết tâm đó tướng thường thanh tịnh”. Kinh Đại Bát-nhã nói: “Ở nơi tất cả pháp, tuy không chỗ thủ, mà hay thành tựu phân biệt hết thảy sự nghiệp”. Giải thích rằng: Nếu rõ tự tâm không việc gì chẳng phân biệt. Hoặc vọng chấp thủ tiền cảnh giới lại thành trong tự chẳng đủ. Do đó, kinh Kim Cang Tam-muội nói: “Bồ-tát quán tánh tướng gốc gọi là tự đầy đủ. Ngàn tư muôn lự chẳng ích gì cho đạo lý, nhọc làm động loạn, mất gốc tâm vương”. Luận thích rằng: Vô lượng công đức tức là nhất tâm, nhất tâm làm chủ nên gọi là tâm vương. Sanh diệt động loạn trái tâm vương đây không được trở lại, nên nói là mất. Lại nữa, tâm là thống nhiếp, vương là thống ngự bốn biển tám phương triều tông. Không một dân nào mà chẳng là bề tôi. Nên kinh Như Huyễn Tam-muội nói: “Chẳng cầu các pháp là tên thân mình”. Kinh Tấn Thú Đại Thừa Phương Tiện nói: “Chân như thật quán là tư duy tâm tánh không sanh không diệt, không trú thấy nghe hay biết, xa lìa tất cả tướng phân biệt.

Hỏi: Tâm hay làm Phật, tâm làm chúng sanh, do thấu rõ chân tâm nên thành Phật, do chấp vọng tâm nên làm chúng sanh. Nếu thành Phật đều đủ ngũ nhãn viên thông, ngũ ấm vô lậu. Nên kinh nói: “Diệt sắc vô thường, đạt được sắc thường”. Lại nói: “Diệu sắc trạm nhiên thường an trú”. Lại nói: “Khéo hay phân biệt các pháp tướng”. Vậy, sao nói chân tâm chẳng trú thấy nghe hay biết, trọn xa lìa hết thảy tưởng phân biệt?

Đáp: Nếu là vọng tâm thấy nghe, phải nhờ nhân duyên năng sở sanh khởi, như nói “nhãn đủ chín duyên sanh v.v...”. Nếu không có duyên của sắc và không hòa hợp, tánh thấy không do đâu được phát, năm căn cũng vậy, đều nương duyên khởi. Đó thì duyên tụ hội mà sanh,

duyên tan mà diệt, không tự chủ tể, rốt cùng là tánh không như kinh Lăng-già có kệ tụng rằng:

“Tâm làm người thợ khéo,
Ý như người hóa nghề,
Năm thức làm đồng bạn,
Vọng tưởng trông các nghề,
Như người có nghề ca múa,
Tùy người vỗ nhịp chuyển,
Vỗ chậm thì bước chậm,
Vỗ gấp thì bước gấp,
Năm căn cũng như vậy,
Chỉ tùy theo ý chuyển”.

Như nói thân chẳng phải niệm luân, tùy theo niệm mà chuyển. Cớ sao ý địa nếu sanh thân luân động tác, ý địa nếu dứt, căn cảnh đều vắng lặng. Chân tâm thì không như vậy, thường chiếu thường hiện, đến như Thiết vi cũng chẳng thể ép tỏa sáng đó, khắp cùng không giới, bầu trời chẳng thể trùm thể đó. Chẳng thuần chẳng tạp, muôn pháp chẳng thể ẩn chân đó, không trú không nương, trần lao chẳng thể đổi tránh đó, đâu nhờ tiền trần phát sáng, đối cảnh sanh biết, tự nhiên tịch chiếu, linh tri trạm nhiên không ngằn mé. Nên kinh Thủ Lăng - nghiêm nói: “Phật bảo: A-nan! Sáu căn như vậy do giác minh kia có minh minh giác, mất tinh liễu kia, điểm vọng phát sáng. Do đó, nay ông lìa tối lìa sáng, không có thể thấy, lìa động lìa tĩnh nguyên không chất nghe, không thông không bít, tánh ngửi chẳng sanh. Chẳng biến chẳng yên, thường không chỗ ra, chẳng lìa chẳng hợp, giác xúc vốn không, không diệt không sanh rõ biết đặt gá. Ông chỉ chẳng theo động tĩnh hợp lìa yên biến thông bít sanh diệt tối sáng, mười hai tướng hữu vi như vậy, tùy nhổ một căn thoát điểm nội phục, phục về nguyên chân, phát diệu của bản minh, diệu tánh phát sáng, ngoài ra năm điểm khác nên nhổ thoát hết. Chẳng do tiền trần sanh khởi thấy biết. Minh chẳng theo căn, gá căn mà minh phát, do đó sáu căn hỗ tương làm dụng. A-nan! Há ông không biết ở trong chúng hội đây, A-na-luật-đà không mắt mà thấy, rồng Bạt-nan-đà không tai mà nghe, thần nữ Khắc Hà không mũi nghe hương, Kiều-phạm-bát-đề khác lưỡi biết vị, thần Thuấn-nhã-đa không thân có xúc chạm, Như Lai trong ánh sáng ánh ngời khiến tạm hiện, đã không phong chất, thể đó nguyên không. Các diệt tận định, Thanh văn được vắng bặt,như trong hội đây, Ma-ha Ca-diếp từ lâu đã diệt ý căn, viên minh rõ biết chẳng nhân niệm tâm. A-nan! Nay ông các căn

nếu nhổ hết rồi, trong ánh ngời phát sáng, phù trần như vậy cùng khí thế gian, các tướng biến hóa, như nước nóng tiêu băng, ứng niệm hóa thành vô thường tri giác. A-nan! Như người đời kia nhóm tụ thấy ở mắt, nếu khiến gấp hợp tướng tối hiện tiền, sáu căn ủ rủ đầu chân cùng loại, người kia dùng tay theo hình thể nhiễu quanh bên ngoài. Kia tuy không thấy đầu chân vừa rõ ràng tri giác là đồng, duyên thấy nhân sáng, tối thành không thấy, chẳng sáng tự phát, thì các tướng tối trọn không thể tối, căn trần đã tiêu, thế nào là giác minh, chẳng thành viên diệu?” Giải thích rằng: Như người thế tục kia nhóm tụ thấy ở mắt sáng trước đó ở đời thấy chẳng phải mắt chẳng trông, nếu khiến gấp hợp, thì không chỗ thấy cùng tai v.v... năm căn tương tợ. Người kia đưa tay theo hình thể nhiễu quanh bên ngoài, tuy chẳng mượn nhờ mắt mà cũng tự biết, tình huống đó là thật thấy chẳng gá cảnh bên ngoài. Duyên thấy nhân sáng, tối thành không thấy, đó là trình bày mắt thế gian, thấy phải nhờ nhân duyên tối sáng, căn trần hòa hợp mới thành ở thấy. Không thấy nào không sáng tự phát, đó là lúc chánh minh chân kiến, tánh thấy chẳng phải mắt. Đã chẳng thuộc mắt, sao lại nương gá chỗ phát của căn trần tối sáng, thì sáng của chẳng sáng, thấy của chẳng thấy, tự nhiên tịch chiếu, linh tri nào từng gián đoạn. Vả lại, tối sáng ở thế gian là tướng hư huyễn ẩn hiện, sao có thể phủ che ư? Do đó, sáng không thể sáng, tối không thể tối vậy. Nên nói: Thì các tướng tối trọn chẳng thể tối, chân tánh thiên nhiên há chẳng phải là viên diệu. Do đó, người học hỏi các bậc Tiên đức rằng: “Thế nào là đại bi thiên thủ nhãn?” Bậc Tiên đức đáp: “Như người trong đêm tối sờ mó được chiếu gối”.

Hỏi: Hành tướng vọng tâm, có văn nào làm chứng chăng?

Đáp: Kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã Ba-la-mật nói: “Phật bảo: Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, tâm niệm khởi tư duy rằng: “Tâm này vô thường mà gọi là thường trú, ở nơi khổ gọi là vui, vô ngã gọi là ngã, bất tịnh cho là tịnh, số động chẳng dừng nhanh chóng chuyển đổi. Kết sử căn bản các môn ác thú, nhân duyên phiền não, hoại diệt thiện đạo, đó chẳng thể tin, tham sân si làm chủ, trong tất cả pháp, tâm là thượng thủ, nếu khéo biết tâm tức đều hiểu các pháp. Các thứ thế gian đều do tâm tạo. Tâm chẳng tự thấy, hoặc thiện hoặc ác đều do tâm khởi, tâm tánh xoay chuyển như vòng lửa quay, đổi chuyển như ngựa, hay thiêu đốt như lửa, bộc khởi như nước. Quán sát như thế, mà ý niệm chẳng động, chẳng theo tâm hành, khiến tâm theo rồi, nếu hay nhiếp phục tâm thì nhiếp phục được các pháp”. Kinh Đại Niết-bàn nói: “Phật bảo: Này thiện nam! Tâm nếu là thường, cũng lại chẳng thể phân biệt các sắc,

chỗ gọi là sắc màu xanh vàng đỏ trắng tía. Này thiện nam! Tâm nếu là thường, thì không nên nói năng đã làm nay hiện làm và sẽ làm, nếu có đã làm nay hiện làm và sẽ làm, nên biết tâm đó hẳn nhất định là vô thường. Này thiện nam! Tâm nếu là thường thì không oán thân, chẳng phải oán chẳng phải thân. Tâm nếu là thường thì không nên nói vật ta vật người, hoặc chết hoặc sống. Tâm nếu là thường, tuy có chỗ làm không nên tăng trưởng. Này thiện nam! Vì với nghĩa đó nên biết tâm tánh mỗi mỗi riêng khác, nên biết là vô thường vậy". Lại nói: "Thế nào là hiện dụ? Như trong kinh nói tâm tánh chúng sanh giống như khỉ vượn. Tánh của khỉ vượn bỏ một lấy một. Tâm tánh chúng sanh cũng lại như vậy. Đắm trước sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp, không lúc tạm dừng. Đó gọi là hiện dụ. Có thể nghiệm tức tâm chúng sanh nay như khỉ vượn ở nơi cây cao lên xuống chẳng dừng. Mà khỉ vượn lên xuống ra vào không ngại, như thầy phù thủy đến trong chúng hội, danh tướng đều hư, như người kỹ nhạc ra nơi hý trường, gốc ngọn chẳng thật". Do đó, kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói: "Lại Tỳ-kheo kia thứ lại quán sát tâm nơi khỉ vượn, như thấy khỉ vượn, như khỉ vượn kia quấy nhiễu chẳng dừng, các thứ cây cành lá quả rừng v.v... nơi núi cốc hang hốc quanh co, đi chẳng chướng ngại, tâm nơi khỉ vượn cũng lại như vậy, năm đường sai biệt như các thứ rừng. Các đường địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ giống như cây kia, chúng sanh vô lượng như các thứ cành, mến ái như hoa lá, phân biệt mến ái tiếng các thứ hương vị v.v... lấy làm các quả, đi nơi núi Tam giới, thân thì như hang, đi chẳng chướng ngại. Tâm khỉ vượn đó, tâm khỉ vượn đây thường đi nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, đất của sanh tử. Lại nữa, Tỳ-kheo kia y cứ thiền pháp mà quán sát tâm nơi người kỹ nhạc, như thấy người kỹ nhạc, như người kỹ nhạc kia dùng các nhạc khí ở nơi hý trường làm các thứ đùa vui. Tâm nơi người kỹ nhạc cũng lại như vậy, các thứ nghiệp hóa dùng làm y phục. Đất nơi hý trường nghĩa là đất của năm đường. Các thứ trang sức, các thứ nhân duyên, các thứ nhạc khí nghĩa là tự cảnh giới. Người ca kỹ đùa vui tức đùa vui sanh tử vậy, tâm làm các thứ đùa vui của người ca kỹ, vô thủy vô chung kéo dài sanh tử vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo kia y cứ Thiền pháp quán sát tâm cá Di-nê, như thấy Di-nê, như cá Di-nê ở tại trong sông. Nếu nước các sông chảy xiết gấp loạn, sóng sâu mà chảy nhanh, khó thể qua được, hay trôi dạt vô lượng các thứ cây gỗ, thế lực mạnh dữ, không thể ngăn chướng, núi khe sông nước cao vút nhanh gấp xấu, mà cá Di-nê kia hay vào hay ra, hay đi hay dừng, tâm nơi Di-nê cũng lại như vậy, ở trong sông Dục giới sóng loạn nhanh gấp, hay vào hay ra, hay đi hay dừng". Luận Đại Trí Độ nói:

"Như Phật giảng nói: Người phàm phu có lúc biết thân vô thường, mà chẳng thể biết tâm vô thường. Nếu người phàm phu nói thân có thường, còn sai ít, cho rằng tâm là thường tức rất lầm hoặc vậy. Tại sao? Thân trú hoặc mười năm hoặc hai mươi năm, còn tâm đó ngày ngày qua đi, sanh diệt khác diệt, như việc huyễn, thật tướng không thể được. Có vô lượng nhân duyên như vậy, nên biết tâm là vô thường. Đó gọi là tâm niệm xứ. Hành giả tư duy tâm đó thuộc về ai? Ai sai sử tâm đó? quán sát rồi không thấy có chủ, hết thảy pháp nhân duyên hòa hợp nên chẳng tự tại, chẳng tự tại nên không tự tánh, không tự tánh nên vô ngã. Nếu là vô ngã, vậy ai đang sai sử tâm đó?" Chỉ Quán nói: "Khởi một suy nghĩ biết đến tâm, tùy sự mừng ghét mà sanh ra mười đạo: Một là, nếu tâm đó niệm niệm chuyên tham sân si, nhiếp đó chẳng trở lại, nhổ đó chẳng ra, ngày tháng thêm nhiều, khởi mười ác thuộc thượng phẩm, như năm cửa kéo lưới, đó là phát tâm của địa ngục, đi nơi đường hỏa đồ. Hai là, nếu tâm đó niệm niệm muốn lấm nhiều quyến thuộc, như biển nuốt các dòng, như lửa đốt củi, khởi mười ác thuộc trung phẩm, như Điều-đạt dẫn dụ các người, đó là phát tâm súc sanh, đi đường huyết đồ. Ba là, nếu tâm đó niệm, niệm muốn được tiếng tăm vang vọng khắp cùng bốn phương tám hướng, ngợi ca khâm vịnh, bên trong không thật đức, dối sánh với Thánh hiền, khởi mười ác thuộc hạ phẩm như Ma Kiền-đề, đó là phát tâm quỷ, đi đường đao đồ. Bốn là, nếu tâm đó niệm niệm thường muốn hơn người khác, chẳng nhẫn chịu dưới người, khinh thường người khác, tự trân quý mình, như chim cú bay trên cao trông nhìn xuống mà bên ngoài phô bày nhân nghĩa lễ trí tín, khởi tâm thiện hạ phẩm, đi đường A-tu-la. Năm là, nếu tâm đó niệm niệm ưa thích vui của thế gian, an thân dơ uế đó, vui tâm ngu si đó. Đó là khởi tâm thiện trung khởi phẩm, đi đường ở người. Sáu là, nếu tâm đó niệm niệm nhận biết ba đường ác thì khổ nhiều. Ở cõi người, khổ vui xen tạp, còn trên cõi trời thuần vui, vì vui trên trời chiết phục thô ác. Đó là tâm thiện thượng phẩm, đi đường ở trời. Bảy là, nếu tâm đó niệm niệm muốn oai thế lớn, thân miệng ý mới có chỗ làm hết thảy thôi nghỉ theo, đó là phát tâm làm chủ Dục giới, đi đường ma-la. Tám là, nếu tâm đó niệm niệm muốn được lợi trí biện thông, tài cao dõng triết xét đạt sáu hợp, mười phương to lớn. Đó là phát tâm thế trí, đi đường Ni-càn. Chín là, nếu tâm đó niệm niệm vui thích nhỏ nhiệm ngoài năm trần sáu dục, vui của Tam thiền còn như suối đá, vui đó bên trong nặng, đó là phát khởi tâm Phạm, đi đường sắc và vô sắc. Mười là, nếu tâm đó niệm niệm biết thiện ác xoay quanh, phàm phu say đắm, Hiền Thánh chê trách. Phá ác do tịnh tuệ,

tịnh tuệ do tịnh thiền, tịnh thiền do tịnh giới, chuộng ba pháp đó như đói như khát. Đó là phát khởi tâm vô lậu, đi đường Nhị thừa. Với mười tâm trên, hoặc trước khởi tâm quấy, hoặc trước khởi tâm phải, hoặc phải quấy đều khởi, thí như voi, cá và gió đều làm bẩn nước ao. Voi thí như các quấy từ ngoài mà khởi. Cá thí như nội quán mạnh yếu làm chỗ động hai bên. Gió thí như trong ngoài hợp tạp uế trược hòa lẫn. Chín thứ tâm trước là sanh tử như tằm tự buộc, một thứ tâm sau là Niết-bàn, như con chương siêng nhảy ra, tuy được tự thoát, mà chưa đủ Phật pháp, đều quấy nên cả hai đều chọn lựa. Rõ biết ba cõi không lý riêng biệt chỉ là vọng tâm sanh, làm gốc rễ của tám đảo, làm nguồn hang của bốn dòng, nhanh như điện chớp, mạnh như gió cuồng, chợt nổi trần lao, nhanh như nước dòng vỡ, rì rào sanh ngũ dục, chóng tựa vàng lửa xoay, do đó, kết cấu bốn ma, rong ruổi mười sử, chìm đắm nơi đáy sông hai thứ chết, ném lao vào lửa dữ tám khổ. Say mê không biết châu ngọc trong chéo áo, nhọc trải qua hiểm nạn, đánh đấu mất vật báu trong búi tóc, không tự buồn than, đều nhân vọng tâm, mê chân giác đây, trọn không riêng mất". Có ra văn ấy, như trên y theo giáo nói về hai tâm chân vọng, nói theo nghĩa tợ có phân, quy tông chẳng khác biệt. Cớ sao chân tâm hạn chế ở lý thể, vọng tâm y cứ tướng dụng. Nay dùng lý thường là tâm chẳng được tướng tâm, tâm thường là lý chẳng động tướng tâm, như nước tức sóng chẳng được tướng sóng, sóng tức là nước chẳng hoại tướng sóng. Do đó, động tĩnh không ngằn mé, tánh tướng nhất nguyên. Ngay phàm tâm mà là Phật tâm, quán Thế đế mà thành Chân đế. Do đó, kinh Hoa Nghiêm nói: "Bồ-tát Ma-ha-tát quán hết thảy pháp đều dùng tâm làm tự tánh, như vậy mà trú. Nếu nhiếp cảnh làm tâm là thắng nghĩa thế tục. Tự tánh của tâm tức là chân như, là tối thắng nghĩa, như vậy mà trú, dùng vô sở đắc mà làm phương tiện, chiếu cả chân tục, trú ở vô trú.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 4

Hỏi: Phàm, gọi là tâm pháp. Thế nào là tâm? Thế nào là tâm pháp?

Đáp: Rõ trần thông tướng gọi là tâm vương, do gốc nhất tâm đó là tổng nguyên của các pháp. Chấp thủ trần biệt tướng gọi là số pháp. Bởi vì căn bản vô minh đó mê hoặc tánh bình đẳng nên vậy. Luận Biện Trung Biên nói: "Nếu rõ trần thông tướng gọi là tâm, chấp thủ trần biệt tướng gọi là tâm pháp.

Hỏi: Một tâm pháp đây có mấy nghĩa mà thành?

Đáp: Tâm pháp gồm có bốn nghĩa: Một là, sự tùy cảnh phân biệt thấy nghe hay biết. Hai là, pháp luận thể chỉ là số pháp sanh diệt. Hai nghĩa trên luận về tục nên có, nói về chân nên không. Ba là, không tịch của lý cùng. Bốn là, thật luận bản tánh đó chỉ là pháp Như Lai Tạng tánh chân thật.

Hỏi: Trong bốn nghĩa của tâm. Hai nghĩa trước là vọng tâm duyên lự, hai nghĩa sau là chân tâm thường trú. Ước về chân tâm thì bản tánh u huyền cùng lý không tịch, đã không số lượng, lại chẳng chỉ bày. Chỉ như vọng tâm đã liên can vào thấy nghe, lại nói là sanh diệt. Tâm duyên lự đó có bao nhiêu hành tướng?

Đáp: Có năm thứ tâm: Một là, tâm suất dĩ,(theo cảnh) nghĩa là nghe pháp mở đầu gặp cảnh bèn khởi. Hai là, tâm tầm cầu, tức đối với cảnh chưa đạt được mới có tầm cầu. Ba là, tâm quyết định, là xét biết pháp thể mà khởi quyết định. bốn là, tâm nhiễm tịnh, là pháp phân tách thích hay chán mà khởi nhiễm tịnh. Năm là, tâm đẳng lưu, là niệm niệm duyên cảnh trước sau ngang bằng. Trong Pháp Uyển Nghĩa Lâm nói: "Biện tướng của năm tâm là như nhãn thức mới đầu rơi lạc nơi cảnh, gọi là tâm suất dĩ đọa. Đồng thời ý thức trước chưa duyên đó, nay mới đồng khởi, cũng gọi là suất dĩ". Nên luận Du-già nói: "Ý thức nhậm vận tán loạn duyên chẳng suốt, lúc tập cảnh, vô dục v.v... sanh. Khi ấy, ý thức gọi là tâm suất dĩ đọa. Lúc có dục sanh, vì tầm cầu v.v..., đều nhiếp".

Lại như, kinh Giải Thâm Mật, và luận Quyết Trạch nói: "Năm thức đồng thời hẳn nhất định có một ý thức phân biệt, đồng thời mà chuyển, nên nhãn cùng ý gọi là tâm suất dĩ. Vì đầu và cuối rơi lạc cảnh. Đây đã duyên mới đầu, chưa biết cảnh nào làm thiện làm ác, vì rõ biết nên tiếp khởi tầm cầu, cùng dục đồng chuyển vì hy vọng cảnh. Đã tầm cầu rồi, thức biết cảnh trước, tiếp khởi quyết định, tức vì hiểu cảnh, quyết định rồi thức giới sai biệt, giữ lấy tướng của chánh nhân v.v..., đối với oán trú ác, đối với thân trú thiên, đối với trung bình trú xả. Tâm nhiễm tịnh sanh. Do nhiễm tịnh đó ý thức làm trước. Dẫn sanh nhãn thức đồng tánh khéo nhiễm, thuận trước mà khởi, gọi là tâm đẳng lưu như nhãn thức sanh, như thức v.v... cũng vậy.

Tiên đức hỏi: Năm tâm, đối với trong tám thức, mỗi tự có bao nhiêu tâm?

Đáp: Năm thức trước có bốn tâm, trừ tâm tầm cầu, vì không phân biệt. Thức thứ sáu có đủ năm tâm, thức thứ bảy không hai tâm suất dĩ và tầm cầu, mà có ba tâm quyết định, nhiễm tịnh và đẳng lưu. Nghĩa là thức thứ bảy thường duyên cảnh hiện tại, nên không tâm suất dĩ.

Hỏi: Thức thứ bảy hiện có kế độ phân biệt, sao không tâm tầm cầu?

Đáp: Phàm, tâm tầm cầu đều nương theo suất dĩ, sau đó tầm cầu mới sanh. Thức thứ bảy đã không suất dĩ nên tầm cầu cũng không.

Hỏi: Năm thức trước đã không có suất dĩ, sao không có tâm tầm cầu?

Đáp: Tầm cầu có hai duyên mới có: Một tức là tâm suất dĩ dẫn; hai tức là, tâm kế độ phân biệt. Năm thứ trước tuy có suất dĩ mà không kế độ phân biệt. Thức thứ tám có ba tâm suất dĩ, quyết định và đẳng lưu, không nhiễm tịnh và tầm cầu.

Hỏi: Thức thứ tám đồng thức thứ bảy thường duyên cảnh hiện tại, sao được có suất dĩ?

Đáp: Thức thứ bảy duyên cảnh tức không gián đoạn, thức thứ tám duyên cảnh có gián đoạn. Thức thứ tám mới đầu lúc thọ sanh, bắt đầu duyên ba cõi, vì ba thứ cảnh.

Hỏi: Mới đầu, lúc thọ sanh thức thứ bảy cũng bắt đầu duyên ba cõi, sao thức thứ tám không tâm suất dĩ?

Đáp: Thức thứ bảy tùy chỗ buộc thường duyên ngay cõi thức thứ tám. Nay hỗ trợ giúp một thức thứ bảy thường bên trong duyên một cảnh, tức không suất dĩ. Thức thứ tám ngoài duyên nhiều cảnh mà có suất dĩ. Vì không phân biệt tức không tầm cầu.

Hỏi: Trong năm tâm, tâm nào huân chủng, tâm nào không huân chủng?

Đáp: Tâm suất dĩ có hai thuyết: Một là, không huân chủng vì nhậm vận duyên cảnh không cường thạnh. Hai là, nếu duyên sanh cảnh tức không huân chủng. Nếu duyên từng nghe thục cảnh tức huân chủng, do sức xuyên suốt tập, còn các tâm khác thảy đều huân tập. Nay giải, tạm như tâm suất dĩ lúc nghe tiếng cảnh, chẳng chọn tiếng cảnh là sanh hay thục, đều huân chủng tử tiếng thật. Lại có chín tâm thành luân, rộng lược chẳng đồng. Chân lý là một. Tâm đó như luân (bánh xe) tùy cảnh mà chuyển. Nên kinh nói: "Thân chẳng niệm luân, tùy niệm mà chuyển". Nghĩa đó như thế nào? Chư sư thuộc Thượng tọa bộ lập chín tâm luân là: Một là Hữu phần; hai là Năng dẫn phát; ba là Kiến; bốn là Tầm cầu; năm là Quán triệt; sáu là An lập; bảy là Thế dụng; tám là phản duyên; chín là Hữu phần thể. Vả lại, như mới đầu, lúc thọ sanh, chưa hay phân biệt, tâm chỉ nhậm vận duyên ở cảnh chuyên, gọi là hữu phân. Nếu có cảnh đến lúc tâm muốn duyên, bèn sanh cảnh giác, gọi là năng dẫn phát. Tâm đó đã ở trên cảnh đây, chuyển kiến chiếu thuộc kia, đã thấy kia rồi bèn thành tầm cầu. Xét thiện ác đó. đã xét kia rồi bèn suốt biết thiện ác đó mà an lập tâm, khởi lời phân biệt nói thiện ác đó, tùy thiện ác đó bèn có động tác thế dụng. Động tác đã dấy khởi muốn dừng phế đạo, nên phản việc làm trước. Đã phản duyên rồi trở về lại hữu phần. Nhậm vận duyên cảnh gọi là chín tâm. Có thể thành nghĩa luân. Trong đó, tâm kiến thồn ở sáu thức, ngoài ra chỉ ý thức. Tâm hữu phân thông với sanh tử, tâm phản duyên chỉ được tử. Nếu người ly dục chết chỉ tâm hữu phân, đã không ngã ái, không chỗ phản duyên, chẳng sanh đoái hoài luyến tiếc. Người chưa ly dục, vì tâm phản duyên mà chết có luyến ái. Nếu có cảnh đến, tức tâm có thể sanh, nếu không cảnh khác, luôn trú hữu phân nhậm vận tương tục. Nhưng tâm kiến và tâm tầm cầu trước sau không nhất định.

Hỏi: Nếu tùy theo phân biệt mà lập tâm chân vọng, ước hai tâm đó có bao nhiêu thứ?

Đáp: Luận Đại Trí Độ nói: "Có hai thứ đạo: Một là đạo tất cánh không; hai là phân biệt tốt xấu (hảo ố). Như đạo tất cánh không, còn chẳng được một, huống gì nói nhiều. Như đạo phân biệt tốt xấu. Lý theo nghĩa riêng biệt, sự mới lắm nhiều. Tạm ước nhất tâm. Xưa trước giải thích có bốn thứ: Một là Hột-lợi-đà-da, Trung Hoa gọi là Nhục đoàn tâm (quả tim), tức tâm ngũ tạng ở trong thân, như trong kinh Hoàng Đình nói rõ. Hai là Tâm duyên lự, tức đây là tám thức, vì đều hay duyên

lự tự phân cảnh. Sắc là cảnh của nhãn thức, căn thân chủng tử khí thế giới là cảnh của A-lại-da thức, mỗi duyên một phần nên gọi là tự phân. Ba là Chất-đa-la, Trung Hoa gọi là Tâm tập khởi, chỉ thức thứ tám tích tập chủng tử sanh khởi hiện hành. Bốn là Càn-lật-đà-da, Trung Hoa gọi là Tâm kiên thật, cũng gọi là tâm trinh thật. Đó là chân tâm vậy. Nhưng thức thứ tám không có tự thể riêng biệt, chỉ là thân tâm. Do vì bất giác nên cùng các vọng tưởng có nghĩa hòa hợp và không hòa hợp. Nghĩa hòa hợp là hay hợp nhiễm tịnh mục đích làm tạng thức, nghĩa không hòa hợp là thể thường bất biến, mục đích làm chân như, đều là Như Lai Tạng. Nên kinh Lăng-già nói: "Tịch diệt gọi là nhất tâm, nhất tâm tức là Như Lai Tạng". Như Lai Tạng cũng là pháp thân đang ở trong ràng buộc. Trong kinh nói: "Ẩn làm Như Lai Tạng, hiển làm pháp thân". Nên biết bốn thứ tâm vốn đồng một thể, chỉ theo mê hay ngộ mà phân nhiều, trong kinh có kệ tụng rằng:

"Phật nói Như Lai Tạng,
Lấy làm A-lại-da,
Ác tuệ chẳng thể biết,
Tạng tức Lại-da thức."

Có chấp chân và A-lại-da thể riêng biệt tức là ác tuệ vậy. Nhưng tuy bốn tâm đồng thể, nghĩa chân vọng riêng biệt, gốc ngọn cũng khác. Ba loại trước là tướng, một loại sau là tánh. Tánh tướng vô ngại đều là nhất tâm, tức chân tâm thứ tư lấy làm tông chỉ. Lại nữa, các bậc cổ đức rộng giải thích nhất tâm, trông ở Như Lai Tạng tâm, bao hàm cả hai nghĩa: Một là, nghĩa ước thể tuyệt tướng, tức chân như môn, nghĩa là chẳng phải nhiễm chẳng phải tịnh, chẳng phải sanh, chẳng phải diệt, chẳng động chuyển, bình đẳng, nhất vị, tánh không sai biệt, chúng sanh tức Niết-bàn chẳng đợi diệt. Phàm phu và Di-lặc đồng một ngằn mé. Hai là, nghĩa tùy duyên khởi diệt, tức sanh diệt môn, nghĩa là tùy huân chuyển động thành ở nhiễm tịnh. Nhiễm tịnh tuy thành tánh luôn chẳng động, chỉ do chẳng đồng hay thành nhiễm tịnh. Cho nên chẳng động cũng tại động môn, kinh Lăng-già nói: "Như Lai Tạng gọi là A-lại-da thức, mà cùng vô minh bảy thức cộng càng, như sóng biển lớn chẳng đoạn tuyệt". Lại nói "Như Lai Tạng là từ vô thỉ hư ngụy ác tập huân thành, gọi là thức tạng. Nếu từ nhất tâm đó suy ngọn về gốc, gọi là Đệ nhất nghĩa, thì được giải thoát". Đệ nhất nghĩa là tánh của duyên, nếu thấy tánh duyên thì thoát duyên ràng buộc. Kinh Hoa Nghiêm nói: "Đều nhất tâm làm". Luận nói: "Chỉ là nhất tâm, nghĩa là tất cả Tam giới chỉ do tâm chuyển. Các giáo đồng dẫn chứng thành duy tâm. Thế

nào là nhất tâm mà làm Tam giới? Có ba: Một là, Nhị thừa, nghĩa là có tiền cảnh chẳng rõ duy tâm, giả sử nghe nhất tâm cũng chỉ là một của chân đế. Hoặc cho rằng do tâm chuyển biến chẳng phải đều là tâm. Hai là, Dị thục A-lại-da gọi là nhất tâm, vì chọn không ngoại cảnh nên gọi là nhất tâm. Ba là, Như Lai Tạng tánh thanh tịnh nhất tâm, lý không hai thể, nên nói là nhất tâm. Đó biết phàm Thánh hai pháp, nhiễm tịnh hai môn, không gì chẳng là nhất tâm vậy.

Lại nữa, nhất tâm đây, ước về nghĩa của tánh, tướng, thể, dụng, bản, mạt, tức, nhập v.v..., lại có mười môn: Một là, giả thuyết nhất tâm, thì người Nhị thừa cho rằng thật có ngoại pháp, chỉ do tâm biến động, nên nói nhất tâm. Còn chín môn sau thật chỉ nhất tâm. Hai là, tướng kiến đều còn nên nói nhất tâm. Đó là thông cả tám thức cùng các tâm sở đều là tướng phần sở biến, gốc ảnh đầy đủ, do có sức các chi v.v... huân tập, biến hiện quả báo y chánh v.v... trong Tam giới. Ba là, nhiếp tướng quy kiến nên nói nhất tâm, cũng thông với vương số, chỉ tướng phần sở biến không riêng biệt giống sanh, năng kiến thức sanh, mang theo ảnh kia khởi. Bốn là, nhiếp số quy vương nên nói nhất tâm, chỉ thông tám thức, vì tâm sở kia y cứ vương không thể cũng không tâm biến. Giải thích rằng: Nhiếp tướng quy kiến, Duy thức có kệ tụng rằng:

"Duy thức không cảnh giới,
Vì không trần vọng kiến,
Như người mắt có màng,
Thấy các sự lông trăng".

Phàm, làm luận có ba nghĩa: Một là, lập nghĩa tức câu thứ nhất; hai là, dẫn chứng, tức câu thứ hai; ba là, thí dụ tức hai câu sau (ba-bốn). Luận Sở duyên duyên, chấp nhận tướng kia ở thức, và cả năng sanh thức". Ý nói rằng: Nội thức tợ như ngoại cảnh hiện làm Sở Duyên duyên, chấp nhận cho nhãn thức v.v... cùng tướng kia khởi và theo kia sanh thức. Kết thúc nói: Các thức chỉ nội cảnh tướng làm Sở Duyên duyên, lý đó cực thành thì chẳng phải toàn vô tướng, tướng thuộc thức, nên nói quy kiến. Nhiếp số quy vương là như luận Trang Nghiêm có kệ tụng rằng:

"Tự giới và Nhị quang,
Si cùng các hoặc khởi,
Các phiền não như vậy,
Nhị thật nên xa lìa."

Giải thích rằng: Tự giới nghĩa là tự chủng tử A-lại-da thức. Nhị quang tức Năng thủ quang và sở thủ quang. Các thứ phân biệt v.v... này

do cùng vô minh và các hoặc khác nên được sanh khởi. Các phân biệt như vậy, nhị thật như vậy nhiễm ô nên cầu xa lìa. Do đó, luận có kệ tụng rằng:

"Năng thủ và sở thủ,
Hai thứ chỉ tâm quang,
Tham quang và tin quang,
Hai quang không hai pháp."

Giải thích rằng: Người cầu Duy thức nên biết năng thủ và sở thủ. Hai thứ đó chỉ là tâm quang. Năm là, dẫn ngọn và gốc nói nhất tâm, nghĩa là bảy chuyển thức đều là bản thức, công năng sai khác nhưng thể không sai khác. Trong kinh có kệ tụng rằng:

"Thí như sóng biển lớn,
Không có bao nhiêu tướng,
Biết thức tâm như vậy,
Khác cũng chẳng thể được."

Sáu là, nhiếp tướng quy tánh nói nhất tâm, nghĩa là tám thức đây đều không tự thể, chỉ là Như Lai Tạng bình đẳng hiển hiện. Các tướng khác đều hết. Hết thảy chúng sanh tức là tướng Niết-bàn. Kinh nói: "Có tám tướng chẳng hoại, vô tướng cũng vô tướng". Bảy là, tánh tướng đều dung nói nhất tâm, nghĩa là Như Lai Tạng toàn thể tùy duyên, thành biện các việc, mà tự tánh đó vốn không sanh diệt, tức lý sự ấy hỗn dụng vô ngại. cho nên nhất tâm Nhị đế đều không chướng ngại. Tám là, dung sự tương nhập nói nhất tâm. Nghĩa là do tâm tánh viên dung vô ngại, dùng tánh thành sự, sự cũng hòa dung, chẳng cùng chướng ngại, một vào hết thảy, trong một một mảy trần, mỗi tự thấy pháp giới, trời, người, A-tu-la chẳng lìa một mảy trần. Chín là, toàn sự tương tức nói nhất tâm. Nghĩa là sự của y tánh, sự không sự khác biệt, tâm tánh đã không khác của đây và kia, sự cũng hết thảy là một, một tức là nhiều, nhiều tức một ngang bằng. Mười là, lưới trời vô ngại nói nhất tâm. Nghĩa là trong một có hết thảy, trong hết thảy kia lại cũng có hết thảy, lớp lớp vô tận, đều vì tâm thức Như Lai Tạng tánh viên dung vô tận, vì chân như tánh rốt ráo vô tận, vì quán hết thảy pháp tức là chân như, trong tất cả thời xứ đều là lưới trời. Như Tuyền Phục tụng rằng:

"Nếu người muốn biết lý chân không,
Trong thân chân như lại khắp ngoài,
Tính với phi tình đồng một thể,
Nơi nơi đều đồng chân pháp giới.
Chẳng lìa huyễn sắc tức thấy không,

Đó tức chân như gồm tất cả,
Ở trong một cảnh tất cả trí,
Ở trong một trí các cảnh giới.
Chỉ dùng một niệm quán các cảnh,
Hết thảy các cảnh đồng thời hội,
Nơi lúc lưới trời hiện lớp lớp,
Hết thảy trí thông không quái ngại.”

Tuyền phục là nước nơi dòng nước chảy xoáy xiết. Một là, rất sâu, hai là, xoay chuyển, ba là, khó vượt qua. Biển pháp nước xoáy cũng vậy, một là chỉ Phật mới rốt ráo; hai là chân vọng đều theo khó cùng đầu cuối; ba là, nghe không cho là không, nghe hữu cho là hữu, thì chìm đắm nơi dòng xoáy. Nếu chẳng rõ tông đây khó vượt qua biển hữu, tùy theo sóng thiện ác trôi nổi giữa châu khổ vui, chẳng gặp thuyền từ, sao lên bờ giác được? Như kệ tụng nói rằng:

“Chân như sạch pháp giới,
Một sạch chưa từng còn,
Tùy nơi duyên nhiễm tịnh,
Bèn thành mười pháp giới.”

Tùy nhiễm duyên thì thành pháp giới sáu phàm, tùy tịnh duyên thì thành pháp giới bốn chánh. Pháp giới sáu phàm tức, một là, pháp giới thiên; hai là ,pháp giới nhân; ba là, pháp giới A-tu-la; bốn là, pháp giới địa ngục; năm là pháp giới ngạ quỷ; sáu là pháp giới súc sanh. Pháp giới bốn Thánh tức, một là pháp giới Thanh văn; hai là pháp giới Duyên giác; ba là pháp giới Bồ-tát; bốn là, pháp giới Phật. Chúng sanh ở trên chân tánh, do tịnh tưởng tự khác thì lên xuống trong sáu thú, các Thánh ở trong pháp Vô vi, do trí hạnh làm sai thì bốn Thánh có cao thấp. Nhưng vết tích phàm Thánh tuy thăng giáng buộc mở tợ như khác, nhưng ở trong nhất chân pháp giới, mới đầu không chuyển động. Lại y cứ theo tông Hoa Nghiêm, nhất tâm tùy theo lý sự mà lập bốn thứ pháp giới: Một là, lý pháp giới. Giới nghĩa là tánh, vì vô tận sự pháp đều đồng một tánh. Hai là, sự pháp giới. Giới nghĩa là phân, vì mỗi mỗi nghĩa riêng biệt có phân tề. Ba là, lý sự vô ngại pháp giới, nghĩa là đầy đủ tánh phần, viên dung vô ngại. bốn là, sự sự vô ngại pháp giới, nghĩa hết thảy phân tề sự pháp mỗi mỗi đều như tánh, dung thông lớp lớp vô tận, vì mười pháp giới đây nhân sự lý bốn pháp giới tánh tướng, tức nhập chân tục dung thông xa ra vô cùng, thành lớp lớp pháp giới vô tận, nhưng phải toàn pháp giới của nhất tâm, toàn nhất tâm của pháp giới, tùy có sức hay không sức mà lập một lập nhiều, nhân giúp nhau

bao gồm nhau mà hoặc ẩn hoặc hiển, như một không trung bao trùm vật tượng của sum-la, tợ một cơn nước gom sóng cả của muôn lớp. Vào trong Tông Kính thản nhiên hiển hiện.

Lại có hai thứ pháp giới sở nhập và năng nhập, như Thanh Lương sớ nói: "Trước nói rõ sở nhập gồm thể nhất chân pháp giới vô ngại, nói về tánh tướng đó chẳng vượt ngoài sự lý, tùy nghĩa đó riêng lược có năm môn: Một là Hữu vi pháp giới; hai là Vô vi pháp giới; ba là Câu thị (cũng là Hữu vi pháp giới, cũng là Vô vi pháp giới); bốn là Câu phi (chẳng phải Hữu vi pháp giới, chẳng phải Vô vi pháp giới); năm là Vô chướng ngại. Nhưng năm môn đây mỗi mỗi lại riêng có hai môn. Thứ nhất, Hữu vi pháp giới có hai: Một, bản thức hay gìn giữ chủng tử các pháp, gọi là pháp giới. Như luận nói: "Vô thỉ thời lai giới v.v...". Đó là nói theo về nghĩa của nhân, mà thể giới đó chẳng ước pháp giới. Hai là, pháp của ba đời sai biệt biên tế, gọi là pháp giới. Như trong phẩm Bất tư nghì nói: "Hết thảy chư Phật biết tất cả pháp giới ở quá khứ đều không thừa sót v.v...". Đó tức là nghĩa của phân tề. Thứ hai, Vô vi pháp giới có hai: Một là, tánh tịnh môn, tánh ở trong phàm vị luôn tịnh, pháp Chân như một vị không sai biệt. Hai là, ly cấu môn, nghĩa là đối trị mới hiển bày tịnh, tùy cạn sâu nên phân thành mười thứ. Thứ ba, cũng là Hữu vi pháp giới cũng là Vô vi pháp giới (Câu thị), có hai: Một là, tùy tướng môn, nghĩa là thọ tưởng hành uẩn, năm thứ sắc và tám vô vi, mười sáu pháp đó chỉ ý rõ biết, trong mười tám giới gọi là pháp giới. Hai là, vô ngại môn, nghĩa là nhất tâm pháp giới đầy đủ hai môn, đó tức: một là, tâm chân như môn, và hai, là tâm sanh diệt môn. Tuy hai môn đó đều gọi là tổng thâu gồm hết thảy các pháp, nhưng hai vị đó luôn chẳng lẫn lộn nhau. Đó như thâu gồm sóng của nước chẳng lắng, gồm nước của sóng chẳng động. Nên trong phẩm Hồi Hướng nói: "Ở Hữu vi giới bày pháp Vô vi mà chẳng diệt hoại tướng của Hữu vi. Ở Vô vi giới bày pháp Hữu vi mà chẳng phân biệt tánh của Vô vi". Đó là nói rõ về sự lý vô ngại. thứ tư, chẳng phải Hữu vi pháp giới, chẳng phải Hữu vi pháp giới (Câu phi) có hai: Một là, hình đoạt môn, nghĩa là duyên không chẳng duyên của lý, nên chẳng phải hữu vi. Lý không chẳng lý của duyên, nên chẳng phải vô vi. Pháp thể bình đẳng, hình đoạt cả hai đều sạch. Trong kinh Đại Phẩm nói: "Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: "Pháp Bình đẳng ấy là pháp Hữu vi hay pháp Vô vi?" Phật dạy: Chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi. Tại sao? Lìa pháp Hữu vi, pháp Vô vi không thể được, lìa pháp Vô vi, pháp Hữu vi không thể được. Tu-bồ-đề! Tánh hữu vi, tánh vô vi đó, hai pháp đó chẳng hợp chẳng tan vậy". Hai là, vô ký môn, nghĩa là

pháp giới ấy lìa tướng lìa tánh, nên chẳng phải hai đó. Lại chẳng phải hai đế, lại chẳng phải hai danh ngôn năng sở khiến nên, do đó đều lìa. Trong kinh Giải Thâm Mật nói: "Tất cả các pháp, có hai thứ, đó là: Hữu vi và vô vi. Trong đó, hữu vi chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi. Vô vi chẳng phải vô vi chẳng phải hữu vi v.v...". Thứ năm, vô chướng ngại pháp giới, có hai: Một là bao gồm khắp môn, nghĩa là đối với bốn môn trước tùy một tức nhiếp hết thảy còn lại, cho nên Thiện Tài đồng tử hoặc thấy núi biển, hoặc thấy nhà cửa đều gọi là nhập pháp giới. Hai là, Viên dung môn, nghĩa là dùng lý dung sự, khiến sự không chia chẻ vi trần chẳng phải nhỏ, hay dung cả mười cõi, sát hải chẳng phải lớn ngầm vào trong một mảy trần. Dùng sự hiển bày lý, khiến lý chẳng phải không phân, nghĩa là một và nhiều vô ngại, hoặc nói một pháp giới, hoặc nói các pháp giới. Nhưng do một chẳng phải một nên tức các, các chẳng phải các nên tức một, cho đến lớp lớp vô tận, do đó, Thiện Tài đồng tử tạm thời chấp tay theo kinh nhiều kiếp, mới vào lầu các, thấy khắp vô biên, đều thuộc loại đó.

Năm môn mười nghĩa trên gồm nói rõ sở nhập pháp giới. Nên dùng sáu tướng gồm chứa đó. Thứ hai là, nói rõ về năng nhập cũng có năm môn: Một là tịnh tín; hai là chánh giải; ba là tu hành; bốn là chứng đắc; năm là viên mãn. Năm môn này đối với sở nhập pháp giới trước có hai môn đó: Một là, tùy một năng nhập thông năm sở nhập, tùy một sở nhập thông năm năng nhập. Hai là, năm năng nhập đây như thứ tự đó mỗi nhập một môn. Như trên hai nghĩa tâm cảnh gồm mười môn sáu tướng viên dung, gồm làm thành một tụ. Vô chướng ngại pháp giới, như Bách Môn Nghĩa Hải nói: "Nhập pháp giới, tức trần duyên khởi pháp đó, pháp tùy trí hiển bày, dung có sai biệt là giới. Pháp đó vì vô tánh nên không phân tể, dung không hai tướng đồng ở chân tế, đồng hư không ngang bằng, khắp thông hết thảy, tùy chỗ hiển hiện không gì chẳng rõ ràng nhưng một trần đây cùng với hết thảy pháp, mỗi chẳng cùng thấy cũng chẳng cùng biết. Tại sao? Do mỗi mỗi toàn là viên mãn pháp giới. Nhiếp khắp tất cả, không pháp nào khác có thể thấy biết vậy. Trong kinh nói: "Tức pháp giới không pháp giới, pháp giới không biết pháp giới. nếu như vậy thì không pháp riêng khác có thể thấy biết. Tại sao? Vì nơi tỏ ngộ gọi đó là nhập. Lại tuy nhập mà không chỗ nhập. Nếu có chỗ nhập thì mất nghĩa các pháp tánh không. Vì vô tánh lý đồng thì nơi nơi đều nhập pháp giới". Trước ước về tình trí phàm nhỏ, chỗ thấy tùy duyên nhiễm tịnh, thành mười pháp giới, tức thành quá độ. Nay y theo tánh khởi pháp môn của Hoa Nghiêm, đều là chân pháp giới,

hoặc thành hoặc hoại, hoặc dơ hoặc sạch, toàn thành pháp giới, như kinh nói: "Phân biệt các sắc, vô lượng hoại tướng, đó gọi là thượng trí". Xưa trước giải thích rằng: Sắc của lục đạo, hoại thiện hoại định. Sắc của Nhị thừa, hoại nhân hoại quả. Sắc của Bồ-tát, hoại có hoại không. Sắc của Phật hoại các hoại trên, hoại làm pháp giới, chẳng phải hoại, chẳng phải chẳng hoại đều là pháp giới.

Hỏi: Tâm phân bốn tên nghĩa mở tới mười thứ. Vậy danh nghĩa của thức có khoảng bao nhiêu thứ?

Đáp: Nếu theo tự tướng đồng môn không thể phân biệt, nếu theo cộng tướng dị môn, tùy nghĩa tợ phân danh theo tánh tướng có chín, nghĩa bao gồm nội ngoại có đủ năm. Danh có chín, tức: Một là, Nhãn thức; Hai là, Nhĩ thức; Ba là, Tỷ thức; Bốn là, Thiệt thức; Năm là, Thân thức; Sáu là, Ý thức; Bảy là, Mạt-na thức; Tám là, A-lại-da thức; và Chín là, Tịnh thức. Nghĩa đầy đủ năm tức: Một là, thức tự tướng, nghĩa là thức tự chứng phần. Hai là, thức sở biến nên hết thảy cảnh giới từ tâm hiện khởi. Ba là, thức tương ưng nên đồng thời với các tâm pháp thọ, tưởng, v.v.... Bốn là, thức phân vị nên bốn tướng trên của thức v.v.... Năm là, thức thật tướng, nghĩa là nhị không chân như là thật tánh của thức. Từ trên các pháp đều chẳng lìa thức, gọi chung là duy thức. Nên biết hoặc tướng hoặc tánh, hoặc cảnh hoặc tâm, cho đến phân vị sai biệt đều là duy thức, cuộn buông chẳng lìa, chung riêng đồng thời, giống như mây mốc nương hư không, tợ sóng cả trào vượt giữa biển. Các bậc cổ đức rộng giải thích nghĩa duy thức có mười môn để nói rõ hai chữ duy thức đây. Trước lìa giải, kế tiếp hợp giải. Trước tạm lìa giải; mới đầu là "duy", sau là "thức". Mới đầu chữ "duy" gồm có ba nghĩa: Một là, nghĩa của giản trì. Giản nghĩa là chọn ngã pháp sở chấp. Trì nghĩa là giữ lấy, giữ lấy hai tánh y tha và viên thành. Luận Duy thức nói: "Duy nói là xua lìa ngã pháp của thức. Chẳng phải không chẳng lìa tâm sở vô vi v.v... của thức". Hai là, nghĩa của quyết định. Quyết là không lìa cảnh của tâm. Định là có tâm của nội thức. Nghĩa là Tiểu thừa lìa tâm có cảnh, thanh biện phá không nội tâm. Ba là, nghĩa hiển bày thù thắng, nghĩa là tâm vương ưu thắng, tâm sở v.v... kém liệt. Nay chỉ hiển bày ưu thắng, không nên nói kém liệt. Trong Nhị thập duy thức, luận sư Cù ba nói: "Nói duy thức đây, chỉ nêu vương thắng, lý gồm tâm sở. Như nói vua đến, chẳng phải không có bề tôi". Tiếp theo giải nghĩa chữ "thức", tức nghĩa liễu biệt, nghĩa là tám thứ tâm vương là tự tánh của thức v.v..., năm vị trăm pháp, lý đó cùng với sự đều chẳng lìa thức. Không như thế thì chân như nên chẳng phải duy thức, gồm các thứ khác về thức, lập

chung tên thức. Trong kinh nói: “Tam giới duy tâm”. Tiếp theo nữa là Hợp giải duy thức là: Duy nghĩa là chọn bỏ (giản khứ), ngăn không cảnh ngoài, cảnh không gì chẳng có thức năng liễu biệt. Phân tách có tâm trong, tâm có chẳng phải không. Hợp tên duy thức, duy nghĩa là ngăn không dụng đó, thức là bày giải thích có thể đó. Gồm dụng quy về thể, duy tức là thức gìn giữ nghiệp thích. Phàm văn của Lục Thích chọn pháp làm diệu. Nay muốn tánh tướng đều biện rõ, tạm lược dẫn Trì nghiệp thích và Y chủ thích, có thể xứng với văn đây. thứ nhất, Trì nghiệp thích, có hai: Một là Trì nghiệp, hai là Đồng y. Vả lại, Trì nghiệp tức, trì nghĩa là giữ gìn, nghiệp nghĩa là nghiệp dụng. Như pháp thể hay trì dụng, dụng hay hiển bày thể, gọi là giữ gìn nghiệp. Như trong tạng thức: Thức là thể, tạng là dụng. Thức thể hay trì tạng dụng, tức gọi là Trì nghiệp. Lại như Diệu pháp tức là Liên hoa v.v.... Hai là, Đồng y thích, tức nhiều dụng đồng y một thể, như nói phần đoạn sanh tử tức là thân. Biến dịch sanh tử tức là thân v.v..., Do đó, sở dĩ muôn pháp dùng tâm làm thể, muôn pháp làm dụng. Pháp chẳng lìa tâm, dụng chẳng lìa thể. Tâm thể hay giữ gìn muôn pháp. Pháp tức là tâm, dụng tức là thể, gọi là Trì nghiệp thích. Nếu hết thảy pháp chẳng được giữ gìn của tự tâm, thì không một pháp có thể lập. Lại nữa, nếu không pháp thì không nghiệp dụng, không dụng tức không thể hiển bày thể. Nên biết hết thảy pháp là tâm, tâm là hết thảy pháp. Thể dụng cùng thành chẳng phải một, chẳng phải hai. Thứ hai, Y chủ thích, có hai: Một là Y chủ thích, hai là Y sĩ thích. Y chủ là có pháp dùng hơn giải thích kém, dẫn liệt đến hơn để rõ bày danh. Như nói nhãn thức. Nhãn là sở y - tức thắng, thức là năng y - tức liệt. Dùng mắt thù thắng giải thích thức kém cỏi nên dẫn liệt đến thắng để làm rõ tên đó là thức của nhãn nên y chủ thích vậy. Hoặc dùng riêng chọn chung, y chủ tức riêng danh hơn đồng danh kém. Hai là, Y sĩ thích, nghĩa là pháp kém là sĩ dụng của hơn pháp, nên đem pháp kém giải ở pháp hơn, pháp hơn theo pháp kém để rõ bày tên. Như nói Trạch diệt vô vi, Trạch diệt là hữu vi tức liệt, vô vi tức hơn, đem hơn đến kém để rõ bày tên y sĩ thích. Do, biết tâm vương là hơn, pháp là năng y tức kém. Đem kém hiển bày hơn, vì pháp của tâm tức y chủ thích. Không một pháp nào chẳng thuộc tâm. Nếu đem hết thảy pháp hiển bày tâm, đem kém hiển bày hơn vì tâm của pháp tức Y sĩ thích. Do đó, trong Tông Kính đối với trong Trì nghiệp có Tài y thích, Chủ y thích, Sĩ lân thích ,Cận đái thích, Số thích, sáu thứ chẳng vượt ngoài hai thứ Trì nghiệp thích và Y chủ thích. Văn sau chẳng lại mỗi mỗi rộng nói rõ theo một lệ đó tự nhiên không mê hoặc.

Hỏi: Đây nói chỉ ngăn ngoại cảnh chẳng có, là ngăn cảnh của lìa tâm, hay ngăn cảnh chẳng lìa tâm?

Đáp: Nếu bày vậy sao mất nạn, cả hai đều có lỗi. Nếu ngăn cảnh của lìa tâm là không, ngoài ra có tướng phần chẳng lìa tâm đâu?

Hỏi: Cớ sao chỉ nói duy thức, chẳng nói là duy cảnh thức? Nếu ngăn cảnh lìa tâm là không, nên chỉ có ba phần năng biến. Thiếu lỗi tướng phần sở biến, làm sao giải thích thông suốt?

Đáp: Nói duy thức là ngăn cảnh ngoài tâm không, chẳng ngăn cảnh trong chẳng lìa tướng phần của thức là không.

Hỏi: Cảnh trong cùng thức đã đều chẳng phải không, cớ sao chỉ nói là duy thức, mà chẳng nói là duy cảnh thức ư?

Đáp: Vì Bồ-tát Hộ Pháp nói cảnh danh thông cả trong ngoài. Nghĩa là có cảnh lìa tâm và cảnh chẳng lìa tâm, sợ lạm cảnh bên ngoài nên chỉ nói là duy thức. Do đó, trong luận Duy thức nói: "Nghĩa là các kẻ ngu mê chấp cảnh ngoài khởi nghiệp phiền não, sanh tử luân hồi, chẳng hiểu biết quán tâm, chẳng phải nghĩa là cảnh bên trong tướng phần như ngoài đều không".

Hỏi: Duy thức tánh và duy thức có gì đồng dị?

Đáp: Mỗi một thứ có hai nghĩa. Duy thức tánh có hai nghĩa là: Một là, hư vọng duy thức tánh tức bỏ đi thanh tịnh của biến kế tánh. Hai là, chân thật duy thức tánh, tức thanh tịnh chứng được của viên thành thật tánh. Nếu nói về duy thức, cũng có hai nghĩa: Một là, thế tục duy thức, tức sở đoạn thanh tịnh của y tha khởi. Hai là, thắng nghĩa duy thức, tức thanh tịnh có được của viên thành thật. Lại nói duy thức tánh tướng chẳng đồng, tướng là y tha. Duy là hữu vi thông lậu và vô lậu. Tánh tức là viên thành, duy là chân như, vô vi vô lậu. Lại nói chỉ nói thức là nghĩa liễu biệt, ý nói là năm vị trăm pháp lý đó cùng sự chẳng lìa thức, nay gồm kết quy về thức, chung gọi tên thức. Vì muôn pháp đều do tâm khởi, nhưng tức chẳng phải chỉ thức của một người cũng chẳng phải chỉ một thức. Lại không thức nào khác v.v... vượt ngoài thể duy thức: Một là, sở quán vượt ngoài thể tức chấp thủ năm vị trăm pháp làm thể, vì quán chung cả pháp Hữu vi và vô vi, tức lấy thức tướng thức tánh, hợp làm duy thức thể đều chẳng lìa thức. Hai là, năng quán vượt ngoài thể tức chỉ chấp thủ tâm tâm sở làm thể vì tâm sở cùng thức thường tương ưng, tức chỉ năng chẳng phải sở. Nếu rơi theo duy thức quán tức chấp thủ tuệ của trong cảnh làm thể, vì ở cảnh ở quán quán sát hơn vậy.

Lại nói rõ về sai biệt của duy thức gồm nhiếp các duyên và lý, có mười thứ đó:

Một là, nghĩa bỏ hư tồn thật. Khiển là trừ khiển, hư là hư vọng. Quán xét biến kế sở chấp chỉ là hư vọng khởi đều không thể dụng. chánh nên khiển trừ, vì tình có lý không. Tồn nghĩa là lưu, thật nghĩa là thật hữu, tức quán sát y tha và viên thành pháp thể là thật có, là cảnh của căn bản trí và hậu đắc trí, chánh nên lưu giữ, vì lý có tình không vậy. Bởi vì tất cả các loài dị sanh, Tiểu thừa từ vô thỉ đến nay lầm chấp ngã pháp là có, Bồ-tát Thanh Biện v.v... lầm bác lý sự là không. Nay đối trong duy thức quán, bỏ hư vọng là không quán, đối với bỏ chấp còn thật là quán hữu, đối với bỏ chấp không chẳng phải hữu chẳng phải không, vì pháp không phân biệt, lìa lời lẽ giải thích.

Hai là, nghĩa xã lạm lưu thuần. Xã là xã ly, lạm tức là xâm lấn nhau, lưu nghĩa là tồn lưu, thuần là không tạp. Tuy quán sự lý có cảnh có tâm, vì tâm chẳng riêng khởi. Do cảnh có xâm lấn,bỏ, đó chẳng gọi là duy. Tâm thể đã thuần, lưu lại nói duy thức. Nên luận Duy thức nói: "Ta chỉ có trong, cảnh cũng thông ngoài, sợ xâm lấn cảnh ngoài, chỉ nói duy thức, chẳng vì cảnh trong, như ngoài đều không". Nên kinh Hoa Nghiêm nói: "Tam giới duy tâm".

Ba là, nghĩa nhiếp mạt quy bản. Nhiếp nghĩa là thâu gồm nhiếp mạt tức là kiến phần tướng phần, quy tức là hướng về bản, nghĩa là tự chứng phần của thức. Vì đó là thể sở y. Nay nhiếp mạt kiến phần tướng phần, quy bản thể tự chứng phần, nên nói duy thức. Nên trong kinh Giải Thâm Mật nói: "Sở duyên của các thức, là chỗ hiện của duy thức".

Bốn là, nghĩa ẩn kém hiển hơn nghĩa là vương sở đều hay thị hiện. Tâm sở tức liệt, vì y tha khởi, ẩn kém chẳng chấp thủ, tâm vương tức hơn, vì thể sở y, nên nói duy thức, tức gọi là hiển hơn nên trong luận Trang Nghiêm nói: "Tâm nào tợ hai hiện, như vậy tợ tham v.v...".

Năm là, nghĩa bỏ tướng chứng tánh, thức nói chỗ bày đủ có sự lý. Sự nghĩa là tướng dụng mà chẳng chấp thủ. Lý làm thể tánh nên cầu làm chứng. Nên trong luận Nhiếp Đại thừa có kệ tụng rằng:

"Nương dây khởi tưởng rắn,
Thấy dây biết là không,
Chứng thấy kia rõ ràng,
Mới biết rõ tánh loạn".

Sáu là, nghĩa cảnh. Cảnh nghĩa là cảnh sở quán, thức tức là tâm năng quán. Cảnh sở quán đây do thức biến hiện, cảnh chẳng lìa thức. Nghĩa lập cảnh duy thức, trong kinh A-tỳ-đạt-ma nói: "Chỗ thấy của quỷ, người, trời v.v..., mỗi tự riêng khác".

Bảy là, nghĩa giáo, tức giáo năng phân tánh, vì thuyết có nghĩa

duy thức. Kinh Lăng-già có kệ tụng rằng:

"Do tự tâm chấp trước,
Tâm tợ cảnh ngoài chuyển,
Chỗ thấy kia chẳng có,
Cho nên nói duy thức".

Tám là, nghĩa lý. Nói lý duy thức, Duy thức có bài tụng rằng:

"Các thức đó chuyển biến,
Phân biệt sở phân biệt,
Do đây kia đều không,
Nên hết thảy duy thức".

Chín là, nghĩa hạnh. Hạnh nghĩa là quán hạnh, tức Bồ-tát tại định vị, khởi quán bốn tầm tư v.v... tức quán hạnh và định đều chẳng lìa thức. Luận Du-già có kệ tụng rằng:

"Bồ-tát nói định vị,
Quán cảnh chỉ là tâm v.v..."

Mười là, nghĩa quả, nghĩa là tứ trí Phật quả, công đức Bồ-tát có được đều chẳng lìa thức, nên luận Trang Nghiêm nói: "Chân như không cảnh thức, là tịnh vô lậu giới v.v...".

Như trên mười nghĩa tánh, tướng, cảnh, trí, giáo, lý, hạnh, quả, v.v... đều chỉ là thức, không có một pháp mà chẳng chỗ nêu, nên xưng là vua của trong các kinh liễu nghĩa, là cha của các Thánh tựa nương. Nếu có người gặp chóng dứt hy vọng, không một pháp nào mà có thể cầu, không một sự nào mà chẳng đủ, toàn được trân bảo vô thượng của Như Lai, sao đồng ngọc phát trong núi hiển gai góc. Đã tham tầm linh châu bí mật trong biển giáo há sánh với dưới cổ của ly long, bèn được hết ngằn khổ của chúng sanh, đoạn nguồn bệnh của phiền não, một niệm công toàn, muôn đường tự chánh. Do đó, trong kinh Pháp Hoa nói: "Như ao trong mát, hay đầy đủ cho tất cả mọi người khát thiếu, như người lạnh được lửa, kẻ trần truồng được áo mặc, như người thương buôn được chủ, như con gặp mẹ, như qua sông gặp thuyền, như người bệnh gặp thầy thuốc, như tối được đèn, như nghèo khổ được của báu, như dân gặp vua, như khách buôn được biển, như đuốc trừ tối. Kinh Pháp Hoa đây cũng lại như vậy, hay khiến chúng sanh lìa tất cả khổ, lìa tất cả bệnh tật, hay mở tất cả trói buộc của sanh tử. Nên biết chỉ đây là chân thật, muôn pháp đều không". Lấy đó mà nêu tông lại không gì sánh bằng. Như kinh Quán Pháp nói: "Kia có vị Bồ-tát tên là Thượng Thủ làm một khất sĩ vào thành khất thực. Bấy giờ có vị Tỳ-kheo tên là Hằng-già nói cùng khất sĩ rằng: "Ông từ đâu đến?" Vị khất sĩ đáp:

"Tôi từ trong chân thật đến". Hằng-già lại hỏi: "Sao gọi là chân thật?" Vị khất sĩ đáp: "Vì tịch diệt nên gọi là chân thật". Hằng-già lại hỏi: "Trong tịch diệt tướng có sở cầu hay không sở cầu?" Vị khất sĩ đáp: "Không sở cầu". Hằng-già lại hỏi: "Trong sở cầu, dùng gì để cầu?" Vị khất sĩ đáp: "có chỗ cầu là hết thảy đều không, được đó cũng không, đắm đó cũng không, thật đó cũng không, tịch diệt Niết-bàn, hết thảy hư không phần giới cũng lại đều không. Tôi làm lần lượt pháp không như vậy mà cầu chân thật". Nên biết nếu hay đối với trên mỗi mỗi pháp mà cầu không, thì trong mỗi mỗi môn giải thoát. nếu nhân, pháp, hỏi đáp, nói năng, qua lại, như vật tượng trong Tông Kính. Do đó, hoặc tượng hoặc sáng hết thảy đều không. Chỉ có thể của kính hằng thường phô bày khắp hết thảy xứ chưa từng vào ra. Nên nói tôi làm lần lượt pháp không như vậy mà cầu chân thật, tức biết hết thảy pháp đều là chân thật. Tôi ở trong không chỗ cầu nên mong cầu đó vậy. Cũng là, phàm người cầu pháp, đối với hết thảy pháp nên không chỗ cầu. Nên Đại sư Dung nói: "Nếu có một pháp có thể được, tức là chẳng phải lúc cầu vậy". Do đó, trong kinh Tịnh danh nói: "Không, phải cầu ở đâu?" Đáp: "Phải đến trong sáu mươi hai kiến mà cầu". Lại hỏi: "Sáu mươi hai kiến phải cầu ở đâu?" Đáp: "Phải ở trong giải thoát của chư Phật mà cầu". Lại hỏi: "Giải thoát của chư Phật phải cầu ở đâu?" Đáp: "Phải ở trong tâm hành của hết thảy chúng sanh mà cầu". Xưa trước giải thích rằng: Không trí nhân ở kiến sanh thì không trí không tánh, không tánh nên trí không, nên gọi là không trí. Tà kiến nhân giải thoát của chư Phật mà có. Tà nhân chánh sanh, tà kiến cũng không vậy, tức ước thể không đó không hai, do đó, hỗ tương cầu lý không đâu chẳng khắp. Giải thích rằng: Tà chánh đã thể vốn đồng không lý, lại chưa từng tạm ẩn, nếu đến trong tánh bình đẳng đây tức chẳng phải cầu. Vì người chưa biết mà nói cầu vậy. Như nghĩa vô sanh nói, như trong kinh nói: "Nguyện cầu tuệ chư Phật, cũng không đắm nguyện cầu". Cầu tuệ Phật còn không cho tham trước, huống gì các thiện pháp khác. Lại nữa, Bồ-tát dùng lìa nguyện cầu, chỉ không biết cầu Phật đạo, Bồ-tát nên phát nguyện, chỉ nói: "Ta nguyện cầu Phật đạo". Chúng sanh nhân đó mới phát tâm mà cầu Phật đạo, được ý tự biết không chỗ cầu vậy. Giải được như trên thì niệm niệm cùng với thật tướng tương ưng, lại không các niệm khác vậy. Do đó, kinh Lăng-già nói: "Mỗi mỗi tướng tương ưng, xa lìa các quả kiến". Phải biết nếu đối với các tướng thường cùng với thật tướng tương ưng, tự nhiên xa lìa các lỗi quá, hội cùng Đệ nhất nghĩa đế, thanh tịnh chân tâm, sáng ngời thấu suốt, mà không niệm đắm trước, tức sự tức như, chỉ

tâm thẳng tiến, tức chỗ chấp nhận của Phật, cảnh của tự giác vậy. Nên trong luận có kệ tụng rằng:

“Tự biết chẳng theo khác,
Tịch diệt không hý luận,
Không khác không phân biệt,
Đó gọi là thật tướng”.

Hỏi: Duy thức đây, đại ước có mấy thứ?

Đáp: Lược có hai thứ: Một là cụ phần; hai là chẳng cụ phần. Cụ phần duy thức dùng lý vô tánh, thành nghĩa chân như tùy duyên, thì không sanh diệt cùng sanh diệt hòa hợp, chẳng phải một chẳng phải khác, gọi là A-lại-da thức, tức là cụ phần. Nếu chẳng toàn hoàn y cứ chân tâm, sự chẳng nương lý, nên chỉ theo sanh diệt, bèn chẳng phải cụ phần. Hoặc nói: “Ngoài ảnh có chất làm nửa đầu duy thức, chất ảnh đều ảnh làm cụ phần”. Đó là cụ phần của trong Duy thức tông vậy. Lại, nếu quyết định tin vào, đó là chánh lý duy thức, chóng đạt đến Bồ-đề, như lên xe mà đứng đến phương xa, như lên thuyền mà ngồi lên bờ kia. Như luận Thành duy thức bảo sanh nói: “Nghĩa là y cứ Đại thừa thành lập Tam giới, chỉ duy là thức”. Giải thích rằng: Như điều kinh nói Đại thừa, nghĩa là đường sở hành của Bồ-đề-tát-đỏa, và thắng quả của Phật. Làm được đó nên tu Duy thức quán, đó là không lầm lỗi phương tiện chánh lộ. Vì loại đó nên hiển bày phương tiện kia, các thứ hành tướng ở trong các kinh mà rộng tuyên nói, như đất nước gió lửa đều là chỗ gìn giữ vật, phẩm loại khó đều, nơi chốn vô biên, do đó xét biết tự tâm tướng hiện bèn ở các xứ xả bỏ ngoại tướng đó, xa lìa vui thích. Lại quán biển hữu, ồn lắng không sai, bỏ đường nhỏ kia, dứt mong ước Đại thừa, và ở các hữu với loại đắm trước, quán như bờ hiểm, rất sanh khiếp sợ, hướng thẳng đến trung đạo. Nếu biết chỉ là việc làm của tự tâm, vô biên tư lương dễ làm tích tập, chẳng đợi nhiều thời gian, như ít dụng công hay thành việc lớn. Khó vào hành xứ, giống như trong lòng bàn tay, do vì lý đó, nên chỗ có mong cầu sẽ hay viên mãn, tùy ý mà chuyển.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 5

Hỏi: Phàm, chân tâm chẳng đổi thay, diệu tánh vô sanh, phàm Thánh đồng luận, cớ sao nói là vọng?

Đáp: Bản tâm vắng lặng tuyệt tướng lìa nói năng, tánh tuy tự vậy,vì chẳng giữ tánh nên tùy theo duyên nhiễm tịnh. Vả lại, như một dòng nước, nếu đưa châu ngọc vào thì lắng trong, nếu đưa trần tạp vào thì dơ đục. Lại như một bầu trời, nếu mây giăng thì mờ tối, nếu trăng hiện thì trong mát. Nên luận Đại Trí Độ nói: “Thí như ao nước trong sạch, voi điên lội vào khiến nó vẩn đục. Nếu dòng nước trong sạch, đưa châu ngọc vào, nước tức càng trong sạch. Chẳng thể nói ngoài nước không có voi không có châu ngọc. Tâm cũng như vậy, phiền não vào nên hay khiến tâm dơ trược, các thiện pháp, từ bi v.v... vào tâm thì khiến tâm thanh tịnh. Nhưng dơ sạch chẳng nhất định, chân vọng đều tùy theo duyên. Nếu mê mờ đó thì niệm niệm luân hồi, sót mất chân tánh. Nếu chiếu soi đó thì tâm tâm tịch diệt, viên chứng Niết-bàn”. Nên biết chân vọng không nhân không hữu ngôn thuyết. theo chân không có thuyết, theo thuyết không có chân, đều là cuồng mê tình tưởng kiến lập. Ngàn mê đua tranh khởi, không mê đầu của Diễn nhã, một pháp mới sanh, chỉ hiện ảnh của Thát-bà, vì hàm sanh chẳng cùng thật tế, chỉ theo tình cuồng thì các Thánh hạ mình thuận cơ nghi, đều đồng việc ấy. Dùng nên nay nên, nói vọng mà từ vọng xoay lại chân. Lấy thô tiếp thô, nêu tưởng mà nhân tưởng thông tánh. Nếu chẳng chấp vọng, còn chẳng nói chân. Huyễn ảnh mới tiêu, trí quang dứt ánh sáng. Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: “Phật dạy: “A-nan! Tinh chân diệu minh, bản giác viên tịnh chẳng lưu lại sanh tử và các trần cấu. Cho đến hư không đều nhân chỗ sanh khởi của vọng tưởng. Đó nguyên là bản giác diệu minh tinh chân do vọng phát sanh các khí thế gian, như Diễn-nhã-đa lầm mê đầu nhận ảnh. Vọng nguyên không nhân, ở trong vọng tưởng mà lập tánh nhân duyên. Nhân duyên tự nhiên đều là vọng tâm chúng sanh kế độ. A-nan! Biết chỗ vọng khởi, nói nhân duyên vọng. Nếu vọng nguyên

không, nói nhân duyên vọng nguyên không chỗ có”, huống gì không biết suy ở tự nhiên, pháp sư Triệu cùng khởi nguyên do của vọng lập phẩm Bản tế, nói rằng: “Phàm, Bản tế tức là tánh Niết-bàn vô ngại của hết thảy chúng sanh, cớ sao chợt có vọng tâm như vậy và các thứ điên đảo? Chỉ vì một niệm mê tâm, một niệm đó từ một mà khởi. Lại một đó là từ Bất tư nghì khởi. Bất tư nghì là không chỗ khởi, nên kinh nói: “Đạo mới đầu sanh một, một đó là vô vi, một sanh hai, hai đó là vọng tâm, cho đến ba sanh muôn pháp vậy”. Đã duyên vô vi mà có tâm, lại duyên có tâm mà có sắc. Nên kinh nói: “Các thứ sắc tâm là vì tâm sanh muôn suy nghĩ sắc khởi muôn mối, hòa hợp nghiệp duyên bèn thành hạt giống Tam giới”. Sở dĩ có Tam giới, là vì chấp bản mê chân một tức có trược nhục sanh vọng khí đó, lắng trong vi nhiệm làm Vô sắc giới, gọi là tâm vậy. Lắng trược nhục làm Sắc giới, gọi là thân vậy, tan tể uế làm Dục giới, gọi là trần cảnh vậy. Nên kinh nói: “Tam giới hư vọng, chỉ một vọng tâm biến hóa. Phàm, bên trong có một sanh tức bên ngoài có vô vi, bên trong có hai sanh, tức bên ngoài có hữu vi, bên trong có ba sanh, tức bên ngoài có Tam giới. Đã trong ngoài tương ưng, bèn sanh các thứ các pháp và vô số phiền não vậy”. Nên biết trong Tam giới không có một pháp chẳng từ tự tâm sanh. Nhân tâm tưởng niệm phân biệt tạo tác, như sức huyễn thuật biến hóa muôn vật, ở bên ngoài tợ như có phát hiện, hiện không hiện tánh chỉ tự tâm sanh. Người mê lầm điên đảo, chấp làm cảnh bên ngoài, tùy cảnh liễu biệt, gian xấu tự phân. Mới sanh tình thích hay chán, bèn khởi vết tích của trần lao. Nên pháp sư Viễn nói: “Đầu mối trọn nào từ ngằn mé khởi diệt có không, một mảy may mới xen động cảnh, thành thế sụp đổ núi đây, chỉ bên trong một chẳng sanh thì không các hữu. Muốn bít lấp hang huyệt phiền não, chặt đứt gốc rễ sanh tử, chỉ hay nội quán nhất tâm vô sanh, thì Tam giới hoa hư không như gió thổi cuộn mây khói, sáu trần huyễn ảnh giống như nướng nóng rưới vào tuyết, chợt nhiên không còn ngằn mé, chỉ một chân tâm vậy”. Kinh Tấn Thú Đại Thừa Phương Tiện nói: “Phật dạy: “Một cảnh giới thật, nghĩa là tâm thể chúng sanh từ xưa đến nay chẳng sanh chẳng diệt, cho đến tâm của hết thảy chúng sanh, tâm của hết thảy hàng Nhị thừa, tâm của hết thảy chư Bồ-tát, tâm của hết thảy chư Phật đều đồng chẳng sanh chẳng diệt, vì đó là tướng chân như. Cho đến cùng khắp mười phương hư không hết thảy thế giới cầu hình trạng tâm, không một phân chia mà có thể được. Chỉ vì chúng sanh vô minh si ám huân tập nhân duyên, hiện cảnh giới vọng, khiến sanh niệm đắm trước. Chỗ gọi là tâm đó, tâm đó chẳng thể tự biết. Vọng tự cho rằng có khởi tưởng

giác tri, chấp ngã và ngã sở, mà thật không có tướng của giác tri, vì vọng tâm ấy rốt cùng không thể, vì chẳng thể thấy. Nếu không giác tri năng phân biệt thì không mười phương thế giới hết thảy tướng cảnh giới sai biệt, vì hết thảy pháp đều chẳng thể tự có, luôn nương tựa vọng tâm phân biệt nên có. Chỗ gọi là hết thảy cảnh giới mỗi mỗi chẳng tự niệm nghĩ làm có, biết làm đó, tự biết kia làm khác. Cho nên hết thảy pháp chẳng thể tự có, thì không riêng khác. chỉ y cứ vọng tâm không rõ không biết, vì bên trong tự không, nghĩa là có chỗ biết cảnh giới bên ngoài trước, vọng sanh các thứ pháp tướng, cho là có, cho là không, cho là tốt, cho là xấu, cho là phải, cho là quấy, cho là được, cho là mất. Cho đến sanh cả vô lượng vô biên pháp tưởng. Phải biết như vậy, hết thảy các pháp đều từ vọng tưởng sanh, y cứ vọng tâm làm gốc, nhưng vọng tâm đó không có tự tướng, cũng y cứ cảnh giới mà có. Chỗ gọi là duyên niệm giác tri tiền cảnh giới, nói tên là tâm. Lại nữa, vọng tâm đây cùng với tiền cảnh giới, tuy đều cùng nương khởi không trước sau, mà vọng tâm đây hay làm nguyên chủ của hết thảy cảnh giới. Tại sao vậy? Nghĩa là vì y cứ vọng tâm không rõ pháp giới một tướng, nói tâm có vô minh, y cứ sức vô minh diệt nên hết thảy cảnh giới diệt, chẳng phải y cứ hết thảy cảnh giới tự chẳng rõ nên nói cảnh giới có vô minh. Cũng chẳng phải y cứ cảnh giới không sanh vô minh, vì hết thảy chư Phật ở nơi hết thảy cảnh giới không sanh vô minh, lại chẳng y cứ cảnh giới diệt nên tâm vô minh diệt. Vì hết thảy cảnh giới từ xưa đến nay thể tánh tự diệt, vì chưa từng có. Nhân nghĩa như vậy, cho nên chỉ nói hết thảy các pháp y cứ tâm làm gốc. Phải biết hết thảy các pháp đều gọi là tâm. Vì nghĩa thể chẳng khác làm tâm sở thâu gồm. Lại nữa, hết thảy các pháp từ tâm sở khởi, cùng tâm làm tướng hòa hợp mà có, cùng sanh cùng diệt, đồng trú không hữu. Vì hết thảy cảnh giới chỉ tùy tâm sở duyên niệm niệm tương tục, mà được trú trì, tạm thời mà có. Như trên rộng nêu dẫn lời Phật dạy quanh co khắp cùng tinh tế, chỉ làm thành lòng tin của người học sau rõ tự tâm mình. Luận Bảo Tạng nói: "Gương xưa chiếu tinh, tinh đó tự hình, giáo xưa chiếu tâm, tâm đó tự sáng. Phải biết nhất tâm biến khắp hết thảy tâm, không trần có thể khác. Hết thảy tánh hợp ở một tánh, có pháp đều đồng, không hình mà rỗng suốt cùng hư không. Ai phân đây kia, sưu tầm vết tích mà mặc tình tận cùng pháp giới, chẳng được mảy may. Cớ sao trong chúng sanh giới tức nay hiển hiện? Đó thì đều nhân vọng niệm tích tập huân thành, như mảy bụi trên gương, tợ ngăn ảnh sáng, tợ sương mốc giữa hư không, tạm hỗn loạn thanh hư, chỉ có một pháp hiện tiền, đều là tự tâm phân biệt. Giả sử ngay một niệm mới

khởi, đều nhân huyễn cảnh dẫn sanh, khởi diệt đồng thời, lại không trước sau. Nếu biết chỗ trước không thể, chóng ngộ nhân không pháp không, chợt rõ vật ngã không nương tựa, mới tin cảnh lặng lẽ tâm lặng lẽ, mới biết tâm sanh chẳng phải là nhân kia, cảnh chưa từng diệt. Phải biết cảnh nhân tâm khởi, lại theo tâm mất. Chỉ tâm sanh, chẳng phải cảnh sanh. Tâm diệt chẳng phải cảnh diệt, tợ như cá mẹ nghĩ nhớ cá con, tợ ong chúa thâu tóm đàn ong. Nếu cá mẹ chẳng nghĩ nhớ cá con thì cá con chết mất, ong chúa không thâu tóm thì ong đàn tan rã. Do đó, có tâm duyên tưởng muôn cảnh buông thả, không niệm nghĩ nhớ, mảy may chẳng hiện, trọn không có pháp ngoài tâm hay cùng tâm làm duyên, chỉ là tự tâm sanh lại cùng tâm làm tướng. Do đó, kinh Lăng-già nói: "Bất giác tự tâm, chỗ hiện phân chia, bất giác nội thức chuyển biến ngoài hiện làm sắc, chỉ là chỗ hiện của tự tâm, không thông đạt phân chia như vậy, gọi là ác kiến luận. Vì không biết tâm hiện khởi sai biệt kiến nên nói là phân chia". Đó biết nếu chẳng ở trong chánh nghĩa của Tông Kính thì phàm có trí giải gì đều là tông đảng tà đạo, bày hình nói năng đều rơi lạc vào luận nghị ác kiến. Pháp nghĩa Tông Kính đây, có thể dùng làm bằng cứ chuẩn mực, chánh lý không sai, có thể dùng để nương tựa thực hành, hiện tiền được sức, muôn tà chẳng thể xoay. Cho nên khiến ngàn Thánh chẳng cải đổi nghi ấy, bèn có thể tẩy rửa hoặc trần, tiêu sạch trệ lự, lắng u bảo, rộng rãi lòng thần, riêng diệu tuyệt luân, nên không sánh bằng.

Hỏi: Nếu nói có chân có vọng là Tông pháp tướng, nếu nói không chân không vọng là tông phá tướng, nay luận tông pháp tánh, làm sao lập chân lập vọng? Lại nói chẳng phải chân, chẳng phải vọng?

Đáp: Nay, điều luận của Tông Kính, chẳng phải pháp tướng lập hữu, chẳng phải phá tướng quy không, chỉ theo tánh tông viên giáo để làm sáng tỏ chánh lý, tức vì chân như bất biến, chẳng ngại tùy duyên là viên đầy đủ đó. Như tông pháp tướng chỉ một hướng nói có chân có vọng. Như tông phá tướng một hướng chỉ nói chẳng phải chân chẳng phải vọng. Hai môn đó, mỗi mỗi chấp trước một bên, đều có thể nghĩ bàn. Nay viên tông đây, hai môn không hữu trước đều còn, lại chẳng trái ngại, đó là chẳng thể nghĩ bàn. Nếu định nói hai môn có không đều có thể nghĩ bàn. Nay vì chẳng nhiễm mà nhiễm thì bất biến tùy duyên, nhiễm mà chẳng nhiễm thì tùy duyên bất biến. Thật không thể đem có và không mà tư duy, cũng chẳng thể làm chân vọng mê hoặc, đó là tông thú của chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải chỗ biết của tình thức. Nay giả bày văn nghĩa đối trị chỉ vì phá tà chấp đó. nếu tình hư thì trí tuyệt,

bệnh lành thì thuốc tiêu, có thể tận cùng nguyên do của đầu đuôi, mới thấu suốt yếu chỉ của viên thường. Nên pháp sư Phục Lễ hỏi các học sĩ trong thiên hạ về chân vọng với kệ tụng rằng: "Chân pháp tánh vốn sạch, vọng niệm do đâu khởi? Từ chân có vọng sanh, vọng ấy sao dừng dứt, không đầu tức không cuối, có chung nên có thủy. Không thủy mà có chung, muốn hiểu rõ lý đó, mong vì mở huyền diệu, chiết đó ra sanh tử". Hòa thượng Trừng Quán đáp rằng: "Mê chân vọng niệm sanh, ngộ chân vọng thì dừng, năng mê trái sở mê, sao được toàn tương tợ, xưa nay chưa từng ngộ, nên nói vọng vô thủy, biết vọng vốn tự chân, mới là thường hằng, tâm phân biệt chưa mất, do đâu ra sanh tử?" Thiền sư Tông Mật giải thích rằng: "Kinh giáo Đại thừa gồm chỉ ba tông: Một là, Tông pháp tướng; Hai là, Tông phá tướng; Ba là, Tông pháp tánh. Nay hỏi đó là ăn mòn mắt đốt mũi tên trong Tông pháp tánh. Chẳng hỏi hai tông, như điều Tông pháp tướng nói tất cả pháp vọng hữu lậu, pháp tịnh vô lậu, từ vô thỉ đến nay mỗi đều tự có hạt giống trong A-lại-da thức, gặp duyên huân tập tức mỗi mỗi theo tự tánh mà khởi, đều chẳng liên quan đến chân như. Ai nói từ chân sanh vọng vậy? Kia nói chân như một mực vô vi tịch diệt không khởi không dừng. Chẳng thể cật nạn kẻ khác từ chân mà có vọng sanh vậy. Như Tông phá tướng một hướng chỉ nói phàm Thánh nhiễm tịnh, hết thảy đều không, vốn không chỗ có. Giả sử thấy có một pháp qua Niết-bàn là cũng như huyễn mộng. Kia tạm vốn chẳng lập chân, huống gì ở vọng, nên chẳng cật nạn nói từ chân có vọng vậy. Chỉ nghi ngờ Tông pháp tánh, vì kinh luận tông ấy nói y cứ chân khởi vọng, như nói pháp thân lưu chuyển trong năm đường, Như Lai Tạng nhận chịu khổ vui v.v.... Nói ngộ vọng tức chân là, như nói lúc mới phát tâm tức thành Vô thượng Bồ-đề, biết vọng vốn từ chân, thấy Phật tức thanh tịnh v.v.... Lại nói phàm Thánh chứa lẫn nhau là, như nói hết thảy chúng sanh xưa nay thành Chánh giác bát- niết-bàn, trong thân Tỳ-lô-giá-na có đủ chúng sanh cả sáu đạo v.v... Chân vọng tương tức, tuy nói Niết-bàn Bồ-đề, không có thủy chung. Lại nói phiền não cuối cùng hết, mới gọi là Diệu giác. Văn từ trước sau trong kinh Hoa Nghiêm, luận Khởi Tín, nghĩa tông có ngăn ngại, tự nói trái nhau, phỏng muốn chọn đó, không thể lấy một bỏ một, còn muốn hợp đó lại khó hội, còn đều dùng đó thì lại trái nhau. Thử hỏi các học sĩ trong thiên hạ, có người thấu đạt tức biết chân vào đạo, như điều đáp của chư sư đều mê lầm ý hỏi, đều theo hết tướng về lý mà nói, đều không biết nguyên do từ chân khởi vọng và lý của tu vọng chứng chơn mà người đó đã hỏi. Nhưng mê chân khởi vọng, bởi có nhân do, dứt vọng quy chân, chẳng phải không sở dĩ.

Pháp sư Phục Lễ há không biết chân vọng đều tịch, lý sự đều như. Ở trong Như và Tịch sao có hỏi đáp. Nhưng có hai môn, nghĩa lý dễ biện, tức không trái ngăn. Một là, nhất một mực nói có vọng có thể đoạn, có chân có thể chứng. Hai là, một mực nói chẳng phải chân chẳng phải vọng, không phàm không Thánh. Hai môn đó đều có thể nghĩ bàn. Nên kinh Thắng-man nói: "Chúng sanh tự tánh thanh tịnh, tâm không phiền não nhuốm nhiễm, không nhiễm mà nhiễm, nhiễm mà không nhiễm", đều nói khó thể rõ biết, pháp sư Phục Lễ chánh hỏi nghĩa đó. Điều đáp của chư sư chỉ nói không cấu nhiễm vậy. Chỉ có điều đáp của Hòa thượng Trừng Quán nóivề chân như bất biến, chẳng ngại nhân duyên, mới là khế hợp xác đáng. Nay, Tông Mật thử đáp rằng:

"Vốn tịnh vốn bất giác,
Do đó vọng niệm khởi,
Biết chân vọng tức không,
Biết không vọng liền dứt,
Chỗ dứt gọi có chung,
Lúc mê gọi vô thủy.
Nhân duyên như huyễn mộng,
Nào chung lại nào thủy,
Đó là chúng sanh nguyên,
Cùng đó ra sanh tử".

Lại nữa, mọi người phần nhiều cho rằng chân hay sanh vọng, nên nghi ngờ vọng không cùng tận, vì quyết trạch lý đó, nên lại đáp lời kệ trước rằng:

"Chẳng phải chân sanh vọng,
Vọng mê chân mà khởi,
Biết vọng vốn tự chân,
Biết chân vọng tức dừng.
Vọng dừng tợ cuối cùng,
Ngộ lại tợ mới đầu,
Tánh mê ngộ đều không,
Tánh không không chung thủy,
Sanh tử do đó mê,
Đạt đó ra sanh tử."

Lại nói theo thủy chung có bốn câu phân biệt: Một là, có thủy không chung tức là thủy giác. Hai là, có chung không thủy, tức là vô minh. Ba là, không chung không thủy, nghĩa là thật tế. Bốn là, có thủy có chung, là một kỳ sanh tử. Lại giải thích rằng: Vô thủy mà hữu chung,

người mãi không rõ lý đó, ngay sự pháp tướng liệt bày mà cật nạn đó". Nay nói có vọng tức chân thì đồng không chung thủy. Nếu phân biệt nói, phải có bốn câu: Chân lý thì không chung thủy, vọng niệm thì không thủy có chung, chân trí thì không chung có thủy, khởi vọng niệm có chung có thủy. Nếu theo viên dung đồng không chung thủy. Đã không chung thủy, cũng lại không có không chung không thủy. Chỉ mất lời tuyệt tưởng có thể hợp với huyền đây. Rõ ràng đáp trên ý sâu hợp với viên tông, ở môn tùy duyên mới đầu tức mê mờ chân khởi vọng, sau mới tỏ ngộ vọng tức chân. Ở trong mê ngộ tợ phân chung thủy. Theo ở môn bất biến thì vọng tự vốn không, ai luận trước sau, chân tục không tánh. Phàm Thánh chỉ tên, thí như mê mờ sợi dây cho là rắn, nghi ngờ Đào ngột là quỷ, Chân đế chẳng phải có, Thế đế chẳng phải không. Nhị đế cùng thành tựu chẳng rơi lạc tà kiến. Do đó, Tục đế chẳng được chẳng có, có thường tự không, Chân đế chẳng được chẳng không, không luôn suốt có. Người học thời nay phần nhiều mê lầm hai môn có và không, đều thành thiên kiến, chỉ chuộng hết thảy chẳng lập, phủi vết về không. Ở trong nghĩa trái nhau sai biệt toàn không mắt trí. Đã chẳng biện rành lầm hoặc thì sao có thể giải thích nghi ngờ? Nên nói: Tâm Niết-bàn dễ hiểu, trí sai biệt khó rõ. Nếu hay ở trong không môn hữu môn; ngăn cả hai, chiếu cả hai, ở trong Chân đế, Tục đế, chẳng tức chẳng lìa, mới có thể hoằng pháp, làm người tiếp nối hưng thạnh giác vị.

Hỏi: Hai Tông pháp tướng và pháp tánh, làm sao biện biệt?

Đáp: Pháp tướng phần nhiều nói về sự tướng, pháp tánh chỉ đàm về lý tánh. Như Tông pháp tướng, nếu lìa thức thứ tám, tức không các thứ nhãn thức v.v... Như Tông pháp tánh, nếu lìa Như Lai Tạng tức không có tám thức. Nếu chân như chẳng giữ, lúc tự tánh biến thức, tám thức đó tức là nghĩa của tùy duyên trên chân tánh. Hoặc phân tông biện tướng, sự thì hai phần, nếu tánh tướng cùng thành, lý quy về một nghĩa. Vì bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến, như nước của toàn sóng, sóng của toàn nước. Động tĩnh tợ có phân nhưng tánh ướt khác. Ở Thanh Lương lý nêu dẫn kệ tụng trong kinh Mật Nghiêm nói rằng:

"Như Lai Tạng thanh tịnh,
Thế gian A-lại-da,
Như vàng và vòng tay,
Chuyển đổi không sai khác".

Tức thể của A-lại-da là Như Lai Tạng cùng vọng nhiễm hợp gọi là A-lại-da mà không thể khác biệt. Lại, sắc vàng và vòng vàng ở tay, thể tức là vàng. Nhưng khác ở trên gồm có bốn câu: Một là, dùng bản

(gốc) thành mạt (ngọn), bản ẩn mạt còn, đó tức là còn ẩn chẳng khác, nên nói vì vọng không thể quậy chân mà khởi, thì chân không gì chẳng ẩn chỉ vọng hiện vậy. Hai là, nhiếp mạt quy bản, mạt hết bản hiển hiện. Đó tức là hiển hiện và diệt mất rõ ràng không khác, nên nói vì thân thể thật. Vọng không gì chẳng hết, chỉ chân hiển hiện vậy. Ba là, nhiếp bản từ mạt, mạt còn nhiếp mạt về bản; bản hiển hiện, đó tức là hai pháp đều còn, chỉ vì chân và vọng có khác, tức có chân có vọng, rõ ràng không khác, nên nói: Phải ngay vọng của không thể, chẳng khác chân của thể chân, nên nói không có khác vậy. Bốn là, nhiếp bản từ mạt, bản ẩn là chẳng không nghĩa, nhiếp mạt về bản, mạt hết là chẳng có nghĩa. Đó thì chẳng có chẳng không, rõ ràng không khác, cũng là hai câu sau cùng lại chẳng phải khác, nên chẳng phải biên, chẳng phải một nên chẳng phải trung, chẳng phải trung chẳng phải biên là pháp giới vô ký, sở chứng của biện lý, trạm nhiên thường trú không chỗ ký vậy. Lại nữa, chẳng phải một tức chẳng phải khác, nên luôn ở biên mà tức ngang bằng trung. Lại nữa, chẳng phải một tức sanh tử, chẳng phải khác tức Niết-bàn, chẳng phải một tức chẳng phải khác nên luôn trú sanh tử tức ở nơi Niết-bàn ngang bằng. Cũng có thể chúng sanh mê nên thành A-lại-da, Như Lai ngộ nên thành Như Lai Tạng. Như vòng tay tùy lò lửa lúc duyên hoại tức lại làm vàng, thành hoại chuyển đổi chỉ là một thứ vàng không gì sai biệt. Như Lai Tạng tâm cũng lại như vậy. Chỉ tùy lúc duyên nhiễm mê làm A-lại-da, tùy lúc duyên tịnh ngộ thành Như Lai Tạng. Trước sau chuyển đổi chỉ là nhất tâm, rốt cùng không sai khác. Như Vô sanh nghĩa nói: "Trong thân chúng sanh có Niết-bàn, tức là trong ngọn có chứa gốc. Chúng sanh là gia dụng của Niết-bàn, tức là trong gốc có chứa ngọn. Tham dục tức là đạo tức là trong ngọn có chứa gốc. Tham dục tức là gia dụng của đạo, tức là trong gốc có chứa ngọn". Nên trong kinh nói: "Hết thảy phàm phu thường ở tại định". Hoặc hỏi "Thường ở định nào?" Đáp rằng: "Vì chẳng hoại pháp tánh Tam-muội", đó tức là trong ngọn ngậm có gốc, trong pháp tánh ngậm có chúng sanh, tức là trong gốc ngậm có ngọn. Trong kinh Đại Phẩm nói: "Không thể lìa hữu vi mà nói vô vi, không thể lìa vô vi mà nói hữu vi". Lại nữa, ngọn tức là gốc, gốc tức là ngọn, nghĩa là như sóng tức là nước, nước tức là sóng. Như trong kinh nói: "Sanh tử là Niết-bàn, vì không diệt không sanh vậy". Lại nữa, kinh Lăng-già nói: "Chân thức, hiện thức như cục bùn, bụi trần v.v... cho đến, Đại Tuệ! Nếu cục bùn, bụi trần khác là chẳng phải chỗ kia thành mà thật kia thành. Cho nên chẳng khác, nếu chẳng khác là cục bùn, bụi trần nên không sai biệt.

Như vậy chân tướng chuyển thức, tạng thức nếu khác là tạng thức chẳng phải nhân. Nếu chẳng khác là chuyển thức diệt thì tạng thức cũng nên diệt, mà tự chân tướng thật chẳng diệt, chỉ có nghiệp tướng diệt vậy". Trong đó, chân tướng là Như Lai Tạng, chuyển thức là bảy chuyển thức, tạng thức là A-lại-da.

Lại nói: Các thức có ba thứ tướng, tức là chuyển tướng, nghiệp tướng là chân tướng. Ba thứ tướng đó thông với tám thức, nghĩa là khởi tâm gọi là chuyển, vì cả tám đều khởi, đều có sanh diệt nên gọi là chuyển tướng. Động thì thành nghiệp, như thứ nhất là nghiệp tướng của trong tam tế, tám thức đều động nên đều gọi là nghiệp tướng. Chân tánh của tám đều gọi là chân tướng. Nên trong kinh nói: "Lược nói có ba thứ thức, rộng nói có tám thứ tướng. Thế nào là ba? Nghĩa là chân thức, nghiệp thức và phân biệt sự thức". Theo chẳng cùng vọng hợp Như Lai Tạng tâm, lấy làm chân thức hiện thức thứ tám. Trong kinh nói: "Thí như gương sáng gìn giữ các sắc tượng. Hiện thức xứ hiện cũng lại như vậy. Ngoài ra bảy kia đều gọi là phân biệt sự thức". Trong kinh nói: "Nếu khác là tạng thức chẳng phải nhân, nghĩa là có ba: Nếu khác tạng thức thì nên chẳng dùng chân tướng và chuyển thức làm nhân". Vì đã dùng chuyển thức huân tập, chân thức tùy theo duyên mà thành tạng thức, thì biết chẳng khác chẳng phải vì tạng thức làm nhân hai thức. Nên trong kinh nói: "Chẳng phải tự chân tướng diệt, chỉ là nghiệp tướng diệt". Đó thì ba sự đều đủ vậy. Trong kinh thí dụ có ba: Một là bụi trần, hai là nước, ba là bùn. Vì nước hòa với bụi trần, cục bùn mới thành. Vì nghiệp huân chân tướng, nghiệp thức bèn sạch. Trong kinh nói: "Nếu tự chân tướng diệt thì tạng thức diệt, trái lại hiển bày tạng thức vì chân vọng hòa hợp mà thành, chỉ vọng đó diệt mà thể chân đó chẳng không". Lại nữa, tự chân tướng, pháp sư Hiểu giải thích rằng: "Tâm của bản giác chẳng nương gá vọng duyên, tánh tự thần giải gọi là tự chân tướng. Nói theo thuyết nghĩa chẳng phải một lại tùy theo gió vô minh lúc làm sanh diệt, tánh của thần giải cùng với gốc chẳng khác, cũng gọi là tự chân tướng, đó là y cứ nghĩa chẳng khác nói. Lại nữa, trong kinh nói: "Như Lai Tạng làm chỗ huân đúc ác tập từ vô thỉ, gọi là tạng thức". Lại nói: "Đại Tuệ! Như Lai Tạng là nhân thiện và bất thiện, hay dấy khắp tất cả thú sanh, thì như người tài năng biến hiện các thú. Do đó, các giáo đều Như Lai Tạng làm thức thể". Nên biết tâm tánh tức Như Lai Tạng, ngoài ra không pháp nào khác. Trong luận Duy thức có kệ tụng rằng:

"Lại, các pháp thắng nghĩa,
Cũng tức là chân như,

Là thường như tánh đó,
Tức thật tánh duy thức".

Rõ ràng biết được Thế Thân cũng dùng Như Lai Tạng mà thành thức thể. Chỉ bởi những người đời sau giải thích luận, chỉ lập bất biến, thì lỗi đó quy về người sau vậy. Tóm yếu mà nói, gồm tất cả các nghĩa trên đều là chân vọng hòa hợp, chẳng phải một chẳng phải khác, hay thành nên nhất tâm Nhị đế, chẳng rơi lạc vào đoạn thường, ở trong diệu chỉ. Sự lý giao triệt, tánh tướng dung thông, không pháp nào chẳng gom, đều kết quy về Tông Kính.

Hỏi: Hai tâm chân vọng, hành tướng mỗi khác, làm sao dung hội được viên tông của tánh nhân pháp?

Đáp: Chỉ rõ vọng niệm không sanh tức là chân tâm chẳng động. Ngoài chẳng động đó, lại không mảy may pháp nào khả đắc. Như trong kinh nói: "Dự lưu, Nhất lai quả, Bất lai, A-la-hán, các Thánh nhân như vậy đều nương tựa tâm vọng có". Kinh Đại Bát-nhã nói: "Lại nữa, Thiện Hiện! Bát-nhã ba-la-mật-đa thậm thâm phân chiết các pháp quá cực lượng nhỏ, trọn không thấy có chút ít thật khả đắc, nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa". Lại nữa, chân vọng không thể, đều có danh tự, danh tự không thể, đều y cứ ngôn thuyết. Ngôn thuyết vốn tánh không đều không chỗ khởi, thì tất cả ngôn ngữ thảy đều bình đẳng, tất cả các pháp thảy đều chân thật. Do đó, kinh Thắng Tư Duy Phạm Thiên Sở Vấn nói: "Phạm Thiên nói cùng Văn-thù rằng: "Điều Nhân giả nói đều là chân thật ư?" Văn-thù đáp: "Này thiện nam! Hết thảy ngôn thuyết đều là chân thật". Phạm Thiên lại hỏi: "Hư vọng ngôn thuyết cũng là chân thật ư?" Văn-thù đáp: "Đúng vậy. Tại sao? Này thiện nam! Các ngôn thuyết đó đều là hư vọng, không xứ không phương. Nếu pháp hư vọng không xứ không phương tức là chân thật. Vì với nghĩa đó nên hết thảy ngôn thuyết đều là chân thật. Này thiện nam! Đề-bà-đạt-đa có nói năng gì cùng với điều Như Lai nói không khác không biệt. Tại sao? Các thức ngôn thuyết đều là Như Lai ngôn thuyết, vì chẳng vượt ngoài như các thứ ngôn ngữ sự của sở thuyết hết thảy đều vì không sở thuyết nên được có sở thuyết". Lại nữa, trong Phụ Hành Ký giải thích nhất niệm tâm để thành quán cảnh. Đó có hai nghĩa: Một là, dùng thiền làm cảnh chẳng đồng tâm thế tục. Hai là, tức cảnh đó tâm lại phải lìa chấp trước. Như trước biện giải về thiền tâm, đã nói nhất niệm. Một nhiều tương tức, thì phải những nhất tâm nào hay đủ, nên chọn lựa chỉ bày đó, chẳng được đồng ở nhất niệm vọng tính lường, hay rõ vọng niệm không một tướng khác. Thành đạt vô tướng đó, đầy đủ hết thảy tâm, ba ngàn đầy

đủ mới hay chiếu ở một nhiều tướng tức. Đó là y cứ người sơ tâm tập quán, sợ lạm ở vọng tình cảnh quán, cho nên cần phải chọn lựa chỉ bày cửa vào. Nếu y cứ lý luận, không gì chẳng là pháp giới, cũng nào cách biệt ở chấp thủ đắm trước vọng tình. Vì niệm vốn tự không, vọng không thể được. Vì người chấp có nên khiến quán không. Lại nữa, các Tiên đức nói: "Lúc chưa niệm niệm thì chưa sanh, chưa sanh thì là chẳng có. Pháp của chẳng có cũng không tự tướng. Niệm của hiện tại theo duyên mà sanh. Niệm nếu tự có, chẳng nên đợi duyên. Vì đợi duyên sanh tức không tự thể. Nên biết tâm không tự tánh, duyên khởi tức không. Như muốn dứt dòng đó, chỉ nên bít lấp nguồn đó, muốn khỏi sống đó chỉ chặt rễ đó, chẳng dùng nhiều công rất là tỉnh yếu. Nên luận Thông Tâm nói: "Phàm, buộc từ tâm buộc, mở từ tâm mở, buộc mở từ tâm, chẳng liên quan các xứ khác. Phương thuật xuất yếu chỉ có quán tâm, quán tâm được ngộ, hết thảy đều rõ, cho nên người trí trước phải quán tâm. Quán tâm được tịnh, trở lại quán tự tâm. Khi dối chẳng thật, như huyễn như hóa, nhảy nhót chẳng dừng, lại như khỉ vượn, chạy nhảy rong ruổi giống như ngựa hoang. Vô thủy vô minh trải qua nhiều kiếp trôi nổi không biết do đâu để được ra. Nếu hay quán tâm lỗi lầm như vậy, lại tìm tòi các cảnh. Cảnh không tự tánh, do thấy mà có, chẳng thấy tức không. Lại tìm tòi chỗ thấy, thấy không tự tánh, do tâm có động, chẳng động tức không. Lại tìm tòi tâm động, động không tự tánh, chỉ do bất giác, giác thì chẳng động. Lại tìm tòi bất giác, không có căn bản. Ngay từ vô thỉ hư tập, niệm niệm tự mê. Chân tâm vô niệm, không một chỗ có". Luận nói rằng: "Như người mê mờ nên lấy Đông làm Tây, phương thật chẳng đổi chuyển. Chúng sanh cũng vậy. Vì vô minh mê mờ nên cho là tâm làm động, tâm thật chẳng động. Nếu hay quán, biết tâm không khởi, tức được tùy thuận vào chân như môn. Phải biết những gì có ra đều là hư vọng do tâm niệm mà sanh. Tâm có tức có, tâm không tức không. Có và không đều từ tâm, càng phải tự giác, chớ chẳng tự giác làm tâm tự khi dối, đã biết tâm dối, lại chớ lưu tâm. Có không đều không, thân tâm đều hết, thân tâm hết nên sạch bằng muôn cảnh, muôn cảnh không tướng, hợp gốc một minh, minh nhưng huyền chiếu. Chiếu không chẳng lặng lẽ. Dùng lặng lẽ làm thể, thể không chẳng rỗng, rỗng lặng không cùng thông đồng pháp giới. Pháp giới duyên khởi, không gì chẳng tự nhiên. Lại không từ đâu, đi không chỗ đến.

Lại nữa, pháp không tướng cố định, chân vọng do tâm, khởi diệt đồng nguồn, lại không yếu chỉ riêng biệt, do đó, chư sư xưa trước rộng giải thích nghĩa chân vọng giao nhau tận cùng, nói là: "Phàm, chân và

vọng, nếu theo ở tam tánh thì viên thành là thật, biến kế là vọng. Y tha khởi tánh thông cả chân và vọng. Phần tịnh đồng chân, phần nhiễm đồng vọng. Ước biến kế làm vọng là tình có tức phải, lý không, vọng triệt chân vậy. Lý không tức phải tình có, chân triệt vọng vậy. Nếu phần nhiễm y tha làm vọng vốn hư thì rõ ràng giao triệt. Chân vọng đều chân thì xưa nay chỉ một vị, nên biết chân vọng thường giao nhau cùng tận cũng chẳng hoại tướng của chân vọng, thì gồm chân của vọng. Chân chẳng phải chân mà lắng lặng, tận cùng vọng của chân, vọng chẳng phải vọng mà mây nổi, như nước gồm sóng mà chẳng phải nước, tánh ướt ngưng dừng sóng triệt nước mà chẳng phải sóng cả tuôn vọt, thì chẳng còn chẳng sạch, tánh tướng rõ ràng, mỗi mỗi đều dung thông, lớp lớp nhau tận cùng, không chướng không ngại, thể dụng cùng gom". Vào trong Tông Kính tự nhiên pháp như thế, nên các bậc Tiên đức nói: "Nhưng chân vọng đó sở dĩ giao nhau tận cùng là chẳng lìa nhất tâm". Nên trong Thiền Nguyên tập nói: "Cho rằng hết thảy phàm Thánh căn bản đều là nhất pháp giới tâm, tánh giác sáng báu mỗi đều viên mãn. Vốn chẳng gọi là chư Phật cũng chẳng gọi là chúng sanh. Chỉ vì tâm đó linh diệu tự tại, chẳng chấp thủ tự tánh, tùy duyên của mê hay ngộ mà thành việc của phàm hay Thánh. Lại nữa, tuy tùy duyên mà chẳng mất tự tánh, thường chẳng phải hư vọng, thường không biến dị, không thể phá hoại, chỉ là nhất tâm, bèn gọi là chân như. Nên nhất tâm đây thường đủ hai môn, chưa từng tạm khuyết. Chỉ trong Tùy duyên môn, phàm Thánh không cố định, nghĩa là xưa nay chưa từng giác ngộ nên nói là phiền não vô thủy. Nếu tu chứng tức phiền não đoạn hết, nên nói hữu chung, nhưng thật không khác biệt thủy giác, cũng không bất giác, rốt cùng bình đẳng, nên nhất tâm đây thường đủ hai môn chân như và sanh diệt. Lại nữa, chân vọng mỗi tự có hai nghĩa: Một là, chân có hai nghĩa bất biến và tùy duyên; hai là, vọng có hai nghĩa thể không và thành sự, nghĩa là do chân bất biến nên vọng là thể không, làm chân như môn, vì sanh diệt tức chân như, nên trong các kinh nói không có Phật, không chúng sanh, xưa nay Niết-bàn tướng thường tịch diệt. Lại vì chân như tức là sanh diệt, nên kinh nói pháp thân lưu chuyển trong năm đường gọi là chúng sanh. Đã biết mê ngộ phàm Thánh tại sanh diệt môn, nay tại môn đó đủ rõ hai tướng phàm Thánh, tức chân vọng hòa hợp, chẳng phải một chẳng phải khác, gọi là A-lại-da thức. Thức ấy ở phàm xưa nay thường có nghĩa giác và bất giác. Giác là gốc của Hiền thánh Tam thừa. Bất giác là gốc của phàm phu lục đạo. Nay tìm tòi tâm của bất giác ấy không thể thì tánh của chân giác hiện tiền. Trong kinh Bảo Tích

nói: "Phật dạy: Bồ-tát cầu tâm như vậy. Thế nào là tâm? Hoặc là tham dục ư? Hoặc là sân nhuế ư? Hoặc là ngu si ư? Hoặc là quá khứ, vị lai, hiện tại ư? Nếu tâm ở quá khứ tức là diệt tận. Nếu tâm ở vị lai thì vị lai chưa đến. Nếu tâm ở hiện tại thì không có trú. Tâm đó chẳng phải trong chẳng phải ngoài, cũng chẳng phải trung gian. Tâm đó không sắc không hình, không đối, không thức, không tri, không trú, không xứ. Tâm như vậy là mười phương ba đời hết thảy chư Phật, chẳng đã thấy, chẳng hiện thấy, chẳng sẽ thấy. Nếu hết thảy chư Phật từ quá khứ đến nay mà chẳng thấy, sao gọi là sẽ có? Điên đảo tưởng nên tâm sanh các pháp các thứ sai biệt. Tâm đó như huyễn, do vì nhớ tưởng phân biệt nên khởi các thứ nghiệp, thọ các thứ thân. Cho đến, như vậy, Ca-diếp! Cầu tâm tướng đó mà không thể được. Nếu không thể được thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại thì ra ngoài ba đời. Nếu ra ngoài ba đời thì chẳng phải có chẳng phải không. Nếu chẳng phải có chẳng phải không tức là không khởi. Nếu không khởi tức là không tánh. Nếu không tánh tức là không sanh, nếu không sanh tức là không diệt, nếu không diệt thì không chỗ lìa, nếu không chỗ lìa thì không lai không khư không thối không sanh. Nếu không lai không khứ không thối không sanh thì không hành nghiệp. Nếu không hành nghiệp thì là vô vi, nếu vô vi thì là căn bản của hết thảy các Thánh". Trong kinh Trì Thế nói: "Bấy giờ, Bồ-tát khởi ý niệm rằng: Thế gian rất là cuồng si, chỗ gọi là từ nhớ tưởng phân biệt thức khởi ở thế gian, cùng tâm ý thức đó cũng không hình không phương, chẳng tại mội pháp chẳng tại ngoại pháp. Phàm phu bị trói buộc bởi hư vọng tương ưng nên ở trong thức ấm tham đắm nơi ngã và ngã sở". Kinh Kim Cang Tam-muội nói: "Biết các danh sắc chỉ là tâm phân biệt. Si tâm phân biệt các pháp lại không sự gì khác vượt ngoài danh sắc. Biết pháp như vậy, chẳng tùy theo văn ngữ, tâm tâm đối với nghĩa chẳng phân biệt ngã". Luận Thích nói: "Đây nói rõ ở trong phương tiện quán có hai: Một là, nói rõ duy thức tầm tư, lại không sự gì khác vượt ngoài danh sắc. Danh nghĩa bốn uẩn, sắc là sắc uẩn. Các bất tương ưng đều giả dựng lập. Lìa danh sắc đây lại không thể khác biệt, nên các sự của hữu vi đều do danh sắc thâu tóm. Các pháp như vậy chỉ do tâm tạo tác, ngoài tâm không cảnh, lìa cảnh không tâm. Như vậy gọi là duy thức tầm tư. Hai là, hiển bày như thật trí. Biết pháp như vậy, chẳng tùy theo văn ngữ, đó là danh tầm tư thâu dẫn như thật trí, nên tâm tâm đối với nghĩa chẳng phân biệt ngã, đó là nghĩa tầm tư thâu dẫn như thật trí nên hai ngã nhân pháp đều không có nghĩa, do đó ở trong chẳng phân biệt". Hai tâm chân vọng, hai

thứ tình phần đây, trí rõ chỉ một, một hai đều mất mới vào Tông Kính. Do đó, kinh Duy-ma nói: “Bồ-tát Diệu Tý nói: Tâm Bồ-tát, tâm Thanh văn là hai. Quán tâm tướng không như huyễn hóa, không tâm Bồ-tát, không tâm Thanh văn là vào pháp môn bất nhị”. Nên biết đã dùng không tâm hiện tâm thì không pháp hiện pháp, cớ sao dùng tất cả cảnh giới tùy niệm mà sanh? Niệm đã vốn không, pháp lại nào có? Như kinh Đại Pháp Cự Đà-la-ni nói: “Phật bảo: “Kiều-thi-ca! Nếu có người đến hỏi: Nay đại chúng đây sử dụng mọi thứ điều hòa phải tốn bao nhiêu công?” Người kia hỏi như thế, ông đáp sao?” Thiên Đế- thích thưa: “Bạch Đức Thế Tôn! Con không đáp gì. Tại sao? Bạch Đức Thế Tôn! Nay con ở Tam thập tam thiên, phàm các thứ ăn mặc cần dùng, thảy đều tùy tâm mong nghĩ mà hiện có, chẳng phải tạo tác nên”. Phật bảo: “Kiều-thi-ca! Hết thảy các pháp cũng lại như vậy, đều trú trong tâm, tùy lúc có mong nghĩ tức được thành tựu. Kiều-thi-ca! Giống như noãn sanh, các chúng sanh v.v..., chỉ do tâm niệm tức tiện thọ sanh, hết thảy các pháp cũng lại như vậy, đều do tâm niệm, pháp liền hiện tiền. Kiều-thi-ca! Lại như hết thảy các loài thấp sanh, như là cá, ba ba, giải, rồng, đến nơi chỗ đất cao trong nước cần nên giăng bọc, các loài đó v.v... đều gồm thuộc noãn sanh. Các loại đó hoặc chỉ đi một do-tuần, hoặc hai do-tuần, hoặc đến ba, bốn, hoặc lại quá bảy, đạt đến chốn đó đã đặt để trứng mình, chẳng khiến nhọc thiếu, nên hay thành thục. Kiều-thi-ca! Tam tạng giáo đây cũng lại như vậy, tùy lúc nhớ nghĩ, nghiệp kia hiện tiền, lần lượt chẳng loạn, tương tục chẳng đoạn, cùng câu nghĩa kia hòa hợp tương ưng”. Lại nữa, luận Phật địa nói: “Tam thập tam thiên có một rừng tạp, do phước lực của các trời hòa hợp mà cảm nên. Giả sử các chúng trời chẳng ở tại rừng đó, cung điện v.v..., mọi sự, cùng vui v.v..., hưởng thọ, hơn kém có khác, có ngã và ngã sở thọ dụng sai biệt. Còn nếu đến tại rừng đó thì hoặc là thọ dụng hoặc là mọi sự đều không hơn kém, đều đồng thượng diệu, không ngã và ngã sở hòa hợp thọ dụng. Hay khiến bình đẳng hòa hợp thọ dụng nên gọi là rừng tạp. Đó là do sức phước nghiệp tăng thượng của các trời mỗi mỗi đều tu bình đẳng hòa hợp, nên khiến A-lại-da thức các trời đó biến hiện rừng ấy đồng xứ đồng thời đồng một tướng trạng. Do sức tăng thượng của rừng tạp ấy nên khiến chuyển thức kia cũng đồng biến hiện, tuy mỗi tự thọ dụng mà cho là không khác biệt”. Do đó, nếu người thấu đạt các pháp đều do tâm tưởng sanh tức từ thế tục môn, là Thánh hạnh xứ. Như kinh Vô Tận Ý Bồ-tát nói: “Bấy giờ, Xá-lợi-phất hỏi Vô Tận Ý: “Thiện nam! Từ xứ nào đến? Phật đó hiệu là gì, thế giới tên gì? Cách đây xa gần?” Vô Tận Ý nói:

"Xá-lợi-phất! Có tưởng đến ư?" Xá-lợi-phất nói: Thiện nam! Tôi biết tưởng rồi". Vô Tận Ý nói: "Nếu là biết tưởng, nên không hai tướng. Bởi duyên gì mà hỏi từ xứ nào đến? Xá-lợi-phất! Có đến đi, là làm nghĩa hòa hợp, như tướng hòa hợp là không hợp chẳng hợp, không hợp chẳng hợp tức chẳng đến đi, chẳng đến đi là Thánh hạnh xứ". Trong kinh Phật Tạng nói: "Phật dạy: Xá-lợi-phất! Tùy chỗ niệm khởi hết thảy các tưởng đều là tà kiến. Xá-lợi-phất! Tùy không chỗ có, không giác, không quán, không sanh, không diệt. Thông được như vậy, gọi là niệm Phật". Trong kinh Hải Long Vương nói: "Phật bảo: Đại vương! Hết thảy các pháp đều từ tâm dấy khởi, tùy chỗ làm đó mà mỗi mỗi đều thành. Các pháp không trú cũng không chỗ có". Trong luận Đại Trí Độ nói: "Bồ-tát làm sao quán tâm niệm xứ? Bồ-tát quán tâm trong ngoài. Trong tâm đó có ba tướng: Sanh, trú và diệt. Khởi nên ý niệm tâm đó chẳng từ đâu lại, diệt cũng không chỗ đến chỉ theo nhân duyên trong ngoài hòa hợp sanh. Tâm đó không có thật tướng cố định, cũng không thật sanh, từ và diệt, cũng chẳng ở trong đời quá khứ, vị lai và hiện tại. Tâm đó chẳng ở trong chẳng ở ngoài chẳng ở khoảng giữa. Tâm đó cũng không sanh không tướng. Cũng không sanh, không khiến sanh, ngoài có các thứ tạp sáu trần nhân duyên, trong có tâm tưởng điên đảo sanh diệt tương tục, nên cưỡng gọi làm tâm. Như vậy trong tâm, thật tướng tâm không thể được. Tánh tâm đó không sanh không diệt, thường là tướng tịnh, do tướng khách trần phiền não dính đấm nên gọi là tâm bất tịnh, tâm chẳng tự biết. Tại sao? Tâm đó, tưởng tâm vốn không. Tâm đó gốc ngọn không có thật pháp. Tâm đó cùng các pháp không hợp không tan, cũng không khoảng trước khoảng sau và khoảng giữa, không sắc, không hình, không đối, chỉ điên đảo hư dối sanh. Tâm đó là không: Không ngã, không ngã sở, không thường, không tướng. Người trí hay biết, người trí tuy quán sanh diệt của tâm đó, cũng chẳng được pháp thật sanh diệt. Không phân biệt dơ sạch mà được tâm thanh tịnh. Vì tâm đó thanh tịnh, không bị khách trần phiền não ;làm nhiễm. Như vậy, quán trong tâm, quán ngoài tâm, quán trong ngoài tâm v.v..., cũng lại như thế. Nên biết pháp vốn chẳng có, nhân tâm nên sanh, xa lìa nhớ tưởng mà không pháp có thể thành, dứt trừ phân biệt mà không mảy trần có thể hiện. Lại, trở lại quán nhớ tưởng phân biệt, rốt cùng không sanh. Theo tam tế (ba thời) mà mong cầu, mong cầu đó chẳng thấy, hướng đến mười phương tìm kiếm, tìm kiếm đó không dấu vết. Đã không tâm của năng khởi, cũng không vết của sở diệt. Khởi diệt đều lìa, chỗ lìa cũng không, tâm cảnh rỗng rang, gọi là kiến đạo. Ở trong kiến đạo, cùng đợi đó, chân vọng tự

dung, đối trị đó, năng sở đều tuyệt. Nơi năng sở hết, tự nhiên thành Phật. Như luận Hoa Nghiêm nói: "Kinh đây nói: Dùng chút ít phương tiện bèn chóng chứng đắc Bồ-đề, chẳng đồng như quyền giáo Bồ-tát đồng với hữu vi lập năng chứng sở chứng. Trong khoảng một niệm không có năng sở. Nơi năng sở hết, gọi là Chánh giác, cũng chẳng đồng như Tiểu thừa diệt trừ năng sở. Rõ ràng năng sở vốn không động. Đó là mặt tình pháp tánh, động tĩnh đều bình đẳng. Làm bản trí chẳng phải động tịch, vọng cho là làm động. Ngu phu không rõ biết, bỏ động mà cầu tịch, làm thành khổ lớn vậy". nên trong kinh Duy-ma nói: "Ngũ thọ ấm suốt đạt không là nghĩa khổ. Vì Tiểu thừa có mừng chán nên liền sanh khổ".

Hỏi: đây nói chân tâm vọng tâm là Tông pháp tướng? Hay là Tông pháp tánh?

Đáp: Căn cứ theo Hoa Nghiêm Diễn Nghĩa nói: "Luận nói: Tam giới hư vọng chỉ là nhất tâm", là nếu chấp thủ tam giới hư vọng tức là sở tác. Nay lấy năng tác làm Đệ nhất nghĩa. Luận giải thích chỉ là năng tác. Nay trong kinh nói: "Tam giới chỉ tâm chuyển" tức là thông cả năng lẫn sở. Nhưng năng sở có hai. Nếu y cứ trong Tông pháp tánh lấy Đệ nhất nghĩa tùy duyên thành có, tức làm năng tác, chỗ có tâm cảnh đều thông sở tác, vì chẳng thể nghĩ bàn luận chẳng thể nghĩ biến là nhân của hiện thức vậy. Nếu như Đệ nhất nghĩa tâm ở trong Tông pháp tướng, chỉ là chỗ mê, chẳng phải là năng tác, có ba năng biến, nghĩa là Đệ bát v.v... theo luận Duy thức nói: "Lại nữa, có nghĩa nói Tam giới duy tâm của trong kinh Đại thừa. Duy tâm đó là chỉ có nội tâm, không có sắc hương v.v..., các cảnh giới bên ngoài". Đây nói sao biết? Như kinh Thập Địa nói: "Tam giới hư vọng, chỉ là nhất tâm tạo tác, nên tâm, ý, thức và liễu biệt v.v... bốn pháp như vậy nghĩa chỉ một, mà tên có khác". Đây y cứ tâm tương ưng nói, chẳng phải tâm bất tương ưng nói. Tâm có hai thứ: Một là, tâm tương ưng, tức như các thứ phiền não kiết sử thọ, tưởng, hành v.v... đều tương ưng với tâm. Do đó, nên nói tâm, ý, thức và liễu biệt nghĩa chỉ một mà tên có khác. Hai là, tâm bất tương ưng, tức như Đệ nhất nghĩa đế thường trú bất biến tự tánh thanh tịnh tâm, nên nói Tam giới hư vọng, chỉ nhất tâm tạo tác, là tâm tương ưng, nay y cứ theo pháp tánh nên nói Đệ nhất nghĩa tâm lấy làm năng tác, nói chuyển là nghĩa khởi tác, cũng là nghĩa chuyển biến.

Hỏi: Như trên nói về chân tâm vọng tâm chỉ là văn lý tụ về. Đâu là môn phương tiện để được thân gần kiến tánh?

Đáp: Vọng dứt tâm không thật biết tự hiện, nếu làm tính lường so

sánh càng thêm vọng tâm, chỉ lúc diệu ngộ, các duyên tự tuyệt. Như xưa kia Đức Phật ngộ đạo, có bài tụng rằng:

"Nhân muôn sao thấy ngộ,
Ngộ rồi chẳng phải sao,
Chẳng đuổi theo nơi vật,
Chẳng phải là vô tình".

Lại nữa, trong luận Bảo Tạng nói: "Chẳng phải có chẳng phải không tông của muôn vật, chẳng phải không chẳng phải có mẹ của muôn vật. Ra đó không phương, vào đó cũng không sở. Bao hàm muôn hữu mà chẳng làm sĩ, ứng hóa muôn mối mà chẳng làm chúa, đạo tánh như vậy, đâu có thể so lường? Lúc kiến tánh tự nhiên mở bày". Do đó, xưa trước có kệ tụng rằng:

"Vọng dứt tịch thì sanh,
Tịch sanh biết thì hiện,
Biết sanh tịch đã xả,
Rõ ràng chỉ chân tánh".

Lại nữa, trong Tín Tâm Minh nói:

"Khoảng trước biết không,
Chỗ biết đều tông,
Phân minh chiếu cảnh,
Tùy chiếu mênh mông.
Nhất tâm có trệ,
Muôn pháp chẳng thông,
Đi lại tự vậy,
Chẳng dụng suy cùng".

Như có người học hỏi Hòa thượng Hoàng Nghiệt: "Chỉ như hư không trước mắt có thể chẳng phải là cảnh, há không chỉ cảnh thấy tâm?" Hòa thượng bảo: "Tâm nào thấy trên cảnh? Giá sử ông được thấy nguyên lai chỉ là chiếu tâm cảnh. Như người dùng gương soi mặt, giả sử có được mặt mày rõ ràng, cũng chỉ là ảnh tượng, đâu liên quan gì đến việc ông". Người ấy lại hỏi: "Nếu chẳng nhân soi làm sao được thấy?" Hòa thượng đáp: "Nếu trải qua nhân, thường phải gá vật. Có lúc nào rõ ràng ông không thấy đạo. Buông tay tợ như ông không một vật, khổ nhọc nói bậy vài ngàn thứ". Người ấy lại hỏi: "Kia nếu biết rõ, lúc soi cũng không vật ư?" Hòa thượng đáp: "Nếu là không vật thì nơi nào được soi chiếu? Ông chớ mở mắt mà nói mớ". Hòa thượng bảo: "Biết nhiều trăm thứ chẳng như người không cầu đạo tối đệ nhất".

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 6

Phàm, Tông Kính vốn mong chỉ luận đạo đó, thiết bày đủ các văn nghĩa rộng khắp các căn cơ. Đồng với chỉ nam đây trọn không yếu chỉ nào riêng khác, trộm không thể y cứ văn mà mất tông thú đó. Nếu tỏ ngộ đạo đó thì có thể tiếp thừa rạng rỡ, có thể dùng để truyền pháp y. Như có người hỏi Hòa thượng Nam Tuyền rằng: “Môn hạ của Hoàng Mai có năm trăm người. Cớ sao Lư Hành giả (Tuệ Năng) riêng được y bát?” Hòa thượng Nam Tuyền đáp: “Chỉ vì bốn trăm chín mươi chín người đều giải hiểu Phật pháp, riêng một mình Lư Hành giả chẳng giải hiểu Phật pháp, chỉ hội đạo đó. Do đó, được y bát”. Xin hỏi: Chỉ như đạo làm sao hội?

Đáp: Như Đức Bản Sư nói: “Đạo tràng Như Lai là chỗ đắc pháp, pháp đó chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp. Ta đối với pháp đó, trí không thể hành, mắt không thể thấy, không có hành xứ, chỗ tuệ chẳng thông, minh chẳng thể rõ. Hỏi không có đáp”. Lại nữa, người xưa nói: “Việc ấy tợ như không mà chẳng không tợ như có mà chẳng có. Ẩn ẩn thường thấy, chỉ phải cầu đó; nơi không thể được. Do đó, nếu quyết định không thì quy về đoạn kiến. Nếu thật có thì lạc vào thường tình, nếu có nơi chốn thì thành cảnh đó. Nên biết việc ấy, chẳng phải chỗ tâm lường được, chẳng phải chỗ trí nhận biết”. Như Hòa thượng Hương Nghiêm có bài tụng rằng:

“Phỏng bàn trước sau,
An đặt trong ngoài,
Chẳng được một pháp,
Đắm chìm suối sâu.
Đều chẳng như vậy,
Ta ngay trước ta,
Người học mười phương,
Làm sao tham thiền.”

Nếu nói như vậy đâu có thể hội ư? Do đó, người xưa nói: “Ngay

phải diệu hội mới được. Đó là hội của chẳng hội, diệu khế trong đó vậy". Nên các bậc Thánh trước ngộ đạo, có bài tụng rằng:

"Tâm có không đi lại trọn dứt,
Trong ngoài khoảng giữa thảy đều không,
Muốn thấy Như Lai nơi Phật thật,
Chỉ nhìn dê đá sanh ngựa con".

Sau của diệu đạt như vậy, đạo còn chẳng còn, há có thể luận bàn tri giải vọng tưởng của hội và chẳng hội ư? Như cổ đức có kệ tụng rằng:

"Khuyên ông học đạo chớ tham cầu,
Muôn sự vô tâm đạo hợp đầu,
Vô tâm mới rõ vô tâm đạo,
Rõ được vô tâm đạo cũng thôi".

Trước kia, Hòa thượng Động Sơn có kệ tụng rằng:

"Người này còn chẳng thật,
Huống gì bày ba lý,
Chân không cùng phi không,
Tương lai chẳng tương tợ,
Rành rành như trước mắt,
Chẳng dung mảy tóc phỏng".

Chỉ như nói người này còn chẳng thật, huống gì các cuồng có lầm giải khác ư? Do đó trong kinh nói: "Tâm chẳng vướng đạo cũng không buộc nghiệp". Đạo còn chẳng vướng, ngay đây có thể biết vào trong Tông Kính tự nhiên thầm hợp.

Hỏi: Giác thể chẳng đổi thay, giả danh có khác. Phàm Thánh đã ngang bằng, chúng sanh sao chẳng giác tri? Nếu nói chẳng mê, trong giáo sao nói có mê ngộ?

Đáp: Chỉ vì nhân chân tâm bản giác mà khởi bất giác, nhân bất giác nên thành thủy giác. Như nhân đất mà lộn ngược nhân phương nên mê mờ, lại ngộ thường không, bất giác tợ mê, lúc mê vốn lắng. Do đó ngay lúc mê ngộ, tình tưởng tự phân, vì có tâm hư vọng, lại ban thuốc hư vọng. Trong kinh nói: "Phật dạy: Ta giảng nói ba thừa, mười hai bộ loại kinh giáo, như năm tay không, cuốn dối gạt trẻ con, việc đó không biết, gọi là vô minh". Tổ sư có kệ tụng rằng:

"Như Lai tất cả pháp,
Trừ ta tất cả tâm,
Ta không tất cả tâm,
Nào cần tất cả pháp".

Nên biết mắt mình nếu mở, sáng thật tự phát, mê ngộ của sở trị, bệnh thấy tự mất, quyền thật của năng trị, thuốc pháp tự bỏ. Phàm người tỏ ngộ pháp này, chẳng nương gá trí người khác cùng với dị thuật vậy. Hoặc người thấy chẳng như mở kho lấy vật báu, mổ trai được ngọc. Sáng phát từ cõi lòng, ảnh bao trùm pháp giới. Như kinh có kệ tụng rằng:

"Như người được kho báu,
Trọn lìa khổ nghèo khó,
Bồ-tát được Phật pháp,
Lìa dơ tâm thanh tịnh".

Hoặc người không tỏ ngộ mà tự sanh chướng ngại, nên trong luận Thông Tâm nói: "Chân thường chẳng dễ bít sanh tử, tự đổi dời chí lý viên thông, chấp phương hướng khuôn mẫu mà khiến cách biệt, đó đều là mê mờ tự tánh, chỉ đuổi nương theo thông, nên phải mắt mình tròn sáng chẳng tùy thuộc người khác xoay chuyển. Như Đại sư Dung có bài tụng rằng:

"Chó mà sủa rừng lau,
Người mù nó giặc hổ,
Theo tiếng nên khiến mê,
Bởi vì mắt không thấy".

Nếu được lúc tâm mở chiếu lý, các kiến đều tuyệt, chẳng thấy Phật pháp là phải, chẳng thấy thế pháp là quấy. Vì trong tự tánh ngôn ngữ tư duy đều dứt tuyệt. Như nói không chỗ phải là Bồ-đề, không nên an đặt Phật Bồ-đề ở có chỗ bên phải. Như nay chỉ chẳng dùng an đặt, thể tự hư huyền, như vật báu lưu ly mặc tình đặt để đâu, tánh nó vẫn chẳng mất. Nếu biết được ấy cũng lại như vậy. Mặc tình hình sắc hơn kém của Thánh phàm ảnh hiện trong đó, tánh đó chẳng động. Người không biết việc ấy tức tùy theo sắc biến trước mà phân biệt tốt xấu, mà sanh mừng lo. Do đó, Tổ sư nói: "Tùy lưu nhận được tánh, không mừng lại không lo". Luận Khởi Tín nói: "Tâm sanh diệt môn nghĩa là y cứ Như Lai Tạng mà có tâm sanh diệt chuyển. Chẳng sanh diệt cùng sanh diệt hòa hợp, chẳng phải một chẳng phải khác, gọi là A-lại-da thức. Có hai thứ nghĩa tức là năng nhiếp hết thảy pháp, và năng sanh hết thảy pháp. Lại có hai thứ nghĩa: Một là nghĩa giác, hai là nghĩa bất giác. Nói nghĩa giác tức là tâm Đệ nhất nghĩa, tánh lìa hết thảy tướng vọng niệm. Vì lìa tất cả tướng vọng niệm, nên ngang bằng hư không giới, không đâu chẳng cùng khắp. Pháp giới nhất tướng tức là pháp thân bình đẳng của hết thảy Như Lai, y cứ pháp thân ấy mà nói hết thảy Như Lai là Bản giác. Vì đối đãi với thủy giác nên lập làm bản giác, nhưng lúc thủy giác

tức là bản giác, không giác nào riêng biệt khởi. Lập thủy giác nghĩa là y cứ bản giác có bất giác, y cứ bất giác nên nói có thủy giác. Lại vì nguyên tâm giác nên gọi là cứu cánh giác, nguyên tâm bất giác nên chẳng phải cứu cánh giác, cho đến vì có tâm vọng tưởng nên hay biết danh nghĩa, vì nói chân giác. Nếu không tâm bất giác thì không tự tướng chân giác có thể nói". Sớ Thích nói: "Nếu tùy nhiễm tùy lưu thành ở bất giác thì nhiếp thế gian pháp, nếu bản giác chẳng biến và thủy giác trở lại thì nhiếp xuất thế gian pháp". Sao giải nói: "Đối với trong bản giác và thủy giác mà luận về nhiếp pháp là, nếu chỗ nhiếp của bản giác tức là nghĩa Đại trí tuệ quang minh, nghĩa biến chiếu pháp giới, nghĩa chân thật giác tri v.v.... Nếu chỗ nhiếp của thủy giác tức là ba minh, tám giải thoát, năm mắt, sáu thần thông, mười lực, bốn vô úy, mười tam pháp bất cộng v.v..., nhưng đây y cứ thật tức đồng, nghĩa ngôn lại khác. Nên sớ nói: "Ở trong môn sanh diệt tùy theo dùng bất giác, ngược dòng thủy giác, đối với nghĩa dụng thì nhiếp pháp chẳng đồng. Nếu ở trong chân như môn thì dùng hòa hàm nhiếp nhiễm tịnh chẳng khác, nghĩa là dùng lý nhất chân như dung đó, khiến nhiễm tức chẳng phải nhiễm, tịnh tức chẳng phải tịnh, tức nhiễm tức tịnh sâu làm thành một vị, nên chẳng khác vậy". Như luận nói: "Hết thảy các pháp từ xưa đến nay, lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, rốt ráo bình đẳng không có biến dị, không thể phá hoại, chỉ là nhất tâm, nên gọi là chân như". Vậy biết tùy duyên của giác và bất giác tợ sanh nhiễm tịnh, duyên sanh không tánh, nhiễm tịnh đều hư dối. Lại nói: Lìa tướng ngôn thuyết, há có thể dùng ngôn ngữ mà đàm nói? Lìa tướng tâm duyên, há có thể dùng tâm mà lường? Thật nghĩa là tuyệt đường tâm ngôn, chỉ chứng tương ưng vậy. Vả lại, phàm phu nói năng là từ giác quán sanh, là cộng tướng hòa hợp mà khởi. Phân biệt là nhân ý thức sanh là do tính toán so lường mà khởi. Tám yếu mà nói là đều nhân bất giác giáo quán tùy sanh, nếu không tâm bất giác, hết thảy các pháp đều không tự tướng có thể nói, tùy phương tiện môn mà vì chỉ bày cứu cánh, chỉ đạo kết quy không ngôn từ. Nên luận nói: "Nếu lìa tâm bất giác thì không tự tướng chân giác có thể nói. Vì giác đối bất giác nói cộng tướng mà chuyển. Nếu không bất giác, giác không tự tướng. Như riêng một bàn tay không phát ra tiếng. Tư duy đó có thể thấy, cho đến các pháp nhiễm tịnh đều là như vậy, đều là tướng đối đãi mà có, rốt cùng không tự thể có thể nói. Như lìa dài làm gì có ngắn, lìa cao sao có thấp? Nếu vào trong Tông Kính tự nhiên tuyệt đối đãi.

Lại nữa, trong Sao hỏi: Sanh diệt và chân như mỗi tự nhiếp các

pháp, không biết nghĩa nhiếp là dị hay là đồng? Đáp rằng: Dị. Tại sao? Trong sanh diệt môn gọi là trùm thâu, trong chân như môn gọi là Dung nhiếp. Cai nhiếp nên nhiễm tịnh đều có, dung nhiếp nên nhiễm tịnh đều mất. Đều mất nên một vị chẳng phân. Đều có nên rõ ràng sai biệt. Luận Ma-ha-diễn nói: "Hai giác đây có hai môn: Một là lược nói Bản giác an lập môn; hai là lược nói Thủy giác an lập môn. Trong Bản giác môn thì lại có hai môn: Một là Thanh tịnh bản giác môn; hai là Nhiễm tịnh bản giác môn. Trong Thủy giác môn lại cũng có hai môn: Một là, Thanh tịnh thủy giác môn; Hai là, Thủy tịnh bản giác môn. Thế nào là Thanh tịnh bản giác? Vốn có pháp thân từ vô thỉ lại, đầy đủ công đức viên mãn quá hơn số cát sông Hằng, vì thường sáng sạch. Thế nào là Nhiễm tịnh bản giác? Tự tánh thanh tịnh tâm nhận chịu vô minh xông ướp, vì lưu chuyển sanh tử không đoạn tuyệt. Thế nào là Thanh tịnh thủy giác? Vô lậu tánh trí vượt khỏi hết thảy vô lượng vô minh, vì không nhận chịu hết thảy vô minh xông ướp. Thế nào là Nhiễm tịnh thủy giác? Bát-nhã nhận chịu vô minh xông ướp, vì không thể xa lìa. Các giác như thế đều là quyến thuộc của trí. Phải chứng lý gì dùng làm thể phần? Nghĩa là tánh chân như và lý hư không. Hai lý như thế, mỗi mỗi có hai thứ. Sao gọi là hai thứ chân? Một là, thanh tịnh chân như. Hai là, nhiễm tịnh chân như. Lý của hư không cũng lại như vậy. Thế nào gọi là thanh tịnh chân như? Vì hai thứ tịnh giác sở chứng chân như lìa huân tập. Thế nào gọi là nhiễm tịnh chân như? Vì hai thứ nhiễm tịnh giác sở chứng chân như chẳng lìa huân tập, lý của hư không cũng lại như vậy.

Vì nghĩa gì cưỡng gọi là Bản giác, chữ sự sai biệt, tướng đó thế nào? Tụng rằng: Bản giác mỗi thứ có mười, thể tuy đồng, mà chữ sự mỗi mỗi khác biệt, tức nghĩa của căn minh v.v.... Luận nói: Bản giác, mỗi thứ có mười. Thế nào là mười bản? Một là, chữ căn sự bản, pháp thân vốn có, hay khéo gìn giữ hết thảy công đức. Thí như rễ cây hay khéo gìn giữ cành lá và hoa quả v.v... không hư hoại không tổn mất. Hai là, chữ bản, sự bản pháp thân vốn có, từ vô thỉ lại, tánh tự nhiên có, vì chẳng từ mới đầu khởi. Ba là, chữ viễn sự bản pháp thân vốn có. Lúc đó có đức lớp lớp lâu xa không phân giới. Bốn là, chữ tự sự bản pháp thân vốn có, ta thành tự ta, chẳng do đâu khác mà thành ta. Năm là, chữ thể sự bản pháp thân vốn có, làm các chi đức làm nương tựa. Sáu là, chữ tánh sự bản pháp thân vốn có, nghĩa của chẳng chuyển vì thường kiếp lập. Bảy là, chữ trú sự bản pháp thân vốn có, trú ở vô trú, không khứ không lai. Tám là, chữ thường sự bản pháp thân vốn có, quyết định thật tế vì không lưu chuyển. Chín là, chữ kiên sự bản pháp thân vốn có. Xa

lìa phong tướng kiên cố chẳng động như Kim cang. Mười là, chữ tổng sự bản pháp thân vốn có, rộng lớn tròn đầy không chỗ chẳng khắp, vì làm thông thể. Đó gọi là mười.

Thế nào là mười giác? Một là, chữ kính sự giác, Tát bát-nhã tuệ thanh tịnh sáng sạch không có trần lụy. Hai là, chữ khai sự giác, Tát-bát-nhã tuệ thông đạt hiện rõ không có chướng ngại. Ba là, chữ nhất sự giác, Tát- bát-nhã tuệ riêng tôn riêng một không có sánh lường. Bốn là, chữ ly sự giác, Tát- bát-nhã tuệ, như tự tánh tuệ giải thoát vượt khỏi các thứ trói buộc. Năm là, chữ mãn sự giác, Tát- bát-nhã tuệ, tự đầy đủ vô lượng các công đức không chỗ khuyết thiếu. Sáu là, chữ chiếu sự giác, Tát- bát-nhã tuệ phóng Đại quang minh chiếu khắp hết thảy vô lượng cảnh. Bảy là, chữ sát sự giác, Tát- bát-nhã tuệ, thường luôn phân minh vì không mê loạn. Tám là, chữ hiển sự giác, Tát- bát-nhã tuệ, trong thể thanh tịnh, tịnh phẩm quyến thuộc thảy đều hiện tiền. Chín là, chữ tri sự giác, Tát- bát-nhã tuệ, đối với hết thảy các pháp không gì chẳng cùng khắp. Mười là, chữ giác, Tát- bát-nhã tuệ, nơi có công đức chỉ có giác chiếu, không mỗi một pháp mà chẳng phải giác. Đó là mười, chữ nghĩa mười thứ bản giác như vậy, chỉ y cứ một thứ bản tánh pháp thân, tùy nghĩa giải thích khác, căn cứ tự thể đó không khác biệt mà thôi. Điều trong đây nói trong hai bản giác, phải là bản giác nào? Nghĩa là Thanh tịnh bản giác chẳng phải Nhiễm tịnh bản giác. Nhiễm tịnh bản giác chữ nghĩa sai biệt. Tướng nó thế nào? Tụng rằng:

"Trong Nhiễm tịnh bản giác,
Hoặc mỗi có mười nghĩa,
Trước nói trong mười sự,
Mỗi có tánh xa lìa".

Luận nói: Trong bản giác đây, hoặc mỗi có mười, cớ sao như vậy? Trong mười nghĩa trước, mỗi đều có nghĩa chẳng giữ tự tánh. Chữ sự phối thuộc nương hướng nên biết. Hai giác như vậy là đồng hay dị? Chẳng phải đồng vì đồng, chẳng phải dị vì dị. Vì với nghĩa ấy, nên hoặc đồng hoặc dị, hoặc chẳng phải đồng, hoặc chẳng phải dị. Cho nên đều phải đều quấy mà thôi.

Bởi nghĩa gì mà cưỡng gọi là thủy giác. Chữ dị sai biệt, tướng đó thế nào? Tụng rằng:

"Từ vô thỉ đến nay,
Không có lúc hoặc loạn,
Ngày nay bắt đầu giác,
Nên gọi là thủy giác".

Luận nói: Từ vô thỉ lại, thủy giác Bát-nhã không lúc hoặc loạn, mà không lúc hoặc, ngày nay mới bắt đầu giác nên gọi là Thủy giác. Thủy giác như thế, trước hoặc sau giác, thì chẳng phải thủy giác, mà lúc không hoặc, lý thường hiện, nay thường mới đầu nên làm thủy giác. Thủy giác như thế, trong hai thủy giác phải là thủy giác nào ư? Nghĩa là Thanh tịnh giác, chẳng phải Nhiễm tịnh giác. Nhiễm tịnh thủy giác, chữ nghĩa sai biệt. Tướng nó thế nào? Tụng rằng:

"Trí thanh tịnh thủy giác,
Vì chẳng giữ tự tánh,
Mà hay nhận nhiễm huân,
Nên gọi Nhiễm tịnh giác".

Tuy lúc không lầm hoặc mà chẳng giữ tự tánh, hay nhận nhiễm huân, tùy duyên lưu chuyển, vì nghĩa như thế cho nên gọi là Nhiễm tịnh thủy giác. Bởi nghĩa gì mà cưỡng gọi là chân như, chữ sự sai biệt, tướng nó thế nào? Tụng rằng:

"Lý thể tánh chân như,
Bình đẳng bình đẳng một,
Vì không có nhiều tướng,
Nên gọi là chân như".

Luận nói: Lý tánh chân như bình đẳng bình đẳng, tuy đồng một tướng, cũng không một tướng cũng không nhiều tướng. Không một tướng nên xa lìa đồng duyên, không nhiều tướng nên xa lìa dị duyên. Vì nghĩa như vậy nên gọi là chân như. Hai chữ tịnh trí chân như như thế thân gần chỗ nội chứng.

Lại nữa, chân như, mỗi thứ có mười nghĩa: Một là, chữ căn sự chân, cho đến thứ mười chữ tổng sự chân, mười chân như thế mười thứ nghĩa bản tương ưng đều có, chẳng cùng xả ly, cho nên đồng gọi là biểu thị mà thôi. Thế nào là mười Như? Một là, chữ kính sự như, cho đến thứ mười chữ giác sự như, nghĩa mười giác như vậy tương ưng đều có chẳng cùng xả ly, cho nên đồng gọi là biểu thị mà thôi. Cớ sao như vậy? Mười thứ chân như, pháp thân vốn có, có đức phương tiện. Lý mười chân như, Tát Bát-nhã tuệ, có giác phương tiện. Vì với nghĩa đó, lại trọng ngôn từ, chỉ bày như vậy. Điều nói trong đây ở trong hai chân, phải chân như nào? Nghĩa là thanh tịnh chân như chẳng phải nhiễm tịnh chân như. Nhiễm tịnh chân như chữ sự sai biệt, tướng đó thế nào? Tụng rằng:

"Lý chân như thanh tịnh,
Vì chẳng giữ tự tánh,
Mà hay nhận nhiễm huân,

Là nhiễm tịnh chân như”.

Luận nói: Thanh tịnh chân như từ vô thỉ đến nay bình đẳng bình đẳng tự tánh thanh tịnh, chẳng sanh chẳng diệt, cũng không khứ lai, cũng không chỗ trú, mà chân như lý tánh chẳng giữ tự tánh nên tùy theo duyên động chuyển, đó gọi là nhiễm tịnh chân như. Chân như như thế hai trí nhiễm tịnh thân với nội chứng, tương ưng đều chẳng cùng xả ly. Các nghĩa như thế, xem nơi ở trước so sanh loại nên biết.

Do nghĩa gì mà cưỡng gọi là hư không. Chữ sự sai biệt, tướng đó thế nào? Hư không có mười nghĩa. Thể nó tuy đồng nghĩa, mà sự mỗi sai biệt, nghĩa là các nghĩa vô ngại v.v.... Luận nói: Lý tánh hư không có mười thứ nghĩa: Một là, nghĩa không chướng ngại, vì trong các sắc pháp không có chướng ngại. Hai là, nghĩa biến khắp, vi không nơi nào chẳng đến. Ba là, nghĩa bình đẳng, vì không chọn lựa. Bốn là, nghĩa rộng lớn, vi không phân ngần mé. Năm là, nghí vô tướng, vì tuyệt sắc tướng. Sáu là, nghĩa thanh tịnh, vì không trần lụy. Bảy là, nghĩa bất động, vì không thành hoại. Tám là, nghĩa hữu không, vì diệt hữu lượng. Chín là, nghĩa không không, vì lìa không đắm trước. Mười là, nghĩa vô đắc, vì không thể chấp. Đó gọi là mười. Mười sự như thế nghĩa dụng sai biệt. Nếu y cứ thể đó không khác biệt mà thôi. Lý hư không ấy hai thứ tình trí thân chỗ nội chứng, tương ưng đều có chẳng cùng xả ly. Trong hai thứ hư không, phải hư không nào? Nghĩa là thanh tịnh hư không chẳng phải nhiễm tịnh hư không. Nhiễm tịnh hư không, chữ sự sai biệt, tướng đó như thế nào? Tụng rằng:

“Lý thanh tịnh hư không,
Vì chẳng giữ tự tánh,
Mà hay nhận huân tập,
Là nhiễm tịnh hư không”.

Luận nói: “Thanh tịnh hư không đầy đủ mười đức, cũng không tướng nhiễm, cũng không tướng tịnh, mà tánh hư không chẳng giữ tự tánh, hay nhận chịu nhiễm tịnh huân tập tùy duyên lưu chuyển, cho nên gọi là nhiễm tịnh hư không”.

Lại nữa, Khởi Tín Luận Sớ nói: “Bản giác là vì đối với thủy nên nói đó là bản. Nói lìa niệm là lìa nơi vọng niệm hiển bày không bất giác. Ngang bằng với hư không v.v... chẳng chỉ không mờ tối của bất giác, mà còn có nghĩa Đại trí tuệ quang minh v.v..., nên vậy. Hư không có hai nghĩa, vì sánh với bản giác. Một là, nghĩa biến khắp, nghĩa là rộng khắp tam tế, thẳng thông Thánh phám, nên nói là không chỗ nào chẳng khắp. Hai là, nghĩa không sai biệt, nghĩa là tạo trong ràng buộc

hay ra ngoài chướng ngại, tánh vẫn thường không hai, nên pháp giới chỉ là nhất tướng. Muốn rõ nghĩa giác ra ngoài tướng ràng buộc hiển bày nên nói tức là Như Lai bình đẳng pháp thân, tức lý giác của pháp thân chẳng phải mới thành, nên nói y cứ pháp thân ấy mà gọi tên bản giác". Luận Vô Tánh Nhiếp nói: "Trí vô cấu vô ngại gọi là pháp thân ". Kinh Kim Quang Minh nói: "Gọi Đại viên kính trí là pháp thân", v.v..., đều là nghĩa ấy. Cớ sao như vậy? Trách đó lập danh có hai ý trách: Một là, trong phần mở chương trước thẳng nói vào nghĩa giác, cớ sao đến đây kết mới gọi là bản giác? Hai là, trong đây đã nói là bản giác, cớ sao trong luận gọi thẳng là giác ư? Tiến lùi đều trách vậy. Giải thích rằng: Vì đối với thủy nên nói đó là bản, đó là đáp lại ý mới đầu. Vì thủy tức đồng với bản, vì đến lúc tâm nguyên, thủy giác tức đồng bản giác, không có hai tướng, cho nên trong Luận Chỉ nói giác đó. Đó là đáp lại ý sau vậy. Bởi vì bản giác tùy nhiễm sanh ở thủy giác. Trở lại đối đãi với thủy giác đây mới gọi là bản giác. Nên nói bản giác là đối với thủy giác mà nói vậy. Nhưng thủy giác đây là chỗ thành của bản giác lại khế hợp với tâm nguyên. Dung đồng một thể mới gọi là thủy giác, nên nói vì thủy giác tức đồng bản vậy.

Hỏi: Nếu thủy giác khác với bản tức chẳng thành thủy, nếu thủy đồng với bản tức không khác của thủy giác, cớ sao nói đối với thủy nên gọi là bản?

Đáp: Nay ở trong sanh diệt nên ước về nghĩa tùy nhiễm, hình vốn bất giác nói ở thủy giác. Mà thật thủy giác lúc đến tâm nguyên, nhiễm duyên đã hết, thủy bản chẳng khác, bình đẳng tuyệt ngôn tức chân như môn nhiếp vậy. Cho nên tên của bản giác chỉ tại trong sanh diệt môn chẳng ở nơi chân như môn. Thứ hai, thủy giác là điệp sanh, y cứ bản giác mà có bất giác là nói rõ nguyên do khởi thủy giác, nghĩa là tức tâm thể này tùy vô minh duyên động làm vọng niệm, mà do sức huân tập bên trong của bản giác dần có hơi giác nhàm cầu cho đến rốt ráo trở lại đồng với bản giác. Nên nói y cứ bản giác. Do đó y cứ bản giác có bất giác, y cứ bất giác có thủy giác vậy. Luận nói: "Bản giác tùy nhiễm sanh tướng trí tịnh tức là thủy giác đây". Đại ý trong đây nói rõ bản giác thành bất giác, bất giác thành thủy giác. Thủy giác đồng bản giác, đồng bản giác nên tức không bất giác, không bất giác nên tức không bản giác, không bản giác nên bình đẳng bình đẳng lìa ngôn tuyệt lự. Cho nên Phật quả viên dung buồn bả vô ký, còn không khác của thủy bản, sao có khác của ba thân? Chỉ tùy vật tâm hiện nên nói dụng của Báo hóa vậy. Lại nữa, nay ước về chân như thì là bản giác. Vô

minh thì là bất giác. Chân như có hai nghĩa: Một là bất biến; hai là tùy duyên. Vô minh cũng có hai nghĩa: Một là vô thể tức không; hai là hữu dụng thành sự. Tùy duyên chân như và thành sự vô minh mỗi tự có hai nghĩa: Một là nghịch tự thuận tha; hai là nghịch tha thuận tự. Trong vô minh mới đầu nghịch tự thuận tha có hai: Một là, hay phản đối thuyên chỉ bày tánh công đức; hai là, hay biết danh nghĩa mà thành tịnh dụng. Nghịch người thuận tự cũng có hai: Một là che phủ chân lý; hai là thành vọng tâm. Trong chân như, nghịch người thuận tự có hai: Một là, lật đổ đối với vọng nhiễm hiển bày tự đức; hai là, huân tập vô minh khởi tịnh dụng. Nghịch tự thuận ngườicũng có hai: Một là, hiển bày tự chân thể; hai là, hiển hiện vọng pháp. Do nghĩa phản đối phiên bày ở trong vô minh và nghĩa lật đỗ vọng hiển bày đức ở trong chân như, từ hai nghĩa độ mà được có bản giác. Lại do nghĩa năng tri danh ở trong vô minh và nghĩa huân đúc bên trong trong chân như, từ hai nghĩa đó được có thủy giác. Lại do nghĩa che phủ chân ở trong vô minh và nghĩa ẩn thể ở trong chân như mà được có căn bản bất giác vụn vặt. Lại do nghĩa thành vọng ở trong vô minh và nghĩa hiện vọng ở trong chân như, mà được có bất giác. Giác và bất giác dung hòa gồm thâu chỉ tại một môn sanh diệt. Chân như môn ước thể tuyệt tướng nói. Bản giác môn ước tánh đức nói. Nghĩa Đại trí tuệ quang minh v.v... gọi là giác. Bản nghĩa là tánh, giác là trí tuệ tâm. Sao Thích nói: "Trong chân chẳng biến, trong vọng thể không, thành chân như môn. Trong chân tùy duyên, trong vọng thành sự thành sanh diệt môn. Cho đến hết thảy tịnh duyên phân chia pháp tướng thuộc ở hai giác. Hết thảy nhiễm duyên phân tể pháp tướng thuộc ở hai bất giác. Lại ở trong thể của tịnh pháp thuộc ở bản giác, dụng của tịnh pháp thuộc ở thủy giác. Lại thể của nhiễp pháp thuộc căn bản bất giác, tướng của nhiễm pháp thuộc bất giácvụn vặt. Lại thủy giác là ngọn chẳng lìa bản của gốc giác. Luận nói: "Thủy giác là tức đồng bản giác". Lại nói: "Mà thật không có khác của thủy giác, cho đến bình đẳng đồng một giác. Chi mạt bất giác chẳng lìa căn bản bất giác". Luận nói: "Phải biết vô minh hay sanh hết thảy nhiễm pháp, vì hết thảy nhiễm pháp đều là tướng bất giác, nhưng hai giác đó chỉ là khác của thể dụng, gốc ngọn hai bất giác chỉ là khác của thô tế. Há lìa thể mà có dụng, lìa tế mà có thô ấy ư? Lại chúng sanh căn bản mê có hai: Một là, mê pháp, nghĩa là vô minh trú địa mê che phủ pháp thể. Điều gọi là pháp, nghĩa là tâm chúng sanh gọi là tệ ý. Nên vô minh đây là mới đầu của mê chân gốc của vọng hoặc. Hai là, mê nghĩa thông bốn trú hoặc, do si ám trước, mê phủ che nghĩa của nhân duyên vô ngã, vọng lập các pháp. Chỗ mê các

pháp có nội có ngoại, nghĩa là kiêu mạn tà kiến đó là y cứ mê ngoại, vọng cho rằng ngã sở và cảnh giới bên ngoài mà sanh tham ái, như nai khát chạy quanh lửa dữ, vượn si vốc vầng nguyệt, không mà bày tính, luống vào vòng khổ, tất cả đều tự mê tâm, chẳng phải lỗi lầm người khác. Luận Đỗ Chánh nói: "Tâm là lời của Như Lai cao tìm Thánh địa. Thân tức thuyết của Bồ-đề tự cách phàm luân. Chẳng ngộ phàm công đức vô lượng chỉ tại trong tấc vuông, tướng hảo rõ ràng chẳng vượt ngoài ấm giới. Lại nữa, Bi Từ nói: Pháp tánh bình đẳng, thật tuệ hư thông, ta đồng ở khác, Như Lai ở đồng chẳng hoại ở hữu, không thủ ở không. Đạo chẳng phải ngoài tâm, Phật tức trong tâm.

Hỏi: Bất giác vọng tâm nguyên không tự thể, nay đã giác ngộ, lúc vọng tâm khởi, không có tướng mới đầu thì toàn thành chân giác. Tướng chân giác ấy là lại tùy vọng đều bỏ dứt, hay là ngay nơi thủy chung mà kiến lập?

Đáp: Nhân vọng nói chân, chân không tự tướng, từ chân khởi vọng vạn thể vốn hư dối. Vọng đã kết quy về không, chân cũng chẳng lập. Luận Khởi tín nói: "Nghĩa bất giác là từ vô thỉ lại chẳng như thật biết một pháp chân như. Tâm bất giác khởi mà có vọng niệm, tự không thật tướng, chẳng lìa bản giác, giống như người mê y cứ phương hướng nên mê, mê không tự tướng, chẳng lìa ở phương hướng. Chúng sanh cũng vậy, vì y cứ nơi giác mà có bất giác, vọng niệm mê sanh, nhưng bất giác ấy tự không thật tướng, chẳng lìa bản giác. Lại đối đãi bất giác vì nói chân giác, bất giác đã không, chân giác cũng bỏ dứt. Đó thì nói rõ tên của chaân giác đối đãi ở vọng tưởng. Nếu lìa bất giác tức không tự tướng của chân giác có thể nói. Đó là nói rõ chỗ nói chân giác hẳn đối đãi ở bất giác. Nếu chẳng cùng đối đãi tức không làm sao có tự tha, đợi tha mà có cũng không tự tướng, tự tướng đã không làm sao có tha tướng? Đó là hiển bày nghĩa các pháp không chỗ được". Luận nói: "Phải biết hết thảy nhiễm pháp tịnh pháp thảy đều là tướng đối đãi, không có tự tướng có thể nói". Luận Đại Trí Độ nói: "Nếu ở Thế tục đế như chỉ mảy may mà có thật, thì ở Đệ nhất nghĩa đế cũng phãi có thật, là nghĩa ở đây vậy". Lại kệ tụng nói rằng:

"Lúc Phật ngồi Đạo tràng,
Chẳng được một pháp thật,
Tay không dối trẻ em,
Dụ vượt qua tất cả.
Lại phàm lập chân vọng,
Đều là tùy ý khác,

Nói gom trong hóa môn,
Nếu người chóng kiến tánh,
Ai luận bàn việc đó."

Như nay chẳng ngộ ngay nhất tâm, đều là tà vạy. Giả sử ngoài cầu Phật quả, đều chẳng là chánh. Như Hàn Sơn Tử có lời thơ rằng:

"Nam nhi đại trượng phu,
Làm việc chớ khinh suất,
Thẳng cao tâm sắt đá,
Ngay lấy đường Bồ-đề.
Đường tà chẳng dùng đi,
Đi đó càng khó khổ,
Chẳng dùng cầu Phật quả,
Thức lấy tâm vương chủ."

Vậy biết nếu thấy có pháp có thể cầu, thấy đạo có thể hành đều là mất nghĩa tự tông của tâm vương. Nếu thẳng vào Tông Kính, muôn sự đều ngừng dứt. Phàm Thánh tình hết, an lạc diệu thường. lìa khỏi tâm ấy đều thành nhọc khổ. Do đó Phó Đại Sĩ có bài tụng rằng:

"Động sơn nước nổi lên,
Tây sơn đi chẳng dừng,
Bắc đẩu dưới Diêm-phù,
Là nơi thật giải thoát.
Đi đường dễ,
Đường dễ người không biết,
Nửa đêm vầng nhật trên đầu sáng,
Chẳng ngộ chân khổ nhọc".

Lại nữa, Hòa thượng Động trên vật Sơn ngộ đạo có kệ tụng rằng:

"Hướng vật trước, vật trên cầu thông,
Chỉ vì từ trước chẳng biết tông,
Đến nay thấy rõ đều vô sự,
Mới biết muôn pháp xưa nay không".

Hỏi: Chân đế chẳng sai lầm, bản giác chẳng hư dối, thế nào là đồng vọng một lúc đều bỏ dứt?

Đáp: Nhân mê lập giác, nói vọng nên chân, đều theo cơ nghi, mỗi một không tự thể, nói về thế tục thì có, y cứ nơi thật đế thì không, chỉ trừ tên của tướng đối đãi, chẳng phải diệt tánh của nhất linh, tánh chỉ tuyệt đối đãi, sự có đối đãi, trừ dứt phóng túng vì phá tình chấp, kiến lập vì trừ đoạn kiến, khổ hạnh khuất phục các ngoại đạo, thần thông giáo hóa ngu si kia, Tam-muội nhiếp phục thiên ma, không quán dứt tướng bó

buộc đó, thấy khổ đoạn tập. Vì đối với người tăng thượng mạn, chứng diệt tu chân đều thành kẻ hý luận, đều là quyền trí dẫn vào tông đây, thì không một pháp có thể dấy khởi, không một pháp có thể trừ dứt. Bốn ma chẳng thể giảm, đại giác chẳng thể tăng, trở lại tâm mà nghĩa lý toàn tiêu, hội yếu chỉ mà danh ngôn tự tuyệt.

Hỏi: Đã nói chân tâm tuyệt vết tích, lý vượt ngoài có không, cớ sao trong giáo rộng nói yếu chỉ vô danh vô tướng?

Đáp: Môn nhất tâm vi diệu khó cứu cánh, công đức khắp đủ, lý sự viên thông, hiểu biết hiếm cùng, phân biệt chẳng kịp, nhắm đặt là vô tướng. Kỳ thật không có pháp có thể xưng tên của vô tướng. Đặt làm vô sanh, cũng không có pháp để hiển bày lý của vô sanh. Luận Pháp Bồ-đề Tâm nói: "Bồ-tát quán sát hết thảy thiện và bất thiện, ngã và vô ngã, thật và chẳng thật, không và chẳng không, Thế đế và Chân đế, chánh định và tà định, hữu vi và vô vi, hữu lậu và vô lậu, hắc pháp và bạch pháp, sanh tử và Niết-bàn, như pháp giới tánh nhất tướng vô tướng, trong đó không một pháp nào có thể gọi là vô tướng, cũng không một pháp nào lấy làm vô tướng. Do đó gọi là hết thảy pháp ấn chẳng thể hoại ấn, ở trong ấn đó cũng không tướng ấn, đó gọi là trí tuệ chân thật". Giải thích rằng: Hết thảy pháp ấn là dùng tâm ấn đây ấn hết thảy pháp, khải định chân thật. Không thể hoại ấn là hết thảy các pháp có không trong ngoài chẳng thể phá hoại, ở trong ấn ấy cũng không tướng ấn là muôn pháp đều không cũng không sở ấn. Pháp của sở ấn đã không, trí của năng ấn chẳng phải có. Thông đạt như vậy, gọi là trí tuệ chân thật. Các vị cổ đức nói: "xem khắp pháp ấy, bản nguyên của chúng sanh, sở chứng của chư Phật, siêu vượt hết thảy lý, lìa tất cả tướng. Không thể dùng ngôn ngữ trí thức có không ẩn hiển tìm tòi mong cầu mà được. Chỉ tâm tâm cùng ấn, ấn ấn cùng khế, khiến tự chứng biết quang minh thọ dụng mà thôi.

Hỏi: Lập tâm làm tông, lấy gì làm thú hướng?

Đáp: Lấy tín hạnh đắc quả làm hướng Do đó trước lập Đại tông, sau làm Quy thú, nên nói chỗ chuộng của ngôn ngữ gọi là Tông, chỗ kết quy của tông gọi là Thú, bèn được dứt đoạn nghi ngờ sâu xa, khởi tin tròn đầy, sanh chánh giải thành chân tu viên mãn Bồ-đề cứu cánh thường quả. Lại nữa, duy thức tánh nhiếp đủ bốn pháp giáo lý hạnh quả. Tâm năng thuyên là giáo, tâm sở thuyên là lý, tâm năng thành là hạnh, tâm sở thành là quả. Pháp sư Pháp Tạng y cứ kinh Hoa Nghiêm lập nhân quả duyên khởi lý thật pháp giới lấy làm Tông thú. Giải thích rằng: Pháp giới nhân quả song dung đều lìa, tánh tướng hồn nhiên vô

ngại tự tại, có mười nghĩa môn: Một là, do lìa tướng nên nhân quả chẳng khác pháp giới, tức nhân quả chẳng phải nhân quả vậy. Đó tức tướng làm tông, lìa tướng làm thú, hoặc lìa tướng làm tông mất nhân quả làm thú. Chín môn sau, định theo tư. Hai là, do lìa tánh nên pháp giới chẳng khác nhân quả, tức pháp giới chẳng phải pháp giới. Ba là, do lìa tánh chẳng lẫn lộn tánh nên pháp giới tức thời nhân quả pháp giới rõ ràng thì vì chẳng phải pháp giới làm pháp giới vậy. Bốn là, do lìa tướng chẳng hoại tướng nên nhân quả tức thời pháp giới nhân quả rõ ràng thì vì chẳng phải nhân quả làm nhân quả vậy. Năm là, lìa tướng chẳng khác lìa tánh, nên nhân quả pháp giới cả hai lẫn lộn đều chứa chóng vượt lời lẽ suy tư. Sáu là, do chẳng hoại chẳng khác chẳng lẫn lộn, nên nhân quả pháp giới đều còn, hiện tiền rõ ràng có thể thấy. Bảy là, do năm sáu còn lẫn lộn lại chẳng khác nên siêu vượt diệu pháp của thấy nghe, không gì chẳng thường thông nghe thấy, tuyệt nghĩa sâu sắc của nghĩ bàn, chưa từng ngại ở nơi nghĩ. Tám là, do pháp giới tánh dung chẳng thể phân nên tức nhân quả của pháp giới mỗi mỗi đồng thời toàn thâu pháp giới không gì chẳng đều hết. chín là, nhân quả mỗi mỗi toàn thâu thời pháp giới, nhân quả tùy pháp giới, mỗi mỗi hỗ tương hiện trong nhân quả. Cho nên trong Phật có Bồ-tát, trong Phổ Hiền có Phật vậy. Mười là, hai vị nhân quả mỗi mỗi tùy theo pháp sai biệt, không gì chẳng trùm thâu pháp giới, nên mỗi mỗi một pháp, mỗi một hạnh, mỗi một vị, mỗi một đức đều mỗi gồm thâu vô tận, vô tận như lưới trời lớp lớp các biển pháp môn. Đó gọi là Hoa nghiêm vô tận tông thú, vì thật giáo của Hoa nghiêm gồm thâu các kinh. Nêu viên tông của vô tận, hay bao gồm cả muôn pháp, có thể gọi là biến khắp vô ngại tự dung thông, mới hiển bày ngã tâm hay thành Tông Kính.

Hỏi: Lấy tâm làm tông là chánh phái Thiền môn, vả lại, tâm là tên gọi, còn lấy gì làm thể?

Đáp: Trong thời gần nay, người học phần nhiều chấp văn trái với yếu chỉ, mê mờ thể nhận làm danh. Người nhận danh quên thể, đâu cùng thật địa, người theo văn mê yếu chỉ sao khế hợp với đạo nguyên? Thì tâm là danh, vì tri là thể, đó là linh tri, tánh tự thần giải, chẳng đồng như vọng thức nhờ duyên gá cảnh làm ý mà biết. Lại chẳng đồng như thái hư trống rỗng, đoạn diệt vô tri. Triệu Luận nói: “Bát-nhã vô tri là không có tri của thủ tướng, người thường đều gọi Bát-nhã là trí. Trí thì có tri vậy. Nếu có tri thì có chấp trước, nếu có chấp trước thì chẳng khế hợp với vô sanh. Nay rõ ràng chân trí Bát-nhã vô tướng vô duyên. Tuy soi xét Chân đế mà chẳng chấp tướng, nên nói là vô tri vậy”. Nên trong

kinh nói: "Tâm Thánh vô tri nhưng không chỗ nào chẳng biết vậy". Lại, cũng trong kinh nói: "Chân Bát-nhã là thanh tịnh như hư không, vô tri vô kiến vô tác vô duyên, đó thì tri tự vô tri vậy, đâu đợi phản chiếu sau mới vô tri đó ư? Chỉ tri đây tánh tự vô tri, chẳng đợi quên mất vậy". Vì chân tri ấy chẳng lạc vào cảnh có không, do đó, chư Phật có bí mật. Giáo của bí mật, Tổ sư im lặng truyền, tông của mật phó chỉ gồm xét mới tương ưng, chẳng phải phô bày của ngôn thuyên. Nếu người minh tông rõ ràng không mờ tối, tịch vậy mà thường biết, rành rành mà toàn mắt vọt sáng, đâu giả mượn hiển hiện của thần thông, rỡ rỡ mà không mảy trần chẳng thấu, đâu nhọc phu dương của diệu biện. Vì người chẳng thấu đạt mà chỉ bày phương tiện, khiến y cứ đây không u tối nào chẳng tận.

Hỏi: Các pháp sanh ra chỉ do tâm hiện. Là lại từ tâm mà biến hay là lại tức tâm tự tại?

Đáp: Bản tánh tâm đó, chẳng chỉ tâm biến. Kinh Hoa Nghiêm nói: "Biết hết thảy pháp tức tự tánh tâm, thành tựu tuệ thân chẳng do đâu khác tỏ ngộ". Kinh Pháp Hoa có kệ tụng rằng:

"Trong ba ngàn thế giới,
Hết thảy các quần manh,
Trời, người, A-tu-la,
Địa ngục quỷ súc sanh,
Các sắc tướng như vậy,
Đều từ trong thân hiện".

Tức biết tánh tâm biến khắp tất cả xứ. Do đó, bốn loại chúng sanh trong chín cõi đều từ trong thân tự tánh hiện. Lấy tự chân tâm làm tánh của hết thảy vạn hữu, tùy làm sắc không khắp cùng pháp giới, theo nghiệp phát hiện quả báo chẳng đồng. Ở dị sanh thì biển nghiệp nổi chìm, sanh tử tương tục, tại các Thánh thì pháp thân viên mãn diệu dụng vô cùng, ẩn hiển tuy khác, mà một tánh chẳng động.

Hỏi: Nếu hết thảy pháp tức tự tánh tâm. Cớ sao lại nói tánh cũng chẳng phải tánh?

Đáp: Tức tự tánh tâm ấy là biểu thuyên, do vì hết thảy pháp không tánh tức thật tánh của ngã tâm. Tánh cũng chẳng phải tánh, đó là già thuyên. Nếu hay siêu vượt văn thuyên của già biểu, hết sạch tình chấp của tức ly, mới là kiến tánh, mắt chính mình tròn sáng. Như nay nếu muốn chóng ngộ tự tâm, mở nghe đều từ tâm hiện. Ngoài tâm không có một mảy may pháp mà có thể tánh, mỗi mỗi chẳng cùng biết, mỗi mỗi chẳng cũng đến, cớ sao? Do vì một pháp, không pháp có thể cùng biết cùng đến. Nếu có hai pháp tức cùng qua lại, vì biết hoặc phàm hoặc

Thánh, hoặc cảnh hoặc trí đều đồng một tánh. Điều gọi là vô tánh, yếu chỉ của vô tánh đây là tông của đắc đạo, làm đầu mỗi nguyên do của bình đẳng, làm sở dĩ của thuyết tông, rõ bèn thành Phật, chẳng lạc công phu. Như trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng:

"Pháp tánh vốn không tịch,
Không thủ cũng không kiến,
Tánh không tức là Phật,
Không thể được nghĩ lường".

Nếu chẳng tin ngay ở đây, khởi niệm mong cầu, như người ngu si lánh hư không, tợ kẻ mất đầu chạy cuồng. Đại sư Dung nói: "Phân biệt phàm Thánh, phiền não thêm nhiều, tính lường trái thường, cầu chân trái chánh". Trong luận Bảo Tạng nói: "Vặt vãnh tinh cần nhọc dấy mộng lự, ra vẻ ngoài tìm chuyển mất huyền lộ". Do đó, mười phương chư Phật chánh niệm ở đây vào nguồn thật tánh, nên hay mở môn Đại tuệ bình đẳng, làm bạn không thỉnh mời của chúng sanh. Do đó, trong phẩm Vấn Minh nói: "Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi Bồ-tát Giác Thủ rằng: "Phật tử! Tâm tánh là một, cớ sao thấy có các thứ sai biệt? Điều gọi là đến thiện thú ác thú, các căn đầy khuyết, thọ sanh đồng dị, đoan chánh hay xấu xa, khổ vui chẳng đồng, nghiệp không biết tâm, tâm không biết thọ, thọ chẳng biết tâm, nhân không biết duyên, duyên không biết nhân, trí không biết cảnh, cảnh không biết trí". Khi ấy Bồ-tát Giác Thủ dùng kệ tụng đáp rằng:

"Nay Ngài hỏi nghĩa ấy,
Vì giác ngộ quần mông,
Tôi như tánh đó đáp,
Mong Ngài nên lắng nghe!
Các pháp không tác dụng,
Cũng không có thể tánh,
Cho nên hết thảy kia,
Mỗi mỗi chẳng cùng biết.
Thí như nước trong sông,
Tràn dòng đua chảy qua,
Mỗi mỗi chẳng cùng biết,
Các pháp cũng như vậy.
Cũng như đống lửa lớn,
Lửa dữ đồng thời phát,
Mỗi mỗi chẳng cùng biết,
Các pháp cũng như vậy.

Lại như gió lớn nổi,
Gặp vật đều cổ vũ,
Mỗi mỗi chẳng cùng biết,
Các pháp cũng như vậy.
Lại như các cõi đất,
Triển chuyển nhân nương dừng,
Mỗi mỗi chẳng cùng biết,
Các pháp cũng như vậy.
Mắt tai mũi lưỡi thân,
Tâm ý các tình căn,
Do đó thường lưu chuyển,
Mà không thể chuyển là.
Pháp tánh vốn vô sanh,
Thị hiện mà có sanh,
Trong đó không năng hiện,
Cũng không sở hiện vật.
Mắt tai mũi lưỡi thân,
Tâm ý các tình căn,
Hết thảy không - vô tánh,
Vọng tâm phân biệt có.
Như lý mà quán sát,
Hết thảy đều không tánh,
Pháp đã chẳng nghĩ bàn,
Thấy đây chẳng điên đảo.
Hoặc thật hoặc chẳng thật,
Hoặc vọng hoặc chẳng vọng,
Thế gian xuất thế gian,
Chỉ có giả ngôn thuyết".

Sớ Thích nói: "Lời hỏi với ý cho rằng minh tâm tánh là một, vì sao thấy có các thứ loại báo. Nếu tánh tùy theo sự khác thì mất Chân đế, nếu sự tùy theo tánh là một thì hoại Tục đế. Bày lời cứu kia, báo loại sai biệt tự do vì nghiệp v.v... huân thức biến hiện, chẳng liên quan đến tâm tánh nên không cùng trái. Vì ngăn cứu đó nên lại cật nạn nói nghiệp không biết tâm v.v..., nghĩa là tâm nghiệp hỗ tương y tựa mỗi không tự tánh. Tự tánh còn không thì sao có thể cùng biết mà sanh các pháp? Đã lìa chân tánh, mỗi không tự lập. Rõ ràng đó đều y cứ tâm tánh mà khởi, tâm tánh đã một, sự nên chẳng nhiều. Sự pháp đã nhiều, tánh nên chẳng phải một. Đó là nạn gốc ngọn cùng trái, chuẩn cứ ý hỏi đó,

lìa Như Lai Tạng, chẳng chấp nhậntám thức năng sở huân mỗi riêng biệt có tự thể năng sanh các pháp. Chỉ Như Lai Tạng là chỗ y cứ phát sanh. Bồ-tát Văn-thù muốn hiển bày lý của thật giáo, nên dùng tâm tánh mà làm nạn gốc, muốn khiến Bồ-tát Giác Thủ đem pháp tánh chỉ bày chúng sanh, quyết định mà đáp. Hải hội đồng chứng tâm tánh là một, nghĩa là tánh của tâm nên là Như Lai Tạng vậy. Lại nữa, tâm tức là tánh nên là tự tánh thanh tịnh tâm vậy. Lại nữa, tánh của vọng tâm là tánh của vô tánh, không Như Lai Tạng vậy. Tánh của chân tâm là tánh của thật tánh nên chẳng không Như Lai Tạng vậy. Đều bình đẳng không hai, nên nói là một vậy. Lại nữa, tánh của vọng tâm thành tánh của tâm, vọng tâm là tướng, vì tánh tướng chẳng đồng nên tánh của chân tâm, chân tâm tức tánh vậy. Lại nói, tánh của hai tâm trước, riêng rõ hai tạng. Hai tánh của trước đều đủ hai tạng, chỉ vì vọng che phủ nên gọi là Như Lai Tạng, nói thẳng tạng thể tức tự tánh tâm. Nên tự tánh thanh tịnh chân tâm đây chẳng cùng vọng hợp, gọi là không tạng. Đầy đủ đức như Hằng sa gọi là Bất không tạng. Trước nói rõ về tức ly, đây nói rõ về không hữu, nên lại nêu bày vậy. Nói đều bình đẳng không hai. Tức ly hai trên chẳng đồng, do tánh của tâm nên chẳng tức, do tâm tức tánh nên chẳng ly. Chẳng tức chẳng ly là tánh của tâm. Tức không hai đây thật là chẳng không. Không của tức thật là không tạng, không hữu chẳng hai là tánh của tâm, nhưng không hữu là tánh của không hai, tức là tánh của chẳng tức chẳng ly, nên chỉ nói là một. Lại nữa, chẳng phải chỉ bản tánh là một. Ta tinh tế tìm tòi việc hiện tại mỗi mỗi chẳng cùng biết. Đã có các thứ, bởi duyên gì mà chẳng cùng biết? Đã chẳng cùng biết, ai nói các thứ? Mỗi mỗi quán sát, chưa biết nguyên do của các thứ vậy. Đã không cùng biết, là phải một tánh hay là phải các thứ, lại nạn có hai ý: Một là, nói về bản thức, nghĩa la nghiệp là năng y, tâm là sở y, lìa sở không năng nên nghiệp chẳng biết tâm, lìa năng không sở nên tâm không biết nghiệp, vì mỗi không thể dụng chẳng thể cùng thành. Đã mỗi mỗi chẳng cùng biết. Ai sanh các thứ? Hai là, nói theo đệ lục thức, nghiệp là sở tạo, tâm là năng tạo, thảy đều chóng diệt, lúc khởi không nói là ta khởi, lúc diệt không nói ta diệt, sao có thể mà được cùng sanh thành các thứ ư? Lại nói về rạng vấn về cảnh trí tương đối tương kiến hư vô nghĩa là cảnh là tâm biến, cảnh không biết tâm, tâm gá cảnh sanh, tâm không biết cảnh. Vì không tâm ngoài cảnh hay chấp cảnh ngoài tâm, cho nên tâm cảnh hư vọng chẳng cùng biết vậy. Nghiệp không biết tâm, tâm không biết nghiệp là có hai: Một là, ước bản thức, nghiệp là tâm sở nên y cứ ở tâm, tâm là đệ bát làm căn bản y, tức lìa sở không

năng. Cớ sao? Không sở y, tâm vương không thể y nghiệp, nay y tâm có nghiệp, nghiệp theo duyên sanh nên không tự tánh, chẳng thể biết tâm. Nếu lìa năng không sở nghĩa là lìa năng y nghiệp thì tâm chẳng phải sở y, nay chỗ thành do nghiệp, sở y không tánh nên không thể biết nghiệp, nghĩa là mỗi mỗi tùy theo duyên thành tánh không không thể. Tướng y không sức lực nên nói là không dụng. Do đó trong kinh nói: “Vì không thể dụng nên không cùng biết”. Hai là, nói theo Đệ lục thức, nghiệp là sở tạo, tâm là năng tạo, tức lấy đệ lục thức gọi là tâm, từ nơi tích tập vì thông cùng nói, nghĩa là đệ lục thức người chấp vô minh, mê nghĩa chân thật vì lý dị thục, vì thiện và bất thiện tương ưng, tư duy tạo tội v.v.... Vì tội phước chẳng động v.v..., ba hành huân A-lại-da thức, hay cảm năm thú, ái chẳng phải ái v.v... các thứ báo tướng, hỗ tương nghĩa không cùng biết. Thông tướng mà nói, đều ước không thể dụng, biệt tướng mà nói, dụng môn chẳng đồng. Dụng ấy lược có hai môn: Một là, Vô thường môn, kinh nói: “Hết thảy đều chóng diệt”. Trong phẩm Đệ Tử ở kinh Tịnh Danh nói: “Hết thảy pháp như huyễn như điện chớp, các pháp không cùng đối đãi, cho đến một niệm chẳng trú vì các pháp đều vọng kiến, thì tâm nghiệp đều không”. Trong kinh Hoa Nghiêm có bài tụng rằng: “Các báo tùy nghiệp sanh, như mộng chẳng chân thật, niệm niệm thường hoại diệt, như trước sau cũng vậy”. Nên do vô thường chẳng thể cùng biết. Hai là, Vô ngã môn, tức lúc khởi không nói ta khởi, lúc diệt không nói ta diệt. Nói theo pháp Vô ngã rõ ràng không cùng biết. Thọ không biết báo, báo không biết thọ là, thọ là nhân của năng thọ, báo là báo của sở thọ, tức thứ danh ngôn, như luận Duy thức nói: “Lại nữa, sanh tử tương tục do các tập khí, nhưng các tập khí gồm có ba thứ: Một là danh ngôn tập khí; hai là, ngã chấp tập khí; ba là, hữu chi tập khí. Danh ngôn tập khí nghĩa là pháp Hữu vi mỗi riêng thân chủng. Một là. Danh ngôn có hai: Một là, biểu nghĩa danh ngôn, tức năng thuyên nghĩa âm thanh sai biệt. Hai là, hiển cảnh danh ngôn, tức năng liễu cảnh tâm tâm sở pháp, tùy sự huân tập của hai thứ danh ngôn thành chủng làm pháp Hữu vi, mỗi riêng biệt nhân duyên. Giải thích rằng: Nói mỗi riêng thân gồm từng thứ, vì ba tánh khác chủng. Năng thuyên nghĩa âm thanh là, giản không thuyên âm thanh, vì kia chẳng phải danh, danh là trên âm thanh quanh co, chỉ thuộc tánh vô ký, không thể huân thành các thứ sắc, tâm, v.v.... Nhưng nhân danh khởi chủng lập danh ngôn chủng. Hiển cảnh danh ngôn, tức tâm kiến phần v.v... của bảy thức, chẳng phải tâm tướng phần. Tâm tướng phần là chẳng thể hiển bày cảnh, kiến phần v.v... này thật chẳng phải danh ngôn, như ngôn thuyết danh hiển nghĩa

sở thuyên. Tâm tâm sở ấy hay hiển cảnh sở liễu, như tợ danh kia vì hay thuyên nghĩa, tùy hai thứ danh ngôn đều huân thành chủng. Luận nói: Ba hữu chi tập khí nghĩa là chiêu nghiệp chủng dị thục trong Tam giới. Hữu chi có hai: Một là, hữu lậu thiện, tức năng chiêu quả nghiệp khả ái. Hai là, các bất thiện, tức năng chiêu quả nghiệp chẳng phải ái. Tùy hai thứ hữu chi huân tập thành chủng, khiến quả dị thục thiện ác hoàn toàn khác, nên luận tụng rằng:

"Do các nghiệp tập khí,
Hai thủ tập khí câu,
Dị thục trước đã diệt,
Lại sanh dị thục khác".

Năng dẫn nghiệp ấy là các nghiệp tập khí. Danh ngôn chủng đây tức là hai thủ tập khí. Ngôn làm nghiệp sở dẫn là tức nghĩa câu kia, thân gồm biện quả thể tức do danh ngôn. Nếu không nghiệp chủng chẳng chuốc lấy khổ vui, như giống mà không ruộng đất trọn không thể nẩy mầm. Nên danh ngôn đây do nghiệp dẫn khởi mới nhận thọ báo khổ vui là quả dị thục ở tương lai. Nên trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Nghiệp làm ruộng thức làm giống vậy".

Như trên, các thứ nạn vấn, nghĩa chẳng cùng biết đã xong, đến đây đáp dùng duyên khởi tướng do môn giải thích là: Câu đầu nhân duyên cùng giả qua lại đều không sức lực. Câu kế tiếp là quả pháp gồm rỗng nên không thể tánh. Do đó, hư vọng duyên khởi lược có ba nghĩa: Một là, lại y cứ qua lại mỗi mỗi không thể dung nên chẳng cùng biết. Hai là, do y cứ vô tri vô tánh đây mới có duyên khởi. Ba là, do vọng pháp đây mỗi mỗi không chỗ có, khiến chân lý vô tánh thường luôn hiển hiện. Lại, quả từ nhân sanh, quả không thể tánh, nhân do quả lập, nhân không thể tánh. Nhân không thể tánh, sao có dụng của cảm quả. Quả không thể tánh, đâu có khả năng đáp nhân. Lại tiếp đãi qua lại nên không sức lực vậy. Lấy tha làm tự nên không thể vậy. Cho nên thể dụng đều không. Do đó, hết thảy các pháp mỗi mỗi chẳng cùng biết vậy. Nay, trước tiên dùng Tứ đại để thí dụ đó. Một là y cứ thủy có chảy rót; Hai là y cứ hỏa có ánh khởi diệt; Ba là y cứ phong có động tác; Bốn là y cứ địa có giữ gìn. Trong pháp có bốn: Một là y cứ chân vọng tương tục; Hai là y cứ chân vọng khởi diệt; Ba là vọng dụng y cứ chân khởi; Bốn là vọng làm sở trì của chân. Nhưng pháp dụ đây mỗi mỗi có ba nghĩa: Một là cứ năng y; Hai là y sở y; Ba là chỉ sở y. Nay trong dụ đầu tiên chỉ cứ năng y là lưu (chảy). Nhưng lưu chú (chảy rót) đây có mười nghĩa chẳng cùng biết mà thành lưu chú: Một là dòng, trước chẳng tự chảy do

dòng sau đuổi nên chảy, thì dòng trước không tự tánh nên không biết sau. Hai là dòng, sau tuy đẩy dòng trước mà chẳng đến nơi dòng trước nên cũng không cùng biết. Ba là dòng, sau chẳng tự chảy do dòng trước dẫn nên chảy, thì dòng sau không tự tánh nên chẳng thể biết trước. Bốn là dòng, trước chảy tuy dẫn sau mà chẳng đến sau nên cũng chẳng cùng biết. Năm là, năng đuổi và sở dẫn không hai nên chẳng cùng biết. Sáu là, năng dẫn và sở đuổi không hai nên chẳng cùng biết. Bảy là, năng đuổi và sở bày không hai nên chẳng cùng biết. Tám là, năng dẫn và sở dẫn không hai nên chẳng cùng biết. Chín là, năng đuổi và năng dẫn chẳng được cùng nên chẳng cùng biết. Mười là, sở đuổi và sở dẫn cũng chẳng được cùng nên chẳng cùng biết. Đó thì trước sau qua lại chẳng cùng đến, mỗi mỗi không tự tánh, chỉ do như vô tri vô tánh đây mới có lưu chú, thì chẳng chảy mà chảy vậy. Triệu công nói: "Sông ngòi đua tranh rót mà chẳng chảy", tức nghĩa ấy vậy. Hai là, y sở y là ,dòng trước dòng sau mỗi mỗi đều y cứ nước, đều không tự thể, chẳng thể cùng biết, nhưng chẳng hoại tướng chảy, nên nói là dòng nước chảy. Ba là, chỉ sở y là, chảy đã gồm không, chỉ là nước, nước trước nước sau không hai tánh nên không thể cùng biết. Đó thì vốn không có chảy mà nói chảy vậy. Ba nghĩa trong hai pháp đó. Một là, chảy là dụ cho năng y vọng pháp. Hai là, vọng y chân lập. Ba là, vọng hết chỉ chân. Vọng duyên trong thứ nhất khởi pháp tợ hỗ tương nương gá, mỗi mỗi chẳng thể cùng đến, thảy đều không tự tánh nên vô tánh vô tri. Đó thì có mà chẳng phải có vậy. Hai là, y sở y, nghĩa là vọng pháp ấy mỗi mỗi tự rỗng chứa chân mới lập. Nào có thể dụng có thể cùng biết cùng thành, tức do vô tri vô thành ấy chứa chân nên có. Đó thì chẳng phải có mà làm có vậy. Ba là, chỉ sở y, nghĩa là năng y vọng pháp chóng không thể dụng, chỉ có chân tâm nổi trội hiển hiện. Đã không đây kia sao có cùng biết? Chánh do nghĩa đó, vọng pháp có tức chẳng phải có làm có. Lại nói chân tánh ẩn, lấy chẳng phải ẩn làm ẩn. Lại trước sau có hai: Một là sanh diệt trước sau; hai là đây kia trước sau. Sanh diệt trước sau là trước diệt sau sanh qua lại dẫn đuổi Đó tức là nói dọc như Trang và Lão, nghĩa là nước chảy đây sanh diệt trong từng sát-na, sát-na trước diệt, sát-na sau sanh. Đây kia trước sau là, đó tức là nói ngang, giống như hai người đồng đi trên đường hẹp, người sau đuổi trước, người trước dẫn sau, nước của từng phần đều có trước sau. Cho đến mảy giọt có trước mảy giọt sau mảy giọt, nên tích chứa nhiều thành chảy rót (lưu chú) thì không tánh vậy. Tiểu thừa cũng nói đương xứ sanh diệt, không dụng từ đây chuyển đến phương khác mà chẳng biết nghĩa của vô tánh duyên khởi vậy.

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 7

Phàm, nước dụ chân tâm là vì nước có mười nghĩa đồng với chân tánh: Một là, thể nước lắng trong dụ cho tự tánh thanh tịnh tâm. Hai là, gặp bùn thành dơ bẩn dụ cho chân tâm chẳng nhiễm mà nhiễm. Ba là, tuy sơ bẩn mà chẳng mất tánh sạch, dụ cho tịnh tâm nhiễm mà chẳng nhiễm. Bốn là, nếu bùn lắng thì sạch hiện, dụ cho chân tâm mê hoặc hết thì tánh hiện. Năm là, gặp lạnh thành băng mà có dụng cứng chắc, dụ Như Lai Tạng cùng vô minh hợp thành dụng của bản thức. Sáu là, tuy thành dụng cứng chắc mà chẳng mất tánh mềm mại. Bảy là, gặp ấm nóng dung thành mềm mại, dụ bản thức hoàn tịnh. Tám là, tùy theo gió sóng động mà chẳng đổi tánh tĩnh, dụ cho Như Lai Tạng tùy gió vô minh mà gợn sóng khởi diệt mà chẳng biến tánh tự chẳng sanh diệt. Chín là, tùy đất cao thấp bày dẫn chảy rót mà chẳng động tự tánh, dụ cho chân tâm tùy duyên chảy rót mà tánh thường vắng lặng. Mười là, tùy vật đựng vuông tròn mà chẳng mất tự tánh, dụ cho chân tâm biến khắp các pháp hữu vi mà chẳng mất tự tánh.

Lại nữa, kinh thư nói: “Thượng đức như nước, vuông tròn mặc tình đồ chứa đựng, cong thẳng tùy theo hình vật”. Như Tiểu thừa Câu-xá luận cũng nói các pháp Hữu vi có sát-na hết. Cớ sao biết có? Vì sau có hết. Đã sau có hết, nên luận nói: “Nếu xứ này sanh, tức xứ này diệt, không dung từ đây chuyển đến phương khác”. Nếu sanh đây diệt đây, chẳng đến phương khác, tức đồng nghĩa không chuyển dời, mà có pháp thể là sanh là diệt, nên chẳng phải Đại thừa. Pháp Đại thừa là duyên sanh vô tánh, sanh tức chẳng sanh, diệt tức chẳng diệt, nên chuyển dời tức chẳng phải chuyển dời, thì lý đó cách biệt. Lại nữa, Trung Luận sớ nói: “Thường và Vô thường môn là, thường tức là định vị của trời, người, nên không lui tới. Vô thường tức sáu thú mỗi đều hết một hình cũng không lui tới. Lại, thường tức là ngưng nhiên bất động, vô thường là niệm niệm đổi khác, khiến ai lui tới, thì thường và vô thường pháp đều chẳng cùng đến, đều không lui tới”. Triệu Luận nói: “Phàm, điều con

người gọi là động là vì vật xưa chẳng đến nay, nên nói động mà chẳng phải tĩnh. Điều ta gọi là tĩnh, cũng vì vật xưa chẳng đến nay, nên nói tĩnh mà chẳng phải động, động mà chẳng phải tĩnh vì nó chẳng tới, tĩnh mà chẳng phải động, vì nó chẳng lui, nhưng mà chỗ tạo chưa từng khác, chỗ thấy chưa từng đồng. Nghịch đó thì gọi là bít, thuận đó thì gọi là thông. Nếu được đạo đó, lại trệ gì ư? Thương thay lầm hoặc nhân tình đã lâu lắm vậy, mất đối với chân mà chẳng giác ngộ. Đã biết chẳng lại của vật qua, mà cho là vật nay có thể qua. Vật qua đã chẳng lại, vật nay sao có thể qua. Sao thì cầu trước vật ở trước, ở trước chưa từng không, trách trước vật ở nay, ở nay chưa từng có. Vì rõ vật chẳng lại, ở trước chưa từng không nên biết vật chẳng đi, giẫm trải mà cầu nay, nay cũng chẳng qua. Đó gọi là vật xưa tự tại xưa chẳng từ nay đến xưa. Vật nay tự tại nay, chẳng từ xưa đến nay, nên Trọng Ni nói: "Hồi ấy thấy mới, chen vai chẳng phải cũ". Như vậy, thì vật chẳng cùng đi lại rõ ràng vậy. Đã không điểm nhỏ đi lại, lại vật nào mà có thể động ư? Giải thích rằng: "Hồi ấy thấy mới, chen vai chẳng phải cũ là Khổng tử nói cùng Nhan Hồi rằng: "Tôi cùng ông trọn đời chen một vai đã tàn tạ, đâu đợi tóc bạc sau đó mới biến đổi ư?" Ý rõ ràng vật vật thường tự mới, niệm niệm chẳng cùng đến, giữa khoảng chen vui còn chẳng còn đợi. Đã mất người trước, đâu được đến già mà sau đổi ư? Lại nữa, niệm trước đã cũ, niệm sau luôn mới, trọn ngày cùng thấy, luôn là người mới, nên nói thấy mới. Người mới như thế, thấy đó chỉ như giây phút chen vai, sớm là niệm sau người mới, chẳng phải lúc niệm trước vậy, nên nói cũng chẳng phải cũ vậy. Nếu niệm trước đã cũ, niệm sau đã nói, mới chẳng đến cũ, cũ chẳng đợi mới, trước sau chẳng cùng đến, nên chẳng chuyên dời vậy. Tay hai người mới đầu cùng thấy giờ như khoảng khắc giờ nắm tay chen vai, sớm đã qua vậy. Đây là lấy nhanh chóng vậy. Nên nói "vật xưa tự tại xưa, vật nay tự tại nay, như hồng nhan tự tại thân của đồng tử, tóc bạc tự ở thể tuổi già". Do đó nói: Người thì cho rằng trẻ mạnh đồng thể, trăm tuổi một chất, không biết năm qua, chẳng rõ hình theo, do đó, Phạm chí xuất gia tóc bạc mà trở về, người ở gần thấy đó hỏi: "Người xưa còn đó ư?" Phạm Chí nói: "Tôi như người xưa, chẳng phải người xưa vậy". Người ở gần đều ngạc nhiên chẳng phải lời nói đó. điều gọi là người có sức vác đó mà theo, người mờ tối không thấy biết. Đó nghĩa của đây ư? Tôi như người xưa là, như (= do) nghĩa là tợ vậy. Tôi tuy thân này tợ với người xưa. Nhưng nhan sắc trẻ nhỏ tự tại ở xưa, nay tướng của già suy tự tại ở nay thì chẳng phải người xưa vậy. Nên nói không biết năm qua, không rõ hình theo, người đời tuy biết năm tháng

tại xưa trước, đâu biết dung mạo của đương thời. Cũng tùy theo tuổi ở thời xưa, thì trẻ nhỏ chẳng đến tuổi già, trong sát-na chẳng cùng biết, niệm niệm chẳng cùng đợi, đâu được trẻ mạnh đồng thể, trăm tuổi một chất ư? Lại nữa, tuổi qua đi hình cũng qua đi, đó là nghĩa chuyển dời, tức trong chuyển dời đây có chẳng chuyển dời vậy. Năm trược tại thời trước, hình trước tại ngày trước, đó nghĩa là chẳng chuyển dời, mà người mới cho là người của ngày trước chuyển dời đến ngày nay, đó gọi là lầm hoặc vậy. Lại nữa, xưa tự tại xưa, sao phải chuyển dời đến nay, nay tự tại nay sao phải chuyển dời đến xưa? Nên luận nói: "Do đó, nói qua chẳng hẳn qua, xưa nay thường còn, vì nó chẳng động. Gọi đi chẳng hẳn đi, nghĩa là chẳng từ nay đến xưa, vì nó chẳng lại. Trong kinh nói chuyển dời, chưa hẳn tức chuyển dời, vì xưa ở xưa, nay ở nay nên vậy. Sở dĩ nói vô thường là phòng ngừa chấp thường của người, nói thường trú là phòng ngừa chấp đoạn của người. Ngôn tuy trái mà lý chẳng khác, ngữ tuy ngược mà chân chẳng chuyển dời, không thể tùy ngôn ngữ của phương tiện có không, mà mê tánh nhất tâm chẳng chuyển dời". Lại giải rằng: Như Phạm Chí bạc đầu mà trở về, người ở gần cho rằng trẻ mạnh đồng thể, nên nói người còn đó ư? Điều gọi là người có sức lực, thì các sự ba tàng v.v..., vô thường ngầm vận, sức lực vác đêm đi, chen vai luôn mới, niệm niệm bỏ cũ, mà thường thấy mờ tối đó, cho rằng bền chắc vậy. Người ở gần không biết, nghĩa là đây vậy. Lại nữa, có sức lực tức là sức lực lớn của vô thường. thế gian chưa có một pháp nào chẳng bị vô thường nuốt mất, nên nói: Nhưng mà sở dĩ tàng núi của trang sinh, sở dĩ đến sông của Trọng Ni, đó đều là cảm giác người qua lại khó lưu. Đâu nói: Bày nay mà có thể đi. Bản ý của Trang tử nói pháp chẳng trú, niệm niệm luôn mới, vật vật mỗi trú, mỗi trú cùng nhân mà chẳng cùng đến tức chẳng chuyển dời vậy. Đối với người lầm hoặc thì làm vô thường chẳng trú, mới mẻ sanh diệt mà gọi đó là chuyển dời. Nếu người trú thí thấu rõ tánh không vô tri, niệm niệm vô sanh, gọi đó là chẳng chuyển dời, Trang Tử có ba tạng, nghĩa là tăng núi ở đầm, giấu thuyền ở hóa, giấu thiên hạ ở nơi thiên hạ. Gọi đó là bền chắc, là không như vậy. Nhưng vô thường nửa đêm mang vác đó mà đi. Mê muội là bất giác. Ba tạng là giấu người ở phòng nhà, tàng vật ở khí cụ, đó là giấu nhỏ, tàng thuyền ở hốc, chứa giấu núi ở đầm đó là chưa giấu lớn. giấu thiên hạ ở thiên hạ, đó là không chỗ giấu chứa. Nhưng lớn nhỏ tuy khác, tàng đều được thích nghi, như niệm niệm chuyển chảy, mới mẻ đổi thay. Vậy biết đạo của biến hóa không xứ nào có thể trốn vậy. Phàm tàng thiên hạ ở nơi thiên hạ là đâu tàng được ư? Bởi không chỗ tàng vậy. Khổng

tử ở tại trên sông nói: "Đi ấy như thế ư? Chẳng bỏ đêm ngày, đi ấy là qua vậy, mênh mông giữa dòng, chưa từng tạm dừng, đêm ngày thường vậy. Cũng than sự bất giác của người đời, nên nói đó đều là cảm giác khó lưu người qua lại". Đâu nói bày nay mà có thể qua. Đó là Trang Khổng đều than đi qua khó dừng, đều nói vô thường đi vậy, đâu có thể tìm tòi vật ở ngày nay đến, ngày xưa? Nếu ngày nay chẳng đến xưa tức ngày nay tự tại nay, ngày xưa tự tại xưa, thì nay xưa hiển nhiên, đều chẳng chuyển dời vậy. Nên nói: Cớ sao? Người thì cầu xưa ở nay, gọi đó là chẳng trú. Tôi thì cầu nay ở xưa, biết đó chẳng đi. Nay nếu đến xưa, xưa nên có nay. Xưa nếu đến nay, nay nên có xưa, nay mà không xưa, vì biết không lại, xưa mà không nay, vì biết chẳng đi. Nếu xưa chẳng đến nay, nay chẳng đến xưa. Mỗi sự tánh nó dừng, có vật gì mà có thể đi lại. Kinh Đại Niết-bàn nói: "Mạng người chẳng dừng, còn hơn sông núi". Phàm vô thường có hai: Một là bại hoại vô thường; hai là niệm niệm vô thường. Người chỉ biết hoại diệt vô thường, mà không biết niệm niệm vô thường. Luận nói: "Nếu động mà tĩnh tợ đi mà dừng, kinh nói vô thường nhanh chóng, tợ như lưu động, căn cứ lý thì tuy vô thường, trước sau chẳng cùng đi lại, nên như tĩnh vậy, tuy là niệm niệm rơi rụng đi, xưa nay mỗi tánh mà trú, ngay đó tự tịch lắng nên như dừng vậy. Tuy nói xưa nay mỗi tánh mà trú, ngay đó tự tịch lắng, mà rõ ràng niệm niệm chẳng trú, trước sau tương tục vậy, thì chẳng phải thường chẳng phải đoạn, chẳng phải động chẳng phải tĩnh, thấy nguyên tánh của vật vậy. Cổ đức hỏi rằng: "Mỗi tánh mà trú, tợ như Tiểu thừa, chấp các pháp mỗi có tự tánh nó mỗi khác ư?" Đáp rằng: Vì phá đi lại, nói rõ không đi lại. Vì vậy y cứ thể mà nói đó, nên nói mỗi tánh mà trú, chẳng phải nghĩa quyết định, thì dùng vô tánh mà làm tánh, chẳng đồng ngoại đạo Nhị thừa, chấp có tự tánh quyết định, từ đây hướng đến kia. Nếu chẳng chấp có định tánh đi lại, cũng chẳng nói mỗi tánh mà trú. Nên luận nói: "Nói đi chẳng hẳn đi, tưởng thường của chúng sanh, nói dừng chẳng hẳn dừng, chỗ dừng của nhà Phật". Lại nữa, Lưu Trạm ghi chú rằng: Trang Tử tàng núi, Trọng Ni đến sông là ý Trang tử nói rõ núi trước chẳng phải núi sau, ý Phu tử nói rõ nước trước chẳng phải nước sau, nửa đêm có sức vác đó mà đi, tức bốn mùa sanh trú dị diệt niệm niệm chuyển dời chẳng dừng vậy. Do đó, nếu ngoài tâm chấp thủ pháp, chỗ thấy của vọng mộng, tình cho là đi lại, thì niệm niệm luân hồi. Tâm tùy cảnh chuyển, còn không biết tướng thô vô thường, sao có thể tỏ ngộ yếu chỉ kín mầu của chẳng chuyển dời ư? Nếu hay thấy pháp làm tâm, tùy duyên rõ tánh, không một pháp nào từ ngoài mà vào, không một pháp nào từ

trong mà sanh, không một pháp hòa hợp mà có, không một pháp tự nhiên mà thành, như vậy thì còn chẳng thấy một mảy may tướng trú, sao có thể quán muôn pháp đến đi. Đó là triệt để sáng tông, thấu đảnh thấy tánh, tâm tâm thường hợp đạo, niệm niệm chẳng trái tông, đi dừng đồng thời, xưa nay nhất quán. Nên trong kinh Pháp Hoa nói: "Ta quán sát lâu xa giống như mới ngày nay". Kinh Duy-ma nói: "Pháp không khứ lai, vì thường chẳng trú". Nếu rõ chân tâm không chỗ trú, diệu tánh chẳng biến dị đây, mới là cứu cánh rõ ràng không chuyển dời vậy.

Trong luận nói trên, nêu dẫn kinh điển nội ngoại, mượn xưa nay của sự tướng thế gian, nhờ rõ chẳng chuyển dời, đồng vào chân thật, do đó, thời nhân pháp lập, pháp tự vốn không, pháp thể của sở y còn không, xưa nay năng y sao có? Nếu mượn phương góc mà biện giải pháp, nhân ngón tay thấy vầng nguyệt mà không phòng ngại, hoặc theo phương tiện mà mê lầm chân, chấp giải hiểu trái tông mà trở lại sai lầm. Nên trong Tín Tâm Minh nói: "Tín tâm không hai, không hai tín tâm, tuyệt đường ngôn ngữ, chẳng đi lại nay".

Thứ hai y cứ hỏa có ánh khởi diệt, nghĩa trong dụ đồng như trước. Mới đầu chỉ là ánh lửa, nghĩa là ánh lửa khởi diệt. Có hai nghĩa đó: Một là, ánh lửa trước lụi diêt dẫn khởi ánh lửa sau. Ánh lửa sau không thể mà hay biết trước. Ánh lửa trước đã diệt, lại không chỗ biết. Cho nên mỗi mỗi đều chẳng cùng biết. Hai là, ánh lửa trước nếu chưa diệt cũng y cứ trước dẫn, không thể nên không hay biết, ánh lửa sau chưa đến nên không chỗ biết, cho nên kia cũng mỗi mỗi chẳng cùng biết. Vọng pháp cũng vậy, sát-na sanh diệt, không thể tự lập, nghĩa là đã diệt và chưa sanh, không vật gì có thể biết, sanh rồi thì diệt, không thể có thể biết, cho nên đều không chỗ có vậy. Đó thì chảy vàng đá vụn mà chẳng nóng vậy. Thứ hai ý cứ sở y, nghĩa là ánh lửa kia tức do không thể không dụng đây chẳng có mà làm có vậy. Vọng pháp cũng vậy, y cứ chân lý không chỗ y đây mới là vọng pháp, đó cũng chẳng phải có làm có vậy. Thứ ba, chỉ sở y là tìm tòi ánh lửa của khởi diệt, thể dụng đều không, không lý của ánh lửa, nổi trội hiển hiện, đó thì không có của vọng pháp, có không của vọng pháp trạm nhiên hiển hiện, bèn khiến tướng của duyên khởi tướng không chẳng cùng tận, lý của vô tánh lý không chẳng hiện. Lại nữa, lửa y cứ củi mà có, củi là có khả năng đốt cháy, lửa tức là đốt cháy, vì nhân đốt cháy có thể đốt cháy, thì đốt cháy không thể, có thể nhân đốt cháy đốt cháy thì có thể đốt cháy không thể. Lại nữa, ánh lửa trước đã diệt ánh lửa sau chưa sanh, khoảng giữa không dừng trú, như ngay trên một niệm tức có ba thời, đã diệt làm đã sanh, chưa sanh

làm chưa sanh, sanh rồi tức diệt là lúc sanh. Nên kinh Tịnh Danh nói: "Nếu quá khứ sanh, quá khứ sanh rồi diệt, nếu vị lai sanh vị lai sanh chưa đến, nếu hiện tại sanh hiện tại sanh không dừng trú". Trong kinh nói: "Tỳ-kheo! Ông nay tức thời cũng sanh cũng già cũng diệt". Nên ba thời không thể không thể cùng biết vậy.

Thứ ba y cứ phong có động tác, dụ cho vọng dụng y cứ chân mà khởi, ba nghĩa đồng như trước. Một là, chỉ động là lìa vật của sở động, tướng động của gió trọn không thể được, không thể cùng biết. Vọng pháp cũng vậy, lìa sở y chân thể không thể được, nên không thể cùng biết. Đó thì xoay khí nép núi mà thường tĩnh lặng vậy. Hai là, y cứ sở y, nghĩa là gió không thể tự động, cần phải nương tựa vật mà hiện động, động không tự thể có thể vì biết vật, vật chẳng tự động, tùy theo gió không thể, chẳng thể biết trong phong pháp hay y cứ vọng pháp, cốt yếu y cứ chân lập, không thể biết chân, chân tùy theo vọng ẩn, không cùng biết vọng. Ba là, chỉ sở y, nghĩa là gió cổ xúy nơi vật, động chỉ là vật động, tướng gió đều tận, không thể cùng biết, tác dụng vọng pháp tự bản tánh không, chỉ sở y chân nổi trội hiển hiện, cho nên vọng pháp toàn tận mà chẳng diệt. Chân tánh toàn ẩn mà luôn lộ bày, năng sở huân v.v... pháp vốn tự vậy, tư duy đó có thể thấy.

Thứ tư y cứ địa có nhậm trì là, dụ vọng làm chân sở trì, ba nghĩa đồng như trước.Thứ nhất, Mới đầu địa giới nhân y có hai thứ nghĩa: Một là nói về tự loại; hai là nói về dị loại. Trong trước từ Kim cang tế lên đến mặt đất đều trên y dưới, dưới trì trên, triển chuyển nhân y mà được an trú, nhưng trên năng y đều lìa sở y không thể mà hay biết dưới. Lại nữa, trên trên năng y thấu triệt đến dưới, không dưới có thể cùng biết, dưới dưới năng trì thấu triệt đến trên, không trên có thể cùng biết. Cho nên, hoặc là y hoặc là trì cùng không chẳng tận, chỗ hiện vọng pháp phải biết cũng vậy, hẳn là thô y tế, nghĩa là khổ báo y ở nghiệp, nghiệp y vô minh tạo, vô minh y sở tạo, triển chuyển không thể, không vật có thể cùng biết, đó thì sâu chuyển muôn vật mà bất nhân vậy. Triệu công cũng nói: "Còn không sụp đổ, không nghĩa là chẳng tĩnh vậy". Lão tử nói: "Đất trời bất nhân vì muôn vật làm cỏ khô". Kinh nói: "Thí như đại địa mang đội bốn trách nhiệm nặng mà không nhọc nhàm vậy". Bất nhân là chẳng ỷ lại nhân đức vậy, giống như chó cỏ đâu có khả năng sủa giữ. Nên nói chỉ đạo vô tâm muôn vật tròn đầy vậy. Hai là, dị loại, như trong kinh nói: "Địa luân y cứ thủy luân, thủy luân y cứ phong luân, phong luân y cứ hư không, hư không không sở y". Căn cứ đó thì vọng cảnh y cứ vọng tâm, vọng tâm y cứ bản thức, bản thức y cứ Như Lai

Tạng. Như Lai Tạng không sở y, cho nên, nếu lìa Như Lai Tạng thì các vọng pháp khác mỗi mỗi hỗ tương y tựa, không thể có thể cùng biết, vậy thì không gì chẳng đều tận. Thứ hai, y sở y, nghĩa là địa giới chánh do mỗi mỗi không tự tánh mà được tồn tại dựng lập. Như trên nếu có thể thì không cùng y, vì không cùng y nên chẳng được có pháp. Do đó, quậy vô tánh đây để thành pháp kia, pháp hợp có thể biết. Thứ ba, chỉ sở y, nghĩa là quậy vô tánh để thành pháp kia, đó thì pháp kia không gì chẳng đều tận mà chưa từng chẳng diệt, chỉ lý vô tánh mà riêng hiện tiền.

Lại nữa, đã không cùng biết, do các thứ duyên gì? Đây có bốn nhân: Một là, do vọng phân biệt; hai là, các thức huân tập; ba là do vô tánh chẳng cùng biết; bốn là, chân như tùy duyên. Nhưng bốn nhân ấy chỉ là nhất trí, nghĩa là do vọng phân biệt làm duyên, khiến chân như chẳng giữ tự tánh, tùy duyên thành có. Các thức huân tập triển chuyển không cùng, nếu đạt vọng nguyên, thành tịnh duyên khởi, điều nghi ngờ trước nói là các thứ đó, là một tánh đó, nay đáp là các thứ thường, thường một tánh. Lại cật nạn: Một tánh tùy ở các thứ thì mất Chân đế. Các thứ tùy ở một tánh thì hoại Tục đế. Nay đáp là hai thứ ấy hỗ tương thành lập đâu đáng cùng trái. Tánh chẳng phải ngoài sự, nào từng trái với các thứ? Các thứ tánh không nào từng trái với một tánh. Do vô tánh nên có, một tánh hay thành các thứ, duyên sanh nên không, các thứ hay thành một tánh. Do đó, pháp của duyên khởi, gồm có bốn nghĩa: Một là, duyên sanh nên có, tức vọng tâm phân biệt có cho đến các thứ huân tập đều vậy. Hai là, duyên sanh nên không, tức các pháp không tác dụng cũng không có thể tánh phải vậy. Ba là, vô tánh nên có, vì nghĩa có không nên hết thảy pháp được thành vậy. Bốn là, vô tánh nên không, tức hết thảy không là vô tánh vậy.

Lại nữa, tánh có hai nghĩa: Một là có; hai là không. Lại có hai nghĩa: Một là bất biến; hai là tùy duyên. Vì nghĩa có nên nói hai không sở hiện, tức pháp tánhvốn vô sanh vậy. Vì nghĩa không nên nói y tha không tánh, tức là viên thành tức mỗi mỗi chẳng cùng biết. Vì nghĩa có nên nói bất biến. Vì nghĩa không nên nói tùy duyên. Hai bất nhị này, tùy duyên tức là bất biến, bất biến nên hay tùy duyên. Nếu chỉ bất biến tánh sao dự pháp, nếu chỉ tùy duyên pháp đây xứng tánh? Lại nữa, nếu tánh lìa pháp, pháp diệt đoạn diệt, pháp lìa tánh thì vốn không mà nay có? Lại nữa, nếu pháp tức tánh, tánh thường nên thường. Tánh nếu tức pháp, pháp diệt nên diệt. Hai ấy cùng thành, chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Hai ấy cùng đoạt, chẳng phải có chẳng phải không, là nghĩa Trung đạo. Trong kinh có kệ tụng rằng:

"Nhãn nhĩ tỷ thiệt thân,
Tâm ý các tình căn,
Do đó thường lưu chuyển,
Mà không người năng chuyển".

Vì nhãn v.v... tám thức làm năng sở huân triển chuyển làm nhân mà thường lưu chuyển, không riêng biệt ngã nhân, nên nói không người năng chuyển. Do vì cử thể tánh không mới thành lưu chuyển, tức tám thức đây, mỗi mỗi không thể tánh, nên không thật ngã pháp mà làm chủ đó. Như trên, nếu có tánh, không thể huân biến, thảy đều y cứ ở tâm, như dòng chảy y tựa nước, lửa y cứ củi, nối tiếp không biết, mới mẻ chẳng dừng. Thiện thú ác thú tức là tổng báo, do nghiệp huân tâm, nhận chịu chỗ thọ báo, như nước trôi dòng chẳng dứt đoạn. Tuy nhiên lưu chuyển mà không ai chuyển, nên nói do đây thường lưu chuyển, và không người năng chuyển, là như Luận Thích nói: "Như dòng thác đổ, chẳng đoạn chẳng thường, tương tục lâu dài, có chỗ nổi chìm, sanh thức cũng vậy, từ vô thỉ lại, mỗi mỗi sát-na, quả sanh nhân diệt". Quả sanh nên chẳng phải đoạn, nhân diệt nên chẳng phải thường. Nổi chìm có tình, khiến chẳng ra khỏi. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Hết thảy chúng sanh, làm dòng thác lớn, sóng cả dập chìm". Kinh Lăng-già nói: "Biển tạng thức thường trú, gió cảnh giới lay động". Luận Duy thức nói: "Thường chuyển như bộc lưu". Luận Khởi Tín nói: "Như nước biển lớn, nhân gió mà sóng động v.v...".

Lại nữa, vì trong hư vọng nó có hai nghĩa: Một là hư chuyển; hai là vô chuyển. Nên thường các thứ, thường một tánh vậy. Vì hư chuyển nên tục khác chân mà tương tục lập. Vì vô chuyển nên chân chẳng khác tục mà thể chân còn, nên hỗ tương chẳng cùng chống trái vậy. Pháp tánh vốn vô sanh. Pháp tánh, pháp nghĩa là lúc pháp y chánh sai biệt v.v.... Tánh nghĩa là thể tánh sở y của pháp ấy, tức là tánh của pháp, nên gọi là pháp tánh. Lại nữa, tánh lấy bất biến làm nghĩa, tức đây có thể làm khuôn phép, cũng gọi là pháp. Đó thì tánh tức pháp, nên gọi là pháp tánh. Hai nghĩa ấy đều ước ở bất biến mà giải thích vậy. Lại nữa, tức tất cả pháp mỗi mỗi vô tánh nên gọi là pháp tánh, tức tánh của tùy duyên pháp tức tánh vậy. Vốn (bản) vô sanh. Vốn có hai nghĩa: Một là, nói theo bất biến, vốn tức nguyên bản, xưa nay bất sanh, tùy duyên nên sanh. Hai là, nói theo tùy duyên, có pháp đây lại vốn từ bất sanh. Chẳng đợi diệt không tức hiện bày lúc sanh vốn bất sanh, nên nói trong đây không năng hiện, cũng không vật sở hiện, thì vọng tâm phân biệt. Tình kế gọi là có, nhưng có tức chẳng có, nên nói hết thảy không vô tánh. Đó

tức là tự hư rỗng của muôn vật, đâu đợi cắt xẻ để cầu thông ư?

Lại nữa, nói về tương đãi tương đoạt, giải thích chẳng cùng biết. Nói tương đãi, tức nghiệp không thức chủng chẳng thân biện thể, chẳng chuốc lấy khổ vui tức cùng tương đãi, thì mỗi mỗi không tự tánh. Nói tương đoạt tức vì nghiệp đoạt nhân, chỉ do nghiệp chuốc lấy nên nhân không hư vọng. Vì nhân đoạt duyên thì chỉ tâm làm thể, nên nghiệp như hư không cùng đoạt riêng lập, cũng chẳng thể cùng biết. Cùng đoạt cả hai đều mất, không thể cùng biết. Lại do vì vô sanh nên chẳng cùng biết, vì duyên đoạt nhân nên chẳng tự sanh. Vì nhân đoạt duyên nên chẳng tha sanh. Nhân duyên hợp biện, tương đãi vô sanh, nên chẳng cộng sanh. Cùng cả hai đều mất, không nhân sao sanh. Do bất sanh đây, với loại chẳng biết, rành rẽ dễ rõ vậy, tức là nhân làm, tự lấy duyên làm tha, hợp đây làm cộng, lìa đây làm không nhân, cùng có còn chẳng cùng biết, cùng không há có thể cùng biết ư? Nên biết các pháp tương đãi đều không tự tánh. Như Trung Luận Tương Đoạt Môn nói: "Bất không đã phá không pháp cũng mất". Kệ tụng rằng:

"Nếu có pháp chẳng chân,
Tức nên có pháp chân,
Thật không chẳng pháp chân,
Nào được có pháp chân".

Cũng như nhân dơ nói sạch, tánh dơ vốn không, tướng sạch nào có? Một môn đối nhauđãi đây, phá hết các pháp, vì các pháp đều là tương đãi mà có, chưa từng có một pháp mà hay độc lập. Nên luận Nhân Duyên Vô Tánh nói: "A-nan và Điều-đạt đều là em của Thế Tôn. La-hầu và Thiện Tinh đồng là con cháu của Như Lai, mà A-nan thường thân gần hầu hạ cung cấp, còn Điều-đạt luôn dấy nghịch hại, La-hầu thì gìn giữ châu ngọc chẳng phạm, Thiện Tinh thì phá khí vật khó gom thâu. Lấy đó mà quán xét, thực có thể biết vậy. Nếu nói: Mỗi mỗi có tự tánh chẳng thể biến đổi. Đây không như vậy, đến như chim ưng hóa thành chim cưu, bản tánh chóng hết, cây quýt biến thành cây chanh, mùi vị trước trọn mất. Nên biết hữu tình vô tình, mỗi mỗi đều không tánh cố định, chỉ tùy tâm biến, chỉ thọ nghiệp sanh, bèn có môn từ phàm vào Thánh, sự chuyển ác làm thiện. Kinh Đại Bát-nhã nói: "Như chứng đắc các pháp vô tánh làm tánh, cứu cánh viên mãn, mới gọi là Phật". Nên biết dựng lập Tam bảo, thành môn Phật sự, đều từ vô tánh duyên sanh mà được hưng hiển. Do đó, kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam-muội nói: "Bấy giờ, trưởng lão Ma-ha Ca-diếp bạch Phật rằng: "Con nghĩ là Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi trong các đời trước từng làm Phật sự, hiện ngồi

Đạo tràng, chuyển Đại pháp luân, chỉ dạy cho các chúng sanh, rồi nhập đại diệt độ”. Phật dạy: “Đúng vậy! Đúng vậy! Cho đến, này Ca-diếp! Nay ông hãy quán sát thế lực Thủ Lăng Nghiêm Tam-muội, các Đại Bồ-tát dùng sức lực đó thị hiện nhập thai, rồi sơ sanh, xuất gia, đến Bồ-đề thọ ngồi nơi Đạo tràng, chuyển Diệu pháp luân, nhập Bát Niết-bàn, phân bố xá-lợi, mà cũng chẳng xả pháp của Bồ-tát. Đối với Bát Niết-bàn chẳng phải là rốt ráo diệt độ”. Khi ấy trưởng lão Ma-ha Ca-diếp nói cùng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi rằng: “Nhân giả! Thật hay thực hiện các việc hiếm có khó làm như vậy, chỉ dạy cho chúng sanh!” Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói: “Ca-diếp! Ý ông nghĩ thế nào, núi Kỳ-xà-quật đó do ai tạo nên? Thế giới ấy cũng từ đâu mà xuất hiện?” Trưởng lão Ca-diếp đáp: “Văn-thù-sư-lợi! Hết thảy thế giới, cho đến bọt nước hình thành cũng từ nghiệp nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn của chúng sanh mà có ra”. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói: “Hết thảy các pháp cũng từ nghiệp nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn mà có. Tôi đối với việc ấy không có công sức. Tại sao? Hết thảy các pháp đều thuộc nhân duyên, vì không có chủ, tùy ý sở thành, nếu hay thấu hiểu vậy, chỗ làm chẳng khó”. Giải thích rằng: Nếu rõ hết thảy pháp đều thuộc nhân duyên, đều không tự tánh, chỉ là tâm sanh, thì phàm có làm gì chẳng nhờ mượn công sức. Vì lý của vô tánh, môn của pháp dĩ tùy duyên buông cuộn, tự tại vô ngại, kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng:

“Như tâm tánh đó mà quán sát,
Rốt cùng tìm cầu không thể được,
Hết thảy các pháp không có thừa,
Đều vào ở như không thể tánh”.

Lại có kệ tụng rằng:

“Thí như tự tánh của chân như,
Trong ấy chưa từng có một pháp,
Chẳng được tự tánh là chân tánh,
Dùng nghiệp như vậy mà hồi hướng”.

Luận Hoa Nghiêm nói: “Hết thảy chúng sanh mê mờ căn bản trí mà có các pháp khổ vui thế gian, vì trí vô tánh tùy duyên bất giác, khổ vui nghiệp sanh, vì trí vô tánh làm chỗ khổ buộc, mới hay tự giác căn bản vô tánh, các duyên vô tánh, muôn pháp tự tịch lắng. Nếu lúc chẳng biết khổ, vì vô tánh nên gồm chẳng biết hữu tánh vô tánh, như người nhân đất mà ngã, và cũng nhân đất mà dậy. Hết thảy chúng sanh nhân tự tâm căn bản trí mà ngã cũng nhân đó mà khởi. Lại vì trí thể không tánh chỉ tùy duyên hiện, như vọng hưởng giữa không trung ứng

theo vật mà thành tiếng. Trí của vô tánh chỉ ứng duyên phân biệt, do vì phân biệt, si ái tùy theo khởi dậy". Lại nữa, ở luận Trung Quán phá nên không có Như Lai có kệ tụng rằng:

"Kẻ tà kiến sâu dày,
Thì nói không Như Lai,
Như Lai tướng tịch diệt,
Phân biệt có cũng quấy.
Như vậy trong tánh không,
Tư duy cũng chẳng thể,
Sau khi Như Lai diệt,
Phân biệt ở có không".

Lại nữa, Tổng Phất kệ tụng rằng:

"Như Lai quá hý luận,
Mà nhân sanh hý luận,
Hý luận phá tuệ nhãn,
Đó đều chẳng thấy Phật".

Luận Thích nói: "Hý luận là ức niệm, phân biệt đây và kia v.v...". Phẩm Như Lai đây đầu, giữa và cuối tư duy Như Lai tánh cố định không thể được, cho đến năm cầu bốn câu đều chẳng phải, nên kệ tụng nói:

"Như Lai không có tánh,
Tức là tánh thế gian,
Như Lai không có tánh,
Thế gian cũng không tánh".

Vì Như Lai một tánh nghĩa không, biết hết thảy các pháp thế gian đều là không tánh, đồng nghĩa Như Lai. Trong Hoa Nghiêm diễn nghĩa dẫn kệ tụng trong kinh Pháp Hoa nói:

"Chư Phật ở đời sau,
Tuy nói trăm ngàn ức,
Vô số các pháp môn,
Kỳ thật chỉ một thừa.
Chư Phật đấng phước tuệ,
Biết pháp thường không tánh,
Phật chủng theo duyên khởi,
Cho nên nói Nhất thừa.
Pháp ấy trú ngôi pháp,
Thế gian tướng thường trú,
Nơi Đạo tràng biết rồi,
Đạo sư phương tiện nói."

Nay chỉ trích dẫn hai câu để hiển bày các pháp là không tánh thành nghĩa một tánh vậy. Như ba kệ tụng trên, các vị giải thích chẳng đồng, nay giải thẳng văn kinh. Kệ tụng thứ nhất nêu rõ ngay Phật mở quyền, chung quy về một thật, nên nói kỳ thật chỉ một thừa. Kệ tụng kế tiếp, giải thích nguyên do nói Nhất thừa, vì chỉ là một tánh, nói nếu như có hai tánh thì nên có hai thừa, đã chỉ một tánh nên nói một thừa vậy. Biết pháp thường không tánh. Biết tức là chứng biết. Pháp tức pháp bị chứng biết, tức sắc tâm v.v... hết thảy các pháp, thường không tánh là lý sở chứng, tức như lý không tánh. Biết rõ các pháp sao là không tánh? Nghĩa là sắc tâm v.v... từ xưa đến nay, tánh tướng không tịch, chẳng phải tự chẳng phải tha, chẳng phải cộng chẳng phải lìa, trạm nhiên thường tịch, nên nói là không tánh. Mà nói thường là có nghĩa xưa nay tức không, chẳng phải tìm tòi đó khiến không, nên nói thường không tánh vậy. Phật chủng theo duyên khởi là, có hai nghĩa: Một là, nói về nhân chủng. Nhân chủng tức là Phật tánh chánh nhân. Nên kinh Niết-bàn nói: "Phật tánh tức là chủng tử đạo trong Vô thượng Bồ-đề". Chủng này tức là lý thường không tánh ở trước. Nên kinh Niết-bàn lại nói: "Phật tánh tức là Đệ nhất nghĩa không", nghĩa của không tánh tức không vậy. Duyên tức Lục độ vạn hạnh. Nhân duyên Phật tánh đó khởi chánh nhân kia, khiến được thành Phật. Cho nên nói Nhất thừa là chỉ dùng Phật tánh khởi ở Phật tánh, ngoài ra không tánh nào khác, nên nói Nhất thừa là xứng lý nói vậy. Thể đồng gọi là tánh, tướng tợ gọi là chủng. Nên Trung Quán nói: "Như lúa nếp tự sanh lúa nếp, chẳng sanh các thứ lúa thóc khác". Đó, thuộc về tánh vậy. Mầm lá hoa hạt, loại nó không sai, đó thuộc về chủng vậy. Hai là, ước về quả chủng tánh, trong đó nói: "Phật báo chỉ có Phật, lý ấy không sai", tức nghĩa của tánh vậy, giảng pháp độ người, loại đều tương tợ, tức nghĩa của chủng vậy. Chủng tánh của quả, duyên chân lý sanh. Nên nói theo duyên, vì vậy giải thích kệ tụng đó là Phật duyên lý sanh. Lý đã không hai, cho nên nói Nhất thừa vậy. Ý nói là chứng lý thành Phật, xứng lý nói một, trong đây câu kệ biết pháp thường không tánh, toàn như trong phẩm xuất hiện ở kinh Hoa Nghiêm nói: "Đức Như Lai lúc thành Chánh giác, ngay trong tự thân, thấy khắp hết thảy chúng sanh đều thành Chánh giác. Cho đến, thấy khắp chúng sanh nhập Niết-bàn đều đồng một tánh". Điều gọi là không tánh cho đến biết hết thảy pháp đều không tánh, nên đắc Nhất thiết trí. Đại bi tương tục cứu độ chúng sanh, nói biết không tánh vì tánh Phật đồng. Căn cứ kinh văn nói: "Do biết không tánh còn được một thành, huống gì không nói Nhất thừa mà độ thoát đó". Kệ tụng sau cùng nói

pháp ấy trú ngôi pháp v.v... là lại giải thích kệ tụng trước. Nói pháp ấy, tức là pháp nhận biết trước, sở dĩ thường không tánh là do trú ở chánh vị của chân như. Do duyên không tánh, duyên khởi tức chân, do tức chân, nên nói là không tánh. Nói ngôi pháp, tức là chánh vị của chân như. Nên luận Đại Trí Độ nói: "Pháp tánh pháp giới, pháp trú pháp vị (ngôi pháp) đều là dị danh của chân như". Thế pháp tức như nên đều thường trú, nghĩa là nhân trái với thường lý, thành Tam giới vô thường. Nếu hiểu được thật của vô thường, tức vô thường mà thành thường vậy, thì thường và vô thường, hai lý chẳng thiên lệch, nên kinh Niết-bàn so sánh đó như hai chim bay dừng đồng ở. Nay ở nơi Đạo tràng chứng biết hết thảy thế gian vô thường tức lý chân thường, như gương treo nơi nhà cao rộng muôn ảnh tượng đều soi thấy đó, hai mà chẳng hai, không thể nói bày. Do sức phương tiện giả dùng ngôn thuyết. Một thừa, còn là giả nói huống gì có hai hoặc ba, thì lý của Nhất thừa, chí lý không quá, tông của không tánh, các tông chẳng kịp. Có thể gọi là cương cốt của Tông Kính, chỉ năm của Tổ giáo vậy. Do đó, trong kinh Giải Thâm Mật nói: "Hết thảy các pháp đều không tự tánh. Không sanh không diệt, xưa nay tĩnh lặng, tự tánh Niết-bàn". Trong kinh Thương Chủ Thiên Tử Sở Vấn nói: "Nếu pháp là không, tức chẳng tự tại, nếu chẳng tự tại, thì là vô dục, nếu là vô dục, thì là chân tánh, nếu là chân tánh, tức gọi không tánh".

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 8

Hỏi: Phàm, không tánh lý đồng, vậy tông nào gồm

Đáp: Tông pháp tánh gồm, như chư sư xưa trước nói: Pháp tánh có thể là nghĩa của Tông pháp tướng, trên sự không thể là nghĩa của Tông pháp tánh.

Hỏi: Như hết thảy pháp thật là không tánh, chẳng được người giáo ý, sợ thành kiến chăng?

Đáp: Nếu là có tánh, một pháp chẳng thành. Do vì không tánh nên các duyên đều lập. Ở trong không tánh, có và không đều chẳng thể được, há thành đoạn kiến thường kiến ư? Như kinh Đại Bát-nhã nói: “Các Bồ-tát Ma-ha-tát rất là hiếm có, thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, quán sát hai không, tuy biết các pháp, hết thảy đều như mộng như tiếng vang, như ảnh tượng như bóng sáng, như dương diệm, như huyễn như hóa, đều chẳng phải thật có. Dùng không tánh làm tánh, tự tướng đều không mà hay an lập thiện, chẳng phải thiện v.v... các pháp sai biệt, đều không tạp loạn”. Lại nói: “Thiện Hiện bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Phật nói hết thảy pháp đều lấy không tánh làm tự tánh đó. Nếu hết thảy pháp đều dùng không tánh làm tự tánh, thì ai nhiễm? Ai tịnh? Ai buộc? Ai mở? Kia ở nơi nhiễm tịnh và nơi buộc mở, vì không rõ biết nên phá giới, phá kiến, phá oai nghi, phá tịnh mạng, sẽ đọa và địa ngục, bàng sanh, quỷ thú, nhận chịu các thứ kịch khổ”. Cho đến, Phật bảo: “Lành thay! Lành thay! Đúng vậy! Thiện Hiện, như lời ông nói, hết thảy các pháp đều lấy không tánh làm tự tánh, ở trong tự tánh, có tánh không tánh đều chẳng thể được. Không nên ở đây chấp có tánh không tánh. Nên biết đã không thể chấp có, cũng không thể châp không, vì trong tự tánh không có có không. Điều nói pháp có pháp không đều là phương tiện phá chấp vào pháp”. Nên các bậc Tiên đức nói: Dùng không chỗ được để làm phương tiện là có hai: Một là, dùng không chỗ được dẫn dắt tùy tướng trước thì giẫm trải có mà chẳng mê ở không, làm phương tiện vào có. Hai là, mượn nhờ vô đắc để vào có,

chẳng còn vô đắc, tức vô đắc cũng là phương tiện, đó là phương tiện của vào không. Do đó, vô đắc tướng không, vô tác nhân không, vô tế tánh không, ba tướng ấy đều hết sạch thì lý pháp giới hiện. Nên Bồ-tát chẳng hoại không mà thường có, pháp nhiễm tịnh rõ ràng, chẳng ngại có mà thường không, đạo nhất chân luôn hiện, song chiếu như vậy mới vào thậm thâm. Như luận Bát-nhã Đăng nói: "Ta nói ngăn ngừa vào có là ngăn có tự thể, chẳng nói không thể". Như kinh Lăng-già có kệ tụng:

"Có không đều là biên,
Cho đến tâm sở hành,
Tâm sở hành kia diệt,
Gọi là chánh tâm diệt".

Giải thích rằng: Như vậy, chẳng chấp trước có thể, chẳng chấp trước không thể, nếu pháp không thể thì không một có thể làm. Lại như kệ tụng nói:

"Ngăn có nói chẳng có,
Vì không thủ chẳng có,
Như ngăn xanh chẳng xanh,
Chẳng muốn nói làm trắng".

Giải thích rằng: Hai thứ kiến chấp ấy đều là bất thiện, cho nên người có trí tuệ muốn dứt hý luận để chứng đắc An lạc vô dư nên phải ngăn ngừa hai thứ ác kiến ấy. Đây lại thế nào? Như sở nhiếp trong Tam giới, hoặc xuất thế gian, hoặc thiện hay bất thiện, cùng với vô ký v.v... như giống Thế đế các chỗ mưu làm, kia đối với trong Đệ nhất nghĩa, nếu có tự thể khởi động phương tiện, tạo thiện hay bất thiện, các tác nghiệp ấy, nên không không quả. Tại sao? Do vì trước có. Thí như trước có, hoặc bình, áo v.v... như vậy. Lạc là thường lạc khổ là thường khổ, như họa vẽ trên vách tường, hình lượng oai nghi, tướng mạo bất biến. Hết thảy chúng sanh cũng nên như vậy. Lại nữa, nếu không tự thể là sở nhiếp của Tam giới kia, hoặc xuất thế gian, thiện và bất thiện pháp, khởi động phương tiện, thì không không quả, do vì không có, thế gian như vậy thì rơi đọa đoạn diệt, thí như mài bóng sừng thỏ, khiến nó bén nhọn, trọn không thể được. Cho nên kệ tụng nói:

"Thiếu tuệ thấy các pháp,
Như có hoặc như không v.v...,
Người kia thì không thấy,
Diệt thấy Đệ nhất nghĩa".

Lại nữa, như trong kinh Bảo Tụ nói: "Phật bảo: Ca-diếp! Có là một bên, không là một bên, như vậy v.v... ở nội địa giới và ngoại địa giới

kia đều không hai nghĩa. Chư Phật Như Lai thật tuệ chứng biết, được thành Chánh giác, tướng không một hai, tức là không tướng". Cho nên các bậc Tiên đức nói: "Các tông xét tính, phần nhiều nói chỉ không tự tánh, chẳng không đối với pháp. Như Tông pháp tướng, chỉ không biến kế, chẳng phải không y tha, giả như các người học Trung Luận v.v... không đắc ý cũng nói pháp không tự tánh. Nên nói làm không, thì khiến tướng chẳng không vậy". Nay đã không tánh, do duyên mưa nên có, thể có tức không, duyên danh không tánh nên không, không mà thường có, cốt yếu qua lại giao nhau tận cùng, mới là chân không diệu hữu. Nên họ nói đại đồng mà yếu chỉ có khác.

Lại nói về pháp Duyên khởi, có hai: Một là, không tướng như không, thì mênh mông cùng tận có không, là tướng không. Hai là, không tự tánh như huyễn thì nghiệp quả luôn chẳng mất, tức tánh không. Vì tướng không nên muôn pháp thể hư rỗng, trọn không chỗ được. Vì tánh không nên chẳng hoại nghiệp đạo, nhân quả rõ ràng. Do tánh không tướng không đây mới lập lý chân không, thì chẳng phải khoảng đầu khoảng giữa và khoảng cuối thủy chung rõ ràng không người hay tạo tác, báo ứng chẳng phải mất, nên biết lý không tánh thành, pháp nhãn viên chiếu, lại không một pháp có thật căn do. Nay lại dẫn chứng nói rộng sáng tỏ, thành tựu Tông Kính.

Phàm, Chân đế, Tục đế, hết thảy các pháp chẳng vượt ngoài không vì có, pháp của không và có đều từ duyên sanh, pháp của duyên sanh vốn không tự thể, y cứ tâm mà hiển hiện, thảy đều không tánh. Vì duyên sanh nên không tánh, vì không tánh nên duyên sanh. Vì hai môn duyên tánh ấy nên muôn pháp đều đồng bình đẳng. Do đó, Hoa Nghiêm Ký Quảng Thích nói: "Do duyên sanh nên có là nghĩa có, không tánh nên không, là nghĩa không. Hai nghĩa là sở dĩ có không. Do không tánh nên có là sở dĩ có. Duyên sanh nên không, là sở dĩ không. Sở dĩ tức là nhân duyên, nghĩa là cớ sao có không tánh được thành nghĩa không? Do tùy duyên sanh, sở dĩ duyên sanh. Cho nên duyên sanh là sở dĩ của không - không tánh vậy. Cớ sao duyên sanh được là nghĩa có? Đặc biệt do không định tánh mới đầu tùy duyên mà thành huyễn có, cho nên không tánh là sở dĩ có". Nên trong Trung Luận có kệ tụng rằng:

"Nếu người chẳng biết không,
Chẳng biết nhân duyên không,
Chẳng biết đến nghĩa không,
Cho nên tự sanh não,
Như chẳng giỏi chú thuật,

Chẳng khéo bắt rắn độc.”

Nếu đem cả bốn câu gồm trông về không có thì đều gọi là sở dĩ. Nên nói: Duyên sanh nên gọi có, duyên sanh nên gọi không. Không tánh nên gọi có, không tánh nên gọi không. Bởi vì các pháp khởi hẳn theo duyên. Vì từ duyên có, hẳn không tự tánh. Do không tự tánh, sở dĩ theo duyên. Duyên có tánh không, lại không hai pháp mà theo huyễn có muôn loại sai khác, nên gọi là Tục đế. Không tánh chỉ một vị nên gọi là Chân đế. Lại nữa, bốn câu sở dĩ, chỉ câu thứ ba chứng thành là không tánh nên có, vì lý khó hiển bày, nếu người chứng đầy đủ là: Một, duyên sanh nên có, như kinh Pháp Hoa nói: “Chỉ do nhân duyên có, từ điên đảo sanh nên nói...”. Kinh Tịnh Danh nói: “Do nhân duyên nên các pháp sanh”. Trung Luận có kệ tụng:

“Chưa từng có một pháp,
Chẳng tùy nhân duyên sanh v.v...”

Đều nhân duyên nên nghĩa có. Hai, duyên sanh nên không là như kinh nói: “Nhân duyên sở sanh không có sanh”. Luận có kệ tụng:

“Nếu pháp tùy duyên sanh,
Thì là không tự tánh,
Nếu là không tự tánh,
Sao mà có pháp đó”.
Lại có kệ tụng:
“Do vì có nghĩa không,
Hết thảy pháp được thành”.

Do trong luận các phẩm trước lấy không để dứt trừ có, Tiểu thừa bèn cho vì Bồ-tát làm lỗi, nói là “nếu hết thảy pháp không sanh không diệt, như vậy thì không có pháp của bốn Thánh đế”. Bồ-tát trở lại đáp rằng: “Nếu hết thảy chẳng không, không sanh không diệt, như vậy thì không có pháp của bốn Thánh đế”. Nghĩa là Tiểu thừa vì không nên không bốn đế, Bồ-tát vì chẳng không thì mất bốn đế. Nếu có nghĩa không, bốn đế mới thành. Nên kệ tụng nói:

“Do vì có nghĩa không,
Hết thảy pháp được thành,
Nếu không có nghĩa không,
Hết thảy đều chẳng thành”.

Lại nữa, kinh Bát-nhã nói: “Nếu các pháp chẳng không, thì không đạo không quả”, tức không tánh nên có vậy. Kinh Tịnh Danh nói: “Văn-thù-sư-lợi lại hỏi: “Sanh tử có khiếp sợ, Bồ-tát phải nương tựa ở đâu?” Duy-ma-cật đáp: “Bồ-tát ở trong sanh tử khiếp sợ, phải nương tựa vào

sức công đức của Như Lai”. Văn-thù-sư-lợi lại hỏi: “Bồ-tát muốn nương tựa sức công đức của Như Lai, phải trú nơi đâu?” Duy-ma-cật đáp: “Muốn nương tựa sức công đức của Như Lai phải trú ở độ thoát hết thảy chúng sanh”. Văn-thù-sư-lợi lại hỏi: “Muốn độ chúng sanh, phải trừ những gì?” Duy-ma-cật đáp: “Muốn độ chúng sanh, trừ phiền não đó”. Văn-thù-sư-lợi lại hỏi: “Muốn trừ phiền não, phải hành thế nào?” Duy-ma-cật đáp: “Phải hành chánh niệm”. Văn-thù-sư-lợi lại hỏi: “Thế nào là hành ở chánh niệm?” Duy-ma-cật đáp: “Phải hành chẳng sanh chẳng diệt”. Văn-thù-sư-lợi lại hỏi: “Pháp nào chẳng sanh pháp nào chẳng diệt?” Duy-ma-cật đáp: “Pháp bất thiện chẳng sanh, pháp thiện chẳng diệt”. Văn-thù-sư-lợi lại hỏi: :Thiện và bất thiện, ai làm gốc?” Duy-ma-cật đáp: “Tham dục làm gốc”. Văn-thù-sư-lợi lại hỏi: “Tham dục, ai làm gốc?” Duy-ma-cật đáp: “Hư vọng phân biệt làm gốc”. Văn-thù-sư-lợi lại hỏi: “Hư vọng phân biệt ai làm gốc?” Duy-ma-cật đáp: “Điên đảo tưởng làm gốc”. Văn-thù-sư-lợi lại hỏi: “Điên đảo tưởng, ai làm gốc?” Duy-ma-cật đáp: “Vô trú làm gốc”. Văn-thù-sư-lợi lại hỏi: “Vô trú ai làm gốc?” Duy-ma-cật đáp: “Vô trú thì không gốc. Văn-thù-sư-lợi! Từ gốc vô trú lập hết thảy pháp”. Duệ công giải thích rằng: “Vô trú tức tên khác của thật tướng, thật tướng tức tên khác của tánh không, nên từ không tánh có hết thảy pháp”. Lại nữa, cũng kinh Tịnh Danh nói: “Văn-thù-sư-lợi nói: “Cư sĩ! Bồ-tát có bệnh, làm sao điều phục tâm đó?” Duy-ma-cật đáp: “Bồ-tát có bệnh nên khởi tâm niệm: Nay ta có bệnh này đều do điên đảo vọng tưởng các thứ phiền não từ đời trước sanh, không có thật pháp. Ai là kẻ nhận chịu bệnh? Tại sao? Vì bốn đại hòa hợp, giả danh làm thân, bốn đại không chủ, thân cũng không ngã, nên bệnh này khởi đều do chấp trước ngã”. Cho nên đối với ngã, không nên sanh đắm trước. Đã biết gốc bệnh tức trừ ngã tưởng và chúng sanh tưởng, phải khởi pháp tưởng, nên sanh ý niệm rằng: “Chỉ vì chúng sanh hợp thành thân này. Khởi chỉ pháp khởi, diệt chỉ pháp diệt”. Lại pháp đây mỗi chẳng cùng biết. Lúc khởi không nói ta khởi, lúc diệt không nói ta diệt. Bồ-tát có bệnh ấy vì diệt pháp tưởng, phải khởi ý niệm”. Pháp tưởng này đây cũng là điên đảo. Điên đảo tức là đại loạn, ta nên xa lìa đó. Làm sao xa lìa? Lìa ngã và ngã sở? Làm sao lìa ngã và ngã sở? Nghĩa là lìa hai pháp. Thế nào là lìa hai pháp? Nghĩa là chẳng nghĩ nhớ các pháp trong ngoài, thực hành ở bình đẳng. Thế nào là bình đẳng? Nghĩa là ta ngang bằng, Niết-bàn ngang bằng. Tại sao như vậy? Ta và Niết-bàn cả hai đều không? Lấy gì làm không? Chỉ vì danh tự nên không. Hai pháp như vậy, không tánh quyết định, được bình đẳng đó, không có các bệnh khác, chỉ

có bệnh không, bệnh không cũng không".

Không tánh duyên sanh nên không là, hai điệp trong bốn câu trước là hai thứ không vậy. Hai thứ không ấy đều lìa đoạn kiến, nghĩa là quyết định có thì chấp thường, quyết định không thì chấp đoạn. Nay duyên sanh nên không, chẳng phải quyết định không, không tánh nên không, cũng chẳng phải quyết định không. Quyết định không là một mực không vật gì, như lông rùa sừng thỏ. Nay chỉ theo duyên sanh nên có cũng là hai điệp trong bốn câu trước là hai thứ có, chẳng phải thường thấy. Có có của thường thấy là định tánh có. Nay theo duyên có chẳng phải định tánh có, huống là do không tánh có, đâu là quyết định có ư? Theo duyên không tánh như người huyễn hóa, chẳng phải không người huyễn hóa, vì huyễn hóa chẳng phải chân, cũng nói là huyễn có, cũng gọi là Diệu hữu. Vì chẳng phải có làm có nên gọi là Diệu hữu. Lại nữa, huyễn có tức là chẳng phải có có. Trong kinh Đại Phẩm nói: "Các pháp không chỗ có", có như vậy, chẳng phải có chẳng phải chẳng có nên gọi là Trung đạo, là nghĩa của huyễn có. Chân không là chẳng phải không không là có nghĩa chẳng không và không không chướng ngại, cho nên chẳng phải không chẳng phải chẳng không gọi là Trung đạo, là nghĩa của chân không. Kinh nói: "Không chẳng không không thể nói, gọi là chân không". Trung Luận có kệ tụng rằng:

"Không tánh pháp cũng không,
Vì hết thảy pháp không".

Ở kinh Yêm-đề-già-nữ có kệ tụng:

"Than ôi! Chân Đại đức,
Chẳng biết nghĩa thật không,
Sắc không có tự tánh,
Há chẳng phải như không.
Không nếu tự có không,
Thì chẳng dung các sắc,
Vì không chẳng tự không,
Các sắc theo đó sanh."

Lại nữa, một là, nghĩa không, có hại nhau, như nay mới đầu chân không hẳn hết huyễn có, tức là chân lý Đoạt sự môn, vì sự quậy lý thành, bèn khiển sự tướng không gì chẳng đều tận, chỉ một chân lý bình đẳng hiển hiện. Vì lìa ngoài chân lý không có sự nhỏ có thể được, như nước đoạt sóng, sóng không chẳng hết. Kinh Bát-nhã nói: "Cho nên trong không không sắc không thọ, tưởng, hành, thức v.v...". Hai là, nghĩa không có tướng tạo tác, chân không hẳn thành huyễn có tức là y cứ lý

thành sự môn, nghĩa là sự không thể riêng biệt, cần phải nhân chân lý mà được thành lập, vì các duyên khởi đều không tự tánh, do không tánh lý nên sự mới thành như sóng quậy nước mà thành lập đó, cũng là y cứ Như Lai Tạng được có các pháp. Kinh Pháp Cú nói: "Bồ-tát ở trong rốt ráo không, mạnh mẽdựng lập". Ba là, nghĩa không có tướng trái ngược. Huyễn có hẳn che phủ chân không, tức sự năng chướng lý môn, nghĩa là chân lý tùy duyên hay thành sự pháp, nhưng sự pháp ấy đã trái với lý bèn khiến sự hiển mà lý chẳng bày. Vì lìa ngoài sự không có lý, như sóng đoạt nước, nước không chẳng ẩn, đó thì trong sắc không tướng không vậy. Bốn là, nghĩa không có chẳng cùng ngại, huyễn có ắt chẳng ngại chân không, tức sự năng hiển lý môn, nghĩa là do sự quậy lý thì sự hư mà lý thật. vì sự rỗng nên lý của toàn sự nổi bật hiển bày, như do tướng sóng rỗngkhiến nước hiện bày. Ở Trung Luận có kệ tụng:

"Nếu pháp tùy duyên sanh,
Thì là không tự tánh".

Nhưng bốn nghĩa đây tức là bốn nghĩa duyên sanh nên không trước v.v... vậy. Một là, chân không hẳn hết tận huyễn có là không tánh nên nghĩa không. Hai là, chân không hẳn thành huyễn có là không tánh nên nghĩa có. Ba là, huyễn có hẳn che phủ chân không là duyên sanh nên nghĩa có. Bốn là, huyễn có hẳn chẳng ngại chân không là duyên sanh nên nghĩa không. Bốn điểm trên toàn nói về sở dĩ có không.

Nay tiếp bốn nữa là chánh nói rõ tướng của có không. Nhưng có và không đây tuy hai mà chẳng hai, phải biết bốn nghĩa, hai nơi danh khác. Một là, chân không hẳn tận huyễn có là nghĩa không trên chân không. Hai là, chân không hẳn thành huyễn có là nghĩa chẳng không trên chân không. Ba là, huyễn có hẳn che phủ chân không là nghĩa chẳng phải có trên huyễn có. Bốn là, huyễn có hẳn chẳng ngại chân không là nghĩa chẳng phải có trên huyễn có. Lại phải biết có chẳng phải có, không chẳng phải không, mỗi mỗi có hai nghĩa: Thứ nhất, hai nghĩa trên có: một là nghĩa chẳng hoại tướng có; hai là ngăn đoạn diệt, thì đặt để có chẳng phải chẳng có. Thứ hai, hai nghĩa trên chẳng phải có: một là nghĩa lìa tướng có; hai là nghĩa tức là không. Thứ ba, hai nghĩa trên không: một là nghĩa chẳng hoại tánh; hai là nghĩa ngăn định tánh, nên đặt để không làm chẳng phải chẳng không. Thứ tư, hai nghĩa trên chẳng phải không: một là nghĩa lìa tướng không; hai là nghĩa tức có. Đã biết danh nghĩa, nay dung hợp mới có năm lớp làm năm lớp Trung đạo: Một là, nghĩa là có chẳng phải có không, hai là một huyễn có, đây là nghĩa hai có trên tự hợp, nhưng lấy nghĩa chẳng hoại tướng của có

trên chẳng phải nghĩa lìa tướng có của có trên nên hợp làm một huyễn có, là Trung đạo thuộc Tục đế. Hai là, chẳng phải không không hai làm một chân không, tức hai nghĩa không trên tự hợp, nhưng lấy nghĩa chẳng hoại tánh của không trên, chẳng phải nghĩa lìa tướng không của không trên, nên hợp làm một chân không, là trung đạo thuộc Chân đế. Một trước làm Trung đạo của tức tướng không tướng. Một đây làm trung đạo của tức tánh không tánh, cũng là còn hết không hai nghĩa. Ba là, chẳng phải không và có không hai làm một huyễn có. Một trên đối không có tự hợp. Một dưới đây đối không có bốn nghĩa xen nhau mà hợp, nay thứ ba đây mà lấy nghĩa chẳng phải không của chân trên, nghĩa có của huyễn có trên, hai nghĩa tướng thuận, rõ ràng không hai, nhưng đó chẳng phải không trên, lấy tức là nghĩa có. Có trên, lấy nghĩa ngăn đoạn diệt nên được cộng thành huyễn có, làm chẳng phải không chẳng phải chẳng có, Trung đạo của còn hết không ngại. Bốn là, không và chẳng phải có không hai làm một chân không, tức thứ tư lấy nghĩa không của chân không trên, nghĩa chẳng phải có của huyễn có trên, hai nghĩa thuận nhau rõ ràng nó chẳng hai, nhưng đó là nghĩa ngăn định có của không trên, chẳng phải nghĩa tức là không của có trên, nên hai nghĩa tương thuận, được thành chân không, làm chẳng phải có chẳng phải chẳng không, là Trung đạo của còn hết không ngại, thứ ba là còn tục hết chân, đây là còn chân hết tục. Lại, ba là không triệt ở có, nay là có triệt ở không, đều hai đế giao nhau tận cùng. Năm là, huyễn có và chân không không hai làm một vị pháp giới, tức thứ năm gồm hợp cả bốn trước, khiến nó không hai, nhưng trên mỗi hợp giao nhau triệt để đều chẳng vượt ngoài chân không huyễn có, nên nay hợp nó làm một vị pháp giới, làm Trung đạo của hai đế đều dung. Nhưng ba và bốn tuy dung hai đế, mà không và có riêng dung, nay đây không và có không ngại, tức là chẳng phải không chẳng phải có không ngại, nêu một toàn thâu. Nếu đem chân đồng tục thì chỉ một huyễn có, nếu dung tục đồng chân thì chỉ một chân không, không và có không hai, làm Trung đạo của song chiếu, chẳng phải không chẳng phải có không hai, làm Trung đạo song ngăn. Ngăn chiếu một thời, còn hết không ngại, nên nói lìa tướng lìa tánh, không chướng không ngại, không phân biệt pháp môn. Dùng huyễn có làm tướng, chân không làm tánh. Lại, không và có đều làm tướng, chẳng phải không chẳng phải có làm tánh. Lại, riêng biệt hiển làm tướng, gồm dung làm tánh. Nay hỗ tương đoạt cả song dung thảy đều lìa vậy. Không phân biệt pháp chỉ nói về trí để nói, chỉ không phân biệt trí, mới rốt ráo nguồn ấy. Không chướng ngại đó thông ở cảnh để

nói, tâm trí khế hợp tức làm năm quán. Năm cảnh đã dung, năm quán cũng dung, vì trí của cùng dung khế hợp với cảnh của không ngại, thì tâm cảnh không ngại. Trong tâm có cảnh của vô tận, trên cảnh có tâm của không ngại. Nên cốt yếu phải quên ngôn từ mới hợp lý đó, gồm làm tướng duyên khởi thậm thâm. Nên biết nếu thấu rõ không có không ngại, chân tục dung thông, tông của không tánh, lý của duyên sanh, như đồng thần biến, chẳng định phương góc, tuy ở nơi chật hẹp mà thường rỗng thoáng. Giả sử ở chỗ sâu mà quá cạn, hoặc tại dưới mà luôn trên, mặc tình đi giữa mà tức bên cạnh, chúng sanh thường ở nơi thân Phật, Niết-bàn chỉ y cứ sanh tử, có thể gọi là Diệu chỉ nhớ nghĩ, chẳng phải chỗ tình nhận biết được. Nên nói: “Biển tánh không bờ muôn đức lấy đó làm nhiều rộng. Duyên sanh chẳng lường, các môn do đó được viên thông. Chẳng thể xoay chuyển muôn sai, hình của cuộn buông đó tùy theo trí. Dung hợp thành một khoảng, thế của mở hợp theo tâm, chiếu chẳng mất có. Có sai biệt mà luôn thuận, dụng chẳng phải trái thể tuy một vị mà thường thông.

Lại nói mảy trần chẳng hoại tướng nhỏ mà khắp cả mười phương, nhiếp cùng tất cả. Ở trong hiển hiện, đó do lượng thì chẳng phải lượng, chẳng phải lượng tức lượng. Lại ở nơi đất của thấy nghe, tức thấy nghe đến chẳng hợp, ở nơi khoảng nghĩ bàn, tức nghĩ bàn đến chẳng lường, đều do thể chẳng nghĩ bàn, vì tự chẳng thể được, tức nghĩ chẳng thể nghĩ. Trong kinh nói: “Chỗ nghĩ chẳng thể nghĩ, đó gọi là khó nghĩ”. Pháp giới quán Chân không môn nói: Một là, sắc tức là không là vì sắc khắp thể toàn là chân không, chẳng tức đoạn không. Vì sắc v.v... vốn là nhất tâm chân như, cùng sanh diệt hòa hợp, gọi là A-lại-da thức, hay biến khởi căn thân khí giới”, tức là chỗ nói rõ sắc v.v..., các pháp trong đây vậy. Nên nay tìm tòi đó, đều không thể đó, nên nêu sắc kết quy ở không của chân tâm, chẳng hợp kết quy ở không của đoạn diệt, vì vốn chẳng phải sở biến của đoạn không nên đoạn không thì hư rỗng đoạn diệt, vô tri không dụng, chẳng thể hiện ở muôn pháp, như không của ngoài gương chẳng phải đồng không của trong gương, sắc tướng rõ,ràng nhiên cầu không thể được, gọi đó là không. Lại nữa, phàm là sắc pháp hẳn chẳng khác chân không, vì các sắc pháp hẳn là không tánh, cho nên, sắc tức là không, đã chẳng phải diệt sắc lấy không, lìa sắc cầu không, lại chẳng phải không của tức hình hiển sắc tướng, lại chẳng phải là không của hình hiển không thể, tức là chân không, nếu chẳng tức sắc tướng tức không biến kế sở chấp. Chẳng lìa không thể tức là y tha duyên khởi. Chân lý của duyên khởi không tánh tức là viên

thành. Hai là, nói rõ không tức sắc là chân không hẳn chẳng khác sắc, nên nói không tức sắc là không tức là sắc. Tại sao? Phàm là chân không hẳn chẳng khác sắc, vì đó là lý pháp Vô ngã, chẳng phải đoạn diệt, cho nên không tức là sắc. Nếu lìa sự mà cầu lý không tức thành đoạn diệt, nay tức sự rõ ràng lý của vô ngã không tánh chân không. Lìa sự sao có lý ư? Vì chân như chẳng thủ tự tánh, tùy duyên thành các sự pháp, thì nêu không toàn sắc, nêu lý toàn sự. Lại nữa, chân như chánh lúc tùy duyên chẳng mất tự tánh, thì nêu sắc toàn không, nêu sự toàn lý. Ba là, không và sắc vô ngại, nghĩa là sắc, nêu thể toàn là không của tận sắc, nên sắc tận mà không hiện. Không nêu thể chẳng khác sắc của tận không, tức không tức sắc mà không chẳng ẩn. Cho nên, nhìn sắc không gì chẳng thấy không, quán không chẳng gì chẳng thấy sắc, không chướng không ngại, làm một vị pháp vậy, như nêu các sóng toàn là một nước, nêu một nước toàn là các sóng, sóng nước chẳng ngại đồng thời, mà thể nước nổi trội toàn bày, như tức không tức sắc mà không chẳng ẩn. Luận Bảo Tạng nói: "Không có thể không chẳng phải chân không, sắc có thể sắc chẳng phải chân sắc, chân sắc không hình, chân không không danh. Không danh là cha của danh, không sắc là mẹ của sắc, làm cội nguồn của muôn vật, làm Thái tổ của trời đất". Triệu Luận nói: "Không không thật tướng pháp tánh tánh không duyên hội một nghĩa vậy". Tại sao? Hết thảy các pháp duyên hội mà sanh, thì chưa sanh không có, chưa sanh không có, duyên lìa thì diệt, như thật có đó, có thì không diệt, lấy đó mà suy tìm nên biết tuy nay hiện có, có mà tánh thường tự không. Tánh thường tự không nên gọi đó là tánh không. Pháp tánh như vậy nên gọi là thật tướng. Thật tướng tự không, chẳng phải suy tìm đó khiến không, nên gọi là vốn không. Nói chẳng có chẳng không là chẳng như có của chấp có chấp thường, không của tà kiến đoạn diệt vậy. Nếu lấy có làm có, thì lấy không làm không. Có đã chẳng có thì không không vậy. Phàm chẳng còn không để quán pháp, có thể gọi là biết thật tướng pháp vậy. Cho đến Tam thừa các thứ quán tánh không mà đắc đạo vậy. Tánh không, nghĩa là thật tướng của các pháp, thấy thật tướng pháp, nên làm chánh quán, nếu là khác đó tức làm tà quán. Nếu hàng Nhị thừa chẳng thấy lý này thì điên đảo vậy. Do đó, Tam thừa quán pháp không khác, chỉ tâm có đại tiểu làm sai vậy. Lại như luận Bất Chân Không nói: "Phàm, chí hư không sanh, bởi là diệu thú của Bát-nhã huyền giám, tông của có vật cùng cực ấy vậy. Tự chẳng phải bậc Thánh minh đặc đạt, sao có thể khế hợp thần ở khoảng có và không ư? Do đó, Thánh nhân thông thần tâm đến không cùng, cùng chỗ chẳng

thể trệ, cực tai mắt ở thấy nghe, thanh sắc chỗ chẳng thể chế, há chẳng vì đó tức là tự hư của muôn vật. Nên vật chẳng thể lụy thần minh đó ấy vậy. Do đó, Thánh nhân nương thân tâm làm lý thuận thì không trệ mà chẳng thông. Xét một khí để quán hóa, nên chỗ gặp mà thuận vừa. Vì không trệ mà chẳng thông, hay hỗn tạp mà khiến thuần. Vì chỗ gặp mà thuận vừa thì xúc chạm vật mà một. Như vậy thì muôn tượng tuy khác, mà chẳng thể tự khác. vì chẳng thể tự khác nên biết tượng chẳng phải chân tượng. Tượng chẳng phải chân tượng thì tuy tượng mà chẳng phải tượng. Nhưng mà vật ngã đồng căn, phải quấy một khí, ngầm nhỏ u ẩn, gần như chẳng phải chỗ tận của các tình. Nên biết nếu nương chân tâm mà rõ suốt vật thì vật nào mà chẳng kết quy, ngang bằng một khí mà quán thời, thì thời nào mà chẳng hội? Không thời nào chẳng hội thì biết không sanh của xúc cảnh, không vật nào chẳng kết quy thì thấy tự rỗng của tánh vật vậy. Nếu nhậm tình chỗ chiếu sao có thể cùng tận yếu chỉ sâu mầu đó ư? Nếu chẳng tỏ ngộ tông khó trốn khỏi vết thấy. Như cư sĩ Bàng Uẩn có lời kệ rằng:

"Ngày xưa khi "có" thời,
Thường bị người khinh "có,"
Các thứ sanh phân biệt,
Thấy nghe lắm phải quấy.
Sau đến trong "không" ngồi,
Lại bị người khinh "không,"
Một mực nhìn tâm ngồi,
Mờ mờ không chỗ biết.
Có không đều là chấp,
Xứ nào là vô vi,
Có không đồng một thể,
Các tướng thảy đều lìa.
Vì tâm đồng hư không,
Hư không không chỗ y,
Nếu luận lý vô tướng,
Chỉ có phụ vương biết."

Nên biết các pháp có không, muốn cầu cứu cánh, chỉ tâm mới chứng. Nếu chưa quy tâm đều thành chân như, làm thường làm đoạn, thành phải thành quấy, mới vào tông đâu tự nhiên dung tức. Nghĩa là trước nói rõ chỗ khởi đó, biết từ tâm sanh. Đã từ tâm sanh thì muôn pháp theo duyên đều không thể tánh, hẳn không pháp ngoài tâm có thể cùng tâm làm duyên, hẳn là tự tâm sanh, trở lại cùng tâm làm tướng.

Chỉ luận không có thì rộng nói rõ các pháp. Tại sao? Vì không và có gồm hết thảy pháp. Hai môn tánh và tướng, cũng là hai môn thể và dụng, cũng là hai môn chân và tục, cho đến Tổng biệt, đồng dị, thành hoại, lý lượng, quyền thật, buông cuộn, chánh phụ, ta chánh, ngăn chiếu v.v..., hoặc giống nhau,, gồm nhau, là nhau, khác nhau, biến đổi nhau, thành tựu nhau, hại nhau, đoạt nhau, tức nhau,tại nhau,che nhau, tương phú trái nhau, mỗi mỗi như vậy, mỗi mỗi dung thông. Nay dùng môn nhất tâm không tánh, một lúc gom thâu hết, danh nghĩa cả hai đều tuyệt, cảnh quán đều chung, khế hợp yếu chỉ quên mất ngôn từ, đều quy về Tông Kính. Do đó, phải biết danh nghĩa hành tướng sai biệt, mới có thể dùng thể tánh dung thông. Nếu chẳng trước ngang dọc phô bày, sau làm sao một môn quyển nhiếp? Nên Hoàn Nguyên Quán nói: "Dụng nhóm thể phân chẳng phải không thế của sai biệt. Sự y lý hiện, tự có hình của một khoảng.

Như trên, nhỏ nhiệm phân tích rộng soi xét hai môn có không, có thể gọi là được căn do của muôn pháp, thấu cùng khởi diệt của các duyên. Hai pháp có không đây mê đảo sở do. Chín mươi sáu thứ tà sư nhân đây mà khởi. Sáu mươi hai kiến lợi sư từ đây mà sanh. Bồ-tát còn chưa tận cùng căn nguyên đó, phàm phu sao có thể rốt ráo yếu chỉ đó? Do đó, luận Bảo Tánh nói: "Bồ-tát không loạn ý đối với chân không diệu hữu đây còn có ba điểm nghi ngờ: Một là, nghi ngờ không diệt sắc, thủ lấy không của đoạn diệt. Hai là, nghi ngờ không khác sắc, thủ lấy không ở ngoài sắc. Ba là, nghi ngờ không là vật, thủ lấy không làm có". Nên trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Thiện Tài đồng tử trải qua phụng sự chư Phật đã chứng pháp môn, còn như ở trong pháp không mà tính có. Nếu cứu cánh xa lìa thì chỉ có bậc Đại Bồ-tát". Luận Đại Trí Độ có kệ tụng nói:

"Có không hai kiến diệt không còn,
Các pháp thật tướng Phật tuyên bày".

Kinh Tịnh Danh nói: "có không hai kiến không còn các tập khí khác". Lại có kệ tụng rằng:

"Nói pháp chẳng có cũng chẳng không,
Do vì nhân duyên các pháp sanh".

Tại sao? Nếu thời có nhân duyên chấp có thì nói môn không. Nếu thời có nhân duyên chấp không thì bèn bàn giáo có. Vì phá có nên chẳng còn không, vì trị không nên chẳng lập có, nên nói có mà chẳng có, nói không mà chẳng không. Hoặc cả hai đều mất mà cả hai đều lưu, hoặc cả hai đều chiếu mà cả hai đều tịch. Phá lập một mé, ngăn chiếu

đồng thời, như Triệu Luận sao nói: "Nay căn cứ luận văn gồm có bốn ý để hiển bày yếu chỉ của tròn khắp: Một là, phá thật hiển không; Hai là, phá không hiển giả; Ba là, phá chỉ không chỉ giả, hiển cũng không cũng giả; bốn là, phá cũng không cũng giả, hiển chẳng phải không chẳng phải giả, thì là Trung đạo, mới gọi là Chu viên vậy. Nhưng bốn luận đều có tròn khắp, nay mỗi mỗi đã biện rành đó. Tạm giới hạn bốn nghĩa: Một là nói về cảnh; hai là nói về trí; Ba là nói về quả; Bốn là nói về cảnh trí quả.

Một là nói về cảnh là, như luận Bất Chân Không nói: "Tức vật thuận thông nên vật chẳng nghịch đó. Đó tức là pháp thật hiển không, dứt trừ chấp của phàm phu, tức ngụy tức chân nên tánh chẳng đổi đó. Đó tức là pháp không hiển giả, dứt trừ chấp của Thanh văn. Tánh chẳng đổi nên tuy không mà có. Vật chẳng nghịch nên tuy có mà không. Đó thì pháp có pháp không, hiển cũng không cũng giả. Biện giải về cảnh của Bồ-tát, tuy có mà không. Điều gọi là chẳng phải có, tuy không mà có. Điều gọi là chẳng phải không. Đó là pháp cũng không cũng giả, dứt trừ chấp của Bồ-tát, hiển bày Trung đạo Đệ nhất không, cảnh của Phật. Đó thì cảnh tròn khắp vậy. Hai là, nói về trí thì là luận Bát-nhã vậy. Nếu dùng trí Bát-nhã mỗi mỗi rành rẽ cảnh không giả v.v... thì thành tâm lượng. Chỉ là có trí, chẳng được ý của vô trí. Nay từ trí trước biết phàm là một cảnh tức phải tròn khắp vậy. Luận nói: "Nói tri chẳng phải làm tri, muốn để thông soi xét đó. Đây là pháp phàm phu chấp tướng tri biện giải vô tri vậy. Chẳng biết chẳng phải chẳng biết, muốn để biện tướng đó. Đây là pháp vô tri của Thanh văn. Biện giải không chủng chẳng biết vậy. Biện tướng chẳng làm không, thông xét chẳng làm có. Đây là phá cũng biết cũng không biết, hiển chẳng phải biết chẳng phải chẳng biết vậy. Chẳng phải có nên biết mà không biết, chẳng phải không, không biết mà biết. Đây là pháp chẳng phải biết, chẳng phải chẳng biết, biện giải cũng biết cũng không biết. Từ trước đến đây, bốn nghĩa nói tuy trước sau đều tại nhất tâm, chẳng tức chẳng lìa, có thể gọi là Phật trí tròn khắp vậy. Ba là, nói về quả để biện giải là như văn trong luận Niết-bàn nói: "Còn chẳng làm có, phá Hữu dư Niết-bàn, khiển trừ chấp thường của Thanh văn, mất chẳng làm không, phá Vô dư Niết-bàn, khiển trừ chấp đoạn của Thanh văn. Mất chẳng làm không tuy không mà có, còn chẳng làm có tuy có mà không, đó là song phá có không, hiển bày cũng có cũng không. Tuy có mà không, điều gọi là chẳng phải có. Tuy không mà có, điều gọi là chẳng phải không, đó là phá cũng có cũng không, hiển bày chẳng phải có chẳng phải không, vì hiển bày Trung đạo, cảnh của Phật.

Không trú Niết-bàn quả tròn khắp vậy. Bốn là, nói về cảnh trí quả ba hợp biện giải, thì là gồm thâu các văn luận trước. Hai luận trước là cảnh của Chân đế không tướng làm chân không, Bát-nhã năng quán chân trí, tức là gốc của muôn hạnh làm diệu hữu, như cảnh phát trí, do trí hiển cảnh, cảnh trí qua lại hiển bày làm cũng không cũng có, tức như trong luận Niết-bàn nói ba đức cùng ngầm, cảnh trí không hai, chẳng đoạn chẳng thường, làm chẳng phải không chẳng phải có. Có thể gọi là Niết-bàn cực quả vậy. Tức ý của Như Lai nhất hóa thảy đều tròn khắp thì hết sạch biển sâu của Phật pháp vậy.

Nên biết chân không khó giải, nên phải khéo đắc chỉ quy. Nếu tùy theo văn của có không, đều rơi lạc vào tà kiến. Như ở kinh Ương-quật-ma-la có kệ tụng:

“Thí như có gã ngu,
Thấy bọt nước khởi tưởng,
Cho là châu lưu ly,
Vốc lấy giữ mang về.
Đặt để ở trong bình,
Gìn giữ như báu thật,
Chẳng lâu đều tiêu tan,
Không tưởng im lắng trú.
Với lưu ly thật khác,
Cũng lại sanh không tưởng,
Văn-thù cũng như vậy,
Tu tập cực không tịch.
Thường khởi tư duy không,
Phá hoại hết thảy pháp,
Giải thoát thật chẳng không,
Mà khởi cực không tưởng.
Tợ như thấy bọt tan,
Lạm hoại các chân thật,
Ngươi nay cũng như vậy,
Lạm khởi cực không tưởng.
Thấy ở pháp không rồi,
Chẳng không cũng bảo không,
Có khác pháp không đó,
Có khác pháp chẳng không.
Hết thảy các phiền não,
Thí như báu lưu ly thật,

Là Như Lai thường trú,
Như báu lưu ly thật.
Gọi là Phật giải thoát,
Hư không sắc là Phật,
Phi sắc là Nhị thừa,
Giải thoát sắc là Phật.
Phi sắc là Nhị thừa,
Làm sao cực tướng không,
Mà nói thật giải thoát?
Văn-thù nên nghĩ kỹ.
Chớ chẳng phân biệt tưởng,
Thí như tụ lạc không,
Sông cạn, bình chẳng nước,
Chẳng phải không các vật.
Trong rỗng nên gọi không,
Như Lai thật giải thoát,
Chẳng không cũng như vậy,
Xa lìa tất cả quá.
Nên nói giải thoát không,
Như Lai thật chẳng không,
Lìa hết thảy phiền não,
Và các ấm trời, người.
Cho nên nói là không,
Than ôi! Hạnh rận rệp,
Chẳng biết nghĩa chân không,
Ngoại đạo cũng tu không,
Ni càn nên im lặng.”

Sở dĩ ngoại đạo chấp đoạn không, Nhị thừa chứng chỉ không, đều chẳng thấu đạt lý nhất tâm như hư không. Nên vô sanh nghĩa nói: “Kinh nói: Trì tâm như hư không, chẳng phải là đoạn không. Khi ấy như có thần diệu, tức có diệu thức nghĩ lường”.

Hỏi: Kinh nói trì tâm như hư không, nào có ở thần diệu?

Đáp: Kinh nói trì tâm như hư không là chỉ trì tâm khiến chẳng sanh. Nói như hư không chẳng phải tức là không, là kinh nói như hư không vậy. Kinh nói: Nếu thức ở hai pháp thì có vui mừng. Nếu thức ở trong pháp không hai thật tế, thì không vui mừng. Thật tế tức là pháp tánh, không thức tức là diệu thần, nên biết trong thật tế gồm có diệu thần vậy. Trong phẩm Tánh khởi ở kinh Hoa Nghiêm làm mười thứ thí

dụ để rõ pháp thân Phật có tâm. Đại sư nói tuy có diệu thần, thần tánh chẳng sanh cùng như một thể, thí như gợn sóng trở lại là nước, cùng nước một thể, nước cũng có tánh gợn, nếu không tánh gợn là lạnh đông buộc gợn thì chẳng hiện, trong như cũng có diệu thần, tánh đồng như thanh tịnh thì hiện, bất tịnh thì lại chẳng thấy. Cho đến như thầy chủ dòng họ Phó. Dòng họ Phó trong thân tìm không được, ngoài thân tìm không được, khoảng giữa tìm không được, phải biết dòng họ Phó là không mà chẳng phải là không của đoạn không. vì trong dòng họ Phó gồm có các nam nữ, nên nói tánh không khác với hư không. Phật tánh là không, pháp thân chư Phật chẳng không. Đại sư dẫn kinh nói: "Sắc tướng nữ thân không tại không chẳng tại. Phàm không tại không chẳng tại là điều Phật giảng nói vậy". Giải thích rằng: "Sắc tướng nữ thân tức như, nên nói là không tại, tánh như chân thường, thể gồm các tướng, nên nói không chẳng tại, gồm là gồm có các tướng nam nữ sắc thanh v.v.... Kinh Niết-bàn nói rõ Bồ-tát niệm pháp: "Này thiện nam! Chỉ chánh pháp đây không có thời tiết, chỗ pháp nhãn thấy chẳng phải nhục nhãn thấy, chẳng sanh, chẳng xuất, chẳng trú, chẳng diệt, chẳng thủy, chẳng chung, không minh, không số. Đây chánh nói rõ thể như, chẳng phải kết chẳng phải nghiệp. Đoạn kết đoạn nghiệp mà cũng là nghiệp, chẳng phải nam, đoạn nam màcũng là nam, chẳng phải có, đoạn có mà cũng là có. Chẳng phải nhập, đoạn nhập mà cũng là nhập, cho đến các nơi Phật đến dừng trú vẫn thường chẳng biến đổi. Đó gọi là Bồ-tát niệm pháp".

Như trên, hai môn không có giới hạn và nói rộng nghĩa dụng đó, bèn nói còn hết mở hợp. Nếu phá tình chấp đó mới nói tức là có không, thiết bày ngay lúc thấy tánh chứng hội. Trí giải đều tuyệt như Mẫn Tuyệt Vô Ký Quán nói: Gọi chỗ quán chân không đây chẳng thể nói tức sắc chẳng tức sắc, cũng chẳng thể nói tức không chẳng tức không. Hết thảy đều chẳng thể, chẳng thể cũng chẳng thể, nói đây cũng chẳng nhận, chóng tuyệt vô ký, chẳng phải nơi ngôn từ nói kịp, nơi giải hiểu thấu tới. Đó gọi là hạnh cảnh. Tại sao? Sanh tâm động niệm tức trái pháp thể, vì mất chánh niệm, cho đến nếu chẳng rõ suốt giải trước, không vì noi theo thành hạnh đây. Nếu chẳng giải hạnh pháp đây tuyệt ở giải trước, không vì thành chánh giải đó, nếu giữ giải chẳng bỏ, không vì vào chánh hạnh đây. Cho nên hạnh do giải thành, hạnh khởi giải tuyệt, xưa trước giải thích rằng: Không tức là sắc là Thánh nên đồng phàm thấy vọng sắc, phàm nên đồng Thánh thấy chân không. Lại nên không hai đế. Không nếu chẳng tức sắc là thấy không ngoài sắc không

do thành ở Thánh trí. Lại nên phàm Thánh vĩnh biệt, vì Thánh chẳng theo phàm được. Lại sắc nếu tức là không là phàm mê thấy sắc nên đồng Thánh trí thấy không, lại cũng mất ở hai đế. Sắc chẳng tức không là phàm phu thấy sắc nên chẳng mê. Lại chỗ thấy sắc dài cách chân không nên trọn chẳng thành Thánh, sanh tâm động niệm tức trái pháp thể. Vì mất chánh niệm là lý tánh chân không vốn tự như nhiên, chỉ vì động niệm của mê chấp tướng tuy tìm phá chọn tình hiển giải. Nay tình quên trí hết, chỉ là bản chân, sao còn giải số mới sanh? Nếu có giải số tức là động niệm, động niệm sanh tâm nên mất chánh niệm. Chánh niệm là không niệm mà biết, nếu gồm vô tri sao thành chánh niệm? Lại giải làm dứt trừ tình, nói nhân phá chấp. Nếu tình tiêu chấp mất, nói giải sao còn. Chân tánh rõ ràng, tịch lắng không còn hết. Do đó nếu nói, tức và chẳng tức đều lạc vào phải quấy. Liếc treo có không tức chẳng phải chánh niệm nên nói: Mới có phải quấy rối ren mất tâm.

Hỏi: Phàm, can thiệp và có không đều thành tà niệm, nếu liên quan đến năng sở thảy đều lạc vào có biết. Vậy, thế nào là không niệm mà biết?

Đáp: Cỏ lành sanh vận tốt, hoa rừng nở xuân về.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 9

Hỏi: Phàm tu hành khế ngộ, pháp có nhiều như trần sa, cớ sao riêng lập nhất tâm làm tông, mà xưng là tuyệt diệu?

Đáp: Nếu chẳng rõ tâm tông đều thành mê đảo, chạm đường thành bít trệ, chứng nhập không cửa. Như trong Tục đế cũng có pháp bí mật. Nếu chẳng đắc yếu quyết, học cũng không thành. Hoặc được môn đó, việc làm đều xong, nay giáo thừa xưng là pháp Bí mật. Thiền tông nêu văn chẳng truyền, thì hướng đường nào mà tiến tu, theo cửa nào mà thú nhập? Nếu chẳng được quyết của duy tâm, chánh tín không do đâu được thành. Mới được tông đó ngàn cửa tự mở. Đạo chẳng đợi cầu mà chứng hiện, hạnh chẳng nhờ tu mà tự viên mãn. Như đất gặp ánh nắng ngày Xuân, mầm mống nảy nở. Nên nói nếu không quán tuệ, sự cũng không thành. Lại nữa, tâm đây hay thành tất cả hay hoại tất cả. Thành thì chóng thành Phật của thiên chân. Do đó, Đại sư Chân Giác ca rằng: "Đó dùng cửa Thiền rõ ngay tâm, chóng vào vô sanh sức từ nhẫn". Vì một môn vô sanh đây, một thành tất cả thành. Cho đến ba thân, bốn trí, tám giải thoát, sáu thần thông, vô lậu vô vi, muôn hạnh Phổ Hiền đều ở vô sanh một lúc viên mãn, nên nói: "Mới nghe môn chữ A tức hiểu hết thảy nghĩa, chỗ gọi là hết thảy pháp chẳng sanh. Hoại thì dần hoại môn hữu vi vô vi công đức, do đó, ca rằng: "Tổn pháp tài diệt công đức, không gì chẳng do ở tâm ý thức". Nên biết, tâm đây không nơi sâu tối nào mà chẳng chiếu soi, có pháp đều biết, xét mật phòng ngừa nhỏ nhiệm, cùng nay suốt xưa, nên gọi đó là linh đài. Nên Tư Mã Bưu nói: "Tâm là đài của thần linh". Trang tử nói: "Muôn ác chẳng thể ở trong linh đài". Trong kinh Danh Sớ có "Hỏi: Huyền nghĩa nơi nơi phần nhiều rõ quán tâm, đã sợ chẳng thể, vào văn lại vậy, sắp chẳng hoại loạn kinh văn ư? Đáp: Nói kinh vốn làm vào đạo. Nếu kẻ Hiền hoại đạo, xúc xứ quán hạnh, đâu có tìm cầu Thánh điển Niết-bàn mà chẳng quán hạnh ấy ư? Chỉ khéo nói được thích nghi, chẳng chỉ không tồn văn nghĩa, mà gồm được quán tuệ phân minh. Phân biệt pháp môn chẳng phải quán

đâu xa, há có lỗi hoại loạn ư?"

Phàm có điều nói, ý ở trước lời. Bản ý của Phật Tổ đều vì minh tâm đạt đạo, mượn dùng văn nghĩa chỉ thẳng nguồn tâm, đâu có chấp thuyên giải, mê mờ yếu chỉ trái ngược tâm mà cầu đạo ư? Do đó, kinh Chánh pháp niệm xứ có kệ tụng rằng:

"Trời, Rồng, A-tu-la,
Địa ngục, quỷ La-sát,
Tâm thường làm chủ dẫn,
Như vua đi ba cõi.
Tâm đưa đến trên trời,
Lại đi đến trong người,
Tâm dẫn đến ác đạo,
Tâm luân chuyển thế gian."

Kinh Bảo Vũ nói: "Thế nào là Bồ-tát đắc Xa-ma-tha Tỳ-bát-xá-na thiện xảo? Nghĩa là tâm Bồ-tát này thiện xảo rồi, quán sát các pháp như huyễn như mộng, tư duy các pháp, đây là thiện pháp, đây là chẳng phải thiện pháp, đây là pháp xuất ly, đây là pháp chẳng xuất ly, nghĩa là các Bồ-tát quán tất cả các pháp đều y cứ nơi tâm. Tâm làm tự tánh, tâm làm thượng thủ. Hay nhiếp thọ tâm, khéo điều phục tâm, khéo rõ biết tâm, nên hay nhiếp hết thảy các pháp đây đã khéo điều phục, lại khéo rõ biết, do nhân duyên ấy, tiện có thể tu tập pháp Xa-ma-tha. Buộc tâm như vậy, dừng tâm như vậy, và an trú tâm. Do siêng tu Xa-ma-tha như vậy bèn hay an trú hết thảy cảnh tánh". Kinh Hoằng Đạo Quảng Hiển Định Ý nói: "Đức bản ấy là rõ biết bản tâm, dùng tâm ấy hành từ đến các chúng sanh. Biết rõ không kia không ngã nhân, tâm đức ấy vốn giúp ở đạo, nên biết tâm là gốc đức, tức là tổng tướng. Tâm Phật và chúng sanh, ba không biệt tướng. Tâm là tổng tướng là pháp giới nhiễm tịnh muôn loại muôn pháp chẳng vượt ngoài nhất tâm". Tâm đó tức nhiếp hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, nên gọi là Tổng tướng. Ngoài ra hai duyên nhiễm tịnh, mỗi thuộc hai loại. Nhưng tổng tướng nói trong mười pháp giới. Lục đạo là nhiễm, tứ Thánh là tịnh thì trong pháp giới hai duyên nhiễm tịnh, hai đạo Thánh phàm đều chẳng vượt ngoài nhất tâm vậy. Nên kinh nói: "tâm hay dẫn thế gian, tức nghĩa của tự tại, tâm hay nhiếp thọ khắp, tức nghĩa của tùy hành". Pháp nhất tâm như vậy đều tự tại tùy hành. Luận Kim Cang Tam-muội nói: "Nhân của xuất thế là nhập thật tướng quán. Quả của xuất thế là một vị giải thoát". nên biết mới đầu thì tín tâm mà vào đạo, sau thì chứng tâm mà đắc quả, thủy chung chẳng vượt ngoài Tông Kính vậy. Kinh Nhập Lăng-già có

kệ tụng rằng:

"Chỉ tâm không chỗ có,
Các hành và Phật địa,
Chư Phật ở ba đời,
Đều giảng nói như vậy".

Đế vốn không chỗ có, đó gọi là nhất tâm. Trong phẩm Dạ-ma thiên kệ tán ở kinh Hoa Nghiêm nói:

"Thí như thợ khéo vẽ,
Phân bố các màu sắc,
Trong sắc không đại chủng,
Cũng chẳng lìa đại chủng.
Mà có sắc khác được,
Trong tâm không nét vẽ,
Trong nét vẽ không tâm,
Nhưng chẳng lìa ở tâm.
Có màu vẽ khá được,
Tâm kia luôn chẳng trú,
Vô lượng khó nghĩa bàn,
Hiện bày tất cả sắc.
Mỗi mỗi chẳng cùng biết,
Thí như thợ khéo vẽ,
Chẳng hay biết tự tâm,
Mà do tâm nên vẽ.
Các pháp tánh như vậy,
Tâm như thợ khéo vẽ,
Hay vẽ các thế gian,
Năm uẩn đều theo sanh.
Không pháp nào chẳng tạo,
Như tâm Phật cũng vậy,
Như Phật chúng sanh vậy,
Nên biết Phật và tâm.
Thể tánh đều vô tận,
Nếu người biết tâm hạnh,
Khắp tạo các thế gian,
Người đó thì thấy Phật.
Rõ tánh chân thật Phật,
Tâm chẳng trú nơi thân,
Thân cũng chẳng trú tâm,

Mà hay làm Phật sự.
Tự tại chưa từng có,
Nếu người muốn rõ biết,
Ba đời hết thảy Phật,
Nên quán tánh pháp giới,
Hết thảy chỉ tâm tạo.”

Sớ Thích nói: Bài tụng này hiển bày ở Cụ phần duy thức. Đây là nghĩa chẳng cùng biết, nghĩa là chẳng phải chỉ pháp của sở họa tự chẳng cùng biết, dụ cho cảnh sở biến, không có thể tánh, tâm năng họa niệm niệm sanh diệt, tự chẳng cùng biết, nên cũng chẳng thể biết ở sở họa. Hai dụ tâm cảnh đều không tự tánh, mỗi chẳng cùng biết, nên nói chẳng thể biết tự tâm, mà do tâm nên vẽ. Lại tuy không biết vẽ tâm mà do tâm hay vẽ, dụ cho chúng sanh tuy mê tâm hiện lượng mà tâm biến nơi cảnh. Lại do chẳng thể biết sở họa chỉ họa ở tự tâm, nên hay thành sở họa, dụ cho chúng sanh do mê cảnh, chỉ tâm mới hay hiện cảnh vọng. Lại dụ chánh do không tánh mới thành muôn cảnh, nên nói các pháp tánh như vậy. Nên quán tánh pháp giới là tức chân như lý quán. Hết thảy chỉ tâm tạo là tức duy thức sự quán. Vì tánh của lý quán duy thức, chư Phật chứng đó làm thể của thành Phật, vì tướng của sự quán duy thức, chúng sanh thấu đạt đó làm môn xuất ly. Như Hoa Nghiêm Diễn Nghĩa nói: Do vì diệu của văn gồm nghĩa không sót, công của một kệ hay phá địa ngục. Nên Bồ-tát Phổ Hiền bảo Thiện Tài đồng tử rằng: “Ta ở trong biển pháp đây không có một văn, không có một câu, chẳng phải xả thí ngôi vị chuyển luân mà cầu được, chẳng phải xả thí hết thảy sở hữu mà cầu được”. Giải thích rằng: Vì một là một của hết thảy, một của xứng tánh, Toản Linh Ký nói: “Có người ở kinh Triệu, dòng họ Vương, lại mất tên, vốn không giới hạnh chẳng từng tu thiện nhân mắc bệnh hoạn khiến chết, có hai người dẫn đến địa ngục trước cửa địa ngục thấy có một vị tăng, nói là Bồ-tát Địa Tạng mới dạy tụng bài kệ tụng:

“Nếu người muốn rõ biết,
Hết thảy Phật ba đời,
Nên quán tánh pháp giới,
Tất cả chỉ tâm tạo”.

Bồ-tát trao kinh rồi bảo đó rằng: “Tụng được kệ tụng ấy hay phá các khổ địa ngục”. Người ấy tụng rồi, bèn vào ra mắt vua. Vua hỏi: “Người này có công đức gì?” Đáp: “Chỉ thọ trì một kệ tụng bốn câu”. Đầy đủ như nói trên, vua bèn phóng tha. Đang lúc tụng bài kệ tụng đó, tiếng vang đến nơi, các người nhận chịu khổ đều được giải thoát. Lại

ba ngày sau mới sống lại, nhớ trì kệ tụng đó, nói cùng các hàng đạo tục". Tham nghiệm kệ văn, mới biết là kệ do vô lượng Bồ-tát vân tập ở thiên cung Dạ- ma nói ra trong kinh Hoa Nghiêm tức kệ của Bồ-tát Giac lâm ý nói rõ địa ngục do tâm tạo, rõ tâm tạo Phật thì địa ngục tự không. Nên biết nếu quán tâm đây, ngay lời nói đó tức lìa khổ, chẳng chỉ phá cảnh giới địa ngục, cho đến mười pháp giới một lúc đều phá, vì nhập pháp chân không nhất tế, thì bình đẳng chân pháp giới, không Phật không chúng sanh, đây chẳng phải diệu thuật thần thông, nhờ ở tha lực, vì pháp như vậy có thể nghiệm ở tự tâm, không thể nghĩ bàn, sức của thần diệu, cao mà không gì trên, sâu mà chẳng gì bằng. Dài mà chẳng gì hơn, ngắn mà chẳng gì bằng, rộng mà không tướng, hiển bày mà biết vết, có mà chẳng thường, không mà chẳng diệt. Thể chiếu độc lập, xứng tánh khắp cùng, diệu muôn vật nên xưng là thần, mang tất cả nên gọi là mẹ, thống ngự gồm nhiếp thông biến không cùng, nhậm chiếu không nhọc như ghi tả tượng của gương sáng, ứng duyên vô tác như tiếng vang của hang trống. Ở vuông mà tướng vuông rành rẽ, ở tròn mà đường nét tròn hiển hiện, tại ngộ mà ngộ thành chư Phật, đọa mê mà mê làm chúng sanh, vết tích mặc tình ngàn đường, bản địa chẳng động, Thai giáo nói: "Tâm như huyễn hóa, chỉ có danh tự, danh đó làm tâm, vừa lời đó có, chẳng thấy sắc chất, vừa lời đó không, lại khởi lự tưởng, không thể dùng có không để tư duy suy lường, gọi tâm làm diệu chẳng phải là đợi thô thành diệu, nên Phó Đại sĩ xưng là thần diệu, cũng gọi là diệu thức. Diệu thức tức là pháp thân Phật. Nếu không diệu thần, ai thọ lạc tịch diệt? Luận Bảo Tạng nói: "Làm đó là hình, lặng đó là sáng, vốn sạch chẳng ngời, pháp như thế thiên thành, sáng vượt nhật nguyệt. Đức quá thái thanh, muôn vật không làm, hết thảy không tên, chuyển biến trời đất, tự tại tung hoành, hằng sa mà dụng, hỗn độn mà thành. Ai nghe chẳng mừng, ai nghe chẳng sợ". Làm sao lấy vật báu vô giá ẩn nơi hố ấm nhập, do vậy hiểu đó tức diệu tức thần, hiển vật báu vô giá, mê đó thành thô thành muội, rơi nơi hố ấm nhập. Khắp xem giải thích đầy đủ, giải thích đó chẳng tận, ngưỡng chỉ các Thánh, tán thán đó chẳng cùng. Có thể gọi là cửa huyền vào đạo. Diệu quyết thành Phật. Cho đến nhân quả phàm Thánh, hạnh vị tấn tu, chẳng lìa tâm đây mà được thành tựu, khế đồng tâm tánh, đức nào chẳng thâu, vì hết thảy phải tùy nơi y tựa, đều ở nhất tâm viên đốn tròn đầy, mọi sự như vậy, há chẳng phải mầu nhiệm dứt đối đãi ư? Như trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa nói: "sáng màu dứt đối đãi ấy là bốn: Một là, tùy tình ba giả pháp khởi, nếu vào chân đế, liền dứt đối đãi nên Thân Tử nói: "Tôi

nghe trong giải thoát, không có ngôn thuyết". Trong ba tạng kinh đây tuyệt ý đối đãi. Hai là, nếu tùy lý ba đoạn, hết thảy thế gian đều như huyễn hóa, tức sự mà chân, không có một sự mà chẳng phải chân, lại đối đãi vật nào làm chẳng chân ư? Trông ba tạng kia, tuyệt lại chẳng tuyệt, tức sự mà chân, cho đến tuyệt đối đãi. Đây là tuyệt đãi của thông giáo vậy. Ba là, Biệt giáo nếu khởi, trông ngay dứt của chân, trở lại Thế tục đế. Tại sao chẳng phải Đại Niết-bàn? Do đó là sanh tử thế đế, tuyệt trở lại có đối đãi. Nếu vào Trung đạo của Biệt giáo, đối đãi thì tuyệt vậy. Bốn là, Viên giáo nếu khởi, nói pháp không phân biệt tức là biên mà trung, không chẳng phải Phật pháp, mất sạch thanh tịnh. Đâu lại Phật pháp đối đãi với Phật pháp. Như Lai pháp giới, nên vượt ngoài pháp giới, không lại có pháp có thể hình tướng so sánh, đối đãi ai làm thô, hình ai được diệu. Không chỗ có thể đối đãi, cũng không chỗ tuyệt, không biết tên gì, gượng gọi làm tuyệt. Kinh Đại Niết-bàn nói: "tên lớn không thể xưng lường, không thể nghĩ bàn nên là lớn. Thí như hư không, chẳng nhân nhỏ không gọi là lớn vậy. Niết-bàn cũng thế, chẳng nhân tướng nhỏ mà gọi là Đại Niết-bàn". Diệu cũng như thế, diệu gọi là chẳng thể nghĩ bàn, chẳng nhân ở thô mà gọi là diệu, nếu cho là quyết định có pháp giới rộng lớn riêng tuyệt, đó thì, lớn có sở hữu, sao gọi là tuyệt? Nay, pháp giới thanh tịnh, chẳng phải thấy nghe hay biết, không thể nói bày. Trong kinh nói: "Thôi thôi chẳng phải nói, pháp ta diệu khó nghĩ". Thôi thôi chẳng phải nói tức là tuyệt ngôn, pháp ta diệu khó nghĩ tức là tuyệt tư. Lại nói: "Pháp đó chẳng thể bày, tướng ngôn từ vắng lặng". Cũng là văn tuyệt tán thán, không thể dùng đối đãi chỉ bày, không thể dùng tuyệt chỉ bày. Diệt đối đãi, diệt tuyệt, nên nói là tịch diệt. Lại nói: "Tất cả các pháp, tướng thường tịch diệt, chung quy ở không, không ấy cũng không", thì không lại đối đãi tuyệt. Trung Luận nói: "Nếu pháp làm đối đãi thành". Ở đầu kinh Pháp Hoa nói: "Đã được Vô sanh nhẫn, đây chẳng sanh vô sanh, sanh tức vô sanh, gọi là tuyệt đối đãi". Hàng đã ngoài đây, nếu lại có làm, tuyệt đối vật gì, hiển lý gì? Lưu lãng không cùng, thì rơi lạc hý luận, mới là mê tình phân biệt, tuyệt đãi chẳng tuyệt, chẳng phải tuyệt, chẳng phải đãi, đãi ở cũng đãi cũng tuyệt. Ngôn ngữ cũng đuổi, trọn không tuyệt vậy. Tại sao? Ngôn ngữ từ giác quán sanh, tâm lự nghĩ chẳng dứt, ngữ lời do đâu tuyệt. Như có ngu si đuổi theo ụ đất, tự chuốc nhọc mệt, ụ đất trọn chẳng tuyệt. Nếu hay diệu ngộ trong hoàn vũ, dứt gió giác quán, nước tâm lắng trong, ngôn ngữ tư lự đều tuyệt, như sáng tỏ sư tử buông bỏ ụ đất đuổi người, ụ đất vốn đã trừ, ụ đất thì tuyệt vậy. Ngay lúc diệu ngộ, rõ biết ngoài

pháp giới không pháp mà luận tuyệt là ước môn có rõ tuyệt vậy, tuyệt đó cũng tuyệt, ước nói theo môn nói theo không rõ tuyệt vậy. Như ngựa quyết thấy bóng roi không chẳng được vào. Đó gọi là tuyệt đối đãi diệu vậy. Dụng là hai diệu, ba pháp diệu trên, pháp của chúng sanh cũng đủ hai diệu, xưng đó làm diệu, Phật pháp tâm pháp cũng đủ hai diệu, xưng đó là diệu.

Hỏi: Ý nào dùng tuyệt giải thích diệu?

Đáp: Chỉ gọi diệu làm tuyệt, tuyệt là tên khác của diệu, như người đời xưng tuyệt năng vậy. Lại, diệu là năng tuyệt, thô là sở tuyệt. Diệu đây có công của tuyệt thô, nên nêu tuyệt dùng tên diệu, tuyệt đây chẳng phải là đoạn tuyệt, dùng vô tận làm tuyệt, như Hoàn Nguyên Quán nói: "Một mảy trần sanh ra vô tận khắp trong một mẩy trần, tức lý tức sự, tức nhân tức pháp, tức y tức chánh, tức nhiễm tức tịnh, tức nhân tức quả, tức đồng tức khác, tức kia tức đây, tức một tức nhiều, tức tộng tức hẹp, tức tình tức chẳng phải tình, tức ba thân, tức mười thân. Tại sao? Vì lý sự vô ngại pháp như vậy, mười thân qua lại làm dụng tự tại, nên chỉ cảnh giới của phổ nhãn vậy. Như trong sự tướng trên, mỗi mỗi cùng chứa nhau, gồm nhau mỗi một đầy đủ cảnh giới lớp lớp vô ngại. Trong kinh có kệ tụng rằng:

"Tất cả biển pháp môn vô tận,
Đồng tụ về trong Đạo tràng một pháp,
Như vậy thứ lớp triển chuyển thành,
Đây người vô ngại mới được ngộ".

Hỏi: Căn cứ điều nói đó, thì trên một mảy trần, không lý gì chẳng hiển, không sự nào chẳng dung, không văn nào chẳng thích, không nghĩa nào chẳng thông. Thời nay, người tu học làm sao hiểu ngộ đạt ở nơi mảy trần, chóng quyết định các nghi ngờ? Vả lại, ở trên một mảy trần, thế nào là nhiễm, thế nào là tịnh, thế nào là chân, thế nào là tục, thế nào là sanh tử, thế nào là Niết-bàn, thế nào phiền não, thế nào Bồ-đề, thế nào pháp Tiểu thừa, thế nào pháp Đại thừa? Xin vì chỉ bày, quyết định, để được nghe điều chưa từng nghe.

Đáp: Đại trí viên minh, thấy mảy may mà quán biển tánh chân nguyên rõ hiện, nơi một mảy trần dùng ngấm toàn thân, muôn pháp hiển hiện hẳn đồng thời, lý nhất tế chẳng trước sau. Tại sao? Do hư tướng một mảy trần đây hay che mờ ở chân thức là nhiễm vậy, do tướng mảy trần không không chỗ có tức tịnh vậy. Do tánh mảy trần bản thể đồng như, tức là chân vậy, do tướng mảy trần duyên sanh huyễn có, tức là tục vậy, do ở tướng mảy trần niệm niệm biến chuyển tức là sanh tử

vậy. Do quán tướng mảy trần sanh diệt hết là không không có thật tức là Niết-bàn vậy. Do tướng mảy trần đây lớn đều là vọng tâm phân biệt tức là phiền não vậy. Do thể mảy trần không biến kế tức là pháp Tiểu thừa. Do tánh mảy trần không sanh không diệt, y tha tợ như có tức là pháp Đại thừa. Lược nói như vậy, nếu nói đầy đủ đó, giả sử tất cả chúng sanh hoài nghi, mỗi mỗi khác biệt đồng thời mà hỏi Như Lai. Như Lai chỉ dùng một chữ mảy trần mà vì giải thích, nên tư duy sâu sắc đó. Trong kinh có kệ tụng rằng: "Hết thảy biển pháp môn vô tận, một lời diễn nói hết không thừa". Y cứ nghĩa lý ấy nên nói một mảy trần sanh ra vô tận biến khắp vậy. Điều gọi là tức, là hiện nay bình đẳng nên pháp môn nhất tâm đây, như gương chóng hiện chẳng đợi thứ tự, như ấn chóng thành, lại không trước sau. Một thấy hết thảy thấy, một nghe hết thảy nghe, chẳng đợi suy tầm. Nếu đợi liễu đạt mà thành đều là quyền tiệm. Nếu hay quán một ở tâm tánh thì là một đạo thậm thâm, tức một của chánh đạo, là một của chỉ một, ngàn Phật đồng vết, một đạo của xưa nay chẳng đổi, cũng gọi là môn Nhất lộ Niết-bàn, cũng gọi là một đạo ra ngoài sanh tử. Lại gọi là Đại Phật Đảnh Thủ lăng- Nghiêm cụ túc vạn hạnh thập phương Như Lai nhất môn siêu xuất diệu trang nghiêm lộ, giống như trăm hoa cùng thành tựu một mật, nên biết muôn hạnh cùng hội ở tông đây nếu thật rõ tất cả đó tại ta, thăng trầm đi ở mặc ý tùy duyên, bày Thánh hiện thần, ra sanh vào tử, biến hóa khó lường, vận thần thông của vô tác, ẩn hiển đồng thời, xiển Tam-muội như huyễn, phải quấy ngầm hợp, nghịch thuận đồng quy, nói nín có duỗi, thường thuận đạo của nhất chân, làm nghiệp sanh sản chẳng trái môn thật tướng, vận dụng hành xử, niệm niệm mà chưa từng lìa pháp giới, đi đứng nằm ngồi, bước bước mà thường tại trong đó. Nếu người chẳng tin đối mặt ngàn dặm, như Hàn Sơn Tử có lời thơ rằng: "Đáng quý vật thiên nhiên, riêng một không bè bạn, nhỏ đó trong tấc vuông, lớn đó khắp mọi nơi, nếu ông không tin nhận, đối mặt chẳng cùng gặp. Như người minh đạt ghé mắt liền nhờ đều hay biết trước, nếu kẻ chưa gặp, có thể dùng sự để biết, cử động hành xử, chưa từng gián đoạn. Như Thái Thuận tự là Nhã Trọng hiếu kính vang danh. Từ bé nhỏ, Thái Thuận mồ côi nuôi dưỡng mẹ, thường ra ngoài kiếm củi, có khách chợt đến, người mẹ trông ngóng Thái Thuận chẳng trở về, mới cắn vào ngón tay mình, Thái Thuận liền động tâm, vất bỏ củi vội chạy về, quỳ hỏi nguyên do. Người mẹ bảo: "Bỗng nhiên có khách đến, ta cắn ngón tay để cảnh ngộ ngươi vậy". Lại, có Bùi Kính Di ở đời Đường, cha bị Trần Vương Điển giết, Kính Di đang ở tại thành, bỗng tự nhiên rơi lệ bỏ ăn, nói với mọi người: Đại nhân ta chắc có điều khổ nên

tôi liền chẳng an, ngày nay tâm đau, tay chân đều rã rời, sự gì chưa lường biết". Bèn trở về thăm cha, quả nhiên là đã chết. Lại nữa, cũng ở thời Tiền Đường có Trương Chí An, ở trong làng xóm ngợi khen là người hiếu hạnh, nên cử làm Lý duẫn. Đang ở huyện chợt nói mẹ bệnh gấp. Huyện lệnh hỏi, Chí An nói: "Mẹ có bệnh, Chí An tôi cũng bệnh, Chí An tôi vừa đau nhói tim, do đó, biết là mẹ có bệnh". Huyện lệnh giữ lại, sai người đi tra xét, quả thật như điều nói, sau đó tấu bày cao biểu trước cửa ngõ, bái làm Tán kỵ thường thị.

Hỏi: Sở ngộ của tông đây lại có thầy chăng?

Đáp: Đây là nơi sở chứng của tự giác Thánh trí, Vô sư trí, Tự nhiên trí, chẳng từ Như Lai mà tỏ ngộ, thời của tự chứng, pháp từ tâm hiện, chẳng từ ngoài lại, nên là không thấy, khế hợp mà hay tự đắc Vô thượng Bồ-đề. Trong kinh Lăng-già nói: "Đại Tuệ bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Nếu khéo tự giác Thánh trí cùng với Nhất thừa. Con và Bồ-tát khác nếu khéo tự giác Thánh trí cùng với Nhất thừa, chẳng do ở đâu khác mà thông đạt Phật pháp". Lại, trong kinh nói: "Xá-lợi-phất lại hỏi: Cớ sao chư Hiền giả lại phát lời ấy, từ ngày nay bắt đầu* tự tại xứ này chẳng ở nơi khác, tự quay về chính mình, chẳng trở về Như Lai, dùng làm thầy chủ, chẳng dùng thầy khác. Do đó nên trước chẳng lấy Phật làm Thánh sư". Cho đến, khi ấy Đức Thế Tôn ngợi khen các Tỳ-kheo: "Lành thay! Tốt thay! Đó đối với các pháp không sở đắc mới là thật đắc". Đây là chỉ có thể tự biết mới thấy thật đắc, do đó, ngàn Thánh khoanh tay làm tính lường chẳng thành. Như trong kinh có kệ tụng rằng:

"Ngôn ngữ nói các pháp,
Chẳng thể bày chân thật,
Bình đẳng mới hay thấy,
Như pháp Phật cũng vậy".

Do đó, Vĩnh Gia ca rằng: "Chẳng lìa đương xứ thường trạm nhiên, tìm tức biết ông không được thấy". Lại nữa, Tiên đức có kệ tụng rằng:

"Chẳng phiền hỏi thầy giỏi,
Tâm vương nên tự biết".

Đó mới là thật chiếu không chiếu, thật biết không biết. Tại sao? Nếu có chiếu là có chỗ đối. Nên nói tùy chiếu mất tông, nếu có biết thì bị biết ngăn ngại, nên nói pháp lìa thấy nghe hay biết. Như Tín Tâm Minh nói: "ngang dọc không chiếu, rất là vi diệu. Biết pháp vô tri, vô tri biết yếu, thấu đạt yếu ấy, tức một pháp có thể đồng, không một pháp có thể khác không một pháp có thể(*)không cho phật là bật thánh sư?Các Ty-kheo thưa: Từ ngày nay trở đi.... phải, không một pháp có thể quấy,

thì ngoài dụng nào cầu tri giải. Cổ đức ca rằng: "Người xưa trọng nghĩa chẳng trọng vàng, khúc cao hòa ít không tri âm. Học sĩ thời nay lại như vậy, nói nín động dụng vết khó tìm. Điều than trên đời đường hóc hiểm, trọn ngày gập ghềnh uổng dụng tâm, bình thản chiên-đàn chẳng chịu lấy, muốn phải treo lên hỏi rừng thông, cùng tử bỏ cha xa trốn chạy, tức nơi nhà cũ tuyệt tri âm, bần nữ trong nhà bán vô giá, tức đem cân nhỏ mua vàng người". Nên trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Như đường bằng phẳng hết thảy chúng sanh đều đi trong đó. không chướng ngại là trong đường có cây bóng râm mát mẻ. Người đi dừng nghỉ ở dưới chỉ thở nhưng bóng râm cây ấy vẫn thường trú chẳng khác, cũng chẳng tiêu hoại. Không mang đi là, là đường dụ cho Thánh đạo, bóng râm dụ cho Phật tánh. Do đó, nếu đạt tông đây, kết quy ở tự chỗ ấy. Kho báu trong nhà đâu phải từ ngoài lại, minh châu trong chéo áo, chẳng phải từ nươi khác mà được. Nếu hay mở mang kho tàng bí mật, được vẻ vang thọ dụng hiện tiền, của cải đổi lấy thần châu, dứt khổ bần cùng của nhiều kiếp, chẳng phải vài vật báu khác, đâu theo kia mong cầu, thì trí tạng đượm nhuần chính mình nào cùng, pháp tà lợi tha vô tận.

Hỏi: Nếu nói không thầy tự chứng, tức rơi lạc kế tự nhiên, chấp từ người mà giải, bèn giẫm trải môn nhân duyên. Vả lại, tánh của đại đạo chẳng phải tự nhiên cũng chẳng phải nhân duyên, cớ sao khai bày mà trái với đạo thể?

Đáp: Vì phá tha cầu, nên nói phải tự chứng, vì chấp tự giải nên theo tha ấn khả. Nếu ngay lúc thân xét, mê ngộ đều không, tự tha đều tuyệt, chẳng phải chỗ kịp của hạn lượng, há là năng thuyên của ngôn luận. Do đó, Sơ tổ Ngưu Đầu nói: "đại đạo la` nếu đạo của một người đắc tức bất biến, nếu đạo của nhiều người đắc tức có cùng. Nếu đạo của mỗi mỗi có tức có số. Nếu tổng cộng có đó, phương tiện tức không. nếu tu hành đắc đó, tạo tác chẳng phải chân. Nếu vốn tự có đó, muôn hạnh giả bày. Cớ sao? Vì lìa tất cả hạn lượng phân biệt, rõ biết nói tự nói tha nói được nói mất. Nếu nói về Thánh giáo thì phải tùy ngôn ngữ thế tục chấp phương tiện, nếu y theo ý giải, đều là hạn lượng phân biệt chẳng vượt ngoài tình trần, chỉ chẳng chấp giáo để theo tình thì mới thấy tánh mà đạt đạo.

Hỏi: Người sơ tâm học, ngộ nhập tông này, tin hiểu viên thông, có thắng lực gì?

Đáp: Nếu chánh hiểu viên minh, quyết định tin vào, có công vượt kiếp, được sức chóng thành, tuy ở tại sanh tử mà thường nhập Niết-bàn, hằng ở nơi trần lao mà luôn sống trong cõi Tịnh, hiện đủ mắt thịt mà mở

quang minh của mắt tuệ. Chẳng những đổi tâm phàm, tiện đồng tri kiến của tâm Phật. Như Thái tử đủ tướng của hình dáng vua, Ca-lăng-tầng-già âm thanh vượt hẳn các giống chim. Rút gân sư tử làm dây đàn, các âm thanh khác đều đoạn tuyệt, dùng thuốc thiện kiến mà trị bệnh, các hoạn đều ngầm tiêu, như công của mũi tên na-la sức xuyên trống sắt, tợ như sức của chày kim cang, phỏng đánh nát núi vàng, thì trần lao phiền não chẳng đợi đoạn mà tự diệt, diệu hỏa Bồ-đề, chẳng nhờ tu mà tự tròn đủ Cho đến bình đẳng oán thân, hòa hợp tranh luận, ngang bằng phàm Thánh hết sạch tự tha, đồng nhất đến đi, ấn khả đồng khác dung thông ngắn dài, lẫn lộn trung biên, sức của thế gian và xuất thế gian, không thể xưng không thể lường không thể nói không thể bàn. Chẳng thể quá là cũng gọi là Phật lực, cũng gọi là vô trú lực. Do đó, các vị Tiên đức giải thích rằng: Sắc vô trú gìn giữ thì cả đại kiếp chẳng lìa một niệm. Lại nói: Sắc bình đẳng là Phật lực, sắc đã bình đẳng thì nghĩa duy tâm thành. Nên biết môn của quán tâm, lý không quá đó rất tôn rất quý, tuyệt diệu tuyệt luân. Có công thành Phật trong một sát-na, có đức chóng cắt vòng khổ. Kinh Đại Niết-bàn nói: “Thí như cây thuốc, tên là thọ vương, ở trong các thứ thuốc rất là thù thắng, hay diệt các bệnh. Cây chẳng khởi niệm: Nếu lấy cành lá cùng với da thân v.v..., tuy chẳng khởi niệm hay lành các bệnh. Niết-bàn cũng vậy”. Cho nên nếu đối với Tông Kính có tin đủ tu đủ, cho đến thấy nghe tùy hỷ một niệm phát tâm, không ai chẳng trừ bệnh của tám muôn trần lao, ba chướng hai chết. Kinh Đại Phẩm nói: “Như châu ngọc ma-ni ở tại trú xứ, hết thảy phi nhân chẳng được sơ hở đó, đem châu theo người vào trong tối được sáng, lúc nóng được mát mẻ, lúc lạnh được ấm áp, nếu ở trong nước, tùy vật mà hiện sắc màu”, tức huống là nhận biết tự tâm đây là linh châu như ý, tin đủ bền chắc trong tất cả thời và nơi chốn, chẳng bị trần lão vô minh và phi nhân xâm hại, thì ở nơi phiền chẳng loạn, ở nơi hiểm luôn an, ở nơi cao mà chẳng nguy, đầy mà chẳng tràn. Thai giáo dẫn kinh Phật Tạng nói: “Trong không danh tướng, giả nói danh tướng, đều là sức của Như Lai chẳng thể nghĩ bàn. Thí như có người nhấm núi Tu-di giữa hư không, dùng bè đá vượt qua biển, mang bốn thiên hạ vào núi Tu-di, dùng chân muỗi làm thềm thang lên đến Phạm cung. Gặp kiếp thiêu lúc đang cháy rực, chỉ một khạt nhổ, lửa liền tắt mất, một cái thổi, thế giới tức thành, dùng tơ ngó sen buộc treo núi Tu-di, tay tiếp lấy mưa bốn thiên hạ. Như Lai giảng nói hết thảy các pháp vô tướng vô vi vô sanh vô diệt. Khiến người tin hiểu, rất là khó có, rất là hiếm có. Nếu ít có chỗ được cùng Phật, Pháp, Tăng tranh vào nơi tà đạo, chẳng thuận

xuất gia thọ giới uống một bát nước. Phải biết kinh nói rõ dụng bên ngoài của vô sanh để hiển bày diệu lý nhân quả vô sanh, thì là không rõ nhất thể Tam bảo thường trú, chẳng thuận xuất gia. Nói chẳng thuận là như chẳng hiểu giới đây chẳng đầy đủ. Nếu nói về quán tâm là một sát-na khởi gọi là một chúng sanh, tức khởi tức diệt gọi là một thời kỳ. Trong mỗi mỗi niệm luôn khởi ba độc, tức ngay kiếp tận tam tai. Ba độc tham làm đầu, tam tai lửa làm mối. Dùng chỉ quán chẳng nghĩ bàn quán ba độc đây, một niệm tâm tham không có chỗ khởi tức là một khạt nhổ kiếp lửa diệt mất. Rõ niệm thành trí tức là một cái thổi thế giới mà thành, cho đến hết thảy các sự chẳng thể nghĩ bàn hiếm có, chỉ đạt một niệm vô minh, tâm thành trí chư Phật. Không có người của suốt hiểu, nếu chẳng phải đây chẳng chỉ chẳng thuận xuất gia, hết thảy muôn thiện đều chẳng thành tựu, vì không biết căn bản của Phật pháp. Luận Đại Trí Độ nói: "Lại nữa, có người cho là đất làm tâm bền chắc, không hình chất đều là hư vọng. Do đó nên Phật nói tâm lực làm đại, vì hành Bát-nhã ba-la-mật, nghiền nát đại địa đây để làm bụi nhỏ, vì đất có sắc hương vị xúc nặng. Tự không chỗ làm, vì nước thiếu hương, động không hơn đất, lửa thiếu hương vị, thế thắng so với nước, gió thắng sắc hương vị nên động làm hơn nữa. Tâm không bốn sự nên chỗ làm sức lớn. Lại vì tâm lắm phiền não kiết sử trói buộc nên khiến sức tâm nhỏ ít. Tâm hữu lậu thiện tuy không phiền não, vì tâm chấp thủ các pháp tướng nên lực đó cũng ít. Hàng Nhị thừa tâm vô lậu tuy chẳng thủ tưởng, nhưng vì trí tuệ có lượng, đến lúc ra đạo vô lậu sáu tình theo tục phân biệt,chấp thủ các pháp tướng nên chẳng tận tâm lực. Chư Phật và Đại Bồ-tát trí tuệ vô lượng vô biên, thường trú thiền định, đối với thế gian Niết-bàn không có phân biệt, các pháp thật tướng kỳ thật chẳng khác, chỉ bởi trí có hơn kém. Người hành Bát-nhã ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh không chỗ ngăn ngại, chỉ trong một niệm hay nghiền nát mười phương hết thảy như cát sông Hằng v.v..., ba ngàn đại thiên cõi nước, đại địa các núi vi trần. Nên biết chân tâm có sức lực lớn ấy, chúng sanh vọng cách mà chẳng hay biết". Kim Quang Minh Kinh Sớ nói: "Như ánh sáng mặt nhật hay tỏa chiếu thiên hạ, chẳng thể chiếu đạo lý. Ánh sáng của tâm trí hay phát trí chiếu lý, nên tâm là ánh sáng. Nếu tâm si ám thể thì tiều tụy, tâm có trí sáng sắc da đượm nhuần. Nên nói Bát-nhã lớn nên sắc lớn, Bát-nhã tịnh nên sắc tịnh, tức là minh vậy". Muôn vật trong thiên hạ, chỉ con người là quý. Hình hài bảy thước chẳng như linh trí làm quý. Do đó, quán đến tâm quý tâm tức là vàng. Lại biết y báo chánh báo gọi là ánh sáng biết hết thảy pháp không hết thảy pháp là sáng tỏ Do đó,

nếu ở nơi Tông Kính mới có tin vào, bèn sanh viên giải có thể phát tâm Bồ-đề chân chánh. Lại không quá trên, là tâm không gì bằng, là tâm tối thắng, là tâm tối thật. Luận Chỉ Quán nói: "Người phát tâm ấy hay vượt qua mỗi mỗi môn trần lao tức là tám vạn bốn ngàn các môn Tam-muội. Vô minh chuyển tức biến làm minh, như băng tan thành nước, lại chẳng phải xa rời vật, chẳng xứ khác lại, chỉ một niệm tâm, khắp đều đầy đủ. Ý châu như vậy, chẳng phải có báu chẳng phải không báu. Nếu cho là không tức là vọng ngữ, nếu nói là có tức là tà kiến. Không thể dùng tâm biết, Ít dùng ngôn từ phân biệt giãi thích. Chúng sanh ở trong pháp chẳng trói buộc chẳng nghĩ bàn đây mà tư tưởng làm trói buộc. Ở trong pháp giải thoát, mà cầu ở thoát, cho nên khởi đại từ bi, phát tứ hoằng thệ, nhổ trừ hai khổ, ba cho, hai vui, nên nói chẳng phải trói buộc chẳng phải thoát là tâm Bồ-đề chân chánh. Phát một tâm Bồ-đề đây tức tất cả tâm Bồ-đề, thí như vị lương y có một phương thức bí mật, gồm hết các phương thuốc A-dà-đà, công gồm các thứ thuốc, như ăn cháo sữa, lại không cần gì khác, hết thảy đều đầy đủ như châu như ý. Cho đến nhất tâm đây là đại trong đại, thượng trong thượng, viên trong viên, mãn trong mãn, thật trong thật, chân trong chân, liễu nghĩa trong liễu nghĩa, huyền trong huyền, diệu trong diệu, chẳng thể nghĩ bàn trong chẳng thể nghĩ bàn. Nếu hay như vậy, chọn quấy hiển bày phải, rõ quyền biết thật, mà người phát tâm là giống của hết thảy chư Phật. Thí như Kim cang từ tánh vàng sanh. Tâm Bồ-đề Phật từ đại bi khởi, là trước tiên của các hạnh, như uống thuốc A-bà-la trước tiên dùng lấy nước trong, tối ưu trong các hạnh. Ở trong các căn, mạng căn là ưu tối, trong chánh pháp chánh hạnh của Phật, tâm đây là tối ưu, như Thái tử vừa sanh đủ hình tướng Vua, đại thần cung kính có tiếng tăm lớn, như chim Ca-lăng-tầng-già từ trong vỏ trứng tiếng kêu đã ưu thắng hơn các giống chim. Tâm Bồ-đề đây có thế lực lớn như dây gân sư tử như sữa sư tử, như chày kim cang, như mũi tên na-la-diên, đầy đủ các vật báu, hay trừ các thứ bần khổ, như châu như ý. Tuy nhỏ biếng lười, nhỏ mất oai nghi, còn hơn công đức của hết thảy Bồ-tát, hay thành Vô thượng Chánh giác trong ba đời. Nếu giải hiểu tâm đây nhậm vận mặt tình thấu đạt ở chỉ quán, không phát không ngại tức là quán, tánh nó tịch diệt tức là chỉ. Chỉ quán tức là Bồ-đề, Bồ-đề tức là chỉ quán.

Như trên rộng tán thán người phát tâm Bồ-đề viên tín đây, thật là khó có. Nếu hàng phàm phu ngoại đạo mê ở tâm này mà làm phần đoạn sanh tử. Hàng Nhị thừa thông tạng trái với tâm đây mà làm Hữu dư Niết-bàn, cho đến hàng Bồ-tát thông giáo, người mới phát tâm Đại

thừa, rõ ở tâm đây chỉ thành không của tự tại. Bồ-tát Biệt giáo đến chung ngộ của Đại thừa đối với tâm đây tuy thấy chẳng không làm sở y của mười phương pháp giới. Nhưng tức nay chưa đủ, còn nhờ riêng tu thứ lớp sanh khởi đều chẳng thể hay biết. Tự tâm một niệm đốn viên bình đẳng chánh tánh, phàm Thánh chung có một khoảng không sai. Do vì không biết, đều chẳng thể phát tâm Bồ-đề Vô thượng vô đẳng tối thắng quảng đại chẳng thể nghĩ bàn đây. Chỗ có bi nguyện trí hạnh đều chẳng đầy đủ, nếu một lúc phát tâm đây, công đức không ngằn mé, niệm niệm viên mãn mười Ba-la-mật. Nên trong kinh Tịnh Danh nói: "Duy-ma-cật nói: Nhưng các ngươi bèn phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, đó tức là xuất gia, đó tức là Cụ túc". Nay, Tông Kính chánh vì chỉ bày tâm ấy, mỗi mỗi sưu tìm cùng, lớp lớp dẫn chứng, khắp vì hết thảy pháp giới hàm sanh, phàm là có tâm nguyện đều tin nhận, mới được tin vào pháp như thế tự nhiên phát tâm Vô thượng Bồ-đề đây, bèn ngồi Đạo tràng hành đồng thể đại bi, khởi vô duyên từ hóa. Do đó mười phương chư Phật tán thán tâm này xong, người hay phát Bồ-đề, công đức vô tận. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Tâm Bồ-đề giống như hạt giống hay sanh hết thảy các Phật pháp. Tâm Bồ-đề giống như mặt đất, vì hay giữ gìn hết thảy thế gian. Tâm Bồ-đề giống như nước sạch, vì hay tẩy rửa hết thảy phiền não dơ bẩn. Tâm Bồ-đề giống như gió lớn, vì khắp nơi thế gian không chỗ chướng ngại. Tâm Bồ-đề giống như lửa mạnh, vì hay thiêu đốt các củi kiến chấp. Tâm Bồ-đề giống như mặt nhật sáng sạch, vì hay soi chiếu khắp hết thảy thế gian. Tâm Bồ-đề giống như vầng nguyệt tròn đầy, vì các pháp bạch tịnh thảy đều viên mãn. Tâm Bồ-đề giống như mắt sạch, vì thấy khắp các chốn an nguy. Tâm Bồ-đề giống như đường lớn, vì khắp khiến được vào thành đại trí. Tâm Bồ-đề giống như chánh tế vì khiến đó được xa lìa các tà pháp. Tâm Bồ-đề giống như xe lớn, vì hay chuyên chở chư vị Bồ-tát. Tâm Bồ-đề giống như cửa nẽo, vì hay mở bày hết thảy hạnh Bồ-tát. Tâm Bồ-đề giống như cung điện, vì an trú tu tập pháp Tam-muội. Tâm Bồ-đề giống như vườn tược vì ở trong đó vui chơi thọ các pháp lạc. Tâm Bồ-đề giống như vườn nhà, vì hay an ổn tất cả các chúng sanh. Tâm Bồ-đề làm chỗ quy, vì lợi ích tất cả các thế gian. Tâm Bồ-đề làm chỗ nương tựa, vì là nơi nương tựa của các hạnh Bồ-tát. Tâm Bồ-đề giống như cha lành, vì hay dạy răn dẫn dắt các Bồ-tát. Tâm Bồ-đề giống như mẹ hiền, vì hay sanh trưởng hết thảy các Bồ-tát. Tâm Bồ-đề giống như sữa mẹ, vì nuôi dưỡng hết thảy các Bồ-tát. Tâm Bồ-đề giống như bạn lành, vì thành tựu ích lợi hết thảy các Bồ-tát. Tâm Bồ-đề giống như quân chủ vì thắng

vượt ngoài hết thảy người Nhị thừa. Tâm Bồ-đề giống như Đế vương, vì ở trong tất cả các nguyện được tự tại. Tâm Bồ-đề giống như biển lớn, vì tất cả công đức thảy đều vào trong. Tâm Bồ-đề giống như núi Tu-di, vì đối với tất cả chúng sanh, tâm đều bình đẳng. Tâm Bồ-đề giống như núi Thiết vi, vì hay gồm giữ tất cả các thế gian. Tâm Bồ-đề giống như núi tuyết, vi nuôi lớn hết thảy thuốc trí tuệ. Tâm Bồ-đề giống như núi Hương, vì hay xuất sanh hết thảy mùi hương công đức. Tâm Bồ-đề giống như hư không, vì các diệu công đức rộng lớn vô biên. Tâm Bồ-đề giống như hoa sen, vì chẳng nhiễm hết thảy các pháp thế gian. Tâm Bồ-đề giống như voi điều tuệ, vì tâm đó khéo thuận chẳng ngang trái. Tâm Bồ-đề giống như ngựa lành tốt, vì xa lìa hết thảy các tánh ác. Tâm Bồ-đề giống như thầy điều ngự, vì hay gìn giữa hết thảy pháp Đại thừa. Tâm Bồ-đề giống như thuốc tốt, vì hay trị hết thảy bệnh phiền não. Tâm Bồ-đề giống như hầm hố xuyên thủng, vì hay vùi lấp hết thảy các ác pháp. Tâm Bồ-đề giống như kim cang, vì đều có thể xuyên suốt hết thảy các pháp. Tâm Bồ-đề giống như tráp hương, vì hay trữ hết thảy hương thơm công đức. Tâm Bồ-đề giống như diệu hoa, vì là nơi tất cả thế gian đều vui thích thấy. Tâm Bồ-đề giống như bạch chiên-đà, vì hay trừ dục nhiệt của chúng sanh khiến được trong mát. Tâm Bồ-đề như hương hắc trầm, vì hay xâm pháp giới đều cùng khắp. Tâm Bồ-đề như Thiện Kiến Dược Vương, vì hay phá tất cả bệnh phiền não. Tâm Bồ-đề như thuốc Tỳ-cấp-ma, vì hay nhổ tất cả các mũi tên phiền não. Tâm Bồ-đề giống như Đế thích, vì trong tất cả các chúa rất là tôn quý. Tâm Bồ-đề như Tỳ-sa-môn, vì hay đoạn dứt tất cả khổ bần cùng. Tâm Bồ-đề như công đức thiên, vì chỗ tất cả công đức trang nghiêm. Tâm Bồ-đề như trang nghiêm cụ, vì trang nghiêm hết thảy các Bồ-tát. Tâm Bồ-đề như lửa kiếp thiêu, vì hay thiêu đốt hết thảy các hữu vi. Tâm Bồ-đề như thuốc không sanh rễ, vì trưởng dưỡng tất cả các Phật pháp. Tâm Bồ-đề giống như long châu vì hay phá tiêu tất cả độc phiền não. Tâm Bồ-đề như châu thủy tinh, vì hay lắng trong tất cả cấu bẩn phiền não. Tâm Bồ-đề như châu như ý, vì hay chu cấp tất cả bần khổ thiếu thốn. Tâm Bồ-đề như bình công đức, vì đầy đủ tất cả tâm chúng sanh. Tâm Bồ-đề như cây như ý, vì hay mưa hết thảy các trang nghiêm cụ. Tâm Bồ-đề như áo nga vũ, vì chẳng nhận chịu tất cả cấu bản sanh tử. Tâm Bồ-đề như chỉ bạch điệp, vì từ xưa lại tánh thường thanh tịnh. Tâm Bồ-đề như lưỡi cày sắc bén, vì hay trị tất cả ruộng chúng sanh. Tâm Bồ-đề như Na-la-diên vì hay đánh dẹp tất cả giặc ngã kiến. Tâm Bồ-đề giống như mũi tên sắc nhọn, vì hay phá tất cả đích khổ. Tâm Bồ-đề giống như mâu nhọn, vì

hay xuyên thủng tất cả áo giáp phiền não. Tâm Bồ-đề giống như áo giáp bền chắc, vì hay được hết thảy tâm như lý. Tâm Bồ-đề giống như dao bén, vì hay chém tất cả đều phiền não. Tâm Bồ-đề giống như kiếm bén, vì hay phá rách hết thảy áo giáp kiêu mạn. Tâm Bồ-điều giống như phướn dõng tướng, vì hay nhiếp phục tất cả các ma quân. Tâm Bồ-đề giống như cưa bén, vì hay cắt đứt tất cả cây vô minh. Tâm Bồ-đề giống như búa bén, vì hay chặt tất cả các cây khổ. Tâm Bồ-đề giống như binh trượng, vì hay ngăn ngừa tất cả các khổ nạn. Tâm Bồ-đề giống như tay khéo, vì hay phòng hộ tất cả các công đức. Tâm Bồ-đề giống như thuốc mắt, vì diệt trừ tất cả màng mờ vô minh. Tâm Bồ-đề giống như kềm díp, vì hay nhổ tất cả mũi nhọn thân kiến. Tâm Bồ-đề giống như ngọa cụ, vì dứt trừ các khổ nhọc sanh tử. Tâm Bồ-đề như thiện tri thức, vì hay mở hết thảy sanh tử trói buộc. Tâm Bồ-đề giống như của cải quý tốt, vì hay trừ tất cả việc bần cùng. Tâm Bồ-đề như Đại Đạo sư, vì khéo biết đạo xuất yếu của Bồ-tát. Tâm Bồ-đề giống như phục tàng, vì xuất sanh của cải công đức không thiếu thốn. Tâm Bồ-đề giống như suối trào, vì sanh nước trí tuệ không cùng tận. Tâm Bồ-đề giống như gương sáng, hiện khắp ảnh tượng của hết thảy pháp thân. Tâm Bồ-đề giống như hoa sen, vì chẳng nhiễm hết thảy các tội cấu. Tâm Bồ-đề giống như sông lớn, vì lưu dẫn tất cả độ nhiếp pháp. Tâm Bồ-đề như Đại Long vương, vì hay mưa tất cả mưa pháp. Tâm Bồ-đề giống như mạng căn, vì giữ gìn thân đại bi của Bồ-tát. Tâm Bồ-đề giống như cam lồ, vì hay khiến an trú cõi bất tử. Tâm Bồ-đề giống như lưới lớn, vì thâu tóm khắp hết thảy các chúng sanh. Tâm Bồ-đề giống như dây ràng, vì nhiếp lấy tất cả chỗ ứng hóa. Tâm Bồ-đề giống như mồi câu, vì kéo ra kẻ ở trong vực sâu. Tâm Bồ-đề như thuốc A-già-đà, vì hay khiến người không bệnh trọn được an ổn. Tâm Bồ-đề như thuốc trừ độc, vì đều hay tiêu tất cả độc tham ái. Tâm Bồ-đề như khéo trì chú, vì hay trừ tất cả độc điên đảo. Tâm Bồ-đề giống như gió thổi nhanh, vì hay cuốn tất cả mốc mù các chướng. Tâm Bồ-đề như châu đại bảo, vì sanh ra hết thảy giác phần báu. Tâm Bồ-đề giống như chủng tánh tốt, vì xuất sanh ra tất cả pháp Bạch tịnh. Tâm Bồ-đề giống như ở vườn nhà, vì là nơi sở y của các pháp công đức. Tâm Bồ-đề giống như quán chợ, vì là nơi Bồ-tát thương nhân buôn bán. Tâm Bồ-đề như thuốc luyện vàng, vì hay trị tất cả cấu bẩn phiền não. Tâm Bồ-đề giống như mật tốt, vì viên mãn hết thảy mùi vị công đức. Tâm Bồ-đề giống như chánh đạo, vì hay khiến các Bồ-tát vào thành trí tuệ. Tâm Bồ-đề giống như vật đựng tốt lành, vì hay gìn giữ hết thảy vật Bạch tịnh. Tâm Bồ-đề giống như lúc mưa, vì

hay diệt tất cả các bụi trần phiền não. Tâm Bồ-đề thì làm trú xứ, vì là nơi trú xứ của hết thảy Bồ-tát. Tâm Bồ-đề làm hạnh trao truyền, vì chẳng thủ quả giải thoát của Thanh văn. Tâm Bồ-đề như lưu ly sạch, vì tự tánh sáng sạch không các bẩn dơ. Tâm Bồ-đề như báu đế thanh, vì vượt qua thế gian trí Tam thừa. Tâm Bồ-đề như trống chuyển canh thâu, vì tỉnh giấc chúng sanh ngủ gật phiền não. Tâm Bồ-đề như nước thanh tịnh, vì tánh vốn lắng sạch không dơ đục. Tâm Bồ-đề như vàng Diêm-phù, vì ánh ngời lóa sáng đoạt các thiện hữu vi. Tâm Bồ-đề như núi Chúa lớn, vì vượt ngoài hết thảy các thế gian. Tâm Bồ-đề làm sở quy, vì chẳng chống cự hết thảy mọi người lại. Tâm Bồ-đề thì làm nghĩa lợi, vì hay trừ hết thảy sự ưu não. Tâm Bồ-đề làm diệu bảo, vì hay khiến hết thảy tâm hoan hỷ. Tâm Bồ-đề như đại thí hội, vì sung mãn tất cả tâm chúng sanh. Tâm Bồ-đề thì làm tôn thắng, vì tâm các chúng sanh không cùng ngang bằng. Tâm Bồ-đề giống như phục tàng, vì hay nhiếp hết thảy các Phật pháp. Tâm Bồ-đề như lưới nhân-đà-la, vì hay nhiếp phục phiền não A-tu-la. Tâm Bồ-đề như gió Bà-lâu-na, vì hay động hết thảy chỗ ứng hóa. Tâm Bồ-đề như lửa nhân-đà-la, vì hay thiêu đốt hết thảy các thói quen lầm hoặc. Tâm Bồ-đề như Phật Chi-đề, vì hết thảy thế gian nên cúng dường. Này thiện nam! Tâm Bồ-đề thành tựu vô lượng công đức như vậy. Tóm yếu mà nói là nên biết đều cùng các công đức v.v... của hết thảy Phật pháp. Tại sao? Nhân vì tâm Bồ-đề sanh ra hết thảy các Bồ-tát hạnh. Vì chư Như Lai trong ba đời đều từ Tâm Bồ-đề mà sanh ra. Cho nên, này thiện nam! Nếu có người phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, thì đã xuất sanh vô lượng công đức, khắp hay thâu lấy Nhất thiết trí đạo. Cho đến, này thiện nam! Như có châu báu tên là Tự tại vương, nơi ánh sáng của nhật nguyệt soi chiếu đến, hết thảy các vật của báu y phục v.v... có được giá trị đều chẳng thể kịp. Bồ-tát Ma-ha-tát phát tâm Bồ-đề, báu tự tại vương cũng lại như vậy. Nơi tất cả ánh sáng trí tuệ soi chiếu đến. Hết thảy công đức hữu lậu thiện vô lậu thiện của các hàng trời, người Nhị thừa trong ba đời đều chẳng thể kịp. Này thiện nam! Trong biển có vật báu tên là Hải Tạng, hiện khắp các sự trang nghiêm trong tất cả biển trí. Này thiện nam! Thí như vàng Diêm-phù-đàn trên trời, chỉ trừ tâm vương đại ma-ni bảo, ngoài ra không có gì kịp. Bồ-tát Ma-ha-tát phát tâm Bồ-đề vàng Diêm-phù-đàn cũng lại như vậy, thì Nhất thiết trí tâm vương đại bảo, ngoài ra đều chẳng gì kịp. Cho đến, này thiện nam! Tâm Bồ-đề thành tựu vô lượng vô biên như vậy, cho đến không thể nói, không thể nói các công đức thù thắng. Nếu có chúng sanh phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề

thì được thắng pháp công đức như vậy.

Như trên lược ghi một trăm hai mươi môn trong Hoa Nghiêm đại giáo tán thán phát tâm Bồ-đề công đức rộng lớn vô biên. Nhưng trong kinh tuy dẫn các trân bảo hiếm có để thí dụ so sánh, đều là vật hữu hạn trong thế gian. Đem thô so diệu, đem cạn sánh sâu, sao bằng trân quý xuất thế vô tận, đâu đồng yếu chỉ của Phật pháp khó nghĩ bàn. Nên biết thế gian và xuất thế gian, tất cả quý báu của thiên hạ, không gì quý báu hơn tâm. Như sư tử dõng dạt bước tới oai mãnh rất hùng. Voi chúa giẫm đạp, thế lực không gì bằng. Do đó trong kinh Đại Thọ Khẩn-na-la Vương Sở Vấn nói: "Bấy giờ đại thọ Khẩn-na-la Vương bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Con nghe Bồ-tát có pháp Tam-muội tên là Bảo trú. Nếu có Bồ-tát nào đắc Tam-muội đó thì hết thảy pháp bảo, các công đức pháp tự nhiên mà đắc". Phật bảo Khẩn-na-la Vương rằng: "Nếu có Bồ-tát muốn khiến chủng tánh Phật bảo không đoạn, chủng tánh pháp bảo chủng tánh tăng bảo không tuyệt là tu tập sanh khởi tám mươi thứ báu. Đó là không quên tâm báu Nhất thiết trí Cho đến tâm quán không vô tướng vô nguyện giải thoát môn bảo. Vào cam lồ môn nên quán hết thảy pháp vô sanh, vì Bảo Tâm được Vô sanh pháp nhẫn. Thấy hết thảy pháp như huyễn ,như mộng, như ánh lửa, như bóng hình, như vang theo tiếng ,như trăng đáp nước, vì Tâm báu chẳng trú các kiến. Quán pháp nhân duyên, vì Tâm báu lìa đoạn kiến thường kiến. Lìa các biên kiến dơ bẩn, vì Tâm báo lìa ở hai. Vào pháp môn Bất nhị, vì Tâm báu giác ngộ nhất đạo. Lìa hết thảy hạnh, vì Tâm báu thành đạt chánh vị. Chánh quán pháp vị, vì Tâm báu hết thảy pháp Bình đẳng. Tập tụ hỗ trợ hết thảy pháp Bồ-đề, vì Bảo Tâm rõ suốt hết thảy Phật pháp. Cho đến dụ như biển lớn làm chủ các pháp, nhóm tập hết thảy vật báu, hết thảy các báu thảy đều đến quy tụ, ở trong biển đó sanh ra các báu. Như vậy, Khẩn-na-la Vương! Bồ-tát đắc Trú Tam-muội đó, vì làm chủ của hết thảy chúng sanh, nhóm tập hết thảy báu. Hết thảy pháp báu thảy đều quy hướng". Dó đó, Tổ sư nói: "Trong tất cả các báu, tâm báu là trên hết, nên biết hết thảy pháp báu đều kết quy trong Tông Kính. Không có pháp tài trân bảo nào mà chẳng tích tụ". Như kinh Nhập pháp giới thể tánh nói: "Văn-thù-sư-lợi lại bạch Phật rằng: "Vì nhân duyên gì gọi lấy Tam-muội làm bảo tích ư?" Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: "Thí như đại ma-ni bảo khéo mài ánh ngời đã an đặt nơi sạch sẽ, tùy chỗ đất ấy mới sanh ra các thứ trân bảo không thể cùng tận. Cho nên, Văn-thù-sư-lợi! Ta trú nơi Tam-muội đây quán sát ở phương Đông, thấy vô lượng A tăng-kỳ thế giới hiện tại chư Phật Như Lai A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Phật-

đà, như vậy ở các phương Đông, Nam, Tây, Bắc, bốn góc và trên dưới, như vậy, mười phương vô lượng A tăng-kỳ thế giới ta đều hiện thấy các Như Lai đó trú Tam-muội này vì đại chúng giảng nói pháp. Văn-thù-sư-lợi! Ta trú Tam-muội đây chẳng thấy một pháp nhưng chẳng phải pháp giới". Giải thích rằng: "Bảo tích Tam-muội, tức là tâm của hết thảy chúng sanh. Vô lượng công đức nhóm tụ giống như chất chứa báu ở thế gian. Nếu hay trú nhất tâm Bảo tích Tam-muội đây, có công đức báu nào mà chẳng biết. Nên hay thấy mười phương Phật bảo soi chiếu khắp cùng không thừa, do đó nói không thấy một pháp mà chẳng phải pháp giới. Do đó, trong muôn loại, chỉ tâm là quý, như kim sí điểu sau khi mạng chung xương thịt tan rã hết chỉ có quả tim còn. Nan-đà Long vương lấy tim chim đó làm minh châu, Chuyển luân vương được dùng làm châu như ý, nhưng tâm của hết thảy chúng sanh cũng lại như vậy. Thân huyễn tuy diệt nhưng tâm chân chẳng hoại. Như trong kinh nói: "Như kiếp lửa thiêu đốt chẳng thiêu đốt hư không". Lại, Tổ sư nói: "Trăm hài cốt tuy tan nát hết, một vật trấn trường linh, nếu hay rõ biết chân tâm thường trú đây, tức đồng được sánh như châu báu như ý, nếu người được đó, rộng cứu tế khắp pháp giới, người dụng đó nhuận khắp cả mười phương". Vì trong các kinh Đại thừa đây, mười phương chư Phật đồng cùng tán dương tâm Bồ-đề đó. Sánh như hư không không ngằn mé, chưa từng nói phần nhỏ. Nếu người vị thấp trí cạn sao dám nói đó? Nên các bậc Tiên đức giải thích giáo nghĩa Niết-bàn nói: "Các thứ danh mục chỉ là pháp nhất tâm. Pháp ấy tức là thầy của Phật, là mẹ của các Bồ-tát. Chư Phật Bồ-tát biện giải chẳng thể tuyên bày, ngàn miệng phàm phu há giải hiểu du dương, trăm Nhị thừa mù lòa sao có thể múa tay ấy ư?" Luận đây mở phát tin vào, công đức vô biên, nếu chỉ thấy nghe, giả sử không tin vui, còn được gieo trồng căn lành không luống rỗng không vậy. Như kinh Hoa Nghiêm nói: "Phật tử! Thí như đại trượng phu ăn chút ít kim cang trọn không tiêu mất, phải xuyên qua thân đó mà ra bên ngoài. Tại sao? Kim cang chẳng cùng thân thịt tạp uế mà đồng dừng trú vậy. Đối với Đức Như Lai gieo trồng chút ít căn lành cũng lại như vậy, phải xuyên qua thân tất cả hữu vi các hành phiền não, qua đến nơi trí vô vi cứu cánh. Tại sao? Vì chút ít căn lành ấy chẳng cùng hữu vi các hành phiền não mà chung dừng trú. Phật tử! Giả sử cỏ khô chất chứa đồng như Tu-di, ném lửa hay thiêu đốt vậy. Đối với Đức Như Lai gieo trồng chút ít căn lành cũng lại như vậy, hẳn hay thiêu đốt tất cả phiền não. Rốt ráo chứng đắc Vô dư Niết-bàn. Tại sao? Vì tánh chút ít căn lành ấy rốt ráo vậy. Phật tử! Thí như ở núi Tuyết có cây dược

vương tên là Thiện Kiến. Nếu có người thấy thì mắt được thanh tịnh. Nếu có người nghe thì tai được thanh tịnh. Nếu có người ngửi thì mũi được thanh tịnh. Nếu có người nếm thử thì lưỡi được thanh tịnh. Nếu có người xúc chạm thì thân được thanh tịnh. Nếu có chúng sanh lấy được chút đất ở nơi đó cũng có thể dùng làm trừ bệnh lợi ích. Phật tử! Như Lai Ứng Chánh đẳng giác Vô thượng dược vương cũng lại như vậy, hay làm tất cả mọi sự nhiêu ích chúng sanh. Nếu có người được thấy sắc thân Như Lai thì mắt được thanh tịnh. Nếu có người được nghe danh hiệu Như Lai thì tai được thanh tịnh. Nếu có được ngửi hương giới Như Lai thì mũi được thanh tịnh, đủ tướng lưỡi rộng dài giải nói lời pháp. Nếu có xúc chạm ánh sáng Như Lai thì thân được thanh tịnh, rốt ráo được pháp thân vô thượng. Nếu đối với Đức Như Lai mà sanh khởi nghĩ nhớ thì được niệm Phật Tam-muội thanh tịnh. Nếu có chúng sanh cúng dường nơi Đức Như Lai từng đi qua và các tháp miếu, cũng được đủ căn lành, diệt trừ tất cả các hoạn phiền não, được vui của Hiền thánh. Phật tử! Nay ta bảo cùng các ông, nếu có chúng sanh thấy nghe nơi Phật nhưng do nghiệp chướng ràng buộc chuyển sanh tin vui cũng được gieo trồng căn lành, không luống qua, cho đến rốt ráo chứng nhập Niết-bàn. Phật tử! Bồ-tát Ma-ha-tát nên biết như vậy, ở nơi Như Lai mà thấy nghe thân gần gieo trồng căn lành, thảy đều xa lìa các pháp bất thiện, đầy đủ thiện pháp. Nên biết hoặc thấy hoặc nghe, hoặc tin hoặc chẳng tin đều được rốt ráo căn lành vô thượng. Vì thấy Phật viên giác pháp phổ môn vậy". Vì giác viên nên không khuyết giảm, vì pháp khắp nên tự nhiên đầy đủ. Há chẳng phải là cứu cánh ư? Do đó, trong phẩm Công đức sơ phát tâm ở kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng:

"Bồ-tát phát tâm lượng công đức,
Ức kiếp xưng dương chẳng thể hết,
Vì sanh ra tất cả an lạc,
Của Như Lai, Độc giác, Thanh văn.
Chúng sanh ở các cõi nước mười phương,
Thảy đều được an vô lượng kiếp,
Khuyên trì năm giới và mười thiện,
Tứ thiền tứ đẳng các xứ định.
Lại ở nhiều kiếp ban an lạc,
Nay đoạn các hoặc thành La-hán,
Kia các phước tụ tuy vô lượng,
Chẳng cùng sánh công đức phát tâm.
Lại dạy ức chúng thành Duyên giác,

Được đạo vô tránh hạnh vi diệu,
Lấy kia mà sánh tâm Bồ-đề,
Tính lường thí dụ không thể kịp.
Một niệm hay quá vô số cõi,
Như thế trải qua vô lượng kiếp,
Số các cõi ấy còn lường được,
Công đức phát tâm không thể biết.”

Lại có kệ tụng:

“Nói bày các thứ món thí dụ,
Không có thể kịp tâm Bồ-đề,
Vì tất cả chư Phật ba đời,
Đều từ phát tâm mà được sanh”.

Hoa Nghiêm Chỉ Quy nói: “Hiểu rõ nghĩa kinh có mười thứ lợi ích: Một là, lợi ích thấy nghe, nghĩa là thấy nghe Như Lai đây và pháp để lại đây mà gieo trồng căn lành thành kim cang chủng không thể phá hoại, yếu tâm để thành Phật, như phẩm Tánh Khởi nói: “Phật tử! Cho đến chúng sanh tà kiến bất tín mà thấy nghe Phật, các chúng sanh ấy ở trong thấy nghe, được gieo trồng căn lành, quả báo không hư rỗng, cho đến rốt ráo chứng đắc Niết-bàn v.v...”. Hai là, lợi ích phát tâm, nghĩa là tín vị đã mãn, xứng với bản hoài chư Phật, phát đại tâm đây, tâm đây tức là Phổ Hiền pháp thâu gồm, cho nên dung thông tức biến pháp giới không cùng tận thời xứ v.v.... Đã vào gồm kia, tức toàn các ngôi vị kia thảy đều thành mãn, nên trong kinh nói: “Sơ phát tâm tức là thành Phật, đều cùng chư Như Lai trong ba đời v.v...”. Ba là, lợi ích khởi hạnh, nghĩa là nếu lúc khởi một hạnh Phổ Hiền tức khắp tất cả hạnh, tất cả vị, tất cả đức, tất cả pháp, tất cả xứ, tất cả thời, tất cả nhân, tất cả quả, cùng tận pháp giới đầy đủ tất cả, như lưới trời Đế thích v.v.... Nên trong kinh nói: “Bồ-tát Ma-ha-tát được nghe pháp này, dùng chút ít phương tiện chóng đắc Bồ-đề”. Bốn là, lợi ích gồm vị, nghĩa là tín v.v..., năm vị, trong mỗi một vị gồm tất cả vị, nhưng có hai môn: Thứ nhất,môn Toàn vị tướng, tức tất cả vị là một vị, Thập tín viên mãn tức bèn thành Phật. Thứ hai, môn Các vị giúp nhau, thì trong một vị đủ tất cả vị, như trong Thập Tín có Thập trú cho đến Thập địa. Nên trong kinh nói: “Trú ở một địa, thâu gồm khắp tất cả các địa công đức, như mười huyền môn”. Năm là, lợi ích chóng chứng, y cứ khắp một đây, một chứng tất cả chứng, như trong kinh nói rõ chúng sanh ở địa ngục mong được ánh sáng để diệt khổ, mới từ cửa địa ngục ra, lên đến trời Đâu-suất chẳng phải ngay tự thân chóng đắc Thập địa, cũng là từ trong từng lỗ chân lông xông hương toàn

chỉ bày chúng sanh chóng diệt vô lượng phiền não, đều là thắng lực của pháp khắp. Bảy là, lợi ích chuyển lợi,hạnh khắp cũng thành tức hay chóng lợi ích vô biên chúng sanh, đều cũng đắc pháp thập địa đây. Như trước, Thiên tử Đâu-suất đắc Thập địa rồi từ trong lỗ chân lông tỏa ra mây lọng cúng dường Phật. Như trong kinh nói: “Nếu có chúng sanh thấy mây lọng đây thì các chúng sanh ấy gieo trồng một hằng hà sa các Chuyển luân vương gieo trồng căn lành v.v...”. Tám là, lợi ích tu tạo, như Thiện Tài đồng tử y cứ pháp khắp đây, một đắc tất cả đắc, Vì đời trước từng nghe pháp khắp thành Kim cang chủng, bèn khiến đời nay chóng được giải hạnh; Chín là, lợi ích chóng đắc, như kinh nói rõ sáu ngàn vị Tỳ-kheo chóng thấy Như Lai đắc mười nhãn pháp giới, trong rừng Kỳ-hoàn vô số Bồ-tát đông nhiều không thể nói, chóng đắc biển pháp tự tại vô tận v.v...; Mười là, lợi ích xứng tánh, nghĩa là y cứ pháp khắp đây, hết thảy chúng sanh, không ai chẳng đều xứng với bản tánh họ ở trong biển Phật quả, tức là lợi ích từ xưa lại, như kinh nói rõ ở trong thân Phật thấy hết thảy chúng sanh đã thành Phật rốt ráo, đã chứng đắc Niết-bàn rốt ráo. Do đó, trong Tông Kính đây đều là xứng tánh mà bàn, theo bản mà nói. Nhân quả đều thật, lý sự đều chân. Do đó tông viên mãn, pháp Phổ môn, thấy pháp khắp nên gọi là Phổ nhãn. Pháp khắp là một đủ tất cả mỗi mỗi xứng tánh đồng thời đầy đủ. Ngoài nhãn không pháp mới xưng là Phổ nhãn, cũng gọi là kinh Phổ Nhãn, bèn khiến người thấy nghe đều đồng tánh đắc. Vì tánh đây vô tận thì điều lợi ích nào cùng, nên hay tổng quát vô biên, gồm thông tất cả.Gồm trước thì gồm sau, như giở bước chân đầu tiên tức đến lộ trình dài ngàn dặm. Được một thì được tất cả các thứ khác, như trông vầng nguyệt giữa bầu trời tức rõ biết tất cả ánh trăng dưới đáy nước. Nên biết, có giáo tức có vị đó, có pháp tức có người đó, như chúng sanh ở địa ngục thấy nghe làm hạt giống ở trong tám nạn, làm thềm thang vượt lên mười địa. Thiện Tài đồng tử hạnh giải ở tự thân mà ở trong một đời viên mãn quả nhiều kiếp. Văn lý có chứng cứ, quả báo chẳng phải hư dối có thể chỉ bày cho các bậc hậu hiền đồng tiếp nối giống đó. Do đó, trong kinh Như Lai Tạng so sánh công đức thọ trì kinh đây, cúng dường quá khứ hằng sa và hiện tại chư Phật, tạo hằng sa đài bảy báu cao mười do-tuần, thường ngày như vậy, cho đến năm mươi hằng hà sa đài bảy báu, cúng dường hằng hà sa Như Lai, chẳng như có người vui thích Bồ-đề thọ trì kinh đây, cho đến tính số thí dụ, chỗ chẳng thể kịp giải thích rằng: Bảy báu là tài của có hạn lượng, cúng dường là phước hữu vi, nếu trì kinh đây thì báu của Nhất thừa thường trú, chân như là phước vô tận. Như pháp giới

sánh với vi trần, đâu có thể so lường ư?

Hỏi: Phát tâm Bồ-đề ấy có bao nhiêu thứ? Y cứ thứ Bồ-đề gì mà phát tâm để được công đức như vậy?

Đáp: Nếu nói theo luận tất tùy căn sở chứng thì có bốn thứ Bồ-đề, nếu nói theo thụ luận, y cứ theo sơ trung hậu thì có ba thứ Bồ-đề. Lại, phát có hai thứ: Một là khởi phát; Hai là khai phát. Khởi phát là đứng đầu của Thập tín Nhất thừa, khai phát tức khởi đầu của Thập trú Nhất thừa. Nay, điều tán thán là trong bốn thứ y cư tối thượng căn, Bồ-đề của Phật. Như điều tán thán của Tông Kính, phần nhiều lấy phát của viên tín khởi phát, như dẫn ở Hoa Nghiêm. Hoặc phát của sơ trú khai phát. Lại, nay luận về phát là chẳng y cứ người mà y cứ pháp, đốn ngộ tự tâm, muôn hạnh viên mãn đủ đầy, nên gọi là phát, như luận Hoa Nghiêm nói: "Phát tâm có hai: Một là, có từ lâu xa từ trong khổ sanh tử nhàm chán khổ mà phát tâm, có đắc tam thừa, quả của Nhất thừa gọi là Tự giác thánh trí, cũng gọi là Phật trí, Tự nhiên trí, Vô sư trí; Hai là, y cứ tiên giác là khuyên khiến biết gốc khổ mới hay phát tâm. Phàm, người phát tâm, lại có hai thứ. Nếu nói cần y theo Phật trước mà phát tâm, tức có lỗi lầm của thường, tức đồng thường kiến của ngoại đạo. Tức người giác trước lấy ai làm thầy, chuyển đổi dần dà nối tiếp nhau chẳng lìa thường kiến. Nếu có Phật thường từ thời xưa làm thầy chuyển đổi dần dà, tức Phật xưa tự thể tự chân, chẳng tùy theo vọng, tức không thể giẫm đạp theo vết xưa. Vì chân tự thường chân, không thể đem chân tùy theo sanh tử, tức sanh tử là thường sanh tử, vì Phật tự là thường Phật. Nếu là chúng sanh quyết định có sanh tử, sanh tử tự thường sanh tử, vì không thể được thành chân, đó là đoạn kiến. Hai thứ ấy đều quấy, chẳng lìa đoạn thường vậy. Vì hết thảy chúng sanh sanh tử không tánh, vốn không sanh tử, Hoành tính sanh tử vốn chẳng phải sanh tử. Hết thảy chư Phật, vốn không tự tánh, thật không Bồ-đề, cũng không Niết-bàn mà chúng sanh vọng cho rằng chư Phật có Bồ-đề Niết-bàn. Nếu có chúng sanh hay biết như vậy thì gọi là phát tâm, gọi là chư Phật, gọi là kiến đạo, mà hay khai ngộ hết thảy chúng sanh, là thấu đạt vô minh, vô minh vốn không. Chư Phật cũng không, gọi là bậc giác, nhân vì không y cứ, không trú, không thể không tánh diệu trí, hay tùy hưởng ứng, đối hiện sắc thân, hay dùng lý này giáo hóa chúng sanh, gọi là Đại bi. Nên không thể có đắc có chứng, có mừng có chán, có lấy có bỏ, có xưa có nay, có chân có giả, phát tâm Bồ-đề vậy. Phát tâm Bồ-đề như vậy, là chẳng bị vô minh đêm dài che phủ vậy. Lại nói: "Thiện Tài đồng tử thưa cùng Tỳ-kheo Đức Vân rằng: "Tôi đã phát tâm Bồ-đề Vô thượng,

đã ở nơi Văn-thù-sư-lợi phát tâm Bồ-đề, vì biết Bồ-đề không chứng, tu không chỗ cầu, chỉ cầu Bồ-đề Tam-muội gia hạnh. Tâm Bồ-đề đó tự nhiên sáng sạch không bẩn dơ, như giữa hư không có mây, mây tan thì hư không đó tự không, chẳng lại nói tìm cầu hư không vậy. Vì rõ ràng chỉ tu Bồ-tát Tam-muội quán chiếu để trị chấp chướng. Nhưng tâm Bồ-đề không có thể của tu làm lưu trừ. Ở phàm chẳng giảm ở Thánh chẳng tăng. Cho nên nay lấy núi Diệu phong, tượng dùng hai môn chỉ quán, hỗ trợ của bảy phần Bồ-đề hiển bày phương tiện, tâm Bồ-đề tự sáng sạch, và đến Bồ-đề sáng sạch, tức Bồ-tát hạnh, các Tam-muội tự là Bồ-đề, chẳng lại riêng có Bồ-đề màtự sáng sạch. Vì rõ ràng Bồ-tát nơi thế gian tu các vạn hạnh, thế gian vạn hạnh cho đến Bồ-đề, vì Niết-bàn tánh tự lìa. Vì đem pháp này giáo hóa các người mê. Người không thấu rõ đây mà khiến ngộ đạt tánh không trí tuệ vô cấu, để tịnh các nghiệp, khiến khổ không sanh, gọi là đại bi giống như hóa nhân giáo hóa thầy phù thủy, dùng trí quán nghiệp, tùy thời tùy cơ, mười phương đều lợi. Không tâm ý thức, trí huyễn lợi sanh. Do vì nghĩa đây, chỉ cầu hết thảy các hạnh của Bồ-tát, vì minh tức hạnh là Bồ-đề, hết thảy không sanh diệt, nên nói tôi đã phát tâm Bồ-đề Vô thượng, vì rõ hiểu tín tâm Bồ-đề tuy chưa có Tam-muội gia hạnh hiển phát, đã biết không sở tu không sở cầu nên nay cầu Bồ-đề hạnh. Vì rõ hiểu phương tiện Tam-muội tướng ấn mới rõ hiểu hạnh và Bồ-đề như thật không hai, ở ngay trong đây không thể nói bàn, các hành vô thường là sanh là diệt. Như kinh đây nói: “Hết thảy pháp chẳng sanh. Hết thảy pháp chẳng diệt, nếu hay hiểu như vậy, chư Phật luôn hiện tiền”. Là biết tâm Bồ-đề chẳng sanh chẳng diệt, không đắc không nương. Điều gọi là cầu Bồ-tát hạnh là phương tiện hiển phát, ngay lúc hiển phát thì lý hạnh không hai. Do đó trong pháp hội Bát-nhã, Xá-lợi-phất tư duy Tu-bồ-đề y cứ pháp môn gì mà khéo giảng nói Bát-nhã. Tu-bồ-đề bảo: “Tôi dùng không y cứ nên phân biệt nói như vậy. Đệ tử chư Phật nếu đối với hết thảy không y cứ, đều là pháp vậy như thế, chẳng phải tôi hay làm”. Cũng như trong Diệu thiện đường, trống trời nói pháp, xưng là pháp môn vô y ấn, nên xưa trước có kệ tụng rằng:

“Rõ tâm đạt bản như như Phật, rốt ráo không y người tự tại”.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 10

Hỏi: Phàm Thánh đồng là cảnh giới nhất tâm. Thế nào là sức tự tại xuất sanh vô ngại?

Đáp: Một là, pháp như thế; hai là, do hạnh nguyện của chư Phật Bồ-tát; ba là, tức chúng sanh tin hiểu tự nghiệp hoặc hiện. Lại, gồm đủ mười lực: Một là, lực pháp như vậy; hai là, lực không vô tánh; ba là, Thần lực chư Phật; bốn là, lực căn lành của Bồ-tát; năm là, lực hạnh nguyện của Phổ Hiền; sáu là, lực tịnh nghiệp của chúng sanh; bảy là, lực thắng giải thâm tín; tám là, lực pháp sanh như huyễn; chín là lực pháp sanh như mộng; mười là, lực sở hiện của chân tâm vô tác. Lại nữa, trong Hoa Nghiêm sớ giải thích rằng: "Một nhiều gìn giữ lẫn nhau cùng làm gốc ngọn, một tâm hiển hiện gồm có mười nghĩa: Một là, riêng nêu độc lập, do đó chỉ một nền độc lập làm chủ; hai là, song hiện đồng thời, vì mỗi mỗi tương tư vô ngại; ba là, hai tướng đều mất, vì cùng đoạt đều hết; bốn là, tự tại vô ngại, ẩn hiển đồng thời vì một khoảng hiện; năm là, đến đi chẳng động, vì mỗi trú bản pháp chẳng hoại tự ngôi vị; sáu là, không sức cùng gìn giữ, vì có sức gìn giữ không sức; bảy là, đây kia không biết, vì mỗi mỗi không tự tánh, pháp pháp chẳng cùng biết chẳng cùng đến; tám là, lực dụng giao triệt, vì khác thể cùng vào, có sức cùng gìn giữ; chín là, tự tánh chẳng phải có, vì không thể tánh mới hay tức nhập vô ngại; mười là, rốt ráo lìa ngôn ngữ, vì ngầm tánh đức chìm biển quả, giải thích rằng: Riêng nêu độc lập, tức trong kinh có kệ tụng:

"Trong nhiều không một tánh,
Một cũng không có nhiều,
Vì hai pháp cùng không,
Được độc lập cũng một".

Tức nhiều mà chỉ nhiều, nhiều tức một mà chỉ một, phế bỏ mình cùng với người, nên nói độc lập. Hai, song hiện đồng thời là, tức trong kinh có kệ tụng:

"Biết dùng một nên nhiều,

Biết dùng nhiều nên một,
Không mười tức không nhiều,
Không nhiều tức không một".

Nên hai, song hiện lại không trước sau, như trâu có hai sừng. Ba, hai tướng đều mất, tức hai trước đều xả bỏ vậy. Bốn, tự tại vô ngại là muốn một tức một, vì chẳng hoại tướng. Muốn nhiều tức nhiều, vì một tức nhiều. Một đã như đây, nhiều cũng chuẩn đó, thường một thường nhiều, thường tức chẳng hoại, nên nói là tự tại. Năm, đến đi chẳng động là một vào nhiều mà một còn, nhiều vào một mà nhiều chẳng mất, như hai gương cùng vào mà chẳng động bản tướng, tương tức cũng vậy. Sáu, không sức cùng gìn giữ là nhân một có nhiều. Nhiều không sức mà gìn giữ một. Nhân nhiều có một, một không sức mà gìn giữ nhiều. Bảy, đây kia không biết là cả hai qua lại y cứ đều không thể dụng, nên chẳng cùng biết, như trong kinh có kệ tụng:

"Các pháp không tác dụng,
Cũng không có thể tánh,
Cho nên hết thảy kia,
Mỗi mỗi chẳng cùng biết".

Tám, lực dụng giao nhau triệt để, tức như trong kinh có kệ tụng:

"Trong một giải vô lượng nghĩa,
Trong vô lượng giải một nghĩa".

Chín, tự tánh chẳng phải có là qua lại làm nhân khởi khắp thể tánh không. Mười, rốt ráo lìa ngôn ngữ, là chẳng thể nói một, chẳng thể nói chẳng phải một, chẳng thể nói cũng một cũng chẳng phải một. Chẳng thể nói cũng một cũng chẳng phải một, chẳng thể nói chẳng phải một chẳng phải chẳng phải một, không thể nói tương tức, do vì tương nhập không thể nói tương nhập. Do vì tương tức, không thể nói tức nhập, vì chẳng tưởng, không thể nói chẳng tức nhập, vì qua lại giao nhau triệt để, miệng muốn nói mà từ tiêu mất, tâm sắp duyên mà nghĩ ngợi dứt, chỉ chứng trí biết vì đồng biển quả. Một nhiều đã vậy, nhiễm tịnh v.v... các pháp không gì chẳng đều vậy.

Lại nữa, nói về Lý nhất tâm tròn riêng, lực vô ngại là lý tròn riêng biến khắp, nhỏ nhiệm khó phân biệt, thì cần có sai biệt mới năng biến, nếu chẳng sai biệt chẳng thể biến khắp tròn, thì không cần sai biệt mà hay biến khắp, pháp năng biến khắp mỗi mỗi viên dung nên không sai biệt, mà nói viên dung là một hội tức hết thảy kia hội cũng chẳng phải hội đây, nơi nơi đều đến vậy. Tức đây, tức kia, tức một tức nhiều, nên nói là viên dung. Lại nói về nơi sở biến để luận về tổng biệt. Tên

Đông chẳng phải tên Tây, sở biến là Riêng vậy. Hội đây tức Hội kia, nơi sở biến là chung vậy. Lại nói về năng biến để luận về tròn riêng, cần dùng pháp của sai biệt mới có thể biến khắp, đó gọi là riêng, nay là pháp viên dung không sai, tức năng biến nên gọi là tròn vậy. Biệt trước như xếp bày muôn sao khắp chín trời, Riêng đây như một vầng nguyệt rơi lạc trăm sông. Chung trước như một ánh mây tỏa khắp vũ trụ, tròn đây như hòa hương ngát cả một phòng, nên nói chung tròn có khác vậy. Trong luận Hoa Nghiêm nói: “Hoa tạng giới đây ẩn hiển tự tại, vì lợi chúng sanh hiển thắng phước đức, tức đủ tướng muôn sai, quang minh hiển chiếu, nếu khiến chúng sanh tình không chấp trước, như mây huyễn tan, một vật bèn không có chỗ được vì còn kế tính đó, vì như Đại nguyện trí lực đây, tự thể pháp tánh là không; không tánh lực, ẩn hiển tự tại, nếu tùy pháp tánh muôn tướng đều không, tùy trí lực các tướng theo hiện, ẩn hiển tùy duyên đều là vô tác. Phàm phu chấp trước dùng làm vô minh, chấp chướng đã không, trí dụng tự tại, chẳng lìa cảnh của nhất chân, hóa nghi trăm biến. Do đó, mùi tên xuyên thủng hổ đá, chẳng phải chỗ công lực có khả năng, sai bảo ba quân, đâu phải đồng men rượu tạo nên. Măng trồi mọc từ cốc lạnh, chẳng phải do ánh dương sanh ra, cá nhảy vọt sông băng, đâu phải do lưới chài khiến vậy, tất cả đều vì tâm cảm hiển linh thông đó. Nên biết muôn pháp hành xử đều là sức của tự tâm, nếu hoặc tin nhận đủ lực năng đây thì rộng mở cửa chướng, khô cạn biển nghiệp. Do đó kinh Nhân Vương nói: “Năng khởi một niệm tin thanh tịnh, người đó vượt quá trăm ngàn kiếp ức kiếp vô lượng vô biên hằng hà sa kiếp hết thảy khổ nạn, chẳng sanh vào ác thú, không bao lâu sẽ chứng đắc Bồ-đề Vô thượng”. Do đó, rõ tâm vô tác tức ngộ nghiệp không, lúc Quán nghiệp không, gọi là đắc đạo. Đạo đó hoặc hiện, trí vào chẳng sáng. Lúc tâm trí sáng ở trong bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi, pháp ấy hay hiện sực tự lợi lợi tha, như kinh Hoa Nghiêm nói: “Tỳ-kheo Thiện Hiện kinh hành trong rừng, nói cùng Thiện Tài rằng: “Này thiện nam! Lúc tôi kinh hành, trong một niệm, hết thảy mười phương đều hiện tiền, vì trí tuệ thanh tịnh. Trong một niệm, tất cả thế giới thảy đều hiện tiền, vì trải qua số thế giới không thể nói, không thể nói vậy. Trong một niệm, số cõi Phật không thể nói không thể nói thảy đều trang nghiêm thanh tịnh, vì sức thành tựu đại nguyện. Trong một niệm, các hạnh sai biệt không thể nói, không thể nói thảy đều hiện tiền, vì đầy đủ trí mười lực. Trong một niệm, thân chư Phật thanh tịnh không thể nói, không thể nói thảy đều hiện tiền, vì thành tựu sức hạnh nguyện Phổ Hiền. Trong một niệm, cung kính cúng dường chư Như Lai ở các cõi Phật như số vi trần

không thể nói, không thể nói, vì thành tựu tâm nhu nhuyến nguyện lực cúng dường Như Lai vậy. Trong một niệm, lãnh thọ pháp của chư Như Lai nhiều không thể nói không thể nói, đắc chứng pháp A tăng-kỳ sai biệt, vì sức trú trì pháp luân Đà-la-ni. Trong một niệm, biển hạnh của chư Bồ-tát không thể nói không thể nói thảy đều hiện tiền, vì nguyện lực đắc năng tịnh hết thảy hạnh như lưới Nhân Đà-la. Trong một niệm, biển các Tam-muội không thể nói không thể nói thảy đều hiện tiền, vì nguyện lực đắc ở một môn Tam-muội vào hết thảy môn Tam-muội đều khiến thanh tịnh. Trong một niệm, biển các căn không thể nói không thể nói thảy đều hiện tiền, vì nguyện lực được rõ biết ngằn mé các căn ở trong một căn thấy hết thảy căn. Trong một niệm, số thời như vi trần các cõi Phật không thể nói không thể nói thảy đều hiện tiền, vì nguyện lực được tất cả thời chuyển pháp luân chúng sanh giới tận mà pháp luân không tận. Trong một niệm, biển hết thảy ba đời không thể nói không thể nói thảy đều hiện tiền, vì nguyện lực được rõ biết trong tất cả thế giới hết thảy ba đời phân vị trí Quang minh, kinh hành đã vậy, ngồi đứng cũng vậy". Nên trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng rằng:

"Phật tử trú địa này,
Thì là Phật thọ dụng,
Thường trú ở trong đó,
Kinh hành và ngồi nằm".

Hỏi: Trong Tông Kính Lục đây, sở nhân đức dụng, có nhân duyên gì khiến các pháp đây chứa lẫn nhau vô ngại?

Đáp: Nói theo tông Hoa Nghiêm thì có mười nghĩa đó: Một là, Duy tâm hiện, nghĩa là hết thảy các pháp do chân tâm hiện thành, như nước biển lớn toàn thể thành sóng, vì hết thảy pháp không gì chẳng là nhất tâm. Các tướng lớn nhỏ v.v... đều tùy tâm lưu chuyển tức vào vô ngại. Hai là, không định tánh, nghĩa là đã duy tâm hiện theo duyên mà sanh, không có tánh cố định, tánh tướng đều lìa, nhỏ chẳng phải cố định nhỏ, nên hay dung chứa thái hư mà có thừa, do vì đồng không ngoài của lớn. Lớn chẳng phải cố định lớn, nên hay vào mảy trần nhỏ mà không gián đoạn, vì đồng không trong của nhỏ. Vậy thì ngang bằng vi trần của thái hư, ngậm chứa cõi nước rộng lớn như mảy trần, có gì khó ư? Do đó, một chẳng phải cố định một, nên có thể là tất cả, nhiều chẳng phải cố định nhiều nên có thể là một. Biên chẳng phải cố định biên, nên có thể tức trung. Trung chẳng phải cố định trung, nên có thể tức biên. Dài ngắn tĩnh loạn v.v... mỗi mỗi đều vậy. Ba là, duyên khởi tương do (bởi nhau), nghĩa là biển pháp duyên khởi trong pháp giới lớn, nghĩa môn

vô lượng lược có mười môn, đủ như trong quyển sau nói ở nhân duyên pháp tánh. Bốn là, pháp tánh dung thông môn, nghĩa là nếu chỉ nói về sự thì qua lại chướng ngại không thể tức nhập, nếu chỉ nói về lý thì chỉ một vị, không thể tức nhập. Nay thì lý sự dung thông, đủ vô ngại đó, nghĩa là một sự chẳng khác lý, lúc nhiếp đủ lý tánh khiến nhiều sự kia chẳng khác lý, tùy chỗ y cứ lý đều hiện ở trong. Nếu trong một, nhiếp lý chẳng tận thì chân lý có phân hạng mất, nếu trong một nhiếp lý tận, nhiễu sự chẳng tùy hiện, thì sự ở ngoài lý mất. Nay đã trong của một sự toàn nhiếp lý tận, nhiều sự há chẳng y cứ hiện trong nên Hoa Nghiêm phẩm tụng nói:

"Thế giới Hoa tạng có các trần,
Trong mỗi trần thấy pháp giới".

Pháp giới tức sự pháp giới vậy, đó tức là tổng ý. Biệt cũng có mười Huyền môn: Thứ nhất, tức chân lý cùng hết thảy pháp mà cùng tương ưng nhiếp lý không sót, tức là các môn các pháp đồng thời đủ môn. Thứ hai, sự đã như lý năng bao quát, cũng như lý rộng khắp chẳng hoại tướng hẹp, nên có rộng hẹp thuần tạp vô ngại môn. Lại, tánh thường bình đẳng nên thuần, nhiếp khắp các pháp nên tạp. Thứ ba, lý đã khắp tại tất cả nhiều sự, nên khiến một sự tùy lý khắp trong tất cả, nên có một nhiều tương dung môn. Lại như tự tướng trần là một do tự một chẳng động mới hay khắp nên thành nhiều, nếu động tự tức mất khắp nên nhiều, cũng chẳng thành một, hai ba đều như vậy. Lại nữa, một nhiều do nhau thành lập, như một toàn là nhiều mới gọi là một. Lại nhiều toàn là một mới gọi là nhiều, ngoài nhiều không riêng một, rõ biết là một trong nhiều, ngoài một không riêng nhiều, rõ biết là nhiều trong một. Bởi vì chẳng phải nhiều nhưng hay làm một nhiều. Chẳng phải một nhưng hay làm nhiều một, vì chẳng mất không tánh mới có trí của một nhiều. Trong kinh có kệ tụng:

"Thí như pháp toán số,
Thêm một đến vô lượng,
Thảy đều là số gốc,
Trí tuệ nên sai biệt".

Thứ tư, chân lý đã chẳng lìa các pháp thì một sự tức là chân lý, vì chân lý tức là tất cả sự. Cho nên, một đây tức là tất cả sự kia. Tất cả tức một trái với trên có thể biết, nên có tương tức tự tại môn. Thứ năm, do chân lý tại sự vì mỗi mỗi toàn chẳng phải phần, chánh tại đây lúc kia tức làm ẩn, nên có ẩn hiển môn. Thứ sáu, chân lý đã là gồm khắp các pháp, trệ ở sự của năng y kia, đốn tại trong một, nên có vi tế môn. Thứ bảy;

đây toàn nhiếp lý nên hay hiện tất cả, kia toàn gồm lý, đồng đây chóng hiện. Đây hiện thời kia, kia năng hiển sở hiện đều hiện trong đây. Kia hiện thời đây, đây năng hiện sở hiện đều hiện trong kia, như vậy lớp lớp vô tận, nên có Đế võng môn. Sở dĩ chân như rốt ráo vì vô tận vậy. Thứ tám, tức sự đồng lý nên tùy nêu một sự tức chân như môn, nên có Thác sự môn. Thứ chín, chân như khắp tại ngày đêm vì ngày tháng năm kiếp đều toàn tại, thời của tại ngày chẳng khác tại kiếp nên có Thập thế dị thành môn. Huống hồ thời nhân pháp mà có, pháp dụng thời chẳng dung ư? Thứ mười, sự tức lý thời chẳng ngại, cùng tất cả các thứ khác luôn tương ưng, nên có chủ bạn môn. Lại có nghĩa là trần là pháp giới thể không phân tể, thông khắp tất cả, đó là chủ vậy, tức hết thảy kia mỗi mỗi riêng biệt, nên là bạn vậy. Bạn chẳng khác chủ, hẳn toàn chủ mà thành bạn, chủ chẳng khác bạn, cũng toàn bạn để thành chủ, chủ đó cùng bạn qua lại giúp đỡ thâu gồm, nếu gồm nhau kia đây cùng không, không thể riêng nói tất cả, nếu giúp nhau thì đây kia cùng có, không thể đồng nói tất cả, đều do tức chủ tức bạn, cho nên cũng đồng cũng khác, phải biết trong chủ cũng chủ cũng bạn, trong bạn cũng bạn cũng chủ vậy, nên một lý dung thông, mười môn đầy đủ vậy, nên biết, lý đây trần trần đều đủ niệm niệm viên dung, không có mười pháp mà chẳng phải chỗ kia, như trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Thời kia, khắp cứu chúng sanh diệu đức dạ thần vì Thiện Tài đồng tử thị hiện thần lực Bồ-tát điều phục chúng sanh giải thoát, dùng các tướng tốt trang nghiêm thân đó, ở giữa chặng mày phóng Đại quang minh, gọi là Trí đăng phổ chiếu thanh tịnh phan, Vô lượng quang minh lấy làm quyến thuộc, ánh sáng đó chiếu khắp tất cả thế gian, chiếu thế giới rồi vào đảnh đầu Thiện Tài song khắp thân đó. Khi ấy, Thiện Tài liền đắc rốt g giữa thanh chỗ ráo tịnh luân Tam-muội. Đắc Tam-muội ấy rồi đều thấy hai thần hai nơi và khoản có hết thảy địa trần thủy trần cho đến hỏa trần Kim cang ma-ni các báu vi trần hương hoa, anh lạc, các thứ trang nghiêm, hết thảy như vậy chỗ có vi trần, trong mỗi mỗi trần mỗi thấy cõi Phật, số thế giới như vi trần thành hoại và thấy tất cả địa thủy hỏa phong các đại chủng tụ, cũng thấy tất cả thế giới tiếp vận đều dùng địa luân nhậm trì mà trú. Các thứ núi biển, các thứ sông ngòi, các thứ cây rừng, các thứ cung điện, chỗ gọi là cung điện trời, cung điện rồng, cung điện Dạ-xoa, cho đến cung điện phòng nhà của Ma-hầu-la-già, nhân phi nhân v.v... Địa ngục, súc sanh, Diêm-la vương giới tất cả trú xứ, các thú luân chuyển sanh tử qua lại, tùy chuyển thọ báo mỗi mỗi sai biệt, không gì chẳng đều thấy, lại thấy tất cả thế giới sai biệt, chỗ gọi là hoặc có thế giới tạp

uế, hoặc có thế giới thanh tịnh, hoặc có thế giới thú tạp uế, hoặc có thế giới thú thanh tịnh, hoặc có thế giới tạp uế thanh tịnh, hoặc có thế giới hình đó bình chánh, hoặc có lật úp trú, hoặc có nghiêng trú, hết thảy thế giới như vậy trong hết thảy thú, đều thấy nơi khắp cứu chúng sanh dạ thần đây trong tất cả thời tất cả xứ, tùy hình mạo ngôn từ giải hạnh của các chúng sanh sai biệt, dùng sức phương tiện hiện khắp trước đó, tùy nghi hóa độ". Năm là, như huyễn mộng là giống như Huyễn sư hay huyễn hóa một vật lấy làm các thứ huyễn, các thứ vật lấy làm một vật v.v... Trong kinh nói: "Hoặc hiện chỉ trong chốc lát làm trăm năm v.v...". Hết thảy các pháp do nghiệp huyễn làm nên, nên một khác vô ngại, nói như mộng là như điều thấy rộng lớn trong mộng mà chưa rời trên gối, trải qua thời gian lâu xa mà chưa qua khoảnh khắc đó. Sáu là, như ảnh tượng như trong kinh nói: "Vật xa vật gần tuy đều ảnh hiện, ảnh chẳng tùy theo vật mà có xa gần v.v...". Bảy là, nhân vô hạn, nghĩa là chư Phật Bồ-tát xưa trước tại trong nhân thường tu các Quán duyên khởi vô tánh v.v... Đại nguyện hồi hướng v.v... xứng với pháp giới, tu đến vô lượng nhân thù thắng khác, nên nay như quả được khởi, đủ đầy vô ngại đó. Tám là, Phật chứng cùng cố là do ngầm chân tánh được dụng như tánh, nên trong kinh nói: "Công đức không lường nên hay như vậy". Chín là, Thâm định dụng cố, nghĩa là sức các môn Tam-muội như Hải ấn định v.v... nên trong phẩm Hiền Thủ có kệ tụng rằng:

"Vào các Tam-muội như vi trần,
Mỗi mỗi sanh ra vi trần định,
Mà vi trần ấy cũng chẳng thêm v.v..."

Mười là, thần thông giải thoát cố, nghĩa là do mười thông và các giải thoát chẳng thể nghĩ bàn v.v... nên trong phẩm pháp Bất tư nghì ở phần mười thứ giải thoát nói: "Ở trong một trần dựng lập ba đời hết thảy Phật pháp v.v...

Hỏi: Đặt để tâm làm tấm gương có chứng văn gì?

Đáp: Trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: "Thể tướng giác có bốn thứ Đại nghĩa, cùng ngang bằng như hư không, giống như gương sạch: Một là, như gương thật không, xa lìa tất cả tướng tâm cảnh giới, không pháp có thể hiện, vì chẳng phải nghĩa giác chiếu. Hai là, gương nhân huân tập, nghĩa là như thật chẳng không, hết thảy cảnh giới thế gian đều hiện ở trong, chẳng ra chẳng vào chẳng mất chẳng loại, thường trú nhất tâm, vì tất cả pháp tức là tánh chân thật, lại tất cả nhiễm pháp chỗ chẳng thể nhiễm, trí thể chẳng động, vì đầy đủ vô lậu huân chúng sanh. Ba là, gương pháp xuất ly, nghĩa là chẳng không, vượt ngoài phiền

não chướng ngại, lìa tướng hòa hợp vì thuần sáng sạch. Bốn là, gương duyên huân tập, nghĩa là y cứ pháp xuất ly, chiếu khắp tâm chúng sanh, khiến tu căn lành, tùy ý niệm mà thị hiện". Nên luận Thích Ma-ha-diễn nói là "Tánh tịnh bản giác". Trung Luận nói: "Thể tướng giác có bốn nghĩa lớn, cùng ngang bằng như hư không v.v... giống như gương sáng sạch". Trong bốn thứ nghĩa lớn đây, mỗi mỗi có hai nghĩa, cùng với nghĩa lớn ấy chẳng cùng xả ly. Một là, nghĩa đẳng không; Hai là, nghĩa đồng kính. Như trong luận nói: "Lại nữa, thể tướng của giác có bốn nghĩa lớn, cùng ngang bằng hư không, giống như gương sạch, nên nói sao gọi là như gương thật không? Và có hai nghĩa, nghĩa đó thế nào? Kệ tụng nói: Trong Tánh tịnh bản giác, xa lìa nghĩ biết biết, như xa lìa cảnh vọng, thật bày nghĩa xa lìa, gương Ma-xa-trật-sa, nêu một chuyển biến một. Nên luận nói: Trong thể tánh của Tánh tịnh bản giác, xa lìa tất cả phan duyên nghĩ biết, các thức hý luận, thành tựu nghĩa nhất vị bình đẳng, nên gọi là Như, xa lìa tất cả cảnh giới hư vọng, các thứ tướng phần, thành tựu tướng chân thật quyết định, nên gọi là thật, vì muốn hiện bày nghĩa xa lìa, nên gọi là không, gương nghĩa là dụ sáng, nhưng gương trong đây thì dụ cho gương châu Ma-xa-trật-sa, chẳng phải các thứ gương Du-ma v.v... khác dùng làm thí dụ. Tại sao? Đem gương Ma-xa-trật-sa đây an đặt một nơi, châu trong trước gương hoặc chứa các thứ đá, hoặc chứa các thức ăn uống, hoặc chứa các thứ trang nghiêm, hoặc chứa gương châu đồng loại, trong gương châu ấy, các ảnh tượng khác chẳng hiện, chỉ châu đồng loại phân minh hiện rõ, nên gương như thật không cũng lại như vậy. Ở trong gương đây, chỉ đồng loại đối đãi thanh tịnh an lập tập thành, các thứ loại khác, các pháp quá loạn thảy đều xa lìa. Như trong luận nói: Một là, gương như thật không, xa lìa tất cả tướng tâm cảnh giới, vì không pháp nào có thể hiện, mỗi mỗi có hai thứ nghĩa, mà chỉ hiện bày nghĩa đồng như gương, nghĩa bằng hư không chẳng hiện bày ư? Do vì nêu một nghĩa gồm chỉ bày một nghĩa. Nếu là như vậy, sao gọi là nghĩa bằng hư không ư? Nghĩa là như hư không thanh tịnh không nhiễm, nơi bốn chướng không thể ngăn che, rộng lớn vô biên, chỗ ba đời chẳng thể gồm nhiếp. Gương như thật không cũng lại như vậy, nên chẳng phải nghĩa giác chiếu, nên đó tức là thị hiện xa lìa nhân duyên, vì như trong gương châu Ma-xa-trật-sa kia các ảnh tượng như đá v.v... chẳng hiển hiện trước, vì đá v.v... các pháp đều là thô dơ. Trong gương châu Bản giác đây, các thứ pháp vọng chẳng hiện bày trước, tất cả nhiễm pháp thảy đều là vô minh, tướng của bất giác, vì không nghĩa chiếu đạt. Thế nào gọi là gương nhân huân tập? Và có hai

nghĩa, tướng đó như thế nào? Kệ tụng rằng:

“Trí bản giác tánh tịnh,
Ba thứ pháp thế gian,
Thảy đều chẳng xa lìa,
Vì một giác huân tập.
Quả trang nghiêm pháp thân,
Nên gọi nhân huân tập,
Gương luân nhiều hoa lê,
Không dung nhận khắp một”.

Luận nói: Bản giác tánh tịnh, ba thế gian thảy đều chẳng lìa, huân tập ba kia mà làm một giác huân tập, trang nghiêm quả của một đại pháp thân, cho nên gọi là gương nhân huân tập. Thế nào gọi là ba thứ thế gian? Một là, chúng sanh thế gian; Hai là, khí thế gian; Ba là, Trí chánh giác thế gian. Chúng sanh thế gian nghĩa là dị sanh tánh giới. Khí thế gian, nghĩa chốn - nơi ý chỉ, Trí chánh giác thế gian, nghĩa là Phật Bồ-tát. Đó gọi là Ba, gương trong đây là gương luân nhiều hoa lê, như dùng xe nhiều hoa lê an đặt một nơi, nhóm tập tất cả các vật, do vì hoa ấy xông ướp tất cả các vật thảy đều sáng sạch. Lại, vật sáng sạch hiện tiền trong Hoa thảy đều không thừa, trong hết thảy vật, hoa ấy hiện tiền cũng lại không thừa. Gương nhân huân tập cũng lại như vậy, huân tất cả pháp làm giác thanh tịnh, huân khiến bình đẳng. Lại nữa, nghĩa hư không thì có hai thứ: Một là nghĩa dung thọ; hai là nghĩa biến nhất. Nghĩa dung thọ là dung thọ các sắc vì không chướng ngại, nghĩa biến nhất là các thứ giống sắc chỉ có một chủng vì Đại hư không. Như trong luận nói: Hai là gương nhân huân tập, nghĩa là như thật chẳng không, vì hết thảy cảnh giới thế gian đều hiện trong đó. Bản giác như vậy, từ vô thủy đến nay, xa lìa bốn thứ lỗi lầm, tự tánh thanh tịnh thường trú nhất tâm. Một là, xa lìa lỗi lầm bất biến, vì ba thứ thế gian chẳng vượt ngoài gương bản giác thanh tịnh, như trong luận nói: Vì chẳng vượt ngoài. Hai là, xa lìa lỗi lầm tạp loạn, vì hết thảy các pháp chẳng vào gương bản giác thanh tịnh, như trông luận nói vì chẳng vào. Ba là xa lìa lỗi lầm Quá hoạn, trong gương bản giác hiện tiền các pháp, vì không gì chẳng là tịnh công đức của bản giác, như trong luận nói vì chẳng mất. Bốn là xa lìa lỗi lầm vô thường, trong gương bản giác hiện tiền các pháp, vì không gì chẳng là trí vô vi thường trú, như trong luận nói vì chẳng hoại. Xa lìa lỗi lầm biên, thật trong viên mãn, cho nên nói là Nhất tâm thường trú.

Từ đây trở xuống là hiển bày nhân duyên, bởi nhân duyên gì mà

trong Trí bản giác, các thứ giống pháp như bản giác kia lìa các lỗi lầm ư? Vì tất cả các pháp thảy đều không gì thể chẳng chân thật, như trong luận nói: "Do vì tất cả các pháp đều là tánh chân thật", nên từ đây trở xuống làm duyên dứt nghi. Nghĩa là có chúng sanh nghi ngờ rằng: Trong ba thứ thế gian, chúng sanh thế gian do vô minh nhiễm pháp đầy đủ viên mãn, lưu chuyển biến động không lúc ngưng nghỉ. Thế gian như vậy hiện là bản giác, không thể được nói. Bản giác thanh tịnh xa lìa các lỗi quá, do vì nghĩa đây nay thông mà nói. Lại, tất cả nhiễm pháp chỗ chẳng thể nhiễm là thật trí Bát-nhã, thể nó bất động, tự tánh thanh tịnh đầy đủ vô lậu, thường luôn huân tập chúng sanh thế gian vì khiến thanh tịnh, như trong luận nói. Lại, hết thảy nhiễm pháp chỗ chẳng thể nhiễm. Thể trí chẳng động, đầy đủ vô lậu vì huân chúng sanh. Thế nào gọi là gương pháp xuất ly? Và có hai nghĩa, tướng đó thế nào? Kệ tụng rằng:

"Pháp như thật chẳng không,

Xa lìa ba lỗi lầm,
Viên mãn ba thứ đức,
Gọi là pháp xuất ly,
Gương tiêu luyện pha lê,
Không - nghĩa xa lìa sắc".

Luận nói: Tánh đức vô lậu xa lìa ba lỗi quá, viên mãn ba đức gọi là pháp xuất ly. Thế nào gọi là ba thứ quá thất? Một là, vô minh nhiễm phẩm gọi là phiền não chướng ngại; hai là, căn bản vô minh gọi là trí chướng ngại; ba là, câu hợp chuyển tướng gọi là hý luận thức. Đó gọi là ba. Ba lỗi lầm như vậy rốt ráo xa lìa nên gọi là xuất ly. Như trong luận nói: Ba là gương pháp xuất ly, nghĩa là pháp chẳng không vượt ngoài phiền não chướng ngại, trí chướng ngại, vì lìa tướng hòa hợp. Thế nào gọi là ba thứ công đức? Một là, công đức thuần thành tựu; hai là, công đức tịnh thành tựu; ba là, công đức minh thành tựu. Đó gọi là ba. Như trong luận nói: Vì thuần tịnh minh (thuần sáng sạch) nên xa lìa lỗi lầm nào, viên mãn đức nào? Nghĩa là xa lìa phiền não chướng ngại, viên mãn công đức tịnh thành tựu, xa lìa trí chướng ngại, vô minh công đức minh thành tựu, xa lìa hòa hợp chuyển tướng, viên mãn công đức thuần thành tựu. Tại sao? Vì tương đối pháp nhũ. Gương trong đây, nghĩa là châu pha lê. Thí như châu pha lê chìm sâu trong bùn sình, thì liền vọt lên xa lìa bùn sình đó, vọt cao với lượng một trượng. Nếu đặt để trong nước đục, khua lẫn thành trần lụy, chỉ trên nước thanh tịnh, an trú trong đó. Nếu đặt để trong rừng phước đa-già thì xuất hiện hương thơm ngăn ngại mùi uế kia, cách xa mà dừng. Gương pháp xuất ly, cũng lại như

vậy, dụ trong đây là dụ nghĩa tự thể tịnh. Nghĩa Đẳng không là nghĩa xuất ly sắc, nghĩa là như hư không xa lìa đại chủng, một hướng thanh tịnh, gương pháp xuất ly cũng lại như vậy. Thế nào gọi là gương duyên huân tập? Và có hai nghĩa, tướng nó thế nào? Kệ tụng rằng:

"Ở vô lượng vô biên,
Các chúng sanh trong duyên,
Sanh vô lượng vô biên,
Ứng hóa thân thù thắng.
Huân tập tâm chúng sanh,
Xuất sanh các căn lành,
Tăng trưởng hai vòng hoa,
Trang nghiêm quả pháp thân.
Nên gọi duyên huân tập,
Trong gương pha lê không,
Tùy thuận nghĩa thành tựu,
Như pháp nên quán sát".

Luận nói: Thí như đem châu pha lê an đặt một nơi, bao quanh chất chứa các thứ châu sắc màu. Châu pha lê kia tùy hướng châu sắc màu hiện tiền chuyển biến. Gương duyên huân tập cũng lại như vậy. Lại thí như hư không có sức tự tại, đối với trong tất cả sự tạo tác, tùy thuận mà thành lập, gương duyên huân tập cũng lại như vậy. Đối với trong sự tu hành của tất cả chúng sanh vì tùy nên dựng lập. Như trong luận nói: Bốn là gương duyên huân tập, nghĩa là y cứ pháp xa lìa nên chiếu khắp tâm của chúng sanh, khiến tu căn lành, vì tùy niệm thị hiện. Nêu bốn thứ đại nghĩa bản giác như vậy, biến khắp tất cả chúng sanh giới, tất cả Nhị thừa giới, hết thảy Bồ-tát giới, hết thảy Như Lai giới, trong đó, không nơi nào chẳng trú, không nơi nào chẳng chiếu, không nơi nào chẳng thông, không nơi nào chẳng đến. Đầy đủ viên mãn, Khởi Tín sớ giải thích rằng: Bản giác tánh tịnh là dùng không và gương để thí dụ giải riêng bốn nghĩa. Luận nói: Một là gương như thật không, xa lìa tất cả tướng tâm cảnh giới, không pháp nào có thể hiện, vì chẳng phải nghĩa của giác chiếu. Mới đầu, trong nội chân như, vọng pháp vốn không, chẳng phải trước có mà sau không, nên nói là Như thật không. Đến dưới giải thích nghĩa không. Tâm điên đảo và cảnh vọng, vốn chẳng tương ưng nên nói xa lìa, chẳng phải nghĩa là có mà chẳng hiện. Chỉ vị pháp vọng lý không, nên không thể hiện cảnh, chẳng phải chẳng thể hiện, chỉ vì sừng thỏ không, nên không thể hiện vậy. Chẳng phải giác chiếu là có hai nghĩa: Một là, dùng vọng niệm ngóng trông ở chân trí, không công của giác chiếu, do vì tình chấp

trái nghịch lý, như gương chẳng phải tức vật bên ngoài, vì vật bên ngoài ấy không nghĩa chiếu dụng, nên hiển bày trong gương không thể của vật bên ngoài. Hai là, dùng bản giác trông ngóng ở vọng pháp, cũng không công năng của giác chiếu, do vì vọng vốn không, như mắt sáng sạch trông nhìn hoa đốm hư không, không công của chiếu trông. Cũng như gương trông soi sừng thỏ.

Hỏi: Nếu vậy, tại sao trong gương nhân huân tập ở dưới liền hiện các pháp thế gian?

Đáp: Nói về y tha tợ pháp, đây là chân tâm tùy huân sở tác, vì không có tự thể, chẳng khác chân như, nên trong luận nói: "Do vì tất cả pháp tức tánh chân thật". Nên đây nói về Biến kế sở chấp thật tánh, nên không thể hiện vậy.

Hỏi: Sở hiện tợ pháp, há chẳng do chấp thật có kia ư?

Đáp: Tuy do chấp thật có, nhưng tợ luôn chẳng phải thật. Như ảnh do chất, ảnh luôn chẳng phải thật. Trong gương hiện ảnh chẳng hiện chất. Vì chẳng hiện chất nên nói là gương không. Vì năng hiện ảnh, là nhân huân vậy. Luận nói: "Hai là gương nhân huân tập, nghĩa là như thật chẳng không, hết thảy cảnh giới thế gian đều hiện ở trong. Chẳng ra chẳng vào chẳng mất chẳng hoại, thường trú nhất tâm. Do vì tất cả pháp tức tánh chân thật. Lại tất cả nhiễm pháp, chỗ chẳng thể nhiễm, trí thể chẳng động đầy đủ vô lậu, vì huân chúng sanh nên vậy". Giải thích: Nội có hai nghĩa nhân: Một là, nhân năng tác hiện pháp; hai là, nhân tác nội huân cũng có thể một là nghĩa nhân và hai là nghĩa huân tập. Nên nói nhân huân tập vậy. Nói như thật chẳng không, tức đây là gồm xuất thể nhân huân, nghĩa là có tự thể và công năng. Với hai nhân, trong một là hết thảy cảnh giới thế gian đều hiện, rõ ràng tất cả các pháp lìa ngoài tâm đây không có thể tánh riêng biệt, như trong gương năng hiện ảnh vậy. Chẳng ra là tâm đợi huân và hiện các pháp chẳng phải chẳng huân mà tự ra vậy. Chẳng vào là lìa tâm do vì không năng huân nên chẳng từ ngoài vào vậy. Chẳng mất là tuy chẳng theo trong ra ngoài vào, nhưng lúc duyên khởi hiển hiện không gì chẳng có nên nói là chẳng mất vậy. Chẳng hoại là các pháp duyên tập khởi không chỗ theo, chẳng khác chân như nên không thể hoại, như ảnh trong gương, vì nhân gương nên không thể hoại vậy. Thường trú nhất tâm là hội thể tương đồng. Nhiễm pháp chẳng thể nhiễm là do vì tánh tịnh. Trí thể chẳng động là vì vốn không nhiễm nên nay chẳng bắt đầu tịnh, cho nên trí của bản giác chưa từng dời động. Lại, tuy hiện nhiễm pháp chẳng là sở nhiễm, nên nói là chẳng động, như tượng trong gương tùy chất chuyển biến, nhưng thể

gương đó chưa từng động vậy. Lại, một gương không lìa tất cả thể của vật bên ngoài. Hai gương chẳng không, nghĩa là thể không gì chẳng thể hiện muôn tượng, ba gương tịnh, nghĩa là đã lau chùi các trần cấu, bốn gương thọ dụng, nghĩa là đặt để nơi nhà cao, người cầu thì thọ dụng. Hai gương trước tự tánh tịnh, hai gương sau lìa cấu tịnh. Lại hai gương đầu căn cứ lúc nhân ẩn mà nói, hai gương sau căn cứ lúc quả hiển mà nói. Lại hai gương trước là nói về không và chẳng không, hai gương sau là nói về thể và dụng. Như trong kinh Phật Địa nói: "Lại nữa, Diệu Sanh! Đại viên kính trí là như y tựa gương tròn các tượng ảnh hiện, cũng như vậy, nương tựa ở gương trí Như Lai, các xứ cảnh thức các tượng ảnh hiện, chỉ dùng gương tròn để làm thí dụ, phải biết gương tròn, gương trí Như Lai bình đẳng bình đẳng, cho nên gương trí gọi là viên kính trí, gương Như Lai tròn lớn, người có phước lạc, treo nơi cao thắng không chỗ dao động. Vô lượng chúng sanh có qua lại, ngay đó mà quán sát tự thân được mất, là muốn còn được xả bỏ các mất. Như vậy, Như Lai treo viên kính trí nơi tịnh pháp giới, vì không gián đoạn, không chỗ dao động, muốn khiến vô lượng vô số chúng sanh quán nơi nhiễm tịnh, là muốn lấy tịnh xả bỏ các nhiễm. Lại như gương tròn rất khéo lau sáng soi sạch không dơ ánh sáng tỏa khắp. Như vậy, Như Lai Đại viên kính trí đối với trên Phật trí, tất cả phiền não dơ bẩn sở tri chướng trọn hẳn xa lìa, rất khéo lau sáng, làm nương tựa định chỗ nhiếp trì, soi sạch không dơ, làm sự lợi lạc cho các chúng sanh, ánh sáng chiếu khắp. Lại như gương tròn nương duyên bản chất, cácthứ ảnh tượng tướng mạo sanh khởi. Như vậy, Như Lai Đại viên kính trí ở trong tất cả thời, y cứ các duyên, các thứ trí ảnh tướng mạo sanh khởi, như trên gương tròn, chẳng phải một chúng nhiều các ảnh tượng khởi, mà trên gương tròn không các ảnh tượng, mà gương tròn đây không động không tác. Như vậy, trên Như Lai viên kính trí chẳng phải một chúng nhiều các trí ảnh khởi, trên viên kính trí không các trí ảnh, mà gương trí đây không động không tác. Lại như gương tròn cùng các ảnh tượng chẳng phải hợp chẳng phải lìa vì chẳng tụ tập, vì hiện duyên kia. Như vậy, Như Lai đại viên kính trí cùng các trí ảnh, chẳng phải hợp chẳng phải lìa, vì chẳng tụ tập, vì chẳng tan mất. Trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Nếu hay nghe nhận kinh Đại Niết-bàn đây, đều hay biết đủ tất cả kinh điển Phương Đẳng Đại Thừa nghĩa vị sâu sắc. Thí như kẻ nam người nữ đối nơi gương sáng sạch, thấy sắc tượng họ rành rẽ phân minh. Gương Đại Niết-bàn cũng lại như vậy, Bồ-tát gìn giữ đó đều được rõ thấy nghĩa lý sâu sắc trong kinh điển Đại Thừa". Lại nói: "Những gì gọi là kinh Y-đế-mục-đa-già? Cho đến thời

Phật Câu-na Mâu-ni gọi là Pháp Kính". Vậy biết Phật xưa đều đặt để đây làm gương, vì giáo pháp muôn nghĩa, chân tục muôn duyên, không gì chẳng hiển hiện ở trong. Nên Tôn giả Thiên Thai Đảnh nói trong Niết-bàn sớ rằng: "Bát-nhã tức là Nhất thiết chủng trí của đấng Điều Ngự Vô Thượng, gọi là gương Đại Niết-bàn sáng sạch, gương này, một chiếu tất cả chiếu, chiếu trong nên là gương, chiếu chân nên là sạch, chiếu tục nên là sáng. Sáng nên tượng rõ ràng giả hiện, sạch nên tỳ vết hết chân hiện, gương nên hiển trong thể tròn, đắc trong Tam trí nhất tâm nên gọi là gương sáng sạch. Nhiếp hết thảy pháp nên gọi là Điều Ngự. Phật Trí Tạng nên gọi là Bát-nhã Đức. Do đó biết các Thánh đều đặt để tâm làm gương, diệu tận trong đó vậy". Kinh Đại Thừa Thiên Bát nói: "Quán sát chắc thật gương tâm chiếu thấy tâm tánh, chỉ chiếu chỉ trong, chỉ chiếu chỉ sạch, quán khắp mười phương, rỗng cùng pháp giới, sáng suốt vắng lặng không có chướng ngại". Do đó, các bậc Tiên đức nói: "Tánh chân như đây giống như gương sáng, muôn tượng đều hiện ở trong". Lại, tất cả muôn pháp có hai: Một là, đều như gương sáng gồm tánh sáng rõ vì nhất tâm tạo thành; hai là, phân biệt sở hiện vì như ảnh tượng. Do nghĩa trước nên làm năng hiện, do nghĩa sau nên làm sở hiện. Nên tất cả các pháp hỗ tương làm tượng gương, như gương hỗ chiếu mà chẳng hoại bản tướng. Trong kinh nói: "Vật xa vật gần tuy đều ảnh hiện, ảnh chẳng theo vật mà có xa gần". Vả lại, như trong sông suối thấy có nhật nguyệt là vì năng hiện. Nếu sông suối lấy làm sở hiện, thì sông dài suối bay vào ở trong gương. Ra là tướng sở hiện, lên lầu gìn giữ gương thì Hoàng hà một dãy đều vào trong gương, thác đổ ngàn trượng thấy ở thước thẳng. Vương Hữu Thừa có lời thơ rằng:

"Cánh cửa sương mây sanh trên áo,
Cuộn rèm núi suối vào trong gương".

Sáng là sở hiện vậy, như treo cao gương tâm, không pháp nào chẳng gần, tợ như tánh không rỗng suốt, cửa nào chẳng vào. Nên vua Thái Tông (Lý Thế Dân 627-650) thời Tiền Đường nói: "Trẫm nghe dùng đồng làm gương, có thể để chỉnh áo mão, dùng xưa làm gương có thể để biết hưng suy, dùng người làm gương có thể để biết được mất". Nay dùng tâm làm gương có thể để chiếu pháp giới. Lại gương sáng chỉ chiếu hình đó, chẳng chiếu tâm đó, chỉ chiếu sanh diệt, không chiếu vô sanh, chỉ chiếu thế gian không chiếu xuất thế. Có hình mới chiếu, không hình chẳng chiếu, vả lại như gương tâm suốt gồm tánh địa soi triệt tâm nguyên. Rõ khắp vô sanh rộng sáng chân tục. Có không đều xét, ẩn hiển đều thông. Hơn kém cách biệt, lược bằng ít dụ. Như phẩm

Phổ Hiền Hạnh Nguyện trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Bấy giờ, Bà-la-môn vì Thiện Tài đồng tử tán thán Đại vương cam lồ. Tụng rằng:

"Chúa ta thắng đoan nghiêm,
Tỏ giận răn các dục,
Tâm như gương sáng sạch,
Soi vật chưa từng riêng.
Gương sáng chỉ chiếu hình,
Không chiếu ở tâm tưởng,
Gương tâm vương ta sạch,
Suốt thấy nơi tâm nguyên".

Các vị Tiên đức nói: "Như gương báu Đại ma-ni, cao chiếu thái hư, các sắc tướng khắp mười phương thảy đều chóng hiện, mà gương đây tánh sáng sạch không có ảnh tượng. Pháp thân chư Phật cũng lại như vậy, lắng suốt trong sạch mà không ảnh tượng. Vì xưa kia đại bi chẳng nhọc mệt, tùy chúng sanh nghiệp duyên cảm ứng sai biệt, khắp hiện tất cả sắc thân Tam-muội. Chúng sanh nghe thấy, không ai chẳng được lợi ích. Chư Phật và tâm Kim cang vô lậu làm thân, hiện khắp tất cả cõi chúng sanh. Chỉ vì tập khí phiền não ngăn che, không thể nào chẳng hiện, như trong bình sạch, đèn sáng chẳng tắt, gọi là Như Lai Tạng, cũng gọi là công đức tạng, cũng gọi là vô tận tạng. Chư Tổ cùng truyền diệu tâm chân như thánh trí tự giác thanh tịnh của chư Phật, chẳng đồng chỗ được văn tự ở thế gian. Tại sao? Vì vô ngại giải thoát là Nhất chân pháp tánh, chẳng cùng chỗ chung có thế gian và xuất thế gian. Trong kinh nói: "Vô tỷ là Bồ-đề, vì không thể dụ, nếu có ngộ pháp tánh chân thật đó. Người ấy thì hay rõ biết chư Phật ba đời vì tất cả chúng sanh đồng một pháp giới, xưa nay bình đẳng thường hằng bất biến. Chư Phật trong tất cả thời xa lìa quán tướng". Trong kinh có kệ tụng: "Tâm tịnh đã qua các thiền định". Do vì tâm tịnh thì một ánh sáng riêng lẽ soi chiếu, muôn nghĩ ngợi đều tiêu, như trong phòng tối mà treo đèn, nhiều lớp mây thấy mặt nhật. Như các vị cổ đức có kệ tụng rằng:

"Sao biết một niệm nơi được sáng,
Ức kiếp hôn mê lúc này diệt".

Nên nói pháp có khả năng ứng chiếu, nên lấy gương mà sánh đó, giáo có nghĩa có thể truyền, nên dụ đó như đèn. Có thể gọi là trăng tuệ vào lòng, châu linh ở nắm tay, pháp giới suốt rỗng không gì chẳng soi xét vậy. Luận Tài Mạng nói: "Tâm suốt triệt gương báu", ghi chú rằng: "Phàm, tâm dùng soi chiếu vật, phẩm loại chẳng sót, suốt triệt tối sáng đồng như gương báu. Lại, Trang tử nói: "Tâm của bậc chí nhân như

gương vậy". Lại như gương ở thế gian, còn soi chiếu gan mật của người, huống gì gương tâm đài linh mà không soi suốt ư? Xưa kia, Tần cung dùng ngọc làm gương soi chiếu các quan liêu, gan mật phủ tạng thảy đều hiển hiện. Do đó, người xưa nói: "Chẳng đi biển lớn chưa thấy cái lạ của Ốc nhật, chưa thăm Thái sơn chưa thấy hình trạng của Can tiêu". Như chưa đến Tông Kính, sao biết được tự tâm. Rỗng rang mà thể nạp của thái hư, lắng trong mà ánh ngậm cả muôn tượng, người không tin vào, chẳng lường cao sâu. Nên Đại sư Chân Giác có bài ca rằng:

"Gương tâm sáng soi vô ngại,
Rỗng rang ngời suốt khắp pháp giới,
Muôn tượng sum-la ảnh hiện trong,
Một tánh tròn sáng chẳng trong ngoài".

Cho nên y cứ bốn thứ nghĩa gương không ở luận Khởi Tín đây, bèn là rộng ghi Tổ giáo, hiển hiện nhất tâm, chứng thành Tông Kính. Do đó, luận nói: "Có pháp năng khởi Ma-ha-diễn, tín căn là có pháp, nghĩa là pháp nhất tâm. Nếu người hay hiểu pháp đây, hẳn do khởi tín căn rộng lớn. Tín căn đã lập tức vào Phật đạo, vì thành Phật đạo nên lìa hai hiện hành. Thế nào là hiện hành? Một là, phàm phu hiện hành, sanh tử thành sự tạp nhiễm; hai là, Nhị thừa hiện hành, Niết-bàn mất sự lợi lạc. Buộc mở tuy khác, đều mê mờ tông kính. Nay thành Phật đạo không hai hiện hành, viên chứng nhất tâm, đủ Ma-ha-diễn. Do vì Đại trí chẳng trú sanh tử, do vì đại bi chẳng trú Niết-bàn, làm một thứ ánh sáng, làm bến bờ cứu tế muôn đường.

Hỏi: Tông Kính rộng chiếu muôn pháp đồng quy, có phải là nghĩa gương đây chăng?

Đáp: Hoặc phàm hoặc Thánh, nói khác nói đồng đều là ảnh tượng trong gương, đây chỉ là một gương tròn khắp mười phương, ngoài gương không pháp. Đây kia đều tuyệt, các bậc Cổ đức nói: "Nếu nói tâm tánh chúng sanh đồng tâm tánh chư Phật là Biệt giáo vậy. Tâm tánh của Viên giáo là một ánh sáng lặng lẽ không đây không kia, cùng khắp mười phương chư Phật ba đời và ngằn mé chúng sanh thành một gương tròn lớn, chỉ là một gương không có đồng khác. Phật và chúng sanh là ảnh tượng trên một gương vậy.

Hỏi: Nay Tông Kính Lục lấy gương làm nghĩa là nói theo tông Pháp tướng mà lập hay nói theo tông Pháp tánh mà lập?

Đáp: Nếu nói theo nhân duyên đối đãi môn dùng tông Pháp tướng, tức bản thức làm gương. Như kinh Lăng-già nói: "Thí như gương sáng hiện các sắc tượng. Nói hiện thức hiện cũng lại như vậy". Hiện thức tức

là thức thứ tám. Dùng tông Pháp tánh, tức Như Lai tạng làm gương. Như luận Khởi Tín nói: "Thể tướng của giác là có bốn thứ nghĩa lớn, cùng ngang bằng như hư không v.v... giống như gương sáng sạch". Lại, trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác lập hai thứ Quán môn: Vì người độn căn lập Duy tâm thức quán, vì người lợi căn lập chân như thật quán. Lại, luận Khởi Tín nói: "Tâm nếu rong ruổi tan mất tức phải gom lại khiến trú chánh niệm". Chánh niệm đó là, phải biết duy tâm không cảnh giới bên ngoài, tức lại tâm đây cũng không tự tướng, vì niệm niệm chẳng thể được. Nếu Duy tâm thức quán kịp chánh niệm. Duy tâm đang là tông Pháp tướng. Nếu chân như thật quán cùng với tâm đó niệm niệm chẳng thể được, tức là tông Pháp tánh. Nếu nói theo pháp tánh dung thông môn, đồng kết quy một yếu chỉ không lại phân biệt. Nay luận Chánh Tông, lấy Thắng mà nói, ước theo tông Pháp tánh mà nói, nếu gồm bao hàm như biển nhận nạp các sông, dùng gốc nhiếp ngọn, đâu chỉ tánh tướng, không có một pháp mà sót sở chiếu.

Hỏi: Trong Tông Kính đây, làm sao tin vào?

Đáp: Chỉ chẳng động Nhất tâm, chẳng trú các pháp, không chứng của năng sở, mất tâm của trí giải, thì là tin của không tin, vào của không vào. Nhân không pháp không, tâm cảnh đều vắng lặng. Như kinh Đại Niết-bàn nói: "Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói: "Buộc duyên pháp giới, một niệm pháp giới, chẳng động pháp giới. Biết chân pháp giới không nên dao động, nếu nói ta vào pháp giới, đã động pháp giới, năng sở cả hai đều mất, tướng vào đó vắng lặng nên chẳng động pháp giới là vào pháp giới". Kinh Đại Thừa Thiên Bát Đại Giáo nói: "Phương tiện thế nào mà được chứng vào Vô tánh quán? Bồ-tát trước phải ngay tâm quán chiếu bản tánh vắng lặng, ngộ nhập diệt tận định, được tâm thức tánh, chứng thấy thanh tịnh, chỉ thanh chỉ tịnh, chứng thấy Thánh tánh, tự tánh như như, một đạo vắng lặng, ngộ đạt bản nguyên, xoay chiếu thấy sạch, chỉ chiếu chỉ sáng, chỉ sáng chỉ sạch, chỉ lắng chỉ Thánh, thì gọi là Bồ-tát được vào chẳng động Niết-bàn vô tánh quán". Nên biết nếu có năng chứng thì là có người, nếu có sở chứng thì là có pháp. Vì chỉ một chân pháp giới nên ngoài tâm không pháp. Không thể dùng pháp giới lại chứng pháp giới. Như Vô Sanh Nghĩa nói: "Như trong kinh nói: Xá-lợi-phất tán thán các Tỳ-kheo rằng: "Nay đây chư vị trú ở phước điền!" Các vị Tỳ-kheo nói: "Đại sư Thế Tôn còn chẳng tiêu cúng dường, huống gì chúng tôi. Đại sư giải thích rằng: Đây là Phật chẳng trú Phật thì không có Phật cũng không có phước điền. Năng tiêu cúng dường, đây chánh là người chân thật phước điền. Phật nếu trú Phật tức là có Phật cũng là có

phước đức năng tiêu cúng dường, đây tức chẳng phải là chân thật phước điền vậy. Loại đây trú thần thông trí tuệ thì có trí tuệ, đây thì chẳng phải chân thật trí tuệ, nếu không có sở trú mới là có trí tuệ". Lại, trong kinh Tư Ích Luận Thích rằng: "Lìa nơi pháp giới lại không có người nhận thọ cúng dường, vì pháp giới kia xưa nay thanh tịnh". Do đó, lục đây gạt bỏ tất cả phù hoa chỉ đàm nói chân thật, chẳng y cứ danh tự, thẳng hiển bày tâm tông. Như kinh Phổ Hiền Quán nói: "Xưa kia tại Linh sơn diễn nói đạo nhất chân". Lại, luận Cứu Cánh Nhất Thừa Bảo Tánh có kệ tụng:

"Tuy không lời khéo léo,
Chỉ có nghĩa chân thật,
Pháp ấy nên thọ trì,
Như lấy vàng bỏ đá.
Diệu nghĩa như vàng thật,
Lời khéo như ngói đá,
Y danh chẳng y nghĩa,
Người ấy mù vô minh".

Nếu xác thực thấy tánh vào trong Tông Kính, mới là tự tin pháp môn, quyết định không lầm hoặc, thì mặt nhật có thể khiến lạnh, mặt nguyệt có thể khiến nóng, giả sử ngàn đường khác thuyết trọn chẳng thể đổi thay. Như kinh Đại Pháp Cự Đà-la-ni nói: "Phật bảo: "Kiều-thi-ca! Đệ tử của Như Lai thấy các thế gian giống như huyễn hóa, không có nghi ngờ. Tại sao? Nếu người thế gian đã tự thấy rồi, người ấy trọn không chấp lấy lời người khác nói. Kiều-thi-ca! Như người lõa lồ thân thể giữa đường mà đi, giả sử có người nói với mọi người rằng: "Người này hiếm có áo gấm che thân". Kiều-thi-ca! Ý ông thế nào? Người kia tuy có nói mọi người tin lời đó chăng?" "Không vậy, Bạch Đức Thế Tôn! Tại sao? Vì mắt xác thực thấy". Phật bảo: "Đúng vậy! Đúng vậy! Kiều-thi-ca! Chư Phật Như Lai có các đệ tử, tự thấy pháp nên chẳng tin lấy lời người khác nói. Nghĩa đó cũng vậy". Giải thích rằng: Nếu thấy tự pháp, pháp nào chẳng phải tự? Hoặc phàm hoặc thánh, hoặc phải hoặc quấy, phàm có chuyển biến đều chẳng vượt ngoài ngằn mé của tự tâm. Người tin như vậy, mới đến nguồn pháp. Như kinh Nhập Pháp Giới Thể Tánh nói: "Phật lại bảo: "Văn-thù-sư-lợi! Ông biết thật tế chăng?" Văn-thù-sư-lợi thưa: "Như vậy, Bạch Đức Thế Tôn! Con biết thật tế". Phật bảo: "Văn-thù-sư-lợi! Sao gọi là thật tế?" Văn-thù-sư-lợi thưa: "Bạch Đức Thế Tôn! Có ngã sở tế, kia tức là thật tế. Sở hữu phàm phu tế, kia tức là thật tế. Hoặc nghiệp hoặc quả báo, hết thảy các pháp đều là thật tế. Hoặc nghiệp hoặc quả báo, hết thảy các pháp đều là thật tế.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu người tin như vậy, tức là thật tin. Bạch Đức Thế Tôn! Nếu người điên đảo tin, tức là chánh tín. Nếu hành chẳng phải hạnh, kia tức là chánh hạnh. Tại sao như vậy? Chánh chẳng chánh là chỉ có ngôn thuyết, không thể được vậy. Vậy biết nếu người tin thật nghĩa duy tâm thì chẳng bị ngôn ngữ lay chuyển, nghe sâu mà chẳng sợ, nghe cạn mà chẳng nghi, nghe chẳng phải sâu chẳng phải cạn mà chẳng si. Như Thanh Lương Diễn Nghĩa nói: "Người nghe sâu chẳng sợ tức phần lớn nghĩa sâu. Điều gọi là không vậy, nghe nói ở không, nghĩa là đồng với đoạn diệt, nên khiến người khiếp sợ". Nên Đại Phẩm nói: "Đã chẳng phải trước có, sau cũng chẳng phải không, tự tánh tự tướng không, chớ sanh kinh sợ. Nghe cạn chẳng nghi ngờ là, cạn nghĩa là liên can sự". Phương tiện có nhiều môn, khiến nghi hoặc. Nay biết tùy nghi, nghi ngờ ở đâu ư? Nghe chẳng phải sâu chẳng phải cạn, nghĩa là không chỗ y cứ, khiến thân tâm trong lặng, biết chẳng phải sâu là diệu hữu, chẳng phải cạn là chân không. Lìa tướng thân tâm, mới là dõng mãnh, có thể tạo cảnh đó. Lại ba câu ấy cũng tức là Tam quán, thứ nhất là không, kế tiếp là giả và sau là trung đạo. Ba câu đều nghe, một niệm đều hội, thì Tam quán nhất tâm, nghi ngờ nào chẳng khiến trừ?

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 11

Hỏi: Phàm, căn cơ sở độ thì có vô lượng, pháp môn năng độ thì có vô biên. Lập năm hạnh môn, rộng mở đường của hiền ngu, giăng lưới tám giáo, khắp học gồm cả của trời người. Sao lại dùng tâm nêu tông năng trị tất cả?

Đáp: Phương tiện có nhiều môn thì xa giăng lưới tám giáo, về nguồn tánh không hai, mới nêu cao tông của Nhất tâm. Do đó, người bệnh đi dừng nghỉ như Thanh văn ở Hóa thành, trẻ con đi dẫn dụ phàm phu ở cõi trời, gồm chỉ đối mang, cúi vì cơ sai biệt, mở bày ngộ nhập, chỉ chứng đạo Nhất thừa, như ngàn phương thuốc chung trị một bệnh, vạn nghĩa lý chỉ hiển bày một tâm, khiến chẳng chấp kiến theo văn, mất vị của chân pháp, chỗ mong nghiên tâm cứu lý, được nguồn của Chánh giác. Như Pháp Hoa Huyền Nghĩa nói: "Nhất tâm ngũ hạnh tức là Tam đế Tam-muội. Thánh hạnh tức là Chân đế Tam-muội. Phạm hạnh, Anh nhi hạnh và bệnh hạnh tức là Tục đế Tam-muội. Thiên hạnh tức là Trung đạo vương Tam-muội. Lại, Viên tam Tam-muội, viên phá nhị thập ngũ hữu, tức không nên phá hai mươi lăm ác nghiệp kiến tư v.v... Tức giả nên phá hai mươi lăm vô tri. Tức Trung nên phá hai mươi lăm vô minh. Tức một mà ba, tức ba mà một. Một không tất cả không, một giả tất cả giả, một trung tất cả trung, nên gọi là Như Lai hạnh. Lại, Như Lai thất tối huân pháp giới, từ thiện căn lực chẳng động chân tế, hòa đồng trần cấu, dùng bệnh hạnh từ bi ứng đó chỉ bày thứ thân như điếc như câm, nói các thứ pháp như cuồng như si. Có cơ sanh thiện, dùng Anh nhi hạnh từ bi ứng đó, Bà bà hòa hòa trâu gỗ lá dương. Có cơ vào không, dùng phạm hạnh từ bi ứng đó, căn lực từ thiện thấy sự như vậy, ngồi xổm sàng tòa sư tử ghế báu đỡ chân. Khách thương buôn bán ra vào dứt lợi, không xứ nào chẳng có. Có cơ vào trung, dùng thiên hạnh từ bi ứng đó, như ngựa quyết thấy bóng roi, đường đi lớn thẳng không lưu nạn. Nên không trước không sau, chẳng cùng chẳng riêng. Nói pháp không phân biệt. Các pháp từ xưa lại, thường tự tướng tịch diệt, viên

ứng các cơ như đàn cầm A-tu-la. Hoặc tiệm dẫn vào viên, như điều nói trước, hoặc đốn dẫn vào viên, như điều nay nói. Vào viên chứng v.v... lại không sai biệt. Vì hiển bày môn biệt viên mới vào, với căn lực từ thiện, khiến người đốn tiệm thấy như vậy. Nói pháp môn nhất tâm này, ngang thông dọc suốt, nhiếp hết hằng sa nghĩa lý, nên gọi là Tổng trì. Hay làm tông của muôn pháp, bèn xưng là Vô thượng, nếu chỉ luận sự hành, mất bản tông của Phật. Như kinh Kim Quang Minh Sớ Giải nói: "Như Vương Tử thí thân cho hổ, Thi-tỳ vay đổi cho chim cáp, đều là xả thí di thể của cha mẹ, chẳng phải xả thí tự thân mình". Tự thân mình, là pháp tánh thật tướng ấy vậy. Thích Luận nói: "Trì giới làm da, thiền định làm máu, trí tuệ làm cốt, thiện tâm vi diệu làm tủy, vì người khác thuyết giới, hay ngăn tội tu phước, vô tướng vô thượng, chẳng phải trì, chẳng phải phạm, Thí ba-la-mật là thí da của tự mình vậy, nói các thiền định thần thông biến hóa, chẳng khởi diệt định, hiện các oai nghi, là thí máu huyết của tự mình vậy. Nói pháp thảy đều đạt đến nơi Nhất thiết trí địa là thí cốt của tự mình vậy. Đàn nhẫn v.v... nên là thịt vậy, nói pháp tướng thậm thâm. Hành xứ của chư Phật, chẳng một chẳng hai, tuyệt đường ngôn ngữ, diệt chỗ tâm hành, trung đạo vi diệu là thí tủy của tự mình vậy. Lấy đó khiến các chúng sanh đói khát đều được no đủ, huống là các thức ăn uống khác. Các thức ăn uống khác tức giới của trời người, Nhị thừa là da, định là máu, tuệ là cốt, chân đế là tủy vậy". Trong kinh Pháp Hoa nói: "Đối với trong các pháp sâu mầu khác mà chỉ dạy khiến được lợi mừng". Tức nghĩa đó vậy. Do đó người hay nói pháp môn này là thấu triệt chân tâm của Phật, thì tủy ở tự mình vậy. Lại, tông nhất tâm này, nếu toàn chọn môn thì tâm chẳng phải tất cả, thần tánh độc lập, nếu toàn thâu môn thì tất cả tức tâm, diệu thể khắp cùng. Nếu chẳng phải thâu chẳng phải chọn thì ngăn chiếu đều mất, cảnh trí đều không, danh nghĩa đều tuyệt, có thể gọi là diệu thuật khó nghĩ, chấm ngói sỏi làm thành vàng, không làm thần thông, quậy sông suối mà làm sữa, chuyển biến tự tại, ẩn hiện theo thời, hoặc cuộc hoặc buông, năng đồng năng biệt, thật là diệu của năng trị, bệnh nào mà không lành. Môn của xảo độ, cơ nào mà chẳng thấu, tẩy trừ tâm dơ, nhổ ra rễ nghi ngờ, lời lời đều khế hợp bản tâm, mỗi mỗi đều bao gồm chân tánh, pháp pháp là câu Kim cang, trần trần đủ môn Bí mật. Như kinh Nhập Pháp Giới Thể Tánh nói: "Văn-thù-sư-lợi nói: Các pháp tánh chẳng hoại, cho nên gọi là câu Kim cang". Kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng:

"Nếu nơi Phật và pháp,
Tâm đó trọn bình đẳng,

Hai niệm chẳng hiện tiền,
Sẽ giẫm vị khó lường".

Kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã nói: "Bồ-tát Ma-ha-tát đối với tất cả các cảnh giới, không có một pháp mà không thông đạt, tu hành Trí ba-la-mật như vậy. Hàng Nhị thừa ngoại đạo không thể ngăn che, dùng trí quán sát, từ sơ phát tâm cho đến nhập Niết-bàn, thảy đều rõ biết, hay dùng một pháp biết hết thảy cảnh giới. Tất cả cảnh giới tức là một pháp. Tại sao? Vì như như một, chẳng thấy ta năng tu và pháp sở tu, không hai không khác, vì tự tánh lìa, cho nên gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, thông đạt trí Bát-nhã ba-la-mật". Kinh Tư Ích nói: "Võng minh bao Phạm thiên: "Năm trăm Tỳ-kheo đó từ tòa đứng dậy, ông phải dùng phương tiện dẫn dắt tâm đó vào pháp môn này, khiến được tin hiểu, lìa các tà kiến". Phạm thiên nói: "Này thiện nam! Giả sử khiến đi đến hằng hà sa kiếp chẳng thể được ra như pháp môn này. Thí như người si mê khiếp sợ hư không, xả bỏ không mà chạy, phàm các chỗ đến chẳng lìa hư không, các Tỳ-kheo đây cũng lại như vậy, tuy là xa đi, chẳng lìa tướng không, chẳng vượt ngoài tướng vô tướng, chẳng vượt ngoài tướng vô tác". Lại như một người đòi tìm hư không, Đông Tây rảo chạy nói: "Ta muốn có được không, Ta muốn có được không! Người đó chỉ nói danh tự hư không, mà chẳng được không. Đi ở trong không mà chẳng thấy không. Các Tỳ-kheo đây cũng lại như vậy, muốn cầu Niết-bàn, đi trong Niết-bàn, mà chẳng đắc Niết-bàn. Tại sao như vậy? Niết-bàn là chỉ có danh tự, giống như hư không chỉ có danh tự không thể được thủ. Niết-bàn cũng lại như vậy, chỉ có danh tự mà không thể đắc". Vậy, biết tất cả chúng sanh chẳng tin, các hàng ngoại đạo tà kiến, nhọc sống nhàm lìa, uổng tự vọng cầu cứu cánh, trong vị nhất tâm chưa từng tạm ra khỏi. Nên kinh Mật Nghiêm có kệ tụng rằng:

"Như cơm một hạt chín,
Hạt khác tức biết được,
Các pháp cũng như vậy,
Biết một tức biết kia.
Thí như người ăn sữa,
Dùng ngón tay thử đó,
Như vậy các pháp tánh,
Khá dùng một quán sát".

Kinh Lăng-già có kệ tụng rằng:

"Thí như tượng trong gương,
Tuy thấy mà chẳng có,

Ở trong gương vọng tưởng,
Người ngu thấy có hai”.

Kinh Pháp Tập nói: “Bấy giờ Bồ-tát Hải Tuệ bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát muốn nguyện thấy Niết-bàn, nên quán tâm hư vọng phân biệt tịch diệt, ở nơi như vậy được vào Niết-bàn, cho nên gọi là Thắng Diệu Pháp Tập”. Trong phẩm Quán Tâm ở kinh Đại Thừa Bản Sanh Tâm Địa Quán nói: “Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Như lời Phật dạy bảo Diệu Đức v.v... năm trăm vị trưởng giả, ta vì các ngươi mà diễn nói pháp môn tâm địa vi diệu. Nay con vì đó mà thưa hỏi Như Lai. Thế nào là tâm? Thế nào là địa?”... cho đến” Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi là bậc Đại thánh Vô cấu; là mẹ của chư Phật rằng: “Này thiện nam! Pháp này gọi là pháp môn Tâm địa vi mật tối thắng của chư Như Lai ở khắp mười phương. Pháp này gọi là pháp môn đốn ngộ nhập Như Lai địa của hết thảy phàm phu. Pháp này gọi là Đường chánh của hết thảy Bồ-tát hướng đến Đại Bồ-đề chân thật. Pháp này gọi là cung báu vi diệu của chư Phật ba đời tự thọ pháp lạc. Pháp này gọi là tạng báu vô tận làm lợi ích hết thảy hữu tình. Pháp này hay dẫn các chúng Bồ-tát đến nơi sắc cứu cánh tự tại trí. Pháp này là Đạo sư chân thật hay dẫn các Bồ-tát hậu thân đến Bồ-đề thọ. Pháp này hay mưa các thứ của cải thế gian và xuất thế gian như ma-ni báu mãn nguyện chúng sanh. Pháp này hay sanh bản nguyện công đức của tất cả chư Phật trong mười phương ba đời. Pháp này hay tiêu các quả ác nghiệp của tất cả chúng sanh. Pháp này hay ấn điều nguyện cầu của tất cả chúng sanh. Pháp này hay đưa tất cả chúng sanh qua khỏi sanh tử hiểm nạn. Pháp này hay dứt sóng cả biển khổ của tất cả chúng sanh. Pháp này hay cứu chúng sanh khổ não mà làm nạn gấp. Pháp này hay khiến khô cạn biển sanh lão bịnh tử của tất cả chúng sanh. Pháp này khéo hay sanh ra các nhân duyên chủng tử của chư Phật. Pháp này hay vì đêm dài sanh tử mà làm ngọn đuốc lớn. Pháp này hay vì phá binh chúng bốn ma mà làm áo giáp mũ trụ. Pháp này tức là quân chánh dõng mãnh, cờ hiệu chiến thắng. Pháp này tức là pháp luân Vô thượng của chư Phật. Pháp này tức là pháp tràng tối thắng. Pháp này tức đánh trống pháp lớn. Pháp này tức thổi pháp loa lớn. Pháp này tức là Đại sư tử vương. Pháp này tức là Đại sư tử hống. Pháp này giống như Thánh vương nước lớn khéo hay chánh pháp, nếu thuận vương hóa thì được an lạc lớn, nếu trái nghịch vương hóa tức sau đó sẽ bị diệt mất. Này thiện nam! Trong ba cõi lấy tâm làm chủ, người hay quán tâm thì cứu cánh giải thoát, người chẳng hay quán, thì rốt ráo trầm luân. Tâm

của chúng sanh giống như đại địa, năm thứ lúa thóc, năm thứ cây trái tự đại địa sanh. Tâm pháp như vậy sanh ra thiện ác năm thú trong thế gian và xuất thế gian. Các hàng hữu học, vô học, Độc giác, Bồ-tát và các Đức Như Lai do nhân duyên đó, ba cõi duy tâm, tâm gọi là địa. Hết thảy phàm phu thân cận bạn lành, nghe pháp tâm địa, đúng như lý mà quán sát, đúng như thuyết mà tu hành, tự mình lợi ích, chỉ dạy người khác, tán thán khuyên răn mến thương an ủi, hạng người như thế hay đoạn hai chướng, chóng tròn đầy các hạnh, nhanh đắc Vô thượng Bồ-đề". Bấy giờ, Bồ-tát Đại thánh Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Như điều Phật nói, chỉ dùng tâm pháp làm chủ ba cõi. Tâm pháp vốn là chẳng nhiễm trần cấu. Thế nào là tâm pháp nhiễm tham sân si! Đối với pháp ba đời sao gọi là tâm? Tâm quá khứ đã diệt, tâm vị lai chưa đến, tâm hiện tại chẳng trú. Ở trong các pháp tánh không thể được, ở ngoài các pháp tướng không thể được, khoảng giữa các pháp đều không thể được. Tâm pháp xưa nay không có hình tướng, tâm pháp xưa nay không có trú xứ. Hết thảy Như Lai còn không thấy tâm, huống gì các hàng người khác được thấy tâm pháp. Tất cả các pháp từ vọng tưởng sanh. Do nhân duyên đó, ngày nay Thế Tôn vì đại chúng nói Tam giới duy tâm, xin Phật xót thương như thật giải bày!" Khi ấy Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi rằng: "Đúng vậy! Đúng vậy! Này thiện nam! Như điều ông hỏi tâm và tâm sở pháp bản tánh không tịch. Ta nói các thứ thí dụ để làm rõ nghĩa đó. Này thiện nam! Tâm như huyễn pháp, do Biến kế sanh các thứ tâm tưởng, vì nhận chịu khổ vui. Tâm như dòng nước, niệm niệm sanh diệt ở đời trước đời sau chẳng tạm dừng trú. Tâm như gió lớn trong khoảng sát-na trải khắp các nơi khổ. Tâm như ánh đèn vì các thứ hòa hợp mà được phát sanh, tâm như bóng chớp, chỉ trong chốc lát, chẳng dừng trú lâu. Tâm như hư không, chỗ khách trần phiền não phủ che. Tâm như khỉ vượn, leo trèo cây ngũ dục chẳng tạm dừng nghỉ. Tâm như thợ vẽ, hay họa vẽ các thứ sắc tướng thế gian. Tâm như tôi tớ, bị các phiền não sai sử bó buộc. Tâm như đi một mình, vì không có kẻ thứ hai. Tâm như Quốc vương, khởi các thứ sự luôn được tự tại cho đến. Này thiện nam! Nói như vậy, tâm và tâm sở pháp không trong không ngoài, cũng không khoảng giữa, ở trong các pháp, cầu không thể được, quá khứ vị lai và hiện tại cũng không thể được, vượt hẳn ba đời, chẳng phải có, chẳng phải không, tâm ôm hoài đắm nhiễm, theo vọng duyên hiện, duyên không tự tánh. Tâm tánh vốn không, tánh không như vậy không sanh không diệt, không đến không đi, chẳng một chẳng khác, chẳng đoạn chẳng thường, vốn không nơi sanh cũng không nơi

diệt, cũng chẳng phải xa lìa chẳng phải chẳng xa lìa, các tâm như vậy chẳng khác vô vi. Thể của vô vi chẳng khác các tâm. Thể của tâm pháp vốn không thể nói, chẳng phải tâm pháp cũng không thể nói. Tại sao? Nếu vô vi thì tâm đó gọi là đoạn kiến, nếu lìa tâm pháp tức gọi là thường kiến, xa lìa hai tướng, chẳng đắm hai biên, tỏ ngộ như vậy gọi là Chân đế, người ngộ Chân đế, gọi là Thánh hiền. Hết thảy Thánh hiền tánh vốn không tịch. Trong pháp vô vi, giới không trì phạm, cũng không tiểu đại, không có tâm vương và tâm sở pháp, không khổ không vui, pháp giới như vậy, tự tánh không dơ, không thượng trung hạ, các tướng sai biệt. Tại sao? Pháp vô vi đó tánh vốn bình đẳng, như nước các sông chảy đổ vào biển cả, đều đồng một vị, không có biệt tướng. Tánh không dơ đây là không đẳng đẳng, xa lìa ở ngã và lìa ngã sở. Tánh không dơ đây chẳng phải thật chẳng phải hư, tánh không dơ đây là Đệ nhất nghĩa đế không tưởng tận diệt, thể vốn chẳng sanh, tánh không dơ đây thường trú chẳng biến, tối thắng Niết-bàn vì ngã lạc tịnh. Tánh không dơ đây xa lìa tất cả, bình đẳng, thể không sai khác. Nếu có người thiện nam, kẻ tín nữ nào muốn cầu Vô thượng bình đẳng phải nên nhất tâm tu tập pháp quán tâm địa như vậy".

Trong luận Đại Trí Độ nói: "Hỏi: Bát-nhã ba-la-mật là đạo Đệ nhất của Bồ-tát, một tướng gọi là vô tướng. Tại sao nói các thứ đạo như thế? Đáp: đạo đó đều vào trong một đạo, đều gọi là thật tướng các pháp, mới học thì có các thứ sai biệt, sau đều đồng nhất không có sai biệt. Thí như kiếp tận, lúc lửa thiêu đốt, tất cả sở hữu đều đồng hư không. Nên biết vượt đây rộng tu tuyệt địa vị tiến bộ, lìa phương tiện đó, không kỳ hẹn thành Phật. Cho đến từ mới đầu đắc đạo đến cuối cùng nhập Niết-bàn ở trong năng hóa sở hóa, thầy trò thủy chung gốc ngọn đồng thời, cơ ứng một khoảng, đều chẳng vượt ngoài tự tâm vậy". Như Thai Giáo nói: "Tâm vương tức là Như Lai, tâm sở tức là đệ tử, chỉ bởi chúng sanh từng sát-na tương tục ngày đêm thường sanh vô lượng trăm ngàn chúng sanh. Tâm vương mười sở tà, tất cả pháp tà, quyến thuộc của ma vậy. Tâm vương mười số chánh thì tất cả pháp chánh". Ngày nay hành nhân học đạo phải khéo được ý này, nếu tu trí tuệ, chỉ nên bên trong khởi tuệ số tư duy phân biệt, nhân đây phát bàn phần trí tuệ mãn phần trí tuệ, tự hành hóa tha, tức đồng Xá-lợi-phất trang nghiêm song thọ. Như vậy mỗi mỗi ước tâm số hạnh thành, hóa mười đệ tử, mỗi mỗi hạnh nguyện đều do tâm vậy. Nếu hay chắc thật quán sát tâm tánh, tức là thấy Phật tánh, trú Đại Niết-bàn, tức đồng Như Lai đầy đủ trang nghiêm Sa-la song thọ. Nếu người quán hạnh tâm rõ thấy tâm vương, tức là Pháp vương, tâm số

(sở) tức là đại đệ tử, nghĩa của trang nghiêm Song thọ, giống như mắt thấy.

Hỏi: Thai Tạng Quán tâm ngữ mật, sở đâu tận tâm? Hoàng Nguyên Tập nói: "Kinh Pháp Hoa nói là "thọ trì tu kinh gì? Xưng dương Phật đạo nào?" Kinh Hoa Nghiêm nói: "Kinh luận sắc, kinh luận thọ, tưởng, hành, thức, nếu tùy tự ý nơi cũng được nói, kinh luận nhãn, kinh luận Nhĩ tỷ thiệt thân ý tham sân si". Sở dĩ như vậy là biết Nhãn vô sanh không tự tánh. Nói không - tịch diệt, không sở hữu. Sáu căn đồng kinh đây, kinh chỉ là pháp. Biết nhãn không pháp tức kinh luận nhãn vậy, không pháp tức là vậy. Kinh luận các cõi cũng vậy, đạo lý hẳn phải thật chiếu, chẳng thể hư đàm lấy làm tự khinh, đi đứng nằm ngồi thọ trì ấm giới nhập, là hạnh kinh nào? Ở trên sắc phát trí, tức là kinh Thọ Hành Sắc, cho đến ngộ hết thảy xứ. Ngộ tức thọ trì kinh Nhất Thiết Xứ. Thừa đó từ trong Tam giới lưu xuất, đến trong Tát-bà-nhã mà trú, do vì chẳng động, tức là nghĩa đó. Nếu tin chắc tư duy sâu, như kinh Pháp Trú nói: "Như Pháp trú là như sáu căn kia tánh không pháp mà giả nói trú vậy". Xưng dương Phật đạo nào là như kinh Anh Lạc nói: "Thật trí tánh là pháp thân. Nếu thấy thật tánh tức là xưng dương pháp thân Phật. Nghe thân có thật tánh tức ở nơi ấm giới nhập, đắc không Tam-muội, Lục độ, Thất giác, Thập địa, Diệu giác v.v... vì báo công trước tức là xưng dương Báo thân Phật, được các pháp trước ứng với thân chúng sanh, tức là xưng dương ứng thân Phật". Đây tức là trong thân, một niệm thấy cả ba Phật, chúng sanh chẳng quán sát, tuy gần mà chẳng thấy. Kinh Đại Tập nói: "Xuất của không xuất, đó gọi là Phật xuất. Thiền của không thiền, đó gọi là chánh thiền. Thoát của không thoát, đó gọi là chánh thoát". Kinh Hoa Nghiêm nói: "Ma cầu xin Bồ-tát Văn-thù mở trói buộc, Bồ-tát Văn-thù bảo: "Không người nào trói ngươi, tự ngươi tưởng trói buộc vậy". Ma liền nói: "Tôi trọn chẳng giải thoát". Trong kinh nói: "Vốn tự không trói buộc, ai cầu cởi mở đó". Nếu khiến pháp giới có người trói buộc, ta tức giải thoát. Đây chân thật chẳng sanh chẳng diệt vậy, phải ở trong tâm hạnh mà mong cầu, đối với trong hạng người vô trí, chớ nói kinh này. Sợ sanh tà kiến, thuốc trái với bệnh. Biết lìa gọi là pháp, giác pháp gọi là Phật. Biết lìa là sắc tánh lìa, thọ tưởng hành thức cũng lìa, từ một tánh không pháp mà giả sanh ra tên của Tam bảo. Hòa thượng Hoàng Nghiệt nói: "Ngươi nếu phỏng đấm trước một pháp, ấn sớm thành vậy. Ấn chấp trước có thì văn tứ sanh xuất hiện, ấn chấp trước không tức văn không giới vô tưởng hiện". Như nay chỉ biết quyết định, chẳng ấn tất cả vật. Ấn đây cũng với hư không chẳng phải một,

chẳng phải khác. Hư không chẳng không, Bản ấn chẳng có, thấy mười phương hư không thế giới chư Phật ra đời như một thứ điện chớp, quán tất cả côn trùng quấy động như một thứ tiếng vang, ngàn kinh muôn luận chỉ nói một tâm của ngươi. Tất cả pháp chẳng sanh chẳng diệt tức là quả Đại Niết-bàn. Do đó, đạo quả mãn, Bồ-đề viên, hoa nở thế giới hiện khởi. Nên biết Bồ-đề quả mãn kết từ tâm hoa. Thế giới duyên dấy, mới đầu từ sóng thức, như xưa kia có Pháp sư Nguyên Hiểu, Pháp sư Nghĩa Tướng ở Đông Quốc. Hai vị đồng đến Trung Hoa ở thời Tiền Đường tầm thầy học đạo, gặp đêm tối tạm dừng nghỉ trong gò mả. Pháp sư Nguyên Hiểu nhân khát mà nghĩ tưởng nước sữa, bèn ngay bên cạnh chỗ ngồi thấy có một dòng nước trong vắt, vốc uống rất ngon. Đến sáng hôm sau, trông nhìn lại đó nguyên là nước rò rỉ của thây chết, đang lúc tâm nhàm gớm, ói nhả, bỗng nhiên đại ngộ, mới nói: "Ta nghe Phật dạy Tam giới duy tâm vạn pháp Duy thức, nên biết tốt xấu vốn tại ta, thật chẳng phải tại nước vậy". Bèn liền trở về quê cũ rộng hoằng dương chí giáo. Nên biết không có người chẳng đạt đây, chóng dứt tâm rong ruổi, mặc tình mang tráp đeo đảy rộng trải qua cửa học Tam thừa, phóng tầm thầy hỏi bạn, tham khắp thiền cục pháp giới. Nếu muốn tuyệt học gá thần rốt ráo nên phải quy hướng nơi Tông Kính. Như kinh Đại Niết-bàn nói: "Phật dạy: Thế nào là Bồ-tát tin thuận nhất thật? Bồ-tát rõ biết tất cả chúng sanh đều quy hướng ở một đạo. Một đạo, nghĩa là Đại thừa vậy". Giải thích rằng: "Đại thừa, nói là đại tức là tâm tánh chúng sanh, có khả năng bao quát, có khả năng khắp cùng. Đến nhỏ không trong, không một mảy trần nào mà có thể vào. Đến lớn không ngoài, một pháp nào mà chẳng bao hàm. Nói là thừa, là dùng vận tải làm nghĩa, hay đưa người đến thẳng biển Tát-bà-nhã. Vậy biết biển đây chẳng trái nghịch. Tâm báu thường hiện, thì Triệu bích chẳng phải quý, Tùy châu chưa phải trân. Bạn lành nhọc sóng cả nổi chìm, Biện Hòa rỗng truyền núi gai. Nếu vào tông kính, chẳng động thân tình, trong khoảng sát-na, báu đó tự hiện, nào phải khắp tham pháp giới, rộng trải qua các tòng lâm, phải xác thực lúc tỏ ngộ thật chẳng phải từ đâu khác mà được, như Hàn Sơn Tử có lời thơ rằng:

"Năm xưa từng vào trong biển lớn,
Vì tìm ma-ni thề khẩn cầu,
Thẳng đến cung rồng tạng kín sâu,
Cửa vàng khóa dứt quỷ thần sầu.
Vua rồng gìn giữ trong thân ổn,
Kiếm báu sao lạnh chớ xúi cầu,

Khách buôn tức về trong cửa đi,
Minh châu vốn tại đầu tâm ta”.

Hòa thượng Đỗ Thuận có kệ tụng rằng:

“Người dạo dối gợn gợn,
Vòng núi lễ gò đóng,
Văn-thù chỉ đó vậy,
Xứ nào kiếm Di-đà”.

Hòa thượng Thạch Củng có đùa châu ngâm rằng:

“Minh châu như ý gương tròn sáng,
Cũng có trong người gọi làm tánh,
Phân thân trăm ức, châu ta phân,
Vô thủy vốn sạch như nay sạch.
Trân châu ngày dùng là Phật-đà,
Nào nhọc theo vật sóng gợn gợn,
Ẩn hiển tức nay không hai tướng,
Đối mặt trông châu biết được gì?”

Hỏi: Tất cả muôn pháp đều chỉ có thức tánh, cớ sao có hư có thật? Lập sắc lập không, môn chân đế tục đế, đạo tánh tướng cả hai đều không?

Đáp: Vô vàn ảnh tượng, đều chỉ là bản tông của tâm, sai biệt phân vết, đều là diệu tánh của thức. Tánh của Duy thức đại lược có hai thứ: Một là, hư vọng, tức là Biến kế sở chấp; hai là, chân thật, tức là viên thành thật. Ở trước là chỗ dứt trừ thanh tịnh của Duy thức tánh, sau là sở chứng đắc thanh tịnh của Duy thức tánh. Lại có hai thứ: Một là, thế tục tức là y tha khởi; hai là, Thắng nghĩa tức là viên thành thật. Ở trước là sở đoạn thanh tịnh, ở sau là sở đắc thanh tịnh. Lại nữa, tướng tức là y tha khởi, bao gồm môn hữu vi. Tánh tức là viên thành thật, thông cả đạo vô lậu. Lại, sắc tức là tướng của y tha khởi, không tức là tánh của viên thành thật. Đó thì hư thật chân tục, tánh tướng, có không, suốt gốc cùng nguồn đều là Duy thức tánh vậy. Đại sư Từ Ân nói: “Thức tánh thức tướng đều chẳng lìa tâm, tâm sở tâm vương lấy tâm làm chủ, quy tâm sạch tướng chung gọi là Duy thức. Duy là ngăn cảnh có, người chấp có là mất chân đó, thức là chọn tâm không, người trệ không là trái thật đó”. Do đó, Tâm Phật như biển, không một dòng sông nào mà chẳng chảy vào. Tâm Phật như gương, không một ảnh tượng nào mà chẳng sanh. Tâm Phật như châu, không một báo nào mà chẳng mưa. Tâm Phật như đất, không một giống nào mà chẳng thành, muôn tượng hiện nơi pháp thân, các nghĩa sanh từ Bát-nhã, thì một văn một chữ một niệm

một trần đều vào pháp môn không hai, đều trú giải thoát chẳng thể nghĩ bàn vậy. Như kinh Kim Cang Tam-muội nói: "Nếu trú biển lớn thì bao quát các dòng nước, trú ở một vị thì nhiếp hết các vị". Kinh Vô Hạnh có kệ tụng rằng:

"Bồ-đề chẳng Bồ-đề,
Phật-đà chẳng Phật-đà.

Nếu biết một tướng đó, là bị thế gian dẫn". Nên biết, nếu hay thấu rõ tông một khoảng vô tướng đây, là có thể làm ánh sáng, làm dẫn dắt, làm thầy, làm mẫu mực, khắp cứu quần mê, chẳng trú ở hóa thành, thẳng đến chốn báu, nên trong kinh nói: "Thường vui quán tịch diệt, một tướng không có hai, tâm đó chẳng tăng giảm, hiện vô lượng thần lực". Nên trong phẩm Xuất Hiện ở kinh Hoa Nghiêm nói: "Phật Tử! Nếu như có quyển kinh lớn, lượng ngang bằng như ba ngàn đại thiên thế giới, biên ghi mọi việc trong ba ngàn đại thiên thế giới tất cả đều hết. Cho đến một quyển kinh lớn đây, tuy lại lượng ngang bằng như ba ngàn đại thiên thế giới mà toàn trú ở trong một mảy trần, như một mảy trần, tất cả mảy trần đều cũng như vậy. Bấy giờ có một người trí tuệ minh đạt, thành tựu thiên nhãn thanh tịnh, thấy quyển kinh đây tại trong mảy trần, đối với các chúng sanh không ít lợi ích, liền khởi ý niệm rằng: "Ta phải dùng sức tinh tấn phá mảy trần ấy lấy quyển kinh này ra, khiến được lợi ích tất cả chúng sanh". Khởi ý niệm rồi, bèn dùng phương tiện phá mảy trần đó lấy quyển kinh lớn này ra, khiến các chúng sanh khắp được lợi ích. Như đối với một mảy trần, tất cả mảy trần, nên biết đều là Phật Tử. Trí tuệ Như Lai cũng lại như vậy, vô lượng vô ngại, khắp hay lợi ích tất cả chúng sanh, đầy đủ tại nơi trong thân chúng sanh, chỉ bởi các phàm ngu vọng tưởng chấp trước, chẳng hay chẳng biết, chẳng được lợi ích. Bấy giờ Như Lai dùng trí nhãn thanh tịnh không chướng ngại quán khắp pháp giới tất cả chúng sanh, mà nói lời rằng: "Kỳ thay! Lạ thay! Các chúng sanh đây cớ sao có đủ trí tuệ Như Lai, mà ngu si mê hoặc không biết không thấy. Ta phải dùng Thánh đạo để chỉ dạy, khiến đó trọn lìa vọng tưởng chấp trước. Tự ngay trong thân được thấy trí tuệ rộng lớn của Như Lai cùng Phật không khác". Tức dạy chúng sanh đó tu tập thánh đạo, khiến lìa vọng tưởng, lìa vọng tưởng rồi chứng đắc vô lượng trí tuệ của Như Lai, lợi ích an lạc tất cả chúng sanh". Giải thích rằng: Quyển kinh Đại thiên tức là trí tuệ Như Lai. Tại trong một mảy trần tức là toàn tại trong tâm của tất cả chúng sanh. Tất cả mảy trần đều cũng như vậy, tức là tất cả pháp giới chúng sanh đều ngậm chứa trí Phật, vì tình trần tự ngăn cách chẳng thể nội chiếu. Không rỗng chôn

vùi kho vàng, uổng che khuất đài linh, như đánh nhau mất châu nơi trán, say mê vật báu trong áo, chẳng nhận chuyển biến không sao thấy biết được, nên các bậc Tiên đức nói: Phá mảy trần lấy ra quyển kinh là hằng hà sa Phật pháp hiểu trong một tâm. Vậy biết nước chưa vào biển thì chẳng mặn, củi chưa vào lửa thì chẳng cháy, cảnh chưa quy tâm thì chẳng ngang bằng. Chỉ vì Tông Kính gồm thâu đó, muôn pháp đều đồng một chiếu. Phải quấy đều sạch, thuận nghịch đồng kết quy, không một tâm nào chẳng phải là tâm Phật, không một sự nào mà chẳng phải là Phật sự, chưa thấy trong khoảng sát-na chẳng là lúc Như Lai chứng đắc Bồ-đề, không chỗ trống nào chỉ bằng hạt cải mà chẳng phải nơi Bồ-tát xả thí thân mạng. Nên các bậc Tiên đức nói tâm chẳng phải ngoài cảnh nên không đắc, cảnh chẳng phải ngoài tâm nên không tướng. Tức tâm là cảnh nên thậm thâm tức cảnh là tâm nên khó vào. Như Pháp sư Triệu nói: "Tức sự không gì chẳng khác, tức không không gì chẳng một, cực thượng cùng hạ, ngang bằng nhất quán mới ứng với bình đẳng vậy". Thai Giáo nói: "Như đất không sai biệt bao nhiêu cỏ cây, bao nhiêu không bao nhiêu, không bao nhiêu bao nhiêu. Lại như nói về tâm luận pháp, ước về pháp luận tâm, tâm có các số pháp không các số, tâm chẳng lìa pháp, pháp chẳng lìa tâm, không số mà số, số mà không số vậy". Do đó, luận Khởi Tín nói: "Lại nữa, chân như y cứ ngôn thuyết phân biệt có hai thứ nghĩa. Những gì là hai? Một là như thật không, do vì hay cứu cánh hiển bày thật; Hai là, như thật bất không, do vì có tự thể đầy đủ tánh công đức vô lậu. Nói là không, tức từ xưa đến nay tất cả nhiễm pháp chẳng cùng tương ưng, nghĩa là lìa tướng của tất cả pháp sai biệt, do vì không tâm niệm hư vọng, phải biết tự tánh chân như, chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng, chẳng phải chẳng phải có tướng, chẳng phải chẳng phải không tướng, chẳng phải có không cùng tướng, chẳng phải một tướng, chẳng phải khác tướng, chẳng phải chẳng phải một tướng, chẳng phải chẳng phải khác tướng. Chẳng phải một và khác cùng tướng. Cho đến, nói chung tất cả chúng sanh vì có vọng tâm niệm niệm phân biệt đều chẳng tương ưng, nên nói là không, nếu lìa vọng tâm vì thật không thể không. Điều gọi là bất không là vì hiển bày pháp thể không không vọng tức là chân tâm thường hằng bất biến, tịnh pháp đầy đủ thì gọi là Bất không, cũng không có tướng có thể thủ, vì lìa niệm cảnh giới chỉ chứng tương ưng. Chân như, xưa trước giải thích là: Dứt trừ vọng gọi là chân, hiển bày lý gọi là như. Hòa thượng quán ngược lại nghĩa đó nói: Không pháp chẳng phải chân, sao có vọng để có thể khiển trừ ư? Thì chân chẳng phải chân vậy. Không pháp chẳng như, sao

xứng lý có thể hiển bày ư. Nên Như chẳng phải Như vậy. Đó thì không khiển trừ, không dựng lập, vì chẳng phải chân như của an lập vậy. Ở đây giải thích rất diệu, nên tín tâm minh nói: Do vì lấy bỏ, sở dĩ chẳng Như. Lập tức là lấy, khiển tức là bỏ". Nay không khiển trừ không dựng lập, Đạo tự huyền hội vậy, đâu có chân vọng đáng tình ư? Như lời tựa Bách Luận nói: "Thản nhiên chẳng viện cứ mà sự chẳng mất chân, tự nhiên không nương cậy mà lý tự huyền hội. Đạo của trái gốc đắm trước ở đây vậy. Có thể gọi là không tâm hợp đạo, lý sự đều thông. Lại, tự tướng chân như chỉ lìa niệm cảnh giới thì không thể có hay không mà tư duy, nên nói chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng, chẳng phải chẳng phải có tướng, chẳng phải chẳng phải không tướng, chẳng phải có và không cùng tương. Tại sao? Nếu có hai có thể được thì gọi là cùng. Nay có tức là không, thì ngoài có không không có thể đồng có cùng, nay không tức là có thì ngoài không không có có thể đồng không cùng, cũng có cũng không trái nhau chẳng lập, nếu quyết định có có và không thì ngăn vướng câu chẳng phải có và không có cùng. Nay có tức là không, có nào chẳng phải không? Nên cả hai chẳng phải cũng tịch, nên biết nói mất bốn câu (tứ cú) không câu có thể mất, rõ ràng không câu đây tức là thật mất vậy.

Hỏi: Nhất tâm bình đẳng, lý tuyệt thiên viên, cớ sao trong giáo lại nói các pháp khác?

Đáp: Tùy theo tình mà nói khác tuy khác mà đồng, đối chấp mà nói đồng, tuy đồng mà khác. Lấy đồng phá khác, dùng khác phá đồng, tuy đồng tuy khác, chẳng phải khác chẳng phải đồng, như nói: Cầm mâu của ông đâm thuẫn của ông, cũng như cưỡi ngựa giặc mà đuổi giặc, dùng tiếng động để ngưng ồn ào. Do đó: Sáng bốn chiều ba, khiến lũ vượn đều vui thích, khổ bôi thoa nước rửa, dùng vừa lúc mà dưỡng nuôi trẻ con, đều là cúi thuận có nghi, khéo dùng phương tiện. Như Trang tử nói: "Nhọc thần minh làm một, mà chẳng biết đó đồng vậy", nghĩa là gọi đó là sáng ba, sao gọi là sáng ba? Thư công có bài phú rằng:

"Sáng ba mà chiều bốn,
Lũ vượn đều giận bảo,
Nếu sáng bốn mà chiều ba,
Lũ vượn đều vui thích".

Danh thật chưa khuyết mà mừng giận làm dụng cũng nhân đó vậy. Ghi chú rằng: Phàm, bốn đó và ba lũ vượn vọng sanh mừng giận, quấy đó cùng với phải, người đời đua tranh khởi thương ghét. Thánh nhân lại dùng phải và quấy đó để dừng phải và quấy của người đời. Thư công

lại lấy bốn và ba để chấm dứt ba và bốn của lũ vượn. Người thấu đạt nơi một, há một nhọc thần minh ở khoảng ấy ư? Kinh Đại Niết-bàn nói: “Thí như người nữ sanh nuôi một đứa con, trẻ nhỏ đó mắc bệnh, người nữ ấy buồn rầu tìm cầu thầy thuốc giỏi. Thầy thuốc đã đến, hợp ba thứ thuốc tô nhũ và đường phèn, trao cho và khiến uống, nhân bảo người nữ rằng: “Đứa trẻ uống thuốc rồi, chớ nên cho bú sữa, phải đợi thuốc tiêu rồi mới cho bú sữa”. Khi ấy người nữ liền dùng chất có mùi vị đắng bôi thoa núm vú mà bảo đứa trẻ rằng: “Sữa mẹ đang bị bôi thoa chất độc, không thể xúc chạm”. Đứa trẻ đó thèm khát, muốn được bú sữa mẹ, nghe nói hơi độc, bèn bỏ đi xa. Đến lúc thuốc đó đã tiêu, người nữ mới tẩy rửa núm vú, gọi đứa trẻ lại cho bú. Khi ấy, đứa trẻ tuy là thèm khát nhưng trước đó nghe có hơi độc, cho nên chẳng đến, người mẹ lại bảo rằng: “Vì con uống thuốc, nên dùng chất độc để bôi thoa, nay thuốc con uống đã tiêu, ta cũng đã tẩy rửa xong, con nên bú sữa không còn phải khổ đắng”. Đứa trẻ đó nghe xong dần dần trở lại bú sữa, kinh hợp với ý thí dụ. Thí như nếu không có ngã v.v... giống như bôi thoa chất độc. Nói Như Lai Tạng, như gọi con lại bú sữa. Hoặc có lúc nói ngã, có lúc nói vô ngã, đều vì vừa có. Hoặc có lúc nói ngã, có lúc nói vô ngã, đều vì mưa có, như người nữ kia bôi thoa và tẩy rửa chất độc vậy. Như Nghĩa Hải nói: “Gọi tướng của trần sự là khác, khắc thể chỉ pháp là không khác, chỉ do pháp thể chẳng khác tức nghĩa khác mới thành, do vì chẳng mất thể, chỉ do trần sự sai biệt tức nghĩa chẳng khác mới thành, vì chẳng hoại duyên mới nói lý vậy. Nên trong kinh nói: “Lạ thay! Thế Tôn, đối với trong pháp không khác hay nói các pháp khác, như sum-la tuy khác mà chẳng thể tự khác. Hư vọng tuy đồng, mà chẳng thể tự đồng, do vì không thể pháp pháp thường sanh, do vì không dụng, trần trần thường lắng đều là thế gian phân biệt chúng sanh vọng tình, ở trong pháp bình đẳng tự sanh sai biệt, hướng đến nói không hai tướng cưỡng lập lắm mối, giống như thợ vẽ từ xa tạo thành tướng trạng cao thấp, hoặc như thợ vàng, rèn luyện ra các hình vật lớn nhỏ, thể muôn pháp thường hư, chỉ do tự tâm biến khởi như luận Đại Trang Nghiêm có kệ tụng:

“Thí như thợ họa vẽ,
Họa bằng nổi lồi lõm.
Dối phân biệt như vậy,
Ở không thấy năng sở”.

Thí như người thợ họa vẽ khéo léo có khả năng họa vẽ từ bức tường bằng phẳng nổi lên tướng lồi lõm, kỳ thật không có cao thấp mà thấy có cao thấp, người chẳng chân thật phân biệt cũng lại như vậy, ở

trong pháp giới bình đẳng, nơi không hai tướng, mà thường thấy có hai tướng năng sở. Cho nên không nên khiếp sợ, vì sao chẳng phải khiếp sợ, vì chỉ tự tâm biến khởi, như họa vẽ lồi lõm do tự tay họa vẽ nên.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 12

Hỏi: Phàm, chỉ một tâm pháp, cớ sao trong giáo rộng lập các danh tự?

Đáp: Danh hiệu Như Lai, mười phương chẳng đồng, một pháp Bát-nhã, nói các thứ danh, giải thoát cũng vậy, nhiều các danh tự. Nên kinh Đại Bát-nhã nói: "Như tên của tất cả các pháp, chỉ là do khách thâu gồm, đối với mười phương ba đời, không chỗ từ đâu lại, không chỗ đến đi, cũng không chỗ trú. Trong tất cả pháp không tên, trong tên không tất cả pháp, chẳng phải hợp chẳng phải tan, chỉ giả khái niệm, cớ sao như vậy? vì tất cả pháp và tên đều là tự tánh không". Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập nói: "Bấy giờ, Phật bảo Bồ-tát Đà-la-ni Tự Tại Vương rằng: "Này thiện nam! Đệ nhất nghĩa tức nghĩa là không có các pháp. Nếu không các pháp, cớ sao nói không? không sanh tự pháp, nói làm danh tự. Danh tự như thế cũng không trú xứ, pháp ở dưới danh cũng lại như vậy. Do vì, pháp từ tâm sanh, danh nhân pháp lập. Tâm của sở sanh không nơi chốn, pháp của năng sanh cũng vậy, thì tâm cảnh đều không, đều không xứ sở". Luận nói: "Tâm hay vì tất cả pháp làm tên. Nếu không tâm thì không tất cả danh tự, phải biết danh tự của thế gian và xuất thế gian đều từ tâm khởi, vì tâm tùy duyên, ứng vật mà lập hiệu, lược có năm nghĩa: Một là theo nghĩa; Hai là tùy duyên; Ba là y cứ tục; Bốn là nhân thời; Năm là theo dụng". Thế nào là theo nghĩa? Kinh Vô Lượng Nghĩa nói: "Vô lượng nghĩa là từ một pháp sanh". Nên biết nhân nghĩa mà lập danh, nhân danh mà hiển bày nghĩa. Thế nào là tùy duyên? Kinh Niết-bàn nói: "Vị đó chân chánh dừng ở Tuyết sơn, tùy nơi lưu chảy đó, được các thứ tên". Tùy nói lưu chảy đó tức là tùy duyên nhiễm tịnh, được hiệu của Thánh phàm. Thế nào là y cứ tục? Trong kinh nói: "Một pháp có nhiều tên, trong pháp thật tức không, Vì chẳng mất pháp tánh, lưu bố ở thế gian. Thế nào là nhân thời. Kinh Niết-bàn nói: "Phật tánh nhân thời tiết mà có khác, nói tịnh và bất tịnh. Tại sao? Tại lúc dơ nhiễm thì gọi là theo dụng? Như nhân tâm mà lập

pháp, tùy pháp mà được sanh, tại nơi Thánh gọi là chân, ở nơi phàm gọi là tục, tợ như vàng làm ra các vật dụng, ở nơi ngón tay gọi là vòng, trang sức nơi cổ tay gọi là xuyến, thì nhất tâm chẳng động. Chấp hiệu riêng mà muôn pháp thành sai. Vàng thật chẳng đổi, nhận tên khác mà ngàn vật dụng chẳng ngang bằng. Nếu biết pháp pháp toàn tâm tạo, mỗi mỗi vật dụng đều do vàng thành. Danh tướng chẳng thể liên can, phải quấy sao có thể lầm hoặc. Lại như vật dụng hình tròn và vật dụng hình vuông danh tự chẳng đồng. Nếu vàng sống và vàng chín ngôn thuyết có khác, suy nguồn nghiên cứu thể, muôn pháp đều không, chỉ có ý nói danh nghĩa sai biệt. Động tức tám thức, ngưng là nhất tâm, đắc yếu chỉ quên duyên, xúc chạm đường không dùng ghé. Như kinh Đại Niết-bàn nói: "Phật bảo: Này thiện nam! Như Lai có tất cả thiện hạnh, đều vì điều phục các chúng sanh. Thí như y vương có các phương thuốc đều vì trị liệu tất cả bệnh khổ. Này thiện nam! Như Lai Thế Tôn vì cõi nước vì thời tiết. Vì người khác nói, vì người, vì các căn, nên ở trong một pháp làm hai thứ thuyết, ở một tên pháp, nói vô lượng tên, ở trong một nghĩa nói vô lượng danh, ở trong vô lượng nghĩa nói vô lượng danh. Thế nào là một tên nói vô lượng tên? Giống như Niết-bàn cũng gọi là Niết-bàn, cũng gọi là vô sanh, cũng gọi là vô xuất, cũng gọi là vô tác, cũng gọi là vô vi, cũng gọi là quy y, cũng gọi là hang nhà, cũng gọi là giải thoát, cũng gọi là quang minh, cũng gọi là đèn sáng, cũng gọi là bờ kia, cũng gọi là vô úy, cũng gọi là không lùi, cũng gọi là nơi an, cũng gọi là lặng lẽ, cũng gọi là vô tướng, cũng gọi là không hai, cũng gọi là nhất hạnh, cũng gọi là trong mát, cũng gọi là không tối, cũng gọi là vô ngại, cũng gọi là không tranh cãi, cũng gọi là không dục, cũng gọi là rộng lớn, cũng gọi là cam lồ, cũng gọi là cát tường. Đó gọi là một tên mà làm vô lượng tên. Thế nào là một nghĩa nói vô lượng danh? Giống như Đế thích, cũng gọi là Đế thích, cũng gọi là Kiều-thi-ca, cũng gọi là Bà-sa-bà, cũng gọi là Phú-lan-đà, cũng gọi là Ma-khư-đà, cũng gọi là Nhân-đà-la, cũng gọi là thiên nhãn, cũng gọi là Xá-chỉ-phu, cũng gọi là Kim cang, cũng gọi là Bảo đảnh, cũng gọi là Bảo tràng. Đó gọi là một nghĩa nói vô lượng danh. Thế nào là ở vô lượng nghĩa nói vô lượng danh? Như Phật, gọi là Như Lai, nghĩa khác danh khác, cũng gọi là A-la-ha, nghĩa khác danh khác, cũng gọi là Tam-miệu-tam-phật-đà, nghĩa khác danh khác, cũng gọi là bậc thầy lái thuyền, cũng gọi là Đạo sư, cũng gọi là Chánh giác, cũng gọi là Minh hạnh túc, cũng gọi là Đại sư tử Vương, cũng gọi là Sa-môn, cũng gọi là Bà-la-môn, cũng gọi là Tịch tĩnh, cũng gọi là Thí chủ, cũng gọi là Đến bờ kia, cũng gọi là Đại y vương, cũng

gọi là Đại tượng, cũng gọi là đại Long vương, cũng gọi là Thí nhãn, cũng gọi là Đại lực sĩ, cũng gọi là Đại vô úy, cũng gọi là Bảo tụ, cũng gọi là Thương chủ, cũng gọi là Đắc thoát, cũng gọi là Đại trượng phu, cũng gọi là Thiên nhân sư, cũng gọi là đại Phân-đà-lợi, cũng gọi là Độc vô đẳng lữ (riêng một mình, không bạn ngang bằng), cũng gọi là Ruộng phước lớn, cũng gọi là Vô tướng, cũng gọi là Đầy đủ tám trí. Như vậy, tất cả nghĩa khác danh khác. Này thiện nam! Đó gọi là trong vô lượng nghĩa nói vô lượng sanh. Lại có một nghĩa nói vô lượng danh. Đó như là ấm, cũng gọi là ấm, cũng gọi là điên đảo, cũng gọi là đế, cũng gọi là niệm xứ, cũng gọi là tứ thực, cũng gọi là tứ đế trụ xứ, cũng gọi là hữu, cũng gọi là đạo, cũng gọi là thời, cũng gọi là chúng sanh, cũng gọi là thế, cũng gọi là Đệ nhất nghĩa, cũng gọi là Tam tu; nghĩa là thân - giới - tâm, cũng gọi là nhân quả, cũng gọi là phiền não, cũng gọi là giải thoát, cũng gọi là Thập nhị nhân duyên, cũng gọi là Thanh văn Bích-chi-phật, cũng gọi là địa ngục ngạ quỷ súc sanh người trời, cũng gọi là quá khứ, hiện tại, vị lai. Đó gọi là một nghĩa nói vô lượng danh. Này thiện nam! Như Lai Thế Tôn vì các chúng sanh nên trong rộng nói lược, trong lược nói rộng, Đệ nhất nghĩa đế nói là Thế tục đế, nói pháp. Thế tục đế làm Đệ nhất nghĩa đế. Thế nào gọi là trong rộng nói lược? Như bảo các Tỳ-kheo, nay ta tuyên nói Thập nhị nhân duyên. Thế nào gọi là Thập nhị nhân duyên? Đó gọi là nhân quả. Thế nào gọi là trong lược nói rộng? Như bảo các Tỳ-kheo, nay ta tuyên nói khổ, tập, diệt, đạo. Khổ: Điều gọi là vô lượng các khổ. Tập: Điều gọi là vô lượng phiền não. Diệt: Điều gọi là vô lượng giải thoát. Đạo: Điều gọi là vô lượng phương tiện. Thế nào gọi là ở Đệ nhất nghĩa đế nói làm Thế tục đế? Như bảo các Tỳ-kheo, nay thân ta đây có các thứ già bịnh chết. Thế nào gọi là nói Thế tục đế làm Đệ nhất nghĩa đế? Như bảo Kiều Trần Như, ông đắc pháp nên gọi là A-nhã Kiều-trần-như. Cho nên tùy người tùy ý tùy thời, nên gọi là Như Lai biết các căn lực. Này thiện nam! Nếu ta ở ngay các nghĩa v.v... như vậy làm cố định nói, thì chẳng được xưng ta là Như Lai đủ biết căn lực. Này thiện nam! Người có trí, phải biết sức mang vác của hương tượng thì lừa chẳng thể hơn nổi, sở hành của tất cả chúng sanh có vô lượng, cho nên Như Lai vì các thứ mà nói vô lượng pháp. Tại sao? Chúng sanh có nhiều thứ phiền não, nếu như Như Lai chỉ nói một hạnh thì chẳng gọi là Như Lai đầy đủ thành tựu. Biết các căn lực nên biết pháp vốn không tên, nhân tâm mà kiến lập. Do đó, Đại Thánh tùy thuận Thế tục đế, quanh co theo cơ nghi, rộng lược chẳng đồng, một nhiều không nhất định. Đem có nói gồm về không nói, dùng có danh dẫn vào không danh, cứu cánh

đều khiến đến nơi địa vị của bản tâm tịch diệt. Nên trong kinh nói: “Phật bảo: Xá-lợi-phất! Ông phải cẩn thận chớ vì người lợi căn rộng nói pháp ngữ, vì người độn căn mà lược nói pháp vậy”. Lại, sanh nhân thể lập, thể theo danh sanh. Thể không mà danh không chỗ thi thiết, danh hư mà thể không chỗ khởi. Danh thể qua lại vắng lặng, muôn pháp không sanh, chỉ một chân tâm, lại không sở hữu. Trong Vĩnh Gia Tập nói: “Do vì thể chẳng phải danh mà chẳng biện giải, danh chẳng phải thể mà chẳng khái niệm. Nói thể, hẳn mượn ở danh đó, nói danh hẳn gá ở thể đó”. Nay, ngoài thể đặt bày danh, đây chỉ là danh, đó thật không thể vậy. Đâu có thể xứng với danh đó ư? Thí như, thỏ không sừng mà đặt bày danh. Đây thì gọi đó không sừng, đâu có sừng xứng với danh đó ư? Không thể mà thiết bày danh, thì gọi là không thật danh vậy. Danh không thật danh, thì sở danh không sở danh, sở danh đã không thì năng danh chẳng có vậy. Tại sao? Thiết bày danh, vốn để gọi thể đó, không thể thì lấy gì xứng với danh đó? Nói thể, vốn để xứng với danh đó, không danh thì lấy gì xứng với thể đó.Xứng không xứng mà chẳng phải thể, danh không danh mà chẳng phải danh. Đây thì đâu riêng thể mà nguyên hư cũng là danh mà vốn tịch vậy. Nhưng mà không thể xứng danh, nguyên do như vậy. Có xứng của danh do đâu nói làm? Phàm, thể chẳng tự danh, mượn danh khác mà gọi là ngã thể. Danh chẳng phải tự đặt bày, gá thể khác để đặt bày ngã danh. Nếu thể chưa thành hình thì danh do đâu mà gọi? Nếu danh chưa đặt bày thì thể do đâu để tỏ sáng? Nhưng mà rõ ràng thể tuy mượn ở danh đó, chẳng làm chẳng danh mà không thể vậy. Đặt bày danh cốt yếu nhân nơi thể đó, không thể thì danh đó vốn không. Như vậy thì thể chẳng danh sanh, danh sanh ở thể vậy”. Nay thể ở trước danh, danh theo sau thể để biện giải. Như vậy thì thiết bày danh để gọi thể đó. Nên biết, thể là nguyên của danh vậy, thì sở do duyên khởi của danh ở thể. Giềng mối của thể do nhân nào y cứ? Phàm, thể không hình ngã, gá duyên tụ hội mà thành thể, duyên chẳng phải ngã tụ hội, nhân tụ hội thể mà thành duyên. Nếu thể chưa thành hình thì duyên do đâu hội? Nếu duyên chưa hội thì thể do đâu thành hình? Thể hình thì duyên hội mà hình, duyên hội thì thể hình mà hội. Thể hình mà hội, thì rõ ràng hình không riêng biệt hội. Hình không riêng biệt hội thì hội vốn không vậy. Duyên hội mà hình thì rõ ràng hội không riêng biệt hình. Hội không riêng biệt hình tức hình vốn không vậy. Do đó, muôn pháp theo duyên không tự thể. Thể mà không tự nên gọi là tánh không. Tánh đó đã không, tuy duyên hội mà chẳng phải có. Duyên đó đã hội, tuy tánh không mà chẳng không, do vì có duyên hội.

Có mà chẳng phải có, không của tánh không, không mà chẳng không. Tại sao? Hội thì tánh không, nên nói chẳng phải có. Không thì duyên hội, nên nói chẳng phải không. Nay nói chẳng có chẳng không là chẳng phải là lìa có mà riêng có một không vậy, cũng chẳng phải lìa không mà riêng có một có vậy. Như vậy thì rõ ràng pháp chẳng phải có và không, vì chẳng phải có chẳng phải không mà gọi vậy, chẳng là chẳng phải có chẳng phải không. Đã chẳng phải có và không, lại chẳng phải chẳng phải có, chẳng phải chẳng phải không. Như vậy thì nào riêng tuyệt đường ngôn ngữ, cũng là chỗ tâm hành diệt vậy. Như vậy thì danh và thể đã không, nói năng và tư duy tự tuyệt, có thể gọi là muôn cơ sạch vết riêng sáng chân tâm vậy.

Hỏi: Duy tâm diệu chỉ, tất cả đều không có danh tự. Như hiệu của chúng sanh là giả đặt vậy. Vậy danh của chư Phật há cũng hư dối kiến lập ư?

Đáp: Nhân phàm lập Thánh, Thánh vốn không sanh, theo tục hiển bày chân, chân vốn chẳng lập, đều y cứ theo văn tự thế tục đối đãi mà sanh. Văn tự lại không, không cũng không nương gá. Nếu là bậc thượng có Đại sĩ, sao gá danh tướng mà phát dương? Đối cảnh mà niệm niệm biết tông, gặp duyên mà tâm tâm khế đạo. Như luận Đại Trí Độ nói: "Như trong kinh nói cả nước của Phật Sư Tử Lôi Âm cây báu trang nghiêm. Cây đó thường xuất sanh vô lượng pháp âm. Điều gọi là tất cả pháp rốt ráo là không, không sanh không diệt v.v.... Nhân dân nước đó vừa sanh ra bèn nghe pháp âm đó, nên chẳng khởi tâm ác, đắc Vô sanh pháp nhẫn, đang lúc như thế thì xứ nào có danh tự Tam bảo? Chỉ rõ yếu chỉ của Vô sanh, tự nhiên một thể, Tam bảo thường hiện ở thế gian, nếu chấp thủ danh của sai biệt tức mất lý chân thường, chỉ rõ tất cả các pháp không tự tánh, thì tất cả mọi nơi Phật xuất hiện ở đời, không một pháp nào mà chẳng phải tông". Như các bậc Tiên đức nói: Phật xuất hiện nơi đời, nay Như Lai xuất hiện, toàn vì trần không tánh, pháp giới duyên khởi Bồ-đề Niết-bàn dùng làm pháp thân Như Lai vậy. Thân này thông cả ba thế gian, cho nên ở nơi tất cả cõi nước, tất cả chúng sanh tất cả sự vật, tất cả duyên khởi, tất cả nghiệp báo, tất cả mảy trần sợi lông v.v... mỗi mỗi đều hiển hiện Bồ-đề Niết-bàn v.v... làm Phật xuất hiện nơi đời vậy. Nếu ở một xứ chẳng rõ biết tức chẳng thành Phật, cũng chẳng xuất hiện. Tại sao? Do không rõ biết xứ, bèn là vô minh, cho nên chẳng thành Phật, chẳng xuất hiện vậy". Do đó, chư Phật xuất hiện nơi đời biết cơ biết thời, cúi vì hàng hạ căn mà thị hiện kiếp sanh giảm, nắm tay không dẫn dụ, lá vàng kéo dậy, với hạng người thượng thượng cơ

thì chư Phật chẳng xuất hiện chẳng ẩn một. Nên trong kinh nói: "Có Phật không Phật, tánh tướng thường trú". Kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng:

"Như tâm chư Phật ấy,
Như Phật chúng sanh vậy,
Tâm Phật và chúng sanh,
Ba đó không sai biệt".

Chỉ là một pháp, danh khác lý đồng. Tại sao? Giác không y không trú tuyệt đối đãi đây, lúc tâm không động chẳng thể nghĩ bàn. Vào Sơ vị của Thập tín thì gọi là Bất động trí Phật. Bất giác tuyệt đối đãi đây, lúc chân tâm chẳng giữ tự tánh tùy duyên sai biệt thì gọi là Pháp thân, lưu chuyển trong năm đạo thì gọi là chúng sanh. Chỉ có danh của mê ngộ, chẳng lìa thể của nhất tâm, lại có pháp nào mà làm danh tự phàm Thánh làm sai biệt ư? Như kinh Văn-thù Bát-nhã nói: "Phật dạy: Phật pháp vô thượng ư? Văn-thù đáp: Không có một pháp như vi trần hứa gọi là Vô thượng". Lại trong kinh nói: "Như lúc Thế Tôn giảng nói pháp đây, không có Bồ-tát đắc Tam-muội đó và các Đà-la-ni, cũng lại không ngữ ngôn câu nghĩa của chư Phật kia nói, cho đến chẳng nói một câu văn tự, không người lắng nghe, không người được giải, không người thành Phật. Các pháp như vậy v.v... là lời nói thật, ở đời sau năm trăm năm, pháp môn kinh này hoằng dương xiển hóa nơi Diêm-phù-đề, lưu bố khắp hưng thạnh chẳng diệt mất là chân thật ngữ".

Hỏi: Đã muôn cơ sạch vết riêng tỏ sáng chân tâm. Cớ sao trong giáo nói đây là pháp phàm phu, đây là pháp Thánh nhân?

Đáp: Do vì tất cả các pháp là duyên sanh không tự tánh, chẳng được pháp phàm phu, chẳng được pháp Thánh nhân. Do vì không tánh duyên sanh, nên hoặc chân hoặc tục, chẳng cùng hỗn loạn. Như nói tất cả tức là một đều đồng không tánh, một tức là tất cả, nhân quả rõ ràng, tuy tức rõ ràng nhưng chẳng mất lý không tánh, tuy tức không tánh mà chẳng hoại đạo duyên sanh. Nhưng lại tuy chỉ rõ nhất tâm mà đối với các pháp mỗi mỗi đều rõ biết phân minh không lầm hoặc. Như kinh Hoa Nghiêm nói: "Bồ-tát Ma-ha-tát biết tất cả các pháp đều giải thoát một tánh, đó là không tánh, không các thứ tánh, không vô lượng tánh, không thể tính đếm tánh, không thể cân lường tánh, không sắc không tướng, hoặc một hoặc nhiều đều chẳng thể được, mà quyết định rõ biết. Đây là pháp chư Phật, đây là pháp Bồ-tát, đây là pháp Độc giác, đây là pháp Thanh văn, đây là pháp phàm phu, đây là pháp thiện, đây là pháp bất thiện, đây là pháp thế gian, đây là pháp xuất thế gian, đây là pháp

lỗi lầm, đây là pháp không lỗi lầm, đây là pháp Hữu lậu, đây là pháp Vô lậu. Cho đến đây là pháp Hữu vi, đây là pháp Vô vi. Đó là Đệ nhất như thật trú".

Hỏi: Pháp nhất tâm, vì sao có thể khắp cùng hàm chứa sanh ra đầy đủ tất cả các pháp?

Đáp: Phàm là tâm, là thần diệu vô phương, chí lý cao xa, ba khoảng cầu mà không được. Hai đế suy tìm mà chẳng biết, không tượng không danh, không thể đo lường sâu rộng đó, không nương không trú, không thể dùng quán sát chỉ vết đó, nhỏ vào trong không gián đoạn, không thể dùng nói nhỏ lớn đó bao gồm ngoài càn tượng, không thể dùng nói sâu đó. Chí đạo hư huyền, ai có thể khiến có, u linh chẳng rơi lạc, ai có thể khiến không, bèn phân pháp giới mà chẳng phải nhiều, tánh hợp nhân không mà chẳng phải một. Thể ngưng một đạo mà chẳng phải tỉnh, dụng khắp muôn vật mà chẳng phải nhọc, như châu như ý là thắng báu trên trời, tướng trạng chỉ như hạt cải hạt thóc mà có công năng lớn, tịnh diệu ngũ dục, bảy báu lâm lang, chẳng phải trong tích chứa, chẳng phải ngoài vào. Chẳng mưu tính trước sau, chẳng chọn lựa ít nhiều, chẳng làm thô diệu, xứng ý dồi dào, ít ỏi, tuôn mưa dầm dìa chẳng thêm chẳng hết, lợi tế không cùng bởi là sắc pháp, còn có thể như vậy, huống gì tâm thần linh diệu, sao chẳng đủ tất cả pháp ư? Nên trong kinh nói: "Phật bảo: Tất cả Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát đều cùng một Diệu đạo thanh tịnh đây, đều đồng một rốt ráo thanh tịnh đây, lại không có thứ hai. Ta y cứ đây, nên mật ý nói năng, chỉ có một thừa. Cho đến thí như hư không, khắp tất cả xứ đều đồng một vị, chẳng chướng ngại tất cả các sự nghiệp làm ra". Như vậy, Đức Thế Tôn y cứ các pháp đây đều không tự tánh đều đồng một vị, chẳng chướng ngại tất cả Thanh văn, Duyên giác và các Đại sĩ trong sự nghiệp tu hành. Như Hàn Sơn Tử có lời thơ rằng:

"Nhà tôi ở đây hiệu Hàn Sơn,
Núi cao dừng nghỉ lìa náo phiền.
Sạch thời muôn tượng không tỳ vết,
Buông tức khắp tràn cả Đại thiên.
Bóng sáng phát tỏa chiếu tâm địa,
Không có một pháp đang hiện tiền.
Mới biết ma-ni một viên báu,
Diệu dụng không cùng chốn chốn viên".

Hoàng Nguyên quán nói: "Định quang hiển hiện không niệm Quán, nghĩa là trong giáo Nhất thừa lưới báu sáng sạch, châu báu của muôn chữ luân vương. Châu đây thể tánh sáng suốt mười phương đều

chiếu. Vô tư thành sự niệm là đều từ tuy hiện kỳ công mà tâm không niệm lự. Nếu người vào trong môn Chỉ quán đại diệu đây, không nghĩ ngợi, mặc tình hành sự, như châu báu kia xa gần đều chiếu, rành rẽ hiển hiện, suốt cả hư không. Chẳng làm hàng ngoại đạo Nhị thừa, chỗ bị ngăn che bởi mưa bụi khói mây". Thanh Lương sớ nói: "Như một nhật cung ngàn ánh sáng đều chiếu, tùy cử một pháp có vô lượng môn, nhưng có hai nghĩa: Một là nói về tướng loại, như một môn vô thường, có sanh già bệnh chết, tụ tan hợp lìa, được mất thành hoại, ba tai bốn tướng, vật ngoài thân trong, sát-na một kỳ, sanh diệt chuyển biến nhiễm tịnh ẩn hiền, đều là môn vô thường, ngoài ra cũng đều như vậy; hai là căn cứ tánh dung thông không thể cùng tận, nghĩa là pháp tánh vắng lặng tuy không các tướng, tướng của vô tướng chẳng ngại dấy nhiều, do vì y cứ thể mà hiện khắp, như ánh nguyệt vào trăm sông, tầm vần nguyệt của ảnh bóng, thể vầng nguyệt chẳng phân, tức dụng của thể. Dụng đầy khắp pháp giới. Thể dụng tương giao suốt triệt nên chẳng nghĩ bàn". Trong Phụ Hạnh Ký nói: "Hỏi: "Một tâm đã đủ nhân quả mười pháp giới, vậy chỉ quán ở tâm, sao phải quán đủ?" Đáp: "Một nhà Quán môn trọn khác các thuyết, gồm thâu tất cả mười phương ba đời hoặc phàm hoặc Thánh tất cả nhân quả. Do vì quán đầy đủ, đầy đủ tức là giả, giả tức là trong không. Lý tánh tuy đầy đủ, nếu chẳng quán đó, chỉ nói quán tâm thì chẳng xứng lý. Tiểu thừa sao thường chẳng quán tâm ư? Chỉ mê một tâm đủ các pháp vậy". Hỏi: "Nếu chẳng quán đủ là thuộc giáo nào?" Đáp: "Giáo đạo của Biệt giáo, từ sơ phát tâm lại, chỉ nói thứ lớp sanh ở mười giới. Đoạn cũng thứ lớp, nên chẳng quán đủ. Hoặc vâng theo Thông giáo, tức không chỉ lý. Hoặc vâng theo Tam Tạng, tịch diệt chân không. Các người như thế v.v... nào phải quán đủ. Tại sao? Tạng giáo Thông giáo chỉ nói tâm sanh sáu cõi, quán có khéo vụng, tức lìa chẳng đồng, cho nên hai giáo ấy chẳng phải quán đủ, còn chẳng biết đủ, huống là biết trong không. Nếu chẳng như vậy, sao gọi là phát tâm rốt cùng hai chẳng khác biệt? Thành Chánh giác rồi sao có thể hiện thân và độ ở mười cõi? Lại nữa, người học giả sử biết trong tâm có đủ ba ngàn pháp, chẳng biết ta biến khắp ba ngàn ấy. Ba ngàn ấy qua lại cùng biến cũng vậy. Giả sử thuận theo phàm tình sanh kiến của nội ngoại, nên chiếu lý thể, vốn không bốn tánh. Tâm, Phật, chúng sanh cả ba không sai biệt, người hay biết đây, thức tâm mơ màng. Luận Hoa Nghiêm nói: "Dùng ấn của Nhất tâm đại trí, ấn ba đời vô thủy, gồm chỉ tại một thời, vô biên các pháp, trí ấn đều khắp, do vì trí ngang bằng chư pháp, trí ngang bằng tâm chúng sanh, trí ngang bằng các pháp, trí không

có trung biên trong ngoài ba đời, dài ngắn gần xa. Vì trí quá lượng của hư không, như thế tục thì với hư không không chỗ rõ biết, như vô phân biệt trí với hư không chỉ trong một niệm mà hay phân biệt các pháp môn quá hơn hư không". Cho nên trong kinh có bài tụng rằng: "Hết thảy hư không còn lường được, pháp chư Phật giảng không thể nói". Lại có kệ tụng rằng:

"Phổ quang minh trí bằng hư không,
Hư không chỉ không trí tự tại".

Do đó trong kinh Vô Lượng Nghĩa nói: "Vô lượng nghĩa là từ một pháp sanh, tức biết một pháp năng sanh vô lượng nghĩa. Nói là Nhất tâm, tức mỗi mỗi pháp đều sanh vô lượng nghĩa, vì tâm trùm khắp tất cả pháp, vì mỗi mỗi pháp không gì chẳng là tâm. Lấy lược thay tổng, nên biết được tâm bao hàm muôn pháp, trải qua tất cả giáo, hoặc cảnh hoặc trí, hoặc người hoặc pháp, tùy các sự giải thích mỗi mỗi hướng tâm làm quán, quán tuệ trọn thành như biển nuốt các dòng nước, tợ như củi thêm lửa. Vì chẳng thể thâm đạt nên làm biến làm tiểu vì chẳng thể chắc thật quán nên trú có trú không. Do vậy, Thanh văn thấy việc lớn đó, tự khinh mình không kham, hoặc gào khóc mà tiếng vang động cả Đại thiên, hoặc nói đồng cùng trong một pháp mà chẳng được việc này. Nếu Bồ-tát nghe diệu chỉ đây, sám hối lỗi quấy trước, hoặc nói từ biếng lười kiếp đến nay bị trôi nổi theo dòng vô ngã. Hoặc nói chúng ta quy hướng trước đây đều là người tà kiến. Những điều mất như trên, đều vì chẳng thấu đạt tự tâm rộng lớn viên dung, có thể bao hàm, có thể trùm khắp, cớ sao có thể bao hàm có thể trùm khắp? Do vì vô tướng vậy. Như thái hư không hình tướng, chẳng chống ngại các tướng phát huy, có khả năng bao hàm tất cả các cõi nước dơ sạch khắp mười phương. Do đó, người xưa nói: Phàm muôn hóa chẳng phải không tông, mà tông đó là vô tướng. Hư tướng chẳng phải không khế hợp, mà khế hợp đó là vô tâm. Trong ngoài đều ngầm, duyên trí đều lắng. Cho nên, nếu hay thấu rõ đạo như vậy, ngàn muôn tương ưng, có thể gọi là người đệ tử Phật chân thật trong chánh pháp, nếu trái với yếu chỉ đây, vọng khởi có tâm, thảy đều rơi lạc vào tà, tu chẳng vào tông kính. Như Cổ đức quở trách rằng: "Chỉ làm không tâm học không học. Cũng lại chánh tu ở không tu, nếu người không biết nói như vậy, chẳng được xưng là Tỳ-kheo". Hòa thượng Động Sơn nói: "Nhà tôi vốn ở tại phương nào, đường chim không người đến quê hương. Ông nếu xuất gia làm Thích tử, nên đi đường này muôn tương đương". Sở dĩ Đại sư Sơ Tổ nói: "Nếu tất cả nói làm tức không nói làm, không pháp làm tức là thấy Phật, nếu lui thấy

tướng thì tất cả nơi thấy quỷ”. Tại sao? Nếu lúc làm không người làm không pháp làm, tức người pháp đều không, giác ngộ được đó tức thanh Phật, nếu mê mờ nghiệp pháp làm thì huyễn tướng hiện tiền. Nên trong kinh nói: “Phàm có hình tướng, đều là hư vọng”. Như điều thấy của bệnh nhiệt, há chẳng phải là quỷ ư? Do đó, Cổ đức nói: “Muôn pháp rộng lớn, một tông vô tướng”. Lại nói: “Niệm đủ một vạn tám ngàn biến, mỗi mỗi biến vào nơi định vô tướng”. Cũng nói là: Đạo tràng vô tướng, pháp môn vô tướng v.v... Vì vậy, nếu viên dung tông kính mà phát thật là tâm lực rất tỉnh giác, kinh Hoa Nghiêm nói: “Dùng chút ít phương tiện, nhanh chứng Bồ-đề”. Các bậc Cổ đức nói: “Học tuy chẳng nhiều mà có thể ngang bằng Thượng Hiền” tức ý đây vậy.

Lại nữa, Nhất tâm đây đều nhân lý sự vô ngại, được có hàm chứa khắp cùng như vậy. Như Lý Sự Vô Ngại Quán nói: “Chỉ lý sự hòa chứa thì còn mất thuận nghịch thông có mười môn: Một là môn lý biến ở sự, nghĩa là lý năng biến, tánh không phân hạn, sự ở biến phân vị sai biệt, trong mỗi mỗi sự, lý đều toàn biến, chẳng phải phân biến. Tại sao? Vì chân lý ấy không thể phân, cho nên mỗi một mảy trần đều gồm vô biên chân lý không gì chẳng tròn đủ; Hai là, môn sự ở lý: Nghĩa là sự năng biên là có phân hạn, lý sở biến là không phân hạn, sự có phân hạn này ở nơi lý không phân hạn toàn đồng chẳng phải phân đồng. Tại sao? Vì sự không thể trở lại như lý, cho nên một mảy trần chẳng hoại mà biến khắp pháp giới vậy. Như một mảy trần, tất cả pháp cũng vậy, nên tư duy đó. Lại, một lý tánh không chỉ không phân nên tại tất cả xứ mà toàn thể tại ở trong một. Hai chẳng chỉ phân nên thường tại trong một mà toàn tại tất cả xứ. Một sự pháp chẳng chỉ phân nên thường tại đây mà luôn tại phương khác. Hai chẳng chỉ không phân nên biến tất cả xứ mà chẳng dời bản vị. Lại, một do lý tánh chẳng chỉ không phân nên chẳng chỉ ngoài một sự. Hai chẳng chỉ phân nên chẳng tại trong một sự. Pháp một sự chẳng chỉ phân nên thường tại xứ này mà không tại, hai chẳng chỉ không phân nên thường tại xứ khác mà không tại. Cho nên không tại không chẳng tại mà tại đây tại kia không chướng ngại vậy. Đây là toàn biến môn, vượt tình lìa kiến, chẳng phải thế gian dụ được tình huống, như toàn một biển lớn tại trong một sóng mà sóng chẳng phải nhỏ, như một sóng nhỏ vây quanh biển lớn mà sóng chẳng phải lớn, đồng thời toàn biến ở các sóng mà biển chẳng phải khác và cùng thời mỗi mỗi vây quanh biển lớn mà sóng chẳng phải một. Lại lúc biển lớn toàn biến một sóng chẳng phòng ngại khắp thể toàn biến các sóng, lúc một sóng toàn vây quanh nơi biển lớn, các sóng cung mỗi mỗi toàn vây quanh,

qua lại chẳng cùng ngại nhau, tư duy đó. Giải thích rằng: Lấy biển làm chân như, lấy sóng làm sự, thí dụ sự lý tương biến mà chẳng phải một hay khác, thì biển ở nơi sóng mà chẳng nhỏ, đồng tánh ẩm ướt mà rộng lớn không sai, sóng vây quanh biển mà chẳng phải lớn chẳng hoại tướng mà một và nhiều toàn vây quanh. Hỏi: Lý đã toàn biến ở một trần, cớ sao chẳng phải nhỏ? Đã chẳng đồng trần mà nhỏ, sao được nói toàn thể biến một trần, một trần toàn vây quanh ở lý tánh, cớ sao chẳng phải lớn? Nếu chẳng đồng lý mà rộng lớn, sao được toàn biến ở lý tánh. Vậy, đã thành mâu thuẫn, nghĩa rất chống trái. Đáp: Lý sự cùng trông nhau mỗi mỗi chẳng phải một hay khác, nên toàn châu mà chẳng hoại bản. Trước, lý trông sự, nó có bốn câu: Một là, chân như cùng sự chẳng phải khác, chân lý toàn thể tại trụ trì sự; Hai là, chân lý cùng sự chẳng phải một, thể tánh chân lý luôn không biên tế; Ba là, vì chẳng phải một tức chẳng phải khác, lý tánh vô biên, toàn tại một trần; Bốn là, vì chẳng phải khác tức chẳng phải một, lý tánh một trần không có phân hạn. Tiếp theo sự trông lý cũng có bốn câu: Một là, sự pháp cùng lý chẳng phải khác nên toàn vây quanh ở lý tánh; Hai là, sự pháp cùng lý chẳng phải một nên chẳng hoại ở một trần; Ba là, vì chẳng phải một tức chẳng phải khác nên một trần nhỏ vây quanh ở vô biên lý tánh; Bốn là, vì chẳng phải khác tức chẳng phải một nên một trần vây quanh vô biên lý tánh mà trần chẳng lớn. Nên tư duy đó. Hỏi: Lúc vô biên lý tánh toàn biến một trần thì ở ngoài các sự có lý tánh hay là không lý tánh? Nếu ngoài trần có lý thì chẳng phải toàn thể biến một trần. Nếu ngoài trần không lý thì chẳng phải toàn biến tất cả sự. Nghĩa rất chống trái. Đáp: Vì một lý tánh dung thông nhiều sự không ngại, được toàn tại trong mà toàn tại ngoài không chướng không ngại, mỗi mỗi có bốn câu. Trước tiên, ở lý có bốn câu: Một là, vì lý tánh toàn thể lúc tại trong tất cả sự, chẳng ngại toàn thể tại nơi một trần, cho nên tại ngoài thì tại trong; Hai là, lúc toàn thể tại trong một trần, chẳng ngại toàn thể tại nơi các sự khác, cho nên tại trong thì tại ngoài; Ba là, vì tánh không hai, lúc mỗi mỗi toàn tại trong tất cả, cho nên cũng tại trong cũng tại ngoài; Bốn là, vì tánh không hai, chẳng phải tất cả, cho nên chẳng phải trong chẳng phải ngoài. Ba câu trước nói rõ cùng tất cả pháp chẳng phải khác, còn một câu cuối đây nói rõ cùng tất cả pháp chẳng phải một. Do vì chẳng phải một chẳng phải khác nên trong ngoài không ngại. Tiếp theo, ở sự có bốn câu: Một là, một trần lúc toàn vây quanh ở lý chẳng ngại tất cả sự, pháp cũng toàn vây quanh, cho nên tại trong tức tại ngoài; Hai là, tất cả pháp lúc mỗi mỗi vây quanh lý tánh, chẳng ngại một trần cũng toàn vây

quanh. Cho nên tại ngoài thì tại trong; Ba là, vì các pháp đồng lúc mỗi mỗi vây quanh cho nên toàn trong cũng toàn ngoài. Không có chướng ngại; Bốn là, vì các sự pháp mỗi mỗi chẳng hoại, kia đây cùng trông, chẳng phải trong cúng dường ngoài. Nên tư duy đó. Giải thích rằng: Vì lý tại một làm trong, tại nhiều làm ngoài. Sự cũng vì một làm trong, vì nhiều làm ngoài. Cớ sao như vậy? Một nhiều trong ngoài cùng biến cùng tại mà không chướng ngại, chỉ là một tâm viên dung, gá nơi lý sự để làm sáng tỏ đó. Vì thể tịch biên, đặt gọi đó là lý, vì sự cần biên, đặt gọi đó là sự. Vì lý là tánh của tâm, vì sự là tướng của tâm. Tánh tướng đều cùng tâm, do đó tất cả không ngại. Như sự không phân hạn sai biệt trên, chỉ vì một lý tánh nung đúc dung thông, tự nhiên lớn nhỏ cùng hợp, một nhiều đi vào nhau như vàng đúc tượng mười pháp giới, nếu tiêu dung thì không khác tướng, nếu hòa dung thì chỉ là một vùng, dùng lý tánh làm lò lớn nấu chảy muôn sự làm dáng lớn thì tiêu hòa muôn pháp đồng hội nhất chân; Ba là, môn y lý thành sự, nghĩa là sự không thể riêng biệt, cốt yếu nhân chân lý mà được thành lập. Vì các duyên khởi đều không tự tánh, do vì không tánh, lý sự mới thành như sóng cần nhân ở nước mới có thể thành lập, y cứ Như Lai tạng mà được có các pháp, phải biết cũng vậy. Tư duy đó; Bốn là, môn sự năng hiển lý, nghĩa là so dự quậy lý thì sự hư mà lý thật, vì sự hư nên lý của trong toàn sự nổi trội lộ bày, như tướng sóng là hư khiến thể nước lộ bày, phải biết đạo lý trong đây cũng vậy, nên tư duy đó; Năm là, môn dùng lý đoạt sự, nghĩa là sự đã quậy lý thành, bèn khiến tướng sự đều hết chỉ một chân lý bình đẳng hiển hiện, vì lìa ngoài chân lý không chút sự có thể được, như nước đoạt sóng, không sóng chẳng hết. Đây thì nước còn ở đã hoại sóng khiến hết; Sáu là, môn sự năng ẩn lý, nghĩa là chân lý tùy duyên mà thành các sự pháp, nhưng sự pháp đây đã vây quanh ở lý, bèn khiến sự hiển lý chẳng hiện vậy, như nước thành sóng, động hiển mà tĩnh ẩn. Trong kinh nói: "Pháp thân lưu chuyển trong năm đường, gọi là chúng sanh". Nên khiến lúc chúng sanh hiện tức pháp thân chẳng hiện vậy; Bảy là, môn chân lý tức sự, nghĩa là phàm là chân lý hẳn chẳng phải ngoài sự, vì pháp đó là lý vô ngã, nên sự hẳn y lý. Vì sự hư không thể cho nên lý đây khắp thể đều sự, mới là chân lý, như nước tức sóng động mà chẳng ẩm ướt; Tám là, môn sự pháp tức lý, nghĩa là duyên khởi sự pháp hẳn không tự tánh vì khắp thể tức chân, nói chúng sanh tức như chẳng đợi diệt vậy. Như tướng sóng động khắp, thể nước không khác vậy; Chín là, môn chân lý chẳng phải sự, nghĩa là lý của tức sự mà chẳng phải là sự, vì chân vọng khác nhau, thật chẳng phải hư, sở y chẳng phải năng y, như

nước của tức sóng chẳng phải sóng, vì động và ẩm ướt khác nhau vậy. Mười là, môn sự pháp chẳng phải lý, nghĩa là sự của toàn lý, sự luôn chẳng phải lý, nghĩa là sự của toàn lý, sự luôn chẳng phải lý, vì tánh tướng khác nhau, năng y chẳng phải sở y, cho nên khắp thể toàn lý mà sự tướng rõ ràng, như sóng của toàn nước. Sóng luôn chẳng phải nước, vì nghĩa động chẳng phải ẩm ướt. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Như sắc cùng chẳng phải sắc, hai đây chẳng làm một". Lại nói: "Sanh tử và Niết-bàn, phân biệt mỗi chẳng đồng". Giải thích rằng: Lý sự thuận nghịch tự tại là sự lý cùng trông nhau, mỗi mỗi có bốn nghĩa, trong bốn nghĩa đều hai nghĩa nghịch hai nghĩa thuận. Nghĩa là y lý thành sự, chân lý tức sự thuận vậy. Vì lý chẳng phải sự nghịch vậy. Sự năng hiển lý. Sự pháp tức lý thuận vậy. Sự năng ẩn lý, sự pháp chẳng phải lý nghịch vậy, muốn thành tức thành muốn hoại tức hoại, nên nói là tự tại. Thành chẳng ngại hoại, hoại chẳng ngại thành. Hiển chẳng ngại ẩn, ẩn chẳng ngại hiển, nên nói là vô ngại, chánh lúc thành tức hoại v.v... nên nói là đồng thời. Năm đối đều không tức trước, nên nói là chóng khởi. Lại, bốn đối trên vì sao ước lý trông sự, luôn nói thành v.v... chẳng hiển v.v... ước sự trông lý luôn nói hiển v.v... chẳng nói thành v.v... rất có nguyên do. Cớ sao sự theo lý sanh, có thể hứa nói là thành lý chẳng phải mới có, luôn có thể nói hiển. Sự thành hẳn diệt, nên được nói là hoại. Chân lý thường trú nên luôn nói là ẩn. Đó tức đó cùng một, lìa đó cùng khác, đại chỉ thì đồng mà nhỏ nhiệm rõ ràng cũng khác. Lý không hình tướng, chỉ có thể tức sự mà sự có muôn sai, nên nói cùng lý ngầm một, lý tuyệt các tướng, nên nói lìa sự, sự có sai khác nên nói là khác lý. Trên là nói theo nghĩa riêng có đây chẳng đồng, nếu gồm thâu, nên thành nghĩa của năm đối không ngại: Một là đối tướng biến; Hai là đối tướng thành; Ba là đối tướng hoại; Bốn là đối tức tướng; Năm là đối bất tức. Trong năm đối đó bốn đối trước nói rõ sự lý chẳng lìa, một đối sau nói rõ sự lý bất tức. Lại trong năm đối đó cộng có ba nghĩa, một đối thành hiển là nghĩa sự lý tác động lẫn nhau; hai đối ẩn hiển và bất tức là nghĩa sự lý tương vi (trái nhau). Hai đối biến đổi lẫn nhau và cả hai là nhau là nghĩa sự lý chẳng ngăn ngại nhau. Lại do thứ hai tương tác nên có thứ tư cả hai là nhau, do tương tức nên biến đổi nhau. Do có thứ ba trái nhau nên có thứ năm bất tức. Lại nếu không bất tức không thể biến đổi nhau, nên nói chân không diệu hữu, mỗi mỗi có bốn nghĩa. Căn cứ lý nhìn sự tức chân không bốn nghĩa: Một là nghĩa phế (bỏ) kỷ (mình) thành tha (kẻ khác) tức môn y lý thành sự; Hai là nghĩa hết tha hiển kỷ, tức là môn chân lý đoạt sự; Ba là nghĩa tự tha đều còn, tức là

môn chân lý chẳng phải sự; Bốn là nghĩa tự tha đều hết, tức là môn chân lý tức sự, do vì tức đó mà qua lại hết vậy. Lại, thứ nhất và ba môn tức lý biến sự, do vì tự tại, khắp thể thành tha nên biến tha vậy. Tiếp theo, căn cứ sự trông lý tức bốn nghĩa diệu hữu: Một là, hiển tha tự hết, tức môn sự năng hiển lý; Hai là, nghĩa tự hiển ẩn tha tức là môn sự năng ẩn lý; Ba là, nghĩa tự tha đều còn tức là môn sự pháp chẳng phải lý; Bốn là, nghĩa tự tha đều sạch tức là môn sự pháp tức lý. Lại, thứ nhất và ba tức là môn sự biến ở lý, do vì tự tại mà hay hiển tha nên biến tha vậy. Nên nói căn cứ không có còn mất vô ngại, chân không ẩn hiển tự tại sự lý, nung nấu dung thông; tức nung nấu là nấu chảy để đúc nghĩa là mới đầu nghĩa tiêu. Dung thông là hòa, nghĩa là cuối cùng nghĩa thành. Dùng lý nung nấu sự, sự cùng lý dung thông. Quán đó ở tâm tức gọi là quán đây, quán sự ngay tục, quán lý ngay chân. Nay quán lý sự vô ngại, Trung đạo đệ nhất nghĩa quán tự nhiên bi trí cùng dẫn thành không trú hành. Lại, lý sự mười môn gần phân năm đối: Một là sự lý biến đổi nhau; Hai là lý sự tương thành; Ba là sự lý hại nhau; Bốn là sự lý cả hai là nhau; là sự lý cả hai chẳng phải. Lý tức tánh không, chân lý một tướng không tướng. Sự tức nhiễm tịnh, tâm cảnh qua lại làm duyên khởi. Lúc khởi diệt hân tướng mạo đây kia, không thể nêu bày đầy đủ. Hai môn biến đổi lẫn nhau là toàn biến toàn đồng, vì lý chẳng thể phân. Kinh Hoa Nghiêm có bài tụng rằng: “Pháp tánh biến tại tất cả xứ, hết thảy chúng sanh và cõi nước, ba đời đều tại không có thừa, cũng không hình tướng mà khả đắc”. Ba câu trước tức toàn biến, một câu cuối tức không thể phân. Hai môn thành tựu nhau nương lý. Thành sự thì như nhân nước thành sóng, tợ như y không lập sắc, chân như chẳng giữ tự tánh, hay tùy muôn duyên. Sự hay hiển lý, thì như ảnh tướng phô bày nơi gương sáng, thức trí phô bày bản tánh. Trong kinh Hoa Nghiêm có bài tụng là:

“Rõ biết tất cả pháp,
Tự tánh không chỗ có,
Hiểu các pháp như vậy,
Tức thấy Lô-xá-na”.

Hai môn hại nhau, vì lý đoạt sự, như nước đoạt sóng. Sự hay ẩn lý tợ khói và lửa. Hai môn tức là nhau chân lý, tức sự như nước chẳng lìa băng, nếu chỉ là không vượt ở ngoài sự thì sự bất tức nay tức pháp làm nghĩa vô ngã. Lìa sự nào có lý ư? Sự pháp tức lý thì duyên khởi không tánh, tất cả chúng sanh cũng như vậy. Hai môn tương phi, năng sở có khác, chân vọng chẳng đồng, thì ở giải thường tự một, ở đế thường tự

hai. Cả hai là nhau thì chẳng phải hai, cả hai chẳng phải thì chẳng phải một. Chẳng phải một nên chẳng hoại tục đế, chẳng phải hai nên chẳng ẩn chân đế. Lý chân đế tánh không đây không mà chẳng không, sự tục đế huyễn có đây có mà chẳng có. Có của chẳng có, có chẳng ngại không, không của chẳng không, không chẳng tuyệt có. Đây kia không gá đắp đổi hỗ tương cùng thành. Nếu trong tâm quyết định một pháp là có tức rơi lạc ở thường, nếu ngoài tâm chấp pháp là không tức chìm đắm ở đoạn đều thành lưới kiến, chẳng vào viên tông. Như trên viên dung ước lý sự vô ngại đã xong.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 13

Phàm, trước đã nói rõ Nhất tâm lý sự vô ngại, nay nói về sự sự vô ngại ở trong quán biến khắp hàm chứa. Như lời tựa Pháp giới quán nói: "Giả sử quán lý tùy sự của toàn sự mà mỗi mỗi có thể thấy. Sự tùy lý của toàn lý mà mỗi mỗi có thể dung, sau đó, một nhiều không ngại, lớn nhỏ đều bao hàm thì hay hành xử ẩn hiển thần dụng chẳng thể lường vậy. Cho đến muốn khiến người học ngầm cảnh đây ở tự tâm, tâm tuệ đã tỏ sáng, tự thấy nghĩa của vô tận. Quán biến khắp hàm chứa đây cũng đủ mười môn: Một là, môn lý như sự: Nghĩa là sự pháp đã rỗng, tướng không gì chẳng hết, lý tánh chân thật, thể không gì chẳng hiện. Đây thì sự không riêng biệt sự, tức toàn lý làm sự. Cho nên Bồ-tát tuy lại nhìn sự tức là quán lý, nhưng nói sự đây là lý bất tức". Giải thích rằng: Do chân lý đây toàn là sự, như sự hiển hiện, như sự sai biệt, lớn nhỏ một chiều biến đổi vô lượng. Lại, chân lý đây tức cùng tất cả sự của ngàn sai muôn khác, đồng thời rõ ràng hiển hiện như cảnh sở đối của tai mắt, cũng như giới bình, cũng như vàng ròng lúc làm hình tượng của chư Phật Bồ-tát Tỳ-kheo và chúng sanh trong lục đạo cùng các tượng đồng một lúc hiển hiện, không ẩn mảy may, cũng không mảy may chẳng là tượng. Nay, lý tánh cũng vậy, không ẩn mảy may, cũng không mảy may chẳng sự. Chẳng đồng chân không, chỉ quán trong môn lý đoạt sự, chỉ là không lý hiện vậy. Nên Bồ-tát tuy lại nhìn sự tức là quán lý, nhưng nói sự đây là lý của bất tức, vì sự hư không thể mà chẳng hoại tướng. Do đó, quán chúng sanh thấy chư Phật, quán sanh tử thấy nước, vì sự của toàn lý thường luôn hiển hiện, do vì sự đã toàn lý nên chẳng tức lý, nếu ấy tức lý là chẳng toàn vậy. Như vàng đúc tượng mười pháp giới, mỗi mỗi tượng toàn thể là vàng, chẳng thể lại nói là tức vàng vậy; Hai là, môn sự như lý: Nghĩa là các sự pháp cùng lý vì chẳng phải khác, sự tùy lý mà viên biến, bèn khiến một mảy trần khắp biến pháp giới. Lúc toàn thể pháp giới biến khắp các pháp, một mảy trần đây cũng như lý tánh toàn tại trong một pháp, như một mảy trần, tất cả sự pháp cũng

vậy. Giải thích rằng: Mỗi mỗi sự đều như lý biến khắp rộng lớn, như lý triệt ở ba đời, như lý thường trú bản thiên, liệt bày tất cả chư Phật Bồ-tát Duyên giác Thanh văn và chúng sanh trong Lục đạo mỗi mỗi đều vậy. Cho đến một mảy trần một niệm tánh tướng tác dụng hạnh vị nhân quả không gì chẳng tròn đủ; Ba là, môn sự hàm lý sự, nghĩa là các sự pháp cùng lý vì chẳng phải một, còn gốc một sự mà làm rộng bao dung như một mảy trần. Tướng đó chẳng lớn mà hay gồm chứa vô biên pháp giới, như cõi nước v.v... Các pháp đã chẳng lìa pháp giới, đều hiện trong một mảy trần như một mảy trần, tất cả pháp cũng vậy. Lý sự dung thông đây chẳng phải một chẳng phải khác, gồm có bốn câu: một là một trong một; hai là một trong tất cả; ba là tất cả trong một; bốn là tất cả trong tất cả, mỗi mỗi đều có nguyên do, nên tư duy đó. Giải thích rằng: Một trong một tức, một trên là năng chứa, một dưới là sở chứa, một dưới là năng biến, một trên là sở biến. Ba câu còn lại mỗi mỗi theo lệ ấy mà biết; Bốn là, môn thông suốt, giới hạn vô ngại, nghĩa là sự và lý chẳng phải một tức chẳng phải khác, khiến sự pháp đây chẳng lìa một xứ tức toàn biến mười phương trong tất cả mảy trần. Chẳng phải khác tức chẳng phải một, toàn biến mười phương mà chẳng động một vị, tức xa tức gần, tức biến tức trú, không chướng không ngại; Năm là, môn rộng hẹp vô ngại, nghĩa là sự và lý chẳng phải một tức chẳng phải khác, chẳng hoại một mảy trần mà hay rộng chứa mười phương sát hải. Do chẳng phải khác tức chẳng phải một, rộng chứa mười phương pháp giới, mà mảy trần chẳng lớn. Vậy thì sự của một mảy trần tức rộng tức hẹp, tức lớn tức nhỏ, không chướng không ngại; Sáu là, môn khắp chứa vô ngại, nghĩa là một mảy trần đây trông ở tất cả. Do khắp biến tức là rộng dung nên biến tại trong tất cả thời tức trở lại hoàn nhiếp tất cả các pháp toàn trú tự trong. Lại do rộng dung tức là khắp biến, khiến một mảy trần đây trở lại thì biến tự trong tất cả pháp sai biệt. Cho nên mảy trần đây tự biến lúc khác tức. Tha biến tự, năng dung năng nhập đồng thời khắp thâu vô ngại, nên tư duy đó; Bảy là, môn thâu vào vô ngại, nghĩa là tất cả kia trông ở một pháp, vì nhập tha tức là gồm tha, lúc tất cả toàn nhập trong một tức kia toàn một trở lại tại tự trong của tất cả, đồng thời không ngại, nêu tư duy đó, lại do nhiếp tha tức là nhập tha, lúc một pháp toàn tại tất cả, trở lại khiến tất cả luôn tại trong một, đồng thời không ngại, nên tư duy đó. Giải thích rằng: Vô ngại trên đây giống như đèn gương tức mười phương qua lại vào như lúc chín gương vào một gương kia liền gồm một gương kia trở lại vào trong của chín gương, đồng thời giao nhau nên nói là vô ngại; Tám là; môn giao thiệp vô ngại, nghĩa là một

trông ở tất cả, một vào tất cả, tất cả gồm một, tất cả vào một. Một gồm một, một vào một, tất cả gồm tất cả, tất cả vào tất cả, đồng thời xen nhau vô ngại. Giải thích rằng: Một gồm một, một vào một là như lúc gương phía Đông gồm thâu phía Tây kia vào trong gương phía Đông ta tức gương phía Đông ta vào trong gương phía Tây kia đi. Tất cả gồm tất cả, tất cả vào tất cả là viên mãn thường như. Câu này chỉ lấy lời chẳng chóng để nêu, mượn ba câu trước, mỗi câu đều viên mãn; Chín là, môn tương tại vô ngại, nghĩa là tất cả trông một cũng có gồm có vào, cũng có bốn câu, nghĩa là gồm một vào một, gồm tất cả vào một, gồm một vào tất cả, đồng thời xen nhau vô ngại, giải thích rằng: Đây so với bốn câu trước chẳng đồng, trước chỉ đây kia đồng thời gồm vào, nay thì muốn lúc vào kia, hẳn riêng gồm các pháp khác đeo mang đó dẫn vào trong kia, phát khởi lớp lớp thế vô ngại. Gồm một vào một là như gương phía Đông hay nhiếp gương phía Nam đeo mang đó dẫn vào trong gương phía Tây, tức gương phía Đông làm năng gồm năng vào, gương phía Nam làm sở gồm, gương phía Tây làm sở vào vậy. Đây thì Đức Thích-ca Thế Tôn gồm Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi vào trong Phổ Hiền vậy. Nhiếp tất cả vào một là, như lúc gương phía Tây gồm tám gương khác mang đó dẫn vào trong gương phía Nam. Gương phía Đông là năng gồm năng vào, tám gương kia là sở gồm, gương phía Nam là sở vào, thì một Phật gồm tất cả chúng sanh mang đó đồng vào trong tất cả chúng sanh vậy. Gồm một vào tất cả là như gương phía Đông năng gồm gương phía Nam mang đó dẫn vào trong tám gương khác. Gồm tất cả vào tất cả là như lúc gương phía Đông gồm chín gương đeo mang đó dẫn vào trong chín gương, một gương phía Đông làm năng gồm năng vào, chín gương làm sở gồm cũng tức bèn làm sở vào vậy. Câu này chánh nói rõ các pháp qua lại đi vaò nhau một lúc viên mãn lớp lớp vô tận vậy. Nay hiện thấy đèn gương chỉ vào trong một đèn, ngay lúc đó thì trong mỗi mỗi gương mỗi mỗi đèn có nhiều, không trước sau vậy, thì biết chư Phật, Bồ-tát chúng sanh trong lục đạo chẳng có thì đã có, tức trong một sát-na bèn thấu triệt quá khứ hiện tại vị lai mười phương trong tất cả Thánh phàm vậy; Mười là, môn Phổ dung vô ngại, nghĩa là tất cả và một khắp đều đồng thời qua lại trông nhau, mỗi mỗi đủ hai lớp bốn câu trước, khắp chứa vô ngại, chuẩn cứ theo trước mà tư duy đó, khiến tròn sáng hiển hiện xứng hạnh cảnh giới không chướng không ngại, sâu sắc tư duy đó khiến hiện tại trước. Do vì chín môn trước văn chẳng đến hiển, đây gồm khiến đồng một sát-na. Đã chung riêng đồng thời thì lớp lớp vô tận vậy. Lại, trong Hoa Nghiêm diễn nghĩa nói: "Phàm năng sở tương nhập tâm

cảnh bao hàm, gồm đủ bốn nghĩa hay thành vô ngại: Một là, nghĩa xứng tánh; Hai là, nghĩa chẳng hoại tướng; Ba là, nghĩa bất tức; Bốn là, nghĩa chẳng lìa. Do xứng tánh nên chẳng lìa, do chẳng hoại tướng nên bất tức. Lại, như các cõi vào lỗ chân lông đều có nghĩa xứng tánh và chẳng hoại tướng, nay trên sợi lông lấy nghĩa xứng tánh nên biết luận ngoài của pháp tánh, trên cõi nước lấy nghĩa chẳng hoại tướng, chẳng biến sợi lông xứng tánh, vì một sợi lông xứng tánh nên hay bao hàm rộng khắp các cõi. Vì rộng khắp các cõi chẳng hoại tướng nên hay vào một sợi lông. Lại, trong ngoài duyên khởi chẳng phải tức chẳng phải lìa cũng có hai nghĩa: Một là, căn cứ cả trong ngoài cùng làm duyên khởi, do chẳng tức nên có năng sở vào, do vì chẳng lìa nên được cùng vào; Hai là căn cứ trong ngoài duyên khởi và chân pháp tánh bất tức chẳng lìa. Đây lại có hai nghĩa: Một là do trong ngoài bất tức pháp tánh có năng sở nhập, vì chẳng lìa pháp tánh, sợi lông hay rộng bao gồm, cõi nước hay biến nhập; Hai là, sợi lông ước chẳng lìa pháp tánh, như lý mà bao gồm cõi nước ước bất tức pháp tánh chẳng biến lỗ chân lông. Nên tư duy đó. Sự sự vô ngại quán đây, như quần thần đối với vua mỗi mỗi toàn được làm cha, lại như trăm vị tăng đệ tử ở một chùa mỗi mỗi toàn được thọ dụng mà chùa chẳng phân, như hoa lớn nhỏ giữa không trung mỗi mỗi khắp nhận nạp không ngằn mé hư không mà hoa chẳng hoại, thì mười phương tất cả chúng sanh toàn là Phật thể mà không phân chia, vì không biết nên cam chịu xưng là yếu kém,vâng nhận Trí đức của Như Lai, trở lại rơi lạc vào ngu tối mù lòa. Đầy đủ oai thần rộng lớn mà nép ở tiểu khí. Do đó, Chí công nói: "Pháp tánh lượng đồng như Thái Hư, chúng sanh phát tâm từ nhỏ". Như trên, vô ngại chỉ là nhất tâm, như biển vọt ngàn sóng, gương bao gồm muôn tượng, chẳng phải một chẳng phải khác, khắp biến viên dung, qua lại đoạt nhau, qua lại tựu nhau, chẳng còn chẳng sạch, bèn được mảy trần bao gồm pháp giới không khuyết lớn nhỏ niệm bao gồm chín đời, ngắn dài đồng thời, v.v... mọi sự hiện tiền. Đây là pháp môn pháp giới duyên khởi tự tại ở trong một bộ Hoa Nghiêm, như tại trong lòng bàn tay sáng rỡ có thể thấy. Lại chẳng riêng bộ Hoa Nghiêm, cho đến thời giáo của một đời, diệu chỉ khó nghĩ lường, thần thông vô tác của mười phương chư Phật, Bi môn bí mật của Bồ-tát Quán Thế Âm, biển trí pháp giới của Bồ-tát Văn-thù, một lúc hiển hiện chiếu suốt không nghi ngờ vậy. Nếu chẳng phải trí chiếu sâu đạt tự tâm, lại sao có thể tỏ ngộ sự hiếm có kỳ đặc đây. Như các bậc Tiên đức nói: Chư Phật là chân không vô ngã vô tánh ấy vậy, cho đến xứng lý mà nói chẳng phải chỗ trí biết, như dấu vết lúc chim bay giữa không trung không thể tìm cầu

nương dừng nơi dấu vết. Dấu vết giữa không trung đã không có thể tướng khả đắc, nhưng dấu vết chẳng phải không. Dấu vết đây tìm đó càng rộng, cốt yếu y cứ chim bay mới phân tích được sâu rộng của dấu vết. Phải biết Phật địa cốt yếu nhân tâm tướng mà đắc chứng sâu rộng của Phật địa, nhưng chứng nhập địa đây không thể trú ở tịch diệt. Pháp tất cả chư Phật không nên vậy, phải chỉ dạy lợi mừng, học phương tiện Phật, học trí tuệ Phật. Phàm, trí tuệ Phật là tức Nhất thiết chủng trí. Do đó, trong kinh Bát-nhã lấy chủng trí làm Phật thì không thứ gì chẳng biết, không thứ gì chẳng thấy. Đó mới dùng vô tri biết tất cả tri, dùng vô kiến thấy tất cả kiến. Như trong phẩm lìa thế gian ở kinh Hoa Nghiêm nói về mười thứ tâm không hạ liệt là: "Bồ-tát Ma-ha-tát lại khởi ý niệm: Chỗ có tất cả chư Phật, tất cả Phật pháp, tất cả chúng sanh tất cả cõi nước, tất cả thế gian, tất cả ba đời, tất cả hư không giới, tất cả pháp giới, tất cả ngữ ngôn thi thiết giới, tất cả tịch diệt Niết-bàn giới, như vậy tất cả các thứ các pháp trong ba đời, ta phải dùng một niệm tuệ tương ưng, thảy đều biết, thảy đều hay, thảy đều thấy ,thảy đều chứng, thảy đều tu, thảy đều đoạn, nhưng ở trong đó không phân biệt, lìa phân biệt, không các thứ, không sai biệt, không công đức, không cảnh giới chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải một chẳng phải hai. Vì chẳng phải hai trí biết tất cả hai, vì vô tướng trí biết tất cả tướng, vì không phân biệt trí biết tất cả phân biệt, vì không dị trí biết tất cả dị. Vì không sai biệt trí biết tất cả sai biệt, vì không thế trí biết tất cả thế, vì không chúng sanh trí biết tất cả chứng sanh, vì không chấp trước trí biết tất cả chấp trước, vì không trú xứ trí biết tất cả trú xứ, vì không tạp nhiễm trí biết tất cả tạp nhiễm, vì không tận trí biết tất cả tận, vì cứu cánh pháp giới trí ở tất cả thế giới hiện thân, vì lìa ngôn âm trí hiện bày ngôn âm không thể nói, vì một tự tánh trí vào nơi không tự tánh, vì một cảnh giới trí hiện các thứ cảnh giới, biết tất cả pháp không thể nói mà hiện ngôn thuyết đại tự tại, chứng Nhất thiết trí địa. Vì giáo hóa điều phục tất cả chúng sanh nên ở tất cả thế gian thị hiện đại thần thông biến hóa. Đó là tâm thứ mười không hạ liệt". Như trên nhỏ nhiệm phân bày cội nguồn lý sự mới thấy chúng sanh của toàn Phật tỉnh tỉnh không mê muội, Phật của toàn chúng sanh rành rành không nghi ngờ. Tỏ ngộ gốc mà tợ về đến nhà cửa quê cũ, được dụng mà như đích xác tay chân. Cớ sao mê chân ôm huyễn, bỏ thật cậy rỗng, cô phụ tánh linh chính mình vùi chôn nhà báu? Suy cao thượng thánh, tự khinh bỉ hạ phàm, đều là chỉ tụng văn không chưa thấu cùng nghĩa thật, chỉ ghi nhớ lời tức tâm là Phật, tự thân xét năm nào, chỉ học lời muôn pháp duy tâm, ai đáng hiện chứng. Đã

trái với giáo quán, lại khuyết thiếu minh sư, tuy xưng là tiếp nối làm sáng ngời, chỉ thành tự lừa dối. Tông kính ủy gá nhỏ nhiệm chánh vì hạng người đó, khiến rõ nghĩa đó mà biết tâm đó, mở văn đó mà thấy pháp đó, cảm lời khổ thiết của các Thánh, thẹn sự dụng tâm của Tiên hiền, đọc xem quyển mới Bồ-tát trọn chẳng hư dối sai lầm, như cao phủi mây mốc chợt thấy trời xanh, tợ vào sâu nơi cung rồng, tự thân gặp báu thật, mới tỏ ngộ từ xưa trước đến nay chưa chắc thật, học chỗ thô phù, trong lúc có thể nghiệm toàn không lực lượng, chưa đến thật địa, chớ nói đó sâu, chưa tới cù lao, chớ nói đó khổ, chỉ phải kiến tánh, có thể dứt lời. Vả lại sở dĩ các Thánh duỗi lời chỉ dạy, khắp vì phàm phu mù tối, khiến chẳng đắm trước sanh tử. Hàng Nhị thừa chợt mắt khiến chẳng trú Niết-bàn. Hàng tiểu Bồ-tát nhìn đêm khiến bỏ quyền thừa thun lưới, hàng Bồ-tát riêng biệt khiến chẳng chấp giáo đạo. Đây là chưa biết có tự tâm tức đủ thần đức rộng lớn như vậy vô biên diệu dụng, phân minh chuyển biến khiến mỗi mỗi tự biết. Mười phương chư Phật không gì chẳng nhân oai quang ta. Tất cả hàng dị sanh không gì chẳng nhờ ân lực ta, khuyên sanh vui mừng kính mộ, tiến đạo rộng tu phá một mảy trần ra Đại thiên quyển kinh, sau đó dùng sức định tuệ trang nghiêm trong ngoài, phát khởi bản tâm Diệu giác, tướng dụng chân như, tợ như lau chùi gương cũ, như ánh ngời thần châu, sáng soi suốt mười phương, ảnh thấu pháp giới, không khiến một hàm thức nhỏ chẳng nương ánh sáng đây, giống như Thiện Tài một đời có thể biện xong, tợ như Long nữ tự thân dâng hiến châu ngọc ở Linh Sơn, Đức Như Lai ấn khả, nên nói: "Tôi dâng hiến châu báu, Đức Như Lai nhận lấy, việc ấy có mau chăng?" Đáp: "Rất mau". Long nữ nói: "dùng sức thần của ông xem tôi thành Phật lại nhanh hơn vậy". Vậy đủ biết mới tỏ ngộ pháp này, nhân quả đồng thời, thành đạo độ sanh chẳng vượt ngoài khoảng một sát-na. Như ở phẩm tín giải trong kinh Pháp Hoa nói: "Chạy gấp theo bắt". Lại ở phẩm Thí dụ nói: "Đó nhanh như gió". Đâu trệ nhiều kiếp uổng tu công hạnh, có sức nhanh chóng niệm niệm tương ưng mà chẳng chịu thừa đương, nên các Thánh kinh thán rộng vì mở bày, giăng lưới tám giáo, đủ xe ba thừa, lớn nhỏ đều thâu quyền thật đều chở, ân cần dìu dắt, kính nhiệm đến với cơ nghi, hoặc thấy hoặc nghe, hoặc trước hoặc sau, thảy đều khiến vào kho báu Kim cang Nhất thừa đây, lấy làm cứu cánh. Như trong phẩm phương tiện nói dẫn: "Mười phương ba đời chư Phật đều dùng vô lượng vô số phương tiện, các thứ nhân duyên thí dụ ngôn từ mà vì chúng sanh diễn nói các pháp, pháp đó đều là một Phật thừa. Các chúng sanh đó theo Phật nghe pháp rốt ráo đều được nhất thiết chủng

trí”. Thì không thể mê mờ ở môn phương tiện của chư Phật, chấp tay biết đó, lãnh lời hiện thành, khởi tâm pháp ngã. Như trong kinh Bát-nhã, Phật dạy: “Ta đối với tất cả các pháp không chỗ chấp, được ánh sáng thường một tầm, thân sắc vàng ròng. Do vì chỉ đối với hai chấp nhân pháp đều mất, một luồng ánh sáng thường tự hiện, trở lại đồng với Đức Thích-ca tự chứng thân sắc vàng ròng”. Do vì giáo môn của chư Phật đều vì hiển bày tông phá chấp, y cứ trú chấp trước ngược lại càng mê tâm, như cầm nắm viên vàng nóng thì cháy tay. Khiến Thánh giáo cam lồ làm duyên tốt vượt ra khỏi khổ, nếu gặp người đó chỉ có tổn hại không ích lời. Như trong phẩm Phương Tiện có kệ tụng rằng:

“Xá-lợi-phất phải biết,
Các Phật pháp như vậy,
Dùng muôn ức phương tiện,
Tùy nghi mà giảng pháp.
Người chẳng tập học đó,
Không thể rõ hiểu đây.
Các người đã biết rồi,
Chư Phật thấy trong đời,
Việc phương tiện tùy nghi,
Không còn các nghi hoặc.
Tâm sanh rất vui mừng,
Tự biết sẽ làm Phật”.

Nên biết nếu chẳng tập định học tuệ, vả lại, chẳng biết thuyết của tùy nghi, vọng nhận làm chân, không thể theo văn lấy làm ngộ đạo. Ngay như Thiện Tài đồng tử lên gác, Long nữ hiến dâng châu ngọc, ngay lúc đó tự nhiên đích thân thấy, nên phải khắc kỷ biện sự sớm tối quên cả nhọc mệt. Nếu hỏi đường mà chẳng đi, nhà cũ quê hương càng xa, tợ như thấy của báu mà chẳng lấy, trở lại nhận chịu nghèo khổ. Do đó các bậc Cổ đức có bài tụng rằng:

“Học đạo trước phải nhỏ xét tâm,
Nhỏ của trong nhỏ nhỏ khó tìm,
Có thể tìm đến không chỗ tìm,
Mới tin tâm phàm là tâm Phật”.

Nên biết tức ở trong một niệm niệm tâm sanh tử hay tin có những sự không thể nghĩ bàn của chư Phật, rất là khó được. Như trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Phật dạy: “Nếu có người hay dùng tơ rễ sen để treo núi Tu-di. Có thể nghĩ bàn chăng?” “Không thể! Bạch Đức Thế Tôn”. Phật dạy: “Này thiện nam! Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong khoảng một niệm đều

hay được lường tất cả sanh tử, cho nên lại gọi là không thể nghĩ bàn".

Hỏi: Lý chỉ một đạo, sự có muôn sai, cớ sao chỉ rõ một tâm, mà vô biên Phật sự thảy đều viên mãn?

Đáp: Đạo của xuất thế, lý do tâm hành, môn của xử thế, sự do tâm tạo. Nếu dùng sự của Duy tâm, một pháp tức tất cả pháp, buông đó vô biên. Dùng lý của Duy tâm, tất cả pháp tức một pháp cuộn đó không vết. Nhân cuộn mà nói một, pháp đây chưa từng một, nhân buông mà nói nhiều, pháp đây chưa từng nhiều, chẳng phải một chẳng phải nhiều, có mà chẳng có, mà nhiều mà một, không mà chẳng không, một nhiều cùng nương nhau qua lại làm gốc ngọn, thông có bốn nghĩa: Một là, nghĩa thành tựu nhau thì một nhiều đều lập, vì qua lại gìn giữ có sức đều còn vậy; Hai là, nghĩa hại nhau: Hình đoạt cả hai đều mất, vì cùng nương tựa mỗi mỗi không tánh vậy; Ba là nghĩa qua lại còn, vì đây gìn giữ kia chẳng hoại kia mà tại đây, kia gìn giữ đây cũng vậy. Trong kinh có bài tụng rằng:

"Trong một hiểu vô lượng,
Trong vô lượng hiểu một";

Bốn là nghĩa qua lại hết, vì đây gìn giữ kia, kia cùng hết mà chỉ đây, vì kia gìn giữ đây, đây cùng hết mà chỉ kia. Trong kinh nói: "Biết một tức nhiều nhiều tức một". Lại do đây kia cùng thành giúp nhiếp vô ngại, cho nên được có lớn nhỏ tức nhập một nhiều, cùng chứa xa gần qua lại gìn giữ, chủ bạn gồm chứa. Giả sử mỗi mỗi mảy trần hiện mà vô tận ngang bằng như lưới trời Đế thích vì sâm sai, nên được mỗi mỗi sự hiển mà không cùng như ánh sáng định mà ẩn ánh. Lại, nghĩa của một nhiều vô ngại, các bậc Cổ đức dùng thí dụ để hiển bày, như số pháp mười tiền, đây có hai thể: Một là dị thể, hai là đồng thể. Căn cứ trong dị thể có hai: Một là cùng là, hai là cùng vào. Lại vì các pháp duyên khởi có hai nghĩa: Một là, nghĩa không hữu, đây tức là tự thể; Hai là nghĩa có lực và không lực, đây là trông lực dụng. Do nghĩa trước nên căn cứ theo là nhau, do nghĩa sau nên được cùng vào. Mới đầu, trong nghĩa không hữu, do lúc tự nếu có, tha hẳn không, nên tha tức là tự. Tại sao? Do tha không tánh vì tự tạo tác, thứ hai, do lúc tự nếu không, tha hẳn có, nên tự tức tha. Tại sao? Do tự không tánh dùng tha tạo tác. Vì không hữu không hai thể, do đó thường tương tức. Nếu không như vậy thì điều kiện chẳng thành, có các lỗi lầm của tự tánh v.v... Hai, trong lực dụng, tự có toàn lực, do đó năng nhiếp tha, tha toàn không lực, do đó năng nhập tự, chẳng y cứ tự thể, nên chẳng phải tương tức. Lực dụng giao triệt nên thành tương nhập mười. Số làm thí dụ lại có hai môn: Một

là môn khác thể; Hai là môn đồng thể. Căn cứ trong môn khác thể, lại có hai: Một là nhiều trong một; Hai là một trong nhiều. Như trong kinh có kệ tụng rằng:

"Trong một hiểu vô lượng,
Trong vô lượng hiểu một,
Rõ kia cùng sanh khởi,
Sẽ thành không chỗ sợ".

Đây là căn cứ tướng mà nói. Hai là một tức nhiều nhiều tức một, như trong kinh có kệ rằng:

"Một tức là nhiều nhiều tức một,
Nghĩa vị tịch diệt đều bình đẳng,
Xa lìa tướng một khác điên đảo,
Đó là Bồ-tát trú bất thối".

Đây là căn cứ lý mà nói.

Hỏi: Kia đã mỗi mỗi không tánh, sao được thành một nhiều đó ư?

Đáp: Đây do thật đức của pháp giới, lực dụng của duyên khởi, cảnh giới Phổ Hiền tương ưng, do đó một chiều thường thành chẳng tăng chẳng giảm vậy. Tiếp đến nói rõ một tức là nhiều, nhiều tức là một, như tợ một tức mười duyên thành. Nếu mười chẳng phải một, một chẳng thành, nào chỉ một chẳng thành, mười cũng chẳng thành. Như cột trụ nếu chẳng phải là nhà, khi ấy thì không nhà, nếu có nhà cũng có cột trụ, tức vì cột trụ tức là nhà, nên có nhà lại có cột trụ. Vì một tức mười, mười tức một, thành một lại thành mười vậy.

Hỏi: Nếu một tức mười, đây là không có một, nếu mười tức một, đây là không có mười. Nào nói một đó và mười, lại nói vì tức nên được thành ư?

Đáp: Một tức chẳng phải một, tình đó nghĩa là một, nay chỗ gọi duyên thành một. Duyên thành một là chẳng phải tình đó nghĩa là một. Trong kinh có kệ tụng rằng:

"Một cũng chẳng làm một,
Do vì phá các số,
Trí cạn chấp các pháp,
Thấy một lấy làm một".

Hỏi: Trước nói rõ nhiều trong một, một trong nhiều, tức trong một có mười, trong mười có một. Nay nói rõ một tức mười, có gì khác biệt ư?

Đáp: trước nói rõ mười trong một là lìa một không có mười mà

mười chẳng phải là một. Như đây nói rõ một tức mười là lìa một không có mười, mà mười tức là một, duyên thành nên vậy. Hai môn đồng thể là lại như môn trước, tương tợ trở lại nói rõ nhiều trong một một trong nhiều, một tức nhiều, nhiều tức một. Nay căn cứ trong môn đây mà nói là môn Dị thể trước nói mười trong một là vì trong chín sau nên gọi là mười trong một. Môn đây nói mười trong một là tức trong một có chín, nên nói mười trong một vậy.

Hỏi: Nếu trong một tức có chín là đây cùng với một tức mười trong môn khác thể trước có gì khác biệt ư?

Đáp: Trong đây nói có chín là có ở tự thể chín mà một chẳng phải. Chín như dị thể trước nói là một tức là mười ở dị thể kia mà mười chẳng lìa một.

Hỏi: Trong một đã tự có chín là nên chẳng phải nghĩa duyên thành?

Đáp: Nếu chẳng phải duyên thành đâu được có chín ư?

Hỏi: Một thể sao được có chín?

Đáp: Nếu không chín tức không một. Tiếp theo nói rõ một tức mười trong môn đồng thể, trở lại nói một là, duyên thành nên một tức mười. Tại sao? Nếu mười chẳng phải một, vì một chẳng thành. Một tức mười đã vậy, một tức hai ba cũng vậy.

Hỏi: Trong đây nói tự thể một tức mười cùng mười trong một ở đồng thể trước có gì khác biệt ư?

Đáp: Trước nói rõ trong tự thể có mười mà một chẳng phải là mười, đây nói rõ một tức mười mà một tức là mười, lấy đó làm khác.

Hỏi: Đây nói rõ một thể tức mười là gồm pháp cùng tận chăng?

Đáp: Tùy trí sai biệt nên cũng cùng tận cũng chẳng cùng tận. Tại sao? Như một gồm mười tức chẳng là cùng tận, nêu đầy đủ mà nói tức vô tận vậy.

Hỏi: Vì gồm tự môn vô tận, vì nhiếp các môn khác cũng vô tận ư?

Đáp: Một vô tận, các khác cũng vô tận. Nếu các khác chẳng tận. Nếu một thành tất cả thành, nếu một chẳng thành tất cả tức chẳng thành. Cho nên gồm pháp đây tức vô tận lại vô tận, thành nghĩa của một vậy. Ở nghĩa ba bốn giống như hư không tức là tận. Lại chẳng gồm các khác nên gọi là vô tận. Nên biết cũng nhiếp tận và chẳng tận vậy.

Hỏi: Đã nói một tức năng gồm là làm chỉ gồm mười trong một, cũng được gồm mười xứ khác ư?

Đáp: Gồm mười khác cũng có nghĩa tận và chẳng tận. Tại sao?

Lìa không tự nên một nhiếp xứ khác, tức vô tận mà thành nghĩa của một, nghĩa mười xứ khác như hư không nên có tận. Trong kinh nói: Bồ-tát ở một địa khắp nhiếp tất cả công đức các địa. Tông Kính Lục đây là Biệt giáo nhất thừa, môn chẳng thể nghĩ bàn, Tông của viên dung vô tận, chẳng đồng chỗ nói trong giáo của Tam thừa. Như trên, nghĩa của một nhiều vô ngại, không thể dùng cái thấy của ý giải tình tư làm hạn lượng, chỉ mắt tịnh trí dùng sáu tướng mười huyền bao gồm đó mới tận yếu chỉ ấy vậy, thì biết dung nhiếp vô biên, bao hàm chẳng phải ngoài, như ở phẩm Thần lực trong kinh Pháp Hoa nói: "Chư Phật ở đây đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, Chư Phật ở đây chuyển xoay xe pháp, chư Phật ở đây mà nhập Niết-bàn". Lại, trong kinh nói: "Từ bi làm mắt Phật, chánh niệm làm đầu Phật, diệu âm làm tai Phật, rừng hương làm mũi Phật, cam lồ làm miệng Phật, tứ biện làm lưỡi Phật, lục độ làm thân Phật, tứ nhiếp làm tay Phật, bình đẳng làm ngón tay Phật, giới định làm chân Phật, chủng trí làm tâm Phật". Ở Kim Quang Minh kinh sớ nói: "Pháp tánh thân Phật là chẳng phải chỗ có thể thấy của các hàng phàm phu Nhị thừa hạ địa, chỉ người đáng độ, thị hiện khiến được thấy. Đây tức là thân của không thân, tướng của vô tướng, Nhất thiết trí làm đầu, Đệ nhất nghĩa đế làm búi tóc, tám vạn bốn ngàn pháp môn làm tóc, mắt đại bi, lông trắng trung đạo, mũi vô lậu, lưỡi mười tám không, răng bốn mươi bất cộng, vai hoằng thệ, eo Tam-muội, bụng Như Lai tạng, tay trí quyền thật, chân định tuệ, các tướng như vậy v.v... trang nghiêm pháp tánh thân Phật vậy". Sơ tổ Ngưu Đầu nói: "Chư Phật ở đây đắc Bồ-đề là, đây là nơi tâm đắc Bồ-đề, nơi sắc chuyển pháp luân, nơi mắt nhập Niết-bàn. Nếu như vậy là trong thân rốt ráo giải thoát pháp thân, thường tại Tịnh độ đầy đủ. Lại thiếu vật gì, lại cầu tìm gì? Lúc mới phát tâm bèn thành Chánh giác". Trong Tông Kính đây chỗ có trí hạnh, chủ bạn đều đồng một ngằn mé, người mới có tin, đều đồng dòng pháp, chỉ như trong một gương tròn, không phân tích khác. Như trong Hoa Nghiêm luận nói: "Pháp môn kinh đây,gồm chư Phật mười phương đồng hành chung hành, lại không mới cũ, như đường của Đại vương, người cất bước lên đó, tức là không làm sao chẳng đi, một niệm căn tùy hỷ, phần ít kiến tánh trí tuệ hiện tiền, gồm là chẳng lìa trí Chánh giác căn bản của Phật, chẳng lìa hạnh Phổ Hiền. Như Phổ Hiền phần ít thiện tâm trong một niệm đều là hướng dòng pháp. Nên trong kinh nói: Nghe danh hiệu và pháp môn giảng nói của Như Lai, nghe mà chẳng tin, còn có thể rốt ráo đến nơi Kim cang trí địa huống gì là người tin tu vậy". Lại nói: Trong kinh Hoa Nghiêm pháp môn giải hạnh tu học ngộ nhập hẳn

hay thành tựu pháp môn Thập trú, trú chủng tánh Phật, sanh nhà Như Lai, làm con Phật thật, chẳng đồng quyền giáo Bồ-tát sơ địa dùng thệ nguyện thành Phật, kinh Hoa Nghiêm đây luận ngay địa vị thật chứng, chẳng luận thệ nguyện, vì giáo môn đây gồm một thời một khoảng một pháp giới không khác niệm trước sau tình tuyệt, phàm thánh một tánh, chẳng luận tình buộc, nên dùng vô niệm vô tác pháp giới chiếu đó có thể thấy, nếu lập tình kiến không thể tin vậy. Giả sử sanh tin, huyền tin lời Phật, nên chẳng phải là tự thấy. Nếu tự thấy là tình tuyệt tưởng mất. Tâm cùng lý hợp, trí cùng cảnh ngầm, mới biết tánh tướng muôn cảnh thông gồm thâu. Nếu chẳng như vậy, tâm thường đây kia, phải quấy đua tranh tạo tác, dơ sạch sao dừng. Nếu là xứng tánh tình mất, môn pháp giới trùng huyền tự đạt, một nhiều thuần tạp, tự tại hàm dung, môn của chung riêng tròn chứa tự tại, đối với pháp lợi sanh khó đạt các căn, tùy chỗ hay kham nhận thảy đều thành lợi ích. Kính thừa thân gần đều hay giúp đó, do đó xứng tánh, nên phàm thực hành một sự thảy đều biến pháp giới. Nếu tùy sự làm thì có phân hạn. Như kinh Ma-ha Bát-nhã nói: “Muốn đem một thức ăn cúng dường mười phương mỗi mỗi như cát sông hằng v.v... chư Phật và Tăng, phải học Bát-nhã Ba-la-mật, muốn đem y phục hương hoa anh lạc hương bột hương xoa hương đốt đèn đuốc tràng phan hoa lọng v.v... cúng dường chư Phật và Tăng, phải học Bát-nhã Ba-la-mật”. Trong luận hỏi: “Bồ-tát nếu dùng một thức ăn cúng dường một Phật và Tăng còn là việc khó huống gì mười phương như số cát sông hằng v.v... chư Phật và Tăng?” Đáp: Công đức cúng dường là tại tâm, chẳng tại sự. Nếu Bồ-tát dùng một thức ăn, tâm lớn thảy đều cúng dường mười phương chư Phật và Tăng, cũng chẳng vì xa gần làm ngăn ngại, cho nên chư Phật đều thấy đều nhận thọ. Vậy biết chỉ vận một tâm rộng lớn không ngằn mé, công đức trí tuệ hai thứ trang nghiêm, Lục độ vạn hạnh không gì viên mãn, thì biết một mảy lông không tánh, pháp giới không sai, trong một mảy trần đủ phần mười phương. Do đó trên hội Pháp Hoa, các nước của chư Phật ở mười phương thông làm một cõi nước, phân thân cùng tòa, đồng chứng nhất thừa, cũng như trong kinh Hoa Nghiêm dạy rõ: Cõi đây nói pháp mười cõi nước khác đều vậy”. Ngưỡng kính đồng quy của tiên Thánh, khiến tin chắc của hậu học, chợt nhiên giáo đây chẳng duyên tốt lớn, như nắm đuốc lớn để đốt soi tăm tối, soi rọi thấy tánh, tợ cưỡi thuyền đi mà vượt qua sâu mà chợt lên chân, nên nói một câu nhiễm thần hẳn sẽ thành Phật, như một chữ kinh bảy đời chẳng chìm, điều lợi chỉ ở người, điều giới hạn chỉ ở mình. Tướng ưu thắng trăm phước đồng nhập vô sanh, khác dòng muôn

thiện đều hội bình đẳng. Nay trong Tông Kính cũng lại như vậy, chánh ngay xả bỏ phương tiện chỉ nói Đạo vô thượng. Trong tất cả các pháp chỉ dùng Đẳng quán nhập. Nếu chấp phương tiện rộng biện các thừa thì mất bản hoài của Phật, trái với đại chỉ. Như trong kinh Pháp vương nói: "Nếu nhất định căn cơ làm người Tiểu thừa, nói pháp Tiểu thừa, làm người xiển- đề, nói pháp xiển-đề, là đoạn mất tánh Phật, là diệt thân Phật. Người nói pháp đó phải trải qua trăm ngàn muôn kiếp đọa vào các địa ngục. Tại sao? Tánh của chúng sanh tức là pháp tánh, từ xưa đến nay không có tăng giảm, cớ sao ở trong đó phân biệt thuốc bệnh, nếu hiểu như vậy, tức tất cả các pháp không gì chẳng là Phật pháp vậy.

Hỏi: Thế nào là tất cả pháp đều là Phật pháp?

Đáp: Tất cả pháp duy tâm, tâm tức là Phật, tâm tức là pháp. Như có người học hỏi Quốc sư Trung rằng: "Trong kinh nói: Tất cả các pháp đều là Phật pháp, giết hại lại là Phật pháp chăng?" Quốc sư đáp: "Tất cả hành xử đều là dụng của Phật trí, như người dùng hương đốt, mùi hôi chẳng hiềm, cũng như nước sạch, nhơ uế chẳng phải ô nhiễm, vì phô bày Phật trí vậy. Vậy biết, lửa không phân biệt, lan ngãi đều thiêu đốt, nước đồng thực thượng đức, vuông tròn mặc tình đồ chứa đựng. Do đó Bồ-tát Văn- thù cầm kiếm múa nơi Cù-đàm, Ương-quật nắm dao khua ở họ Thích, há chẳng là Phật sự ư? Nếu ngoài tâm thấy pháp mà sanh phân biệt, ngay như rộng làm các việc thắng diệu cũng chẳng phải cứu cánh".

Hỏi: Tâm tánh vốn tịnh, tịch chiếu không sót, sao mượn Trí Quang mà làm soi xét tận cùng?

Đáp: Tâm là chánh nhân, tuy là rõ chiếu nhưng vì khách trần phiền não ngăn che, nếu không trí tuệ liễu nhân mà chẳng thể hiện. Các bậc Cổ đức nói: Trí chiếu tâm nguyên tức là liễu nhân, như hư không và mặt nhật lược có mười nghĩa, vì biện khó nghĩ lường. Một là, mặt nhật và hư không chẳng phải tức chẳng phải lìa; Hai là, chẳng phải trú chẳng phải chẳng trú; Ba là, như mặt nhật khéo làm cốt yếu phá tối duyên tốt hiển bày không; Bốn là, tuy là diệt trừ tối hiển bày không mà hư không không tổn ích; Năm là, lý thật không tổn sự vì suy đó tối ngăn che trọn trừ, tánh là không thêm, chỗ bao gồm muôn tượng của không giới đều hiện; Sáu là, hư không đây tánh tuy thanh tịnh, nếu không ánh sáng mặt nhật thì có tối khởi; Bảy là, chẳng phải vì hư không, không nên tự hay trừ tối. Tối nếu dứt trừ hẳn nhờ ở ánh sáng mặt nhật; Tám là, mặt nhật nếu không hư không không ánh sáng không chiếu. Hư không nếu không có mặt nhật, tối chẳng tự trừ; Chín là, nhưng tối đây tánh không đến

không đi, thể tướng của mặt nhật cũng chẳng sanh chẳng diệt; Mười là, chỉ có mặt nhật soi chiếu hư không thì càn khôn suốt hiểu, dùng trí tuệ mặt nhật soi chiếu tâm tánh hư không cũng lại như vậy. Giải thích rằng: Một, Trí cùng tâm chẳng phải tức chẳng phải lìa. Thế nào là chẳng phải tức? Vì trí là năng chiếu, tâm là sở chiếu, vì năng và sở khác vậy. Thế nào là chẳng phải lìa? Trí là dụng của tâm, vì dụng chẳng lìa thể; Hai, chẳng phải trú chẳng phải chẳng trú. Thế nào là chẳng phải trú? Vì trí tánh lìa vậy. Thế nào là chẳng phải chẳng trú? Vì cùng tâm tương ưng; Ba, Trí tuy dứt bụi trần hiển hiện tánh mà tâm vốn không ẩn hiển; Năm, Tâm tuy vốn không, cốt yếu phải sạch hết khách trần mới có thể hiện khắp pháp giới; Sáu, Tâm tuy thanh tịnh, nếu không trí quang thì bị khách trần ngăn che; Bảy, chẳng phải tâm tự không chẳng nhiễm khách trần. Trần nếu trừ cần nhân trí quang; Tám, Trí không tâm chẳng chiếu, tâm không trí chẳng sáng; Chín, khách trần tuy hết, vốn không đến đi, trí tuy khởi chiếu cũng không sanh diệt; Mười, chỉ được trí quang thì tâm tánh trạm nhiên lặng chiếu, pháp giới rỗng sáng, cứu cánh thanh tịnh, nên biết muôn pháp không tu, răn tu mà đến không tu. Bản tánh tuy không cũng do tu không mà hiển bày không. Nay chỗ ghi của Tông Kính rất có nguyên do, chỉ vì chúng sanh không trí chẳng tu mà đọa lạc ngu tối chẳng chiếu tâm tánh, uổng vùi lấp luân hồi, nếu chẳng được trí quang của Tông kính, do đâu hiển bày ở tâm báu. Vả lại, chúng sanh vô lậu trí tánh vốn đầy đủ, vì khách trần ngăn che, tợ gương tối bởi bụi, chỉ hay biết gương vốn sáng, bụi trần tức dần sạch, nói khách trần hết, chân tánh sáng rỡ. Như kinh Đại Niết-bàn nói: “Như ngoài thôn lớn có rừng sa-la, bên trong có một cây đã sanh sống trước rừng đủ một trăm năm, bấy giờ chủ rừng dùng nước rưới đó tùy theo thời tu sửa, cây đó trần bày khô mục, da dẻ cành lá thảy đều rơi rụng, chỉ trinh thật còn. Đức Như Lai cũng vậy, chỗ có trần bày nên đều đã trừ hết, chỉ có tất cả pháp chân thật còn”. Do đó, Hòa thượng Nhất bát có bài ca rằng: Muôn đời kim luân Thánh vương tử, chỉ là chân như Linh giác phải, dưới gốc Bồ-đề độ chúng sanh, độ hết chúng sanh ra sanh tử, chẳng sanh tử chân thật trượng phu, không hình không tướng Đại Tỳ-lô; trần lao diệt sạch chân như còn, một viên minh châu sáng vô giá”.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 14

Phàm, Đức Phật Thích-ca Văn khai mở tâm chúng sanh thành Phật tri kiến, sơ tổ Bồ-đề Đạt-ma chỉ thẳng tâm người kiến tánh thành Phật. Nếu rõ hiểu một tâm đây, thế nào là lý thành Phật?

Đáp: Một tâm chẳng động, các pháp không tánh, do vì không tánh thảy đều thành Phật. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Phật tử Lúc Đức Như Lai thành Chánh giác, ở trong thân đó thấy khắp tất cả chúng sanh thành Chánh giác, cho đến thấy khắp tất cả chúng sanh nhập Niết-bàn đều đồng một tánh, đó là vô tánh. Không các tánh gì? Đó là tánh vô tướng, tánh vô tận, tánh vô sanh, tánh vô diệt, tánh vô ngã, tánh không chẳng phải ngã, tánh không chúng sanh, tánh không chẳng phải chúng sanh, tánh không Bồ-đề, tánh không pháp giới, tánh không hư không, cũng lại không có tánh thành Chánh giác, vì biết tất cả pháp đều không tánh, đắc Nhất thiết trí, đại bi tương tục cứu độ chúng sanh. Phật Tử! Thí như hư không, tất cả thế giới, hoặc thành hoặc hoại, thường không tăng giảm. Tại sao? Vì hư không không sanh, chư Phật Bồ-đề cũng lại như vậy. Nếu thành Chánh giác chẳng thành Chánh giác cũng không tăng giảm. Tại sao? Bồ-đề không tướng, không chẳng phải tướng, không một, không các thứ. Phật tử! Giả sử có người hay hóa làm hằng hà sa các tâm, mỗi mỗi tâm lại hóa làm hằng hà sa các Phật, đều không sắc không hình không tướng, như vậy hết hằng hà sa các kiếp không có dừng nghỉ. Phật tử! Ý ông nghĩ thế nào? Người kia hóa tâm hóa làm Như Lai, phàm có bao nhiêu Như Lai tánh khởi?" Diệu Đức Bồ-tát thưa: "Như điều tôi hiểu đối với nhân chỗ nói nghĩa, hóa và chẳng hóa v.v... không có sai biệt. Tại sao hỏi nói phàm có bao nhiêu?" Bồ-tát Phổ Hiền nói: "Lành thay! Tốt thay! Phật tử! Như điều ông nói, giả sử tất cả chúng sanh ở trong một niệm đều thành Chánh giác và chẳng thành Chánh giác v.v... không có sai khác. Tại sao? Vì Bồ-đề không tướng, nếu không có tướng thì không tăng giảm. Phật Tử! Bồ-tát Ma-ha-tát nên biết như vậy, thành Đẳng Chánh Giác đồng ở Bồ-đề, một tướng không tướng".

Trong Sớ Thích nói: "Sở dĩ biết trí Phật biến khắp là không một chúng sanh chẳng có bản giác, vì cùng Phật thể không khác? Trong kinh nói: "Trí Phật ngầm lưu tức tợ trí Phật biến chúng sanh khác". Nay hiển bày chúng sanh tự có trí Phật nên nói là biến vậy. Đây có ba ý: Một là, nói rõ không một chúng sanh chẳng có, thì biết không tánh là chẳng phải chúng sanh, nghĩa là cây cỏ v.v... đã qua thấy của năm tánh; Hai là, Chúng sanh nhân tại trong hàng ràng buộc đã đầy đủ quả pháp vượt thoát ràng buộc, nên nói có trí tuệ Như Lai, chẳng phải chỉ có tánh, sau mới sẽ thành, cũng chẳng phải lý trước trí sau. Vậy biết Niết-bàn đối phương tiện xưa trước tạm nói có tánh, học sau còn cho là đàm có tạng không, huống là nghe v.v... có quả trí, ai là đáng tin; Ba là, Quả trí của trong nhân tức là quả trí của Phật khác. Vì viên giáo tông tự tha nhân quả không có hai thể. Không như vậy, đây nói chúng sanh có quả, sao gọi nói trí Phật ư? Đó là huyền lại huyền vậy chẳng phải tông Hoa Nghiêm không có lý đó. Nghi ngờ rằng: Niết-bàn nói Phật tánh gọi là trí tuệ, lúc có trí tuệ thì không phiền não, nay có trí Phật nào làm chúng sanh? Giải thích rằng: Nghĩa là vì điên đảo chẳng chứng, đâu được nói không, như kẻ tráng sĩ mê mờ viên minh châu nơi trán, đâu phải là trong da không của báu. Cho rằng nếu trước không, lìa điên đảo sao có? Đã lìa thì hiện sáng, vốn chẳng không, như kẻ bần khổ được châu báu, chẳng phải nay mới trao cho. Do đó, Niết-bàn ngại sợ chẳng tu hành, nên nói: Nói quyết định là có, tức là chấp trước, ngại sợ chẳng tin có, nên nói: Nếu nói quyết định không thì là vọng ngữ. Chợt có thể chấp trước, chẳng thể vọng ngữ. Lại các kinh Như Lai Tạng v.v... nói: "Có chín thí dụ, dụ Như Lai tạng, nghĩa là như hoa sen sanh tại trong nước bùn chưa ra khỏi bùn, mọi người không quý. Lại như bần nữ mà mang Thánh thai. Như vật báu giá lớn buộc trong áo dơ, như châu ma-ni rơi hầm xí sâu, như tượng vàng thật do lớp áo ngăn che, như cây am-la hoa thật chưa nở, cũng như hạt gạo tại trong vỏ trấu, như vàng trong quặng, tợ tượng trong khuôn, đều là nghĩa trong bụi trần có thân Phật cùng đây rất đồng vậy. Lại, lý vô tánh đây hay thành tất cả hay hoại tất cả, thì một thành tất cả thành, một hoại tất cả hoại. Một thành tất cả thành là tức nhân quả giao triệt, ở trong đó có hai: Một là, nói rõ chúng sanh và Phật không hai trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Lúc Đức Như Lai thành Đẳng Chánh Giác, ở trong thân đó thấy khắp tất cả chúng sanh thành Đẳng Chánh Giác v.v...", kinh Tịnh Danh nói: "Tất cả chúng sanh tức tướng Bồ-đề". Tức tướng Bồ-đề ở đâu chẳng thành?; Hai là, nói rõ năng sở không hai, tức trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Đều đồng một tánh, đó là vô tánh", kinh Tịnh

Danh nói: "Chẳng hành là Bồ-đề, vì lìa ý pháp. Pháp tức là sở, ý tức là năng, do vì tâm cảnh đều đồng một tánh, chúng sanh và Phật cũng vậy". Do đó, chân tâm chẳng giữ tự tánh, khắp thể tùy duyên thành ở muôn pháp. Tánh tức là thể vậy, vì các pháp duy tâm sở hiện, mỗi mỗi không tự thể, hư giả cùng nương nhau, không tánh quyết định, hay tùy duyên khác thành lập tất cả. Nếu có tánh quyết định, giống như vàng đá mỗi mỗi có tánh bền chắc không thể khiến đổi khác. Nay vô tánh đây giống như nước gặp lạnh thành băng, gặp lửa thành hơi ấm. Nên trong Trung Luận có kệ tụng rằng:

"Tập nếu có định tánh,
Trước nay chỗ chẳng đoạn,
Nay làm sao đoạn được.
Đạo nếu có định tánh,
Trước nay chỗ chẳng tu,
Nay làm sao tu được".

Nên biết nếu có tánh cố định thì tất cả các pháp thảy đều chẳng thành, nếu không tánh cố định thì tất cả các pháp đều thành. Lại như chúng sanh, mỗi mỗi có tánh, tự thể chẳng đổi thay thì trọn làm chúng sanh, không nhân đâu thành Phật. Do đó lý vô tánh đồng, vì có nghĩa không, nên tất cả các pháp được thành, ở trong không trung rốt ráo mạnh mẽ dựng lập tất cả các pháp. Nếu một vi trần pháp đây thành thì khắp mười phương hư không giới tất cả các pháp khác đồng một lúc thành. Nếu có một vi trần pháp khác chẳng thành thì một mảy may pháp ở đây cũng chẳng thành, mất nghĩa viên đốn. Vì một tâm là tất cả tâm, nếu ngộ tông kính thành Phật tức tất cả các xứ thành Phật. Do đó, trong kinh Kim Cang nói: "Nơi của sở tại thì là có Phật", nếu có một nơi như vi trần chẳng thành Phật thì chẳng vào trong Tông kính, nên trong kinh nói: "Chỉ ta là một người, ba cõi sáu đường phàm thánh không gì chẳng phải ta. Vì là một là người, chỉ ta một người vậy". Nên biết nếu lìa đây mà tu đều thành quyền tiệm, như đợi hoa đốm hư không mà kết quả, mong nước nóng mà thành băng, mặc tình mãn ba A tăng-kỳ kiếp chẳng vào chân thật. Chỉ tự quán tâm thấy Phật, rõ các pháp không, thì chẳng động niệm mà đích thân thấy được hào quang, chẳng phải vận thân mà tham khắp pháp giới, như Phật tại cung trời Đao-lợi an cư một mùa hạ, Phật dùng sức thần ngăn các người trời không biết nơi chốn, mãn hạ tự tứ xong, Phật thâu nhiếp Thần túc muốn trở về lại Diêm-phù. Bấy giờ, Tu-bồ-đề trú trong thạch thất, tự tư duy rằng: "Phật từ cung trời Đao-lợi xuống, ta phải đến nơi chỗ Phật để đảnh lễ chăng? Hay

là chẳng đến?" Lại tự tư duy rằng: "Phật thường giảng nói pháp, nếu người dùng sức trí tuệ quán pháp thân Phật, đó gọi là ưu tối trong thấy Phật". Khi Phật đã từ cung trời Đao-lợi xuống Diêm-phù-đề, bốn chúng thảy đều nhóm tập, người trời cùng thấy trong tòa có Phật, các Đại luân vương, các trời nhóm tụ chúng hội trang nghiêm, từ trước chưa từng có. Tu-bồ-đề tư duy: Nay đại chúng đây tuy là thù đặc, thế chẳng dừng lâu, pháp của ma diệt đều kết quy vô thường. Nhân vô thường đây, quán môn mới đầu đó, đều biết các pháp là không, không thật có". Lúc quán như thế tức được chứng đạo. Bấy giờ tất cả đại chúng mọi người đều muốn trước được thấy Như Lai lễ bái cúng dường. Khi ấy Tỳ-kheo-Ni Liên Hoa Sắc, thường bị mọi người gọi là dâm nữ, muốn dứt trừ tên gọi xấu xa, bèn hóa làm Luân vương có ngàn con bảy báu, mọi người thấy đó thảy đều lánh khỏi chỗ ngồi. Hóa vương thấy Phật rồi, trở lại hiện nguyên bản thân làm vị Tỳ-kheo-ni đầu tiên đảnh lễ Đức Phật. Phật bảo Liên Hoa Sắc rằng: "Chẳng phải ngươi là người trước tiên đảnh lễ ta, chỉ có Tu-bồ-đề là người đảnh lễ ta trước hết. Tại sao? Tu-bồ-đề quán các pháp không là thấy pháp thân, được cúng dường chân thật, là ưu tối trong các sự cúng dường, chẳng phải cúng dường sanh thân, gọi là cúng dường vậy". Vậy biết, nếu chẳng tự tin tâm Phật mà cầu thắng duyên khác, công nghiệp tuy duyên cần mà trọn chẳng phải cứu cánh. Như trong phẩm Như Lai xuất hiện ở kinh Hoa Nghiêm nói: "Phật Tử! Giả sử có Bồ-tát ở trong vô lượng trăm ngàn muôn ức na-do-tha kiếp hành Lục độ Ba-la-mật, tu tập các thứ Bồ-đề phần pháp, nếu chưa nghe pháp môn Đại oai đức chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai đây, hoặc lúc đã nghe rồi mà chẳng tin chẳng hiểu chẳng thuận chẳng vào, chẳng được gọi là Bồ-tát chân thật, vì không thể sanh vào nhà Như Lai". Lại vì theo duyên, duyên cũng không tự tánh, thì tất cả chẳng thành, niệm niệm tan hoại. Như tùy theo duyên tạp nhiễm sai biệt, nhân danh ngôn dựng lập nên gọi là chúng sanh. Ở trong các duyên, tìm cầu tánh chúng sanh trọn chẳng thể được, thì chúng sanh thể không, tức là nghĩa hoại, do vì có các pháp thì nghĩa không được hiển bày. Nếu nghĩa một chúng sanh đây chẳng thành, thì khắp mười phương pháp giới tất cả chúng sanh thảy đều chẳng thành, nên nói một hoại thì tất cả hoại. Do đó, chư Phật biết tất cả các pháp đều là vô tánh nên được thành tựu Nhất thiết trí, khởi đồng thể đại bi tương tục không dứt đoạn, suốt ngằn mé vị lai rộng độ các loài hữu tình, dùng lý của một tâm vô tánh thành Phật, nguyện tất cả chúng sanh cùng ta không khác. Biết chúng sanh một tâm xưa nay chẳng động thường hợp với Thiên chân, do vì vô tánh, bất giác tùy theo

duyên lên xuống trong sáu thú, uổng nhận chịu vọng khổ, hư dối đọa lạc luân hồi, do đó hay khởi đại bi tương tục độ thoát. Nếu không lý vô tánh đây thì đại hóa chẳng thành. Thiện ác phàm Thánh không thể đổi thay. Nếu hay giải ngộ như vậy thì vào pháp môn phương tiện chẳng thể nghĩ bàn. Trong kinh Phật Nghiêm nói: "Các pháp nếu có thể tánh quyết định, như chẻ lông tóc một trong trăm phần. Vậy thì chư Phật chẳng xuất hiện nơi đời, cũng trọn chẳng giảng nói các pháp không và nghĩa đốn chứng". Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng:

"Hay ở một niệm đều rõ biết,
Tất cả chúng sanh không thừa sót,
Rõ tâm tự tánh chúng sanh kia,
Thấu đạt vô tánh chỗ hành đạo".

Trong kinh Bất Thối Chuyển Pháp Luân nói: "Bấy giờ có ba vị Bồ-tát tại trước Đức Thế Tôn, dùng hoa sen Mạn-đà tung rải trên Phật, rải xong, khởi ý niệm rằng: "Chúng ta đối với pháp đây rất sanh tin hiểu, không có nghi hoặc". Trong đó, vị thứ nhất bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có người nói Như Lai, Tôi tức Như Lai đối với trong pháp đây đều không nghi hoặc". Vị Bồ-tát thứ hai lại bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có người xưng nói Thế Tôn, tôi tức Thế Tôn, cũng đối với pháp đây đều không nghi hoặc". Vị Bồ-tát thứ ba bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có người xưng nói A-la-ha-tam-miệu-tam Phật-đà. Tôi tức A-la-ha-tam-miệu-tam Phật-đà cũng đối với pháp đây đều không nghi hoặc". Cho đến, A-nan bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Cớ sao Bồ-tát nói như vậy?". Phật dạy: "ba vị Bồ-tát đây khéo hiểu giả danh, nói lời như vậy, biết chỉ là phàm Thánh các pháp đều là giả danh, theo tâm kiến lập, nếu hay rõ đạt tất cả bình đẳng, tức biết phàm Thánh các pháp chẳng vượt ngoài giả danh, giả danh chẳng vượt ngoài tánh chân như". Như kinh Đại Bát-nhã nói: "Bấy giờ, Thiện Hiện bảo các chúng trời ở Dục giới và Sắc giới rằng: "Chúng trời các ngươi nói Thiện Hiện ta là đệ tử chân thật của Phật, tùy Như Lai sanh. Thế nào là Thiện Hiện tùy Như Lai sanh? Nghĩa là tùy Như Lai cho nên mà sanh. Tại sao? Như Lai chân như không đến không đi. Thiện Hiện chân như cũng không đến không đi, nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh, tức tất cả các pháp chân như. Tất cả các pháp chân như tức là Như Lai chân như, Như Lai chân như không Như Lai tánh, cũng không chẳng chân như tánh. Thiện Hiện chân như cũng lại như vậy. Nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh". Giải thích rằng: Nếu Như Lai chân như tức tất cả các pháp chân như chẳng phải riêng Thiện Hiện tùy Như Lai sanh,

cho đến tất cả pháp giới chúng sanh đều tùy Như Lai sanh. Tại sao? Vì Như Lai chân như tức tự chân như. Chân như như vậy không tánh chân như, vì chân như đây là cùng cực trong ngôn thuyết cũng không thể lập, nên nói: Gọi làm như như sớm đã biến đổi vậy. Đã không có tánh của chân như, cũng không tánh chẳng phải chân như. Rõ đạt như vậy mới là cứu cánh chân như vậy. Kinh Nhạn Dịch nói: "Bấy giờ Xá-lợi-phất hỏi các Tỳ-kheo rằng: "Đại đức bởi duyên gì nói lời như vậy? Nay tôi mới ở nơi Lục Sư xuất gia". Các Tỳ-kheo nói: "Đại đức Xá-lợi-phất! Từ nay trở đi, Lục sư, chư Phật v.v... đồng một tướng không tăng không giảm. Đại đức Xá-lợi-phất! Chúng tôi nay biết các sư chẳng khác, ở trong xuất gia không có phân biệt, nên nói xuất gia". Xá-lợi-phất nói: "Đại đức! Duyên gì mà nói từ nay Phật chẳng phải tôi tôn quý?" Các Tỳ-kheo nói: "Đại đức Xá-lợi-phất! Từ nay trở đi, tôi tự nhiên rõ biết, đốt đèn sáng rỡ, chẳng nương gá các ánh sáng khác, tôi tự quay về nương tựa, chẳng phải nương tựa đâu khác, tự quay về tự tôn trọng, cho nên nói là Phật chẳng phải tôi tôn quý. Tại sao? Tôi chẳng lìa Phật, Phật chẳng lìa tôi". Cho đến, Xá-lợi-phất nói: "Đại đức! Cớ sao nói từ nay trở đi biết tất cả thuyết cứu cánh Niết-bàn, trong đó không có điều phục, không chẳng phải điều phục. Do đó nên nói: Tôi nói không nghiệp". Trong kinh Như Lai tạng nói: "Thế Tôn bảo Kim Cang Tuệ rằng: "Này thiện nam! Ta dùng mắt Phật quán xét tất cả chúng sanh trong các phiền não tham dục sân nhuế, có trí Như Lai, mắt Như Lai, thân Như Lai, ngồi kiết-già nghiễm nhiên chẳng động. Này thiện nam! Tất cả chúng sanh tuy tại trong thân phiền não các thú, có Như Lai tạng thường không dơ bẩn, đức tướng đầy đủ như ta không khác". Trong kinh Lăng-già nói: "Như Lai tạng tự tánh thanh tịnh chuyển ba mươi hai tướng vào trong thân tất cả chúng sanh". Trong phẩm Nhập pháp giới ở kinh Hoa Nghiêm nói: "Cư sĩ Tỳ-sắc-chi-la đắc pháp môn Bồ-tát giải thoát bất Bát-niết-bàn tế, thường cúng dường tháp Phật tòa chiên-đàn tòa, nói cùng Thiện Tài đồng tử rằng: "Lúc tôi mở cửa tháp Đức Như Lai tòa chiên-đàn chứng đắc Tam-muội tên là Phật chủng vô tận. Này thiện nam! Trong mỗi mỗi niệm tôi vào Tam-muội đây, mỗi mỗi niệm được biết tất cả vô lượng sự thù thắng. Cho đến, này thiện nam! Tôi chỉ được Bồ-tát sở đắc bất Bát-niết-bàn tế giải thoát đây, như các Bồ-tát Ma-ha-tát dùng một niệm trí biết khắp ba đời, một niệm khắp vào tất cả các Tam-muội, Như Lai trí nhật luôn chiếu tâm đó, đối với tất cả các pháp không có phân biệt, rõ tất cả chư Phật thảy đều bình đẳng. Như Lai và ta cùng tất cả chúng sanh v.v... không có hai. Biết tất cả các pháp tự tánh thanh tịnh, không

có nghĩ ngợi không có động chuyển, mà hay vào khắp tất cả thế gian, lìa các phân biệt, trí Phật pháp ấn đều hay khai ngộ pháp giới chúng sanh". Lại có kệ tụng rằng:

"Như tâm cảnh giới không có lường,
Cảnh giới chư Phật cũng như vậy,
Như cảnh giới tâm từ ý sanh,
Cảnh Phật như vậy nên quán sát".

Trong kinh Pháp Hoa nói: "Đúng như vậy, ta thành Phật đến nay thật là lâu xa, thọ mạng vô lượng A tăng-kỳ kiếp, thường trú chẳng diệt". Trong chúng nghi ngờ rằng Thành đạo đã lâu thường ở đây giáo hóa, khoảng giữa đó có Đức Phật Nhiên Đăng, Tỳ-ba-sà, Thi-khí v.v... thành đạo nhập diệt, nói pháp độ chúng sanh, lại là ai ư? Xưa trước giải thích rằng: Ở khoảng giữa đó, nói các Phật Nhiên Đăng v.v... thành đạo nhập diệt, như vậy đều dùng trí tuệ phương tiện khéo léo phân biệt nói ở các Phật khác, chẳng phải lìa thân ta mà riêng có các Phật ấy. Trong Kim Cang kinh luận nói: "Trong thân chúng sanh có Phật cũng chẳng phải kín mầu, ngoài thân có cũng chẳng phải kín mầu, cho đến chẳng phải trong thân chẳng phải ngoài thân có, chẳng phải chẳng phải trong chẳng phải chẳng phải ngoài có, đều chẳng phải kín mầu vậy. Chúng sanh tức vậy, nên gọi là kín mầu". Trong Luận Bảo Tạng nói: "Chẳng trừ bỏ một pháp, chẳng đắc một pháp, chẳng tu một pháp chẳng chứng một pháp, tánh tịnh Thiên chân, có thể gọi là đại đạo ư? Do vì quán khắp thiên hạ không gì chẳng là chân nhân. Ai được lý này đồng một luân đó". Thai giáo nói: "Chỉ quán mười pháp giới chúng sanh tức là Phật, mười pháp giới chúng sanh âm, Phật âm, không khác mảy may như hạt cải. Phật sự ba đời, bốn tướng chúng sanh không gì chẳng tròn đủ". Trong Hoa Nghiêm luận nói: "Nếu kiến tánh chút ít, cũng được Phật thừa, như trong biển lớn, một giọt mảy may, cho đến nhiều giọt, trong mỗi mỗi giọt đều được biển lớn. Như vậy, Bồ-tát ở trong ngũ vị, thập trú thập địa, trong mỗi mỗi vị đều có Phật quả, như nước biển kia một giọt mảy may, chẳng lìa Phật tánh mà được các hạnh, vì Phật tánh ấy mà có tiến tu. Như kinh Hoa Nghiêm lấy ngay toàn Phật quả trí chẳng động v.v... mười trí Như Lai, chỉ bày phàm tin tu, như có phàm phu chóng lên ngôi vị báu. Thân gìn giữ vương vị, khắp biết các thần hạ, tất cả các phẩm loại không gì chẳng bao gồm. Trong kinh Hoa Nghiêm, pháp môn hành tướng Bồ-tát cũng lại như vậy. Từ sơ phát tâm, mới đầu ở Thập trú chóng thấy pháp thân Như Lai, Phật tánh vô tác trí quả như vậy, hành khắp tất cả muôn hạnh của Phổ Hiền, tùy duyên thẳng trệ,

thảy đều là vô tác". Trong kinh Niết-bàn nói: "Phật tánh chẳng phải là tác pháp, chỉ vì khách trần phiền não ngăn che, cho nên nay từ địa vị đầu tiên trong Thập trú dùng vô tác Tam-muội tự thể ứng chân, khách trần phiền não toàn không thể tánh, chỉ dụng của chân thể không tham sân si, mặc tình tức Phật, nên một niệm tương ưng một niệm thành Phật, một ngày tương ưng một ngày thành Phật, nào phải số kiếp dần dần mà tu, nhiều kiếp tích chứa tu ba A tăng-kỳ đến quả, tâm duyên số lượng kiếp, kiến chướng nào dừng, pháp môn của chư Phật vốn chẳng phải thời gồm, tính thời lập kiếp chẳng phải là Phật thừa". Lại, trong kinh nói: "Tất cả các thế giới hải vi trần số kiếp, nơi có chư Phật xuất hiện hưng hóa ở đời, thân gần cúng dường, rõ trí của không công, khắp cùng không pháp nào chẳng Phật. Phật tức là pháp vậy, mười phương hư không không có khoảng khuyết, châm mũi nhọn chỉ bằng đầu sợi lông không đâu chẳng là tất cả các pháp, tất cả chư Phật vậy, chỉ có vi trần mới là chẳng phải tâm nhiễm tịnh, đều chẳng là thấy Phật vậy, dùng mắt trí mà in đó". Lại nói: "Đều khắp cõi Phật vi trần số Phật, trí cùng hạnh khắp không gì chẳng là Phật. Thảy đều vâng thừa, tức là phàm thánh đồng thể, không một gì chẳng là Phật pháp, không là không gián cách vậy. Dùng phổ nhãn quán sát đó thấu suốt tâm cảnh đó không gì chẳng là Phật, trí theo các hạnh tất cả đều là Phật. Thấy được như vậy, dùng sự mà luận cũng thật như vậy, bày pháp mà luận tất cả đều thật. Vì là Phật, nếu một pháp một vật chẳng là Phật thấy, nên biết người đó tức là tà kiến, chẳng phải chánh kiến vậy, tức có năng sở phải quấy các kiến đua nhau sanh, chẳng được vào cảnh giới trí nhãn của Văn-thù, Phổ Hiền đây. Do đó nếu có dị tưởng tạp niệm tương tục mà khởi, nên gọi là chúng sanh, thì năng sở qua lại dấy phát, phải quấy chen nhau tranh cãi, tức là tà kiến. Nếu rõ vọng niệm vô tướng, cảnh ngoài tự hư dối, thì tất cả cõi nước như vi trần không gì chẳng là Chánh giác". Do đó luận Thích Ma-ha-diễn nói: "Một niệm mới khởi, không có tướng mới đầu, nghĩa là tâm khởi đầu tức nghĩa là vô niệm, thì phải dứt trừ nghi ngờ khiến sanh thắng giải, nghĩa là có chúng sanh khởi nghi ngờ như vậy, đạo giải thoát cùng cực lúc gặp bản giác, vi tế mới sanh, biết được có chăng? Biết được không chăng? Nếu là biết có thì đạo giải thoát cùng cực, sẽ chẳng phải vô niệm. Tại sao? Biết có niệm mới đầu, vì có niệm mới đầu, nếu là biết không thì đạo giải thoát cùng cực sẽ chẳng thể có. Tại sao? Đã không niệm mới đầu, đợi niệm nào không lập giải thoát, vì có nghi ngờ như vậy. Nay tự kết luận: Tướng của Sở tri từ xưa đến nay tự tánh là không vô. Trí của năng tri, từ xưa đến nay không có

lúc khởi. Đã không tướng sở giác, cũng không trí của năng giác, há có thể được nói có tướng mới đầu nhỏ nhiệm, trí tuệ có thể biết. mà nói là biết tướng mới đầu tức là thị hiện đạo lý vô niệm. Tại sao? Lý của pháp tánh tuy không khởi tướng mới đầu của sở tri, cũng không trí thỉ giác của năng tri, mà năng thông đạt không tướng sở tri, không trí năng tri, không sở hữu giác, đều chẳng phải không không, cho nên nay tạm y cứ đạo lý đây làm lời nói như vậy, biết tướng mới đầu vậy. Cho nên tất cả chúng sanh chẳng gọi là giác, vì từ xưa đến nay niệm niệm tương tục, chưa từng lìa niệm, nên nói là vô thủy, vô minh tức là thành lập nghĩa vô niệm trên, nghĩa là Kim cang đã trở lại tất cả chúng sanh, riêng tướng nghiệp lực, niệm Đại vô minh chưa từng xa lìa, do đó thị hiện tất cả chúng sanh đều là có niệm, gọi là chúng sanh. Tất cả chư Phật đều đắc vô niệm, nên gọi là Phật.

Từ đây trở xuống thị hiện cảnh giới thủy giác khắp cùng viên mãn, gọi là Đại giác, đã đến bờ kia, biết khắp tất cả vô lượng chúng sanh một niệm lưu chuyển làm bốn tướng sanh trú dị diệt, Nên như trong Luận nói: Nếu được vô niệm thì biết tâm tướng sanh trú dị diệt. Do vì nghĩa gì mà biết như vậy ư? Lúc được tự vô niệm tất cả chúng sanh đều bình đẳng đắc. Nên như trong luận nói: Do vì vô niệm v.v... Do vì nghĩa gì chỉ là một hạnh? Lúc đắc vô niệm, tất cả chúng sanh đều đắc vô niệm, mỗi mỗi chúng sanh thảy đều mỗi mỗi có bản giác. Nghĩa ấy thế nào? Nghĩa là một hạnh, lúc thủy giác viên mãn đồng với bản giác, đồng khắp tất cả trong tâm bản giác của vô lượng chúng sanh, chẳng phải tự bản giác. Tại sao? Tự tánh bản giác khắp chúng sanh giới không đâu chẳng đến. Thanh tịnh giác là lúc đắc vô niệm, tất cả chúng sanh đều đắc vô niệm. Thanh tịnh giác là lúc đoạn vô minh, tất cả chúng sanh cũng có thể đoạn ư? Nếu vậy có lỗi lầm gì? Nếu thủy giác là lúc đoạn vô minh, tất cả chúng sanh đều được đoạn. Cớ sao như trước nói Kim cang đã trở lại tất cả chúng sanh, riêng tướng nghiệp lực, niệm Đại vô minh chưa xa lìa nên chẳng gọi là giác? Nếu các chúng sanh do vô minh từ vô thủy chưa được xa lìa mà đồng chư Phật đồng đắc vô niệm. Nghĩa vô niệm v.v... chỉ có ngôn thuyết không có thật nghĩa, đâu có thể được nói tất cả chúng sanh đều có bản giác cũng có thủy giác, quyết đoán nạn này thì có hai môn: Một là tự tông quyết đoạn; Hai là tông riêng biệt quyết đoạn. Tự tông quyết đoán là đây là luận về chánh tông, vì muốn thị hiện tất cả chúng sanh đồng một tương tục vì không sai biệt. Có thể được một tu hành, vô minh từ vô thủy lúc rốt ráo đoạn, tất cả chúng sanh cũng đồng đoạn hết. Một tu hành là lúc mãn thủy giác tất

cả chúng sanh cũng đồng được mãn. Cho nên ba thân vốn có, trong Khế kinh nói lời như vậy". Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Văn-thù rằng: "Văn-thù Sư-lợi! Ta do hai đẳng mà thành Chánh giác: Một là đoạn đẳng; Hai là đắc đẳng. Nói đoạn đẳng là lúc ta phát khởi đạo giải thoát cùng cực, tất cả chúng sanh có các thứ vô minh từ vô thủy đồng một lúc rốt ráo chóng quyết đoạn. Nói đắc đẳng là lúc ta mới thành đạo đầy đủ thủy giác, tất cả chúng sanh đều đầy đủ. Đó gọi là hai đẳng. Trông riêng biệt quyết đoạn là, khắp viên mãn là trông chúng sanh giới, không mỗi một pháp mà chẳng phải thanh tịnh, khắp các chúng sanh trông Vô thượng tôn, vào vô minh tạng, không chỗ hay biết, thảy đều thanh tịnh không chỗ chướng ngại, nghĩa vô niệm v.v... mà được thành lập. Vào vô minh tạng không chỗ hay biết. Như điều nói trên, văn không lỗi chống trái, nêu một góc đây nên rộng quán sát.

Từ đây trở xuống, chứa các thủy giác khiến đồng bản giác, nghĩa là năm mươi mốt phần lúc đầy đủ thủy giác, thật không quả của chuyển thắng tiệm thứ, cũng không cùng cực của cứu cánh viên mãn. Tại sao? Tất cả thủy giác bốn tướng đồng thời mà được dừng trú đều không tự lập, từ xưa đến nay một vị Bình đẳng, tự tánh viên mãn khế đồng không hai, chỉ một tướng giác, nên như trong luận nói mà thật không có khác của thủy giác, vì bốn tướng đồng thời mà có đều không tự lập xưa nay bình đẳng đều đồng một giác. Trong Khởi Tín luận sớ nói: "Chợt nhiên đại ngộ suốt rõ tự tâm vốn không chỗ chuyển, nay không chỗ tỉnh, xưa nay bình đẳng các thứ mộng niệm động tâm nguyên đó. Tâm giác mới khởi, là rõ tâm tướng sở giác. Mới đầu khởi là y cứ vô minh có tâm thể của sanh tướng khiến động niệm, nay mới chứng biết, lìa bản giác thì không bất giác, tức động niệm là tỉnh tâm, nên nói giác tâm mới khởi như mê mờ phía Đông lấy làm phía Tây, lúc ngộ mới biết phía Tây tức là phía Đông. Tâm không tướng mới đầu, vốn do bất giác có tâm sanh khởi, nay đã giác nên tâm không chỗ khởi, nên nói không tướng mới đầu. Nay cứu cánh vị động niệm đều hết chỉ một tâm còn nên nói không tâm mới đầu. Vô minh trọn hết, kết quy một nguồn tâm. Lại không khởi động nên nói được thấy tâm tánh, tâm tức thường trú, lại không chỗ tiến tới nên gọi là cứu cánh giác. Chưa đạt đến tâm nguyên, mộng niệm chưa hết, muốn diệt động đây trông đến bờ kia, mà nay đã thấy tướng tâm tánh mộng đều hết, rõ biết tự tâm vốn không lưu chuyển. Nay vô minh tỉnh dứt thường tự một tâm do đó chứng biết Phật địa vô niệm, đây là nêu nhân mà chứng quả vậy. Đại sư Mã Tổ nói: "nếu ông muốn biết tâm, chỉ ngôn ngữ này tức là tâm ông, gọi tâm ấy làm Phật cũng

là thật tướng pháp thân Phật, cũng gọi là đạo". Trong kinh nói: "Có ba A tăng-kỳ trăm ngàn danh hiệu, tùy thế tục ứng xử lập danh, như tùy sắc màu châu ma-ni, xúc chạm xanh tức xanh, xúc chạm vàng tức vàng, thể chẳng phải tất cả sắc màu, như ngón tay chẳng tự xúc chạm, như dao chẳng tự mổ cắt, như gương chẳng tự soi chiếu, tùy duyên nói của chỗ thấy mỗi một được tên nói. Tâm đây và hư không thọ ngang bằng, cho đến luân hồi lục đạo nhận chịu các thứ hình, tức tâm đây chưa từng có sanh chưa từng có diệt. Vì chúng sanh chẳng biết tự tâm, mê tình vọng khởi các nghiệp nhận chịu quả báo. Mê bản tánh đó, vọng chấp thân tứ đại gió hơi ở thế gian, thấy có sanh diệt, mà tánh của kinh giác thật không sanh diệt, nay ông ngộ tánh đây, gọi là trường thọ, cũng gọi là Như Lai thọ lượng, gọi làm tánh vốn không chẳng động. Các Thánh trước sau chỉ hội tánh ấy làm đạo. Nay thấy nghe hay biết nguyên là bản tánh ông, cũng gọi là bản tâm, lại chẳng lìa tâm ấy riêng có Phật. Tâm ấy vốn có, nay có chẳng nương gá tạo tác, vốn tịnh nay tịnh chẳng đợi phải lau chùi. Tự tánh Niết-bàn, tự tánh thanh tịnh, tự tánh giải thoát, tự tánh xa lìa, là tâm tánh ông, vốn tự là Phật, chẳng dùng riêng cầu Phật, ông tự là Kim cang định, chẳng dùng lại tác ý ngưng tâm thủ định giả sử ngưng tâm kiểm niệm, làm được cũng chẳng phải cứu cánh". Trong khoa chúng sanh và Phật không hai, Hòa thượng Chí công nói: "Chúng sanh và Phật chẳng khác. Đại trí chẳng khác với ngu, sao dùng ngoài cầu trân báu, trong thân tự có minh châu, chánh đạo tà đạo không hai, rõ biết phàm thánh đồng mê, mê ngộ vốn không sai biệt, Niết-bàn sanh tử như một, rốt ráo duyên theo không tịch, suy cầu nghĩ tưởng thanh hư, không có một pháp khả đắc, thâm trầm vào thẳng vô dư". Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

"Về nguyên cũ nào phải thứ lớp cầu,
Pháp tánh không trước sau,
Một niệm một lúc tu".

Lại có bài tụng rằng:

"Phàm địa tu chánh đạo,
Quả địa tập nhân phàm,
Luôn đi không chỗ giẫm,
Thường độ không độ người".

Đại sư Chân Giác có bài ca rằng:

"Núi tuyết béo ngậy không gì tạp,
Thuần ra đề hồ ta thường nhận,
Một tánh viên thông tất cả tánh,

Một pháp bao gồm tất cả pháp,
Một trăng khắp hiện khắp cả nước,
Trăng tất cả nước một trăng thâu.
Pháp thân chư Phật vào tánh ta,
Tánh ta đồng chung Như Lai hợp,
Một địa đầy đủ tất cả địa,
Chẳng sắc chẳng tâm chẳng hạnh nghiệp,
Khảy tay viên thành tám vạn môn,
Sát-na diệt dứt nghiệp A-tỳ.
Tất cả số câu chẳng số câu,
Cùng Linh giác tôi nào giao thiệp".

Trong Bách Môn Nghĩa Hải nói: "Phát tâm Bồ-đề, nay rõ đạt tất cả chúng sanh và bụi lông v.v... lý vô tánh, vì thành trí Bồ-đề của Phật, do đó ở trong thân Bồ-đề Phật thấy tất cả chúng sanh thành Đẳng Chánh Giác. Lại, chúng sanh và bụi lông v.v... toàn vì lý Bồ-đề của Phật mà thành chúng sanh, do đó ở trong Bồ-đề chúng sanh thấy Phật tu hạnh Bồ-đề, cho nên Phật là Phật của chúng sanh, chúng sanh tức là chúng sanh của Phật. Giả sử có khai hợp, trọn không sai biệt. Thấy như vậy gọi là tâm Bồ-đề, khởi đồng thể đại bi giáo hóa chúng sanh vậy". Lại, Đông Lâm hỏi rằng: "Chúng sanh là mê, chư Phật là ngộ, thể tuy là một, ước dụng có sai biệt. Nếu vì chúng sanh thông gồm Phật, Phật cũng hợp mê. Nếu vì Phật thông gồm chúng sanh, chúng sanh hợp ngộ ư?" Đáp: Luôn lấy chẳng phải chúng sanh làm chúng sanh, cũng lấy chẳng phải Phật làm Phật, chẳng ngại còn mà luôn đoạt, chẳng phòng hoại mà thường thành, tùy duyên tạp lập của chúng sanh, đâu có chúng sanh có thể được căn cứ thể, quyền thí tên gọi pháp thân. Nào có chư Phật có thể cầu, không gì chẳng dối suốt nguồn chân nguyên, ở một tướng mà luôn có, chân gồm ngọn vọng, vào năm đường mà thường không, tình đàm thì hai cõi khó thông, trí nói thì nhất như dễ nhóm, sau đó cả hai chẳng phải cả hai, đó tức là thành tựu lẫn nhau, thấy chư Phật ở nơi thân chúng sanh, quán chúng sanh ở nơi Phật thể". Hòa thượng Ngưỡng Sơn hỏi Hòa thượng Quy Sơn rằng: "Phật thật trú nơi nào?" Hòa thượng Quy Sơn nói: "Do tư duy diệu của không tư duy, trái lại tư duy vô cùng của ánh lửa linh, tư duy hết trở lại nguyên tánh tướng thường trú, sự lý không hai, Phật thật như như, đó thì không trú không lìa, hay thấy Phật thật giẫm t trên đường bình đẳng vậy". Nên nói đạo của lục đạo, lìa ác của thiện, lìa thiện của ác. Đạo của Nhị thừa, lìa vô lậu của lậu. Đạo của Bồ-tát lìa trung của biên. Đạo của chư Phật không lìa không đến.

Tại sao? Vì tất cả các pháp tức là Phật đạo. Do đó các bậc tiên đức nói: "Phàm, Đại đạo duy tâm, tức tâm là Phật, chỉ nương tựa nhất tâm mà tu, tức là trí của căn bản, cũng là trí không phân biệt tức năng phân biệt vô cùng, vì tự đủ Nhất thiết trí, chẳng đồng khởi tâm biến kế, nên biết phàm là có tâm đều là thành Phật, như nay đi là Phật đi, ngồi là Phật ngồi, nói là Phật nói, im lặng là Phật im lặng. Do đó nói A-tỳ y chánh thường ở tự tâm của cực Thánh, pháp thân chư Phật chẳng lìa một niệm của hạ phàm". Đây, chẳng phải phân được, có thể gọi là toàn thâu, vì không tin nên quyết định làm phàm, vì rõ suốt nên xưa lại thành Phật. Nhưng nghĩa của thành Phật, theo tánh hư huyền, tùy cơ đối lập nhau, tức có nhiều thứ. Như trong Hoa Nghiêm Diễn Nghĩa nói: "Tùy môn chẳng đồng, các thứ có khác. Môn chỉ có nhiều, tạm lược phân bốn: Một là, ước tánh, tức nhất chân pháp giới; Hai là,ước tướng, tức vô tận sự pháp; Ba là, tánh tướng giáo biệt, hiển bày hai môn đây bất tức chẳng lìa; Bốn là, vì tánh dung tướng đức dụng lớp lớp.

Thứ nhất nói về Thể môn là. Hỏi: Thể là Phật chăng? Đáp: Nên thành bốn câu: Một là, Phật, vì pháp tánh thân không chỗ chẳng đến, trong kinh nói: "Tánh không tức là Phật"; Hai là, chẳng phải Phật, vì tuyệt năng sở giác làm tánh đó, bình đẳng chân pháp giới, chẳng phải Phật, chẳng phải chúng sanh; Ba là, cũng chẳng Phật cung phụng Phật, vì pháp tánh thân không tự tánh; Bốn là, cả hai chẳng phải, vì tánh và vô tánh cả hai hết tuyệt. Trong kinh có kệ tụng rằng:

"Trong không không có hai,
Không hai cũng lại không,
Ba đời tất cả không,
Thì là chư Phật thấy".

Thứ hai, căn cứ tướng môn có hai: Một là, tình; hai là, chẳng phải tình. Chân tâm tùy duyên biến năng sở, nhưng hai môn đây mỗi mỗi phân nhiễm tịnh. Nghĩa là vô minh huân chân như thành duyên khởi nhiễm, chân như huân viên mãn thành duyên khởi tịnh, nhiễm thành muôn loại, tịnh đến thành Phật. Vì tu duyên tịnh đoạn duyên nhiễm kia mới được thành Phật, y cứ hai nghĩa đây thì chúng sanh và Phật chẳng đồng. Ở trong duyên tịnh lại có nhân quả. Nhân có thuần tạp, quả có y chánh. Nếu căn cứ thuần môn, tùy một Bồ-tát, suốt cùng vị lai chỉ tu một hạnh, mỗi mỗi đều vậy. Nếu căn cứ tạp môn, muôn hạnh đều tu suốt cùng vị lai. Nếu căn cứ nhân môn, suốt cùng vị lai thường là Bồ-tát. Nếu căn cứ quả môn, suốt cùng vị lai thường là Như Lai. Trong kinh nói: "Làm chúng sanh nên niệm niệm mới thành Đẳng Chánh Giác".

Nếu cả hai biện môn, suốt cùng vị lai, tu nhân đắc quả. Nếu căn cứ cả hai chẳng phải, suốt cùng vị lai chẳng phải nhân chẳng phải quả, bèn đồng chân tánh. Ba môn trước cả hai đều đủ bi trí song chứa tâm cảnh.

Thứ ba, là tánh tướng giao triệt môn, khúc chiếc có bốn môn: Một là, vì tánh tùy tướng đồng môn thứ hai; Hai là, gá tướng quy tánh đồng môn thứ nhất; Ba là, cả hai còn vô ngại đủ hai môn trên, y cứ đây thì bi trí song vận, tánh tướng đều xua, tịch chiếu cùng chuyển động Đại tự tại; Bốn là, cùng đoạt cả hai đều mất thì tánh tướng đều tuyệt, hết đồng biển quả không thành chẳng thành.

Thứ tư,vì tánh chứa tướng môn. Tướng tuy muôn sai không gì chẳng tức tánh, tánh tức vô tận toàn tại trong tướng, vì tánh dung tướng tướng như ở tánh, khiến các môn trên đều không chướng ngại, nhân quả giao triệt thuần tạp cùng chứa, sự sự xen nhau lớp lớp vô ngại. Nay căn cứ trong bốn câu của tánh môn, đó tức là Phật môn, chẳng lấy ba môn khác. Căn cứ trong tướng môn, nói theo môn hữu tình, là tịnh chẳng phải nhiễm, là quả chẳng phải nhân, là nghĩa một phần, chẳng phải chỗ dùng đây. Căn cứ giao triệt môn, Phật thì tánh tướng cùng chứa, chúng sanh thì nhóm tướng về tánh. Nay kinh chánh căn cứ thứ tư, vì tánh dung tướng, một thành tất cả đều thành, nghĩa là lấy tánh tịnh của Phật dung nhiễm của chúng sanh, lấy một tánh của Phật chứa nhiều của chúng sanh, khiến chúng sanh nhiều nhiễm tùy một chân tánh đều như ở Phật đã thành cứu cánh, chẳng phải chỉ hữu tình hội, vạn loại tương dung làm Phật thể, không gì đều thành. Nên Triệu công nói: “Họp muôn vật mà thành rồi, đó chỉ là Thánh nhân ư?” Lại nói: “Nên Thánh nhân không đồng thể đó, muôn vật không chẳng phải ta. Đem tánh của Phật dung nơi tánh vật đồng Phật đều thành. Đem tánh của vật dung nơi tướng Phật, Nên khiến ba nghiệp ngang bằng ở muôn loại”, tức ý kinh nay mà chẳng phải các môn khác. Nên nói tùy môn chẳng đồng, nay là thành Phật môn vậy. Đốn giáo phần nhiều đồng ước tánh bốn môn. Chung giáo tức đồng tánh tướng giao triệt. Thủy giáo có hai môn, huyễn có tức không, đồng nhóm tướng quy tánh, chỉ duy tâm hiện, phần nhiều đồng thứ hai. Tiểu thừa trời người đều đồng tướng môn, do đó có nói: Vô tình thành Phật tức là căn cứ tánh tướng tương dung. Đem tánh của hữu tình chứa tướng vô tình, đem tướng vô tình tùy tánh chứa đồng tướng của hữu tình, nên nói vô tình có nghĩa thành Phật. Nếu đem vô tình chẳng nghĩa thành Phật chứa tướng của hữu tình cũng được nói là chư Phật và chúng sanh chẳng thành Phật vậy. Vì thành và chẳng thành, hữu tình và vô tình không có hai tánh, pháp giới vô hạn, Phật thể khắp cùng, sắc

không không hai, pháp không tánh cố định, mười thân viên dung, duyên khởi cùng nguyên do, sanh giới vô tận, làm nhân khắp cùng, xa lìa đoạn thường, muôn pháp rỗng chứa, nên nói một thành tất cả đều thành vậy, chẳng phải cho rằng vô tình cũng có tánh giác đồng với hữu tình thành Phật. Nếu chấp thuận thành đây thì năng tu nhân, vô tình biến hóa hữu tình, hữu tình biến hóa vô tình, bèn đồng tà kiến, do đó, tánh chẳng phải khéo vụng, giải hiểu có tinh thô, trí diệu mà thấy ở khoảnh khắc, có độn mà ngộ trải qua số kiếp như bụi trần. Do đó, các bậc Cổ đức nói: Phàm, Phật thể sâu mầu, chẳng phải tức sắc uẩn, cũng chẳng lìa sắc uẩn. Một và khác tánh không, chân tánh tự hiện. Như trong kinh Mật Nghiêm có kệ tụng rằng:

"Mạt vụn nơi quặng vàng,
Trong quặng chẳng thấy vàng,
Người trí khéo dung luyện,
Vàng thật mới hiển bày,
Phân vạch ở các sắc,
Cho đến làm cực nhỏ,
Và chiết tìm các uẩn,
Hoặc một hoặc khác tánh,
Phật thể chẳng thể thấy,
Cũng chẳng không có Phật".

Vả lại, như ngộ vào trong Tông kính, thành Phật chẳng lìa một niệm. Nếu niệm trước là phàm niệm sau là Thánh, đây như chỗ gồm thâu của Biệt giáo. Nay chẳng động vô minh, toàn thành Chánh giác. Nên trong Hoa Nghiêm kinh luận nói: "Như đem ngôi vị báu trao ngay cho kẻ phàm ngu, như đêm mộng ngàn thu, tỉnh rồi theo đó mất". Phó Đại sĩ tâu cùng Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương rằng: "Nay muốn đem châu báu như ý thanh tịnh giải thoát chiếu suốt mười phương, sắc màu ánh sáng vi diệu khó thể nghĩ bàn, ý muốn thí đến người chủ, nếu thọ nhận chóng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề". Nên biết nếu một niệm quyết định tin nhận, chẳng cách sát-na bèn lên ngôi vị giác ngộ. Như trong kinh Duy-ma nói: "Cư sĩ Duy-ma-cật nói: "Nhưng các ông bèn phát tâm Vô thượng Bồ-đề, đó tức là xuất gia, đó tức là cụ túc". Lại, trong kinh Pháp Hoa nói: "Bấy giờ Long nữ có một hạt châu báu giá trị bằng ba ngàn đại thiên thế giới, đem dâng lên Đức Phật, Đức Phật liền nhận lấy. Long nữ nói cùng Bồ-tát Trí Tích và Tôn giả Xá-lợi-phất rằng: "Tôi dâng châu báu, Đức Thế Tôn nạp thọ, việc ấy có nhanh chăng?" Đáp rằng: "Rất nhanh!" Long nữ nói: "Dùng sức thần của các

ông xem tôi thành Phật, còn nhanh hơn vậy”. Nên biết tâm châu của hàm sanh sáng rỡ, lý không trước sau, sáng tối tùy căn cơ, hoặc nhân đấu đánh mà ẩn trong da, đối với gương sáng mà hiển hiện, hoặc nhân vân du mà chìm nơi đáy nước, tại đường yên ổn mà được đó, hoặc đặt để trong búi tóc của Luân vương, lập công lớn mà trao nhận, hoặc buộc trong chéo áo người bần khổ tỉnh trí nguyện mà vẫn còn. Tông kính nói rõ văn đồng chứng ở đây. Tin lược như vậy, rốt ráo không thừa, tức là một niệm biết tất cả các pháp, vì là đạo tràng thành tựu Nhất thiết trí. Căn cứ các Thánh mở bày tâm Phật rõ ràng đây, giả sử có người ôm giữ nghi ngờ lui sụt, tuy chưa tin nhận,nếu lý thành Phật chưa từng tạm khuyết, như người chẳng biết vàng thật nhận làm đồng sắc, đồng sắc chỉ có hư danh, tánh vàng chưa từng tạm biến. Như nay người chấp trước không biết xưa đúng lại cho rằng nay chẳng phải, cũng chẳng phải xưa trước mê lầm mà mới bắt đầu tỏ ngộ.

Như trên, rộng nêu dẫn uyển chuyển chứng minh, chỉ vì ngay trong sanh tử có tánh chẳng thể nghĩ bàn, ở giữa trần lao đủ thân đại Bồ-đề. Vì hạng người nghiệp chướng sâu nặng nghe đều chẳng tin, cam chịu xưng là tuyệt phần, chỉ nói ta là phàm phu, đã chẳng thể tiếp nối làm ngời sáng Phật thừa hoằng trì pháp khí, bèn là một mực thuận theo nghiệp của chúng sanh, trái với tánh giác hợp trần, biển sanh tử càng sâu, lòng phiền não càng kín. Do đó gom tập ngôn giáo của Phật tổ, chóng mở tan các thứ nghi ngờ, khiến ngay lời nói đó mà phát sáng, thấy được tự tánh vô sanh, mới biết cùng Phật không khác, muôn pháp vốn đồng, mới tin chân thuyên có lợi ích sâu như vậy.

Hỏi: Lục Tổ nói: “Thiện ác đều chẳng nghĩ lường, tự nhiên được vào tâm thể”. Hòa thượng Động Sơn nói: “Học được việc bên cạnh Phật, như là dụng tâm sai”. Nay làm sao rộng luận bàn yếu chỉ của thành Phật?

Đáp: Nay Tông Kính Lục chánh luận nghĩa đó, vì tâm ngầm tánh Phật lý hợp chân không, đâu ở ngoài tâm vọng cầu tùy thắng cảnh khác. Như trong Hoa Nghiêm ký nói: “Nếu đạt chân không còn chẳng tạo thiện, há huống là ác ư? Nếu tà thuyết không nghĩa là chợt nhiên đạt không vật, hoặc nói vô ngại chẳng phòng ngại tạo ác. Nếu thật biết không khéo thuận ở lý, sợ sanh động loạn, còn chẳng khởi tâm kính mộ thiện. Ác trái với lý, vì thuận vọng tình, đâu đáng nên tạo. Nếu nói vô ngại chẳng ngại tạo ác, sao chẳng vô ngại chẳng ngại tu thiện mà đoạn ác ư? Phàm tu thiện pháp còn sợ đấm trước tâm, buông tình tạo ác sao chẳng sợ đấm trước, rõ ràng biết chúng sanh tà kiến ác vậy. Cho đến

vào lý quán Phật còn sợ khởi tâm, lại tạo nghiệp tư duy, đặc biệt trái với chí lý. Nên trong kinh Lăng-già nói: "Phật bảo Đại Tuệ: "Điều biết của Thánh trước chuyển cùng truyền trao, vọng tưởng không tánh. Bồ-tát Ma-ha-tát riêng ở một nơi tỉnh, tự giác quán sát, chẳng do ở khác lìa kiến vọng tưởng, thượng thượng tiến lên vào Như Lai địa. Đó gọi là Tự giác thánh trí tướng". Lại nói: "Tất cả không Niết-bàn, không có Phật Niết-bàn, không có Niết-bàn Phật, xa lìa giác sở giác". Sở giác là tướng, năng giác là kiến, xa lìa giác sở giác gọi là Tự giác thánh trí, vì mất nơi năng sở thành Phật vậy. Phàm hạn lượng chỗ biết, theo học ngoài khác, muốn cùng tột biển Bát-nhã, chẳng được nguồn đó, như ở trong sông Hằng ném đổ vào một thăng muối, nước không mùi vị mặn, người uống không biết. Nếu nội chiếu phát sáng, thấu triệt nguồn đáy pháp, không lý nào chẳng chiếu, không sự nào chẳng gồm. Như trong kinh nói: "Phật dạy: Ta ở trong pháp vô niệm, đắc thân sắc màu vàng ròng có ba mươi hai tướng tốt như vậy, phóng quang minh lớn chiếu khắp các thế giới không thừa sót".

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 15

Hỏi: Đã bác địa phàm phu vị ngang bằng chư Phật, cớ sao chẳng đầy đủ tác dụng thần thông như chư Phật?

Đáp: Chẳng phải không đầy đủ, chỉ vì chúng sanh không biết. Nên Tông Hoa Nghiêm nói: "Chư Phật chứng thể của chúng sanh, dùng dụng của chúng sanh". Do đó, Hòa thượng Chí Công có bài ca rằng: Trời xế chưa tâm địa, nào từng an liễu nghĩa, văn tự nhà người có thân sơ, chớ khởi công phu cầu đích ý, mặc tình ngang dọc tuyệt húy kỵ, lớn tại nhân gian chẳng ở đời, vận dụng xưa nay trong thanh sắc, phàm chẳng rõ tranh làm kế". Như có người học hỏi Hòa thượng Đại An rằng: "Thế nào là thần thông của chư Phật?" Hòa thượng Đại An bảo: "Ông từ xứ nào đến đây?" Người ấy đáp: "Từ Giang Tây đến đây?" Hòa thượng bảo: "hoàn toàn chẳng nói dối chăng?" Người ấy đáp: "Trọn không nói hư dối". Và lại hỏi: "Thế nào là thần thông?" Hòa thượng bảo: "Quả nhiên là vọng ngữ". Đó đều có thể nghiệm, đều là hằng ngày dùng hiện tiền mà không biết. Chư Phật đem nhân của ba đại thể tướng dụng chân như trong tâm chúng sanh làm quả của ba thân pháp báo hóa. Đâu có thể lại luận đầy đủ hay chẳng đầy đủ ư? Như nay nếu thật chưa tiến là chỉ chẳng phải sở sanh của sanh nhân, chỉ lại sở hiểu của liễu nhân. Trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Sanh nhân là như đất bùn làm bình. Liễu nhân như đèn soi chiếu vật, nếu đèn trí mới chiếu, phàm thánh nhất như, nếu ý giải quán đó, chân tục tợ riêng biệt", nhưng ở thế gian phần nhiều chấp sự tướng, mê mờ ở chân lý. Nên trong kinh Pháp Hoa nói: "Giữ lấy tướng phàm phu, tùy cơ nghi giảng nói". Trong kinh Kim Cang nói: "Chỉ người phàm phu tham trước việc đó". Do đó tất cả các kinh luận đều phá các sự chấp sự tướng thân tâm v.v... của chúng sanh. Như trong phẩm Ly vi ở luận Bảo Tạng nói: "Phàm, kinh luận là không gì chẳng căn cứ phàm tình kia mà phá căn lượng kia, các thứ phương tiện đều chẳng trù nơi hình sự. Nếu chẳng lườnghình sự thì chẳng cần phải tất cả ngôn thuyết và dùng Ly vi vậy". Nên trong kinh nói: "Tùy nghi

nói pháp, ý thú khó hiểu, tuy nói các thứ thừa đều là quyền tiếp phương tiện hỗ trợ đạo pháp vậy, nhưng chẳng phải cứu cánh giải thoát Niết-bàn. Như có người ở trong hư không vẽ các thứ sắc tướng và các thứ âm thanh, nhưng hư không kia thật không tướng khác, thọ nhập biến động nên biết chư Phật hóa thân và vì giảng nói pháp cũng lại như vậy. Ở trong thật tế đều không một khác. Do đó, trời đất nên lìa hư không nên nhỏ, muôn vật động tác biến hóa vô vi. Phàm, trong thần có trí, trong trí có thông. Thông có năm thứ, trí có ba thứ. Những gì là năm thứ thông? Một là đạo thông; hai là thần thông; ba là y thông; bốn là báo thông; năm là yêu thông. Yếu thông là Hồ ly già biến, cây đá tinh hóa, nương tựa người thần thông tuệ kỳ dị, đó gọi là yêu thông. Sao gọi là Báo thông? Quỷ thần nghịch biết, các trời biến hóa, trung ấm liễu sanh, rồng thần ẩn biến. Đó gọi là Báo thông. Sao gọi là y thông? Căn cứ pháp mà biết, duyên thân mà dụng, nương phù qua lại, bánh thuốc linh biến. Đó gọi là y thông. Sao gọi là thần thông? Tĩnh tâm chiếu vật, túc mạng nhớ giữ, các thứ phân biệt đều tùy định lực. Đó gọi là thần thông, sao gọi là đạo thông? Vô tâm ứng vật, duyên hóa vạn hữu, nước trăng hoa đốm hư không, ảnh tượng không chủ. Đó gọi là đạo thông. Những gì là ba thứ trí: Một là chân trí; Hai là nội trí; Ba là ngoại trí. Sao gọi là ngoại trí? Nghĩa là phân biệt tướng môn, biết rõ cảnh trần, rộng xem xưa nay đều thông việc tục. Đó gọi là ngoại trí. Sao gọi là nội trí? Tự giác vô minh, cắt đứt phiền não, tâm ý vắng lặng, diệt không có thừa. Đó gọi là nội trí. Sao gọi là chân trí? Rõ hiểu không vật, xưa nay vắng lặng, thông đạt không ngằn mé, sạch dơ không hai, nên gọi là chân trí. Chân trí đạo thông không thể đặt để tên gọi, ngoài ra các điều có đều là tà ngụy. Ngụy thì chẳng chân, tà thì chẳng chánh, hoặc loạn tâm sanh, mê mờ nơi bản tánh. Do đó hiểu sâu lìa nhỏ nhiệm, thấu đạt các hữu kia. Tự tánh vốn chân vượt ngoài các phẩm loại. Phàm trí có tà chánh. Thông có chân ngụy. Nếu chẳng phải pháp nhãn tinh minh thì khó thể biện rõ. Do đó trong thế tục phần nhiều tin theo tà ngụy, ít tin chánh chân. Đại giáo nép hành, Tiểu thừa hiện dụng. Nên biết diệu lý khó hiển bày vậy. Trong Bách Trượng Quảng Ngữ nói: "Ứng vật tùy hình, biến hiện các thú, lìa ngã và ngã sở như thuộc tiểu dụng. Đó là gồm thâu trong môn Phật sự. Đại dụng là đại thân ẩn nơi không hình, Đại âm nép nơi hiếm tiếng". Cư sĩ Bàng Uẩn có kệ tụng rằng:

"Người đời lắm trọng vàng,
Ta mến khoảnh khắc lắng.
Vàng nhiễu loạn tâm người,

Lắng thấy tánh chân như.
Tâm thông pháp cũng thông,
Mười tám đoạn vết tích,
Chỉ tự tâm vô ngại,
Nào buồn thần chẳng thông".

Hiểu được như vậy mới vào trong Tông Kính, chỗ có việc làm đều vào luật hạnh, tự nhiên hoàn thành tất cả Phật sự. Như trong kinh Tịnh Danh Tư Ký nói: "Được vào luật hạnh, như chương Ưu-ba-ly, đó gọi là Phụng luật, đó gọi là Thiện giải, ngồi yên chẳng dùng, kinh doanh bày các thứ cúng dường mà thường làm Phật Phật sự, cầu trong tâm hành". Trên đây, đều ước tánh dụng tâm thông, chẳng căn cứ sự giải. Hoặc các nhà chủ trương kiêm gần sự mà nói là, hoặc nói lý chúng sanh đầy đủ các Phật sự viên mãn, hoặc nói chúng sanh tại nhân chư Phật chứng quả. Hoặc nói chúng sanh là chỗ khách trần ngăn che. Chư Phật các thứ hiện đều hết. Hoặc nói chúng sanh bị vọng kiến cách biệt, chư Phật năm mắt viên thông. Lại, Thiên thai giáo phần nhiều căn cứ Bản tích, nói rõ phàm thánh không hai, biện rành nhân quả của chúng sanh và Phật, nên Pháp sư Triệu nói: "Bản tích tuy khác, chẳng thể nghĩ bàn một". Do đó, Tôn giả Trạm Nhiên căn cứ Tam quán, Tứ giáo, thập như, thập thừa, nhất niệm tam thiên v.v... ở trong Tích môn đây, luận bàn thập diệu đó. Nếu biết Tích môn còn diệu, Bản môn có thể biết, bèn gom được sắc tâm không hai v.v... cả mười môn, nói rõ tông của quyền thật, biện giải hóa của năng sở, nên nói: Bày thật làm quyền thì chẳng hai mà hai, mở quyền bày thật thì hai mà chẳng hai. Đó thì thủy chung rõ ràng không hai. Mười môn là: Một là môn sắc tâm không hai là, tạm như gương mười như, cho đến không Đế mỗi mỗi đều có hai ý tổng biệt. Tổng lại Nhất tâm, phân biệt sắc tâm. Tại sao? Mới đầu trong mười Như, tướng chỉ tại sắc, tánh chỉ tại tâm, thể lực làm duyên, nghĩa gồm sắc tâm. Nhân quả duy tâm, báo chỉ ước sắc. Mười hai nhân duyên, khổ nghiệp gồm cả hai. Hoặc chỉ tại tâm, tứ đế thì ba gồm sắc tâm, diệt chỉ tại tâm. Hai đế ba đế đều tục, đủ cả sắc tâm, chỉ tâm trong chân, một thật đế và không đế. Căn cứ đây có thể thấy, đã biết riêng biệt rồi, gồm riêng vào chung, tất cả các pháp không gì chẳng phải tâm tánh. Một tánh không tánh, ba ngàn rõ ràng. Phải biết sắc tâm của tâm, tức tâm gọi là biến, biến gọi là tạo tác, tạo tác nghĩa là thể dụng. Đó thì chẳng phải sắc chẳng phải tâm, mà là sắc mà là tâm, chỉ sắc chỉ tâm. Do vì ở đó nên biết chỉ biết một niệm thấy khắp ta người, chúng sanh và Phật, chúng sanh khác Phật khác còn cùng tâm đồng, huống gì chúng sanh và

Phật nơi tâm mình sao trái một niệm, nên kia, cảnh pháp kia sai mà chẳng sai. Hai là môn nội ngoại không hai là, phàm cảnh sở quán chẳng vượt trong ngoài. Ngoại nghĩa là gá y chánh kia, sắc tâm tức là không giả trung, tức không giả trung diệu nên sắc tâm thể tuyệt, chỉ một thật tánh không không giả trung, sắc tâm rõ ràng, chợt đồng chân tịnh, không lại chúng sanh bảy phương tiện khác, chẳng thấy cõi nước sạch dơ sai khác phẩm loại, mà y chánh lưới trời Đế thích trọn tự sáng rỡ. Gọi là nội, tức rõ bên ngoài sắc tâm một niệm không niệm, chỉ thể bên trong ba ngàn tức không giả trung, đó thì pháp ngoài toàn làm tâm tánh, tâm tánh không ngoài, nhiếp không đâu chẳng khắp. Mười phương chư Phật, pháp giới hữu tình, tánh thể không khác, tất cả đều khắp. Ai bảo nội ngoại sắc tâm ta người? Đó tức là Dụng hướng môn sắc tâm không hai thành; Ba là, môn tu tánh không hai là, tánh đức chỉ là giới như một niệm, Nội giới đây như ba pháp đầy đủ. Tánh tuy vốn vậy, gá trí khởi tu, do tu chiếu tánh, do tánh phát tu, tại tánh thì toàn tu thành tánh, khởi tu thì toàn tánh thành tu. Tánh không chỗ đổi dời, tu thường rõ ràng. Tu lại có hai thứ; thuận tu và nghịch tu. Thuận nghĩa là rõ tánh làm hạnh, nghịch nghĩa là trái tánh thành mê. Mê rõ hai tâm, tâm tuy chẳng hai, thuận nghịch hai tánh, tánh sự luôn khác, có thể do sự chẳng đổi dời tâm, thì khiến mê tu thành rõ, nên phải một kỳ mê rõ chiếu tánh thành tu, thấy tánh tu tâm, hai tâm đều sạch. Lại, rõ thuận tu đối tánh có lìa có hợp. Lìa nghĩa là tu tánh, mỗi mỗi có ba, hợp nghĩa là tu hai tánh một. Tu hai; mỗi mỗi có ba cùng phát tánh ba, đó thì tu tuy đủ chín, chín chỉ là ba, vì đối tánh nói rõ tu nên hợp tu làm hai. Hai cùng một tánh như nước làm sóng. Hai cũng không hai, cũng không sóng nước. Nên biết tánh chỉ ba chướng, cho nên đầy đủ ba, tu từ tánh thành, thành ba pháp vậy. Đạt không tu tánh, chỉ một diệu thừa, không chỗ phân biệt, pháp giới rỗng sáng. Đó, do môn nội ngoại không hai mà thành; Bốn là, môn nhân quả không hai là, tâm chúng sanh nhân đã đủ ba khuôn phép, nhân đây thành quả, gọi là ba Niết-bàn. Nhân quả không khác, thủy chung lý một. Nếu vậy, nhân đức đã đủ, sao chẳng trú nhân, chỉ do mê nhân, mỗi tự cho là thật. Nếu rõ mê tánh thật vì chỉ trú nhân. Lâu nghiên cứu nhân đây, nhân hiển bày gọi là quả, chỉ duyên một lý nhân quả, dùng một lý đây làm nhân, lý hiểu biết không gọi lại là quả, đâu có thể vẫn còn hiệu nhân. Nhân quả đã sạch, lý tánh tự quên, chỉ do quên trí thân sơ, cuối cùng khiến mê thành dày mỏng, mê dày mỏng nên cưỡng phân thành ba hoặc,nghĩa mở sáu tức gọi là trí cạn sâu nên như mê mờ lại thêm không ngầm lầm hoặc tuyệt, huyễn nhân đã đủ, gương tượng quả tròn,

không tượng tuy tức nghĩa đồng mà không hư tượng thật tượng thật, nên xưng lý vốn có, không hư nên mê chuyển thành tánh. Đó thì chẳng hai mà hai, lập nhân quả khác hai mà chẳng hai, thủy chung một thể. Nếu cho rằng nhân khác quả, nhân cũng chẳng phải nhân, hiểu quả từ nhân, nhân mời khắc quả. Do đó, ba ngàn tại lý đồng gọi là vô minh. Ba ngàn quả thành đều xưng là thường lạc, ba ngàn vô ký, vô minh tức minh, ba ngàn đều thường đều thể đều dụng. Đó, do môn tu tánh không hai mà thành; Năm là, môn nhiễm tịnh không hai là, nếu biết vô thủy tức pháp tánh làm vô minh nên có thể rõ, nay vô minh làm pháp tánh. Pháp tánh đó cùng vô minh khắp tạo các pháp, gọi đó là nhiễm. Vô minh đó cùng pháp tánh khắp ứng các duyên, gọi đó là tịnh. Nước đục nước trong, sóng ướt không khác. Trong đục tuy tức do duyên mà đục thành vốn có, đục tuy vốn có mà toàn thể là trong. Vì lý hai sóng thông khắp thể là dụng. Ba ngàn nhân quả đều gọi là duyên khởi. Mê ngộ duyên khởi chẳng lìa sát-na, sát-na tánh thường duyên khởi lý một trong một lý mà phân nhiễm tịnh. Riêng biệt thì sáu dơ bốn sạch, thông đồng thì mười thông sạch dơ. Nên biết sát-na thể nhiễm đều tịnh. Ba ngàn chưa hiển bày, nghiệm thể vẫn mê, nên địa vị tương tợ thành sáu căn khắp chiếu. Chiếu phân mười cõi, mỗi mỗi đầy đủ sáng rỡ. Há người tịnh sáu căn cho rằng mười nhất định mười, phân chân duỗi vết mười cõi cũng vậy, cho đến quả thành v.v... trăm cõi kia, nên cần phải tâm mới đầu mà ngăn mà chiếu. Chiếu nên ba ngàn luôn đầy đủ, ngăn nên pháp ấy trong không, trọn ngày cả hai đều mất, trọn ngày cả hai đều chiếu, chẳng động niệm đây, khắp ứng vô phương, tùy cảm mà hành xử, tịnh uế đó sạch. Vì mất tịnh uế, lấy không lấy trung, nhưng do không trung chuyển nhiễm làm tịnh, do rõ nhiễm tịnh, không trung tự mất. Đó, do môn nhân quả không hai mà thành; sáu là, môn y chánh không hai là, đã chứng Giá-na thể không hai, do vì một niệm ba ngàn từ vô thủy, lấy hai ngàn sanh ấm trong ba ngàn làm chánh, cõi nước một ngàn thuộc y, y chánh đã ở nhất tâm. Nhất tâm đâu phân năng sở, tuy không năng sở mà y chánh rõ ràng. Đó thì lý tánh danh tự quán hạnh đã có tưởng y chánh không hai, nên khiến tự tha, nhân quả gồm nhau, chỉ vì chúng sanh ở lý, quả tuy chưa biện, tất cả không gì chẳng là diệu cảnh Giá-na, nhưng phải lại rõ pháp thể chư Phật chẳng phải khắp cùng mà khắp cùng, lý tánh chúng sanh chẳng phải hạn cục mà hạn cục. Thủy chung không cải đổi, lớn nhỏ không phòng ngại. Lý nhân quả đồng, y chánh nào sai biệt. Nên cõi nước dơ sạch, tự thân hơn kém, trần thân và pháp thân lượng đồng. Cõi nước trần và tịch quang không khác. Đó thì mỗi mỗi cõi trần

tất cả cõi, mỗi mỗi thân trần tất cả thân. Rộng hẹp hơn kém khó nghĩ bàn, dơ sạch nơi chốn không cùng tận. Nếu chẳng phải ba ngàn không giả trung, sao có thể thành dụng tự tại đây. Như vậy mới biết chúng sanh và Phật ngang bằng, đây kia sự lý hỗ tương gồm thâu. Đó, do môn nhiễm tịnh không hai mà thành. Bảy là môn tự tha không hai là, tùy cơ lợi tha, sự mới nương cậy gốc, gốc là một tánh, đầy đủ tự tha. Mới đến quả bị, tự tức lợi ích tha, như lý tánh ba đức ba đế ba ngàn, tự hành chỉ tại trong không. Lợi tha ba ngàn đến với vật. Vật có vô lượng, chẳng vượt ngoài ba ngàn. Năng ứng tuy nhiều chẳng vượt ngoài mười cõi. Mười cõi chuyển hiện chẳng vượt ngoài một niệm, cõi cõi qua lại sanh chẳng vượt ngoài Tịch quang, chúng sanh do lý đầy đủ ba ngàn nên hay cảm, chư Phật do ba ngàn lý đủ nên hay ứng. Ứng khắp có khắp, mừng vui đến chẳng sai, không như vậy đâu có thể, như gương hiện hình tượng, gương có lý của hiện hình tượng. Hình có tánh sanh tượng. Nếu một hình đối chẳng thể hiện tượng thì lý gương có cùng, hình sự chưa thông. Nếu cùng gương tượng cách biệt thì dung có lý đó. Không có hình đối mà chẳng ảnh tượng là, nếu gương chưa hiện hình do bụi trần ngăn che, dứt trừ bụi trần là do người lau chùi. Hiện hình chẳng liên quan đến lau chùi là, dùng thí dụ để quán pháp, ý chỉ lớn có thể biết. Nên biết, lý tuy tự tha đều đầy đủ, hẳn nhờ duyên rõ làm công lợi tha. Lại do duyên rõ cùng tánh một hợp mới có thể xứng tánh đặt bày muôn mối, thì chẳng khởi tự tánh, hóa không nơi chốn. Đó, do môn y chánh không hai mà thành; Tám là môn ba nghiệp không hai là môn hóa tha sự phân ba kín đáo, tùy thuận vật lý được danh chẳng đồng. Tâm luôn xét có, hai luân bày hóa, hiện thân nói pháp chưa từng sai mảy may, tại thân phân nơi chân ứng, tại pháp phân ở duyên thật. Hai thân nếu khác cớ sao mới nói tức là pháp thân? Hai thuyết nếu trái cớ sao mới gọi đều thành Phật đạo? Nếu chỉ pháp thân, nên không ứng hiện nơi đời, nếu chỉ Phật đạo, thiết bày ba thừa. Thân còn không thân, thuyết hẳn chẳng phải thuyết. Thân miệng bình đẳng bằng ý luân kia, tâm sắc nhất như chẳng mưu tính mà hóa, thường ngầm chí cực, ứng vật mà hành xử. Há chẳng phải trăm cõi một tâm, mỗi mỗi cõi không chẳng phải ba nghiệp. Cõi còn một niệm, ba nghiệp đâu khác. Quả dụng không khuyết, nhân hẳn xứng quả. Nếu tin nhân quả mới biết ba kín đáo vốn có. Trăm cõi ba nghiệp đều không giả trung, nên khiến xứng nghi khắp đến làm quả, mỗi mỗi ứng sắc, mỗi mỗi ngôn âm, không gì chẳng là trăm cõi ba nghiệp đầy đủ. Hóa lại làm hóa, đó gọi là ư? Nên một niệm tâm phàm đã có lý tánh ba tướng hải kín đáo. Một mảy trần báo sắc đồng tại lý gốc Tỳ-lô-giá-na,

mới gọi là ba không sai biệt, do môn tự tha không hai mà thành. Chín là môn nói rõ quyền thật không hai là, đại tuệ bình đẳng thường soi xét pháp giới, cũng do lý tánh chín quyền một thật. Thật lại chín cõi, quyền cũng lại vậy. Quyền thật cùng ngầm trăm cõi một niệm cũng chẳng thể phân biệt, mặc tình thường vậy. Đến quả mới do khế gốc một lý, chẳng phải quyền chẳng phải thật mà là quyền mà là thật. Đây tức như trước, tâm luân tự tại, cuối cùng khiến thân miệng đến cớ quyền thật. Ba nghiệp một niệm không trái quyền thật, chẳng động mà đặt bày,đâu nên cách biệt khác đối nối, tức dùng quyền thật lập xưng tại thân, thì dùng chân ứng làm danh, ba nghiệp lý đồng, quyền thật ngầm hợp. Đó, do môn ba nghiệp không hai mà thành. Mười là môn thọ nhuận không hai là vật lý xưa nay tánh đủ quyền thật. Từ vô thủy huân tập hoặc quyền hoặc thật, quyền thật do huân tập thường luôn bình đẳng, gặp thời thành tập, nguyện hạnh làm vốn liếng. Nếu không nhân gốc, huân cũng nhọc bày, gặp huân tự khác chẳng phải do tánh khác. Tánh tuy không khác hẳn gá huyễn phát, huyễn cơ, huyễn cảm, huyễn ứng, huyễn đến. Năng hóa sở hóa đều chẳng phải quyền thật, nhưng do chúng sanh đầy đủ chẳng phải quyền chẳng phải thật, thành có quyền thật, Phật cũng quả đầy đủ, chẳng phải quyền chẳng phải thật, làm ứng quyền thật, vật cơ ứng hợp, thân cõi không thiên lệch, đồng thường tịch quang, không gì chẳng phải pháp giới. Nên biết ba ngàn đồng tại tâm địa cùng Phật tâm địa ba ngàn chẳng khác. Bốn vi thể đồng, quyền thật càng ngang bằng. Đó, do môn quyền thật không hai mà thành.

Trên đây đều là căn cứ lý sự quyền thật nhân quả năng sở v.v... mà giải thích. Đại khái hai môn lý sự chẳng phải một chẳng phải khác. Như trong luận Đại Trí Độ nói: "Có hai thứ môn: Một là tất cánh không; Hai là môn phân biệt tốt xấu". Nay y cứ trong môn phân biệt thì lý là sở y làm gốc, sự là năng y làm ngọn. Lại, lý diệu khó biết là hơn, sự thô dễ thấy là kém. Như nay chỉ có thể theo hơn chẳng thể theo kém, chỉ được lý gốc, gốc lập mà đạo sanh, sự lý tự nhiên thành vậy. Lại, lý thật ứng cơ, vô ngại lý của sự. Sự nhân lý lập, không mất sự của lý. Như nay, người chẳng vào viên tín đều tự khinh bỉ là hạ phàm xa suy cực Thánh, đó là chẳng chỉ mất sự, lý cũng toàn không, chỉ ngộ tông của một tâm vô ngại tự tại, tự nhiên lý sự dung thông chân tục giao triệt. Nếu chấp sự mà mê lý, trọn kiếp trầm luân, hoặc ngộ lý mà bỏ sót sự, đó chẳng phải viên chứng. Tại sao? Lý sự chẳng vượt ngoài tự tâm, tánh tướng nào trái một yếu chỉ. Nếu vào tông kính chóng ngộ chân tâm, còn không văn chẳng phải lý chẳng phải sự, đâu có chấp hoặc lý hoặc sự,

chỉ được gốc đó sau cũng chẳng phế viên tu. Như có người học hỏi Hòa thượng Bản Tịnh rằng: “Sư lại có tu hành hay không?” Hòa thượng đáp: “Ta tu hành khác biệt ông. Ông trước tu mà sau ngộ, ta trước ngộ mà sau tu. Do vì nếu trước tu mà sau ngộ, đó thì công của có công, công kết quy về sanh diệt. Nếu trước ngộ mà sau tu, đó là công của không công, công chẳng hư bỏ”. Do đó, trong tín tâm minh, Đại sư Dung nói rằng: “Muốn được tâm tịnh, không tâm dụng công”. Lại như người đầy đủ mắt trí, đâu được dối sanh tham lam, huống hồ tợ người mắt sáng, trọn chẳng rơi lạc nơi hầm hố, nếu những kẻ mù thiền tối chứng, sao biết lục tức, những hạng cuồng tuệ theo văn nào biết Nhất tâm. Như nay, chỉ trước khiến viên tín không nghi ngờ, tự ở nơi ngôi vị của quán hạnh. Người xưa nói: “Một đời có thể làm xong, đâu phải nói hư dối ư?” Cần kíp không thể mê tánh theo tu, chấp quyền hại thật, bỏ gốc theo ngọn, nhận vọng bỏ sót chân, căn cứ danh ngôn của Thế đế, chấp huân tập từ vô thủy, đem ngôn từ định hẳn yếu chỉ, lập hiểu biết nói rõ tông, một hướng hợp trần trái với Bản giác. Như người xưa nói: “Vọng tình dắt dẫn năm nào xong, cô phụ linh đài một điểm sáng”. Lại, Đại sư Chân Giác có bài ca rằng: “Giác tức xong chẳng bày công, tất cả pháp hữu vi chẳng đồng, trú tướng bố thí phước sanh trời, như ngửa cung tên bắn hư không. Hết sức lực mũi tên rơi lại, chuốc chịu đời sau chẳng như ý, tranh tợ vô vi thật tướng môn. Một vượt thẳng vào Như Lai Địa, chỉ được gốc chớ buồn rầu ngọn, như lưu ly sạch ngậm báu trắng. Đã hay hiểu châu như ý đây, tự lợi lợi tha trọn không hết”. Vả lại như trong đời người có phước, đến trong kho báu được ma-ni. Pháp ấy dùng các thứ mài sửa, sau đó tự nhiên được mưa báu, huống là người ngộ tâm đắc đạo, cũng như vậy đã vào Phật vị, pháp ấy muôn hạnh trang nghiêm bi trí tương tục, như Bồ-tát Pháp Vân Địa thứ mười trong kinh Hoa Nghiêm, huống gì như châu đại ma-ni có mười thứ tánh. Trong phẩm Thập địa nói: “Phật Tử! Thí như châu đại ma-ni có mười thứ tánh vượt quá các vật báu. Những gì là mười? Một là, từ trong biển lớn lưu xuất; Hai là, thợ khéo giỏi sửa làm; Ba là, tròn đầy không khuyết; Bốn là, trong sạch lìa dơ; Năm là, trong ngoài sáng suốt; Sáu là, khéo léo đục xuyên; Bảy là, xâu thành chuỗi báu; Tám là, đặt để trên tràng lưu ly cao; Chín là, tỏa phóng khắp tất cả các thứ ánh sáng; Mười là hay tùy ý vua mưa các vật báu. Như tâm chúng sanh đầy đủ nguyện đó. Phật tử nên biết Bồ-tát cũng lại như vậy có mười thứ sự vượt hơn các Thánh. Những gì là mười? Một là, phát tâm Nhất thiết trí; Hai là, Trì giới đầu-đà chánh hạnh sáng sạch; Ba là, các Thiền Tam-muội viên mãn không khuyết; Bốn là, đạo

hạnh thanh bạch lìa các dơ bẩn; Năm là, phương tiện thần thông trong ngoài sáng suốt; Sáu là, trí tuệ duyên khởi khéo hay đục xuyên; Bảy là, dùng các thứ phương tiện xâu làm chuỗi trí; Tám là, tôn trí trên tràng cao tự tại; Chín là Quán hạnh chúng sanh tỏa phóng ánh sáng văn trì; Mười là nhận chức Phật trí thuộc trong số Phật, hay vì chúng sanh rộng làm các Phật sự. Nên biết ngộ đạo như được châu, đâu không các việc giũa sửa trang nghiêm".

Hỏi: Nếu chẳng đủ Thần biến thì lấy gì nhiếp hóa?

Đáp: Nếu thuần giữ lấy sự tướng thần thông, có trái với chân thú. Như trong Phụ Hành Ký nói: "Tu Tam-muội chợt phát thần thông, phải gấp dứt trừ đó. Vì pháp hữu lậu là hư vọng". Nên trong chỉ quán nói: "Hay chướng ngại Bát-nhã. Tại sao? Chủng trí Bát-nhã tự đủ các pháp hay sạch các tướng, chưa đủ đã lại chỉ mở lý, nào phải sự thông, nếu chuyên ở thông, đó thì chướng lý. Lại, chẳng chỉ chướng lý, trái lại nhận chịu khuyết đó, như học trò của Uất-đầu thắng trí tức loại ấy vậy". Phàm, nói chân thật thần biến là không gì chẳng phải diễn nói môn Nhất thừa, đàm bàn lý vô sanh. Một lời khế hợp đạo, đang sanh tử mà chứng Niết-bàn, mục kích minh Tông, tức trần lao mà thành Chánh giác, chỉ trong sát-na mà đổi Phàm làm Thánh, chỉ một khoảnh khắc mà biến có về không. Tác dụng như vậy, hà chẳng phải là Thần biến ư? Do đó, trong kinh Bảo Tích nói: "Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Phàm là nói pháp, làm Đại thần biến, nếu là người thuộc căn cơ hạ liệt, chư Phật dư tâm đại bi, chẳng khiến riêng bỏ. Một kỳ phương tiện, lá vàng ngưng khóc". Như trong kinh Duy-ma nói: "Dùng thần thông chuyên hóa chúng sanh ngu si, nếu là hạng người thượng thượng căn chỉ khiến quán thân thật tướng, quán Phật cũng vậy". Như xưa kia, có vua Bành Thành hỏi các Đại đức v.v... Quý nếu chứng quả tức được thành Thánh giả, cùng bên hông trái ta ra nước bên hông phải ra lửa, bay vọt giữa hư không, tỏa phóng ánh sáng động đất, Ta liền lễ bái ngươi tôn xưng làm thầy. Đại sư Dung ở Ngưu Đầu đáp rằng: Lành thay! Tốt thay! Không thể nghĩ bàn, nay nếu trách ta chứng quả như vậy, sợ trái với đạo. Xét thành Phật như vậy, huyễn sư cũng được làm Phật, tạm cùng các Đại đức và các Đại sĩ chứng là, xưa kia Đức Phật Thích-ca tu tập chúng tăng diễn nói đạo Vô thượng, cùng chư tăng không khác, Cư sĩ Duy-ma ở giữa thế tục nói quả giải thoát, cùng tục chẳng khác. Nữ nhân Thắng Man nói pháp Đại thừa, tướng người nữ chẳng đổi thay. Tỳ-kheo Thiện Tinh hành hạnh Xiển-đề, tăng tướng chẳng đổi. Đó là chánh căn cứ trong tâm đó, giải hiểu và chẳng giải

hiểu lấy làm sai cách, nào liên quan sắc thân nam nữ tướng mạo y phục tốt xấu. Nếu nói hình tùy chứng mà cải đổi, mạo theo ngộ mà chuyển thay là Thánh giả, thì Cù-đàm hình cải đổi mới thành Thích-ca, Duy-ma tướng đổi chuyển mới thành Kim Lật. Tức biết chứng là tâm chứng chẳng phải là hình chuyển đổi, ngộ là trí biến chẳng liên quan tướng khác. Thí như ở thế gian người nhậm quan chức, là chuyển đổi chức quan, quan cao đâu tức dáng mạo khác biệt. Lại, người xưa nói: "Chẳng cải đổi người thời xưa, chỉ cải đổi nơi giẫm trải thời xưa. Giả sử hoặc cải hình đổi chất ngàn biến muôn hóa đều là chỗ làm của Nhất tâm, cho đến tác dụng thần thông, ra vào tự tại, đổi nhỏ khiến lớn, chuyển ngắn làm dài, đâu lìa trong Nhất tâm, nên biết muôn sự không có gì chẳng do tâm, chỉ chứng tự tâm ngay lời nói ấy bèn thành Thánh, nếu không biết đạo đầy đủ tướng sao làm. Nên trong kinh Kim Cang nói: "Nếu người dùng ba mươi hai thông suốt để quán Như Lai, thì Chuyển luân thánh vương tức là Như Lai". Lại có kệ tụng rằng:

"Nếu dùng sắc thấy ta,
Dùng âm thanh cầu ta,
Người đó hành tà đạo,
Chẳng thể thấy nghĩa".

Người xưa nói: "Nếu chẳng đạt lý đây, giả sử có từng bước đạp trên hoa sen, đó cũng chỉ đồng mà làm". Cư sĩ Bàng Uẩn có kệ tụng rằng: "Sắc thanh cầu Phật đạo, kết quả lại thành ma". Nếu quyết định giữ lấy thần thông tướng ưu thắng làm Phật, chẳng chỉ huyễn sĩ cũng thành Thánh, cho đến Thiên ma ngoại đạo yêu hồ tinh mỵ Quỷ thần rồng sò v.v... thảy đều thành Phật. Vì các loài kia đều đủ nghiệp báo ngũ thông, đều có thể biến hóa, nếu chẳng mỗi một dùng thật tướng để khám xét đó, làm sao biện rành được chân ngụy. Chỉ trước ngộ tông kính mắt pháp tròn sáng, thì lý nào mà chẳng thông, sự nào mà chẳng triệt. Tất cả các môn Phật, sự nhiếp hóa tự nhiên thành tựu. Như trong luận Hoa Nghiêm nói: "Trong kinh nói nhập thiền định sâu được thần thông của Phật, vì tâm xứng lý nguyên, không thể vào ra, không thể tỉnh loạn, không tánh tạo tác, nhậm lý tự chân, không sanh không diệt, Lý chân trí ứng, tánh tự khắp cùng mười phương ba đời, đồng một lúc ứng khắp đối hiện sắc thân, tùy trí ứng mà hóa các phẩm loại mà không lai vãng, cũng chẳng biến hóa, đó gọi là thần thông của chư Phật. Trí không nương dừng, không hình không sắc, thể không khứ lai tánh tự khắp cùng, chẳng phải ba đời nhiếp mà hay ứng khắp pháp của ba đời, gọi đó là thần thông". Cho nên trong kinh nói: "Trí vào ba đời

mà không qua lại, vì ba đời là chỗ vọng lập bởi chúng sanh tình chẳng phải thật có, vì trí thể không hình không sắc chẳng tạo chẳng tác mà ứng với các phẩm loại, gọi đó là thần, đầy đủ cả mười phương không pháp nào chẳng biết, không căn nào chẳng hay, gọi đó là thông”. Lại nói: “Trong kinh Pháp Hoa nói: Các thứ nghĩa tánh tướng, ta và mười phương Phật mới hay biết việc đó, Thanh văn và Duyên giác, các Bồ-tát Bất thối, đều chẳng thể biết được”. Đây tức là môn mà hàng Tam thừa trước là chẳng rõ biết. Tướng thế gian thường trú, pháp đó trú ngôi pháp, vì hàng Tam thừa đồng tâm nhàm chán khổ tập vui thích tu diệt đạo. Chưa rõ khổ tập vốn chỉ tín khởi, chẳng rõ diệt đạo vốn tự không tu không tạo không tác, hóa các phẩm loại như huyễn trú ở đời. Tánh tuyệt vô minh tức đó là Phật. Một niệm tương ưng một niệm Phật, một ngày tương ưng một ngày Phật, sao phải khổ chết trải qua ba A tăng-kỳ, chỉ tự rõ hiểu nghiệp ba cõi, hay không nơi nghiệp, nhập vạn tiếp sanh tức là Phật vậy. Nào phải biến đổi mới gọi là Phật. Trời rồng biến đổi đâu làm Phật ư? Hạng người ba thừa cũng biến đổi cớ sao phải đợi ba A tăng-kỳ kiếp mới được thành Phật, hàng Thập địa trở lên mới được thấy tánh? Cho nên trong kinh nói: “Nếu dùng sắc tánh sức thần lớn mà muốn trông thấy đấng Điều Ngự sĩ kia, tức mắt mờ che điên đảo thấy kia, vì không biết pháp tối thắng, Phật là giác vậy. Giác nghiệp tánh chân, nghiệp không sanh diệt, không đắc không chứng, chẳng hiện chẳng mất. Tánh không biến hóa, xưa nay như như tức là Phật vậy, tùy duyên trong Lục đạo, hành hạnh Bồ-tát, biến hóa thần thông, dẫn dắt kẻ mê. Phật chẳng phải biến hóa”. Trong kinh Tịnh Danh nói: “Tuy thành Chánh giác, chuyển bận xe pháp, chẳng xả bỏ đạo của Bồ-tát, đó là hạnh Bồ-tát vậy”. Do đó, Thiện Tài đồng tử là sơ tâm Thập trú ở chỗ Tỳ-kheo Đức Vân trên núi Diệu Phong được pháp môn ánh sáng trí tuệ hiện khắp, nhớ nghĩ cảnh giới của tất cả chư Phật, tức bèn thành Chánh giác, sau đó mới đến nơi các bạn đạo cầu đạo Bồ-tát hành hạnh Bồ-tát. Phải biết lúc Chánh giác thể dụng tức tâm không nơi tạo tác tức là Phật nên chẳng phải tu hành. Giả sử sẽ hành mãn cũng chẳng dời đổi nay. Nên như hóa Phật lúc thị hiện thành tướng hóa, khổ hạnh chỉ ăn hạt thóc hạt mè xuống tóc mang y, bỏ các thứ trang sức tốt đẹp, mượn nhờ cỏ lá v.v... mọi sự, vì giáo hóa ngoại đạo. Trong kinh nói: Phật tự hòa hợp, chẳng phải Phật tự phải hành như vậy v.v... không kẻ tăng thượng mạn, đâu phải như vậy. Một niệm nhậm tánh vô tác, trí tuệ Phật hiện tiền, không đắc không chứng, tức là Phật vậy, trở lại như Thiện Tài đồng tử sau khi chứng giác mới cầu đạo Bồ-đề hạnh Bồ-tát. Tại sao như vậy?

Vì sau khi giác đạo mới kham vào ràng buộc, vào trong trần tục mà không ràng buộc, mới có thể vì chúng sanh nói pháp cởi mở ràng buộc. Nếu tự có ràng buộc mà hay cởi mở ràng buộc cho kẻ khác, thì điều ấy không thể có. Lúc nói có trước sau, mà pháp là chỉ một thời. Phải biết nếu muốn hành hạnh Bồ-tát, trước phải thành Chánh giác. Lại, trong kinh có kệ tụng rằng:

"Văn Thù! Pháp thường vậy".

Vì Văn-thù là tuệ của chư Phật. Bất động trí là thể, Văn-thù là dụng, vì đem môn thể dụng căn bản trí của tất cả chư Phật tất cả chúng sanh cùng tất cả người tín tâm làm thể dụng nhân quả, khiến nương tựa gốc, mãi đến quả mãn cứu cánh cùng nhân chẳng khác, vì không hai tánh, mới gọi là tâm mới phát và tâm cứu cánh hai thứ chẳng khác biệt. Rõ ràng tâm Thập tín đây khó phát khó tin khó vào. Người nghe đó đều nói: "Ta là phàm phu, do đâu có thể được là Phật". Nên thiết bày tin phần ít (thiểu phần tín), tức trách đạo lực thần thông. Cho nên phải biết tạm phải chánh tín như vậy, mới có thể dùng chánh tín chánh kiến pháp lực gia hạnh đúng như pháp mà tấn tu, từng phần vô minh mỏng dứt, trí tuệ giải thoát tỏ sáng, nương tựa tự được pháp cạn sâu, dần dần ngay đức dụng của thần thông tùy tự mình được tin còn chưa được huống gì đòi hỏi thần thông. Nói năng dần dần chẳng đổi thay một lúc một pháp tánh một trí tuệ, không nương dừng, không sở đắc, vì bên trong dần dần, vì nghĩa mười huyền sáu tướng tròn đủ đó, trong lý pháp tánh không có tiệm đốn, chỉ vì tập quán vô minh từ vô thủy chín mười rốt cùng khiến khế lý, vì khó thuần thục mà có dần dần.

Hỏi: Phật xứng nghĩa giác, giác những pháp gì?

Đáp: Pháp của không pháp, đó gọi là chân pháp, giác của không giác, đó gọi là chân giác, thì diệu tánh không nương cậy, thiên chân sáng tỏ. Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng:

"Pháp Phật không thể giác,
Rõ đây là giác pháp,
Chư Phật tu như vậy,
Một pháp không thể đắc".

Trong kinh Vô Tự Bảo Khiếp nói: "Bấy giờ Bồ-tát Thắng Tư Duy bạch Phật rằng: "Những gì một pháp là sở chứng giác tri của Như Lai?" Phật dạy: "Này thiện nam! Không có một pháp, sở giác của Như Lai. Này thiện nam! Đối với pháp không giác là Như Lai giác. Này thiện nam! Tất cả các pháp chẳng sanh mà Như Lai chứng giác. Tất cả các pháp chẳng diệt mà Như Lai chứng giác. Cho nên nếu có giác là chúng

sanh, không giác đồng với gỗ đá, đều chẳng phải chân tánh, chẳng khế hợp vô duyên. Giác của không giác mới ngang bằng Đại chỉ. Vì không giác chẳng đồng chúng sanh, vì giác chẳng như gỗ đá, thì một giác tất cả giác. Không giác không chẳng giác, không giác nên tuệ giải vắng lặng, không chẳng giác nên hư hoài sáng soi. Lại, thấy tâm thường trú, gọi đó là giác. Một thành tất cả thành, một giác tất cả giác, hết sạch nói năng tư lự, chẳng hoại giả danh, nên nói mới thành Chánh giác.

Hỏi: Lúc mới phát tâm bèn thành Chánh giác, cớ sao lại nói tâm Bồ-đề sau?

Đáp: Chẳng phải mới đầu, chẳng phải sau, chẳng lìa mới đầu và sau. Như trong luận Đại Trí Độ nói: "Chẳng chỉ dùng tâm mới đầu được, cũng chẳng lìa tâm mới đầu được. Tại sao? Nếu chỉ dùng tâm mới đầu được mà chẳng dùng tâm sau, thì Bồ-tát mới phát tâm, bèn nên là Phật. Nếu không tâm mới đầu, làm sao có tâm thứ hai thứ ba? Tâm thứ hai thứ ba do tâm mới đầu làm nhân duyên căn bản. Cũng chẳng chỉ tâm sau, cũng chẳng lìa tâm sau là, tâm sau đó cũng chẳng lìa tâm mới đầu. Nếu không tâm mới đầu thì không có tâm sau. Tâm mới đầu nhóm tập các thứ vô lượng công đức, tâm sau thì đầy đủ. Đầy đủ nên hay đoạn thói quen phiền não, đắc đạo Vô thượng. Tu-bồ-đề! Trong đây nói nhân duyên khó, tâm mới đầu tâm sau, tâm số pháp chẳng cùng, chẳng cùng là quá khứ đã diệt mất chẳng được hòa hợp, nếu không hòa hợp thì căn lành không nhóm tập. Căn lành không nhóm tập làm sao thành đạo Vô thượng. Phật dùng việc hiện tại thí dụ đáp, như đốt đèn. Chẳng phải riêng chỉ ánh sáng đốt cháy mới đầu, cũng chẳng lìa ánh sáng mới đầu, chẳng phải riêng chỉ ánh sáng đốt cháy sau, cũng chẳng lìa ánh sáng sau, mà đèn đốt cháy. Phật bảo: Tu-bồ-đề! Ông tự thấy đốt cháy, chẳng phải mới đầu chẳng phải sau mà đốt cháy. Ta cũng dùng mắt Phật thấy Bồ-tát đắc đạo Vô thượng. Chẳng dùng tâm mới đấu đắc, cũng chẳng lìa tâm mới đầu. Cũng chẳng dùng tâm sau đắc cũng chẳng lìa tâm sau mà đắc đạo Vô thượng. Đèn thí như đạo Bồ-tát, châm đốt thí như vô minh v.v... các thứ phiền não, ánh sáng như sơ địa tương ưng trí tuệ, cho đến Kim cang Tam-muội tương ưng trí tuệ đốt cháy ngọn lửa vô minh v.v... các phiền não, cũng chẳng phải ánh sáng trí tâm mới đầu, cũng chẳng phải ánh sáng trí tâm sau, mà vô minh v.v... các phiền não đốt cháy hết thì đắc thành đạo Vô thượng. Lại như đèn tuy niệm niệm diệt mà hay tương tục phá tối. Tâm cũng như vậy, tuy niệm niệm chẳng dừng, trước sau chẳng cùng, mà hay tương tục thành giác tuệ đó, thành đạo Vô thượng". Trong Thanh Lương Sớ nói: "Kinh Hoa Nghiêm nói

rằng: Rõ biết cảnh giới như huyễn như mộng như ảnh như hưởng cũng như biến hóa. Nếu các Bồ-tát hay cùng quán hạnh như vậy tương ưng, ở trong các pháp chẳng sanh hai thứ nhận biết, thì tất cả pháp Phật chóng được hiện tiền. Lúc mới phát tâm tức đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, biết tất cả các pháp tức tự tánh của tâm, thành tựu tuệ thân chẳng do từ người khác khai ngộ. Phàm, tâm mới đầu làm đầu, Chánh giác làm cuối. Cớ sao tâm mới đầu bèn thành Chánh giác? Nên nói biết tất cả các pháp tức tự tánh của tâm, giác pháp tự tánh tức gọi là Phật. Nên trong kinh có kệ tụng rằng:

"Phật tâm đâu có khác,
Chánh giác giác thế gian".

Đó là do chứng vậy, đó thì phát là phát của khai phát, chẳng phải phát của khởi phát vậy. Sao gọi là tướng của hiện tiền? Phàm, trí Phật chẳng phải sâu, tình mê gọi là xa, tình mất trí hiện thì một thể chẳng phải xa. Đã nói biết tất cả các pháp tức tự tánh của tâm thì biết tâm đây tức là tánh của tất cả các pháp. Nay lý hiện tự tâm, tức tánh của tâm đã đầy đủ vô biên công đức vậy. Thành tựu tuệ thân là quán pháp trên hết vậy. Chánh pháp đang hưng khởi, nay các kiến mất vậy trí Phật sao khởi? Giác tâm thì lý hiện, lý hiện thì trí viên mãn, như gương sáng sạch sanh, chẳng phải trước chẳng phải sau chẳng phải mới chẳng phải cũ, tịch chiếu trạm nhiên. Chẳng do người khác khai ngộ là thành tuệ thân trên, tức trí tự nhiên không thầy vậy. Lại, chẳng do người khác khai ngộ là tự giác vậy, biết tất cả các pháp là giác tha, thành tựu tuệ thân là giác viên mãn. Thành tựu tuệ thân hẳn nhờ lý phát hiện. Phàm, tâm tánh đâu lại có khác. Nếu thấy có khác, sao xưng là ngộ? Đã nói tâm tánh tự cũng chẳng còn, tịch mà hay biết, gọi là Chánh giác. Nên trong kinh Pháp Hoa nói: "Vì một Đại sự nhân duyên nên xuất hiện nơi đời, khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật". Phàm, một tức một đạo xưa nay chẳng đổi thay. Đại là tâm thể của cả Thánh phàm mười phương chư Phật vì một Đại sự ấy mà xuất hiện nơi đời, đều khiến chúng sanh ở trong tự tâm khai mở tri kiến ấy. Nếu lập các thứ sai biệt, là tri kiến của chúng sanh, nếu dung thông quy về một đạo là tri kiến của hàng Nhị thừa. Nếu một cũng chẳng phải một là tri kiến của Bồ-tát. Còn tri kiến của Phật là ngay lúc một niệm tâm khai mở như ngàn mặt nhật đồng tỏa chiếu, chẳng đợi lại phải nói, tức là Tổ sư từ Tây Vức đến, tức là chư Phật hiện khắp. Nên nói trong từng niệm, Đức Thích-ca xuất hiện nơi đời, trong mỗi bước Đức Di-lặc hạ sanh, xứ nào ở ngoài tự tâm riêng cầu Phật tổ, thì biết chúng sanh Phật trí vốn tự đầy đủ, nếu muốn

khởi tâm riêng biệt mong cầu, tức thành tánh biến kế. Nên Lục Tổ nói: "Bản tánh tự có trí Bát-nhã, tự dùng trí tuệ quán chiếu chẳng nương gá văn tự. Nếu là như vậy, dụng nào lại lập văn tự?" Nay vì người chưa biết mượn dùng văn tự để chỉ về khiến thấy tự tánh. Nếu lúc phát minh tức là chợt nhiên trở lại được bản tâm, ở trong bản tâm không pháp nào chẳng rõ, nên nói ngộ pháp vô niệm là muôn pháp đều thông, ngộ pháp vô niệm là thấy cảnh giới của chư Phật. Vậy biết, nếu vào pháp môn vô niệm, thành Phật chẳng vượt ngoài khoảnh khắc của sát-na. Nếu khởi tâm mong cầu đạo, khổ nhọc thần ở trong số kiếp như bụi trần. Như Đức Phật Thích-ca Văn từ quá khứ vô lượng kiếp trở lại vâng thừa kính phụng cúng dường vô lượng chư Phật nhiều như số cát sông Hằng v.v... đều chẳng được ghi nhận. Tại sao? Vì nương dừng sở hành có sở đắc. Đến thời Đức Phật Nhiên Đăng, nhân hiến cúng năm cành hoa sen mới được thọ ký hiệu Thích-ca, mới thành đạt năm ấm tánh không, tâm không chỗ đắm trước, mới thấy Phật Thiên Chân, chóng vào môn vô đắc. Nên đem hoa sen hiến cúng Phật, dùng phô bày chứng minh. Do đó, trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng:

"Tánh không tức là Phật,
Không thể nghĩ lường được,
Còn chẳng dùng liếc khởi tư lương,
Hà huống nhọc công trọn kiếp".

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 16

Hỏi: Phàm, tức tâm thành Phật, là tức chân tâm hay là tức vọng tâm?

Đáp: Chỉ tức chân tâm, ngộ tâm chân nên thành nghĩa đại giác, nên xưng là Phật.

Hỏi: Nếu tức chân tâm, vậy có thắng nghĩa gì? Nếu tức vọng tâm thì thành lỗi lầm gì?

Đáp: Trong môn rốt ráo không, lý không có điểm vết. Ở đạo phân biệt, sự có mở ngăn, vọng tâm là tức từ năng sở sanh, nhân phân biệt khởi, phát tiệm dụng của phù căn, thành vọng biết của đối cảnh. Nếu lìa tiền trần, tâm ấy không thể, nhân cảnh khởi chiếu, cảnh diệt chiếu mất. Tùy niệm sanh trần, niệm không trần rơi rụng. Nếu đem cảnh sự đây mà làm thân Phật, đã là nhân của hư vọng, chỉ thành quả của đoạn diệt, chân tâm là trạm nhiên tịch chiếu, chẳng phải từ cảnh sanh, ngậm hư ngậm duyên chưa từng tác ý, sáng rỡ không mờ tối, rành rẽ thường biết, buông đó không dấu, cuộn đó không vết, như đầm lắng ánh ngời ảnh quê, gương sáng treo giữa khoảng không, muôn tượng sum la chợt nhiên rỗng soi, chẳng ra chẳng vào chẳng phải có chẳng phải không. Đó thì ngàn Thánh ngầm quay về, muôn linh giao hội. Tin đó thì thấu suốt nguồn đáy của đại đạo, hiểu đó thì thành pháp thân thường trú. Tổ Phật đồng chỉ tâm đây mà thành ở Phật, cũng gọi là Thiên chân, Phật tánh, pháp thân Phật, Phật như, như Phật, cũng chẳng phải lìa vọng, vì vọng không thể, cũng chẳng phải tức chân, vì chân chẳng phải tức, tên chân vọng hết, tức lìa tình tiêu, Diệu viên giác tâm mới hay hiển hiện. Lại vì vốn có nên mới hay khai thị, nên nói tâm Chánh giác của Như Lai và tâm phân biệt của chúng sanh khế đồng không hai. Làm phương tiện khai thị ngộ nhập, cho nên nếu tâm chúng sanh cùng tâm chư Phật, mỗi tự sai bày làm sao nói khác? Chỉ vì khế đồng mới duỗi bày phương tiện. Như trong kho không vật báu, khổ nhọc bới xét, chỉ là có vật báu mới chẳng phế công người. Chỉ phát tín tâm trọn sẽ kiến tánh, nên nói

ta vì người mà bảo nhiệm việc này trọn không hư dối vậy. Do đó nói: “Châu ngọc ma-ni người không biết, trong Như Lai tạng tự gom được, sáu ban thần dụng không chẳng không, một viên tròn sáng sắc chẳng sắc”. Như vậy đích chỉ dụng nào riêng cầu ư? Nên trong tâm đan Quyết nói: “Mênh mang thiên rỗng hư kiếm tầm, chưa chịu xoay đầu tự cùng biết, tin thầy đi đến quê vô vi, mới biết xưa nay uổng phí sức”. Do đó, trong luận Hoa Nghiêm nói: “Dùng vô minh trú địa phiền não, bèn làm trí bất động của tất cả chư Phật, tất cả chúng sanh đều tự có đó, chỉ vì trí thể không tánh không nương, chẳng thể tự rõ, hội duyên mới rõ”, nên biết tất cả chúng sanh đều là Phật trí, chẳng được liễu duyên không do giác ngộ. Liễu (ngộ rõ) tức thành Phật”. Như trong kinh Đại Phẩm nói: “Có Bồ-tát mới phát tâm tức ngồi đạo tràng làm như Phật”. Do đó, cư sĩ Bàng Uẩn có kệ tụng rằng:

“Tâm nếu như Thần tự rỗng,
Chẳng uống thuốc bệnh tự trừ,
Hoa sen trắng châu như ý,
Không nhọc tìm chớ khư khư.
Người trí quán tài sắc,
Rành rẽ như huyễn hư,
Ăn mặc nuôi thân mạng,
Cùng khuyên học Như Như,
Thời đến dời am đi,
Không vật khá dư thừa”.

Lại, người xưa nói: “Một viên trị muôn bệnh, chẳng cần thuốc nhiều phương”.

Hỏi: Nếu tức chân tâm thành Phật, vọng tâm đọa lạc phàm, thì vọng niệm trái tông, chân tâm thuận giác. Đó là chân vọng có hai. Thể dụng phân lìa, làm sao hội thông, viên dung một yếu chỉ?

Đáp: Chân vọng không tánh, thường hợp nhất nguyên, đâu có hai tâm mà hỗ tương tức. Vì tánh tịnh không nhiễm, vọng không thể đắc. Như huyễn dao không thể chém đá, mốc đấng chẳng thể nhiễm hư không. Vì người chẳng rõ nhất tâm, do đó nói tức. Như Thai Giáo hỏi rằng: “Vô minh tức pháp tánh không trở lại, vô minh cùng ai tương tức?” Đáp rằng: Như vì người không biết băng, chỉ nước đá là băng, chỉ băng là nước. Chỉ có danh tự nào lại có hai vật tương tức ư? Do đó biết thời tiết có khác, chứa cột tùy duyên, tánh ướt thường còn, chưa từng biến động, cho đến tức phàm tức Thánh cũng lại như vậy. Phàm thánh chỉ là tên gọi, một thể không khác. Nêu các bậc Tiên đức giải

thích kinh Hoa Nghiêm rằng: "Một thế giới khắp cùng giải thoát cũng như vậy là; biết một mắt như, tất cả mắt như đều vậy. Nêu thí như thân một người có tay chân, tất cả mọi người đều có tay chân. Do đó, không rõ nhất tâm đây đều thành hai kiến. Nếu phàm phu chấp trước tâm đây tạo nghiệp luân hồi. Hàng Nhị thừa nhàm bỏ tâm đây cầu tro tàn đoạn diệt quả. Lại, phàm phu không mắt đem Bồ-đề trí chiếu thành phiền não lửa cháy, như trẻ con mù lòa của nhà giàu có lớn ngồi trong kho báu, cử động trở ngại bị các vật báu làm tổn thương. Hàng Nhị thừa đem kho tàng bốn đức kín đáo của Như Lai làm năm ấm vô thường, cho đó là giặc hổ rồng rắn khiếp sợ mà rong chạy. Buộc mở tuy khác, lấy bỏ đều mất. Nếu người chắc thật rõ hiểu thông đạt, chẳng khởi chẳng diệt không đắc không sanh, rõ vọng tâm đây niệm niệm không thể, từ đâu khởi chấp, niệm niệm tự lìa, chẳng phải đoạn diệt, còn chẳng được một, huống gì hai ư? Nên biết các pháp thuận như chứng viên thành mà tình không lý có, các tình trái yếu chỉ chấp biến kế mà tình có lý không, thuận tự tướng tại trái một đạo mà nào từng mất thể, tình chẳng trái lý, ngàn đường mà chưa từng phân lối. Thấu suốt đó mà tình lý tuyệt danh, rành rẽ đó mà thuận trái không nền. Do đó, pháp pháp đều hợp đạo không lời, niệm niệm đều về tâm không đắc. Thiên chân tự nhiên chẳng phải ở tạo tác. Như trong kinh Vô Ngôn Bồ-tát nói: "Bấy giờ Xá-lợi-phất nói cùng Bồ-tát Vô Ngôn rằng: "Ông con nhà dòng dõi, không thể nói năng, cớ sao muốn hỏi nghĩa Như Lai ư?" Bồ-tát Vô Ngôn đáp: "Tất cả các pháp đều không văn tự, cũng không ngôn từ. Tại sao như vậy? Vì tất cả chúng sanh thảy đều tự nhiên, không các ngôn giáo và các tưởng niệm". Do đó, nếu ước về sự trình bày đầy đủ, thì phàm Thánh không sai mà sai, nếu căn cứ lý dung tức thì chúng sanh và Phật sai mà chẳng sai. Do vì sai và chẳng sai đều chẳng lìa thể của chân như. Như trong Hoa Nghiêm diễn nghĩa nói: "Sai của chẳng sai là hành bố của viên dung trên, chẳng sai của sai là viên dung của hành bố trên vậy. Như quậy riêng thành chung chẳng phải lìa ngoài Biệt mà có Tổng đây. Gồm chứa như vậy không pháp nào chẳng kết quy, thì ba thừa chẳng phải ba, năm tánh chẳng phải năm. Diệu giải như vậy mới kịp ánh sáng của Tông kính. Lìa thấy sanh đây, đều trái yếu chỉ không hai.

Hỏi: Nếu tất cả chúng sanh tức tâm là Phật, thì chư Phật sao phải nhờ A tăng-kỳ trăm kiếp tích công chứa đức mới thành?

Đáp: Vì lại học thật pháp nhất thừa, vì lại hướng đến năm tánh quyền có. Đây luận về pháp môn tự tánh, chẳng phải thuật về phương tiện hóa nghi. Vả lại, trong kinh Lăng-già nói có bốn thứ Phật: Một là,

Hóa Phật; Hai là, Báo sanh Phật; Ba là, Như như Phật; Bốn là, Trí tuệ Phật. Tùy cơ đến cảm, gọi đó là hóa. Đáp nhân xưa trước đó, gọi đó là báo, Bản giác hiển bày tỏa chiếu, gọi là trí tuệ, lý thể không hai, nên gọi là Như như. Trong kinh Hoa Nghiêm nói rõ có mười thứ Phật. Đó là Phật ở an trú thế gian thành Chánh giác không đắm trước kiến. Phật nguyện xuất sanh kiến, Phật nghiệp báo tin sâu kiến, Phật trú trì tùy thuận kiến, Phật Niết-bàn vào sâu kiến, Phật pháp giới đến khắp kiến, Phật tâm an trú kiến, Phật Tam-muội vô lượng không nương tựa kiến, Phật bản tánh minh liễu kiến, Phật tùy lạc trao khắp kiến. Lại, Phật gồm đủ mười thân: Một là, thân chúng sanh; Hai là, thân cõi nước; Ba là, thân nghiệp báo; Bốn là, thân Thanh văn; Năm là, thân Duyên giác; Sáu là, thân Bồ-tát; Bảy là, thân Như Lai; Tám là, thân trí; Chín là, thân pháp; Mười là, thân hư không. Nếu riêng y cứ ngũ giáo tùy giáo chẳng định. Một là, Tiểu thừa giáo có hai thân Phật tức thứ nhất là sanh thân, thứ hai là pháp thân; Hai là, Đại thừa sơ giáo có ba thân Phật tức thứ nhất là pháp thân, thứ hai là Ứng thân, thứ ba là Hóa thân; Ba là, Chung giáo có bốn thân Phật tức thứ nhất là Lý tánh thân, thứ hai là pháp thân, thứ ba là Báo thân, thứ tư là Ứng hóa thân; Bốn là, Đốn giáo chỉ có một thân Phật tức là Thật tánh thân; Năm là, Nhất thừa viên giáo có mười thân Phật. Lại căn cứ tánh thành Phật, ngũ giáo sai biệt chẳng đồng. Tiểu thừa chỉ có một người là Tất đạt la Phật tánh, sơ giáo một nửa thành một nửa chẳng thành, vì có phân tánh và không tánh nên làm Phật. Chung giáo phàm là có tâm tức sẽ được làm Phật, trừ cây cỏ v.v... Đốn giáo không Phật không tánh, lìa tướng nói năng làm Phật. Viên giáo không nơi đâu chẳng có Phật tánh, vì ba thứ thế gian đều là làm Phật. Nếu ba thứ thế gian đều là làm Phật thì tâm cảnh trong ngoài không gì chẳng là Phật vậy. Lại ước về tâm thành Phật thì Tiểu thừa dùng chỗ tu thiện tâm được làm Phật. Sơ giáo lấy tánh tâm làm Phật, chung giáo lấy tướng tánh tâm sạch hết làm Phật, Đốn giáo lấy tâm vốn chẳng sanh làm Phật. Viên giáo lấy tâm vô ngại vô tận làm Phật. Lại, Thiên Thai nói rõ về Tứ giáo Phật: Một la, Phật tạng giáo; Hai là, Phật thông giáo; Ba là, Phật Biệt giáo; Bốn là, Phật Viên giáo. Nếu lấy Phật như như, Phật tâm, Phật bản tánh, ai là người chẳng đầy đủ? Nếu lấy thân cõi nước, thân pháp, thân hư không, pháp nào chẳng viên mãn, thì nơi nơi mà đều là phường báu, gò đồi ai lập? Niệm niệm mà đều thành Chánh giác, vọng tưởng nào phân? Như người mù không thấy ánh sáng, chẳng phải lỗi lầm của mặt trời sớm hồn phách tối. Tợ hàng Tiểu quả không nghe viên đốn, đâu phải diệu chỉ thân sơ của tâm Phật. Chỉ vì

pháp yếu do ở căn nhỏ, đạo rộng tại nói lượng lớn. Cơ cạn tự cảm, Diệu hữu chứng làm vô thường, phước mỏng thích nghi trân báu hóa làm ngói sỏi. Không mê mắt mình, lầm nhận thân khác, dùng ngàn sai để phân thật tế, lấy trăm biến đặt để hóa nghi. Như trong kinh Đại Phương Đẳng Vô Tưởng nói: “Bấy giờ, Phật bảo Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng rằng: “Này thiện nam! Nay ông phải đốt đèn đại trí tuệ phá tan hắc ám cuồng ngu của chúng sanh. Nếu nói Đức Như Lai chân thật xuất sanh nơi nhà Thâu đầu đàn, xuất gia học đạo, tu tập khổ hạnh, phá hoại chúng bịnh ma, ngồi nơi đạo tràng thành đạo Bồ-đề. Phải biết người đó tức là phỉ báng Phật. Thà chặt đứt đầu, nhổ rút lưỡi ra, trọn không nói lời hư vọng ấy. Tại sao? Vì chẳng phải khéo hiểu lời bí mật của Đức Như Lai”. Lại, Trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Nếu nói Đức Thích-ca Như Lai từ cung trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ, cho đến tám tướng thành đạo. Đó là sự thấy biết quanh co của Thanh văn. Nên nói vì hàng chúng sanh hiểu biết kém cỏi mà từ thai mẹ xuất hiện”. Do đó vào tông kính đây, mở lời nói không lỗi lầm, dấy niệm đều là chân. Nếu chưa đến môn đây, nói phải thành quấy, nhiếp tâm còn sai lầm. Như trong kinh Viên Giác nói: “Động niệm đó và dứt niệm, đều qui thuộc mê muội”. Trong Tín Tâm Minh nói: “Chẳng biết huyền chỉ, khổ nhọc niệm tỉnh”. Đại sư Dung nói: Người ngộ tông đây, đạo Phật chẳng phải cũng được. Nếu người chưa tin, giả sử niệm Phật cũng thành vọng ngữ”. Nên biết không thấu đạt Tông kính, phàm có thấy biết đều là phỉ báng Phật Pháp Tăng Tam bảo, mặt tình ngàn muôn tư lự, chưa có ngày tương ưng. Mới rõ yếu chỉ đây, tự nhiên một niệm không sai. Do đó trong luận Hoa Nghiêm nói: “Từ đầu mới phát tâm Thập trú, dùng sức Tam-muội chóng ấn ba cõi. Ba đời một khoảnh, các pháp một vị là vi giải thoát Niết-bàn thường tịch diệt. Lại không thủy chung, nhân quả một lúc, các tánh một tánh, các trí một trí, các tướng một tướng, các hạnh một hạnh, ba đời một niệm, một niệm ba đời, cho đến mười đời, các pháp như vậy tự tại vô ngại. Pháp môn kinh đây không đầu không cuối, gọi là pháp luân thường chuyển, cho nên giáo môn kinh đây y cứ gốc an lập vì đầy đủ căn lớn, y cứ gốc một lúc, chẳng lập thủy chung. Vì chẳng phải hư vọng thấy, vào một tổng được các khác, vì pháp giới một ngằn mé, vì chẳng đồng quyền học thấy chưa tường tận, vào các tổng khác được một, vì thể pháp giới vô ngại, như châu tròn không vuông, như gương sáng chóng soi chiếu, như hư không chẳng ngăn cách, như vang hưởng không y tựa, như ảnh chẳng ngại, như hóa nhân sanh thành. Pháp môn đây là bao quát thủy chung một khoảnh khắc, viên mãn vô ngại, không thành

không hoại, không ra không mất, thường chuyển pháp luân. Nếu người rõ ngộ được pháp môn này là chỗ trí không thầy, trí tự nhiên, trí Phật hiện tiền, vì pháp này không ra không mất, lại vì tự nhiên không trí ra mất, mà tự hay đắc đó. Chẳng phải chỗ của tình buộc tư lương hay đắc vậy. Tất cả pháp môn quyền giáo tại trong đây, đồng một lúc mà nói, vì các quyền giáo chẳng vượt ngoài pháp giới, vì không ba đời, mỗi mỗi y cứ tự thấy vô lượng sai biệt. Nhất thừa giáo đây là giảng nói lúc mới thành Chánh giác, nếu y cứ tình là nói lúc đầu tiên mới thành Phật, nếu y cứ trí là nói không thủy chung, nên biết thành Phật giảng nói pháp chẳng lìa một niệm. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Tiên nhân Tỳ-Mục nắm tay Thiện Tài đồng tử, tức thời Thiện Tài đồng tử tự thấy thân mình đến trong các thế giới ở mười phương mười cõi Phật nhiều như số vi trần. Đến nơi chư Phật ở mười cõi Phật như số vi trần, thấy cõi Phật và chúng hội kia, chư Phật tướng tốt các thứ trang nghiêm. Cho đến hoặc trải qua trăm ngàn ức cõi Phật nhiều không thể nói không thể nói với số kiếp như vi trần. Cho đến lúc Tiên nhân ấy buông tay Thiện Tài đồng tử ra, Thiện Tài đồng tử tức tự thấy thân mình trở lại nơi cũ". Vậy biết nền tảng của bất động bản vị mà thân đi khắp cùng mười phương, chưa lìa trong một niệm mà thời gian trải qua cả ức kiếp. Bản vì bất động, cõi của xa gần đều rõ ràng, một niệm chẳng chuyển dời, mà thời gian dài ngắn uyển nhiên. Chẳng y cứ tông kính lấy gì để tiêu văn, muôn pháp ngầm kết quy, trọn không riêng biệt yếu chỉ.

Hỏi: Lý vô tánh đồng một lúc thành Phật, vì sao người hàng Tam thừa v.v... thấy Phật có sai biệt đó?

Đáp: Tùy tâm cảm hiện, ảnh tượng chẳng đồng, tự nghiệp sai biệt, chẳng phải Phật có khác. Quán một giọt nước mà chợt phân thành bốn v.v... đều tự thấy khác. Đồng chung một đồ đựng bằng vật báu mà sắc cơm chẳng đồng, chẳng phải nghiệp khác biến, thì toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tức tâm chân như là Phật pháp thân. Vả lại, pháp thân không tướng, chân tánh không hình. Hình tướng còn không, thế nào là sai biệt. Đều là tự thức chiếu ảnh chẳng đồng. Như năm trăm Bà-la-môn thấy thân đoạn diệt mà khởi tín, Trưởng giả Cù-sư-la thấy ba thước mà phát tâm, Bồ-tát Vô Biên Thân khắp cùng cõi trên mà có thừa, trú phàm phu của tiểu thánh quán trượng sáu mà vô tận. Như trong kinh Quán Phật Tam-muội nói: "Phật thưa cùng phụ vương và bảo A-nan rằng: "Nay tôi vì các người mà hiện thân tướng đầy đủ". Nói lời ấy rồi, Phật từ chỗ ngồi đứng dậy, khiến mọi người đều dậy, bảo quán Như Lai từ đảnh đầu thuận quán đến tướng Túc luân, lại tự tướng chân quán

ngược lên đến đảnh đầu, mỗi mỗi thân phần phân minh rành rẽ, như người nắm gương tự soi thấy ảnh tượng mặt mình. Nếu người sanh tâm dơ bẩn bất thiện, hoặc có người hay hủy báng Phật phá hoại giới cấm thì thấy ảnh tướng thuần đen giống như Hôi nhân (thân người bôi tro), có năm trăm Thích tử chỉ thấy Hôi nhân, có ngàn vị Tỳ-kheo thấy sắc màu đất đỏ, có mười sáu Ưu-bà-tắc thấy sắc màu cẳng chân voi đen, có hai mươi bốn Ưu-bà-di thấy như đống mực. Tỳ-kheo ni thấy như bạc trắng. Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di có người thấy như màu lam nhuốm xanh. Bốn chúng buồn tủi rơi lệ, các Thích tử nhổ tóc dập mình, tự thuật chỗ thấy. Cho đến, Đức Phật vì mỗi mỗi hạng mà nói nhân xưa trước ở quá khứ khiến đến nay thấy sắc màu có khác". Nên trong Thức luận nói: "Cảnh tùy nghiệp thức chuyển, cho nên nói Duy tâm". Lại trong kinh Mật Tích nói: "Tất cả trời người thấy sắc lượng của Phật, hoặc như vàng ròng bạc trắng, các vật báu tạp v.v... cho đến hoặc thấy thân cao trượng sáu, hoặc thấy một dặm, hoặc thấy mười dặm, cho đến trăm ức vô lượng vô biên khắp trong hư không, thì đó gọi là thân vi mật của Như Lai". Nên biết tùy thấy chẳng đồng, vết phân lắm thứ, chẳng chỉ thấy Phật, quán pháp cũng vậy, tùy trí cạn sâu, pháp thành cao thấp. Như trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Mười hai nhân duyên, hàng hạ trí quán nên được Thanh văn Bồ-đề, hàng Trung trí quán nên được Duyên giác Bồ-đề, hàng thượng trí quán nên được Bồ-tát Bồ-đề, hàng thượng thượng trí quán nên được Phật Bồ-đề, cho đến tám tướng thành đạo chẳng vượt ngoài môn sát-na tế Tam-muội". Tùy sự thấy nghe của chúng sanh mà tự phân thời phần, nên các bậc Tiên đức nói: "Cho nên Đức Như Lai ở trong một niệm tám tướng thành đạo chẳng vượt ngoài khoảnh sát-na, vì lúc đản sanh tức là lúc thành đạo, tức là lúc độ người, tức là lúc nhập diệt. Tại sao? Vì tất cả các pháp đồng thời đồng thành vậy, một thành tất cả thành". Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Chẳng lìa cây giác ngộ mà lên cung trời Đế thích". Sớ Thích nói: "Phật chứng đắc Bồ-đề, trí không đâu chẳng khắp, thể không đâu chẳng ở, không nương không dừng không đi không lại. Nhưng vì tự tại tức ứng của thể, ứng tùy thể khắp, duyên cảm trước sau có dừng có thăng. Diêm-phù có cảm thấy tại đạo thọ, cung trời có cảm thấy lên trên trời. Chẳng phải Phật rời khỏi giác thọ mà lên cung trời, nên nói chẳng lìa cây giác ngộ mà lên cung điện trời Đế- tích". Pháp Tuệ có kệ tụng rằng:

"Phật tử ông nên quán,
Như Lai sức tự tại,
Tất cả Diêm-phù-đề,

Đều nói Phật ở trong".

Đó là chẳng lìa vậy. Nay chúng ta thấy Phật tại đảnh núi Tu-di, đây mà lên vậy. Lại các sư xưa trước giải thích có mười nghĩa: Một là, ước xứ tương nhập môn, vì trong một xứ có tất cả xứ, là cung trời ấy v.v... vốn tại dưới gốc cây, nên chẳng phải vậy. Nhưng là dụng kia nên nói là lên vậy; Hai là, cũng căn cứ tương nhậm môn, vì một xứ vào tất cả xứ, cây khắp trong trời, cũng chẳng phải dậy, muốn dụng cung trời phô bày pháp tiến lên, nên nói là lên vậy; Ba là, do tất cả tức một nên trời tại dưới gốc cây; Bốn là, do một tức tất cả nên cây tại trên trời, chẳng dậy v.v... chuẩn cứ như trước; Năm là, nói về thân Phật, nghĩa là thân dưới gốc cây đây tức khắp pháp giới cùng tất cả xứ thì xưa nay tại kia chẳng đợi dậy vậy. Căn cơ chín muồi khiến thấy, nên nói là lên. Cho nên Như Lai dùng thân pháp giới thường tại đây tức là tại kia; Sáu là, ước về Phật tự tại giải thoát chẳng thể nghĩ bàn, nghĩa là ngồi tức là đi đứng v.v... tại đây tức là tại kia, đều chẳng phải hàng địa vị thấp kém so lường nên vậy; Bảy là, nói về duyên khởi tướng do môn; Tám là, nói về pháp tánh dung thông môn; Chín là nói về phô bày thị hiển pháp môn; Mười là, nói về thành pháp giới đại hội môn. Trong kinh Bất Tư Nghì nói: "Vì tất cả chư Phật, tất cả các pháp bình đẳng, bình đẳng đều đồng một lý, như dương diệm v.v... tất cả chúng sanh và các Như Lai, tất cả cõi Phật đều chẳng lìa tưởng, cho đến nếu ta phân biệt tức Phật hiện tiền, nếu không phân biệt đều không chỗ thấy. Tưởng hay làm Phật, lìa tưởng không có ba cõi như vậy. Tất cả các pháp đều chẳng lìa tâm". Trong kinh Phổ Hiền Quán nói: "Bấy giờ nghe Phổ Hiền nói hiểu sâu nghĩa thú, nhớ trì chẳng quên, thường ngày như vậy, tâm đó dần dần thông lợi. Bồ-tát Phổ Hiền dạy họ nghĩ nhớ mười phương chư Phật, người đó tùy theo sự chỉ dạy của Bồ-tát Phổ Hiền, chánh tâm chánh ý, dần đem mắt tâm thấy Phật ở phương Đông, thân sắc vàng ròng đoan nghiêm vi diệu. Thấy một Phật rồi lại thấy một Phật, như vậy dần dần thấy khắp tất cả chư Phật ở phương Đông. Do tâm tưởng thông lợi nên thấy tất cả chư Phật ở mười phương". Trong kinh Vô Lượng Thọ nói: "Chư Phật Như Lai là thân pháp giới, vào trong tâm tưởng của tất cả chúng sanh, cho nên lúc tâm của ông tưởng tâm của chư Phật, từ tâm tưởng Phật thì tâm đó tức đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Tâm đó làm Phật, tâm đó là Phật. Biển chánh biến chúng sanh". Kinh Vô Lượng Thọ đây vì hàng căn cơ trung hạ làm mười sáu pháp quán tưởng, khiến phu nhân Vi-đề-hy v.v... dần thấy thân Phật, sợ sanh giải hiểu bên ngoài nên có thuyết này. Tâm đó là văn của Phật, khiến sanh thật thấy. Trong phẩm

xuất hiện ở kinh Hoa Nghiêm nói: “Phật Tử! Thí như biển lớn nước đó ngầm chảy trong đất bốn thiên hạ và tám mươi ức các châu nhỏ. Như có người đục xuyên, không đâu chẳng có nước, mà biển lớn kia chẳng làm phân biệt Ta ra nơi nước, nước biển trí Phật cũng lại như vậy, chảy vào trong tâm tất cả chúng sanh. Nếu các chúng sanh quán sát cảnh giới tu tập pháp môn, thì được trí tuệ thanh tịnh sáng suốt, mà trí Như Lai bình đẳng không hai, không có phân biệt, chỉ tùy tâm hành của chúng sanh có khác, nên chỗ được trí tuệ mỗi mỗi chẳng đồng. Phật tử! Đó là tâm tướng Như Lai”. Lại, trong phẩm Vấn minh có kệ tụng rằng:

“Thí như nước một vị,
Nhân vật có sai khác,
Ruộng phước Phật cũng vậy,
Tâm chúng sanh nên khác”.

Lại có kệ tụng rằng:

“Thí như gương sáng sạch,
Tùy sắc mà hiện tượng.
Ruộng phước Phật như vậy,
Tùy tâm được các báu”.

Trong luận Khởi Tín nói: “Lại nữa, dụng của chân như, nghĩa là tất cả chư Phật lúc tại nhân địa, phát đại từ bi, tu hành các độ, các hạnh tứ nhiếp v.v... Quán vật đồng mình, khắp đều cứu thoát, suốt cùng vị lai chẳng hạn số kiếp. Như thật rõ biết tự tha bình đẳng, mà cũng chấp thủ tướng của chúng sanh. Dùng Trí đại phương tiện như vậy, diệt phá vô minh từ vô thủy, chứng bản pháp thân, nhậm vận khởi ở nghiệp chẳng nghĩ bàn, các thứ tự tại, tác dụng sai biệt khắp cùng pháp giới chân như v.v... mà cũng không có tướng dụng khả đắc. Tại sao? Vì tất cả vị lai chỉ là pháp thân. Đệ nhất nghĩa đế, không có Thế đế, cảnh giới tác dụng chỉ tùy sự thấy nghe của tất cả chúng sanh mà có các thứ tác dụng chẳng đồng. Dụng đây có hai: Một là y phân biệt sự thức, nghĩa là chỗ thấy của tâm hàng phàm phu Nhị thừa, đó gọi là Hóa thân, người ấy không biết ảnh hiện của chuyển thức, thấy từ ngoài lại, chấp thủ sắc phân hạn, nhưng hóa thân Phật không có hạn lượng; Hai là y nghiệp thức, nghĩa là Bồ-tát từ mới phát tâm cho đến Bồ-tát cứu cánh địa, chỗ tâm thấy, đó gọi là thân thọ dụng. Thân có vô lượng sắc, sắc có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp, chỗ y báo cũng đủ vô lượng công đức trang nghiêm, tùy chỗ ứng thấy vô lượng vô biên, không ngằn mé không đoạn. Chẳng phải ở ngoài tâm mà thấy như vậy. Các công đức đó đều nhân các Ba-la-mật v.v... hạnh vô lậu huân tận và chẳng nghĩ bàn huân mà được thành

tựu, vì đủ vô biên tướng công đức hỷ lạc, cũng gọi là Báo thân. Lại, chỗ thấy của phàm phu v.v... là thô dụng đó tùy sáu thú khác các thứ sai biệt, không có tướng vô biên công đức lạc, gọi đó là Hóa thân. Mới hành Bồ-tát thấy dụng trung phẩm (bậc trung), do vì tin sâu thân như, được thấy phần ít. Biết thân nghĩa không đến không đi, không có đoạn tuyệt, chỉ tâm ảnh hiện chẳng lìa chân như. Nhưng Bồ-tát đây còn chưa thể lìa phân biệt nhỏ nhiệm, vì chưa vào vị pháp thân vậy. Bồ-tát tịnh tâm thấy dụng vi tế, chuyển thắng như vậy, cho đến Bồ-tát trong cứu cánh địa thấy đó mới cùng tận. Dụng vi tế đây là thân thọ dụng, vì có nghiệp thức thấy thân thọ dụng, nếu lìa nghiệp thức thì không thể thấy. Tất cả Như Lai đều là pháp thân, không có sắc tướng đây kia sai biệt, hỗ tương cùng thấy”. Nên xưa trước giải thích rằng: Y phân biệt sự thức nghĩa là chỗ thấy của tâm hàng phàm phu Nhị thừa, đó gọi là Hóa thân, tức hàng phàm phu Nhị thừa chưa biết Duy thức, chấp có ngoại trần, tức là nghĩa của phân biệt sự thức. Nay thấy thân pháp cũng cho là ngoài tâm, thuận theo sự thức phân biệt kế độ kia, mê mờ nơi Duy tâm nên nói từ ngoài đến, chẳng thấu đạt tức sắc là tâm, không có phân chia, nên nói chấp thủ sắc phân chia, không thể biết cùng tận.

Hỏi: Thân Phật cớ sao chỉ chân tâm chúng sanh cùng thể chư Phật bình đẳng không hai?

Đáp: Chỉ vì chúng sanh mê mờ ở tự lý khởi các vọng niệm, bấy giờ chân như chỉ hiển bày nhiễm tướng. Vì trong Bản giác huân vọng tâm nên có nhàm chán mong cầu, có nhàm chán mong cầu nên chân dụng tức hiển bày, nhàm chán mong cầu yếu kém nên tướng dụng tức thô, nhàm chán mong cầu dần tăng, dụng cũng vi tế, dần dần như vậy cho đến tâm nguyên, vô minh hết sạch, nhàm chán mong cầu đều dứt. Thủy giác đồng bản, dụng trở về lại thể bình đẳng, bình đẳng không hai không riêng biệt. Chưa đến tâm nguyên đã trở lại dụng ở trong thức tùy căn hiển hiện, nên nói hiện trong thức vậy.

Hỏi: Nếu căn cứ nghĩa đây thì dụng từ chân khởi, sao nói chuyển thức hiện ư?

Đáp: Chuyển thức tức là chuyển tướng trong A-lại-da, y chuyển tướng đây mới khởi hiện thức, hiện các cảnh giới. Thức đây tức là chân vọng hòa hợp.

Hỏi: Nếu căn cứ nghĩa đây tức là dụng của chân như ở trong tự tâm chúng sanh, cớ sao nói là báo thân hóa thân Phật vậy?

Đáp: Chân tâm chúng sanh thì là thể chư Phật không sai biệt, nếu theo dòng sanh tử tức là vọng có công năng, vọng tuy có công nhưng lìa

chân chẳng lập. Nếu ngược dòng vượt khỏi bó buộc thì chân có công năng, chân tuy có công, nhưng lìa vọng chẳng hiển bày. Căn cứ trong duyên khởi hòa hợp nói về dụng ấy vậy. Đã từ pháp thân khởi dụng Báo thân Hóa thân, sao được chẳng là chân tâm của chúng sanh ư? Vì chân tâm là thân của pháp gia, phàm Thánh đồng mong cầu pháp thân. Nên, trong kinh nói: "Tâm tạo các Như Lai". Do đó, tức tâm là Phật vậy.

Hỏi: Nếu chân tâm tức là Phật, cớ sao nói từ các Ba-la-mật v.v... nhân duyên sanh?

Đáp: Đây là căn cứ nghĩa bản giác tùy nhiễm mà nói, nhưng Thủy giác đó giác đến tâm nguyên bình đẳng mong cầu ngằn mé, có gì sai biệt. Lại, tức lấy bi trí của chư Phật làm tăng thượng, duyên cơ của chúng sanh cảm, chủng tử làm nhân, gá trên bản chất Phật, tự tâm biến ảnh hiện. Nên nói tự tại hiện trong thức. Trong phẩm pháp giới nói: Trưởng giả Di-già thấy suốt mười phương Phật hải, hiện định này chỉ là quán của tâm, vì biết chúng sanh giới vô lượng vô biên đều là tâm hiện, nên rõ tùy tâm niệm Phật, chư Phật hiện tiền dùng duy tâm quán khắp muôn pháp. Nay ước về các căn thượng trung hạ tùy tự tâm quán, thấy Phật chẳng đồng, gồm có bốn hạng: Một là, hàng phàm phu do đeo mang quá khứ tập khí ác nghiệp trong lục đạo chẳng hết, hoặc thấy Phật là thân Thần cây Thần trời, voi chân đen ba thước v.v...; Hai là, hàng Tiểu thừa đeo mang nghiệp cọc của sanh diệt nên thấy Phật là thân bị kiếm vàng lúa ngựa đánh vào thân chảy máu đều chẳng phải tướng an lạc; Ba là, hàng Đại thừa, sơ chung đốn v.v... ba giáo, Bồ-tát do Duy thức đó quán Phật là tướng sở hiện của chuyển thức trong A-lại-da. Thấy thân Phật đây, chỉ là tâm hiện, chẳng lìa chân như, không có phân chia tể, khắp tất cả xứ, tùy căn chúng sanh tự nhiên hiển hiện, đó là tướng an lạc; Bốn là, hàng Bồ-tát Nhất thừa viên giáo dùng trí y chánh của pháp giới tròn sáng gồm thâu pháp của lý sự, dùng trí ấy cảm thấy mười thân lý sự vô ngại. Lại, ba đời dung thông tất cả, cho nên thân Phật chẳng lìa đạo thọ ở mười phương, thường đến sáu tầng trời. Trí là quán khắp tất cả luôn không tác niệm. Trong Thập Tứ Khoa Pháp Thân Nghĩa nói: "Trong kinh nói rõ pháp thân, tức vết tích chỉ cao trượng sáu đồng với thân người là nghĩa tụ, mà không gì chẳng phải pháp nên có xưng của pháp thân. Tìm yếu chỉ của kinh, lấy chiếu thể rỗng còn của Như Lai làm thân, lụy hết làm pháp, mới là do vì chân pháp thân vậy, nhưng tức dùng thiện cảm ứng, ứng tức tùy loại thành khác, chỉ ở nơi thấy là có Phật thường không thân vậy". Trong kinh nói: "Thân Như Lai là thân huyễn hóa.

Hỏi: Phật, hẳn là không thân, cớ sao giải cảm thân cao trượng sáu ư?

Đáp: Chúng sanh vì thiện chưa đầy đủ, ngưỡng cảm địa vị rất đầy đủ của Như Lai. Đạo đầy đủ tức hay ứng hóa vô phương, chưa đầy đủ nên chỉ thấy chỗ thấy pháp đó chẳng đạt tức thân là huyễn hóa vậy.

Hỏi: Phàm, đạo của cảm ứng đều do tình thấu triệt ngầm khế, nên khiến sự có công hiệu đương thời trong ngoài lý ứng là đồng, như người phụ nữ đến tình, thành sâu tối vì đó mà sụp đổ. Hiếu đến thì đá mở bày. Đó tức là sự tùy tâm biện, cớ sao lấy thiện cảm thân cao trượng sáu mà nói là thân huyễn hóa ư?

Đáp: Thành quách sụp đổ, đá mở bày, đó là do tình cảm ở vật, vật thật nên sụp đổ và mở bày, chẳng phải hư dối giải cảm pháp thân. Pháp thân chẳng phải có, chỉ tin hiểu vì lầm hoặc bít cách nên thấy thân cao trượng sáu làm thật, há chẳng phải chỗ cảm tự thấy của người ư?

Hỏi: Thân cao trượng sáu nếu là hư huyễn, cớ sao truyền ở thật lý?

Đáp: Lý diệu chẳng phải thô mà chẳng truyền, như truyền của ảnh là ở hình vậy.

Hỏi: Pháp thân là không hình, đó tức pháp thân là thân cao trượng sáu, hay ngoài pháp thân riêng có thân cao trượng sáu?

Đáp: Cảm pháp thân là thân cao trượng sáu, nào có riêng biệt vậy. Như âm thanh cảm hang cốc mà phát ra vọng hưởng, đâu dung ngoài hang cốc riêng có vọng hưởng?

Hỏi: Chúng sanh là duyên pháp thân sanh thấy hay là duyên thân cao trượng sáu sanh thấy?

Đáp: Cảm thấy chỗ ứng của pháp thân, duyên nào thấy pháp thân. Như thấy ảnh biết có cây mà chẳng thấy cây vậy.

Hỏi: Pháp thân là thường, thân cao trượng sáu cũng là thường chăng?

Đáp: Lý thân cao trượng sáu là thường, chỉ ở nơi người là vô thường. Nên trong kinh nói: "Như bóng cây trong tối, chẳng phải chỗ mắt thịt thấy được". Xưa trước giải thích rằng: Phật thường không thân là rõ ràng cảm ứng chẳng phải chân. Pháp thân là thật, cảm là năng cảm thuộc chúng sanh. Ứng nghĩa là sở ứng thuộc Phật, vì chúng sanh có cảm thiện của Phật, tự thấy chẳng đồng, hoặc có thấy Đức Thích-ca thân cao trượng sáu, Đức Di-lặc thân cao ngàn thước, hoặc thấy tướng của vô biên, hoặc thấy hình của ba thước, cùng chúng sanh căn lành có cạn sâu, bèn khiến ứng thân tinh thô theo khác. Nên nói chân pháp thân

Phật giống như hư không ứng với hiện hình, như trăng trong nước. Lại, Phật thường không thân là không thân của phần đoạn biến dịch, vì pháp thân rất diệu, không thể dùng hình chất để tầm cầu nên nói là không thân. Căn cứ ở thật lý, chẳng phải không diệu sắc diệu tâm. Diệu sắc nên hay phân hình vừa hợp, diệu tâm nên hay hư rổng hay xét, Tôn giả Thiên Thân có kệ tụng rằng:

"Báo hóa chẳng phải Phật thật,
Cũng chẳng phải người nói pháp".

Trong kinh Kim Quang Minh nói: "Ứng thân, hóa thân là giả danh có, pháp thân là có chân thật". Đạo đầy đủ tức hay ứng hóa vô phương là vì Pháp thân là đạo đầy đủ nên hay ứng hóa vô phương tức không chỗ nào chẳng ứng. Không có thân có nhất định, chúng sanh địa vị ở tin hiểu, vì thiện chưa đầy đủ, chỉ tùy chỗ họ thấy thân cao trượng sáu v.v... Thiện chẳng đầy đủ là thiện từ Pháp vân trở lại tin hiểu vậy. Địa vị rất đầy đủ (chí túc) là Phật quả cực chiếu đạo mãn Bồ-đề, gọi là địa của chí túc. Vì thiện chưa đầy đủ nên chưa thể thấu đạt thân cao trượng sáu hay cao ba thước v.v... tức là hư huyễn, chỉ pháp thân và thân tự thọ dụng, có thể gọi là chân thật. Như người phụ nữ đến tình sâu tối, thành quách vì đó mà sụp đổ là, trong truyện Liệt Nữ nói: "Vợ của Kỹ Lương đến nơi người chồng chết ở dưới thành mà khóc, suốt mười ngày mà thành quách ấy vì đó mà sụp đổ". Hiếu đến mà đá mở bày là trong Hán Thư nói: "Hiếu Quảng không có cha, hỏi với mẹ rằng: "Cha con ở đâu?" Người mẹ đáp: "Cha con bị hổ giết hại". Hiếu Quảng bèn đi bắn hổ, ở trong lùm cỏ ban đêm thấy đá tợ như hổ, bắn đó mất lông, sau lại bắn đó mà trọn chẳng vào vậy". Vì sự việc thành và đá là tùy tâm cảm biến, do đó sụp đổ và mở bày. Diệu lý chẳng phải thô mà chẳng truyền, như truyền của ảnh là ở hình là nói rõ thân cao trượng sáu tuy là thô mà hay truyền diệu lý. Gá sự phô bày lý, mượn ngôn từ hiển bày đạo, như ảnh truyền từ hình, cũng như ngón tay chỉ mặt trăng. Trong Thanh Lương sớ nói rằng: "Phật xưa và mới thành không từng hai thể, mới thành và Phật xưa, pháp thân báo thân tợ như phân mà không gì chẳng ứng thời, nên tức chân mà ứng, ứng tùy tánh khởi, nên tức ứng mà chân. Ba Phật viên dung mười thân vô ngại, nên biện ứng hiện tức hiển bày chân thành. Lại, thân Phật không y trú, ứng có mà hiện khắp, nghĩa là sắc không cố định sắc, như hợp đỏ tía của Kim cang. Hình không cố định hình như mặc tình ngắn dài của ánh sáng và ảnh bóng. Tướng không cố định tướng, tợ đối xấu đẹp của gương sáng, nên tùy vui thích mà đều thấy, cho đến một thân nhiều thân chỉ do tâm phân biệt của chúng sanh khởi, nên không

tích chứa không theo. Đó như đều đặt ngàn đồ vật chứa đựng chỉ trong vài bộ mà ngàn ánh trăng chẳng đồng, một đường sông lắng muôn dặm mà một ánh trăng riêng ngời sáng. Lại như ba thuyền cùng trông xem, một thuyền dừng đứng, còn hai thuyền ở hai bờ Nam Bắc, thuyền ở bờ phía Nam thì thấy ánh trăng ngàn dặm theo phía Nam, thuyền ở bờ phía Bắc thì thấy ánh trăng ngàn dặm theo phía Bắc, thuyền dừng đứng thấy ánh trăng chẳng chuyển dời. Đó là ánh trăng ấy chẳng lìa giữa dòng mà đến phía Nam phía Bắc. Giả sử có trăm ngàn thuyền đồng trông xem, tám phương mỗi tự xa rồi, thì trăm ngàn ánh trăng mỗi tự tùy đó xa rời. Đó là vì tình cách tức pháp thân thành khác, tâm thông mà huyền chỉ hẳn quân bình, rối ren tự tha, nói Phật nào can dự. Do đó, chân thân lặng lẽ rỗng rang, cùng khắp giới hợp, thể đó bao la không ngoài, cùng muôn hóa ngang bằng dụng đó, cùng tận nguyên chớ hai, chấp vết lắm mối, một thân nhiều thân, kinh luận nói khác. Nay nói kinh đây Phật là chân là ứng, là một là nhiều. Nếu nói là chân, sao gọi Thích-ca ở cõi Ta-bà, trời người đồng thấy? Nếu nói là ứng, sao nói Già-na ở Liên Hoa tạng, Đại Bồ-tát thấy, thấy Phật pháp thân. Nếu nói là một, sao vì lắm nơi riêng hiện? Nếu nói là khác, sao lại nói mà chẳng phân thân? Nên nói Phật ở kinh đây đều chẳng phải thuyết trước, tức là pháp giới không cùng tận thân vân chân ứng viên dung, một nhiều vô ngại, tức Tỳ-lô-già-na là Thích-ca, nên thường tại xứ này tức là xứ khác. Xa tại phương khác, vì luôn tại nơi này. Thân chẳng phân khác, cũng chẳng phải một, đồng thời khác xứ, một thân viên mãn, vì đều toàn hiện. Tất cả Bồ-tát không thể tự lường. Nay trước nói rõ mười thân sau phô bày vô ngại. Nói mười thân là như nêu thuật trước, nay căn cứ trên Phật tự có mười thân: Một là, Bồ-đề thân; hai là, nguyện thân; ba là, hóa thân; bốn là, lực trì thân; năm là, tướng hảo trang nghiêm thân; sáu là, oai thế thân; bảy là, ý sanh thân; tám là, phước đức thân; chín là, pháp thân; mười là, trí thân. Nói vô ngại là chỉ kết quy trong có mười nghĩa: Một là, Dụng khắp vô ngại, nghĩa là ở trong niệm kiếp các nơi cõi nước như số vi trần v.v..., Phật Già-na hiện pháp giới thân vân, nghiệp dụng vô biên, thảy đều khắp cùng. Trong kinh có kệ tụng rằng:

"Như ở xứ này thấy Phật ngồi,
Trong tất cả xứ cũng như vậy v.v...".

Hai là, tướng khắp vô ngại, ở trong dụng mỗi mỗi sai biệt, mỗi mỗi nhiếp tất cả nghiệp dụng, như tại trong thai tức có các loại xuất gia, thành đạo v.v... như vậy tất cả tự tại vô ngại; ba là, tịch dụng vô ngại, tuy hiện vô biên tự tại như vậy, nhưng chẳng tác ý chẳng khởi niệm,

thường tại Tam-muội chẳng ngại khởi dụng. Trong phẩm Bất Tư Nghì nói: "Ở trong một niệm đều hay thị hiện tất cả chư Phật ba đời giáo hóa tất cả chúng sanh, mà chẳng xa lìa tịch diệt vô nhị Tam-muội của chư Phật. Đó là cảnh giới của chư Phật không thể thí dụ, chẳng thể nghĩ bàn. Thí như ma-ni mưa báu, trống trời phát tiếng đều không công dụng, nhậm vận mà thành tựu; bốn là, y khởi vô ngại, như chỗ hiện đây tuy không công dụng, đều nương tựa sức của Hải Ấn Tam-muội mà được hiển hiện. Trong kinh có kệ tụng rằng:

"Tất cả thị hiện không có dư,
Hải Ấn Tam-muội sức oai thân".

Năm là, chân ứng vô ngại, tức ứng hiện vô mgại, tức ứng hiện vô tận thân vân đây tức không sanh diệt, tức là pháp thân bình đẳng một vị, chẳng ngại nghiệp dụng, không có hạn lượng; sáu là, khân viên vô ngại, tức thân Lô-xá-na khắp pháp đây, mỗi mỗi thân, mỗi mỗi chi phần, mỗi mỗi lỗ chân lông đều cũng có tự toàn thân xá na, cho nên trong kinh phân xứ tức viên mãn có kệ tụng rằng:

"Như Lai biển công đức vô lượng,
Mỗi mỗi chân lông thảy đều hiện".

Bảy là, nhân quả vô ngại, nghĩa là nói lỗ chân lông trên thân phần hiện tự thân của xá-na ở xưa trước trong bản sanh hành hạnh Bồ-tát mà cảm nhận và giữa chân mày Phật phóng ra âm thanh thù thắng v.v..., số Bồ-tát nhiều như số bụi trần; tám là, Y chánh vô ngại, nghĩa là thân vân đây tức làm tất cả khí thế gian. Trong kinh có kệ tụng rằng:

"Hoặc làm nhật nguyệt giữa hư không,
Hoặc làm sông ao suối giếng v.v...".

Lại cũng ngầm thân vào các cõi kia, mỗi mỗi xứ như bụi lông nhỏ nhiệm đều có thân Phật viên mãn hiện khắp; chín là, ngầm vào vô ngại, nghĩa là vào chúng sanh giới, như Như Lai Tạng tuy làm chúng sanh mà chẳng mất tự tánh. Nên trong phẩm Xuất Hiện nói: "Trí Phật ngầm vào chúng sanh". Lại nói: "Trong tâm chúng sanh có Phật thành Chánh giác v.v...". Lại cũng gồm tất cả chúng sanh tại trong một lỗ chân lông, Thiện Hóa Thiên Vương có kệ tụng rằng:

"Ngươi quán một lỗ chân lông Phật,
Tất cả chúng sanh đều ở trong v.v...".

Mười là, viên thông vô ngại, nghĩa là thân Phật đây tức lý tức sự, tức một tức nhiều, tức y tức chánh, tức sâu tức rộng, tức nhân tức pháp, tức đây tức kia, tức tình tức chẳng phải tình, tức sâu tức rộng, tức nhân tức quả, tức ba thân, tức mười thân, đồng một vô ngại. Vô ngại như vậy

chỉ là nhất tâm, nếu có mảy may bụi trần bên ngoài tức thành trệ. Như trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng:

"Thân Phật chẳng quá khứ,
Cũng lại chẳng vị lai,
Một niệm hiện xuất sanh,
Thành Đạo và Niết-bàn".

Trong Hoa Nghiêm Diễn Nghĩa giải thích thấy Phật sai biệt, nay ý cứ Thanh Lương đến Ngũ đài mong cầu thấy Bồ-tát Văn-thù để so sánh pháp giới thấy Phật sai biệt, gồm có mười nghĩa: Một là, hoặc nhiều căn cơ khác xứ mỗi mỗi cảm thấy; hai là, đồng xứ mỗi mỗi riêng thấy; ba là, hoặc khác lúc riêng thấy; bốn là, hoặc đồng lúc thấy khác; năm là, hoặc đồng lúc khác xứ mà thấy; sáu là, hoặc đồng xứ khác lúc mà thấy; bảy là, khác lúc khác xứ mà thấy; tám là, hoặc đồng lúc đồng xứ mà thấy; chín là, một người ở đồng khác xen nhau lúc và xứ thấy chỗ thấy của nhiều người; mười là, hoặc một người ở đồng khác cùng lúc và xứ thấy chỗ thấy của tất cả mọi người. Nghĩa là đồng lúc đồng xứ, khác lúc khác xứ gọi là đồng khác cùng lúc và xứ, đã là lúc của một người gồm nhiều lúc, xứ khắp các xứ, thấy thông các cảnh, nên là cơ của Phổ Nhãn vậy. Nên biết chân thể của Văn-thù còn chẳng phải là một, người thấy tự có sai biệt, có thể nghiệp duy tâm, càng thâm quán sâu. Lại như nói một Văn-thù từ một xứ phương Đông lại tức tất cả xứ Văn-thù.

Một là, căn cứ nghĩa, lại nói thật đức đó, như trăng của trước khe tức là trăng của sau khe và muôn sông ngàn rạch, toàn vào trước khe, sở dĩ như vậy là vì trong tất cả các xứ chẳng lìa trăng gốc. Trăng gốc rơi lạc khe nước thì ngàn xứ đều rơi lạc; Hai là, căn cứ biểu là Văn-thù là chủ môn Bát-nhã, nếu căn cứ Quán chiếu Bát-nhã thì trí rõ muôn cảnh, không gì chẳng phải Bát-nhã, như ban ngày giữa trời không vật gì chẳng rành rõ. Nếu là thật tướng Bát-nhã, thì không pháp gì chẳng phải là thật tướng, nên không pháp nào chẳng phải là Bát-nhã, như nước khắp sóng, không sóng nào chẳng phải là nước. Tức trong kinh Đại Bát-nhã nói: "Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh nên sắc thanh tịnh, sắc thanh tịnh nên trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Tại sao? Nếu Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh, nếu sắc thanh tịnh, nếu Nhất thiết trí thanh tịnh, vì không hai, không hai phân, không riêng biệt, không đoạn nên thông ở Quán chiếu và Thật tướng vậy.

Lại hỏi: Phật trước chỉ một Phổ Hiền, cớ sao mỗi mỗi Phật trước mỗi mỗi có nhiều ư?

Đáp: Gồm có hai nghĩa: Một là, duyên khởi tướng do, chánh là

ước về chủ bạn gồm nói rõ tức nhập, nghĩa là làm chủ phải một, làm bạn hẳn nhiều. Một đây là tức một của nhiều, một của tất cả vậy. Nhiều là toàn nhiều của một, tất cả của một vậy; hai là, lực dụng giao triệt, một có tất cả, thân của Phổ Hiền chẳng thể nghĩ bàn, lược có ba loại: Thứ nhất là, thân tùy loại, tùy thấy của trời, người v.v... chẳng đồng vậy; thứ hai là, thân tiệm thắng, là tướng cưỡi voi sáu ngà v.v... trang nghiêm vậy; thứ ba là, thân cùng tận pháp giới, lưới trời Đế-thích lớp lớp không có cùng tận vậy. Thân thứ ba đây bao gồm hai thân trước và thân vô tận.

Lại hỏi: Nếu nói như trên thì không một nơi nào không có Phổ Hiền, nay sao không thấy?

Giải thích: Gồm có ba ý: Thứ nhất là căn cứ cơ không thấy là lỗi lầm của người mù; thứ hai là, không thấy là thấy, thấy thân hư không, vì hư không chẳng thể thấy. Nếu người chẳng thấy là chân thật thấy hư không; thứ ba là, cũng khắp vì nơi chẳng thấy là nói rõ thấy thì chẳng khắp. Tại sao? Vì thấy và chẳng thấy đều là thân Phổ Hiền, cốt yếu khiến có thể thấy làm thân, thì thân Phổ Hiền chẳng khắp muôn hữu, như trí chẳng thể thấy, há chẳng phải trí thân ư? Rõ ràng biết do có chỗ của chẳng biết mới biết khắp vậy. Thân thứ ba đây, người nào có thể thấy? Tuệ nhãn mới thấy, chẳng phải chỗ thấy của mắt thịt, tuệ nhãn như vậy không thấy không chẳng thấy.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 17

Hỏi: Phàm, lý của thành Phật hoặc nói là một niệm, hoặc nói là ba A tăng-kỳ kiếp, không biết quyết định lấy văn nào để ấn cho hàng hậu học?

Đáp: Yếu chỉ của thành Phật. Vả lại chẳng phải thời gian hay kiếp số. Giáo của nhanh chậm, thuộc ở quyền nghi, nên trong luận Khởi Tín nói rõ, vì hàng chúng sanh dõng mãnh thì thành Phật tại trong một niệm, vì hạng người biếng lười đắc quả phải đủ ba A tăng-kỳ kiếp, chỉ ngôn từ của Hình giáo tích đều thành phương tiện. Trong Lăng- nghiêm kinh sao nói: "Kiếp nghĩa là thời phần, mà có thành trụ hoại không, đều do vọng kiến của chúng sanh cảm nên. Vả lại, vọng kiến động ngoài cảm phong luân, do ai phát khởi nên ngoài động thủy luân, do tâm chấp chặt ngoài cảm địa luân, do nghiên buồn bã không an nên ngoài cảm hỏa luân. Do bốn đại nên khởi sáu căn, khởi sáu căn nên thấy sáu trần, thấy sáu trần nên có thời phần. Nếu rõ được căn bản vô minh một niệm vọng tâm thì biết từ tâm sanh ra ba cõi, rốt cùng không có. Vả lại, thời nhân cảnh lập, cảnh còn vốn không, thời tự không thể, sao lại phải luận kiếp số ngắn dài, chỉ một niệm đoạn dứt vô minh, sao giả lại trải qua A tăng-kỳ kiếp. Do đó, trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Như Huyễn Tam-ma-đề, khảy móng tay vươt vô học". Lại nói: "Tưởng tướng làm trần, thức tình làm dơ, cả hai đều xa lìa thì pháp nhãn ông tức liền sáng sạch. Cớ sao chẳng thành tri giác vô thượng". Trong kinh Viên Giác nói: "Biết huyễn tức lìa, chẳng làm phương tiện, lìa huyễn tức giác, cũng không lần lượt". Nên biết kiếp số ngắn dài do một niệm lại, ba thừa hướng đến quả đều là trong mộng, nói việc lúc ngộ đều không nhiều kiếp. Do đó, kinh Pháp Hoa diễn nửa ngày làm năm mươi tiểu kiếp. Kinh Duy-ma diễn nói bảy ngày làm một kiếp. Lại như kinh Niết-bàn nói: "Đồ nhi Quảng Ngạch mỗi ngày giết ngàn con dê, sau khi đã phát tâm, Phật nói sẽ thành Phật trong hiền kiếp này. Các Đại Bồ-tát và A-la-hán nghi ngờ, nói là "chúng con thành Phật tức phải

ở kiếp lâu xa, cớ sao Quảng Ngạch được thành Phật trước". Phật dạy: "Muốn được sớm thành, tức cho sớm, muốn được lâu xa mới thành, tức cho lâu xa. Nếu chóng thấy chân tánh tức một niệm thành Phật". Nên biết lợi độn chẳng đồng, nhanh chậm tại ta, có thể nghiệm ở tâm sanh thì pháp sanh, tâm diệt thì pháp diệt vậy. Vì ba cõi không riêng biệt, pháp chỉ là một tâm tạo tác, tất cả cảnh giới đều nhân động niệm. Niệm nếu chẳng sanh, cảnh vốn không thể, trở ngược lại tận cùng động niệm, niệm cũng không tịch, tức biết lúc mê không mất, lúc ngộ không đắc, vì không trú chân, tâm không tăng giảm. Như kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: "Phật dạy: "Này Phú-lâu-na! Há ông chẳng nghe Diễn nhã Đạt-đa ở trong thành Thất-la, chợt lúc sáng sớm dùng gương soi mặt, mến thích đầu và thấy mặt mắt, cho là ly mỵ không trạng chạy cuồng. Ý ông nghĩ thế nào? Người đó bởi nhân gì vô cớ mà chạy cuồng?" Phú-lâu-na thưa: "Tâm người đó điên cuồng, không do đâu khác". Phật bảo: "Diệu giác tròn sáng vốn tròn sáng diệu, đã gọi là vọng cớ sao có nhân? Nếu có sở nhân, sao gọi là vọng? Tự các vọng tưởng triển chuyển cùng làm nhân, từ mê tích chứa mê để trải qua số kiếp như vi trần, tuy Phật phát minh còn chẳng thể trở lại. Mê nhân như vậy, nhân mê tự có, biết mê không nhân, vọng không chỗ nương, còn không có sanh, dục làm sao diệt, đắc Bồ-đề là như người lúc tỉnh ngủ, nói việc trong mộng, tâm phóng túa tinh minh, dục nhân duyên gì lấy vật trong mộng, huống là không nhân, vốn không chỗ có, như Diễn Nhã Đạt-đa ở trong thành kia đâu có nhân duyên tự khiếp sợ đầu mà chạy, chợt nhiên cuồng hết, đầu chẳng phải từ ngoài lại. Giả sử chưa hết cuồng cũng nào sót mất. Phú-lâu-na! Tánh vọng như vậy, nhân nào làm tồn tại? Ông chỉ chẳng tùy phân biệt tương tục ba thứ chúng sanh nghiệp quả thế gian. Ba duyên đoạn nên ba nhân chẳng sanh, thì Diễn Nhã Đạt-đa trong tâm ông không cuồng tánh tự hết. Hết tức là Bồ-đề, thắng tịnh minh tâm vốn khắp pháp giới, chẳng từ người được, nào gá nhọc mệt chịu chẳng khinh tu chứng". Xưa trước giải thích rằng: Đầu không được mất là, đầu dụ cho chân tánh, lúc vô minh mê mờ, tánh cũng chẳng mất, lúc vô minh hết, cũng chẳng riêng được. Hết tức Bồ-đề là, chỉ ngộ bản thể, năm thức hiện lượng, tất cả muôn hạnh thảy đều đầy đủ, tức là Bồ-đề, như trong kinh Niết-bàn nói: "Tất cả chúng sanh xưa nay thành Phật, trí tánh vô lậu vốn tự đầy đủ". Lại, đốn từ tiệm được, tên đều gọi là phương tiện, xưa trước giải thích rằng: Nếu cứ nói đốn, cũng là phương tiện, nếu nói tiệm đốn đều phải, cũng phỉ báng Phật, điều chẳng phải, cũng phỉ báng Phật. Do vì trên thể bản giác lìa đốn tiệm, lìa ngôn thuyết, xứ nào có danh tự đốn

tiệm? Thức thứ sáu động tức có phân biệt, chẳng động tức bình đẳng khắp cùng pháp giới. Năm thức hiện lượng, mỗi mỗi căn đều khắp pháp giới. Lúc mắt thấy sắc, sắc không thể được, xưa nay ngang bằng pháp giới. Trong kinh Pháp Hoa nói: "Pháp đó trú ngôi pháp, tướng thế gian thường trú". Tức biết tất cả các tướng thế gian xưa nay thường nhậm hạnh vị nào có thể biết, chỉ Phật ở nơi đạo tràng biết rồi, đấng đạo sư dùng phương tiện nói, vì chúng sanh mê mờ không biết nên nói, nếu biết chẳng đợi phải nói, mới biết có nói đều thuộc phương tiện.

Hỏi: Tức tâm thành Phật, lại lập Phật khác chăng? Nếu quyết định chẳng lập thì không chỗ oai thần của chư Phật gia bị hộ niệm v.v... bèn thành đoạn kiến ư?

Đáp: Vì tự tâm tánh khắp tất cả xứ, do đó nếu thấy Phật khác tức là tự Phật, chẳng hoại cảnh của tự và tha, chỉ là một tâm. Chúng sanh như khuôn của trên tượng, nếu trừ bỏ khuôn, đã thấy tự Phật cũng thấy Phật khác. Tại sao? Tuy thấy Phật khác tức là tự Phật, vì tự đúc ra, cũng chẳng hoại Phật khác. Vì ở trên bản chất kia tuy biến khởi hình của Phật khác, tức là tự tướng phần, biến và chẳng biến đều là một tâm. Do vì nhân chúng sanh mê ngộ có hai tâm, có thấy và chẳng thấy, lý của tự và tha. Nếu ước về chân tánh, mê ngộ theo đâu? Tự và tha đều sạch hết, vì pháp thân không hình, không tướng của tướng thấy tự và tha. Các bậc cổ đức nói: "Mê có hai thứ: Một là, ngoài tâm chấp thủ cảnh sanh tưởng trái lý nên chẳng thể thấy Phật vô tướng; Hai là, chấp thủ tướng nội uẩn vì chẳng rõ tánh, không thấy tâm Phật. Ngộ hai thứ đây: Một là, thấu rõ tất cả các pháp tức tự tánh của tâm, tánh cũng chẳng phải tánh, tình phá lý hiện thì thấy thân xá-na xứng với pháp tánh, không có trong ngoài vậy; Hai là, thấu rõ tánh tướng của uẩn, thì thấy Phật của tự tâm cùng xá na chẳng phải một chẳng phải khác, như trời Đế-thích chẳng tu nghiệp trời, cớ sao cung điện tùy theo thân? Vua chuyển luân chẳng làm nhân vua, bảy báu không do đâu mà nhóm tụ, chỉ nương tựa tự thiện, ngoài cảm thắng duyên. Do đó, trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Phật tử! Tất cả các Đức Như Lai đồng một thể tánh, trong trí đại luận sanh ra các thứ ánh sáng trí tuệ. Phật tử! Các ông phải biết, Đức Như Lai ở nơi một vị giải thoát, sanh ra vô lượng các thứ công đức chẳng thể nghĩ bàn, chúng sanh khởi ý nghĩ rằng. Đó là thần lực của Đức Như Lai tạo nên. Phật tử! Đó chẳng phải do thần lực của Đức Như Lai tạo nên. Phật tử! Cho đến một Bồ-tát chẳng ở nơi Phật từng gieo căn lành, hay được phần ít trí tuệ của Đức Như Lai, điều đó không thể có, chỉ vì sức oai đức của chư Phật, nên khiến chúng sanh thấy công đức của Phật, mà Phật Như

Lai không có phân biệt, không thành không hoại, không có người làm, cũng không pháp làm. Phật tử! Đó là tướng của Đức Như Lai ứng chánh đẳng giác xuất hiện". Trong luận Bảo Tạng nói: "Phàm, sở dĩ chân thật một, không một mà hiện chẳng đồng, hoặc có người niệm Phật tức Phật hiện, niệm tăng tức tăng hiện, chỉ Phật kia chẳng phải Phật chẳng phải chẳng phải Phật mà hiện nơi Phật. Cho đến chẳng phải tăng chẳng phải chẳng phải tăng mà hiện nói tăng. Tại sao? Kia là vọng tâm, mong cầu hiện vậy. Chẳng giác ngộ tự tâm hiện nên, việc thánh duyên khởi, một mựclàm cảnh giới bên ngoài mà có sai biệt. Thật chẳng phải Phật pháp tăng mà có khác vậy. Cho đến, thí như có người ở bên cạnh xưởng đúc lớn, tự làm khuôn mẫu, vuông tròn tự xứng, mong vàng nấu lỏng kia rót đổ vào trong khuôn mình để thành hình tượng, nhưng mà vàng nấu lỏng, tuy thành hình tượng. Kỳ thật vàng nấu lỏng chẳng phải tượng, chẳng phải chẳng phải tượng mà hiện nơi tượng. Người kia niệm Phật cũng lại như vậy. Xưởng đúc vàng tức dụ như pháp thân Như Lai, khuôn mẫu tức dụ sự mong cầu của chúng sanh, niệm chứa được Phật, vì niệm Phật hòa hợp duyên, sanh khởi các thứ thân tướng. Nhưng pháp thân ấy chẳng phải tướng, chẳng phải chẳng phải tướng, sao gọi là chẳng phải tướng? Vì vốn không tướng cố định. Sao gọi là chẳng phải chẳng phải tướng? Vì duyên khởi các tướng, nhưng mà pháp thân chẳng phải hiện, chẳng phải chẳng phải hiện. Lìa tánh không tánh, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải tâm chẳng phải ý, chẳng thể lấy tất cả suy lường do độ vậy. Chỉ phàm phu kia tùy tâm mà có, tức sanh hiện Phật tưởng, một hướng cho rằng ngoài tâm kia có Phật, không biết tự tâm hòa hợp mà có, hoặc một hướng nói ngoài tâm không Phật, tức là phỉ báng chánh pháp vậy. Giải thích rằng: Sao gọi là chẳng phải tướng? Vì vốn không tướng cố định là, vì nhân tâm số hiện, tướng bên ngoài không thật thể, tùy tâm cảm sanh, duyên hết tức diệt. Vậy có tướng nào? Nếu nói vốn không tướng cố định. Sao gọi là chẳng phải chẳng phải tướng? Vì duyên khởi các tướng là, đã gọi là không cố định, chỉ tùy duyên hiện, nhân duyên hòa hợp huyễn tướng chẳng không, nên nói duyên khởi các tướng, nếu hay chẳng sanh phân biệt, chẳng khởi tự tha, bên trong chẳng chấp có mà giữ lấy các uẩn, bên ngoài chẳng chấp không mà phỉ báng chánh pháp, thì mở mắt nhắm mắt, giở bước đặt bước, chẳng phải thấy, chẳng phải chẳng phải thấy là chân thật thấy Phật vậy. Trong luận Bảo Tánh nói: "Vì y cứ nghĩa Phật vậy". Trong kinh nói: "Phật bảo A-nan rằng: Như Lai là chẳng phải pháp có thể thấy, cho nên nhãn thức không thể thấy được, vì y cứ nghĩa pháp vậy". Trong kinh nói: "Điều gọi là pháp

tức là việc chẳng thể nói. vì như thế nên chẳng phải chỗ nhĩ thức nghe, vì y cứ nghĩa “tăng vậy”. Trong kinh nói: “Điều gọi là tăng, tức là vô vi, cho nên không thể thân tâm cúng dường, lễ bái tán thán. Nên biết Tam bảo như tướng hư không, chẳng phải chỗ thấy nghe kịp, thì tâm của chúng sanh Phật độ chúng sanh của tâm Phật, nếu có một pháp đối trị tức đều thành tà kiến. Nên Lục Tổ nói: “Tà tới chánh độ, mê tới ngộ độ, ngu tới trí độ, ác tới thiện độ. Độ như vậy tức là chân thật độ.

Hỏi: Đã ngoài tâm không Phật, thấy Phật là tâm. Tại sao trong giáo có nói Hóa Phật đến nghinh tiếp sanh về các cõi tịnh?

Đáp: Pháp thân Như Lai vốn không sanh diệt, từ thân khởi hóa, tiếp dẫn mê căn, vì hóa tức chân, chân ứng một ngằn mé, tức chẳng đến chẳng đi, tùy ứng vật tâm. Lại, hóa thể tức chân nói không khứ lai, từ chân lưu hóa, hiện có qua lại, tức tướng chẳng lại mà lại, tướng chẳng thấy mà thấy vậy. Chẳng lại mà lại tợ trăng và nước chóng lộ bày, chẳng thấy mà thấy, như mây bay chợt hiện.

Hỏi: Như trên nói thân thể thì lặng trong chẳng động. Hóa tướng thì chẳng lại mà lại, chánh là ngoài tâm có Phật khác đến nghinh tiếp. Thế nào là chứng tự tâm là Phật?

Đáp: Một là, do sức bản nguyện từ bi chủng tử công đức, tăng thượng duyên của Đức Như Lai, khiến các chúng sanh từng có duyên với Phật, niệm Phật tu quán nhóm tập các thứ phước trí muôn thiện, với sức công đức lấy làm nhân duyên thì tự tâm cảm hiện thân Phật đến nghinh tiếp, chẳng phải là chư Phật thật sai hóa thân đến nghinh tiếp. Chỉ là chủng tử công đức, sức của bản nguyện, do đó lúc hóa chúng sanh căn cơ hợp khiến tự tâm thấy Phật đến nghinh tiếp, thì thân Phật trong lắng văng lặng, không có đến đi thức tâm chúng sanh nương gá thắng lực công đức bản nguyện của Phật, tự tâm biến hóa có đến có đi, như ảnh tượng mặt gương, tợ hành xử trong mộng. Hình của trong gương chẳng phải trong chẳng phải ngoài, chất của trong mộng chẳng phải có chẳng phải không, chỉ là tự tâm chẳng liên quan Phật hóa, thì chẳng đến chẳng đi, là nói về chỗ công đức của chư Phật mà nói. Nếu có đi có lại tức căn cứ chỗ tâm tướng chúng sanh mà nói vậy. Vậy biệt tịnh nghiệp thuần thục, mắt thấy thân Phật, ác quả sắp thành, tâm hiện địa ngục, như người sẵn phước đức thì nắm đá vụn thành vàng, người nghiệp bần khổ, chuông vàng thành đá vụn, đá vụn chẳng phải vàng mà vàng hiện, vàng chẳng phải đá vụn mà đá vụn sanh. Vàng sanh chỉ là tâm sanh, đá vụn hiện chỉ từ tâm hiện, chuyển biến là ta, vàng đá từ đâu? Các hạng người ôm giữ nghi ngờ khá nên hiểu yếu chỉ bày.

Hỏi: Như trước phân tích, lý sự rành rẽ, ngoài Phật không tâm, ngoài tâm không Phật, cớ sao trong giáo lại lập Pháp môn niệm Phật?

Đáp: Chỉ vì chẳng tin tự tâm là Phật, hướng ngoại mong cầu. Nếu hàng căn cơ trung hạ thì quyền khiến quán sắc thân Phật, buộc duyên thô niệm, dùng ngoài hiển bày trong, dần ngộ tự tâm, nếu hàng căn cơ bậc thượng, chỉ khiến quán thân Thật tướng, Quán Phật cũng vậy. Như trong kinh Phật tạng nói: "Thấy Thật tướng các pháp gọi là thấy Phật. Những gì là thật tướng các pháp? Đó là các pháp rốt ráo không, không chỗ có. Dùng pháp rốt ráo không, không chỗ có ấy niệm Phật, cho đến niệm Phật lìa các tưởng, các tưởng chẳng sanh, tâm không phân biệt, không danh tự, không chướng ngại, không dục không đắc, không khởi giác quán. Tại sao? Xá-lợi-phất! Tùy chỗ khởi niệm, tất cả các tưởng đều là tà kiến. Xá-lợi-phất! Tùy không chỗ có, không giác không quán, không sanh không diệt, thông đạt như thế, gọi là niệm Phật. Trong niệm như thế, không tham không dục, không nghịch không thuận, không sanh không tưởng. Xá-lợi-phất! Không tưởng không nói năng, mới gọi là niệm Phật. Trong đây cho đến không một niệm nhỏ vi tế, huống gì nghiệp thân miệng ý thô phù, không xứ nghiệp thân miệng ý,không chấp không gồm, không tranh cãi không tụng, không niệm, không phân biệt, không tịch vô tánh, diệt các giác quán, đó gọi là niệm Phật. Xá-lợi-phất! Nếu người thành tựu niệm như vậy, muốn chuyển đất bốn thiên hạ, tùy ý có thể chuyển, cũng có thể nhiếp phục trăm ngàn ức ma, huống gì vô minh ngăn che từ duyên khởi hư luống, không tướng quyết định. Pháp đó như vậy, không tưởng, không hý luận, không sanh không diệt, không thể phân biệt không tối không sáng. Hoặc ma hoặc dân ma đều không thể lường, chỉ vì ngôn thuyết thế tục có chỗ giáo hóa, mà nói lời rằng: "Lúc ngươi niệm Phật, chớ chấp niệm nhỏ, chớ sanh hý luận, chớ có phân biệt. Tại sao? Vì pháp đó đều không, không có thể tánh, không thể niệm một tướng. Đó gọi là vô tướng, đó gọi là chân thật niệm Phật". Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng:

"Thí như nhật nguyệt giữa hư không,
Trong tất cả nước đều hiện ảnh.
Trú nơi pháp giới không chỗ động,
Tùy tâm hiện ảnh cũng như vậy".

Lại có kệ tụng rằng:

"Thí như thần Báu xanh,
Chiếu vật đều đồng sắc,
Chúng sanh lúc thấy Phật,

Đồng Phật sắc Bồ-đề".

Giải thích rằng: "Sắc Bồ-đề của chư Phật tức là ánh sáng của tâm tánh chúng sanh, vì tâm vô tướng nên Bồ-đề cũng lại như vậy. Do đó Bồ-tát Văn-thù có kệ tụng rằng:

"Hư không không trung biên,
Tâm chư Phật cũng vậy,
Vì tâm đồng hư không,
Kính lễ không chỗ quán".

Trong phẩm Nhập pháp giới ở kinh Hoa Nghiêm nói: "Tỳ-kheo Đức Vân nhập pháp môn ức niệm Nhất thiết chư Phật cảnh giới trí tuệ Quang Minh Phổ Hiền cho đến môn Thú nhất thiết thế niệm Phật, tùy chỗ vui thích của tự tâm, thấy khắp tất cả các Đức Như Lai trong ba đời". Trong phẩm Nhập Bất Tư Nghì Giải Thoát Cảnh Giới có kệ tụng rằng:

"Tâm hay nhóm khắp vô biên nghiệp,
Trang nghiêm tất cả các thế gian,
Rõ tất cả pháp đều là tâm,
Hiện thân bằng số chúng sanh kia".

Trong kinh Nhập Lăng-già có kệ tụng:

"Phật và thân Thanh văn,
Thân Bích- chi Phật bằng,
Và các thứ sắc thân,
Chỉ nói là trong tâm".

Trong kinh Đại Phương Quảng Như Lai Bí Mật Tạng nói: "Pháp Như Lai Mật tạng, nghĩa là Nhất thiết trí tâm, cho đến tâm đó là trụ, chẳng khiếp chẳng sợ, chẳng suy chẳng hoại, không có biếng lười, không trái không bỏ, thuận hướng tâm đó mà thấu rõ đó". Trong kinh Hoa Thủ nói: "Tất cả các pháp như mặt nhật sóng sạch, tùy chỗ chánh quán đều vào không ngằn mé". Giải thích rằng: "Tất cả các pháp đều là ánh sáng của tâm không có tỳ vết ngăn che, nên nói là như mặt nhật sáng sạch, tùy chỗ có pháp, hay làm quán đó, không gì chẳng vào trong khoảng của tự tâm không ngằn mé. Lại, trong chỉ quán nói rõ: Môn niệm Phật Tam-muội là phải niệm thế nào? Là lại niệm ta, phải từ tâm được Phật, từ thân được Phật, Phật chẳng dụng tâm được, chẳng dụng thân được, chẳng dụng tâm được Phật sắc, chẳng dụng sắc được Phật tâm. Tại sao? Tâm là Phật không tâm, sắc là Phật không sắc, chẳng dùng sắc tâm được Tam Bồ-đề. Phật sắc đã hết, cho đến thức đã hết, chỗ Phật nói hết là người ngu si không biết, người trí hiểu rõ. Chẳng

dùng thân miệng được Phật, chẳng dùng trí tuệ được Phật. Tại sao? Trí tuệ cầu không thể được, tự cầu ta rõ không thể được, cũng không chỗ thấy. Tất cả các pháp vốn không chỗ có, hoại gốc tuyệt gốc. Lại như mộng thấy bảy báu, thân thuộc vui thích, tỉnh rồi nghĩ nhớ không biết nơi nào, niệm Phật như vậy. Lại như lúc Phật còn tại thế, ba người là Bá Trọng nghe trong nước Tỳ-da-ly có dâm nữ tên là Yêm-la-bà-lợi, trong nước Xá-vệ có dâm nữ tên là Tu-mạn-na, trong thành Vương-xá có dâm nữ tên là Ưu-bát-la-bàn-na. Có ba người, mỗi mỗi nghe người ngợi khen ba người nữ đoan chánh không ai sánh bằng, đêm ngày chuyên nghĩ nhớ, tâm đắm trước chẳng bỏ, bèn ở trong mộng, thấy cùng tư không, tỉnh rồi tâm nghĩ, người nữ kia chẳng lại, ta cũng chẳng đến mà việc dâm được xong, nhân đó mà tỏ ngộ tất cả các pháp đều là như vậy ư? Khi đó đến nơi Bồ-tát Bạt-đà-bà-la mà hỏi việc ấy. Bồ-tát Bạt-đà-bà-la đáp rằng: "Các pháp thật vậy, đều từ niệm sanh", và vì ba người đó mà dùng các thứ phương tiện khéo léo nói các pháp không, khi ấy ba người liền đắc A-bệ-bạt-trí. Vậy biết người chẳng tới lui mà việc vui rõ ràng. Phải niệm Phật như vậy. Lại như người đi nơi đầm lớn mà đói khát, mộng thấy được thức ăn ngon, tỉnh rồi bụng ruột trống không, tự nghĩ tất cả các pháp sở hữu thảy đều như mộng. Phải niệm Phật như vậy, mỗi mỗi niệm chớ được dừng nghĩ, dùng niệm đó, sẽ sanh về cõi nước Phật A-di-đà. Đó gọi là niệm như tướng". Trong kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập nói: "Phật bảo: "Này Hiền Hộ! Ta nhớ trong đời quá khứ có Đức Phật Thế Tôn hiệu là Tu-ba-nhật. Bấy giờ có một người đến thẳng nơi đồng trống, đói khát khốn khổ, bèn liền nằm ngủ, trong mộng thấy được có các thức ăn thượng diệu. Ăn xong đã no, không còn đói khát. Từ khi tỉnh giấc trở lại đói khát. Người ấy nhân đó tự tư duy rằng: Như vậy các pháp đều không không thật, giống như điều thấy trong mộng, vốn tự chẳng thật". Lúc quán như vậy, ngộ và sanh nhẫn, được không thối chuyển đối với A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Lại như người đem vật báu đặt để trên lưu ly, ảnh hiện trong đó, cũng như Tỳ-kheo quán xương nổi các thứ ánh sáng, đó là không người mang lại, không co xương đó, do ý làm vậy. Như trong kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập nói: "Lại nữa, Hiền Hộ! Thí như vị Tỳ-kheo tu Bất tịnh quán, thấy thây mới chết, hình sắc mới xương tan rã, mà xương ấy tan rã, không từ đâu đến, cũng không thể đi, chỉ do tâm làm, lại thấy ở tự tâm. Lại như ảnh tượng trong gương, chẳng ngoài đến chẳng trong sanh, vì gương sạch nên tự thấy hình đó. Sắc của hành nhân thanh tịnh thì chỗ thấy thanh tịnh. Muốn thấy Phật tức thấy Phật, thấy tức hỏi, hỏi tức đáp, nghe kinh

rất hoan hỷ, tự nghĩ Phật từ nơi nào lại, ta cũng không chỗ đến? Điều ta nghĩ tức thấy tâm làm Phật, tâm tự thấy tâm, thấy Phật tâm, Phật tâm đó là tâm ta. Chẳng tự biết tâm, tâm chẳng tự thấy tâm. Tâm có tưởng là ngu si, tâm không tưởng là Nê-hoàn. Pháp đó không thể chỉ bày là đều do niệm làm thành. Giả sử có niệm đó cũng trọn không chỗ có, là không vậy. Đó gọi là Phật ấn, không thể tham, không chỗ đắm trước, không chỗ mong cầu, không chỗ tưởng, hết chỗ có, hết sự ham muốn, không từ đâu sanh, không từ đâu diệt, không chỗ bại hoại. Đạo cốt yếu đạo gốc. Ấn đó, hàng Nhị thừa không thể làm hư hoại huống gì là ma ư?" Trong luận Bà-sa nói rõ: "Bồ-tát mới phát ý trước niệm sắc tướng Phật, tướng thể tướng dụng, tướng nghiệp tướng quả, được thế lực bậc hạ. Tiếp đến niệm Phật có bốn mươi pháp bất cộng, tâm được thế lực bậc thượng, mà chẳng đắm trước sắc thân và pháp thân". Có kệ tụng rằng:

"Chẳng tham trước sắc thân,
Pháp thân cũng chẳng trước,
Khéo biết tất cả pháp,
Vắng lặng như hư không".

Khuyên người tu là: Nếu người muốn được trí tuệ như biển lớn khiến không thể vì ta làm thầy. Ngồi nơi đó, chẳng vận thần thông, thảy đều thấy chư Phật, đều nghe giảng nói, đều có thể thọ trì, thường hành Tam-muội. Đối với các công đức rất là đệ nhất. Tam-muội đây là mẹ của chư Phật, mắt Phật, cha Phật. Vô sanh mẹ đại bi,tất cả chư phật đều từ hai pháp nay sanh ra, nghiền nát đất Đại thiên và cây cỏ làm bụi trần, một bụi trần làm một cõi Phật, khắp đầy trong thế giới tất cả vật báu đều dùng bố thí, phước đó rất nhiều, không như nghe Tam-muội này mà chẳng kinh chẳng sợ, huống gì tin nhận thọ trì đọc tụng vì người mà giảng nói, huống gì hay thành Tam-muội đó, nên vô lượng vô biên. Lại trong luận Bà-sa nói: "Kiếp lửa, quan, giặc, rồng độc cầm thú, các thứ bệnh tật xâm phâm người đó. Điều ấy không thể có. Người đó thường được trời rồng tám bộ, tất cả chư Phật đều cùng hộ niệm tán thán, đều cùng muốn thấy, đều đến nơi người đó. bằng nghe Tam-muội đây bốn phen như trên, công đức đều tùy hỷ. Ba đời thư Phật Bồ-tát đều tùy hỷ, lại hơn công đức bốn phen trên. Nếu chẳng tu pháp như vậy, mất vô lượng báu trọng, trời người vì đó mà lo buồn, như người nghẹt mũi nắm chiên-đàn mà chẳng ngửi, như người nhà nông cầm châu ma-ni mà đánh đầu trâu". Nên biết không biết tự tâm là Phật trái lại mong cầu pháp khác, trái đạo tu đạo, lỗi quá đó như vậy, tức là phàm phu chẳng đạt tâm báu, uống ăn vật độc nơi trời người, hàng Nhị thừa xa lìa nhà

trân quý, làm kẻ hèn để dọn phẩn dơ. Nên trong kinh Pháp Hoa nói: "Người có trí nếu nghe được nếu nghe được thì hay tin hiểu, kẻ không trí nghi ngờ thì là trọn mất".

Hỏi: Như môn thành Phật, nếu luận về tu thiện thì có trước sau, nếu là tánh thiện thì vốn một tâm bình đẳng. Chư Phật đã có tánh ác, Xiển-đề cũng có tánh thiện. Đã đồng một tánh, đều nên thành Phật, cớ sao Xiển-đề không thành Phật ư?

Đáp: Nếu nói tánh Phật, người nào chẳng như nhau? Nếu nói về tu thành Xiển-đề chưa đầy đủ. Trong Thai giáo hỏi: Xiển-đề cùng Phật đoạn những thiện ác gì? Đáp: Xiển-đề đoạn hết tu thiện, chỉ tánh thiện còn, Phật đoạn hết tu ác, đều chỉ tánh ác còn.

Hỏi: Xiển-đề chẳng đoạn tánh thiện trở lại có thể khiến tu thiện khởi. Phật chẳng đoạn tánh ác trở lại khiến tu ác khởi ư?

Đáp: Xiển-đề chẳng đạt tánh thiện, vì chẳng đạt nên trở lại vì chỗ thện nhiễm, tu thiện được khởi, rộng sửa trị các ác. Phật tuy chẳng đoạn tánh ác mà hay thấu đạt ở ác, vì thấu đạt ác nên ở nơi ác mà được tự tại nên chẳng bị chỗ ác nhiễm, tu ác chẳng được khởi, nên Phật trọn không trở lại ác. Do vì tự tại, rộng dùng các pháp môn ác mà hóa độ chúng sanh, trọn ngày dùng đó mà trọng ngày chẳng nhiễm, chẳng nhiễm nên chẳng khởi, sao được đem Xiển-đề mà xếp đều ư? Nếu Xiển-đề hay thấu đạt thiện ác đây, thì chẳng lại gọi là Nhất Xiển-đề vậy. Nếu y tựa người khác nói rõ Xiển-đề đoạn thiện hết, là do thức A-lại-da huân thành, lại có thể khởi thiện. A-lại-da tức là vô ký vô minh, thiện ác y tựa gìn giữ làm tất cả hạt giống. Xiển-đề chẳng đoạn vô ký vô minh, nên trở lại sanh thiện, Phật đoạn hết vô ký vô minh, không chỗ có thể huân, nên ác chẳng trở lại sanh. Nếu muốn đem ác để giáo hóa chúng sanh, chỉ là thần thông biến hiện độ chúng sanh vậy.

Hỏi: Nếu Phật địa đoạn ác hết làm thần thông dùng ác hóa vật, đó là tác ý mới có thể khởi ác. Như người họa vẽ các thứ sắc tượng, chẳng phải là mặc tình, như gương sáng chẳng động sắc tượng tự hình, có thể là lý chẳng thể nghĩ bàn có thể vương ác. Nếu làm ý là cùng ngoại đạo nào có khác?

Đáp: Nay nói rõ Xiển-đề chẳng đoạn thiện của tánh đức, gặp duyên thiện phát. Phật cũng chẳng đoạn tánh ác, có duyên khởi kích, sức từ huân thành, vào địa ngục A-tỳ đồng tất cả việc ác để chúng sanh. Vì có tánh ác nên gọi là chẳng đoạn. Không lại tu thiện nên gọi là chẳng thường. Nếu tu tánh đều hết thì là đoạn, chẳng được là chẳng đoạn chẳng thường, Xiển-đề cũng vậy. Tánh thiện chẳng đoạn, trở lại

sanh thiện căn, Như Lai tánh ác chẳng đoạn trở lại hay khởi ác, mà là giải tâm không nhiễm, thông đạt ngằn mé ác tức là thật tế. Hay dùng tướng ngũ nghịch mà được giải thoát, cũng chẳng buộc chẳng mở, hành trái đạo mà thông Phật đạo. Xiển-đề nhiễm mà chẳng đạt, cùng đây là khác vậy. Sao gọi là chẳng đạt? Vì không tỏ ngộ không tánh, do vì các pháp thiện ác đều lấy không tánh làm tánh, tánh đây tức là Phật tánh, tức không trú vốn tức là pháp tánh, tánh thiện ác này không thể đoạn, tức nay suy tự tâm tánh không thể được, tức không trú xứ mà hay khắp tất cả xứ tức là tánh thiện ác vậy. Tánh không thiện ác hay sanh thiện ác, thiện ác có thể đoạn mà tánh không thể đoạn. Thiện ác đồng lấy tâm tánh làm tánh, nếu đoạn tánh ác thì đoạn tâm tánh, tánh không thể đoạn, đo đó Xiển-đề chẳng đoạn tánh thiện, giả sử đọa trong tam đồ, tánh thiện cũng chẳng giảm, tánh ác không tăng, mãi đến thành Phật tánh ác không tăng, tánh thiện không giảm. Tánh này tức là pháp thân vậy. Thí như gương sáng vốn không các ảnh tượng xấu đẹp, hay hiện tất cả các ảnh tượng xấu đẹp. Ảnh tượng có tăng giảm mà thể sáng sạch chẳng tăng chẳng giảm vậy. Gương vốn không ảnh tượng nên hay hiện ảnh tượng, Phật tánh không thiện ác nên hay hiện thiện ác. Chúng sanh chẳng được tánh, chỉ được thiện ác, bị thiện ác bó buộc, không được tự tại vậy. Tánh thiện không hoại nên địa ngục hay phát thiện cõi Phật, tánh ác chẳng hoại, nên Phật hay hiện ác sáu thú. Lại, tánh tức là tánh của các pháp thiện ác v.v... khắp mười phương ba đời chúng sanh cõi nước v.v... tất cả xứ, không có biến khác chẳng tăng chẳng giảm, hay hiện các thứ thiện ác phàm thánh sạch dơ nhân quả v.v... từ tánh mà khởi, nên nói tánh thiện tánh ác, nếu thiện ác v.v... tức không tướng cố định, tùy duyên nhóm tập, như ảnh tượng trong gương, không thể có thể được. Nếu gặp duyên tịnh tức thiện, nêu nhân duyên nhiễm tức ác, từ tu mà được nên nói là tu thiện tu ác. Nếu luận về tánh thiện chẳng chỉ Xiển-đề, nếu luận về tánh ác, chẳng chỉ chư Phật, do vì thiện ác là tánh của các pháp vậy, tức tất cả chúng sanh thảy đều đầy đủ có một ngằn mé bình đẳng.nếu giác ngộ tánh đây tức bên thành Phật, nên hay hiện thánh bày phàm tự tại vô ngại. Nếu luận về tu thiện tu tác, ở trong các căn thượng trung hạ tức không thể định. Tùy sự tu thành đó dày mỏng, nhậm sức lượng đó có cạn sâu, được quả báo trong thế gian mà lên xuống trong sáu thú, thành quả xuất thế gian mà tứ thánh có cao thấp. Do vì chẳng tỏ rõ tánh của thiện ác, bị nghiệp thiện ác ràng buộc mà chẳng tự tai. Nếu thấy tánh đạt đạo thì đạo nào chẳng thành, nên pháp pháp nêu tông, trần trần khế hợp yếu chỉ, đâu chỉ hai pháp thiện ác mà

được tự tại ư?

Hỏi: Tam bảo như tướng hư không, chẳng phải chỗ thấy nghe kịp được. Tại sao trong giáo nói kiến đạo, lại xưng là thấy Phật?

Đáp: Nói về bản trí phát minh, giả xưng gọi là kiến, chẳng phải chỗ mắt thấy, chỉ chứng mới biết. Lìa thấy chẳng phải thấy, mới gọi là thật thấy. Trong kinh Niết-bàn nói: "Bồ-tát thật không chỗ thấy, không chỗ thấy tức là không chỗ có. Không chỗ có thì tất cả các pháp, do đó pháp tánh không chỗ có. Bồ-tát thì không chỗ thấy, cùng lý pháp hợp, giả xưng là thấy, thật chẳng phải thấy vậy". Chân tánh trạm nhiên, chẳng phải là thấy pháp. Trong kinh nói: "Chẳng hành thấy pháp, chư Phật nhanh vì thọ ký thì là lìa hai biên đoạn thường, tức thấy tự thân thanh tịnh, thấy thân thanh tịnh tức là thấy Phật thanh tịnh, cho đến thấy tất cả pháp thảy đều thanh tịnh, không gì chẳng phải là Phật, không gì chẳng phải là pháp, vì tự tâm tánh vô sanh thuận vật khắp tất cả xứ. Nếu một bụi trần chẳng là Phật, thì thành chướng ngại ngăn che, chẳng vào môn Phổ Nhãn, chỉ rơi lạc ở năng kiến sở kiến. Trong kinh Đại Tập nói: "Phạm Thiên hỏi Bồ-tát Hải Tuệ rằng: "Này thiện nam! Nay ông rõ ràng thấy Phật pháp chăng?" Phạm Thiên (Bồ-tát Hải Tuệ?) nói: "Phật pháp chẳng phải sắc, không thể trông thấy, sao ông nói rõ ràng thấy Phật pháp ư? Tất cả các pháp đều không thể thấy. Phàm, rõ ràng tức là Phật pháp, không có hai tướng, do vì lại thì đồng như trăng nước, tan tợ mây huyễn, thấy như mộng hình, nghe như âm vang trong hang cốc, nơi giác tức hiện, chẳng theo phương lại, nơi mê tự không, chẳng từ đây đi". Như trong kinh Viên Giác nói: "Viên Giác chiếu khắp, tịch diệt không hai, ở trong năm ngàn muôn ức A tăng-kỳ vô lượng vô số thế giới chư Phật, giống như hoa đốm giữa hư không loạn khởi loạn diệt". Trong luận Bát-nhã giả danh có kệ tụng rằng:

"Như Lai pháp làm thân,
Chỉ nên quán pháp tánh,
Pháp tánh chẳng chỗ thấy,
Nhưng cũng chẳng thể thấy".

Pháp tánh, đều gọi là tánh không, tánh vô sanh. Đây tức là thân Đệ nhất nghĩa của chư Phật. Nếu thấy ở đây, gọi là thấy Phật. Trong kinh nói: "Vì thấy tánh không, gọi là thấy Như Lai". Lại, nơi của pháp tánh không có một vật có thể gọi là chỗ biết. Do vậy, trí kia cũng không thể biết. Lại, trong kinh nói: "Đại Vương! Tất cả pháp tánh giải như hư không, ngang bằng các vật, cũng chẳng phải không vật. Hay biết trong đây vắng lặng không biết, gọi là rõ biết". Gọi là biết, tức tùy ngôn

thuyết của thế tục, tin hiểu phước không sanh, phần nhiều ở báu thí, như có bài tụng rằng:

"Nếu người trì chánh pháp,
Và phát tâm Bồ-đề,
Chẳng như hiểu ở không,
Một của mười sáu phần".

Do vì thấu hiểu Đệ nhất nghĩa không, mới thành Bát-nhã. Thấy được tự tánh vô sanh mới ngộ Viên tông. Vì chân không chẳng hoại nghiệp quả, tôn ty rõ ràng, chẳng đồng chỉ không chẳng gồm các có, như trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Có nghiệp có báo chẳng thấy người làm, pháp không như vậy, gọi là Đệ nhất nghĩa không". Do vì lúc thấy tánh, tánh vốn lìa niệm, chẳng phải có niệm mà có thể trừ ngằn mé của vật. Vật vốn không tình, chẳng phải có vật mà có thể xua trừ, nên nói trí của lìa niệm ngang bằng cõi hư không, như trong kinh Đại thừa Thiên Bát Đại Giáo Vương nói: "Bấy giờ Bồ-tát Phổ Minh nhập Tỳ-lô-già-na Như Lai Kim Cang pháp tạng Tam-muội Tam-ma-địa, khiến tất cả chư vị Bồ-tát, tất cả các loài hữu tình chúng sanh đồng nguyện tu trì nhập tánh tịnh chân như pháp tạng Tam-muội chân tế quán ấy. Thế nào nên được tu nhập quán ấy? Bồ-tát thì đang quán chiếu tâm địa, giác dụng tâm trí, chỉ chiếu tâm tánh nhỏ nhiệm quán giác chiếu tâm thể, thấy tánh không động, chứng giác không động tức hay luôn dụng. Dụng quán thể trí, thấy tánh thanh tịnh. Tánh tự lìa niệm, lìa niệm không vật, tâm ngang bằng như hư không tức chứng thánh trí, như như thánh tánh, cả hai đều lắng tịch, rỗng đồng không có thể, tánh thể rỗng lắng, đó thì gọi là Bồ-tát chứng nhập môn chân như pháp giới tánh ấn pháp tạng thâu tế quán". Nên biết tánh pháp giới tức tâm tánh chúng sanh. Tâm tánh chúng sanh tức tánh hư không, nên trong luận Đại Trí Độ nói: "Lại nữa Xá-lợi-phất! Bồ-tát Ma-ha-tát muốn trú nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, Đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thủy không, tán không, tánh không, tự tướng tánh chư pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không, phải học Bát-nhã ba-la-mật". Giải thích rằng: "Nội không tức là nội pháp, nghĩa là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý sáu nhập bên trong, nhãn không, không ngã, không ngã sở v.v... ngoại không tức là ngoại pháp, nghĩa là sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp sáu nhập bên ngoài, sắc không, không ngã, không ngã sở v.v... nội ngoại không tức mười hai nhập nội ngoại, trong mười hai nhập không ngã, không ngã sở v.v... không không, vì không

phá nội không, ngoại không, nội ngoại không, phá ba không đó nên gọi là không không. Đại không tức là mười phương không. Đông phương vô biên nên gọi là đại, cũng tất cả xứ có nên gọi là đại. Đệ nhất nghĩa không, Đệ nhất nghĩa gọi là thật tướng các pháp. Vì chẳng phá chẳng hoại, thật tướng các pháp đó cũng không. Tại sao? Vì không nhận thọ không đắm trước, nếu thật tướng các pháp là có nên nhận thọ nên đắm trước. Vì thật không nên chẳng nhận thọ chẳng đắm trước. Nếu nhận thọ nếu đắm trước tức là hư cuống. Hữu vi không, vô vi không là, pháp hữu vi gọi là nhân duyên hòa hợp sanh, tức là năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới v.v... pháp vô vi gọi là không nhân duyên, thường chẳng sanh chẳng diệt, như hư không.

Hỏi rằng: Pháp hữu vi là nhân duyên hòa hợp sanh, vì không tự tánh nên không, đây có thể vậy. Pháp vô vi chẳng phải pháp nhân duyên sanh, không phá không hoại, thường như hư không, thế nào là không?

Đáp rằng: Nếu trừ bỏ hữu vi thì không vô vi. Thật tướng hữu vi tức là vô vi. Nếu hữu vi không thì vô vi cũng không, vì hai sự đó chẳng khác vậy. Tất cánh không là tất cả các pháp đều rốt ráo không, tất cánh (rốt ráo) không đó cũng không. Không, không pháp có nên cũng không thật tướng hư dối đối đãi. Lại nữa, tất cánh không là phá tất cả các pháp khiến không sót thừa nên gọi là tất cánh không. Nếu có phần ít sót thừa thì chẳng gọi là rốt ráo không. Vô thủy không là như trong kinh nói: "Phật bảo các Tỳ-kheo, chúng sanh không có khởi đầu, do vô minh che phủ, bởi ái trói buộc, qua lại sanh tử. Khởi đầu không thể được, pháp pháp không khởi đầu đó, gọi là vô thủy không". Tán không là tán, nghĩa là tướng ly biệt, như các pháp hòa hợp nên có. Như xe dùng các thứ căm càng trục cốc hợp lại làm xe, nếu lìa tan mỗi thứ mỗi nơi thì mất tên xe. Do năm ấm hòa hợp nên gọi là người, nếu lìa năm ấm, người không thể được. Tánh không là tánh của các pháp thường không, vì giả lại tương tục tợ như chẳng không, thí như tánh nước tự lạnh, gá lửa nên nóng ấm, ngưng lửa thời gian lâu, thì nước trở lại lạnh. Như trong kinh nói: "Nhãn không, không ngã, không ngã sở". Tại sao? Vì tánh tự như vậy. Tự tướng không là tất cả các pháp có hai thứ tướng đó là tổng tướng và biệt tướng. Hai tướng không nên gọi là tướng không. Tổng tướng là như vô thường v.v... biệt tướng là các pháp tuy đều vô thường mà mỗi mỗi có tướng riêng biệt, như đất có tướng cứng chắc, lửa có tướng nóng. Nhất thiết chư pháp không là tất cả các pháp có tốt có xấu có trong có ngoài. Tất cả các pháp có tâm sanh nên gọi là có, không tự thể nên không. Vô sở đắc không là, tất cả các pháp cho đến vô dư Niết-bàn không thể được, nên

gọi là vô sở đắc không. Vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không là vô pháp gọi là pháp đã diệt, diệt đó không nên gọi là vô pháp không, hữ pháp không là các pháp do nhân duyên hòa hợp sanh nên có pháp (hữu pháp), thật tánh không nên gọi là hữu pháp không. Vô pháp hữu pháp không là hữu tướng vô pháp hữu pháp không thể được. Đó là vô pháp hữu pháp không cho đến nói lìa ngã và ngã sở nên không, nhân duyên hòa hợp sanh nên không, vô thường khổ không vô ngã nên gọi là không. Thủy chung không thể được nên không, duy tâm nên gọi là không. Nên biết tất cả muôn pháp đều từ tâm hiện, đều không tự thể, đều gọi là không. Sở dĩ nói nếu trú môn mười tám không đây, phải học Bát-nhã, thì chưa từng có một pháp có thể vượt ngoài Linh đài trí tánh của ngã vậy. Mười tám không đây, dưới đến năm ấm thế gian hữu vi, trên đến Đệ nhất nghĩa đế vô vi, gồm thâu tất cả các pháp không gì chẳng đều không. Nếu chẳng học Bát-nhã mà riêng chuộng tông khác thì rõ hữu mà chưa đạt hữu nguyên, thấu không mà chẳng tận không lý. Phải quay về Tông Kính, nội chiếu phát minh, thì ngoài không một pháp lại có sót thừa vậy. Lại nữa, đây là như không, chẳng phải thể là không. Vì chân tâm vô ngại, ánh hiện muôn pháp, như hư không chẳng trở ngại các tướng phát huy, ở trong chân tâm hay hiện tất cả. Chỗ hiện tất cả đó tuy y cứ tâm không thể chiếu biến năm uẩn đều không, nhưng cũng chẳng đắm trước ở không, hay hưng hiện các Phật sự, như trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng:

“Mười phương nơi có chư Như Lai,
Thấu rõ các pháp không có thừa,
Tuy biết tất cả đều không tịch,
Mà chẳng ở không khởi tâm niệm.
Vì một trang nghiêm nghiêm tất cả,
Cũng chẳng nơi pháp sanh phân biệt,
Như vậy khai ngộ các quần sanh,
Tất cả không tánh, không chỗ quán”.

Hỏi: Lý của pháp thân là lại có pháp thành hay là không pháp thành, là pháp một thành hay pháp khác thành?

Đáp: Bản giác tâm tông, pháp thân tánh địa, miệng muốn nói từ tan, tâm muốn duyên mà lự mất. Sở dĩ như vậy là, nói có thì diệu thể hư huyền, nói không thì đạo không chẳng tại. Nói sanh thì ba cõi không vật, nói diệt thì một thể thường linh, nói một thì mỗi mặc hình đó, nói khác thì đồng quy thật tướng. Vậy nên biết không thể cân lường, không thể vì mong cầu, nếu mở phương tiện muốn hiểu nghi tình thì chẳng

có chẳng không, chẳng phải một chẳng phải khác, hay vượt tứ cú mới họp với nhất thừa. Các bậc cổ đức hỏi rằng: Nếu chúng sanh cùng chư Phật đồng một tâm, Phật tánh ngang bằng có pháp thân, thì có hai lỗi lầm: Một là, chúng sanh thảy đều thành Phật thì chúng sanh giới cùng tận; hai là, các Bồ-tát khuyết hạnh lợi tha vì không có hóa cơ vậy. Đáp rằng: Điều vấn nạn ấy đều do vọng kiến chúng sanh giới nên khởi cật nạn đó. Trong kinh Bất Tăng Bất Giảm nói: "Đại tà kiến là thấy chúng sanh giới tăng, thấy chúng sanh giới giảm, vì không như thật biết một pháp giới, nên đối với chúng sanh giới khởi thấy tăng giảm". Ý kinh thì tất cả chúng sanh một lúc thành Phật, Phật giới chẳng tăng, chúng sanh giới chẳng giảm, nên trong kinh nói: "Chúng sanh tức là pháp thân, pháp thân tức là chúng sanh, chúng sanh và pháp thân nghĩa chỉ một mà danh xưng có khác". Giải thích rằng: Huống hồ chúng sanh giới như hư không giới, giả như một con chim bay giữa hư không từ Tây đến Đông, trải qua trăm ngàn năm, trọn không được nói phía đông gần phía Tây xa. Tại sao? Vì hư không không phân chia, cũng chẳng được nói, tất cả chẳng bay đi, vì công chẳng phải hư huống vậy. Phải biết đạo lý trong đây cũng vậy, chẳng phải có diệt độ, khiến có chung tận (cuối cùng hết), chẳng phải không chung tận có diệt độ, nên cõi chúng sanh rộng lớn sâu xa, chỉ là cảnh chỗ biết của Như Lai trí, không thể dùng cuồng tâm hạn lượng châm chước khởi thấy tăng giảm. Vả lại, như hư không giới tuy không phân chia, chẳng ngại các loại chim bay, chúng sanh giới tuy không thể tận mà chẳng ngăn ngại diệt độ, thì chẳng phải thấy của tăng giảm, tình của lý bỏ, thì cánh trí bay cao, chân không chẳng trệ, như trong Hoa Nghiêm Sớ Thích rằng: Kinh nói: "Trí Phật rộng lớn đồng như hư không là trí lượng bao hàm mà khắp cùng. Trí lý không phân biệt mà thể nhập, do vì thái hư bao gồm muôn tượng mà muôn tượng chẳng thể bao gồm thái hư. Thái hư chẳng phân biệt muôn tượng, muôn tượng mới sai biệt thái hư. Lấy đó để so sánh ngã pháp chẳng thể dung Phật trí, Phật trí mới hay dung cả ngã pháp. Có ngã pháp là phân biệt Như Lai, Như Lai đó là chẳng phân biệt ngã pháp. Trong hai dụ khắp cùng, Diệu quán sát trí không đâu chẳng biết khắp, tức là nghĩa phổ biến, Thành sở tác trí, uyển chuyển thành không sót, tức nghĩa tùy nhập. Trong kinh có kệ tụng rằng:

"Trí Phật rộng lớn đồng hư không,
Khắp cùng tất cả tâm chúng sanh".

Đây tức là thể biến, thảy đều rõ biết các vọng tưởng thế gian. Đây là nói về tri biến (biết khắp). Lại nói: "Đắc tất cả pháp lượng bằng

tâm”. Đây là nói về chứng biến (chứng khắp), “Trí tánh toàn đồng ở sắc tánh”, đây là nói theo lý biến (lý khắp). Thế nào là biến nhập? Vì chẳng hoại năng sở có chứng biết. Trong kinh có kệ tụng rằng:

“Các cõi nước thế gian,
Tất cả đều theo vào,
Thân trí không có sắc,
Chẳng phải chỗ kia thấy được”.

Do tùy ở như, tức vào (nhập) không chỗ vào, nên nói là bình đẳng. Do vì hư không vào khắp các cõi nước, các cõi nước chẳng vào pháp hư không, nơi có cõi nước hẳn có hư không, nơi có hư không hoặc có thể không có cõi nước. Hư không đến nơi các cõi nước đều bình đẳng tùy vào các cõi nước đến nước hư không, tự có đây kia. Hư không có thể dụ như trí Phật, cõi nước có thể dụ như ba đời. Nơi có ba đời, trí Phật hẳn tại trong đó, nơi trí Phật biết. Ba đời hoặc có thể không thể đó. Trí Phật đến nơi ba đời, bình đẳng tùy vào, ba đời đến nơi trí Phật tự có đầu cuối. Đây như căn cứ thuyết không hai mà hai vậy. Nếu hai mà chẳng hai, thì cõi nước, hư không, ba đời, trí Phật đều đồng một tánh, đều đi vào nhau, nêu một gồm thâu tất cả. Phổ biến (khắp cùng) cũng vậy. Khoảng thời gian ba đời gồm chứa thì tuyệt đường ngôn ngữ nghĩ ngợi, nêu gọi trí Phật là chẳng thể nghĩ bàn vậy. Trong kinh Đại Tập nói: “Bồ-tát Văn-thù nói: “Bạch Đức Thế Tôn! Như Lai nếu ngồi dưới gốc cây Bồ-đề. Như Lai Thế Tôn thì có hai tướng: Một là, Như Lai; hai là, cây Bồ-đề. Như Lai Thế Tôn đã lìa hai tướng”. Phật dạy: “Này thiện nam! Bồ-đề, chúng sanh, tất cả các pháp tánh bình đẳng không sai biệt, một vị một tánh. Như Lai ngồi dưới gốc Bồ-đề, thấy pháp như vậy, cho nên gọi là đợi đắc Bồ-đề, ta đều chẳng thấy lìa ngoài Bồ-đề riêng có một pháp. Thấy tất cả các pháp thảy đều bình đẳng gọi là vô ngại”. Lại, pháp môn đây, nêu một thì cả pháp giới gồm thâu, như nêu mắt làm môn thì tướng tốt các căn cõi nước chư Phật không gì chẳng là hiện trong mắt. Cho đến sáu căn hiện trong một mảy bụi một sợi lông cũng như vậy. Như nói trong thân Tỳ-lô-giá-na đầy đủ chúng sanh trong ba cõi sáu đường v.v... Đây thì một thân bao hàm tất cả các thân. Lại, một thân biến khắp tất cả các thân, tức vào lớp lớp, bao khắp vô ngại, như trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng:

“Có một thân kín chắc,
Thấy trong tất cả trần,
Không sanh cũng không tướng,
Hiện khắp ở các nước”.

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 18

Hỏi: Phàm, pháp thân chư Phật khắp cùng tâm chúng sanh. Đã đồng một tâm, cớ sao có hiện và chẳng hiện?

Đáp: Thường hiện không lúc nào chẳng hiện, hoặc ở trong một bụi trần chóng hiện, không gì chẳng đầy đủ, hoặc ở trong các bụi trần hiện khắp, không đâu chẳng khắp cùng. Một nơi chóng hiện là lông mi của Đức Như Lai, mão báu của Văn-thù, trong gác của Di-lặc, trong lỗ chân lông của Phổ Hiền, trong thất Tịnh Danh, trong bụng Ma-da, hạt cải mũi kim, gần bụi trần xa cõi nước, mỗi mỗi chóng hiện. Như trong kinh Văn-thù Bát-nê-hoàn nói: "Thân Văn-thù như núi vàng đá, mão báu của Văn-thù đó gồm các báu Tỳ-lăng-già nghiêm sức thành, có năm trăm thứ sắc, trong mỗi sắc, các thứ nhật nguyệt muôn sao, cung điện trời rồng, mọi sự hiếm thấy đối với chúng sanh ở thế gian đều hiện ở trong". Trong kinh, Duy-ma nói: "Khi ấy Trưởng giả Duy-ma-cật hiện sức thần thông, tức thời Phật kia khiến đưa ba vạn hai ngàn tòa Sư tử cao rộng trang nghiêm vào trong thất Duy-ma-cật. Các vị Bồ-tát, đệ tử lớn, trời Thích Phạm, bốn vị Thiên Vương v.v... từ xưa trước chưa từng thấy thất đó rộng rãi đều bao dung cả ba vạn hai ngàn tòa Sư tử mà không trở ngại. Nơi thành Tỳ-xá-ly và cõi Diêm-phù-đề, bốn thiên hạ cũng chẳng bị bức bách chật hẹp, đều hiện như cũ". Trong phẩm Nhập Pháp Giới ở kinh Hoa Nghiêm nói: "Phu nhân Ma-da nói với Thiện Tài Đồng tử rằng: "Này thiện nam! Bấy giờ Bồ-tát từ cung trời Đâu-suất lúc sắp giáng thần, có chúng Bồ-tát đông nhiều như số cực vi trần cùng với quyến thuộc ở mười cõi Phật từ cung trời xuống vào trong thân ta, các Bồ-tát đó ở trong bụng ta hiện thần thông lớn du hành tự tại, hoặc lấy ba ngàn đại thiên thế giới mà làm một bước, cho đến hoặc lấy rõ thế giới như cực vi trần ở các cõi Phật nhiều không thể nói không thể nói mà làm một bước. Lại trong mỗi mỗi niệm, số thế giới như cực vi trần các cõi Phật ở khắp mười phương nhiều không thể nói, các chúng hội Bồ-tát ở nơi các Đức Như Lai và bốn Thiên Vương, trời Ba mươi ba, trời

Tu-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại, cho đến các Phạm Thiên vương ở cõi sắc đều lại muốn thấy thần thông quảng đại của Bồ-tát ở trong thai, mà cung kính cúng dường nghe nhận chánh pháp, đều vào trong thân ta. Tuy trong bụng ta đều hay chứa nhận chúng hội như vậy, mà thân chẳng rộng lớn cũng chẳng chật hẹp. Các Bồ-tát mỗi mỗi thấy tự mình ở nơi chúng hội, đạo tràng thanh tịnh nghiêm sức. Này thiện nam! Các Bồ-tát trong bốn thiên hạ cõi Diêm-phù-đề đây thọ sanh, ta đều vì làm mẹ. Trong ba ngàn Đại thiên thế giới trăm ức bốn thiên hạ cõi Diêm-phù-đề thảy đều như vậy, nhưng thân ta đây xưa nay không hai, cũng lại chẳng phải một, chẳng phải một trú xứ, chẳng phải nhiều trú xứ. Tại sao? Vì tu môn Bồ-tát Đại nguyện trí huyễn trang nghiêm giải thoát vậy". Như các bậc Tiên đức nói: "Rộng lớn như pháp giới, cứu cánh như hư không, đó là nghĩa ở nơi bào thai, nếu như vậy thì tất cả chúng sanh đều ở nơi bào thai phu nhân Ma-da, chẳng riêng một mình Đức Thích-ca vậy. Tại sao? Vì tâm chúng sanh tức là pháp giới. Lại, nếu tỏ ngộ tâm không tức không thai phần. Như trong kinh Bồ-tát Xứ Thai nói: "Phật bảo Di-lặc: "Bồ-tát Hạnh không nói: Nào đến các cõi nước ở mười phương giáo hóa chúng sanh". Di-lặc thưa: "Bồ-tát Hạnh không chẳng thấy cõi nước, cũng không có Phật, Phật tự không Phật. Cớ sao có Phật, đất nước gió lửa nhân ngã thọ thảy đều không tịch. Do vì như vậy nên không có thai phần". Các trần hiện khắp là ngang thì gồm khắp tất cả xứ, dọc thì suốt hết tất cả thời gian, giẫm vào lớp lớp khắp chứa tròn đủ. Các bậc cổ đức nói: "Tất cả mọi sự chẳng thể nghĩ bàn ở nơi tất cả xứ đều hay hiện khắp, đó chỉ là ứng dụng của một pháp thân thanh tịnh Tỳ-lô. Pháp thân đó tức là tâm vậy. Do đó, nói: "Nếu hay quán sát chắc thật tâm không hai mới thấy được thân Tỳ-lô thanh tịnh. Một niệm khởi ác, pháp thân cũng tùy hiện, một niệm thiện tâm sanh, pháp thân cũng tùy hiện, gọi là xứ xứ hỗ tương hiện, cho đến hiện nơi sắc, hiện nơi không, tự tại vô ngại. Lại chớ xa suy chư Phật, chỉ tự một niệm tâm không đó, lại như Hải ấn đóng dấu khắp tất cả. Trong phẩm xuất hiện ở kinh Hoa Nghiêm nói: "Phật tử! Bồ-tát Ma-ha-tát nên biết Như Lai thành Chánh giác, với tất cả các nghĩa, không chỗ quán sát, với pháp bình đẳng, không chỗ nghi hoặc, không hai, không tướng, không đi, không dừng, không lường, không ngằn mé, xa lìa hai bên, trú ở trung đạo, vượt quá tất cả văn tự ngôn thuyết, biết tâm tánh sở hành, căn tánh ưa thích, nhiễm tập phiền não của tất cả chúng sanh. Tóm yếu mà nói là trong một niệm thảy đều biết tất cả các pháp ba đời. Phật tử! Thí như biển lớn khắp hay in hay hiện hình tượng sắc

thân của tất cả chúng sanh trong bốn thiên hạ, cho nên cùng nói lấy làm biển lớn, nên trong kinh nói có Hải ấn Tam-muội". Sớ Thích nói: Hải ấn Tam-muội có mười nghĩa; căn khí là sở hiện, định tâm của Bồ-tát là năng hiện, không gì chẳng không tâm nên gọi là Tam-muội. Một là, không tâm năng hiện, trong kinh nói: "Không có công dụng, không phân biệt". Hai là, hiện không chỗ hiện, trong kinh nói "như bóng ảnh ánh sáng" vậy. Ba là, năng hiện và sở hiện chẳng phải một. Bốn là, chẳng phải khác, trong kinh nói: "Biển lớn năng hiện, năng sở khác nhau nên chẳng phải một. Ngoài nước tìm kiếm ảnh tượng chẳng thể được nên chẳng phải khác. Hiển bày định tâm đây và pháp sở hiện tức là tướng của tánh vậy. Năng và sở rõ ràng tức là tánh của tướng vậy, vật và ngã không hai". Năm là, không đến đi hiện muôn pháp ở tự tâm, kia cũng chẳng lại, bày thân mây ở pháp giới, chưa từng tạm đi. Sáu là, rộng lớn. Trong kinh nói: "Khắp đều bao dung không chỗ cản cự, rõ tâm Tam-muội khắp nơi pháp giới thì sắc tâm chúng sanh đều là vật trong định tâm. Dụng khắp pháp giới cũng chẳng lìa tâm đây". Bảy là, hiện khắp. Trong kinh nói: "Tất cả đều năng hiện". Lại nói: "Bồ-tát in khắp các tâm hành". Đây so với rộng lớn có khác vậy, vì đây nói về sở hiện, chẳng kén chọn lớn nhỏ, kia nói về năng hiện, lượng đó khắp cùng. Tám là, chóng hiện, trong kinh nói: "Vì một niệm hiện, gọi là không trước sau, như in chóng thành". Chín là, thường hiện, chẳng phải như gương sáng có lúc hiện lúc chẳng hiện. Mười là, chẳng phải hiện diện, như gương sáng đối diện đến mới hiện, tượng của Tứ thiên chẳng đối mà hiện, nên nói chẳng phải hiện hiện. Vì chẳng đợi đối diện cho nên thường hiện khắp cùng Tam tế vậy. Trên đây là nghĩa Hải ấn hiện, tùy lý sự năng sở mà phân làm mười môn, chỉ là nghĩa của một chân tâm tịch chiếu hiện khắp. Nếu có chẳng hiện, tức là khách trần tự ngăn, lưới kiến tự cách, chẳng phải lỗi lầm của pháp thân. Trong Luận Ma-ha-diễn nói: "Pháp thân chư Phật Như Lai bình đẳng tự nhiên khắp tất cả xứ, không có tác ý, chỉ y tựa tâm chúng sanh mà hiện. Tâm chúng sanh, giống như ở gương, gương nếu có dơ bẩn thì sắc tượng chẳng hiện. Như vậy, tâm chúng sanh nếu có dơ bẩn thì pháp thân chẳng hiện. Đó như nhật nguyệt sáng giữa trời mà người mù chẳng thấy, sấm sét nổ động đất mà người điếc chẳng nghe. Đạo khế hợp thì gần, vì chẳng tại thân gần, người có phước ra đời thì ngọc lâm lang hiện vậy, người bạc phước ra đời thì gai gốc mọc vậy, đều do tự tâm có hiện và chẳng hiện. Nếu người tỏ rõ ngay tâm tánh, thảy đều bình đẳng hiển hiện". Như trong Thần kiếm ca của Hòa thượng Lạc Phố nói: "Quân tử được đó quên đây

kia, tiểu nhân được đó tự khinh cuộc sống. Người khác chẳng dùng kiếm nhà ta, trên đời cao thấp sớm muộn bằng”. Sở dĩ chúng sanh chẳng được rõ ràng hiện sáng đều trệ có mê chân, trệ chân trong mê, trong trệ mê tánh thành ba thứ duyên tập, do đó thành chướng. Như Thiên Thai sớ thích kinh Tịnh Danh nói: “Khí loại chúng sanh vô lượng vô biên, nguyên chánh yếu đó chẳng vượt ngoài ba thứ duyên tập khí loại: Một là, loại hữu vi duyên tập tức là cõi nhiễm tịnh ở nội giới thảy đều mê chân trệ có mà khởi kết nghiệp. Bẩm thọ phần đoạn sanh tử đều là loại chúng sanh hữu vi duyên tập. Hai là, loại vô vi duyên tập, tức là cõi nước có thừa ở ngoại giới và cõi nước quả báo, cho đến cõi nước hạ phẩm trung phẩm thường tịch quang, chúng sanh ở ba cõi nước đó, mê Phật tánh trung đạo, trệ vô vi chân không, duyên vô vi khởi các kết nghiệp, nhận thọ biến dịch sanh tử, là loại chúng sanh vô vi duyên tập. Ba là, tự thể pháp giới duyên tập, tức là Bồ-tát mê tự thể mà khởi. Như trong Tông môn nói: “Đã thấy chẳng quên, nay ngoài thất chiết phục chúng sanh hữu vi duyên tập ở giới nội, tiếp đến một phẩm đệ tử, chiết phục chúng sanh vô vi duyên tập, và sau là một phẩm Bồ-tát, tức là chiết phục tự thể pháp giới chúng sanh duyên tập”.

Hỏi: Vô vi duyên tập và tự thể duyên tập là đồng hay khác?

Đáp: Danh gọi tuy có khác biệt, lầm hoặc thể không khác hàng Nhị thừa mê tự thể, khởi vô vi sanh tính lường chấp trước vô vi nên chánh thọ danh xưng vô vi duyên tập. Bồ-tát cũng mê tự thể khởi vô vi duyên tập mà Bồ-tát quán phá vô vi chấp trước, vô vi duyên tập chưa hết, lầm hoặc này kèm gá thể riêng nhận thọ danh xưng của tự thể duyên tập. Như phàm phu mê chân khởi hữu vi duyên tập. Người học thấy chân đoạn kiến tu hoặc, tư duy chưa hết, còn ở chân lý có danh xưng của tham nhuế sắc nhiễm vô sắc.

Hỏi: Người học hữu vi duyên tập chẳng tận cùng thấy chân, còn có lầm hoặc chẳng căn cứ chân, gọi là tự thể duyên tập. Bồ-tát vô vi duyên tập, chẳng cùng tận thấy chân, sao được riêng nhận thọ danh xưng của tự thể duyên tập?

Đáp: Hàng Nhị thừa thấy chân chỉ là không lý, không lý chẳng phải pháp thân, chẳng được lập danh xưng của tự thể. Bồ-tát thấy chân thật là pháp thân, pháp thân thường tại, nên được riêng lập danh xưng tự thể duyên tập vậy. Bồ-tát hoặc chưa biết, chưa biết nên phải chiết phục. Cho nên ba thứ duyên tập chẳng mất, do đó pháp thân chẳng hiện. Lại, Đại sư Viễn nói: “Nghĩa duyên tập là gồm chỉ một thứ, hoặc phân làm hai, nói về chân vọng khai. Một là, vọng duyên tập, ba cõi hư

vọng chỉ một tâm tạo tác, như điều thấy trong mộng đều là vọng tâm hiểu. Hai là, chân duyên tập: tất cả các pháp đều từ chân tâm khởi lên, như điềm thấy trong mộng đều là báo tâm tạo tác. Hoặc căn cứ thuyết tâm thức thì có ba: Một là, căn cứ sự duyên tập, từ sự thức đó khởi tất cả các pháp; hai là, vọng duyên tập, từ vọng duyên đó khởi tất cả các pháp; ba là, chân duyên tập. Trong thể chân thức đủ quá tất cả hằng sa tánh đức, hỗ tương tập thành, nên gọi là duyên tập. Lại từ chân thức khởi tất cả các pháp, nên trong kinh nói: Nếu không có Như Lai Tạng thức thì bảy thức chẳng trú, chẳng được nhàm khổ, vui cầu Niết-bàn. Do Như Lai Tạng nên khởi các pháp. Lại căn cứ ở thuyết hữu vi và vô vi thì có ba, tức: Một là hữu vi duyên tập; hai là vô vi duyên tập; ba là đủ cả hai duyên tập.

Hỏi: Thấu rõ ngay tâm đây là Phật, lại còn dùng tám tướng thành đạo chăng?

Đáp: Nếu thấu rõ tâm đây tức là thiên chân Phật, chẳng nói thành hay không thành. Nếu nói thành Phật là lời phụ trợ, cũng là lời tăng thêm. Trong kinh Viên Giác nói: "Tất cả Như Lai Diệu Viên Giác tâm, vốn không Bồ-đề cùng với Niết-bàn, cũng không thành Phật và chẳng thành Phật, không vọng luân hồi và chẳng phải luân hồi v.v... giải thích rằng: Vốn không Bồ-đề cùng với Niết-bàn tức đây là tên gọi của chuyển y. Cũng gọi là lời trú quán, chuyển phiền não nên lập hiệu Bồ-đề, chuyển sanh tử nên được danh Niết-bàn. Nếu rõ phiền não là tánh không, sanh tử vốn tịch tĩnh, đã không tướng của sở chuyển cũng không danh của năng chuyển. Không ai chẳng thành Phật là không vọng luân hồi. Cũng không thành Phật là không gì chẳng phải luân hồi. Chỉ diệu viên giác tâm, lại không chỗ có, như nay chỉ sợ chẳng được ánh sáng của Tông Kính, nếu được ánh sáng đó thì tự nhiên vào môn Viên giác, chiếp khắp pháp giới. Do đó, các bậc Tiên đức nói: Gậy bay nếu lên đường cố quốc, chớ buồn thiên hạ chẳng nghe tiếng". Cư sĩ Bàng Uẩn có bài tụng rằng: "Mười phương lại một hội, mỗi tự học vô vi. Đây là nơi chọn Phật, tâm thông đỗ đạt về". Như vậy thì tự nhiên ứng niệm, đến khóa tùy nơi đỗ đạt, nào phải nhận dự ghi mà đợi dương danh ấy ư? Như người xưa có bài ca rằng: "Chẳng tọa thiền, chẳng trì luật, Diệu giác tâm châu sáng như mặt nhật, đương thể hư huyền một vật không, ai người tiếp nhận Phật Nhiên Đăng?"

Hỏi: Nghiệp quả chúng sanh là chủng tử hiện hành nhiều kiếp huân tập giống như keo rít, cớ sao chỉ rõ một tâm chóng đoạn thành Phật?

Đáp: Nếu chấp tâm cảnh là thật, nhân Phật chẳng không, nhọc trải qua muôn kiếp tu hành, trọn chẳng chứng thành đạo quả. Nếu chóng tỏ ngộ vô ngã, thấu đạt vật hư, thì năng sở đều tiêu, có gì chẳng chứng? Giống như bụi nhỏ tung nơi gió mát mạnh, thuyền nhẹ đi giữa dòng chảy, chỉ sợ chẳng tin một tâm, tự sanh nạn trở. Nếu vào Tông Kính, đến đâu chẳng theo. Vả lại, như Bồ-tát Dõng Thí nhân phạm dâm dục còn ngộ vô sanh. Tỳ-kheo-ni Tánh, vô tâm tu hành cũng chứng đạo quả. Huống gì tin hiểu Phật nhất thừa, thật rõ tự tâm mà không được chứng ư? Hoặc có người nghi ngờ rằng: "Há chẳng đoạn phiền não ư?" Giải thích rằng: Chỉ chắc thật quán sát đạo dâm vọng từ trên một tâm khởi, ngay đó tự tịch lắng, nào phải cầu đoạn. Do đó, chỉ rõ một tâm, tự nhiên muôn cảnh như huyễn. Tại sao? Vì tất cả các pháp đều từ tâm huyễn sanh. Tâm đã không hình, pháp nào có tướng? Vì vậy, Hòa thượng Cao Thành có bài ca rằng: "Thuyết giáo vốn cùng lý không tướng, rộng đọc xưa nay chẳng biết tâm, biết lấy tâm, rõ lấy cảnh, biết tâm rõ cảnh sông thiền lặng, nếu hay rõ cảnh liền biết tâm, muôn pháp đều như ảnh Thát-bà". Tỳ-kheo-ni Tánh tức Ma-đăng-già, trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Phật bảo A-nan: "Ma-đăng-già kia còn là dâm nữ vô tâm tu hành, do sức thần ngầm giúp chóng chứng vô học. Cớ sao các ông tại trong hội Thanh văn cầu tối thượng thừa quyết định thành Phật thí như đem bụi trần tung nơi thuận gió, có gì hiểm nạn?" Trong kinh Tịnh Nghiệp Chướng nói: "Bấy giờ có một Tỳ-kheo tên là Vô Cấu Quang vào thành Xá-ly, theo thứ tự mà khất thực, vì không biết nên vào nhà dâm nữ, khi ấy Vô Cấu Quang vào nhà đó rồi, lúc đó dâm nữ khởi tâm nhiễm ô, mà nghĩ rằng: "Nay ta hẳn chết, nên cùng Tỳ-kheo này chung hành dục pháp, nếu chẳng theo ý ta, ta hẳn tự vẫn". Nghĩ như thế rồi bèn liền đóng cửa, nói cùng Tỳ-kheo rằng: "Xin cùng Tôn giả chung làm việc dục, nếu chẳng theo ý tôi, tôi hẳn sẽ chết". Khi ấy Tỳ-kheo Vô Cấu Quang nói cùng dâm nữ rằng: "Thôi đi, Đại tỷ! Ta nay không nên phạm phải việc này. Tại sao? Giới pháp Phật chế, ta phải phụng hành, thà bỏ thân mạng chớ chẳng hủy giới đó". Lúc đó dâm nữ lại nghĩ rằng: "Nay ta phải dùng cỏ thuốc chú thuật khiến Tỳ-kheo nay cùng làm việc dục". Liền nói với Tỳ-kheo rằng: "Nay tôi không thể khiến ông thối chuyển hủy phạm giới cấm, xin chỉ nên thọ nhận vật thực tôi hiến thí", liền vào trong phòng, bèn chú thuật vào thức ăn rồi dùng đặt vào bình bát của Tỳ-kheo, do sức chú thuật nên khiến Tỳ-kheo liền mất chánh niệm, dấy khởi dục tâm triển chuyển tăng mạnh. Bấy giờ dâm nữ thấy nhan sắc Tỳ-kheo đổi khác, bèn đến trước đưa tay cùng làm việc dục. Khi ấy, Tỳ-kheo cùng

dâm nữ kia cùng nhau ái lạc. Hành dâm dục rồi, mang các vật thực trở về tinh xá, về đến tinh xá rồi, sanh tâm lo sợ hối hận, khắp mình mẩy nóng bừng, tự nghĩ: "Ôi thay! Sao làm thân phá hủy đại giới? Nay ta không nên nhận thọ của người tín thí. Nay ta là người phá giới, sẽ phải đọa vào địa ngục". Khi ấy, Tỳ-kheo Vô Cấu Quang hướng đến các vị Tỳ-kheo đồng phạm hạnh mà nói rằng: "Nay tôi phá giới, chẳng phải là Sa-môn, hẳn sa đọa vào địa ngục". Bấy giờ có vị Tỳ-kheo hỏi Vô Cấu Quang rằng: "Có nhân duyên gì mà phá giới đó?" Tỳ-kheo Vô Cấu Quang nói lại đầy đủ sự việc trên. Lúc đó các vị đồng học nói với Tỳ-kheo Vô Cấu Quang rằng: "Nhân giả nên biết, đây có Bồ-tát Ma-ha-tát tên là Văn-thù-sư-lợi đã chứng đắc vô sanh pháp nhẫn, khéo hay diệt trừ tội phá giới, cũng khiến chúng sanh lìa các ngăn che trói buộc. Nay tôi cùng ông đến nơi Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, để trừ lo sợ hối hận". Khi ấy, Vô Cấu Quang còn như cũ chưa ăn, cùng các vị Tỳ-kheo đồng đến nơi Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương Tử, đến rồi thưa hỏi cung kính cúng dường, và liền đem sự việc trên thưa rõ cùng Văn-thù-sư-lợi. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo cùng Vô Cấu Quang rằng: "Nay ông tạm hãy ăn đã, ăn xong sẽ cùng đến nơi Đức Như Lai, hỏi Như Lai về việc ấy, rồi theo sự chỉ dạy của Đức Như Lai mà cùng thọ trì". Tỳ-kheo Vô Cấu Quang ăn xong cùng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đến nơi Đức Phật, đến rồi đảnh lễ sát chân Đức Phật xong rồi lui ngồi một phía. Khi đó, Tỳ-kheo Vô Cấu Quang trong tâm lo sợ chẳng dám hỏi Phật. Lúc ấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh sửa y phục để bày vai hữu, gối hữu quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật và đem sự việc trên thưa trình rõ ràng. Bấy giờ Đức Thế Tôn hỏi Vô Cấu Quang: "Ông thật có như vậy ư?" Vô Cấu Quang thưa: "Thật vậy". Phật hỏi: "Ông vốn có tâm muốn phạm dâm chăng?" Vô Cấu Quang thưa: "Không vậy". Phật hỏi: "Ông vốn không tâm, cớ sao mà phạm?" Vô Cấu Quang thưa: "Sau lúc đó, con mới sanh dục tâm". Phật bảo: "Tâm Tỳ-kheo như vậy có phạm dục chăng?" Vô Cấu Quang thưa: "Phạm vậy". Phật hỏi: "Ta thường chẳng nói tâm dơ nên chúng sanh dơ, tâm tịnh nên chúng sanh tịnh ư?" Vô Cấu Quang thưa: "Có dạy như vậy". Phật hỏi: "Ý ông nghĩ thế nào, ông từng trong mộng lúc thọ dục, tâm hay biết chăng?" Vô Cấu Quang thưa: "Có hay biết". Phật bảo: "Vừa rồi ông phạm dục, đâu chẳng phải do tâm mà hay biết ư?" Vô Cấu Quang thưa: "Đúng vậy". Phật bảo: "Nếu vậy, Tỳ-kheo lúc tỉnh mộng phạm dục có sai biệt gì?" Vô Cấu Quang thưa: "Tỉnh mộng phạm dục không có sai biệt". Phật bảo: "Ý ông nghĩ thế nào? Ta trước chẳng nói tất cả các pháp đều như mộng ư?" Vô Cấu

Quang thưa: "Có vậy". Phật bảo: "Ý ông nghĩ thế nào? Tỉnh và mộng hai tâm đó đều chân thật ư?" Vô Cấu Quang thưa: "Không như vậy, Bạch Đức Thế Tôn!". Phật bảo: "Nếu chẳng phải chân thật, là có pháp vậy". Vô Cấu Quang thưa: "Không như vậy, bạch Đức Thế Tôn!". Phật bảo: "Ý ông nghĩ thế nào? Không chỗ có pháp là có sanh ư?" Vô Cấu Quang thưa: "Không như vậy, bạch Đức Thế Tôn!". Phật bảo: "Nếu pháp không sanh, vậy có diệt, có trói buộc, có mở thoát chăng?" Vô Cấu Quang thưa: "Không như vậy, bạch Đức Thế Tôn!". Phật bảo: "Ý ông nghĩ thế nào? Pháp không sanh còn không chỗ có, mà phải có đọa vào ba đường ác ư?" Và, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Tất cả các pháp tánh vốn thanh tịnh, nhưng vì các phàm phu ngu muội vô trí, đối với pháp có và không chẳng biết như thế nào nên vọng sanh phân biệt, vì phân biệt nên đọa ba đường ác". Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo: "Các pháp không thật mà hiện các thứ chỗ ứng với việc làm, vì đắm trước tham dục, sân nhuế, ngu si, phàm phu v.v... nên phân biệt các pháp, vì không biết như thế nào là phải quấy chân thật". Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo: "Các pháp hư dối, như ngựa giữa đồng trống vậy. Các pháp như mộng, bản tánh tự tại, vui vẻ thanh tịnh vậy. Các pháp rốt ráo, như trăng trong nước, và bọt bóng v.v... vậy các pháp vắng lặng vì không có các lỗi lầm tai hoạn già bệnh chết. Các pháp không chấn thủ, chẳng phải là sắc pháp, không thể thấy vậy. Các pháp không tụ, như hư không vậy. Các pháp không tánh, vượt quá các tánh vậy. Các pháp trong lắng, vượt quá hư vọng vậy. Các pháp rộng lớn, không nơi chốn vậy. Pháp không chỗ làm, rốt ráo vắng lặng vậy, pháp không chỗ y tựa, cảnh giới là không vậy, pháp không gốc rễ, rốt ráo không vậy, pháp lìa ngăn che trói buộc, vì phiền não kết sử không thể được vậy, pháp lìa cháy bừng, vì tánh chẳng sanh vậy". Cho đến lúc Vô Cấu Quang nghe nói pháp đó, tâm sanh hoan hỷ, mừng buồn xen nhau rơi lệ, chấp tay nhất tâm quán Phật, và liền nói kệ tụng rằng:

"Vui thay Thế Tôn công đức lớn,
Các trời, người đời chỗ tựa nương,
Khéo rõ tất cả pháp thắng diệu,
Kính lạy Đấng năng đoạn khổ hạnh".

Đức Phật lại bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi rằng: "Thuở quá khứ có Đức Phật hiệu là Vô Cấu Quang, bấy giờ có vị Tỳ-kheo tên là Dõng Thí vào trong thành Nan-thắng, theo thứ tự mà khất thực, đến nơi nhà vị Trưởng giả, nhà đó có một người nữ dung mạo đoan chánh, thấy Dõng Thí rồi, tâm sanh ái nhiễm. Cho đến nhân gá cớ bệnh, thỉnh mời Dõng

Thí đến giảng nói pháp. Sau đó, Dõng Thí vài lần đến nhà đó, dẫn cùng thân hậu, vài lần cùng trông thấy nhau, bèn mất chánh niệm mà sanh dục tâm, tức cùng người nữ đó đồng làm việc dâm, tâm bèn đắm trước, vài lần qua lại. Khi ấy, chồng người nữ đó thấy vị Tỳ-kheo đó thường luôn qua lại, nên tâm khởi ngu si sân giận, liền bày phương tiện muốn giết ông. Tỳ-kheo Dõng Thí nghe việc ấy rồi, liền lấy thuốc độc đem trao cho người nữ đó mà bảo rằng: "Nếu hẳn thật nghĩ tưởng về tôi thì có thể lấy thuốc độc để giết chồng cô. Bấy giờ con gái trưởng giả đem thuốc độc hòa trong thức ăn, rồi bảo kẻ tớ : đem thức ăn đó cho chồng ta ăn, người chồng đó ăn xong bèn liền chết mất. Khi ấy, Dõng Thí nghe người chồng đó chết, tâm sanh ra hối hận, tự tư duy rằng: "Nay việc ta làm rất là ác nặng, sao gọi là Tỳ-kheo! Nhận pháp hành dâm, lại giết mạng người. Nay ta như vậy, sẽ phải về đâu? Vô cùng lo sợ, nếu ta mạng chung sẽ đọa vào đường ác. Ai có thể khiến ta thoát khỏi nỗi khổ như vậy". Do vì việc đó mà từ một tinh xá đến một tinh xá khác, khiếp sợ rong chạy đến nỗi y phục rơi rớt giữa đất, và nói lời rằng: "Ôi thay! Quái lạ thay! Nay ta tức là chúng sanh ở địa ngục". Khi đó có một tinh xá tên là Hê Vô, trong đó có vị Bồ-tát tên là Tỷ-cúc-đa-la. Tỳ-kheo Dõng Thí liền vào trong phòng đó, gieo mình xuống đất. Khi ấy, Bồ-tát đó hỏi Dõng Thí rằng: "Cớ sao ông tự gieo mình xuống đất?" Dõng Thí đáp: "Đại Đức! Nay tôi tức là chúng sanh ở địa ngục". Bồ-tát lại hỏi: "Ai khiến ông làm người địa ngục?" Dõng Thí đáp: "Tôi tạo đại tội, phạm ở giới dâm, lại giết mạng người". Khi ấy, Bồ-tát đó bảo cùng Dõng Thí rằng: "Tỳ-kheo! Chớ nên kinh sợ, nay với sức lực tôi có thể thí cho ông sự không khiếp sợ". Lúc ấy, Dõng Thí nghe tiếng Bồ-tát đó nói thí cho sự không khiếp sợ, trong tâm sanh vui mừng nhảy nhót vô lượng. Khi ấy Bồ-tát Tỷ-cúc-đa-la liền từ đất tiếp Dõng Thí dậy, dùng cánh tay phải dẫn dắt đến nơi khác, ngồi trong rừng cây. Lúc đó Bồ-tát Tỷ-cúc-đa-la liền nhập diệu môn Đại thừa cảnh giới chư Phật, Bảo Ấn Tam-muội của Như Lai nhập rồi, liền ngay trên thân xuất hiện vô lượng thân Phật đều sắc màu vàng ròng có ba mươi hai tướng tốt khắp đầy giữa rừng cây. Lúc đó chư Phật liền đồng tiếng nói kệ tụng rằng:

"Các pháp đồng ảnh gương,
Cũng như trăng trong nước,
Phàm phu tâm ngu hoặc,
Phân biệt si nhuế ái".

Cho đến

"Các pháp thường không tướng,

Tịch tĩnh không gốc rễ,
Vô biên chẳng thể thủ,
Dục tánh cũng như vậy”.

Lúc đó, trong rừng có hai vạn Thiên tử đến nơi Bồ-tát Tỷ-cúc-đa-la nghe giảng pháp, nghe nói kệ tụng đó rồi, liền chứng đắc vô sanh pháp nhẫn”.

Hỏi: Diệu viên giác tâm đã không chỗ có, cớ sao trong giáo nói những việc chư Phật thành Đẳng chánh giác xuất hiện nơi đời v.v...?

Đáp: Một là, do chúng sanh căn cơ đã thuần thục, tự tâm cảm hiện. Hai là, do bản nguyện nhân địa của Bồ-tát. Nhưng cảnh giới chư Phật rộng lớn vô biên, chẳng phải chỗ tình thức biết được, chỉ thấy tánh mới có thể rõ. Nên trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Phật tử! Bồ-tát Ma-ha-tát dùng trí tuệ không chướng không ngại, biết tất cả cảnh giới thế gian là cảnh giới Như Lai, biết cảnh giới tất cả ba đời, biết cảnh giới tất cả cõi nước, biết cảnh giới tất cả pháp, cảnh giới tất cả chúng sanh, cảnh giới chân như không sai biệt, cảnh giới pháp giới không chướng ngại, cảnh giới thật tế không biên tế, cảnh giới hư không không phân lượng, cảnh giới không cảnh giới là cảnh giới Như Lai. Phật tử! Như cảnh giới tất cả thế gian vô lượng, cảnh giới Như Lai cũng vô lượng. Như cảnh giới tất cả ba đời vô lượng, cảnh giới Như Lai cũng vô lượng, cho đến như cảnh giới không cảnh giới vô lượng, cảnh giới Như Lai cũng vô lượng. Như cảnh giới không cảnh giới tất cả xứ không có, cảnh giới Như Lai cũng tất cả xứ không có như vậy. Phật tử! Bồ-tát Ma-ha-tát nên biết cảnh giới tâm là cảnh giới Như Lai, như cảnh giới tâm vô lượng vô biên, không trói buộc không mở thoát, cảnh giới Như Lai cũng vô lượng vô biên không trói buộc không mở thoát. Tại sao? Vì như vậy, tư duy phân biệt như vậy. Như vậy, vô lượng hiển hiện như vậy, nên biết phàm thánh không ngằn mé, tâm cảnh nhất nguyên. Chân không tánh mà tức tướng phát minh, tướng không thể mà nhân chân dựng lập. Nên nói trí thân rỗng lắng, gồm muôn trượng để thành thể, muôn trượng không hình, dùng trí thân mà ngang bằng thể. Lại như trong một luận hóa hiện, đây là sức bi nguyện nhân địa của chư Phật, khiến chúng sanh căn cơ thuần thục tự tâm cảm hiện, trong tâm chúng sanh, chư Phật ứng hiện không cùng, trong tâm chư Phật, căn cơ chúng sanh chẳng tận. Do đó, pháp thân không tượng, gặp cảm thành hình, diệu ứng vô phương ứng niệm hiện vết. Do rõ ngộ bình đẳng mà đến với các hoài mong, mà riêng như ma-ni, vì đạt không riêng tư nhậm với các căn cơ mà đồng như trống trời. Xưa trước có bài tụng rằng:

"Phật là Phật trong tâm chúng sanh,
Tùy tự tâm kham không vật khác,
Muốn biết nguồn tất cả chư Phật,
Ngộ vô minh mình vốn là Phật".

Như trong kinh Phật Địa nói: "Tùy chỗ chúng sanh vui thích mà thị hiện, vì pháp tánh bình đẳng nên thành". Trong Luận Thích nói: "Tùy các hữu tình vui thích thấy sắc thân Như Lai sai biệt. Như Lai thị hiện sắc thân như vậy, Như Lai tuy ở ngôi vị không hý luận. Do sức tăng thượng của bình đẳng trí nên đại liên cảnh trí tương ưng tịnh thức, hiện sắc thân vi diệu như lưu ly v.v... khiến thiện căn của hữu tình thành thục, tự tâm biến tợ thân tướng như vậy. Gọi đó là tự ngoài tâm thấy thân Như Lai". Như trong Khế kinh nói: "Do căn lực từ thiện của chư Như Lai có chỗ thị hiện, khiến tự tâm của trời, người v.v... biến khác thấy thân Như Lai như vàng ròng v.v...". Lại như trong kinh nói: "Nếu chỗ ứng hóa vô lượng hữu tình thích nghi thấy sắc lưu ly ma-ni báu, Như Lai tức hay vô ngại thị hiện các thứ sắc lưu ly ma-ni báu, khiến tự tâm kia cũng biến như vậy. Cho đến nói rộng, thị hiện tất cả hình tướng Như Lai bình đẳng như vậy. Bình đẳng như vậy tức là pháp tánh, cho nên gọi là pháp tánh bình đẳng, nghĩa là các Đức Như Lai tùy đồng chỗ hóa hữu tình vui thích thấy hình tướng sắc thân, tức mỗi mỗi thị hiện đồng xứ đồng thời mà khác loại hình tướng, khiến tự tâm kia biến hiện như vậy làm việc lợi lạc. Như A-lại-da thức nơi các hữu tình cùng tướng chủng thuần thục, mỗi mỗi biến hiện tướng thế giới v.v..., đồng xứ tương tợ chẳng trở ngại nhau, đây cũng như vậy, như tướng sắc thân, các việc khác cũng vậy. Do vì thị hiện đây trước tu tập viên mãn thành tựu vậy". Trong kinh Bình Đẳng Tánh Trí Viên Mãn Thành Tựu Độ Nhất Thiết Chư Phật Cảnh Giới Trí Nghiêm nói: "Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi: "Không sanh không diệt, tướng đó như thế nào?" Phật dạy: "Không sanh không diệt tức là Như Lai. Này Văn-thù-sư-lợi! Thí như mặt đất do chất lưu ly tạo thành, cung điện vật cúng v.v... của Đế-thích Tỳ-xà Diên ảnh hiện trong đó, người Diêm-phù-đề thấy đất Lưu ly, ảnh các cung điện, chấp tay cúng dường đốt hương rải hoa, nguyện ta được sanh nơi cung điện như vậy, ta sẽ vui chơi như trời Đế-thích v.v... Các chúng sanh ấy không biết đất đó là ảnh cung điện, mới bố thí trì giới tu các công đức, vì được quả báo cung điện như vậy. Văn-thù-sư-lợi! Như cung điện đó thật không sanh diệt, vì đất sạch nên ảnh hiện trong đó, ảnh cung điện đó cũng có cũng không, chẳng sanh chẳng diệt. Văn-thù-sư-lợi! Chúng sanh thấy Phật cũng lại như vậy, vì tâm họ tịnh nên thấy thân

Phật. Thân Phật vô vi chẳng sanh chẳng diệt, chẳng khởi chẳng tận, chẳng phải sắc chẳng phải chẳng phải sắc, không thể thấy, chẳng phải không thể thấy. Chẳng phải thế gian chẳng phải chẳng phải thế gian, chẳng phải tâm chẳng phải chẳng phải tâm. Vì tâm chúng sanh tịnh thấy thân Như Lai rải hoa đốt hương cúng dường các thứ, nguyện ta có được sắc thân như vậy. Bố thí trì giới làm các công đức, vì được thân vi diệu của Như Lai vậy. Như vậy Văn-thù-sư-lợi! Thần lực Như Lai xuất hiện nơi đời, khiến các chúng sanh được lợi ích lớn, như ảnh như tượng tùy chúng sanh thấy. Lại nói dụ như ánh sáng mặt nhật vô tâm chiếu khắp. Dụ ma-ni vô tâm mưa báu, dụ âm vang trong hang cốc không thật v.v... Đất lưu ly đó v.v... dụ như tâm chúng sanh, ảnh dụ như thân Phật". Lại, trong kinh Hoa Nghiêm có dụ Ma-ni tùy ánh ngời, Ma-ni hiện sắc dụ như thân tự thọ dụng có bản dắc đó. Chỉ không khác của xanh vàng v.v... khác của xanh vàng v.v... là tùy cơ ánh ngời sanh. Lại như đem hư không dụ như thân Phật, tức thân pháp tánh, vì hư không không tướng vậy, chẳng tùy phương góc mà có tăng giảm. Vì pháp tánh hình vậy, chẳng phải y báo hóa mà hiện tinh thô. Như trong phẩm Thập Định ở kinh Hoa Nghiêm nói: "Phật tử! Thí như hư không ở trong lỗ thủng nơi hạt cải do sâu trùng đục ăn cũng chẳng giảm nhỏ, ở trong vô số thế giới, cũng chẳng tăng rộng. Thân chư Phật đó cũng lại như vậy, lúc thấy lớn cũng không chỗ tăng, lúc thấy nhỏ cũng không chỗ giảm". Các thuyết như trên đều dụ thấy Phật nhưng ở dụ gương ảnh rất thân gần như hình chất đưa lại đối diện gương, trong gương hiện ảnh tượng. Ảnh tượng là ảnh tượng hình chất, có cảm đối cùng cõi nước, trong cõi nước thấy Phật. Phật là Phật tâm, nên trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Hóa Phật từ tâm cung kính mà khởi". Lại, đại ý các dụ đều lấy thể không sanh diệt chẳng ngại sanh diệt. Như chẳng phải sắc là nói về thể, chẳng phải chẳng sắc là nói về dụng. Thì pháp thân báo thân đồng một ngằn mé, thể và dụng không sai. Đều hội không sanh, đồng quy về Tông Kính. Lại nếu lấy sắc thanh mà chấp là hành tà đạo, nếu lìa sắc thanh mà chấp, tức chưa khỏi đoạn không. Xưa trước giải thích rằng: Như trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng: "Sắc thân chẳng phải Phật, âm thanh cũng như vậy, cũng chẳng lìa sác thanh, thấy sức thần thông Phật". Nếu y theo Quyền giáo, bản ảnh bốn câu, thể dụng đều phân, nếu y theo tông đây, bốn câu đều dụng, vì biết tất cả các pháp tức tự tánh của tâm, bản chất ảnh tượng cũng là tự tâm, ngang dọc ngang bằng tất cả các pháp chẳng vượt ngoài tâm tánh vậy. Như trong Bát-nhã rõ sắc là Bát-nhã, đầy đủ rõ ràng các pháp. Vả lại, mới trải qua ngũ uẩn nói là rõ sắc

là Bát-nhã tất cả các pháp hướng đến sắc. Sắc còn chẳng thể được, cớ sao phải có hướng đến và chẳng phải hướng đến, trải qua các pháp đầy đủ như thế đều vậy. Bát-nhã ý tợ ngay tánh các pháp chẳng khác sắc tánh nên đều hướng đến sắc. Sắc chẳng thể được, ngay pháp tánh không đã không chỗ hướng đến, sao có thể hướng đến? Nếu ý Trí Giả thì tất cả các pháp hướng đến sắc là giả quán, sắc còn chẳng thể được là không quán. Cớ sao phải có hướng đến và chẳng phải hướng đến tức là Trung Đạo Quán. Nay chỉ cốt yếu ở câu đầu, vì lấy sắc tánh làm các pháp y tựa, vì tánh gồm thâu nên đều hướng đến sắc, thì trong một sắc đầy đủ tất cả các pháp, là ý của vô ngại vậy, tùy một pháp đều gồm thâu cả pháp giới vậy. Nếu hay thấu hiểu như vậy thì phàm có thấy nghe tất cả cảnh giới, không gì chẳng phải là Phật xuất hiện nơi đời. Như trong kinh Đại Tập nói: "Bấy giờ trong chúng có một vị Bồ-tát tên là Tuệ Tụ, bạch Đức Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Sanh lão bệnh tử xuất hiện nơi đời tức là Phật xuất hiện. Vô minh ái xuất hiện tức là Phật xuất hiện. Tham nhuế si xuất hiện tức là Phật xuất hiện, tất cả lưới nghi phiền não xuất hiện tức là Phật xuất hiện. Tại sao? Nếu các pháp như vậy v.v... chẳng xuất hiện nơi đời, thì Phật do duyên gì mà xuất hiện nơi đời?" Phật dạy: "Lành thay! Tốt thay! Này thiện nam! Thật đúng như điều ông nói". Bấy giờ Bồ-tát Hải Tuệ thưa: "Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có chẳng thấy các pháp như vậy v.v... khi ấy Như Lai xuất hiện nơi đời, hay chẳng xuất hiện nơi đời?" Phật dạy: "Này thiện nam! Bồ-tát lúc mới phát tâm Bồ-đề, chân thật không biết các pháp như vậy v.v... cho nên ta vì truyền nói đó. Này thiện nam! Bồ-tát có bốn thứ: Một là, mới phát tâm Bồ-đề; hai là, tu hành đạo Bồ-đề; ba là, kiên cố chẳng thối Bồ-đề; bốn là, một đời sẽ bổ xứ làm Phật. Bồ-tát phát tâm thấy sắc tướng Phật, thấy rồi liền phát tâm Bồ-đề. Bồ-tát tu hành thấy Phật đầy đủ tất cả các thiện pháp thấy rồi liền phát tâm Bồ-đề, Bồ-tát chẳng thối thấy thân Như Lai và tất cả các pháp thảy đều bình đẳng, Bồ-tát một đời chẳng thấy Như Lai có các công đức và tất cả các pháp. Tại sao? Vì chứng đắc tuệ nhãn rõ ràng thanh tịnh vậy, đoạn hai kiến chấp vậy, thanh tịnh trí tuệ vậy. Nếu chẳng thấy tịnh chẳng thấy chẳng tịnh, chẳng thấy chẳng phải tịnh chẳng phải chẳng tịnh, người đó tức hay thấy rõ Như Lai. Lại, các bậc cổ đức giải thích chỉ quán của Thai giáo nói: Chỉ đạt một niệm tự tâm là pháp giới, mười phương chư Phật cùng tất cả chúng sanh đồng, một không trú, vốn một pháp giới, làm thân làm cõi nước, không kia không đây, không căn không trú xứ, không tu chẳng tu, không chứng chẳng chứng, không phàm không thánh, chỉ chúng sanh tự cho là vọng tưởng trói buộc

làm phàm, vì chẳng tu vì chẳng chứng, cho là Phật là Thánh là tu là chứng. Tu chủng phàm thánh tại chúng sanh tự gượng lập đó. Trong ngôi vị Phật đều không danh đây vậy, chỗ thấy của chư Phật thì thân của tất cả chúng sanh phàm Thánh là pháp thân Phật, tất cả cõi nước đều là cõi nước Phật. Tất cả các pháp là pháp Phật, tất cả tâm là một tâm, cùng tận mười phương ba đời, suy cầu không có một mảy may, hoặc sắc hoặc tâm chẳng là cảnh trí Phật lý, sáng suốt khắp cùng pháp giới, từng không một việc, điềm nhiên thân tâm không chỗ hành xử, Phật tâm đã vậy, ta học trí Phật như Phật dụng tâm, tức chỉ quán sáng sạch vậy. Phật hiện tức tâm ta hiện, hiện và chẳng hiện chỉ tại ảnh tượng trên gương tự tâm vậy.

Hỏi: Há đều không có Phật ở ngoài có thể thấy ư?

Đáp: Tự tha không hai, chỉ Như Lai có đồng thể đại bi, chúng sanh có sức của huân tập, gõ đánh vào gương trí đồng thể, tùy trên tâm đó cảm thấy tướng hảo. Ảnh tượng của trong gương, nhưng chẳng lìa gương, mà chẳng phải tức là gương, tùy chiếu có đẹp xấu, người cảm có ngàn sai, tướng cũng là muôn phẩm, hoặc có địa sâu dày, hoặc thân Phật cao lớn ngàn vạn do-tuần, thọ mạng vô lượng A tăng-kỳ kiếp. Dùng vô số thế giới như vi trần các cõi Phật mà làm một cõi nước tịnh diệu. Nói vô lượng vô biên pháp môn nhiều không thể nói không thể nói, hoặc người trời quả báo khác, thị hiện tám tướng, một kỳ lợi ích chẳng quá thời gian vài trăm năm, như mây trời trăng nước bỗng chốc mà sanh, đó đều do tâm người cảm trong một niệm. Cho là sắc thân Phật lại ứng, Phật thật không có thế lực đến đi, không có quá hoạn của có hình, không pháp có thể nói, không căn cơ được độ, chỉ do thiện duyên tâm tưởng của chúng sanh cho là Phật lại ứng vì ta mà giảng nói pháp. Thật là ở trên tự tâm chúng sanh hiện tướng đó vậy.

Hỏi: chúng sanh có thiện căn kích động vào gương trí Đại viên của Phật, hiện ảnh tượng đây. Tượng thì thuộc về Phật ư?

Đáp: Gương thuộc là Phật, tượng chẳng thuộc về Phật. Tượng nếu thuộc Phật, thì Phật sanh diệt lưu động. Tượng nếu thuộc chúng sanh, chúng sanh thì nghiệp kết trói buộc, sao có thể đủ tướng tốt đó? Chỉ cảm ứng Đạo giao mới thấy đó vậy.

Hỏi: Đã là ảnh tượng trên gương trí của Phật, sao nói hiện trên tâm chúng sanh?

Đáp: Đồng thể gương tròn, chẳng thiên lệch thuộc Phật và chúng sanh, vì đồng một thể, chỉ chúng sanh mãi ánh ngời gương chính mình mà chưa được toàn sáng vậy. Có thể tạm hiện tướng đó để biểu thị sức

tấn tu.

Hỏi: Nếu vậy, chúng sanh tự cảm trên gương tâm mà hiện tượng chẳng nói tượng Phật hiện. Phật tức không tác dụng ở nơi chúng sanh hư dối kính mộ, đâu có ích gì?

Đáp: Do tâm kính mộ mà cảm tượng hiện vậy. Đó thật là sức lực Phật, há chúng sanh có thể đặt để ư?

Hỏi: Đó cũng sức Phật ở tự nơi chúng sanh, chẳng phải sức Phật khác vậy?

Đáp: Phật địa không có tự tha. Ông cưỡng cho là tự Phật và Tha Phật (Phật mình và Phật khác) là tâm chúng sanh chẳng cùng tận vậy.

Hỏi: Nếu vậy chỉ chung làm một Phật, không thể mỗi mỗi tự thành vậy?

Đáp: Chẳng chung làm một Phật, chẳng mỗi mỗi tự thành, nghĩa này khó rõ, thử nêu một thí dụ xem. Như chùa Quốc Thanh là pháp giới vậy, vị Tăng trú trì là cổ Phật vậy, người từ xa tạm đến tạm cảm Phật vậy, ngày khác kính mộ mến thích nên xuống tóc vào chùa, thì Quốc Thanh tức là chùa ta vậy. Ngũ phong đường tùng, điện đài phòng hiên thảy đều là ta có vậy, chóng được thọ dụng, chẳng giảm vật khác thành nhà ta vậy, chẳng mỗi người riêng tạo một chùa vậy, chẳng cùng người khác phân một chùa vậy, phân tức là tùy theo người đi, pháp giới thường trú không thể phân vậy. Nghĩa này rút từ trong kinh Niết-bàn nói: Thí như giữa đường có một cây lớn, bóng cây che mát, người đến đều nhận vào, không ai chẳng được chở che bảo hộ, không người mang đi. Đã ấn từ kim khẩu, có thể phụng trì. Lại, cơ ứng tương quan, cảm ứng duyên hội, hay thấy tất cả vô biên Phật sự. Vì Phật là Tăng thượng duyên, bi nguyện rộng lớn, căn lực từ thiện, vì chúng sanh là quả đẳng lưu, do chí thành cảm nên, căn cơ thuần thục mà thấy. Nhưng tất cả chẳng vượt ngoài tự tâm, như sư tử hiện trong ngón tay, voi say kính lễ sát chân, mẹ hiền gặp con, giặc mù được sáng, thành quách biến làm lưu ly, đá đất giữa không giới, Thích nữ lành vết thương, Điều-đạt bệnh thuyên giảm, đó đều do Đức Bổn sư nhiều kiếp huân tu căn lực từ thiện, khiến tự tâm tất cả chúng sanh cảm thấy, những sự như trên, có thể để chứng minh văn đây, nên torng kinh Đại Niết-bàn nói: “Phật bảo: “Này thiện nam! Như Đề-bà-đạt-đa chỉ bảo vua A-xà-thế, muốn hoại Đức Như Lai. Bấy giờ ta vào thành lớn Vương-xá, lần lượt khất thực, vua A-xà-thế liền thả voi Hộ Tài cuồng say muốn khiến hại ta và các đệ tử. Cho đến lúc ấy ta muốn khiếp phục voi hộ tài nên liền nhập từ định, buông duỗi ngón tay đó, liền ngay trên năm ngón tay xuất hiện năm sư tử, voi đó trông thấy

rồi, tâm bèn khiếp sợ, sau đó liền vung cả phẩn dải, gieo cả thân mình xuống đất, kính lễ sát chân ta. Này thiện nam! Lúc ấy trên đầu năm ngón tay ta, thật không có sư tử. Đó là do tu căn lực từ thiện vậy, khiến voi kia điều phục. Lại nữa, này thiện nam! Ta muốn nhập Niết-bàn, mới đầu lúc vừa đặt chân đến thành Câu-thi-la, có năm trăm lực sĩ ở giữa đường đó sửa sang quét tước, trong đó có một tảng đá, mọi người muốn giở bỏ, dùng hết sức lực mà không thể nỗi. Khi ấy, ta xót thương bèn khởi tâm từ, chỉ chốc lát các lực sĩ kia liền thấy ta dùng ngón chân cái giở tảng đá lớn đó ném đặt giữa hư không, lại đưa tay tiếp nhận lấy, đặt để trên bàn tay phải, thổi khiến vỡ nát, rồi tụ hợp lại, khiến tâm cống cao của các lực sĩ kia tự dứt bỏ và liền vì lược nói các thứ pháp cốt yếu, khiến họ đều phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Này thiện nam! Lúc bấy giờ thật chẳng dùng ngón chân dất tảng đá lớn đó lên giữa không trung, rồi đặt để trên bàn tay phải, thổi khiến vỡ nát và lại nhóm hợp như cũ. Này thiện nam! Phải biết tức là căn lực từ thiện, khiến các lực sĩ thấy sự như vậy. Lại nữa, này thiện nam! Ở Nam Thiên Trúc đây có một thành lớn tên là Thủ-ba-la, trong thành đó có một Trưởng giả tên là Lô Chí làm chủ dẫn dắt mọi người, ở trong thời quá khứ, nơi vô lượng chư Phật đã từng gieo trồng thiện căn. Này thiện nam! Trong thành lớn đó tất cả nhân dân tin phục tà đạo phụng sự Ni-càn. Lúc ấy ta muốn độ trưởng giả đó nên từ thành Vương-xá đến thành ấp đó. Đường đó dài xa sáu mươi lăm do-tuần, ta từng bước thư thả mà đi, vì muốn độ các người đó. Chúng Ni-càn kia nghe ta muốn đến thành Thủ-ba-la, liền khởi ý niệm rằng: “Sa-môn Cù-đàm nếu đến nơi đây, các nhân dân đây sẽ bỏ chúng ta chẳng cung cấp gì, chúng ta sẽ khốn cùng tiều tụy, làm sao để tự sống”. Các hàng Ni-càn mỗi tự phân tán bảo mọi người trong thành đó rằng: “Nay Sa-môn Cù-đàm muốn đến nơi đây, nhưng Sa-môn đó bỏ cả cha mẹ, rong ruổi Đông Tây, các nơi đi đến hay khiến đất đai lúa thóc chẳng tươi tốt, nhân dân đói kém chết mất lắm nhiều, gầy bệnh lần lượt không thể cứu giải. Cù-đàm vô lại, thuần đem các La-sát quỷ thần ác lấy làm đồ chúng, không cha không mẹ, các người có cùng mà lại thưa hỏi xin làm môn đồ. Những điều dạy răn thuần nói hư không, tùy nơi Cù-đàm đến, bắt đầu không an lạc, người ấy nghe rồi bèn ôm lòng lo sợ, đầu thành kính lễ sát thân Ni-càn tử, mà thưa rằng: “Đại sư! Nay chúng tôi phải làm kế gì?” Ni-càn Tử đáp: “Sa-môn Cù-đàm tánh vốn ưa thích núi rừng dòng suối nước trong, ở ngoài nếu có thì nên phá hoại. Các người bèn có thể cùng nhau ra ngoài thành, nếu các nơi có thì chặt phá khiến hết chớ để có thừa. Dòng suối giếng hồ, đều tung rải

phẩn uế, đóng chặt cửa thành, mỗi nơi đều nghiêm đặt khí trượng, ở tường thành phải phòng hộ chuyên cần tự gìn giữ. Nếu Cù-đàm kia đến, chớ khiến được tới trước. Nếu chẳng tới trước thì các người sẽ an ổn. Chúng tôi cũng làm các thứ thuật, khiến Cù-đàm kia theo đường cũ trở về, các người đó nghe lời nói ấy rồi, kính vâng thi hành, chặt phá cây cối, ô nhiễm các dòng nước, nghiêm đặt các khí trượng, phòng hộ chặt chẽ. Này thiện nam! Bấy giờ ta đến thành đó rồi chẳng thấy các thứ cây cối rừng trầm, chỉ thấy mọi người trang sức khí trượng, tự giữ ở vách tường. Thấy việc ấy rồi, bèn sanh thương xót, đem tâm từ hướng đến. Nơi có cây cối, trở lại sống như cũ, sanh trưởng tươi tốt, ngoài ra các thứ cây khác nhiều không thể tính kể, sông ao suối giếng, nước đó trong sạch tràn đầy ở trong, như lưu ly xanh sanh ra các thứ hoa tạp phủ kín trên đó, biến cát thành tường làm thành lưu ly sắc xanh, nhân dân trong thành đều được thấy suốt ta và đại chúng. Cửa tự mở rộng không thể cản chế, nơi nghiêm đặt khí trượng đều biến thành hoa tạp. Trưởng giả Lô Chí làm bậc Thượng thủ, cùng nhân dân đó đều cùng theo nhau đi đến nơi Phật, ta tức vì nói các thứ pháp yếu, khiến các người đó tất cả đều phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Này thiện nam! Lúc ấy, ta thật chẳng hóa các thứ cây cối, dòng nước trong sạch tràn đầy sông ao, biến thành gốc đó làm lưu ly sắc xanh, khiến nhân dân đó thấy suốt nơi ta, mở cửa thành đó, khí trượng làm hoa. Này thiện nam! Phải biết đó đều là căn lực từ thiện hay khiến mọi người kia thấy sự như vậy. Lại nữa, này thiện nam! Trong thành Xá-vệ có một Bà-la-môn nữ vốn dòng họ Bà-tư-tra, chỉ có một người con, nên rất mến quý nó, không may cảm mắc bệnh mà chết mất. Khi ấy người nữ đó sầu độc nhập tâm cuồng loạn mất tánh, lõa lồ thân mình không biết xấu hổ, đi giữa đường cái, gào khóc thất thanh, nói rằng: "Con! Con! Con ở nơi nào?" Đi khắp thành ấp không có nhọc mệt, mà người nữ đó đã ở nơi chư Phật xưa trước gieo trồng các gốc đức. Này thiện nam! Khi ấy đối với người nữ đó, ta khởi tâm từ xót thương, người nữ đó liền được thấy ta, bèn sanh tưởng là con, trở lại được bản tâm, đến trước ôm chầm thân ta, kêu gào nơi miệng ta. Lúc đó ta liền bảo Thị giả A-nan: "Ông nên mang y trao cho người nữ đó". Đã trao y rồi bèn nói các pháp yếu. Người nữ đó nghe pháp rồi vui mừng nhảy nhót, phát tâm A-nậu-đa-la Ta-miệu Tam-bồ-đề. Này thiện nam! Lúc đó ta thật chẳng phải người con kia. Người nữ kia chẳng phải là mẹ ta, cũng không ôm chầm. Này thiện nam! Phải biết đó đều là căn lực từ thiện, khiến người nữ kia thấy việc như vậy. Lại nữa, này thiện nam! Ở thành Ba-la-nại có một Ưu-bà-di tên là Ma-

ha-tư-na-đạt-đa, đã ở nơi Đức Phật Vô Lượng Quang trong thời quá khứ gieo trồng các thiện căn, Ưu-bà-di đó sau chín mươi ngày mùa hạ, thỉnh mời chúng tăng mà dâng cúng các thứ thuốc thang. Khi ấy trong tăng chúng có một vị Tỳ-kheo thân mắc bệnh nặng, các vị lương y chẩn đoán cần có thuốc thịt, nếu có được thịt thì bệnh có thể dứt trừ, nếu không có được thịt thì mạng sống sẽ chẳng an toàn. Lúc đó, Ưu-bà-di ấy nghe lời nói của lương y rồi, liền mang vàng ròng đi khắp trong phố chợ, mà rao hỏi rằng: "Ai có thịt bán, tôi sẽ dùng vàng để mua, nếu có được thịt thì sẽ trao trả vàng cân bằng". Đi khắp thành chợ hỏi tìm mà không thể được. Sau đó, Ưu-bà-di ấy tự dùng dao cắt thịt lá lách của mình, thái dùng làm canh, hòa thêm các thứ hương vị rồi đem dâng vị Tỳ-kheo bệnh, vị Tỳ-kheo đó dùng rồi, bệnh được lành khỏi, còn Ưu-bà-di đó vì vết thương đau, khổ não không thể kham nhẫn, liền phát tiếng xưng niệm "Nam mô Phật-đà! Nam mô Phật-đà!". Lúc ấy ta ở tại thành Xá-vệ nghe âm thanh ấy liền đối với người nữ đó khởi tâm đại từ. Sau đó, người nữ ấy được thấy ta đem thuốc tốt bôi thoa trên vết thương đó, bèn được lành lại như cũ. Ta liền vì đó nói giảng các pháp, người nữ đó nghe pháp rồi hoan hỷ, phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Này thiện nam! Lúc ấy, ta thật chẳng đến thành Ba-la-nại đem thuốc bôi thoa nơi vết thương Ưu-bà-di đó. Này thiện nam! Phải biết đó đều là căn lực từ thiện khiến người nữ ấy thấy việc như vậy. Lại nữa, này thiện nam! Điều-đạt là người ác, tham chẳng biết đủ, do dùng nhiều váng sữa nên đầu đau bụng đầy, phải chịu khổ não không thể kham nhẫn, phát lời niệm xưng: "Nam mô Phật-đà! Nam mô Phật-đà". Lúc đó, ta đang ở tại thành Ưu-thuyền-ni, nghe âm thanh đó rồi liền sanh tâm từ. Sau đó, Điều-đạt liền được thấy ta đến nơi đó, đưa tay xoa đầu và bụng, trao cho nước muối ấm nóng và bảo uống đó, uống rồi trở lại bình phục. Này thiện nam! Ta thật chẳng đến nơi Điều-đạt xoa đầu và bụng đó trao nước ấm nóng và bảo uống. Này thiện nam! Phải biết đó đều là căn lực từ thiện, khiến Điều-đạt thấy việc như vậy. Lại nữa, này thiện nam! Ở nước Kiều-tát-la có các bọn giặc số đông đến năm trăm, kết thành bè đảng cướp giết làm hại rất lắm. Vua Ba-tư-nặc gặp phải hung bạo đó nên sai binh lính dò bắt, bắt được rồi móc mắt, thả vào trong rừng rậm tối mịt. Các bọn giặc đó đã ở nơi chư Phật xưa trước gieo trồng gốc đức, nay bị móc mắt rồi, nhận chịu rất khổ não, mỗi mỗi tự xưng niệm rằng: "Nam mô Phật-đà! Nam mô Phật-đà! Nay chúng con không được ai cứu hộ!". Gào khóc thảm thiết, lúc đó ta ở tại tịnh xá Kỳ hoàn, nghe âm thanh đó rồi liền sanh tâm từ. Khi đó có luồng gió mát thổi trong Hương

sơn, các thứ thuốc thơm tỏa đầy trong vành mắt họ mà vì giảng nói pháp, bọn giặc nghe pháp rồi liền phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Này thiện nam! Bấy giờ ta thật chẳng làm gió thổi trong Hương sơn, các thứ thuốc hương và đứng trước mặt người đó mà vì giảng nói pháp. Này thiện nam! Phải biết đó là đều do căn lực từ thiện khiến các bọn giặc ấy thấy việc như vậy. Lại nữa, này thiện nam! Thái tử Lưu Ly do vì ngu si nên phế bỏ vua cha, tự lập mình làm chủ. Lại nhớ nghĩ ghét ganh xưa trước mà hại nhiều người dòng họ Thích, đem một muôn hai ngàn người dòng họ Thích và các người nữ, cắt lóc tai mũi, chặt đứt tay chân, vất bỏ xuống hầm hố mà chôn lấp. Bấy giờ thân các người nữ nhận chịu khổ não, liền xưng niệm rằng: “Nam mô Phật-đà! Nam mô Phật-đà! Nay chúng con không có ai cứu hộ!”, lại gào khóc lớn. Lúc ấy ta đang ở trong Trúc Lâm nghe âm thanh đó liền khởi tâm từ, và lúc đó các người nữ thấy ta đến thành Ca-tỳ-la, dùng nước tẩy rửa vết thương, đem thuốc trao cho, thống khổ sau đó được dứt trừ, tai mũi tay chân trở lại như cũ. Lúc đó, ta liền vì lược nói các pháp yếu, khiến tất cả đều phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, và liền đến nơi Tỳ-kheo ni Đại Ái Đạo, xuất gia thọ giới cụ túc. Này thiện nam! Lúc bấy giờ, Như Lai thật chẳng đến thành Ca-tỳ-la dùng nước tẩy rửa vết thương, trao thuốc khiến dứt khổ. Này thiện nam! Phải biết đó đều do căn lực từ thiện, khiến các người nữ ấy thấy việc như vậy. Tâm bi hỷ cũng lại như vậy. Này thiện nam! Do vì nghĩa đó, Bồ-tát Ma-ha-tát tu từ tư duy tức là chân thật, chẳng phải hư vọng vậy. Này thiện nam! Phàm là vô lượng tức không thể nghĩ bàn, sở hành của Bồ-tát không thể nghĩ bàn, sở hành của chư Phật không thể nghĩ bàn. Kinh điển Đại thừa và kinh Niết-bàn đó cũng lại chẳng thể nghĩ bàn”.

Đem văn sáng rõ đây có thể làm chứng minh thành thật, thì biết ba cõi chín giới, tất cả các pháp nhiễm tịnh v.v... đều chẳng vượt ngoài pháp giới tâm của chúng sanh. Giống như họa sĩ họa vẽ ra tất cả các cảnh giới. Tâm họa sĩ đó cũng lại như vậy. Do đó, trong kinh chánh pháp niệm xứ nói: “Lại, Tỳ-kheo kia quán sát như vậy, cớ sao chúng sanh có các thứ sắc, các thứ hình tướng? Có các thứ đạo, các thứ y chỉ? Lại, quán sát kia có các thứ tâm, các thứ y chỉ, các thứ tin hiểu, có các thứ nghiệp. Các thứ sắc, các thứ hình tướng, các thứ đạo, các thứ y chỉ như vậy đó v.v... thí như họa sĩ sáng suốt khéo léo. Nếu học trò họ quán sát nền tảng khéo bằng chắc trơn tốt đẹp, được nền tảng đó rồi, các thứ sắc thái, các thứ tạp sắc, hoặc đẹp hoặc xấu tùy tâm làm nên như hình tướng kia. Tâm nghiệp họa sĩ, nếu học trò họ cũng lại như vậy, nền

tảng khéo bằng chắc trơn nghiệp quả báo, nền tảng sanh tử giới, tùy chỗ hiểu đó tạo các thứ hình tướng các thứ các đạo, các thứ y chỉ, tâm nghiệp họa sĩ, nghiệp làm chúng sanh. Lại, các sắc thái, lấy sắc trắng làm trắng, lấy sắc đỏ làm đỏ, lấy sắc vàng làm vàng, nếu lấy sắc đen thì làm sắc đen. Tâm nghiệp họa sĩ cũng lại như vậy. Duyên sắc trắng lấy sắc trắng, ở trong trời người thì thành sắc trắng. Bởi nghĩa gì mà gọi là trắng? Lậu cấu của dục v.v... chỗ chẳng nhiễm ô nên gọi là sắc trắng. Cũng lại như vậy, tâm nghiệp họa sĩ lấy sắc thái màu đỏ, ở trong trời người hay làm sắc đỏ. Bởi nghĩa gì mà gọi là đỏ? Điều gọi là ưa thích thanh vị hương xúc sắc, Họa sĩ quán sát y phục, cũng lại như vậy. Tâm nghiệp họa sĩ lấy sắc thái màu vàng, ở trong đường súc sanh hay làm sắc vàng, bởi nghĩa gì gọi là vàng? Đây kia thay nhau cùng uống máu ăn thịt, tham dục sân nhuế lại cùng giết hại, nên gọi là sắc vàng. Cũng lại như vậy, tâm nghiệp Họa sĩ lấy sắc thái chim khác. Bởi nghĩa gì gọi là chim khách? Vì thân kia giống như lửa đốt rừng cây, đói khát nhiễu não các thứ khổ bức, tâm nghiệp Họa sĩ, tâm mờ chấp giữ, si ám ngăn che, cũng lại như vậy. Tâm nghiệp Họa sĩ lấy sắc thái màu đen, ở trong địa ngục họa làm sắc đen làm các thứ bệnh, thân khổ đói khát, vô lượng khổ bức đều là nghiệp tự mình chẳng phải do kẻ khác tạo tác. Lại, Tỳ-kheo kia quán sát ba cõi năm đạo, năm thứ sắc màu sanh tử họa vẽ y phục, ở nơi ba địa trú, gọi là dục giới địa, sắc và vô sắc địa. Tâm nghiệp Họa sĩ tập quen gần dâm dục, phan duyên dục giới các thứ sắc họa, duyên sắc y chỉ có mười hai thứ. Lìa dục tứ thiền lấy làm bút họa, y cứ mười sáu địa là nơi chỗ họa, làm sắc giới, lìa duyên sắc giới tam-ma bạt-đề, duyên vô sắc giới họa làm bốn xứ. Tâm nghiệp Họa sĩ rộng hoa vẽ y phục lớn ba cõi như vậy. Lại, Tỳ-kheo kia quán sát tâm nghiệp Họa sĩ như vậy, thân như thái khí (vật đựng màu), tham dục sân nhuế lấy làm cứng chắc, tâm phan duyên giống như thềm thang, căn như bút họa, bên ngoài các cảnh giới thanh xúc vị sắc và các hương v.v... như các thứ màu sắc, sanh tử như đất, trí như ánh sáng, chuyên cần phát tinh tấn, như tay tương tợ, chúng sanh như họa, thần thông như vô lượng hình phục kia, có vô lượng thứ nghiệp quả báo sanh, như họa thành tựu. Lại, Tỳ-kheo kia y cứ thiền quán sát, tâm nghiệp họa sĩ có các pháp khác, như Họa sĩ kia chẳng sanh nhọc mệt khéo sửa sắc thái, mỗi mỗi sáng sạch, khéo biết bút đẹp, họa làm sắc đẹp. Tâm nghiệp Họa sĩ cũng lại như vậy chẳng sanh nhọc mệt, như tu thiền định khéo sửa trị thiền thái, phan duyên sáng sạch, như thái sáng sạch. Các sư tu đạo, như bút khéo đẹp biết thượng hạ như thiện tri thức, có lấy có bỏ như chẳng nhọc mệt,

thiền định như vậy. Tâm nghiệp Họa sĩ thiền địa kia như sắc đẹp kia. Lại, kia như vậy, tâm nghiệp Họa sĩ nếu có nhọc mệt thì họa vẽ không khéo, các đạo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh xử đồng nghiệp nhân duyên, chày sắt làm bút, sắc thái bất thiện họa vẽ chẳng phải đồ vật người (khí nhân). Chỗ gọi là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, các sắc màu như vậy v.v... chẳng phải sắc màu đẹp họa vẽ, nói rộng như trước". Giải thích rằng: Do vì Họa sĩ vận ý khéo hay vụng nắm bút năm sắc màu, ở trên nền tảng bằng chánh, dung mạo xuất hiện tất cả ảnh tượng tinh thô, như chúng sanh bẩm nhận tâm ngu hay trí, dấy bút ba nghiệp ở trên nền tảng thiện ác họa vẽ ra tất cả các việc khổ vui. Lại như Họa sĩ ở đời chỉ họa được sắc ấm, nếu tâm Họa sĩ hay họa được năm ấm. Lại, họa vẽ ở đời chẳng bền chắc, sắc lùi tượng cũng diệt. Tâm họa trải hoa nhiều kiếp, thân rơi rụng mà nghiệp chẳng mất. Lại, họa vẽ ở đời rất dễ biết, xấu xa đều có thể thấy. Tâm họa rất khó xét, quả báo chẳng thể biết. Như trong kinh Chánh Pháp Niệm Xứ có kệ tụng rằng:

"Việc làm của các nghiệp,
Quá hơn Họa sĩ khéo,
Nghiệp Họa sĩ trong trời,
Làm các thứ báo vui.
Các thứ nhiều màu sắc,
Hiện thấy thì đếm được,
Tâm nghiệp bày các màu,
Số đó chẳng thể biết.
Hủy vách tranh sẽ mất,
Cả hai đồng thời diệt,
Như lúc thân diệt mất,
Nghiệp họa chẳng thể mất.
Thí như một Họa sĩ,
Tạo tác các văn sức,
Một tâm cũng như vậy,
Tạo tác các thứ nghiệp.
Năm màu sắc sáng hiện,
Thấy đó sanh vui thích,
Năm căn họa cũng vậy,
Như nghiệp có sanh tử.
Như đời Họa sĩ giỏi,
Hiện tiền thì thấy được,
Tâm Họa sĩ vi tế,

Tất cả chẳng thể thấy.
Đồ họa hình đẹp xấu,
Khiến vách các tượng hiện,
Tâm nghiệp cũng như vậy,
Hay tạo báo thiện ác.
Tâm đó suốt đêm ngày,
Nghĩ nhớ luôn chẳng dừng,
Nghiệp tùy tâm như vậy,
Triển chuyển thường chẳng lìa.
Gió bụi khói mây nóng,
Họa sắc thì hủy diệt,
Bỏ thiện giữ bất thiện,
Các nghiệp bèn mới mất.”

Lại, y cứ kinh Ban Chu, thấy Phật, lược có bốn thí dụ: Một là, mộng thí dụ, như chỗ thấy trong mộng, từ phân biệt sanh, thấy tất cả Phật, từ tự tâm khởi. Hai là, nước ảnh thí dụ, nước dụ như tâm tánh thì bóng trăng của Phật đều là trong chân tâm chúng sanh, tâm Phật giao triệt chỉ chân tâm vậy. Ba là, huyễn thí dụ, tự tâm như huyễn thuật, tất cả chư Phật như huyễn mà thành, nghĩa là có pháp năng huyễn mới thành sự huyễn, không tâm năng niệm thì không Phật sở thấy. Bốn là, hưởng thí dụ, thí như hang cốc trống rỗng tùy tiếng mà phát vang, ngộ hiểu tự tâm, tùy niệm thấy Phật, với bốn thí dụ trên: Thứ nhất chánh là thí dụ duy tâm; thứ hai là, do duy tâm nêu không; thứ ba là, do duy tâm nên giả; thứ tư là, do duy tâm nên trung. Lại nữa, thí dụ về mộng là chẳng đến chẳng đi, thí dụ về bóng ảnh là chẳng ra chẳng vào, thí dụ về huyễn là chẳng phải có chẳng phải không, thí dụ về vang hưởng là chẳng phải hợp chẳng phải tan. Như trong kinh có kệ tụng rằng:

“Tâm là tâm chẳng biết,
Tâm là tâm chẳng thấy,
Tâm có tưởng thì si,
Không tưởng thì Niết-bàn.
Pháp đó chẳng bền chắc,
Thường lập tại nơi tâm,
Vì thấy hiểu được không,
Tất cả không tưởng niệm”.

Giải thích rằng: “Nếu tâm tự thấy tâm, tâm trước là năng thấy. Phật là sở thấy, dao chẳng tự cắt, tay chẳng tự xúc chạm, cớ sao tự tâm trở lại thấy tự tâm? Năng sở chẳng phân, thấy tướng đó tuyệt, nên trong

kinh nói: “Tâm có tưởng thì si, nếu không tưởng thì tâm ngầm tánh Phật trọn tuyệt tư duy mong cầu vậy”. Như trên là tự tâm chúng sanh cảm hiện, tiếp đến là nguyện lực nhân địa của chư Phật Bồ-tát thị hiện hóa môn không có đoạn tuyệt. Do đó, trong kinh Duy-ma nói: “Tuy thị hiện thành Đẳng chánh giác mà chẳng xả bỏ đạo Bồ-tát, tuy ngộ tức tâm là Phật, chóng thành Bồ-đề, nhưng vì chúng sanh chưa đạt nên rộng tu phước nghiệp, để dẫn dắt người nghe sau cuối đều khiến mở hiểu đồng quay về địa đây”. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Tuy hay một niệm tức thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, nhưng vì chúng sanh nên ở trong vô lượng kiếp hành hạnh Bồ-tát, không có dừng nghỉ. Đó là như núi tâm tăng thượng”. Lại nói: “Phật tử! Bồ-tát Ma-ha-tát lại tư duy rằng: A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề lấy tâm làm gốc, tâm nếu thanh tịnh thì hay viên mãn tất cả thiện căn, ở nơi Phật Bồ-đề hẳn được tự tại. Muốn thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, tùy ý tức thành, nếu muốn đoạn trừ tất cả thủ duyên trú một hướng đạo, ta cũng năng đắc, mà ta chẳng đoạn, vì muốn cứu cánh Phật Bồ-đề vậy, cũng chẳng tức chứng Vô thượng Bồ-đề. Tại sao? Vì mãn bản nguyện hết tất cả thế giới, thực hành hạnh Bồ-tát hóa độ chúng sanh vậy”. Đó là tâm thệ nguyện thứ chín như Kim cang Đại thừa. Thí dụ so sánh như trên, chứng tín không nghi thì Phật đạo lập thành, chẳng phải do giáo khác, trọn không khởi ở niệm khác. Chỉ tự tịnh ở một tâm, có thể gọi là thuận chánh ý bản hoài đắc giáo của Phật vậy.

Hỏi: Phật độ chúng sanh, chúng sanh lại có thể độ Phật chăng?

Đáp: Nếu nói về nội quán, nhân rõ vọng niệm tạp thức chúng sanh, không thể phát giác tuệ đó, thành Phật của tự tâm, đó đâu chẳng phải là nhân chúng sanh được độ. Nếu luận về hóa bên ngoài là đều nhân chúng sanh cảm ra. Nếu không có duyên, đã không sở hóa, cũng chẳng thành Phật. Như trong kinh Tịnh Danh nói: “Bồ-tát tùy chỗ giáo hóa chúng sanh mà lấy cõi Phật”. Trong kinh Tịnh độ Tam-muội nói: “Chúng sanh cũng độ Phật, nếu không cảm, Phật chẳng xuất hiện nơi đời, cũng chẳng thể được thành Tam-bồ-đề. Bồ-đề xuất hiện nơi đời đều do căn cơ chúng sanh vậy”.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 19

TÔNG KÍNH LỤC - QUYỂN MƯỜI CHÍN

Hỏi: Phàm như nói trên, Tổ giáo đồng giải thích, phàm nói có tâm đều được thành Phật. Như nay chúng sanh hiện thấy, sao chẳng thấy Phật?

Đáp: Nếu dùng mắt chúng sanh để quán sát, chỉ thấy chúng sanh giới có thừa. Nếu dùng mắt Phật để quán sát, mới biết không ngoài chư Phật giới. Nên biết gió vọng vô minh cổ xúy biển tâm mà dễ động, chân tánh bản giác ngủ giấc mộng dài mà khó tỉnh. Do đó trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Tâm linh của ông tất cả sáng rõ chưa từng tạm mê mờ mà mê mờ là mục kích mà chẳng biết như ngọc đẹp chìm bùn tự chôn vùi giá cao, như vàng thật lẫn trong đá vụn rỗng núp sáng ngời". Như trong kinh Pháp Hoa nói: "Xưa trước ta muốn ông an lạc tha hồ hưởng năm món dục lạc, ở ngày tháng năm đó, đem châu báu vô giá buộc dính trong áo ông, nay vẫn còn đó mà ông chẳng biết, khổ nhọc ưu não để cầu tự sống, rất là ngu si lắm. Nay ông đem châu báu đó đổi lấy những vật cần dùng, sẽ được như ý không chỗ thiếu thốn". Nên biết bản giác thường thành, châu báu trong áo chẳng mất, nếu chẳng phải giáo của viên đốn thì lấy gì để rõ nay tự tâm? Nên trong kinh Viên Giác nói: "Do giác thành tựu, phải biết Bồ-tát chẳng cùng pháp ràng buộc, chẳng cầu pháp giải thoát, chẳng nhàm chán sanh tử, chẳng vui thích Niết-bàn, chẳng kính trì giới, chẳng ghét hủy phạm, chẳng trọng hành tập lâu, chẳng khinh chưa học. Tại sao? Vì tất cả đều giác vậy". Vậy biết tất cả chúng sanh đều là bản giác thành tựu, vì bất giác nên nhận giác của tùy nhiễm thấy cảnh có hơn kém, khởi tâm vui chán, chỉ theo vọng luân hồi, chóng mê chân giác, nhưng nhân giác có bất giác, nếu không chân vọng không sở y, nên như khói không lửa chẳng bốc. Lại, giác nhân bất giác, như vàng tùy đồ đựng lại nhờ đồ đựng bày, vì sự hay hiển lý vậy. Do đó, chỉ chân chẳng lập riêng, vọng chẳng thành. Chỉ chân chẳng lập là quả Phật không sanh vậy, riêng vọng chẳng thành là

không sở y vậy. Như các bậc Tiên đức có kệ tụng rằng:

"Tất cả chúng sanh cõi vàng ròng,
Trắng sạch không dơ trí chẳng hoại,
Châu báu tự tại trong chéo áo,
Chỉ muốn khổ nghèo ở ngoài cửa.
Xe báu thanh tịnh giữa đường thông,
Văn-thù dẫn dắt, Phổ Hiền nâng,
Trâu trắng béo tốt nhiều sức mạnh,
Một niệm đi khắp không cuộn buông.
Xe báu như vậy chẳng chịu vào,
Chỉ thích cần khổ đứng của đường,
Bất chợt tự thân thường tại trong,
Bỏ trên luôn nói ta chẳng kịp".

Trong kinh Hoa Nghiêm có bài kệ tụng rằng:

"Muốn cầu Nhất thiết trí,
Chóng thành Vô thượng giác,
Nên dùng tâm tịnh diệu,
Tu tập hạnh Bồ-đề".

Lại có bài tụng nói:

"Thí như ruộng béo tốt,
Gieo trồng hẳn xanh tươi,
Như vậy đất tâm sạch,
Sanh ra các Phật pháp".

Vậy biết chư Phật trong mười phương không có một Phật nào chẳng tin tâm đây thành Phật, trong hai mươi tám vị Tổ, không có một vị Tổ nào chẳng thấy tánh đây mà thành Tổ. Như nay nghe mà chẳng thành Phật Tổ đều vì tin chẳng kịp, thấy chẳng chắc vậy. Nên học lời đó mà chẳng chiếu rọi tâm đó, chỉ chấp hiểu biết đó mà chẳng vào sâu pháp đó. Sao là tin? Tức là đạo vậy. Trong kinh nói: "Đức tin là mẹ công đức của tất cả nguồn đạo". Thấy tức không nghi ngờ, nên trong kinh nói: "Thấy khổ đế, tập cũng trừ, huống gì cảnh giới hiện ở ngoài tâm, chỉ vào Tông Kính mới ngộ trước quấy, lúc tâm sáng thấu các vết tự hết". Trong phẩm Xuất Hiện ở kinh Hoa Nghiêm nói: "Phật tử! Bồ-tát Ma-ha-tát phải biết tự tâm niệm niệm luôn có Phật thành Chánh giác, tại sao? Vì chư Phật Như Lai chẳng lìa tâm đây mà thành Chánh giác. Như tự tâm thì tâm của tất cả chúng sanh cũng lại như vậy, đều có Như Lai thành Đẳng chánh giác, rộng lớn khắp cùng không xứ nào chẳng có, chẳng lìa chẳng đoạn, không có dừng nghỉ, vào pháp môn

phương tiện chẳng thể nghĩ bàn”. Xưa trước giải thích rằng: “Chẳng lìa tâm đây thành Phật là có hai: Một là, thân tâm chúng sanh tức chỗ chứng của chư Phật, Phật chứng ở thể chúng sanh, dụng ở dụng của chúng sanh. Hai là, toàn tức Phật là tánh Bồ-đề vậy, một tánh không khác. Đây tức quả khác tại nhân của ta, vì nhân ta thành quả khác vậy, gọi là vào pháp môn phương tiện chẳng thể nghĩ bàn. Do đó, chẳng được ý là làm chúng sanh tư duy nên là cũng chẳng thể, nói làm Phật tư duy là cũng chẳng thể, tức cũng chẳng thể, chẳng phải tức cũng chẳng thể. Ngay mắt tịnh trí chẳng chấp các tình. Trong kinh nói: “Phật tử! Khiến nương tựa đây biết không sâu nào chẳng tận”. Trong kinh Niết-bàn nói: “Hai mươi lăm hữu có ngã là tự thật danh ngã, điều gọi là tất cả các pháp thể thật, tất cả chúng sanh có Như Lai Tạng. Hay làm nhân Phật, gọi là Phật tánh, như trong tất cả các sắc đều có không tánh, nhưng chẳng phải riêng hữu tình đầy đủ chánh tánh của Như Lai. Trong tất cả các pháp đều có tánh an lạc. Do đó nói nếu dùng mắt thịt để quán sát thì không chân nào chẳng tục, nếu dùng pháp nhãn để quán sát thì không tục nào chẳng chân”. Lại nói: “Pháp thân lưu chuyển trong năm đường, gọi là chúng sanh”, chỉ pháp thân tức là chân như, lưu chuyển trong năm đường tức là tùy duyên, gọi là chúng sanh là nghĩa sai biệt. Lại, do tùy duyên tức bất biến vậy. Tập sai biệt khiến thể không thì ngọn tĩnh lắng vậy, do thể không sai biệt vậy. Tập chẳng biến khiến tùy duyên nên gốc tĩnh lắng vậy. Vì toàn gốc làm ngọn, nên gốc bèn ẩn, toàn ngọn làm gốc nên ngọn bèn mất vậy. Đó thì chân như tùy duyên thành chúng sanh, ngọn từng mất ở chân thể, nên khiến chúng sanh chẳng phải chúng sanh vậy, chúng sanh thể không, tức lúc pháp thân chưa từng không chúng sanh vậy, chẳng phải pháp thân vậy. Nên cả hai đều tuyệt, cả hai đã hỗ tương tuyệt, thì chân vọng bình đẳng không thể khác vậy. Nên nói tùy duyên chẳng phải pháp thân có, luôn chẳng khác sự mà thành lập, tịch diệt chẳng phải chúng sanh không, thường chẳng khác chân mà hiển hiện, nên biết phiền não tức Bồ-đề, Bồ-đề tức phiền não. Do đó, trong kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã nói: “Phật bảo Thắng Thiên Vương rằng: “Thí như châu báu như ý vô giá trang sức ánh ngời sửa soạn sáng sạch rất đáng ưa thích, thể tròn rất sạch không có dơ đục rơi rớt trong bùn sình trải qua thời gian lâu, có người nhặt được lấy về gìn giữ không để rơi rớt. Pháp tánh cũng vậy, tuy tại trong phiền não mà không bị nhiễm, sau lại hiển hiện. Này Thắng Thiên Vương! Chư Phật Như Lai đều biết tự tánh thanh tịnh của chúng sanh do bị khách trần phủ che, chẳng vào tự tại, cho nên Bồ-tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã

ba-la-mật, phải khởi tâm niệm là ta phải dõng mãnh cần tu tinh tấn, vì các chúng sanh nói Bát-nhã ba-la-mật sâu mầu này để trừ phiền não đó. Tất cả chúng sanh đều có tánh tịnh, cho nên đối với kia chúng sanh hạ liệt, phải biết tôn trọng, kia tức là thầy ta, nên đúng như pháp mà cung kính. Trong kinh Xà-na Đại Bi Xử Thai nói: "Ma Phạm Thích Nữ đều chẳng xả bỏ thân và chẳng thọ thân, đều ở nơi hiện thân được thành Phật vậy". Có kệ tụng rằng:

"Pháp tánh như biển lớn,
Chẳng nói có phải quấy,
Phàm phu người Hiền thánh,
Bình đẳng không cao thấp,
Chỉ tại tâm dơ diệt,
Thủ chứng như trở tay".

Trong kinh Hoa Thủ nói: "Phật dạy: Này Kiên Ý! Vô ngại tế tức là vô biên tế, vô biên tế tức là tánh tất cả chúng sanh, đó gọi là tế môn, vào tế môn đó thì hay khai diễn ngàn muôn pháp tạng, pháp tạng đây tức chẳng phải tạng vậy. Này Kiên Ý! Trong pháp tạng của Như Lai có chỗ giảng pháp đều giảng tế đó. Lại có tạng sắc, tạng thọ tưởng hành thức, tạng phải tạng quấy, chẳng ở tự tạng, đó gọi là các tạng, dùng môn chữ A để vào". Giải thích rằng: Chữ A tức nghĩa vô sanh, nếu rõ tâm vô sanh thì không pháp nào có thể được, ngộ duy thức đây chính là cửa trước tiên vào đạo. Do đó trong kinh Đại Phẩm nói: "Không có một pháp khả đắc, gọi là chúng sanh. Phàm, nơi chúng sanh, tức là nghĩa pháp thân. Như trong kinh Bất Tăng Bất Giảm nói: "Xá-lợi-phất! Tức pháp thân này quá hơn số cát sông Hằng, vô lượng phiền não trói buộc, từ vô thủy đến nay tùy thuận thế gian, sóng cả sanh tử qua lại sanh diệt, gọi là chúng sanh". Vậy biết, nếu nói chúng sanh tức là pháp thân, rất là khó hiểu, nên các bậc cổ đức nêu dẫn trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Nếu có người có khả năng dùng tơ trong ngó sen để treo núi Tu-di, có thể nghĩ bàn chăng?" "Không vậy, bạch Đức Thế Tôn!". Phật dạy: "Bồ-tát có thể dùng một niệm cân lường sanh tử không thể nghĩ bàn. Nay với lý viên minh khó hiểu, chỉ kính ngưỡng vâng tin mà thôi. Như nghe sanh tử có lý chẳng thể nghĩ bàn, mà chỉ kính ngưỡng vâng tin, chứ không thể một tâm tức Như Lai Tạng, nên chẳng phải trọn vẹn ý". Trong kinh Văn-thù Bát-nhã nói: "Phật bảo: "Văn-thù! Nếu người hỏi ông, có bao nhiêu chúng sanh giới, ông đáp như thế nào?" Văn-thù thưa: "Chúng sanh giới số như Như Lai giới vậy". Hỏi: "Tất cả chúng sanh buộc tại giới nào?" Đáp: "Như Như Lai buộc, chúng sanh cũng

vậy”. Hỏi: “Chúng sanh giới trú tại xứ nào?” Đáp: “Trú tại Niết-bàn giới”. Lại nói: “Văn-thù nói: “Như hư không vô số, chúng sanh cũng vô số, hư không chẳng thể được, chúng sanh cũng chẳng thể được”. Do đó, ở trong chẳng thể được tùy ngôn ngữ ở đời có chỗ dựng lập. Cảnh giới phàm Thánh là phương tiện nói, đó là chẳng thể nghĩ bàn, rộng lớn thần biến. Như trong kinh Đại Bảo Tích nói: “Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói: “Lại nữa, pháp không tướng xuất mà nói pháp xuất ly, đó gọi là thần biến. Pháp không sai biệt, văn tự sai biệt, đó gọi là Thần biến. Pháp không chỗ hành, nói là tu hành, đó gọi là Thần biến. Pháp không đến đi, nói có đến đi, đó gọi là Thần biến. Nơi một đạo chứng, dựng lập các quả, đó gọi là Thần Biến. Tất cả chư Phật chỉ là một Phật, nói vô lượng Phật, đó gọi là Thần biến. Tất cả cõi Phật chỉ một cõi Phật, nói vô lượng cõi, đó gọi là Thần biến. Vô lượng chúng sanh tức một chúng sanh, nói vô lượng chúng sanh, đó gọi là Thần biến. Tất cả Phật pháp chỉ một Phật pháp, nói vô lượng pháp, đó gọi là Thần biến. Pháp chẳng thể hiển bày mà hiển bày các pháp, đó gọi là Thần biến. Pháp không sở đắc, tu tập làm chứng, đó gọi là Thần biến”. Cho đến “bấy giờ Trưởng lão Xá-lợi-phất nói cùng Thương Chủ Thiên tử rằng: “Ông nghe Thần biến đó, chẳng kinh sợ ư?” Thiên tử đáp: “Tôi tức là Thần biến, cớ sao phải kinh sợ?” Xá-lợi-phất hỏi: “Thiên tử! Vì ý ngầm gì mà nói như vậy?” Thiên tử đáp: “Tất cả các pháp hoặc thiện hoặc bất thiện, không động mà động, gọi là đại Thần biến. Cho nên, Xá-lợi-phất! Người làm thiện nghiệp, sanh ở trên đời, có oai đức lớn, thiện nghiệp như vậy chẳng thể nghĩ bàn. Tất cả chúng sanh qua lại sanh tử cũng chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể nghĩ bàn tức gọi là đại Thần biến. Như Phật giảng nói bốn thứ cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Một là, cảnh giới nghiệp chẳng thể nghĩ bàn; hai là, cảnh giới rồng chẳng thể nghĩ bàn; ba là, cảnh giới thiền chẳng thể nghĩ bàn; bốn là, cảnh giớii Phật chẳng thể nghĩ bàn. Do vì nghĩa đó, nên nói tất cả các pháp gọi là đại Thần biến, không nên khiếp sợ. Lại nữa, Xá-lợi-phất! Như Như Lai nói Thần biến đây, hư không giới nào có khiếp sợ ư?” Xá-lợi-phất đáp: “Không vậy!”. Thiên tử nói: “Nếu hư không chẳng khiếp sợ, cớ sao ông hỏi tôi khiếp sợ không?” Xá-lợi-phất đáp: “Ông đâu đồng hư không ư?” Thiên tử nói: “Như điều Phật nói, hoặc nội không hay ngoại không, là hư không ư?” Xá-lợi-phất đáp: “Đúng vậy!”. Thiên tử nói: “Cho nên tất cả chúng sanh là tánh hư không”. Vậy biết, tất cả hữu tình vô tình đều đồng tánh hư không, xứ nào có khác của Thánh phàm, sai biệt của nội ngoại? Vả lại, tánh hư không không có khởi tận, cớ sao lại hỏi là thành Phật hay không thành Phật ư? Trong

kinh Nhập Pháp Giới Thể Tánh nói: "Phật bảo: "Văn-thù! Ông biết pháp giới ư?" "Như vậy, Thế Tôn! Con biết pháp giới tức là ngã giới". Lại hỏi: "Ông há chẳng vui thích pháp giới ư?"Văn-thù đáp: "Bạch Đức Thế Tôn! Con không thấy một pháp nào chẳng phải là pháp giới. Vậy còn gì là vui thích". Trong kinh thì thế nói: "Nếu pháp thế gian và pháp xuất thế gian mà có khác thì chư Phật chẳng xuất hiện nơi đời vậy. Tại sao? Vì giác ngộ tất cả các pháp bình đẳng, nên gọi là Phật vậy!". Trong kinh Đại Tập nói: "Các chúng sanh giới và pháp giới, nếu hay bình đẳng quán sát không khác, chẳng sanh phân biệt ở số một hai, đó gọi là Bồ-tát Bất thối ấn". Lại nói: "Nếu có Bồ-tát chẳng lìa phàm phu mà hay biết thánh pháp, vì dùng tâm phàm phu mà quán sát thánh pháp". Trong kinh Mật Nghiêm nói: "Pháp thân Như Lai trú ở trong thân tất cả chúng sanh, bóng sáng hiện bên ngoài, giống như châu ngọc ma-ni ở trong lụa sạch, không chỗ ngăn che, cũng lại như vậy. Cho nên phải biết pháp thân Như Lai khắp ở trong thân tất cả chúng sanh, như điều Phật dạy, cho đến cây khô cây cháy cũng thảy đều vào, không nên sanh hại, huống gì các loại khác. Vì vậy không nên cân lường chúng sanh, trừ các Đức Như Lai, không thể biết đó, cho nên pháp thân chư Phật khắp tất cả xứ". Phàm, pháp thân tức là tự tâm vậy, là thân của pháp gia, là tánh của muôn hữu, gồm nay suốt xưa, khắp cõi đầy hư không, mười phương thái hư, ở trong tự tâm còn như một điểm mây sanh, trăm ngàn biển lớn, đưa vào trong bản giác, giống như một giọt bọt bóng nổi, huống gì giả danh phàm Thánh mà chẳng phải tâm ta ư? Theo Thai giáo nói: Phật nghĩa là giác, như trong kinh Bảo Khiếp nói: "Phật giới, chúng sanh giới, chỉ một giới không khác biệt giới. Đây là viên trí viên giác các pháp, khắp tất cả xứ không đâu chẳng sáng rõ, tuy ở ngũ vô gián đều sanh tưởng giải thoát, tuy mù tối điên đảo lầm hoặc, lý đó vẫn còn vậy". Lý đó rõ ràng, thế gian thường trú, có Phật chẳng thể lợi ích, không Phật chẳng thể tổn hại, được đó chẳng làm cao, mất đó chẳng làm thấp. Nên nói chúng sanh tức Phật là lý Phật đây vậy. Trong luận Hoa Nghiêm nói: "Tất cả xứ Văn-thù-sư-lợi, tất cả xứ thế giới vàng ròng, tất cả xứ Phật Bất động trí. Ngày nay người tin, phải tin tự tâm không tánh nương dừng Diệu tuệ giải thoát là từ Văn-thù, ở trong tâm không nương dừng, Diệu lý không tánh có tự tại phân biệt. Không tánh có thể động, gọi là Phật Bất động trí, lý trí không hai, diệu dụng tự tại, cho nên gọi là Bồ-tát Diệu Đức, cho nên tất cả chư Phật tử đức tin đây sanh, nên gọi là Văn-thù, là mẹ của mười phương chư Phật cũng hiệu là Văn-thù làm Bồ-tát Đồng tử vì đều lấy đức tin làm sơ sanh vậy.

Tín tâm thành tựu tức dùng sức định huệ quán trí ấn chứng đó. Khế hợp một niệm tương ưng gọi là thập trú sơ tâm bèn thành Chánh giác, dùng năng hành hành xứ gọi là Phổ Hiền, dùng Diệu tuệ vô y xứ gọi là diệu đức, dùng trí khéo hay phân biệt biết căn gọi đó là Phật Bất Động Trí, tự khế hợp tương ưng gọi là Chánh giác. Vả lại, xứ năng tin, gọi đó là tín, tự khế hợp tương ưng gọi là Trú tâm, vì trú nơi Phật trú là tướng diệu tuệ giải thoát và tận pháp vô sanh vậy. Nếu ngoài tâm có Phật thì chẳng gọi là tín tâm, mà gọi là người tà kiến vậy. Tất cả chư Phật đều đồng tự tâm, tất cả chúng sanh đều đồng tự tánh, vì tánh không y tựa, nên thể không sai biệt, trí tuệ một tánh nên biết như vậy. Vì đồng thể diệu tâm này nên biết tâm chư Phật và tâm chúng sanh, nên tin hiểu như vậy, chẳng tự khinh dối, cho nên tông thú kinh đây làm đại tâm chúng sanh nói pháp như vậy là môn chư Phật tự chuyên chở, Diệu điển nhất thừa, đạo lý pháp giới, khiến đại tâm chúng sanh vào căn bản Phật là đại trí Phật quả vậy. Một niệm khế chân lý trí đồng hiện tức bèn là Phật vậy, vì đạo lý pháp giới thấy thì không mới đầu giữa và sau cùng, do vì người đời chỉ tin cảnh giới chư Phật chẳng thể nghĩ bàn, không biết cảnh giới chúng sanh cũng chẳng thể nghĩ bàn, vì chúng sanh giới tức là Phật giới vậy, như trong luận nói: "Tất cả xứ Phật bất động trí, tức phàm nói tất cả tức không xứ nào chẳng khắp, đâu riêng chúng sanh giới ư? Do đó, trong Hoa Nghiêm Tư Ký nói: "Nay có nhiều người học đều được cùng Đức Thích Tôn ngang bằng, cũng cùng Văn-thù ngang bằng, một niệm tức ngang bằng. Nếu chẳng tin, mới đầu làm thời gian ngắn nỗ lực, tịnh tư duy trông xem, nên biết một niệm bình đẳng, lý sự không sai, chỉ lắng suy nghĩ ngưng thần, hồi quang soi chiếu bên trong, có pháp gì khác hay làm cách vượt, chỉ tự tâm tưởng khởi vọng phân cao thấp vậy". Trong Thanh Lương sớ nói: "Phật và chúng sanh nếu dùng tánh tịnh mà nói hiện nay bình đẳng, chẳng ngăn ngại khác biệt của mê và ngộ, cho nên ba thừa cũng có sai biệt cũng không sai biệt. Vậy thì nhiễm tịnh ba đời, tất cả các pháp không gì chẳng bình đẳng, huống gì xứng tánh qua lại gom thâu. Thấu hiểu như vậy thì gọi là khéo trú địa vị Nhất thiết trí, như đất hay sanh mọi vật, cuối cùng kết quy về đất. Muôn pháp y tựa nơi Phật trí cứu cánh, trở lại đến Nhất thiết trí. Trong luận Bảo Tánh có kệ tụng rằng:

"Thí như nhà người nghèo,
Đất có kho vật báu,
Người đó chẳng thể biết,
Báu lại chẳng thể nói.

Chúng sanh cũng như vậy,
Ở trong nhà tự tâm,
Có chẳng thể nghĩ bàn,
Kho pháp bảo vô tận.
Tuy có kho báu đây,
Chẳng thể tự hay biết,
Có vì chẳng hay biết,
chịu sanh tử nghèo khổ.
Thí như kho vật báu,
Tại nhà người nghèo kia,
Người chẳng nói ta nghèo,
báu chẳng nói ở đây.
Kho pháp bảo như vậy,
Tại trong tâm chúng sanh,
Chúng sanh như người nghèo,
Phật tánh như kho báu.
Vì muốn khiến chúng sanh,
Được vật báu đây vậy,
Chư Phật Như Lai kia,
Xuất hiện ở nơi đời.”

Trong Vô Sanh Nghĩa nói: “Đại sư luôn dẫn nêu kinh Như Lai Tạng nói: “Trong thân chúng sanh có Phật ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp ngồi hoa sen báu cùng chư Phật không khác, chỉ vì phiền não ngăn che nên chưa thể được dụng”. Đó là có đầy đủ căn tánh tri kiến của Phật, mà chưa có dụng tri kiến (thấy biết), tức lúc còn ngu vậy. Cho đến thí như trẻ con có đầy đủ sáu căn của người lớn, chẳng khác gì người lớn tại trong thân đó mà chưa thể có dụng của người lớn. Đến lúc lớn dần lại phải học hỏi mới có lực dụng tri kiến của người lớn. Nếu căn tánh là có tác dụng há không như hạt giống vốn ngọt thì kết quả chẳng phải đắng. Chỉ sợ không biết có, tự nhận làm phàm phu, chân tánh thường rõ ràng, chưa từng tạm ẩn che, như Phật dạy: “Như Lai thật không che giấu. Tại sao? Như trăng thu tròn đầy ở giữa hư không hiển bày thanh tịnh không ngăn che, mọi người đều trông thấy”. Lại, Tổ sư nói: “Ngũ ấm xưa nay không, sư tử nào từng ở trong hang”. Nên biết chỉ vì chúng sanh chẳng rõ nên nói là che giấu, tuy là không che giấu mà có mật ngữ. Mật ngữ khó hiểu, chỉ trí mới biết, như Hòa thượng Bách Thượng nói: “Chỉ như nay nói năng soi chiếu rành rẽ, tìm kiếm hình tướng đó không thể được, tức là Mật ngữ”. Do đó, ánh sáng của Tông

Kính không lúc nào chẳng chiếu, thường liên quan ngày dùng, người mê mờ không biết, do đó không chỗ mong cầu”. Trong kinh có kệ tụng rằng:

“Chúng sanh giới bằng nhau,
Bằng như hư không giới,
Người hay rõ bằng đây,
Thành Phật đạo không khó”.

Lại có kệ tụng rằng:

“Không chỗ tướng đó là,
Tất cả không chỗ niệm,
Không tâm không chỗ sanh,
Phật đạo chẳng khó đắc”.

Trong kinh Nguyệt Tạng nói: “Phật dạy: Cho nên đối với pháp bình đẳng tư duy quán sát, chẳng lìa chúng sanh pháp có, chẳng lìa pháp có chúng sanh, như thể tánh chúng sanh tức là thể tánh ta, như thể tánh ta tức là thể tánh tất cả các pháp, như thể tánh tất cả các pháp tức là thể tánh Phật pháp, lúc quán các pháp bình đẳng như vậy, chúng sanh tức ấm chẳng thể được, lìa ấm chẳng thể được, hòa hợp chẳng thể được, lìa hòa hợp cũng chẳng thể được. Chẳng phải pháp chẳng phải chẳng phải pháp, người như vậy đó, được trú vô tướng, đó gọi là pháp bình đẳng”, vậy biết tất cả các pháp thường thành Chánh giác, không có lúc nào chẳng thành Chánh giác. Như trong kinh nói: “Phàm là pháp chân thật, chẳng xả bỏ tự tướng mà lấy tướng khác, nếu xả bỏ chẳng phải Chánh giác thành Đẳng chánh giác, thì chẳng phải chân thật, Chánh giác là chẳng từng có lúc chẳng thành Chánh giác, nên biết tất cả chúng sanh đều trú giác địa, chẳng phải là xả bỏ bất giác mà thủ lấy Chánh giác. Thì một giác, tất cả đều giác, thường thành Chánh giác, không có lúc bất giác. Như hư không trong trẻo không có thành hoại, nếu chấp có thành và chẳng thành, đó thuộc tình kiến, nếu dùng trí chiếu, đến đâu mà chẳng thân, niệm niệm mà thường thấy pháp thân, mỗi mảy trần mà đều thành cõi Phật, chỉ vì tự mắt có màn che, diệu kiến chẳng thông, trái ngược tánh linh của chính mình, chìm đắm nhà báu. Tuy đồng một tánh, cốt yếu do trí minh, như nhạc chứa âm kỳ đặc, ngón tay khéo thì cung thương hợp tiết tấu. Người ôm hoài tánh giác, trí khéo thì động dụng ngầm chân, được mất tại người, tinh thô mặc mình. Do đó, đấng Thiện Thệ đè ngón tay, phát ánh sáng Hải ấn, chúng sanh dấy tâm, hiện tướng của trần lao. Như xưa trước giải thích chúng sanh Phật tánh là thí như không hầu có đủ năm nghĩa: Một là, có thân không hầu; hai là, có tiếng

trung gian...; ba là, có dây đàn; bốn là, có người đánh đàn không hầu; năm là, có chỗ đàn được khúc nhạc; năm nghĩa đó là dụ ngũ ấm chúng ta tợ như không hầu, chân như Phật tánh trong thân tợ tiếng, lục độ vạn hạnh tợ dây đàn, trí tuệ phương tiện khéo léo tợ người đánh đàn không hầu. Chúng ta dùng trí tuệ phương tiện khéo léo tu hành lục độ, tương lai thành Phật, một mảy may trần một sợi lông đều khắp pháp giới tợ như khúc nhạc đánh tấu vậy. Nên Thẩm Hưu Văn trong Phật Tri Bất Dị Chúng Sanh Tri nghĩa nói: "Nên biết, biết của phàm phu cùng biết của Phật chẳng khác, do ở sự của chỗ biết khác, chữ biết chẳng khác vậy". Thẩm Hưu Văn căn cứ về lục đạo nối tiếp làm nghĩa Phật, nói rằng: "Nối tiếp chẳng diệt, do đó hay nhận biết, như đời nay, công đào luyện chứa dần, thì quả ở tương lai lý chỗ biết chuyển tinh thuần, biết của chuyển tinh thuần lại ứng dẫn đến nơi Phật mà chẳng đoạn chẳng luyện vậy. Nếu đời nay vô minh thì quả ở tương lai chỗ biết chuyển mờ tối, biết của chuyển mờ tối lại ứng, dẫn đến nơi lục đạo vậy. Nên biết thức của chúng sanh nối tiếp chẳng đoạn, chỉ do tinh thô mà phân lên xuống đó vậy". Lại, chư Sư xưa trước tính xét chấp rằng: "Tất cả chư Như Lai phát nguyện ở nhân địa, độ hết chúng sanh, chúng sanh giới chẳng hết thì chẳng thành Chánh giác. Hiện thấy chúng sanh trầm luân trong chín thú, nên biết chư Phật chưa đáng có thành, thành thì trái với thệ nguyện kia". Xin đáp: Không phải vậy. Trong Hoa Nghiêm ký căn cứ nghĩa như thật, giải thích rằng: "Chư Phật đều có hai môn bi và trí. Do đại bi nên cũng vị lai tế không lúc nào thành Phật, nên Bồ-tát Xiển-đề chẳng thành Phật vậy. Do đại trí nên mỗi niệm chóng thành, lại muốn hóa độ hết chúng sanh giới, tự phải chóng thành mới có thể rộng hóa độ, chẳng sợ trái lời nói rốt ráo chân thành xưa trước. Lại, do thấu rõ bản như của chúng sanh, nên hóa độ mà không hóa độ, đó thì thường thành mà cũng thường chẳng thành, cũng thường hóa độ mà thường không hóa độ. Bi trí tự tại, nào hạn cục chấp trước ư? Như giải thích trên, đó là ước về lý và sự cả hai đều thông. Nếu thẳng ngay tông mà nói rõ thì như trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Như Lai lúc mới thành Chánh giác, ở trong tự thân thấy tất cả chúng sanh, đã thành Phật rồi, đã nhập Niết-bàn rồi". Lại, trong kinh nói: "Bấy giờ Đức Thế Tôn lại y tựa tất cả tướng trú trì tạng pháp Như Lai, vì các Bồ-tát mà tuyên nói Bát-nhã, tất cả hữu tình trú trì pháp môn biến mãn thậm thâm lý thú thắng tạng, nghĩa là tất cả hữu tình đều là Như Lai Tạng, tự thể của Bồ-tát Phổ Hiền biến khắp nên tất cả chúng sanh đều là Kim cang tạng. Vì là nơi quán rưới của Kim cang tạng nên tất cả chúng sanh đều là chánh pháp tạng, tất cả đều

y tựa chánh ngữ chuyển đổi vậy, tất cả chúng sanh đều là Diệu nghiệp tạng, tất cả sự nghiệp gia hạnh nương tựa vậy". Trong kinh Pháp Hoa nói: "Xá-lợi-phất nên biết, ta vốn lập thệ nguyện, muốn tất cả chúng sanh đều như ta không khác, như ta xưa lập nguyện, nay đây đã đầy đủ, độ tất cả chúng sanh đều khiến vào Phật đạo". Đó thì thành Phật độ sanh, đại nguyện đại hóa thảy đều viên mãn vậy. Nếu người chẳng tin nói đó, tự còn chưa thành, sao có thể độ kẻ khác?

Hỏi: Chúng sanh tức Phật, Phật tức chúng sanh, vào môn nhất tâm, nhân quả gồm suốt. Nên trong kinh nói: "Nếu Di-lặc đắc Bồ-tát là tất cả chúng sanh đều cũng nên thành". Đó đều là nghĩa thành Phật, đắc Bồ-đề, là lý thành hay sự thành vậy?

Đáp: Ba thừa phần nhiều về lý thành. Hoặc nói pháp thân tức bình đẳng mà báo thân hóa thân chưa viên mãn. Hoặc nói: một niệm thành Phật, đều từ lý nói. Nay tông Nhất thừa, lý sự đều bình đẳng, các bậc cổ đức giải thích rằng: Đây rút từ đại ý kinh Hoa Nghiêm, khó thể lấy rõ hiểu, nhưng các chúng sanh nếu ở trong địa vị trời người, quán sát đó đều đủ hai ngã nhân pháp, hàng Nhị thừa chỉ là ngũ ấm thật ngã, hàng Đại thừa hoặc nói chỉ là sở hiện của tâm, hoặc nói huyễn cơ tức không, nhân pháp đều dứt bỏ. Hoặc nói chỉ Như Lai Tạng, đầy đủ vô số tánh đức vậy. Chúng sanh tức là pháp thân tại trong ràng buộc, pháp thân và chúng sanh, nghĩa chỉ một mà tên gọi có khác, do y cứ lý mà nói. Lại có thuyết nói: Tướng vốn tự hết, tánh vốn tự hiện, không thể nói là tức Phật hay chẳng tức Phật v.v... Nếu y cứ tông Hoa Nghiêm, xưa nay thành rồi, cũng Niết-bàn rồi, chẳng phải nói về đồng thể. Đây thành tức là kia thành. Nếu vậy cớ sao hiện có chúng sanh chẳng phải tức Phật ư? Nếu căn cứ địa vị thấy biết của chúng sanh mà trông nhìn, còn chẳng thấy duy tâm tức không, sao thấy sự trong Viên giáo. Như mê Đông làm Tây là chánh chấp Tây vậy, nếu các tình chóng phá thì pháp giới hiện tròn đầy. Không gì chẳng là đã thành, khi người kia ngộ Tây ở toàn Đông. Do vậy, Thiện Tài và Long nữ đều là phàm phu một đời thân chứng. Hạng Tam thừa quyền giáo tin chẳng kịp, xưng là thị hiện, như Huyền Nghĩa Cách nói: "Người cho rằng Thiện Tài và Long Nữ là Bồ-tát pháp thân hóa làm huyễn kỷ, một thời vui sống người phàm, khiến tự cương chẳng dứt vậy". Xin luận bàn rằng: Nếu vậy, thì Thánh có lỗi lừa dối kẻ phàm, kẻ phàm không phần tức Thánh, giáo môn nhọc thiết bày dùng học làm gì? Nên không phải vậy.

Hỏi: Nếu thật là từ phàm chóng thành Phật, cớ sao trong kinh chỉ nói hai vị ấy, còn những vị khác lại không ư?

Đáp: Nhật nguyệt tại giữa trời mà người mù chẳng thấy, trong kinh nói hạng một đời thành Phật số đó đông nhiều như cát bụi, năm ngàn quyển kinh, mỗi mỗi quyển đều có tức sanh đắc đạo, chỉ như Thiền sư Đạt-ma truyền Phật tâm ấn, ngay lời nói liền thấy tánh bèn là đắc đạo, hạng chấp thủ tướng chỉ trích cho đó là ngoại đạo. Trong luận nói: "Phật Bất Động Trí ở thế giới Kim sắc, Bồ-tát Văn-thù ở tất cả xứ đều là pháp tánh của tự tâm, chẳng phải vật bên lại". Lại nói: Hàng thập tín, thập trú, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa là Hoa Nghiêm, ngộ rõ tự tâm rộng lớn là Phật, trước tự thấy tánh là thân tâm Phật, đều tu ngũ vị làm trang sức vậy, cũng đồng như Thiên thai nói lúc mới phát tâm tức quán Niết-bàn hành đạo, tỷ dụ như hoa sen, hoa quả đồng thời, nghĩa đồng ấn tức tâm thành Phật. Trong kinh Ương-Quật-ma-la nói: "Ương-Quật-ma-la cùng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đến khắp mười phương, mỗi phương mười thế giới; nơi các Đức Như Lai, hỏi nghĩa như vầy: "Thế nào là Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trú tại thế giới Ta-bà chẳng ngằn mé Bát Niết-bàn giải thoát?" Các Đức Như Lai đó đều đáp với tôi rằng: "Đức Phật Thích-ca Mâu-ni tức là thân của ta v.v... Đức Phật ấy sẽ vì ông mà quyết định điều nghi ngờ". Nên biết thân ở khắc các cõi chỉ là một thân, phân chia cũng chẳng nhiều, nhóm tụ chẳng phải một. Như trong kinh Thủ lăng-nghiêm Tam-muội nói: "Nếu kẻ thiện nam tín nữ, người cầu Phật đạo nghe nghĩa thú của Thủ- lăng-nghiêm Tam-muội mà tin hiểu chẳng nghi ngờ, phải biết hạng người đó đều ở nơi Phật đạo chẳng còn lại thối chuyển, huống gì đã tin nhận thọ trì đọc tụng, vì người khai mà giảng nói đúng như thuyết tu hành". Bấy giờ các trời Thích Phạm, Thiên Vương hộ đời v.v... đều suy nghĩ rằng: "Nay chúng ta phải vì Như Lai mà trải tòa Sư tử, tòa chánh pháp, tòa đại nhân, tòa đại trang nghiêm, tòa đại chuyển pháp luân, sẽ mời Đức Như Lai ngồi nơi tòa chúng ta đây giảng nói Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội". Mọi người trong đó mỗi mỗi tự cho rằng: "Chỉ ta vì Phật mà trải tòa Sư tử, còn mọi người khác không có khả năng". Chỉ trong khoảnh khắc, trước mặt Như Lai có tám muôn bốn ngàn ức na-do-tha tòa báu Sư tử đều ở nơi chúng hội không chỗ chướng ngại. Mỗi mỗi Thiên tử chẳng thấy các tòa khác, nên mỗi tự nghĩ là "Riêng ta vì Phật mà trải tòa Sư tử. Phật sẽ ngồi trên tòa ta trải bày đây mà giảng nói Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội". Khi các trời Thích Phạm, Thiên Vương hộ đời trải tòa đã xong, mỗi tự thưa bạch Đức Phật rằng: "Cúi mong Đức Như Lai ngồi trên tòa con trải bày đây mà giảng nói Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội". Tức thời, Đức Phật hiện sức thần thông, ngồi khắp trên tám muôn bốn ngàn ức na-do-tha tòa Sư tử. Các trời mỗi

mỗi thấy Đức Phật ngồi trên tòa do chính mình trải bày, chẳng thấy các tòa khác. Có một vị trời Đế- thích nói cùng các trời Đế-thích khác rằng: "Các ông trông đi Như Lai ngồi trên tòa tôi trải bày". Khi ấy, các trời Thích Phạm, Thiên Vương hộ đời mỗi mỗi cùng nói rằng: "Các ông trông xem Đức Như Lai ngồi trên tòa tôi trải bày". Khi ấy có một trời Đế-thích nói: "Nay Đức Như Lai chỉ ngồi trên tòa do tôi trải bày, chẳng ngồi trên tòa của các ông". Đến lúc trong chúng Thích Phạm có một vị Phạm Vương tên là Đẳng Hạnh bạch Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Các Đức Như Lai nào là chân thật, ngồi trên tòa của con là chân thật hay ngồi ở các tòa khác là chân thật". Phật bảo Đẳng Hạnh: "Tất cả các pháp đều không, như huyễn, không có tác giả, đều từ ức niệm mà khởi, không có chủ nên tùy ý mà sanh ra, các Đức Như Lai đó đều là chân thật. Thế nào là thật? Các Đức Như Lai đó vốn tự chẳng sanh, cho nên là thật, các Đức Như Lai đó từ nay về sau cũng không, cho nên là thật, các Đức Như Lai đó chẳng phải gồm thuộc về tứ đại, cho nên là thật, các ấm giới nhập không đâu chẳng gồm, cho nên là thật, các Đức Như Lai đó như trước giữa và sau bình đẳng không sai biệt, cho nên là thật. Phạm Vương! Các Đức Như Lai đó bình đẳng không sai biệt. Tại sao như vậy? Các Đức Như Lai đó, do sắc như nên bình đẳng, do thọ tưởng hành thức như nên bình đẳng, do thị nên bình đẳng đó, do đời quá khứ như nên bình đẳng, do đời vị lai như nên bình đẳng, do đời hiện tại như nên bình đẳng, do pháp như huyễn có nên bình đẳng, do pháp như ảnh nên bình đẳng, do pháp không chỗ có nên bình đẳng, do không từ chỗ nào đến không từ chỗ nào đi nên bình đẳng. Các Đức Như Lai đó cũng lại như thế". Giải thích rằng: Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội tức tất cả sự rốt ráo kiên cố. Tại sao? Vì hay thấy tâm tánh, gọi là thượng định. Người tin vào đây cũng gọi là Vương Tam-muội, vì Tam-muội này trải qua tất cả các sự, há chẳng phải rốt ráo bền chắc (cứu cánh kiên cố) ư? Như các trời Thích Phạm hộ đời, mỗi tự thấy Phật ngồi trên tòa của chính mình, đó là thật chứng tự tâm, do đó trong kinh nói đều từ ức niệm phân biệt mà khởi, không có chủ nên tùy ý mà sanh ra. Các Đức Như Lai đó đều là chân thật. Thế nào là thật? Các Đức Như Lai đó vốn tự chẳng sanh, cho nên là thật. Vì các Đức Như Lai vốn tự chẳng sanh, tức là tự tâm sanh, nhưng tự tâm đó lại như huyễn mộng đều chẳng vượt ngoài tánh chân như bình đẳng. Do đó trong kinh nói: "Thí như vàng ròng tuy lại giũa mài mà chẳng mất tánh đó, các Đại sĩ đó cũng lại như vậy. Tùy chỗ so sánh đều hay thị hiện pháp tánh chẳng thể nghĩ bàn". Trong luận Thật Tánh có kệ tụng rằng:

"Như Tỳ-lưu-ly kia,
Trong đại địa thanh tịnh,
Thân thiên chủ Đế-thích,
Ở trong gương ảnh hiện.
Như vậy tâm chúng sanh,
Trong đại địa thanh tịnh,
Thân chư Phật Như Lai,
Ở trong gương ảnh hiện".

Nên biết tức tâm mà thấy Phật, đó có nghĩa là ở thân hiện tại thành đạo vậy, như trong kinh Thiền Yếu nói: "Phật bảo: Này thiện nam! Nếu ngoại tướng mong cầu tuy trải qua nhiều số kiếp trọn chẳng thể được, ở nội giác quán như chỉ khoảng một niệm tức đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Do đó hạnh vị đều thành tựu chóng lên diệu quả". Về phàm Thánh đồng thể, mê ngộ tợ có phân. Nếu lúc tin vào chẳng từ ngoài được, do đó nói sanh tử cùng đạo hợp, như sáng cùng tối hợp. Nên nói: Vị muối trong nước, keo xanh trong sắc. Trong luận Lý Trưởng giả nói: Ở kinh Hoa Nghiêm đây, Thập trú là kiến đạo, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Thập nhất địa là gia hạnh. Tu hành khiến quen thuần thục nên Phật quả ở mới đầu hiện dùng bi nguyện của Phổ Hiền, khiến trí bi đại dụng quen thuần thục tự tại vậy, vì tự Như Lai căn bản trí Phổ Quang Minh hiện trước, vì đầu cuối gốc ngọn đều không ngắn dài, thời gian ngày tháng phân chia. Dùng pháp thân căn bản trí như thật mà nói, chẳng đồng chỗ tình nhận hiểu của hàng Tam thừa quyền giáo vậy, đều phải căn cứ ở gốc mà quán sát đó, cuối cùng Phật quả quen tập đã thành. Hạnh Phổ Hiền đã mãn, một lần trải qua chỉ vì giáo hóa tất cả chúng sanh là thường luôn, từ mới đầu đến cuối cùng, không thủy không chung, không thành không hoại, chỉ vì tất cả sáu đường cùng khắp mười phương mà dùng trí đối diện lợi sanh làm sự nghiệp trọn vẹn vậy. Từ lúc mới phát tâm khởi tin tu hành, phát tin vui thích như vậy, phát chí nguyện như vậy. Khởi chí như vậy, cầu thấy đạo như vậy. Từ mới phát tâm trú, dùng sức định quán khế hội pháp thân, hiển bày căn bản trí Phổ Quang Minh, chiếu biết tất cả biển sanh tử của tự và tha, tự tánh giải thoát, chỉ vì giáo hóa chúng sanh, khiến nó phá chấp lìa khổ vọng tướng vậy, cũng chẳng thấy tự thân thành Phật hay chẳng thành Phật. Nếu là khởi tâm mưu đồ ý niệm thành Phật, phải biết người đó cách xa Phật đạo. Nếu là chỉ dùng sức của pháp thân không tánh, lìa tánh tự và tha, không tâm thành hay hoại, khởi sức phương tiện, dấy sức đại nguyện, mở môn đại bi không làm mà làm, phát chí

nguyện không hạn lượng, giáo hóa tất cả chúng sanh không tánh trong pháp giới, giả sử khiến mê hiểu trở lại không ai chẳng nói thành Phật, chẳng nói chẳng thành Phật, không thể làm tình của ý niệm mưu đồ như vậy. Như trong kinh Hoa Nghiêm đây an lập giáo môn năm vị, chỉ vì tiếp dẫn hàng chưa được mà cho là được, hàng chưa đến mà cho là đến, hàng chưa mãn mà cho là mãn, trệ chướng nhiễm tịnh, đối với đạo Bồ-đề và hạnh Bồ-tát có tâm dừng chân, có tưởng dứt nghỉ. An lập năm mươi lớp nhân quả, một trăm mười lớp pháp môn, khiến tâm chẳng trệ ngưng dùng dứt nghỉ, noãn hạnh nguyện Phổ Hiền, đến tột cùng vô tận. Lại nói: Kinh Hoa Nghiêm đây, chỉ ngay bản tâm bản pháp, vượt hẳn tình kiến không thủy không chung, ba đời cùng tuyệt, nhất viên chân báo, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng thường chẳng đoạn, tánh tướng vô ngại, tự tại pháp môn biểu quả, trao thẳng hạng người căn tánh thượng thượng, giáo môn hành tướng thế phân như vậy, chẳng đồng quyền học theo thứ tự dần dần mà thành, chỉ như lên núi cao chín nhận, không thể để tuyệt vết đó, lên cấp mười tầng, không thể mất tích đó. Thường thấy quan ở địa vị nhất phẩm chỉ lấy làm bề tôi, nghe các bậc sĩ xưa, chợt nghe có thân lên ngôi cửu ngũ, minh châu chóng chiếu, thấy khắp vô phương, mưa dầm biển lớn giọt giọt đều khắp, một mảy trần không tánh, pháp giới không sai, phẩm loại hữu tình, mạnh sanh lưu lại nhiều, căn khí chẳng ngang bằng, quyền thật chẳng đồng. Vì pháp môn đây ngàn sai muôn khác, phải biết quyền thật, hay giả tu chân, không thể lâu trệ ở Quyền tông mê mờ Thật giáo đó ấy vậy. Nên Pháp sư Trí Nghiễm hỏi: “Một địa tức nhiếp tất cả các địa, công đức là một pháp tức đủ sao lại dùng các môn khác ư?” Đáp: “Nếu không các môn khác, một môn tức chẳng thành vậy, như một thăng gồm thuộc một đấu, nếu lúc không có thăng tức đấu đây chẳng thành”. Hỏi: “Nếu không thăng tức không đấu, nay nêu một thăng tức được một đấu, vì không được một thăng chẳng được một đấu, là một hạnh chẳng đủ tất cả vậy ư?” Đáp: “Mười thăng hợp thành một đấu, lúc đã không thăng đó, lấy gì làm đấu? Nên biết không thăng tức không đấu, có thăng tức có đấu. Nay cử thăng tứ đấu, ngoài thăng đấu không khác biệt thăng đấu vậy, như lông rùa sừng thỏ không thể được vậy”. Sơ tâm tức thành Phật, ngoài thành không riêng biệt tu, tướng đó như hư không vậy. Cho nên sơ tâm thành Phật là chẳng phải nghĩa là chẳng đủ các công đức. Như trong kinh nói: “Đồng tử Phổ Trang Nghiêm, một đời được nghe khéo huân tập, hai đời thành giải hạnh đó, ba đời được vào biển quả”. Đồng một duyên khởi mà ba đời đây chỉ tại một niệm, giống như đi đến xa, bắt đầu từ bước

thứ nhất, nhưng đến của bước thứ nhất đây, chẳng phải nghĩa là không có bước sau rõ ràng. Đồng đây được vào biển quả, chẳng phải chẳng lâu xa gieo trồng căn lành.

Hỏi: Đã lâu xa tu mới đắc, cớ sao nói một niệm đắc ư?

Đáp: Nói lâu xa tu căn lành tức nhiếp đại Tam thừa giáo, từ Tam thừa vào Nhất thừa, tức là một niệm mới tu đầy đủ. Nên trong kinh nói: "Lúc mới phát tâm bèn thành Chánh giác. Thí như các dòng sông vào biển mới vào một giọt tức gọi khắp biển lớn không thủy không chung. Nếu rất sâu của trăm dòng sông khác, chẳng một giọt kịp vào biển lớn, tức dùng tu nhiều kiếp trong ba thừa, chẳng kịp một niệm của một thừa. Lại, thời kiếp đây chẳng định, hoặc một niệm tức vô lượng kiếp, vô lượng kiếp tức một niệm, một đời tức vô lượng đời, vô lượng đời tức một đời. Như mười Huyền môn thời xứ Vô ngại. Lại, Đại thừa nói rõ một niệm thành Phật, nghĩa đó có hai: Một là, hội duyên để vào thật, tánh không nhiều ít vậy, nói rõ một niệm thành Phật; hai là, hành hạnh mới mãn, lấy niệm sau cùng, gọi là một niệm thành Phật, như người đi xa lấy bước sau cùng làm đến. Nếu Đại thừa nói rõ một niệm thành Phật là như Đại thừa lấy một niệm sau cùng thành Phật, tức vào một thừa. Vì sau cùng tức mới đầu, niệm mới đầu tức là thành. Tại sao? Vì nhân quả cùng tức, đồng thời tương ứng vậy, muốn luận thành đó là thành lại thành, thành lại thành vậy. Chúng sanh muốn lại thành sau là tại sao lại tại sao, tại sao lại tại sao vậy. Nay nên một niệm thành là tức cùng Phật đồng vị, chưa đầy đủ rốt ráo vậy, lại có khác của cạn sâu vậy, như người mới bước đầu bước ra cửa cho đến lâu xa đi tới phương khác, tuy đồng tại không trung mà xa gần có khác. Cho nên năm vị Thập tín, Thập trú v.v... mỗi mỗi nói thành Phật là mà lại biện rành cạn sâu đó. Trong đây phải khéo tư duy đó. Trong Tâm Yếu Tiên nói: "Tâm tâm làm Phật không một niệm tâm mà chẳng phải tâm Phật, xứ xứ đạo thành không một mảy trần mà chẳng phải cõi Phật, cho nên chân vọng vật ngã, nêu một gồm thâu, tâm Phật chúng sanh xen lẫn đều đến". Vậy biết, mê thì người tùy ở pháp, pháp muôn sai mà người chẳng đồng, ngộ thì pháp tùy ở người, người nhất trí mà dung muôn cảnh. Trong luận Chỉ Quán nói: "Quán tướng chúng sanh như tướng chư Phật, lượng chúng sanh giới như lượng Phật giới, chúng sanh giới trú như hư không trú, dùng pháp chẳng trú, dùng pháp không trú trú trong Bát-nhã. Chẳng thấy pháp phàm, làm sao xả bỏ, chẳng thấy pháp thánh, làm sao thủ lấy? Chỉ trú thật tế, như quán chúng sanh chân Phật pháp giới đây". Thân Tử nói: "Chắc thật rõ hiểu nghĩa này, đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát". Di-lặc nói: "Người

đó gần nơi Phật ngồi, Phật giác pháp này vậy". Văn-thù nói: "Nghe pháp này chẳng kinh sợ tức là thấy Phật". Phật bảo: "Tức trú bất thối địa, đủ sáu Ba-la-mật, đủ tất cả các Phật pháp vậy". Như điều nói trên, giáo lý không khuyết, chỉ là chánh giải khó sanh, sức tin khó đủ. Nếu tin mà chẳng hiểu, thì đêm ngày kéo dài vô minh, nếu hiểu mà chẳng tin, thì đêm ngày kéo dài tà kiến. Tin mà lại hiểu mới khế hợp tông đây, người khế hợp tông đây rất là hiếm có, chẳng chỉ mười phương chư Phật cùng ta tương ưng. Đại địa núi sông một lúc đồng chứng. Như Đại sư Chân Giác có bài ca rằng: "Vua trong pháp rất cao thắng, vô số chư Phật đồng cùng chứng, nay ta hiểu châu như ý này, tin nhận đó là đều tương ưng". Hòa thượng Bách Trượng nói: "Chỉ là tất cả chiếu dụng mặc tình nghe ngang dọc, khóc cười nói năng đều thành tuệ Phật". Hiểu như vậy là không một lúc chẳng thành Phật, không một người chẳng đắc đạo. Thiên chân tự nhiên, nào liên quan tạo tác. Nên trong kinh Pháp Hoa nói: "Lại thấy các Như Lai, tự nhiên thành Phật đạo". Pháp Giới Ấn nói: "Lúc mới phát tâm bèn Chánh giác, khổ vui bình đẳng một vị Phật". Lại nói: "pháp vắng lặng phân biệt gọi là chúng sanh, xưa nay chẳng động gọi đó là Phật". Đại sư Dung có kệ tụng rằng:

"Pháp nhẫn trước đem ba độc cùng,
Phật tánh thường cùng sáu tình chung,
Chỉ tin xét tâm ra báu diệu,
Nào phiền ngoài áo kiếm minh châu".

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

"Phật cũng chẳng lìa tâm,
Tâm cũng chẳng lìa Phật,
Tâm vật tức thấy Phật,
Nếu hay dụng như vậy,
Mười tám từ đâu ra".

Cư sĩ Bàng Uẩn có kệ tụng rằng:

"Chẳng cần khổ nghe nhiều,
Nhìn kia bậc Thượng nhân,
Trăm ức và nhật nguyệt,
Gom tại một lông vảy.
Tâm chỉ lặng không tướng,
Tức ra bến sanh tử,
Nếu hay học như vậy,
Bao nhiêu tỉnh tinh thần".

Hàn Sơn Tử có bài thơ rằng:

"Gởi lời các nhân giả,
Lại lấy gì làm lòng,
Đạt đạo tự thấy tánh,
Thấy tánh tức Như Lai.
Thiên chân nguyên đầy đủ,
Tu chứng chuyển sai về,
Bỏ gốc tức theo ngọn,
Chỉ giữ một trường đùa".

Hòa thượng Chí Công có bài ca rằng:

"Phật thể vốn là tâm làm,
Nào được trong văn tự tầm,
Đem Phật cầu Phật cay đắng,
Ngồi đất tự khiến sai làm!".

Hòa thượng Nhất Bát có bài ca rằng:

"Chớ lại đem thân làm bọt nước,
Trăm lông máu chảy là ai bảo,
Chẳng bằng ngồi yên đất chân như,
Trên đảnh mặc tình chim làm ổ,
Muôn đời Kim Luân Thánh vương tử,
Chỉ là chân như linh giác đó.
Dưới gốc Bồ-đề độ chúng sanh,
Độ hết chúng sanh ra sanh tử,
Chẳng sanh tử thật trượng phu,
Không hình không tướng đại Tý-lô,
Bụi trần diệt hết chân như còn,
Một viên minh châu quý vô giá".

Hòa thượng Bố Đại có bài ca rằng:

"Chỉ mỗi tâm tâm tâm là Phật,
Mười phương thế giới vật tối linh,
Ngang dọc diệu dụng đáng thương sanh,
Tất cả chẳng như tâm chân thật,
Mạnh mẽ tự tại không chỗ làm,
Rỗi nhàn rốt ráo kẻ xuất gia,
Muôn pháp nào sai tâm nào khác,
Nào nhọc lại dùng tìm nghĩa kinh,
Tâm vương vốn tự tuyệt biết nhiều,
Người trí chỉ rõ vô học địa".

Hỏi: Phàm Thánh đều đồng một tâm chân tánh, thành Phật cớ sao

thấy có trước sau?

Đáp: Thấy tuy có trước sau mà tánh thì chẳng khuyết, vết mặc tình thăng trầm mà lý cũng không sai, như trong tâm mê ngủ có tánh của giác ngộ, vì ngủ chín muồi chưa tỉnh dậy. Thức dậy tức hiện, tợ như trong thân, trẻ con đầy đủ tướng của bậc đại nhân, do lực dụng chưa sung túc vậy, lớn lên hẳn đầy đủ, vì giấc mộng vô minh chưa tỉnh, sức giác đạo chưa đủ, thì Phật tánh chưa hiện pháp thân chưa tròn đầy. Đâu phải là tất cả hàm linh mà chẳng đủ Như Lai Tạng tánh. Các bậc cổ đức có hỏi rằng: Phật tánh cùng có, lúc chư Phật thành Phật, chúng sanh đều nên thành Phật. Nếu nói mỗi riêng khác có thì nên là vô thường? Đáp rằng: "Phật tánh cùng tất cả chúng sanh đồng có, sở chứng là một mà năng chứng có trước sau, cho nên chư Phật thành Phật, còn chúng ta luân hồi. Trước sau là ước về thời gian, chứ tánh không gốc ngọn, như người xưa nói: "Pháp thân một tướng chiêm ngưỡng khác dáng mạo, chánh giáo không lệch nói nghe khác chỉ. Nên trong luận Nhiếp Đại thừa nói: "Chúng sanh tội chẳng hiện như trăng nơi vật bể, khắp đầy các thế gian, pháp sáng như ảnh nhật". Giải thích rằng: "Như nước trong vật chứa đựng bị vỡ bể thì chẳng đứng dừng, nước chẳng đứng dừng nên ánh trăng chẳng hiện, như vậy, trong thân hữu tình không có nước Xa-ma-tha thì ánh trăng Phật chẳng hiện. Phật tuy chẳng hiện, nhưng khắp tất cả làm mọi Phật dự, thí như ánh sáng mặt nhật chiếu khắp thế gian làm các Phật sự thành thục hữu tình. Lại như nay chính mắt mình không tỏ sáng đều vì chấp trước phàm thánh có chỗ ràng buộc vậy. Như Hòa thượng Vạn Hồi có bài ca rằng:

"Trắng đen đều mất mở mắt Phật,
Chẳng vướng một pháp thoát bụi sen,
Chân không chẳng hoại tánh linh trí,
Diệu dụng luôn thường công chẳng làm,
Thánh trí xưa nay thành Phật đạo,
Tịch Quang chẳng chiếu tự viên thông".

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 20

Hỏi: Phàm, chánh nhân Phật tánh, chúng sanh đều có. Trong kinh nói: “Chẳng do quán trí chỗ hiển bày thì đạo thường vạch lộ”. Cớ sao hàng dị sanh mê mà chẳng ngộ?

Đáp: Trong luận Đại Trí Độ nói: Tâm tánh chúng sanh giống như dao bén, chỉ dùng cắt bùn, bùn không thành mảnh, dao ngày một từ mòn, lý thể thường diệu, chúng sanh tự thô, hay khéo dùng đó tức hợp bản diệu. Lại, thí như nước trong một bình mùi vị luôn nhạt, nếu hòa cam thảo vào thì ngọt, hòa hoàng liên vào thì đắng, tâm nước chúng sanh cũng lại như vậy, khởi vọng nhiễm thì phàm, ngầm chân không thì Thánh, tánh của tâm đó chưa từng đổi khác. Như trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng:

“Thí như nhật nguyệt sạch,
Gương sáng giữa hư không,
Ảnh hiện các dòng nước
Chẳng bị nước khiến tạp.
Bồ-tát pháp luôn sạch,
Phải biết cũng như vậy,
Hiện nước tâm thế gian,
Chẳng vì đời khiến tạp”.

Như trong Hoa Nghiêm sớ nói: “Tất cả các pháp có hai: Một là, sở mê, nghĩa là duyên khởi chẳng thật nên như huyễn, duyên thành nên không tánh. Hai là, năng mê, biến kế không vật nên như không, vọng kế nên không tướng. Lại vì bất giác nên chẳng biết có, vì chẳng tin nên chẳng gánh vác, chỉ khởi vô minh không rỗng thành ý tưởng điên đảo, như sợi dây ban đêm chẳng động mà nghi ngờ cho đó là rắn. Trong nhà tối vốn trống không, khiếp sợ cho đó là có quỷ”. Nên biết vốn không mê ngộ, dối có thăng trầm. Ngày trước mê ngộ mà tợ mê, nay ngộ mê mà chẳng phải ngộ. Chỉ vì nội kiến tự cách biệt, khách trần làm ngăn che, ở trên thể phân tình xa gần, đến trong tánh thì lập lượng Thánh

phàm. Như trong kinh Thắng Tư Duy Phạm Thiên Sở Vấn nói: "Phạm Thiên hỏi Văn-thù-sư-lợi rằng: "Cớ sao Tỳ-kheo thân gần nơi Phật?" Văn-thù-sư-lợi đáp: "Này Phạm Thiên! Nếu Tỳ-kheo ở trong Phật pháp chẳng thấy có pháp hoặc gần hoặc xa, thì đó gọi là thân gần nơi Phật". Trong kinh Đại Tập nói: "Chẳng rõ biết một pháp tướng nhỏ nhiệm là có thể rõ biết Như Lai xuất hiện nơi đời, xuất hiện của không xuất hiện tức là Phật xuất hiện. Do đó, nếu chẳng thấy một pháp thường thấy chư Phật thì ngàn dặm đồng phong. Nếu thấy một pháp chẳng thấy Phật thì đối mặt Hồ Việt". Nên biết trái ngược tâm hợp cảnh chóng khởi trần lao, trái ngược cảnh hợp tâm, chiếu khắp pháp giới. Tại sao? Tâm là sở y, pháp là năng y, năng y từ sở y khởi, như nước là sở y, sóng là năng y, lìa nước không sóng, lìa tâm không pháp. Lại, tâm là năng sanh, pháp là sở sanh, như cây gỗ hay sanh ra lửa, nên gỗ là năng sanh, lửa là sở sanh, lìa cây gỗ không lửa, lìa tâm không pháp, nên biết chẳng tức tâm là đạo thì như ngàn người mở cửa mà không một người được vào. Nếu tỏ rõ tâm chóng vào là như một người mở cửa ải mà hay thông muôn loài. Được cốt yếu của Tông Kính đây, nghĩa là như vậy đó. Do vì diệu tánh chẳng khuyết, mê ngộ tự được, một pháp chẳng động trái thuận chợt phân. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Này Phú-lâu-na! Ông hỏi là địa thủy hỏa phong bản tánh trọn chứa, khắp cùng pháp giới, nghi ngờ tánh của thủy hỏa chẳng cùng lấn diệt. Lại, trưng nên hư không và các đại địa đều khắp pháp giới chẳng hợp tương dung. Phú-lâu-na! Thí như hư không, thể chẳng phải các tướng mà chẳng ngăn ngại các tướng khác phát huy. Tại sao vậy! Phú-lâu-na! Thái hư không kia, mặt nhật soi chiếu thì sáng, mây giăng thì tối, gió lay thì động, sương lắng thì trong, khí ngưng thì đục, đất tích chứa thành bụi mù, nước ngưng lắng thành ánh ngời, ý ông nghĩ thế nào? Như vậy, các tướng hữu vi ở phương khác là nhân kia sanh, hay là từ hư không mà có. Nếu do từ kia sanh ra, thì này Phú-lâu-na! Vả lại, lúc mặt nhật soi chiếu, đã là mặt nhật tỏa sáng, mười phương thế giới đồng là sắc mặt nhật, cớ sao giữa không trung lại thấy mặt nhật tròn đầy". Nếu là hư không tỏa sáng, thì hư không nên tự chiếu, cớ sao lúc nửa đêm hay trong sương mây chẳng sanh ra ánh sáng? Phải biết ánh sáng đó chẳng phải mặt nhật, chẳng phải hư không, mà chẳng phải hư không và mặt nhật, quán tướng nguyên là vọng, không thể chỉ bày, giống như đón lấy hoa đến hư không mà kết làm quả trong hư không. Cớ sao cật hỏi tướng lấn diệt đó? Quán tánh nguyên là chân, chỉ diệu giác sáng. Diệu giác sáng tỏ tâm trước chẳng phải là nước lửa. Cớ sao lại hỏi chẳng chứa đó? Chân diệu giác minh

cũng lại như vậy. Ông cho rằng hư không tỏa sáng thì có hư không hiện, địa thủy hỏa phong mỗi mỗi phát sáng thì mỗi mỗi hiện. Nếu đều phát sáng thì có đều hiện, cớ sao đều hiện? Này Phú-lâu-na! như trong một dòng nước hiện ảnh mặt nhật, hai người đồng nhìn mặt nhật trong nước, theo hướng Đông Tây mỗi mỗi riêng đi thì mỗi tự có mặt nhật theo hai người đi, một về hướng Đông một đến hướng Tây, trước không có chuẩn đích, không nên cật nạn nói là mặt nhật đây là một. Cớ sao mỗi riêng đi? Mỗi mặt nhật tức đã là hai, cớ sao hiện một? Uyển chuyển hư vọng không thể có bằng cứ. Này Phú-lâu-na! Ông cho rằng sắc và không cùng khuynh loát cùng lấn đoạt nơi Như Lai Tạng, mà Như Lai Tạng tùy làm sắc và không khắp cùng pháp giới. Cho nên ở trong đó gió động hư không lắng, mặt nhật tỏa sáng, mây giăng tối. Chúng sanh mê muội trái ngược giác hợp với trần. Nên phát trần lao có tướng thế gian. Ta cho rằng Diệu minh chẳng sanh chẳng diệt, hợp với Như Lai Tạng, mà Như Lai Tạng chỉ là diệu giác tròn sáng chiếp khắp pháp giới". Nên biết Diệu giác minh tâm trong lặng chẳng động, nhân nghiệp phát hiện, tùy làm sắc không, khắp cùng pháp giới. Chúng sanh trái với bản giác đó, vọng chấp tình trần. Vụt ở trong một chân giác bình đẳng, chợt hiện nên cảnh giới sai biệt, tùy nơi phát sáng mà tướng gọi là phải quấy. Như ở trong thể hư không mà định sai biệt đó, thật đáng gọi là hư vọng điên đảo, không lý đáng cậy. Phàm, treo Thánh trí chân thuyên đều là phá điên đảo đó. Nếu biết điên đảo chẳng thật, tự nhiên không pháp có thể luận bàn. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Dùng trí vào nơi tất cả Phật pháp, vì chúng sanh nói, khiến trừ đảo điên, nhưng biết chẳng lìa chúng sanh có điên đảo, chẳng lìa điên đảo có chúng sanh, chẳng ở trong điên đảo có chúng sanh, chẳng ở trong chúng sanh có điên đảo, cũng chẳng phải điên đảo là chúng sanh, cũng chẳng phải chúng sanh là điên đảo. Điên đảo chẳng phải pháp bên trong, điên đảo chẳng phải pháp bên ngoài, chúng sanh chẳng phải pháp bên trong, chúng sanh chẳng phải pháp bên ngoài. Tất cả các hư vọng chẳng thật, chóng khởi chóng diệt không có bền chắc, như mộng như ảnh như huyễn như hóa, dối lừa hạng ngu phu". Như trong Sớ Thích nói: Ở kinh văn có bốn đối, ba đối trước từng đôi qua lại trông vọng, một đối sau dùng đương thể để biện giải. Hai đối trước trong ba đối trước là chẳng lìa, một đối sau trong ba đối trước là chẳng tức, tức hiển bày chúng sanh đó cùng điên đảo chẳng phải tức chẳng phải lìa. Chúng sanh tức là người năng khởi phiền não là nhiễm phần khác khởi. Điên đảo tức là vọng sở khởi, là biến kế sở chấp. Đối thứ nhất nói rõ về chẳng lìa (bất ly), nghĩa là nương tựa tợ

chấp thật vậy, lìa chúng sanh không điên đảo, nương tựa chấp tợ khởi lìa điên đảo không chúng sanh. Đối thứ hai nói rõ chẳng cùng tồn tại, lại giải thích nghĩa trước nói về chẳng lìa, là nói rõ nhân quả cùng đợi duyên thành chẳng phải trước có thể. Hai vật cùng tồn tại, trong nhân không quả, nên trong điên đảo không chúng sanh. Nếu hẳn là có thì nên biến kế tức là y tha khởi. Trong quả không nhân, nên trong chúng sanh không điên đảo. Nếu cần khiến có thì nên không có chẳng điên đảo chúng sanh. Đối thứ ba nói rõ về chẳng tức (bất tức), chẳng hoại hai tướng của nhân quả năng sở biến kế. Do ba đối trước thì biết chúng sanh điên đảo chẳng phải một chẳng phải khác, chẳng phải tức chẳng phải ly đối thứ tư là lấy đương thể để biện giải. Tâm điên đảo gá cảnh mới sanh nên chẳng phải pháp bên trong. Nếu là bên trong tức không cảnh, nên có cảnh do tình chấp nên chẳng phải pháp bên ngoài. Nếu là bên ngoài thì người trí ở nơi cảnh chẳng nên chẳng nhiễm. Đã chẳng phải trong hay ngoài, sao lại trung gian? Thì đương thể tự rỗng dối lấy gì đối với khác? Để nói rõ tức là lìa, chúng sanh cũng vậy, tức uẩn cầu không nên chẳng phải pháp bên trong, lìa uẩn cũng không nên chẳng phải pháp bên ngoài. Đã chẳng phải trong hay ngoài, cũng tuyệt trung gian, bản tánh tự không sao có thể khởi điên đảo? Lấy gì đối với khác? Nói rõ chẳng phải tức hay lìa, đã biết như vậy thì tự không điên đảo, vì vật nói điên đảo này tự trừ. Nhân nghĩa là do chẳng đạt duyên thành chẳng bền chắc, vọng sanh biến kế, nên nói dối lừa hạng ngu phu, nhưng thật ngu phu tự luống dối, như khỉ chấp vầng nguyệt chẳng phải vầng nguyệt chấp khỉ. Lại trong luận Trung Quán có kệ tụng rằng:

"Có đảo chẳng sanh đảo,
Không đảo chẳng sanh đảo,
Chẳng đảo cũng chẳng đảo,
Nếu ở lúc điên đảo,
Cũng chẳng sanh điên đảo,
Ông nên tự quán sát,
Ai sanh ở điên đảo?"

Đã là kẻ điên đảo thì chẳng còn sanh điên đảo, đã điên đảo nên chẳng phải kẻ điên đảo, cũng chẳng điên đảo không có điên đảo, nên lúc điên đảo cũng không điên đảo, có hai lỗi lầm vậy. Nay ông trừ tâm kiêu mạn, khéo tự quán sát ai là điên đảo? Lại nữa, các điên đảo chẳng sanh, cớ sao có nghĩa này? Không có điên đảo vậy, sao có điên đảo là các thứ nhân duyên điên đảo phá diệt nên rơi vào chẳng sanh, tham trước kia chẳng sanh, nghĩa là chẳng sanh là thật tướng điên đảo, cho

nên có kệ tụng rằng: "Sao gọi chẳng sanh là điên đảo? Cho đến pháp vô lậu còn chẳng gọi là tướng chẳng sanh, huống gì điên đảo là tướng chẳng sanh, không điên đảo sao có điên đảo, là nhân điên đảo mà có điên đảo vậy".

Hỏi: Cớ sao tất cả điên đảo chẳng thành vọng ư?

Đáp: Chỉ vì nhân chỗ tình chấp, bên thành hư vọng, vì thấy vốn không, vọng tức chẳng phải vọng. Như trong Khởi Tín Sao nói: "Sở chấp vốn không cùng chân tâm chẳng động lần lượt cùng thánh lập, chỉ vì sở chấp vốn không. Do đó, chân tâm chẳng động, chỉ do chân tâm chẳng động nên được sở chấp vốn không, sao gọi là chân vọng lần lượt cùng thành lập? Vì mê chân khởi vọng, vọng nhân chân lập ngộ vọng tức là chân, chân từ vọng hiển bày".

Hỏi: Làm sao được lìa điên đảo, chẳng tự lừa dối, không lỗi lầm ư?

Đáp: Như trong kinh Đại Tập nói: "Như đại thứ năm, như tình thứ bảy, như mười chín giới, không ra không vào không sanh không diệt, không có tạo tác, không tâm ý thức, mới gọi là không lỗi quá.

Hỏi: Nếu tâm tánh vốn tịnh, cớ sao nói khách trần nhiễm?

Đáp: Tâm vốn thanh tịnh, vết tích cũng thanh tịnh, thể cũng thanh tịnh, dụng cũng thanh tịnh. Vì chẳng lìa một tâm riêng có thanh tịnh, vì vọng trần chẳng thể nhiễm, chân pháp chẳng thể tịnh. Tại sao? Lìa tâm không khác pháp, đâu có nhiễm có thể nhiễm ư? Cũng lìa tâm không chân pháp, đâu có Tịnh độ có thể tịnh ư? Thì sao chẳng thể tự cắt, tay chẳng thể tự xúc chạm. Trong luận Đại Trang nghiêm có kệ tụng rằng:

"Đã nói tâm tánh tịnh,
Mà vì khách trần nhiễm,
Chẳng lìa tâm chân như,
Riêng có tâm tánh tịnh".

Chẳng lìa chân như của tâm riêng có khác, nghĩa là tướng y tha nói làm tự tánh thanh tịnh. Trong đây nên biết, nói tâm chân như, gọi đó là tâm, tức nói tâm đây là tự tánh thanh tịnh, tâm đây tức là thức A-ma-la. Lại, tất cả chúng sanh chưa thấy tánh là tuy do khách trần che ẩn, ngũ ấm vùi chôn, mặc tình trải qua sanh tử qua lại mà tánh đó chẳng mờ tối, hoặc gặp bạn lành mở bày trọn tự hiển sáng, do đó xuất thế gian thường trú tâm báu, há pháp thế gian vô thường bại hoại sanh diệt mà có thể đọa lạc hư hoại, như kho vàng trong nhà bần nữ tuy chưa đào bới mà chẳng phải di dời, như bảo châu trên trán lực sĩ mặc tình chiến đấu ẩn một mà thường còn, như thuốc trong ống trúc ở núi Tuyết mùi vị tạm

lan tỏa mà thường còn, như kim cương dưới đáy đại địa, giả sử đục thủng mà chẳng hoại. Cho nên trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Bồ-tát Ca-diếp bạch Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Từ ngày nay, con mới được chánh kiến. Thế Tôn! Từ nay trở về trước, chúng con đều gọi là người tà kiến. Thế Tôn! Hai mươi lăm hữu có ngã hay không?" Phật dạy: "Này thiện nam! Ngã tức là nghĩa Như Lai Tạng. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tức là nghĩa ngã vậy. Nghĩa ngã như vậy từ xưa đến nay thường bị vô lượng phiền não ngăn che, cho nên chúng sanh chẳng thể được thấy. Này thiện nam! Như trong nhà bần nữ có nhiều kho vàng thật, mọi người lớn nhỏ trong nhà không ai hay biết. Bấy giờ có một người khác khéo biết phương tiện, nói cùng người bần nữ rằng: "Nay tôi thuê mướn ngươi, ngươi có thể vì ta mà cày dọn các cỏ dơ". Người nữ ấy đáp: "Tôi không thể làm vậy. Nếu ông có thể chỉ bày kho vàng cho con tôi, sau đó tôi sẽ làm cho ông". Người ấy lại bảo: "Tôi biết cách thức có thể chỉ cho con người". Người nữ ấy nói: "Mọi người lớn nhỏ trong nhà tôi còn tự chẳng biết, huống gì ông làm sao biết được". Người ấy lại bảo: "Nay tôi có thể tìm xét?" người nữ ấy nói: "Tôi cũng muốn thấy, và có thể chỉ bày cho tôi". Người ấy liền đến nơi nhà đó đào bới ra kho vàng thật. Người nữ thấy rồi, tâm sanh vui mừng, sanh ý tưởng lạ lùng tôn sùng kính ngưỡng người ấy. Này thiện nam! Phật tánh chúng sanh cũng lại như vậy. Tất cả chúng sanh chẳng thể được thấy, như kho báu kia mà người bần nữ chẳng biết. Này thiện nam! Nay ta chỉ bày cho tất cả chúng sanh nơi có Phật tánh. Vì sự ngăn che của các thứ phiền não, như người bần nữ kia có kho vàng thật mà chẳng được thấy. Ngày nay Như Lai chỉ bày cho chúng sanh nhận biết kho báu, đó là Phật tánh, mà các chúng sanh thấy việc đó rồi, tâm sanh vui mừng quy hướng kính ngưỡng Như Lai. Người khéo biết phương tiện tức là Đức Như Lai, người bần nữ tức là tất cả vô lượng chúng sanh. Kho tàng vàng thật tức là Phật tánh vậy. Cho đến, thí như nhà vua có một đại lực sĩ, người đó giữa chân mày có hạt châu kim cương, cùng các lực sĩ khác đọ sức đánh nhau, mà lực sĩ đó dùng đầu húc chạm, viên châu trên trán đó ngầm ẩn vào trong da, đều chẳng tự hay biết viên châu ở nơi nào. Ở nơi có vết thương, tức mời thầy thuốc để chữa trị đó. Lúc chữa trị có vị thầy thuốc thông minh khéo biết các phương thuốc, tức biết vết thương đó do hạt châu vào trong cơ thể, hạt châu đó vào trong da tức bèn dừng ở. Khi ấy vị thầy thuốc tầm hỏi lực sĩ: "Hạt châu trên trán ông hiện tại ở đâu?" Lực sĩ kinh ngạc đáp: "Đại sư y vương! Hạt châu trên trán tôi là không mất ư? Nay hạt châu đó hiện ở nơi nào?" Cho là chẳng

phải huyễn hóa, buồn rầu than khóc. Lúc đó, vị thầy thuốc an ủi lực sĩ". Ông nay chớ nên phải sầu khổ quá lắm. Nhân lúc ông đánh nhau, hạt châu vào trong cơ thể, nay lại trong da, ảnh hiện ở ngoài. Do lúc các ông đánh nhau, sân nhuế độc mạnh, hạt châu vùi trong cơ thể nên chẳng tự biết". Lúc đó, lực sĩ không tin lời thầy thuốc, mà nói: "Nếu tại trong da thì huyết nồng chẳng sạch, bởi duyên gì mà chẳng ra? Nếu tại trong gân, thì không nên có thể thấy. Nay cớ sao ông lừa dối khinh thường tôi vậy!". Khi ấy, thầy thuốc nắm gương để soi chiếu vào mặt, hạt châu trong gương sáng rõ hiển hiện. Lực sĩ thấy rồi, trong tâm kinh ngạc, sanh ý tưởng cho là lạ lùng. Này thiện nam! Tất cả chúng sanh cũng lại như vậy. Vì chẳng hay thân gần thiện hữu tri thức, nên tuy có Phật tánh, mà đều chẳng thể thấy, và bị các thứ tham dâm sân nhuế ngăn che, nên đọa vào địa ngục, ngạ quỷ súc sanh, A-tu-la, hay Chiên-đà-la, Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà sanh trong các thứ nhà như vậy v.v... nhân tâm sở khởi các thứ nghiệp duyên, tuy thọ thân người điếc đui câm ngọng cong queo tật nguyền ở trong hai mươi lăm hữu chịu các quả báo, tham dâm sân nhuế ngu si che phủ tâm, không biết Phật tánh, như lực sĩ kia viên châu báu trong cơ thể mà gọi là đã mất đi, chúng sanh cũng vậy, không biết thân gần thiện hữu tri thức, không biết kho báu kín mầu của Đức Như Lai, tu học vô ngã, dụ như chẳng phải Thánh tuy nói có ngã cũng lại không biết thân gần thiện hữu tri thức, tu học vô ngã, cũng lại không biết nơi của vô ngã, còn tự không biết chân tánh vô ngã, huống lại có thể biết chân tánh của có ngã. Này thiện nam! Như vậy Như Lai nói các chúng sanh đều có Phật tánh, dụ như người thầy thuốc giỏi chỉ châu báu kim cương cho người lực sĩ kia, các chúng sanh đó bị vô lượng ức các thứ phiền não che phủ không biết Phật tánh. Nếu phiền não hết khi đó mới được chứng biết rõ ràng, như người lực sĩ kia đối diện trong gương sáng thấy châu báu đó. Này thiện nam! Kho tàng kín mầu của Như Lai nhiều vô lượng như vậy chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, này thiện nam! Thí như trên núi Tuyết có một vị thuốc gọi là lạc vị, mùi vị đó rất ngọt ở dưới rừng rậm sâu, mọi người không thể thấy. Có người nghe mùi hương liền biết đất đó đang có thuốc đó. Ở đời xa xưa về trước có vị Chuyển Luân Vương đến nơi núi Tuyết này làm thuốc ấy vậy, ở khắp các nơi làm các ống gỗ để đựng thuốc đó. Thuốc đó lúc nóng từ đất lưu xuất nhóm tụ trong các ống gỗ, mùi vị đó chân chánh. Vị Chuyển Luân Vương đã qua đời. Về sau thuốc đó hoặc chua hoặc mặn hoặc ngọt hoặc đắng, hoặc cay hoặc nhạt, một vị như vậy, tùy nơi lưu xuất mà có các thứ khác nhau. Mùi vị chân thật của thuốc đó ngưng đọng tại

trong núi, giống như trăng tròn tỏa sáng, phàm là người bạc phước, tuy dùng bửa lớn đẽo gọt gia công khốn khổ, mà chẳng thể được. Lại có vị Thánh vương xuất hiện nơi đời, do phước báo nhân duyên tức liền được mùi vị chân chánh của thuốc đó. Này thiện nam! Kho tàng kín mầu của Đức Như Lai mùi vị đó cũng vậy, vì các rừng rậm phiền não ngăn che, chúng sanh vô minh không thể được thấy. Một vị thuốc là dụ như Phật tánh, vì phiền não nên sanh ra các thứ mùi vị, đó nghĩa là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời người nam nữ, chẳng phải nam chẳng phải nữ, Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà. Do Phật tánh hùng mạnh khó thể trở hoại, cho nên không có kẻ hay giết hại. Nếu có giết hại thì đoạn mất Phật tánh. Phật tánh như vậy trọn không thể đoạn. Tánh mà có thể đoạn, thì điều đó không thể có. Như ngã tánh tức là kho tàng bí mật của Như Lai. Kho tàng bí mật như vậy, tất cả không ai có thể đồng năng trở phá hoại tiêu diệt, tuy chẳng thể hoại, nhưng không thể thấy. Nếu được thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Lúc đó mới chứng biết. Do nhân duyên đó mà không thể giết hại”. Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Đức Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Nếu không giết hại là nên phải không có nghiệp bất thiện”. Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp: “Thật có giết hại. Tại sao? Này thiện nam! Phật tánh chúng sanh trú trong Ngũ ấm, nếu hủy hoại ngũ ấm, gọi đó là giết hại. Nếu có giết hại thì đọa vào ác thú. Do nghiệp nhân duyên mà có Sát-đế-lợi, Bà-la-môn v.v... Tỳ-xá, Thủ-đà và Chiên-đà-la, hoặc nam hoặc nữ, chẳng phải nam chẳng phải nữ, tướng sai biệt của hai mươi lăm hữu, lưu chuyển sanh tử. Nếu chẳng phải bậc Thánh, ngược lại tính nơi ta các tướng lớn nhỏ, giống như hạt cỏ, hoặc nơi như hạt đậu, cho đến ngón tay cái, các thứ như vậy dối sanh nhớ tưởng tướng của vọng tưởng. Không có chân thật, tướng ta xuất hiện nơi đời, gọi là Phật tánh, tính nghĩ ta như vậy, gọi là tối thiện. Này thiện nam! Thí như có người khéo biết kho tàng ẩn kín, tức dùng bửa bén nhọn bửa đất xuống thẳng nơi đá tảng các sỏi, xuyên qua không khó, chỉ đến kim cương, chẳng thể xuyên thủng. Phàm, là kim cương thì dao búa không thể làm ngăn trở phá hoại. Này thiện nam! Phật tánh chúng sanh cũng lại như vậy. Tất cả dù là Thiên ma Ba-tuần và các trời người không thể hủy hoại, tướng của ngũ uẩn tức là khởi tác. Tướng của khởi tác dụ như cát đá, có thể xuyên thủng có thể hủy hoại. Phật tánh là dụ như kim cương không thể làm trở ngại. Do vì nghĩa đó, nên hủy hoại ngũ uẩn gọi là giết hại. Này thiện nam! Hẳn định phải biết Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn như vậy, là biết tuy có Phật tánh từ lâu bị bụi trần che phủ, phải dùng chỉ quán huân tu mới được sáng sạch, như cô

gái nghèo được của báu trong kho, như lực sĩ kia thấy hạt châu của trong gương, mới thật tỏ ngộ tự tâm diệu giác viên mãn". Lại, làm sao thực hành chỉ quán mà được khế hợp chân tu? Chỉ cần rõ tâm năng quán và cảnh sở quán mỗi mỗi tánh lìa tức vọng tâm tự dứt. Đây gọi là chỉ, thường làm quán đó, chẳng mất soi chiếu đó, nên gọi là quán, đây thì tức chỉ tức quán, tức quán tức chỉ, không có năng quán sở quán thì gọi là chỉ quán. Như các bậc Tiên đức nói: "Pháp tánh vắng lặng tự nhiên gọi là chỉ, vắng lặng mà thường soi chiếu gọi là quán. Chẳng phải năng quán sở quán có hai sự đó. Do đó trong kinh Hoa Nghiêm có bài tụng rằng:

"Nếu có muốn biết cảnh giới Phật,
Phải tịnh ý mình như hư không,
Xa lìa vọng tưởng và các thủ,
Khiến chỗ tâm hướng đều vô ngại".

Trong Sớ Thích nói: "Một là, lìa dối chấp như không trung trong sạch kia không mây ngăn che, đó tức là chân chỉ; hai là, xúc cảnh không ngưng trệ, như không trung trong sạch kia không có chướng ngại, đó tức là chân quán. Quán này chẳng tác ý để soi chiếu cảnh, thì sở chiếu không bờ mé, chỉ này thể tánh lìa mà dứt vọng, các chấp thủ đều vắng lặng, như vậy thì chẳng phải lau chẳng ánh ngời mà tự sạch vậy, sạch của không sạch mới ngầm khế hợp với cội nguồn pháp. Tu của không tu thì thầm bước vào cảnh Phật vậy. Nên biết chỉ một tâm chân trí là bản thân ngã, trong lắng thường còn, hiện tiền sáng sạch, tự nhiên dùng mỏ trí tuệ mổ phá vỏ vô minh, bay ra ngoài ba cõi tự tại vô ngại. Thời gian phương hướng đây được thấy tánh rõ ràng. Lại có pháp nào có thể kham đối sánh? Như trong Cô tịch ngâm của Đan Hà nói rằng:

"Chẳng mê phải có tâm chẳng mê,
Lúc nhìn cạn cạn lúc dùng sâu,
Hạt trân châu đây như chọn việc,
Đâu đồng lượm củi mang vàng ròng.
Vàng ròng nấu luyện chuyển làm mới,
Châu đây lồng sáng chưa bày người,
Rõ thì đầu lông nuốt biển cả,
Mới biết đại địa một mảy trần!"

Hỏi: Tâm chư Phật khắp cùng tất cả tâm chúng sanh, hay hiện phàm tâm. Thân chúng sanh khắp cùng thân chư Phật, hay làm Thánh thể, là do chuyển động qua lại khắp cùng mà thành hay là ngay nơi một thể?

Đáp: “Nếu nói chuyển động tức thành tạo tác, nếu nói qua lại khắp cùng thì có hai tâm. Do đó một tâm thường trú giống như thể của hư không. Phàm Thánh hai hiệu, lại đồng hoa của trong không trung, xanh vàng khởi diệt tuy khác mà chẳng phải vượt quá tánh của thái hư. Mê ngộ thăng trầm tuy khác mà chưa lìa nguyện của chân giác. Lại như ngàn ngọn đèn trong một căn phòng, mỗi mỗi ánh sáng xen lẫn vào, muôn tượng trong một gương, ảnh ảnh che bày, chẳng phải khác, chẳng phải đồng, chẳng khứ chẳng lai. Thấu đạt yếu chỉ này là chỉ Phật suốt biết. Do đó muôn hữu tức chân, không tướng chuyển biến. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Biết tâm như huyễn, sanh ra tất cả cảnh giới các pháp, khắp cùng vô tận, chẳng hết chẳng dứt”. Trong kinh Đại Tập nói: “Trú trong một tâm hay biết các tâm của tất cả chúng sanh, quán tâm chúng sanh thảy đều bình đẳng, như tướng huyễn hóa, bản tánh thanh tịnh, quán thân nghiệp các chúng sanh bình đẳng đều như trăng nước, thấy các chúng sanh đều tại trong thân mình, thân mình cũng tại trong thân chúng sanh, giống như ảnh hiện, hay khiến chúng sanh đều làm thân Phật, cũng khiến thân mình làm thân chúng sanh. Tất cả không có kẻ hay biến động”. Lại trong kinh có kệ tụng rằng:

“Chư Phật tợ như gương tròn lớn,
Thân ta giống như châu ma-ni,
Pháp thân chư Phật vào thể ta,
Thân ta thường vào thân chư Phật”.

Tuy nhiên qua lại vào mà không chỗ vào, nếu có chỗ vào tức thành hai pháp.

Hỏi: Nếu thật ngoài tâm không pháp riêng nêu tông là không chư Phật là không người năng hóa, không chúng sanh thì không chúng sở hóa, toàn quy về vô ký, lấy gì làm tiếp nối hưng thạnh?

Đáp: Chỉ nghĩa là rõ duy tâm nên thành Phật bình đẳng, đạt duy thức nên hành bi đồng thể. Nếu chẳng ngay đó chóng ngộ tông đây, thì tự lợi lợi tha đều mất. Tại sao? Vì chẳng vào một tâm bình đẳng, trái với chánh tông của thành Phật. Chẳng rõ đồng thể đại bi, đọa vào vọng tưởng của ái kiến. Như trong phẩm Quán chúng sanh ở kinh Duy-ma nói: “Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi Duy-ma-cật rằng: “Bồ-tát làm sao quán ở chúng sanh?” Duy-ma-cật đáp: “Thí như Huyễn sư thấy ở người huyễn, Bồ-tát quán chúng sanh là như vậy, như người trí thấy ánh trăng trong nước, như thấy ảnh tượng họ trong gương, như ánh lửa trong lúc nóng đốt, như tiếng vang lúc gọi, như mây giữa không trung, như nước nhóm tụ bọt, như bọt trên mặt nước, như lá chuối bền chắc, như

điện chớp chẳng dừng lậu, như đại thứ năm, như ấm thứ sáu, như tình thứ bảy, như mười ba nhập, như mười chín giới. Bồ-tát quán chúng sanh như đây, như sắc của Vô sắc giới, như mầm hạt cháy, như Tu-đà-hoàn thân kiến, như A-na hàm vào thai, như A-la-hán ba độc, như Bồ-tát đắc nhẫn tham nhuế hủy phạm cấm giới, như thói quen phiền não nơi Phật, như người mù thấy sắc, như nhập diệt tận định có hơi thở vào ra, như dấu vết chim bay giữa hư không, như con của thạch nữ, như phiền não ở hóa nhân, như điều thấy trong mộng đã tỉnh giấc, như người diệt độ nhận thọ thân, như lửa không khói, Bồ-tát quán chúng sanh là như vậy". Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi: "Nếu Bồ-tát quán như vậy, cớ sao hành từ?" Duy-ma-cật đáp: "Bồ-tát quán như vậy rồi tự tư duy rằng: "Ta đang vì chúng sanh nói pháp như thế này". Đó tức là chân thật từ vậy". Trong Tịnh Danh Tư Ký giải thích rằng: "Nay nói rõ về cốt lõi trong phẩm quán chúng sanh thì chỉ y cứ một hàng câu trong đó là đủ, được một câu thâu tóm tâm thường chiếu tất cả muôn hạnh của hành đầy đủ, chỉ khiến trong tự quán, quán thâu tâm ông như rốt ráo không đây, tức là Bồ-tát quán chúng sanh. Bồ-tát gọi là đạo, đạo là năng thông, thông sắc tâm bản tánh ông, khiến lìa hư vọng, tức là Bồ-tát. Bồ-tát chỉ tại trong thân ông, quán thân tâm ông như cánh tay thứ ba là, rốt cùng không thân tâm. Trong đây nêu bày pháp dụng tâm của người tọa thiền rất hay, chỉ quán thân tâm như vậy, không thể làm định loạn. Phải quấy một khác, tất cả đều bình đẳng tức là pháp tọa thiền. Chẳng đồng như thời nay chấp có tâm khả đắc, nói tâm ta loạn, muốn trừ loạn phải giữ lấy định, rất thành điên đảo, phải rõ biết việc ma. Lại, thời nay muốn độ chúng sanh, nên phải sớm tối quán chỗ khởi tánh phiền não trong tâm ông tức là độ chúng sanh chỉ dẫn bảo trí quán phiền não đây gọi là Phật vậy. Thích-ca đã quán phiền não rồi, đắc làm Phật rồi, thuyết giáo lưu truyền cho. Nay phàm phu y cứ theo giáo mà tu hành, nếu nói riêng có Phật riêng có rất nhiều thế giới chúng sanh, Phật lần lượt độ xong, vậy sau mới thành Phật, nếu vậy thì Thích-ca đã thành Phật rồi, nay nào được còn thấy chúng sanh đầy khắp thế giới? Phải biết không như vậy. Phàm, nói rồi, tức hết vậy. Trên đây quán chúng sanh đã xong, tiếp theo là quán Như Lai là như trong phẩm Phật A-Súc nói: "Bấy giờ, Đức Thế Tôn hỏi Duy-ma-cật rằng: "Ông muốn thấy Như Lai thì dùng những gì để quán Như Lai ư?" Duy-ma-cật đáp: "Như tự quán thật tướng của thân, quán Phật cũng vậy. Con quán Như Lai khoảng trước chẳng đến, khoảng sau chẳng đi, nay thì chẳng trú, chẳng quán sắc, chẳng quán sắc như, chẳng quán sắc tánh, chẳng quán thọ tưởng hành thức, chẳng

quán thức như, chẳng quán thức tánh, chẳng phải tứ tại khởi, đồng như hư không, sáu nhập không tích nhãn nhĩ tỷ thiệt thân tâm đã qua, chẳng tại trong ba cõi, ba cấu đã lìa, thuận ba môn giải thoát, ba minh cùng vô minh bình đẳng, chẳng một tướng chẳng khác tướng, chẳng tướng tự chẳng tướng tha, chẳng phải không tướng chẳng phải chấp tướng, chẳng bờ này chẳng bờ kia chẳng giữa dòng, mà hóa độ chúng sanh, quán nơi tịch diệt mà chẳng trọn diệt, chẳng đây chẳng kia, chẳng lấy đây chẳng lấy kia, chẳng thể dùng trí biết, chẳng thể dùng thức hay, không tối không sáng, không danh không tướng, không mạnh không yếu, chẳng phải sạch chẳng phải dơ, chẳng tại phương chẳng lìa phương, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, không chỉ bày không nói năng, không ban cho không keo lận, chẳng giới chẳng phạm, chẳng nhẫn chẳng sân, chẳng tiến chẳng lùi, chẳng định chẳng loạn, chẳng trí chẳng ngu, chẳng thành thật chẳng khi dối, chẳng đến chẳng đi chẳng ra chẳng vào, tất cả bặt đường ngôn ngữ, chẳng phải phước điền, chẳng phải chẳng phước điền chẳng phải ứng cúng dường, chẳng phải chẳng ứng cúng dường, chẳng phải lấy, chẳng phải bỏ, chẳng phải tướng chẳng phải không tướng, đồng chân tế, bằng pháp tánh, không thể cân không thể lường, vượt qua các cân lường, chẳng phải lớn chẳng phải nhỏ, chẳng phải thấy chẳng phải nghe, chẳng phải hay chẳng phải biết, lìa các trói buộc, ngang bằng các trí, đồng chúng sanh, đối với các pháp không phân biệt, tất cả đều không mất, không xúc không não, không làm không khởi, không sanh không diệt, không sợ không lo, không mừng không chán, không đắm trước, không đã có, không sẽ có, không hiện có, không thể dùng tất cả ngôn thuyết phân biệt diễn bày. Bạch Đức Thế Tôn! Thân Như Lai là như vậy. Tác quán như vậy, vì quán đó gọi là chánh quán, nếu quán khác thì gọi là tà quán". Trong Tịnh Danh Sớ của Thiên Thai giải thích chẳng quán sắc, chẳng quán sắc như, chẳng quán sắc tánh, chẳng quán sắc là tâm như huyễn sư huyễn tạo các thứ sắc, nếu biết huyễn sư là luống dối thì không được sắc của chỗ huyễn, sắc từ tâm huyễn sư huyễn hóa ra, còn chẳng được tâm đây, thì xứ nào thấy có sắc đây? Nên không nên quán sắc, chẳng quán như là, nếu thấy sắc cùng như là khác đó thì hết sạch sắc vào như, nay chẳng thấy riêng biệt của sắc như, nên chẳng quán như. Chẳng quán tánh là tức chẳng quán thật tánh, chẳng quán sắc là không tục, chẳng quán như là không chân, chẳng quán thật tánh là không trung đạo, vì chấp trung đạo đó có Phật tánh, mà khởi thuận đạo ái sanh, là làm đảnh rơi đọa. Nên trong kinh nói: "Ngã và Niết-bàn cả hai đều không, chỉ có bệnh không, bệnh không cũng không". Nay

chẳng quán tánh là không thuận đạo ái vậy. Phàm nhận thọ quả báo sai biệt ở thế gian, đều là một niệm tâm khác phân biệt tình sanh, chấp thủ tướng chúng sanh, là phàm chấp cảnh chư Phật làm Thánh, như trong kinh nói: "Quán chúng sanh như huyễn sư thấy huyễn, quán Như Lai thì ba khoảng thời gian thể đều không, hai kiến do đó tiêu mất, tình lượng vì đó đều sạch hết, thì có thể thành vui của chư Phật trừ lo buồn của Bồ-tát, tin một tâm đây hay vào Tông Kính. Do đó trong phẩm Như Lai Thần Lực ở kinh Pháp Hoa có kệ tụng rằng:

"Người hay trì kinh đây,
Khiến ta và phân thân,
Phật Đa Bảo diệt độ,
Tất cả đều vui mừng".

Các bậc Thánh xưa trước nói rằng: "Chẳng ngang bằng của đạo tục, chẳng hết sạch của hai tế, là lo buồn của Bồ-tát vậy". Trong kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập nói: "Phật pháp, gọi là tất cả pháp, tất cả pháp gọi là Phật pháp. Tánh Phật pháp tức là tánh tất cả pháp, như tánh tất cả pháp không có sai biệt", nên biết tánh không có khác, tùy thấy thành sai biệt, thể đó thường dung thông, giả danh có sai biệt. Do đó trong kinh nói: "Tất cả các pháp và pháp chư Phật, chỉ giả danh tự, cũng chẳng phải pháp phải, cũng chẳng phải pháp quấy". Trong kinh Bất Thối Chuyển Pháp Luân nói: "Phật và Bồ-tát có âm thanh mà không thật, cũng không phương sở, các pháp cũng vậy". Trong kinh Hoa Nghiêm có bài tụng rằng:

"Biết các thế gian đều bình đẳng,
Chẳng phải tâm nói tất cả nghiệp,
Chúng sanh huyễn hóa không có thật,
Nơi có quả báo từ đây khởi".

Lại có kệ tụng rằng:

"Các pháp tịch diệt chẳng tịch diệt,
Xa lìa hai tâm phân biệt đây,
Biết các phân biệt là tục thấy,
Vào nơi chánh vị phân biệt hết".

Trong phẩm An Lạc Hạnh ở kinh Pháp Hoa nói rằng: "Lại nữa, vị Đại Bồ-tát quán tất cả các pháp không, như thật tướng, chẳng điên đảo, chẳng động chẳng thối chẳng chuyển, như hư không, không chỗ có tánh, tất cả tuyệt đường ngôn ngữ, chẳng sanh chẳng xuất chẳng khởi, không danh, không tướng, thật không chỗ có, không lường không ngằn không ngại không chướng, chỉ do nhân duyên mà có, từ điên đảo mà sanh".

Nói thường vui thích quán thật tướng như vậy, đó gọi là nơi thân gần thứ hai của vị Đại Bồ-tát. Lại, trong phẩm Như Lai Thọ Lượng nói: “Này các thiện nam! Các kinh điển Như Lai diễn nói, đều vì độ thoát chúng sanh, hoặc nói thân mình, hoặc nói thân người, hoặc chỉ việc mình, hoặc chỉ việc người, các điều nói năng đều thật chẳng dối. Tại sao như vậy? Vì Như Lai biết như thật, thấy tướng của ba cõi, không có sanh tử, hoặc lùi hoặc ra khỏi, cũng không ở đời và cả diệt độ, chẳng phải thật, chẳng phải hư, chẳng phải như, chẳng phải khác, chẳng như ba cõi mà thấy nơi ba cõi. Những việc như thế, Như Lai thảy đều thấy rõ không có sai lầm. Vì các chúng sanh có các thứ tánh các thứ dục, các thứ hành, các thứ nghĩ tưởng phân biệt, muốn khiến sanh các căn lành, dùng vô số nhân duyên thí dụ, ngôn từ, các thứ nói pháp, chỗ làm Phật sự, chưa từng tạm phế bỏ”. Nên biết nếu dùng môn chánh tông, còn không người ở đời, cũng không có diệt độ, huống gì có khác biệt của năng hóa và sở hóa ư? Nếu dùng môn Phật sự, thì biển giáo rộng sâu, đèn trí chiếu khắp, tùy cơ duyên khéo léo, nào dụng tạm phế bỏ ư? Do đó, trong luận Đại Trí Độ nói: “Hỏi rằng: Nếu ngũ ấm là không tức không Phật, tức là tà kiến, vậy cớ sao Bồ-tát phát tâm cầu làm Phật?” Đáp rằng: “Trong đây nói không Phật, vì phá ý tưởng chấp trước nơi Phật, chẳng nói giữ lấy tướng không Phật, nếu có Phật còn khiến chẳng giữ lấy, huống gì giữ lấy tà kiến không Phật? Lại, Phật là thường vắng lặng, không tướng hý luận, nếu người phân biệt hý luận sự thường vắng lặng, thì người đó cũng rơi lạc tà kiến. Lìa hai biên có và không đó, ở ngay trung đạo tức là thật tướng các pháp. Thật tướng các pháp tức là Phật. Tại sao? Đắc thật tướng các pháp đó gọi là đắc Phật. Trong kinh Đại Bát-nhã nói: “Các chúng Bồ-tát còn chẳng đắc pháp, huống gì chẳng phải pháp, còn chẳng đắc đạo, huống gì chẳng phải đạo”. Lại nói: “Đối với pháp sanh tử, chẳng khởi chẳng rơi đọa, đối với các đạo thánh, chẳng lìa chẳng trí”. Giải thích rằng: “Đối với pháp sanh tử mà chẳng khởi, là tự tánh thường không nên chẳng rơi lạc bên lìa, chẳng rơi đọa, là chẳng tùy lưu chuyển nên chẳng rơi lạc bên tức. Đối với các đạo thánh chẳng lìa, là tánh thường tương ưng, nên chẳng rơi lạc bên biên, chẳng tu, là thiên chân đầy đủ nên chẳng rơi lạc bên thường. Như trong Thanh Lương sớ nói rằng: “Chẳng chấp trước một nhiều năng lập tất cả, là chẳng chấp trước ở có năng an lập vậy, tức chân tục dung thông, nghĩa là tướng của thế tục huyễn có, tướng vốn tự không. Lý của thắng nghĩa chân không, lý thường tự có, có là không, có chẳng phải thường có. Có đó chưa từng chẳng không, không là có không, chẳng phải đoạn không. Không

đây còn thường chẳng có, có không, không có, thể chỉ một mà tên gọi khác. Tên gọi khác nên chân tục qua lại trái nhau xa xôi chẳng tạp. Thể một nên không có cùng thuận ngầm vậy chẳng hai, một và chẳng một, chẳng tức chẳng lìa, dung thông vô ngại. Trí Bồ-tát khế hợp với nguồn cội đó, do đó mà chóng tuyệt vô ký, mà khéo tu an lập". Lại nói: "Do vì sư hư quậy lý, không sự nào của chẳng lý. Lý thật ứng duyên, không lý nào của ngại sự. Do đó, vắng lặng mà thường soi chiếu, soi chiếu mà thường vắng lặng, nên trọn ngày biết thấy mà không biết thấy vậy. Cho đến, Bồ-tát Bi Trí cùng thành, ẩn hiện không ngại, bi nên thường hành ở thế gian. Trí nên chẳng nhiễm thế pháp. Dung thông có ba: Một là, bi không gì chẳng trí thì thế tục không gì chẳng lìa, do đó thường tại thế gian mà chưa từng chẳng ra khói. Hai là, trí không gì chẳng bi nên lìa không gì chẳng là thế tục, do đó vượt ngoài thế tục mà không gì chẳng ở nơi thế tục. Ba là, cả hai cùng chứa, nên động tĩnh không hai, chỉ là một niệm, điều gọi là không niệm, không niệm bình đẳng vậy. Thế tục và xuất thế tục không có chướng ngại. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Vị Đại Bồ-tát biết khéo léo nói Phật, chỉ bày Niết-bàn vì độ chúng sanh, nơi có phương tiện tất cả đều là tâm tưởng kiến lập, chẳng phải là điên đảo, cũng chẳng phải hư dối. Tại sao? Bồ-tát rõ biết tất cả các pháp ba đời bình đẳng, như như chẳng động, thật tế không trú, chẳng thấy có một chúng sanh đã thọ nhận giáo hóa, nay đang thọ nhận giáo hóa và sẽ thọ nhận giáo hóa. Cũng tự rõ biết không chỗ tu hành, không có chút ít pháp hoặc sanh hoặc diệt mà có thể đắc, mà y tựa nơi tất cả các pháp, khiến điều nguyện chẳng không. Đó là như thật trú thứ chín. Lại có bài tụng rằng:

"Bồ-tát hay ở trong một niệm,
Quán các chúng sanh vô số Phật.
Lại ở nơi trong đầu sợi lông,
Gồm hết các pháp đều rõ thấy".

Do thật thấy đây nên thành vô duyên từ, khiến khắp pháp giới chúng sanh thấy nghe được lợi ích. Do đó, trong kinh nói: "Thí như nhật nguyệt chẳng tâm làm qua lại chiếu sáng, chỉ vì sức phước đức của các chúng sanh nên tự hành qua lại phá hoại các tối tăm". Nếu vào trong Tông Kính đây thì không một pháp có thể thủ lấy, vì đều đồng tánh vậy, không một pháp có thể xả bỏ, vì tuyệt tướng khác biệt vậy. Do đó, thánh nhân thường khéo cứu người mà không vất bỏ người, thường khéo cứu vật nên không vứt bỏ vật. Phàm nói khéo (thiện) là không gì chẳng phải biết tông. Mới là khéo trên hết (thượng thiện) của rốt ráo.

Nếu cứu người là thành bi của đồng thể, nếu cứu vật là quy về lý của không tướng, thì ngoài khéo không pháp, vất bỏ gì ư?

■